

mùa hè bên sông

Xin lưu ý:

Khi chuyển hệ mã (VNI-Windows sang Unicode) và kiểu chữ (font VNI-Centur sang font Arial), những dòng, những từ ngữ được cố ý in nghiêng hoặc in đậm đã bị biến đổi một cách lộn xộn. Do đó, chỉ còn một cách là phải đọc lại và trình bày lại (in nghiêng, in đậm...). Hoặc, đơn giản nhất là nhất loạt đều không in đậm và đều không in nghiêng (mặc dù như vậy thì hơi đáng tiếc, nhưng không đến nỗi nào).

Nếu có phần mềm nào tốt hơn VietSpell, xin vui lòng giúp cho (căn cứ vào bản theo font VNI-Centur).

Kính cảm ơn.

**TÁC PHẨM DỰ THI
CUỘC THI TIỂU THUYẾT 1998 – 2000
DO HỘI NHÀ VĂN VIỆT NAM TỔ CHỨC**

địa chỉ liên lạc:

TRẦN XUÂN AN
71B Phạm Văn Hai
P.3, Q. Tân Bình
TP. Hồ Chí Minh

ĐT: 8453955

2 MÙA HÈ BÊN SÔNG

Bản thảo
Tiểu thuyết hư cấu
Mùa hè bên sông
(Nỗi đau hậu chiến)
& phụ lục
biên khảo sử học
để kính gửi nhà xuất bản
và
Cục Bản quyền
tác giả văn học nghệ thuật Việt Nam

Trần Xuân An

Mùa hè bên sông

(Nỗi đau hậu chiến)

Tiểu thuyết
hư cấu

Bản in vi tính lần thứ nhất:

1997 - 1998

Bản in vi tính lần thứ hai

(có sửa chữa, bổ sung):

2001 [HB.1]

Bản in vi tính lần thứ ba

(có sửa chữa, bổ sung):

25.10 - 19.12.2003 [HB.3]

Xin tạ ơn ngọn bút,
biểu tượng của sự công chính và liêm khiết trí tuệ.
Xin yêu thương, trân trọng và bảo vệ
từng dòng chữ mờ hôi nước mắt
của chất xám và trái tim.

TXA.

Xin vui lòng:
Không được cắt bỏ một chữ,
một đoạn nào trong tiểu thuyết.
Xin cảm ơn.

TXA.

Vài lời thưa, trước khi vào truyện

Cuốn tiểu thuyết Mùa hè bên sông (hay Nỗi đau hậu chiến) này cho đến nay vẫn chưa có giấy phép để xuất bản, mặc dù nó đã được viết xong từ tháng bảy 1997, cách đây đã hơn sáu năm trôi. Đầu tiên, Mùa hè bên sông (bản 1997) được gửi ra Hà Nội để dự cuộc thi tiểu thuyết 1998 - 2000 do Hội Nhà văn Việt Nam tổ chức, thông qua Nhà Xuất bản của Hội. Cuối năm 2001, tôi lại gửi bản mới sửa chữa, bổ sung ra Nhà Xuất bản Hội Nhà văn, nhưng giấy phép xuất bản vẫn không được gửi vào. Sau đó, Mùa hè bên sông bị vùi quên ở Nhà Xuất bản Trẻ (Tp. HCM.). Đầu quý một năm 2003, ở Chi nhánh Nxb. Văn Học, nó cũng bị từ chối. Và cũng bị từ chối như vậy, khi cuốn tiểu thuyết này được mang đến Chi nhánh Nxb. Văn hoá - Thông tin.

Cả bốn nhà xuất bản đều không cấp giấy phép ra đời! Mùa hè bên sông là cuốn sách lặn độn nhất, trong khi mười cuốn sách khác tôi viết, trước và sau nó, đã xuất bản! Tôi vẫn còn những bản thảo chưa được xuất bản, trong đó có cuốn, có bộ thuộc thể loại khảo luận - phê bình sử học và truyện kí - khảo cứu tư liệu lịch sử, nhưng chắc hẳn cũng không lặn độn như Mùa hè bên sông.

Tôi quyết định sửa chữa Mùa hè bên sông một lần nữa, vào quý tư năm 2003. Đây là bản thứ ba. Với bản 2003 này, tôi cảm thấy đã thể hiện khá đầy đủ những điều cần phải viết, mặc dù biết rằng như thế lại càng khó được xuất bản. Hiện nay, Mùa hè bên sông 2003 đang chờ giấy phép ở một nhà xuất bản khác. Không biết nó có được phép ra đời với một tờ giấy khai sinh đàng hoàng hay không.

Một số bạn văn thân quen đã đọc các bản thảo Mùa hè bên sông (b.1997, b.2001, b.2003), và chỉ góp ý một cách

hết sức chung chung vì dè dặt. Có bạn văn rất chân tình bảo, cần bớt đồ đi mới có thể xuất bản được, bởi hiện nay, những từ ngữ được nhắc đi nhắc lại mãi là gác lại quá khứ, hội nhập vào diễn trình quốc tế, kinh tế thị trường, giao lưu văn hoá, không ai còn bàn bạc gì nữa đến chủ nghĩa xã hội, mà chỉ giới hạn lại ở mức xã hội công bằng, dân chủ, văn minh mà thôi, nếu có cũng là kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Có bạn văn khác, cũng rất thành thực bảo, đừng đến tôn giáo, nhất là Thiên Chúa giáo, sẽ rất gay go. Bạn văn khác nữa, thật lòng bảo, bàn bạc về các học thuyết, các chủ nghĩa, trong đó có chủ nghĩa Mác - Lênin, theo quan điểm riêng, cũng không thuận lợi bao giờ. Và tất cả các bạn văn đã đọc, họ đều ngạc nhiên là Mùa hè bên sông mỗi lần sửa chữa, bổ sung cùng quyết tâm chấp nhận đối thoại, nhìn thẳng vào sự thật lịch sử và chân lí với cái nhìn điềm tĩnh, lại càng đồ thêm; đồ thêm, nhưng đồng thời lại càng đậm cá tính (quan điểm riêng quá rõ)! Rất tiếc là các bạn văn đều góp ý chung chung, ngắn gọn, sơ sài với thái độ dè dặt như thế, không ai bàn sâu vào tác phẩm hoặc bổ cứu gì thêm.

Qua đó, tôi biết, phải hướng đến tinh thần Đổi mới, với những vấn đề do hiện thực và chính công cuộc Đổi mới đặt ra.

Tôi không thể không băn khoăn khi nhiều người vẫn cố tình lãng quên hay tránh né sự thật lịch sử và chân lí các giáo thuyết (tôn giáo, học thuyết) vốn có quan hệ trực tiếp đến chính trị, kinh tế, văn hoá cùng nhiều lĩnh vực khác, đã trở thành sự xung đột, đấu tranh ý thức hệ trong giai đoạn cận - hiện đại, 1858 - 1975 - 1989, với những vấn nạn còn tồn đọng chưa được soi sáng đến nơi đến chốn. Một nhân vật trung tâm của cuốn tiểu thuyết này đã nói: "... bao nhiêu người, nhất là những ai mười lăm, mười bảy tuổi, họ sống theo đà lao cuộc sống, theo tốc độ cuộc sống, họ chẳng nghĩ ngợi gì. Họ đến với tương lai đang tí tắp, mệnh mông

cùng vết thương ngấm. Họ xa lánh chuyện triết học, chính trị, phong tục, lịch sử... Họ chế giễu những ai sính những vấn đề này. Như thế, thật đáng âu lo. Họ sẽ vỡ mộng, ngã bệnh, vết thương ngấm sẽ lại nhức nhối, mưng mủ, hành hạ họ, trên bước đường tương lai nào đó...". Để tránh nguy cơ đó, tại sao chúng ta không quyết tâm đi đến tận cùng của những vấn đề? Những ảo tưởng, nỗi bệnh, vết thương, chỉ có thể chữa khỏi trong hiện tại, phòng ngừa cho tương lai, bằng sự sáng suốt, điềm tĩnh, với quyết tâm nhìn thẳng vào sự thật lịch sử, vào chân lí các giáo thuyết, và chấp nhận đối thoại về sự thật, về chân lí. Không khí dân chủ, tự do khá cởi mở trong công cuộc Đổi mới hiện nay đã khơi dậy những vấn nạn tồn đọng đó. Lẽ ra phải quyết tâm đi đến tận cùng, mỗi người đều góp phần để soi sáng những gì còn tồn đọng trong thời kì chiến tranh (1858 - 1975 - 1989), suốt một trăm ba mươi một năm gần đây.

Nhưng tôi cũng biết rằng, không thuận lợi bao giờ cho quyết tâm đi đến tận cùng sự thật lịch sử và chân lí các giáo thuyết! Ai cũng biết vậy, nhưng đại đa số không thể không khao khát nhìn thẳng, đối thoại về sự thật và chân lí!

Chẳng lẽ Đổi mới là gỡ cửa khe khẽ để rồi sau đó là sự đóng đinh hoặc xây bít vĩnh viễn những cánh cửa vốn chỉ khép lại trong thời kì chiến tranh? Tôi không tin vậy.

Trong một tấm ảnh chụp về cuộc gặp mặt những người viết văn trẻ Tp. HCM. lần thứ nhất (15 - 16.11.2003), có mấy dòng chữ lớn nguyên văn trên phông:

"Phần đầu sáng tạo nhiều tác phẩm văn học có giá trị cao về tư tưởng và nghệ thuật, thấm nhuần tinh thần nhân văn, dân chủ, có tác dụng sâu sắc xây dựng con người".

(trích nghị quyết Hội nghị lần 5
BCH. TW. Đảng khoá 8).

Tôi biết vậy, và cũng biết trước đó đã có nhiều nghị quyết Hội nghị Trung ương và Đại hội Đảng khẳng định: phần đầu xây dựng một nền văn học có nội dung chống chủ

nghĩa để quốc, thấm nhuần tinh thần xã hội chủ nghĩa và đậm đà bản sắc dân tộc, để góp phần hình thành con người mới từ con người cũ, nhất là từ thế hệ được sinh ra dưới ánh sáng chế độ mới.

Đi tiếp chặng đường hiện tại, chặng đường tương lai, không thể không ngoảnh nhìn chặng đường quá khứ với những gì đã trở thành lịch sử. Thật ra, dù đúng dù sai, dù tốt dù xấu, dầu sao đi nữa, quá khứ là những gì đã xảy ra, không ai có quyền xuyên tạc, cắt xén lịch sử. Những gì đã xảy ra? Các sự kiện đã xảy ra như thế nào? Lúc nào? Nơi đâu? Trong bối cảnh nào? Lực lượng nào giữ cương cao chính nghĩa? Lực lượng nào phi nghĩa? Tại ai? Do đâu? Ai phải chịu trách nhiệm? Ai xứng đáng được tuyên dương công trạng? Bài học lịch sử nào được rút ra và đúc kết? Những câu hỏi cổ điển ấy phải được trả lời một cách khoa học với đầy đủ tư liệu, một cách minh bạch và rõ ràng, không thiên kiến, không cố chấp, hoặc trả lời bằng những tác phẩm nghệ thuật đích thực với các tiêu chí: chân - thiện - mỹ. Đổi mới không phải là sự phủ nhận quá khứ - lịch sử, nhưng chắc hẳn phải nhận thức lại quá khứ - lịch sử với cái nhìn điềm tĩnh, sáng rõ hơn. Đây là một vấn đề của ngay chính sự Đổi mới!

Đâu phải tôi không Đổi mới với khát vọng chân - thiện - mỹ! Đâu phải tôi không muốn được xuất bản! Càng đồ thêm nhưng càng đậm cá tính trong tư tưởng là điều tôi không biết có nên diễn đạt như thế hay không. Nhưng quả thật, trong quá trình đấu tranh thầm lặng với các sức ép từ xã hội (các thế lực ngầm), đấu tranh với sự cưỡng bức của hiện thực (không phải là mặc nhiên đối với vô thức), dần dần tôi cảm thấy mình nếm được hương vị tự do sáng tác. Rõ ràng từ bản 1997 đến bản 2003 này, tôi có mạnh dạn, táo bạo hơn, dám thể hiện tinh thần dân chủ hơn.

Nhưng tôi cũng có phần thiếu thận trọng, kém khôn khéo!

Đến bản 2003 này, tính phê phán đã hướng đến nhiều nơi, nhiều phía và nhiều thế lực quá. Như vậy, tôi lại càng tự cô lập mình! Tôi biết mình đã mạnh dạn, sáng suốt, khoa học một cách bất lợi. Nói chính xác hơn, mạnh dạn, sáng suốt, khoa học như thế là bất lợi! Phải chăng tôi đã thiếu thận trọng, kém khôn khéo, không mềm dẻo theo tinh thần "dĩ bất biến ứng vạn biến" (*), trong giai đoạn thoái trào cách mạng xã hội chủ nghĩa hiện nay trên toàn thế giới? Cuốn tiểu thuyết này càng khó được các nhà xuất bản cấp giấy khai sinh để nó được quyền sống, sống dang hoàng, tử tế ở đời! Không những thế, tác giả Mùa hè bên sông là tôi, sẽ có quá nhiều kẻ thù, quá nhiều thế lực thù ghét trong và ngoài nước... Trong khi đó, Đảng Cộng sản Việt Nam và Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, hai hệ thống tổ chức lãnh đạo, quản lí toàn diện, thống nhất của nước ta, đã và đang xác lập quan hệ đối ngoại đa phương: Việt Nam muốn làm bạn bè với tất cả mọi nước trên thế giới. Có lẽ nào tôi không học tập, bước theo đường hướng Đổi mới đó?

Có điều, sự thật lịch sử vẫn là sự thật lịch sử. Không thể viết khác đi được. Tôi không thể viết khác với sự nhận thức, chiêm nghiệm của tôi được. Ai cũng đều hiểu như vậy. Chẳng lẽ cuộc chiến tranh khốc liệt và hào hùng với quá nhiều thắng lợi đồng thời cũng tổn thất nhất trong lịch sử bốn nghìn năm, kéo dài đến một trăm ba mươi mốt (131) năm (1858 - 1975 - 1989), không được chiêm nghiệm lại, viết lại một cách chân thực nhất với cá tính sáng tạo của tác giả? Tại sao không quyết tâm đi đến tận cùng sự thật lịch sử và chân lí các giáo thuyết?

Cái tôi của con người bao giờ cũng ứng xử thích hợp với không gian - thời gian - đối tượng nhất định. Cái tôi sáng tạo nghệ thuật cũng thế. Đặt cái tôi TXA. hiện tại (1997 - 2003) vào bối cảnh của các giai đoạn 1858 - 1885 - 1945 - 1954 - 1975 - 1989, sẽ có tâm thế khác. Cũng cái tôi TXA.

1997 - 2003 ấy, nhưng đặt vào bối cảnh hiện tại (1997 - 2003) sẽ có tâm thế không giống tâm thế kia. Hai tâm thế của một tác giả ở hai bối cảnh sáng tạo tuy khác nhau nhưng vẫn rất thống nhất cá tính, bản ngã. Dạng loại hình tượng nhân vật nói chung cũng tương tự thế. Những tên lính viễn chinh, xâm lược Pháp, Nhật, Mỹ và tên "tả đạo" phản quốc thời kì chiến tranh 1858 - 1975 cũng khác hẳn nhà giáo Pháp, thương gia Nhật, kĩ sư Mỹ thời Đổi mới và tín đồ Thiên Chúa giáo "kính Chúa, yêu nước" hiện nay (1997 - 2003). Tôi biết có nhà thơ đã làm thơ về cái bắt tay rất thân thiện với một người vốn là tên lính Tàu bành trướng, kẻ đã bị anh nguyên rửa trong thơ hồi 1979, thời điểm mặt trận biên giới phía bắc nổ ra. Nói giản dị là, tuy bối cảnh - nhân vật của đề tài mà tâm thế sáng tạo nảy sinh tương ứng.

Và mong rằng, xin người đọc quý mến hãy đọc theo cách của mình, và nếu không đồng ý, xin cứ phê bình tác giả thật tối đa, hết mức, không nề nang, một cách thật sự văn minh, lịch sự, như chúng ta thường tâm niệm về thái độ văn minh, lịch sự cần thiết trong phê bình. Tôi nào dám thuyết phục ai một điều gì đâu, chứ đừng nói là cưỡng bức người khác phải thuận theo. Đồng thời, tác giả chỉ dám hướng tất thảy trần gian này và lòng mình đến nỗi niềm tự vấn.

Trình bày như thế, là cũng mong rằng, xin đừng quên lịch sử là chuyện quá khứ, những gì đã trôi qua. Chiêm nghiệm lịch sử nhưng phải hướng đến hiện tại và tương lai với ý thức góp phần sáng tạo nên lịch sử bằng chính mọi hành vi, hoạt động ở mọi lĩnh vực, để lịch sử về hiện tại và tương lai không còn lắm kẻ bị giặc lừa bịp, phản quốc, không còn sự thù hận, giết chóc, bức hại, để lịch sử về hiện tại và tương lai sẽ người hơn, đẹp hơn, nhân hậu hơn, đáng tự hào hơn (vì hôm nay và ngày mai đều trở thành lịch sử). Cũng xin được nhấn mạnh lại một ý tưởng: Tôi tin rằng, nói

theo tục ngữ với hình ảnh ẩn dụ, sông lịch sử vẫn có khúc, cũng như người sống trong tiến trình lịch sử cũng có lúc, không có gì không phát triển, chuyển biến một cách biện chứng. Vì thế, tôi tin rằng không ai thù ghét tôi, tôi cũng không tự cô lập mình.

Tôi xin mở rộng lòng mình ra với cả Tổ quốc (Đàng Trong - Đàng Ngoài, Miền Nam - Miền Bắc) và với cả thế giới, tất nhiên, bao gồm các tổ chức, các nước cựu thù của dân tộc ta như Thiên Chúa giáo, Pháp, Tây Ban Nha, Nhật, Mỹ, bá quyền Trung Quốc, kể cả nước Nga sa hoàng (**)... Cựu thù nhưng đã trở thành bè bạn.

Vả lại, thật sự tôi viết cuốn tiểu thuyết này với tất cả tấm lòng thành, tất cả thiện chí. Chẳng lẽ lòng thành, thiện chí của tác giả lại bị người đọc thù ghét, cô lập? Chẳng lẽ với lòng thành, thiện chí, nhất là với tính chân thực lịch sử và sự lành mạnh văn học, cuốn tiểu thuyết này không được quyền khai sinh, không được quyền sống (quyền xuất bản, quyền phát hành)?

Cuối cùng, vẫn mong có một nhà xuất bản nào đó cho phép Mùa hè bên sông (hay Nỗi đau hậu chiến) được sống, và sống một cách đàng hoàng. Tác giả cũng xin được tất cả mọi người rộng lòng thứ lỗi để được nhắc lại:

Xin người đọc quý mến hãy đọc theo cách của mình. Nếu không đồng ý, xin cứ phê bình tác giả thật tối đa, hết mức, không nề nang, một cách văn minh, lịch sự như chúng ta vẫn quan niệm.

Là một người cầm bút trung thực, thật sự cầu thị, luôn luôn khao khát được độc lập, tự do, dân chủ trong sáng tác, nhưng tôi cũng rất quý trọng sự phê bình văn nghệ, học thuật với tinh thần khoa học đích thực. Lẽ nào tôi không hiểu với độc lập, tự do, dân chủ trong lĩnh vực sáng tác phải thường xuyên đối thoại thẳng thắn, cởi mở với mọi cây bút độc lập, tự do, dân chủ trong địa hạt phê bình; nếu không sẽ

dẫn đến vũng bùn, hổ thảm sai lầm, đò bại, để rồi cuối cùng sẽ triệt tiêu độc lập, tự do, dân chủ rộng mở và chính đáng!

Cuốn tiểu thuyết mở ra vài lời thừa, trước khi vào truyện như thế.

Tôi xin mở rộng lòng mình ra với cả Tổ quốc và với cả thế giới.

Trân trọng, biết ơn.

Tp. HCM., 11 giờ 06 phút, 19.12.2003

(26.11 Quý mùi HB.3)

25.12.2003 (03.12 Quý mùi HB3).

TRẦN XUÂN AN

CƯỚC CHÚ bài LỜI THỪA TRƯỚC KHI VÀO TRUYỆN:

(*) Lấy cái không thể thay đổi để ứng phó với vạn sự chuyển biến, đổi thay.

(**) Nước Nga sa hoàng (trước Cách mạng Tháng mười Nga 1917, thuộc cánh thực dân xâm lược) đứng ra điều đình để chấm dứt cuộc chiến tranh Pháp - Hoa (1883 - 1885), và hai nước ấy tiến tới kí hiệp ước Thiên Tân (11.05.1884, 04.04.1885. 09.06.1885), khiến thế trận "toạ sơn quan song hổ đấu" của triều đình Huế (do Nguyễn Văn Tường - Tôn Thất Thuyết chủ trương tác động) bị phá vỡ. (Trong sự kiện này, còn có vai trò một người Đức tên Đê-tring [Détring]). Xem: Quốc sử quán triều Nguyễn, Đại Nam thực lục, chính biên, tập 36, bản dịch Tủ Phiên dịch Viện Sử học, Nxb. KHXH., 1976, tr. 174.

Cảm nhận bên dòng sông

lang thang dọc cửa sông khuya
tâm hồn Đất nước hiện về như mơ
suốt ngày ngày đại sửng sờ
dòng sông bỗng hóa dòng thơ chiều này

1

sông nơi cửa sóng muôn phương
lắng niềm chớp bể mưa nguồn thăm sâu

nắng phơi mái rạ buồm nâu
dáng ai tóc trắng ngẩng cao sáng ngời
bập bùng bếp lửa bùng soi
bên đàn cháu nhỏ nụ cười an nhiên

như trăm truyện cổ thần tiên
nghìn câu dân dã sáng lên nụ cười
dáng ai in giữa biển trời
nghìn-năm đọng ở nụ-cười-trẻ-thơ

trời hồn nhiên đến không ngờ
ở nơi nguồn thăm chạm bờ biển sâu
ở nơi sóng gió lao đao
trời xanh như lọc từ bao nỗi niềm

2

lẽ đời, sinh tử, buồn tênh
gậy thần chỉ sáng cái nhìn mù đau
(không có gì tan mất đâu
thấy trong gỗ mục nguyên màu chồi tươi
bàn tay in dấu vào đời
cho nghìn xưa sống với người nghìn sau)
với niềm khát vọng thắm sâu
người mang sách ước đọc vào tự nhiên
con người bỗng hóa thần tiên
bởi rất người rất tự tin chính mình
như từ trong thuở u minh
cánh tay người muốn nâng lên vòm trời
là hoa, phải sáng nụ cười
người ta - hoa của đất trời - sáng lên!

3

trước giặc thù vẫn điềm nhiên
uy rông ở nụ cười tiên Diên Hồng
từ dân, Gióng đẹp lạ lùng
lòng dân - trời rộng - anh hùng bay lên
hoà bình xanh ngát mộng mênh -
tiếng đàn cho giặc trái tim con người
nỗi cơn độ lượng không vơi
Thạch Sanh - rặng rỡ chất người-rồng-tiên!

4

bài ca sức sống Kẻ Diên
hát trong tuyệt vọng, sáng thêm cách nhìn
oán thù, vẫn sẵn ngọt lành

bát nước đổ xuống, bưng lên, lại đầy
nhân tình, cười ấm lòng say
rất nhân hậu, nhẹ nhàng thay nụ cười
buồn, vui cũng miếng trầu tươi
bâng khuâng thăm thiết hồng đôi môi người

5

trước trò hợm của trêu đời
tự mình biết giá nụ cười, Bờm ơi!

6

Ba Phi cười rộng đất trời
trăm câu chuyện Trạng cho người người hơn
cho loài chuột ngợ ghê son
ngậm danh thiếp chạy đuổi cong trăm vùng
lòng thương trải đến muôn trùng
bia căm ghét cũng chập chùng dân gian
khổ, nên cười lộng cười vang
cười ngăn nước mắt hai hàng rưng rưng

7

cơ chi nắng sáng mọi hồn
có đâu Thị Kính ôm con trước chùa
đạo đuổi xua, đời đuổi xua
biết đâu đất sống, mưa lừa oan khiên!
Xúy Vân ơi, đời sáng lên
đời vui, đâu phải giả điên giữa đời
khát khao hạnh phúc con người
ngán lòng khô khốc, nhảm lời dối gian
có cần chi nắm cơm vàng
nỗi niềm bi đát chưa tan giữa dòng

còn gì để chọn bên sông
mang mang nước chảy ròng ròng lệ trôi

thân bằng cuộn lá chợ-người
buộc hờ mà siết vòng đời xót xa
“đau đớn thay phận đàn bà”
bao ngấm khúc cũng nức òa đàn môi

môi cười ám giọt lệ rơi?
sum vầy? oan rửa? điên đời vẫn điên?!

ước ao mùa tốt, xanh chiêm
giọt mồ hôi đổ mới nên hạt vàng
uất ức, giã nát tan hoang
trong tha hóa, nghèo gây oan cho nghèo
gặt rồi còn được bao nhiêu
ao khuya bắt ốc mò nghêu qua thời
đêm còn cúi mặt dưới trời
ruộng giăng xiềng xích làm người được đâu
“đòn tre chín rạn vai đau”
con đường lẫn quẩn nối nhau gánh gồng
“cái cò cái vạc cái nông...”
sợ dòng nước đục đau lòng cò con!

đành mong nghiệp báo xoay tròn
cơ chi thoát kiếp ngay trong một đời
thị vàng, quả thị vàng ơi
bao nhiêu cô Tấm mỉm cười vời trông...

8

xuân tàn, thân bệnh...
Vô thường!
cảnh mai sức sống sáng bừng sân đêm

18 MÙA HÈ BÊN SÔNG

mọc từ khổ sợ lo phiền
đóa sen thanh tịnh nở trên lửa hừng
chiều thôn dã khói trầm hương
theo kinh siêu thoát như sương thấm lòng
bụi là bụi của ước mong
nụ cười tỏa ấm bếp hồng chiều hôm

9

nén mình, nghe tiếng non sông
đời bao bước ngoặt, tắc lòng sáng soi
gươm nhân nghĩa, giặc tan rồi
tự do, thông vút, đầu rơi, đổ cảnh!
vẫn lòng lộng ánh trăng thanh
nụ cười ưu ái, ngời xanh đáng tụng

10

lòng thênh thang, bước ung dung
vào đời, ẩn giữa triều cung với đời
chốn lao xao, mây nhẹ trôi
vẫn làn mây trắng bên trời quê xa
ra về, thơ vẫn ngâm nga
ngỡ là mây, hay mây là mình đây
hoà vào trời đất cỏ cây
ta trong mình, thiên nhiên này trong ta
tắm trong sắc nắng hương hoa
mùa nuôi sống với tinh hoa của mùa
càng thương đồng ruộng xác xơ
ghét loài cắn phá nên thơ vẫn nồng
cửa đời có một khoảng không
có khoảng không mới có khung cửa đời
chí vô vi như nắng trời
mong dân tự sáng cuộc đời, đời vui

lập am, ẩn một nụ cười
không quên chuẩn bị cho đời tương lai
niềm thơ dân dã không phai
tứ thơ mây trắng bay hoài đầu non

11

dấu đau tiếng khóc oan hồn
dấu đời quặn thắt đoạn trường tiếng kêu
nụ cười đọng cuối dòng Kiều
trong như ngân nắng tuôn theo lệ người
“cuộc đời đến thế thì thôi”
cố tìm chút nắng cho đời trần an
thương sao
ánh mắt lạc quan
nhòa trong sương-khói-chữ-tâm
nghẹn lòng
thương sao trang giấy chập chùng
thương dòng mực chảy lạnh nguồn xưa sau
kiếp người thê thiết đón đau
những điều trông thấy đọng sâu nỗi niềm

thương ai se nắng trong đêm
gắng hừng nét mực, bắc đèn chơi vui...
mắt nhìn thấu suốt nghìn đời
rưng rưng lấp lóa nắng ngời trên nghiên...
cách chi cho nắng hồng thêm
mạch đời nào phải đứng yên cho đời...
thương ai trắng tóc ba mươi
khóc Kiều cười được với môi úa tàn...
ngươi đến sau ba trăm năm
biết ai nhớ lại khóc thắm ai không?

đoạn trường số lệ ứa ròng

vua quan khơi mãi bao dòng đau thương
làm sao xóa lấp Tiền Đường
chảy mê tiềm thức tự nguồn trời xa
sao người thêm cỗi người ta
nâng cảnh hoa gầy, giữ hoa bao vùng
khi Kiều mang phận đời chung
trở gươm phán xét, nắng hồng thật hơn!...

ngước lên Hồng Lĩnh chon von
cồn hoang, phiến đá trắng mòn, mờ chôn!

12

phương nam! rời rã, mỗi mòn
đã mất Mẹ, Nước có còn Nước ơi
có đôi mắt cũng mù rồi...
vượt qua số phận, chân người cứng thêm!

ước mơ - ngọn lửa bùng lên
nung rèn gươm bút Vân Tiên giữa đời
từng đơn thuốc ấm tình người
với quê hương lại rạng ngời trái tim
đuốc nghĩa quân sáng niềm tin
từ trong dân dã, cái nhìn sáng hơn?

13

Dụ Càn vương dậy Trường Sơn
Giải Triều, trung nghĩa, tờ son gửi về
bình Tây, sát tả-tà-mê
cho Tân Sở - Huế tư bề hoa giảng
lễ tằm viết sắc "hòa" ban
Tôn Thuyết chiến để Nguyễn Văn Tường đàm
Pháp tung cáo trạng bắc nam

lưu đày Kì Vĩ, chết thẳm đảo xa
súng rền, khâm sứ bôi nhòa
hòm tù đỏ, Hạnh Thục ca hoen vàng
Vè Thất thủ giữa dân gian
giọng run lệch bởi chuông vang giáo đường
thơ Nguyễn Thượng Hiền buốt sương
thương thái phó, ngó sen vương, dậm về (*)

14

bơ vơ, sống với làng quê
nụ cười Yên Đỗ thoáng nghe thu buồn :
“cờ đỏ cuộc, bạc chạy lường”
quốc kêu khuya vắng máu tuôn thắm lòng...

rất riêng, vẫn một nguồn sông
chút tình non nước vọng hồn nước non
trách mình chi, buổi hoàng hôn
chao ơi, phồng đá vẫn còn đó đây
lửa bùng, tắt nghẹn, đêm dài
mưa đời vẫy búa như dây trói lòng

niềm đau buốt xót tận hồn
Tú Xương bật tiếng cười giòn, ngẩn ngơ
lạc đường ngóng đến bao giờ
giật mình, lạnh tiếng gọi đò, đêm khuya

15

mắc mưu Hữu Độ tỏa mê
Khang, Lương (đại Hán !), xóa thẻ Cần vương
Duy tân theo Nhật, nghẹn đường
súng gươm Quang phục, tự cường, khôn nguôi
Mai Lão Bạng sống bên Người

sách kia ai sửa?

Sai lời sắt son! (**)

gót chân ngang dọc chưa mòn
mắt sương Bến Ngự vẫn còn ngóng trông
xa xa một ngọn cờ hồng
nụ cười hi vọng ấm dòng sông Hương

16

nát tan phân rã loạn cuồng
sương mù mịt vẫn mịt mùng bữa giăng
nụ cười nở sáng lòng dân
còn ai chưa tỉnh mà nâng lòng mình
thả đời trôi nổi lênh đênh
mờ mờ nhân ảnh in quanh lệ buồn
giọt nước mắt, trời tang thương
khác chi trái đất quay cuồng trong đêm

thuế máu sôi trào đất đen
sóng hồng vỗ gọi bao triền đá mê
bài ca cách mạng còn kia
ánh sao từ ấy, sương khuya, soi đường
vẫn chia dòng nước sông Thương
ngậm ngùi giấc mộng bình thường rưng rưng

trăm cơn gió lốc mịt mùng
nghìn luồng gió xoáy không ngừng trong tim
còn ai ngơ ngác kiếm tìm
trong quần quại mắt ngợp nhìn hư không
trắng! trắng! trắng! trắng nào nùng
hồn ai ớn lạnh sặc từng ngậm trắng
nhớ sao trưa nắng chang chang
bóng cô gánh thóc rực vàng đường thôn
"Cha! sao Cha đành bỏ con"

những mong sống lại tâm hồn Gái Quê
xác thân mục rữa sần tê
nhớ ời Thôn Vĩ sao về mà thăm
nén lung linh huệ trắng ngần
trong ảo giác trắng chợt gần chợt xa
ôi vàng trắng Ma-ri-a
sáng như viên thuốc sáng lòa hư vô

đức tin nghiệp chướng ngậy ngô
niềm mát nước hoá giấc mơ kinh hoàng
thơ ai trên gạch tháp Chàm
mười bảy tuổi, vội điều tàn tóc xanh
bóng ma gào khóc chiến tranh
đau trong đau, đã kết thành, triệu năm

17

ôi Ma-ri-a Tổ Chân
nắng hòa bình ấm khăn quàng yêu thương
Nhất Chi Mai - đuốc soi đường
cành hoa sức sống sáng bừng tự do
máu tuôn ngực áo học trò
mặt đường khát vọng rục bờ sông xanh
khúc da vàng, lửa mong manh
khói trời ngơ ngác toả nhành nhạc kinh
hoa vô thường, sương lung linh
theo hương tìm cõi yên bình cho nhau
mây thênh thang giữa trời cao
lạc vào mộng tưởng, chìm sâu sông buồn

bao nước mắt, bao mảnh gương
ai đem ghép lại soi khuôn mặt mình
mong sao gương vỡ lại lành
nụ cười thêm sáng dưới vành trăng thiêng

18

quãng đời cay đắng lênh đênh
lắng sâu mặt nước ngày đêm đưa đò
mái chèo Mẹ Suốt nổi bờ
đưa quân đi tự nghìn xưa đưa vào
mẹ cười sáng mỗi ngôi sao
sáng trên vàng trán sáng vào nước non
sao bay đỉnh gió Sài Gòn
có về soi lại tấm lòng mẹ không

19

sông nơi cửa sóng muôn phương
lắng niềm chớp bể mưa nguồn, chứa chan
giữa nơi lốc bão ngàn năm
lại làm lốc lặng bão tan cho người
và người thơ - ngọn thuôi
nhận bao sấm sét giữa trời thương đau
dẫn truyền xuống tận đất sâu
mạch đời hóa giải biết bao nỗi đời

lọc từ nghìn nỗi muôn nơi
lắng sâu tỏa rộng vòm trời bình yên
động thành nguồn sáng trong tim
trái tim đầm thấm hồng lên nụ cười

dấu đi cuối đất cùng trời
trong lòng đã có nụ cười an nhiên
nghìn xưa còn đó hồn thiêng
phơ phơ tóc trắng bao miền dân gian

nụ cười tự bốn nghìn năm

rạng ngời bản lĩnh lương tâm giữa đời
sẽ qua đi mọi rối bời
để thêm thanh thản nụ cười thắm sâu!

1985

@ Bên dòng sông Bến Hải và tại đình làng Kê
Diên

@ Kỷ niệm lần thứ 100 Ngày Kinh đô Huế quật
khởi, và lần thứ 10 Ngày Giải phóng Miền Nam,
thống nhất Đất nước.

TRẦN XUÂN AN

(*) (**) 14 câu khúc 13 và 6 câu khúc 15 mới bổ sung thêm,
trong quý thứ tư, năm 2001.

Mùa hè bên sông

“Một nửa cái bánh mì vẫn là bánh mì,
nhưng một nửa sự thật chỉ là giả dối”.

(danh ngôn khuyết danh)

Có nhận thức đúng và đủ về hai miền Đất nước,
để cảm thông thật sự,
cảm thông tận cùng,
mới có đại đoàn kết vững bền, không gì chia cắt được nữa.

TXA.

Chẳng lẽ bạn nhân danh một hoặc những giáo thuyết: Phật, Lão, Khổng, Giê-su, Ma-hô-mét..., Mông-tét-x-ki-ơ, Rút-sô, Von-te, Tôn Văn..., có thể cả Mác - Lê-nin nữa (dẫu sao cũng chỉ là giáo thuyết ngoại lai, hàng ngoại nhập) để bức hại, giết chết lẫn nhau; bức hại, giết chết những người chỉ tôn vinh dân tộc tính (bản sắc văn hoá - lịch sử dân tộc Việt Nam) và chủ nghĩa Hồ Chí Minh (không có gì quý hơn độc lập, tự do; độc lập, tự do cho cả dân tộc, cho mỗi người; hướng đến một nền dân chủ thực sự) với hồn rộng mở?

(Lời dòng sông Bến Hải)

CHƯƠNG I

1

Chiếc xe khách chậm lại rồi dừng hẳn ven đường. Anh thanh niên ở phía sau chạy tới mở cửa hông cho người đàn ông và cô gái bước xuống. Chiếc xe cũ kĩ đầy ứ khách lại mệt nhọc lăn bánh ra Hồ Xá.

Khoảng mười giờ sáng, nắng mùa hè chói chang.

Người đàn ông, khoảng năm mươi lăm tuổi, mặc chiếc quần bò bạc théch và áo thun xanh. Cô con gái cũng quần bò, áo thun màu xám nhạt, có dáng dấp sinh viên. Người đàn ông xách va li, đứng nhìn con đường làng cắt ngang cánh đồng mạ non mới cấy, ánh mắt thoảng dăm dăm, bồi hồi nhìn xóm nhà sau lũy tre xanh.

Hai người bước xuống con đường đất. Người đàn ông nói khẽ:

- Đằng xa kia là làng nội đó! - Giọng trầm như đọc thoại.

Đi một quãng, người đàn ông chợt nhớ, đứng lại, chỉ tay theo hướng quốc lộ, phía xe khách hồi nãy đã chạy ra.

- Kia, cầu Hiền Lương. Tên con là mượn của cái cầu ấy đó.

Cô gái bỏ chiếc va li đang xách xuống đất, mỉm cười, bâng khuâng nhìn theo hướng cha chỉ. Một chiếc cầu sắt hết sức bình thường bắc ngang một con sông có lẽ cũng không rộng lắm, cô không ngỡ ngàng khi trông thấy. Cô là Hiền Lương, chiếc cầu ấy đã gắn vào đời cô từ tấm bé, mặc dù đây là lần đầu tiên, không phải hình ảnh, mà chiếc cầu thật cô được nhìn tận mắt.

- Rồi con sẽ có dịp bước đến chiếc cầu ấy, sờ và ngắm cho bố công. Bây giờ phải về làng cái đã. - Người đàn ông nói.

Hiền Lương vừa bước theo cha, vừa ngoái nhìn, nghe rưng rưng cảm động.

- Ba tên Nông. Nông là làm ruộng. Nông cũng là cạn! - Chú Nông vừa nói vừa cười.

Đi một quãng, chú lại nói:

- Cha con mình là dân gốc rơm, gốc rạ chính cống, mặc dù ở Bình Dương nhưng vẫn đích thực là dân gốc ruộng Bến Hải.

Hiền Lương khẽ cười thật tươi thành tiếng. Áo cô ướt mồ hôi dưới nắng trưa, nhưng gió đồng lồng lộng thổi, mát rượi. Gió lùa vào từng chân tóc. Cô dừng bước, buộc lại tóc, ngoái nhìn cầu Hiền Lương. Nổi mệt mỏi sau một chuyến đi tàu đường xa, suốt mấy giờ ngồi ở sân ga chờ sáng, nổi ê ẩm chật chội suốt mấy chục cây số ngồi xe khách xộc xệch chạy, bỗng theo ngọn gió đồng bay đi đâu mất. Cô vác một bó thanh gỗ có ốc vặn và xách va li theo cha. Chẳng có gì, một giá vẽ, mấy bộ quần áo, chút ít quà Bình Dương, nhẹ tênh.

Gần tới làng, chú Nông vừa bước vừa cúi đầu nhìn đất.

2

Khoảng năm giờ sáng, chú Nông đã trở mình, mở mắt nhìn vào bóng đêm đang tràn ngập trong nhà. Ngoài khung cửa sổ, nền trời với những vì sao le lói xanh biếc, in đậm bóng cau và chuối. Tiếng trâu nhai lại cỏ, thỉnh thoảng chen tiếng đuôi quất muỗi. Mùi phân trâu tan loãng trong gió lạnh lạnh. Chú Nông bắt gặp lại cả một thuở thiếu thời với cảm giác bồi hồi, nghèn nghẹn.

Đang lơ mơ trôi trong hoài niệm, chú nhác thấy ánh lửa đã bập bùng ở gian nhà ngang. Mùi lửa rơm thơm nồng cay cay. Có lẽ thím Cận đã dậy đun nước.

Ngoài ngõ, bác Su đã ồm ồm lên tiếng. Bác qua uống trà, chuyện vãn với hai người em, nhưng chưa ai dậy.

Lát sau, khi nước trà đã chuyên ra ba cái chén nhỏ, dưới ánh đèn ống ba tấc, ba anh em ruột cười cười nhìn mặt nhau.

Bác Su nói:

- Năm nay, giỗ cha, có chú Nông và cháu Hiền Lương về, hay thật. Hèn chi hồi đêm trời trở sương.

- Dạ, cũng cố gắng đưa cháu về cho biết quê nội.

Chú Cận, vốn là tên Cận - vì làm nông, có ruộng su (sâu), ruộng cạn - sau đi lính ngụy, đổi lại thành Cận cho có vẻ chữ nghĩa một chút. Chú uống trà, chép miệng khen ngon. Chú Cận rít thuốc, vừa nói, vừa thở khói ra:

- Năm nay giỗ cha ở nhà em, tất cả mọi cái đã lo liệu gần xong. Chỉ còn chuyện đi chợ mua đồ vật, che rạp, mượn bàn ghế. Hôm nay, ý anh Nông muốn đi thăm nhà thờ tộc và lăng mộ trước. - Chú Cận nhìn bác Su.

- Dạ, cái đó là quan trọng. - Chú Nông cũng hướng vào bác Su để nói.

Hiền Lương cũng đã dậy, áo quần đàng hoàng tươm tất, không phải quần bò áo thun đi đường như mấy hôm trên tàu xe. Sau một hôm ngủ ngon bù giấc, cô nom khỏe khoắn. Hiền Lương thật xinh đẹp, từ gương mặt đến dáng hình.

Con gái chú Cận, khoảng mười lăm tuổi, vào vòng tay mời người lớn xuống nhà ngang ăn cơm sáng. Bữa ăn sáng ở đây cũng là bữa chính.

Cơm nước xong, chú và bác, Hiền Lương và cha ra ngõ, đi qua nhà thờ họ Hoàng.

Đối với Hiền Lương, khung cảnh nông thôn cô quen nhìn thấy chỉ là "miệt vườn". Cô cũng đôi lần về thăm quê

bạn, nhưng ở Miền tây Nam bộ, cũng đồng bằng “miệt vườn” như thế. Ở đây, vẫn làng quê, nhưng quê kiểng Miền Trung, nhất là bên sông Bến Hải này, sao có nét gì khang khác. Cô biết huyết thống trong mình cũng từ mạch đất này mà ra. Với ý tưởng đó, cô thấy mình lặng đi trong cảm giác nao nao, vừa thiêng liêng vừa máu thịt. Con đường quê đất cát pha còn ướt sương, hai vệ cỏ bên đường lóng lánh. Những khóm tre, khóm hóp, những cây dứa dại, những hàng rào râm bụt, chè tàu, các mái tranh, mái ngói, tất cả đều tinh khiết trong sương và gió nhẹ ban mai. Ô, những đụn rơm vàng tươi mùa gặt mới...

Chú Nông đi bên những người ruột thịt, cảm thấy ấm áp, tin cậy. Cái đầu cúi lặng buồn lúc mới gần đến làng, hôm qua, giờ không còn nữa cảm giác nặng nề ngài ngại.

3

Ở vùng quê từng là vành đai trắng này, suốt mười mấy năm sau Ngày Thống nhất, đình chùa miếu vũ vốn đã bị bom đạn tàn phá đến mức không còn một thanh gỗ, một phiến gạch, đâu đã được chú tâm xây dựng lại. Mới mấy năm gần đây thôi, những gì đã gắn bó một dòng tộc, một cộng đồng hương ấp về mặt văn hóa tâm linh mới được phục hồi.

Trên nền gạch cũ, trong khuôn viên cũ của nhà thờ họ Hoàng, là một ngôi nhà gạch lợp ngói nho nhỏ. Trên bốn thân cột hàng hiên là hai cặp câu đối chữ quốc ngữ viết theo dạng chữ nôm xưa, ai cũng có thể đọc được, nhưng vẫn rất cổ kính ngàn năm.

Ông từ ở nhà ngang lợp tranh, vui vẻ đi ra kéo cái cửa ngõ bằng nè (chà) tre. Người trong họ gặp nhau là nhớ tên liền.

Chú Nông dẫn con gái vào gian thờ, trong khi ông từ đốt đèn, thắp nhang. Rút lặng lẽ trong túi xách ra một phong bao đựng tiền, chú Nông bảo Hiền Lương bỏ vào thùng đã được niêm phong và khóa kĩ, chỉ có một khe nhỏ được đục sẵn. Chú kính cẩn thắp một nén nhang nhận từ tay ông từ. Ông từ cũng trao cho Hiền Lương một nén nhang khác.

Hai cha con trang nghiêm, thành khẩn khẩn niệm. Một cảm xúc thiêng liêng dâng lên trong vòm ngực, khiến chú Nông nghèn nghẹn. Nước mắt chùng như sắp ứa ra. Chú Nông cố ghìm lại. Mắt chú đăm đăm nhìn vào bài vị tổ tiên bao đời, nhìn vào khung kính có vẽ tranh con trâu, bờ tre, cánh đồng, vòm trời, đàn chim, tượng trưng cho Đất và Trời, Núi sông Làng nước, nhưng rồi chú không thấy gì cả, chỉ nghe một cảm xúc tủi thẹn dâng trào, cay cay sống mũi. Mắt chú mờ đi.

Hiền Lương vừa xúc động trong không khí trang nghiêm thành khẩn, vừa cố trấn tĩnh đôi nhìn cha. Chú Nông làm gì, nhất cử nhất động, Hiền Lương đều làm theo.

Lát sau, khi đã cắm nhang ở các lư nhang xong, chú Nông quay ra. Đến gần ông từ, râu bạc, đang niềm nở cười, chú thưa:

- Cháu chất làm ăn xa, chẳng biết đóng góp chi cho đủ, chỉ xin tổ tiên họ tộc lượng thứ cho.

Nói xong, chú Nông lặng lẽ quay mặt. Chẳng biết nói chi hơn, chú xin phép cáo từ. Chú cảm thấy mình có lỗi với làng tộc quá.

Ông từ già nua ngơ ngác trước cử chỉ khá đột ngột của chú Nông. Nhưng ông hiểu chú Nông buồn, mặc dù chẳng rõ nỗi tủi buồn ấy ra sao. Chú Nông thấy mình hơi thất lễ với ông từ, nhưng đành im lặng.

Ra đến ngõ, chú Nông cúi chào thêm một lần nữa, và lặng lẽ bước. Từ nhà thờ tộc, về theo đường lớn của làng, rẽ qua ngõ nhỏ ra bãi nghĩa trang, chú trầm ngâm không nói gì.

4

Đây là bãi tha ma, cũng có thể gọi là nghĩa trang của làng. Những gốc dương cần, nhiều thân bạch đàn non, lấm bụi duối đại bao quanh. Thời chiến tranh, ai nấy đều bỏ làng mà đi, không kịp mang theo ảnh thờ, bài vị, bình nhang, nói chi chuyện mồ mã. Những người già, thắm thía câu dặt dò của ngàn xưa, “sống là nhà, thác là mồ”, buồn lắm. Rồi bom thả dày đặc những hố là hố. Đất làng lành lặn, xanh tươi nghìn năm, bỗng như cái rổ thừa!

Nhà cửa, ruộng vườn tan hoang, lau và tranh bời bời, ngút ngàn. Mồ mã mưa nắng xói mòn, có nhiều nấm mộ bị bom đào, xương khô hòm mục bay tứ tán.

Chú Nông cùng hai người anh em ruột thịt của mình, cùng Hiền Lương đứng trước mấy nấm mộ đã được xới cỏ dăm hôm trước. Có những nấm đắp lại, chắc chắn ít nhiều sai vị trí cũ, sau khi dân làng được hồi hương. Và cái lăng được xây trên vị trí áng chừng ấy. Đôi ông thầy địa lí ở các làng bên được mời xác định lại mồ mã. Biết thầy cũng suy đoán mò, nhưng thế cũng yên tâm, mặc dù chỉ là tự dối mà yên tâm.

Chú Nông cứ nghĩ nấm mộ, thẻ bia, lăng xây quét vôi xanh đỏ, giờ đây có thể chỉ là tượng trưng. Nhưng, chú lại nghĩ, sống trên đất làng, nhờ vào đất làng mà có cái ăn cái mặc, chết cũng tan hòa vào đất đai làng này, dù xương khô tan tác bụi kia bờ nọ, thì người thiên cổ cũng đã thấy ấm áp tình làng.

Gió nam mùa hè bắt đầu thổi mạnh hơn. Khói nhang giạt theo gió. Bốn người chấp tay đứng trầm ngâm tưởng niệm.

Hiền Lương nghe băng khuâng một niềm man mác. Sống trong một gia đình, mẹ là Thiên Chúa giáo toàn tông,

bỏ đất Bắc vào Sài Gòn cũng vì Chúa, nhưng cha vốn gốc lương, theo đạo lí người Việt thuần túy, chỉ thờ kính Nguồn cội, Tổ tiên, Đất nước, không phải theo Chúa kiểu “đạo dòng”, và đã từ rất lâu nhạt đạo, chỉ đi nhà thờ cho mẹ vui lòng, bên ngoài khỏi trách, Hiền Lương cảm thấy mình rất dễ hòa đồng với bất kì kiểu tín ngưỡng nào. Bạn bè thuộc lứa tuổi của Hiền Lương cũng đủ thứ đạo. Tranh cãi với nhau lúc này lúc khác, rất cuộc, nhóm bạn cũng có chung với nhau một mẫu số về tâm linh, dù tương đối thể thôi.

Hiền Lương bâng khuâng nhìn khói nhang bay trong gió. Tâm hồn cô cứ xao xuyên hoài một ý tưởng: huyết thống của cô từ mạch đất này. Đất làng này, nơi nuôi dưỡng bao đời dòng họ cô và như thế đã biến đổi cả máu thịt của dòng họ. Cây rau muống đất Bắc (1) vào châu Ô này bao đời, chất rau ấy đã khác. Chất mới ấy là chất Bến Hải, chất Quảng Trị. Đến đời cha cô, chất Bắc đã thành chất Quảng Trị đặc sệt, thuần chất. Trong cô có chất Bắc kì của mẹ, chất Bình Dương của đất ở và của bạn bè, nhưng đậm đà nhất vẫn là chất Bến Hải này đây. Không chỉ là ước lệ xã hội, mà với ý nghĩa rất thực nghiệm, Đất đã làm nên huyết thống. Cô chẳng biết mình có ảo tưởng về mình không.

Tất cả những ý tưởng vừa mới thức ngộ ấy, ở Hiền Lương, không rạch ròi, rõ ràng, và tuy cứ xao xuyên trong cô, vẫn rất mơ hồ, rất cảm tính. Nhưng, quê nội, hai tiếng ấy ruột rà, thiêng liêng biết chừng nào.

Hiền Lương nhìn thấy gương mặt chú Nông trầm ngâm.

Chú Nông quay nhìn chú Cận bên bác Su đang phì phèo hút thuốc lá dưới gốc dương liễu đằng kia. Bước tới gần, chú nói với em và anh trai:

- Nắng lên khá rồi, chú với bác cứ về trước với cháu, lo việc nhà như thường ngày. Lâu quá mới ra thăm ba mẹ, ông mẹ, muốn ở đây một chốc. - Chú nhìn anh trai - . Em ở đây một chốc, lát nữa em về sau. - Lại nói với Hiền Lương - . Con về trước nghe.

Hiền Lương tần ngần, rồi cũng theo chân chú và bác.

Còn lại một mình, chú Nông ngồi dưới gốc dương liễu to, cần, có lẽ do bom hay pháo phạt ngang, chĩa cành xanh um. Trái khô mùa trước nở hết gai rụng đầy với lá, ngả màu nâu sẫm. Chú bồi hồi mỉm cười. Thời tám bé, chú với bạn bè cùng tuổi hay ra đây, leo hoặc với hái duối dại, vàng và ngọt, rồi vừa nhấm nháp, vừa vợ lá, hạt dương khô về cho mẹ thổi cơm.

Gần năm mươi năm rồi, kể từ ngày ấy. Sinh ra, lớn lên, sinh con đẻ cháu, rồi lại về với đất, đây là chu kì tự nhiên của Đất, như cây như cỏ. Điều đó đã đành là vậy. Nhưng khác với cây cỏ, được làm người, chẳng công danh gì thì thôi, dẫu vậy cũng quá ngậm ngùi, lại mang tiếng là ngụy. Ngụy là giặc, là bù nhìn, là đồ giả. Làm người, cầm súng của thực dân, đế quốc, còn gì đau đớn hơn! Không. Không. Chú Nông siết hai bàn tay, vịn vẹo vô thức. Chính lòng yêu quê hương, Đất nước của bao người đã được thổi phồng, được nung nấu, và đã bị những âm mưu chính trị lợi dụng. Ngày còn đi học, ngày xin được chỗ dạy, thời đi lính ngụy, chú đã nhiệt tình yêu nước, nhiệt tình chống cộng. Chú đâu biết mình là ngụy, cứ ngỡ bị đối phương vu khống hàm hồ. Truyền thống chống ngoại xâm, yêu Tổ quốc đã được đồng nhất với chống cộng. Càng yêu nước, càng phải chống cộng sản vô thần, bảo vệ di sản tổ tiên. Khi đã hiểu ra chân và ngụy, đã muộn rồi. Cái guồng máy tuyên truyền ám thị cứ ngày đêm thì thầm, gào thét luận điệu của nó, cứ thôi miên con người thành người máy. Người ta mù mị, nửa tỉnh nửa mê, bị cuốn đi trong cơn say thuốc súng. Không. Bao người lính ngụy đã yêu nước đến tận cùng gan ruột. Lòng yêu nước ấy, với sự ám thị mù quáng, đã dựng nên những người hùng chống cộng có thật. Sự ám thị đúng khác với tình cảm yêu nước, lòng thờ kính Tổ tiên, Cội nguồn, nên đạt được hiệu quả tối đa, như que diêm đặt vào, đồng củi nổ rục cháy, không hề vấp phải phản ứng tâm lí nào! Tâm

thế của bao người lính ngự đã đón nhận ám thị ấy một cách tự hào, thậm chí có người còn nhiệt tâm tự kỉ ám thị nữa! Bây giờ, khi thức tỉnh, sáng ra nhiều lẽ, bao người đầu đón chấp nhận mình là giặc, lũ giặc trên quê hương, Đất nước mình, một lũ giặc thất bại, tan hàng thê thảm vì bị Mỹ và đồng minh của Mỹ bỏ rơi, phải bán xới, thắm thía bao nỗi nhục nhằn, đau đớn. Về quê, họ gặp bao người du kích, cán bộ ngày xưa, ngỡ là giặc, lại thành chính nghĩa, và đích thực chính nghĩa, nên vừa sợ oán thù, vừa tủi thẹn.

Chú Nông đâu phải thuộc loại mù chữ ngu dốt, nhưng rồi cũng bị tuyên truyền ám thị lừa dối. Đến bây giờ, đã hai mươi năm hơn, kể từ Ngày Thống nhất, ở chú vẫn niềm đau bị làm giặc cửa vào lòng không nguôi. Chú cúi gầm, ràn rụa nước mắt, nghe một cảm giác cay và đắng nơi sống mũi, cuống họng.

Nhìn những nắm mộ, chú Nông càng nghẹn ngào. Cái chết của người chết, đã đành. Cái nhục còn nặng nề hơn cái chết, đối với kẻ sống. Biết làm sao bây giờ, trước ba mẹ, ông mẹ (bà), Tổ tiên họ mạc, và biết làm sao với con, với cháu.

Gió nam đã thổi khô nước mắt, chú Nông vẫn rút khăn ra lau ngấn muối mặn. Tiếng thở dài nảo nuốt của chú tan trong tiếng vi vu dương liễu và lao xao bạch đàn.

Thì cũng sống đời sống của mình, chú trầm nghĩ.

Hơn chín giờ sáng, nắng gió quê nhà chói chang. Chú Nông rút một đọt lá hóp, nhai trong miệng, nhấm nhấm đầu lưỡi, như một thói quen thuở cỡi trâu qua ruộng. Chú bước về nhà.

Ở làng quê, khác với thị xã thức khuya dậy muộn, mới chín giờ tối, mọi nhà đã tắt đèn đi ngủ và sáng sớm còn tối mịt đã thức, chuẩn bị cho một ngày mới. Ngày thứ hai ở quê hương, Hiền Lương suốt buổi sáng đến cả buổi chiều, đi bộ quanh làng, thăm nhà thờ tộc, lăng mộ ông mẹ, lại cùng cha đến nhà bà con xa, láng giềng thân thiết ngày xưa, nhà của các anh, các chú, bác làm việc trong Ủy ban xã, nhà thầy cũ và bạn của cha, trước để thăm, sau là mời dự đám giỗ, nên tối đến, mỗi ê ẩm chân, vẫn khó ngủ. Đêm nay, đêm thứ tư ở quê hương, cũng với nhịp điệu thức ngủ của thị xã, cô lên giường, vẫn nằm mở mắt tỉnh táo, dù suốt ngày hôm qua, đã cùng thím Cận đi chợ huyện, chợ Đông Hà, bằng chiếc xe đời bảy tám cũ rích, ngộp trong nắng và gió.

Hiền Lương nằm nghĩ bâng quơ. Cô sực nhớ một ít câu thơ cô đã học thuộc lòng từ sách giáo khoa hồi cấp hai, cấp ba gì đó - thơ của Tố Hữu:

sông Bến Hải bên bồi bên lở
 cầu Hiền Lương bên nhớ bên thương
 cách gần mười tám năm trường
 khi mô mới được nối đường vô ra
 bây giờ cầu lại bắc qua
 ván thơm gỗ mới cho ta gặp mình
 anh về Quảng Trị, Gio Linh
 trèo lên Đốc Miếu, lặng nhìn Quán Ngang
 bồi bồi cỏ lút đồng hoang
 chim kêu cánh cụt chang chang nắng cồn
 tả tơi mấy ấp, khu đồn
 mái tôn rào kẽm thép đồn chơ vợ
 thương em chín đợi mười chờ
 con đò xưa lại đò cò sang sông
 em vui em mặc áo hồng
 máy reo máy đẩy mênh mông biển trời
 thuyền về Cửa Việt ra khơi
 thuyền lên Ái Tử, thuyền bơi Đông Hà...

Cô nhớ mãi đoạn thơ có nhắc đến chiếc cầu, tên của nó đã trở thành tên cô, đoạn thơ viết về quê nội của cô, cô chưa từng về thăm cho đến bây giờ. Đây là thơ của nhà thơ cách mạng vào thăm Miền Nam từ bảy hai, bảy ba gì đó. Cô được sinh ra đời, bốn tháng sau khi Miền Nam hoàn toàn giải phóng. Mặc dù chôn rau (nhau) cắt rốn, lớn lên ở Thủ Dầu Một và thành phố Hồ Chí Minh, gia đình cô trước đây lại thuộc phía đối phương của cách mạng, nhưng hầu như từ lọt lòng đến nay, trừ một số bản nhạc cũ cô hát băng quơ với bạn bè, cô sống trong không khí cách mạng, Đổi mới. Và cô mỉm cười với gương mặt cô giáo dạy văn người Bình Dương trong kí ức. Cô nhắm lại điều lục bát vổ về, băng khuâng ấy với những địa danh quê nội. Quê nội của cô đó, thân thương biết mấy dù lần đầu biết mặt, lần đầu đặt chân đến... Giọng đọc thơ Nam bộ của cô giáo còn ngân nga đâu đây...

Cô đã đi qua Dốc Miếu, Quán Ngang, hàng rào điện tử Mác Na-ma-ra (2). Cô đã ghé Quán Phụng, chợ huyện Gio Linh. Thị trấn huyện ngợp bụi đỏ và nghèo khó, lơ thơ hàng quán. Mới chia huyện lại, thành ra nơi ấy như mới bắt đầu xây dựng lại từ vài năm nay. Đông Hà, tỉnh lỵ, có vẻ khởi sắc. Thật ra, trong kí ức cô làm gì có một Đông Hà cũ, đã tan nát, để so sánh với Đông Hà hầu như xây dựng mới hoàn toàn bây giờ.

Chợ Đông Hà như mấy chiếc thuyền neo bên sông Hiếu. Chợ có lầu, như boong tàu. Tầng dưới, buôn bán sầm uất, là hầm tàu. Hình tượng kiến trúc cũng ngộ nghĩnh. Cô mỉm cười một mình trong khuya.

Quảng Trị, cát trắng, nắng cháy, đất ba dan bụi đỏ, đang vào mùa gió nóng từ Lào thổi sang, hút khô hơi nước, nơi có Gio Linh, Bến Hải - dòng sông hiền hòa bỗng nhưc nhối một vết thương lịch sử. Quê nội của cô đó, nơi cô lần đầu về thăm.

Cô chẳng hiểu vì sao lịch sử kì lạ thế. Nếu, vâng, nếu lịch sử đã khác đi, thì sao nhỉ? - Cô mỉm cười - . Sao mình có quê hương là nơi dòng Bến Hải này? - Cô tự hỏi - . Có thể chọn lựa số phận không?

Đêm với những ngọn gió nam nóng đã tắt, trở ngọn nồm từ biển, mát rượi hơi nước, ru cô vào giấc ngủ. Có lẽ cô bắt đầu quen với tiếng lá tre xạc xào, mùi phân chuồng trâu tan loãng trong hương rơm mùa gặt đã lên đụn, tiếng đuôi trâu quất muối, tiếng ợ của trâu nhai lại cỏ ngoài đồng. Đêm làng quê đang ru giấc cô.

6

Cả nhà chú Cận, và cả nhà bác Su nữa, đã thức dậy từ ba giờ sáng. Bây giờ, gần mười giờ, đã xong xuôi cỗ bàn đâu vào đấy.

Khi mới thức dậy, Hiền Lương ra nhà ngang ngồi canh lửa. Ngủ muộn, thức quá sớm thế này, đôi mắt cay xè. Mắt cay còn vì khói dương liễu nữa. Nước trên song lớn gần ba chục lít đã sôi. Ngoài sân, Hiền Lương đứng nhìn ra, thấy trên chiếc ghế dài lam nham vết chàm, vết đục, dùng làm đòn bẩy cho nghề thợ mộc của chú Cận, một con lợn khá to bị trói gô, kêu eng éc, đang bị dây làm bằng cây hóp mỡ chẻ hai vụn lại cột mõm, nằm im. Lần đầu tiên Hiền Lương thấy người ta làm thịt lợn, trông cũng kinh thật. Lưỡi dao phay mài đá mài thợ mộc, sắc lẹm dưới ánh điện câu từ nhà ra. Thau đựng huyết có bỏ muối hột, đôi đũa khuấy chực sẵn. Cô không yếu vía, nhưng thật là không nên nhìn. Thảo nào nhà chùa khuyến khích ăn chay là vậy. Hiền Lương chợt nhớ một truyện ngắn của Hàn Nguyệt. Cô bước vào nhà, cùng các chị các em, cắt và nhặt các loại rau quả. Cắt bằng dao, rút bằng tay những cây trái, rau cỏ có sự sống, cũng kinh quá đi chứ. Luật tự nhiên kinh thật. Thôi thì

đành vậy. Quen, quen tất. Giật mình làm gì. Không thể thay đổi. Không, đúng hơn là chưa thể, chưa thể thay đổi luật tự nhiên này, nhưng sẽ thay đổi được, ở trăm, ngàn năm sau! Khoa học - kĩ thuật sẽ cứu rỗi, giải phóng muôn loài... - Cô tự trấn an...

Bàn ghé đã mượn quanh xóm về. Tắm bọt to rộng nghe đâu Hội Chữ thập đỏ quốc tế cứu trợ đồng bào tị nạn chiến tranh, không nhà không cửa, từ hai mươi mấy năm trước, vẫn còn, được chằng lên.

Bàn thờ sạch bóng. Chú Cận là thợ mộc nổi tiếng, nên tủ thờ của chú quá sang trọng và tinh tế. Cái tủ thờ hóa ra có giá trị nhất trong nhà. Lần cúng thứ nhất, trầm trà hương hoa, mời Tổ tiên ông mẹ về nhân ngày giỗ ông, đã được bác Su chủ tế hồi sớm.

Bây giờ, trước và sau tủ thờ là mâm thượng chay, cỗ hạ mặn, trong hương khói, nền đèn trang trọng, trầm mặc. Hiền Lương thấy hình như có cả sự vui vẻ nữa. Giỗ, nhớ ngày mất, vui nỗi gì. Nhưng mất là còn. Cô thường nghe cha cô giải thích vậy: Còn trong huyết thống con cháu, còn trong kí ức xóm làng. Mâm cỗ chỉ là tượng trưng, mời Tổ tiên ông bà về sum vầy liên hoan. Ngày mất thực chất là ngày đã trọn, hoàn tất một cuộc sống, cho dù mất dạng nào, muốn hay không. Đúng hơn, ngày mất là ngày chấm dứt, dấu rằng có thể mọi điều còn dang dở, nhưng dang dở cũng là xong. Ngày kết thúc cuộc đời quan trọng hơn ngày sinh. Cô biết, có rất nhiều nắm mộ con sa con sảy, chưa chào đời đã chết. Tất nhiên người ta vẫn quý trọng. Nhưng tưởng nhớ ngày mất là tưởng nhớ một con người đã sống, đã có kỉ niệm, đã mắc nợ đời, cống hiến và trả nợ đời. Ấy là tưởng nhớ một tiểu sử. Tiểu sử ấy, bình thường hay lớn lao, cũng thành huyết thống của con cháu. Ôi, mất là còn. Vinh hiển là quý, nhưng nhớ đạo tặc, ngụy ngợm thì sao. Thì vẫn còn chứ sao. Không thành nỗi tự hào thì thành niềm

đau. Tưởng nhớ, đau một niềm đau về người đã khuất, cũng vô cùng thấm thía và hữu ích với lòng bao dung.

Hiền Lương, đã hai mươi hai tuổi, cử nhân tiếng Anh, tự tìm tòi vẽ vời các loại tranh từ nhỏ, nguyện thành họa sĩ, với một trái tim nhạy cảm, chiếc đầu mệnh mang suy lí, đang băng khuâng suy tưởng. Cô còn quá trẻ để già giặn giải quyết cho bản thân những mâu thuẫn giữa lí - tình, với nhiều tính chất giá trị, cấp độ giá trị không thống nhất với nhau. Cô đang mỉm cười, suy tưởng, trong lúc chú, bác và cha đang mặc niệm trước bàn thờ.

Lác đác, đã có những khách mời đến dự tiệc giỗ, tưởng niệm và sum vầy.

7

Khi đã mời bà con cô bác, đại diện chính quyền, cấp ủy, dân quân ngồi vào bàn cỗ - người lớn tuổi, quan khách ngồi mâm giữa, con cháu, người trẻ ngồi hai mâm hai bên - bác Su với khăn đóng áo dài đen hần hoi, hai tay đan vào nhau, nắm lại, đưa cao ngang mặt, khẽ vái chào rất nhẹ. Bác Su thưa, bằng giọng ồm ồm nặng trĩu, với âm sắc chắc gọn, không du dương, trầm bổng, ngân nga, mà đặc Quảng Trị, vắn tắt vài câu về ngày tưởng niệm ông thân sinh, rồi bác mời mọi người cầm đũa. Sau đó bác nhờ chú Nông thay mặt cả nhà rót rượu mời quan khách.

Chú Nông đến bên ông giáo Hiền, thưa khẽ:

- Thưa thầy, con kính mời thầy.

Và những cốc rượu được nâng cao, khai vị với nem chả. Tiếp đến, thay vào cốc là những li uống bia có đá lạnh hần hoi. Đá được mua từ sáng sớm, ủ bằng dấm bào mạt cửa của chú Cận.

Cuộc tiệc có hơi men bắt đầu rôm rả.

Bao giờ cũng vậy, người ở xa quê, lâu năm trở về, được mọi người thay nhau hỏi han. Bây giờ, mọi người mới rõ thêm, mấy năm nay chú Nông đã thôi chở bánh ngọt bỏ mối cho các quầy hàng, cửa tiệm. Chú vẫn phụ vợ dọn và dẹp quầy áo quần ở chợ mỗi sớm mỗi chiều, lại còn đi dạy thêm ở tận nhà của vài học trò con bạn bè, tiếng Anh và đàn oọc-găng. Hai cô con gái lớn đã có chồng có con, ở nhà riêng hoặc nhà chồng. Và Hiền Lương... Chú gọi con ra để giới thiệu. Một số người đã biết, hôm Hiền Lương đi mời khách với cha, reo lên: Cô cử, xin cô cử nhân ngoại ngữ ra chào bà con. Hiền Lương hơi mắc cỡ, trước sự thân tình đến mộc mạc, suồng sã, rất cảm động ấy.

- Thời này là thời tiếng Tây mà. Mở cửa rồi, Tây bây giờ đi khắp, đâu cũng có. - Một người nào đó nói.

Lúc đó, ông Hiệu Điền mới lò dò cấp chai rượu lễ tới.

- Tây đây rồi. Tây của làng mình đây rồi! - Giọng ai đó reo.

Mọi người cười ồ. Quả là ông Hiệu Điền hay nói chêm tiếng Pháp, và thỉnh thoảng trở trời, xui bọp mép xỏ tiếng Pháp từng tràng dài ngoẵng. Ông nghiêm mặt, từng từng:

- Trước hết, xin lỗi Đảng và Nhà nước địa phương, xin lỗi bà con, tôi đến chậm, vì các cháu ở nhà không muốn tôi đến sớm. Sau nữa, xin thưa, nói chêm tiếng Tây là bệnh của tôi, thói nô lệ. Chồng Pháp đến thân tàn ma dại thế này vẫn chưa bỏ được, có thể chất "bồi" nó thấm trong bao tử rồi. Xin lỗi, xin lỗi.

Mọi người cười thật to. Một người đứng dậy hoan hô ông Hiệu Điền, mời ông cốc bia. Ông lắc đầu, quay quay một ngón tay chỉ vào màng tang. Mọi người vui vẻ cười to hơn, biết ông kiêng rượu.

- Ông nói mỉa, chửi đời vậy, ai dám học tiếng Tây!

- Xin đính chính, ông Hiệu nói thật. Không mỉa, không chửi xiên, chửi xẹo. Đó là bệnh của ông ấy. - Ai đó nói trong tiếng cười.

- Không học tiếng Tây để dốt à! - Người khác nói.
- Tây là đủ thứ, cứ tóc vàng mắt xanh, bây giờ đều là Tây. Phải học hết, Tây Tàu chi cũng học. - Lại một giọng khác.

Ông Hiệu Diên chỉ ngồi cười. Chú Tập, bí thư chi bộ, gấp thức ăn mời ông. Ông vẫn giữ nụ cười, cảm ơn. Chú Tập hỏi chú Nông:

- Mở cửa, Đổi mới, vui không anh Nông?

Chú Nông thoáng ngập ngừng, mỉm cười:

- Lắm vấn đề lắm. Ở trong thành phố Hồ Chí Minh, ở Bình Dương, cũng có ý kiến không tán thành Đổi mới, Mở cửa kiểu này.

Chú Tập và ông giáo Hiền giật mình, nhìn chú Nông.

- Cụ thể hơn là sao? - Chú Tập hỏi.

- Chuyện đời là thế. Chuyện gì cũng vậy, người ý này, kẻ ý kia. Đó là bình thường. - Chú Nông rào đón, dè dặt.

- Anh nói thẳng đi, anh Nông. - Thầy giáo Hiền cười, nói.

- Thưa, như thế này, chỉ Mở cửa cho thông tấn, du lịch, và để ra nước ngoài học hỏi, tiếp thu khoa học, công nghệ. Đổi mới là giải phóng sức sản xuất trong nước thôi. Vấn đề là vốn, vốn mượn quốc tế, vốn từ tài nguyên. Không chấp nhận vôi thứ hai của bạch tuộc, hay vôi thứ mấy chục, luồn vào các nước nghèo. Đại để là vậy. Đó là ý của nhiều người khác. Tôi chỉ nghe.

Rồi chú Nông đánh trống lảng sang chuyện khác. Chú ngại, rất dè dặt. Ở trong kia, thành phố lớn, khác không khí và tâm thế. Ở đây, làng quê, lại trót gieo thù chuốc oán ít nhiều, phải cẩn thận, kéo lỗ mồm, lỗ miệng, không khéo mang họa.

Thầy giáo Hiền biết ý, cười tin cậy:

- Anh cứ nói thẳng, nói thật. Ở đây, bây giờ thoáng đãng rồi. Chỗ bà con ruột thịt cả, đừng ngại. Chuyện xưa, dứt khoát bỏ qua. Chuyện nay, phải cùng nhau bàn.

Nhưng chú Nông chỉ im lặng cười.

Ở bàn bên cạnh, những người trẻ kéo Hiền Lương vào ngồi chung từ bao giờ. Cô nói giọng Bình Dương pha chút Hà Nội, ai cũng thích nghe. Hành, cháu ông giáo Hiền, cử nhân sư phạm, đang dạy học ở huyện lỵ, được mọi người lưu ý. Hành cũng mỉm cười. Thế là Hành và Hiền Lương chuyện trò với nhau khá vui vẻ, với sự vui vẻ pha chút nghịch ngợm ban đầu của cả bàn.

Chút rượu và bia Hành nâng cốc với Hiền Lương, khiến cô đỏ hồng gương mặt. Cô thấy quê nội mình mộc mạc mà trí tuệ, vui quá.

Trong năm bàn, nơi Hiền Lương, Hành, đám cán bộ trẻ của Ủy ban xã, Hợp tác xã (đều là thành phần cơ bản) và một vài chú cựu lính ngụy còn trẻ (cũng thành phần cơ bản xuất thân) là rôm rả, sôi nổi nhất. Bốn bàn còn lại, kể cả hai bàn hai bên trong ngôi nhà ba căn của chú Cận, đều là người lớn. Bàn thứ sáu lại là bàn đặc biệt, dưới nhà ngang, dành cho lũ trẻ con. Bọn nhỏ này thuộc loại “đánh nhanh, rút nhanh”, đang kéo nhau ra vườn sau, đá bóng bằng bong bóng lợn, lấy từ con lợn mới mổ hồi sớm.

Bàn cỗ chay là bàn đặc biệt.

Sư Thích Tâm Tự, trên bảy mươi tuổi, vận chiếc áo nâu dài đã cũ, vừa ăn rất khẽ vừa chuyện trò cũng rất khẽ với mấy ông bà cụ già trong khuôn hội Phật giáo của làng. Sư nom vẫn còn khỏe mạnh lắm, giọng nói rõ, không nhều nhòa âm sắc vì tuổi tác. Những người già lắng nghe, trao đổi với nhà sư chuyện chùa, chuyện ruộng một cách thân tình và cung kính. Trong bàn chay này, ngoài các vị, còn có ông Nộp. Ông Nộp, trên tám mươi tuổi, râu tóc trắng phơ, có cặp nạng gỗ đã lên nước, đen nhánh, bỏ một bên ghế. Ông chỉ là ông từ giữ đình từ sau ngày học tập cải tạo về đến nay, khoảng từ đầu những năm tám mươi. Ông Nộp ăn trường mặn, nhưng thỉnh thoảng cũng thích ăn chay cho lạ miệng. Ông là chú của thím Cận.

Ngày hôm qua, đi cùng Hiền Lương quanh làng, chú Nông cố tình đi bộ, mặc dù nhà chú Cận có xe gắn máy đời bảy tám, sẵn để chạy gỗ. Chú Nông cũng thầm mừng, mức ăn mức ở của bà con làng xóm có phần tươi lên, nhất là sau vụ gặt chiêm xuân vừa rồi, rất được mùa. Bây giờ, qua bữa giỗ, quan chức có, neo đơn có, thấy bà con đã thắm thiết chan hòa, chú nhận ra đây mới là điều đáng mừng nhất. Làng quê, vốn là nơi ra ngô chạm mặt nhau, nếu thù hận còn nuôi trong lòng, làm sao sống nổi. Chú Nông lờ mờ suy tưởng trong men rượu say say. Có lẽ nhờ câu ca dao, bầu và bí một giàn, nhiều điều giá gương, hay cái đình, cái chùa gì đó. Chú Nông bỗng giật mình, sực nhớ cái giá gương ở nhà họ Hoàng mình, khung kính có vẽ tranh Đất trời, Non sông Làng nước - con trâu, thừng cu cỡi trâu, khóm tre, đàn chim... -, sao thiếu mất cái khăn nhiều điều? Khăn nhiều điều, khăn nhiều điều tượng trưng cho cái gì? Chú Nông, có chút men rượu gạo, cảm khái quá. Chú nhìn quanh, thấy mọi người cũng đã no say, nên yên tâm rót cho mình lượng cốc rượu nhỏ. Và chú bỗng ngậm ngùi, nghĩ hai hôm nữa phải trở lại Sài Gòn rồi, vì còn công việc, còn giữ nhà cho mẹ Hiền Lương ra thăm. Không biết cô ấy có đổi ý không. Dẫu sao, ở lại lâu tại quê nhà, thân phận thằng sĩ quan ngụy, có tham gia đảng phái chính trị, có một thời hăng máu chống cộng, gây thù chuốc oán - mặc dù cũng yêu nước, yêu quê nhà mà chống cộng, nhưng ai hiểu cho -, không, không, ở lâu, thật không nên. Ờ, cái khăn nhiều điều là gì nhỉ, là chi rứa hè? Chú Nông trầm ngâm, buồn buồn, mắt nhìn ra sân. Bóng nắng đã xế rồi. Ở mấy bàn cỗ, chú thấy đã có người đứng dậy trong tiếng chào tiễn. Chú Nông cũng đứng dậy, bước tới tiễn khách.

1. CUỐC CHÚ chương I:

(1) Xem phần chú thích cuối sách; mục từ số: II.1.

(2) Tên riêng, từ ngữ tiếng nước ngoài, xin xem chú thích I cuối sách.

Lưu ý:

Phần chú thích cuối sách hoặc cuối chương, tạm gọi là hậu chú (endnote). Ở 15 chương của cuốn tiểu thuyết này, vốn không có hậu chú cuối chương, mà chỉ có chú thích cuối trang, gọi là cước chú (footnote). Tuy nhiên, để tiện cho việc đưa lên mạng internet ở các tạp chí điện tử (các websites), tôi đổi cước chú (cuối trang) thành hậu chú (cuối chương), nhưng vẫn ghi là cước chú của chương.

CHƯƠNG II

1

Mặc dù suốt một đời quen với nếp sống giáo chức, nhưng khi đã lớn tuổi, ông Hiền thường dậy sớm ngồi uống trà mạn ướp lá, hoặc chè xanh vò lá rồi hãm nước, thêm lát gừng già. Không nhớ từ khi nào ông đã dậy sớm như vậy, có lẽ khi nhận quyết định về hưu. Cái ngày ấy, dẫu ông đã chuẩn bị tinh thần lẫn vật chất từ những năm trước, sao vẫn ngậm ngùi buồn. Thế là già rồi. Thế là xã hội đã xóa sổ nợ cho một kiếp người, và bổng chốc đã trở thành đồ bỏ đi. Đêm nằm, bỗng dưng ông giáo Hiền đái dầm ướt cả quần. Tưởng bệnh gì, hóa ra các bác sĩ bảo chẳng bệnh gì cả. Ông sức nhớ, trong cuốn sách tâm lí nào đó đã đọc, người ta bảo đấy là triệu chứng nhi hóa. Ông cười buồn. Già rồi, con người như hòn sỏi với quy luật tự nhiên, một cách vô thức và hữu thức, muốn bé lại, muốn làm trẻ con, nghĩa là còn muốn sống lắm. Thời gian khủng hoảng tâm lí ấy rồi cũng nhẹ nhàng qua đi. Nhưng từ đó, ông bắt đầu thôi thức khuya, vì bài vở đâu nữa mà chấm, và bắt đầu dậy sớm trà lá một mình.

Ông giáo Hiền suốt một đời hầu như đơn chiếc, dù hai đời vợ, nhưng vẫn xem như độc thân. Với đời vợ đầu, trót lỡ trước cưới hỏi, ông có một đứa con. Đời vợ sau, chẵn gối một năm chưa đầy, bà ấy phải chuyển tù đầy, vì là cán bộ Việt Minh, rồi bà chết ở Côn Đảo. Ông giáo cô quạnh nuôi con, con chết, lại nuôi cháu. Tuổi già, chẵn bảy mươi, may có Hành, đứa cháu trai duy nhất, không thì buồn bã, cô độc biết chừng nào. Và bấy lâu nay ông còn vui với nghệ thuật cây kiềng để di dưỡng tâm linh.

Sớm nay, có được gói trà mạn chú Nông mang về biếu, ông giáo Hiền lấy một ít ướp lại tươi hôm qua để uống xối. Cọng trà hơi dịu đi, nhưng được cái thơm. Chất trà đậm đà, ngát cả hương, ngòn ngọt ở dư vị, thích thật, sảng khoái cả người.

Ông giáo ra đứng trước sân. Trời đã tắt gió nồm, để lát nữa trở gió nam, se se man mát hơi sương, không, hơi đêm, đúng hơn, vì mùa này khô khao lắm. Ông tập bài thể dục vận động, rồi tập thở. Trời cũng vừa hửng sáng. Quả là tháng năm chưa năm đã sáng. Mùa này, ngày dài, nắng lên sớm.

Lại trở vào, ông uống thật chậm, từng ngụm nhỏ, rồi cũng hết bình trà thứ hai. Ông giáo không thể không nhớ chú Học, con trai độc nhất của ông. Học và Nông chành nhau sáu tuổi. Cái thời giữa những năm bốn mươi, gần bước sang thập niên năm mươi, chiến tranh, nạn đói bởi phát xít, Cách mạng Tháng tám, lại chiến tranh, con nít không có áo quần để mặc, người lớn đầy chấy rận, học chữ phải học lớp ghép. Nông và Học cùng chung một lớp đồng ấu.

Ba tuổi, trần truồng, Học đã theo cha đến trường làng. Nơi gọi là trường, thật ra là chái sau của ngôi đình cổ, không có bàn ghế gì cả. Mỗi trò lượm gạch đầu đó kê lên mà viết, hoặc kê trên một khúc gỗ vốn làm đòn ngò, đòn kê. Giấy mực cực hiếm, có khi phải lấy lá chuối non phơi khô làm giấy. Những lúc khó khăn đó, chủ yếu là dạy và học bằng nền đất và que tre. Học trò đồng ấu nhưng có em cao gần bằng thầy.

Thầy giáo Hiền lúc đó là cán bộ Việt Minh, khoảng hai mươi mấy tuổi, đã đỗ tiểu học năm vừa tròn mười sáu.

Nông chín tuổi mới đi học. Thầy Hiền phải đến nhà vận động, Nông mới được đi học, chả là cha mẹ Nông sợ máy bay Mỹ do Pháp lái, nả súng nện bom không kịp chui hầm. Nông cũng sáng dạ, và mến thầy giáo Hiền lắm.

Thế rồi, một chín năm tư, hòa bình. Lòng dân vui quá vui nhưng buồn quá buồn, vì đất nước bị chia cắt. Thầy giáo Hiền được lệnh ở lại. Thầy vốn bị tật bẩm sinh ở tay phải, liệt hẳn. Tổ chức cho rằng như thế chẳng ai nghi ngờ gì.

Thầy Hiền được xếp vào loại li khai Việt Minh, tiếp tục được dạy học. Thầy dạy và nâng đỡ, kèm cặp Nông, cho Nông nhảy lớp, để kịp tuổi, rồi tiễn Nông vào thị xã Quảng Trị học trung học. Sau đó mấy năm, Học cũng vào thị xã tỉnh lỵ ấy.

Ông giáo Hiền mỉm cười, uống trà mạn chú Nông mới mang về biếu. Trên dưới năm mươi năm rồi, kể từ độ ấy! Nhớ ba chữ “anh giáo Hiền”, ông muốn cười thành tiếng. Và những “cu Học”, “cu Nông”...

2

Học sắm được xe đạp từ sau khi đỗ được bằng trung học đệ nhất cấp, sau nhiều năm đi bộ. Vì chỉ về quê vào dịp Tết Nguyên đán, dịp nghỉ hè, nên anh cũng không cần xe đạp lắm. Học ở trọ, nhà bà con chật, sắm xe thêm phiền, mặc dù thời ấy, với đồng lương giáo viên, chỉ có một đứa con trai, thầy giáo Hiền đủ sức sắm xe cho Học... Mấy năm nay, anh cần có xe, vì Học đã nhận công tác của tổ chức. Học về quê thường xuyên, nhưng không chỉ vào ngày thứ bảy, chủ nhật. Có khi, chiều thứ năm, anh vượt khoảng bốn chục cây số để ra nhà, sáng thứ sáu vào, đi học vừa kịp hai tiết học sau của buổi sáng. Hồi đó, học sinh học chạy phòng và có tiết trống trong mỗi buổi.

Sáng nay, Học mới dựng xe vào vách nhà, thấy không yên tâm, lại dắt xe ra, đạp quanh một vòng. Học hơi nghi Nông. Nông bây giờ đã là thầy giáo dạy trường Thánh Tâm của mấy ông cha đạo. Hôm qua Nông có đến tìm Học. Thế

là Nông biết Học đã đi đâu đó suốt đêm. Đang năm đệ nhất, chuẩn bị thi tú tài toàn phần, Học cũng không yêu đương lãng nhãng gì, sao lại đi đêm, và đi xe đạp nữa. Chừng đó cũng đủ để Nông ngờ chẳng? Nông đã thể hiện quan điểm chính trị chống cộng quá rõ, đã vào đảng Quốc dân, đang ráo riết vận động cho Vũ Hồng Khanh (mặc dù Thiên Chúa giáo hết mình ủng hộ ngầm liên danh Thiệu - Kỳ, và Thiệu - Kỳ là hai con bài chủ của Mỹ!). Nông nghi ngờ Học ném truyền đơn vào các sân trường, và Nông theo dõi Học? Học vừa đạp xe vừa hơi ngái ngái. Chính trị, không còn tình nghĩa gì nữa!

Thoáng thấy Nông ngồi ở rạp Đại Chúng, khá gần cổng trường Nguyễn Hoàng, Học vẫn cố gắng bình tĩnh. Bên cạnh Nông có mấy tên mặt vụ mặc thường phục. Học biết là không chạy được nữa rồi.

Tiếng xe gắn máy, Ét-xi-a-ch (Sach) hay Gơ-ben (Gobel) gì đó, nổ giòn sau lưng, Học vẫn đạp xe. Chiếc Gơ-ben chặn ngay trước mặt.

Không phải một chiếc, mà hai chiếc, bốn người, trong đó có Nông. Học thắng xe đạp, đứng lại. Một tên mặt vụ rút súng lục. Không chần chừ được nữa, vì rõ là lộ rồi, Học vác xe ném ngang vào tên cầm súng và bỏ chạy. Do khi ấy phổ lại đông (học trò đang đi về sau hai tiết đầu, đang đến lớp học hai tiết sau), và do bị phản ứng bất ngờ, có một tên mặt vụ chỉ dám bắn chỉ thiên. Nghe đâu, lúc đó, Nông có cầm tay tên mặt vụ đang hậm hực, vì sợ trúng học trò, hay sợ trúng Học, chẳng rõ.

Học chạy vào hẻm, sau đó vào chợ, lên vào cầu tiêu, thay áo quần hóa trang dựn sẵn trong cặp, đốt luôn số truyền đơn còn lại. Một số ít được nhét trong ghi đông và dưới yên xe, anh đoán chắc đã bị phát hiện rồi.

Học đi dọc sông Thạch Hãn, cố ý đánh lạc hướng máy gã “chó săn” (3), về nhà một người bạn ở một làng khá xa thị xã, vốn là cơ sở cách mạng.

Hơn một tháng trời, Học mới về lại quê, bằng cách băng ruộng.

3

Về quê, không cách nào khác, Học thoát li gia đình, tham gia du kích. Lúc ấy là đầu năm một ngàn chín trăm sáu mươi sáu, Học mới đỗ tú tài phần một, mười tám tuổi.

Mười tám tuổi, khi đã có lí tưởng, người ta say mê biết chừng nào. Học cũng vậy. Trước đó hai năm, xong lớp đệ tứ (lớp chín), đỗ trung học đệ nhất cấp, anh về nghỉ hè ở quê, được dự một lớp chính trị, phân biệt ai thù ai bạn, xác định lí tưởng cộng sản, mục tiêu, nhiệm vụ chống Mỹ và tay sai, thống nhất đất nước, xây dựng chủ nghĩa xã hội. Sau đợt ấy Học được kết nạp vào Đoàn, trở thành người thanh niên cộng sản. Nhận công tác hoạt động nội thành, vừa sợ vừa thích, Học cảm thấy thú vị như chơi trò “tim. Trong hoạt động ấy, có gì đó vừa mạo hiểm, phiêu lưu, vừa dũng cảm, mưu trí, đòi hỏi phải bình tĩnh, sáng suốt, biết nhạy bén đối phó. Học giỏi, chăm chỉ, chịu khó, nhưng công tác này chi phối tâm trí anh nhiều, nên Học thi tú tài phần một, chỉ đạt hạng thứ. Năm Phật giáo đưa bàn thờ “xuống đường” chống Thiệu - Kỳ, anh là người rải nhiều truyền đơn nhất trong tổ ba người.

Bây giờ, bị Nông chỉ điểm, suýt phải mang cùm, và khi đã bị cùm, chắc chắn còn bị tra tấn, đánh đập, bị đổ nước xà phòng, bị quay điện, không khéo trở thành như ông Hiệu Điền, Học căm Nông lắm.

Về quê, anh tìm cách liên lạc ngay với tổ chức, không dại gì chui đầu về nhà.

Một tuần sau, khi ông Hiền trên đường từ trường làng về nhà, có một đứa học trò lớp nhì đưa cho ông một mảnh

giấy. Qua quăng đường vắng, ông sốt ruột muốn xem, nhưng nhìn quanh, thấy bụi tre, gốc chuối, ông lại thôi. Ông bị xếp vào loại li khai Việt Minh, nhưng đó là trên hồ sơ của mật vụ, phòng nhì. Thực ra, ông vẫn còn hoạt động, theo yêu cầu của tổ chức, trong vỏ bọc giáo viên. Ông luôn luôn cảnh giác.

Tới nhà, giáo Hiền ra vườn sau, vò giấy đi vệ sinh. Ông đọc thấy nét chữ của Học:

“Thưa ông giáo Hiền,

Thằng Nông, học trò cũ của ông, là thằng tay sai bán nước đốn mạt, không tình không nghĩa. Hắn đã vu khống và chỉ điểm bậy bạ, nên cảnh sát chìm suýt bắt oan thằng Học, con trai của ông. Do đó, thằng Học đã thoát li, vì sợ liên lụy đến ông. Kính ông rõ.

B.”

Ông giáo Hiền rụng rời. Cổ thanh thần bước vào nhà, ông lên giường nằm. Ông biết ngay, B. là Bùi, Bùi Học. Thế là Học đã bị lộ, may mắn còn thoát li được. Ông đoán chắc nó lên rú, lên rừng hay đã xuống hầm rồi, hay biết đâu tổ chức đã đưa nó vào Nam? Ông buồn quá. Ông chỉ có một đứa con duy nhất. Ông giáo lại tự an ủi, may nó giác ngộ cách mạng, chứ nó theo Mỹ ngụy như thằng Nông thì sao! “Cha mẹ sinh con, trời sinh tính”, không lường được. Ông nhủ thầm, mình không đến nỗi vô phúc.

Bỗng dưng, ông giáo Hiền ứa nước mắt. Ông bỏ luôn cả bữa cơm tối.

Mặc dù đã ước đoán, định liệu tình huống và khả năng này, Học vẫn cảm thấy trong tâm hồn mình có một chấn động lớn. Đôi khi, trong hầm tối, dưới gốc cửa khóm tre, hoặc vào những khuya ngồi canh cho đội dân quân vận

chuyển hàng tiếp tế, Học bổng luyện tiếc biết bao những tháng năm cấp sách đến trường. Thị xã Quảng Trị với hàng phương vĩ đồ rực rỡ và rắc hoa xuống các quán nước ven sông Thạch Hãn, biết mấy thương nhớ, ngậm ngùi trong trí tưởng. Thị xã Quảng Trị với nhà sách Tao Đàn, có bao giờ trống tìm đến lật giở, mân mê những cuốn sách thơm mùi giấy mới. Và những chiều xem phim với bạn bè, hay chỉ một mình, ở rạp Đại Chúng! Thời học sinh quần xanh áo trắng thật đã hết rồi! Có lẽ, những lúc luyện tiếc, ngậm ngùi ấy, anh đang dao động. Dẫu sao, anh cũng chỉ là con người với trái tim mềm ấm bình thường. Làm cách mạng, ấy là trách nhiệm, là bổn phận, Học hiểu vậy, nên anh chẳng nề hà cam go, thử thách. Hoạt động nội thành, Học chấp nhận đương đầu với cái chết rình rập bốn bề, ngày đêm. Tù đày, tra tấn nữa, có thể bất kì lúc nào cũng sẽ xảy ra cho Học. Học đủ nghị lực, thừa can đảm. Nhưng, trong hầm tối, trong khuya khoắt, anh không thể cầm lòng mình ngậm ngùi thương nhớ kỉ niệm học trò. Những mái tóc dài, nón lá, áo trắng, guốc mộc, đã bao lần khiến Học xao xuyến. Bây giờ Học mới thấy nữ sinh Nguyễn Hoàng, Bồ Đề, Thánh Tâm của Quảng Trị đẹp đến lạ lùng. Bao cô gái áo trắng ấy bỗng hóa những nàng tiên xa vời trong giấc mơ của anh du kích tên Học.

Cũng trong giấc mơ anh, hình ảnh cô bé học cùng anh ở trường tiểu học, bỗng theo tháng năm, lớn lên, dậy thì, trắng mịn, thon tròn trong chiếc quần đen Mỹ Á, áo cộc chít eo màu nâu non, với đôi mắt lá rằm lúng liếng, không ngớt ám ảnh Học. Học chẳng hiểu vì sao như vậy.

Có thể trong những đêm đi giao liên, lần bước, căng mắt trong bóng tối, anh và Ngoan đã có lần chạm tay vào người nhau. Có thể đến những ngày tháng này, Học mới cảm nhận, thấu hiểu hết người bạn gái tuổi nhỏ. Một tổ nữ, năm người, hầu hết hoạt động nửa công khai nửa bí mật. Các cô ban đêm là du kích, giao liên, ban ngày vẫn cấy lúa,

nhỏ cổ, xay giã nghiền sàng như các người con, người em trong những gia đình nông thôn. Ngoan là một trong năm o du kích ấy, lại hiền hòa, xinh đẹp nhất.

Học nghĩ, con người kì lạ thật. Đã có biết mấy lần Học đã thấy con gái, đàn bà đêm trắng tắm sông, tắm giếng, da thịt khỏa thân trắng ngần, nhưng cảm giác xác thịt không phải bao giờ cũng như nhau. Với ai đó, Học bất giác quay mặt đi, như một phản ứng vô thức, thậm chí nổi giận vì sự hờ hênh lờ lợ vô duyên. Với ai đó, Học nghe bồi hồi nóng rực, cũng một cách như phản xạ. Có lẽ do sự trực nhận ấy là người họ Bùi, thuộc về họ Bùi, hay người đứng khác họ. Cái điều khiển hai loại phản xạ ấy là gì, Học không hiểu.

Có lẽ ấy là nhờ tập quán, phong tục, học vấn, và những gì hun đúc nên cái phần văn hóa - cái siêu ngã - trong vô thức của con người (II.2).

Những đêm cùng với Ngoan ngồi trong bóng đêm, đêm chỉ nhấp nháy sao và sao, gió nồm thoảng nhẹ, chỉ đủ lay khê ngọn tre, Học nghe được mùi da thịt con gái, ngai ngái, nồng nồng. Cái mùi hương thôn nữ, thoảng chút mồ hôi, không lẫn vào chút nào son phấn thành thị! Cái mùi hương rất thật của thân xác, xa xăm, phảng phất mơ hồ! Lại gần kề, như thể chạm vào làn da của Học, cái mùi hương ấy! Học tìm lại chính cảm xúc của anh, nhưng không thể không bàng hoàng, nóng rực, ran cả đầu. Học ngồi sửng.

Nhiều đêm, trong trạng thái ấy, bỗng nghe tiếng rơi của cành khô, hoặc tiếng chó sủa, tiếng chuột chạy, lập tức, thần kinh và đôi mắt Học, cả Ngoan nữa, căng ra trong bóng tối, tay nắm chặt súng tiểu liên, rồi lại rơi cảm giác bàng hoàng, nóng rực, ran ran đỉnh đầu ấy. Và bóng tối có vai trò của nó!

Tình yêu của Học và Ngoan đã đến như vậy đấy. Có thể cảm giác xác thịt đã đánh thức tình yêu, biến chuyển từ tình bạn, tình người cùng làng thành tình yêu, hay một cung bậc tình cảm mà hình như một nửa là tình yêu nồng mặn,

một nửa là tình nghĩa của trách nhiệm. Đó chưa hẳn là tình yêu, hay chỉ là tình yêu của làm lẽ.

Bây giờ, trong giấc mơ Học, hình ảnh những nàng tiên nữ sinh áo trắng dáng dung không định hình rõ nét, với nhiều gương mặt khác nhau vẫn trở về, nhưng nồng cháy đam mê vẫn là Ngoan, cô thôn nữ trinh trắng có đôi mắt lá râm lúng liếng. Ngoan, nổi cháy bỏng giấc ngủ ngày trong hầm đất ẩm, dưới khóm tre hoang, nhất là những ngày, những tuần bất tin nhau, vì công tác.

5

Mùa đông năm ấy, một ngàn chín trăm sáu mươi sáu, không thể giấu được nữa, Ngoan đã có thai. Cô không thể mặc chiếc áo nâu non chít eo thon thả, nhưng cũng may, đã có áo ấm. Và bên ngoài áo ấm, có áo vải nhựa hoặc áo tơi chằm lá, nếu Ngoan ra đường. Chiếc khăn voan cũng giúp cô che những đường gân nẩy bật trên chiếc cổ ba ngón trắng ngần. Ngoan tủi thẹn lắm nhưng cơ sự đã rồi. Biết thế nào hơn là sẽ phải cắn răng chịu đựng những tai tiếng và chắc chắn cả những la rầy của cha, nước mắt của mẹ. Còn chị em trong tổ du kích nữa, họ sẽ dè bĩu, mỉa mai. Rồi chi bộ Đảng, các cô chú ấy sẽ có biện pháp kỉ luật! Đêm đêm, cô vẫn đi công tác. Trời mưa, mưa và rét. Đường làng bùn đất trơn trượt. Du kích thoát li hẳn gia đình không thể nằm hầm dưới làng được nữa, hầm đã ngập nước, phải dời lên rú, lên những ngọn đồi xa. Ngoan cũng chìm ngập trong âu lo.

Lúc chính quyền ngụy ra thông báo dời làng để Mỹ lập vành đai trắng, hàng rào điện tử, cũng là lúc tổ chức biết ra sự thể. Bản phân tích của chị tổ trưởng, trong buổi họp có sự tham dự của đại diện chi ủy, làm Ngoan sửng đĩnh,

ngồi im. Ngoài trời, mưa dầm lạnh cóng, và gió rét vun vút thổi. Sau đó, trước ánh đèn, Ngoan ngồi viết kiểm điểm. Ngoan đã gây tai tiếng cho tổ chức, có thể làm hạn chế phong trào dân quân phụ nữ. Đi dân quân, có bầu, ai còn dám đi!

Và Học cũng bị khiển trách, phê bình như vậy. Anh ôm đầu ngồi trong hầm ẩm ướt chịu trận.

Sự thể là Học và Ngoan đã bàn với nhau, xin đăng kí kết hôn trước tổ chức bằng tờ giấy viết tay có hai chữ kí. Điều đó thì dễ. Vấn đề còn lại là chuyện sinh nở trong lúc chuẩn bị dời làng này. Nếu đành phải sinh trong hầm, thì nguy cơ quá lớn. Hoặc sinh nở công khai, vì Ngoan chỉ công tác ban đêm, ban ngày vẫn gieo cấy bình thường? Nhưng sinh nở công khai, phải chịu tiếng chữa hoang. Cái nhục này lớn quá! Cha Ngoan gằm thét, mẹ Ngoan khóc ròng khóc rã, cộng thêm sự rối bời phải bỏ làng, bỏ mồ mả, ruộng đồng mà đi!

Nhờ việc dời làng quá lớn nên vụ chữa hoang nhỏ đi.

Thế rồi, chuyện chẳngặng đặng dừng, Ngoan đành xin phép tổ chức được sinh nở công khai như một người dân bình thường, trong một trạm xá y tế của khu dồn dân, phía sau hàng rào điện tử Mác Na-ma-ra vào đầu năm sáu mươi bảy.

6

Ông giáo Hiền sáng nay, tập thể dục xong, uống hết bình trà mạn - món trà chú Nông biếu sau bao nhiêu năm xa quê. Ông lại thù người trong hội tưởng. Chú Nông và Hiền Lương về, ông Hiền không thể không nhớ lại những năm tháng ấy. Đã đành từ rất lâu rồi, ông tự nhủ phải quên đi. Hơn nữa, đã hai mươi hai năm hòa bình, thống nhất, không

phải nời da xáo thịt nữa, oán thù để trong lòng làm chi. Chú Nông cũng đã chịu mấy năm tù tàn binh. Nghe đâu, chú ấy cũng từ chối đi định cư ở Mỹ theo diện HO. Và thật ra, ông chỉ buồn, chỉ đau. Thù oán, ông đã có trong tâm bao giờ đâu! Chiến tranh mà! Chiến tranh, có những mối thù kinh rợn hơn nhiều, tàn khốc và vô luân bại lí gấp ngàn lần giữa những người cùng làng, cùng mồ mả tổ tiên: Chôn sống, chặt đầu bêu chợ, phơi thầy ngay cả ở cổng chùa, sân trường người trong gia đình, huyết tộc! Đây là chuyện người Việt với nhau, chưa kể tội ác của Pháp, Nhật, Mỹ, rồi thêm cả Tàu, Khơ-me Đỏ! Chuyện qua rồi, nhớ làm chi. Và thật ra, đâu phải mọi chuyện về chú Nông, chú Học, về chú Học với o Ngoan, ông giáo Hiền đều tường tận. Ông chỉ biết đại khái. Ngay những ngày Học chạy thoát, về tham gia du kích làng, mãi mấy tháng sau ông mới biết. Phương châm thời chiến, việc ai nấy biết, ngay cả trong nội bộ, để giữ bí mật tuyệt đối cho tổ chức... Ôi, Nông, Nông, thằng học trò bất nghĩa của ông!...

Ông giáo Hiền cầm kéo ra sân. Nắng đã lên, nhưng gió nam nóng chưa thổi. Ông ngắm nghía mấy cây chè tàu, còn gọi là chè kiểng, mà ông đã dày công uốn tỉa, tạo hình.

Ông mỉm cười, ngắm nghía, tỉa tót, buộc, mở những cành, những lá. Cụm hình tượng ông tâm đắc nhất không phải là hòn non bộ, cây mai. Ông trút hết tâm sức vào hình tượng: quả cầu tròn trên cuốn sách để mở, và, hình chữ S Tổ quốc, Thánh Gióng với cuốn sách để mở thứ hai. Ông phối trí, cụm thứ nhất, để sau bình phong cũng bằng chè kiểng, trước cụm này đặt hòn non bộ, còn cụm thứ hai, đặt gần hiên nhà.

Đây là hai cuốn sách Vô ngôn Vô tự. Ông tin rằng không có gì trên đời này, từ khai thiên lập địa, từ thuở có Thần Trụ Trời trong huyền thoại Việt Nam đến nay, mà không được ghi trong hai cuốn sách ấy. Vâng, ông tin không có gì đã có mà mất đi, dù được ghi lại trong sách sử hay

không. Sư Tâm Tụ, ông Nộp đến nhà chơi, và bao nhiêu bạn bè ông, đều hỏi ý nghĩa của hai cụm hình tượng. Ông mỉm cười bí mật. Chỉ có Hành là hiểu ông. Hành cũng thú vị và tâm đắc với ông nội của mình lắm. Không phải hai ông cháu làm ra vẻ bí truyền, có điều chưa đến lúc nói!

Sáu giờ ba mươi rồi. Hành đã thức dậy, đang huỳnh huych tập thể dục.

Ông mỉm cười, lặng lẽ lúi húi tỉa tót, rồi lùi xa, đứng ngắm. Ông xem nghệ thuật tạo hình cây kiểng, mặc dù cây kiểng của ông còn là thứ cây dân dã ở đâu cũng có và rất dễ trồng, là một cách di dưỡng tâm linh, bởi ông tạo cho chúng những ý nghĩa để trở thành những tác phẩm hướng đến chân thiện mỹ.

Lát sau, ông giáo Hiền quay vào nhà, cất kéo, lại bước ra. Hành đã xách bình tưới đến. Hai ông cháu thông thả tưới cây như mọi sáng sớm. Nhưng sớm nay, trông Hành có vẻ hơi bồn chồn như có hẹn.

Khi ngồi vào bàn nước, Hành đã ăn mặc tươm tất như sắp đi dạy. Nhưng nghỉ hè rồi mà. - Ông thoáng nghĩ.

- Sáng nay đi họp à?

- Dạ không. - Hành cười -. Hiền Lương, con chú Nông, còn ở lại đây lâu, sẽ sang chơi, thăm ông.

Ông đang rót nước ra chén, dừng tay, rồi lại rót tiếp.

- Aă, ra rửa (vậy)!

Ông giáo Hiền mỉm cười, nhìn xa xăm.

Thầy giáo Hiền phải cùng dân làng gồng gánh, lên xe GMC. ra đi, để đến những khu dồn dân với mái tôn rào kẽm như áp chiến lược thời Ngô Đình Diệm! Cả một dải đất bờ nam sông Bến Hải, làng xóm sầm uất, xanh tươi là thế,

bồng phải bỏ hoang, thành vành đai trắng. Hàng rào điện tử chạy dài từ biên giới Việt - Lào đến Gio Hải, xã cửa biển. Đứng trên Đốc Miếu, nhìn xuống, thấy không bóng nhà, bóng người, vì bom rải thảm đã hủy hết những gì còn lại, nhất là những đình chùa miếu vũ không thể mang đi, những mồ mả tổ tiên bao đời không thể mang đi, thầy nghe đau đứt ruột. Rồi từng ngày, từng ngày, bom pháo trút xuống, đào khoét hố bom, hố pháo dày đặc, rồi cỏ tranh, cỏ lau thi nhau mọc, bời bời, ngút ngàn. Rồi máy bay phản lực ném bom xăng, rồi trực thăng thả xăng đặc, rồi L.19 phun thuốc khai hoang vàng cả chân trời, vàng cả một dải bờ sông. Cây cháy rụi, cỏ cháy rụi, không cháy cũng chết khô, chết héo vì hóa chất. Mùa mưa, lau và tranh lại mọc, bời bời, ngút ngàn. Gió thổi thành sóng như sóng biển. Từng ngày, nỗi đau chất chứa.

Thầy giáo Hiền buồn lo đến gầy rộc người đi, vì chẳng biết chi bộ, anh em du kích ra sao, và Học, đứa con trai duy nhất, chẳng biết có sống nổi mà chiến đấu không.

Thầy giáo Hiền vẫn đi dạy trong một mái trường tạm bợ ở khu đồn dân. Ở đấy, dân cũng bỏ đi tứ tán vì sợ chất độc và súng đạn.

Nghe đâu o Ngoan mới sinh nở được hơn một năm, đã gọi con cho người chị ruột đã có chồng có con, lại thoát li biên biệt. Vì sau khi Mỹ lập hàng rào điện tử, công tác giao liên do địa phương đảm nhiệm rất quan trọng, nên o Ngoan cần rằng hy sinh tình mẹ con mới hơn đầy năm để phụ trách công tác.

Thầy giáo Hiền biết mình đã có cháu nội, lúc cháu đã vượt tuổi thơ nôi, đúng năm thầy tròn bốn mươi tuổi. Thầy mừng lắm. Cháu lại là con trai nữa chứ. Cha nó là Học thì nó là Hành. Chính thầy viết thư cho chị của Ngoan, dặn đặt tên ấy, và thỉnh thoảng mỗi tuần, hoặc năm ngày một, lại gọi sửa, gọi bột cho cháu, dù nhà chị của Ngoan ở cùng

khu đồn dân với thầy. Công tác bí mật phải bí mật tuyệt đối, thầy phải đành nén lại nỗi nóng ruột được trông mặt cháu.

Có lẽ để cách li thầy giáo Hiền, cán bộ Việt Minh cũ, mặc dù thầy sống độc thân, nên ít lâu sau, Ti Tiểu học ra quyết định chuyển thầy vào Đông Hà - một thị trấn.

Thầy dạy học ngay thị trấn giới tuyến này - tuy cách Bến Hải khá xa nhưng Đông Hà vẫn được gọi thế. Trước khi vào Đông Hà, thầy đã báo với gia đình bà ngoại, dì của cu Hành, và bàn chuyện.

Chiều trước ngày rời khu đồn dân, sau khi chia tay với vài đồng nghiệp trẻ, với học trò, thầy giáo Hiền ra đứng trên Dốc Miếu, nhìn xuống làng quê, mồ mả, ruộng vườn. Lau và tranh, cùng các loại cỏ khác, mọc bời bời, ngút ngàn. Sóng cỏ như đập vào mắt thầy, nhức nhối. Thầy giáo Hiền trao nước mắt ràn rụa. Máy tên lính Mỹ và ngụy nhìn thầy, vừa cảnh giác vừa thông cảm. Thầy nhớ Học, đứa con trai của thầy, và đứa cháu nội còn bé dại. Thầy rút khăn, bặm môi, cắn vào môi, lau nước mắt.

8

Thế là thầy giáo Hiền phải vào Đông Hà dạy học. Nhà cửa đã thành số không rồi, đã tan nát, cháy rụi trong vành đai trắng. Những gì mang theo được, cái giường, cái bàn, bộ ghế, dùng trong thời gian ở khu đồn dân, thầy tặng lại cho dì của cu Hành, dưới dạng bán lại. Thầy xách va li vào thị trấn, trong đó, chỉ vồn vẹn có mũng, mền, áo quần, và ôm theo một hộp giấy đựng lư hương, ngai bài vị mang theo từ làng quê.

Thầy giáo Hiền đã trông thấy cu Hành, cháu nội của thầy. Nó khá bụ bẫm, giống Học quá. Cu Hành đang bú chung bầu sữa với con của dì, mới sinh ra trước hai tháng

rười. Thầy đã bàn chuyện rồi, thầy sẽ nuôi cu Hành như ngày xưa đã nuôi cha nó, cu Học, nhưng phải lớn lớn chút nữa đã.

Ở Đông Hà, thầy giáo Hiền khá lúng túng. Vốn hoạt động mật với công việc kinh tài và tiếp tế thuốc men, lương thực ở nông thôn theo một đường dây có sẵn từ nhiều năm trước, nay đổi địa bàn, thầy cũng khá bỡ ngỡ. Các mối dây cơ sở ở Đông Hà, vốn từ lâu có liên lạc, bắt nổi, chính thầy cũng không rõ địa chỉ.

Đông Hà sau Tết Mậu thân - cái Tết mà thầy suýt bị lộ - đã có quá nhiều lính Mỹ. Sân bay Ái Tử đã được xây dựng. Máy bay các loại cứ phành phạch hoặc xé rẹt vòm trời. Súng ca-nông cứ bắn liên tục ra bốn chung quanh.

Điều nhức nhối nhất là các loại gái từ các nơi, các tỉnh nào đổ về, cả gái địa phương, hoặc bán bia lon ướp lạnh bằng nước đá trong các giỏ xách quanh các căn cứ đóng quân, hay ở các quán dạng như x-nách-ba, hoặc bán thân sặc mùi son phấn cho lính Mỹ, đen và trắng.

Điều đau lòng nhất vẫn là bọn trẻ con. Bọn Mỹ thật khinh người quá thể. Chúng đứng trên xe Díp (Jeep) lột mũ, trên M.113 hoặc xe vận tải lớn như GMC., ném đồ hộp và kẹo ngọt ăn thừa xuống cho lũ trẻ nhỏ bu lại, chộp giựt, xâu xé nhau, để chúng bấm máy ảnh lia lịa, có thằng còn quay phim nữa. Đây là một trò mất dạy, vô văn hóa nhất của bọn Mỹ. Những bức ảnh ấy, những thước phim ấy, chúng gửi về nước làm gì, mục đích gì, thầy giáo Hiền đã biết. Chỉ nội thái độ mất dạy ấy, cùng những tràng cười hô hố ấy, người vô tư, bàng quan với thời cuộc nhất cũng nghiêng răng phần uất. Chưa bao giờ lòng tự trọng dân tộc của người Việt bị xúc phạm thô bạo đến vậy. Vốn là người trầm tĩnh, thầy giáo Hiền cũng muốn gầm lên, xả súng vào bọn Mỹ. Bọn Mỹ với trò vô văn hóa như vậy là rất thường xuyên và hoàn toàn không phải cá biệt. Mà con nít mình, cũng như mọi đứa con nít các nước, nhất là ở các nước

nghèo, đúng là một lũ nhóc bản năng! Để con nít trở thành người, phải giáo dục chúng!

Thầy giáo Hiền, bấy giờ, chỉ biết nghiền răng trong những đêm thao thức, chỉ biết nén lòng trước lũ học sinh trong lớp học với những bài giảng có thêm niềm tự trọng dân tộc.

Ở Đông Hà, thầy giáo Hiền đau đáu nhớ quê, nhớ Học, nhớ Ngoan, nhớ cu Hành, trong không khí máu lửa và tủ nhục ấy của thị trấn địa đầu giới tuyến.

Nếu cuộc chiến tranh này còn kéo dài, máu lửa, tủ nhục còn bao trùm trên quê hương, nửa Đất nước này, những đứa trẻ ấy, và biết đâu, cả cu Hành nữa, sẽ ra sao? Thầy Hiền chua xót nghĩ ngợi.

9

Bom càng thả xuống ruộng đồng, ca-nông càng bắn, nổ tung, chơm xuống vườn tược, lũy tre, pháo sáng càng treo lơ lửng vàng khé trời đêm ở làng thôn xung quanh, dân quê càng dồn về thị trấn hoặc các khu tị nạn, bằng cách tự lo liệu hay được cứu trợ.

Buổi chiều nọ, nắng Đông Hà chói gắt như nung lửa, gió nóng và khô, có một người đàn bà, đội nón cời, nan tre của nón bị gãy, méo mó, tóc trên gương mặt lòa xòa, bơ phờ, hốc hác, mặc hai áo như đi cày, vận quần đen sỏ lông bạc thếch, đi chân đất, bồng một đứa bé trai rôm sảy nổi đỏ trên trán và cổ, ngồi phệt trước cổng trường. Trông thấy nãy giờ nhưng thầy giáo Hiền vẫn giả tảng lơ. Đứa bé khóc thét từng hồi. Sốt ruột, bác cai trường bên thầy giáo Hiền, chạy ra mở cổng.

- Sao không lên phố, hoặc tới trại tị nạn? Ngồi chi đây, tội thẳng cu rứa! - Bác cai nói với giọng thương hại.

- Dạ, khổ quá, đi không nổi. Con tui đông quá, không nuôi ngựa (nổi). Tui lượm được thằng ni trong bụi chuối. Cha mạ hấn cà nông đập chết hết rồi. Mạ hấn ôm con, bỏ ra tới bụi chuối, tắt thở.

Người đàn bà nói nhưng không ngược mặt lên.

Và thế là thầy giáo Hiền xin để làm con nuôi. Cả trường, từ giáo viên đến học trò, vừa mừng vừa ái ngại cho thầy. Bốn mươi tuổi, liệt bẩm sinh tay phải, không vợ con, trợ trợ một mình, thầy lại còn nuôi con nuôi mới hơn hai tuổi nữa. Cơ khổ! - Một hai cô giáo chép miệng thương thầy. Một cô giáo lớn tuổi nhìn thẳng cu, nói với thầy Hiền:

- Răng anh Hiền không lập gia đình lại? Gà trống nuôi con nuôi cực khổ trăm bề.

Không biết nói sao, thầy giáo Hiền “vận dụng” luôn cả tật nguyên của chính mình, chỉ vào cánh tay liệt:

- Có tật, không ai ưng! - Và thầy cười to, vừa giả cười cho mọi người tin vở tuồng đang đóng, vừa cười thật, đau đớn phơi ra mặc cảm tật nguyên của mình, bằng chính câu nói của mình.

Mọi người ái ngại, rồi ai lo việc nấy. Thầy xin phép gởi lớp lại cho một giáo viên giám thị trực, để bồng cu Hành về nhà - căn nhà xây sơ sài, lợp tôn, nóng hực.

Thầy Hiền ôm chặt cháu nội của mình vào lòng, với một cánh tay trái. Lần đầu tiên thầy được ôm cháu, hôn lên má cháu. Cu Hành y hệt thằng Học. Thầy nhớ lại thời nuôi Học, cũng gà trống trợ trợ với gà con mới nở thế này.

Cu Hành mở tròn xoe đôi mắt trong veo. Hình như nó cũng biết thân biết phận, biết thương ông nội, và chắc nó sẽ dễ nuôi vô cùng. Thầy giáo Hiền mừng quá. Ngắm nghĩa cháu, thầy lại nhớ thương Học và Ngoan, chẳng rõ chiến đấu, sống thế nào giữa vành đai trắng ấy.

Đấy là buổi chiều tháng năm, một chín sáu chín. Năm ấy, Quảng Trị đầy Mỹ và Đại Hàn. Bom, pháo ngày đêm ầm ì quanh thị trấn. Đêm các làng thôn nhaoáng nhaoáng chớp

nổ, đồ khé vàng khè dù hỏa châu. Có nhiều ngày, máy bay lên thẳng, phản lực, phản phạch, rú rít tưởng không bao giờ ngớt.

10

Núp sau gốc cây mưng trơ trụi, chết khô trên gò đất giữa đồng - vốn là chỗ nghỉ trưa của người cày cấy -, Học xả một loạt AK. vào đèn pha dưới bụng chiếc trực thăng. Học nói với Ngoan, cố ghìim giọng lại: Chạy phía kia. Ngoan hiểu rồi, phải tách ra để chia hỏa lực của bọn Mỹ đang ngồi trên trực thăng.

Loạt đạn vừa rồi không làm tắt được cái đèn cực sáng. Chúng có hai chiếc, một UTT. và một “cán gáo” - loại có lưới chụp, nghe đâu dùng để chặn bò, bắt những con bò đi lạc, bên Mỹ. Rốc két từ trên bắn xuống, đạn xới rãnh như những đường cày, đất tung lên.

Học và Ngoan không ngờ chúng lại chơi chiến thuật mới. Hai chiếc kèm nhau tắt đèn pha bay trong đêm, ra đến giữa đồng mới bật đèn, quét tìm mục tiêu. Có thể bọn Mỹ có thêm ra đũa. Và có phải vì thế, Học với Ngoan đã bị phát hiện, trong chuyến đi đón quân, hàng hóa vượt tuyến, ngay khi hai người mới rời hầm chìm?

Bắn xong loạt đạn, hai người chạy hai ngã.

Từ đằng xa, chiếc UTT. lại quét đèn pha. Lần này, sau một hồi, Ngoan đã bị quét trúng. Ngoan cũng kịp xả một loạt AK. vào đèn. Đèn vỡ, tắt ngấm. Nhưng tên Mỹ xạ thủ đại liên trên chiếc “cán gáo” đã quạt một loạt đạn. Ngoan ngã sấp xuống, chỉ kêu lên một tiếng. Biết Ngoan trúng đạn, Học như điên lên, bắn liên tiếp một băng vào chiếc “cán gáo”, nhưng lại trật. Học chạy, sợ chúng đã phát hiện chỗ núp, cố nén tiếng gầm trong cổ họng.

Hỏa châu trong lô cốt, và cả hỏa châu từ hai chiếc trực thăng, bắn sáng rực. Bọn Mỹ lại phát hiện được Học. Học bắn ngay. Khi chiếc trực thăng “cán gáo” loạng choạng, rớt xuống, Học bị một loạt rốc két cày ngang chỗ núp. Học ngã vào mép hố bom.

Chiếc “cán gáo” bốc cháy. Học ngược mắt, thấy bùng lên một vạt lửa, lửa lem ra cô tranh, cháy rừng rực. Trong những giây cuối cùng, gương mặt Ngoan hiện ra, mắt lá rằm lúng liếng và chiếc cổ ba ngón trắng ngần, cả thằng bé Hành nữa, đưa con trai Học chưa hề thấy mặt - chỉ thấy qua tấm ảnh Ngoan nhờ chụp cho con hồi ở khu đồn dân, tấm ảnh đang nằm trong túi ngực với hơn mười lớp ni lông gói kĩ -, làm Học trừng trừng mở mắt. Và Học chỉ còn kịp nhớ những chiếc lon bia, cô ca, sữa, Học đã bỏ vào mỗi lon mỗi con cóc đã ngậm cứng tàn thuốc, để đồng đội làm nhiều ra đa của hàng rào điện tử. Tất cả nhòa đi. Học trừng trừng mở mắt dưới ánh đèn dù lừng lờ và tiếng súng nổ giòn. Học há miệng, muốn gọi: Cha ơi!, nhưng không thể được nữa rồi. Tay Học bấu vào đất từ từ duỗi ra.

11

Bên bình trà, ông giáo Hiền ngồi đối diện với Hành. Hành thỉnh thoảng nhìn ra ngõ. Nắng mùa hè rực rỡ. Gió đứng để chuyển từ nồm sang nam, lạnh phắc. Ngoài ngõ, một số người gánh quang gánh đi chợ huyện. Hành đang ngắm Hiền Lương.

Hôm giỗ bên nhà chú Cận, Hành thấy bàng hoàng, xao xuyến trước vẻ đẹp dịu dàng, thon thả của Hiền Lương. Hiền Lương nói năng nhỏ nhẹ, bằng giọng Bình Dương pha Bắc và còn pha lẫn vào âm sắc rần rôi Quảng Trị nữa. Bình Dương quá, nghe nũng nịu, nhõng nhẽo. Hà Nội quá, thì

kiểu cách, đái đura. Quảng Trị quá, lại cứng cỏi, chắc nịch. Hiền Lương để lại trong Hành một ấn tượng, không biết gọi là gì, bởi cô ấy là cô ấy, không giống những cô gái Hành đã quen biết. Mấy hôm nay, Hành cứ bồn chồn, rồi tự cười mình.

Ông giáo Hiền sáng nay, mắt cứ xa xăm, vờn vờn. Chú Nông và Hiền Lương về, gọi trong ông cả một thời quá khứ. Ông thương Học, thương Ngoan quá.

Ông giáo Hiền cứ nhìn vào cuốn sách Vô ngôn Vô tự được làm bằng chè kiếng - cuốn sách bên hình tượng Thánh Gióng và chữ S TỐ QUỐC. Hình như ông đang đọc vào Đất trời.

Hành bỗng đứng dậy, bước ra ngõ. Hiền Lương đã đến rồi. Cô mặc sơ mi màu vàng nhạt, bỏ áo vào quần. Cô bước vào, sóng đôi với Hành. Có lẽ bên ngoài nắng, cô chưa kịp thấy ông giáo Hiền. Hiền Lương cùng Hành đang ngắm những hình tượng của ông giáo.

- Những hình tượng này do anh Hành làm?

- Không. Ông nội uốn tĩa hết đó.

- Hay thật. Đẹp, công phu quá. Nhưng chắc có ý nghĩa gì sâu sắc lắm đây.

Trong khi Hành im lặng mỉm cười, Hiền Lương nói như reo lên về sự phát hiện của mình:

- Bản đồ Việt Nam, hình tượng Đất nước! Và Thánh Gióng, phải chưa anh Hành?

- Đố mà. Cứ tự trả lời. Sao Hiền Lương lại biết là Thánh Gióng?

Biết là Thánh Gióng ngay, nhưng nhờ đặc điểm nào, Hiền Lương chưa quả quyết. Nhìn một lúc, cô lại reo lên:

- Cây tre! Cây tre trong tay Thánh Gióng. Tre đặng ngà! Rõ quá rồi. Hay thật.

Hành lại mỉm cười. Hiền Lương lại hỏi như tự hỏi:

- Hai cuốn sách? Và quả cầu tròn? Là sao nhỉ?

Hành cười thành tiếng:

- Nắng quá, vào nhà đi, vào chào ông nội.

Hiền Lương phác một cử chỉ tỏ vẻ có lỗi, vì quá thích cụm hình tượng cây kiềng, suýt quên mất điều đó. Cô lấy tay che nắng đang chói mắt. Cả hai bước vào nhà.

- Kính chào ông ạ.

- Cháu ngồi uống nước. Sớm mà nắng quá.

Hành kéo ghế cho Hiền Lương. Hiền Lương lí nhí: Xin phép ông.

Rót nước, đẩy tách trà tỏa khói về phía Hiền Lương, ông giáo Hiền cười:

- Xứ mình không uống trà đá như trong Sài Gòn. Cháu chịu khó nghe. Nóng một chút nhưng đậm đà hơn.

- Xin cảm ơn ông. Hiền Lương đưa hai tay ra, kéo tách về phía mình.

Sau lưng ông giáo Hiền là một tủ sách đầy ắp, cỡ vài trăm cuốn. Hiền Lương thấy hầu hết là sách triết học, Đông - Tây, và sách văn học, có một phần ít là sách giáo khoa, ngoại ngữ.

-Ồ thích quá. - Hiền Lương buột miệng.

Trong khi Hiền Lương nhìn ngắm tủ sách, không bìa da nhũ vàng, một tủ sách bằng gỗ đơn sơ, không có kính - một kệ sách, đúng hơn -, ông giáo Hiền mừng thầm là cả Hiền Lương, cả Hành nữa, chẳng ai hay biết gì về chuyện Nông và Học với mật vụ, truyền đơn. Trước Ngày Thống nhất, ông chưa hề nói với Hành, vì Hành bấy giờ còn quá nhỏ, sợ bị lộ. Sau Ngày Giải phóng, Hành có hỏi, rồi những năm Hành đã bản khoản hỏi thật chi tiết về thân thế, về cái chết của hai liệt sĩ vốn là thân sinh của anh, ông cũng không kể lại chuyện chú Nông đã tố cáo chú Học. Ông không muốn người làng với nhau nhớ về thù oán của nhau, vì chú Nông còn sống và chắc chắn còn về làng. Ông biết lòng căm thù làm nên sức mạnh, nhưng, cũng chân lí giản đơn, ấy là không có gì sâu đậm, thấm thía, bền vững bằng sức mạnh cảm hóa của lòng bao dung, của nhân hậu. Ông nhìn nhưng

không đọc, vì đã đọc nhiều lần một câu danh ngôn, chạm nổi quanh chiếc gạt tàn thuốc màu nâu được sản xuất mấy chục năm trước, còn nguyên nhờ vùi đất: “Oán báo oán, oán trập trùng; ân báo oán, oán tiêu tan”. Thật ra, ông chẳng cần ai báo ân để chuộc oán, vì không còn giữ oán trong lòng, là mình đã làm ơn cho mình rồi: Mâm ân đã nở hoa trong tâm. Ông vẫn luôn tự nhủ về nghĩa trọn vẹn của câu ấy.

Hiền Lương vẫn hồn nhiên:

- Thưa ông, cuốn sách, quả cầu là chi ạ? Và còn cuốn sách bên hình tượng Tổ quốc, Thánh Gióng nữa, là chi ạ?

Ông giáo Hiền cười:

- Là hai cuốn sách! Và... bí mật.

Hiền Lương chẳng biết nói sao, cũng cười xòa.

Ông giáo Hiền cười lớn:

- “Tận tín thư bất như vô thư”. Người xưa đã minh triết đến rứa đó. Quá tin sách, chẳng bằng không có sách. Ông giáo tra (già) lão già nua ni không sùng bái sách mô! Quý sách, mê say đọc sách nhưng không hề mê tín, sùng bái sách - không tin sách đến mê muội, không thờ lạy sách (II.3).

Ông lại cười lớn. Hiền Lương và Hành cười theo. Ông nói tiếp:

- Đó là hai cuốn sách không có chữ nhưng dày đặc chữ!

Thế là thế nào nhỉ, Hiền Lương cười nhưng bần khoản. Cô cảm thấy cách nói của ông giáo gần với cách lập ngôn của Phương Đông, gần với Thiền, nhưng chẳng thấy tượng hoặc ảnh Phật nào trong nhà cả. Ảnh tượng Khổng, Mạnh và bất kì bậc thánh nào, cô cũng không thấy treo hoặc đặt dưới mái ngói đơn sơ này.

Ông giáo Hiền rút nước mời Hiền Lương, rồi bước tới với tay lấy chiếc mũ cối bằng nhựa trắng cũ kĩ. Ông nói

Hiền Lương và Hành cứ đàm đạo với nhau, ông phải đi có việc trong xóm.

Ông đi rồi, Hiền Lương ngẩn ngơ. Không phải cô thiếu tự nhiên như các cô thôn nữ đầy cảnh giác với dư luận và ngại tai tiếng. Không phải cô không sợ tai tiếng. Tai tiếng, ở đâu chẳng sợ. Nhưng ở thành phố lớn, người ta ít để ý đến nhau, do đó ít thị phi, và cũng do đó nhiều khả năng này nọ hơn. Không, cô không bận một chút lo âu nào về dư luận đến tối, khi ở đây. Hiền Lương ngẩn ngơ vì cô thấy ông giáo Hiền sẽ là một hình tượng sâu thẳm, quý báu nhất mà cô muốn thể hiện vào tranh, nhưng biết mình chưa thể vẽ ngay được.

Ngập ngừng một lúc, Hành hỏi chuyện trong Nam. Câu chuyện tự dẫn dắt theo mạch chuyện. Bây giờ, Hành mới rõ hơn: tại thành phố Hồ Chí Minh, chú Nông có một căn nhà ọp ẹp trong hẻm nhỏ, lâu rồi vẫn để vậy, Hiền Lương học những năm đại học vẫn ở đây, và Bình Dương, nơi hiện là chỗ ở, cũng là quê hương thứ hai của gia đình chú...

Qua cuộc chuyện trò, Hiền Lương hiểu thêm quê nội của mình. Đôi khi, cô run lên vì chạnh nhớ món nợ của ba.

2. CƯỚI CHÚ chương II:

(3) Cảnh sát chìm của ngục. Sở dĩ người ta gọi thế, là bởi tính chất phi nghĩa, tay sai của chế độ Diệm - Thiệu.

CHƯƠNG III

1

Thấy bóng Hành ngoài ngõ, Hiền Lương vớ lấy túi xách bước ra ngay. Cô đã xin phép chú thím Cận rồi. Thím Cận vin cửa đứng ngó ra, mỉm cười khi thấy cô và Hành sánh vai bước bên nhau.

Tháng sáu, nắng vàng giòn tan. Những quãng đường có tre hóp rộp bóng, thật râm mát, nắng lọt qua một vài chỗ, lại ngỡ như đọng vũng, sóng sánh, chao đưa. Những quãng men bờ ruộng, nắng tràn rục rỡ. Hành dừng lại, vờ nhìn nắng, khi cảm thấy đã thoát khỏi tầm mắt của thím Cận.

- Mình lên thăm chùa nghe Hiền Lương?

- Thì như đã định hôm qua.

- Nắng quá. Sợ Hiền Lương ngại nắng.

- Hiền Lương chịu khó lắm.- Cô cười sau câu nói -. Về thăm quê mà ở trong nhà trốn nắng, em đã vào một lần với ba rồi.

- Rứa phải có nhiều bức tranh đẹp mới bỏ công. Anh tin làng quê hấp hút này không chỉ được biết đến như xưa nay người ta đã biết: Súng, đạn, máu, lửa, và dòng sông như một vết thương của Tổ quốc. Không biết có phóng đại tô màu không, có người còn ví như một vết thương của thế giới, ranh giới của một thế giới bị hay được cắt làm đôi.

- Chẳng ai nói “được” như thế. Được? Được một vết thương! Nghe khiếp quá.

- Anh bệnh hoạn thật. - Hành cười -. Nhưng theo anh biết, tư tưởng phân liệt, chia cắt Tổ quốc đã có một thời một số người nồng nhiệt hưởng ứng. - Hành cố ý tạo vẻ trung tính trong quan điểm để tự phê phán.

- Em tên Hiền Lương. Em sợ bị cắt, bị chém làm hai khúc lằm. - Hiền Lương lại cười, đẩy ý tưởng mình theo mạch chuyện -. Hiền Lương chỉ là chiếc cầu hầm hút!

- Nhưng, như vậy từ nay Hiền Lương phải mặc áo quần một màu nhé. Cầu Hiền Lương ngày xưa hai phía sơn hai màu đó.

Hiền Lương hơi sượng lại, sực nhìn xuống mình. Hành vờ ném tầm mắt ra xa. Hôm nay cô mặc nguyên bộ màu xanh, kiểu áo quần công nhân đã cách điệu, vừa bay bướm vừa chắc gọn, lại mang giày thể thao cũng xanh nữa chứ! Cô cũng láu lỉnh không kém:

- Mình bị biểu tượng và ngôn từ lôi đi rồi! Đề nghị anh đừng cái mạch này lại, nhưng chân cứ bước. Anh em mình sáng nay sẽ lên chùa.

Cả hai cười thật giòn. Nhiều người đang cấy giặm dưới ruộng ngẩng nón nhìn lên. Có lẽ họ tưởng thầy giáo Hành đang đi với một cô giáo nào đó, vì nom Hiền Lương không có vẻ gì lạ lẫm cả. Nhưng thật ra, sáng nay Hiền Lương đẹp lắm, một cái đẹp khỏe mạnh, cân đối, thon tròn và không thể khiến ai ngợp mắt, lạ mắt - một cái đẹp tươi trẻ, bình dị, gần gũi.

- Hiền Lương thích vẽ. Anh bảo cứ một màu, làm sao nên tranh.

- Thế giới của hội họa là thế giới màu sắc, chưa nói về đường nét và hình khối. Vấn đề là hòa hợp, hài hòa. Chính tính chất hòa hợp, hài hòa, không chối, tạo thành “gam”, “âm giai”, “hòa điệu” màu sắc, làm nên tính thống nhất. Anh dốt về hội họa, đừng đẩy anh xuống vực dốt. Nhưng nói vậy có phải không? - Hành nói tiếp -. Đây là đùa. Mình lại bị ngôn từ lôi đi. Trong văn, mỗi từ có ngữ cảnh của nó, văn cảnh của nó. Trong hội họa, chắc có họa cảnh?

Hiền Lương tỏ ý muốn Hành nói tiếp.

- Tính thống nhất của một chỉnh thể hội họa, nhiều màu sắc tạo thành. Vấn đề là ở đó. Anh chỉ nhấn mạnh về màu sắc.

- Em sợ bị từ ngữ đánh lừa. Nhưng đã là Hiền Lương thì số phận buộc phải thích thống nhất rồi. Em muốn sống.

- Ô, vấn đề có vẻ nghiêm trọng. Em kí tên vào tranh là gì? Vẫn Hiền Lương chứ?

- Em chưa thành danh, chưa nổi tiếng. Nhưng, trở lại ý tưởng ban đầu. Anh Hành sợ chạm tay vào vết thương cũ à? Em muốn vẽ về vết thương và cả sự lạnh lặn, cả hạnh phúc của sự hồi sinh.

- Sợ. Đôi khi vẫn sợ đụng vào vết thương, dù vết thương đã vĩnh viễn lành hẳn rồi, hay cứ ảo tưởng đã lành. Nói theo ngôn ngữ ma-phi-a, xoa ma túy vào vết thương, và chỉ thế, điều đó có nên không? Nhưng, hồi nãy, ý anh muốn nói là, xin làng quê này, những làng quê ven sông Bến Hải này nổi tiếng bằng khoa học, nghệ thuật, bởi khoa học, nghệ thuật hướng thượng, dù nghiên cứu vết thương, sáng tác về vết thương, cũng vì sự thật, vì sự lành, sự sống, và vì niềm hạnh phúc. Nói như rứa, cũ rích cũ rang. Khát vọng Cái Đẹp ở nghĩa bao quát nhất, với mục đích chân, thiện chứa đựng trong Cái Đẹp, khát vọng đó chả phải là mới. Điều đó quá cũ, rất cũ, nhưng bao giờ cũng mới, khi mô cũng mới.

- Có phải anh Hành nói không? Hay sông Bến Hải nói đấy?

Cả hai người cùng cười, tiếng cười tự dưng nghẹn lại, như còn bần khoản với ý tưởng vừa rồi. Và họ đã đi ngang qua một ngôi nhà có kiến trúc của một nhà thờ tộc. Hai người dừng lại. Hành mỉm cười một mình, tự nghĩ đã để câu chuyện miên man trên đường nhiều khi nặng nề quá. Hiền Lương đang nhìn với cái nhìn quan sát cảnh quan ngôi nhà tộc bé nhỏ, mới xây. Anh lặng lẽ hướng mắt vào cô. Hành chợt nghe trong tim mình hình như còn âm hưởng của

những nhói thắt hồi nãy. Không biết có phải là tình cờ, ngẫu nhiên chẳng, sao có nhiều câu nói của Hiền Lương ngỡ vui miệng mà đau đớn đến thế. Nếu quả thật, một niềm đau đớn đến bi thảm đã trở nên hồn nhiên, bông đùa như thế, thì hoặc niềm đau ấy đã quá sâu thẳm, quá thường trực trong tâm hồn Hiền Lương, hoặc Hiền Lương thường xuyên sống trong khí hậu ấy, như cây thông xanh non, xanh tươi trong giá rét quanh năm. Bên ngoài hay bên trong Hiền Lương, niềm bi thiết ấy?

- Đây là nhà thờ tộc họ Bùi? - Hiền Lương khẽ hỏi.

- Đúng rồi. Họ của anh đấy. - Và một liên tưởng kéo ý nghĩ của Hành từ chỗ u ám, buồn nặng sang nơi tươi tắn, buồn cười, nhẹ nhõm -. Bùi, rất thuần nôm, thuần Việt (4). Bùi Ngọt, bút hiệu của anh đấy.

Hiền Lương bật cười. Cái tên! Cái tên! Vặn vào người không? - Cô nghĩ.

- Chẳng có gì cổ kính cả. Nơi đây, tất cả đều mới xây dựng lại theo túi tiền của bà con xa gần, trong và ngoài nước. Chỉ may là đã giữ gìn được, phục hồi được cái tinh thần ngày xưa. - Hành nói -. Hiền Lương có thích vào trong không? Cũng chẳng khác gì với nhà thờ tộc Hoàng của Hiền Lương đâu. Chưa có gì đặc sắc. Lẽ ra phải có những đặc sắc riêng trong truyền thống chung.

- Tại sao là họ Bùi? - Hiền Lương nhắc lại với một khóe mắt tinh nghịch.

- Trong trăm trứng nở ra trăm con trai của mẹ Âu Cơ, có một cậu con trai, như chín mươi chín anh em trai khác, đi tạo nghiệp và chan hòa với các bộ lạc khác, để gầy dựng nên trăm họ đồng bào, thích ăn chất béo béo, như đậu phộng, như nhân trái bòng chẵn hạt, hoặc như sắn nướng, cũng bùi bùi, nên trở thành tổ của họ Bùi.

- Hay là cái tim bắt lửa?

- Bùi nhùi? Có thể như rứa thiệt. Bùi Văn Nhùi!

- Thật nghiêm trọng và căng thẳng giữa mùa nắng lửa thế này!

Đến lúc không thể nín cười được nữa rồi, cả hai cười ngặt nghẽo, đến chảy nước mắt.

2

Cũng như đình làng, chùa làng được xây dựng trên nền chùa cổ đã bị bom đạn san bằng. Đó là hai cuộc đất cao ráo nhất. Ở Quảng Trị, thường hay lụt lội. Theo lịch mặt trăng, “tháng bảy nước nhảy lên bờ”. Việc chọn đất, cũng vì lụt, và hơn nữa, vì người xưa rất quan tâm đến mức mê tín quan niệm phong thủy: Một làng có thể phát hoặc tàn là do chỗ dựng đình chùa có đắc địa hay không. Thật ra, những quan niệm thần bí có thể làm xấu đi hoặc đẹp hơn cảnh quan, lại cũng tùy vào ông thầy địa. May là đình lẫn chùa của làng nội Hiền Lương ở hai vị trí rất đẹp. Và tan tác cũ, chỉ vì chiến tranh!

Khi bước trên những bậc cấp bằng đá xếp lại, có viên đá bị miếng bom pháo làm sứt vỡ, phải trám bằng xi măng, Hiền Lương mới cảm nhận hết sự tàn phá của chiến tranh. Nơi đây, hầu như tất cả đã bị giết chóc, không chỉ cây cỏ mà cả đất đai, gạch đá cũng bị giết. Vành đai trắng - vùng đất chết -, thật kinh sợ.

Ngôi chùa cũng mới được xây dựng bằng xi măng và gạch cách đây mấy năm - vẫn xây trên nền cũ khá rộng, nhưng còn quá thô sơ, dờ dạc. Có lẽ nhà chùa vẫn theo câu nói cửa miệng - một tục ngữ khá quen thuộc của Quảng Trị: ăn lần, mần dọi (dỏi = theo). Các thanh tiếng Việt, nơi đây, trĩu xuống, nhọc nhằn. Và âm thì tắc, cụt, nghẹn, nặng, chắc. Câu tục ngữ ấy đả chất Quảng Trị cả về ý nghĩa lẫn những gì chuyên chở ý nghĩa ấy. Nhà chùa cũng như nhà

dân, nghèo, không đủ tiền để làm một lúc. Mỗi mùa lúa gặt vào, làm thêm một chút. Lần hồi, mùa này sang vụ khác, cũng xong. Quảng Trị và nói chung cả Khu Bốn cũ (5), là nơi bảo tồn, gìn giữ, sử dụng nhiều từ cổ trong ngôn ngữ Việt (6), nhưng ven đây, nhất là làng này, chẳng còn viên gạch cổ nào nguyên vẹn! Nếu hình tượng Tổ quốc là gánh lúa vàng, chiếc đòn xóc để gánh ấy đã gãy, nơi đây, suốt gần hai thập niên. Chín rạn và bầm huyết, nơi này, chỗ đòn gánh kê vai!

Khi Hiền Lương đứng lặng trước cổng chùa, Hành thấu hiểu niềm huyệt hẫng của cô. Không ngạc nhiên, nhưng sao vẫn huyệt hẫng. Nói đến chùa, người ta nghĩ đến những gì cổ kính, thăm thẳm nghìn xưa. Và chùa, dấu rất hiện đại, vẫn lưu giữ trong kiến trúc nét cổ kính ấy, như những chùa ở Sài Gòn mà cô có đến viếng.

Hành chợt nói thật khẽ:

- Quê hương mình rứa đó. Từ tay trắng, đất chết, xây dựng lại cả.

Nhà sư đã già, trên tuổi bảy mươi hay ít hơn một chút, đang xách bình tưới những luống hoa, các gốc dưa hoặc loại dây leo gì đó dưới giàn, nhìn ra, nét mặt tươi lên.

Sáng nay, khác với hôm dự đám giỗ, sư Tâm Tụ mặc bộ bà ba nâu. Sư thả tay áo, ống quần, vuốt lại, bước nhanh, vẫn nhẹ nhàng ra đón Hiền Lương và Hành. Cái nhìn của sư đầy triu mến, vui tươi.

- Kính chào sư. - Hành nói và Hiền Lương chấp tay trước ngực, khẽ cúi đầu chào.

Sư cũng chấp tay trước ngực:

- Nhà chùa đón chào hai trí thức trẻ.

Và cả ba thầy cháu cùng cười.

Nắng sớm mùa hè đã vàng chín. Mấy luống hoa tị ngộ đã nở sớm. Hiền Lương nhìn đồng hồ tay: mới tám giờ rưỡi.

Vị sư già khoác vai Hành rất thân tình, trẻ trung. Hiền Lương bước sau một bước, thấy nhà sư không có gì già nua cả, có lẽ nhờ dáng đi, tóc đã gọt ngắn.

Ngôi nhà ngang ở cạnh chùa được bài trí rất giống nhà đọc, mặc dù vẫn cất theo kiểu ba căn với hai băng gỗ có vài kèo. Hai gian trước thông thoáng, nền xi măng, trên tường có treo một bức chân dung Phật Thích Ca. Hai gian này thành một phòng tiếp tân.

Nhà sư đến góc phòng, lấy một trong năm, sáu chiếc chiếu đã được cuộn lại, bước tới giữa phòng, trải ra.

Nhà sư mỉm cười:

- Mời hai cháu ngồi chơi. Nhà chùa vốn đạm bạc.

Sư Tâm Tự bước xuống gian cuối. Khi ra, ông đã mặc vào chiếc áo bình nhật dài màu nâu, bê một áp nước được làm bằng trái dừa khô khoét rỗng. Hành vội chạy ra sau, bưng vào khay chén.

Nước chè xanh ấm và ngát thơm hương gừng được rót ra ba cái chén men sứ thường dùng để đựng chè ăn, nhỏ thua chén ăn cơm. Nước sóng sánh rất đẹp mắt, tỏa một làn hơi mỏng.

- Xin mời dùng nước. Cháu Hiền Lương có dùng được nước chè xanh không? Uống thử đi, nhưng chưa quen thì dùng ít thôi. Say lắm đó.

- Dạ. Kính cảm ơn sư. - Hiền Lương nói khẽ -. Cháu đã quen dùng mấy hôm nay rồi.

Hiền Lương định nói cô rất thích, nhưng chỉ mỉm cười, nâng chén bằng cả hai tay, nhấp từng ngụm nhỏ. Quả là Hiền Lương thích thật. Cô cảm thấy nước chè tươi, vỏ lá và chế nước để hãm kín, thêm vài lát gừng già, có vị chát ngọt, màu vàng xanh rất đẹp mắt, thơm nồng ngan ngát - ngan ngát, thoảng thoai, vẫn có cảm giác nồng ấm. Nhưng, đúng như sư nói, nước chè say lắm. Cô thường chỉ uống nước sôi để nguội, nên nhìn chú Cận mỗi lần nghỉ tay bào tay cưa, uống nguyên cả tô đặc sánh mà sợ và thèm.

Bất giác, trong cuộc chuyện vãn, Hiền Lương bắt gặp ánh mắt rất triu mến của sư dành cho Hành. Cô cảm thấy là lạ. Có gì đó, cơ chừng một nỗi niềm thăm thẳm trong ánh mắt, từ đôi mắt hơi đục đi theo năm tháng và tuổi tác. Cô mơ hồ trực nhận một tình cảm vừa thương yêu, vừa hối hận, vừa vờn vợi, xa xăm, vừa tha thiết, gần gũi. Cô mỉm cười tự bảo mình hơi vớ vẩn. Cô thường hay có những trực giác kì lạ như thế và cô nghĩ do cô quá nhiều tưởng tượng. Đã có nhiều lần, nằm ngẩng mặt lên trần nhà hoặc nhìn vách tường, loang lổ vệt nước mưa, cô tưởng tượng ra biết bao điều, bao dáng hình, câu chuyện. Ba cô đùa, cô có tư chất nghệ sĩ. Nghệ sĩ thường nhạy cảm, mạnh trực giác. Ấn tượng trực giác thường lưu trong trí nhớ lâu bền, và chỉ giúp ích cho sáng tạo nghệ thuật, còn sẽ gây phiền trong ứng xử ở đời. Ba cô còn bảo, trực giác ấy còn tùy thuộc ở sự tích lũy kinh nghiệm sống, để thành trực giác thiên tài, tất nhiên chỉ giúp ích cho nghệ thuật.

Như một kẻ dở hơi biết tự dè chừng mình, cô trực nhận ra cái gì đó là lạ rất con người ở ánh mắt nhà sư đáng kính, nhưng tự dặn mình, không nên điên do muốn khẳng khẳng bảo trực giác là đúng.

Không để trực giác quấy nhiễu mình, cô khẽ nói:

- Xin phép sư lên thăm chùa đi, anh Hành.

Sư Tâm Tự cười thật hiền:

- Chùa làng mình đơn sơ lắm.

Đúng như lời nhà sư già nói, chùa rất đơn sơ. Trên bệ thờ gian giữa, chỉ một bức tượng Phật Thích Ca bằng thạch cao trắng. Xa trước bệ thờ, là một lư nhang lớn bằng đất nung tráng men, và tượng Phật bà Quan Âm đứng, nhỏ thôi, cũng trắng thạch cao. Hai gian bên là tên hoặc ảnh những người đã mất, vốn được thân thích trong làng - vì con cháu đã đi xa -, hoặc do gia quyến - theo ý nguyện lúc sinh thời - mang đến để nhờ thêm hương khói chùa chiền. Hai gian này được buông rèm bện bằng tre vót tròn với mây

rừng chẻ nhỏ. Trước hai tấm rèm cũng có hai lư hương, nhỏ hơn lư hương giữa. Và những bình hoa cắm hoa tươi - những loài hoa bình dị dân dã - đặt trên cả ba bệ thờ.

Nhìn theo động tác của Hành, thấp nhang, đứng suy niệm, chấp tay vái khế, Hiền Lương cũng làm thế.

Khi bước ra khỏi ba gian thờ, hơi âm u và rất mực trang nghiêm, ba thầy cháu đi quanh chùa.

Cảnh vật cũng đơn sơ. Những luống hoa. Những giàn dây leo. Những khóm bông trang. Những cây mai mọc tự nhiên. Bốn góc khuôn viên chùa là bốn cây ngọc lan lớn, lá xanh mượt thật mát mắt.

- Cháu Hiền Lương có thấy chùa đậm bạc, đơn sơ lắm không?

- Thừa sư, thật như vậy ạ. Chắc sẽ chỉnh trang thêm.

- Nhà chùa làng mình vẫn chủ trương theo tôn chỉ của Đức Phật, đậm chứ không nồng, đậm và giới là uy nghi. Nhưng như vậy không có nghĩa là thô sơ, dở dang thế này. Sau này, giá như có điều kiện, khuôn hội sẽ xây chùa kiên cố, hiện đại mà vẫn cổ kính. Chùa phải rất mỹ thuật và là mỹ thuật thiên tông, với những sắc nâu và trắng, xanh thiên nhiên và lam khói mây... Đậm mà đẹp, mà uy nghi.

Như được sắc màu chạm vào trái tim vốn mẫn cảm, Hiền Lương buột miệng nhắc lại:

- Xanh thiên nhiên và lam khói mây...

Sư Tâm Tự cười khế thành tiếng:

- Đúng rồi. Và nâu của đất. Vàng nữa chứ, nhưng phải là màu vàng truyền thống. Đây là sắc vàng của thóc chín. Màu lúa chín đẹp lắm, không hoe hoắc. Ánh Đạo Vàng mà. Dân nông thôn làm nên màu ni, nhà chùa cũng thích màu ni, rứa Hiền Lương có ưng màu no ấm nớ không? Ngoài ra, cũng không thể thiếu màu đỏ của ngọn lửa ấm. Nói chung nghệ thuật thiên là đậm, tốt lành, và không lạnh lẽo - nồng trong đậm, nồng của đậm (II.4).

- Còn màu trắng? Sư nói về màu sắc hay quá. - Hiền Lương xúc động.
Sư khẽ máy môi rồi yên lặng.
Sao sư lại yên lặng nhỉ, Hiền Lương hơi thắc mắc.
Lát sau, sư Tâm Tự nói, nét mặt nghiêm và buồn:
- Có chứ, màu trắng của tâm hồn, màu ấy phải tẩy rửa luôn.

3

Hành kéo chiếc chiếu ra gần cửa lớn phía đầu hồi nhà ngang cho đủ ánh sáng. Trong lúc sư Tâm Tự xếp bằng nói chuyện, Hiền Lương rút một cuốn sổ giấy trắng và bút chì, xin nhà sư cho phép cô kí họa làm phác thảo. Sư chỉ mỉm cười.

Chú Nông với Hiền Lương về làng, khiến sư nhớ lại thời xa xưa. Người đi xa về hay đánh thức dĩ vãng - dĩ vãng thường ngủ vùi trong nhịp sống thường ngày. Có dịp như thế, người ta nhớ lại, có thể để hàn huyên, có thể để im lặng suy ngẫm.

Trí nhớ của người già là trí nhớ của quá khứ, thường là quá khứ xa, thời tuổi nhỏ, thời trai tráng.

Hiền Lương, con gái thứ ba của Nông đó kia!

Năm một ngàn chín trăm bốn mươi bốn, năm sư về trụ trì chùa làng sau nhiều năm xuất gia, vào Huế tu học. Năm ấy, sư mới mười chín tuổi.

Không làm sao sư quên được thằng cu Nông con nhà nông, nghèo cực như mọi nhà nông khác trong làng. Nông, tóc hơi xoăn, da ngăm đen, năm ấy mới hai tuổi.

Những năm đói, rồi kháng chiến. Nông vẫn là thằng Nông đen trùi trùi, nghịch ngợm, lanh lẹ. Nghe đâu khi được giáo Hiền kèm cặp dạy dỗ, Nông học khá lắm.

Rồi Đất nước chia cắt. Rồi Nông lớn lên, vẫn nghịch và vẫn học giỏi. Có nhiều lần Nông trộm cả buồng chuối, hái ổi chùa nữa chứ, và cũng chỉ để nghịch thôi.

Bẵng đi một thời gian, nghe đâu, Nông đã vào thị xã Quảng Trị để học trung học. Thành thạo, thấy cu cậu đạp xe về làng để lấy gạo chở vào cho người đỡ đầu, cũng gốc dân làng, theo Thiên Chúa giáo. Ở thị xã, Nông cũng vẫn màu da ngăm ngăm đen ấy.

Một hôm, gặp nhau dọc đường làng, Nông xuống xe, dắt xe đạp đi với sư một đỗi đường. Nông bảy giờ chừng chạc hẳn ra. Nông mười chín tuổi rồi, học đệ tam. Ngực đã đeo một cây thánh giá rõ to. Lớn rồi, đỗ trung học rồi, Nông bảy giờ ăn nói đường hoàng, từ tốn. Sau một hồi chuyện quanh chuyện quắt, Nông tỏ vẻ bực bội, nói khế:

- Thừa sư, chẳng hiểu vì rằng Phật giáo với chính phủ của Ngô tổng thống cứ xích mích nhau hoài?

Nhà sư, đạo ấy đã ba mươi sáu tuổi, nghiêm mặt:

- Cái đó hỏi ở tổng thống, ông Nhu, ông Cần, và trên nữa, xa nữa, là La Mã, gần hơn, là ông giám mục Thực - anh em của tổng thống.

Nông quay mặt sang sư Tâm Tự:

- Sư nói rứa nghĩa là rặng?

Sư trầm tĩnh:

- Vấn đề rắc rối lắm. Tu hành ở nhà quê, tôi chỉ biết như rứa thôi, chỉ muốn Đạo Phật nghìn năm không bị dòn vào chỗ mặt pháp.

Nông chào, đạp xe đi thẳng. Nông cảm thấy thật khó xử và khó nói, có lẽ vậy, vì trong cách cư xử của Nông, sư Tâm Tự thấy Nông dẫu đã theo Thiên Chúa giáo, được linh mục di cư từ Quảng Bình vào đỡ đầu, giúp đỡ, Nông vẫn quý mến nhà chùa.

Một lần khác, năm một chín sáu ba, khi Nông đã đỗ tú tài phần một (7), chính quyền Ngô Đình Diệm - cái gọi là đệ

nhất cộng hòa, gia đình trị - đã sụp đổ, Diệm và Nhu đã bị bắn chết, Nông ghé chùa thăm sư.

Sư không ngờ cu cậu Nông nghịch ngợm năm nào giờ đây đã là một thanh niên cao lớn, chững chạc, lại có vẻ cương nghị nữa, và quan tâm tới thời cuộc đến thế.

Trên ngực Nông, vẫn sợi dây chuyền có thánh giá, nhưng dây bằng kim loại trắng, thánh giá nhỏ.

Nông uống một ngụm nước chè xanh, đặt chén xuống, trầm ngâm.

- Anh Nông đã thành ông tú đơn rồi, lại chuẩn bị tú kép.

- Sư nói, mỉm cười.

- Gia đình khó khăn, chắc cháu phải xin đi dạy thôi.

- Vừa dạy, vừa học, thi theo diện “tự do”.

- Dạ, chắc phải rứa.

- Thời buổi mới, vấn đề bằng cấp lại quan trọng như xưa kia.

Nông cười, cũng tự hào đã đỗ tú tài một.

- Dạ, nhưng tú đơn thì chưa là chi cả.

- Cả làng ni, chưa ai đạt được như rứa (8).

- Nhưng thời buổi rối rắm dữ.

Sư thở dài. Nông nói tiếp:

- Căng thẳng lắm. Làng mình mấy ông du kích, giải phóng có nhiều không? “Ăn cơm quốc gia, thờ ma cộng sản” chắc còn nhiều.

Sư nhìn thẳng vào Nông, rồi không nói gì, chỉ buông hai tiếng nhỏ:

- Không biết.

Nông buồn buồn:

- Cộng sản, thực hiện đấu tố đã mệt, đã khổ, rồi dân vẫn cực. Dân ngoài Bắc cực lắm, có một số người dân còn vượt tuyến. Chính phủ ngoài nớ lại vô thần nữa, tôn giáo hết đất sống (9). Ông tổng thống Diệm không hiểu sao lại o ép Phật giáo làm chi. Chia rẽ là chết.

Sư Tâm Tự lặng lẽ uống nước, không nói gì. Sư lúc này đã ba mươi tám tuổi, Nông hăm mốt. Sư nhận thấy ý tưởng về thời sự trên một phần do đài và báo của chính phủ đệ nhất cộng hòa, một phần có thể do linh mục người Quảng Bình di cư tuyên truyền, một phần khác hẳn từ nhận thức riêng của Nông. Chẳng lẽ Nông cho địa chủ là tốt?

- Muốn đất nước hai miền yên mà làm ăn cho rồi, nhưng thấy vẫn khó yên quá. Lúa bọn cháu thật lao đao, không khéo lại đi lính bắn nhau. Bắc tiến rồi Nam tiến, mệt quá. Bên mô cũng cộng hòa, chung sống là khỏe, miền nào yên miền đó.

- Thì nghe đâu, - Sư dè dặt lặp lại chữ “nghe đâu” -, ngoài nó cũng Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa, trong ni cũng Việt Nam Cộng Hòa, cũng hô hào dân chủ. Tôi đi tu, chẳng rõ. Anh cần suy nghĩ thêm.

- Chẳng hiểu sao lại Bắc tiến, Nam tiến làm chi!

Thấy nhà sư ngại, không khí mùa đông nắng hanh, hơi ửng oải, Nông cũng mệt mỏi xin cáo từ. Sư Tâm Tự tiễn Nông ra ngõ, cũng thông cảm ít nhiều cho tâm tư của Nông, nhưng tự nghĩ vấn đề không đơn giản như vậy. Ở trong Nam này, sư biết rõ có bàn tay người Mỹ nhúng vào, và những người lãnh đạo không chính danh, cùng đa số sĩ quan là của thực dân Pháp để lại, dạng như ông Nộp, nhưng giàu có, cậy quyền thế Tây, cha cố đạo, hống hách và chữ nghĩa hơn. Ông Nộp làng này, cũng lính khổ đở của thực dân Pháp. Nói chung, là nguy! Tuy nhiên, sư không dám nói với Nông. Có lẽ Nông chỉ muốn yên thân, muốn hòa bình, muốn giữ được Đạo Chúa, dù sao cũng lỡ theo rồi và đang nương thân vào đó. Thật ra, không có Thiên Chúa giáo, cụ thể là người bà con với ông linh mục giúp đỡ, làm sao Nông học hành đến đó được. Nhà Nông cực lắm, sư biết.

Từ dạo mùa đông năm một chín sáu ba đó, sư không gặp Nông nữa.

Cuối năm sáu sáu, đầu năm sáu bảy, sư vào tu trì ở thị trấn Đông Hà vì Mỹ đã dồn dân, lập vành đai trắng dọc bờ nam sông Bến Hải

Tại chùa ở Đông Hà, vào năm bảy mươi, có một hôm gần ngày rằm, lúc cùng một nhà sư khá trẻ khác đang đi thỉnh kinh về, sư Tâm Tụ nhắc thấy một người quen mặc đồ lính, buột miệng:

- Ai như Nông?

Người lính ấy ngồi sau chiếc xe hon-đa sáu bảy do người khác lái. Nhà sư trẻ nói:

- Đúng Nông rồi. Một hoa mai vàng, rứa là thiếu úy.

Sư trẻ này hóa ra là bạn đi dạy với Nông, nhưng Nông trước khi bị “động viên” vào Trường Sĩ quan Thủ Đức, dạy ở Thánh Tâm, còn sư trẻ dạy ở Bồ Đề, cũng tại thị xã Quảng Trị.

Mấy hôm sau, lúc rảnh rỗi, sư Tâm Tụ mới có dịp hỏi thăm về Nông. Sư trẻ nhìn lên vầng trăng đang mười sáu, khi hai người ngồi trên thềm chùa bên gác chuông.

- Hóa ra Nông cùng làng với sư chú. Sư chú có bà con chi với Nông không?

- Không. Nông họ Hoàng, tôi họ Đặng. Nhưng đã cùng làng xóm sao không biết nhau được. Nghe thầy nói, thầy cùng bạn dạy với Nông?

- Dạ. Hai người, hai trường. Nông là tay chân cật ruột của ông linh mục Quảng Bình di cư. Về sau, nó có vẻ ham chính trị. Chẳng hiểu sao nó mê ông Nguyễn Thái Học. Mê ông Nguyễn Thái Học thì quá tốt - ông ấy, anh hùng chống Pháp, danh nhân lịch sử. Nhưng sau này đấu tranh nghị trường, người Mỹ không ủng hộ Quốc dân đảng, vẫn ủng hộ Thiên Chúa giáo và bọn “thực dân nội địa” - mấy ông sĩ quan của Pháp mà Việt Minh gọi là Việt gian, ngụy tặc. Quốc dân đảng cũng như Đại Việt đảng đều lép, lại biến chất, xô thịt dần, hồng hết cả rồi. Nhất Linh cũng bị bức tử rồi. Nông hình như sa vào “cờ thế” hay sao đó. Nó chống

cộng cũng ghê gớm. Nó ở thế không chống cộng, thế nào cộng cũng xử nó. Đất nước mình khổ quá. Nông nổi này là do Thiên Chúa giáo, Tây Ban Nha, Pháp, rồi Nhật, rồi Mỹ, vớ lại Nga sô, Trung cộng nữa. - Sư nói theo suy nghĩ của mình (10) -. Theo thuyết nhân quả nghiệp báo, chắc ngày xưa mình lần dần đất của Chàm, nên chừ phải khổ!

- Thầy nói chi lạ! Nói Nga sô, Trung cộng là chỉ nói riêng về ý thức hệ, nên gác lại khía cạnh đế quốc đồ, vì hai nước nớ chỉ giúp mình đánh giặc các loại thôi (11). Còn vấn đề xâm lược kiểu cũ, Tàu phong kiến thì răng? Mỹ thì răng? Nga Sa hoàng nữa, và nhiều nước nữa, từ ngàn xưa đến đầu thế kỉ đều xâm lược nhau! Cá lớn nuốt cá bé. Nhân quả là nhân quả chung, răng lại riêng Việt Nam! Gần đây, trước hết, rứa nước Pháp đầu tên phải bị nghiệp báo chi đây!

- Dạ, xin thỉnh ý sư chú.

- Nông bây giờ ở trong Nam?

- Dạ, cũng nghe rứa. Có vợ có con trong Nam rồi. Chắc về phép.

Sư Tâm Tự cũng ngẩng mặt nhìn trời. Sư trẻ nói:

- Lòng dạ thẳng Nông xấu. Nói vậy, mô Phật, là theo một vài đồng nghiệp dạy học nói. Nông hại con của thầy giáo dạy tiểu học của hần. Mô Phật. - Sư trẻ bị kích động do chính điều mình nói ra.

Sư Tâm Tự giật mình, lặng người. Lát sau, sư hỏi:

- Thật không? Mô Phật! Nếu như đúng là vậy, thì kinh sợ thật cho lòng dạ người ta! Thẳng Nông! Không ngờ!

Sư Tâm Tự nhớ đêm trăng ấy, vào năm một chín bảy mươi. Suốt đêm sư không thể ngủ, miên man suy ngẫm thời cuộc và lòng dạ con người. Đêm Đông Hà dạo đó, cứ mãi tiếng pháo đại bác cầm canh, ầm ì.

Sư biết là biết vậy, đâu dám quả quyết điều gì, sợ mang thêm nghiệp báo. Chuyện Nông, sư giữ kín mấy mươi năm nay.

Sư mãi chìm trong hồi tưởng. Hiền Lương hí hoáy vẽ, Hành ghé mắt xem. Hành thăm phục tài của Hiền Lương. Cô gái này, xinh đẹp, khỏe mạnh, sâu sắc, tài hoa quá. Trong khi sư nhìn ra cửa, như tham thiền quán thế - quán thế, chiêm nghiệm lẽ đời thì đúng hơn -, và Hiền Lương mê mãi vẽ, Hành lén ngắm cô. Hành nghe lòng mình xao xuyến quá.

Ngoài kia, mặt trời lên khá cao rồi. Những luống hoa mười giờ đã nở hết.

Sư Tâm Tự vẫn ngồi lặng yên để chiều ý Hiền Lương. Không hiểu sao, ban đầu sư có ý định chỉ quán tưởng một lẽ Đạo, như ý niệm hư vô chẳng hạn, để đạt tới sự rỗng không của tâm, gạt bỏ hết mọi tạp niệm ở cõi ta bà này, nhưng Hiền Lương đó kia, gợi sư liên tưởng đến Nông và Học. Suốt sáu mươi năm hơn, sư tu niệm để làm chủ tư duy, cảm xúc của mình, ngỡ có thể ngồi trong lửa đỏ mà tâm vẫn tịnh, xúc vẫn bình, nhưng sáng nay, sao chuối hồi tưởng cứ không ngọt miên man? Một gương mặt thanh thản, mỉm cười tràn đầy ánh sáng của Phật tánh, của Giác ngộ, hay một gương mặt trầm tư, đau niềm đau của chúng sanh, trong đó có chính bản thân mình, và tìm cách hóa giải cụ thể, hài hòa lẽ Đời, lẽ Đạo, như bồ tát Quán Thế Âm, chư vị bồ tát khác? Hai gương mặt ấy, chọn gương mặt nào? Dần dần, như cảm được khuynh hướng nghệ thuật của Hiền Lương, một cách chủ động chẳng, sư hướng về phương thức quán thế - thấu Đời. Sư liên tưởng đến các vị La hán chùa Tây Phương.

Những bức phác thảo khác nhau của Hiền Lương đều phản ánh được ít nhiều chuyển biến trong tâm tưởng sư. Có nhiều lúc cô hết sức bối rối, phải ngừng lại, cảm thấy xốn xang tim mình.

Giọt nước mắt cũ, hai mươi bảy năm trước, trong đêm trăng Đông Hà ở sân chùa, trên thềm bên gác chuông, lại ứa ra, chảy len vào những nếp nhăn khóe mắt sư. Đêm ấy,

nên nhớ lại không nhỉ, sư đã khóc thắm, trần trở, thương Học biết bao, ghê sợ Nông biết bao. Hình ảnh Học qua hồi ức sư là cả một nỗi niềm! Nhưng cả Nông và Học đều là phận người trong biển khổ.

Giọt nước mắt như chất ra trên khóe mắt tuổi già làm Hiền Lương xúc động đến run tay bút, và khiến Hành ngạc nhiên. Sư bảo, nước mắt ấy chỉ do tuổi già, mắt kém. Mặc dù sức nhìn vẫn còn sáng lắm, sư cũng đành phải nói thế. Nhưng Hiền Lương không tin thế.

4

Từ buổi sáng hôm lên chùa thăm sư Tâm Tụ, mê mãi đến hai ngày sau, Hiền Lương không cách nào rời khung vải. Chú Cận cứ đục cứ bào, chốc chốc nghỉ tay, phì phèo điếu thuốc sau khi ực một hơi bát nước chè xanh, đứng nhìn Hiền Lương vẽ. Đứa bé gái mười lăm tuổi ở nhà lo cơm nước, cháo heo - một nái vớì bầy heo con ủn ỉn trong chuồng - cũng rảnh tay là đứng xem. Thím Cận ra đồng cấy giặm về cũng thế. Ai cũng khen đẹp, nhưng Hiền Lương thật lòng chưa vừa ý. Có điều gì đấy ở vị sư già này, người đã sống suốt bảy mươi hai năm biến động, có những quãng sục sôi, những bước ngoặt lớn lao nhất của Tổ quốc, mà Hiền Lương chưa thật sự nắm bắt được. Có bí ẩn nào nữa chăng? Rõ ràng với trực cảm nghệ sĩ, Hiền Lương chỉ mơ hồ, rất đổi mơ hồ, cảm thấy. Không thể định hình được cảm nhận, Hiền Lương cứ dập xóa mãi. Đã mấy lần cô suýt khắc họa được gương mặt nhà sư với bối cảnh xa xa mờ nhòa là chùa cũ, chùa mới, chẳng hiểu sao có cả dáng hình cao gầy thanh thản và cũng rất bản khoắn của Hành, chẳng hiểu sao có cả lửa, dây thép gai, lô cốt, lỗ châu mai, lau, tranh trắng xóa bời bời...

Và Hiền Lương đã vẽ ước mơ của nhà sư nữa, về một ngôi chùa hiện đại mà cổ kính, rất Việt Nam - không diêm dúa kiểu Tàu, cũng không phải kiểu Ấn sặc sỡ còn đậm chất Bà La Môn -, với một nghệ thuật rất thiên, bình dị, trí tuệ mà dân dã.

Nhưng, như một đau đớn tự hành hạ, tự tra tấn của người nghệ sĩ, Hiền Lương quảng cọ và bảng màu, ngồi nhìn đầm đẫm ra ngoài khung cửa sổ, xanh cây và lá, nhưng thực ra chẳng nhìn đâu cả. Không biết vô cớ chẳng, Hiền Lương thắm thía niềm đau đớn.

3. CƯỚC CHÚ chương III:

(4) Về họ của người Việt Nam, trong thời bị bọn phong kiến Trung Hoa đô hộ, dưới chính sách đồng hoá của chúng, phần lớn đã được viết theo chữ Hán với âm tương tự, do đó đã bị lệch với âm thuần Việt, hầu như đồng nhất với họ của người Hán, và một phần khác, bọn phong kiến Trung Hoa cải hán họ người Việt nguyên gốc thành họ người Hán, nhằm mục đích xoá bỏ cội nguồn của người Việt Nam chúng ta. Theo một số tư liệu, người Hán cũng có họ Bùi.

(5) Sáu tỉnh Bắc Trung Bộ: Thanh Hoá, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên.

(6) Xem: Nguyễn Văn Khang (chủ biên), Bùi Chỉ, Hoàng Văn Hành (biên soạn), Từ điển Mường - Việt, Viện Ngôn ngữ học và Nxb. Văn hoá dân tộc xuất bản, 2002.

(7) Bằng tú tài có hai phần, cuối lớp 11 (trước 1968, gọi là đệ nhị) thi phần 1 (tú đơn), cuối lớp 12 (đệ nhất) thi phần 2 (tú kép).

(8) Tính theo học vị đạt được dưới chế độ Diệm, sau nhiều năm tháng chiến tranh, truyền thống học hành của làng bị gián đoạn.

(9) Để phản ánh trung thực lịch sử, ở đây, tác giả sử dụng thủ pháp tự nhiên chủ nghĩa (khái niệm mở rộng), "ghi lại" đúng quan điểm, nhận thức của nhân vật Nông. Những câu kể tiếp, tác giả đã chỉ rõ nguồn gốc của thứ quan điểm, nhận thức đó, đồng thời đã phê phán. Xin chú thích rõ.

(10) Ở đây, để phản ánh trung thực lịch sử, tác giả "ghi lại" cách suy nghĩ, nhận thức thời thế theo quan điểm riêng của nhân vật. Nhân vật nhà sư này, thường được xếp vào loại lực lượng thứ ba (danh từ báo chí trước 1975), chống Thiên Chúa giáo, Tây Ban Nha, Pháp, Nhật, Mỹ - ngụy, nhưng không thuộc khuynh hướng cộng sản.

(11) Sư Tâm Tự cũng thuộc lực lượng thứ ba, nhưng có khuynh hướng thiên tả hoặc còn gọi là thân cộng, tư tưởng gần gũi với khối cộng sản (danh từ báo chí trước 1975).

CHƯƠNG IV

1

Tối hôm qua, rằm tháng năm, vàng trắng làng thôn tinh khiết, ngời sáng. Bóng khóm chuối, bóng cây mít đang trĩu trái và bóng tre, bóng hóp lay động trong gió nồm mát rười rượi. Hiền Lương ngồi trước hiên nhà, tìm một góc khuất ánh đèn, để trăng thật là trắng, tỏa ánh sáng êm dịu quanh mình. Khi cô đang nhìn những đốm lửa nhỏ của nén nhang chú Cận vừa cắm trước bàn thờ lộ thiên sau bình phong chèo kiếng, những đốm lửa kết tỏa như một đóa bông trang sáng đỏ trong bóng đêm, đẹp rực rỡ và huyền thoại, lúc ấy, Hành đã đến.

Hiền Lương bảo với Hành, chưa thể vẽ được bức chân dung sự Tâm Tự, nhưng không thể không vẽ một con người thăm thẳm, ngời sáng đến thế. Điều đó làm cô không nguôi trần trở.

Như đã hẹn với nhau, sáng sớm nay Hiền Lương lại đến thăm ông giáo Hiền và Hành. Trong gió sớm, nắng sớm, gương mặt Hiền Lương thoáng nét bơ phờ.

Vẫn mặc gọn gàng kín đáo, áo màu tím hoa mua may bằng vải sợi to có hai túi ngực và cầu vai, chiếc quần bò vừa, không chặt chội, màu xanh sẫm, mang đôi giày thể thao trắng, Hiền Lương đẹp giản dị, đẹp ngăn nắp mắt Hành. Cô ấy mặc đồ cũ cũng đẹp!

Hành hơi run tay khi rót nước ra chén.

Ông giáo Hiền mỉm cười trông ra nắng. Hiền Lương nhìn thấy phía vách nhà sau lưng ông một tấm lịch, bảng lịch năm ngoái, một chín chín lăm, lốc lịch năm nay, mừng một tháng bẩy theo lịch mặt trời.

Gió sớm và nắng sớm.

Tường chừng gió và nắng đang khẽ lật từng trang sách được ông giáo Hiền tạo hình bằng chè kiếng lá nhỏ.

Tường chừng cả ba ông cháu đang mở to mắt đọc từng trang sách Vô ngôn Vô tự ấy. Họ đọc vào Đất trời. Họ đọc một con người sống.

2

Cuối xóm Chùa - gọi thế, vì chùa làng ở xóm ấy - , có một túp lều tranh như bao nhiêu túp lều tranh khác. Người đàn bà khó đoán được tuổi vì có lẽ già trước tuổi, tóc tai thưa và bơ phờ, đang ngồi trước thềm đất trên một đôn gỗ nhỏ. Bà đang vá lại một manh áo đã quá nhiều mụn vá, đã sồn bục, màu nâu nhuộm đã bạc thếp.

Bên chái nhà, nơi đặt chiếc cày và ách trâu, hai đứa bé trai cỡ chừng năm tuổi, bảy tuổi, trần truồng, nhem nhuốc, đang ngồi vọc đất. Đứa bé gái lớn hơn, khoảng mười tuổi, quần chiếc vá vá chằng vá đụp và ở trần, ngồi xem. Cả ba đều gầy gò, bụng ỏng, đít teo. Thằng anh đang nặn con trâu. Thằng em ngắm nghía, thích chí cười. Thằng anh khoái lắm, cười toe. Con chị cũng há miệng cười theo. Thằng anh bỗng tắt nụ cười:

- Hay nhồi đất lại, nặn củ khoai đi. Làm răng có trâu được. Trâu đất lắm. Chỉ ông lí mới có cả bầy trâu thôi.

- Đúng rồi. Khoai ngon lắm. - Con chị nói.

Thằng em cười:

- Thì chỉ cần ngắt bốn chân, cái đuôi, cái đầu là thành củ khoai. Cần chi nhồi lại mệt rứa.

- Mi giỏi thiệt. Nhưng rứa mang tội chết. - Thằng anh mắng.

Thằng em thường nghe cha với mẹ nói vậy: mang tội. Cả ba chị em cũng quen nói: mang tội. Nhưng đứa nào

cũng từng ngắt cánh châu chấu, đom đóm để chơi, lại còn ngắt đuôi chuồn chuồn, đút vào cọng đọt tre, đọt hóp, thả bay, như máy bay Tây, mặc dù chẳng rõ máy bay có từ năm nào, rồi giả làm nghĩa binh Văn Thân Nghệ Tĩnh “bình Tây sát tả”, du kích quân, nghĩa quân Cần vương chi đó bắn súng hỏa mai, có khi xưng là thợ thuyền Xô viết Nghệ Tĩnh nữa. Thằng em định cãi lại, nhưng chẳng biết cãi sao. Nó cũng thấy tội cho con trâu đất thật, rồi lại tự bảo, đó là cục đất sét, chứ đâu phải con trâu hay củ khoai!

Lúc đó, người đàn ông từ ngoài ngõ bước vào. Ông đi đôi guốc mộc, da trâu, ngón chân út lòi ra ngoài vì quen đi đất, lồi bunn, các ngón trùi móng hết và tõe ra, xỏ vào cả năm ngón không được. Chắc ba của bọn nhỏ mới đi họp đi hành chi về, nét mặt nom còn nghiêm trọng lắm.

- Mạ mi nghe tui nói đây. Nói trước là mạ mi đừng có rồi rít, rồi bời ra. Cứ bình tĩnh mà bàn với chác (nhau). - Người đàn ông nói riêng với vợ.

- Cây (cái) chi mà dữ rứa, quan trọng rứa? Thì ba mi cứ nói. Ở nhà có một chác (mình) tui với bầy con chứ ai! - Người đàn bà ngẩng lên nói -. Cây tính ba mi chi lạ!

Người đàn ông cười gượng, cố cười cho bớt căng thẳng, nhưng xem ra còn xúc động lắm.

- Nì (này), mạ mi, nghe đây. Khuôn hội làng mình mới họp cô (trên) chùa. Ban trị sự nói ri (vầy). Quanh quanh đây, chưa làng mô có sự, cứ mỗi khi cầu an, cầu siêu hay các ngày vía lớn, phải đón thầy ở chùa làng khác quá xa. Chùa mền (mình) mới có sãi để giữ chùa. Rứa thì phải lo cho các cháu xuất gia để tu học rồi hành đạo. Trẻ được học (học), được tu, nhà lại bớt mệng (miệng) ăn nữa. Cái chính là giữ được Phật pháp.

Người đàn bà lắng nghe, nét mặt từ lo lắng, căng thẳng dần dần giãn ra, và cười rất tươi.

- Cây ông (ông) ni thiệt! Có chi mà ông làm tui hoảng! Thì ra rứa. Quá phúc đức. Mô Phật, phúc đức Ngài ban lớn quá.

- Thôi, thôi, đừng la rầm lên nữa. Tui biết tính mạ mi, nói trước rồi.

- Không (không). Tui mừng (mừng) quá. Phúc thiệt. Aă, đũa nậy (lớn) hay đũa dô (nhỏ)?

- Đũa dô (nhỏ), khuôn hội chám khi mô rồi!

- Tội! Thương quá (quá)! Cây thằng nớ sáng lắm!

Người đàn bà bâng khuâng, nửa muốn quay ra sau chái đầu hồi tìm con, nửa muốn nói chi đó, nhưng nghẹn nghẹn. Vui thì vui, nhưng bây giờ, bà bỗng thương con quá.

Thế là số phận của cu Sẹo đã được định đoạt, lúc nó đang nặn đất.

Năm ấy, một ngàn chín trăm ba mươi, cu Sẹo mới năm tuổi.

Mới năm tuổi, còn nhỏ quá, thương quá. Người đàn bà già trước tuổi ấy bước ra sau chái tìm con. Thằng anh vẫn mãi mê nặn đất sét thành trâu. Nó nói:

- Tao thích có trâu. Có trâu mền (mình), cày ruộng (ruộng) mền (mình), sướng.

Cu Sẹo đang nặn củ khoai, có cả dây khoai, lá khoai nữa. Nó rút lá bông cắn nhai nát, nhót nhờn, tô màu xanh lên dây và lá. Còn củ, đất sét hơi ngả sang màu sẫm, chả biết lấy gì tô.

- Răng củ khoai màu chi đen đen vàng vàng rứa? - Con chị hỏi.

- Khoai hơi bị hà ăn! - Cu Sẹo trả lời.

Lấy que chám chám vào cục đất, cười thích chí, rung cả "chim" (vì ở trường, không có quần áo mặc), cu Sẹo nhảy tung lên.

Chợt thấy mẹ, thằng anh nói:

- Mạ ơi, thằng Sẹo mang tội. Hấn đòi ngắt chân, ngắt đầu trâu, thành củ khoai. Thằng ni ngu và ác.

- Cục đất chớ trâu với khoai chi! Ưng thì nặn lại mười trâu cũng được! - Cu Sẹo cãi.

Bà mẹ ôm cu Sẹo, không biết đã là út chưa, nhưng thương quá. Không rõ rệt thành ý tưởng, bà mẹ cảm thấy cu Sẹo quá thực tế...

- Nói em ngu với ác! Nói chi rửa tội em! - Bà mẹ bồng con ra lu nước rửa ráy cho nó, vừa đi vừa nói, vừa nói với thằng anh vừa nựng cu Sẹo...

Bà mẹ lại nghĩ, sao Sẹo sáng suốt và giàu tưởng tượng thế.

Bà mẹ già trước tuổi mỉm cười khi hình dung cu Sẹo sẽ trở thành nhà sư, đầu cạo nhẵn, mặc nâu sồng, thuyết pháp ở chùa làng.

3

Thường thì những đứa trẻ xuất gia, ở Quảng Trị, chỉ tu học ở các chùa thị trấn, thị xã, nhưng cu Sẹo và một vài chú tiểu ở các chùa ấy, dạo này, được gửi luôn vào Huế.

Ban đầu, Sẹo gọt tóc, chừa lại ba chòm, mặc áo nâu, quần nâu. Dẫu ăn chay dưa với muối, nhưng được cái là khá no, cu Sẹo vẫn nhớ nhà. Dần dần, đến tuổi gọt nhẵn hai chòm kia, còn lại ở thóp mỏ ác đầu một chòm dài đến tận cằm, Sẹo thường phải vuốt về một bên. Sau bảy, tám năm thử thách, các sư tin cu Sẹo - bây giờ là tiểu Tâm Tự - đã có thể tu hành được.

Một hôm, một nhà sư lớn tuổi gọi Tâm Tự đến. Sư bảo:

- Tâm Tự! Con nghe đây. Năm nay con mười ba tuổi, vào chùa được gần tám năm. Tuy vậy, có thể con không tu trì được.

- Răng rửa, bạch thầy? - Bànng hoàng, Tâm Tự thốt -. Bạch thầy, tội con, vì răng rửa, thầy cho con biết.

Nhà sư ôn tồn, nhìn vào mắt Tâm Tự:

- Có thể con không thể tu trì được. Tu hành, cực lắm, khổ lắm. Giữ trọn đường tu, đạt đến tinh tấn, khó lắm, dài lắm. Con có thể hoàn tục.

Lần này, Tâm Tự khóc, méo máo, ràn rụa nước mắt:

- Bạch thầy, con chẳng hiểu, nỏ (không) hiểu vì răng ra rứa? Xin thỉnh ý răn dạy của thầy, vì răng rứa?

Nhà sư vẫn điềm đạm:

- Không vì sao cả. Con tu học tám năm nay rất sáng, rất tốt. Tuy nhiên, nếu muốn, con cứ hoàn tục.

Đó là lần được thầy thử thách, cho tùy suy nghĩ và chọn lựa của tiểu Tâm Tự. Tâm Tự vẫn một chí tu hành.

Ba năm sau, nhà sư lại hỏi một lần nữa:

- Năm nay Tâm Tự mười sáu, sắp mười bảy tuổi. Con thấy con đường tu hành có cơ cực, gian khổ lắm không?

- Bạch thầy, có ạ. Nhưng con xin quyết chí tu trì.

Sư thầy mỉm cười:

- Càng đến tuổi thanh niên, tu học càng khó, phải nỗ lực nhiều. Tất cả là tùy con, nghe Tâm Tự.

Tâm Tự cũng tự biết vậy. Năm nay, Tâm Tự lớn bổng lên. Mặc dù dưa muối, Tâm Tự vẫn là một chàng trai to cao. Tâm Tự còn được rèn luyện võ thuật. Nhưng Tâm Tự vẫn thấy đôi khi buồn những thoáng buồn vô cớ, và tâm hồn cứ bâng khuâng điều gì không rõ.

Nhiều đêm, sau khi xong tuần kinh tối, nằm một mình, bỗng trái tim Tâm Tự quá đổi bâng quơ. Hình ảnh những đạo hữu trẻ bằng tuổi Tâm Tự, mặc áo dài tím Huế hoặc áo dài lam khói hương, cứ mỉm cười, cứ hát tình ca, cứ lờm yêu, duyên dáng trong mơ màng. Đôi khi, làm thế nào được, có những hình ảnh rất phàm tục, từ những dáng dung rõ ràng và mơ hồ không rõ nét, cứ ẩn hiện trong giấc mơ tuổi thanh niên bắt đầu của Tâm Tự. Cổ xưa đuối, nằm co lại, đấm tay vào đầu, vào ngực, Tâm Tự xấu hổ, nhục nhã với lương tâm mình quá, và không ngớt thăm niệm Phật. Tâm

Tự nhiều đêm, trong giấc mơ mộng tinh bình thường, bừng tỉnh giấc, nhục nhã với mình đến trào nước mắt. Con người, con người, biết làm thế nào được! Phải kiên tâm xua đuổi dục vọng đã hóa thành ma vương, mà nào phải ma vương, lại là những dáng dung áo tím Huế, áo dài lam khói hương! Trước khi Đức Phật Thích Ca thành đạo, Ngài chẳng bị ma vương ngồi ngời đường cong người nữ cảm dỗ đấy ư! Và Ngài đã chiến thắng. Giáo lí Nhà Phật chẳng bàn đến đó sao! Biết là vậy, nhưng vẫn có những phút giây ban trưa, cảnh chùa im ắng, Tâm Tự buông xuôi theo mơ màng trong trí tưởng. Chẳng phải đêm, trong giấc ngủ, mà là ngày, khi đang thức! Tâm Tự buồn lo nhất, nhục nhã nhất, những phút giây ấy, khi đã trôi qua. Còn đang đắm chìm trong giây phút ấy, Tâm Tự mê mê, khoái lạc! Con người, con người, biết làm sao được! Và nhớ những lời bảo ban của các sư anh, sư thầy, Tâm Tự dồn hết sinh lực tuổi trẻ mình cho việc đọc sách, nghe kinh, tụng niệm, cuốc đất, trồng khoai, tưới rau, làm nhang và tập luyện võ thuật, quyết không để thì giờ thừa, sinh lực thừa! Tâm Tự đã dần dần chiến thắng được dục vọng bản năng tự nhiên của con người trong chính bản thân mình. Tâm Tự chiến đấu và có phương cách chiến đấu với kinh nghiệm được trao truyền, tự trau dồi để vượt thắng. Cuộc tự chiến đấu ấy không ngừng. Đó là cả một quá trình đau khổ, dằn vặt giữa Đạo và Đời! Tâm Tự tin vượt thắng được một, sẽ có đà vượt thắng được mười. “Con có thể hoàn tục”. - Lời sư thầy vắng vắng, dạy nên từng cơn trần trở. “Phải nỗ lực không ngừng”. - Lời sư thầy luôn thăm thì, có khi trở nên đanh thép, vang trong đêm của Tâm Tự.

Chiến đấu nào cũng khổ đau, nhưng chiến thắng đem đến niềm hạnh phúc. Với Tâm Tự, hạnh phúc là thanh tịnh, tri giới, cùng ý chí, nghị lực để đạt đạo và hành đạo, vì Đời.

Con đường tu hành là con đường gian khổ, rèn luyện để nêu gương.

Dần dần, Tâm Tự tập được nụ cười của Đức Phật - thấu suốt lẽ Đời, trong đó có cả khoảng sâu kín của lòng người với dục vọng xác thịt bản năng, nhất là thời kì dậy thì. Và sau này, tuổi hồi xuân...

4

Số phận của con người phần lớn do nhiều yếu tố ngẫu nhiên định đoạt, ngẫu nhiên ngay cả trong mã di truyền, những gì tạo nên cơ chế sinh vật của mỗi thân phận, ngẫu nhiên ngay cả những tác động khách quan. Dẫu con người có ý thức để chọn lựa, nhưng khi còn nhỏ, nào ai đã chọn lựa số phận, cụ thể hơn là đường đời, phù hợp với căn cơ tâm sinh lí, đặc biệt là năng khiếu của mình, và phù hợp với gia cảnh, bối cảnh xã hội mình sống. Nhưng nhà sư Tâm Tự chấp nhận con đường tu trì, hành đạo, khi đã đủ tri thức, đã trưởng thành.

Một ngàn chín trăm bốn tư, sư Tâm Tự đã mười chín tuổi. Bảy giờ đã là đại đức - một trong những mức đánh dấu sự nỗ lực trong tu hành - với ba chấm sẹo nghi thức, nghi thức đội lư trầm nóng đỏ trên đầu.

Năm ấy, sư về lại làng xưa, nơi chôn nhau cắt rốn, và trụ trì tại chùa làng. Đây là năm Cách mạng đã nắm được thời cơ để tích cực chuẩn bị giành lại chính quyền từ tay phát xít Nhật cho người Việt, truất phế Bảo Đại ăn chơi, làm bù nhìn. Cách mạng Tháng tám bốn mươi lăm nổ ra, cờ đỏ rợp đường thôn và ngay trên cổng chùa. Sư Tâm Tự vừa phấn khởi tự hào, vừa cảm thấy mình đã quá bàng quan làm người ngoài cuộc trong sứ mệnh thiêng liêng giành độc lập, tự do, cả dân chủ cho dân tộc.

Thực lòng, sư cũng không ít băn khoăn cho tiền đồ của Đạo Phật.

Khi còn tu học ở Huế, sư đã loáng thoáng nghe các vị sư lớn tuổi hơn, các sư chú, sư bác, bảo phong trào cộng sản quốc tế là phong trào vô thần và duy vật. Chính cái vô thần và duy vật đã ngáng trở sự ủng hộ của nhà chùa đối với Đảng Cộng sản Đông Dương. Sư cũng chẳng có điều kiện để nghiên cứu chủ nghĩa Mác - Lê.

Bây giờ, Chủ tịch Hồ đã lãnh đạo toàn dân giành được chính quyền, sư vừa phục vừa lo. Thực lòng, sư và khuôn hội Phật giáo làng ủng hộ Cách mạng trong tâm trạng phân vân, mâu thuẫn ấy. Chưa có bao giờ lòng yêu nước thương dân lại mâu thuẫn với lòng yêu Đạo Phật, như thời điểm ấy, trước sự chọn lựa, ủng hộ hay không ủng hộ Cách mạng. Ủng hộ Cách mạng để giải phóng dân tộc khỏi ách thực dân Pháp đã đè nặng gần suốt tám mươi năm trên Tổ quốc, đến khi Cách mạng đã thành công, Nhà chùa sẽ ra sao.

Nhưng rồi, những quyết sách đoàn kết các tôn giáo với cách mạng được ban ra, cũng xoa dịu phần nào những mâu thuẫn tư tưởng ấy. Xoa dịu thôi, từ phía Cách mạng, chứ lo cho Đạo Phật, trong thao thức của Nhà chùa vẫn là lo âu canh cánh. Chân theo Cách mạng của Bác Hồ, với một thúc đẩy sâu xa từ nghìn xưa tự cường dân tộc, từ khát vọng đánh đổ thực dân Pháp bao nhiêu năm nay, tuy quả tình, sư và khuôn hội đạo hữu chưa thật yên tâm. Nhưng, chống lại Đảng của Bác Hồ thì không. Các tôn giáo khác có chống, Phật giáo chưa hề chống, trong thời điểm ấy. - Sư biết vậy.

Sư Tâm Tự ủng hộ Cách mạng, sau đó ủng hộ kháng chiến toàn quốc khi Pháp được sự hà hơi tiếp sức của Mỹ, quay lại xâm lược Đông Dương (dù trước đó, Mỹ với tư cách đồng minh, có tranh thủ Chính phủ của Bác Hồ nhằm làm lệch mục tiêu của Cách mạng và để tranh giành ảnh hưởng với Liên Xô).

Năm bốn lăm bước sang bốn sáu là những tháng ngày nạn đói diễn ra kinh hoàng. Người đói gầy đen - ma đói, đúng hơn, vì người không ra người nữa. Pháp và Nhật, chủ

yếu là Nhật, buộc dân nhổ lúa trồng đay, đốt thóc, hòng dim chết Cách mạng.

Có một người dân trong huyện, bắt được con cá tràu, chỉ kịp luộc chín, ăn một mình, để đàn con nhỏ gào, kêu đói bên cạnh. Ăn xong, tỉnh lại, đau đớn và nhục nhã cho danh phận làm cha của mình, y thất cổ tự tử, tự tử để khỏi bị lương tâm cắn rứt vì chất người bị cái đói làm tiêu tán hết, tự tử để chạy trốn khỏi sự bắt lặc trước cái đói kêu gào của bầy con.

Sư cùng với khuôn hội cũng xắn tay lên cứu đói, cũng lên rú đào củ mài, sâu đến cả thước mới có một củ. Đó cũng là tự cứu và cứu người.

Năm bốn sáu ấy, sư mới hai mươi mốt tuổi.

5

Rồi nạn đói cũng qua đi. Còn trữ được, hay được cứu trợ, thóc giống đã phải thành mạ, thành lúa, để kết hạt nuôi người. Đói rét, té quy trên ruộng, cũng thay trâu, người kéo cày để cấy. Và đồng ruộng lại vàng lúa chín.

Chùa làng là nơi hội họp của thanh niên đang nô nức kháng chiến.

Trong những cuộc họp, tuổi trẻ với sức sống tươi xanh, bừng dậy. Họ ca hát, múa, diễn kịch, tập luyện quân sự. Sư Tâm Tự, cũng đang bước vào lứa tuổi hai mươi, tham gia nồng nhiệt. Âu lo về tiền đồ Đạo Phật đã được niềm vui rộn ràng cùng sức sống tuổi trẻ đôi khi lấn lướt, và lấn lướt trên tất cả là phong trào thi đua yêu nước với ý thức, nhiệt tâm yêu nước. Đôi đêm, tận đáy sâu của lòng mình, sư Tâm Tự nghĩ, giá như phong trào cộng sản đừng vô thần, đừng duy vật ngay từ trong kinh điển Mác - Lê, ngay trong nội bộ Đảng Cộng sản, chắc chắn, cũng như các thiền sư thời Lý

phật Tống bình Chiêm, thời Trần đánh đuổi Nguyên - Mông cầm gươm ra trận, vừa bảo vệ giang sơn, vừa bảo vệ Đạo Phật, sư cũng sẽ cầm tầm vông, súng ống đánh Pháp và Nhật chứ chẳng chịu ở hậu phương. Sư vẫn còn nhớ âm hưởng bi tráng của những làng Phật giáo kháng chiến thời Nguyễn Văn Trường, Tôn Thất Thuyết với phong trào Tân Sở - Cần vương, và thắm ước nguyện: Giá như lúc này có một lực lượng dân chủ và dân tộc...

Sư Tâm Tự tham gia kháng chiến trong phong trào Việt Minh, ở làng quê của mình chỉ đến mức như thế, nhưng nhờ đó, sư cũng có dịp quen nhiều bạn trẻ, đúng hơn, là đã quen nhau lâu rồi nên càng thêm thân thiết.

Trong đó, chẳng hiểu sao, cô Thắm lại là người thích chuyện trò với nhà sư trẻ. Sau các buổi hội họp, cô Thắm hay ghé chùa, khi với em trai năm tuổi, khi với cháu đang tuổi bé bỏng, khi với nhóm bạn gái. Sư cũng mến cô Thắm lắm. Cô Thắm không đẹp nhưng rất có duyên với mái tóc dài đen nhánh, với hàm răng hạt lựu đen rưng rức, lóng lánh, đôi môi ăn trầu cắn chỉ tươi đỏ. Cô ấy hai mươi tuổi tròn, tràn trề sức sống. Chùa chỉ có mình sư và ông sãi già lụm khụm.

Tổ quốc đang bùng bùng kháng chiến, tâm hồn còn canh cánh âu lo về đạo pháp, nhưng trái tim trai trẻ của sư vẫn có độ rung của nó.

Sư cứ băn khoăn chẳng hiểu tình cảm của Thắm ra sao, ở cung bậc nào. Trong tình yêu đương, khi còn chập chờn, mơ hồ, hình như và chỉ hình như, chưa một lần ngộ lời, có lẽ là thời gian khiến trái tim người tươi hồng nhất, co thắt, rồi nhip nhất. Sư ăn không ngon, ngủ không yên. Biết làm sao được!

Thắm đã đánh thức niềm khát vọng yêu đương trong lòng sư, bằng khoe nhìn cháy nồng, da diết, bằng tiếng cười đôi khi ghen lại thoáng chút, không còn giòn tan suốt chuỗi - hình như đấy là thoáng chút âu lo, vì đã linh tính được, nỗi

buồn đau sẽ tới. Nếu khước nhìn ấy, tiếng cười ấy bình thường thôi, có lẽ, dấu mền Thấm bao nhiêu, sư cũng đành cam phận tu hành. Sư đã hạ tóc, mặc nâu sồng để giữ giới, để làm nên “rào cản”. Một chàng trai trẻ không tu hành có thể chủ động với nam tính, ngỏ lời yêu, có thể công khai yêu một cách tự hào, hoặc công khai buồn đau bị thất tình. Nhà sư, áp lực đạo đức buộc chặt, khó biết bao. Và với Thấm, cũng thế. Yêu bất kì chàng trai nào người dưng khác họ, người không xuất gia, có sao đâu. Chẳng phải Thị Mầu trong truyện cổ Phật giáo đã khắc sâu một hình tượng ngụ ý răn dạy đậm tính phê phán đó sao. Chẳng ai dám vượt rào cản của áp lực đạo đức xã hội để yêu một nhà sư. Dấu sao, đấy là tình yêu tội lỗi, làm hoen ố cửa thiền, điều mà phạm phải thì đáng chết hai lần, tui nhục cả gia phong. Thấm yêu, trong âu lo, và biết trước bất hạnh sẽ đến.

Sư Tâm Tự, hai mươi mốt, hai mươi hai tuổi, cô Thấm, mười chín, hai mươi, vẫn chẳng hiểu tại sao lại phải lòng nhau oái oăm đến thế! Hai người không hiểu vì sao, và chẳng làm sao cảm nỗi lòng mình! Dấu sự lén lút, giấu giếm càng nhân nhiều lần nồng độ nhưng rồi cũng chẳng đến đâu!

Trong một đêm chỉ sáng mờ với ánh sao trời, Thấm vác cả cây tầm vông vạt nhọn đến chùa. Thấm độ rày xanh mét, lúc này tóc mai bết mồ hôi, ràn rụa nước mắt. Thấm run rẩy bên nhà sư trẻ trong bóng đêm, phải rất gần mới rõ mặt nhau. Thấm khóc. Thấm chỉ nói với nhà sư trẻ một câu, rồi ôm mặt lặng lẽ bỏ đi.

- Có lẽ em sẽ đi lấy chồng, còn cách mô khác được!

Sư đứng sững, tựa vào vách chùa, đến khuya. Nhà sư trẻ, rất đàn ông, cũng ràn rụa nước mắt.

Và sư Tâm Tự vào phòng, tụng kinh đến sáng.

Rồi băng đi rất lâu, sư nghe Thấm đã yêu anh giáo Hiền, người thanh niên thân thiết với sư hơn cả ruột thịt, Thấm sinh nở, đã chết vì sản hậu! Sư chỉ còn biết thờ dài.

Thật ra, trước đó, cũng đã có lời dị nghị trong đám thanh niên cứu quốc về tình cảm là lạ, họ chỉ thấy là lạ thôi, giữa sư với Thắm. Họ rất tinh nhưng cũng nhờ tác phong đức hạnh của sư, của Thắm xưa nay, họ chẳng dám nghĩ xa hơn. Hơn nữa, hai người rất khéo kín chuyện.

Rồi kết cục đã rõ ràng, Thắm đã yêu giáo Hiền - giáo Hiền đã mấy năm đeo đuổi Thắm. Thắm với giáo Hiền đã có chung đứa con, và sau khi sinh, cô ấy chết vì sản hậu. Giáo Hiền chăm con như chăm trứng, đã đem con về nhà, gà trống nuôi con, khi cu Học chưa đầy một tuổi. Giáo Hiền, sư Tâm Tụ vẫn là đôi bạn chí thân. Hơn ai hết, giáo Hiền là người tin tưởng, khâm phục đạo hạnh, sự thông tuệ của sư Tâm Tụ.

Năm tháng trôi qua.

Suốt hai mươi hai năm, từ khi về trụ trì, năm bốn tư, đến khi Mỹ nguy buộc dời làng, năm sáu sáu, sư Tâm Tụ ngày đêm tụng kinh, thuyết pháp, tập võ thuật đều đặn, đều đặn đọc sách, mùa nổi mùa cuốc đất trồng rau, cày ruộng.

Đôi khi, suốt bao nhiêu năm, sư thờ dài, nhớ và thương cô Thắm. Thắm mãi mãi hai mươi tuổi thanh xuân trong trái tim sư. Những khi đó nhà sư đã trần trở xưa đuổi bóng hình Thắm. Sư cắn răng tàn nhẫn với mình, với người yêu đã chết.

Năm tháng cứ trôi qua.

6

Đã rất nhiều năm sư Tâm Tụ muốn lãng quên tất cả. Tiếng tụng kinh vang lên u trầm từ lồng ngực, đều đều, với nhịp mõ khô khốc, cũng đều đều, điểm tiếng chuông thanh thoát, ngân nga âm hưởng, với làn hương khói nhang trầm lâng lâng bay lên, la đà, bay lên, trong ngôi chùa cổ ẩm thấp rêu phong, tĩnh mịch. Ngày qua ngày, đêm qua đêm. Nhưng

đấy là một nỗ lực nội tâm để đạt tới cảnh giới siêu thoát, cũng chẳng đâu khác, trong chính nội tâm. Cuộc đất, trồng rau, cày ruộng, tập võ thuật và nghiền ngẫm sách kinh, cũng là phương cách nuôi dưỡng tâm linh trong thế quân bình với xác thân phàm tục, để quên đi tất cả. Nhưng chẳng thể quên được điều gì. Không thể.

Trên gương mặt dân làng, hầu như đều là đạo hữu, dù quy y hay chưa, hoặc không, vẫn không giấu được những nỗi niềm thế sự và thời sự. Làm sao sự Tâm Tự không ư tu.

Nhân dân kháng chiến chống Pháp, sau lưng Pháp là Mỹ, một cách quyết liệt. Và chiến thắng Điện Biên rực rỡ vang dội thế giới. Từ sau Thế chiến thứ hai, bàn cờ quốc tế đã chia hai khối, hai phe rõ rệt. Từ giai đoạn chiến tranh chống thực dân Pháp xâm lược, bóc lột, còn gọi là giai đoạn “Bình Tây sát tử” (II.12), vào thời Nguyễn thế kỉ trước, đến nay, trong gần một trăm năm đó, dần dần, cuộc chiến tranh mang tính ý thức hệ. Phong kiến giương cờ. Tư sản - tiểu tư sản, đúng hơn - đã giương cờ. Lại vô sản giương cờ. Không còn là chiến tranh chống ngoại xâm của một quốc gia mà đã mang tính chất quốc tế. Hà hơi tiếp sức cho Pháp, Mỹ đã công khai bóc lột trắng trợn bản chất. Và Liên Xô, mô hình ấy, quy về trung tâm là Nga, cũng khiến người dân có suy nghĩ e ngại. Nhân dân vẫn e ngại, dẫu biết Liên Xô giúp các nước thuộc địa.

Đất nước bị chia cắt trong sự sắp xếp của hai khối, theo dạng nước Đức sau năm bốn lăm. Triều Tiên sau này cũng thế. Bảo là quốc tế, thực ra chỉ chín nước, và thực chất do sự định đoạt của các siêu cường, cường quốc, số đếm chưa hết ngón trên bàn tay. Quả là phi lí!

Dẫu có Mỹ ủng hộ, phái đoàn nguy vẫn bị gạt ra rìa, bởi đó là lẽ đương nhiên!

Số phận của các nước nhỏ là thụ động, bị động, giới lắm là cố gắng chủ động trong thế buộc phải thụ động, bị

động ấy... Các nhà lãnh đạo cuộc kháng chiến tài ba, sáng suốt và chiến công đạt được hiển hách đến thế còn phải thế, nói gì đến “dân ngu khu (mông) đen”, mù chữ, thiếu ăn, thiếu mặc. Thời thế đã thế, nói gì một nhà sư quê mùa, thông tuệ, cố lãng quên thế cuộc mà chẳng thế.

Sư Tâm Tụ thấy toàn dân, Nam cũng như Bắc, đều thụ động, bị động như thế, trước sự chia cắt Đất nước. Số lượng người di cư và tập kết không nhỏ cũng nằm trong sự sắp xếp của các siêu cường, cường quốc. Đây là một sự chia cắt lâu dài. Nếu không có ý định chia cắt lâu dài, di cư, tập kết làm gì.

Sư Tâm Tụ bị cột chặt ở làng quê vì trách nhiệm với Đạo Phật, cũng vì sự yên ổn tri tri của nếp sống.

Sự giằng xé giữa yêu nước là ủng hộ Cách mệnh với chí nguyện hoàng dương đạo pháp của Đức Phật và cũng của sư, từ những năm xưa, khi mới trở về làng, lại đau đầu. Một hi vọng mơ hồ, rằng sẽ giữ vững Đạo Phật ở Miền Nam, dần dần đấu tranh thoát khỏi ảnh hưởng nanh vuốt của đế quốc Mỹ, dậy lên trong lòng sư. Như thế, vô hình trung, sư đã chấp nhận chủ nghĩa tư bản với ước vọng Đất nước, dân tộc được độc lập, tự do trong khối tư bản chủ nghĩa, hoặc trung lập, mà thực chất, trung lập cũng tư bản chủ nghĩa đấy thôi, hoặc chỉ là danh từ mị dân. Không thể thoát được sự áp đặt chi phối của một trong hai khối. Khi nước mình là nước nhỏ, lại bị chia hai, rõ là hai miền đã thuộc về hai phe.

Sư Tâm Tụ thụ động, bị động, như đa số người dân, với một hi vọng mơ hồ để tự trấn an, tự xoa dịu. Hoàn toàn lúng túng và cam chịu! Chẳng hi vọng gì ở tổng tuyển cử! Ngô Đình Diệm được chuẩn bị làm con cò, một con cò “tội nghiệp”(!), từ bao năm trước, để làm đối trọng với Bác Hồ. Làm sao Ngô Đình Diệm, con cò dựa vào Thiên Chúa giáo, “sản phẩm” của Thiên Chúa giáo, gắn liền với thực dân, đế quốc, lại đối trọng được! Sư chẳng ngạc nhiên gì khi tổng

tuyển cử, nghe đâu chỉ là giải pháp xoa dịu để “hoãn binh”, không diễn ra. “Hoãn binh” để chia cắt lâu dài!

Rồi, năm sáu mươi, Mặt trận Giải phóng Miền Nam Việt Nam được thành lập, thực chất là một hình thức đấu tranh của Đảng Cộng sản Bắc Việt Nam. Ngọn cờ trung lập giương lên cũng chỉ là ngọn cờ tập hợp thêm số trí thức chống Mỹ và Diệm nhưng không cộng sản. Mặt trận Giải phóng ấy với Chính phủ tại Hà Nội chỉ là một. Chính phủ Bắc Việt sinh đẻ ra, nuôi dưỡng, chỉ đạo Mặt trận Giải phóng. Như thế là đã rõ ý định của Đảng Cộng sản, - Sư Tâm Tự nghĩ vậy -, dùng vũ lực để giải quyết vấn đề!

Rồi hàng rào Mác Na-ma-ra, Mỹ thiết lập ba năm sau ngày Diệm - Nhu bị giết chết bởi cứng đầu - vẫn cứng đầu sau khi hoàn tất nhiệm vụ độc tài với mưu toan truyền bá Thiên Chúa giáo làm quốc giáo. Một chiến dịch tuyên truyền hạ-uy-tín-đã-dựng-nên cho các bung xung Diệm - Nhu: gia đình trị, loạn luân giữa Diệm với Lệ Xuân, trên sách và báo chí, đã diễn ra từ ba năm trước. Năm một chín sáu sáu, bước sang sáu bảy, sư Tâm Tự bàng hoàng rời khỏi làng quê đã biến thành vành đai trắng.

Ảo vọng độc lập, tự do trong khối “thế giới tự do” đã tiêu tan từ khi Phật giáo bị Diệm - Nhu đàn áp đẫm máu và người Mỹ ngày càng cắm sâu nanh vuốt vào Miền Nam với “âu lo xích hóa” (đỏ hóa) toàn Đông nam . Sư Tâm Tự bàng hoàng. Chính trị là vấn đề đơ-mi-nô sao!?

Sư nghĩ, Đảng Cộng sản Việt Nam bản lĩnh hơn, dày dặn kinh nghiệm hơn, cố giành thế chủ động hơn, và đã có công đánh Pháp, Nhật thắng lợi, nên chính danh hơn, nhưng thực chất cũng do Nga Xô, do Trung Cộng góp ý, viện trợ. Ở Miền Nam, các chính khách chính khứa và lãnh tụ đều quá non tay, phi chính danh từ đầu, người Mỹ cũng quá ngu khờ khi đứng ra thách thức cộng sản, lại trực tiếp đổ quân. Về mặt chính trị, từ khi dính líu đến chiến tranh Đông Dương trước Cách mạng Tháng tám đến khi rút ra

khỏi sự sa lầy, Mỹ đã không che giấu, ngụy trang bản chất đế quốc, lại trắng trợn phô bày bản chất sô-vanh, ma-phi-a chính trị.

Sư Tâm Tụ đau lòng khi bước chân vào Đông Hà, bỏ lại cả một làng quê bời bời cỏ tranh, cỏ lau và bom đạn, trong tâm trạng u tối, bế tắc. Vũ khí luận - quá tin vào sự tối tân, giàu có vũ khí của các tập đoàn tư bản kinh doanh vũ khí ở Mỹ -, chúng đã vận dụng triệt để vào Đất nước này, làng quê này. Sư ngừa mặt nhìn thấy những cụm mây trắng bay, bay trong ảo vọng tuyệt đối thoát li trần gian máu lửa, và sự chấp tay bất lực. Sư tự nhủ, mình chỉ là nhà sư quê mùa, u mê.

Trong những tuần kinh kệ sớm hôm, tiếng tụng niệm u trầm có khi trầm thống, khói trầm nhang siêu thoát có khi ngở khói lửa chiến tranh, tiếng mõ tưởng tiếng báo động, tiếng chuông như tiếng báo yên, hay chuông mõ chỉ là tiếng tích tắc, âm thanh vang lên của thời gian nặng nề thê thảm trôi qua. Tiếng bom đạn gầm lên át hết. Sư sống trong tâm trạng chung của người dân Nam - Bắc.

7

Suốt sáu năm dài đằng đẵng, sư Tâm Tụ vào tu trì ở một ngôi chùa ngay thị trấn Đông Hà. Đêm đêm, đứng hướng mặt về quê nhà trên bờ nam sông Bến Hải, sư nghe rõ bao lưỡi dao kiếm cửa mãi, cửa mãi ngang lưng Tổ quốc.

Sư Tâm Tụ đã quyết liệt từ chối làm tuyên úy trong quân đội ngụy Miền Nam, dứt khoát không. Đã đứng bên ngoài thì đứng hẳn bên ngoài cuộc chiến tranh vừa mang tính chất hai khối, vừa mang tính chất tương tàn trong sự xung đột ý thức hệ, mặc dù cán cân để đo lường chính nghĩa, chính danh đã nghiêng về phía cộng sản.

Sự nghe tiếng súng AK. 47 lẫn AR.15 nổ, tiếng pháo kích từ rừng xanh hay nông thôn đã được bộ đội chính quy Bắc Việt và du kích rút về thị trấn, tiếng đại bác từ 105 đến 175 li bắn đi với tiếng dội bom ngăn chặn sự xâm nhập của bộ đội vào Nam, tưởng như thấy được sự xung đột ý thức hệ: Duy tâm và duy vật bắn nhau, hữu thần và vô thần giết nhau, tư bản và vô sản quyết một phen sống chết. Vàng và đỏ quyết không cùng tồn tại?

Miền Bắc không ngớt hát trên đài Hà Nội và đài Giải Phóng bài ca Giải phóng Miền Nam. Phải giải phóng Miền Nam vì đế quốc Mỹ xâm lược, nguy quyền Sài Gòn chỉ là nguy, bán nước, tay sai. Điều đó đúng. Nhưng giải phóng Miền Nam vì nhân dân bị kìm kẹp, rên siết, nô lệ, đói nghèo, phải cần xem lại nếu không muốn nói là sai. Không, bây giờ, sau khi Diệm - Nhu bị lật đổ, Miền Nam quá tự do, tự do đến mức vô chính phủ, quá dân chủ đến mức vô trật tự. Trong không khí đó, Phật giáo vẫn tiếp tục đấu tranh, chống Thiệu - Kỳ (Thiệu, một con cò khác của Thiên Chúa giáo, nhưng con cò lần này “ắm” mặt [úp mặt] mang nhãn hiệu thập giá!). Trước tình hình đó, để mua chuộc nhân dân, Mỹ và đồng minh đổ vào Miền Nam đến thừa mùa gạo, vải vóc, thuốc thang. Sự Tâm Tự nghe đài Hà Nội, đài Giải Phóng, thấy phóng viên hai đài đó chẳng có chút thực tế nào, nên lắc đầu ngao ngán. Làm sao tin được để có thể ủng hộ Bắc Việt. Có điều, hai đài đó không bao giờ nói thẳng về tôn giáo, và luôn phủ nhận đây là cuộc chiến tranh ý thức hệ đơn thuần.

Báo chí Miền Nam, đủ khuynh hướng chính trị. Riêng đài phát thanh, đài truyền hình là của chính quyền Sài Gòn và Mỹ. Các loại đài lại rêu rao một cách khăng định, chống cộng sản xâm lược! Nhưng luận điệu tuyên truyền của đài Gương thiêng ái quốc, cũng như Sài Gòn, Tự Do, quá chừng ấu trĩ về chủ nghĩa duy tâm, thực chất là lợi dụng mê tín dị đoan vào chính trị, như chương trình coi bói “Gia đình

bác Tám” rề tiền, ngu ngốc. Rồi vẫn các đài đó hát bao bài ca ủy mị, rầu rĩ, ca bao bài ca về anh lính cộng hòa mang đầy chất “yêng hùng”, hào hoa xa rời quần chúng. Rồi cũng không phải đài nào khác, các làn sóng phát thanh ấy vẫn một mực khẳng định, cộng sản độc tài, bóp chết tự do, nhân quyền, nhân dân Miền Bắc đói khổ...

Sư Tâm Tự bản khoản tự nghĩ. - Chẳng có ai ngu ngốc để cầm súng cho bên này hay bên kia, nếu nghe các thứ đài tuyên truyền ấy mà có suy nghĩ. Sự ám thị về tâm lí chính trị vẫn có hiệu quả nhất định với những ai chỉ nghe một phía, vì bị cấm đoán, dọa tù đày, hoặc được tặng máy chỉ bắt được một đài, hoặc tâm thế chỉ chịu nghe một phía - tâm thế hình thành do quyền lợi và có thể do ân nghĩa hoặc thù hận. Tư sản, địa chủ làm sao chịu nghe cộng sản. Kẻ bị cộng sản đấu tố, tịch biên, nghe cộng sản chỉ hiểu ngược, do tâm thế. Cũng do tâm thế, người bị Mỹ ngụy dội bom, bức hại, chúng tuyên truyền mấy cũng chỉ phản tuyên truyền. Ân nghĩa nhận từ phía này hay phía kia cũng làm cho tâm thế nghiêng lệch.

Sư Tâm Tự không thể không bị tạo nên tâm thế chính trị một cách ngỡ như vô thức. Nhưng sư chịu khó lắng nghe để rồi chẳng tin nổi bên nào. Chẳng ngã về phía nào lại cũng do một dạng tâm thế chính trị! - Sư bản khoản tự nghĩ. Và còn tỉ lệ các nguồn ám thị nữa!

Đêm đêm, sau tuần kinh tối, sư Tâm Tự quyết tâm phải hóa giải sự xung đột ý thức hệ vốn là xung đột mỗi phút. Theo kinh Phật, sư biết tâm không định ắt tuệ không sáng, như dòng sông Hiếu của thị trấn Đông Hà, mặt nước gợn sóng hết tấm gương tráng thủy không đều, phản ánh gì cũng đều méo mó. Cây cối, nhà cửa, vàng trắng đều méo mó. Bóng của chính sư trên cầu cũng méo mó dưới mặt trời. Sư thâm nghĩ, lòng mình luôn gợn sóng như sông Hiếu chẳng? Nho, Phật, Lão là ba tôn giáo - triết thuyết cổ ở Phương Đông. Thiên Chúa giáo chủ yếu phát triển ở

Phương Tây với nhiều giáo phái của nó. Chủ nghĩa tư bản làm cách mạng tư sản trên thế giới từ thế kỉ XVIII. Chủ nghĩa Mác - Lê đang hình thành một hệ thống sức mạnh. Phải nghiên cứu tất cả, đừng cảm thừa nhận những gì sai lầm, hàm hồ và lỗi thời, những gì là chân lí, là khoa học, có giá trị thực tiễn! Sự rùng mình sợ hãi khi nghĩ mình đang bị đải, báo ám thị, khiến cái tâm hóa dòng sông ngẫu bọt, đen tối.

Thao thức, trăn trở, bế tắc! Những năm sáu mươi, bảy mươi, ở Sài Gòn, ở Huế và các nơi tại Miền Nam có một vài khuynh hướng hóa giải những đối cực, hòa giải những đối kháng để tìm điểm tương đồng, dẫn đến thống nhất tư tưởng nhưng rốt cùng cũng bế tắc. Thế cuộc vẫn một sống một chết! Lòng người vẫn thiên kiến, cố chấp dù nhân danh trung thực, vô chấp, tâm không! Chưa ai đủ trí tuệ để làm điều đó trong điều kiện súng bom gầm thét. Vì thế, súng bom vẫn gầm thét. Đối thoại chỉ là đối thoại giữa bạo lực với bạo lực. Đấu bút thành đấu súng giữa chiến trường. Chân lí của súng thực tế hơn chân lí của bút. Nhưng đâu là chân lí? - Bao lần sự tự độc thoại. Sự Tâm Tự đọc nhiều, nghe nhiều, vẫn chỉ bế tắc trong sự bế tắc của thời ấy. Chưa một tiếng nói nào có sức thuyết phục.

8

Nắng tháng sáu mới hơn mười giờ đã quá gay gắt. Ba ông cháu vẫn ngồi nhấp giọng nước chè xanh, chuyện vãn. Chén nước thơm hương gừng trên tay Hiền Lương đã nguội ngắt.

Trong nắng chín rực mùa hè, trong gió Lào khô khạo, cuốn sách Vô ngôn Vô tự bên Thánh Gióng và bản đồ Tổ quốc, cuốn sách cũng Vô ngôn Vô tự khác bên quả cầu tròn, được làm bằng cây chè lá nhỏ, đang lật giờ từng trang.

Có nhiều trang đã bị gió giở vội không kịp đọc. Có nhiều trang cơ chừng dính vào nhau.

Ông giáo Hiền mỉm cười với nụ cười hiền hòa. Ông nói:

- Thật ra, có nhiều điều mình không biết. Mình chỉ biết đại khái về sư Tâm Tự, nhưng mình tin cuốn sách Vô ngôn Vô tự kia biết hết. Ngoài hai cuốn sách ấy, chẳng ai biết hết chính mình, nói chi về ai khác.

- Thưa ông, sau năm bảy hai, ông về lại đây, còn sư Tâm Tự? - Hiền Lương hỏi.

- Đúng rồi. Sư Tâm Tự nghe đâu đã vào chùa trong trại tị nạn ở Non Nước, Đà Nẵng. Năm bảy ba, dân Quảng Trị hồi cư bên kia sông Thạch Hãn. Phía bắc Thạch Hãn trở ra đã được ta giải phóng. Sư Tâm Tự lại tu ở một chùa nào đó bên bờ nam. Chỉ sau Ngày Thống nhất tháng tư bảy lăm, sư mới về lại chùa làng. Cơ khổ, chùa chẳng còn viên gạch, viên đá nào nguyên vẹn! Khuôn hội chỉ làm tạm mái tranh trên nền cũ. Hơn mười mấy năm, chùa vẫn tre và cỏ tranh, làm đi làm lại vẫn tre và cỏ tranh. Hồi mới giải phóng, có nhiều cán bộ, du kích còn khát khe với tôn giáo lắm. “Aâu trĩ “tả” khuynh” mà, nên khát khe quá đáng! Chính mình là cộng sản nằm vùng, mình cũng ái ngại cho sư, nhưng chẳng biết làm sao. Chùa mới xây dựng vài năm nay, như cháu Hiền Lương thấy đó. Dân làng, đạo hữu cực khổ, chùa lấy gì để khang trang!

Hành vẫn nhìn ra khoảng trời ngập nắng ngoài khung cửa, ngoài giậu bông râm bụi, và tiếp dưới khoảng trời ấy, xa xa là cánh đồng, lũy tre xanh.

- Từ sau Ngày Thống nhất, mình với sư Tâm Tự lại thường xuyên gặp nhau, trao đổi, đàm đạo, thấy cũng vui. Mình không tu mà cũng như tu. Mỗi người tu mỗi cách. Tu tưởng ai buộc phải giống nhau mới thân với nhau. Đảng viên cộng sản mấy chục năm, mình vẫn là anh giáo quèn rồi lão giáo quèn, cũng như sư Tâm Tự, mãi mãi vẫn là đại

đức, đại đức trẻ rồi lại đại đức già. Bây giờ, mình với sư càng già lại càng thân nhau, còn hơn ruột thịt.

Hiền Lương lắng nghe, cảm thấy bức chân dung về sư Tâm Tụ vẫn chưa thể vẽ được. Nhưng làm sao có thể không vẽ về con người thăm thẳm, ngời sáng ấy, cô tụ bảo. Hiền Lương cảm thấy mình còn non nớt, nông cạn biết bao về con người và cuộc đời, với bao nhiêu biến động, trong đặng đẵng năm tháng tháng năm.

4. CƯỚC CHÚ chương IV: không có cước chú.

CHƯƠNG V

1

Chiều hôm qua, một trận mưa rào tuôn xối xả. Mưa rào mùa hè ở Quảng Trị cũng ào ạt trút nước như ở trong Nam. Nhưng hầu như cơn mưa nào ở đây, vào mấy tháng nóng nực nắng, gió lửa, cũng đều có sấm chớp, và trời lại thường đổ mưa vào lúc xế trưa ngả chiều. Hiền Lương mỉm cười nhìn mưa, nhớ Thủ Dầu Một, nhớ Sài Gòn. Đúng là trong ấy không có mùa, hay chỉ mỗi một mùa hè quanh năm nắng rực rỡ, và vào những tháng này, cũng mưa chiều ào ào xối xả thế này, có điều ít sấm sét hơn. Những hạt mưa trắng! Hiền Lương nghe thím Cận nói chiều qua: “Mưa như cơn đổ, muối trút” - trắng và trắng, trắng xóa. Có lẽ đó là những trận mưa no ẩm chẳng. Trước trận mưa, đất khô khốc, ruộng nứt nẻ đến đứt cả rễ lúa, giếng cạn, mỗi gàu nước múc lên đều có cát đáy giếng. Giờ đây tiếng sấm sẽ làm xanh lúa, xanh phới lên, và mưa hào phóng của mùa hè đã làm đất lạnh lại, giếng thoi cạn lòng.

Hiền Lương, sáng nay, vừa đi vừa mỉm cười.

Sao cô cứ mỉm cười hoài, Hiền Lương chẳng biết. Cô cũng chả hiểu vì sao ít nhớ nhà đến thế. Mỗi đêm, trước khi ngủ, có nhớ đấy, nhưng rồi cô lại mê mệt trong giấc rất say, mặc dù gió nồm nhiều khi tới khuya mới từ biển thổi về. Có lẽ, về đây, có nhiều cái hay, và Hiền Lương đi hoài, vẽ hoài, như trong cơn mê sáng tạo. Có lẽ, về đây, gặp quá nhiều điều để suy nghĩ đến nỗi cô đành phải ghi chép, chưa kịp xới lật, đào sâu tất cả.

Cây lá ven đường như sống bừng lên trong nắng sớm nay và hơi mưa chiều qua còn vương lại. Hành bước bên Hiền Lương. Anh quay mặt sang nhìn cô, nói khẽ:

- Như hôm trước lên chùa, mong hôm nay Hiền Lương sẽ gạt hái được nhiều điều, chính anh cũng sẽ bất ngờ.

- Không dám đâu! Anh giúp em thì có. - Hiền Lương cười.

- Hôm nay, mình sẽ gặp ông Nộp, một nhân vật có đến tám mươi lăm năm trong thế kỉ này.

- Em đã gặp, hôm đám giỗ. Trước đó em có đi vội lên đình mời ông ấy, nhưng do bố ngỡ và vội quá, nên chưa kịp hiểu gì.

- Ông ấy là chú ruột của thím Cận, đã làm từ giữ đình từ năm bảy mấy, tám mươi gì đó. Hồi anh mới học cấp hai, thường đến chơi với ông Nộp, đi cùng cháu ngoại của ông, học với anh một lớp.

- Nhưng cái đình để thờ gì, anh Hành? Em dốt lắm. Hầu như ở thành phố, cho dù nội hay ngoại thành, cái đình vẫn có, nhưng chẳng mấy ý nghĩa. Bọn em cảm thấy cái đình như một hình ảnh lỗi thời của quá khứ. Ngược lại, đâu đâu cũng chùa, cũng nhà thờ, thánh thất của tôn giáo, và nhà nguyện nữa chứ.

- Nếu vậy, cũng lạ. Nhưng thật ra, bọn anh ở ngoài này cũng mới tìm hiểu đây thôi. Trước đây, cách đây khoảng vài năm, còn rêu rúng. Chúng mình bậy thật, nếu Hiền Lương nói thành thật. - Giọng Hành bỗng chùng xuống, lại trở nên cứng hẳn đi -. Bậy thật! Chỉ người lớn tuổi còn lưu giữ được nhiều điều.

Hai người lặng im, bước chậm trên đường làng. Mỗi người đều cảm thấy có lỗi. Bao giờ sự vô tâm, thiếu sót trong nhận thức cũng làm người ta đâm ra giận mình.

Cũng như chùa, đình cũng mới xây dựng lại, trên một cuộc đất ít bị ngập lụt nhất vào mùa mưa bão. Những năm lụt thật lớn, nước bạc - gọi thế, vì đục màu bùn non - mới

dâng lên khỏa trần nền đình làng. Đình trông ra cánh đồng đang xanh những dảnh mạ non mới cấy.

Bờ thành bao quanh mặt trước lẫn hai bên khuôn viên của đình. Có ba cửa ra vào. Ba cửa ấy trở ngay mặt tiền. Bước vào cửa phụ một bên, Hành và Hiền Lương đứng lại, nhìn hai cây bàng khoảng hai mươi tuổi xanh những tầng lá. Có trái vàng đang chín trên cây. Sau hai cây bàng là bức bình phong khá dài, che hết bề rộng của ngôi đình. Đình cũng kiến trúc theo kiểu nhà rường, kèo cột bằng gỗ, rộng năm gian, chung quanh xây tường vách gạch. Nhưng đúng hơn phải gọi là dài năm gian, vì đình dựng theo chiều dọc. Một đầu hồi và chái trở thành mặt tiền với những trang trí còn sơ sài.

- Chùa ngang, đình dọc. - Hành nói khẽ.

Đình vắng hoe, nhưng dấu chổi chà quét sân còn mới, có thể thấy rất rõ vì đất còn ướt sau cơn mưa lớn chiều qua.

- Có lẽ ông Nộp mới đi vắng đâu đây. - Hành nhận xét -
Chắc chắn sẽ có đứa cháu của ông ấy bên trong.

Một cậu con trai cỡ mười sáu, mười bảy tuổi đang bước ra, giật mình thấy khách.

- Thưa thầy, - Cậu học sinh hơi lúng túng -, thưa cô. -
Rời khẽ cúi đầu chào.

Hành và Hiền Lương gật đầu chào lại. Hành hỏi:

- Có cố ở trong không, Lâm?

- Dạ thưa thầy, cố em mới về nhà ba em hồi sớm, nên nhờ em lên ngó chừng, giữ đình.

- Tiếc quá! Hiền Lương buột miệng.

Cậu con trai tên Lâm, học trò của Hành ở trường huyện, khẽ quay người mời hai người vào trong.

Phía sau đình, cuối một khoảnh đất rộng đang trồng mè (vùng) và khoai lang, ớt và cà, là một mái tranh thấp nhỏ, nhưng bốn chung quanh không phải phân tre trát phân trâu mà vách xây chưa quét vôi.

- Kính mời thầy cô vào nhà uống nước đã. Có lẽ cổ em sẽ về ngay thôi.

Hành nghĩ, ông Nộp sang nhờ chặt qua giữ đình, hẳn đi đâu xa, có lẽ chưa về sáng nay. Lâm nói thế, vì chỉ muốn giữ khách lại chẳng.

2

Hiền Lương nhìn ra phía hậu của đình, thấy còn chất nhiều gạch chưa xây, và khá nhiều ngói. Nhà của ông từ lọt thỏm cuối khoảnh đất sau của đình. Trước nhà, những luống đất đang trong vụ trồng tía. Hai bên hông đình, đất cũng được canh tác hoa màu phụ. Khung cảnh xanh ngắt, mát mắt quá.

- Cổ trông hay em trông vậy Lâm? - Hiền Lương tỏ ra thân thiện.

- Dạ, bọn em là chính. Cổ già rồi, năm nay đã tám mươi lăm tuổi. Nhưng cổ... điều hành. - Lâm tìm chữ, và cười -. Nhưng cổ vẫn chống nạng xốt cổ được. Cổ còn khỏe lắm.

- Chắc phải sống qua thế kỉ hai mốt. - Hành cười, nói.

- Thật hiếm có người già khỏe vậy. Chắc ngày xưa phải là đồ lực sĩ có hạng, Lâm nhỉ? - Hiền Lương nhìn Lâm.

- Dạ, em không biết. - Lâm thật thà -. Em nghĩ cổ khỏe là nhờ trời. Nếu không bị thương ở chân, chắc cổ còn khỏe nữa.

Cả ba cùng cười.

- Kính mời thầy cô dùng nước kéo nguội.

- Để nguội một chút, cảm ơn Lâm. - Khẽ quay sang Hành, Hiền Lương hỏi -. Người Quảng Trị mình thích ăn ớt cay, nước thì uống nóng, hay thật?

- Chẳng hiểu vì răng như rứa. - Hành cười -. Nóng là một vị.

- Vì nghèo! - Một giọng ồm ồm ngoài vách.
Hành hơi giật mình và ngạc nhiên, không ngờ sức nghe của đôi tai ông Nộp có khi còn rõ đến vậy.
Cả ba ngoái nhìn lại, ông Nộp đang dựng xe, chống nạng bước vào, cười thật lớn:
- Xin chào thầy Hành và cô! - Ông Nộp ngồi xuống chiếc ghế còn lại.
- Kính chào ông! - Hiền Lương thưa.
- Ông đạp xe đi có việc về. Việc chi sớm rứa thưa ông?
- Hành bắt chuyện.
- Đi thăm sư Tâm Tự, tặng ông sư chút hạt giống rau muống khô trái vụ.
Ông uống hết chén nước Hiền Lương mới rót.
- Tôi nghe sư Tâm Tự nói, cô Hiền Lương con gái chú Nông ra thăm, muốn vẽ một số tranh về người và cảnh làng mình?
- Dạ. Cháu chất ở xa, muốn được thưa chuyện với ông, xin được vẽ ông. Xin ông cho phép.
Ông Nộp hơi trầm ngâm. Ông nhìn Hiền Lương.
- Tôi cũng sắp về với ông bà, nếu được cháu Hiền Lương vẽ cho thì hay. Chắc vẽ truyền thần giữ được lâu hơn ảnh chụp.
Hiền Lương bối rối:
- Dạ không. Cháu không vẽ truyền thần kiểu đó. Cháu thích vẽ một cuộc đời, chiều sâu cuộc đời đó.
Hành giải thích thêm cho ông Nộp, giọng lễ phép nhưng vẫn lớn vì ông thường hơi nặng tai. Hiền Lương mỉm cười. Nét mặt ông Nộp dần dần sa xuống buồn rầu, ngưng ngưng. Cô thấy ái ngại quá, trách mình sao để hớ ý định. Có lẽ, bởi thấy ông vui vẻ, khỏe mạnh, khá hoạt bát nữa, nên nghĩ ông chẳng có gì buồn và ngưng ngưng như thế.
Lát sau, xua một thoáng không khí nặng nề, ông nói:

- Vẽ kiểu ấy, tôi chưa nghe ai nói. Tôi nói thật, tôi dốt nát và bậy bạ cả đời mình, chẳng có chi đáng vẽ. - Giọng ông Nộp hơi cứng lại, môi hơi run run.

Cả khuôn mặt ông tối sầm.

- Xin lỗi ông. Nếu ông không đồng ý, cháu xin thôi - Hiền Lương nói vội.

Ông Nộp nhìn Hiền Lương, tia nhìn lạnh lạnh và u tối. Như nén một nỗi gì nhức nhối trong ngực, ông thở dài, gắng kìm lại không để buông thành tiếng. Ông cúi đầu xuống, vàng trán hói nhẵn những nếp nhăn, tay lùa vào mớ tóc còn lại trắng bạc quanh đỉnh đầu, khuỷu chống trên bàn. Những ngón tay nhăn nheo, to bẫm, lốm đốm đồi mồi. Hiền Lương nghe gai ốc rợn lên trên da mình với một cảm giác ân hận. Cô định ra hiệu bằng mắt cho Hành để xin kiểu vẽ, vì sợ sẽ chạm vào nỗi đau quá lớn của đời ông. Bất ngờ, ông ngẩng phắt mặt lên, nhìn vào Hành, rồi từ từ đưa mắt sang Hiền Lương.

- Nhưng như rứa thì cháu vẽ để làm gì? Làm răng vẽ được một cuộc đời? Tôi dốt nát. Cháu Hành đã giải thích. Nhưng e răng làm răng một khoảnh khắc với một nét mặt nào đó lại hiện ra cả cuộc đời của một con người được! - Ông nói liền một hơi -. Cháu Hiền Lương muốn nghe kể lai lịch tôi, phải không? Một cuộc đời làm giặc! Ôm chân thực dân Pháp và đế quốc Mỹ! Đây là cả cuộc đời tôi! Điều đó tôi đã nghe hàng vạn lần, tôi cũng nói trước công an cải tạo, công an xã huyện, cả cháu chắt trong nhà hàng trăm, ngàn lần! Chẳng có gì để chối cãi, phân bua! Lí lịch, lí lịch hoài! Cứ tra tấn vậy, ác quá!

Ông dừng lại, uống ực chén nước thứ hai nguội ngắt, Hành đã rót hồi nãy. Cả bốn người lặng im, hầu như bất động trong sương mờ. Ông nhìn Hành, rồi đưa mắt nhìn Hiền Lương:

- Đó là sự thật. Cháu tôi đi dạy ở trường, nó chửi ông nó suốt năm này qua tháng nọ, dẫu chung cho loại người

như tôi, chứ chẳng riêng tôi. Tôi biết. Bày chất tôi cũng thế, chửi cổ chúng, chửi suốt buổi tối học bài, tối này sang tối nọ, cũng như mẹ nó, ba nó. Tôi nghe. Không sao cả. Có làm, có chịu. Tôi già rồi, sống nhiều, đi nhiều, biết nhiều. Tôi thấy cái liêm sỉ cuối cùng của con người ta là rứa đó. Làm, thì phải chịu. Làm việc nhục, phải chịu nhục. Không oan ức gì cả. Biện minh thêm nhục, và hèn. Bẩn thỉu, gian lận, hay gì đó, gần như thế nếu mở miệng biện minh.

Và ông mệt mỗi thờ hắt ra, bỗng run run cầm chiếc nạng, lại run run cầm chiếc nạng khác, từ từ đứng dậy. Hành lẫn Hiền Lương lúng túng chưa biết nói sao trước sự già sụm bất ngờ của ông.

- Hai cháu ngồi chơi. Tôi mệt quá. - Ông bước vào gian buồng sau chiếc tủ phía phải ngôi nhà nhỏ, vừa bước vừa cười to, đau đớn.

Hiền Lương chỉ kịp nói với theo:

- Cháu kính xin lỗi ông. Cháu không có ý định sỗ sàng thế.

Cô đứng dậy, bước theo và đứng sững giữa nhà. Mặt cô thẳng thốt.

- Phản phong, phản đế, phản thần! Ông Hiền, chú Học thẳng hết cả rồi. Tôi đầu hàng từ mấy chục năm rồi. - Giọng ông Nộ vọng ra, như tiếng gầm nặng nhọc -. Ngụy tặc thì cam chịu ngụy tặc.

Hành chỉ biết nói với gương mặt xanh mét:

- Lâm, em vào với cố đi. Chúng tôi xin phép ông để về.

Lâm cúi gầm đầu, nói:

- Thỉnh thoảng cố vẫn rứa, nên cố ở đây một mình, cố đuổi bọn em.

Bất giác Hiền Lương ràn rụa nước mắt. Cô vội vã bước ra. Hành bước theo.

Mười một giờ sáng, sau trận mưa chiều qua, đất trời vàng thẫm nắng.

Hiền Lương sực nhớ chiếc cầu vồng cuối cơn mưa ẩm ức một chiều nào đó đã xa xăm, trong không khí oi bức, phía chân trời của Thủ Dầu Một.

3

Hành bước bên Hiền Lương, trong khi cô đang cố ghì mình bước lại. Cô bàng hoàng. Hành cũng nói trong bối rối:

- Không ngờ ông Nộp còn đau đến vậy!

Hiền Lương lau nước mắt bằng chiếc khăn tay.

- Anh xin lỗi Hiền Lương.

- Chính em đề nghị anh đưa đến. Xin lỗi anh Hành.

- Thì đều có lỗi. - Hành gượng cười -. Thôi, mình vào thăm đình đi.

Hiền Lương chán nản, mệt nhọc nhưng vẫn bước.

- Bữa khác... Bây giờ em thấy ê ẩm trong người quá.

Cô bước ra trước cột trụ có đèn lồng, ở cạnh trái bình phong, ngồi xuống trên vành gạch viền xung quanh gốc bàng, lại đứng dậy, bước quanh gốc ra phía gần giữa mặt tiền bình phong, ngồi xuống. Cô muốn tránh ánh mắt của ông Nộp, ánh mắt có lẽ chua chát, đắng cay lắm, có thể đang nhìn theo. Và ánh mắt của Lâm nữa - đầy vẻ chịu đựng, buồn rầu, như chịu đựng một thiên tai, chẳng biết oán trách ai ngoài ông trời? - có thể cũng đang nhìn theo. Ông Nộp, đã đánh, và hình như đôi khi còn giả điếc được. Nhưng Lâm, nó có lỗi gì mà phải chịu đựng, buồn rầu đến cúi gầm đầu đến thế?

Hành cùng ghé xuống ngồi trên vành gạch. Hành chỉ biết để Hiền Lương nguôi xúc động. Anh buồn rầu nhìn hai vành gạch quanh hai gốc bàng, có hình hai đầu rùa nhìn nhau. Hai con rùa đội hai cây bàng. Hai cây bàng tỏa tròn từng tầng lá như hai chiếc tàn lọng nghênh Thần và châu

Thần. Anh chợt nhớ có người bạn đã bằng quơ hỏi anh: Hay đó là hai cây phả hệ? Không phải đâu. - Lần đó, Hành đã trả lời, cảm thấy tiếc là đất đình không đủ để trồng mười lăm cây phả hệ như thế.

Anh nhắc Hiền Lương đến chỗ khuất nắng.

- Anh nghĩ gì vậy, anh Hành? - Hiền Lương khẽ hỏi.

- Không, nghĩ gì đâu. Làng này có đến mười lăm họ tộc. Đình làng là nơi thờ mười lăm vị khai canh lập ấp đứng đầu mười lăm họ tộc, và những ai đã cùng các vị đến đây lần đầu tiên, thường là người trong họ, trong gia đình. Mỗi họ tộc có một nhà thờ họ để quy hướng tâm linh theo huyết thống. Mỗi gia đình chỉ cúng giỗ ba đời trước gia chủ. Chẳng hạn như con cái của Lâm sẽ hết cúng giỗ ông Nộ rồi nếu ông ấy mất, mà sẽ gửi tên tuổi vào tộc miếu họ Phan. - Hành thấy có gì tàn nhẫn khi ví dụ như vậy, anh nói nhanh để khóa lắp -. Mười lăm họ tộc sẽ quy hướng tâm linh theo cộng đồng hương ấp truyền thống vào đình làng. Mọi đình làng trên khắp cả nước sẽ quy hướng tâm linh về Đền Hùng ở Phú Thọ. Đình làng cũng như nhà rông các buôn, bản miền núi, thượng du. Hi vọng tháp Chàm và nhà gì đó ở các phum, sóc cũng vậy. Có một sự quy hướng như thế về tâm linh để thắt chặt một đại gia đình các nhân tộc trên Tổ quốc. Nhân tộc, tức là tộc người.

- Có hệ thống quá. Anh Hành giỏi thật! Một truyền thống như thế mà sao không học trong trường học nhỉ!

- Truyền thống sờ sờ ra đó, nhưng rồi đất nước bạn chiến tranh, thêm bệnh "ấu trĩ "tả" khuynh" nữa. "Tả" khuynh là một thứ bệnh làm xói mòn đáng kể! - Hành cười chua chát. - Cục hữu, phải nảy sinh cục tả, vậy đó.

Anh nhìn lên nóc đình, tầm mắt vượt qua đỉnh bình phong, thấy một đôi rồng đang leo trên hai mép đầu hồi, cùng nâng một quả tròn âm dương, ngày xưa gọi là "lưỡng long châu nguyệt". Hành nhớ đến sư Tâm Tụ, nghĩ ngôi đình làng cũng sẽ rất hiện đại và cổ kính...

- Ấu trĩ là con nít, khờ dại, thậm chí là ngu ngốc. Nhưng “ai nên khôn mà chẳng dại đôi lần”, không, phải khôn nữa kia mới khôn ra, trưởng thành. Ngày xưa, bệnh “ấu trĩ “tả” khuyh” kinh khủng lắm. Ngày xưa, người ta chống cộng sản cũng phải, vì bệnh “quá tả” phủ nhận sạch trơn sạch trụi di sản tâm linh, thánh hiền, Chúa, Phật. Mọi thứ tượng, mọi đình đền miếu vũ, nhà thờ, chùa chiền, kể cả Khổng miếu, đều bị đập phá tuốt. Ở Liên Xô, ở Trung Quốc, và ngoài Bắc, nhất là ở Trung Quốc thời Đại Cách mạng Văn hóa... đều “ấu trĩ” như thế. Tất nhiên là vô lí, là điên cuồng. Nhưng trong cái vô lí, điên cuồng ấy có cái lí của nó.

Hiền Lương cười:

- Báo chí dạo Đổi mới này nói nhiều lắm. Em có đọc. Nhưng cái đình kia.

- Ủ, thì vậy đó. Thật ra, đình làng còn thờ Thần, thờ Thành hoàng nữa. Thần theo tín ngưỡng dân gian, có thể là mê tín. Thành hoàng phải là các danh nhân lịch sử dân tộc, địa phương. Danh nhân? Đúng. Cùng các danh nhân, có cả những tấm gương sáng về đạo đức như hiếu thảo, vượt qua, vượt lên thân phận tật nguyên chẳng hạn. Theo hệ thống: Thần, Thành hoàng (người trần phàm trở thành danh nhân), danh nhân (bậc dưới danh nhân được phong làm Thành hoàng), gương sáng. Hệ thống khác: các vị khai canh của các tộc, những người có công với làng, xưa và nay. Đình là pho sử biên niên sinh động của làng và nước... Thật ra, nên gộp thành một hệ thống.

- Có hữu khuyh không? - Hiền Lương cười, hỏi.

- Mê tín thì thôi. Nhưng thờ Thần quy hướng vào đình là được rồi. Các phiếm thần bái vật giáo: Thần Cây đa, Thần Cá ông... thì thôi... Thần, nói chung là Trời đất, Non sông Làng nước.

Hiền Lương mỉm cười.

- Anh nói nghiêm túc, thành khẩn đấy. Phải quy hướng tâm linh các cộng đồng nhân tộc, làng ấp trên Tổ quốc. -

Anh chợt nhớ đến ông Hiền với cụm hình tượng bằng chè kiềng của ông, trong một thoáng băng khuâng, rồi Hành lại mỉm cười -. Em thấy cái đình, Đền Hùng (ở Phú Thọ) và Đền thờ Tổ quốc Việt Nam (trên đỉnh đèo Hải Vân, sẽ thờ Tổ vua Chăm khai quốc, Tổ vua Thủy Chân Lạp, các Tổ của các nhân tộc thượng du với vua Hùng) là hay chứ? Và Trời, đấy chính là Hồn thiêng Sông núi.

Hiền Lương vẫn giữ nụ cười nãy giờ, nụ cười của một người chăm chú lắng nghe. Cô nói khẽ:

- Vậy là có gạn lọc, gạn đục khơi trong truyền thống, lại có cách tân! Chắc chắn không còn hủ tục “xôi thịt”, “chiếu trên chiếu dưới” cách bức?

- Quy luật phát triển! Tất nhiên có đào thải, có bổ sung, chỉnh lí, sáng tạo, cách tân. Quy luật! - Hành nhấn mạnh -. Quy luật! Và tiến bộ, văn minh! Hiền Lương đồng ý không?

Hiền Lương cũng nói: Vâng, quy luật phát triển! Rồi cả hai cùng mỉm cười trong niềm xúc động.

Bóng râm tán bàng đã tròn lại dưới gốc, hơi ngả về phía bức bình phong. Cả hai mãi mê chuyện văn, chợt thấy đã trưa lắm rồi.

Phía cánh đồng, lúa hè thu xanh trong lấp loáng nước.

- Trưa rồi, anh em mình về chứ?

- Thật tội ông Nộp. Dẫu sao, cũng đáng trách và đáng thương, và cũng cần phải cảm thông. Nhưng lịch sử là lịch sử. Đây là khoa học khách quan. Khoa học lịch sử, đây là công lí, là tòa án, là pháp đình. Biết làm sao được! Cũng như tòa án, không công minh sẽ nguy hại trước mắt, di hại về sau, ảnh hưởng đến sự tồn vong của dân tộc, Đất nước. Có thể nguy biện cho các vị quan thời Bắc thuộc ngàn năm được không? cho Trần Ích Tắc, Hồ Quý Ly được không? cho Tôn Thọ Tường được không? cho Dục Đức, Hiệp Hòa, Trần Tiến Thành, Tuy Lý vương, Hồng Hưu, Nguyễn Hữu Độ, Đồng Khánh, Nguyễn Thân, Hoàng Cao Khải được không? Và cũng không thể nguy biện cho Tạ Văn Phụng,

Trương Vĩnh Ký, Nguyễn Trường Tộ, Diệm và Thiệu! Giả định một cách nêu vấn đề như thế đã là không ổn! Thậm chí, là xúc phạm đến danh dự Tổ quốc! - Giọng Hành vẫn từ tốn, chột dụi lại, thấy mình đẩy vấn đề đi khá xa như thể đang trượt vào nỗi buồn giận -. Biết làm sao được! Nhưng bây giờ, ta vẫn quý mến ông Nộ như một con người, một người có tuổi tác.

Hiền Lương không nói gì. Mỗi người hãy chịu trách nhiệm về chính mình trước xóm làng và dân tộc, trước cuộc đời và thời gian. - Cô nghĩ vậy.

4

Quãng thời gian bảy năm trai tráng của Nộ ở dinh quan phủ khởi đầu bằng vụ lí trưởng mất một con chó Tây, kết thúc bởi một cái bạt tai vào mặt cậu ấm. Bây giờ, đã hai mươi lăm tuổi, Nộ ôm bọc áo quần với mấy đồng tiền còm buộc quanh lưng quần, lủi thủi về làng. Nộ buồn và nhục, nhưng tận trong thâm tâm, Nộ cảm thấy mừng.

Nộ còn nhớ, lúc thiên hạ đang rĩ tai nhau về vụ hành quyết ông Nguyễn Thái Học, và Xô-viết Nghệ - Tĩnh, một cuộc khởi nghĩa, bị chìm trong máu, cũng là lúc Nộ bị lí trưởng đòi lên hầu.

Lí trưởng vốn là con của một phú nông trong làng, đã ra riêng trong một ngôi nhà ngói, gỗ mít, mua trên Cửa về cát, và đã được một hàm cửu phẩm. Nhà thì đã đành, đến hàm cũng nhờ tiền mua mà có. Lí trưởng nhìn Nộ đang cúi người thật thấp để lạy chào, đang lom khom đứng khép nép. Lạy, lom khom, khép nép trước mặt quan lớn quan bé, ấy là lễ. Nộ đâu dám vô lễ dẫu đấy là cái lễ kì quặc. Và nét mặt phải tỏ ra sợ sệt nữa, không thì lỗi phép.

- Nộ! - Lí trưởng gọi -. Phan Nộ!

- Dạ, bẩm ông lí, có con đến hầu. - Nộp thưa, mặt tỏ ra sợ hãi gấp mười lần nỗi sợ trong lòng cho lí trưởng sững bụng.

- Có phải mi thịt con chó bẹc-giê của tau (tao) không?

Nộp hãi hùng thật, quỳ sụp xuống, lạy không nghỉ tay.

- Dạ, bẩm ông, con có mô (đâu) mà ngu dại hỗn hào rứa!

- Nộp!

- Dạ, bẩm ông...

Lí trưởng quát mắng, nhưng đã hơi bán tín bán nghi. Con chó Tây lí mua được, khá nhiều tiền chứ chẳng đùa, nuôi cho sang thêm ngôi nhà ngói gỗ mít vùng Cù nãi tiếng, bóng lộn, vàng rực. Con chó bông dựng mắt, lí đầu điếng. Nhưng biết ai tròng thông lọng hay đánh chết? Lí trưởng đã kháo mười lăm đứa, đứa nào cũng chối bai bãi. Lí nghĩ, đứa nào đó phải khỏe lắm, gan lắm.

Ngồi nghĩ một hồi, bực quá, cũng thương Nộp bao nhiêu năm giữ trâu cho cha mình, hiền và chăm, lại cũng biết lễ, biết phép.

- Nộp, tau tức cái chuyện ni lắm. Mi mà chọn (giỡn) mặt thì chết. Để rồi tau sẽ tìm ra. Nhưng, nghe đây. Nộp!

- Dạ, bẩm ông lí. Không dám chọn mặt ông lí, không gian xảo, con nỏ dám bắt trộm như rứa. - Nộp lạy lạy, lạy để.

- Thôi! Gác chuyện đó lại. Nhưng mi phải đi lính. Quan lớn trên phủ mới cho trát về đây. Mười đứa.

Nộp nghe được tha chuyện trộm chó, mặc dù không trộm, cũng mừng, lại bàng hoàng về việc phải đi lính. Ông lí đã bảo, làm sao mà cãi! - Nộp nghĩ -. Lính thì lính, cũng đi kéo mang họa.

- Dạ, ông lí bảo rằng, con nghe rứa.

Nghe dặn dò một lúc, Nộp được ông lí cho về. Ra về, dọc đường Nộp nghĩ, thằng lí trưởng này hơn mình mấy tuổi đâu mà còn hơn thành hoàng trong đình. Đ.m., ỷ thế

cha! Không biết đi lính gì, khổ vàng, khổ xanh, khổ đỏ? Đi lính khổ đỏ về, hết thằng nào hồng hách! Đ.m., ỷ thế nhà giàu! Con con ông ông con c.!

Nhưng Nộp không được như ý. Nộp chỉ được đi lính đồng hầu quan phủ và gác dinh quan.

Thế là Nộp già từ mẹ già, những anh, những chị đã có vợ, có chồng, đã ở riêng hoặc còn ở chung một nhà, già từ mười tám năm lẫn lê, vọc đất, mút tay tròn trụi, rồi đi mót khoai, rồi đi giữ trâu cho cụ lí cụ u, đi gặt thuê cày mướn. Nộp già từ mười tám tuổi.

Một sáng sớm, Nộp cảm thấy mừng thầm, bởi sau khi gạt nước mắt, chào mẹ, chào anh chị, các cháu, là trời hửng nắng. Người ta thường bảo: Ra đi khi trời hửng nắng trong mùa đông lạnh nhức xương là điềm lành (!). Nộp vừa đi vừa cầu khẩn, mong được quan yêu bạn chuộng cho đời bớt khổ. Và Nộp cùng chín thanh niên trai tráng khác theo chân lí trưởng lên dinh quan. Đúng ra, phải gọi là vô, nhưng chẳng hiểu có phải người ta nghĩ đến chiều cao của quyền lực không, chỉ dám gọi là lên, lên dinh. Dinh còn có nghĩa là phủ lệ nữa!

Nộp vốn là đứa bé thông minh, là chàng trai linh lợi. Nộp thuộc loại khôn nữa, khôn theo dạng cho dù bất mãn với kẻ quyền uy, giàu có mấy, cũng nuốt vào lòng, ngậm miệng. Nhưng sinh ra trong cửa nhà nghèo, đông con, thuộc hạng cùng đinh, Nộp chưa hề được đi học buổi nào. Nộp học lóm, nghe thầy đồ giảng sách, nhớ như in. Nộp hiểu sách trang được, câu mất nhưng chữ thì viết bậy. Nghe Nộp nói, có người ngỡ Nộp có học! Và với óc thông minh, tính nét linh lợi, khôn ngoan kiểu nhẩn nhục, Nộp được quan yêu bạn chuộng thật! Gần quan, xách khay bưng tráp, sau một thời gian gác cổng suốt một năm, Nộp học lóm cũng khá nhiều câu chữ, nghĩa lí ở đời và về trời đất. Quan cũng yên tâm vì Nộp mù chữ gần như mù đặc.

Suốt bảy năm làm lính đồng, đôi lúc Nộ cũng tủi phận, hận đời vu vơ, vì thấy nhiều kẻ có chữ vô ra hầu quan, trí óc chậm lụt lắm. Ngu mà may, có thể có cửa, nên họ vinh hiển. Rồi thấy quan phủ hầu quan Tây chẳng khác gì Nộ hầu ông lí trưởng, Nộ hiểu rõ nhục lớn là quan cai trị hồng hách, nhục bé là dân. Chuyện thánh hiền hóa ra vô nghĩa. Nộ cũng đã nghe phong thanh chuyện Văn thân Nghệ - Tĩnh, Cần vương, hai cụ Phan, rồi Đội Cấn, Đội Cung - vốn là lính thuộc Pháp làm binh biến vì yêu nước thương nòi - nên đôi khi tức mình toan làm một việc chi cho ra con người rồi chết cũng đành. Sống thế này, nhục chồng lên nhục, con người chẳng ra con người! Nộ lại nghĩ, nếu manh động, chỉ như chiếc pháo chuột, tạch một phát đánh động, hoặc như quả bom, nổ ầm, rõ là có ích, như Phạm Hồng Thái, nhưng... chịu nhục, yên thân! Mình lại đốt đặc cán mai, vận động người khởi nghĩa như Phan Đình Phùng, Hoàng Hoa Thám, ai nghe! Đốt và hơi hèn, quen chịu nhục từ nhỏ, Nộ sống yên ổn, cũng rất được quan yêu bạn chuộng. Những ý nghĩ khởi nghĩa, cách mạng chỉ là âm vang của thời đại dội vào ngực Nộ, dẫu có ngân lên, rồi chỉ là băng quơ gió thoảng.

Một hôm, Nộ theo quan lên hầu Tây, khay và tráp lễ mẽ bưng xách, gặp lúc vợ chồng con cái Tây đang quây quần đánh cờ. Bất chợt, một thằng nhóc tóc vàng mắt xanh hờn dỗi ném mất quân cờ, buộc lòng Nộ phải cúi người chống tay tìm. Thằng Tây con thấy vậy, đá đít Nộ, nói tiếng Việt: “con lợn”. Nộ nín thình tiếp tục bò tìm con cờ. Được thể, vì nhiều tiếng cười vang lên, như tán thưởng, thằng Tây con lại đá đít Nộ, nói: “con lợn An-nam-mít!”. Quan phủ tím mặt, hết cười. Nộ đứng dậy, tát một phát vào má thằng Tây con, nhưng cái sợ, cái hèn kéo rứt, nhẹ tay lại, nên cái tát khá hơn cái vuốt yêu chút đỉnh. Thằng Tây con khóc ầm lên. Thế là Nộ tỉnh người, quý sục, lạy như tể sao.

Và khi về lại phủ, Nộp chỉ bị vài hèo, rồi phải khăn gói về quê. Nộp ân hận vì lỡ tát như tát yêu cậu ấm Tây. May quan phủ thương bầy năm hầu hạ, không cũng tù rữ xương. Nộp buồn và nhục. Nhưng cũng mừng, cơ hồ như được giải thoát. Đ.m., thằng Tây con, cũng con ý thế cha!

Thế là đã hai mươi lăm năm nghèo hèn, nhục nhằn, vô nghĩa.

5

Về lại làng quê bên bờ sông Bến Hải, Nộp chợt thấy mình thuộc loại muộn vợ. Ngày ấy, cuối những năm ba mươi, trai tráng lấy vợ sớm lắm. Thì lấy vợ! - Nộp trả lời với mẹ như thế. Cũng may là mẹ đã chọn sẵn vợ cho Nộp rồi. Đó là một cô gái làng lớn hơn Nộp ba, bốn tuổi, đã đi ở đợ cho nhà giàu trong phủ lị từ bé đến giờ. Đám cưới rất đơn giản, chỉ mâm trầu cặp rượu. Muộn trai còn đỡ, muộn gái phải gả tổng gả tháo kéo thành gái già. Rồi về ở với nhau, vợ Nộp sinh soành soạch mỗi năm mỗi đứa : Hai trai, một gái. Có vợ con cũng vui, nhưng cực nhiều hơn. Từ khi bị đuổi về làng, thám thía lẽ đời, lớn hiếp bé, yếu chịu nhục trước mạnh, Nộp ngán ngẩm sự đời vô nghĩa lí, ngay cả chuyện vợ con cũng lười. Nhưng thương mẹ, thương vợ con, Nộp nai lưng làm thuê, cuốc mướn. Khỏe như Nộp, khỏe nhất làng, ai cũng thích mướn.

Tưởng ngậm ngùi yên đời khổ sai như thế, lại bị lí trưởng gọi.

- Nộp! Phan Nộp!

- Dạ, bẩm ông lí, có con đến hầu.

- Mi (mày) phải đi lính đó. Có lệnh, lần này quan lớn Tây gọi.

- Dạ, bẩm ông lí, con có vợ, có con, còn mẹ già. - Nộp khúm núm, bàng hoàng nói như van.

Nộp không ngờ, lạnh cả người.

- Trai tráng đi hết rồi. Mi (mày) có bảy năm thâm niên lính đồng. Quan Tây cần tuyển lính gấp, lại cần lính phục viên như mi.

Thế là lại theo chân lí trưởng lên phủ lệ đăng lại lính. Và từ đó, Nộp bị canh như tù. Chắc quan Tây sợ lính trốn. Nộp lại bị lừa xuống tàu thủy vượt biển qua Pháp đánh phát-xít Đức. Ngày đi, kèn Tây thổi tồ te, lính mộ rập ràng hô lời thề: Hi sinh cho mẫu quốc Phú-lãng-sa, nguyện đánh đuổi Đức tặc! Nhưng qua Pháp, nào được cầm súng cho ra vẻ người lính, Nộp chỉ cầm cuốc, xà beng và xẻng để đào hầm, giao thông hào, đắp lô cốt. Nộp cũng như một số lính mộ từ các thuộc địa khác, da sẫm là da đen, chỉ có “vinh quang” như thế, với một “vinh quang” nữa là vắc đạn, vắc súng đại liên cho Tây bắn. Bọn Pháp đánh giặc cũng cần người ở đợ như Nộp. Nộp cười khặc lên, khi nghĩ thân phận trắng da vàng vắc đạn, đào hầm cho trắng da trắng bảo vệ nước nó, trong khi chính nước nó xâm lược, đè đầu cưỡi cổ dân nước mình. Mẫu quốc - nước mẹ. Nước mẹ hồi nào! Bịp bợm, đều cáng hay láo xược cũng thế.

Suốt bốn năm làm lính nô lệ, như thể dưới gót La Mã thời trung cổ, Nộp nhớ nhà nhớ nước, tủi nhục ê chề. Những cú đập, cú đá bằng giày đinh đau buốt xương, những mắng, những chửi đau buốt tim, khiến có người tự tử - da vàng có, da đen có -, nhưng đa số vẫn sống, vẫn chịu đựng. Bản năng sống như một lực giúp cho con người chịu đựng khổ nhục. Có lẽ vì có bản năng sống nên loài người mới ác được với nhau đến thế. Không có nó, hễ nhục, người ta tự sát rồi còn đâu mà ác! - Nộp nghĩ.

Rồi Đức thua Liên Xô, thua Mỹ, cùng đồng minh của Mỹ. Bảy giờ trong nước Cách mạng Tháng tám nổ ra. Mãi

đến cuối năm bốn mươi sáu, đầu bốn bảy Nộ mới được về nước với những người Việt đồng hương và đồng số phận.

Trong hai năm hết chiến tranh, chỉ ở lại dọn dẹp những hoang tàn, đổ nát trên đất Pháp, Nộ có một kỉ niệm, mãi đến tuổi tám mươi lăm lão Nộ còn nhớ.

Một hôm, đang dọn dẹp ở một xóm lao động bị bọn Đức dội bom, Nộ giúp một việc nhỏ cho cô gái người Tây mồ côi cha mẹ cũng vì bọn Đức. Cô ấy người Pháp gốc Do Thái, làm thợ giặt, nhờ giỏi trốn và nhờ may mắn nên trốn được bọn Đức. Đói, không nhà cửa, mồ côi, lại thất nghiệp, cô Pháp Do Thái ấy đi làm điếm. Những buổi sáng, buổi trưa rảnh việc nhà thổ, cô thường quay lại xóm nhà xưa, nhìn cảnh cũ đã hoang tàn, bưng mặt khóc. Cô ấy thấy có người da vàng đang dọn dẹp, liền nhờ tìm một kỉ vật dưới đồng đổ nát. Đó là ảnh gia đình cô. Nộ cũng đã nói được, hiểu được chút ít tiếng Pháp “bồi”. Và Nộ tìm được. Cô điếm Do Thái nhìn bức ảnh, khóc cười như điên, rồi ôm chầm lấy Nộ, cảm ơn rối rít. Chẳng biết trả ơn bằng gì, cô ấy nghĩ ngợi hồi lâu, nhìn chăm chăm mặt Nộ. Nộ thương quá, chỉ biết há miệng cười, nói không có gì ân nghĩa lắm đâu. Cô Pháp Do Thái mến Nộ, như gặp một người thân yêu nào đó.

- Em muốn đi chơi với anh.

- Tôi cũng thích cô. - Nộ nói tiếng Pháp thô, hóa ra sống sượng.

Và sau đó, họ hẹn giờ. Lúc gặp nhau vào buổi tối, Nộ mới biết cô ấy là gái nhà thổ. Cô ấy cho Nộ khi một, khi hai cái tích-kê, loại vé vào cửa của nhà thổ. Vé có đề sẵn tên cô ấy.

Ở đất khách quê người, lại xứ sở của bọn cướp nước mình, cuộc đời Nộ bỗng như đổi khác, lên hương, nhất là khi biết cô gái ấy gốc Do Thái. Người con gái bán thân, mất nước, tổ tiên bỏ nước mà đi, phiêu tán đã gần ngót hai nghìn năm, với một anh lính nô lệ bị cưỡng bức xa nước

bởi mất nước mấy mươi năm nay, để làm lao dịch, làm bia đỡ đạn cho bọn cướp nước, họ gặp nhau, yêu nhau thật sự, trong và ngoài nhà thổ. Không có lối thoát nào, vì Nộ chẳng thể cứu rỗi cô ấy khỏi nơi ấy!

Đau đớn và nồng nàn yêu nhau, nhưng rồi phải ngậm ngùi chia tay khi Nộ phải về nước trong đoàn quân tái xâm lược nước mình! Ánh mắt trên bến cảng không bao giờ Nộ quên, xanh biếc rười rượi, đau đớn, nỗi đau tự hai nghìn năm vời vợi. Và mái tóc tơ vàng óng ánh ấy nữa, với Nộ, ngỡ như vạt nắng, như toả hương rơm vàng, mềm mại trong tay Nộ bao lần, đang ngời lên rồi mờ dần trên bến cảng, nhưng còn cháy sáng mãi trong tim Nộ. Không bao giờ Nộ quên (dẫu khi đã đến tuổi tám mươi lăm!).

Ơi đôi mắt biếc xanh rười rượi! Mái tóc tơ vàng óng ánh! Và rồi, mờ hút rồi, sóng biển và sóng biển. Những ngày ở trên tàu, nỗi cực khổ, nhục nhằn suốt sáu năm lại cồn lên, đau ê ẩm, buốt xé. Nộ thâm cảm ơn cô gái Pháp Do Thái mồ côi lạc loài ấy. Nhưng biết làm sao được, què hương, Đất nước, Nộ phải về!

Một trong những mối thù của Nộ, từ đó, là thù nhà thổ. Cũng từ đó, Nộ mê kể chuyện Kiều đến thuộc lòng!

6

Sau khi Hiền Lương và Hành về, ông Nộ ngồi dậy, rồi lại nằm xuống. Đã bao lần ông Nộ thấy con người cần phải sống như thế nào để khi về già, lúc đã chết đi, còn một chút gì đó cho người quen kẻ thân khỏi liên lụy, buồn tủi về mình. Nhưng trước đây đời chẳng cho ông cơ may nào cả. Ông cũng tự trách mình. Sao hỡi thanh niên, ông chả làm cách mạng? Ông thừa biết, bấy giờ, cho dù theo đảng nào đi nữa, để chống Pháp, thì cũng vinh quang. Ông thụ động

rồi bị động, bị xô lừa như người ta lừa xô đàn bò nô lệ để hết đường trở lại làm con người xứng đáng con người. Ông thám thía tự lâu rồi cái gọi là “guồng máy”. Một xã hội như một “guồng máy”, ông chỉ là con ốc vận hành trong “guồng máy” ấy. Vô thức hay hữu thức, nó lôi người ta đi, mà đa số, người ta có kịp suy nghĩ, chọn lựa gì đâu. Hết đà lôi của “guồng máy”, cũng tàn một đời người! Tỉnh lại, đời chẳng còn mấy nả, tóc bạc phơ rồi, chẳng làm sao cứu vãn được, không thể và chẳng ai cho cứu vãn!

Ông cay đắng nhất là thời theo chân Pháp về tái xâm lược quê hương, Tổ quốc. Lúc ấy, chạy theo Việt Minh, chưa chắc đã được chấp nhận, dù ông có “đọc” một vài tờ truyền đơn binh vận bằng cách nhờ lũ học trò đọc giùm, cũng có nghe loa kêu gọi quay súng trở về với chính nghĩa Việt Minh. Mặt khác, bấy giờ có một khuynh hướng chính trị thỏa hiệp từ vài chục năm trước còn có tác dụng kiểu như ma túy cho người lầm lỡ. Khuynh hướng thỏa hiệp với thực dân ấy lại của một danh nhân uy tín ngút trời. Đại đế, dựa vào Pháp mà canh tân, chịu nhục như Hàn Tín để xây dựng Đất nước, hơn là cách mạng, vì làm cách mạng, trong điều kiện thực lực nước mình bấy giờ, chỉ thất bại thôi. Tuy nhiên, đừng hi vọng nhiều, đừng lấy sự dựa vào Pháp làm lâu dài. Phải chấn dân khí, nâng dân trí đã, đủ lực trong nước đã, rồi quật lại Pháp. Sách lược thỏa hiệp chỉ thế thôi, nhưng thế là đủ để Nộp yên lòng, lương tâm bớt cắn rứt khi cầm súng Bảo an đoàn bảo vệ an ninh cho Pháp, bình định các “đảng giặc”. À, Nộp nghĩ, với khả năng hạn chế của mình: “Bất bạo động, bạo động dả tất tử; Bất vọng ngoại, vọng ngoại dả tất ngu”, và gì đấy, “Ngã hữu nhất kế kính hiến chư đồng bào, thị chi học” (II.5). Chẳng biết Nộp có nghe nhầm hay người rĩ tai Nộp nhầm, là vậy. Đúng, súng ống đâu mà chống Pháp? Nhờ ai, cũng chỉ rước voi giày má tổ! Thôi, đành chấp nhận Pháp “bảo hộ” để học, lớp trẻ học, mới tính chuyện chế được súng, chế được bom, mới đủ lực

xây dựng Tổ quốc. Aá, Nộp nghĩ, hay, đại chi hay! Thấy lương tâm đỡ đau lắm.

Khi cầm súng thực dân lữ đi rồi, người ta có một tâm thế của người lính ngự, đón nhận luận điệu trên một cách sung sướng để tự biện minh cho mình, xoa ma túy vào nỗi đau bị lương tâm cắn rứt, kiểu như Tôn Thọ Tường, Nguyễn Bá Trác, Phạm Quỳnh và vân vân, cũng để hưởng lạc nữa! Có ai làm quan cho Pháp chỉ vì dân?

Nói chung, mọi tội phạm Việt gian, hay các tội phạm khác đều có cách xoa dịu lương tâm và biện hộ cho mình. Có thể Nộp cũng vậy.

Bọn Pháp cướp bóc, đốt nhà, hãm hiếp phụ nữ. Nộp thấy, Nộp biết. Nộp đau lắm. Nhưng chịu nhục như “sách” trên mà! Chấp nhận “con đường cứu nước nhục nhã” mà!

Thế rồi, chia cắt Đất nước, Nộp trở thành “chiến sĩ cộng hòa”. Thế là độc lập, tự do, dân chủ rồi, như Ngô “chí sĩ” (!) trịnh trọng tuyên bố. “Quốc gia đã đến ngày giải phóng” (!). Nộp hát dưới lá cờ vàng ba que xỏ lá và chân dung Ngô “chí sĩ”, trào nước mắt. Ôi, Ngô “chí sĩ” (!), Người (!) đã “bao năm từng lê gót nơi xứ người” để trở về với Mỹ “giải phóng” (!) quê hương, Tổ quốc, và ban cho Miền Nam thứ tự do “hào phóng” (!) hơn Miền Bắc! Mỹ chỉ là “cố vấn” (!). Sung sướng, biết ơn biết chừng nào! Ôi, Thượng đế ban phúc lành cho “Người” (!), cho toàn dân Nam Việt Nam! Không, sẽ ban cho toàn dân Việt Nam! Sic!

Thế đấy, chút lòng yêu nước còm cõi trong một thân thể trắng kiện vào bạc nhất thôn làng của Nộp đã được bồi dưỡng để chống cộng, bảo vệ Thượng đế và tự do! Sic! “Con đường nhục nhã” đã thắng (!).

Rồi Diệm sụp đổ. Rồi đấu đá tranh giành các thứ ghế, ghế lớn ghế bé, gái lành gái rách, trên chính trường Miền Nam giữa các tướng. Rồi Nộp gãy chân vào năm một chín sáu tám, Tết Mậu thân, do một mảnh pháo kích! Truyện Kiều như tấm phao cứu Nộp từ độ ấy, mặc dù từ độ nào đã

yêu, trong niềm đau đớn, ngậm ngùi. Nhờ con cháu đọc, Nộp càng thuộc lòng, thuộc cả ba ngàn câu!

Đã lâu rồi, về vườn với quân hàm thượng sĩ, với cái chân khập khiễng, từ cái Tết Mậu thân ấy, Nộp có dịp bút ra khỏi “guồng máy”, lực “lôi cuốn” vô thức và hữu thức, tình tình mê mê, để ngẫm nghĩ, ngắm đôn. Hóa ra, cả một cuộc đời, bị xô đẩy và bị lừa bịp, tự chạy theo và tự lừa bịp, đã tàn phế rồi!

Biết vậy, ngắm đôn đến vậy, nhưng “guồng máy” Mỹ nguy còn đó, còn “lôi cuốn” Nộp, như nghiện, quen một thói quen, như trót già một nửa đời làm ma cô hoặc làm chính khách trong một không khí cực kì bụi bặm, men cay, người ta không thể rút ra được, như ở rừng, quen rừng, về phố, người Thượng ngỡ ngác nhớ rừng, quần quai nhớ rừng rồi trở về rừng. Nộp biết, Nộp thấm thía hiểu, nhưng cứ bị “lôi cuốn” trong “guồng máy” như kẻ bị phân thân, bị tha hóa đến mức vong thân (đánh mất bản chất của chính mình!), mặc dù đã về vườn, đã thành tàn phế binh!

Đến Ngày Thống nhất bảy lăm, ông Nộp đã sáu mươi ba tuổi. Chịu khổ từ thuở nhỏ, ông cũng chẳng phàn nàn gì khi ở trại cải tạo sĩ quan và ác ôn nguy. Chỉ thượng sĩ, nhưng bị xếp vào loại ác ôn, ông chả hiểu tại sao. Số phận mỗi người đôi khi do tính nết hay thành kiến của một người nào đó quyết định. Anh cán bộ này sao ghét Nộp, có thể do nhìn nhầm, nhớ nhầm, hoặc do một định kiến, với kẻ suốt đời theo giặc thì tội không tha. Chính sách chung, vận dụng riêng. Thế là Nộp đành chấp nhận. Nộp tự nhủ, luật nhân quả, bốn năm học tập cải tạo còn nhẹ. Nộp mừng quá khi được phóng thích, nhưng lo vẫn lo. Ông Nộp về lại làng cũ trong nỗi lo ấy.

Ông Nộp sau này ngẫm lại, ông mặc cảm lắm. Nhưng, ông nghĩ, nguy tắc cỡ như ông quá nhiều, khắp cả Miền Nam, kể cả hàng triệu người Miền Bắc cũng vốn là nguy tắc di cư vào Nam từ 1954. Mặc cảm lại với đi. Ông lại phóng

đại lên, cả Miền Nam đều là ngục tặc, đâu riêng mỗi một mình ông! Can chi mặc cảm! Ở hờ, có chút rượu vào, ông tự nhủ, hừm, chẳng lẽ nửa nước là ngục tặc, nửa nước là anh hùng? Hừm, ơ hờ. Có lí không rứa hè (vậy nhỉ)? Hừm, ông còn lạ chi Miền Bắc! Ở ngoài đó, bọn "phù Lê", "tà đạo" quậy phá suốt cả thời Tự Đức cho đến thời Hàm Nghi, để nặng nặc rước giặc Pháp "bảo hộ", bọn ngục tặc như ông suốt sáu mươi năm (1885 - 1945 - 1954) Pháp thực sự thống trị rồi tái chiếm vẫn còn đầy rẫy, đã vào Nam hết đâu, cho dù có cuộc hoán vị di cư, tập kết hồi năm tư! Hừm! Ông lại tợp vài ngụm rượu, cười khặc, chua chát một mình.

Thực ra, ông biết, ông hiểu tận đáy lòng ông mang mặc cảm ngục tặc, nhưng cũng tìm cách vuốt ve, biện hộ, đúng hơn là làm rõ cho mình. Ông biết vin vào sự thật lịch sử, và hơn thế, ông cảm thấy một khi quá nhiều người phạm tội, tội ấy bỗng nhẹ đi, thậm chí vô tội! Có như thế, mới còn sống được và có thể còn thọ lắm.

Nhưng, sáng nay, gặp Hành với Hiền Lương, bỗng dưng không kìm được, ông gầm lên đau đớn khóc, nhưng khô cả nước mắt, vì tuổi đã già. Trước đây, thỉnh thoảng cũng có mươi lần ông Nộp đau đớn khóc như thế. Nói chung ông đã vui vẻ sống trong niềm thông cảm của mọi người, đến mức chẳng cần biện hộ gì nữa, nhưng Kiều đã đánh thức hoài trong ông khát vọng nhân phẩm.

Có vài câu ông Nộp thường xuyên nói, khi thì như quát lên cho con cháu, xóm làng nghe, nhưng không dám quát to, và chỉ quát lúc một mình, thành ra không ai nghe thấy cả, khi lại lầm thầm một mình như tự nhủ. Hình như đó là những câu thần chú cứu khổ cứu nạn cho đời ông: "Phản phong, phản đế, phản thần! Chống quân chủ, phong kiến; chống thực dân, đế quốc; chống duy tâm, hữu thần! Tui thua Cách mạng lâu rồi, thua ông Hiền, chú Học lâu rồi. Suốt cả cuộc đời thắng ngục Nộp ni theo giặc Pháp, giặc Mỹ thiệt, cũng có chịu lụy cổ đạo "thập ác" cho qua thời, qua

buổi thiết. Bởi vì theo hai thằng giặc Pháp, giặc Mỹ nó cũng như theo hai thằng giặc Nga Xô, giặc Trung Cộng thôi. Phía mô cũng giặc. Bởi vì chịu lụy "tả đạo" thì còn đình, còn chùa, còn lư hương, bát nước thờ cúng ông bà, tổ tiên, chứ theo Đảng vô thần, giặc vô thần thì mất sạch sành sanh, mất nước mất non, ruộng đất thì chung chạ sinh bậy bạ, lại mất cả hồn cá vía, ông bà không nhang không khói, lại đặt mấy thằng mắt xanh mũi lõ với mấy thằng chệt Mác - Lê - Mao trên đầu trên cổ của cả dân tộc, nhục đến rứa làm răng sống nổi! Xóm làng ai hiểu cho thằng ngụ Nộp ni thì hiểu, con cháu đũa mô hiểu cho thằng cha ngụ, thằng ông ngụ của bây thì hiểu".

Mỗi lần quát một mình, không dám quát to vì sợ bị tù, mặc dù rất muốn cho xóm làng, cháu con nghe thấy để thông cảm, hoặc khi làm thảm trong miệng như niệm thần chú, ông Nộp thường trào nước mắt, đôi lúc khóc ồ ồ rất thảm. Tuy vậy, cán bộ xã cũng biết! Có lắm lần chú Tập, bí thư xã, trách ông Nộp già rồi mà còn bệnh ngoan cố! Nhưng chú Tập hiểu đó là nỗi bệnh đau chỉ riêng ở ông Nộp, mà của cả một cuộc chiến tranh dài dằng dặc, từ Xô-viết Nghệ - Tĩnh (1930 - 1931) cho đến mãi sau này. Chú Tập ôn tồn bảo: "Chừ đình làng, chùa chiền, ban thờ tổ tiên với lư nhang bát nước, mọi thứ chi của ông cũng đều có cả rồi. Rứa mà ông còn nói ri, nói tê, tui không chịu trách nhiệm mô nghe. Ông còn quát một mình, còn làm bằm trong miệng như rứa rứa, thì chính ông phải lên công an huyện để tự chịu trách nhiệm trước pháp luật đó!". Nói vậy, có điều chú bí thư Đảng uỷ xã cũng biết ông Nộp tuy sai điểm này, nhưng không phải không đúng điểm nọ, nên chú Tập không khỏi cảm thấy đau đứt cả ruột. Đau đứt cả ruột, nhưng chú Tập cũng bực bội không kém. Chú rửa ông Nộp trong bụng: Lão ngụ cứ ngụ biện!

Có một lần, đau lòng, bực óc quá, chú bí thư Đảng uỷ xã định mời ông ngụ Nộp lên trụ sở để đả thông tư tưởng,

nhưng rồi đích thân chú đạp xe đến nhà ông Nộ phía sau vườn đình làng.

Chú Tập nói cho dù ông Nộ chối:

- Tui biết ông quát, làm bầm những điều chi rồi. Nhưng ông với chế độ ngụy đã làm được cái chi, hay chỉ làm nhục hai chữ Việt Nam? Ông thử trả lời cho tui rõ: Ai đánh Pháp thắng lợi? Ai góp phần đánh Nhật thắng lợi? Ai đánh Mỹ thắng lợi? Ai đánh "tả đạo" thắng lợi? Ai đánh Trung Quốc bành trướng thắng lợi? Ai đánh Khơ-me Đỏ thắng lợi?

Ông Nộ cúi đầu, đáp, nhưng không dám nói hết ý nghĩ:

- Dạ, đó là nhờ ơn Cách mạng của Bác Hồ vĩ đại. Nhưng... Trước đây, rõ nhất là năm 1973, tui chống Trung Quốc của Bác Mao, vì Bác Mao xâm lược Hoàng Sa, Trường Sa của mình. Trước đây tui chống Nga Xô vì Nga trực trị mười hai nước trong Liên Xô, gián trị nhiều nước chư hầu ở Đông Âu... Các nước bị Nga Xô trực trị bây chừ đã tuyên bố độc lập rồi! Đài, báo ở nước mình cũng đã đưa tin, bình luận. Tui là ngụy, dám mô quát, dám mô làm bầm điều chi trong miệng!

Nghi ngờ sự thành thật của ông Nộ, nhưng dẫu sao cũng là chuyện đã rồi, nghĩ vậy, và đã chuẩn bị ý tưởng, chú bí thư xã lại chậm rãi nói:

- Ông trả lời những câu hỏi của tui đúng, và biết nói "nhờ ơn Cách mạng của Bác Hồ vĩ đại" là được rồi. Ông phải biết, Cách mạng của Bác Hồ đã làm nên những chiến thắng lừng lẫy địa cầu, hiển hách nhất lịch sử bốn ngàn năm của dân tộc mình! Còn những vương mắc của ông, tui trả lời cho ông rõ, là ri đây: Nga Xô, rồi Liên Xô... - Chú Tập bỏ dở câu nói để giải thích cách phiên âm của hai miền Nam - Bắc: sô-viết hay xô-viết chi thì cũng như nhau -. Tui nói lại, Nga Xô, rồi Liên Xô và Trung Quốc đều có cái bậy

của họ, nhưng họ bậy thì kệ họ, họ giúp Cách mạng chống đủ thứ giặc là tốt rồi. Ông đồng ý không?

- Dạ thưa, tôi đồng ý, nhất trí từ lâu rồi.

Đưa ánh mắt dò xét với sự nghi hoặc vào gương mặt nhăn nheo, râu ria bạc trắng của ông Nộ, nhưng cũng từ lâu rồi chú Tập hiểu rằng không thể thuyết phục người khác bằng những gì bản thân chú cũng rất bản khoắn, đau lòng, nhức óc. Chú bí thư xã buột miệng:

- Có phải là ông sợ cấp uỷ, chính quyền xã và công an huyện, nên ông chấp nhận như rứa, chứ trong bụng ông nghĩ khác?

Ông Nộ hơi giật mình, vẻ mặt trở nên âu lo, sợ sệt, lắc đầu quày quây:

- Dạ, không... Thật lòng tôi đồng ý, nhất trí từ lâu rồi.

Chú Tập cũng chẳng biết nói gì hơn, vì những điều còn lại, ngay chính chú là bí thư nhưng cũng bí lí. Thật lòng nhờ chính những gì ông Nộ quát một mình, làm bầm một mình, ban an ninh xã rình nghe được, báo cáo lại, chú mới thấy lão ngụy này không theo Cách mạng mà theo giặc Pháp, Mỹ, thì cũng có cái lí của ngụy. Đặt ảnh tượng mấy thằng mắt xanh mũi lõ với mấy thằng chết Mác - Lê - Mao trên đầu trên cổ cả dân tộc là thế nào! Đẹp đình làng, đẹp chùa chiền là thế nào! Bác Hồ vĩ đại không thờ cúng cha ông, tổ tiên chi cả là thế nào! Còn cờ đỏ sao vàng, cũng là cờ Liên Xô trích ra... nữa, là thế nào! Nhưng quá thật, sự thật phơi bày giữa hiện thực sờ sờ vốn là như thế! Chú Tập thấy bực óc, đau lòng thật. Và chú Tập còn biết rằng, mấy tay ngụy cũ như lão Nộ hiện giờ vẫn còn giữ nguyên trong đầu óc luận điệu ấy, lại còn kết án Cách mạng của Bác Hồ, chứ chẳng biết ợn chút nào, thậm chí còn oán trách rằng, nếu Cách mạng của Bác Hồ đừng sùng bái theo kiểu nô lệ các tên lãnh tụ Tây Tàu Mác - Lê - Mao - Xít-ta-lin với lại lớp sếp, lép sếp gì đó, uỷ ban cách mạng Nghệ - Tĩnh thì cứ uỷ ban cách mạng Nghệ - Tĩnh, đừng xô viết xô vét gì đó, nghe

sặc mùi lai căng, sặc mùi Nga La Tư, chẳng khác gì bọn rước voi về giày mả tổ, công rắn cắn gà nhà Trần Ích Tắc, thì bọn nguy chúng nó chẳng thằng nào đi lính nguy cả, mà cả nước này đều theo Cách mạng của Bác Hồ tất thảy, và chiến tranh không kéo dài đến vậy, máu xương không chất ngất, lênh láng đến vậy. Chú bí thư xã biết rõ, có những tay nguy cũ còn bảo với nhau: Mấy lão Cách mạng với lũ ăn theo Cách mạng cần phải mở mắt ra, nhìn các nước châu Á, châu Phi, châu Mỹ la tinh mà xem, để đối chiếu về sự mất nước của họ, nền độc lập của họ, nền tự do, dân chủ của họ, chứ mấy lão Cách mạng đừng ếch ngồi đáy giếng, xem trời bằng vung. Bọn nguy láo xược thật! Mặc dù chúng tự thừa nhận chúng là nguy đích thực, đành phải theo thực dân Pháp, đế quốc Mỹ thật, chịu lụy "tả đạo" thật, nhưng lại dám bảo nhau thế đấy về Cách mạng của Bác Hồ! Có những kẻ còn cam đoan chúng chỉ nương theo chiều gió, kiêu nhu đạo, để lợi dụng ngược bọn Pháp, Mỹ, tả đạo, trước mắt nhằm đối phó với cộng sản vô thần Bắc Việt và cả với quan thầy của Bắc Việt là Nga Sô, Trung Cộng, sau đó mới quật lại Pháp, Mỹ, tả đạo! Luận điệu của nguy là thế! Nhưng lấy cái gì để cải tạo, thuyết phục được bọn nguy cũ, nếu không bằng sự thật lịch sử và hiện thực đã chứng kiến, đang ngó thấy? Chẳng lẽ thực tế nhất, hiệu quả nhất theo kiểu thực dân, đế quốc, phát xít, đó là dùng bạo lực nhà tù, trại cải tạo, thủ tiêu để trấn áp, khoá miệng? Hay vẫn theo câu "ranh ngôn" nào đó khá mỉa mai, là chân lí, sự thật lịch sử thuộc về kẻ mạnh, muốn vo tròn, bóp méo thế nào là tùy? Thế thì làm thế nào học tập được Nguyễn Trãi: Bệ hạ làm thế nào cho tận nơi thôn cùng xóm vắng không còn tiếng hờn giận, oán sầu... Tư tưởng và chương trình hành động thân dân, yên dân như thế mới là gốc của mọi gốc. Ấy là nền tảng của thái bình thịnh trị lâu bền và của chính nghĩa đích thực, sử sách nghìn thu ca ngợi, hậu thế tự hào. Nhưng hiện tại làm thế nào theo Nguyễn Trãi nổi? Lê Lợi,

và trước đó, Trần Hưng Đạo, làm nên chiến thắng hiển hách, có cần ngoại viện nào đâu, nịnh hót lãnh tụ nước nào đâu? Ồ, thời thế khác nhau chứ, gươm đao giáo mác cổ xưa với tên lửa tầm xa, máy bay phản lực, ra đả các thứ tối tân, hiện đại khác nhau chứ!... Nhưng dẫu sao cũng không nên sùng bái, nịnh hót kiểu tôi đòi như thế, phi truyền thống như thế, gây ra quá nhiều ngộ nhận! Lại còn "giặc vô thần" nữa!

Chẳng lẽ cứ bạo lực và bạo lực, nhồi sọ và nhồi sọ là ổn tất? Quả thật, chú bí thư Đảng uỷ xã rất đau lòng, nhức óc.

Chú Tập định nói bừa, được cái này mất cái kia, nhưng cũng cảm thấy hơi nhục quốc thể, cái nhục quốc thể này xưa nay trong lịch sử bốn nghìn năm chưa có tiền lệ (12)! Chú đành bầm bụng tránh né vấn đề, chào ông Nộp, lên xe, đạp ra khỏi khuôn viên đình làng.

Chú Tập dẫu sao cũng còn khá hơn bao cán bộ cách mạng khác, ở chỗ chú còn biết suy nghĩ, trăn trở. Còn ông ngụỵ Nộp vốn đã dốt nát, quen thói hèn hạ, lại còn bị sự sợ hãi làm cho ngu muội hơn.

Hôm ấy, khi chú Tập về rồi, ông Nộp mừng đến trào nước mắt, vì cứ ngỡ lại phải khăn gói lên công an huyện để bị đưa đi trại cải tạo một lần nữa. Hôm ấy cũng đã lâu lắm rồi, ờ, bốn năm rồi, có lẽ...

Ông Nộp nằm trên giường một mình hồi tưởng. Ông mong Hành và Hiền Lương hiểu cho ông... Ông lại tiếp tục thao thức nghĩ ngợi...

Từ độ được làm từ giữ đình làng, ông Nộp thấy đây là ân huệ ông được cuộc đời, được dân làng ban tặng. Một cơ may ông thử xin, thử xin thôi, mà được, để hương khói cho Nguồn cội, Tổ tiên. Là một đứa con làm lỗi, ông chỉ biết chuộc lỗi với Nguồn cội, Non sông Làng nước bằng cách này. Và mười tám năm nay, ông Nộp không một phút, một

ngày xao lãng. Dân làng rộng vòng tay với ông như với Kiều.

7

Mọi người trong nhà đã ăn cơm tối xong. Hiền Lương dọn mâm chén, lau bàn thật sạch, rồi ra giếng rửa và giặt. Thím Cận với o con gái mười lăm tuổi áy náy, ái ngại quá, ngồi nhìn Hiền Lương đang làm, bút rút không yên bụng. Chú Cận vừa lắc đầu vừa cười khà khà, vừa phục cô cháu Bình Dương vừa không bằng lòng. Ban đầu là thế, rồi thấy vậy cũng được, cháu chắt trong nhà cả. Sau lấy chồng để chồng thương, bây chừ phải tập. - Chú nghĩ thật thà như vậy. Hiền Lương không thể yên lòng khi cứ biến mình thành khách, và muốn mình đừng quen thói quan liêu. Ở Thủ Dầu Một, cô có cặp bao tay khi làm công việc nhà bếp, như công nhân trong xí nghiệp thủy hải sản đông lạnh, như bác sĩ trong phòng mổ, nhưng ở đây, hi sinh da tay chút đỉnh cho chan hòa. Ba cùng - cùng ăn, cùng ở, cùng làm - cơ mà! - Cô lại mỉm cười thú vị khi nghĩ thế - . Phải thấm tình ruộng đất.

Xong xuôi đâu vào đấy, Hiền Lương leo lên giường ngồi nói chuyện với thím Cận. Sau dăm điều ba chuyện nắng mưa dưa lúa, thấy chú Cận nghe đài, cô bé em họ co chân trên ghế đọc sách, Hiền Lương nghĩ đã có thể hỏi thăm chuyện đời ông Nộp với thím Cận. Là cháu ruột của ông, chắc thím biết ít nhiều.

- Chừ (giờ) chú Nộp cũng đỡ khổ rồi. - Thím nói chậm rãi -. Ông tra (già) rồi, ai làm gì ông nữa! Trước đây, thời gian chú Nộp còn bị quản chế, thỉnh thoảng, năm khi mười họa, công an huyện có mời ông lên kể lí lịch. - Thím giải

thích thêm -. Ông mù chữ xưa chừ. Chỉ chùng nó thôi, rứa mà ông nói cách nó là tra tấn ông.

Hiền Lương lắng nghe. Thím Cận cười, sực nhớ:

- Aá, quên. Hồi mới đi cải tạo về lại làng, có thư hai anh con trai của ông bên Mỹ gửi về, du kích xã gọi ông lên nhận. Ông tưởng phen ni (này) chắc chết. Nhưng rồi có chi mô. Sau ni, hai eeng tam (anh; tam = em) bên nó gửi tiền, quà về luôn.

Hiền Lương thấy thím Cận nói phải, rứa đã đỡ lắm rồi.

- Ông vẫn còn người con gái duy nhất bên này hở thím?

- Còn o nó (cô ấy). Ông có chất ngoại rồi. Kị giỗ, tất cả con cháu ngoại lo. Mẹ (bà) thì chết lâu rồi.

Hiền Lương thấy bớt thương ông Nộp một chút. Cô thành thật so sánh ông Nộp với ông Hiền, thấy ông Hiền nghèo hơn nhiều, nhưng bù lại thanh thân hơn, và ông Hiền còn có niềm tự hào.

- Rứa cháu thăm đình làng chưa? Mới xây lại đó, thua xưa.

- Dạ, nhưng cháu chưa vào thắp hương. Chắc mai mốt cháu phải lên thắp.

- O! Về thăm quê nội mà chưa thắp hương trong đình? Rứa, mang tội chết! Ông bà tổ tiên quở (trách) chết!

Hiền Lương ngượng ngùng:

- Dạ, lẽ ra sáng hôm qua cháu đã thắp hương rồi. Nhưng, đến chừ vẫn chưa. - Và cô cười lảng - . Ba cháu gấp việc, hôm nọ, ông đi một mình, chắc đã cúng vô quỹ xây dựng.

- Đình là thiêng lắm. Trước, hồi thím còn nhỏ (nhỏ), mỗi lần tế lễ, vui (vui) lắm. Chừ gọi là Hội, Ngày Hội làng. Dịp nó, có eeng Nguyễn đọc lịch sử làng với nước, có chiếu phim với đủ các trò chơi, khi tế lễ cũng đèn, cũng cờ, áo dài khăn đóng, trống, chiêng...

- Trong đình chắc đẹp, thím hè? - Hiền Lương dùng từ địa phương.

Thím Cận mỉm cười, cường điệu về về uy nghi:

- Sợ. Thím nở (không) dám dòm (nhòm) lâu. Gương đao giáo mác hai hàng sáng quắc. Trang nghiêm lắm.

Hiền Lương hơi ngạc nhiên. Chùa, chẳng có binh khí, tất nhiên. Cô nghĩ, hay đình, một triều đình thần linh, một chính phủ của mười lăm tộc trong làng mà vua là bài vị Tổ tiên trên ngai thờ? Có lẽ ngày xưa, sức mạnh của cộng đồng làng ấp được nhân lên nhờ ở chỗ cố kết được lòng dân, quy hướng được tâm linh, và tất nhiên các trưởng tộc cũng hình thành chính phủ với các người có học hàm, học vị hoặc quan về hưu. Một bước phát triển của công xã thị tộc chăng? Bây giờ, thêm một bước phát triển như Hành nói hôm qua?

Hiền Lương mê hội họa, có chú Nông thích đọc đủ thứ sách báo, nên cô vốn chịu khó, lại còn có điều kiện, không khí để tìm hiểu nhiều vấn đề. Cô lại có óc phân tích sâu, tổng hợp, khái quát hóa tốt, nên nắm bắt vấn đề khá nhạy, tư duy, đào xới nhanh. Và lúc này, cô cảm thấy mình quá vui khi phát hiện được vài vấn đề, vài khía cạnh. Mai, ngày mai, phải trao đổi với Hành!

- Khi làm lại đình, búi (vui) lắm. Đúng là như ông chi hè, ông... - Thím hướng về chú Cận, lại quay qua hỏi con bé đang đọc sách, tiếng hơi lớn hơn - . Bông Bưởi, ông chi nói: "Việc trăm lần không dân cũng chịu, khó trăm lần dân liệu cũng xong" hè?

Bông Bưởi quay lại cười. Giọng Quảng Trị, tiếng địa phương, nhưng Bông Bưởi phát âm thật chuẩn:

- Dạ, trong sách nói đó là ông nhà thơ Thanh Tịnh. Ông nói cũng có gốc gác là Gio Linh, Quảng Trị mình. "Để trăm lần...", nguyên văn là rứa.

Thím cũng cười rất vui, lại chuyện trò với Hiền Lương.

- Đúng rửa thiệt. Sau nhiều năm bỏ phé, chỉ thấp hương với quét tước, lúc làm lại đình, dân làng mừng lắm. Họ gánh đất, đổ đất, coi thêm nền đình làng cứ như đàn ong xây tổ. Không ai nề hà quản ngại chi hết.

Hiền Lương nghĩ, sức mạnh làng thôn truyền thống được huy động, hay diễn đạt cách khác, sức mạnh tâm linh - lịch sử tiềm tàng nghìn năm được khơi dậy, có khi là một phản ứng chống bệnh “ấu trĩ “tả” khuynh”, như Hành nói. Cô cũng nghe ba cô có phàn nàn: Phục hưng, về nguồn là đúng, nhưng phục cổ, nệ cổ là cổ hủ luôn. Cô nghĩ, tối nay phải suy nghĩ thêm, mai phải đi một mình lên đình thấp hương, tìm hiểu thêm nữa, để trao đổi với Hành chứ! Cô thấy mình tự ái một cách trẻ con, và mỉm cười. Buồn cười, nhưng phải vậy! Cô bặm môi nhưng lại bật ra tiếng cười. Cô đâm ra bâng quơ nhớ Hành, rồi bất giác so sánh Hành với những người bạn trai cô đã gặp, đã quen. Năm nay, cô đã hai mươi hai tuổi rồi, đã cử nhân, - Cô mỉm cười -, yêu đương được chưa nhỉ. Thật ra cũng đã đôi lần yêu bâng quơ mộng tưởng rồi đó. Từ năm lên phổ thông trung học, bao anh chàng sẵn đón, tán tỉnh Hiền Lương, nhưng bọn con trai Sài Gòn bây giờ bạo quá, Tây quá, Hồng Kông quá... Không, không, mẹ dặn rồi... Phải giao thiệp với bọn con trai nhưng phải giữ khoảng cách và phải khôn ngoan, bản lĩnh. Giữ gìn tâm hồn lẫn thể xác như tờ giấy trắng khó biết bao nhiêu. Tờ giấy trắng! Mỗi đêm trước khi đi ngủ, cô tự vấn mình suốt một ngày đã làm gì, lại tự kỉ ám thị mình như một lời tâm nguyện về tờ giấy trắng. Vâng, mẹ ơi, con đã thành khẩn tâm nguyện bao năm rồi, mỗi từng đêm. Vâng, duy con người là sinh vật được giáo dục và biết tự giáo dục, nên mới được gọi là con người.

Thím Cận đã xuống nhà ngang bưng lên mâm chè đổ đen. Hiền Lương đang bâng quơ, miên man nghĩ ngợi, cô chợt giật mình.

- O, sao thím không để cháu bưng lên? - Cô buột miệng.

Và sau khi ăn chè tối, dọn rửa, đi ngủ, Hiền Lương sực nhớ đến cuốn sách Vô ngôn Vô tự cùng các hình tượng khác, bằng chè kiếng lá nhỏ của ông Hiền. Những mẩu chuyện với Hành, với thím Cận và cuốn sách Vô ngôn Vô tự cứ chập chờn, cứ sáng rõ về một cuộc đời mà Hiền Lương đã trông thấy từng nếp hằn đờn đau, túi nhục còn đọng lại. Khi tuổi già, ai chẳng tóc bạc, da mồi, nhăn nheo, nhưng rõ là có những mái đầu, gương mặt già nua thanh thần và tự hào vì đã sống một đời sống đẹp, có ích cho mình, cho đời. Hiền Lương thương ông Nộ. Ngẫm cho cùng, cuộc chiến tranh nào, từ xưa đến nay, cũng có hơi nhiều người như thế, cho dù trên đất nước nào, với màu da nào, dù Đông hay Tây. Họ không được quyền chọn lựa chính nghĩa hay phi nghĩa, mà chính nghĩa hay phi nghĩa chọn họ. Họ sáng mắt nhưng họ mù quáng. Họ tự do tay chân nhưng thực sự tay chân họ bị gông cùm vào vũ khí, họ thành người máy của những luận điệu tuyên truyền ám thị. Nói như Gơ-ben (13), bộ trưởng tuyên truyền Đức quốc xã, “chân lí, ấy là sự lặp đi lặp lại những sai lầm”. Sai lầm cứ lặp đi lặp lại bằng nhiều hình thức, kể cả những hình thức trong từng mẩu mã quảng cáo hay trình bày vật hạng tiêu dùng hằng ngày, cũng thành chân lí. Và nói như ông Nộ với ai đó mà cuốn sách Vô ngôn Vô tự còn nhớ, còn ghi, là sự lôi kéo vô thức lẫn hữu thức của cái gọi là “guồng máy”. Những người như ông Nộ, may mắn, được chính nghĩa chọn lựa, họ được ca ngợi, được ghi công. Và họ, bất hạnh, bị phi nghĩa chộp bắt, xô lừa, họ bị kết tội, bị sỉ nhục. Ông Nộ thuộc trường hợp thứ hai. Chẳng hiểu sao, bức kí họa - vẽ theo trí nhớ - về ông Nộ, đầy những nếp hằn, như vô vàn làn roi số phận quất lên mặt ông. Hiền Lương ghen ngào... Nhưng, trước tiên phải tự trách mình. Vâng, cô thường nghe ba cô nói, “tiên trách kỉ, hậu trách bĩ” (II.6). Không thể đổ lỗi cho người

khác, cho hoàn cảnh riêng và chung. Ba cô còn hay hát khế bài dân ca Nghệ An, Hà Tĩnh: “Giận thì giận, mà thương thì thương, anh sai đường em không chịu nổi. Vì thương anh... Nhưng trước tiên, anh phải tự trách mình!”. Chú Nông thương người, thương mình, hát cho mình, cho người, hay chỉ vu vơ hát? Cô chưa hỏi ba của mình, nhưng cô biết ba cô buồn hận cuộc đời của ông lắm.

Hiền Lương lại miên man suy nghĩ về cái đình làng.

Ồ, hai hàng gươm đao giáo mác sáng quắc... Đây là Đạo Đồi chăng? Đạo Yêu Nước - Đạo Xây Làng Dựng Nước, Đạo Gìn Làng Giữ Nước chăng? Và cũng là Đạo Làm Người?

Hiền Lương ru cô vào giấc ngủ bằng câu tự kỉ ám thị - một lời tâm nguyện hằng đêm, một câu kinh cô tự đặt ra cho chính cô. Hiền Lương quán tưởng về tờ giấy trắng.

Đêm khuya mùa hè bên sông Bến Hải, ngọn nồm đã thổi vào hơi mát dịu của biển xa, xua hết những gió nam nóng và nắng lửa. Từng ngọn, từng ngọn nồm, rười rượi, từ cửa Tùng quê hương...

5. CƯỚC CHÚ chương V:

(12) Vẫn theo cách vận dụng thủ pháp "chép nguyên xi cuộc sống", tác giả đưa các chi tiết đúng với sự thật lịch sử vào hình tượng hư cấu hoàn toàn, có tên là Nộp này (lão Nộp là hình tượng điển hình cho một phân số nhỏ trong xã hội, loại người đáng thương hơn là đáng giận, thời nào cũng có). Số dĩ cần phải chân thật trong việc phản ánh hiện thực đến mức ấy là bởi tác giả muốn được trình bày lại một vài nét về những nguyên nhân khiến nửa sau cuộc chiến tranh (với các mốc thời điểm 1858 - 1885 - 1930 - 1945 - 1954 - 1975 - 1989) kéo dài đến kinh hoàng như vậy. Đó là những nguyên nhân lịch sử mà tác giả đã cẩn trọng, trung thực điều tra, thu thập tư liệu và nghiên cứu. Kính mong một số độc giả kính mến không lấy thế làm điều đáng bức xúc và quan trọng nhất là đừng ngộ nhận về tác giả. Xin vui lòng, nhẫn nại xem tiếp cuốn

tiểu thuyết này, đặc biệt là các chú thích ở chương XIII, cho đến những trang lời bạt "Ý nghĩ khi đọc lại tiểu thuyết của mình, MÙA HÈ BẾN SÔNG: ..." ở cuối sách...

(13) 1) Đức quốc xã và kẻ sĩ...
trán ngời chất ngọc
ngạt dưới bùn rong
đen nghìn bão lốc
quăng quật chút lòng.

2) Gơ-ben (Goebels)
ba găm bảy phét
không tin không im
triệu rĩ tỉ hét
đầu rủ mắt dim.

CHƯƠNG VI

1

Hành và Hiền Lương dựng hai chiếc xe đạp trên bờ sông, tìm một chỗ ngồi để vừa tránh bớt nắng chiều nóng bỏng vừa ngắm được toàn cảnh của chiếc cầu. Cách phút này dăm phút, cô đã được đi qua, bằng đôi chân của mình, được chạm vào, tì ngực vào, tựa lưng vào, bằng chính da thịt cô, với tất cả niềm bồi hồi, xúc động lớn lao, sâu thẳm, với ước mơ từ bé đến giờ và giờ đây, ước mơ ấy Hiền Lương vừa thực hiện được. Lúc này, khi đã cùng Hành dắt xe ra xa cầu một quãng, Hiền Lương vẫn đang sống cùng chiếc cầu cô mang tên nó. Hiền Lương muốn thu hết tất cả hình ảnh lẫn cảm xúc vào trái tim mình. Hành hiểu điều đó, anh lặng lẽ nhìn băng quơ, để Hiền Lương trọn vẹn với tâm trạng riêng.

Có một điều khiến Hiền Lương không khỏi ngạc nhiên, đó là lúc cô đứng ở quãng giữa cầu, nhìn mặt sông theo hướng tây, hướng ở phía dãy Trường Sơn xa tít. Lúc này, cô mới thấy dòng sông Bến Hải không nhỏ bé như cô nghe ba kể, hoặc như trong những bức ảnh cô đã sưu tầm từ năm mới lên mười. Hiền Lương càng ngạc nhiên hơn khi cô nhìn thấy trước mắt, cách cầu dăm trăm mét, là một ngã ba sông: Có một nhánh sông thứ hai thuộc phần đất bên kia giới tuyến đổ vào sông Bến Hải. Hiền Lương nhìn xóm làng trên doi đất giữa hai nhánh sông, cứ ngỡ như đó là một cù lao, một cồn bãi giữa một dòng sông mênh mênh. Nhưng nhánh sông kia, anh Hành đã giải thích ngay cho cô, chỉ là phụ lưu, còn giới tuyến vẫn là chính lưu Bến Hải, và xóm làng trên doi đất kia, với địa danh bắt đầu bằng chữ Vĩnh

(Vĩnh Sơn) của đặc khu Vĩnh Linh, trước đây vẫn thuộc bờ bắc Vĩ tuyến Mười bảy. Cảm giác ngạc nhiên ấy về độ rộng của dòng sông vẫn thể trong mắt Hiền Lương, khi cô nhìn mặt sông ở hướng đông, hướng cửa biển có tên là Cửa Tùng. Niềm ngạc nhiên ấy, đến lúc đã cùng Hành trở về bên bờ nam, vẫn còn ngân lên trong niềm bâng khuâng của cô gái được khai sinh bằng tên của chiếc cầu lịch sử trên đất quê nội.

Lẽ ra, từ hôm sau ngày giỗ, Hiền Lương đã phải tìm đến chiếc cầu lịch sử này, nhưng rồi bị lôi cuốn vào nhiều việc với những con người mang trong đời họ cả một chuỗi dài năm tháng, những con người đã trải nghiệm bằng máu, những giọt máu hào hùng, đau đớn, hoặc thâm thẳm, của trái tim họ, nên cô cảm thấy chưa vội. Cô cũng tự hiểu, chiếc cầu Hiền Lương bắc ngang dòng sông này, với bốn vại sắt đã được sơn lại một màu xanh cỏ úa kia, chẳng là gì cả nếu nó không bị chọn làm biểu tượng của cuộc chiến tranh khốc liệt nhất trong lịch sử bốn nghìn năm. Phải tìm đến những con người mang vết thương lịch sử, tự hào hoặc tủi hận từ vết thương ấy, huân chương hoặc cáo trạng từ vết thương ấy, chiến thắng và bại trận từ vết thương ấy, mới hiểu hết tâm hồn của chiếc cầu Hiền Lương. Thật ra, vết thương Bến Hải, vĩ tuyến mười bảy này, chỉ chưa đầy một phần mười của vết thương sông Gianh, cũng trên Khu Bốn cũ này thôi, khi xét về chiều dài thời gian. Chiến tranh Trịnh - Nguyễn hai trăm năm dai dẳng nhưng không khốc liệt về quy mô và vũ khí. Trịnh - Nguyễn chỉ là cuộc chiến tranh nội da xáo thịt do tham vọng vua chúa, bà con nội ngoại, dẫu rể của hai họ tộc, kéo cả dân tộc vào trận chiến! Trịnh - Nguyễn chỉ một ý hệ, đấy là ý hệ phong kiến. Dẫu chỉ mười tám năm Bến Hải và ba năm Thạch Hãn, cuộc chiến tranh vừa qua, khốc liệt về mọi phương diện, vì nói gì đi nữa, ngoài ý nghĩa cơ bản là chống đế quốc Mỹ và "tả đạo" Thiên Chúa giáo, tay sai, đấy còn là cuộc chạm súng về ý thức hệ, của hai hệ thống

chính trị với lực lượng của cả hai hệ thống trên toàn thế giới. Đây là cuộc đụng đầu lịch sử... Về lại quê nội của mình, Hiền Lương có dịp học hỏi, chiêm nghiệm trước những vết thương trong tim, trên da thịt của con người, của đất đai ở đây, về những gì cô chỉ mới đây thôi, còn quá mơ hồ cảm tính hoặc khô khốc xác chữ. Cô bật cười trong tâm tưởng, về chính mình, khi nghĩ cô có là gì đâu, chỉ một sinh viên mới tốt nghiệp đại học, yêu thích tranh, đang vẽ tranh, cố gắng trở thành họa sĩ. Cái tên cô mang chỉ là do ba của cô đặt cho, có lẽ để tưởng nhớ quê nhà với chiếc cầu trên sông quê nối liền hai bờ đất Quảng Trị: Gio Linh - Vĩnh Linh. Còn với ý nghĩa là biểu tượng của vết thương lịch sử và nối liền Đất nước? To tát quá! Chẳng riêng một ai xứng đáng. Hiền Lương trực nhận rằng dòng sông nào trên Tổ quốc mình cũng là sông Bến Hải, mỗi người Việt đều phải làm công việc của chiếc cầu này. Bị và được. Bị thương và được lành.

Nãy giờ, Hành vẫn ngồi băng quơ nhìn trời đất, lặng im. Hành nghĩ, cứ để Hiền Lương suy tưởng theo cách của cô với những tần số rung cảm rất riêng của cô. Hành tôn trọng tâm trạng riêng ấy. Tâm trạng, có ai trên đời này giống nhau. Và có lẽ do đó, anh muốn chia sẻ, cảm thông.

- Anh nghĩ gì, anh Hành? - Hiền Lương khẽ hỏi.

- Nghĩ về một chiếc cầu với một cô gái có chung một cái tên.

Hiền Lương cười thành tiếng. Hành hòa vào tiếng cười ấy tiếng cười của mình. Cô thoáng nghĩ, anh chàng Hành này sau hơn tuần lễ đi công tác, hội họp gì về, bỗng dưng ra ăn nói có duyên hơn.

- Em chợt thấy, hóa ra xưa nay em chưa hề có tên. Tên Hiền Lương chỉ là tên của chiếc cầu kia.

Hành tỉnh bơ:

- Rửa thì anh cũng vô danh. Tên Hành chỉ là tên của củ hành.

Cả hai cười giòn giã bên bờ nam sông. Gió qua đây mang theo hơi nước lẩn nấp trưa ngả chiều đã dịu. Hiền Lương buộc lại mái tóc dài đen mượt của cô. Gió thổi bỗng từng sợi, có sợi nép vào một phía của gương mặt trắng hồng, mịn màng, tạo thành một nét đẹp mới của cô trong mắt Hành. Hành đã mấy tuần nay gom góp cho mình những nét đẹp không giống nhau từ cô gái xinh đẹp, thông minh này, cô gái đang ngồi gần anh, làm anh xao xuyến. Chuyện vẫn với cô, Hành không tin cô chỉ học ngoại ngữ.

Hiền Lương rút từ sách tay cuốn sổ ghi phác thảo kí họa với cây bút chì. Cô vẽ cầu Hiền Lương, quan sát lại bối cảnh trước và sau của chiếc cầu. Lật lại những trang phác thảo trước, cô ngắm lại gương mặt ông giáo Hiền, sư Tâm Tụ, ông Nộ. Hiền Lương sức nhớ đến chú Học, qua lời kể nghe được, sức nhớ cả ba mẹ mình. Quả thật, chẳng có tâm trạng, cách nhìn, cách cảm nghĩ của ai giống ai, chẳng có cuộc đời nào giống cuộc đời nào. Chiếc cầu kia chỉ một, nhưng đã trở thành những - số nhiều - trong nhiều người. Hình ảnh chiếc cầu trong họ cũng khác nhau. Có lẽ vậy. Không. Chắc chắn vậy.

Khi cô dừng lại nghĩ tay, Hành nói khẽ, bằng giọng:

- Con sông này, chiếc cầu này... Còn có hai chiếc cầu nữa trên dòng sông, nhưng chỉ cầu này!... Riêng chiếc cầu mang tên Hiền Lương, được xây dựng trước một chín năm tư, đã bị Mỹ dội bom, nên đã gãy đổ. Cầu Hiền Lương này mới xây dựng từ một chín bảy ba. Nhưng điều đó không quan trọng. Vấn đề là ý nghĩa biểu tượng. Thật ra có gì đâu, đơn sơ, cũng không lớn lao gì. Vậy mà...

- Cũng như bức tường Bẹc-lanh, ở Đức, Bàn Môn Điếm, ở Triều Tiên.

- Thế là có ba mô hình từ sự chia cắt. Đây là chưa kể Trung Quốc lục địa và đảo Đài Loan. - Bỗng dừng Hành ngậm ngùi, bằng khuôn mặt.

- Điều đó đáng suy nghĩ. Nhưng đáng suy nghĩ hơn là vấn đề ý thức hệ nào tốt hơn, khoa học hơn, thực tiễn hơn và có tương lai hơn. - Hiền Lương chân thành nói, cây bút và trang phác thảo trong tay cô chùng như cũng dở dang một ý tưởng.

Hành lặng im. lát sau, anh nói:

- Hiền Lương có nghĩ đến vấn đề bi kịch của Cái mới?

Hiền Lương nhìn Hành:

- Anh Hành nói tiếp đi.

Giọng Hành rõ từng tiếng, vì anh sợ gió bạt nhòa đi:

- Bi kịch của Cái mới! Dù muốn dù không, chúng ta...

Có lẽ Hiền Lương rất cần cho cây cọ và bảng màu của mình, anh cũng rất cần cho viên phấn và bảng đen của anh, rằng, phải đi đến tận cùng của vấn đề. Những né tránh chỉ là ma túy xoa vào vết thương. - Hành ngừng lại, nhìn vào mắt Hiền Lương, mỉm cười -. Bỗng dưng nghiêm trọng, căng thẳng quá. Bùi Văn Nhủi là anh sắp bốc lửa rồi đây. Anh muốn mình là củ hành, làm gia vị thôi.

Hiền Lương chỉ mỉm cười. Cô thấy cũng hay, tại sao không dám đi tận cùng của vấn đề, trước chiếc cầu lịch sử này.

- Em chẳng sợ người ta bảo là sính chính trị. Sống trong đời sống, phải đụng quá nhiều vấn đề. Thật ra chúng ta không trực tiếp chịu vết thương này, - Hiền Lương chỉ dòng sông, chiếc cầu -, mà những sư Tâm Tụ, những ông Nộp, những ông nội như ông nội của anh Hành, những ai cùng thế hệ ba mẹ anh, ba mẹ em, và bao nhiêu người trên thế giới. Lịch sử nhân loại, từ khi có chủ nghĩa Mác, đặt ra cho những trí thức lớn, cả những người mù chữ, một loạt câu hỏi. Nói thế, không phóng đại, tô màu gì đâu. Tất cả, bị hay được, đặt trước sự chọn lựa, chọn lựa trong thao thức, trăn trở, giằng xé, đến mức nổ súng vào nhau, vào cả chính mình, kể cả "bình tâm" chọn lựa. Em muốn nói đến sự đấu tranh tư tưởng, cấp độ toàn cầu và cấp độ cá nhân, chiến

tranh ý thức hệ và tự sát do xung đột ý thức hệ, người này chửi rủa người kia ở từng góc phố, đường làng cũng vì ý thức hệ.

- Vấn đề giải phóng dân tộc để giành độc lập dân tộc, quyền tự quyết dân tộc, có lẽ đã khá rõ. Chính danh, chính nghĩa, và ngược lại đã rõ. Vấn đề còn lại là duy vật hay duy tâm, chủ nghĩa xã hội hay chủ nghĩa tư bản. Hai vấn đề ấy đã dính lẩn vào nhau mới từ những năm hai mươi, ba mươi. - Anh nuốt nước bọt, có vẻ bần khoản -. Đây chính là lúc sự phân hóa của người Việt yêu nước đã diễn ra. Anh nói đến những người yêu nước không thỏa hiệp với Pháp. Sự phân hóa của những người đó trước ngã ba lịch sử: con đường nào? Sự giằng xé, thao thức, trăn trở như Hiền Lương nói là vậy. - Hành lặng im, anh chợt thấy mình mới phác họa bối cảnh, vấn đề còn quá rộng và sâu, mặc dù anh cố không mở rộng ra trên bình diện toàn cầu.

- Những người yêu nước vốn không thỏa hiệp với Pháp, và sau một chín bốn lăm, không thỏa hiệp cả với Mỹ, không còn chỗ dựa nào khác là Liên Xô. Và sau nữa, từ một chín bốn chín, chỗ dựa đồng thời của họ, ấy là Trung Quốc. Vấn đề đã quá rõ. Nhưng yêu nước, không thỏa hiệp với Pháp, Mỹ, họ cũng không cộng sản, những người ấy dựa vào đâu? - Hiền Lương nhìn Hành, cô nói tiếp - . Nhưng, có lẽ chúng ta lan man rồi. Hồi này, anh có nói vấn đề bi kịch của Cái mới. Trong tiến trình lịch sử, hình thái chính trị xã hội chủ nghĩa là Cái mới. Bi kịch của chủ nghĩa xã hội là vấn đề trung tâm của cuốn Gót Sắt. Gót Sắt của chủ nghĩa đế quốc tư sản đã và vẫn tấn công, dày đạp trên Cái mới. Có lẽ anh muốn nói vậy? Vấn đề hiện nay là vấn đề của cuốn Gót Sắt, phải không?

Hành gật đầu, và anh chẳng muốn nói gì nữa. Nhưng anh muốn nhấn mạnh với Hiền Lương một điều, vì nghĩ Hiền Lương đã hiểu hết:

- Trong tiến trình lịch sử, hình thái chính trị này thay thế hình thái chính trị khác, đơn giản hơn, vì thời đại nông nô hay chủ nghĩa tư bản, vẫn duy tâm và tư hữu. Cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa “nhảy vọt” lên một chất mới, ngược lại một trăm tám mươi độ, đòi hỏi một chất người, - Hành nói lớn hơn -, một chất người, một trình-độ-làm-người cao hơn, quá cao. Do đó, rất khó khăn, khó lắm. Duy vật và công hữu, hai phẩm chất ấy, thể hiện trong đời sống hằng ngày, cho mọi người, khó lắm. Vấn đề là ở đó. Anh đơn cử, chẳng hạn, nạn vượt biên ở các nước xã hội chủ nghĩa xảy ra, cũng vì vậy. Hơn nữa, vì cách mạng gây sốc cho xã hội quá nặng. Và mặt khác, vì các nước tư bản “nhử mồi” để bôi nhọ nữa... Tất nhiên, có nhiều người nước ngoài giúp đỡ thuyền nhân, chỉ thuần lòng nhân đạo... Nhưng dẫn chứng cụ thể thì vô cùng. - Thấy mình hơi sa đà, Hành cúi đầu, rồi ngẩng lên nói tiếp -. Hạ thấp chất người, trình-độ-làm-người, nói rõ hơn là hạ bệ con người, đìm con người vào dục vọng thấp hèn và thói cá nhân chủ nghĩa, là chiến lược lâu dài của chủ nghĩa tư bản, của cái Gót Sắt.

Hành nhìn bóng nắng, chiều đã xuống rồi. Anh nói với Hiền Lương:

- Có lẽ mình nên đi quanh một chút rồi về.

Hai người thong thả đạp xe. Đi một quãng, Hiền Lương hỏi:

- Tuần rồi anh đi chấm thi phải không? Kì hai, chưa thi mà?

Hành cười:

- Anh đã già từ nghề giáo rồi. Anh đang nghỉ phép, từ cuối năm học đến giờ. Chỉ đi họp ở Đông Hà thôi, nên vắng mặt cả tuần qua.

Hiền Lương ngạc nhiên:

- Vậy anh chuyển qua công tác gì? Thảo nào không chấm thi kì một.

- Phải đi học lại, vì dốt. Anh còn dốt, đúng không?

- Hồng (không) dám mô! Học gì?
- Học chữ. Thôi, đạp nhanh một chút. - Hành nói lảng - .
Hồi nãy, mình ngồi chỗ trợ trợ quá, nắng muốn bỏng người.
Hiền Lương chẳng biết sợ nắng là gì. May có nón rộng vành!
- Nghề vẽ, phải chọn nơi có góc độ tốt nhất để vẽ, chứ
nắng hay không có là gì đâu! Đâu phải đi hóng mát! - Hiền
Lương giấu một nụ cười lém lỉnh.
Mình sợ gì anh chàng này nhỉ, cô tự nhủ và cười thành
tiếng. Hành chẳng hiểu gì, cũng bật cười.

2

Hôm kia, Hiền Lương lại một mình đạp xe đến cầu Hiền Lương, tìm một vài góc độ khác để làm phác thảo, cũng để mắt mình ghi nhận hết ấn tượng, để lòng mình thực sự rung động với mức cao nhất. Sau vài ngày suy nghĩ, cô thấy dự cảm ban đầu là đúng nhất. Mình có là gì đâu, khi được sinh ra, chiến tranh đã chấm dứt, mặc dù ảnh hưởng của nó vẫn còn, đang còn, trong từng thân phận như mình, như Hành. - Cô tự bảo -. Không phải cô, mà chính là ông giáo Hiền. Chân dung ông Hiền sẽ được lồng vào bối cảnh chiếc cầu và cụm hình tượng của ông. Vấn đề còn lại, phải phối trí như thế nào, để có một bố cục đạt. Nhưng đây cũng chỉ là nâng cao một mức kí họa. Không, còn phải hư cấu một hình tượng từ những con người cô đã quen, đã hiểu, từ những người ở quê nội của cô, để hình tượng nghệ thuật hội họa sẽ thật hơn sự thật lịch sử, như trong thơ, như trong tiểu thuyết. Nhưng bây giờ, cô phải nắm cho được thần thái, chiều sâu thăm thẳm của ông giáo Hiền. Từ những kí họa về ông giáo, cô đang hư cấu lại một thoáng nét mặt điển hình nhất của ông. Và chiếc cầu Hiền Lương kia nữa. Phải

có cái tứ nào đây. - Hiền Lương vừa vẽ vừa chìm trong suy tưởng.

Bảo rằng hai cuốn sách Vô ngôn Vô tự ông Hiền tạo hình bằng chèn kiếng tượng trưng cho Sách trời là vớ vẩn. Đấy chỉ là một cách nói dựa vào hình tượng của tư duy cổ. Chỉ có nhà tiểu thuyết, với thủ pháp ước lệ, đóng vai Thượng đế, biết hết mọi điều, mọi góc ngách sâu kín của con người. Thượng đế chỉ là Hư vô, hoặc Đạo, hoặc Thần Trụ Trời, Giê-hô-va? Cô không biết. Thế thì hai cuốn sách ấy là gì?

Ông giáo Hiền chưa chịu nói. Ông chỉ mỉm cười, bảo, rất bí mật. Và cô đã hiểu gì lắm về ông giáo Hiền! Sư Tâm Tự, ông Nộp, rồi chú Học, o Ngoan, tất cả, cô chưa hiểu gì lắm. Cô nhủ, cứ vẽ như mình cảm nhận, cảm nhận bằng suy luận, bằng trực giác, thế thôi. Họa sĩ cũng như nhà tiểu thuyết, nhà thơ, thường nhào nặn lại hiện thực đã quan sát, nghiền ngẫm, suy nghiệm, rồi hư cấu sáng tạo. Hình tượng nghệ thuật đâu phải là phản ánh của con người cụ thể, chân xác như vốn có, mà như một điển hình, để chân thực hơn cái cụ thể riêng lẻ. Hiền Lương sẽ ghi dấu ấn cảm xúc, tư duy, nhận thức, ước vọng của mình vào hình tượng theo quy luật sáng tạo nghệ thuật. Nhà tiểu thuyết, cứ với thủ pháp ước lệ của mình, sắm vai Thượng đế - nói theo tư duy tôn giáo và tín ngưỡng dân gian... - để tùy nghi sáng tạo ra thế giới tiểu thuyết... Nhưng, như vậy, cô đã quá trông cậy vào trực giác chăng.

Về với quê nội, ngôi làng bé nhỏ đã từng là một trong những mảnh đất bị giết bởi bom đạn và chất độc màu da cam này, mùa hè một chín chín sáu này, chỉ một thời gian ngắn, cô đã nhận ra một Hiền Lương, là cô, đã gặt hái quá nhiều điều. Cô không ngừng hỏi người này, người khác, và hỏi thẳng người cô muốn hỏi, để cố gắng làm một Thượng đế trong thế giới hội họa của riêng mình. Cô tin chẳng ai nữ trách móc gì nếu cô không vẽ như họ muốn, hay ngỡ là

đáng ra phải thế này, thế kia. Đó là ông Nộ trong mắt cô. Đó là sư Tâm Tụ trong mắt cô. Đó là ông giáo Hiền trong mắt cô. Tất cả phản ánh trong mắt Hiền Lương, được tái hiện và tái tạo với cây cọ, bảng màu của cô. Nghệ sĩ, với cảm thức riêng, sáng tạo hình tượng để chân lí cuộc sống với chân lí ấy trong nghệ thuật có độ sai lệch hay trùng khít? Sự thật nghệ thuật phải thật hơn sự thật lịch sử? Hiền Lương trần trố, suy ngẫm. Cô nghĩ đến hai chữ trung thực, sự trung thực của người nghệ sĩ, trước lương tâm, trước cuộc đời. Hiền Lương không muốn mình bị lừa bịp, bị cưỡng bức rồi tự lừa bịp, tự cưỡng bức cây cọ và bảng màu của mình, như ông Nộ và cây sừng của ông. Hiền Lương còn trần trố, suy ngẫm về hai chữ sáng tạo nữa - sáng tạo chân lí, đúng hơn là phát hiện ra chân lí, và góp phần tác động vào quá trình sáng tạo của cuộc sống, theo cách của mình. Hiền Lương nhận thấy mình hơi ngông, nhưng cô muốn sống để không hối tiếc đời mình.

Chiều nay, lại một lần nữa, Hiền Lương đến với chiếc cầu Hiền Lương, lặng lẽ tìm một góc độ thích hợp, để một mình chiêm nghiệm. Bỗng dưng, cô lại bồi hồi nhớ Hành. Nhưng cô cố tập trung suy nghĩ về hình tượng ông giáo Hiền, mà trước hết, về một ông Hiền thật, rất xương thịt, đã sống bảy mươi năm trong thế kỉ này.

Bất chợt, cô lại mỉm cười, rồi lại sợ hãi, khi nghĩ, biết đâu ai đó sẽ viết một cuốn tiểu thuyết về những nhân vật mình đang gặp gỡ, thăm hỏi, đang suy tư, nghiên ngẫm về họ, và biết đâu, nhà văn ấy cũng đang viết về cô với mùa hè bên sông Bến Hải này. Không hiểu sao cô có linh tính như vậy. Ô, ai cũng có thể là nhân vật. Thì cứ mặc kệ nhà văn ấy! Như ông Nộ, sư Tâm Tụ, ông giáo Hiền cứ thay kệ mình với cây bút, cây cọ và hộp màu.

Cô lại đắm đắm nhìn chiếc cầu Hiền Lương. Chiều đang xuống với những tia nắng vàng ruộm trên sông. Cô

chờ khi nắng gần tắt, ngôi sao hôm tỏ biếc, nhấp nhánh, mới thong thả đạp xe về nhà.

Trên đường về, cô vẫn chưa dứt ra được những ý nghĩ miên man. Cô tự bảo, với những kí họa, rõ là cô đang ghi chép con người và bối cảnh thực, nhưng với tranh hư cấu, như tiểu thuyết hư cấu, cô phải sáng tạo ra nhân vật, hình-tượng-tác-phẩm, mang máu thịt của tư tưởng, của tâm hồn cô.

Hiền Lương hiểu rõ khái niệm tiểu thuyết cô vừa dùng để so sánh, không phải là loại tiểu thuyết tái hiện nghiêm ngặt - tiểu thuyết lịch sử với các nhân vật lịch sử.

Hiền Lương vừa đạp xe vừa suy nghiệm lại điều giản dị ấy. Nhưng con đường nghệ thuật cô không nguôi khát vọng kia, nào phải là con đường về nhà trong bóng chiều hôm. Ấy là con đường đi đến chân trời, cứ xa mãi, mãi còn xa lắc. Đích tới của nghệ thuật rất vô cùng. Vấn đề chính là những chặng đường đã vượt, và không để ngã lòng.

3

Mấy lần sinh nở trước, sau khi con sổ lòng, thím Cam thấy mình vẫn được ông bà, Trời Phật độ trì, ban phúc. Đứa con nào của bà cũng khỏe mạnh, chẳng bị Mười hai Bà mụ lơ đếnh nặn méo hoặc thiếu. Nhưng lần này, thím muốn khóc, bàng hoàng khi nhìn đứa bé trai từ bụng thím lọt ra với cánh tay phải mềm oặt.

Thằng cu cũng khóc chào đời, chứ chẳng cười khi. Nó ngộp ánh sáng, ngộp không khí trong hơi thở đầu tiên, cũng như những trẻ sơ sinh khác. Nó bú no, ngủ đầy giấc. Thôi, trách chi Mười hai Bà mụ có những phút giây sơ suất, và cũng chẳng dám trách nào.

Sợ trùng tên với bà con trong gia phả, chú Cam đặt cho thằng cu cái tên tạm: cu Cút. Thường thường, cha mẹ nào cũng chọn cái tên tạm đại loại như vậy cho bảo đảm khỏi trùng, vì tên quá xấu. Khi làm lễ thôi nôi, chú Cam chọn chữ nào thật đẹp để gọi con: Hiền - người hiền, hiền lành. Nhưng cái tên Cút ấy về sau vẫn có người gọi anh giáo Hiền khi quen mồm lờ miệng.

Khi biết đi, rồi biết chạy nhảy chơi đùa, cu Hiền hồn nhiên lắm. Nó chưa biết so sánh để buồn. Lớn khoảng sáu, bảy tuổi, nó chợt thấy mình thua sút bạn bè đến một cánh tay! Cánh tay phải cứ đơng đờ như có đó mà hóa ra thừa thãi.

Nhà cu Hiền thuộc loại khá giả trong làng. Ở làng này, gia đình có đến năm mẫu ruộng thượng đẳng điền là thuộc loại giàu, dẫu mẫu Trung bộ chỉ bằng nửa mẫu Nam bộ. Nhà lại có trâu, có bò, nhất là có vườn thổ cư, rộng rinh, sum suê cây trái. Tuổi thơ của anh chị và cu Hiền tha hồ chơi đùa trong khu vườn này.

Không biết có phải do cái tên Cút hay do bẩm tính hiếu kì, thích tìm hiểu, một hôm khi đi vệ sinh dưới gốc chuối, cu Hiền đánh bạo lấy ngón tay quệt một chút phân còn nóng hôi hổi để nếm thử. Uờ, phân mặn! Và phân thối, tất nhiên. Sao lũ chó lại khoái ăn cút nhỉ? Chúng lại liếm đít cu Hiền nữa chứ. Tại sao mèo thì không? Nói chung, cu cậu Hiền này cứ thắc mắc, cứ luôn đặt câu hỏi, từ những cái vớ vẩn như thế đến những cái thật to tát, nghiêm trang. Cu cậu từng đem cái tượng thờ bị vỡ để so sánh với cái chén kiểu vỡ. Cu Hiền lấy đá đập đập thử, so sánh chất sứ này với chất sứ kia, rồi rút ra một kết luận: vấn đề không phải là chất sứ, chất sành, vấn đề là công dụng và công dụng. Tượng thờ để thờ thần, chén để ăn cơm. Công dụng là quan trọng nhất.

Lúc đó, tám tuổi, Hiền chưa được đến trường giờ nào! Điều ấy chẳng biết có liên quan gì đến cánh tay phải bị liệt không.

Một lần, lúc Hiền chạy chơi, cây dứa dại có gai ở lá cào tay cu Hiền chảy máu. Đứa bạn bảo:

- Cũng có máu! - Nó có vẻ ngạc nhiên.

- Thì cánh tay này vẫn sống chứ đã chết mô! - Hiền trả lời.

Chuyện chỉ vậy thôi. Đứa bạn kia vẫn vô tư lự. Riêng cu Hiền, nó liên tưởng đến cục thịt thừa. Sống mà thừa, sống thừa, đời thế thì đau lắm, tay ơi. Sống mà chẳng có công dụng gì hết, thêm vướng nữa! Cu Hiền lại nghĩ đến cánh tay cụt của người hàng xóm. Chính cái tay cụt hẳn làm tay áo phát phờ, thừa thãi. Nó tự an ủi về cánh tay phải của nó. Có cái tay sống thừa, đau, nó đã biết đau rồi, nhưng tay vậy vẫn còn có ích, oè oặt vẫn nom dễ coi hơn cụt hẳn.

Cu Hiền còn buồn vì sự nhỏ con của nó.

Ông bà Cam cùng bốn anh chị trong nhà, bấy giờ, làm sao biết cu Cút được sinh ra giữa đời với dấu hỏi to lớn trong bộ não của nó về ý nghĩa của kiếp người và cõi đời. Nói đúng hơn, cu Hiền có tổ bầm của nhà khoa học, tậ nguyên bầm sinh giúp nó ngộ được lẽ sống quá sớm, và tích cực, cái tích cực của tình trạng bi đát, tuy còn mơ hồ, cảm tính. Nhưng Hiền chưa được học hành đến nơi đến chốn, trong thời buổi ấy, lúc chuyện cứu nước với thời cơ cứu nước quá cấp bách, nghìn năm có một.

4

Hiền học ở làng với ông đồ nho được hơn hai năm. Năm một chín ba sáu, Hiền được gửi vào Huế học chương trình sơ tiểu học. Trong nhà, chỉ có người anh cả được đến trường theo Tây học ở Huế, cũng nhờ có người bà con làm

ăn trong đó. Người bà con lúc nhỏ đi ở đợ, sau lấy chồng, sống ở đất cố đô luôn. Anh cả của Hiền, lớn hơn Hiền mười lăm tuổi, làm bưu điện, nuôi em đi học. Dầu sao Hiền cũng con út, và chắc hẳn việc ruộng đồng cày cấy với Hiền sẽ không thuận lợi lắm, nên phải học được chữ nào hay chữ ấy. Lí do chính là nguyện vọng của Hiền.

- Cha mẹ đặt cho út tên Hiền mà không cho đi học à! - Hiền nũng nịu đòi đi học.

- Thì học chữ nho, khỏi đi xa. - Chú Cam xoa đầu con.

- Con thích chương trình mới, chữ quốc ngữ, chữ Tây. Thời chữ nho chỉ để biết, nỏ (không) làm chi được.

- Thì đi Huế. Gắng học cho giỏi. - Chú Cam cười.

Vào Huế, đến trường, học, về nhà, học, khi nào trên tay Hiền cũng sách với bút. Vóc dáng tầm thước, Hiền chỉ mơ sau này được vậy. Hiền cũng chăm tập luyện thể dục, và đá bóng thuộc loại cừ, do đó thân thể tuy nhỏ con nhưng vốn đã dẻo dai lại càng dẻo dai. Vì có tật, phải cố gắng luyện thành tài, nên Hiền học rất giỏi. Bạn bè hết coi thường, chế nhạo, lại khâm phục Hiền nữa.

Ban đầu, mới chân ướt chân ráo vào Huế, Hiền thấy mình quá tội nghiệp - tay phải đong đưa thừa thãi, vóc vạc nhỏ bé, đi đứng, nói năng lại quê kệch. Hiền chới với, sững sờ trước Huế, nhưng tự nhủ, chẳng lẽ thua bạn bè cùng trang ngang lứa! Hiền ra sức, hết mình, và vượt trội về các mặt.

Nhờ vậy, trong con người Hiền, có một sức mạnh tinh thần đáng nể. Sức mạnh ấy thể hiện ở đôi mắt ngời sáng. Hình tượng bị Mười hai Bà mụ chơi khăm, tuy nhiên, nhờ nghị lực, vô hình trung, Hiền có một thần tượng, thoát nhìn, người khác cảm thấy nể trọng trước Hiền, và nể trọng nhất là khi nói chuyện với Hiền.

Tuổi học trò thường ai cũng có thần tượng, và đa số bày tỏ niềm ngưỡng mộ thần tượng bằng nhiều cách, như sưu tầm ảnh, dán trong vở, trước bàn học, hoặc tự vẽ lấy, hoặc khắc tên, hoặc làm thơ về thần tượng ấy. Niềm

ngưỡng mộ vĩ nhân thường không giấu giếm. Nhưng với Hiền, thần tượng của mình, Hiền chỉ ngưỡng mộ trong đầu và trong tim. Nổi quán tưởng thường xuyên về thần tượng, đau đầu, canh cánh trong Hiền, thành sức mạnh nội tâm của Hiền, nhưng nói ra với ai lại hổ ngươi, có lẽ cũng do mặc cảm. Đây là Mạc Đĩnh Chi, kiệt xuất trạng nguyên, hình dong xấu xí.

Từ năm một chín ba sáu, khi Mặt trận Bình dân thắng thế ở Pháp, tinh thần bình dân và dân chủ nở bung ở Huế. Những người cộng sản được công khai hoạt động trên lĩnh vực văn hóa văn nghệ. Hiền rất thích Những người khố khổ của Huy-gô (V. Hugo), các bài văn, bài thơ có khuynh hướng viết về người cùng khổ trong xã hội do thực dân, phong kiến thống trị, và cả sách lí luận mác-xít.

Tốt nghiệp xong bậc tiểu học loại ưu, Hiền học thêm một năm nữa thì bị đuổi học với lí do, chính quyền tay sai phát hiện Hiền có tham gia hội kín chống thực dân, phát-xít, chống phong kiến, do những người cộng sản lãnh đạo. Nhưng bởi bằng cứ không nắm chắc, không thể đưa ra tòa kết án, cũng vì Hiền mới mười sáu tuổi, nên chúng đành tống khứ Hiền thôi, chứ chính quyền tay sai chẳng làm gì được. Hiền phải lủi thủi về lại làng quê. Đây là vào năm một chín bốn ba, năm Nhật đã xâm lược Đông Dương.

Hai năm lặng lẽ ở nhà, ngày ngày cỡi trâu cho trâu ra đồng, lên bãi gò hoang ăn cỏ, Hiền với cuốn sách cầm tay, thao thức mãi, khắc khoải mãi về vịnh nước. Hiền cũng thừa biết mình đang bị để ý, nên lần nữa chưa dám động tĩnh, bắt liên lạc với tổ chức.

Mười bảy, mười tám tuổi, Hiền bỗng bồi hồi rung động khi gặp cô gái cùng làng, suýt soát hơn kém nhau một hai tuổi. Thời đó, có câu “nhất gái hơn hai, nhì trai hơn một”, có lẽ do tập quán hôn nhân sớm một phần. Hôn nhân sớm, con gái già dặn hơn sẽ đảm đang hơn chăng? Chẳng rõ. Hiền chỉ biết nghe mình thổn thức, bồi hồi khi nhớ đến cô Thắm -

nhớ đôi mắt lá rằm lúng liếng, nhớ môi trầu cắn chỉ đỏ tươi và nụ cười răng đen nhánh, đều đặn hạt huyền, nhớ nhất là dáng người thon tròn, đầy đặn, gánh thóc trĩu hai bó nặng oằn, vẫn đi thoăn thoắt, nhẹ nhàng như múa.

Trong tình yêu, hình như ai cũng cần có sự bù đắp nào đó cho phần thiếu hụt của mình. Nhìn thấy mơ mơ, phơn phớt lông măng, trên làn da ở hai cườm tay thanh nữ chắc khỏe, Hiền rung động tận sâu thẳm hồn mình. Đôi cánh tay của Thắm đẹp đến vô ngần, lộ ra khi mặc áo cánh, xay lúa trong nhà ngang, mà đôi bạn Hiền cố tình đi qua, ngoài đường làng, tạt vào chầm điếu thuốc để liếc nhìn. Hiền yêu lắm dáng người rắn rỏi, khỏe mạnh và lại thanh thoát của Thắm. Nhưng Hiền tự biết mình, hơi nhỏ bé về vóc vạc, lại liệt cả một cánh tay phải nữa! Tình yêu hướng về Thắm nảy sinh từ trái tim trĩu nặng mặc cảm ấy của Hiền. Tình yêu làm Hiền đau đớn. Anh đành im lặng, một mình buốt bỏng với tình yêu của mình. Hiền cũng tự nhủ, lúc này, có nhiều việc để lo, hơn là chuyện yêu đương thường tình. Thanh niên phải nuôi chí lớn, phải tính chuyện cứu nước, cứu dân, còn sớm yêu đương, vội chuyện vợ con, chỉ thêm bó buộc. Trong tâm hồn Hiền, diễn ra những giằng xé. Và Hiền chôn chặt trong trái tim mình mối tình đau đớn ấy.

5

Năm một chín bốn lăm, Cách mạng Tháng tám rực rỡ cờ đỏ sao vàng. Hiền là người hồ hởi và nhiệt tình nhất. Hiền trào nước mắt khi hiểu được ý nghĩa Độc lập, Tự do đã có được là từ bao nhiêu xương máu của đồng bào ruột thịt trên khắp cả nước. Đâu phải dễ dàng gì! Phải tính từ giữa thế kỉ trước đến nay, từ khi Pháp chính thức xâm lược, nổ súng vào cảng Đà Nẵng.

Hiền trở thành anh giáo viên chăm lo việc xóa “giặc dốt”. Nhân dân thất học, mù chữ. Đây là điều phải lo. Chưa bao giờ Hiền cảm nhận được niềm hạnh phúc lớn lao, vĩ đại đến thế. Hào khí cách mạng cuốn sạch bao lo toan, khổ đau nhỏ bé và cá nhân. Hiền làm việc suốt ngày đêm trong niềm vui tung bừng của cả nước. Không gì hả lòng hơn khi bắt thằng Pháp, thằng Nhật chịu còng tay, cúi đầu.

Ngoài việc dạy bình dân học vụ, Hiền còn tham gia du kích luyện tập quân sự, phụ trách việc kinh tài, vận động nhà nhà người người đóng góp lúa gạo cho cách mạng. Nhưng công việc dạy học vẫn là việc chính, vì Hiền có chữ nghĩa sáng giá.

Nhớ một hôm, đang thấp đèn dạy học ở nhà ngang của chùa làng, phía dưới lớp, người râu tóc trắng có, người ăn trầu hút thuốc có, bỗng vang lên một giọng bà già:

- Thừa đồng chí thầy giáo, trò này nhỏ bã trù (trầu) vô chin (chân) của con!

- Ai vậy, bác Tám?

- Trò mẹ Lắm!

Cả lớp cười ầm. Giáo Hiền dở khóc, dở cười. Có thể mẹ Tám gần sáu chục tuổi này thích đùa, vì xưa nay mẹ nổi tiếng là trợn cười trong làng. Học trò mà tóc trắng, ăn trầu thì buồn cười thật! Giáo Hiền đành cười, và lát sau, đợi mọi người yên lặng, mới ôn tồn:

- Bây giờ cách mệnh rồi. Người lớn tuổi như mẹ Tám, xin đừng tự xưng “con” nữa. Tuổi nào, vai vế nấy. Tôi dạy chữ nhưng chỉ đáng con cháu các ông, các mẹ.

- Rứa thì khó quá. - Một người nói.

- Thầy ra thầy, trò phải ra trò chứ. - Một người khác đứng dậy.

Giáo Hiền chấp hai tay đan nhau giữa ngực:

- Xin gọi tôi là giáo viên. Bà con cô bác cứ tự xưng như tuổi tác, vai vế. Ví dụ: “Xin đề nghị giáo viên chỉ cho tôi, hay cho bác, chữ i có dấu chấm hay không”. Rứa thôi.

Cả lớp đồng ý. Có người thấy ngồ ngộ, hay hay. Có người rớm nước mắt cảm động. Người cảm động nhất, có lẽ vẫn anh giáo Hiền.

Những ngày tháng này, Hiền thường gặp Thắm luôn. Bảy giờ, thanh niên tham gia phong trào rất hăng say, hay hội họp, hát múa và học tập, xóa mù chữ. Tình yêu căm nín chôn sâu trong lòng, Hiền vẫn quyết chôn sâu, không nói. Thắm chỉ có cảm tình và kính phục anh giáo Hiền chữ nghĩa. Hiền cũng cảm thấy chừng như Thắm thích chuyện trò với sư Tâm Tụ hơn. Sư Tâm Tụ và giáo Hiền cùng cộng tác dạy bình dân học vụ, thân quen nhau. Sư cũng mới tu học ở Huế ra trụ trì chùa làng. Hai người cùng ở Huế, kẻ trước người sau, nhưng kẻ đời người đạo, chưa được gặp. Trước Cách mạng, giáo Hiền đang ở trong thế bị đề ý, sổ đen lí trưởng có ghi tên, nên biết sư Tâm Tụ về, vẫn chưa dám gặp. Bây giờ, gặp, người có chữ gặp người có chữ, dễ thân nhau. Tình thân thêm đậm đà lại do họ cùng trang lứa nữa - sư hơn giáo hai tuổi. Và chẳng hiểu sao cô Thắm lại mến sư hơn mọi thanh niên khác, hơn cả Hiền! Chẳng lẽ, dẫu Hiền chưa nói ra, nhưng Thắm cũng đã hiểu rồi chứ, hay ít ra cũng mang máng chứ. Hay Thắm thích học thêm giáo lí Phật? Hiền băn khoăn chẳng rõ. Nhưng Hiền buồn, buồn lắm.

Rồi công việc cuốn hút, giáo Hiền chẳng còn thì giờ rồi rãi, mơ với mộng, tương tư và sầu đau. Thật ra, bao nỗi niềm ấy, chỉ bớt đi thôi. Những vần Thơ mới, giáo Hiền thuộc thời ở Huế, lẫn với nhiều bài thơ cộng sản, lưu hành bí mật và công khai, vẫn có khi theo dòng hồi nhớ, giằng xé nhau trong tâm hồn giáo Hiền.

Lúc này, dẫu vậy, nhưng vận nước còn rối ren lắm. Chính quyền cách mạng cần củng cố, kiện toàn, và ít nhiều bị đe dọa. Anh với Ân phía nam tiến ra. Tàu Trường phía bắc tiến vô. Tàu Trường, tức Tàu ô, đói, tả tơi, tiều tụy, vào xứ

đói. Nạn đói đang hoành hành, từ Bắc vào Nam. Các tỉnh trong Nam chờ gạo thóc ra không xuể cứu.

Hiền chẳng thể suốt ngày tương tư. Phải xốc dậy hào khí cách mạng, anh tự nhủ vậy. Tuy nhiên, Hiền vẫn khẽ ngâm một mình trong khuya vắng: “Em chỉ là người em gái thôi, Người em sâu mộng của muôn đời”, dẫu Thắm chẳng có gì sâu mộng, xem chừng tươi tắn thêm!

6

Tháng giêng, hai, những cơn mưa xuân bay miên man đầy trời tơ bụi lạnh buốt, và mưa dầm mùa đông năm ngoái sót lại, đôi khi, lại thả rét xuống với hạt mưa lớn hơn, dẫu không còn những trận mưa đến sót ruột nữa. Tháng ba, nắng ấm, vàng non. Đây là tháng đất trời bỗng đẹp, tươi thắm.

Đạo này, Hiền bàng hoàng, run lên trong niềm xúc động hòa lẫn với cảm giác bất được hạnh phúc. Hạnh phúc trong yêu đương có quá nhiều cung bậc và sắc độ. Hạnh phúc, với Hiền lúc này, chàng trai hai mươi tuổi tròn, là hạnh phúc dường như được yêu, có thể được yêu thật rồi.

Ở Hiền, sâu thẳm một tình yêu chưa dám nói, chôn chặt trong lòng, vì mặc cảm tội nguyên, vì thời cuộc. Cái riêng với cái chung giằng xé nhau. Tuổi trẻ, khát vọng tình yêu đương, và ý thức về sự bất toàn của thân thể đã trở thành niềm đau thắm thía, đang giằng xé nhau. Nhưng bây giờ, người Hiền yêu dẫu, thâm lặng nhớ thương kia, cơ chừng cũng như Hiền chẳng. Đang tươi tắn, phơi phới trong tuổi thanh xuân cho dù đời sống đang đói rét, Thắm bỗng dưng ủ dột, sầu mộng. Không, chẳng phải vậy đâu. Thắm chẳng có gì để mặc cảm tự ti. Thắm không đẹp nhưng duyên dáng và tràn đầy sức trẻ. Cũng không phải thế.

Gương mặt rất duyên, chỉ rất duyên thôi, lúng liếng đôi mắt lá rằm, nhưng dáng hình Thắm đã khiến bao chàng trai say đắm. Áo chít eo màu nâu non, quần đen, dáng đi, dáng cạy, dáng gánh thóc, sao khỏe khoắn và nhẹ nhàng, thanh thoát và đầy đặn thế. Sao dạo này Thắm sầu mọng. Tình yêu đích thực đấy chẳng. Hiền căng cả đầu để suy đoán. Sao Thắm mỉm cười, thích chuyện trò với Hiền thế. Thắm hiểu được trái tim của Hiền rồi sao. Hiền run lên trong ý nghĩ ấy. Khi yêu, tình yêu đích thực, người ta đắm chiêu, sầu nhớ chẳng. Hiền vận dụng những kinh nghiệm từ sách vở nhưng chẳng thể tìm được đáp số. Tình đầu u mê, bùng cháy.

Quả thật Thắm hiểu mình rồi? Thắm đến với Hiền rồi? Hiền muốn reo lên sung sướng. Yêu bao năm, yêu nung nấu, chôn kín và ngỡ đành tuyệt vọng, rồi thảm lặng ghen tuông, đau đớn, bây giờ, đã được đền đáp, được yêu lại! Hiền thấy yêu Thắm, yêu cuộc đời này biết bao!

Những lần vãn hội họp, Thắm đi chậm, tách ra khỏi nhóm bạn vốn hay tinh nghịch, để chờ Hiền. Hiền mặc cảm nên Hiền đâm ra nhút nhát trước bạn gái. Giờ hết rồi, chẳng nhút nhát nữa đâu. Hiền đến bên Thắm, cũng chuyện vãn, nhưng lúng búng, im lặng thì nhiều hơn. Lũ bạn biết rồi, có cô còn nguýt lườm Thắm, tỏ ra đơan trang, coi thường sự chủ động bạo dạn của Thắm. Nhưng Hiền thích. Phải dân chủ trong yêu đương. Phải cách mạng tình yêu đôi lứa. Nam nữ phải bình đẳng. Thắm là con gái, bị áp bức phong kiến như bao phụ nữ xưa, yêu không dám tỏ, bây giờ, giải phóng rồi, có quyền tỏ tình với Hiền chứ. Hiền yêu cái mới này quá. Hiền hăng lên trong suy nghĩ. Và Hiền thấy rằng với tình yêu, cũng là tình đồng đội, đồng chí chiến đấu, hai người yêu nhau sẽ làm tốt hơn công tác. Không, yêu Thắm, Hiền sẽ công tác tốt hơn. Hiền tự đối thoại với mình. Hiền suy nghĩ với ngữ điệu như thể tranh luận như vậy, mặc dù chẳng ai là cái bóng hoặc phân thân ra từ Hiền để cãi với Hiền về điều đó.

Tối nay, Hiền vác khẩu súng trường đi dạy bình dân học vụ về. Trời đầy sao, sắp mùa hè, đầu mùa hè cũng nên, vì thời tiết đầu theo lịch. Thấm chờ Hiền, vai vác cây tầm vông vạt nhọn. Hai người đi chậm chậm. Hiền run lên trong niềm biết ơn Thấm, trong bàng hoàng ngây ngất. Chẳng biết nói gì, cả hai cứ nói vu vơ.

- Thấm đi gác đêm à?

- Dạ. Còn eeng (anh) đi dạy chữ về?

- Mới dạy xong... Trời đầy sao, đẹp quá, Thấm hỉ (nhì)?

- Mai chắc nắng lớn, nắng to cho coi.

Hiền chợt nhớ một truyện ngắn lãng mạn nào đó, thâm nghĩ, sao không ngồi xuống vệ cỏ chuyện trò với nhau. Nhưng chẳng biết nói thế nào. Truyện ấy khác, khung cảnh này và tâm trạng mình cũng khác.

- Suốt ngày ni, em đi gánh gạo cứu tế, mỏi chân quá.

- Mình ngồi xuống đây một chút. - Hiền mừng rơn, nhưng cố giữ giọng nói cho bình thường.

Thấm đi chậm lại, có vẻ đồng ý. Hiền sung sướng, muốn vỡ cả trái tim trong ngực. Hiền đứng lại, bỏ cây súng xuống.

- Ngồi xuống đây đi. - Hiền nói.

- Sao xanh xanh nhấp nháy vui quá. - Thấm vu vơ, rồi chỉ nhìn trời, im lặng.

Hiền nghe mạch máu ở thái dương rần rần.

- Thấm này!

- Dạ.

- Mình cười nhau nghe! - Hiền nói.

Thấm cười khúc khích.

- Thấm này!

- Dạ.

- Sao Thấm cười?

Hiền sốt ruột, đánh bạo nắm tay Thấm. Thấm khẽ rụt lại, rồi để yên. Hiền nóng bừng.

- Rồi hai đứa mình cưới nhau, Thấm hỉ? Thấm đồng ý đi.

Thấm quay sang, bắt gặp ánh mắt Hiền, có lẽ thiết tha, cháy bỏng. Thấm đưa tay trái của Hiền đặt lên ngực Thấm. Hiền muốn cháy thành ngọn lửa. Trái tim Thấm với nhịp tim thế nào, Hiền đâu biết. Nói đi, làm sao nghe được tiếng nhịp tim, Thấm ơi. Hiền cháy bùng trong cảm giác tiếp xúc với bầu vú căng tròn sau làn yếm và vải áo. Thấm ngả người, tay vẫn áp lên tay Hiền trên ngực mình. Hiền chỉ kịp nói líu ríu: Rồi mình cưới nhau nghe.

Đêm vẫn sao và sao, nhấp nháy, huyền ảo.

Hiền nghe Thấm gọi, tiếng gọi nhòa trong hơi thở, nhẹ như hơi thở, chẳng hiểu gọi tên ai hay nói gì. Rồi trong hơi thở, tiếng gọi nhòa và nhẹ ấy, không làm sao lúc này Hiền nghe được. Đây là âm thanh của tình yêu chẳng.

Đêm vẫn sao và sao, nhấp nháy, huyền ảo.

Sau đêm mê cuồng ấy, Hiền cứ ra vào thần thờ. Hiền thấy cuộc đời đẹp quá, nhưng lại cứ nằm, gác tay lên trán. Hiền hồi tưởng từng cử chỉ, câu nói, từng cảm xúc và cảm giác. Hiền sống lại hàng chục lần cái đêm tuyệt vời ấy. Hiền có cảm tưởng như có lúc Hiền chạm phải đâu đó cái gai bươi. Có thể vương gai lá dứa dại hay bông hồ người? Có thể ảo giác? Nhưng dẫu sao, Hiền đã thực sự thấy mình không đến nỗi bất toàn. Hiền tự hào mình đích thực đàn ông. Sự trinh trắng của Thấm, sáng hôm sau Hiền càng tin chắc. Những vết máu hồng đã sẫm nơi lai áo trắng ngả đục của Hiền làm Hiền xúc động, tự hào gấp mười lần. Có điều, Hiền không thể không thấy ở Thấm chút gì hơi quá bạo dạn, và dễ dãi nữa. Chủ động tỏ tình là quý lắm, mới lắm. Chủ động hiến dâng, quá chừng bất ngờ mặc dù lúc ấy Hiền thích. Nhưng Hiền chẳng bảo sẽ cưới nhau đấy ư! Hiền cũng chủ động mà. Hiền lại đâm ra hối tiếc, lại đâm ra hồ nghi. Đôi khi, lại coi thường Thấm nữa. Mình đa nghi, nghĩ oan cho Thấm, rồi dám xem khinh Thấm sao? Hiền thấy

mình bản thiu và đốn mạt. Ôi, dễ dãi thế sao, dám hiến dâng trước hỏi cưới sao? Thật mắt nét, nhưng quá tuyệt vời! Hiền bỗng thấy khinh mình vì mình dám khinh Thắm. Thắm cũng con người như mình mà. Hơi nhẹ dạ thế, sau này thành vợ chồng, có gì không nhỉ? Hiền sợ hãi. Hiền rồi bời. Rồi con cái mình sẽ có người mẹ nhẹ dạ, dễ dãi sao? Hạnh phúc có bền chắc không? Hiền đâm ra lằm cằm, rơi xuống hun hút vực thất vọng. Rồi Hiền run lên trong những lần sống lại với hồi ức cảm giác lẫn cảm xúc đêm ấy. Hiền cứ vô, ra, thẫn thờ, lại nằm, gác tay lên trán. Cái gai ấy, có phải ảo giác không. Hiền hối hận quá. Và lo sợ. Và nóng bừng người. Và kinh tởm. Và tự hào, rồi tự nguyện rửa.

7

Anh giáo Hiền sống trong một tâm trạng cực kì rối rắm. Cuối cùng, Hiền tìm đến Thắm, gặp lúc Thắm đang xay gạo tập thể ở nhà ngang của đình làng để lo cứu tế những gia đình gặp khó khăn nhất. Lúa đông xuân cấy được ba tháng rồi, nạn đói đỡ lắm rồi. Tổ dân quân du kích nữ đang xay giã giàn sàng. Thắm chào Hiền, đến nói chuyện với anh. Thắm không hổ người nữa, dù các bạn nữ có vẻ trêu Thắm. Ý Thắm cũng ngầm xác nhận Thắm đã có duyên nợ với Hiền, như các o con gái khi chằm chọn được người thương. Hiền cũng tự nhiên như hiểu ý Thắm. Hai người đứng bên hè sau. Thắm cười, Hiền cũng cười. Mắt nhìn mắt, biết bao thương mến. Lúc này, Hiền đã rất tự tin. Chỉ một hai tuần nay, và chỉ một đêm trên vệ cỏ ấy, Hiền bỗng bản lĩnh ra trước con gái chưa chồng, trước o Thắm, người Hiền yêu mà trước đây, càng yêu càng đau đớn, càng nhút nhát.

- Thắm ơi.

- Dạ. - Thấm di di ngón tay vào vách tường và nhìn vào ngón tay.

- Thấm! Eeng có nói với cha mẹ rồi...

Thấm giật nẩy người, đỏ bừng mặt, toan nói một điều gì đó, nhưng nghẹn ngào, nước mắt trào ra. Thấm nghiêng đầu chặm mắt vào cánh tay, sực nhớ mình đang mặc áo tay cánh. Thấm xấu hổ chạy vô nhà ngang, chỉ kịp nói với Hiền: Đợi em chút.

Thấm mặc áo chít eo màu nâu non, tay áo dài kín đáo, bước ra, nhìn Hiền cười bằng mắt.

- Thấm này! Eeng nói với cha mẹ rồi. Cha mẹ ửng bụng rồi. Mai mốt đem cau trù (trầu) rượu qua nhà Thấm.

Thấm di di ngón tay, nhìn ngón tay, nói với Hiền:

- Eeng nói... răng? - Giọng Thấm run run.

- Thì rứa đó. Aả, à, chỉ nói mền (mình) thương chắc (nhau).

Thấm cười, nhìn Hiền, lại nhìn ngón tay di di trên vách. Hiền chẳng biết nói gì. Bao nhiêu điều trần trở, dấn vật, tiêu tan đâu hết rồi. Thấm duyên quá. Với Hiền, Thấm đẹp, duyên vô ngần. Hiền nhìn Thấm say sưa, đắm đắm. Rứa là Thấm đồng ý rồi, Hiền nghĩ. Tâm trạng mâu thuẫn, nghi ngờ, kinh tởm, lo sợ, chẳng biết Thấm có dễ dãi, cả tin với ai không, và yêu đắm say, yêu nhưc nhối, đau đớn, yêu da diết, tử thân trong tình yêu đương, tâm trạng ấy nảy sinh, rồi bời trong anh, Hiền cho là Hiền đa đoan. Thấm duyên quá, thương quá. Đôi mắt nhìn xuống, đen lay láy. Hiền tha hồ ngắm người thương.

- Eeng xin lỗi Thấm. - Hiền buột miệng như nói với lương tâm mình.

Khi nói chuyện với Thấm, Hiền càng thích nói giọng địa phương, chẳng hiểu vì răng rứa, có lẽ, Hiền muốn thêm ý vị đậm đà cho tình quê yêu dấu.

- Có chi mô, eeng nói chi tội em! Lỗi chi mô nờ! (đâu nào!).

- Rửa... rửa... Mai mốt thôi, cha mẹ eeng mang cau trù (trầu) rượu qua. Em thử ướm lời, dò ý ra rằng nghe. Càng sớm càng tốt, lợ (lỡ) có chi làng xóm cười, chi bộ kiểm điểm chết!

Thấm run cả người, tay cứ di di, và không tìm được nữa, Thấm khóc tức tưởi. Hiền lúng túng, mở xác cốt, rút khăn tay ra đưa Thấm. Thấm vò chặt, cắn môi cho khỏi òa ra tiếng khóc. Đôi vai Thấm rung lên. Thấm úp mặt vào hai tay đang như bầu vào vách tường. Hiền sửng sờ. Thấm, Thấm. Rằng Thấm khóc. Thấm ơi... Hiền nghẹn giọng, mặc dù anh rất muốn thốt ra thành lời.

Lát sau, ngườì xúc động, đôi mắt đỏ hoe, Thấm đưa trả khăn tay cho Hiền.

- Eeng về đi. Chị em họ cười. - Thấm nói.

- Rửa đó nghe. Nhớ nghe.

Hiền thương Thấm, yêu Thấm biết chừng nào.

Cánh tay phải bị liệt đứng đưa đánh đặng xa khe khẽ theo bước đi chậm của Hiền. Hiền ngoái lại, Thấm còn nhìn theo.

8

Đám cưới, nhưng thật ra chỉ là lễ kết hôn, hai họ một lời, chứ có tiệc tùng, đèn pháo gì đâu. Thời đang kháng chiến, cưới hỏi đơn sơ, và đang gặp buổi khó, tiền gạo đâu. Đặt trên bàn, chỉ mâm cau trầu, nước chè xanh. Rượu cũng thôi, vì ai nấu rượu khi gạo quý hơn vàng.

Đến khi bà con về, mẹ Hiền mới tặng cô dâu cái kiềng vàng, cặp nhẫn cưới của thím hồi xưa.

Cưới rồi, Thấm về nhà Hiền ba ngày, cùng Hiền đi thăm bà con ruột thịt hai họ để làm lễ lại mặt. Sau đó, Thấm xin về nhà mẹ, nằng nặc xin về. Hiền nói mãi, Thấm mới chịu ở lại. Hiền chẳng hiểu vì sao như vậy. Thấm cứ khóc thầm

mãi, khi hai vợ chồng riêng tư với nhau. Hiền bán khoán tự hỏi, ngày cưới, những ngày sau đó, đi làm lể lại mặt cho họ mạc yên lòng về trình tiết của Thấm, Hiền vui vẻ tràn đầy, có sợ suýt gì đâu. Sao Thấm khóc mãi? Hiền cau mặt, thù người suy nghĩ.

Khi có bầu được ba tháng, ai cũng mừng. Mạ Hiền hơi ngờ ngợ, nhưng rồi nghi ngờ sự xét đoán của chính thím nhiều hơn. Đến tháng thứ năm, Thấm xin về, lần này Hiền không can được. Cha mạ Hiền dạo này lại sợ sệt lắm, vì thuộc loại trung phú nông, nên cũng muốn tùy con trai. Cha Hiền thở dài: Số con khổ, gặp vợ bướng rồi. Mẹ Hiền đâm chiêu: Con Thấm xưa nay chăm chỉ, tốt nét lắm mà.

Đến tháng thứ bảy, Thấm sinh con. Cả nhà Hiền lo quá, khi được báo tin. Thế là sinh thiếu tháng, rõ khổ. Nhưng cũng mừng cho Hiền có được con trai đầu lòng.

Cha Hiền ở nhà lo rối ruột. Hiền và mạ chạy qua ngay. Hiền mừng Thấm sinh cũng dễ. Con trai, thiếu tháng vẫn cứng cáp lắm. Đỡ khổ quá. Thím Cam - mạ Hiền - mừng gượng, cố giấu tiếng thở dài. Nhưng nghĩ thương Hiền tật nguyên, lấy được Thấm là phúc. Thím nghĩ, biết đâu hai đứa ăn nằm với nhau trước cũng nên. Nếu chưa, sao hối thúc cưới dữ vậy. Thím phân vân. Nhưng ở đời, bao nhiêu sự lạ! Có đứa chữa trâu, mười tháng hơn mới sinh. Có đứa sinh non, con như chín tháng mười ngày đủ. Nghĩ bậy gây nghiệp, thật không nên. Nói với con trai chuyện này, trúng trật chưa biết, thêm ác khẩu rồi sau mất hạnh phúc, thêm tội con. Thật lòng thím không yên lòng chút nào. Thôi thì để đứa thứ hai, rồi hăng nói riêng với Hiền. Đứa thứ hai đủ tháng, đủ ngày, chắc chắn về huyết thống hơn. Nhưng thím Cam lại nghi ngờ chính cả sự nhận xét của mình. Biết đâu Trời Phật bù trừ cho Hiền, vợ sinh con thiếu tháng được vậy càng dễ nuôi. Cha tật nguyên con phải khỏe mạnh gấp đôi, gấp ba chứ. Mạ Hiền cứ như cái cửi rối tơ, lần mò mãi cũng tự gỡ rối được. Thím Cam yên tâm mỉm cười.

Hiền mừng, nhưng cũng hơi hơi có tâm trạng như mẹ. Hiền chẳng rành lắm việc sinh nở, nên chẳng nghi ngờ chi nhiều. Anh chỉ thương Thắm, yêu Thắm, và càng tự hào con mình khỏe mạnh, bú no đầy giấc. Hiền tự trách mình đã đoan, xấu bụng quá!

Buồng sinh nở, Hiền cũng chẳng được vào. “Con so nhà mẹ, con rạ nhà chồng”, trăm sự nhờ ngoại thắng cu hết.

Đến thăm vợ, Hiền đứng ngoài cửa buồng, hỏi vọng vào:

- Thắm ơi, khỏe không? Con khỏe không?

- Dạ, cũng đỡ. Khỏe... Eeng yên tâm. - Giọng Thắm run run.

- Giữ gìn, cẩn trọng nghe. Eeng chộ (thấy) con rồi. Mẹ ngoại bông (bồng) ra cho chộ (thấy) rồi. Mừng (mừng) lắm. Tưởng rằng, rứa thì dễ nuôi lắm. Thích lắm.

Thắm nằm trong buồng cười mệt nhọc, tràn nước mắt thương Hiền. Hiền tốt quá, chân thành quá.

Bỗng dưng, nghe Thắm chết, để con mồ côi khi mới được gần một tháng. Người khỏe mạnh vậy mà cảm cúm sản hậu rồi chết chỉ trong một chiều một tối, chưa kịp chữa chạy gì. Sớm mai, Hiền mới hay tin, sau khi nhà Thắm phát hiện.

Thời buổi chiến tranh, ở một làng quê hẻo lánh, thầy và thuốc biết tìm đâu. Sinh nở hoàn toàn theo kinh nghiệm dân dã để lo liệu. Có nhiều cái biết cũng bó tay.

Thắm trúng gió? Thắm nhiễm trùng? Thắm sản hậu vì cúm? Sao đột ngột thế, Thắm ơi. Hiền chỉ còn biết khóc.

Mẹ Thắm sụt sùi:

- Chạng vạng, hấn nói mệt trong người. Hấn biết trước hay rằng mà hỏi dì Bữa bên xóm tốt sữa không, con dì Bữa nậy (lớn), khỏe không. Sống khôn chết thiêng! Tui (tôi) la rầy hấn, đừng dại mạng (miệng) sinh diêm. Té ra thiệt. - Mẹ Thắm khóc tức tưởi.

Hiền ôm mặt nghẹn ngào, nước mắt tràn ra kẽ tay. Hiền nấc trong tiếng khóc kìm lại. Anh thương vợ, lo cho con mới gần một tháng tuổi. Hiền đau nhất là nghe ai phong thanh nói Thẩm tự tử.

Chỉ thằng cu vẫn vô tư, bú nhờ dì Búra hàng xóm và vẫn ngủ đẫy giấc. Hiền nhìn con, nghĩ đời vừa nhân hậu vừa độc hiểm.

9

Năm một ngàn chín trăm bốn mươi chín, cuộc Kháng chiến toàn quốc bùng dậy đã được hai năm. Quân đội Đồng minh - Tàu Tưởng với tên tướng Lư Hán nổi tiếng hám vàng, Cách mạng cũng phải dứt lốt cho hắn, cùng thực dân Anh và lính thuộc địa của Anh là quân Ấn Độ - từ lâu đã rút vì đã hoàn tất việc giải giáp phát xít Nhật, “ổn định” Đông Dương! Quân Pháp đã trở lại Đông Dương để tái xâm lược hơn hai năm trước. Thanh niên trai tráng đi bộ đội Cụ Hồ rất hăng say. Tin chiến thắng ở các mặt trận trên cả nước được phổ biến rộng khắp. Riêng Hiền, anh đau lòng vì cái chết đột ngột của người vợ yêu dấu. Mỗi khi làm công tác về, nhìn con trong tay bà ngoại, anh càng thương vợ đến đứt ruột. Thằng cu Học bây giờ đã ăn cơm mem được rồi. Thấy con khỏe mạnh, chóng lớn, Hiền cũng mừng. Hiền cũng nức lòng đi bộ đội để đánh Pháp. Súng ống đạn dược bây giờ đã đầy đủ, nhờ Liên Xô, Trung Quốc giúp đỡ, và Việt Minh cũng có những kĩ sư giỏi cải tiến, chế tạo được đạn, mìn để phục vụ kháng chiến. Hiền sướng rơn cả bụng. Phên này, hi sinh gian khổ là tất nhiên, máu đổ xương rơi là tất nhiên, nhưng cũng tất nhiên phải thắng lợi. Thế giới chia ra hai phe rõ rệt, cuộc kháng chiến phên này chống thực dân Pháp, chống đế quốc Mỹ chắc chắn phải thắng. Cách

mạng trong nước có hậu thuẫn quá lớn, kháng chiến tất yếu phải chiến thắng. Sau này, Liên Xô và Trung Quốc có gây sức ép, ảnh hưởng, tính sau. Hai nước to ấy còn giúp, còn tranh thủ. Cách mạng thế giới ư? Hiền thấy ngại. Đây là chuyện các siêu cường. Nước mình nhỏ, còn bị ách thực dân, phong kiến, phe cộng sản giúp ta giành độc lập, tự do, ta theo. Chủ nghĩa cộng sản lại hay. Chẳng lẽ hoang đường quá cái học thuyết ấy? Không, Liên Xô đã là siêu cường với mười ba, mười bốn nước cộng hòa tự trị, lại có cả những nước Đông Âu cùng đứng chung trong hệ thống. Trung Quốc đã vươn lên thành nước mạnh. Không, không thể hoang đường được. Hiền sượng quá, cứ muốn đi bộ đội Cụ Hồ. Nhưng cánh tay phải bị liệt, chi bộ Đảng không đồng ý. Hiền càng thấm thía tủi thân. Trong mọi lĩnh vực, Hiền đều chịu thiệt thòi! Thật là vô lí! Và Hiền chạnh nghĩ đến một lẽ nữa mà lâu nay cha mẹ Hiền bực bội, Hiền không nguôi giằng xé.

Hiền đến gặp bí thư chi bộ. Bí thư chi bộ vốn đi làm phu ở đồn điền Tây trên Ba Lòng, chốn ấy nay đã trở thành chiến khu. Bí thư vốn là người làng, được cử về để lãnh đạo xã.

- Thừa đồng chí, tôi muốn đi bộ đội.

Chú bí thư vắn thuốc rê, cười:

- Hoan nghênh nhiệt tình. Nhưng lệnh trên, chỉ tuyển trai tráng khỏe. Bộ đội cực lắm. Súng ống đạn dược nặng nề. Đồng chí còn nhiều việc ở địa phương. Biết bố trí ai lo những việc đó (ấy)?

Hiền thật lòng muốn lánh mặt ở làng, vì nỗi khổ tâm Hiền biết trước sau cũng phải gánh chịu. Hiền nói:

- Hay đồng chí bí thư nghĩ đến thành phần gia đình tôi, không cho tôi đi? Xin nói thẳng. Hoặc cho tôi lên chiến khu, làm công tác văn thư cũng được. Chính vì thành phần, tôi cần phải thoát li.

Chú bí thư phì phèo thuốc rê, trầm ngâm. Lát sau, chú nói:

- Hoạt động trước Cách mạng Tháng tám của đồng chí chưa xác minh được. Đồng chí lại đứt liên hệ với tổ chức khá lâu. Với lại, làm trai, thời đánh giặc cứu nước, giải phóng giai cấp, tiến lên cách mệnh toàn thế giới, - Rất bài bản, thuộc lòng, chú bí thư nói tiếp -, cống hiến ở địa phương như đồng chí là phù hợp. - Chú bí thư gằn giọng -. Đồng chí phải được thử thách lập trường giai cấp.

Hiền muốn vặc lại, nhưng chỉ nén nổi tức tối, ra về.

Chưa bao giờ Hiền bị chạm tự ái đến vậy. Lí luận về giai cấp, Hiền đã đọc thời ba sáu, ba chín ở Huế, trong đó có cuốn Vấn đề dân cày của Qua Ninh, Vân Đình mà Hiền biết chắc là của Trường Chinh, Võ Nguyên Giáp. Ngày ấy, Hiền đã tán thành, bây giờ, còn lập trường lập trức gì nữa!

Nhưng, đời thật rồi. Mấy tay trong chi ủy như con vẹt, chữ nghĩa không đầy một nhúm, lại muốn tỏ ra ta đây lãnh đạo! Rồi Hiền cũng tự trách mình, quả là cũng có hai năm cõng trâu đọc sách, mơ mộng lãng nhãng mặc dù chỉ trong tim, giữa lúc Cách mạng đang tích cực chuẩn bị khởi nghĩa. Chẳng phải hai năm ấy Hiền sợ tù đầy, tìm an nhàn là gì! Nhưng yêu nước, xông pha chiến trường cho ra con người, để làm người, chứ làm vua, làm chúa gì đâu. Vả lại, phải thoát li, tránh đụng chạm giai cấp trong gia đình, chắc sắp đến hồi gay gắt, thằng thợ bí thư này cũng chả tạo điều kiện! Tức mình, Hiền rửa thậm cả chi ủy là ngốc. Cách mạng có lí luận hay vậy, được hậu thuẫn của Liên Xô, Trung Quốc mạnh vậy, chính mấy ông gàn và ngốc trong chi ủy làm hỏng! Xin thoát li, làm văn thư ở Ba Lòng, chiến khu, cũng không được. Phải có một lối thoát chứ!

Thôi thì lịch sử cứ đi bước đi của nó. Hiền buồn lòng, sinh tiêu cực trong suy nghĩ. Hiền đã đau đời.

Bấy giờ, Pháp đã đưa quân về càn quét một số làng kháng chiến. Mỹ đã chính thức hạ hơi tiếp sức cho Pháp để

đặt ách nô lệ lên đầu lên cổ cả dân tộc một lần nữa. Lực lượng chống cộng lại ngóc đầu dậy. Bây giờ, mọi người ở trong tình huống buộc phải chọn một trong hai phía.

10

Khi Pháp kéo quân, đóng đồn tại các địa điểm như huyện lỵ, thị trấn, những lính ngự cũ Cách mạng không sử dụng được, chới với giữa hai làn đạn. Các lực lượng trung lập cũng thế. Một số bỏ về các vùng thành thị bị Pháp chiếm để cầu an, vui với câu kinh tiếng mõ, vui với câu thơ chữ sách, ru mây khóc gió, hoặc ngả lưng xuống bàn đèn thuốc phiện. Một số Pháp kêu gọi và bắt ép cầm súng chống kháng chiến.

Nộ, Phan Nộ, bị Pháp đưa về đồn quận lỵ Gio Linh, sau một thời gian sáu năm bị chúng cưỡng bức qua Pháp đào hầm, vác đạn, rồi quét dọn các nơi bị bom mìn làm sụp đổ, tan nát cho chúng.

Chi ủy đã bắt tin cho Nộ phải cải tà quy chính, quay súng về với cách mạng. Nộ cảm thấy chỉ còn con đường duy nhất là trốn vào Nam làm phu đồn điền. Nhưng bây giờ, giao thông tắc nghẽn, đi phải đi bộ, lại không có miếng giấy lộn lưng, thế cũng chết.

Chi ủy họp, biết bọn Pháp sẽ đưa một số lính ngự vốn dân gốc của các làng về để đưa đường chỉ lối cho những cuộc càn quét của chúng. Địa hình địa vật, mặc dù có trên bản đồ, nhưng sự rành rõi của bọn lính ngự địa phương rất cần thiết. Và nắm về nhân sự - gốc tích, thành phần, quá trình của mỗi dân làng, cán bộ, du kích -, ai rành hơn bọn này. Bọn Pháp đã có cả trăm năm xâm lược, cai trị nước này, chúng đã rất thủ đoạn lại càng khôn ranh. Ngoài số lính ngự, cha đạo, giáo dân ở các xứ đạo vốn là tay sai hoặc

cũng ở thế làm tay sai, hoặc đang bị bọn Pháp lợi dụng “thế kẹt lịch sử”...

Nộ cũng thuộc loại nguy hiểm, không phải bản chất Nộ nguy hiểm, mà do cái thế đứng hiện thời của y nguy hiểm. Chi ủy đã bán tin cho Nộ, Nộ không dám quay súng, không dám trốn. Nộ lừng kờng được chằng hay chớ.

Đội hoài không thấy Nộ trả lời, chi bộ quyết định phải khử Nộ.

Trong cuộc họp chi ủy mở rộng, chú bí thư nói:

- Lệnh trên bảo, buộc phải khử một số lính nguy làng mình. Ai bắn tĩa hay nhất? - Biết rồi, nhưng chú bí thư vẫn hỏi.

- Thì ai nữa! Đồng chí giáo viên Bùi Hiền là số một.

Quả đúng như vậy. Hiền viết tay trái rất đẹp. Nét chữ như in, lại nhanh thoăn thoắt, phải là do Hiền viết. Cũng nhờ có tật, Hiền bắn súng một tay, nhất là súng lục, cực kì chính xác. Tập bắn chụm, bắn đạn thật, anh đều đạt mười trên mười. Chả là vì mặc cảm tự ti, Hiền luyện rất ghê. Hiền lại dũng cảm, ứng biến nhanh.

- Vậy, nếu chi ủy và các đồng chí khác nhất trí, mền (mình) cử đồng chí Hiền. Đây cũng là dịp thử thách sự dao động lập trường hay không (không) của hẳn. Nhất trí hè (nhì)?

Mọi người trong cuộc họp nhất trí ghi vào biên bản.

Hiền được trao khẩu súng lục mới keng và hai băng đạn mười hai viên do Liên Xô sản xuất, với một khẩu tiểu liên AK. Tiệp Khắc, hai quả lựu đạn tịch thu được của Pháp mang nhãn USA..

Đội khuya, lúc gần về sáng, Hiền mang áo tơi chằm bằng lá, đội nón lá bọc ni lông, cặp AK. vào nách, súng lục, lựu đạn cột kĩ ở hông. Đó là lúc bọn Pháp và nguy chềnh mảng nhất. Hiền đã được giao liên đi trình sát trước, vẫn sợ gặp phục kích. Đến huyện lị Gio Linh, Hiền chọn chỗ gửi áo

toi, súng AK., vốn là cơ sở cách mạng, gần chỗ Nộ hay lui tới. Suốt gần một ngày, xem động tĩnh, anh thấy yên tâm. Nhưng, Hiền bắn khoả lăm.

Trưa ngả chiều, Nộ ra quán uống cốc rượu gạo, ăn lát chả luộc, như mọi khi. Hiền thấy mặt Nộ. Hiền nhớ Nộ thuở Nộ mới bị quan phủ đuổi về quê lấy vợ, cày thuê cuốc mướn ba năm ròng (sau mới bị tuyển vào lính mộ) đầu khoảng năm ba bảy đến năm bốn mươi gì đó. Nộ cũng khoảng gần bốn chục tuổi, hơn Hiền mười lăm tuổi, vẫn nét mặt thô, gân guốc, nhưng già hẳn, đang bơ thờ ngồi ngó mông lung. Hiền thấy quá tội nghiệp. Hiền nghiêng rặng lại. Nộ buồn tình bỏ đi là hồng chuyện. Anh có ý định phải bắn ngay. Hiền đứng gần Nộ lăm. Hiền chạm tay vào báng súng. Nhưng chợt nghĩ, sao không hỏi Nộ lần cuối xem. Hiền phân vân, mặc dù biết, chạm tay, nhờ lộ thì chết! Hiền nhìn trời, trời âm u, mưa mùa đông lâm thâm lạnh buốt. Hiền quyết định, quay vào nhà cơ sở lấy áo toi và tiểu liên, đề phòng trường hợp phải chiến đấu với bọn Tây và ngục trong đồn túa ra. Hiền bước ra quán, vờ đi mua quà. Nộ không để ý, vẫn uống từng ngụm rượu gạo, bơ thờ ngó mưa. Hiền mua một cái kẹo đậu phụng, một li rượu, bưng li tới bàn Nộ.

- Ngồi yên! Súng đã lên đạn. - Hiền dí sát hông Nộ.

Nộ giật mình, ngồi sững, há hốc miệng.

- Ngồi im! Rõ không? Sao không quay súng về với Cách mạng? - Giọng Hiền đanh và nhỏ.

Nộ lắp bắp, nhìn quanh, quán vắng, đường vắng, mưa.

- Chết, không ai nuôi vợ con! Sợ... xử tử... "xử lý"...

- Chắc chắn không chết. Trước khi về phải bắn vài thằng Tây. - Hiền nói rất khế, chính giọng Hiền cũng run.

- Thù... sợ trả thù...

Nộ vùng dậy chạy. Nhưng hắn té quy ngay ở bậu cửa gỗ thô bởi một viên súng lục hãm thanh. Hiền chỉ bắn vào

bấp đùi, cho Nộ thành phé binh, giải ngũ. Yên phận hần. - Hiền nghĩ. Và anh vụt chạy ra phía đồng, như người đi câu, đi soi ếch, hoặc đi xem đó cá. Chị chủ quán bận lúi húi sau bếp chỉ kịp chạy lên khi Nộ kêu. Nộ giả chết, không biết Hiền tha. Tiếng kêu của hần làm chị chủ quán rưng rờ, ngỡ Nộ chết thật. lát sau, thấy yên, Nộ mới mở mắt, rên rì. Cũng may, hần chỉ toác thịt, chưa gãy xương.

Hiền núp trong cái miếu giữa đồng, đói, lạnh, run lập cập. Nửa khuya về sáng, anh lần mò về làng, tự trách mình còn thiếu tính toán và thiếu cương quyết. Nhưng cương quyết thế nào được với bộ mặt khổ đau, bơ thờ đến vậy! Thôi, mà đúng, chỉ cho Nộ què chân, giải ngũ, chẳng ai bắt ai lời gì nữa. Biết đâu, Nộ chẳng có lúc muốn hủy hoại thân thể, định bắn vào chân như Hiền đã bắn giúp, để thoát cái ách của Pháp, chẳng còn sợ Cách mạng, chẳng làm hại được kháng chiến, nhưng, Nộ hèn lại quen chịu nhục, cứ mãi lừng khừng, được chẳng hay chớ? Hiền lại thấy chiến tranh đau đớn quá, và thù, căm thù bọn Tây quá thể!

Hiền đâu biết Nộ chưa gãy xương. Nộ còn phải làm lính nguy cho đến Tết Mậu thân sáu tám, khi cái chân ấy bị một miếng pháo kích chém ngang, phải đi nạng đến năm tám mươi lăm tuổi, và có thể còn sống thọ hơn nữa.

Số phận Nộ là thế! Sau này, Nộ cũng chẳng thù oán gì Hiền, vì Nộ tin Định mệnh. Còn Hiền, sau lần ám sát đó, chi ủy có gọi Hiền lên khiển trách. Hiền trung thực báo cáo y như sự việc xảy ra. Sự trung thực ấy chẳng được chi ủy nghiên cứu thấu đáo, chỉ kết luận Hiền còn tiểu tư sản, thiếu kiên quyết! Nhất là sau khi chi ủy biết Nộ đã lành vết đạn ở chân, còn đang cầm súng Tây, ăn lương Tây, Hiền lại bị viết kiểm điểm và chịu phê bình.

Ngoài những vụ ám sát, bắn tỉa, phục kích, chống càn quét và khủng bố, mặt trận Quảng Trị ngày càng mở rộng. Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp ngày càng quyết liệt. Lực lượng cách mạng dưới sự lãnh đạo của Bác Hồ và

Đảng đã thấy rõ tương lai tất thắng. Từ các đợt phản công của Triều đình Huế, từ các cuộc khởi nghĩa chống Pháp ở Nam bộ, của Trương Định, Thủ Khoa Huân, từ phong trào Tân Sở - Cần vương do Nguyễn Văn Tường (14), Tôn Thất Thuyết lãnh đạo đến nay, chưa bao giờ những người yêu nước chống Pháp bằng vũ lực (tất nhiên bằng cả chính trị và ngoại giao) vững tin đến vậy. Khi đã trễ mất thời cơ tự cường, lại bị bao vây, cấm vận về ngoại giao, khi chưa có nước mạnh nào hậu thuẫn, người yêu nước chỉ đánh Pháp trong tuyệt vọng, đánh để nuôi chí quật cường cho dân tộc, đánh để đảm chứ chắc hẳn ít hi vọng toàn thắng. Bây giờ, chẳng gì có thể làm người du kích, anh bộ đội Cụ Hồ chùn chân. Không thể không thắng được!

11

Mấy năm sau đó, Hiền vẫn tiếp tục dạy bình dân học vụ, tham gia du kích, chống càn quét, bảo vệ làng kháng chiến, viết khẩu hiệu, kinh tài, xây dựng nếp sống mới (ăn bằng đũa hai đầu...).

Thằng cu Học được bà nội nuôi, cứng như cứng trứng, lanh lợi, tinh nghịch, đã được năm tuổi. Học chẳng biết sợ máy bay Pháp là gì, cứ đòi chạy ra khỏi hầm để ngắm mặt xem, nhưng lại sợ ông kẹ xưa nay người lớn hay phỉnh con nít.

Vào những năm đầu thập niên năm mươi, vấn đề giai cấp được đặt ra để khẳng định cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và “can thiệp” Mỹ còn là cuộc chiến tranh cách mạng do giai cấp vô sản lãnh đạo. Một số nhà có ruộng đất, đã hiến cho Cách mạng để thực hiện chủ trương người cày có ruộng từ mấy năm trước. Đa số dân làng thuộc loại cùng đinh rất phần chẵn vì ruộng đất được chia

đều, thoát phạm tá điền cày thuê cuốc mướn. Lí trưởng trẻ đã bị xử tử từ sau Cách mạng Tháng tám.

Năm một chín năm ba, Chi ủy xã nhận được chỉ thị của Huyện ủy triển khai đợt cuối cuộc đấu tố địa chủ, cường hào. Phú nông cũng thuộc diện đó.

Hiền viết câu khẩu hiệu “Trí, phú, địa, hào, Đào tận gốc, tróc tận rễ”, và suy nghĩ. Nhà Hiền cũng bị quy vào thành phần phú nông, thuộc giai cấp bóc lột, lại có con trai cả làm viên chức bưu điện cho Pháp tại Huế. Điều này Hiền biết trước, nhưng không ngờ lại gay gắt, căng thẳng vậy. Hiền muốn thoát li lên chiến khu như đã nói với chi ủy từ năm bốn tám để tránh cảnh đau lòng bởi mâu thuẫn trong gia đình, nhưng nào được chấp nhận! Hiền vẫn khẳng định với lòng mình, vấn đề chỉ là ý hệ giai cấp, chứ không phải thành phần xuất thân. Hiền chấp nhận một cách chân thành ý thức hệ cộng sản, vậy Hiền là vô sản, mặc dù sống trong gia đình thuộc diện phú nông, huyết thống của gia đình ấy. Hơn nữa, bản thân Hiền đã tham gia cách mạng, thôi thì chỉ kể từ năm bốn lăm. Nhưng tổ chức là tổ chức. Và chi ủy quá máy móc, cơ giới chủ nghĩa! Bây giờ, thật đau lòng.

Chú Cam đã hiến ruộng, trâu bò, nhưng vẫn phải bị đấu tố cùng vài người khác. Chú bị dồn vào chân tường, không lối thoát. Cách mạng đã liệt chú vào loại tội phạm, đối tượng phải bị trừng phạt vì quá khừ làm giàu trên xương máu, mồ hôi, nước mắt của tá điền, cùng đình. Chú nhìn thẳng vào mặt Hiền, ánh mắt thâm và lóe lửa:

- Tau (tao) ủng hộ Cụ Hồ, ủng hộ kháng chiến để đánh Pháp. Tau cũng hiến ruộng, hiến trâu bò - xương máu mấy đời của ông mẹ tổ tiên tau - cho Cách mệnh. Rứa, tau đã chẻ xương, xé thịt ra để cống hiến rồi, còn đấu chi nữa? Ép người ta quá.

Hiền buồn rầu thưa, đầu nặng trĩu:

- Chi ủy bảo không hiến hiếc chi cả. Đó là trả lại cái đã cướp. Mồ hôi, nước mắt, xương máu của tá điền, chẳng của ông mẹ tổ tiên mình. Bị đấu là chịu trừng phạt, bị trị tội.

Chú Cam gầm lên, nhưng kịp nén lại nửa tiếng gầm, nhìn ra ngõ, lo sợ.

- Ôi chà, con cái mất dạy. Mi cút xéo đi, thằng mất dạy, vô phúc. Rửa, ai đẻ mi ra, mi ăn cơm ai, mặc áo ai, ai cho mi đi học (học) mà chừ nói cái giọng ngược đời rửa? Mi đấu cha mi à, thằng tê (kia)? Có cái luật mô, đời thuở mô mà ngược đời rửa, trời ơi! - Chú Cam xô bình chén đang đầy nước chè, may nền đất, nên chỉ vỡ một cái vì chén chạm nhau -. Ui trời, ngược đời thiệt! - Chú cố nén lại -. Xương máu tá điền, cướp của họ chừ trả! Ờ hờ... Ngược đời!

Hiền đã lên đi từ khi chén vỡ. Chú Cam run lên vì giận, càng nói càng nóng toát mồ hôi. Bây giờ, chú cảm thấy lạnh, nổi sợ hãi dâng lên dọc sống lưng. Chú nhớ lại cảnh lí trưởng trẻ bị đấu, dân làng kích động lên, xia xói, kể tội theo sự khích lệ của cán bộ, và lí cuối cùng bị chém ba khúc. Chú Cam lạnh, rợn gáy. Chú đi quanh đi quất trong nhà, mặt tái nhợt, môi lấp bắp không ra hơi, mặc dù chỉ còn một mình. Thế mà mấy năm nay nhà chú tưởng đã yên, đã huề hòa, xí xóa, để lo chuyện kháng chiến. Chú cảm thấy mình ngu, bị lừa. Lúc cách mạng nổ ra, chú đã hiểu chi, thằng Hiền cũng chẳng chịu nói trước để tính liệu. Pháp quay lại, cũng toan bỏ làng chạy ra phố, nhưng vợ chú chần chừ. Ra đó, lầy chi sống, cả nhà quen ruộng chứ làm sao quen chợ! Bây giờ, du kích đầy làng, ngày đêm súng ống, chạy đâu! Con cá vô rọ rồi, trời ơi! Chú Cam khóc, gần sáu chục tuổi, tiếng khóc đàn ông, nghe quá thảm. Thím Cam, đi đâu quanh đó, bồng theo cu Học, hớt hải bồng cháu chạy về, chẳng hiểu sao, nhưng thấy vậy cũng đoán biết sự thể, cũng ôm cháu khóc. Thằng cu Học, cũng òa khóc vì thấy ông mẹ khóc, chứ nó nào biết đấu tố là gì.

Hiền bỏ nhà, đi dọc đường làng như người mất hồn, mặc dù cố giữ mặt tươi tỉnh. Luật mô, đời thuở mô mà ngược đời rứa? - Hiền nhớ lại lời cha nói. Ngược đời, nhưng đúng chứ sai gì. Ăn trên ngồi trốc, ngồi mát ăn bát vàng, chừ phải trả nợ! Cũng như người phạm pháp, kẻ cướp bóc, bức hiếp người khác, giờ phải ra tòa chịu án. Hiền đau đớn, đã muốn tránh chuyện này, nhưng chi ủy ác quá, chẳng chịu cho. Hiền lại nghĩ, trong luật nói chung, dầu sao cũng vẫn xét đến bối cảnh, cái gọi là cụ thể - lịch sử. Luật nửa phong kiến, luật thuộc địa bảo hộ quyền tư hữu, người ta có quyền ấy. Cách mạng đổi luật, chỉ tính từ khi luật mới ban hành thôi chứ. Cũng như buôn bán thuốc phiện, mại dâm, có đóng thuế môn bài, vậy đã là hợp pháp (!). Nay luật cách mạng bảo thế không được, là cấm, thì chỉ có hiệu lực từ ngày ban hành luật cách mạng. Truy tố tội bóc lột tá điền trước Cách mạng Tháng tám là vô lí! Nhưng cách mạng là cách mạng. Cách mạng là đúng, nhưng lẽ ra chỉ trưng mua, quá lắm là tịch thu rồi buộc học tập để hiểu chủ trương cách mạng. Hiền thấy mình có lí, nhưng cũng tự nghĩ, về mặt tình, đúng là mình thiếu tình cảm căm thù giai cấp bóc lột? Đấu tố, cho hả lòng căm thù! Không luật gì ở đây cả. Thù hận chất chứa trong tim người cùng đinh, họ phải trả thù. Đấy cũng là cách "bồi dưỡng sức dân", giáo dục lòng căm thù bọn ngồi mát ăn bát vàng. Không, đây không phải luật. Chủ trương chung là phải đấu tố để củng cố ý thức giai cấp, khẳng định tính giai cấp của cuộc cách mạng. Biết vậy, nhưng đau lòng quá. Hiền lật xuôi, lật ngược vấn đề, thấy lẽ ra phải thấu lí đạt tình và văn hóa, văn minh hơn. Đấu tố thế này đúng là nhục hình phạm nhân, nếu vẫn xem tội tư hữu trước Cách mạng Tháng tám phải chịu đền tội! Hiền vừa đi, vừa nghĩ quanh nghĩ quẩn. Khi theo lí, Hiền tỉnh, nhưng xét cụ thể vào hoàn cảnh mình, Hiền cũng thương cha Hiền. Con chẳng thương cha, chẳng khác gì súc vật, thật không còn nhân tính, quá vô luân bại lí.

Nhưng sao không tạo điều kiện cho Hiền thoát li gia đình, cái ngày xưa người ta gọi là hồi tị? Cái đúng đôi khi là cái đau! Và vấn đề là vận dụng thế nào vào từng trường hợp cụ thể, để thấu lí vẫn đạt tình. Hiền lẩn quẩn trong suy nghĩ, đi quanh làng như người mất hồn. Khi gặp người làng, Hiền vẫn cố tỉnh, nhưng lòng rối bời.

Hai ngày sau, chú bí thư chi bộ gọi đồng chí giáo viên Hiền lên. Hiền bước theo o giao liên, vì cơ quan chi ủy thay đổi chỗ luôn. Lúc này Hiền cố gắng điềm đạm nhưng đã quẩn trí lắm.

Chú bí thư dạo này xem ra cũng suy nghĩ nhiều, mặt hốc hác.

- Đồng chí Hiền! Đồng chí đã biết, mền (mình) đang triển khai đấu tranh giai cấp để nâng cao ý thức giác ngộ giai cấp, tiêu diệt thành phần bóc lột, thúc đẩy kháng chiến chóng thắng lợi. Rứa, chứ đồng chí nghĩ răng? - Chú bí thư vấn thuốc rê, chờ Hiền trả lời.

- Dạ. Báo cáo đồng chí bí thư: Đã biết và đã thấu suốt.

Hơi ngạc nhiên, tưởng Hiền đã dao động mạnh, chú bí thư nhìn vào mắt Hiền:

- Rứa, nhờ đồng chí Hiền viết cho mấy bản cáo trạng. Văn hay chữ tốt, lí luận sắc bén, không ai bằng giáo Hiền. - Chú bí thư ngừng lại, thăm dò ý Hiền; Hiền ngồi im -. Nhớ là "luật pháp bất vị thân", phải nghiêm minh. Chiến tranh, nhớ ngắn gọn.

Hiền ngồi im, không phải là đã đồng ý chấp hành viết cáo trạng ba tội phạm - địa, hào, phú - sẽ bị đấu tố trong tuần tới. Hiền sững sờ. Hiền chỉ chuẩn bị tinh thần, anh chỉ là thân nhân tham dự phiên tòa, vì vụ đấu này có cha mình. Chẳng ngờ phải viết cáo trạng về cha để ra mình! Thật ngược đời và vô luân! Vả lại, cha mình chỉ có năm mẫu ruộng cấy điền, lại thuộc loại trung nông ủng hộ kháng chiến thôi, chứ đâu phải phú nông, địa chủ, cường hào, ác bá phản động. Hiền thấy phải đến lúc đấu tranh với chi ủy

cho ra lẽ... Ờ... còn tội buồn thóc đáng gì! - Yả tường của Hiền chọt hơi khựng lại trong dòng suy nghĩ, rồi vẫn cho mình có lí.

- Báo cáo bí thư... - Hiền trình bày xong, nói tiếp -. Rứa, đề nghị chi ủy nghiên cứu lại trường hợp cụ thể của cha tôi.

- Đã báo cáo lên huyện ủy. Huyện ủy đã nghiên cứu và quyết định vẫn đấu. Đồng chí phải chấp hành, phải khẳng định lập trường giai cấp của bản thân... Năm mấu rộng nhất, còn mua rẻ bán ép!

- Tôi không thoát li bằng cách đó.- Hiền đau đớn nói, đứng dậy toan xin phép về -. Không khẳng định lập trường cách đó.

- Khoan, khoan. Đồng chí phải suy nghĩ. Cũng đã nhiều rồi, lâu rồi. Phải chấp hành với ý thức tổ chức kỉ luật. - Bật lửa, chú bí thư rít thuốc, phì phèo khói -. Đồng chí chỉ viết cáo trạng, khối đọc trong trường đấu, có người khác đọc, được không?

Hiền nghĩ đến đại cuộc. Hiền tán thành cải cách ruộng đất, người cày có ruộng, tiêu diệt cường hào, ác bá, sau này tiến lên hợp tác xã, nông trang tập thể. Đó là một mục tiêu của cách mạng. Nhưng đây là trường hợp cụ thể. Ngẫm nghĩ, Hiền nói:

- Tôi xin chấp hành. - Hiền cắn răng lại, cố dịu giọng.

- Nhớ là nộp trước chủ nhật. - Chú bí thư hài lòng, nhưng chưa vui, vì thấy giáo Hiền còn miễn cưỡng -. Phải kiên quyết nghe.

Hiền ra về, đau đến xé ruột. “Luật pháp bất vị thân” (II.7)! Và đây còn là tình cảm giai cấp! Hiền nhớ đến cái khăn len quấn ngang mặt như người che rét, khi “ám sát” Nộp, để Nộp chẳng nhìn ra mặt mình, sau khỏi thù oán nhau. Hiền thấy mình phải vì đại cuộc, vì cách mạng, vì giai cấp cùng khổ mà hi sinh, như thế cũng hi sinh cho kháng chiến giành độc lập, tự do.

Trắng đêm, Hiền không viết nổi trang giấy. Hai hôm sau, cũng viết xong ba bản cáo trạng. Hai bản đầu hào và địa, rất hùng hồn, trôi chảy. Bản cáo trạng giành cho cha, phú nông, Hiền muốn quần ngài bút, lóng cọng vô thức. Sao không cho đấu phú ở địa bàn khác?!

Đến ngày đấu tố, ba khẩu hiệu giăng ba cánh, ba tội phạm bị cột vào ba cái cọc sát gốc bàng, gần giữa sân đình làng. Dân làng cử đại diện đi dự, theo hộ và liên hộ, sợ đông quá khó tránh máy bay Pháp khi chúng bắn đại liên hay bỏ bom, hoặc chúng kéo quân đi “càn”.

Lí trưởng cụu, râu ria trắng lơ phơ, gầy còng gầy rộc. Cường hào to lớn, phốp pháp, tái nhợt, mắt quầng thâm. Cha Hiền bây giờ lại ung dung, mặt tỏ vẻ cay đắng, chua chát, môi mím chặt. Cả ba người quay sát lưng vào gốc bàng to đến hai choàng tay.

Chú bí thư điều khiển cuộc đấu. Tuyên bố lí do xong, chú đề nghị dân làng kể tội của ba tội phạm. Không khí sục sôi, căng thẳng. Có người chồm lên để xỉa xói, chửi rủa rất tục tĩu. Có người vừa khóc vừa tố cáo tội ác.

Hiền cúi gầm đầu, thỉnh thoảng ngược lên nhìn cha. Chú Cam chết sững, cố gắng giữ chút khí khái. Hiền đau đến tê dại, đờ đẫn.

Rồi ba bản cáo trạng Hiền viết được đọc lên đanh thép.

Cuối cùng, ba phát súng hãm thanh bắn vào ba bộ ngực, lại ba phát vào thái dương, gọi là ân huệ cuối cùng, cũng hãm thanh.

Đám đông đại diện dân làng hô ba lần khẩu hiệu, rồi giải tán nhanh.

Hiền, thím Cam, cùng hai anh chị Hiền và một vài người bà con đến nhận xác. Không ai dám khóc. Vết đạn đầu đúng ngay tim chú Cam, máu tứa trào ra đỏ tươi. Vết ở mông tang sâu hoắm.

Thím Cam ngắt xiu, mặt mày xanh mét. Hiền phải để anh với người chú họ cẳng xác cha trên cái võng tre, cùng chị cứu chữa cho mẹ.

Cái huyết chôn cất, dân quân du kích đã đào sẵn ở bãi nghĩa trang.

12

Hiền Lương ngồi trước bức tranh ông giáo Hiền. Gương mặt già nua, trầm lắng, với mái tóc bạc cắt ngắn, gương mặt ấy chỉ chiếm một phần nhỏ. Chiếc cầu Hiền Lương được cách điệu, nặng trĩu trên vai ông. Dòng Bến Hải chảy qua ngực ông, đoạn cuộn cuộn nổi sóng, đoạn lặng lẽ sóng ngầm.

Từ khi cô về thăm làng nội, ông Hiền như một triết nhân với sức mạnh tinh thần tỏa sáng và dịu mát trong tâm hồn Hiền Lương. Hiền Lương đã được nghe nhiều người thuộc các thế hệ còn sống kể về ông giáo Hiền. Cô tổng hợp lại, sau khi đối chiếu, loại trừ, và suy nghĩ về ông, mong phần ánh được ông trong chỉ một thoáng nét. Sao cô vẫn thấy chưa đạt ý muốn. Cô còn tìm cách đưa cụm hình tượng bằng chè lá kiếng vào tranh, nhỏ thôi, nhưng nổi bật.

Cũng đã lâu, trong một buổi chiều, ngồi nhìn thím Cận xắt cây chuối cho heo, tay xắt thoăn thoắt với cây dao cán dài sắc lẹm mòn vẹt, Hiền Lương có hỏi thím. Thím kể:

- Sau vụ đấu tố cụ Cam, ông giáo Hiền ốm liệt giường một tháng mới nhận công tác lại. Lúc đó ông giáo mới hăm lăm, hăm sáu tuổi chớ mấy. Khi chiến thắng Điện Biên Phủ, ông mới được kết nạp Đảng, nhưng lúc đó bí mật lắm, sau bảy lăm mới biết. Ông giáo sau năm tư ở lại Miền Nam, hoạt động chìm. Hai năm sau lấy vợ. Trong đợt Diệt hồ hét "tổ cộng" đẫm máu với luật mười / năm chín, vợ ông giáo bị

tù ở Côn Đảo, chết ngoài đảo luôn. Vợ ông cũng cán bộ Việt Minh.

- Rửa không ai biết ông giáo Hiền là Việt Minh rằng thím?

- Rửa không biết! Nhưng khéo khai. Mật vụ Diệm biết thân sinh ông Hiền bị đấu tố, chấp nhận cho li khai, cho dạy học. Thiệt ra, ông Hiền vẫn hoạt động ngầm. - Thím cười mỉm -. Mật vụ cho lí lịch ông tốt!

Hiền Lương thấy thương ông Hiền quá. Cả cuộc đời ông mang nặng những vết thương mà chỉ cần với nửa vết thương ấy, người khác đã không thể sống nổi. Và chiến tranh, cuộc cách mạng, quá chùng khốc liệt. Những khái niệm đấu tranh giai cấp, chuyển hóa giai cấp chẳng nói lên được điều gì. Khái niệm nào cũng khô khốc. Lí lịch cũng vậy.

Một buổi sáng, gặp sư Tâm Tự đi cầu siêu, cầu an cho ai đó về, ngang qua ngõ, Hiền Lương vội vã chạy ra mời sư vào nhà. Rót nước mời nhà sư, Hiền Lương cũng hỏi sư về ông giáo Hiền. Sư kể:

- Thầy giáo Hiền với bản tăng cũng rất thân nhau, từ trước năm tư đến chừ (giờ)... Ông Hiền với tôi khác nhau về cách suy nghĩ, cách quan niệm, do đó, chính kiến cũng dị biệt ít nhiều. Hai người chúng tôi chuyện trò trao đổi với nhau nhiều, từ thời năm sáu mươi mấy, bảy mươi mấy, ở Đông Hà. Sau bảy lăm, ở đây, cũng vậy, bọn tôi đàm luận luôn, về đạo có, về đời có, cũng vui. Đi tu, đi dạy học cũng phải biết mọi vấn đề.

Hiền Lương suy nghĩ, hỏi nhà sư:

- Thưa sư, vậy ông Hiền quan niệm ra sao về tâm linh?

- Thì ông Hiền là cộng sản, mác-xít. Thực chất quan niệm ông ấy là duy vật, tuy nhiên trước đây, lúc dùng chữ này, khi chữ khác. Nhưng có sao đâu. Phật giáo là đạo duy tâm, nhưng duy tâm chủ quan, không bàn đến chuyện Thượng đế, thật ra đã vô hình trung không tin có Thượng

đế, chỉ tin có cái ngã siêu linh ở mỗi sinh mệnh, vẫn tồn tại ngay cả sau khi đã chết. Chuyện ni (này) không thể nói ngắn gọn được. - Sư mỉm cười.

Hiền Lương cũng đã nghe chú Nông bàn riêng với Hiền Lương chuyện này. Hiền Lương lại hỏi nhà sư, giọng hơi dè dặt:

- Thừa sư, về tư tưởng chính trị, xã hội, ông Hiền có chi lạ không?

Sư uống một ngụm nước chè, cười thành tiếng:

- Cháu Hiền Lương hỏi hơi khó. Đạo này Mở cửa và Đổi mới rồi... Tư tưởng lí luận chính thống trên Trung ương và ở địa phương thực chất là chủ nghĩa xét lại. Tất cả mọi vấn đề đều xét lại, ngay cả khái niệm "chủ nghĩa xét lại". Nhưng phải hiểu rằng đó là sự đổi mới linh hoạt trong bối cảnh thoái trào cách mạng vô sản trên thế giới. Ở quê không có báo chí, chỉ nghe đài thôi, - Sư hơi ngập ngừng -, hai người chúng tôi thấy vậy, có chi sai, xin bỏ quá. Ông Hiền nhiều khi cũng thấy lịch sử vẫn có những bước ngoặt bất ngờ. Chuyện này cháu Hành rành hơn lão tăng ni (này). Hành chuyển qua công tác tuyên giáo rồi, làm chính trị hẳn rồi.

Hiền Lương giật mình. Áá ra thế, thảo nào! - Cô thốt trong đầu.

Một lúc sau, cô khẽ hỏi nhà sư:

- Thừa sư, sao ông giáo tạo hình hai cuốn sách bằng chè kiếng, và rất tâm đắc câu danh ngôn "tận tín thư bất như vô thư" thế ạ?

Sư Tâm Tự hơi ngần ngại, rồi nói tiếp :

- Ông giáo Hiền cũng rất ngưỡng mộ Phan Bội Châu, nhà cách mạng chủ chiến. Tuy nhiên, ông giáo Hiền đã loại trừ khỏi tác phẩm của cụ Phan những đoạn, những ý tưởng mà ông ấy cho là do Lương Khải Siêu, Mai Lão Bạng tác động hoặc thêm vào, vì những chỗ thêm vào ấy lại rất không đúng...

- Vâng, cháu có đọc những cuốn sử của Phan Bội Châu. Những người dịch, chú thích, giới thiệu cũng ngờ có kẻ đã thêm thắt vào, sửa chữa sách của cụ Phan. Ai đó lại cho rằng cụ Phan mắc mưu tuyên truyền để răn đe, để trả thù của Pháp, của Nguyễn Hữu Độ và của các hoàng thân thân Pháp đã bị nghị xử...

- Mô Phật! Danh nhân cũng có chỗ ngây thơ, sai lầm, bị lợi dụng, có khi cả tin... Điều lão tăng nói vừa rồi là chỉ nói lại lời của ông giáo Hiền. Đó là nhận định của ông Hiền về tác phẩm sử học của Phan Bội Châu. Mô Phật! Lão tăng thật không dám nói thẳng, mặc dù nhận định của ông Hiền là đúng.

- Vâng, cháu hiểu. - Hiền Lương mỉm cười -. Chắc hẳn tư tưởng của ông giáo Hiền khởi đầu là ảnh hưởng từ những gì được gọi là chính xác và tích cực ở cụ Phan...

- Đúng vậy, đó là nhiệt tình yêu nước, ý chí căm thù giặc Pháp và phần nào đó ở tư tưởng đoàn kết toàn dân. Phan Bội Châu tố cáo hai mươi thứ thuế của thực dân Pháp rất sâu sắc, vì đó là những gì chính bản thân Phan Bội Châu và nhân dân trực tiếp gánh chịu, mắt thấy tai nghe. Tuy nhiên, cụ Phan không biết gì hết về các nhân vật lịch sử trong triều đình, vô hình trung đã biện minh cho Dục Đức, Hiệp Hòa, Tuy Lý vương, Gia Hưng vương, Đồng Khánh và Nguyễn Hữu Độ, Phan Đình Bình... Có lẽ, do tư tưởng bảo hoàng chi phối. Duy Tân hội, Quang Phục hội thực chất là hai hội yêu nước theo kiểu bảo hoàng (bênh vực các hoàng đế, hoàng thân và họ Nguyễn hoàng tộc), tôn Cường Để (Nguyễn Phúc Hồng Dân) làm minh chủ. Nhưng chắc chắn hơn là có một phần trong Việt Nam vong quốc sử (1.93) do Lương Khải Siêu viết. Lương Khải Siêu trút hận về Từ Hy thái hậu và Viên Thế Khải triều Thanh vào Từ Dũ thái hậu và Nguyễn Văn Tường triều Nguyễn, nhằm vận động cách mạng của Trung Hoa trong nước Trung Hoa. Nói cách khác, Lương Khải Siêu bóp méo, xuyên tạc nhân vật Việt Nam để

ám chỉ nhân vật Trung Hoa đương thời, vì mục đích nhất thời, bất chấp tính khách quan sử học! (I.122,123). Phần khác, có tính chất quyết định hơn, ấy là xuất phát từ tư tưởng Đại Hán chủ nghĩa, Lương Khải Siêu đã thù ghét Nguyễn Văn Tường, vị phụ chính đại thần đã chủ trương “toạ sơn quan song hổ đấu” trong cuộc chiến tranh Pháp - Hoa (1883 - 1885), khi cả hai nước ấy mưu toan cùng nhau xâu xé, chia đôi Bắc Kì. Tư tưởng Đại Hán chủ nghĩa còn bộc lộ trong Việt Nam vong quốc sử, Việt Nam quốc sử khảo ở thái độ miệt thị dân Giao Chỉ, đề cao người Việt bị lai Hán một cách xuyên tạc! Đó chính là tư tưởng của Khang Hữu Vi, Lương Khải Siêu! Phần tiêu cực khác, ấy là đề cao và biện minh cho Thiên Chúa giáo trong Việt Nam quốc sử khảo (I.93). Đó là tư tưởng của linh mục Mai Lão Bạng (15). Ở Trung Hoa, thời bấy giờ và mãi đến những năm năm mươi (1950), các học giả vẫn xem Việt Nam vong quốc sử là do Lương Khải Siêu viết, và xếp Việt Nam vong quốc sử vào toàn tập của Lương Khải Siêu (16)! Và dấu sao, trong Việt Nam quốc sử khảo (1908), Phan Bội Châu chỉ kết án mỗi một mình Từ Dũ thái hậu mà thôi. Có lẽ là do phản hồi của công luận. - Sư Tâm Tụ mỉm cười, nhấp một ngụm nước chè xanh -. Mô Phật! Vấn đề này, ông giáo Hiền rành hơn lão tăng này... Và lại, cụ Phan không biết tiếng Pháp và cũng không chịu học chữ quốc ngữ, vì xem chữ quốc ngữ là chữ của Tây! Phan Bội Châu chỉ chuyên chữ Hán, chữ Nôm thôi! Nhưng dấu sao Phan Bội Châu vẫn là nhà yêu nước, nhà cách mạng và nhà văn lớn. - Nhà sư đứng dậy, kiêu về, và nói -. Thời ấy, Pháp cấm ngặt thông tin, liên lạc, sĩ phu có nhiều người cũng mắc mưu tuyên truyền của chúng! Cháu Hiền Lương có thể đọc tham khảo thêm Chuyện triều Nguyễn của học giả hoàng phái Bửu Kế, những mẫu chuyện của nhà thơ tiền chiến Phan Văn Dật do nhà văn Nguyễn Đắc Xuân sưu tầm trong Hương Giang cổ sự ấy, nhưng chuẩn cứ vẫn là Đại Nam thực lục (I.103, II.19). -

Nhà sư cười, bước ra cửa -. Phan Bội Châu vẫn vĩ đại, nhưng rất đáng tiếc... Ai cũng có những trang, những chữ đáng tiếc, đáng trách... hoặc bị lợi dụng, bị sửa chữa... Mô Phật! Tôn Thất Thuyết cũng bị cụ Phan rửa là gian thần đấy... Loại “sử học” thực dụng, viết một cách “vu vơ”, phục vụ cho mục đích chính trị nhất thời theo dạng ma-ki-a-ven-lít (machiavelisme), không có một mẫu tư liệu nào là luận cứ, luận chứng, thậm chí không tham khảo một tư liệu nào, như Lương Khải Siêu (và Phan Bội Châu) đã viết, làm mất uy tín người viết và tác hại khôn lường! (17).

- Ý của sư về ông giáo Hiền là...

- Lão tăng muốn nói ông giáo Hiền là một người rất sáng suốt và tỉnh táo trước mọi vấn đề.

Qua nhà sư buổi sáng ấy, Hiền Lương thấy ông giáo Hiền tuy chỉ là ông giáo cấp tiểu học ở làng quê, nhưng trí tuệ ông, cũng như sư, đâu chịu bó hẹp sau lũy tre xanh. Tiếc là nhà ông giáo chỉ có được cái truyền hình đen trắng và cái bán dẫn thu thanh cổ lỗ. Hiền Lương thấy ông giáo Hiền bây giờ hình như chỉ tập trung tất cả tâm tư vào cụm hình tượng chè kiếng. Hiền Lương sẽ hỏi trực tiếp ông Hiền một lần nữa, hi vọng ông Hiền sẽ không bảo... bí mật.

Hiền Lương lặng lẽ nhìn ông giáo Hiền trong bức tranh, với chiếc cầu cô đã mượn tên của nó từ khi mới lọt lòng mẹ đến nay, với dòng sông Bến Hải, lặng lẽ, cuộn cuộn chảy.

Hiền Lương cũng bắt đầu suy nghĩ về cách hư cấu hình tượng nhân vật. Có thể, lúc nào đó, cô sẽ xây dựng được nhân vật, thậm chí cả hình-tượng-tác-phẩm với những nhân vật chính diện, phản diện để thể hiện tâm huyết từ trái tim cô, ngay trong tranh, và có lẽ, bấy giờ phải vẽ tranh hoành tráng, tranh cỡ lớn với các chủ đề bi kịch lịch sử, hùng ca lịch sử. Có thể, cô sẽ tổng hợp từ chú Nông, chú Học, o Ngoan, mẹ Thắm, sư Tâm Tụ, ông Nộp, ông Hiền... thành một nhân vật duy nhất mang tên làng cô - một nhân vật

phong phú, phức hợp, và rất điển hình. Cô nghĩ, có nhiều người mà cuộc đời họ cực kì mâu thuẫn chẳng?

Hiền Lương nhìn vào gương mặt, chú tâm vào đôi mắt ông Hiền trong bức tranh còn dở dang.

6. CƯỚI CHÚ chương VI:

(14) Đại Nam thực lục, chính biên, tập 36, Nxb. Khoa học xã hội, 1976, tr. 221, 230, 225 - 226; & tập 37, sđd., 1977, tr. 35: ghi nhận rõ Nguyễn Văn Tường mặc dù phải vâng lệnh dụ của bà Từ Dũ ở lại Huế, để qua trung gian là giám mục Caspar (Lộc), thương lượng với tướng giặc De Courcy, nhằm hạn chế bớt sự tổn thất nhân mạng, tài sản ở kinh thành Huế, đồng thời để đánh lạc hướng giặc Pháp, ngăn cản chúng truy kích đoàn ngự giá đang trên đường chạy ra Tân Sở (Cam Lộ, Quảng Trị), và thực sự ông cùng vua Hàm Nghi, Tôn Thất Thuyết vẫn thường xuyên liên lạc với nhau, theo phương thức "kê ở, người đi", đánh kết hợp với đàm. Cuối cùng, vào khoảng cuối tháng 9.1885 (tháng 8 Ất Dậu), Nguyễn Văn Tường cùng Tôn Thất Thuyết, Trương Văn Để, Trần Xuân Soạn bị thực dân Pháp và ngự triều Đồng Khánh kết án "đều là bè lũ làm loạn".

Xem thêm: Trần Xuân An, "Nguyễn Văn Tường, 'những người trung nghĩa từ xưa tưởng không hơn được' ", khảo luận và phê bình một vài khía cạnh sử học, bản vi tính, 2000 - 2002, sắp chính thức xuất bản. Trong cuốn sách này, tôi đã có nhiều tư liệu và lập luận để phản bác những cách nhận định bất công, đầy xuyên tạc về ông, hiện nay vẫn còn rơi rớt ở trang sách này, bài báo nọ.

(15) Hãn Mai Lão Bạng cũng như các linh mục, giám mục Pháp như Puginier, Von Camelbeck, Gauthier, Henry Pirey, Aldophe Delvaux, đều rất căm hận Nguyễn Văn Tường, Tôn Thất Thuyết.

Cũng cần ghi nhớ, chính Bác Hồ đã từng phê phán Phan Bội Châu: "Đuổi cộc cửa trước, rước hổ cửa sau", và ngay cả Tôn Trung Sơn cũng ngầm phê phán cụ Phan khi cụ đồng tình với việc xuyên tạc sử kí để tuyên truyền cho chủ nghĩa quân chủ lập hiến (bảo hoàng, phù Nguyễn [Cường Để]), thân Nhật!

(16) Quả thật là do Lương Khải Siêu viết theo lời kể hoặc phác thảo của Phan Bội Châu, và hẳn họ Lương đã thay đổi, xuyên tạc không ít. Khi đăng báo, có đề từ rất rõ: "Kí An Nam vong nhân ngôn" (Ghi chép lời người An Nam mất nước).

(17) Nhận định và thái độ của tác giả tiểu thuyết này về nhà yêu nước Phan Bội Châu với một, hai trang trong Việt Nam vong quốc sử, đã thể hiện ở khúc thơ thứ 15 của bài Cảm nhận bên dòng sông, đặc biệt là ở cuốn khảo luận "Nguyễn Văn Tường, những người trung nghĩa từ xưa tưởng không hơn được", bản vi tính, 2002 (đã tự nhuận sắc vào năm 2003), sắp chính thức xuất bản. Nói chung, mặc dù cụ Phan Bội Châu (thật ra là Lương Khải Siêu) có lệch lạc một cách cố ý (vấn mục đích, bắt vấn thủ đoạn), tôi vẫn xem đó là một khuyết điểm đáng trách của một nhà yêu nước, một tác gia lớn, và rất lấy làm tiếc cho cụ Phan. Xin được thưa rõ như vậy.

CHƯƠNG VII

1

Hai mái tóc dài đen mượt đã hong khô trong gió. Hai gương mặt với làn da mịn màng trở nên trắng hồng thêm, dưới hai mái tóc đã óng ả hơn. Hiền Lương và Bông Bưởi, cô bé mười lăm tuổi con của chú thím Cận, sáng sớm hoặc giữa trưa nào cũng đi bộ gần cả cây số ra sông để tắm, dù trong nhà đã có giếng, có phòng tắm. Trưa nay, cũng như thế. Và lúc này, bộ áo quần thun liền thân, tay áo, ống quần đều dài, bó sát người dùng để tập thể dục ở nhà và đi bơi của Hiền Lương, không chừng cũng đã khô. Cái khăn choàng rộng thùng thình không chừng cũng vậy. Gió nam lửa thổi rất cả người, cô nghe mồ hôi đã rịn rịn.

Hiền Lương, Bông Bưởi, chú Cận đã sẵn sàng, chờ Hành qua để cùng vào ga Đông Hà. Tối nay, cô Bân, mẹ của Hiền Lương, sẽ xuống tàu, về thăm quê chồng rồi sẽ cùng con gái vào lại Bình Dương như đã dự định.

Trong khi chờ, Hiền Lương nghĩ, sẽ vào chợ Đông Hà tìm mua cho Bông Bưởi một bộ áo quần tắm như của cô và một bộ áo quần may sẵn nữa. Gần tháng nay, Bông Bưởi mặc đồ bộ để bơi, Hiền Lương áy náy quá. Bây giờ, vào thị xã, Bông Bưởi cũng chỉ vận đồ bộ. Tại sao là đồ bộ nhỉ? Hiền Lương nghĩ, ngày xưa phụ nữ mặc áo, quần khác màu nhau chẳng, hay khi may cái áo, lúc may cái quần, bây giờ may một lúc nguyên bộ và cùng loại vải, thường dùng để mặc ở nhà, nên gọi “đồ bộ” chẳng? Bông Bưởi đã mười lăm tuổi, dậy thì trở mã rồi, sao hồn nhiên đến thế, chả biết trưng diện gì! Bông Bưởi chất phác đến đáng yêu quá.

Đã ba giờ chiều, nắng và gió, chói và nóng.

Hành mượng đâu được chiếc xe Cúp tám mốt còn khá mới chạy qua, đang dựng xe trước sân. Hành đề nghị khởi hành luôn. Cô không chịu để Hành đổi xe. Hành chờ chú Cận. Hiền Lương, với chiếc Hon-đa bảy tám của chú, đèo Bông Bưởi. Bông Bưởi chỉ chịu ngồi bở chân một bên. Hiền Lương vừa lái xe vừa mỉm cười một mình. Cái mũ rộng vành, loại vành cứng, che gương mặt cô, và gió lùa mát rượi.

Hết đường làng, hai chiếc xe gắn máy đã lên đến quốc lộ. Xe chú Cận cũ kĩ, được cái là chạy còn khá êm.

Hiền Lương hỏi Bông Bưởi:

- Sao em không bỏ hai chân hai bên cho cân, để xe chạy thẳng bằng hơn?

Bông Bưởi cười:

- Em ồốt dột (mắc cỡ). Chị Hiền Lương biết không, mẹ (mẹ) em cứ phàn nàn một số loại yên xe, không phải loại yên xe Hon-đa bảy tám này, khi ngồi chờ nhau, quá chừng dị (kì)! Cha em dạy, cách ăn, cách ngồi cũng là lễ nghĩa... - Cô bé bỏ lửng câu nói.

Hiền Lương thấy Bông Bưởi nói đúng. Cấu tạo yên xe gắn máy cũng là biểu hiện của văn hóa. Người Nhật và các dân tộc châu Á, trong đó có cả Việt Nam, Trung Hoa, Ấn Độ, Hàn Quốc, Thái Lan..., vốn có nền văn minh Đông Phương sâu dày, cao rộng, nay đã lai căng về văn hóa quá rồi. Cái yên xe kiểu liền ấy phải chăng có nguồn gốc từ văn hóa du mục - sống trên lưng ngựa? Chẳng cổ hủ gì, nhưng dù là vợ chồng, lúc chờ nhau, ngực cọ vào lưng, tay quàng eo, giữa đường giữa phố, trông thật chướng mắt. Thật ra, ở thành phố, cô đã quen mắt, ngỡ thường tình, nhưng nhờ chú Nông nhắc về lễ (văn hoá), giờ nghe Bông Bưởi nói, Hiền Lương càng giật mình. Chính phương tiện vật chất, hàng hóa tiêu dùng hằng ngày cũng làm biến đổi con người từ từ, dần dần lúc nào chẳng biết, tha hóa một cách vô thức. Ba của cô bảo, đấy là sự điều khiển ngầm, từng chút

một, một hình thức xâm thực văn hóa. Từ cái yên xe, dẫn đến bao nhiêu hậu quả kinh khủng, có Ông trời Bà mẹ mới biết!

Hành, chú Nông chạy phía trước. Hiền Lương, Bông Bưởi cũng theo sát, cách khoảng vài mét. Họ đã đến Đốc Miếu, Quán Phụng, Trúc Lâm... Cầu Đông Hà và sông Hiếu, chợ lâu thị xã như những chiếc thuyền neo bến, đã trước mặt. Hành dừng xe lại chờ. Hành hình như đã bàn với chú Nông, bốn người sẽ đi quanh thị xã tỉnh lị để Hiền Lương ngắm Đông Hà cho biết, sau đó sẽ đi tìm chỗ ăn tối rồi ra ga chờ cô Bân.

Hành trình bày dự kiến với Hiền Lương và Bông Bưởi. Hành còn nói, sẽ đưa cả bốn người đến quán cháo bột, một loại đặc sản dân dã nhẹ tiền, của một thi sĩ Đông Hà.

- Vừa làm thơ vừa bán cháo? - Hiền Lương cười, hỏi Hành.

- Đúng vậy. Thơ khá hay, cháo tạm ngon. Cháo chỉ gồm cá lóc với bột gạo, và ném, một loại gia vị bà con với Hành!

2

Đêm qua, đến mười một giờ khuya cô Bân mới về đến nhà của thím Cận. Như đã dự định trước, đến Đông Hà, chú Cận mượn thêm một chiếc xe gắn máy nữa. Ở nhà, thím Cận đã chuẩn bị một nồi cháo gà. Hai bác Su cũng ngồi chờ.

Mãi đến mười hai giờ khuya, Hiền Lương mới nằm bên mẹ, thì thăm hỏi chuyện Bình Dương. Quen với nhịp thức ngủ của Thủ Dầu Một, sáng nay, sáu giờ cô Bân mới mở mắt thức dậy. Hiền Lương quen với ở đây rồi, cô đã dậy tập thể dục từ hồi nào.

Ăn sáng xong, cô Bân đang ngồi uống nước, chuyện trò với chú thím Cận, hai bác Su và các anh chị họ của Hiền

Lương. Người khách đầu tiên tình cờ đến thăm là cô Hà. Bác Su giới thiệu:

- Đây là cô Hà, vợ của bí thư Đảng ủy xã. O Hà cũng người Hà Nội, đang làm việc ở Ngân hàng huyện. Còn đây, cô Bân, người Hà Nội vào Nam lâu rồi, mẹ của cháu Hiền Lương.

Người đồng hương gặp nhau, ban đầu còn bỡ ngỡ, lát sau đã chuyện trò thân thiết. Thật ra, tuy hai người rất đàn bà này tỏ ra thân thiết với nhau, nhưng vẫn có gì đó hình như đang ngầm so đo với nhau. Đàn bà, hai chữ ấy gợi lên vẻ dịu dàng, ân cần, chịu thương chịu khó, chăm chút tỉ mỉ cho chồng con, nhưng cũng gợi nên một đôi nét khó cảm thông và khó chịu nổi, chỉ họ với nhau mới cảm thông và chịu nổi nhau? Có thể đàn bà nói chung còn bị quy định bởi nếp sống cũ, quan niệm cũ? Có thể, đấy là các biểu hiện của nữ tính với hai mặt của nó?

Nhưng rồi họ cũng mến nhau, sau lần gặp nhau sáng nay. Nhân ngày chủ nhật, cô Hà lại mời cô Bân sang nhà chơi.

Sau khi đi thăm một vài nhà bà con ruột thịt của chú Nông, đến chiều, cô Bân cùng Hiền Lương, Bông Bưởi sang nhà chú bí thư và cô Hà.

Nhà cửa cô Hà nom cũng khang trang. Trong nhà, cũng tủ thờ, bộ bàn ghế chữ H bằng gỗ bóng ngời, cũng xe gắn máy, các máy truyền hình, thu thanh, ghi âm.

Chú Tập, cô Hà rất niềm nở, ra tận ngõ để đón.

Sau vài lần gặp gỡ, chuyện trò, bởi cùng là người Hà Nội, cùng quê chồng bên bờ sông Bến Hải, lại chệnh nhau chỉ năm, bảy tuổi, nên cô Bân và cô Hà đã có thể nói với

nhau, chia sẻ với nhau những chuyện về mười, mười lăm và cả một, hai trăm năm trước, tưởng như mãi găm vào lòng.

- Đoạn di cư vào Nam, chắc bấy giờ cô còn nhỏ lắm nhỉ? Cỡ bảy, tám tuổi chứ bao nhiêu? - Cô Hà hỏi với ngữ điệu thân thiện, không phải để hỏi.

- Vâng, cũng cỡ ấy. Hồi đó, sợ mấy ông Việt Minh lắm. Em đã có hai lần trải qua cảm giác ấy, năm tư và bảy lăm. - Cô Bân cười, phát âm s thành x, tr thành ch như cô Hà.

- Lần nào sợ hơn lần nào? - Cô Hà cười cười mở.

- Lần thứ hai. Hồi bảy năm (lăm), em lớn rồi, nữ quân nhân nguyện, lại có chồng sĩ quan nguyện, lại dân theo Chúa mà di cư. Hồi nhỏ chỉ sợ theo cái sợ của cha mẹ, của giáo dân Chúa. Lớn, sợ cái sợ của chồng, của mình, lại hết đường chạy thoát. Sợ lắm. Cứ tìm mấy ông bà con giờ làm cán bộ để níu kéo, nương tựa, sợ nhỡ có tấm máu tấm miếng gì. Hóa ra không. Nhớ lại, buồn cười đứt cả ruột! - Cô Bân cười to, mắt long lanh ướt.

Cô Hà nắm tay cô Bân đang đặt trên bàn, như muốn chia sẻ. Mấy hôm trước, cô Hà thấy cô Bân sang trọng, quý phái, trang điểm rất kĩ và khéo, không giản dị như Hiền Lương, cô Hà bỗng thấy mình quá quê mùa, sinh mặc cảm. Nhưng chẳng lẽ cùng dân Hà Nội, gặp nhau ở quê chồng, nhạ với nhau cũng khó coi, nên cố gắng niềm nở, thật lòng cô Hà ngại gặp lắm. Tuy cô Hà gượng gạo thế, rồi cười mở với nhau cũng rất thật lòng. Cô Bân cũng không thể không mặc cảm với cán bộ. Từ Ngày Thống nhất đến giờ, niềm mặc cảm của người bại trận không thể chạy trốn, mặc cảm di cư, cứ âm ỉ, nghèn nghẹn với mặc cảm Đạo Chúa chất chứa từ hồi “Bình Tây sát tả” đến giờ. Dẫu từ đoạn Đổi mới, có hả hê đôi chút, nhưng mặc cảm ấy vẫn còn như một vết thương truyền kiếp, đôi khi lở chạm vào còn nhói cả tim. Vết thương ấy cô Bân biết chắc khó có thể lành lặn. Đoạn mới Đổi mới, cô ngỡ đã lành rồi chứ. Cô cũng chẳng biết chính

cái cổ chắp lại là phương thuốc xoa dịu vết thương mặc cảm ấy! Quả sự cố chắp chính kiến, khẳng khẳng cho mình đúng - di cư là đúng, thậm chí loại chính kiến “thà mất nước, chứ không thà mất Chúa” cho dù triều Nguyễn, sĩ phu “bình Tây sát tả” đến đâu, cũng đều xem là đúng -, những cố chắp ấy, trong thực tế Đổi mới, có xoa dịu thật! Và ăn mặc đẹp, phô trương vật chất, cũng là một phương thuốc hiệu nghiệm. Với cô Bân, ít ra chỉ với cô, phương thuốc ấy khá hay! Mặc dù tư tưởng còn ở dạng khá cảm tính, cô Bân vẫn có dáng dấp, cử chỉ rất trí thức, quý phái. Cô Bân lại dám nói thẳng, không biết do bản tính cởi mở hay do mặc cảm kia chi phối, nhưng lại rất chân thành.

Trong cô Hà, ngoài mặc cảm quê mùa nẩy sinh, hồi mới giải phóng Sài Gòn, lúc cô từ Hà Nội vào thăm bà con, còn một mối hoài nghi những thứ lí luận mà cô luôn được củng cố bằng học tập, đài và báo. Sao Miền Nam nói chung, riêng Sài Gòn, người ta sống sướng thế! Bây giờ, cô Hà chỉ mặc mỗi một loại quần đen thắt dải, áo cổ bẻ, tay dài gài nút, màu xanh hoà bình hay trắng, lại đi đôi dép nhựa cao gót, xách cái túi giả da xấu xí. Cô Hà choáng ngợp trước phồn hoa Sài Gòn đến muốn khóc cho hả, mặc dù nghe nói đấy là phồn hoa giả tạo.

Năm bảy tám, cô Hà có dịp vào Đà Nẵng công tác. Hồi ấy, vải để may quần chỉ có mỗi một màu đen cho phụ nữ, chất vải lại mau nhăn nhúm. Thợ quốc doanh đường kim mũi chỉ quá tệ. Cái quần cô mặc có lại quá ngắn, gần đến bắp chân. Một chị bán hàng ở Đà Nẵng nói cay độc:

- Chị giải phóng, mặc cái quần gì chó táp ba ngày không tới!

Mím chặt môi, cô Hà phang lại thật đấng:

- Chó Miền Nam đấy! Vì Miền Nam bà mới khổ thế này!

Chị Đà Nẵng không vừa, tung chưởng:

- Chó Liên Xô, Trung Quốc thăm quá, còn hàm hồ.

- Chó cổ đạo, chó Pháp, chó Mỹ! - Chị Hà Nội quăng lại.

Chị Đà Nẵng diên tiết, định xuất lại một chiêu thật độc, nhưng sợ công an, đành hậm hực ngậm miệng.

Cô Hà bỏ cả một buổi họp vì đau đớn. “Gà nhà bôi mặt đá nhau” thế cho bọn nước lớn nó cười, hay hóm gì. Nhưng cô không ngờ cô cũng tệ hại đến vậy, nhỏ nhen và đê tiện đến vậy. Cô rút kinh nghiệm, cãi nhau về chuyện nhỏ nhen, đê tiện, hóa ra mình tự hạ mình xuống ngang tầm với chuyện đó. Nhưng vết thương vật cũng đau như nhọt đỉnh, cô Hà mấy lần phát sốt khi nhớ lại mẩu chuyện ở chợ Cồn, Đà Nẵng. Năm ấy, cô Hà mới ba lăm, ba sáu tuổi.

Cô Hà nhìn cô Bân, nói trong thoáng hồi ức về mẩu chuyện cũ, tuy đã cố nén lòng :

- Phẫn loạn, chống Triều đình, “bình Tây sát tả”, chiến tranh, chia cắt Đất nước, rồi tư tưởng xung đột, đau lăm. Những người ở lại Hà Nội sau năm tư, còn đau như xé. Vết đau cả một trăm mấy chục năm rồi. Bây giờ, bọn Pháp, bọn Mỹ với mình làm lành với nhau, nhưng chúng thua trận chúng cũng đau, cũng nhục. Mấy tay cố như Mác Na-ma-ra thú nhận sai lầm nhưng cũng muốn gỡ gạc. Vừa hội thảo đấy.

Cô Bân hơi chột dạ, chạnh lòng. Cô Bân cười gượng:

- Bây giờ, nói chuyện gỡ gạc thì hóa ra nhầm. Chị có thấy Liên Xô sụp đổ không. Trung Quốc cũng chấp nhận kinh tế thị trường, tức là tư bản, nhưng tránh dùng từ cũ kéo mích lòng nhau.

- Ý tôi muốn nói, Mỹ gỡ gạc về chiến tranh. - Cô Hà nói dịu lại.

Cô Bân tấn công nhẹ nhàng:

- Chiến tranh ý thức hệ mà! Đấu tranh giai cấp gì đấy mà!

Cô Hà cũng non về chính trị, giật mình, lại cố dàn hòa:

- Ủi nhỉ, tư bản cũng có cái hay. Đổi mới, Mở cửa thấy khá hơn trước.

Cô Bân thừa thắng, cười thật tươi:

- Chỗ dân gốc thủ đô với nhau, lấy chồng cùng quê, nói thật, theo Chúa là đúng chứ! - Cô Bân lại nắm tay cô Hà đang để trên bàn - Chị thấy không, nước nào theo Chúa đều khá cả. Chồng Chúa chỉ mạnh lên một thời rồi sụp (II.15).

Cô Hà phân vân, nhìn cô đồng hương quý phái và son phấn:

- Chuyện đời bối rối thật, chả biết thế nào!

Thật ra cô Hà chỉ mới học lớp bảy hệ mười năm, gia đình cũng buôn thúng bán bưng ở Hà Nội. Cô Bân cũng lớp bảy hệ mười hai năm, hiện đang buôn bán vải, cái nghề cô phải theo từ sau bảy lăm, bây giờ yêu luôn, theo nghiệp của bố mẹ mang từ Hà Nội vào.

- Thời này cán bộ như hữu sản hóa hết rồi! - Cô Hà nói.

- Hữu sản chứ vô sản thế nào được! Tôi nghe ông Nông nhà tôi nói, tư hữu là bản tính xưa nay của con người. Ngày xưa mấy ông cha đạo, tức là linh mục đấy chị, cũng nói vậy. Cộng sản là hoang đường, huyền hoặc! Làm sao có thiên đường trên trần gian được! Chỉ có sướng sung hơn thôi! Thiên đường thật chỉ có trên trời!

Cô Hà thấy chưa đồng ý, nhưng cũng chẳng nói gì, lòng vẫn băn khoăn. Thật ra, bực mình bởi thời cuộc đâm ra nghĩ ngợi dăm điều, cô Bân lần cô Hà vốn chỉ thích tin vào kết quả trông thấy, hạnh phúc chỉ là những gì rất cơm áo gạo tiền, và là, chồng con sung sướng, khỏe mạnh, được thiên hạ nể vì! Cô Bân, mắt sáng lên, trong bụng hả hê lắm khi nói chuyện với cô Hà.

Lúc ấy, Hiền Lương đang nói chuyện với Hành ở nhà ngang. Hình như Hành mới qua chơi. Bông Bưởi đang xem tập ảnh, cầm đến chỉ cho Hành xem hai người chị của Hiền Lương đã lấy chồng và đã ở riêng. Hành thấy hai chị của cô

khác hẳn, chẳng tí nào giống cô. Hai chị vóc đậm, da đậm. Hiền Lương lại trắng, thon thả, không giống cha cũng chẳng giống mẹ. Hiền Lương quá xinh đẹp, tươi tắn.

Thấy Hành, cô Bân ghé tai cô Hà hỏi nhỏ về anh. Cô Hà cũng đáp khẽ. Cô Bân vừa nói chuyện, thỉnh thoảng vừa quan sát cái anh chàng đang ngồi ở nhà ngang với con gái của cô. Hai người trẻ tuổi, và cả Bông Bưởi nữa, có vẻ thân mật với nhau quá.

Thấy cô Bân bỗng đứng lơ đãng, nói chuyện nhưng mắt nhìn vượt qua vai mình, hướng xuống nhà ngang, cô Hà hiểu ý.

- Hành được tổ chức huyện quy hoạch vào diện hạt giống đỏ, từ hồi còn trung học, mấy năm nay tạm về bám phong trào cơ sở, - Cô Hà nói khẽ -, để rồi cơ cấu vào các chức vụ chính trị quan trọng đấy.

Cô Bân hơi giật mình, sợ nghe nhầm:

- Là sao hở chị?

- Thì sao nữa! Nghĩa là tổ chức đã định hướng phần đầu cho nó từ nhỏ! Vấn đề tổ chức mà. - Cô Hà nói rất khẽ.

Cô Bân nhú mày. Cô Hà nói lảng qua chuyện khác rồi xin kiếu về. Hiền Lương đang bận tiếp chuyện Hành, đành nói lớn, chào cô Hà, mời cô Hà hôm nào lại sang chơi.

Cô Bân tiễn cô Hà ra tận ngõ, và cùng đi thêm một đôi đường.

Người ta thường nói, đàn bà Bắc bộ thường sâu kín. Nhưng nhận xét ấy cũng tùy. Chính sự "chân thành, thẳng thắn" của cô Bân tạo nên sự cởi mở thật tình của cô Hà.

4

Ở Thủ Dầu Một, cô Bân suốt ngày ngồi ở sạp vải ngoài chợ. Chú Nông sớm chõ ra, chiều tối rước về. Công việc

nhà cửa bếp núc, sau khi Hiền Lương tốt nghiệp, cô con gái út này phải đảm đang tất. Thời giờ còn lại, Hiền Lương chỉ lo vẽ, luyện tiếng Anh, đọc sách. Lúc này, tại quê chồng, cô Bà ngồi uống nước sau khi ăn tối xong, nghe thím Cận, Bông Bưởi khen Hiền Lương, cũng thấy vui, cũng lạ cho con gái út của mình. Cô Bà thầm nghĩ, sao Hiền Lương thích nghi với đời sống nông thôn nhanh thế và hay thế, sao Hiền Lương càng lớn càng khác hẳn hai chị, mặc dù bao giờ vợ chồng cô cũng đối xử, giáo dục, phân việc cho ba chị em đều nhau hoặc như nhau. Nhưng cô Bà cũng gác lại ý nghĩ để chuyện trò với thím Cận và Bông Bưởi, gái út của thím, cho đến lúc cả nhà đều đi ngủ.

Đêm ở nông thôn, mọi nhà ngủ sớm. Hiền Lương nằm bên mẹ, thì thầm một chốc, rồi cũng ngủ mất. Cô Bà quen thức khuya, lạ nhà, không thể chợp mắt, cứ nằm nghĩ ngợi mung lung.

Hồi chiều, thấy Hành với Hiền Lương thân nhau, cô Bà cũng thấy lạ. Cô Bà cũng biết ở Thủ Dầu Một, có nhiều giám đốc trẻ của các doanh nghiệp tư nhân, thừa kế tài sản của bố, hay nhờ thân nhân Việt kiều, nửa cho hẳn, nửa cho mượn vốn, có nhiều họa sĩ nổi tiếng còn độc thân, thường sẵn đón Hiền Lương, sao nó chẳng yêu ai. Hai mươi hai tuổi rồi chứ ít gì.

Cô Bà chợt thấy Hiền Lương ngốc, còn ngốc. Hành chỉ là một anh giáo quèn, dẫu sau này có được cất nhắc vì là con liệt sĩ, ông bà nội đảng viên, bà nội kể cũng đã thành liệt sĩ... Nhưng đâu phải lần đầu tiên cô nghe cô Hà nói về vấn đề tổ chức. "Tổ chức là tức cái chổ". - Các cán bộ ngoài Bắc bà con xa với cô Bà thường nói thế. Hiền Lương yêu Hành chỉ làm chậm đường hoặc chặn đường tiến thân về chính trị mà tổ chức đã định hướng cho Hành. Cuối cùng chẳng được gì, cũng là cán bộ quèn, lương ba cọc ba đồng! Ôi, cuộc sống, cái sự so đo, tính toán, nó bản thủ thế nào!

Ngày mới thống nhất hai miền, cô Bân hỏi rất kĩ các mặt của chế độ mới cho dễ sống. Và điều này, cô Bân nhớ là đã nói với Hiền Lương rồi cơ mà. Chú Nông cũng dặn dò kĩ rồi. Cô chị đầu của Hiền Lương có quan hệ với một công an viên thôi, sau khi cưới nhau, anh chàng công an ấy phải chuyển ngành. Con nhỏ Hiền Lương đầu óc cứ ở mây xanh, trắng với là sao, ru mây hát gió! Và Hành, anh chàng này chắc không thích chính trị rồi chăng! Cái ghê, ấy là vấn đề giai cấp cơ mà! Ngày xưa, môn đăng hộ đối, bây giờ, đồ và đồ, không trộn màu được! Hết thân thế, lại lí lịch!

Cô Bân còn nghĩ đến “diễn biến hòa bình” nữa! Ôi, cô thấy ngại quá... Phiêu lưu, tai họa! Và len lỏi, luồn lọt dễ tiện!

Cô Bân vẫn không thể ngủ được. Nghiệm về cô con gái út, cô cũng thấy lạ, là càng lớn, tính tình, cách sống nó càng giống chú Nông. Nét mặt chẳng giống là tất nhiên. Cô Bân nghen nghẹn. Hiền Lương là con gái út, hai chị đã ra riêng theo chồng. Nhờ có điều kiện trong những năm Đổi mới gần đây, nên Hiền Lương được học hành tương đối đến nơi đến chốn. Có lẽ, việc học hành cũng có ảnh hưởng nhiều đến cách nghĩ, cách nhìn của nó. Nhà trường trang bị kiến thức, giáo dục nó nhiều cái cô thấy cũng lạ. Hiền Lương có trình độ học vấn, nên chú Nông với nó trao đổi, tranh luận với nhau luôn. Nhưng, cô Bân thấy nghẹn ngào, khi nghĩ đến dòng họ. Thật ra, chẳng ai, không một ai biết gì về huyết thống của Hiền Lương, ngoài cô Bân. Nó không phải thuộc về máu mủ chú Nông, sao nó giống chú Nông về tính tình, cách sống đến vậy, và quá khác xa cha ruột của nó, một trời một vực. Lẽ ra, dòng máu cũng làm nên tính nết, cách sống, cách nghĩ, cách nhìn chứ nhỉ. Cái nòi ấy mà. Cô Bân nằm nghĩ miên man.

Đêm, làng quê đã trở ngọn nồm, mát rượi. Quen nhíp thức ngủ thị xã, lạ nhà, lại do bước qua tuổi năm mươi chăng, cô Bân không cách nào ngủ được.

Cô Bản ghen ghen. Dòng máu mẹ cũng ảnh hưởng chứ nhỉ? Cô cũng có nghe người ta nói đến đồng biển và dị biển, trong mã di truyền về đức hạnh và tài năng. Nhưng giống lúa tốt cấy trên đất xấu thì sao. Hạt giống của cô với Đạc dẫu sao cũng đã gieo trên mảnh đất của cô với Nông. Giống thường quá, môi trường cũng thường. Hiền Lương lại vượt trội con cái những gia đình trí thức, quý tộc! Xuất thân từ trí thức, quý tộc cũ và mới, nhiều đứa bạn của nó chả ra gì, ngày càng rõ là dốt đặc, ăn chơi, đàng điếm. Ờ, nhưng “nước, phân, cần” còn quan trọng hơn “đất, giống”. Cô cười buồn. Có thể sức ép này nọ của thời thế cũng là “nước, phân”, và nghị lực vươn lên tạo nên “cần” chẳng. Cô xấu hổ khi nghĩ đến Đạc, cha ruột của Hiền Lương. Không, không phải cô có nòi ngoại tình. Đó chỉ là một phút, cũng không phải một phút, trời ơi, cả mấy năm dài, cô Bản đã yêu điên mê và kín đáo cái anh chàng sinh viên tranh đấu người gốc Củ Chi ấy, nơi nổi tiếng là Đất thép!

... Đây là năm bảy mươi lăm, những tháng hấp hối của chế độ ngụy Sài Gòn. Khi thiếu úy Nông bị điều đi làm nút chặn ở Xuân Lộc để các viên chức tháo chạy, chuẩn bị đầu hàng, Đạc đã được một người bạn thân nhất của cô Bản xin cho Đạc tạm thời nương thân ở nhà cô, bảo là Đạc chạy từ Trung vào, Đạc vốn là giảng viên đang dạy đại học ngoài ấy. Đến bây giờ, chẳng hiểu tại sao chồng mới vắng nhà, trong bối cảnh rối bời, hoảng loạn ấy, tình yêu lại như sét đánh, cháy bỏng tim cô. Đến bây giờ, chẳng hiểu tại sao, cô quên bẵng hai đứa con gái mới sáu tuổi và ba tuổi đang ngủ say, để chuyện trò với Đạc. Trong trái tim mỗi người, phải chăng đã có sẵn bùa mê thuốc lú, chỉ cần một ánh mắt cùng tần số tình cảm khơi ra là bùa ngấm, thuốc vỡ, tan, hòa vào máu. Thêm vào, chính Đạc đã chơi trò đều cáng, sở khanh, đánh thuốc kích dục vào tách nước, li cam vắt của cô? Như hai con vật ghê tởm, chả làm sao cưỡng chế được nhau, Đạc và cô Bản đã đi đến việc lặn lội trên giường. Ban đầu,

vừa kinh tởm, vừa ân ái, dần dần không thể không tìm đến nhau để hủ hỉ trong khổ đau, dần vật.

Đến khi Sài Gòn được giải phóng, lo sợ, hoảng loạn, tiền lương bị cắt, chồng đi học tập cải tạo, cô Bân vẫn đắm vào cuộc ngoại tình như một thuở tân hôn! Khi sinh ra Hiền Lương - cái tên con, chồng ở trại cải tạo dọn dò để đặt -, tháng chín bảy lăm, cô Bân mới biết Đạc vốn người Củ Chi, gia đình ba đời hoạt động cách mạng, được tổ chức cấy vào phong trào sinh viên học sinh tranh đấu, hiện vừa công tác tại trường đại học vừa học nốt bậc cao học, chứ chẳng phải là giảng viên ở Trung vào, như cô bạn thân nhất giới thiệu, nài xin, gởi gắm. Đạc chỉ lớn hơn cô Bân hai tuổi, có giấy động viên tại chỗ (hoãn dịch) vì lí do gia cảnh, nhờ chạy chọt. Lúc trốn ở nhà cô, Đạc đang bị cảnh sát ngục săn lùng!

Đây là tình yêu ư, hay chỉ hụt chân, và mãi quấy vợ dưới dòng tội lỗi?

Cuộc ngoại tình đến bốn năm, chẳng ai trong xóm cô ở Thủ Dầu Một hay biết, thậm chí, không một ai nghi ngờ. Đạc chẳng bao giờ đến xóm nhà của mẹ con cô Bân. Những cái hẹn rất kín đáo, những điểm hẹn ở những nơi khác, rất xa.

Cuối cùng, cái anh chàng sinh viên tranh đấu, dao động, cơ hội từ trước bảy lăm về vấn đề chủ nghĩa chính trị, vẫn theo quán tính mà hoạt động cách mạng ấy, đã bị công an bảo vệ chính trị phát hiện ngoại tình hủ hóa với vợ sĩ quan ngục, và đã bị khai trừ khỏi Đảng. Năm bảy chín, Đạc đã vượt biên, man khai lí lịch ở đảo tị nạn, xin định cư ở Ca-na-đa. Cô Bân nghẹn ngào khi nhớ lại cái anh chàng Đạc đa tình, đều cáng, dao động chính trị ấy, cái anh chàng làm cô say đắm bởi nét điển trai, giọng nói ngọt như đường, cái anh chàng ôn-sê-vích lại rất tư sản ấy - gã sở khanh có nét mặt cương nghị!

Đây là cuộc ngoại tình kì lạ duy nhất trong đời cô Bân. Và là đàn bà, cô biết chắc hạt máu nở sinh ra Hiền Lương,

chính đã hình thành trong ân ái giữa cô với Đạc. Sự vụng trộm có sức lôi cuốn của nó!... Vâng, Hiền Lương chính là đứa con của cuộc ngoại tình ngọt ngào, đấng đót, nồng nàn, đầy tử thẹn ấy.

Thật nguy hiểm biết bao nếu Hiền Lương, chú Nông và mọi người biết điều ấy: Hiền Lương là con của một anh công sản trí thức có ý thức phản Đảng, ngoại tình, ở nước tư bản nhờ vượt biên, man khai! Cô sợ hãi một ngày nào đó, sẽ vỡ lở chuyện cũ. Như thế không tránh khỏi sụp đổ, tan nát gia đình.

Cũng may công an chỉ biết một nửa là họ ngoại tình với nhau!

Cô Bân thấy dâng lên trong ngực cô một nỗi tủ nhục, hối hận. Nỗi tủ nhục, hối hận này không nguôi dày vò, cắn rứt lương tâm người đàn bà này suốt hai mươi hai năm nay!

Cứ mỗi khi khó ngủ, cô Bân mở mắt trong khuya vắng, lại âm thầm một mình chịu nỗi đau đớn, tủi hổ cồn lên trong tâm. Tội lỗi đó cô chưa một lần xưng tội cùng linh mục của giáo xứ, hay đến với các linh mục khác ở các giáo phận khác để được giải tội. Nhưng đã bao lần cô quỳ trước tượng Chúa và Đức Mẹ, đọc hàng vạn lần kinh ăn năn tội.

Chưa một lần đọc trọn vẹn Kinh Thánh, thường chỉ nghe các trích đoạn hay, với cách cắt nghĩa theo thần học La Mã của linh mục ở nhà thờ, cô vẫn hằng tin có Chúa, có Đức Mẹ hồn xác lên trời (!). Cô tin Chúa và Mẹ sẽ tha thứ cho cô. Cũng nhiều lần, cô nghĩ đến tu viện Con Đức Mẹ, cạnh nhà thờ tại trung tâm thị xã Thủ Dầu Một.

5

Mười một giờ khuya, với cô Bân đầu đã khuya lắm. Nhưng cả nhà chìm sâu vào giấc ngủ, lá ngoài vườn khuya

xào xạc theo ngọn gió nồm, cô Bân có cảm giác giác ngủ ở đâu đó cứ chờn vờn, hành hạ cô. Phải ngủ, ngủ như một cách chết, để ngày mai sống lại. Nhưng cô vẫn mở mắt thao láo rồi nhắm mắt thao thức.

Cô thương Hiền Lương quá. Con gái út của cô ngủ ngon với những suy tưởng cao xa, sâu sắc về thế giới hình tượng, đường nét và sắc màu của nó. Làm sao bé út Hiền Lương lại nghĩ số phận đã dành cho nó một “vết thương” tui nhức, đau đớn. Nó cũng như chú Nông, ba của nó, không hề biết “vết thương” - thứ “vết thương” tội lỗi muôn thuở ấy - , chính cô, cô Bân, đã gieo vào tim họ. Hai cha con chưa hề biết nỗi đau đã mai phục sẵn trong tim, và sẽ không bao giờ biết. Đây là chưa kể hai cô con gái lớn, nhiều bà con ruột thịt nội ngoại nữa! Tội lỗi của cô Bân đã thành tội ác. Hãy để cho tất cả mọi người thân ấy yên với sự không biết của họ. Chính cái biết tạo nên “vết thương”? Không. “Vết thương” có sẵn, nhưng đừng khơi dậy. Chẳng cần thiết phải khơi dậy làm gì. Có những “vết thương” cần phẫu thuật, để được cứu sống. Có những loại như “vết thương” cô Bân đã gieo cho Hiền Lương và chú Nông, không hề mưng mủ, phát bệnh. Họ vẫn lành mạnh suốt đời. Hãy để cho họ yên lành, - Cô Bân tự nghĩ -, để cho hai người thân yêu nhất của cô được yên lành bởi niềm tin tưởng không mảy may nghi ngờ về trình tiết, đức hạnh của cô - người mẹ, người vợ đã ngoại tình!

Tội lỗi ấy đã thực sự trở thành tội ác : dòng máu lạ lạc vào gia phả của chú Nông! Cô Bân đã bao lần lạnh người khi nghĩ đến...

Cô Bân thương chú Nông quá. Cô Bân vẫn còn nhớ năm sáu tám, sau Tết Mậu thân, ở Trường Bộ binh Thủ Đức. Bây giờ, cô đã là nữ quân nhân của quân lực cộng hòa nguy, có người thân bán hàng giải khát ở câu lạc bộ khóa sinh, nơi thỉnh thoảng khi rảnh việc, cô ghé đến. Anh chàng Nông cao to, đen trùi trùi, nói giọng của xứ Quảng Trị

vĩ tuyến mười bảy, tóc ngắn ngắn, không hề hợp hồn cô từ phút đầu, nhưng qua nhiều lần gặp gỡ, trong cô nảy sinh một niềm cảm mến. Cô có cảm giác đây là một con người không tầm thường. Nông cương nghị và có nhiều cao vọng. Đây là chất đàn ông, là chí làm trai, là nam tính. Cô Bản không thể chịu nổi loại con trai đàn ông ẻo lả, tóc tai bù xù hoặc thả dài óng mượt, chải chuốt như phụ nữ mà hồi ấy đang là thời trang. Rồi những ngày lễ, ngày chủ nhật, Nông về nhà Bản thăm. Rồi cưới nhau, sau khi Nông mãn khóa với quân hàm chuẩn úy.

Bấy giờ, Quảng Trị là địa đầu, súng đạn khốc liệt. Những chiếc hòm liệm xác tử trận phủ cờ vàng ba sọc đỏ được chở trên xe GMC. với hai người lính bồng súng, chạy về các đường phố, hương lộ, huyện lộ mỗi ngày, như những ám ảnh kinh hoàng. Nông không muốn lập công bằng súng đạn và chiến trận. Nông thích làm chính trị. Nông đã là tín đồ Thiên Chúa giáo, giáo sư trung học đệ nhất cấp, lại là đảng viên Quốc Dân đảng. Nông mê Nguyễn Công Trứ (18). Bản cũng thích chồng mình có chí lập công như thế. Bản đã tìm mọi cách để trở thành “vợ ngoan, làm sang cho chồng”, xin xỏ, chạy chọt để Nông ở lại Bình Dương, khỏi về Quảng Trị, lại tìm cách giới thiệu Nông đến những nơi có thể lực để hòng kiếm phiếu bầu sau này. Bước đầu, Nông sẽ ứng cử dân biểu, rồi thượng nghị sĩ.

Đây là chí nguyện của Nông và của Bản, vì chưa biết đó là ảo vọng!

Nhưng dần dần, càng hiểu sâu về chính trường lúc bấy giờ, những năm sáu tám, bảy mươi, Nông thấy sân khấu chính trị chả hề giống với sách vở, với những bài lí luận tuyên truyền. Dưới và sau những từ ngữ hoa mỹ mỉa dân là tham nhũng, ăn chơi, hút sách, cả bản thủ, cả thủ đoạn đê mạt nữa. Lòng yêu quê nhà, yêu Tổ quốc của một nhà giáo tỉnh lẻ từng một thời đồng nhất với chủ nghĩa chống cộng, với lí tưởng cộng hòa tư hữu, tự do, công bằng, dân chủ, đã

thành nỗi đau trước Đất nước với một thứ ảo mộng ngây ngô, và đã đến lúc vỡ mộng. Bây giờ, mỗi đêm, nằm bên cô Bân, Nông đâm ra thờ dài, những tiếng thờ dài có mùi thời sự. Nông khinh bỉ bọn đầu cơ chính trị và chiến tranh. Đây là các loại đảng phái như nắm mọt sau mưa từ hồi Ngô Đình Diệm lẫn Nhu bị bắn chết. Đây là những tên hoạt đầu đội lốt hay mượn tay tôn giáo. Đây là các gã tư sản mại bán. Đây là những con rối, bù nhìn của chính trường sân khấu. Bây giờ, sau học thuyết “cần lao - nhân vị - duy linh”, đến thiền học dẫn thân, nhập thế, đến hiện sinh nôn mửa, đồng tấu với các ca khúc về thân phận nhược tiểu, rầu rĩ, hoặc viễn mơ. Nói chung, không khí chính trị - xã hội - văn hóa - tư tưởng ấy chỉ làm cho Nông thêm đau đớn, ngán ngẩm. Không ai có thể hi sinh xương máu cho các tướng, các chính khách bù nhìn ăn chơi. Dẫn thân vào chính trị với thế lực tôm tép như Nông chỉ là ảo vọng cay đắng của một anh sĩ quan cấp thấp, một anh giáo viên tỉnh lẻ đầy lí tưởng sai lầm và khờ khạo.

Bân chỉ mộng được khôn khéo để “làm sang cho chồng”, giúp chồng thăng tiến, bây giờ có con, ngấm thêm tiếng thờ dài thời sự và thế sự của chồng, mộng ấy cũng êm đềm vỡ. Bân cũng dần dần an phận.

Gương mặt cương nghị ngăm ngăm đen của Nông như bất động rồi gục xuống trong tiếng đại bác, tiếng súng trường, trong âm nhạc thể lương làm tiêu ma hết mọi ý chí và nghị lực. Vàng trán thao thức, phẳng một niềm tự tin, đã cau lại những nếp nhăn bất lực. Các thứ triết học, không một chút sức sống, chỉ khiến con người rã rời, sa đọa, xa lạ với cả chính xã hội mình sống, đừng nói đến cảm hứng cho một lí tưởng, dù lí tưởng ấy thế nào đi nữa.

Đây là thứ sản phẩm của bế tắc dẫn đến bế tắc. Siêu hình: Nổi loạn với hư vô. Thực tại: Tự do đến mức hủy hoại cả tự do, dân chủ đến mức làm phá sản nền dân chủ - hủy hoại và phá sản bởi không có chính nghĩa, bởi thiếu vắng

những con người chính nghĩa -, mặc dù, thậm hại thay, tự do, dân chủ được ban phát!

Những loại phim, sách, báo dâm ô, đòi truy sắc mù Phơ-rót!

Rốt lại Nông thấy khẩu hiệu chiến tranh ý thức hệ của chế độ Miền Nam hoàn toàn không thể không phá sản, hoàn toàn không thể đương đầu với chiến lược đấu tranh giai cấp về mặt văn hoá - tư tưởng của Miền Bắc. Một mặt trận với đội quân cầm bút vô chính phủ không thể chiến đấu được với cái được chế độ Miền Nam gọi là văn hoá văn nghệ chỉ huy, bị hay được chỉ huy. Chủ nghĩa Hồ Chí Minh lại có sức sống và vô địch. Siêu hình, mông lung, xa rời quần chúng, làm sao chiến đấu với thực nghiệm, duy lí, có tính quần chúng, và cái cốt tủy nhất là tính dân tộc. Vân vân...

Nông bỗng ngấm đau cho cả hai miền Đất nước về chiến tranh. Đất nước phải chăng thành thí điểm giao tranh của hai khối? Đây là sự thật? Đây là luận điệu của những cái loa sô-vanh nước lớn? Đất nước như một vũ đài, một sỏi vật mà hai miền là hai võ sĩ của hai ông bầu cá độ? Sĩ nhục Tổ quốc và lòng yêu nước của dân tộc Việt Nam bằng luận điệu đó? Luận điệu đó của ai? Của một số bồi bút?

Nông đâm ra lừng khừng, nhất là sau khi gặp lại vị linh mục Quảng Bình. Ông linh mục di cư chống cộng, từng đỡ đầu cho Nông, đã cởi áo chùng đen tu sĩ. Ông bảo Nông, giọng xót xa, trầm lắng:

- Tôi đã đọc lại Kinh Thánh với con mắt khoa học, có phân tích, có suy nghĩ, thấy đó không thể là Lời Thượng đế. Không thể có một Thượng đế độc ác và kém thông minh như vậy. Quy luật tự nhiên giữa các sinh vật, từ thực vật, động vật (kể cả vi sinh vật) đến con người, quả là kinh tởm, kinh khủng, rùng rợn. Giê-su cũng chẳng cứu rỗi được! Không phải mới mẻ gì điều này (II.15). Tôi thành thật xin lỗi Nông, đã kéo Nông vào con đường sai lầm, tuy cũng có lắm

điều hay. Hay là phụ, sai lầm là cơ bản. Tôi đau đớn và bình tĩnh xin lỗi Nông. - Vị linh mục nói, cơ hồ đang ứa nước mắt.

Thật ra, lâu nay, Nông đã đọc nhiều sách hiện sinh vô thần. Nông hiểu vị linh mục rửa tội cho Nông nói thành thật. Nhưng vì cuộc sống, vì quán tính, Nông vẫn đi nhà thờ xưng tội, rước lễ như một người tự buông xuôi theo dòng đời. Trong tâm hồn Nông đã có một sự nhiễu loạn.

Lùng khùng, buồn nản, bảy năm đi lính, Nông cứ theo thời hạn mà thay quân hàm, rồi lại bị phạt, bị an ninh quân đội để ý, bị cố tình làm trễ quyết định thăng cấp, cuối cùng chỉ là thiếu úy.

Có nhiều lần cô Bân nhận thấy, nhiều điều nghe Nông kể lại trong khuya khi hai vợ chồng sắp đi vào giấc ngủ mỗi tối. Quán tính của cuộc đời lôi người ta đi. Ý nghĩ có trở trở, thao thức mấy, cũng khó trở thành một nhiễu loạn, một phản kháng chống lại sự cuồng dại, buông xuôi của đám đông với sức ì, đà tuột của xã hội! Đó chỉ là ý nghĩ từ suy tư của cá nhân.

Cô Bân có cảm giác không rõ ràng về điều đó, không diễn được ra lời.

6

Mười hai giờ khuya.

Giờ này ở Thủ Dầu Một, cô Bân chìm vào giấc ngủ rồi, như thường lệ. Nhưng ở quê chồng, ngôi làng ven sông Bến Hải, đêm nay cô Bân khó ngủ còn vì một lẽ, ngoài những lí do khác, đó là những xúc động, những ý nghĩ trong cuộc chuyện vãn với cô Hà hồi chiều.

Cô Bân cũng tự biết, không phải mọi điều người ta nói ra, trong thâm tâm họ cho là đúng hết. Vì tự ái, cô Bân vẫn khẳng khái cố chấp một số điều mà cô đã hoài nghi và thậm chí đã chắc chắn sai mười mười.

Thời tuổi nhỏ, những năm mới lớn, cô Bân thi thoảng còn nghe ông cố nội, ông nội và cả một số bà con ruột thịt kể lại về hiệp ước Vercy-xay (Versailles) giữa Nguyễn Ánh với Pháp hoàng. Trong việc đó, vai trò thực dân của cha cả Bá Đa Lộc (Pigneau de Béhaine) là quá rõ. Đâu chỉ Bá Đa Lộc, về sau, rõ nhất là trong các vụ phản loạn lật đổ triều đình, còn có cả cố đạo Du (Marchand), cố đạo Trường (Legand de la Liraye), cố đạo Xuyên, cố đạo Hắc Nho (đều là người Tây, người Pháp)! Cô Bân nghe kể, các “ngài” ấy đã kích động giáo dân Nam, Bắc chống phá triều Nguyễn thế nào, hứa hẹn thế nào về một nước Đại Nam “được” “bảo hộ”, Đạo Chúa trở thành quốc giáo! Và chẳng hiểu sao ông cố nội, ông nội cùng những bà con ruột thịt của cô Bân không thể quên được chuyện Hà Nội và mấy tỉnh lân cận thời Ngạc Nhi (François Garnier), thời Lí Ba Lợi (Henry Rivière) xâm chiếm, Nguyễn Tri Phương, Hoàng Diệu tử tiết, và nổi bật lên gương mặt Nguyễn Văn Tường - người mà giáo dân căm thù tột đỉnh, lần thứ nhất (1873-1874), mưu tính bắt cóc ông ta, rồi lần thứ hai về sau (1881-1885), quyết tâm hạ bệ, đánh đổ ông ta! Phu Chi Nhi (Puginier), giám mục Pháp, tên thực dân này lại trở thành ân nhân của giáo dân Hà Nội, Hưng Yên...!!! Cô Bân hiểu thực chất của vấn đề qua lời kể ngọt ngào, đầy luyến tiếc “công đức” thực chất là tội ác phản quốc, xen lẫn cảm tưởng ngậm ngùi của đức tin nô lệ ở những con người đã được tập luyện vừa đi, vừa đọc kinh, và quỳ đầu gối sùng bái trên “chặng đường thánh giá”, “chặng đường của Chúa Giê-su tử đạo”. Từ đó, thấm dần vào cô “thú đau thương”, “hạnh phúc được tử nhục vì Thiên Chúa”, “ước vọng và tinh thần sẵn sàng chết vì Thiên Chúa” để về với Nước Chúa vĩnh hằng, còn sá gì Tổ quốc ở cõi tạm trần gian này! Cô Bân còn mơ hồ nhận thức ra sự thật: Vì tôn thờ Chúa Giê-su tử đạo, nên không có tôn giáo nào có số lượng tín đồ tử đạo lớn như Thiên Chúa giáo. Thế thì trách gì thảm họa “sát tử” của triều Nguyễn! Cô Bân đã bao

lần giật mình, thức tỉnh như thế, cũng đã bao lần lại đắm chìm, mê muội trong đời sống hằng ngày với cảm thức tìn đồ như thế.

Cô Bân làm sao quên được hôm thiếu úy Nông, chồng cô, mời vị linh mục người Quảng Bình, trước kia là cha đạo ở Quảng Trị, từng làm lễ rửa tội cho anh, nay đã trả lại áo chùng đen tu sĩ để về lại đời sống người thường, đến nhà vợ chồng cô ăn một bữa cơm tối. Năm ấy, một ngàn chín trăm bảy mốt, linh mục đã gần năm mươi tuổi, chẳng hiểu vì sao ông lại về với đời sống trần phàm. Ông đã làm lại cuộc đời một cách trung thực, với rất nhiều dũng cảm. Ông lập gia đình riêng và dạy học. Lần này gặp Nông, ông đã bớt xúc động.

Trong bữa cơm, hai người nhắc lại những năm tháng ở trường Thánh Tâm và thị xã Quảng Trị, với những kỉ niệm của họ. Ông nói, khi bữa cơm đã đến lúc dùng món tráng miệng:

- Nhớ năm ngoái, khi gặp lại cậu ở Sài Gòn, sau mấy năm từ độ chia tay ở Quảng Trị, mình có ý mong cậu đọc lại Kinh Thánh, với con mắt khoa học. Nói cách khác, chúng ta cần lấy khoa học rọi vào tôn giáo. Từ nhiều thế kỉ trước, các nhà tư tưởng, các nhà khoa học tự nhiên và xã hội đã làm điều này. Những vấn nạn đã được đặt ra và người ta đã từ lâu phủ nhận Thượng đế (II.15). ... Tại sao Chúa tạo ra con người như một sản phẩm sai lầm? Tại sao Chúa phạt con người bằng lụt hồng thủy, cứu gia đình Nô-ê rồi "phạt" bằng tội loạn luân như một tất yếu? Chắc cậu còn nhớ chuyện cha con ông Lót sau khi thành Sô-đôm bị Chúa thiêu hủy? Môn siêu hình học trong trường phổ thông đã gián tiếp trả lời qua việc trình bày có hệ thống các quan niệm hữu thần và vô thần, duy tâm và duy vật. Riêng về Tân ước, ngay Tin Lành giáo cũng phủ nhận Đức Mẹ đồng trinh. Trên cơ sở văn bản Kinh Thánh, có người còn nghĩ Giê-su chỉ là đứa con rơi... Và tại sao Chúa Giê-su cứu thế bằng cách rao

truyền thuyết mặt thể như một báo động cấp bách, và thỏa hiệp, hay ít ra không hề chống lại chủ nghĩa đế quốc, bây giờ là La Mã, mà chịu chết bởi quan cai trị La Mã một cách hèn yếu, cam đành đến vậy? Chính Giê-su đã góp phần đưa đến thảm họa mất nước hai ngàn năm của dân tộc Do Thái chẳng? Nhiều vấn nạn nữa, trong đó có lịch sử giáo hội Việt Nam, một giáo hội vốn là sản phẩm của chủ nghĩa thực dân, một giáo hội đã đẩy dân tộc mình vào chỗ mất nước. Kinh Thánh có phải là vũ khí tâm lí chiến, tư tưởng chiến để đế quốc La Mã xâm lược thời xưa? Nay các nước Phương Tây cũng dùng nó với mục đích ấy? - Ông ngừng lại, nhấp ngụm trà, hơi bối rối, nói tiếp -. Thử nghĩ, nhưng không nghi ngờ gì nữa, rõ là những tiếng chửi thề “đ.m.”, “fuck you”, đều xuất hiện từ thời nguyên thủy! Trong những huyền thoại của Cựu ước, có cái lỗi hiện thực, phản ánh thực tế lịch sử các nhân chủng và nhân tộc. Cậu đã đọc chủ nghĩa Mác - Lê. Mác đã lật ngược vấn đề rất hay, phải không? Tóm lại, tôi không tin có một Thượng đế kém thông minh, độc ác đến vậy. Đạo Phật vô hình trung cũng đã phủ nhận Thượng đế khi Phật phát hiện chúng sanh ăn thịt nhau để sống, kể cả cỏ cây có sự sống. Nếu bảo quả đất này là địa ngục, rõ địa ngục này được lập ra bởi một Thượng đế quá độc ác. Thế giới này do quỷ Sa-tăng cai quản, đúng hơn. Sa-tăng sáng tạo ra quả đất này. Và Thiên Chúa, nếu có thực, vẫn bất lực trước quỷ dữ Sa-tăng? Đây cũng là một lí lẽ để thấy Thiên Chúa không có chẳng? Mác-xít đã đúng, duy vật, tiến hóa luận, vô thần luận đã đúng chẳng? Tất cả mọi nguyên lí cơ bản của chủ nghĩa Mác đã có trước Mác. Mác chỉ kế thừa, phát triển thêm, Mác vẫn là nhà khoa học, nhà cách mạng lớn. Ga-li-lê, Cô-péc-níc, Căm-pa-nen-la, Xanh Xi-mông, Hê-ghen... là những tiền bối của Mác.

Nông chẳng nói gì, anh lặng nghe ông linh mục trung thực, dững cảm ấy. Đúng là những tín điều đã bị lật lại từ

bao thế kỉ... Đúng là những vấn đề lịch sử đã được xới lật, nhìn nhận lại, ở những năm gần đây, ở một vài người...

- Về chuyện cũ ở thị xã Quảng Trị, điều mà cậu bạn khoăn, đó là vụ cậu đã vô ơn với thầy giáo tiểu học, tố cáo Học với mật vụ: Thật ra, sau khi cậu vào lính, tôi được bạn mật vụ cho hay, lúc chúng say rượu, rằng cậu đã trúng kế li gián của bọn chúng. Bọn chúng muốn tranh thủ cậu, nhưng cậu lừng khừng, nên đã tung tin Học sắp ám sát cậu, để cậu phải tự vệ. Bọn mật vụ tạo điều kiện thuận lợi để cậu nhờ chúng bảo vệ và tố cáo Học. Chúng buộc cậu vào thế phải hạ thủ trước. Thế là cậu phải chống cộng để tồn tại. - Ông ngậm ngùi -. Cuộc đời buồn, chính trị bẩn, là thế đấy!

Nông sững người khi nghe ông nói. Nông rợn ốc trên hai cánh tay, rợn cả vòm ngực. Sự thật quá kinh rợn. Mật vụ nắm biết Học còn rõ hơn Nông!

Đêm ấy, Nông nghiệm lại lời ông cựu linh mục từng là ân nhân. Vấn đề quy luật tự nhiên, sinh vật ăn thịt nhau, cả sự thể bầy người nguyên thủy quần hôn, tạp hôn thuở xa xưa, từ trước và từ thời gia đình Nô-ê... như một tất yếu lịch sử chả có gì phải bàn. Chỉ riêng chuyện tố cáo Học làm anh bao năm không nguôi ân hận, đau lòng, hóa ra là vậy. Vừa nhẹ nhõm vừa khắc khoải, anh nghe ngực tràn một niềm đau cay đắng, nghẹn ngào. Và Nông cứ đau đáu nghĩ ngợi về vấn đề cốt tủy nhất: lòng yêu nước, đã trở thành lẽ sống, thành triết học của người Việt, làm sao có thể dung hợp được với ý thức tự nguyện chịu chết trên cây thập giá của đế quốc với ảo tưởng về một Nước Chúa trên trời nào đó? Nông thấy mình bị lừa đến thê thảm. Anh đã ngu dốt đến thế sao! Rồi sẽ còn bị lừa gì nữa? Nông nghiền ngẫm, lật ngược, lật xuôi mãi cuốn Việt Nam sử lược của Trần Trọng Kim, một cuốn sử được viết dưới thời thực dân.

Trong bữa cơm ấy, cô Bân lắng nghe tất cả. Cô cũng bàng hoàng. Nhưng rồi mọi người vẫn đi nhà thờ nghe giảng Kinh Thánh, rước vào miệng Minh thánh Chúa, biểu

tượng của thịt và máu Chúa Giê-su, như mọi ngày. Nếu không phải là ông linh mục đã rửa tội cho Nông lúc nhỏ, cô Bân đã chẳng chịu nghe lấy nửa lời. Guồng máy của tín điều tôn giáo vẫn chạy theo quán tính với sức ám thị êm ái về sự cam chịu. Người ta vẫn hiểu Kinh Thánh theo cách của người ta xưa nay với giọng giảng thiêng liêng trong nghi thức thiêng liêng của linh mục, mục sư, trong giáo đường, nhà nguyện thiêng liêng. Tĩnh tĩnh, mê mê, lơ mơ trong sinh hoạt tôn giáo đã trở thành một nhu cầu, một tập quán nhiều đời. Ám thị với nhiều hình thức...

Rồi cô Bân cũng đã quên đi lời ông cụ linh mục. Chú Nông cũng vậy. Cái quay vẫn búng sắn trên đời. Vâng, trên đời, chứ không phải trên trời. Con người quay theo nhịp quay của nó, cứ vô thức, hữu thức, rồi lại vô thức. Cô Bân cũng quên mất, chú Nông cũng chẳng nhớ chính lời chú dặn cô và cả Hiền Lương, rằng để chống lại ám thị phải biết cách xói, lật, ngược, xuôi mọi vấn đề! (II.15).

7

Không giờ mười lăm. Không giờ bốn lăm.

Cô Bân dần dần chìm vào giấc ngủ mỗi mệ. Trong chập chờn: gương mặt chú Nông lại hốc hác, chớm những sợi bạc trên mái tóc, khi mới tuổi bốn mươi, từ trại cải tạo ngục quân trở về. Trở về, vào những năm tám mươi, chú Nông thần thờ chiêm nghiệm. Chú toan nổi điên đưa vợ con lên một khu rừng thật hẻo lánh, xa vắng bóng người để ở ẩn. Nhưng đây chỉ là ý nghĩ điên rồ. Biết là điên rồ, chú Nông vẫn nuôi dưỡng ý định ấy mấy năm trời. Có nhiều lần, chú đã vượt biên, khi cả nhà, khi một mình (sẽ bảo lãnh vợ con sau), với ý định xin được định cư ở một nước nào đó chẳng dính líu đến chiến tranh Việt Nam, như Thụy Sĩ, Hi

Lạ gì đó. Một cách tình tảo nhưng cũng rất bức bối, chú Nông bảo với bạn bè cũ, kẻ thù chính là tất cả các nước dính líu đến cuộc chiến vừa qua, từ thời Pháp thực dân đến nay. Trong đó, đặc biệt là đế quốc Tây Ban Nha, phát-xít Nhật, đế quốc Mỹ. Trong đó, gồm cả các nước thực dân, đế quốc như Anh, Bồ Đào Nha, có dính líu ít nhiều! Trong đó, gồm cả Nga Sa hoàng, Liên Xô, Trung Quốc, theo chú Nông, đã dính líu! Cộng hòa Liên bang Xô-viết, đây là đế quốc đồ gồm Nga và mười mấy nước bị sáp nhập; có thể nói, kể cả phong trào xích hóa để trở thành thuộc địa đồ Xô-viết Nghệ - Tĩnh! Chú Nông gần như phát rồ, tự đánh lừa, tự vuốt ve nỗi đau đã trót làm lính ngục, trót theo “thập ác” bằng cách vin níu vào danh từ, vào sự sai lầm về hình thức - biểu trưng có tính quốc tế của phong trào cách mạng vô sản, phong trào vốn xem nhẹ biểu trưng dân tộc.

Thực ra, không phải chú Nông không hiểu rõ: Tội ác xâm lược nước ta và các nước Á - Phi - Mỹ la tinh là từ sự câu kết của Giáo hội Thiên Chúa giáo với thực dân, đế quốc. Sự liên minh ma quỷ ấy tất yếu phải dẫn đến việc tự khai sinh, lớn dậy của phong trào cộng sản trên thế giới - một liên minh đối trọng, một lực lượng chính nghĩa và tiến bộ, theo hệ tư tưởng nhân văn xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa. Không còn con đường nào khác!

Trong chập chờn giấc ngủ, cô Bản thấy gương mặt chú Nông cúi gằm trên sách và báo chí, mang từ chợ trời, từ nhà sách về. Dần dần, chú Nông căm thù luôn cả các nước tư sản đế quốc kinh tế với hình tượng con bạch tuộc nhiều vòi, con đĩa hai vòi - ẩn dụ về các tập đoàn tư bản liên quốc gia đối với các nước nghèo và lao động chính quốc.

Rồi, Đổi mới, chú Nông quyết định không đi Mỹ như tự hứa bao năm trước, mặc dù công an có gọi chú lên lập hồ sơ theo diện H.O. (sự thỏa thuận của Mỹ và Việt Nam), vì đây là cuộc chiến tranh Việt - Mỹ, cũng như trước đây, chiến tranh là chiến tranh Việt - Pháp.

Con người ngăm ngăm đen, cương nghị, gân guốc, lại làm thơ, vẽ tranh. Hiền Lương và chú Nông tâm đắc với nhau dù tranh luận với nhau cũng nhiều về văn học nghệ thuật, cả về triết học, văn hóa, đặc biệt là về lịch sử. Văn chương, triết học... thời Đổi mới đã sâu rộng hơn, dân chủ hơn... và cũng không ít sai lệch, xuyên tạc nghiêm trọng, bên cạnh sự nhìn lại, đánh giá lại để đạt tới sự chính xác, chân thật hơn... Một trong những cuốn sách về sử học cả chú Nông lẫn Hiền Lương đều tâm đắc, rất tâm đắc, đó là cuốn “Nước Đại Nam đối diện với Pháp và Trung Hoa” của giáo sư tiến sĩ người Nhật T-su-boi (Yoshiharu Tsuboi), mặc dù vẫn còn khía cạnh này nọ, ở một đôi chỗ, do quan điểm tư sản, bảo hoàng chi phối, như phê phán chỗ dựa giai cấp của triều đình là nông dân nghèo, không thấy được thuế ruộng Bắc kì là ưu đãi cho thành phần đông đảo và cơ bản đó; vụ Dục Đức bị truất phế vì không đủ tư cách đạo đức để làm vua, vì sự lên ngôi của Dục Đức chỉ gây khó khăn cho nhóm chủ chiến (Dục Đức đã câu kết với “tả đạo”), lại quy kết do tham vọng của phụ chính là muốn giành ngai vàng cho Kiến Phúc; và đánh giá sai lạc về hệ thống sơn phòng, lực lượng hương binh...

Nhưng cô Bân vốn chẳng có đủ học vấn, lại thiếu thì giờ để đọc, để suy luận, cô buông mình theo đà quay của suy nghĩ cũ vốn đã hằn trên não trạng. Cô Bân biết mình hơi cố chấp, cực đoan, mặc dù chú Nông đã bao lần khuyên cô đừng tự và đừng bị khoét sâu mặc cảm. Trong các thủ đoạn chính trị, có thủ đoạn khoét sâu mặc cảm để li gián, chia rẽ. Phải chăng, người Mỹ, Pháp, Nhật... trở lại Đông Dương, cần tăng sâu độ đau mặc cảm của lính ngụy, người theo các tôn giáo, nhất là giáo dân Thiên Chúa giáo, để tạo nên hậu thuẫn trong cuộc thực dân về kinh tế trong giai đoạn Mở cửa này? Đúng hơn, vừa đánh vừa xoa, để các lực lượng mặc cảm với chế độ mới vừa yếu đi, vừa có thể làm hậu thuẫn về việc làm ăn kinh doanh, một khi chế độ

mới là cộng sản đã bắt tay với Mỹ, Pháp, Nhật và các nước cạu thù? Và Nhà nước hay lực lượng tôn giáo, xã hội nào đó phải cần một đối sách thời Mở cửa, mặc dù chỉ đồn miệng? Chú Nông thấy việc đòi quả thật quá bối rối! Chú Nông ngao ngán thờ dài, khi tâm sự với cô Bân điều đó.

Đêm đã khuya, những ý tưởng vốn không rạch ròi, khúc chiết và rất nhiều sự việc chỉ là những hình ảnh cảm tính rời rạc chưa thành ý tưởng trong đầu óc của cô Bân lúc ban ngày, bây giờ chỉ hiện ra trong khoảng chập chờn giấc ngủ như những ấn tượng, những cảm giác lơ mơ, lơ mơ, chẳng hạn có những mâu thuẫn giữa hai cha con, chú Nông và Hiền Lương, vẫn còn lưu lại trong kí ức cô Bân, nhưng cô cũng không thật thấu hiểu. Cô Bân cảm giác những điều trừu tượng ấy hơn là nắm bắt, thấu hiểu một cách chính xác chúng.

Đến bảy giờ sáng, cô Bân mới thức dậy. Cô đã thiếp ngủ trong trần trở, mệt mỏi, và tỉnh dậy trong rã rời, ê ẩm. Khi mở mắt ra, theo quán tính, cô Bân ngỡ đang còn ở nhà tại Thủ Dầu Một, và ý nghĩ đầu tiên là về sạp vải ở lầu một của chợ.

8

Ăn sáng một cách uể oải, ngồi nghỉ, đi quanh trong vườn một mình cho thanh thần trở lại, cô Bân vẫn bồn thần vì giấc ngủ trần trọc, những chuỗi hồi tưởng lơ mơ trước khi ngủ đêm qua. Đúng là hồi tưởng lơ mơ của tiềm thức chập choạng, chập chờn trong không khí nóng hực của gió nam lửa và dịu nồm trở ngọn về khuya. Cô chẳng thấu hiểu, vâng, chẳng thấu hiểu những điều trừu tượng ấy, cô chỉ cảm giác về chúng, những điều ằng khuất, đau đáu, trần trở ở chú Nông, ở ông cạu linh mục và bạn bè chú. Buồn buồn

trong trạng thái rã rượi, cô Bân trở vào nhà. Hiền Lương vẫn mê mải trước khung tranh. Chú Cận dưới nhà ngang đục đục bàu bàu. Bông Bưởi đang đọc sách. Thím Cận mỉm cười với cô Bân trong khi tay vẫn thoăn thoắt thái cây chuối để nấu cháo cho bày lợn đang ủ ỉn trong chuồng.

Ngồi bên cạnh chuyện trò với thím Cận, cô Bân thấy nhói trong tâm vết thương tội lỗi ngoại tình cũ. Vết thương ấy đeo đẳng trong cô không bao giờ lành lặn.

Chuyện trò mà hồn để đâu đâu.

Thím Cận hơi áy náy. Thím đoán chừng cô Bân đã quen với nếp sống của người thành thị, suốt ngày, năm này sang tháng nọ, chỉ ngồi ở sạp vải đủ màu thơm thơm giữa chợ, khó quen với cảnh vật và nhịp sống nông thôn, cũng có thể mất ngủ vì mùa này Quảng Trị khô khao, hừng hực nóng, kể cả lúc đêm về, mà chính thím, sinh ra, lớn lên, già đi ở đây cũng thấy như cả người.

Ngồi bên cạnh thím Cận, cô Bân thấy con gái út đang quay lưng về phía mình say sưa vẽ tranh. Cô Bân mỉm cười, thầm thừa nhận Hiền Lương có mái tóc dài và cái lưng, đôi vai, đôi tay, cả dáng ngồi quá duyên dáng, xinh đẹp. Đúng là Hiền Lương đẹp mọi bề.

Cô Bân chột chạnh lòng khi nghĩ về sự thân thiện giữa con gái út của cô với Hành. Cô quý Hành. Hành cao, gầy, gương mặt trí thức. Nhưng cô Bân thấy Hiền Lương cũng như Hành cần thực tế, tinh táo mà sống.

Tình yêu, hãy xem là cơn gió thoảng.

Nói thế, đúng là vô tâm như đá tảng, nhưng đó là một lời tàn nhẫn có ý nhắc nhở một cách thô bạo.

Cô Bân bỗng mừng là cô đã ra thăm quê chồng, biết được tình cảm của Hiền Lương và Hành lúc còn chưa thấm thía, chỉ mới cảm tình chứ chưa phải tình yêu.

Nhưng, cô Bân nghĩ, mình có một cuộc ngoại tình điên dại, u mê thế, có quyền gì dạy bảo Hiền Lương nhỉ! Một

cảm giác tự khinh ghen ghét, đặng đặng trong cổ làm cô Bân bắt giặc thờ hất.

Cô Bân nhận thấy, mỗi khi khó ngủ, bần thần, rã rượi thể này, tinh thần cô hơi u uất, day dứt. Cô chuyện trò gượng gạo với thím Cận một lúc nữa rồi lên nhà trên, đứng sau lưng Hiền Lương. Hiền Lương mãi mê tra chuốt lại bức tranh vẽ Bông Bưởi. Cô Bân tự nhủ thầm: Mẹ đã rơi vào bùn, sẽ biết cách ngăn con vấy phải bùn chứ!

Bông Bưởi trong đời thực và trong tranh quá chừng chất phác đáng yêu. Đây là một vẻ đẹp thanh khiết, tràn đầy một trời hồn nhiên với những nét bình dị đến bình thường. Đây không phải nét đẹp của gương mặt, dáng hình. Đây là tuổi mười lăm trong sáng với nếp nghĩ của một vùng quê giản dị mà sâu sắc đã in sâu tự bao giờ, chính Bông Bưởi, phải gọi là hình tượng nhân vật Bông Bưởi, cũng không hề hay biết.

Cô Bân lặng lẽ ngắm, thấy tâm hồn dịu lại, tươi tắn lên, và cô Bân cũng chẳng hiểu tại sao.

9

Khi cô Bân quay gót, Hiền Lương mới biết này giờ mẹ đã đứng nhìn cô vẽ tranh. Cô mỉm cười với mẹ, và sực nhận ra mẹ cô không nhìn thấy cái mỉm cười ngô nghê của người mới chột thoát ra khỏi cảm hứng sáng tạo ấy. Hiền Lương lại tiếp tục, hồn đắm đắm vào hình tượng Bông Bưởi, với cây cọ, với bảng màu trên tay.

Cô Bân bước ra cửa phía chái đầu hồi, đứng nhìn ra vườn, tay trái vừa nínu vừa tựa vào cột xi măng sát bậc thềm lên xuống. Cô Bân nhìn cây và lá, cả khoảnh vườn đang xanh ngời lên trong nắng.

Cô Bân thương chú Nông cả tuần nay cô quạnh một mình trong Thủ Dầu Một. Cô đã dự định sửa lại nhà cửa thật kiên cố, nhất là cửa nẻo với các loại khóa bảo đảm, để khi đi xa, chẳng cần ai phải ở lại trông nhà mà vẫn yên tâm. Nhưng dự định ấy xem ra cũng khó thực hiện.

Cô Bân nói ra vườn, bâng quơ. Cô nhớ đến anh chàng cao to, trắng trẻo, điển trai với cái răng khểnh đều cáng, đôi môi ươn ướt đa tình đã khiến cô điên dại, khổ đau. Đạc! Cô Bân thương Hiền Lương, sợ hãi khi nghĩ đến lúc Hiền Lương biết được cha ruột của nó. Hiền Lương sẽ ra sao? Cái anh Đạc ấy, năm nay cũng đã năm mươi hai tuổi vì cô Bân đã năm mươi tròn. Đạc vượt biên, không một lá thư gửi về. Mười tám năm nay, không một chữ liên lạc. Nghe đâu, khi man khai lí lịch, Đạc bỏ hết các chi tiết dở trong ba đời làm ruộng, lại khác cả quê quán, tên tuổi người thân. Đạc đổi đổi thành trắng! Ở Ca-na-đa, Đạc phấn đấu làm giàu, có được số vốn kha khá, lấy một cô vợ Tây. Nay hình như Đạc đang làm ở văn phòng đại diện của một hãng tư nhân Mỹ tại Xin-ga-po. Qua một người bạn ở trường đại học của Đạc trước kia, cô Bân biết thêm, những năm là sinh viên Đạc chẳng học hành gì, bận lo tranh đấu chính trị, và bằng cử nhân có được, cũng như giấy hoãn dịch gia cảnh, là nhờ lo lót, bằng cao học sau bảy năm lại nhờ chiếu cố! Nếu biết được Đạc như thế, chắc Hiền Lương sẽ òa khóc tức tưởi, khóc suốt cuộc đời! Cô Bân cũng thấy không ngờ chính cô lại có một thời u mê đến vậy. Con người, đâu phải ai cũng lỡ lầm, đều cáng như cô đã lỡ lầm, Đạc đã đều cáng. Không phải cô ảo tưởng về con người, nhưng cô tin chắc người tốt bao giờ cũng nhiều hơn kẻ đã ít nhiều vấy bùn vào nhân cách. Cô Bân nhìn những đọt lá lay động trong nắng gió. Cô lại nghĩ, không ảo tưởng về con người, nhưng điều cô tin nhất là khả năng nhận thức được cám dỗ, cạm bẫy lẫn dục vọng trong mỗi con người, và lòng sám hối, ăn năn của kẻ

có tội. Con người đích thực là con người khi biết sám hối, ăn năn với tất cả chiều sâu của thành khẩn, tận đáy lòng.

Cô Bân chẳng hiểu những ý tưởng sâu sắc, chân thành mà cô khó suy tư bằng ngôn ngữ, chỉ bằng tâm cảm kia, đã làm thanh thân phần nào cho những cắn rứt của trái tim cô.

Cô thương Hiền Lương quá. Những mảnh vườn, những thửa ruộng, những xóm nhà và dòng sông Bến Hải này, đâu phải là quê hương đích thực của Hiền Lương. Những gì Hiền Lương được hun đúc, được trao truyền một cách vô thức, hữu thức, về quan niệm sống, cách sống, từ chú Nông và cô Bân, mà đặc biệt, từ chú Nông, có lẽ phần lớn là từ làng quê này đây. Làng quê này, chưa bao giờ Hiền Lương có một thoáng nghi ngờ rằng không phải làng nội của nó. Và cái tên nó mang suốt đời nó, Hiền Lương, cũng đã trở thành máu thịt của tâm hồn nó. Hiền Lương không ngờ chính Hiền Lương đã ngộ nhận về gốc gác bên nội của mình, với ý niệm quê hương cụ thể trong chính tâm thức Hiền Lương. Quê ngoại Hà Nội của mình, Hiền Lương cũng chưa bao giờ có dịp ra thăm. Hiền Lương thực sự không có quê hương cụ thể là một làng quê, một góc phố nào. Hiền Lương là người Việt Nam, thế thôi. Nhưng những gì hình thành nơi Hiền Lương, ngoài ý niệm đã là ngộ nhận, về gốc gác nội tộc, và những gì ảnh hưởng ở cô Bân, ở chú Nông, ở thầy cô, nhà trường, môi trường Bình Dương, chắc chắn còn do chính bản thân Hiền Lương tự thân làm nên. Hiền Lương làm nên chính Hiền Lương từ ngộ nhận, ước lệ xã hội, từ tiếp nhận ảnh hưởng và đề kháng ảnh hưởng, các ảnh hưởng bởi cha mẹ, nhà trường, bạn bè, môi trường sống, một cách vô thức, hữu thức, ngấm ngấm và quyết liệt, theo những chuẩn giá trị của thời nó sống, và những chuẩn ấy cũng vô thức, hữu thức được Hiền Lương tiếp nhận, đề kháng nữa. Mã di truyền của Đạc cũng góp phần làm nên Hiền Lương sao? Biết đâu Hiền Lương giống ông cố, ông bác nào của Hiền Lương ở Củ Chi, họ Võ, mà Hiền Lương

chẳng bao giờ biết. Nhưng chắc chắn không có bản sao về nhận thức, tâm hồn. Điều ấy còn tùy thuộc vào tri thức, cảm thức thể hệ, và môi trường, và vân vân, rất nhiều vân vân nữa. Hiền Lương chịu tác động và đã tác động ngược lại.

Thương Hiền Lương đã yêu một quê nội mà thật ra không phải là quê nội huyết thống của Hiền Lương. Làng quê bên sông Bến Hải này chỉ là một, duy nhất một quê nội, phải gọi đúng tên là quê hương tâm linh, của Hiền Lương, hay quê hương ân nghĩa, của Hiền Lương. Cần khẳng định chững, cái ngộ nhận, vì không hề biết, về bản quán, không hề là ngộ nhận! Bởi văn hoá Bến Hải, tình thương Bến Hải, đã trở thành máu thịt của chính Hiền Lương, cộng với chân lí, tri thức thời đại mà thể hệ Hiền Lương sống, trong sự tiếp nhận, đề kháng ảnh hưởng. Song cái quan trọng là phần Hiền Lương làm nên chính Hiền Lương, phần ấy mới thực giá trị của Hiền Lương... Ô, chẳng hiểu sao cô cứ lẩn quẩn ý tưởng này.

Cô Bản không thể diễn đạt nên những điều mà thật ra cô chỉ cảm. Cô Bản cảm được điều đó, ngay tận cốt lõi của vấn đề, nhưng chưa bao giờ, chẳng bao giờ lí giải thật minh bạch.

Cô Bản nghĩ, phải dặn Hiền Lương đừng bao giờ yêu những người mang họ Hoàng của Nông, Dương của cô và Võ của Đạc. Phải thật tế nhị nói với Hiền Lương điều này. - Cô Bản tự nhủ.

Cô Bản lặng lẽ nhìn ra vườn cây lá, xanh ngắt, lung linh những phiến nắng. Cô Bản bồi hồi. Cô Bản cảm thấy bản thân cô cũng như bao nhiêu người khác, cứ sống trong những điều trực cảm, chẳng bao giờ lí giải một điều gì thật đến đầu đến đũa, cứ mung lung, rối rắm, mơ hồ, vì thế, chắc chắn có những lệch lạc, sai lầm, có những đúng đắn, chính xác không ngờ chững. Không hiểu, và chẳng thể nào lí giải, cô Bản chỉ trôi theo trực cảm. Cô Bản đang đắm vào

dòng trực cảm ấy, trong khi vẫn nhìn ra vườn đang xanh cây lá và chấp chới nắng.

Cô Bân bước vào nhà. Hiền Lương mỉm cười với mẹ, hỏi mẹ có mệt trong người không, sao nét mặt hơi phờ phạc thế kia. Cô Bân cũng nhếch khẽ môi mỉm cười, lắc đầu.

Hình tượng Bông Bưởi, cô bé mười lăm tuổi, trong bức tranh Hiền Lương đang gọt sữa, lại sáng lên một ánh sáng hài hòa với những sắc độ tươi tắn, phả vào tâm hồn cô Bân một cảm giác trong sáng, tinh khiết, bình dị đến thư thả, nhẹ nhõm.

Bỗng dưng cô Bân ứa nước mắt xúc động.

7. CUỐC CHỮ chương VII:

(18) Nguyễn Công Trứ (1778 - 1859), người Hà Tĩnh, quê quán rất gần với quê quán Nguyễn Du (1766 - 1820), chỉ chênh lệch nhau 12 tuổi, nhưng hai ông đối lập nhau hoàn toàn về tính cách, tư tưởng chính trị - xã hội lẫn quan niệm sống và xây dựng sự nghiệp. Nguyễn Công Trứ là con trai Nguyễn Công Tấn, tri phủ dưới thời vua Lê chúa Trịnh. Thân sinh Nguyễn Công Trứ từng dấy binh, nổi dậy chống Tây Sơn - Nguyễn Huệ, nhưng thất bại. Bản thân Nguyễn Công Trứ đã từng dâng Thái bình thập sách (mười sách lược xây dựng nền thái bình thịnh trị) khi vua Minh Mạng tuần du ra Bắc. Năm 1819, ông thi đỗ giải nguyên, ra làm quan, trải qua hai triều Minh Mạng, Thiệu Trị. Suốt đời ông luôn tận tụy với công việc được triều đình nhà Nguyễn giao phó, cho dù có lúc thăng (hữu tham tri Bộ Hình), lúc giáng (cách tuột chức, làm lính thú), và giáng rồi lại thăng. Ông được nhân dân lập đền thờ khi còn sống. Một câu nói rất nổi tiếng của ông: "Lúc làm quan, ta không lấy làm vinh, nên khi làm lính, ta không lấy làm nhục".

Ở đây, chỉ là sở thích cá nhân về thường thức của nhân vật Nông, không liên quan đến chế độ Mỹ - ngụy. Cũng giống như trong thời kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ hào hùng, lại có rất nhiều người thích Truyện Kiều, Chinh phụ ngâm và nhiều tác phẩm có âm điệu đau thương, bi thiết khác. Xin phân biệt sự khác biệt về

sở thích thường thức (thị hiếu thường ngoạn) của mỗi cá nhân với khí hậu thời đại, cảm hứng thời đại trong sáng tác. Tôi không nói đến mảng văn chương thực hiện nhiệm vụ tuyên truyền chính trị mà dưới chế độ phong kiến hầu như rất ít, chủ yếu vì không có phương tiện truyền thông đại chúng như báo chí, phát thanh, truyền hình.

(Xin xem tiếp chú thích II.23).

CHƯƠNG VIII

1

Về thăm “quê nội” của Hiền Lương đã được năm hôm, bây giờ cô Bân đã khỏe người ra, vì đã quen với gió nam, gió nồm và cái nắng mùa hè ở đây. Hôm qua, còn có một trận mưa rào xối xả nên sáng nay thật dễ chịu. Hai hôm nay, cô Bân đã vui vẻ, linh hoạt như trước, cơ chừng như có bão khô, nam nóng cấp mười cô cũng quen được.

Chiều này, mừng một tháng sáu Bính tí (mười lăm tháng bảy, chín sáu), sẽ có một cuộc tiệc trà mừng sinh nhật của Bông Bưởi. Mấy hôm trước, nhân hồi tuổi của cháu gái út, cô Bân nảy ra ý định này, vì ngày sinh của Bông Bưởi đã gần kề, và cũng luôn dịp mời một số người quen biết, bà con đến gặp mặt nhau cho vui.

Mọi người trong nhà hoan nghênh ý định. Thế là Hiền Lương với Bông Bưởi ra trạm xá nhờ điện thoại, gọi vào Đông Hà nhờ bạn chú Cận đặt các loại bánh trái giúp. Sáng nay, chủ tiệm bánh đã chở ra, nhận tiền, kể cả nước ngọt, đá lạnh.

- Từ nhỏ đến chừ, em chưa tổ chức mừng sinh nhật. - Bông Bưởi nói với nụ cười.

Hiền Lương đặt hai tay lên vai Bông Bưởi:

- Người Á Đông mình trọng ngày húy nhật - ngày mất, ngày hoàn tất cuộc đời, tạm gọi vậy... - và ngày Tết Nguyên đán là ngày mừng tuổi, báo hiếu chung cho mọi người. Khỏi cần mừng sinh nhật, mặc dù ai cũng nhớ ngày sinh tháng đẻ, kể cả giờ lọt lòng để dựng vợ gả chồng, các thứ, để xem tử vi nữa. - Hiền Lương cười thành tiếng. - Tuy nhiên, nếu thích, cũng tổ chức mừng sinh nhật cho vui, như các vua

chúa. Chả hiểu Tây thế nào, nhưng mình cứ xem sinh nhật là dịp nhớ ơn, báo hiếu cha mẹ đã cho mình ra đời, cũng là tạ ơn đời. Thật ra, ngoài các ngày kỵ giỗ, còn lại, thể hiện chung trong ngày Tết Nguyên đán là đủ rồi.

Bông Bưởi diện bộ đồ mới hôm trước Hiền Lương mua tặng, cứ bên lên. Ai cũng thấy cô bé lớn hẳn, đẹp hẳn trong vẻ giản dị, kín đáo của bộ áo quần khá thời trang.

Cuộc tiệc cũng đơn giản. Cô Bân cắm mười sáu cây nến hồng trên chiếc đĩa đặt trước chiếc bánh sinh nhật. Trên bốn chiếc bàn là bánh trái, bánh đủ loại và trái đủ loại, có cả thanh long, chôm chôm, sầu riêng đang mùa chín rộ ở Nam bộ, khách buôn chở ra tận Quảng Trị này để bán. Hoa nữa, hoa buôn ra từ Huế và hoa tại Đông Hà. Bốn bình hoa rực rỡ, tươi thắm. Hiền Lương rất thích mấy đĩa trái sim tròn mọng, đen tím, trái thanh yên the giòn, thích nhất là hoa trù trè vàng thơm - năm, sáu cánh như lá tre xòe, mềm vàng, thơm ngọt. Trù trè, cái tên dân dã mà hoa xinh thế, và hương ngát thế.

Hai giờ chiều, khách đã đến. Trong khi chờ đông đủ, những khách mời đến trước đi quanh ngắm tranh của Hiền Lương. Chú Cận bảo nên để chú đóng vài cái khung, nhưng Hiền Lương nói chưa bức nào hoàn chỉnh, còn phải chữa, phải trau thêm. Tranh mới tạm ghim bằng đinh nhỏ để găm giấy, loại đinh có mũ lớn.

Bông Bưởi đã tìm được hai bài thơ viết về cha mẹ. Mở đầu cuộc tiệc trà này, cô bé sẽ đọc diễn cảm. Cô Bân lần Hiền Lương hài lòng lắm.

2

Ăn bánh và trái, uống bia và nước ngọt, cuộc tiệc nhẹ nhàng, rôm rả, sau khi Bông Bưởi đã đọc thơ báo hiếu, đã

được chúc mừng. Mấy bạn thân của Bông Bưởi, lúc này, vừa vào tiệc vừa hát tặng.

Bàn của người lớn hết trao đổi về nắng mưa dưa lía, lại chuyện trò về lớp trẻ bây giờ.

Chú Tập cắn đôi trái sim tròn mọng, uống hết ly bia lạnh canh đá lạnh, rút khăn tay lau bọt trắng quanh mép. Chú Tập nói:

- Lũ trẻ bây giờ sung sướng thật. Dân mình chưa giàu có gì, mới đủ sống; có thể có cháu ở trong hoàn cảnh gia đình ba mẹ còn cực, nhưng nói chung lũ trẻ là sướng, sướng vì không biết chiến tranh là gì.

Ông giáo Hiền chাম thanh bánh quế vào li bia, đưa lên miệng. Ngẫm nghĩ, ông nói:

- Chú Tập nói thật phải. Chỉ lũ già, - Ông giáo cười khi cố ý dùng từ "lũ già" -, chỉ bọn mình lãnh trọn những nỗi đau chiến tranh. Từ phát súng đầu tiên thật sự chống xâm lược Pháp ở Đà Nẵng đến phát cuối cùng chống diệt chủng ở Cam-pu-chia, thế là gần một trăm ba chục năm.

- Nhưng khốc liệt và toàn diện nhất là chống Pháp, chống Mỹ. Người lớn tuổi đau đã đành, lớp trung niên ngó rứa nhưng vẫn còn rất ngấm nỗi đau. Lớp trẻ như Bông Bưởi vẫn còn chịu hậu quả của cuộc chiến tranh. Phải vài ba thế hệ nữa, khoảng một trăm năm nữa di chứng của nỗi đau chiến tranh mới hết, mới nguôi. - Hành nói, thoáng dừng mắt lại ở ông Nộp rồi nhìn Hiền Lương.

Hiền Lương gật đầu, nhìn xuống.

Hành tiếp:

- Nỗi đau! Ta đã dịch cuốn Chiến tranh của anh em đỏ,... - Hành bỗng ngừng lại và im lặng -, nguyên văn là Ré-đ b-ro-dơ-hú-đ ét ư (Red brotherhood at war) của hai tác giả nước ngoài (III.II.3) (*).

- Hiền Lương ra đây thăm quê nội, và vẽ tranh về vết thương chiến tranh khá nhiều. Trước đây, văn nghệ nói chung chỉ khẳng định cái được, bây giờ cởi mở hơn, cũng

rất cần thiết vẽ, viết về cái mát. - Chú Tập uống cạn thêm li bia nữa sau câu nói.

- Bên này, bên kia, cả hai bên bốn bề, nói, hay là viết và vẽ, cần phải thật công bằng, đúng như sự thật lịch sử. - Sư Tâm Tự chỉ ăn trái cây, uống nước ngọt, bồng chêm vào, giọng thật khẽ, chậm rãi, có khi ngỡ như bỏ lửng câu nói.

Hành tiếp lời:

- Có nhiều cái nhìn từ nhiều chỗ đứng, nhiều góc độ, về cuộc chiến tranh ấy, kể cả chiến tranh chống bành trướng, chống diệt chủng. Mác Na-ma-ra, người lập hàng rào điện tử, biến làng mình cùng nhiều làng khác thành vành đai trắng, mới qua hội thảo cùng tướng Võ Nguyên Giáp đấy. Đây là cuộc đụng đầu lịch sử giữa hai khối thật, nhưng chính Việt Nam đụng đầu với Pháp, với Nhật và với Mỹ. Chỉ Việt Nam thôi, chỉ Việt Nam đứng mũi chịu sào, đầu sóng ngọn gió. Các nước Liên Xô, Đông Âu, Trung Quốc chỉ hậu thuẫn, còn Pháp và Mỹ trực tiếp đọ súng với Việt Nam, trực tiếp đàm phán, hội thảo với Việt Nam. Phải nói rõ sự thật lịch sử này!

Cô Bân hỏi bằng một câu khẳng định với giọng cảm thán:

- Vậy thì nguy quân, nguy quyền Miền Nam quá thê thảm trong vai trò của họ? Họ không được coi thuộc về dân tộc Việt Nam nữa?

Ông Nộp giật mình, im lặng. Chú Tập tránh trả lời thẳng:

- Rất đau đớn, rất bi kịch! - Chú Tập tiếp - ... kể cả người lính Pháp và lính Mỹ bị xua qua đây. Họ bị "lùa" qua đây!

Hiền Lương chợt nhớ chú Nông có kể về người lính Mỹ. Có một lần chú Nông đọc thấy dòng chữ bằng bút bi trên nón sắt một hạ sĩ Mỹ: "Xin Thượng đế nhẹ tay. Đồ dễ vỡ". Đó là câu dặn, in ở hộp đựng đồ thủy tinh, nhưng thêm vào hai chữ: Thượng đế, và lại viết trên mũ sắt che đầu, đỡ

mảnh pháo mũi đạn, vừa đầy chất hài hước của người Anh, vừa thâm thía chất bi kịch! Có một lần khác, chú Nông đọc thấy dòng chữ tiếng Anh khắc xăm trên cánh tay người lính Mỹ: “Tôi đã và đang tiêu phí cuộc đời tôi ở địa ngục trần gian (hell - world), cho nên, tôi sẽ lên thiên đàng nếu một hôm nào tôi chết”. Trái đất, như chú Nông nói, được Sa-tăng quý dữ sáng tạo theo quy luật của Sa-tăng (cũng lời vị cựu linh mục bỏ đạo), và chiến tranh là cái tạo thêm tính chất khủng khiếp của địa-ngục-trái-đất. Có thể người lính Mỹ ấy chưa hiểu sâu đến vậy, chỉ trực cảm rồi viết một cách tu từ thôi. Nhưng tính chất bi kịch của người lính Mỹ là có thật. Chiến tranh, họ chẳng hiểu vì sao như vậy. Cái chẳng-hiểu-vì-sao của người lính Mỹ quá bi đát. Đừng để chiến tranh trở thành Định mệnh, theo quy luật sinh vật của quỷ dữ. - Hiền Lương nghĩ.

Cô Bân lại hỏi bằng câu khẳng định buồn đau:

- Chủ nghĩa xã hội có thừa nhận sai lầm trong thực hiện, sai lầm lớn, ngay trong thời kháng chiến. Vậy nguy là nguy, vì những sai lầm của cách mạng? Những người yêu nước khác chính kiến bị đẩy về phía đối phương?

Hiền Lương biết câu này là của ba cô nói, mẹ của cô chỉ nhớ lại, đặt thành câu hỏi.

Chú Tập nhìn cô Bân:

- Đúng. Sai lầm, máy móc, “tả” khuynh, giáo điều chủ nghĩa. Và “trói”. “Trói”, tôi nhấn mạnh. Và phải sửa sai, phải “cởi trói”. Và nhiều sai lầm nữa. Nhưng, có cái thuộc về biện pháp thời chiến: cả Miền Bắc ở trong kỉ luật quân đội. Quán tính còn kéo dài đến những năm tám mươi. Có người còn độc miệng bảo là “chủ nghĩa xã hội kiểu trại lính”.

Cô Bân lại hỏi, mặc dù câu trả lời của chú Tập hơi khó hiểu:

- Sao Liên Xô, Đông Âu tan rã, không ít trí thức bên đó lại lên án chủ nghĩa xã hội? Trung Quốc chấp nhận kinh tế thị trường là vì sao?

Ông giáo Hiền không nói gì. Chú Tập không nói gì.
Hành nói:

- Nhờ có chủ nghĩa xã hội với cách tổ chức của nó, cả nước và Miền Bắc mới thắng Pháp, thắng Mỹ. Mặc dù chủ nghĩa xã hội sụp đổ ở các nước, hay đã cải cách, đổi mới, thì định hướng, nguyên lí xã hội chủ nghĩa vẫn đúng. Đó là ước vọng của nhân loại, của Đạo Phật..., kể cả Giáo phái Cơ Đốc xã hội chủ nghĩa. Xanh Xi-mông (Saint - Simon) là nhà xã hội chủ nghĩa hình như được Thiên Chúa giáo phong thánh thì phải (I.132). Xanh Xi-mông là tiền bối của Mác! Nói chung, ước vọng ấy có tự ngàn đời, nhưng chưa thực hiện được. Chưa, chứ không phải không.

Hành muốn nói đến phương thức sản xuất xã hội chủ nghĩa, phương thức ấy yêu cầu một trình-độ-làm-người cao hơn, quá cao nên rất khó thực hiện, như đã nói với Hiền Lương, nhưng lại kịp ngưng lại.

Hiền Lương nghĩ đến vết thương ông giáo Hiền, ông Nộp, sư Tâm Tự, cả vết thương của chú Nông và của mẹ cô,- gạt ra những bi kịch cá nhân, cô biết cũng như chưa biết. Những vết thương bởi bi kịch cá nhân muôn đời vẫn còn, vẫn có, dẫu biết những bi kịch cá nhân đôi khi do nguyên nhân thời đại, nguyên nhân chính trị, nhưng chỉ có một vài trường hợp như thế. Cái chính là bi kịch chung của lịch sử trong từng thân phận cụ thể.

Hiền Lương còn nghĩ, những nguyên-lí-xã-hội-chủ-nghĩa-theo-Mác là những giá trị đạo đức. Nguyên lí kinh tế gắn liền, đồng nhất với nguyên lí đạo đức, chắc thiên đàng trên mặt đất là có thật. Đến bao giờ? Phải cải thiện quả đất địa ngục thành quả đất thiên đàng chứ! Công hữu triệt để, thật chí công vô tư theo Mác, quả là phẩm chất quá cao. Dẫu Hiền Lương biết công hữu là công hữu tư liệu sản xuất, cụ thể là ruộng đất, nhà máy, công ti, xí nghiệp. Chủ nghĩa xã hội không phải không chấp nhận và không bảo hộ quyền tư hữu tư liệu tiêu dùng như nhà cửa, xe cộ. Đây là bài học

sơ đẳng, nhập môn. Chẳng bao giờ loài người quay trở lại thời cộng sản nguyên thủy, “cộng vợ, cộng chồng”, như thời Diệm - Nhu đã bôi nhọ Việt Minh, Việt Cộng. Cộng sản phải là cộng sản văn minh, cộng sản ở một cấp độ văn minh nhất, theo đường xoáy tròn ốc - tiến trình tiến hóa của nhân loại. Đấy cũng là bài học sơ đẳng, nhập môn. Nhưng bây giờ con người đã đạt đến chưa cái trình-độ-làm-người làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa, cộng sản chủ nghĩa ấy? Để tiến lên chủ nghĩa xã hội cũng cần phải có thời kì quá độ dài.

Buổi tiệc trà mừng sinh nhật của Bông Bưởi bỗng chuyển qua vấn đề “vết thương chiến tranh, kháng chiến và cách mạng”! Đúng là chẳng lính chính trị, nhưng chính trị ở khắp mọi nơi, mọi lúc, mọi biểu hiện của đời sống. Đúng như nhận định của chú Tập, về Bông Bưởi, về lớp trẻ bây giờ trong thời hòa bình rằng, họ hạnh phúc, nhưng niềm tự hào chiến thắng Pháp, Nhật, Mỹ, Tàu, Khe-me Đỏ gắn liền với nỗi đau, mà nỗi đau chia cắt Tổ quốc là niềm đau lớn nhất. Tại sao chia cắt? Tại sao phải thống nhất bất cứ giá nào? Câu trả lời đã quá rõ. Vấn đề còn lại là “vết thương chiến tranh”. Hiền Lương thấy mình chưa bước qua bên kia cầu, Vĩnh Linh với địa đạo Vĩnh Mốc, một Đất thép của Tuyên lửa, vĩ tuyến mười bảy. Nhưng với một nửa nỗi đau, cô đã không chịu nổi!

Ôi, những người lính ngự và con cháu họ! Và chẳng biết thế nào, cả những người lính Pháp thực dân, lính thuộc địa châu Phi của Pháp, cả những người lính Mỹ xâm lược nữa? Mặc dù trong những tên lính ngoại quốc lê dương ấy, có những kẻ cực kì nham hiểm, tàn ác, tự bản chất, nhưng chính chiến tranh thực dân, xâm lược làm chúng nham hiểm, tàn ác hơn. Chiến tranh, vì đâu? Họ có quyền hỏi những lãnh tụ đã ghi tên vào lịch sử với tư cách tổng thống, bộ trưởng quốc phòng chẳng?

Bông Bưởi, em nghĩ gì về ngày sinh của em, số phận của em không?

Hiền Lương ngồi lặng người với những suy tưởng miên man, như một người chịu khó lắng nghe bên bàn tiệc trà. Đôi lần, Hiền Lương đi xuống nhà ngang, để bụng lên, tiếp thêm bánh trái và thức uống.

Đã bốn giờ chiều, nắng ngoài sân còn vàng rực. Chiều rồi.

Sự Tâm Tự hẹn mọi người một buổi nào đó, trong tuần tới, cùng gặp nhau ở chùa đằm đạo cho vui. Cô Bân và Hiền Lương đã dự định cũng trong tuần tới sẽ về Bình Dương, thành phố Hồ Chí Minh. Trong ấy, suốt tuần nay chú Nông cô quạnh một mình hay mãi đàn đúm với bạn bè, trở lại thói say xỉn? Cô Bân chợt nhớ ở làng nội Hiền Lương, bên sông Bến Hải này không có nhà thờ, mà ngày mai chủ nhật cô Bân còn phải đi lễ mi-sa. Cô Bân biết Hiền Lương, tuy phải bỏ dự lễ, nhưng con bé này chắc chẳng một chút băn khoăn!

Lúc này, Hiền Lương đang tiễn khách bạn của Bông Bưởi ra ngõ.

Khi bước vào, Hiền Lương nhớ lại quy luật biện chứng, muốn có trình-độ-làm-người xã hội chủ nghĩa phải có cơ sở hạ tầng xã hội chủ nghĩa, và ngược lại, không có cơ sở hạ tầng ấy sẽ chẳng bao giờ có trình-độ-làm-người ấy.

Rồi Hiền Lương cũng nghĩ, tại sao phải cần bánh sinh nhật, những ngọn nến hồng? Chỉ mười sáu bông bưởi thơm ngát cho mười sáu tuổi của Bông Bưởi được không? Hay cúc? Huệ? Cẩm chướng? Mỗi tuổi một đóa hoa thơm ngát. Hoa nào chẳng là hoa, miễn thơm và đẹp!

Hiền Lương cảm thấy mình đôi khi thật đa đoan, lắm cảm, với những liên tưởng bất ngờ, với một lô gích đứt quãng nhưng cô không thể cấm mình cứ nghĩ ngợi mọi điều với ý nghĩa ẩn chứa trong chúng. Cô không thể vô thức với cuộc sống, với dòng sống, mà cô là một sinh vật được giáo

dục và biết tự giáo dục, là con người, là một hạt nước nhỏ bé biết suy tư.

3

Năm giờ sáng, như mọi ngày, Hiền Lương cùng Bông Bưởi đi bộ ra bờ sông hơn một cây số đường làng, ghé vào nhà bạn gái của Bông Bưởi, rủ cô bạn ấy cùng tập thể dục, tắm sông. Hiền Lương cũng đã mua tặng cô bạn nhỏ một bộ đồ bơi thể thao, tay và ống quần dài, ôm sát người, màu xanh đậm thuần sắc bằng thun. Trời hửng hửng sáng, ba cô gái ba màu bơi lội. Trên bờ sông Bến Hải, tre pheo lung lay trong gió sớm với những tia nắng mai non, chim chóc chuyền cành chiêm chiếp, luyến láy.

Tắm xong, cô vào nhà bạn nhỏ tắm lại bằng xà bông với nước giếng. Trong bộ đồ bộ thường ngày, Hiền Lương mặc cho hai cô bé ríu rít với nhau về chuyện sách vở trường lớp, một mình ra ngồi trên thành xi măng bên sông, nhìn nắng sớm xuyên qua hàng tre lấp lóa trên mặt nước. Mặt trời phía Cửa Tùng rực rỡ đỏ. Nắng mai non rọi tia ấm vào cô, Hiền Lương lâng lâng trong cảm giác tươi sạch, sáng khoái.

Những ý tưởng từ bữa tiệc trà bánh trái hôm qua vẫn còn vương vấn trong cô. Nuôi khát vọng sáng tạo nghệ thuật, Hiền Lương làm sao có thể thờ ơ những gì còn đau đáu trong tâm hồn người cùng thời, tuổi cha ông, tuổi em, tuổi cháu, nhất là lứa tuổi đã trải nghiệm những cuộc chiến nối tiếp nhau. Thật ra, với hai mươi hai năm sống của Hiền Lương, mười lăm năm làm người, được làm người, của Bông Bưởi, của cô bạn nhỏ, và với thi tương lai, chắc chắn rồi sẽ của cả các cháu chưa được sinh ra, tất cả những lứa tuổi được sinh ra sau Ngày Thống nhất ấy, nào ai đã trải

nghiệm chiến tranh trên Tổ quốc này, mà xuyên suốt những cuộc chiến ngót một-trăm-ba-mươi-năm ấy là khát vọng độc lập, tự do cho dân tộc, cũng là cuộc đụng đầu lịch sử Đông và Tây, cuộc chiến tranh giai cấp, hệ tư tưởng... Trừ cư dân ở các vùng biên giới, tất cả những ai cùng tuổi với Hiền Lương, Bông Bưởi chỉ ngắm đầu âm hưởng chiến tranh. Âm hưởng chiến tranh biên giới, chống diệt chủng dội về hậu phương, cộng với âm hưởng hậu chiến của một trăm mười bảy năm chống thực dân, đế quốc. Có khi âm hưởng ấy còn nặng nề đến cả trăm năm sau. Đói nghèo, lạc hậu (tụt hậu), bệnh tật, góa bụa, mồ côi, còn nhiều nỗi đau về danh dự, nhân phẩm. Có lẽ, không, chắc chắn, những Hành, những Hiền Lương, những Bông Bưởi đã phải trải nghiệm gánh nặng nỗi đau và niềm tự hào trên hai quang giống trĩu đôi vai của mỗi người.

Hiền Lương đang trải nghiệm niềm tự hào và nỗi đau ấy. Cô cảm nhận nỗi niềm oái oăm, trái khoáy, thậm chí giằng xé, phủ định lẫn nhau giữa tủi đau và tự hào. Cô tự hào dân tộc Việt Nam trong vai trò, trách nhiệm lịch sử, đã bừng sáng trong ý thức chiến đấu cho độc lập, tự do của dân tộc trong suốt bốn nghìn năm nay, đặc biệt là từ một-trăm-ba-mươi-năm ấy. Cô tủi đau cho chính mình trước vết thương chia cắt Đất nước.

Và chiến tranh là chiến tranh giữa những con người, cùng một Tổ quốc, cùng một dân tộc, khác Tổ quốc, khác màu da. Cô tự hỏi cô đã hiểu gì về con người. Ba của cô đã từng ngần ngại khi hiểu cô đã chọn cho chính cô con đường hội họa. Con đường nghệ thuật đòi hỏi bản thân người nghệ sĩ phải sống-với, trải nghiệm bằng chính bản thân, cả con người của bản thân với cuộc sống, với con người cùng thời, thậm chí phải nhập thân vào mọi thuở đời. Phải như thế, để hiểu đời, hiểu con người. Phải như thế, để cuộc sống trở thành máu thịt của tâm hồn, của tư tưởng, cảm xúc - tư duy sáng tạo nghệ thuật. Phải như thế, để trở thành nghệ sĩ

đích thực, không phải là thợ viết, thợ sao chép quá đổi cơ giới cuộc sống một cách vô cảm bằng những xác chữ vô hồn, vô tâm và vô tình. Nhưng cô đã hiểu gì về tình yêu, trong đó có yêu đương. Cô đã hiểu gì về thù hận, trong đó có hận tình đôi lữa. Cô đã hiểu gì những mưu mô độc ác. Cô đã hiểu gì về khát vọng nhân phẩm. Cô đã hiểu gì về dục vọng. Cô đã hiểu gì về cái đói, cái túng thiếu của người bệnh nằm chờ chết bên cạnh người bệnh khác thừa mứa thuốc thang. Cô đã hiểu gì về nỗi đau màu da chủng tộc, cái vênh vang cũng về màu da chủng tộc. Cô đã hiểu gì về số phận, về sự lừa dối, mê tín. Cô đã hiểu gì... Quả thật, hai mươi hai tuổi trong trắng như tờ giấy, được sự đùm bọc, yêu thương của cha mẹ, cô nào có chút kinh nghiệm đời nào đâu! Những trải nghiệm của cô bé nhỏ quá, vụn vặt quá.

Ba của cô bảo cô có tư chất của nghệ sĩ với trực giác nhạy và sâu, có óc tư duy phân tích, tổng hợp, nhưng đó chỉ là tố bẩm đã và chỉ được rèn luyện qua sách vở. Đọc sách, xem phim, ngắm tranh, xem ảnh, cô chỉ mới tiếp thu được vốn sống, chất liệu sống gián tiếp.

Chính vốn liếng chất sống từ sách vở, từ sự cảm nghiệm niềm tự hào trái khoáy với nỗi tủi thân của chính cô, hơn một tháng rồi về với quê nội bên dòng sông Bến Hải này, vốn liếng ấy đã giúp cô cảm nhận sâu hơn những vết nhục hay huân chương trong tim của ông Nộp, ông giáo Hiền, sư Tâm Tự, Hành, Bông Bưởi, và của chú bác, của bao người nữa ở ngôi làng nhỏ bé này. Hiền Lương đã xới lật biết bao điều ngớ đã cố định. Cái nhìn của cô liệu có đúng?

Hiền Lương xấu hổ khi được mang tên chiếc cầu nối liền hai miền Nam - Bắc. Cô đã hiểu gì bờ bên kia, nơi có địa đạo Vĩnh Mốc, một Đất thép của Tuyên lữ!

Cô sực nhớ đến một Lũy Thầy, một sông Gianh, cũng trên đất Khu Bốn cũ. Đào Duy Từ, người được tôn vinh là

Thầy, vốn là đứa con của phường hát, thời mà con hát được xem là vô loài vô loại. Con hát, ấy là nghệ sĩ, một thuở từng bị xem không là loài nào cả. Mỗi loài đều có luân lí của nó, cho dù luân lí ở cấp độ tiến hóa nào. Đào Duy Từ là con trai của phường hát, cũng bị xem không là con người, đúng hơn là người không ra người, cũng chẳng phải ngợm. Đào Duy Từ không được làm kẻ sĩ, tinh hoa của dân tộc. Người ta không thấy được sự hi sinh rất cao quý theo quy luật sáng tạo!

Đúng là người nghệ sĩ thương vay hát mượn, đau nỗi đau người khác, nhục cái nhục người khác, tự hào niềm tự hào không phải của mình, vui cái vui không thuộc về mình. Cô ca sĩ kia nhập thân vào hàng trăm mối tình của ai đó với cả tâm hồn và cảm giác tưởng tượng. Nhà văn, nhà thơ cũng vậy. Kịch sĩ mới đáng sợ: sống trọn, sống hết mình với vai trò nào kia... Ngay cả ở Phương Tây, thời trung đại, người nữ không được diễn kịch. Vai nữ phải do diễn viên nam đóng... Người xưa cấm đoán cả mộng mơ, tưởng tượng, để giữ gìn sự trinh bạch của tâm hồn...

... Ngay trong tưởng tượng cũng có vốn sống trải nghiệm riêng của nghệ sĩ.

Nghệ sĩ, còn là nòi tình, đa đoan và nhiều hệ lụy.

Nghệ sĩ, kể cả họa sĩ, cần sống cái sống trải nghiệm nhiều cảnh đời, tất nhiên có giới hạn của đạo lí như thể không thể trải nghiệm bằng thuốc độc, cái chết của thân xác. Ôi cái chết nhân cách!

Chính Đào Duy Từ, Người Thầy từng bị cấm làm Kẻ Sĩ, đã thiết kế, đã cho thi công lũy chống Lê - Trịnh thời chúa Nguyễn, dấu dấy là chiến lũy của phong kiến với phong kiến, chỉ dị biệt ít nhiều. Một Đàng Trong đất mới thoát khỏi định kiến cũ phần nào, và phần nào cần chiêu hiền đãi sĩ, với một Đàng Ngoài khắc nghiệt, trì trệ, ao tù, nước đọng trong tâm thức, thừa hưởng mấy nghìn năm văn hiến của

dân tộc nên thừa mứa kẻ sĩ! Thiếu, thừa của mấy trăm năm trước.

Hàng rào Mác Na-ma-ra, có phải là Lũy Thầy? “Dãi thầy trăm họ nên danh một người”? Không thể so sánh như thế. Bản chất khác nhau. Cái giống nhau là chiến lữ, là vết chém ngang thân mình Tổ quốc. Mác Na-ma-ra, lịch sử cho thấy chỉ là một kẻ xâm lược bại trận.

Trước dòng sông Bến Hải này, sớm mai này, Hiền Lương miên man với những liên tưởng. Ba của Hiền Lương đã bày tỏ niềm lo âu lẫn sự ngần ngại chính đáng trước sự chọn lựa con đường đời của cô. Đây là sự chọn lựa số phận. Chú Nông bảo, với kinh nghiệm đã trả giá bằng cả cuộc đời đau đớn, rằng, phải hiểu mình là ai, có những tố chất, sở thích đích thực gì, không phải là thị hiếu thời thượng, học đòi, học mót, phải hiểu gia thế và thời đại, để chọn lựa đường đời. Tuyệt đối thành khẩn, trung thực với chính mình, khi nêu câu hỏi cho mình. Tuyệt đối không được ảo tưởng tô hồng hay ảo tưởng nhuộm đen chính mình, gia thế mình, thời đại mình. Phải tự làm nên số phận riêng với những điều kiện ắt có và đủ như thế. Hiền Lương đã tự ngẫm lại hai mươi hai năm cô sống, từ lúc bắt đầu hiểu, nhớ, rồi từ lớp một đến cử nhân... Có lẽ hơi muộn trong chọn lựa, nhưng cô đã chọn lựa con đường nghệ thuật tạo hình, một loại ngôn ngữ phi văn tự dẫu vẫn đậm đà tính dân tộc. Cô đang tự thử thách mình, kiên tâm với chọn lựa. Cô sợ hãi, nếu chọn lựa sai? Ôi, chọn sai nghĩa là làm hỏng cả cuộc đời mình! Người ta chỉ sống một lần. Làm hỏng cuộc đời mình ư? Sao đành lòng phiêu lưu!

Và trải nghiệm, không nhất thiết phải làm hoen ố phẩm giá của người nữ. Cô tin tiếng khóc của người khóc muộn còn đau đớn, thống thiết hơn tiếng khóc của thân nhân người chết. So sánh nghệ sĩ với người khóc muộn là làm nhục nghệ sĩ. Nhưng quả thật, cô tin vào năng lực cảm nhận nỗi đau một cách gián tiếp, sự nhập thân tài tình của

nghệ sĩ với các vốn liếng, văn hóa, chất liệu sống gián tiếp trong đời sống, và bằng đôi mắt quan sát, đôi tai lắng nghe của chính họ với tổ chất bẩm sinh có thực. Còn sự chọn lựa đề tài nữa, điều ấy rất quan trọng, nào phải dễ dàng gì.

Hiền Lương vạch ra con đường số phận của cô, đang bước những bước đầu tiên. Cô tiếc bản thân cô không có tư chất của nhà khoa học kĩ thuật thuộc các khoa tự nhiên, dẫu cô biết, các nhà khoa học tự nhiên đích thực là những Đấng Cứu thế, đã mấy ngàn năm nay cứu con người, biến quả đất của quỷ Sa-tăng thành quả đất văn minh tương đối, rồi sẽ thành quả-đất-thiên-đàng.

Ngồi trước dòng sông Bến Hải này, Hiền Lương còn liên tưởng đến dòng sông Thạch Hãn, dòng sông mồ hôi của đá, của chất đá và của chất xám. Thạch Hãn, cũng từng là vết thương chia cắt! Rồi liên tưởng gọi liên tưởng, Hiền Lương một lần nữa xuôi ngược với thời gian. Dòng lịch sử của cả một dân tộc như đang cháy trước mặt. Bến Hải trở thành dòng sông chất chứa những nỗi đau chia cắt... Lịch sử đã một lần đau nỗi đau kẻ sĩ Bắc Hà với Phạm Thái, Nguyễn Huy Lượng, Nguyễn Du, Bà Huyện Thanh Quan..., với dòng sông Gianh đau nhức nhối như vết chém..., - Cô chợt nhớ...-, chưa kể đến cuộc chia cắt Nam - Bắc triều thời Trịnh - Mạc, chưa kể đến Nam Kì phải xót đau chịu thuộc Pháp, đứt lìa với Tổ quốc Đại Nam thời Tự Đức (núi Thần Quy như vết thương sưng tấy)... Dòng liên tưởng trong Hiền Lương cứ miên man, trùng điệp...

4

Nắng ban mai ấm áp, hồng tươi, loang loáng bên sông. Một chiếc đò ai vừa rẽ nước xuôi về biển.

Có bàn tay ai vừa bịt mắt Hiền Lương. Cô hét hồn, định la lên. Hai tiếng cười trong trẻo cất lên làm Hiền Lương nhẹ

nhôm. Bông Bưởi, và Nàng Hương - vốn là tên của một loại lúa thơm - đang đứng sau lưng cô với tiếng cười chưa dứt.

- Làm chị hoảng hồn! Ngồi xuống đây chơi. - Hiền Lương nói.

- Chị Hiền Lương còn làm thơ nữa chắc? - Bông Bưởi cười.

- Em nghe cô giáo em nói thi sĩ là họa sĩ vẽ tranh bằng chữ, cũng tư duy bằng hình tượng, còn họa sĩ làm thơ, viết văn bằng màu sắc, cũng tư duy bằng hình tượng luôn. Phải rứa không chị? - Nàng Hương suốt tháng nay quen với Hiền Lương như chị em, đang thân mật níu một bên vai Hiền Lương để hỏi.

Hiền Lương cười thành tiếng:

- Cả hai đều đúng. Nếu nói như thế thì chị đang làm thơ và đang vẽ về ý nghĩa của sông Bến Hải quê mình. Câu nói của cô giáo rất đúng, ít ra với chị. Nhưng chị cũng có tư duy trừu tượng, cũng luyện tư duy này bổ sung cho tư duy kia, như các em vừa học lí luận văn học vừa học thơ, học vẽ, học âm nhạc. - Hiền Lương thấy mình chợt vui, mà hóa ra có vẻ khoe khoang, gượng nói tiếp -. Học toán rất quan trọng, để rèn tư duy luận lí học. Chị thích lí luận văn học, chị muốn mở rộng là lí luận nghệ thuật. Và, hai em thích sử chứ?

- Một số bạn thích, một số ghét. - Bông Bưởi nói.

- Gạt đi phần vua chúa với đời tư của họ, tham vọng giàu sang, quyền chức và tính dục thấp hèn, nói chung là dục vọng, thì sử nước mình rất đẹp, rất đáng tự hào - sử của một dân tộc luôn luôn nêu sáng tấm gương độc lập dân tộc. Sử loài người là sử của sự vươn lên từ địa-ngục-quả-đất thành thiên-đàng-quả-đất. Ghét sử là ghét dân tộc, ghét loài người. Phần lớn vua chúa và đời tư của họ, thời nào, nước nào cũng vậy, mặc dù không phải thiếu những nhân vật lịch sử rất cao đẹp về nhân cách.

- Chị kết án ghê quá. - Nàng Hương nói -. Em có nghe thầy dạy sử nói, xưa nay, khoa học lịch sử có ghi nhận một số nhà sử học chuyên sa-đích lịch sử. Sa-đích là chi chi? Hình như viết là S, A, D, I, M, S, (E).

Hiền Lương cười ngược:

- Sa-đích là tiếng Pháp, tiếng Anh, nhiều tiếng khác nữa. Sa-đơ, đây là tên một nhà văn mắc chứng bệnh của quỷ râu xanh, thực hiện giao cấu với đàn bà rất hung bạo, xong là giết. - Hiền Lương có đà để nói thẳng -. “Chủ nghĩa Sa-đơ”, tức là chứng bệnh của một số nhà sử học, nhẫn tâm và độc ác, đã cưỡng hiếp lịch sử, bôi nhọ nhân vật lịch sử để thoả mãn thú tính chính trị và tự ái bản thân. Ví dụ, họ cắt xén, bưng bít một số chi tiết, thậm chí cả giai đoạn lịch sử, và xuyên tạc, bôi nhọ lịch sử để tuyên truyền, kích động. Nói riêng ở Miền Nam, ba chị và ba hai em đi lính ngụy một phần lớn là do sự tuyên truyền ám thị với sự cưỡng hiếp, bôi nhọ lịch sử đó. Những người lính ngụy cầm súng với ảo tưởng và sai lầm, thứ ảo tưởng và sai lầm đã bị ám thị bằng đài, báo, sách giáo khoa, và bằng cả tôn giáo nữa, với cả lực “lôi cuốn”, điều khiển ngầm của “guồng máy” xã hội, với cả sức ép, sự đe dọa của bóng súng, dùi cui, nhà tù. Đây là chỉ nói riêng ở Miền Nam.

Rồi Hiền Lương dẫn giải bằng một loạt ví dụ cụ thể. Hai cô bé chuẩn bị lên lớp mười lém mắt nhìn Hiền Lương, không ngờ cô chị xinh đẹp, thon tròn, tươi mát này lại sâu sắc, uyên bác thế.

- Chị học ngoại ngữ sao giỏi sử dữ rứa? - Nàng Hương buột miệng.

Hiền Lương cười:

- Chị nói tầm bậy đấy. Học sinh thông minh là phải độc lập suy nghĩ, phải biết lật ngược, lật xuôi vấn đề, phải chân thành hỏi thầy cô giáo, thực sự cầu thị, phải tâm không, vô chấp chấp nhận cái gì là chân lí, sự thật. - Hiền Lương lại dẫn giải dài dòng, và cô nói tiếp -. Chị nói với Bông Bưởi,

với Nàng Hương cũng hết sức trung thực, chân thành. Chị cứ bảo mình nói tầm bậy nhưng thực sự đó là những gì chị xác tín.

Nàng Hương là cô bé láu lỉnh, gài Hiền Lương:

- Giai đoạn Đổi mới này, có bạn bảo, biết vậy nước mình theo chủ nghĩa tư bản, bây giờ dân giàu nước mạnh rồi.

- Vấn đề độc lập, tự do, con đường Bác Hồ chọn là đúng. Con đường cách mạng vô sản, xây dựng chủ nghĩa xã hội cũng đúng luôn. Nhưng, chính Lê-nin đã có công với nhân loại, lại cũng hơi đốt giai đoạn, tức là nóng vội... Theo Mác, bao giờ các nước tiên tiến nhất về khoa học kĩ thuật, lực lượng sản xuất cũng tiên tiến nhất, tiến lên chủ nghĩa xã hội đã, bấy giờ, sau đó, chủ nghĩa xã hội mới tỏa ra các nước khác. Chị nhấn mạnh ba chữ “tiên tiến nhất”. Nga, Tàu, Mỹ, Nhật, Pháp, Anh, Đức... tiến lên chủ nghĩa xã hội rồi nước mình cùng các nước khác tiến lên. Như vậy sẽ không bị các nước mạnh ăn hiếp, bức hiếp, và cũng hợp quy luật khách quan, đúng như Mác nói! - Hiền Lương lại một thôi dài giải thích từng cụm khái niệm, từng vế một của câu, có ví dụ cụ thể.

Hai cô bé này bỗng xem Hiền Lương như thánh sống, như thần tượng, vì chưa hề thấy ai giỏi như vậy. Hiền Lương cũng đâm ra khoái chí, càng nói càng thêm. Bỗng có con cá nào quẫy đuôi làm cô tỉnh lại, thấy mình buồn cười. Cô dịu lại, với giọng ngọt ngào:

- Thật ra, vấn đề là cái tư hữu, cái nhà Phật gọi là tham. Chúa cũng nói, “người giàu vào nước thiên đàng khó hơn con lạc đà chui qua lỗ kim” (cách nói rất hay, ý nghĩa rất sâu) vì quá coi trọng vật chất, không dám xả thân vì nghĩa lớn, và vì làm giàu ắt phải bóc lột... Làm ăn cá thể, mình làm việc mình, một mình mình, với gia đình mình, không thuê mượn ai để bóc lột giá trị thặng dư từ lao động của họ, làm sao mà giàu! Mác, Phật, Chúa nói vấn đề tư hữu này rất

đúng, dù có khi Chúa mâu thuẫn với mình ở một ẩn dụ khác (hoặc nhất quán, nếu xem người chủ đồng ta-lâng (II.8) là chủ hãng quốc doanh). Nhưng tư hữu còn là động lực kinh tế. Phải ham làm giàu, nước mới giàu. Mỗi người dân phải giàu, nhà nước mới giàu, và giàu sẽ mạnh. Anh Hành, thầy giáo Hành, có nói với chị một ý rất hay: Từ công xã nguyên thủy tới nay, cuộc cách mạng nào cũng là cách mạng hữu sản. Nông nô, hữu sản. Phong kiến, hữu sản. Tư sản, hữu sản. Chỉ có cách mạng xã hội chủ nghĩa là vô sản. Tương tự như vậy, chỉ có cách mạng xã hội chủ nghĩa là duy vật. Trước đó, đều duy tâm. Duy vật và công hữu, đó là hai phẩm chất làm người quá cao, trình-độ-làm-người siêu cao, nên chưa thành công được. Tất cả vấn đề là ở điểm đó! Đó là nguyên nhân nảy sinh tính chất sắt thép của chuyên chính vô sản! Đổi mới là thật lùi, thật lùi cho phù hợp với trình-độ-làm-người, để phương thức sản xuất phù hợp với lực lượng sản xuất. Đổi mới là thật lùi, chị nhấn mạnh. - Hiền Lương ví dụ -... như năng lực một học sinh lớp chín khó nhảy lên đại học, em bé bốn tuổi không thể lái máy cày cày ruộng được nhưng cứ bị ép bởi nền chuyên chính duy ý chí. - Rồi cô lại giải thích, lại ví dụ.

Hiền Lương ngừng lời, và lại băn khoăn:

- Nhưng cứ lè mè, ăn chơi, làm sao nâng cao trình-độ-làm-người, gồm cả trình độ khoa học - kĩ thuật, làm sao giàu mạnh!

Hai cô bé nghe Hiền Lương nói chậm rãi, ví dụ dễ hiểu, suýt quỳ xuống sùng bái cô. Nhưng chẳng hiểu sao, hai bạn nhỏ hai bên ôm chầm lấy cô chặt cứng làm Hiền Lương đỏ bừng cả mặt.

- Nhưng có những cái không thể thật lùi, ví dụ học đòi lối sống pờ-lây-boi, khóa thân, hát nhạc thác loạn, đọc truyện dâm ô, suy đồi, bi quan, bế tắc, và chưng diện áo quần lố lằng, kích dục!... Ai cũng có dục, xin đừng kích dục. Hồi giáo quá cực đoan, nhưng cũng có cái lí của nó, là

chống sự kích dục bằng áo quần lố lằng, cũn cỡn. Không nên thụ lùi thành con vật. Con vật còn có bộ lông với cái đuôi che thân!

- Em thấy trên truyền hình nhà em, trên phim ảnh nữa, người ta quảng cáo cách ăn mặc kích dục, khiêu dâm, và cả kích động bạo lực, máu me!

Hiền Lương tức tối:

- Chị đầu hàng! Những người cộng sản đã thụ lùi đến thế! Đẹp, quý, sang, mọi người có quyền như thế, nhưng không ai được quyền kích dục, mới là phẩm chất đạo đức Á Đông, đạo đức cộng sản Việt Nam.

Nắng đã lên khá cao. Cô muốn nói và nói to: Phương Tây xưa cũng kín đáo!

Bên bờ sông Bến Hải, ba chị em nói chuyện quá sôi nổi nhưng họ chỉ nói vừa đủ nghe. Như bản năng tự vệ, con gái bao giờ cũng kín đáo, kể cả nói chuyện với nhau lúc nhiệt tình nhất. Chất giọng nữ cũng thanh, nhỏ hơn chất giọng nam. Cơ thể họ cũng thế. Nhưng cái phần chất xám và nếp xoắn võ não của họ không phải thế.

Sau những phút sôi nổi, ba cô gái bây giờ bỗng sinh trầm tư. Họ nhìn ánh nắng lấp lánh sáng chói trên nước. Bóng tre hóp lung lay như thoảng qua mình ba cô gái. Lại một chiếc đò nữa rẽ nước xuôi về Cửa Tùng, có lẽ thuyền buôn cá mắm và rau gạo.

Hiền Lương đoán lúc này khoảng mười giờ sáng rồi. Cô nhắc hai cô bé vào nhà. Áo quần tắm liền thân, khăn choàng rộng thùng thình gần bằng tấm vải giường đã gần khô. Hiền Lương, Bông Bưởi bỏ vào túi xách. Sáng nay, cao hứng thế nào đến giờ vẫn chưa về ăn sáng! Khẽ chào, cảm ơn mẹ già của Nàng Hương (chỉ còn bà ở nhà), hai chị em bước chậm trở về. Con đường làng ngập bóng râm tre pheo và nắng. Gió nam lửa đang thổi lay ngọn tre, bạt ngọn chuối. Gió. Gió. Ơi, mùa hè bên sông! Hiền Lương lảng lảng trong cảm giác sáng khoái. Ơi, lịch sử, trong thụ lùi phải có

tiến lên! Đồng thời niềm cảm khái dâng lên trong ngực cô. Bất giác, cô cảm thấy mình đa đoan, buồn cười thật. Hiền Lương tự nhủ, đây cũng là một nét trong cái nghiệp của người nghệ sĩ chẳng.

Đến ngõ, đã thấy mẹ và thím Cận đứng chờ. Mẹ mắng:

- Tựa rơng rêu cuộn chân chị em mà rời! Tắm gì đến giờ mới về? Còn ngồi ở bến sông đâu láo nữa chứ!

Hai chị em, Hiền Lương và Bông Bưởi, cười biết lỗi, chạy vụt vào nhà. Thím Cận vào cửa nói:

- Khi hồi (hồi nãy), có chú Thản bên xóm nói hai chị em với con gái bác Tùng - con Nàng Hương chi đó - ngồi cưỡi gựa với nhau ở bến, nên bác Bân với thím không ra tìm. Đừng ý bơi giỏi!

Hiền Lương cũng thấy mình hơi liều, quên băng là không có phao cấp cứu. Thật ra, cô chẳng dám bơi xa, bơi hết sức, chỉ bơi khoảng mười thước, lại bơi vào bờ ngay, cứ thế suốt tháng nay.

Cô nói với thím Cận, nhỏ thôi, sợ mẹ nghe được mẹ thêm lo:

- Không có phao cấp cứu, cháu đâu dám bơi xa! Cháu xin lỗi thím.

5

Để chiếc giường rộng, bên khung cửa sổ rộng mở ra vườn sau, cho mẹ nghỉ trưa được thoải mái, Hiền Lương treo võng ở chái đầu hồi. Nắng đứng bóng chiếu thẳng xuống đất. Hơi nóng của nắng với gió nam lửa rất đặc trưng của vùng Khu Bốn cũ dịu bớt nhờ màu xanh cây lá, thổi lồng lộng như gió biển. Bóng mát của cây trứng gà, xanh kín lá cành như chiếc ô, phủ xuống không khí đã được điều hòa.

Hiền Lương ôn lại những gì cô đã cảm nhận, suy tưởng, đã nói bên bến sông với Bông Bưởi và Nàng Hương.

Khi Hiền Lương còn nhỏ hơn cả hai cô bé này, Đất nước đã Đổi mới. Hai mươi hai tuổi, cô còn bị xem thường là trẻ con dưới những đôi mắt trịch thượng của người khác đã già. Thật ra, ở tuổi này, bao người đã làm nên nhiều công trình lớn với những ý tưởng sâu như đáy biển và cao như núi. Cô đã là cử nhân, như thế không thể không phải là trí thức. Từ những năm còn bé, cô không cho phép mình ngu dốt hoặc chỉ học vẹt. Ngoài việc học và đọc, Hiền Lương còn sáng tạo. Những điều cô nói với hai cô bé, Hiền Lương đã không hề ngụ ý với chính trái tim cô.

Nghệ sĩ, không thể thiếu tư chất cùng kiến thức mọi mặt. Cô đã nung cháy ngọn lửa của khát vọng sáng tạo trong ngực mình với hai vốn liếng ấy. Tài năng, ấy là khả năng nhạy bén nắm bắt được phần chiều sâu mang tính bản chất của con người, của các cảnh đời để tái hiện, tái tạo thành tác phẩm có giá trị, thật mới mẻ. Không có khả năng ấy là không có gì cả. Điều cô trăn trở nhất là sự trải nghiệm với cả con người cô và bản lĩnh giữ gìn sự trong trắng của nhân cách. Vẽ về trẻ thơ, vẽ phong cảnh, vẽ những gì tinh khiết, cao cả, hào hùng, thánh thiện, khoan dung! Vẽ những mặt sáng của người đời, cảnh đời! Đối tượng được vẽ sẽ tác động ngược vào cô, cô sẽ hấp thụ được ánh sáng nhân cách, tâm hồn lẫn vẻ đẹp của đối tượng. Biết vậy, nhưng cô cao vọng quá, cô cứ muốn phải đi tận cùng mặt tối để hiểu được mặt sáng, thậm chí muốn vẽ chút ánh sáng hay cả nguồn sáng trong tận cùng hang tối. Chú Nông, ba của cô, đã có lí khi sợ cô phải trả giá quá đắt trước cao vọng ấy. Cô sợ hi sinh cho nghệ thuật? Không. Cô có thể vắt kiệt nhan sắc xinh tươi và cả máu mình cho khát vọng sáng tạo. Mặt tối của người đời, cảnh đời? Cô sẵn sàng lội bùn, cuốc rẫy, bán dạo, thậm chí ăn xin... Có lẽ rồi cô sẽ lấy chồng, một người làm nghệ thuật,

để cùng nhau, sát cánh bên nhau dần thân, đánh bạn với mọi tội phạm trong khát vọng nhạt giùm họ, giùm đời những hạt kim cương chói lòa ánh sáng trong vĩa than tăm tối và đen tối... Một tháng về với quê nội, cô hết mình trong khát vọng khám phá, sáng tạo. Cô đã được gặp những con người mang vết thương, những vết thương tủi nhục, như ông Nộp... Liệu cô sẽ gặt hái được gì trong mùa sáng tạo quá ngắn ngày này? Cô đã hiểu gì về những người anh hùng như ông Hiền, chú Học, o Ngoan...

... Gió Lào lồng lộng. Nắng mùa hè đang trưa rực rỡ. Hiền Lương lơ mơ trong sự chìm dần vào giấc ngủ. Như một vang vọng thẳm thì từ bên sông, khát vọng nào đó lại gọi cô, buộc cô thao thức. Ô, con người ai cũng có dục vọng, bản năng thú tính còn sót lại. Ngoài bản năng thú tính của xác thân sinh vật, còn tham vọng con người nữa, chúng vẫn còn đó, vì vẫn còn đó lòng tham tư hữu, chiến tranh, tính dục... Xin đừng kích dục - cái dục ở nghĩa rộng. Chính Hiền Lương, trong trắng nhường kia, không thể chẳng đôi khi bị cồn lên những dục vọng. Tư hữu, tham vọng chiếm hữu vật chất trần gian, tham vọng giàu có, đi xe mới nhất, mặc áo sang nhất, và bao nhiêu người rầm rập tuân lệnh, thậm chí lũng đoạn cả hệ thống quyền lực để thỏa mãn tham vọng quyền lực, để bảo đảm sự giàu lẫn sự được làm giàu mãi, và sẽ vươn cánh tay ngăn ngừa ra khắp thế giới bằng sự chấp nối thêm nhờ đồng tiền, cánh tay thịt mọc ngàn cánh tay tiền, vỗ vai các lãnh tụ lừng lẫy, nhiều ảnh hưởng đến thế giới nhất, nhắc nhở bất kì thằng khờ nào lên ngay thống đốc, tổng thống... Tư hữu, dục vọng của mọi dục vọng, kể cả tư hữu người tình như chiếm hữu công cụ vật chất! Quả là kinh khiếp.

Không. Tận đáy sâu lòng mình, Hiền Lương chỉ có một thứ hay đúng hơn, một dạng tư hữu, ấy là tư hữu chất xám của não và chất đỏ của máu trái tim. Có thể ư, không, còn có khát vọng chi phối, tác động vào đời sống bằng tác phẩm

của mình. Cô còn có khát vọng được kính trọng, được ngưỡng mộ. Đây là sự thật. Hiền Lương muốn có công và danh, công thành, danh toại. Công tốt, đẹp với đời, cô muốn được đóng góp. Danh thơm, sáng của mình tỏa thơm, tỏa sáng cho cha mẹ, làng quê này đây, Bình Dương trong kia và trong tim cô, cho Đất nước cô được sinh ra và vô cùng yêu dấu. Cô có quyền như thế. Cô chẳng bóc lột ai, ngoài chính sức lao động miệt mài của một mình bản thân cô. Đây là dục vọng đã trở thành cao vọng tốt đẹp. Xin hãy khích lệ cô, kích thích cao vọng này. Là người, Hiền Lương không thể không có chí tiến thủ. Chí tiến thủ, cho dù ở tuổi nào, cũng là một phẩm chất cao quý, là năng lượng sống của từng cá nhân và sức bật của xã hội, của Đất nước, của Quả đất. Tư tưởng yếm thế, cầu nhân đã đẩy bao con người vào sự trì trệ, lạc hậu, vô trách nhiệm. Hiền Lương đã động não tự kỉ ám thị để chống lại sự ám thị của thói ăn chơi, xa hoa và trụy lạc. Tờ giấy trắng cũng là tấm thép trắng của sự tôi luyện bản lĩnh. Một khi đài, báo còn kích dục, biết kêu cứu ai?! Có phải Nhà nước đang bị lũng đoạn bởi các thế lực cực hữu đã đổ bộ vào nước này với đồng đô-la? Nước này lại là chiến trường kinh tế và văn hoá?

... Trưa. Gió nam lửa dịu trong màu xanh vườn tược. Hiền Lương không thể ngủ. Cô cảm thấy mình căng thẳng, gần như phẫn nộ. Cô tự nguyền lòng thầm bảo: nhưng cái ăn, cái mặc, cái ở, cái đi lại trên đường cần thiết lắm, đôi khi hơn cái đọc, cái nghe, cái xem. Phải giải phóng sức sản xuất của mọi người, của mọi xu tiền trong túi, dưới gạch tủ. Đất nước, và riêng chỉ làng nội cô, phải giàu có vật chất bên cạnh văn hóa, đúng hơn, vật chất đan xen, thấm vào nhau với văn hóa. Nhưng vấn đề là giải pháp thực tiễn. Tư hữu, ấy là động lực kinh tế. Khát vọng làm giàu chính đáng phải được khích lệ. Làm giàu, cũng là một tài năng. Thực tiễn lắm, phù hợp lắm với trình-độ-làm-người chung của nhân loại hiện nay? ... Làm giàu với ý thức công dân, cho bản

thân, gia đình, Tổ quốc và Quả đất! Chính nguyên lí kinh tế rất đạo đức của chủ nghĩa xã hội, oái oăm thay, lại kìm hãm sản xuất. Và nguyên nhân dẫn đến sự trì trệ được chỉ ra một cách mơ hồ là bởi sự sai lầm kéo dài về kinh tế làm người sản xuất mất lòng tin... Xí nghiệp, nhà máy, công ti dân lập, công lập! Chủ nghĩa xã hội là gì, là trường học công lập, bệnh viện công lập, nhà máy, xí nghiệp, công ti công lập... Tại sao không thực hiện được! Chú Nông đã chẳng khao khát dạy ở trường công lập Nguyễn Hoàng hơn trường tư thực Thánh Tâm đó sao? Đây là vấn đề đào tạo giáo chức, tuyển sinh, quản lí! ... Xin hãy so sánh về lĩnh vực quản lí kinh tế!... Tất nhiên kinh tế là làm ra sản phẩm, và có lãi, để tái sản xuất mở rộng, trường học công lập, bệnh viện công lập chỉ là phúc lợi xã hội, được bao cấp. Chủ nghĩa xã hội hoàn toàn có thể xây dựng thành công, chả có gì đáng hoài nghi. Sai lầm là ở chỗ triệt tiêu mọi mầm mống tư bản chủ nghĩa trong thời kì quá độ. Công hữu và tư hữu phải song hành. Hiền Lương nghĩ, có nhiều nhà tư sản, chỉ một mình với vợ con, lại quản lí cả hàng trăm nhà máy, văn phòng đại diện đặt khắp các nước, và quy mô vẫn ngày mỗi phình to, tức là có lãi. Sao mình quản lí kém thế?... Nhà tư sản ai ghi công! Nhà cộng sản như giám đốc, tổng giám đốc đáng ghi vào sử vàng lắm chứ. Mục đích đầu tiên của nhà kinh doanh cộng sản là vì dân, vì nước, vì nhân loại cơ mà. Điều đó hoàn toàn là chân lí, có giá trị khoa học lẫn thực tiễn.

... Trưa. Hiền Lương hăng lên, chùng lại trong ý nghĩ, một dòng ý nghĩ như dòng suối, khúc chảy xiết, khúc lặng lờ. Chính những suy nghĩ, tưởng tượng của cô làm cô khi thì quá chừng phấn khích, lúc lại quá chừng chán nản. Cảm xúc, với Hiền Lương, trưa nay và nhiều lần khác, là phó sản của tưởng tượng, suy luận, tưởng chừng có thể reo vui, khóc buồn. Đó là một năng lực tinh thần và những tri thức cần có sự cọ xát vào thực tế...

Một tháng về với quê nội, cô nhận, và cảm nữa, bao nhiêu điều về chiến tranh, về cách mạng. Cô cũng mừng, cô đã có được quê cha đất tổ ở đây, với quê sinh, quê ở tại Thủ Dầu Một, gần kề thành phố công nghiệp. Hiền Lương lại khao khát khám phá, sáng tạo biết bao! Cô nhắm mắt lim dim truy tìm trong trí nhớ những ấn tượng thị giác. Aãn tượng thị giác với họa sĩ là tất cả! Cô tái hiện, rồi lại tái tạo, nhào nặn, hư cấu hình tượng. Tất cả sống động, tươi nguyên chất sống, đáng sống. Cô tự khắc sâu vào trí nhớ. Cô muốn tìm cuốn sổ ghi lại hình ảnh phác thảo ba chị em trên bến sông mai nay. Thực và ảo. Thực nảy sinh ảo, nhưng ảo ấy là từ thực ấy. Ảo rất thực. Nắng, mặt sông, bóng mây, bóng tre và ba cô gái xõa tóc hong khô... Cô muốn khóc sung sướng với hình tượng ba cô gái làng quê bên dòng sông Bến Hải. Cô biết mình rơi vào cơn say sáng tạo, cơn điên ngậy ngất của người nghệ sĩ. Kim lòng, Hiền Lương ơi! - Cô ứa nước mắt như kẻ tâm thần, tự nhủ.

6

Thế mà suốt buổi chiều Hiền Lương chỉ phác thảo được bố cục của bức tranh cô tạm gọi là Bến Sông. Ngay cái tên cũng chưa ổn. Điều quan trọng là ba gương mặt. Cô sẽ hư cấu một số nét về cả ba người để trở thành hình tượng, với cả dáng ngồi, ánh mắt, cả dáng bàn tay. Tất thấy cần cách điệu để thể hiện được những gì đã cảm, đã nghĩ, đã nói với nhau giữa ba cô gái ấy, sáng mai này. Làm sao xem bức tranh, mọi người hiểu được như đọc một truyện ngắn với dung lượng phản ánh gần như nhau, cả chiều sâu tâm trạng của từng hình tượng? Cuối cùng, Hiền Lương đành gác lại.

Hiền Lương giờ cuốn Ô-ten-lô của Sếch-x-pia ra. Tiếng Anh thế kỉ mười sáu nhiều chữ cổ quá. Cô lật tự điển, vừa

tra vừa đọc. Hiền Lương bỗng thương anh chàng da đen quá. Tướng da đen kì tài sánh duyên với cô gái Đét-x-đê-mô-na tóc vàng cực đẹp. Một cuộc tình đẹp nảy sinh, giữa da trắng và da đen. Nhưng lòng ghen tuông của loài người cũng quá kinh khiếp. Ghen tuông, có phải là bản tính của con người? Cô nhớ đã đọc ở đâu đó một câu danh ngôn của Mác: “Ghen tuông, ấy là thuộc tính của người tư hữu”. Cô nào đã yêu đấm đuổi ai để ném trái cái ghen tình yêu đôi lứa. Hiền Lương vận dụng những dạng ghen khác, và những bài thơ ghen như của Nguyễn Bính, Pút-x-kin để hiểu. Tư hữu người tình? Ghen với người đoạt tình, với tình địch? Nếu không là người tư hữu, tôi chẳng có tính ghen sao? Tình yêu, là niềm tin giữa hai người, chứ không phải là quan hệ chiếm hữu lẫn nhau, biến người yêu thành nô lệ... hoặc tư liệu sản xuất! Khi ngoại tình, niềm tin ấy không còn, tình yêu đã không trọn vẹn. Cô ướm thử vào mình, thế là tôi mất tình yêu, mất người yêu, có giữ được chăng là giữ được thân xác người yêu. Tôi phải tự xem lại sự thất bại của mình trước tình địch, đấy là thái độ tự trọng và cao thượng. Tôi không đánh ghen để chiếm hữu lại người yêu, nếu sự thuyết phục cuối cùng của tôi thất bại, trước và chỉ trước trái tim người yêu. Sự đánh ghen cách này hay cách khác đều vô ích, nhiều lắm chỉ thỏa mãn lòng tự ái. Thương biết mấy nhà thơ Pút-x-kin: “Cầu cho em có người tình như tôi đã yêu em”. Và nhà thơ chết vì tục lệ đấu súng chứ không phải vì ghen. Đấu súng, vì danh dự bị xúc phạm, vì tự ái, đã thành tập tục ở châu Âu. Cái chết xoàng xĩnh và vô duyên thế? Ô-ten-lô bóp cổ Đét-x-đê-mô-na, như hàng vạn vụ án trên quả đất trong mười năm. Đấy là chiếm hữu? Đấy là tự ái? Danh dự bị xúc phạm? Tình yêu bị phản bội? Đấy là tình yêu biến thành thù hận? Trước hết, Ô-ten-lô rơi vào kế li gián của I-a-gô.

Nhân loại, với các màu da, với những vụ án tương tự, phải chăng là bởi thuộc tính tư hữu, tự ái lẫn lượt tự trọng

và cao thượng? Hiền Lương đọc những lời bình tiếng Anh, ngẫm nghĩ.

Hiền Lương vào buồng hỏi mẹ về ngoại tình. Mẹ cô chỉ nói băng quơ, ghen giọng. Hiền Lương ngơ ngác. Cô Bà đánh trống lảng:

- Mẹ đang nghĩ về ông Hiệu Diên, trong bữa tiệc trà sinh nhật.

- Ông có nói gì đâu? - Hiền Lương còn băn khoăn, nhưng đành nói.

- Đúng, ổng (ông ấy) chỉ ngồi lắng nghe. Lúc con chạy xuống nhà ngang, ổng (ông ấy) mới nói một câu làm mẹ suy nghĩ mãi.

Cô Bà ngồi dậy, vuốt lại tóc, tựa lưng vào thành gối đầu giường. Cô Bà kể: Lúc đó, ông Hiệu Diên cầm cái máy thu thanh, vặn một số đài như dò tìm, rồi “phán” một câu xanh rờn: Nghe tất cả, thấy tất cả, rồi suy nghĩ bằng cái đầu của mình. Đừng nghĩ bằng đầu gối mà bằng đầu óc.

- Rồi ổng xí lô xí la tiếng Pháp rất Pháp nhưng tao chẳng hiểu gì cả. - Cô Bà nói -. Ông chêm tiếng Tây mất lịch sự quá, chỉ có ông giáo Hiền hiểu và cười đồng tình. Ông giáo Hiền cũng chẳng dịch lại, thật quá bất nhã. Bộ tiếng Việt thiếu chữ sao!

Cô Bà kể tiếp: Ông Hiệu Diên lại “phán”: Ta ở một cái làng heo hút nhất nước, nhưng mọi người đều thấy Pháp, thấy Mỹ, thấy Nhật, thấy Tàu, thấy Nga, thấy ngụy, thấy cộng cả rồi...

- Ông bỏ lửng. Mẹ cũng giật mình. Mọi người, mỗi người đều cười một kiểu sau câu nói bỏ lửng ấy. Ông diên mà thâm thế! - Cô Bà cười -. Ông còn nói, nếu Bác Hồ chọn Sài Gòn, ba mày đã là đại tá cách mạng, và đại tá cách mạng người Bắc lại rất ngụy!

Hai mẹ con cười sặc sụa, đến trào nước mắt.

- Cũng ngộ thật. Năm nay mẹ biết ổng mấy mươi tuổi không? Bảy mươi ba rồi. Ông chống Pháp, tham gia hội kín,

bị Pháp tra tấn. Nghe nói chúng quay điện, đánh đập... làm ông bị suy nhược thần kinh và bị chấn thương não, thỉnh thoảng sùi bọt mép, co giật, phát điên, đi lang thang, xỏ tiếng Tây, hoảng hốt rồi ưỡn ngực tỏ vẻ kiên cường, thường nhớ thời hoạt động chống Pháp trong hội kín trước bốn lăm. Ông điên nhưng điên lành, ai cũng mến và quý trọng. - Hiền Lương nói trong bụi ngùi.

- Hình như con có vẽ ông? - Cô Bân khẽ hỏi.

- Dạ, nhưng đó là phác thảo. - Hiền Lương tiếc rề -. Ông giỏi lắm...

- Tra tấn, khảo cung cách sao mà điên người ta dữ vậy?

- Điên có nhiều loại. Có thể cơ chế vỏ não ông hơi trục trặc sẵn, lại bị dòng điện kích thích quá ngưỡng, quá mạnh làm “chạm” luôn. Có nhiều người bị tra tấn nặng hơn nữa, như chị Trần Thị Lí anh hùng, nhưng chỉ bị bệnh khác thôi, không điên hẳn mấy chục năm như vậy. Điên có nhiều loại lắm.

- Dù sao, ông cũng còn quá thông minh, thâm thúy quá.

- Nhưng ông Hiệu Điên chủ quan rồi. Đâu phải ai nghe đài cũng chịu khó suy nghĩ đâu. Nghe sao biết vậy. Nói xuyên tạc mà đúng tâm lí, người ta cũng tin, cũng thích. Với tâm thế riêng, có thể hiểu ngược!

- Thì giờ đâu mà suy nghĩ, như mẹ đây này! - Cô Bân định nói vì dốt nữa, nhưng ngưng với con gái, nên thôi.

Cô Bân hơi cáu, bảo Hiền Lương ra đọc sách đi.

Khi còn lại một mình, cô Bân lại chìm vào kí ức... Cô Bân nghĩ đến hai chữ “nhẹ dạ”. Cô Bân buồn buồn nghĩ đến chuyện ngoại tình của cô, nhớ đến Đạc. Cô rùng mình. Nếu Hiền Lương biết làng quê bên sông Bến Hải này không phải là làng nội của nó, và bố thật của nó không phải chú Nông, liệu tình cảm đối với chú Nông, với làng này có thay đổi, thậm chí vỡ vụn không. Cô Bân hồi hận quá. Nó càng

thương ba, càng yêu quê nội này, cô càng đau đớn, càng bị lương tâm cắn rứt.

Cô Bân nhìn ra cửa sổ. Trời chuyển mưa, đen kịt mây, và nhoáng nhoáng sấm sét. Mưa to hạt, vỡ trên những phiến lá. Không khí bỗng mát lạnh. Mưa rơi trên tấm tôn chuồng gà, hình như cửa chuồng đang được chống lên thì phải, âm thanh như tiếng ném đá. Cô Bân nhớ thuở còn nhỏ mẹ cô bảo, ở ngoài Bắc trong Nam gì ngày xưa, đàn bà chữa hoang, hay mới thậm thụt ngoại tình, đều bị làng phạt vạ bằng tiền rất nặng (có khi phải bỏ làng, bỏ cả cha mẹ, con cái, phải ra đi xiêu lạc), lại bị cạo đầu bôi vôi, hoặc phải bỏ bụng chữa sủa xuống hố đào trước sân đình, nằm sấp, để chịu đánh roi vào mông. Cô Bân nhắm mắt lại chịu trận, ngỡ đang chịu hình phạt thật, với tiếng roi, và cả tiếng ném đá vào cô. Cô Bân chết trong tiếng roi quất xối xả, tiếng-ném-đá-từ-luật-Do-Thái-cổ-xưa. Cô Bân chấp nhận hình phạt man rợ ấy, vì cô đã nhẹ dạ, và nhẹ dạ là độc ác với chú Nông, với Hiền Lương quá. Cô đã lừa dối, để tội này dẫn đến tội khác. Cô Bân đấm tay vào ngực, nước mắt ràn rụa. Đàn ông, đàn bà gì ngoại tình cũng đáng chịu phạt như thế. Cô khóc thầm.

Ngoài trời, mưa gió thét gào như nguyên rủa An-na Ka-rê-ni-na và bà Bô-va-ri.

Ở phòng ngoài, dưới ánh đèn ống, Hiền Lương mãi mê đọc Ô-ten-lô.

“Ghen tuông, ấy là thuộc tính của người tư hữu”. Câu nói của Mác, vài dòng lời bình tiếng Anh về cái ghen, làm cô suy nghĩ mãi. Cô biết, cô chỉ hiểu bằng cái đầu, cảm nhờ hình tượng, bởi đã bao giờ cô dám yêu mà biết ghen, ném trái thế nào là ghen. Có thể Hiền Lương thông minh, đọc nhiều, giỏi vận dụng vốn sống gián tiếp, có học vấn và năng lực cảm thụ thẩm mỹ, năng lực suy tư, nên cô sâu sắc. Còn bao người bị phụ tình, họ chỉ đau đớn, quần quại, phẫn nộ, cay đắng, chua xót, nếu trả hận được, lại hả hê, rồi ân hận

chứ chắc chắn họ không thể diễn đạt, sáng tạo thêm, thành một tác phẩm nghệ thuật, dù bằng ngôn ngữ tạo hình hay văn tự. Nhưng với Hiền Lương, vốn sống gián tiếp từ sách vở kia, biết đâu, gặp một tình huống nào đó, của ai đó, cô lại cảm nhận đến mức sâu hơn ném trái chãng. Và biết đâu Sếch-x-pia sống lại, phải ngã mũ chào thua Hiền Lương! - Hiền Lương mỉm cười đọc sách, với ý nghĩ hơi tếu ấy.

Ngoài trời, vẫn mưa và gió thét gào, như sự cuồng phẫn Ô-ten-lô.

... Giá như cô Bân đã từ lâu rèn luyện thành nhà văn nhỉ...

... Hiền Lương đang đọc sách, chợt nghĩ, Sếch-x-pia có bao giờ làm vua đâu mà viết về Mác-bét hay thế! Sếch-x-pia có là phụ nữ đâu, sao viết về Đét-x-đê-mô-na hay thế! Chỉ bằng thiên tài, Sếch-x-pia sáng tạo ra cả hàng trăm nhân vật như thế!

Ngoài trời, vẫn mưa và gió thét gào, như trong lòng Hoạn Thư.

Rồi Hiền Lương tự bảo, về đây, đâu phải để đọc sách. Đọc sách chỉ để trám vào sự trống rỗng, hay để vơi bớt sự đầy ắp của tâm trí. Cuốn sách đáng đọc bây giờ là suy nghĩ về ông Hiệu Diên. Bức tranh ba cô gái trên bến sông gác lại đó. Cần một thời gian ngắn để ủ chín cảm xúc và đây đặt thêm hình tượng. Về nỗi đau mẹ cô, Hiền Lương chẳng hiểu gì.

Ngoài trời, vẫn mưa và gió thét gào.

Văng từ đâu đó trong kí ức cô một bài ca dao về lòng cao thượng nhân hậu của chàng trai nào xa xưa:

mất nhau từ thuở còn son
anh về qua ngõ thấy con nàng bò
con nàng những đất cùng tro
anh đi gánh nước rửa cho con nàng

Có thể đấy là ghen và hận đã được tình yêu làm thăng hoa chăng?

8. CƯỚC CHÚ chương VIII:

(*) Đây là một chú thích sai tính hệ thống. Sở dĩ như vậy là bởi tác giả tiểu thuyết (TXA.) tự ý dịch nhan đề của cuốn sách tiếng Anh này sang tiếng Việt (gần sát nghĩa, nhưng đúng với tinh thần nội dung của cuốn sách) để nhân vật Hành khởi lược thuật. Dịch như thế, khác với nhan đề bản dịch của dịch giả Nguyễn Tấn Cứu (cũng đúng là trong cuộc chiến tranh giữa Việt Nam với bá quyền bành trướng Trung Quốc - Khe-me Đỏ diệt chủng, 1975 - 1989, chân lí và chính nghĩa thuộc về Việt Nam). Sở dĩ như vậy cũng bởi lẽ khác, tác giả tiểu thuyết mới tìm lại được bản sách dịch này để xem lại trong dịp sửa chữa, bổ sung lần thứ ba (quý tư 2003). Xin vui lòng xem chú thích III, mục II, tiểu mục 3. Kính cáo lỗi.

CHƯƠNG IX

1

Sáng sớm, nắng giữa mùa hè hồng tươi chiếu tràn vào nhà. Cô Bân và Hiền Lương đứng ở chái đầu hồi tiếp giáp với mái trước nhà ngang, vừa trò chuyện với thím Cận, vừa trông chừng ngoài ngõ. Như đã định với nhau hôm trước, ông giáo Hiền và Hành sẽ qua nhà rồi cùng lên chùa. Trưa nay, sư Tâm Tự mời một bữa cơm chay, bữa cơm theo triết lí của sư, sư đã nhờ một vài đạo hữu sẽ nấu giúp. Sư đã bày tỏ ý mong muốn mọi người đến sớm để có cả một buổi sáng đàm đạo cho vui. Bây giờ cũng đã hơn bảy giờ. Nắng đã rực rỡ lắm. Trận mưa rào hai hôm trước ngõ chừng chưa mưa.

Nhác thấy hai ông cháu, cô Bân và Hiền Lương chào thím Cận, bước ra ngõ.

Bốn người niềm nở chào nhau, rồi cùng bước trên đường làng. Bóng tre hóp mát rượi, co tràn, chao đưa từng vạt nắng vàng óng.

Ở chùa, sư Tâm Tự đã tưới cây xong từ lâu, đang ngồi chuyện trò với ông Nộp cùng ông Hiệu Điền, trên chiếc chiếu trải giữa nền xi măng. Khay chén, bình ấm nước chè xanh đặt trước mặt. Khi thấy khách đến, ba người bước ra đón. Nhưng vì nạng gỗ hơi bất tiện, ông Nộp chỉ đứng vin tay vào khung cửa trông ra.

Sư với sáu vị khách ngồi xếp bằng trên chiếu uống nước chè xanh. Sực nhớ, nhà sư đến góc phòng bưng lại một mâm quả chín.

Bao giờ cũng vậy, khởi đầu là chuyện nắng mưa dưa lúa. Thời điểm này, sau vụ gặt, đã cấy xong, ngoài ruộng chỉ

còn ít người vừa hò vừa nhổ cỏ đợt đầu cho lúa hè thu. Tiếng hò đối đáp đâu đây vắng vắng. Hiền Lương nghe giọng hò gió sớm đưa thoảng lại từ phía sau lưng chùa giữa những câu chuyện trò, thấy thật thú vị.

Lát sau, chú Tập dắt xe vào. Mọi người nhóm dậy, đã thấy chú Tập đưa tay ngăn và nói:

- Thật vui! Các vị đến sớm, tôi phải lỗi vì còn bận trao đổi với bên Ủy ban xã, giờ ni (này) mới tới được đây. Xin lỗi, xin lỗi.

Khi chú Tập dựng xe, bước vào, cởi giày, ngồi lên chiếu, sư Tâm Tự rót nước chè xanh bốc khói vào chén, mời chú Tập. Nhà sư nói với nụ cười:

- Lẽ ra, chẳng dám mời các vị sớm thế ni (này). Mời cơm chay bữa trưa, giờ chừ (bây giờ) còn quá sớm. Chẳng qua, có cô Bân, cháu Hiền Lương về thăm, nghe đâu chuẩn bị vào lại Thủ Dầu Một, lại nghe cháu Hành cũng sắp đi học để chuyển sang công tác khác, và những người già cả, - Nhà sư cười, nhìn ông giáo Hiền, ông Hiệu Điền, ông Nộp -, gặp nhau cho vui, nên mới dám rứa (vậy). Lại được chú Tập nhận lời, hay quá. Thật ra, cơm canh nhà chùa đạm bạc, chỉ rau quả trong vườn chùa, nhờ một vài đạo hữu nấu giúp... Bây chừ (giờ), mời các vị dùng chút hương mật hoa quả.

Chú Tập uống hết chén nước vừa nguội bớt, bật lửa châm điếu thuốc.

- Xin lỗi cô Bân, cháu Hiền Lương, các vị không hút thuốc lá... Nhân đây, cũng xin thưa với nhà chùa, Đảng ủy xã vừa rồi đã nhất trí với Ủy ban xã, định vụ đông xuân tới, sẽ cấp thêm cho quý đất ruộng vườn chùa một ít sào, để có thêm ngân quỹ tu bổ, tôn tạo chùa. - Chú Tập nhìn ông Nộp -. Tôi cũng đã trình bày việc ni (này) với các bác trưởng tộc, cũng để tôn tạo đình, và hương khói, tế lễ tổ tiên, thành hoàng.

- Việc này là việc của hàng nghìn năm trước, nay được lưu tâm lại như ri (vậy), thật quý hóa. - Nhà sư cười niềm

nở, nhìn mọi người, nhưng chủ yếu nhìn Hành, cái nhìn đầy niềm gửi gắm, rồi dừng mắt ở Hiền Lương, người trẻ tuổi nhất -. Bây giờ, xin được dài dòng một chút.

Sư tiếp tục nói, giọng chậm rãi (II. 15):

- Chữ Bụt hay Phật vốn được phiên âm từ chữ Bu-đa, trong tiếng Phạn, có nghĩa là người giác ngộ. Theo tín ngưỡng dân gian hóa, Phật là Trời, Bụt có khi đồng nhất với Tiên, và cũng là Thần linh. Ngoài niềm tin vào Phật tánh (tính Phật), tín ngưỡng ấy còn tin có cái ngã siêu linh ở mỗi sinh mệnh, tồn tại ngay sau khi sinh mệnh ấy đã chết. Tín ngưỡng thờ Mẫu Việt Nam còn đồng nhất Mẫu với Phật bà: Quan Âm Thị Kính. Do đó, nên dân gian thờ lạy, xin giải oan, cầu an, cầu siêu, cầu khẩn nhiều việc khác ở trần gian ta bà này. Thật ra, Đức Phật chủ trương diệt dục. Diệt dục thì vô cầu. Không cầu xin ai hết, chỉ coi trọng nỗ lực bản thân. Ngay tu cũng tự tu, chứ chẳng ai tu thay ai được. Mỗi người tự tu, ước nguyện tốt sẽ đạt. Tín ngưỡng dân gian có nghi lễ thờ lạy, cầu xin, xem ra phù hợp với đại chúng. Tuy nhiên, đạo Phật có tám vạn bốn ngàn pháp môn. Con số ấy tượng trưng cho số lượng chúng sanh, hằng hà sa số. Nguyên lí chung nhưng trình độ, thể tạng (căn cơ) riêng, ai tu ở mức nào, bằng cách nào, với pháp môn nào cũng có lợi chung cho xã hội và bản thân. - Nhà sư lại nháp giọng -. Thực tế, cũng có rất nhiều người chỉ tin Đức Phật Thích Ca là triết nhân, là người thầy, cũng là người bạn không có tuổi, nghĩa là muôn thuở: người bạn, người thầy muôn thuở, như Đức Khổng Tử. Những người ấy chỉ tạc tượng Phật, đặt ngòai trên đất, và cùng với mọi đạo hữu (bạn cùng tu đạo) đàm luận, thiền định, như chúng ta đang ngồi với nhau đây. Tiếc là chưa có tượng Phật ngòai cỡ bằng người thật đặt bên cạnh chúng ta. Phật Thích Ca vốn ngòai trên đất dưới gốc bồ đề mà tìm ra được Lẽ Đạo, không tòa sen, không bệ thờ, cũng cầm bình bát đi khát thực để tiện cho việc truyền đạo. Ngòai từ bỏ ngai vàng cao sang nhất để làm người cùng khổ

nhất vì khổ đau và vô minh của chúng sanh. Vì tôn chỉ của Đức Phật như thế, Ngài không bao giờ muốn được thờ lạy, nhang khói gì cả (II.9). - Nhà sư Tâm Tự lại khế khàng, ôn tồn nói -. Do đó, ước muốn của bản thân tôi là ngoài hình mẫu chùa truyền thống, với nghệ thuật kiến trúc Thiền tông, rất đậm, kị nong, còn có một ngôi chùa như nhà ngang này, được xây theo kiểu một thư viện Phật học, khoa học kĩ thuật, một câu lạc bộ tinh thần. Như vậy, phù hợp với hai loại căn cơ chính. Trong hai hình thức, cách thứ hai rất dân chủ, bình đẳng, phù hợp với tôn chỉ của Đức Phật. Và Phật Thích Ca, vốn người Ấn Độ, da nâu đen, tóc xoăn, cũng gần như người châu Phi, da đen, tóc xoăn tít. (Ai Cập ở Bắc Phi là cái nôi văn minh nhân loại). Người Ấn Độ ở châu Á, nâu đen, - Sư nhấn mạnh -, chứ không phải vàng như người Việt, người Hoa. Vậy không lẽ gì tượng Phật không đen! Như thế là xóa phân biệt chủng tộc, "hàng rào màu da". Nhà chùa cũng mơ ước kinh sách phải được dịch ra tiếng Việt một trăm phần trăm, sách báo dễ hiểu, ai cũng đọc được, hiểu được. Ngoài ra, còn tập khí công, dưỡng sinh, sinh hoạt thanh thiếu niên. Các Mác, cũng là triết gia. Mác và Phật cũng là bạn bè, anh em. Có thể có cả tượng Mác trong chùa.

Khi sư nói đến đây, mọi người đều thấy lạ. Sư Tâm Tự quả là cởi mở, khoáng đạt về tư tưởng khác thường.

Chú Tập nói:

- Tư tưởng của sư quá hiện đại! - Và chú liên tưởng đến Mai Hắc đế, vị vua anh hùng cứu nước có làn da nâu đen.

Nhà sư lại nói đến sự độc đoán của "đêm trường trung cổ", văn minh khoa học kĩ thuật của Phương Tây từ thời Phục hưng, và đặc biệt về Chúa Giê-su, Chúa vốn là người thợ mộc, người còng khổ, người nô lệ dưới ách đế quốc La Mã.

Nhà sư trầm ngâm, mỉm cười nói:

- Phật giáo, Lão giáo là hai đạo hơi lánh đục về trong, xa cách cuộc đời, không dấn thân vào đời, tuy nhiên vẫn nhập thế (dấn thân vào đời) bằng cách xuất thế (thoát khỏi sự phàm tục). Xuất thế, nói rõ ra là đi tu ở chùa, để đồng thời nhập thế, hành đạo, giúp đời cải hóa đời theo lẽ thiện, hòa nhưng không đồng. Chữ xuất này khác với chữ xuất của nhà Nho, về phương thức. Lễ xuất xử (hành, tàng: làm quan, ở ẩn) ngày xưa của kẻ sĩ là xuất (ra khỏi nhà, ra trường để vào đời, dấn thân) theo Nho giáo, còn xử (ở nhà, không tham chính, hoặc đã tham chính, về hưu) theo Phật và Lão. Lão cũng nghiêng về xử, dẫu có bàn chuyện chính trị, quân sự, nhưng thế là tham chính gián tiếp thôi. Không thể tham chính trực tiếp bằng Đạo Đức Kinh. Xưa, phải chăng, - Nhà sư nói -, chủ yếu trị nước bằng hữu vi, còn vô vi chỉ là một cách làm cho hữu vi mềm dẻo bớt. Nay, Phật phải khế cơ, dung hợp với Mác, trên tinh thần lấy chủ nghĩa yêu nước, văn hóa Việt Nam làm nền tảng, cốt lõi. Đó là thế theo như xưa, cũng trên tinh thần Việt Nam mà Phật giáo dung hợp với Nho và Lão giáo. Phật - Mác - tư tưởng Hồ Chí Minh, cùng tinh hoa các triết thuyết của các tôn giáo khác, dung hợp lại... Nhưng đạo Phật vẫn là Phật giáo Việt Nam, nghĩa là vẫn giữ đặc trưng của một tôn giáo đã có truyền thống yêu nước, đi đôi với một trường phái đạo đức học thực hành, thực nghiệm.

Sư Tâm Tụ vẫn mỉm nụ cười cố hữu, nhìn quanh mọi người. Sư nói dài, mọi người vẫn im lặng lắng nghe, bởi có nhiều ý tưởng mới mẻ đến bất ngờ khiến phải chú tâm.

- Hay quá, thưa sư. Thật là thú vị. - Hành nói, nét mặt đăm đăm lắng tai đã giãn ra rạng rỡ với nụ cười.

Ông giáo Hiền nói với giọng rất vui:

- Tôi, tôi có Đạo của tôi. Một mình một Đạo. Thú thật là mười lăm năm nay tôi có chiêm nghiệm lại những điều đã đọc trước đó, những điều đã trao đổi với sư Tâm Tụ hồi dạy học ở Đông Hà, thời đang còn chiến tranh. Tôi chỉ mơ ước

sẽ xây một cây cầu bắc ngang sông Bến Hải, thật hiện đại, thật nghệ thuật, tất nhiên cũng rất Việt Nam. Trên cầu ấy, có những hình tượng của tôi, những hình tượng mà giờ đây, là ông giáo ăn lương hưu còn túng thiếu, tôi chỉ có thể “tạc” bằng cây kiềng - chèn lá nhỏ.

Bản khoản lâu nay, Hiền Lương hỏi ngay:

- Thưa ông giáo, những hình tượng ấy có ý nghĩa gì ạ?

Ông giáo Hiền tằm tằm cười, nhìn Hiền Lương, triu mến, cố ý làm giảm nhẹ tính hệ trọng của vấn đề vì lòng khiêm tốn cố hữu:

- Đùa cho vui, chứ có chi bí mật mô (đâu). Cuốn sách thứ nhất là Từ Điển Bách Khoa Toàn Thư Thế Giới, tập hợp mọi công trình khoa học, nghệ thuật... tự cổ chí kim, gồm tất cả mọi trường phái, của mọi quốc gia, dân tộc. Xin nhấn mạnh là bách khoa, gồm mọi lĩnh vực, đã được ghi lại. Quả tròn là Quả đất, hành tinh của chúng ta. Nghĩa là tôi muốn tôn vinh những triết gia, nhà toán học, vật lí học, y học, văn vân, đã có công với nhân loại, đồng thời tôn vinh những sự nghiệp chung. Thích Ca, Lão, Khổng, Giê-su, Các Mác, mỗi người một mục từ mà thôi. Hồ Chí Minh cũng vậy. Nguyễn Trãi, Nguyễn Du cũng mỗi người một mục từ. Trần Hưng Đạo cũng thế. - Ông nói -. Tất nhiên trong cuốn sách bách khoa này, có cả Võ Nguyên Giáp nữa. - Ông giáo Hiền cười -. Có gì ghê gớm đâu. Có gì bí mật đâu. Và cuốn thứ hai là Từ Điển Bách Khoa Việt Nam, riêng về Việt Nam, với các mặt, các lĩnh vực, tự cổ chí kim... Nói chung là văn minh thế giới, trong đó có Việt Nam, và văn minh Việt Nam, riêng Việt Nam, tất nhiên như văn minh của các dân tộc khác, có ảnh hưởng, tiếp nhận văn minh thế giới. - Ông giáo Hiền cười -. Bản đồ, rõ rồi: Hình tượng Đất nước Việt Nam! Còn Thánh Gióng, ấy là biểu tượng chiến sĩ vô danh, là biểu tượng chủ nghĩa anh hùng của nhân dân Việt Nam, từ xưa đến nay. Vấn đề là tôn vinh không chỉ các danh nhân tư tưởng, triết học, tôn giáo... mà còn tôn vinh các nhà khoa học - kĩ thuật

thuộc các khoa tự nhiên... và chú trọng việc tôn vinh các chiến sĩ vô danh...

Hiền Lương cũng đã đoán được phần nào điều này. Nhưng cô nghĩ, như vậy, đó là hai hình tượng sách của hai cuốn sách có chữ chữ, sao lại vô ngôn vô tự? Chưa kịp hỏi, ông giáo Hiền đã gật gù nói tiếp:

- Về hình tượng Thánh Gióng... - Cũng như lúc này, ông giáo Hiền tuy tỏ ra đùa vui, nhưng trong thâm tâm rất tâm đắc, xem đây là vấn đề hệ trọng, do vậy, ông giáo hơi ngập ngừng, đôi khi lúng túng - ..., đó là huyền tượng kì vĩ, tuy dân dã, đã có nhiều sách vở nghiên cứu, ca ngợi. Đó là bậc thánh dân gian, có công không kể công, có danh không lưu danh (tên Gióng chỉ là tên làng). Đó còn thuộc mẫu đề, tức là mô-típ, Người con của Thần linh, của Thượng đế, như Thánh Giăng, như chúa Giê-su. Đã là con Trời, sao không trên trời rơi xuống? Sao không bước ra từ núi nứt làm hai? Thật ra, đó là con người chí thánh, cứu dân cứu nước, kì tài, nên nhân dân không thể tin là do máu huyết người cha phạm trần mà sinh ra đời được. (Theo quan niệm phụ hệ, bây giờ vẫn còn tồn tại, gốc gác con người, họ tộc, dân tộc là theo người cha, còn người mẹ không đáng kể, mặc dù mang nặng đẻ đau!). Đó có thể là con người có thật, được huyền thoại hóa, nên chỉ còn một nửa sự thật, cái lõi hiện thực, nghĩa là không huyền thoại một trăm phần trăm, cũng chẳng mười mươi hiện thực. Chỉ các nhân vật từ trên trời rớt xuống mới thuộc huyền thoại trăm phần trăm. Cũng có thể, như đã nói, nhân vật không có quốc tịch, vì cha đâu biết là ai, mà là Trời! - Ông giáo Hiền mỉm cười, nhấp một ngụm chè xanh -. Cũng có thể, truyền thuyết ấy phản ánh bi kịch vô sinh, hiếm muộn, con hoang, con cầu tự. Trong đó ý nghĩa con hoang là hay nhất: Đứa con hoang vĩ đại, chí thánh. Đây là chủ nghĩa nhân đạo, không phải nhân đạo với người mẹ mà với bào thai vô tội. Mẹ tội lỗi... nhưng con xứng đáng làm người, có quyền làm người, và hơn thế, là

người chí thánh nữa, có điều không thể đảm nhiệm chức vụ gì, vì không rõ dân tộc, gốc tích của người cha. Không thể có một Hồ Quý Ly thứ hai, lấy tên nước Ngu của ông ta bên Tàu để đặt quốc hiệu nước mình, dù là Đại Ngu. Ấy là biểu hiện của ý thức xâm lược. - Ông Hiền cười trưóc sự bàng hoàng của mọi người -. Đó là nói tận cùng. Tôi rất sợ sự phẩn bội của hình tượng đối với ý đồ của tác giả... Tôi vẫn nghĩ, những vĩ nhân không làm chính trị, không xây dựng sự nghiệp chính trị mà thành vĩ nhân, hoặc thành vĩ nhân trong các lĩnh vực không liên quan đến an ninh, quốc phòng, họ đã thuộc về nhân loại rồi, không cần thuộc về dân tộc nào, quốc tịch nào, màu da nào, thời đại nào... Thánh Gióng ngày xưa, nói theo ngôn từ ngày nay, vậy là cũng đã tham gia quốc phòng, nhưng chỉ là tướng mặt trận, chỉ huy lực lượng dân quân... Thánh Gióng đánh tan giặc Ân, là đánh tan quân xâm lược. Chống sự xâm lược của ngoại bang, đây là giá trị nhân văn toàn cầu, dân tộc nào, quốc gia nào cũng đồng tình, nhất trí. Xin đẩy tới tận cùng ý nghĩa của hình tượng! Thánh Gióng, suốt ba năm từ lúc lọt lòng đến khi vươn vai trở thành tráng sĩ, không nói, cũng không khóc cười, chỉ biết lặng nhìn tình cảnh mất nước và lắng nghe tiếng gọi cứu nước. Như vậy là cậu bé làng Gióng đã tiếp thu bằng mắt, bằng tai văn hóa Việt, tinh thần yêu nước Việt, xứng đáng là vị thánh Việt Nam, vị thánh của mọi dân tộc bị áp bức, xâm lược trên thế giới. Thánh Gióng lại được nhân dân nuôi dưỡng bằng cà, xôi, rất dân dã, rất dân tộc, đậm đà tính nhân dân... Tóm lại, chỉ thần linh hóa một con người rất Việt Nam, đồng thời rất nhân loại.

Hiền Lương buột miệng:

- Thừa ông giáo, nhưng người mẹ của hai mẹ con Thánh Gióng là nhân dân làng Gióng, nhân dân Việt Nam chứ!

Ông giáo Hiền cười ha hả:

- Hay! Cực hay, rất hay! Nhân dân Việt Nam sinh nở ra hai mẹ con Thánh Gióng. Rõ hơn, dân tộc mình sinh nở ra truyền thuyết ấy là đã sinh nở ra hai mẹ con làng Phù Đổng ngày xưa. Thánh Gióng xứng đáng là hình tượng chiến sĩ vô danh, biểu tượng của chủ nghĩa anh hùng Việt Nam và chủ nghĩa nhân đạo Việt Nam. Phải nói lại: nên lật ngược, lật xuôi các chi tiết, vì tôi rất sợ sự phẫn bội của hình tượng nghệ thuật đối với ý đồ sáng tạo của tác giả. Nhưng tác giả đây là nhân dân Việt Nam.

- Thực ra, làm gì có chiến sĩ vô danh! - Hành nói -. Ai cũng có tên, nhưng vai trò đóng góp khác nhau ở mức độ và quy mô thôi. Nếu kể gia đình thương binh liệt sĩ chống Pháp, riêng về loại chống Pháp, phải kể từ người hi sinh bởi phát súng xâm lược đầu tiên vào thời điểm một tám năm tám tại Đà Nẵng, từ nghĩa sĩ Cần Giuộc, chứ đâu phải từ liệt sĩ Việt Nam Cộng sản đảng hoặc chỉ kể từ các liệt sĩ năm bốn lăm đến năm tư! Ai tặng bằng liệt sĩ cho nghĩa quân Phan Đình Phùng, Hoàng Hoa Thám, binh lính của Đội Cung, đồng chí của Nguyễn Thái Học...? Chiến sĩ vô danh, mở rộng ra từ nghìn xưa đến nay, chỉ là ý niệm về những liệt sĩ có tên, nhưng vai trò bé nhỏ, do đó, bị quên mất, bị thời gian làm cho vô danh. - Hành muốn nói về ba và mẹ của anh, chú Học và o Ngoan, liệt sĩ chống Mỹ, nhưng kịp dừng lại vì lòng khiêm tốn. Một lúc, anh nói tiếp -. Chiến sĩ vô danh không chỉ là liệt sĩ với nghĩa "tử sĩ" mà còn là những chiến sĩ hiện đang còn sống...

Ông giáo Hiền cười ngậm ngùi:

- Vậy nên phải có biểu tượng Chiến sĩ vô danh, trong đó kể cả quân tình nguyện quốc tế. Với lại, bây giờ, còn có sách in tên tuổi, đĩa vi tính...

Hiền Lương hỏi ông giáo Hiền:

- Sao lúc cháu mới về, ông bảo đó là cuốn sách Vô ngôn Vô tự?

Ông Hiền nhìn Hiền Lương, gật gù:

- Nghĩa thứ nhất, cả hai cuốn là sách Hữu thức, có chữ, có các mục từ, về đủ mọi lĩnh vực, như đã nói, kể cả mục từ như thể “Chiến thắng quân Nguyên - Mông lần thứ nhất của nhân dân Việt Nam (Đại Việt)”. Nghĩa thứ hai, cả hai cuốn đồng thời là hai cuốn sách Vô thức, như thể vô thức cộng đồng. Không có gì đã có mà mất đi, cho dầu một ý nghĩ tốt hoặc xấu trong đầu, bâng quơ hay nung nấu. Vì sao? Vì những ý nghĩ ấy sẽ ngấm ngấm chi phối một đời người, đời người ấy tương tác cùng bao người khác nữa, cũng là nhân, sinh ra quả, tùy chất, tùy lượng mà tốt hay xấu, theo một tiến trình biện chứng. Ví như một sợi khói thuốc lá cũng đủ gây thêm một chút ô nhiễm làm hỏng tầng ô-dôn, dầu người ấy hút thuốc một mình trong đêm tối, ngỡ chỉ tự hại phổi. Ví như đọc một câu thơ hay trong óc cũng có tác dụng tự kỉ ám thị, làm tốt đẹp hơn cái tâm, cái tình người đọc ấy, rồi sẽ gián tiếp ảnh hưởng sang các hành vi khác ngỡ chẳng liên quan, hay liên quan trực tiếp đến câu thơ là một số hành vi nào đó, và hành vi ấy, những hành vi ấy, sẽ tác động ít đến nhiều tới cộng đồng, với mức độ, quy mô, từ nhỏ đến lớn... Hai cuốn sách ở nghĩa thứ hai, Vô ngôn Vô tự, là vậy. Không có gì đã có mà mất, có thể nó tồn tại ở dạng khác. Mọi người nghĩ tốt, tích lũy cái tốt, phê phán sâu sắc và triệt để cái xấu, sẽ sống tốt.

Hiền Lương, Hành, nhất là sư Tâm Tự, ông Hiệu Điền, quá chừng xúc động. Khoa học, sâu sắc, Hiền Lương thấy ý tưởng của ông giáo Hiền đúng là như vậy.

Lúc này, ba đạo hữu đã đến. Chín giờ sáng rồi. Nắng trên những luống hoa rất tươi thắm. Ba người đạo hữu xuống bếp lo bữa cơm chay. Sư Tâm Tự chỉ dẫn cho họ, rồi lên lại phòng khách. Sư ngồi xuống chỗ cũ, nói:

- Tôi phải thừa nhận đó là Đạo hay nhất, bao trùm nhất, dân tộc nhất, cũng nhân loại nhất. Nhà khoa học tự nhiên, như nhà vật lí, khoa nguyên tử chẳng hạn, phải là nhà cứu thế, đừng biến công trình của mình thành vũ khí giết nhân

loại, tan nát hành tinh, mà dùng năng lượng nguyên tử vào các công trình nhân sinh, dân sinh, vì sự sống, vì hạnh phúc của nhân loại. Tôi đề nghị ông giáo Hiền bàn với các bác trưởng tộc trong làng, với ông Nộp hiện có ở đây, để vận dụng cụm hình tượng đó vào đình. Cái đình là cái quốc túy, quốc hồn. Nói cho rõ, cái đình là cái tinh túy và thuần túy của Đất nước, là hồn thiêng Tổ quốc Việt Nam mình.

Ông Nộp cười:

- Tôi có là gì đâu! Chỉ là ông từ lừ đừ vào đình, thấp nhang quét bụi, giữ ba đứa con nít phá bậy!

- Nhưng phải có ông giữ gìn chứ! Này, anh Hành, anh nên viết báo phổ biến rộng khắp đi. Hay lắm! - Nhà sư nói.

Hành trình bày quan niệm về cái đình của mình như đã nói với Hiền Lương hôm trước. Mọi người khen hay. Ai nấy đều rạng rỡ gương mặt.

- Hồn thiêng Sông núi, Tổ quốc. Đúng vậy. - Chú Tập nói.

Ông Nộp buông ra bốn chữ của câu thành ngữ:

- "Xưa bày nay làm"!

Nhà sư cười, vỗ vai thân mật Hành:

- Rồi chúng ta, kể cả Hiền Lương và Hành, sẽ thành cái gọi là Xưa. Phải có người xướng lên, rồi mới có người đóng góp ý kiến, ủng hộ. Cái gọi là Nay sẽ là thế hệ của ba, bốn mươi năm sau, một trăm, một vạn năm sau. - Sư Tâm Tụ lại nói, lần này cố ý lớn giọng, nghiêm túc -. Cuốn sách Ghi công Thế giới (có thể ghi cả tội), cuốn sách Việt, gồm làng và nước, sẽ chẳng bao giờ bất biến. Chúng sẽ được sửa chữa, chỉnh lí, bổ sung theo trí tuệ từng thời đại, theo một hệ giá trị bất biến mà cốt tủy là chủ nghĩa yêu nước Việt Nam, chủ nghĩa nhân đạo Việt Nam, tức là nhân nghĩa Việt Nam. Cụm hình tượng chỉ là biểu tượng. Biểu tượng ấy, tất nhiên là bất biến. Nếu phát hiện ra một, biết đâu, những hành tinh nào có sự sống, có văn minh trao đổi văn minh với Quả đất này, cụm hình tượng sẽ được người đời sau bỏ

sung thêm! - Nhà sư lại nhìn ông Hiền -. Nếu truyền bá ra thế giới, Bản đồ và Chiến sĩ vô danh phải tùy từng nước chứ? Cả cuốn sách thứ hai cũng vậy? Xin thầy giáo Hiền cho ý kiến.

Ông giáo Hiền cười ha hả. Ông Nộp thấy ngại ngại. Đó là chuyện lớn, chuyện tâm linh, ảnh hưởng đến nghìn năm sau! Thật hay, nhưng táo bạo, mới mẻ quá. Ông Nộp lo là phải. Nhân gặp nhau, bàn chuyện Đạo cho vui thôi. Ông thấy cần suy nghĩ lại.

Sư Tâm Tụ nói:

- Phải bàn bạc rộng rãi lúc tế đình làng. Ngày Hội làng sắp đến rồi. Quyết là làm, nếu được đa số đồng tình, đồng ý. Xin thực hiện ngay tại làng mình. Có cấp ủy Đảng đây.

Chú Tập gật gù nhưng vẫn hơi dè dặt.

Hiền Lương, cô Bán thấy Đạo của ông giáo Hiền hơi gần với các tôn giáo hòa đồng của người dân Nam Bộ, rộng mở và đoàn kết. Có lẽ đây là tinh thần của người Việt thoát khỏi sự trì trệ của đất Bắc đây rầy định kiến vì định cư một chỗ quá lâu. Người Nam bộ từ Trung, Bắc vào nhưng rất hào phóng, cởi mở. Tinh thần ấy có được là nhờ Đất, nhờ thoát khỏi những trói-buộc-sinh-ra-cục-bộ-địa-phương-chủ-nghĩa. Đạo của ông Hiền đúng là tinh thần Nam bộ, nhưng bao quát hơn, khoa học hơn, rất xem trọng khoa học - kĩ thuật, quân sự, chính trị nhưng không thể xem nhẹ tâm hồn, tư tưởng, văn hóa.

Chú Tập gật gù nãy giờ, khẽ ngẩng đầu nói:

- Vấn đề “đầu tiên”, xin thưa, ấy là “tiền đầu”. Tôi nghĩ, chùa và đình nhận thêm ruộng rồi mời người (đạo hữu, dân làng) nhận làm khoán, tính bao nhiêu phần trăm lợi tức, tỉ lệ sao cho hợp lí, thỏa thuận đôi bên bốn bề. Sư già rồi, đầu cày ruộng được nữa. - Chú Tập ngừng lại -. Vấn đề Đạo, chắc phải còn bàn lui bàn tới, lật ngược, lật xuôi nhiều bề, xong nhờ cháu Hành viết giúp một loạt bài báo, gửi đăng khắp nước để lắng nghe ý kiến phản hồi, có thể có ý kiến

của Việt kiều, của người này kẻ nọ, rồi sau đó mới thực hiện. Phải khoa học và cách mạng, đồng thời không thể để truyền thống bị xói mòn được. Nói như Hành, phải cách tân, nhất định phải cách tân để duy trì, phát huy truyền thống, cụ thể là cái đình.

Mọi người bày tỏ sự nhất trí. Chú Tập lại nói:

- Đây là chuyện Đạo. Xin tạm gác lại. Bây chừ (giờ) tôi xin các vị vài phút bàn chuyện đời. Đời và Đạo. Đạo là Đời. Đó là những điều chú Nông nói sơ sơ hôm nọ, về vấn đề Mở cửa, Đổi mới. Tôi suy nghĩ nhiều về vấn đề này. - Chú Tập ngừng lại -. Thật ra, chẳng có gì mới nhưng hóa ra mới. Lẽ ra, nên gửi thanh niên ra nước ngoài du học, tiếp thu khoa học - kĩ thuật tiên tiến, biết đón đầu khả năng phát triển. Lẽ ra, phải vay vốn quốc tế, tranh thủ viện trợ, vãn vãn, để tự xây dựng, tự phát triển kinh tế. Lẽ ra, phải được trả tiền bồi thường chiến tranh. Lẽ ra, nếu cần, mời (hoặc thuê) chuyên gia nước ngoài. Và lẽ ra, chỉ buôn bán, mậu dịch với các nước tại cửa khẩu thôi. Lại lẽ ra, phải dẹp hết các tập đoàn tư bản liên quốc gia, nước nào tự phát triển tại nước đó. Cạnh tranh, buôn bán chỉ tại cửa khẩu hữu nghị. Không cạnh tranh quốc tế quyết liệt, nhưng nếu nhà cộng sản, nhà tư sản trong nước có ý thức tự cường dân tộc, nếu có chính sách tôn trọng chất xám, khoa học - kĩ thuật vẫn tiến bộ, vẫn phát triển, vì đã đến thời bùng nổ thông tin toàn cầu, du lịch toàn cầu. - Chú Tập nhếch môi cười -. Đúng là chấp nhận đầu tư của các tập đoàn tư bản liên quốc gia là chấp nhận bóc lột bởi chủ nghĩa đế quốc về kinh tế, trong đó có sức lao động, tài nguyên, kể cả chất xám... Hình tượng con đĩa hai vôi do Ăng-ghe-nơ ví von, Bác Hồ có nhấn mạnh lại rất lâu rồi. Nhưng đó là chuyện "lẽ ra". Thực tế đâu khỏe khoản và tốt đẹp vậy! Đế quốc là bóc lột. Bóc lột các nước chậm phát triển về kinh tế mới là thực dân mới, đế quốc kiểu mới. Nhưng, "gặp thời thế, thế thời phải thế"? Vấn đề đầu đầu là ở đó! Chúng giàu mười, mình khá lên

một, trong lĩnh vực chấp nhận đầu tư! Và vấn đề nước quá giàu, nước quá nghèo vẫn phải còn mãi, nhân loại vì thế còn đau khổ và vô minh mãi! - Chú Tập hơi chua chát, nói tiếp -. Thế giới đại đồng, xem ra còn lâu lắm, xa lắm, vài ngàn, vạn năm nữa. - Chú Tập ngừng lại, và thấy cũng cần nói rõ thêm -. Chuyện hòa chủng, hòa trộn màu da, lâu lắm, xa lắm, mặc dù chuyện hòa chủng này tuyệt đối không nên nói tới, vì nói tới sẽ gây tác hại khôn lường, chẳng khác gì biện minh cho sự đồng hóa dân tộc của bọn xâm lược, bành trướng!... Ước mơ của tôn giáo, của chủ nghĩa cộng sản dân tộc - liên minh quốc tế khá cam go...

Trong câu chuyện, thật ra, có nhiều danh từ, nhiều vấn đề nghe còn lạ tai với một số người, nhưng tinh thần chung ai nấy đều hiểu và đều băn khoăn. Không dừng, cuộc gặp mặt, dùng cơm chay thân mật trở thành như một cuộc hội thảo với các tham luận! Những người có mặt hôm nay có lẽ còn bị lôi cuốn với nhiều ý kiến táo bạo, mới mẻ nhưng cũng tạm gọi là chín chắn, có suy nghĩ. Hiền Lương có nhiều thắc mắc. Cô Bân cũng vậy. Ôi, thế Chúa Giê-su cũng có một mục từ trong cuốn sách của ông giáo Hiền cộng sản sao! Cô Bân thấy cũng là lạ, vì xưa nay cô chỉ hiểu về Chúa Giê-su theo tinh thần thần học La Mã.

Nhưng bữa cơm chay rau dưa tương đối đẹp và ngon mắt, mặc dù đạm bạc, như tôn chỉ tu hành, đã được đề nghị bưng lên.

Nhà sư nói:

- Thôi, xin quý vị bớt động não. Chuyện vui hóa ra nghiêm túc cũng hay. Ai cũng định nói sơ sơ, hóa ra ai nói cũng rất ráo. Bây giờ, xin mời dùng cơm chay với nhà chùa đã.

Mọi người mỉm cười, hầu như nụ cười nào cũng phảng phất chút băn khoăn. Chẳng hiểu tại sao suốt buổi ông Hiền Điền chẳng nói gì. Ngỡ ông vẫn im lặng, không nói, nhưng bây giờ ông bỗng cất giọng ngâm nga:

Đàn vang tích tịch tình tang

Ai đem công chúa dưới hang lên lầu?

- Thạch Sanh! - Ông Hiệu Điền nói tiếp -. Thạch Sanh cũng là con của Trời đấy! Dững sĩ trong truyện cổ này cũng thuộc mô-típ ấy. Mô-típ, tức là mẫu đề? Chất liệu mẫu ấy rất phổ biến trong truyện cổ trên thế giới. Họ Thạch, chắc người Khơ-me Nam bộ quá? Cũng... và cũng... - Ông Hiệu Điền nói với giọng trầm bổng như hát bội.

Mọi người có dịp cười ngặt nghẽo.

Hành hiệu ý, để vào:

- Cũng... và cũng... gì ạ?

- Cũng biết kể công, mặc dù chỉ kể công trong khuya khoắt. Nhưng chỉ một mình hay cố ý để ai đó nghe? Chỉ để mình oan? Và rồi Thạch Sanh cũng được làm phò mã, làm vua, đánh tan mười tám nước xâm lược chỉ bằng tiếng đàn nghệ sĩ! Ôi, tiếng đàn là vũ khí!

Giọng điệu ông Hiệu Điền như kếp, như lĩnh xướng dàn đồng ca, không, như lời bình sau hậu trường sân khấu. Bỗng, ông cắt đứt tiếng cười thoải mái của mọi người bằng cung cách rất nghiêm trọng:

- Xin thưa quý vị. Tôi, lão Hiệu Điền, xin long trọng xác quyết với quý vị: Thánh Gióng, xưa nay người Kinh Việt Nam không biết cha là ai, nhưng theo tôi, đích thực có cha là người Việt lai Chăm ở đất châu Ô này! Ngày xưa ngày xưa, châu Ô, thuộc bộ Việt Thường của nước Văn Lang. Việt Thường là một trong mười lăm bộ của nước ta hồi đó, sau Chiêm Thành đánh chiếm, ta mất cả Ô, cả Lý, chỉ còn từ châu Hoan trở ra! Như vậy, Thánh Gióng có mẹ người Bắc Ninh, cha Quảng Trị, mà là con một người Việt gốc Chăm (không phải người Quảng Trị nào cũng có hòa máu huyết với Chăm!).

Ông giáo Hiền cười giòn giã:

- Rất hay! Nhưng, có cái đúng, như chủ quyền châu Ô xưa, có cái hơi diễn dịch kiểu... đùa!

- Thì khi hồi (lúc nãy), ông chẳng đùa rằng, ông Hiền? - Ông Hiệu Diên cười, hỏi lại.

- Phải khoa học! Đùa mô (đâu) được. Vấn đề tôi tâm đắc bao năm, vấn đề tâm linh chứ đùa bỡn thế nào! - Ông Hiền tỏ ý bất bình -. Lúc trình bày, tôi xúc động quá, nên lúng búng, chưa thật rạch ròi, minh xác, đôi ý bỏ lửng... - Ông giáo Hiền ngừng lại, tự trấn tĩnh -. Tôi nhất trí Thạch Sanh có thể gốc Khơ-me Nam bộ, ngay cả cốt truyện cũng gốc ấy. Cái này đã được khoa học nghiên cứu, có cơ sở mười mươi. Và truyện Thạch Sanh trở thành máu thịt của cả năm mươi tư dân tộc Việt Nam, trở thành máu của máu, thịt của thịt của toàn dân tộc rồi, nghĩa là cũng rất Việt Nam. Đây là kết quả của sự giao lưu văn hóa khu vực. Xin mở ngoặc đơn ở đây, rằng Thạch Sanh cũng có thể thuộc gốc Việt, lai Khơ-me, rồi mang họ Khơ-me trở về Việt. Tuy nhiên, xin thưa, vấn đề là Thánh Gióng!

Sư Tâm Tự đành nói:

- Xin mời các vị dùng cơm đã. Cơm canh sắp nguội hết. Hồi nãy, tôi đã xin bớt động não để ăn cơm, bảo đảm sức khỏe. Bổng dựng, không khí sôi nổi mà căng quá.

Mọi người cười xòa. Cơm canh còn nóng sốt. Nhà sư nhìn thấy còn khói tỏa từ mâm đặt trên chiếu, nên cũng yên lòng.

- Xin mời ba đạo hữu luôn thể. - Nhà sư nói.

Bữa cơm chay đạm bạc nhưng vẫn ngon miệng, Hiền Lương và cô Bân thấy vậy.

Sư mỉm cười khi một đạo hữu nói:

- Ba chị em, o cháu tui (tôi) không trình bày món ăn theo kiểu giả mặn. Thầy đây không cho. Có nhiều người nấu chay lại trình bày y như cá, tôm, thịt sườn, chả lợn. Sợ quá. Hoa quả rau dưa phải là hoa quả rau dưa. Giả mặn là còn thị dục, tâm chưa chay!

Hiền Lương thấy món nào cũng trình bày như quả chín, kể cả đậu phụ, mì căn. Triết lí gì đây? Chỉ toàn quả chín, kể

cả cơm. Cơm được nén lại thành quả như quả vú sữa, nhưng không nhuộm màu. Hiểu ý, một đạo hữu nói:

- Hơi gấp, bày tui (chúng tôi) chưa kịp giã, vắt lá dứa thơm, lá dứa hương í (ấy), để nhuộm màu cho khéo (đẹp, tinh tế).

Ông Hiệu Diên cười to, vui vẻ:

- Hôm nay nhà chùa với bà con mình được lên cảnh giới bông lai, được làm Tiên nơi cực lạc, chỉ dùng toàn trái cây, thật sung sướng, nhẹ nhàng, thanh khiết.

Sư Tâm Tụ nói, mỉm cười:

- Áo thôi! Khát vọng cực lạc như rứa thật. Nhưng ở cõi trần gian ta bà này, thế nào cũng phải còn sát sanh, cho dù chỉ sát sanh thực vật. Thực vật cũng là sinh vật, có sự sống! Mô Phật! Nhân loại sẽ tiến hóa, cây cỏ sẽ tiến hóa, nhờ thời gian và khoa học - kĩ thuật, nhờ nỗ lực bản thân. Tương lai, loài người sẽ ăn toàn quả chín cây, kính cẩn nâng hạt sự sống gieo lại vào đất. Tạm chấp nhận, ở thời điểm tiến hóa này như vậy đã. Thôi, thôi, xin quên đi. Xin ở mỗi chúng ta có cái quên của cái hiểu, cái nhớ. Xin mời dùng cơm canh nhà chùa, đạm bạc, vẫn ngon, vẫn bổ dưỡng, bảo đảm sức khỏe. - Nhà sư chợt khựng lại -. Nhưng trước mắt và còn lâu dài, có thể đến ngàn, vạn năm sau, cần đẩy mạnh sản xuất, nuôi và trồng, kéo lệch hướng khoa học - kĩ thuật... Có điều, tôi xin thành tâm suy nghĩ, nghiên cứu ăn chay cũng là một hướng! Và tôi cũng thành tâm ước nguyện, sẽ có các nhà khoa học nghiên cứu, lai tạo giống cây trồng, tạo ra những loại cây có quả, có củ thay được thịt, cá, và bổ dưỡng hơn cả thịt, cá, giúp con người thông minh, sống lâu hơn và không bệnh tật. Đó không phải là hoang tưởng, mà chính là khả năng của hiện thực! Trần gian sẽ thành tiên cảnh!

Hiền Lương bàng hoàng xúc động, nhưng vẫn gắng ăn cho mọi người vui. Hiền Lương thực sự ngộ ra cái ăn là cái

ác. Cô những muốn vẽ ngay ý tưởng sâu sắc về triết lí nhân đạo bi đát mà lạc quan này.

Ông Hiệu Điền đã pha trò để mọi người vui vẻ ngon miệng, như chuộc lỗi trót làm căng thẳng hồi nãy.

Cơm nước xong, tám người thấy chưa nên chia tay ra về. Nhiều người còn muốn nán lại một chốc để bàn luận tiếp, nhất là Hiền Lương. Cô đã cùng mẹ chuẩn bị điện thoại vào Đông Hà, nhờ bạn của chú Cận mua vé tàu lửa giúp, để vào lại Bình Dương, cô đâu còn dịp đàm luận gì ở đây nữa. Riêng cô Bân đã thấy nặng đầu.

- Thừa sự, thừa các ông, mẹ và anh Hành. Cháu thấy còn thắc mắc, vương vís, mắc mứu nhiều khía cạnh. - Hiền Lương thưa.

Cô Bân cũng băn khoăn, nhưng gượng rầy con gái:

- Hiền Lương, các vị còn phải về nghỉ trưa. Mắc mứu (mứu) gì, vào Thủ Dầu Một, con xin phép được gửi thư ra cho ông giáo, hoặc mọi người ở đây.

Nhà sư nói, lòng vui lắm nhưng giọng vẫn nhỏ nhẹ, ôn tồn:

- Cháu cứ nêu ra. Xin mạn phép các vị. Chúng tôi gần đất xa trời rồi, chỉ hi vọng ở lớp trẻ như cháu, như Hành. Cứ nêu!

- Vấn đề Thánh Gióng, vấn đề Thạch Sanh ạ. - Hiền Lương nói.

Hành đỡ lời:

- Chuyện Thánh Gióng là truyền thuyết lịch sử, có cơ sở lịch sử, có lõi hiện thực, có nửa phần sự thật lịch sử. Thạch Sanh chỉ là chuyện hư cấu. Hư cấu, đối chiếu với lịch sử bốn ngàn năm, chỉ thấy là hư cấu. Và đấy cũng là tâm thức... Tâm thức gồm cả khát vọng nhân bản, ít nhiều có khả năng hiện thực, và dẫu sao, khát vọng cũng là hiện thực tâm lí... Đấy cũng là tâm thức Việt, gồm năm mươi bốn sắc tộc Việt Nam. - Hành bỗng mở ngoặc đơn -. Dân tộc Việt Nam gồm năm mươi bốn nhân tộc (sắc tộc), gồm cả

Chăm, Khơ-me Nam bộ và Hoa kiều. Riêng người Hoa sinh sống lâu đời ở Việt Nam, nhân dân vẫn gọi là khách. Năm mươi ba dân tộc Việt là chủ, Hoa kiều là khách. Nói thật, lịch sử bốn ngàn năm của Việt Nam, luôn luôn buộc phải đối phó với Trung Hoa để tồn tại. Nước nhỏ, phải đề phòng nước lớn, mà Trung Hoa luôn muốn đồng hóa, thống trị ta. Nên người Việt không hẹp hòi, vốn không hẹp hòi, vẫn phải cảnh giác với Trung Hoa. Chỉ vậy thôi. Còn năm mươi ba dân tộc khác, kể cả Chăm, Khơ-me Nam bộ, vẫn Việt Nam. Xin nhấn mạnh. - Hành mỉm cười - . Xin trở lại vấn đề Thánh Gióng. Truyền thuyết ấy chỉ dừng lại ở ý nghĩa Con Trời. Theo trình độ tư duy cổ, chỉ như thế. Trời sai người xuống giúp rồi lại về trời, được vua truy tặng danh hiệu Phù Đổng Thiên vương, lập đền thờ để tưởng nhớ công đức. Danh hiệu ấy có nghĩa là: Vua (vương) của Trời (thiên) giúp đỡ (phù) và chính đốn lại (đổng), hiểu rộng ra là lập lại công lí của Sách Trời (định tại thiên thư). Như vậy là vua Hùng thứ sáu cũng tôn xưng rồi. Nhưng, - Hành ngừng lại, hơi xúc động vì điều mình nói -, có điều, nếu đẩy đến tận cùng ý nghĩa ẩn chứa trong hình tượng Thánh Gióng về phía hiện thực, ta thấy, như mọi người nhất trí hồi nãy với ông nội... - Hành muốn gọi “ông giáo Hiền” cho có vẻ khách quan hơn - . Tuy nhiên, vẫn sợ có người muốn hiểu huyền tượng theo hướng thấp hèn của sự dung tục, muốn dùng khái niệm li-bi-đô để giải mã. Tất nhiên phải dè chừng! Theo văn bản lưu truyền, truyền miệng và được ghi thành sách, mẹ Thánh Gióng nghèo khổ, góa bụa, già rồi vẫn neo đơn, một hôm bà ra vườn cà, giẫm phải dấu chân ông khổng lồ Thần linh (Thần Trụ Trời chẳng hạn), liền mang thai, sinh ra Thánh Gióng. Phụ nữ già mà mang thai là chuyện phi thực. Đây là chốt khóa để khỏi nghĩ bậy. - Hành nghĩ ngợi trong một thoáng, lại nói -. Và, tại sao Thánh Gióng không lưu danh, không lưu cả tên của mẹ Thánh Gióng? Thánh Gióng là đứa con của quan hệ tội lỗi, ví như ngoại tình, ví như hiếp dâm

và bị hiếp dâm, bản thân Thánh Gióng cũng hoang dâm nhưng có công với dân, với nước chẳng? (II.15).

Mọi người tái mặt, duy ông giáo Hiền mỉm cười.

- Tư duy thần thoại cổ sơ đã biến người mẹ trẻ thành người mẹ già lão chẳng? Đàn bà già làm sao sinh con? Ngày xưa, phụ nữ mấy tuổi thì già? Thánh Gióng lại con đầu lòng nữa! Thực tế sản khoa cho thấy, mẹ Thánh Gióng còn trẻ. Và chàng thanh niên dũng sĩ ấy được biến thành đũa trẻ lên ba, một anh nhi trong sạch tuyệt đối, mới ba tuổi đã trở thành anh hùng trận mạc! Lịch sử nước ta cũng như của các nước cho thấy, có nhiều anh hùng, danh nhân thuộc các lĩnh vực có đời tư chẳng ra gì, phẩm chất đời tư thật đáng nguyên rủa... Nhưng lịch sử đích thực là lịch sử, một khoa học khách quan, sẽ công bằng... Sơn tinh, Thủy tinh, kể cả My nương (đọc theo âm cổ là Mẹ nương) cũng không có tên, ngay cả vua Hùng suốt mười tám đời hầu hết cũng vô danh. Ngày xưa, thưở bộ lạc thị tộc, ý niệm cá nhân chưa hình thành chẳng? Phần nào có lí. Yă thức cộng đồng đã lấn lướt ý thức cá nhân. Nói chung tất cả đều vô danh, dẫu trước đó đã có Lộc Tục, Sùng Lãm, vẫn có Tiết Liêu... Cổ tích vẫn có tên các nhân vật như trong truyện Trầu Cau chẳng hạn... Xin trở lại vấn đề! Tôi xin phép được nêu ra vấn đề này: Cả làng Gióng đã lấy tên làng, nghĩa là danh dự của làng, để đặt tên cho người anh hùng ấy. Cả triều đình lấy danh dự của triều đình để truy tặng danh hiệu, và danh hiệu Phù Đổng chính thức thành tên làng. Làng Phù Đổng vẫn mấy nghìn năm nghi ngút khói hương tôn kính Cậu Gióng hay Ông Gióng, Thánh Gióng, triều đình lại tế lễ hàng năm, gần như quốc lễ. Như vậy, rõ ràng là vấn đề ý thức cộng đồng đã lấn lướt ý thức cá nhân. Và có khả năng hiểu, Thánh Gióng là Con Nhà Trời, hoặc chính Thánh Gióng là thánh nhân, mẹ Thánh Gióng cũng thánh nhân, họ muốn vô danh như thế, để vinh quang của mình thành vinh quang làng nước. Hơn nữa, Thánh Gióng và mẹ ý thức sâu sắc

rằng: dẫu sao một cá nhân cũng chẳng thể làm nên chiến công (trong thực tế hiện thực), do đó họ không muốn tầm thường theo kiểu vợ hết vinh quang về cá nhân mình (“dãi thây trăm họ nên công một người”), dẫu dân làng dồn hết công cho Thánh Gióng với bụi tre đằng ngà. Đây là đẩy đến tận cùng ý nghĩa của hình tượng... Tóm lại, Thánh Gióng chỉ là biểu tượng với ý nghĩa: người anh hùng chí công vô tư, sinh ra bởi yêu cầu lịch sử, và về trời (về ẩn dật, phục viên...) sau khi hoàn tất nhiệm vụ lịch sử. - Hành nhẹ giọng lại -. Ông giáo chỉ sợ hình tượng bị xuyên tạc, thể thôi. Nói chung, sáng tác hay cảm thụ phải đặt các chi tiết, các điểm sáng thẩm mỹ trong văn cảnh, trong chỉnh thể hình tượng. Nói cách khác, tổng thể hình tượng được tạo nên bởi các chi tiết cố định, các chi tiết ấy là của tổng thể ấy, và ẩn nghĩa (chìm) thống nhất với hiện nghĩa (nổi). Không thể tách biệt một chi tiết để diễn dịch tùy tiện, phản lại nội dung ý nghĩa toàn bộ hình-tượng-tác-phẩm.

Ông Hiệu Diên cười ngất, khoái trá:

- Xin ngâm thơ, Hiệu Diên với bài thơ Dáng Đứng Việt

Nam:

... Anh chết rồi, nhưng lòng dũng cảm
vẫn đàng hoàng nỗ sủng tiến công
... Anh tên gì hỡi Anh yêu quý
chẳng để lại gì cho Anh trước lúc lên đường
không một tấm hình, không một dòng địa chỉ
... Tên Anh đã thành tên Đất nước...

Mọi người cười ra nước mắt, vì vừa vui, vừa cảm động với sử thi bi tráng qua giọng ông Hiệu Diên. Ông Hiệu Diên vẫn cười ngúc ngắc:

- Tôi hiểu rồi, nhưng vẫn thích xuyên tạc thể này: Thánh Gióng đã tử thương trên ngựa sắt như anh Giải phóng quân, và cũng về trời trên lưng ngựa sắt ấy. Sao không tiếp tục giúp nước? Đuổi giặc rồi phải lo gìn giữ, xây dựng Đất nước chứ! Về ở ẩn là tiêu cực! Nếu còn sống, còn cống

hiển. Tài như Thánh Gióng ít ra cũng làm tể tướng để phục hồi kinh tế hậu chiến! Còn chỉ có tài quân sự, lẽ ra Thánh Gióng cũng phải làm tướng để bảo vệ Tổ quốc, ngay cả trong thời bình! Kết luận: Thánh Gióng tiêu cực! Và, anh Giải phóng quân vô danh, chí công vô tư mười mười, sao Lê Anh Xuân lưu danh hậu thế?

Mọi người chỉ biết ông Hiệu Diên thích đùa.

- Phải lưu danh để chịu trách nhiệm về tác phẩm! Đúng. Sao anh Giải phóng quân không lưu danh? Biết đâu anh ấy có tiền án, tiền sự đang cần điều tra và truy cứu trách nhiệm hình sự? - Ông Hiệu nói tiếp.

Mọi người cười ầm với ông Hiệu Diên. Ông Hiệu Diên hôm nay đùa hơi dai và đắng quá. Hiểu sử thi anh hùng ca như thế, chết cả thơ lẫn nhà thơ! Thật ra, ông ấy đã bảo: "Tôi hiểu rồi!" cơ mà.

Ngoài sân chùa, nắng xế trưa vàng óng. Có lẽ mọi người không thể không mệt mỗi mặc dù không khí vẫn còn hào hứng lắm. Nhà sư nghĩ vậy, liền nói:

- Thật không ngờ có một buổi, không, phải nói là quá một buổi, họp mặt vui thế này. Nhưng ý cuối cùng, tôi mong ông giáo Hiền bổ sung thêm vào cụm hình tượng: biểu tượng Người mẹ Việt Nam. Bây giờ...

Nhà sư Tâm Tự vui vẻ tiến chân bảy người tận cổng chùa.

Ông Hiệu Diên chưa chịu thôi, trong khi mọi người nhất trí ý kiến của sư.

- "Sông có khúc, người có lúc"! Và nói chi góc gác thêm trời buộc người đời! "Đảng của ta trăm tay nghìn mắt". Ở đâu cũng có Đảng, sợ gì Trọng Thủy! - Ông nhớ ai đã nói với ông như vậy -. Đau quá, Trọng Thủy người Việt!

Mọi người bỗng thấy câu nói của ông Hiệu Diên đã chuyển sang giọng bi kịch - cha giết con, vì con là "giặc ngồi sau lưng đó"...

Hiền Lương hơi chạnh lòng bởi cái tên Trọng Thủy. Cô nghe thương quá My Châu và vua cha An Dương vương...

Một buổi sáng và bữa trưa, lại nán thêm mấy tiếng đồng hồ đàm đạo, có lẽ cả tám người đều thấy ý tưởng chưa gút lại! Ý tưởng hay nhưng tản mạn, ngổn ngang!

Trên đường về, xế trưa ngả chiều đang nắng, Hiền Lương vẫn nghĩ: Nếu Thánh Gióng là con trai Nhà Trời thật, nghĩa là Thần linh, sao còn “xui khiến” người đời thờ phụng, tế lễ và bái lạy làm chi! Như thế hóa ra Trời, Thần cũng thích sùng bái cá nhân! Sao Trời, Thần tầm thường thế! Có thật có Trời, Chúa Trời, Thượng đế, Thần linh chăng? Đạo Tin Lành không thờ ảnh tượng nhưng vẫn khác gì thờ ảnh tượng, vì vẫn hát thánh ca ca tụng Chúa, vẫn sùng bái cá nhân Chúa Giê-su và Chúa Cha Giê-hô-va theo cách của họ! Không, Thánh Gióng chỉ là người, một tráng sĩ, một Con người Anh hùng cứu nước. Nhân dân Việt Nam chúng ta chỉ hương khói, tế lễ để tưởng niệm Người Anh hùng, theo quan niệm truyền thống, kính Nghìn xưa vì Nghìn sau, cho cả Hiện tại. Mọi cách tế lễ, thờ phụng là sản phẩm của trần gian, vì trần gian, bởi lòng biết ơn Anh hùng và ý thức lưu truyền, giáo dục hậu thế, trước hết tự người hôm nay giáo dục người hôm nay, tự mình giáo dục mình. Mọi cách tế lễ, thờ phụng đều có tính cụ thể - lịch sử. Không thể chê cười sao người xưa quỳ mọp, sấp mình, lom khom cúi lạy. Vấn đề là hiện đại hóa, trong đó có dân chủ hóa, bình đẳng hóa. Tất cả đều là con người! Vấn đề hơn kém nhau là công lao đối với xã hội, Đất nước và thế giới (gồm mọi chúng sanh, và có thể kể cả mọi hành tinh...), là nhân cách, phẩm chất đạo đức. Dân tộc Việt Nam chúng ta vẫn phải ca tụng, thờ kính Thánh Gióng với cả tâm hồn, vẫn phải tạc tượng cho dù chỉ tượng trưng về Thánh Gióng với cả trí tuệ, tài năng, với niềm cảm xúc lớn lao, sâu thẳm trong ý hướng ấy. Kính Nghìn xưa, vì Hôm nay và vì Nghìn sau! Vàng, còn phải dân chủ hóa, bình đẳng hóa như sư Tâm Tự nói sáng nay. -

Hiền Lương vừa đi vừa trầm ngâm nghĩ ngợi... -. Vua Hùng, Thánh Gióng, Trần Hưng Đạo... đã trở thành thiên cổ, đã không còn hay biết gì nữa, không có phép màu gì, không hề “xui khiến” ta ca tụng, thờ phụng họ bao giờ. Họ chỉ là con người xương thịt như ta. Con cháu ca ngợi là tự ý thức con cháu. Vấn đề thờ kính chỉ đơn giản thế thôi mà vô cùng sâu sắc là vậy. - Hiền Lương vừa bước về nhà vừa bâng khuâng nghĩ (II. 15).

Đi bên cạnh Hiền Lương, Hành khế đọc thơ của Trần Nguyễn Phan, bạn anh:

1. Gióng, người con của Trời

nổi uất nghẹn, đưa trẻ câm
bỗng vang hồn nước, đổ tầm tre vung
sạch thù, soãi vào vô cùng
lòng dân - xanh rộng; anh hùng - cánh chim.

2. Thạch Sanh, đứa con của Đất

hòa bình vang ngát, lắng im
tiếng đàn cho giặc trái tim con người
nồi cơm độ lượng không vơi
nàng tiên câm bỗng hát lời nhân gian.

3. Khất thực và tóc thiên xanh

chay trong chất mặn, nguyên sơ
ánh đạo vàng thoảng khắp bờ tre tranh
núi trưa chuông mõ trầm thanh
trên tay tôi Đức Phật xanh tóc thiên.

4. Tượng Phật Tánh trên nền chùa nguyên thủy

nghe mênh mang sợi khói tro
bé trăm tượng Phật đất thô mỉm cười
cơ hồ giáp mặt cuộc đời
tôi ngồi bệt xuống góc tôi trên nền.

Con đường làng bỗng như ngừng lại. Bốn người cùng
đường về đã đến ngang ngõ nhà thím Cận. Bông Bưởi cười
toe chạy ra đón.

9. CƯỚC CHÚ chương IX: không có cước chú.

CHƯƠNG X

1

Một vài lần, Hiền Lương đã mượn chiếc xe đạp của Bông Bưởi đi quanh làng, để có cái nhìn bao quát hơn về quê nội của cô.

Sáng nay, cô ngồi ở vệ cỏ nghĩa trang liệt sĩ xã, nơi mà Hành hôm nọ đã đưa Hiền Lương tới thăm. Lần đó, cô đã thắp một nén hương lớn cắm vào lọ hương chung khá lớn trước đài Tổ quốc ghi công, hai nén hương khác trước bia mộ của o Ngoan, chú Học. Lúc này, sau phút mặc niệm, Hiền Lương mãi mê suy tư, mãi mê đưa những nhát cọ mềm mại trên khung vải. Hiền Lương đã nghe Hành lần thím Cận nói, nắm mộ bà nội thứ hai của Hành hiện ở Côn Đảo, nơi đôi lần ông Hiền ra thăm. Do đó, Hiền Lương đang vẽ một bức tranh có bối cảnh là nghĩa trang liệt sĩ này, với nghĩa trang Trường Sơn và nghĩa trang Hàng Dương - hai nghĩa trang lớn, cô chỉ thấy qua ảnh.

Bầy trẻ, đang mùa hè, nghỉ học, chăn trâu giúp cha mẹ, xúm quanh xem Hiền Lương vẽ, xem cả cô gái thị xã Thủ Dầu Một này nữa! Tiếng gió từ luồng nam sớm lay lay hàng hàng dương liễu, bạch đàn, vi vu và khôn nguôi.

Vải đã được căng trên khung gỗ nhờ chú Cận đóng cho. Hiền Lương vẽ ở tiền cảnh những chiếc máy kéo, những người trẻ tuổi tại các trạm giống cây con, những dòng mương máng tưới tiêu thủy lợi, và lò gạch hợp tác xã... Đây là những nơi cô đã từng đạp xe ngắm nghía, quan sát, ghi vài nét vào sổ tay. Với các chi tiết được xem là biểu trưng nhất, Hiền Lương phối trí trong một bố cục cô thấy là có thể nổi bật đồng thời hàm ẩn ẩn tượng tổng thể của cô,

niềm bồi hồi xao xuyến của trái tim cô trước quê nội - quê nội mà chú Nông, ba của cô, và cả cô nữa, như những đứa con, đứa cháu đã trót đi lạc, đã tìm về, rồi sẽ lại ra đi. Cũng chẳng còn mấy ngày nữa, Hiền Lương cùng mẹ sẽ lên tàu lửa vào lại Bình Dương rồi.

Với các kí họa, Hiền Lương có thể thực hiện tranh sơn dầu, ngay tại nhà chú Cận hoặc khi vào tận nhà ở Bình Dương. Lúc ấy, cảm xúc có thể sâu lắng hơn. Nhưng, vác một bó giá gỗ tháo rời, một bó cọ lớn nhỏ, các ống màu, bảng màu nham nhỡ, lem luốc ra đây, dưới bóng nắng rười rượi được lọc qua lá cành dương liễu, bạch đàn ken nhau thế này, Hiền Lương hi vọng nét cọ có chất cảm xúc tươi nguyên hơn. Những hình tượng đã hư cấu lại, dẫu như thế, cũng roi rói cảm giác của đôi mắt.

Giữa những lúc ngừng tay, ngay cả trong lúc dịu dàng hoặc mạnh mẽ đưa những nhát cọ, chùng như Hiền Lương bị chia trí, cô lại chợt nhớ các ý tưởng về Mở cửa và Đổi mới mà ba cô cũng như chú Tập suy nghĩ. Ở nhi, giá như những “lẽ ra” của chú Tập là hiện thực hôm nay. Cái cần thiết là giải phóng sức sản xuất trong nước, cũng như khả năng sáng tạo trên mọi lãnh vực của con người... Thật lòng, cũng như mọi người, cô sợ “con đĩa tự sản hai vôi”... Rồi Hiền Lương lại để trí tưởng lan man đến những điều Hành nói, rằng làng nội từ những năm sáu mươi đã trở thành vành đai trắng, lau và tranh ngút ngàn, rằng chiến tranh đã vô sản hóa dân làng, chẳng còn ai trung nông, tất cả đều là bần nông... Có lẽ, thành quả lớn nhất, rõ rệt nhất của cách mạng là vấn đề ruộng đất... Các cuộc đấu tố oan những trung nông bị quy nhằm là địa chủ cuối những năm bốn mươi, đầu những năm năm mươi đã chìm vào quá khứ. Sau Ngày Thống nhất, vấn đề ấy không còn, chỉ có những đợt “đánh tư sản” ở Sài Gòn. Nghe đâu, các ông lí, ông cử, ông bát với chức danh phẩm hàm tồn tại trên cửa miệng mọi người do thói quen, dưới chế độ ngục, sau Ngày Thống

nhất ấy, đã biết thân biết phận lặng lẽ tự nguyện hiến đất. Đôi người có con cháu đi tập kết ra Bắc vẫn lặng lẽ tự sát ngay những ngày mới giải phóng Miền Nam. Nhưng đây là ở các làng khác, các huyện khác. Làng nội cô, tất cả đã là bạch đình trước hàng rào điện tử của Mỹ lâu rồi - bạch đình hóa bồi vành đai trắng! Cuộc cải cách ruộng đất, hợp tác hóa nông thôn ở làng này diễn ra êm thấm nhất trên cả nước! Có lẽ thế. Mặc dù có những đau thương quá khứ, như vết thương trong tim ông giáo Hiền, nhưng mọi người vẫn thừa nhận chủ trương người cày có ruộng, xoá bỏ tư hữu về ruộng đất là đúng... Người nhiều thêm mãi, đất muôn đời vẫn nguyên kích thước!... Nóng vội nâng cấp về quy mô hợp tác xã là sai, là hình thức chủ nghĩa và thành tích chủ nghĩa. Trong nông nghiệp hiện nay cũng có sự thụt lùi về quan hệ sản xuất : phải lùi lại “khoán sản phẩm đến người lao động và nhóm lao động”, lùi đến “khoán 10”, lùi từ tập thể lùi về cá thể, lùi từ công hữu lùi về tư hữu, nhưng không phải tư hữu vĩnh viễn, đời nọ đến đời kia, mà tư hữu có thời hạn trên cơ sở công hữu. Ôi, tư hữu, cho dù là có thời hạn, nhưng là thời hạn dài, người nông dân mới thâm canh, mới đầu tư phân bón, nghĩa là hết mình với đất ruộng và hạt thóc, hạt gạo. Từ đó, ruộng thực hơn, thóc bội thu hơn, gạo mẩy trắng hơn. Thụt lùi, lại thành công với hiệu quả năng suất lớn. Thành công trong quan hệ hợp tác xã là thủy lợi hóa, sinh học hóa, cả điện khí hóa, cơ giới hóa... Cái để đo thành công ấy là hiệu quả về năng suất, và lòng người...

Hiền Lương khát khao vẽ những chiếc máy cày tay, máy cày lớn màu đỏ tươi loang lổ bùn ruộng, thóc chín màu vàng rực, vạt ruộng xanh non, xanh ngắt...

Không phải tả chân, Hiền Lương vẽ toàn cảnh quê nội với các ấn tượng thị giác, với một bố cục xen lẫn các ấn tượng đã thành hình tượng. Dưới nét cọ của Hiền Lương là một bức tranh cỡ khá lớn và rộng, rất hiện thực.

Một chú bé đánh xe bò đi ngang qua, dừng lại, chạy vào nhập với lũ trẻ để ngắm cô gái Bình Dương lạ lắm, xinh đẹp đang vẽ tranh. Cô gái Bình Dương trong một tháng hơn rồi về bên dòng sông Bến Hải này, nơi mà cô ngỡ là quê nội đích thực của cô! Chúng xì xầm, bảo với nhau, rằng cô con gái út chú Nông anh chú Cận đang vẽ không giống ảnh chụp trên báo, trên lịch, nhưng trông rất đẹp. Lũ trẻ chỉ mang máng hiểu. Làm sao chúng hiểu hết họa tiết nọ, hình tượng kia, sắp đặt không theo phối cảnh hiện thực trong tổng thể bức tranh này, tạo ra những nghĩa gì. Hiền Lương phải giải thích một hồi lâu như bình giảng một bài thơ có cấu trúc tầng tầng lớp lớp về một bức tranh có tứ hàm súc... Lũ trẻ lắc đầu, bảo chỉ thấy đẹp, cảm giác về niềm đau thương xương máu, hào hùng chiến công, và cảm giác về sự rạng rỡ, tươi tắn, đầy hứa hẹn, nhưng lúng túng chẳng biết nói thế nào về những cảm giác ấy, khiến cô nghĩ ngợi.

Tháo ốc, cột các thanh gỗ lại từng bó, khệ nệ vác lên vai, tay cầm túi xách đựng màu và cọ, cưa dao vẽ nữa, tay mang tranh lè kè, Hiền Lương xin chú bé đánh xe bò cho đi nhờ về nhà...

Chiếc xe lọc cọc trên đường làng trong bóng nắng mùa hè, bóng cây dương liễu, bạch đàn dọc đường thôn.

Trên xe bò, Hiền Lương nghiệm lại cảm giác của các chú bé học sinh cấp một, cấp hai đang nghỉ hè, chăn bò thay cha mẹ, trước bức tranh chưa hoàn chỉnh của cô. Cô thầm mừng chúng cảm giác đúng. Cô đâm ra sợ sự phản trắc của hình tượng nghệ thuật đối với ý đồ sáng tạo của chính cô, như ông giáo Hiền và Hành đã nói hôm kia. Là cô gái đang phấn đấu trong lao động sáng tạo, để trở thành họa sĩ tài năng, cô không thể không say mê, hết lòng tin vào sức mạnh của hình tượng hội họa, và hình tượng nghệ thuật nói chung. Sức mạnh ấy không có gì sánh bằng. Sự khô khốc của các khái niệm trừu tượng, các thuật ngữ lí luận đơn nghĩa, cực kì minh xác, mặc dù tương đối thể thời,

tất nhiên có sức mạnh của nó, vẫn bị xuyên tạc, diễn dịch từ sự cắt xén thô bạo kiểu sa-đích (sadisme), nữa là thế giới hình tượng tươi nguyên, lắng trầm sự sống của nghệ thuật. Cô nghĩ, chắc phải lưu tâm hơn nhan đề của bức tranh này, và mọi bức tranh khác, thậm chí như các họa sĩ ngày xưa, đề thơ trong tranh, hoặc ghi những dòng chữ cần thiết có tác dụng bình chú, gợi mở cho sự thưởng ngoạn đúng hướng, để tác giả cùng thị giả gặp nhau trong tâm cảm và chiều sâu trí tuệ. Tranh của cả một đời cô miệt mài, cực khổ, nhọc nhằn vẽ, có nghĩa gì, tác dụng gì, khi bao người nông dân chân lấm tay bùn lẫn các chú bé chăn trâu nghèo đói kia lắc đầu, chỉ thấy đẽm đẹp... Hiền Lương đồng thời cũng muốn tranh của mình không thể không khiến các họa sĩ nổi tiếng nhất nước, nhất thế giới, cho dù thuộc trường phái, khuynh hướng nghệ thuật nào, và thuộc bất kì dân tộc nào, cũng phải sửng sờ chiêm ngưỡng, thán phục. Hai mươi hai tuổi, cô có quyền hi vọng, hơn nữa, nuôi dưỡng, nung nấu cao vọng, cũng đôi khi, có thể hơi ngông thầm kín trong lòng chứ!

Hiền Lương chợt nhớ lại những bài báo, các tập hồi kí của các văn nghệ sĩ trước Cách mạng Tháng tám và sau cuộc cách mạng ấy. Họ đã lật xác, đã đổi đời. Họ từ bỏ các khuynh hướng nghệ thuật đã trót nửa đời hay một phần đời đeo đuổi, vốn xa rời quần chúng, xa rời cuộc sống của dân tộc dưới ách thực dân, phong kiến, để đến với cách mạng, với nhân dân, mặc dù có thể họ hơi “tả” khuynh ấu trĩ, từ cực này chuyển qua cực khác hơi cực đoan, nhưng tấm lòng họ chân thành. Rõ ràng, từ ấy, nghệ thuật họ có tác dụng thiết thực nhưng có lẽ hơi thô sơ, máy móc. Ông Hiệu Điền chủ quan, nhưng đúng là câu tục ngữ lâu đời vẫn đúng và mãi đúng: “sông có khúc, người có lúc”. Bây giờ, đã hai mươi hai năm hòa bình (có vài năm chiến tranh biên giới, hơn mười năm đánh tràn theo gót Khơ-me Đỏ), đã chuyển sang Đổi mới... Nghệ thuật những năm gần đây lại có

những khuynh hướng suy đồi! Tự do sáng tạo là khát vọng, nhưng không thể tự do suy đồi, truyền bá suy đồi. Ô, nói chi đến nghệ thuật dân ô, vọng ngoại!... Người nghệ sĩ có thể trải nghiệm mọi cảnh suy đồi, thậm chí cả trụy lạc, nhưng họ có thể nào có quyền truyền bá sự suy đồi, trụy lạc ấy, và níu mọi người xuống sự suy đồi, trụy lạc ngập ngụa! Một khi, nhớ đã nghiệm sự đồi trụy, liệu nghệ sĩ có còn giữ được tính lành mạnh cho tác phẩm? Cô chua xót...

Bống Hiền Lương muốn hét lên khi thấy cổ chân mình rùng rùng máu chảy. Trên tấm ván xe bò, một con đĩa hút căng tròn máu vừa nhả ra, rơi xuống. Chiếc xe này mới chờ phân hóa học ra ruộng, ai bắt đĩa bỏ vào xe phơi nắng. Và đĩa bò lên cổ chân cô tự hỏi nãy! Chỗ đĩa hút máu, máu vẫn chảy không cầm lại được. Hiền Lương sợ hãi, mặt tái ngắt. Chiếc xe bò vẫn lọc cọc lẩn bánh. Đến khúc đường đất cát pha, chắc xe sẽ êm lại.

Chú Cận hồi sáng chờ Hiền Lương ra nghĩa trang liệt sĩ, đã vào luôn Đông Hà, chắc lát nữa mới về. Không có chiếc xe bò của chú bé này, bây giờ Hiền Lương còn ngồi bên vệ cỏ nghĩa trang.

2

Nắng sớm mùa hè rực rỡ. Hiền Lương đã chuẩn bị để hoàn tất tạm thời bức chân dung về ông Hiệu Diên. Những phác thảo đã được vẽ đi, vẽ lại. Cô đã xin với ông Hiệu Diên một cái hẹn, vào sáng hôm nay, để chụp được, phải chụp bằng được, cái thần thái của một tính cách độc đáo. Làng nội của cô hiện tại cũng có một vài ông nghệ, ông cống du học ở Nga, ở Tiệp và cả ở Mỹ, nhưng công tác nơi xa hoặc ở lại nước người! Ông Hiệu Diên hiện ở làng là người có học vị thời Pháp thuộc cao nhất: thành chung. Mảnh bằng

trung học cơ sở, bây giờ gọi là cao đẳng tiểu học, là cả một trời vinh quang! Nhưng ông có cái “tội” yêu nước, không cam phận nô lệ, nên đến nỗi ấy! Cả một trời phi lí!

Hiền Lương đứng trông ra, đôi mắt chờ đợi.

Mặc dù cách xa nhà ông giáo Hiền vài mảnh vườn, mỗi mảnh vườn lại trồng tre hóp hoặc lồ ô làm hàng rào, và trồng cây ăn quả tuy không sum suê, nhưng tất cả cây lá ấy cùng tre pheo kia cũng đủ che khuất tầm mắt, Hiền Lương vẫn ngỡ như nhìn thấy cụm hình tượng được tạo hình bằng cây chè lá nhỏ của ông giáo.

Hai cuốn sách Vô ngôn Vô tự - cách gọi hồi ông giáo Hiền còn giữ bí mật và để gọi hình tượng bằng chè kiểng lá nhỏ - cơ hồ đang mở ra trang sách về ông Hiệu Diên. Hiền Lương đã hiểu hai cuốn sách ấy. Tất cả đã được ghi lại, và mới lạ là ở chỗ trong đó có phần vô thức của làng nội thân yêu này. Phần hữu thức về làng quê dày đặc chữ và hình ảnh, về một cộng đồng nhỏ đã gắn bó lại với nhau, với cả nước, cả nhân loại, bằng một ngôi đình làng. Nói cách khác, rõ hơn, đó là biểu tượng về phần sách có chữ và về phần sách không có chữ. Hữu thức (phần có chữ như những cuốn từ điển bách khoa bình thường) có thể, gần như chắc chắn, là rất thiếu sót, sai lệch ít nhiều. Vô thức (phần không có chữ), đầy đủ đến từng ý nghĩ trong đầu mỗi người, dấu vô thức mỗi người như ống kính vạn hoa vạn điều quỷ quái. Nói như ông giáo Hiền, hôm ở chùa, ý nghĩ dù bằng quơ hay nung nấu, đã và sẽ chi phối đời người, cộng đồng, trong sự tương tác thâm lặng, với các hành vi, cử chỉ, lời nói đã và sẽ bị chi phối... Vẽ tranh, Hiền Lương muốn vẽ được cái phần chìm phổ quát lẫn cái sâu thẳm cá biệt của đời người. Như một tạng chất riêng, cô rất thích vẽ chân dung, không phải chân dung của ảnh căn cước, chứng minh nhân dân.

Nhưng nắng đã lên, sao ông Hiệu Diên chưa tới. Cô quay vào ngắm những tranh, những phác thảo tranh của mình.

Đến khi cô bắt đầu cảm thấy thất vọng, không chỉ ông Hiệu Diên, mà cả Hành nữa, lại đến. Có lẽ hai người gặp nhau trên đường đi...

Ồi thói quen! Sao người ta cứ quen gọi ông Hiệu là ông Hiệu Diên! - Hiền Lương thốt lên trong đầu, khi bước ra tiếp đón.

Ông Hiệu Diên rất tế nhị, bảo chỉ ngồi một chốc thôi. Ông giả vờ cho rằng vì đôi chân lang thang của ông rất mau có cảm giác tù túng. Hiền Lương xuýt xoa xin lỗi ông. Yêu cầu một người đã bảy mươi ba tuổi mặc dù còn rất khỏe như ông phải đến ngồi mẫu cho mình, thật quá thất lễ, nhưng Hiền Lương đã mấy lần mang vật dụng linh kính đến, ông lại đi đâu mất! Ông cười, xin lỗi lại. Khi ông Hiệu Diên tỏ ý muốn về ngay, Hành vờ ngó lảng, vờ không hiểu, Hiền Lương vờ không nghe, nửa muốn ông ngồi thật lâu để có thể nhiếp thu cái thần thái của ông đưa vào tranh, nửa muốn nói chuyện với Hành. Nhưng trội lên trong cô là niềm xót xa về sự vô tình trong cách gọi tên. Dân làng rất mực kính trọng ông, sao vẫn thế? Cô nặn màu ra bảng pha... Vừa vẽ, cô vừa ngơ ngẩn nghĩ ngợi.

Hành có dịp ngắm những tranh hoàn tất tạm, những phác thảo trên giấy hoặc trên vải. Hơn một tháng ở quê nội của Hiền Lương đã kết đọng lại ở đây, mặc dù còn dang dở tất cả. Hành biết, có những hòa sắc, những ý tưởng, những ấn tượng hiện thực rất hội họa về làng quê này còn lưu giữ trong Hiền Lương. Biết đâu, bức tranh thành công nhất của cô mười năm sau mới có thể vẽ ra trong một thoáng bất chợt. Hành nghĩ, có lẽ sáng tạo nào cũng vậy, cũng có những phút ơ-rê-ka (tìm thấy rồi!). Nghệ thuật cũng như khoa học đều phải khám phá trong sáng tạo.

... Lúc đó, Hiền Lương vẫn đang nghĩ về những hỗn danh hài hước mền yêu, thân mật, và cô nhận ra, quả thật con người có những thói quen vô nghĩa!...

Và cô đặt cả tâm hồn vào nét cọ...

Ông Hiệu Diên ra về. Hai người cùng bước ra tiền chân. Ngõ bông cần nắng nhuộm ngời, xanh thắm và tươi đỏ, màu của lá và hoa.

Quay vào nhà, Hành lại uống chè xanh. Anh tự mở nắp cái áp nước, lấy bình rót vào hai chén. Hành ngắm tranh, bình tranh trong khi chuyện trò với Hiền Lương. Không hiểu sao hai người dừng lại rất lâu trước bức phác thảo về sư Tâm Tự. Tháp thoáng đằng sau gương mặt của sư là hai ngôi chùa, một cổ đã đổ nát, và một mới, vừa được xây cách đây mấy năm, là hình ảnh Hành, lửa, dây thép gai, cánh đồng, máy cày... Có cả ngôi chùa hiện đại vẫn rất cổ kính trong mơ ước của sư nữa, ở bối cảnh của bức tranh ấy.

Họ lại nhìn vào bức tranh chân dung ông Hiệu Diên. Hiền Lương bảo, cần phải tra, sửa lại nét cọ, còn chưa khô màu dầu. Đấy, hình tượng về một con người đã sống bảy mươi ba năm, mái tóc cắt ngắn tua tủa, với những nét nhăn nheo rúm nắng, đôi mắt đã hơi đục nhưng rất ngời, nụ cười hài hước, nhưng trong tổng thể vẫn tỏa ra các ấn tượng đáng nể, đáng kính và vời vọi nỗi đau.

- Ông Hiệu Diên tính cách thật độc đáo. Thú thật Hiền Lương cũng chưa hiểu hết cuộc đời của ông từ bé đến bây giờ, chỉ mang máng nhưng mạo muội vẽ thế thôi. - Hiền Lương cười buồn -. Có điều, Hiền Lương cũng sắp phải về lại Thủ Dầu Một. Mong anh Hành sẽ viết thư vào cho biết thêm về con người "điên" mà cả làng rất mực kính trọng đó.

- Đấy là một Con Người, viết hoa cả hai chữ, là một Anh Hùng. Nhưng Con Người Anh Hùng nói chung vẫn có nhiều dạng thể. Đại để như văn chương, có loại, có thể, và mặc dù ngay cùng một thể thơ nhưng cũng chẳng bài thơ nào giống bài thơ nào, ngay cùng thể truyện ngắn, cũng chẳng truyện ngắn nào giống truyện ngắn nào, thậm chí chẳng hai bài thơ, hai truyện ngắn nào giống nhau dù viết về một con người... Thế giới tinh thần của một cá thể người

cực kì phức tạp, phong phú, chính mỗi người cũng chẳng thể nào hiểu hết về vô thức, tiềm thức, ngay cả ý thức mình trong sự vận động, biến thiên của chúng. Người sáng tác chỉ có thể mô tả những hành trạng bên ngoài, với những nét lớn, những bước ngoặt, những diễn biến từ bé đến già, đến chết. Về những diễn biến, trong đời mỗi người, chỉ có người đó và duy nhất người đó hiểu trọn vẹn mà thôi. Hiểu hai chữ “diễn biến” ở đây là diễn biến của tổng số các hành vi, phần tâm trạng ở dạng ý thức được, chính xác là tự ý thức được, của một đời người. Hiểu như vậy, Hiền Lương có đồng ý không, là chỉ mỗi người tự hiểu mình. Ngay anh, anh cũng chẳng hiểu hết ông nội của anh mặc dù chỉ hiểu như thế. Ngay em, em cũng chẳng hiểu hết về mẹ của em, bố của em. Đúng không? Tất cả chỉ là tương đối. Có quá nhiều những phỏng đoán, những suy luận mà thiếu hoặc lệch một chi tiết là sai hoàn toàn. Sai một li, đi một dặm. Do đó, chỉ nên tin vào con mắt của mình, với điều kiện phải dụi mắt bảy mươi lần bảy. “Phúc cho ai không thấy mà tin” là chuyện vô hình, siêu hình. Cái tai, hoàn toàn đáng ngờ. Nhiều thông tin là chuyện thường thấy. Nhưng như thế là rơi vào chỗ bất khả tri. Chúng ta phải tin vào năng lực nhận thức, với những suy đoán, suy luận, đối chiếu, phân tích, tổng hợp các dữ kiện, các tư liệu đã được giám định bằng phương pháp thực nghiệm, loại trừ tư liệu giả, tư liệu sai lầm, để kết luận. Vẽ hay viết phải thật khoa học. Tiếc là Hiền Lương sắp vào rồi. Anh sẽ cố gắng viết thư kể lại những diễn biến đời người, hiểu với mức độ đã nói hồi nãy, về ông Hiệu Diên cho Hiền Lương. Đây là một nhân vật tốt, rất hay, tất nhiên chỉ ở mức độ tương đối. Nói như vậy, cuốn sách vô thức hữu thức vẫn đúng, quy luật nhân quả, tương tác vẫn đúng, ví dụ như một sợi khói thuốc (cũng như một ý nghĩ đen tối trong đầu óc), nó ít nhiều cũng hủy hoại tầng ô-dôn (sinh quyển), nhưng trước hết sợi khói ấy hại phổi người hút thuốc lá (người có ý nghĩ đen tối ấy) và

người ở gần y; nếu y bị lao phổi (tội phạm thật sự), lại lây nhiễm cho vô số người khác. Vấn đề là người ta không tự ý thức được, và cũng chẳng ai ngờ, mặc dù ai cũng có kinh nghiệm bản thân về vô-thức-đầy-rẫy-tham-sân-si! Ví dụ ấy rất cụ thể, phải không?- Hành hơi ngượng, cười khế với khoé cười cảm hiểu, thoáng chút xấu hổ của Hiền Lương.

- Như vậy, có thể rút gọn lại là, không ai có thể hiểu hết người khác, và cũng không ai hiểu hết chính mình?

Hành gật đầu. Buồn cười là điều bình thường đến thế, nói ra vẫn gây sự ngờ ngàng, nghi hoặc! Đó chỉ là một cảnh báo về tính khoa học thôi!

Khi một người nghi hoặc tất cả, kể cả Thượng đế, chắc chắn người ấy sẽ chỉ biết tin vào mình, hoặc chỉ tin cái gì tận mắt thấy. Có thể người ấy sẽ cô độc, không chơi thân thiết với ai, không thật sự yêu ai đến mức điên mê? Đây là sự tỉnh táo trưởng thành? Đây không phải là sự đa nghi bệnh hoạn? Đa nghi, có phải là nét tâm lí thế hệ?

Hiền Lương chợt nghĩ, vậy làm sao có thể lấy chồng? Biết tin vào ai mà tính chuyện trăm năm? Chắc Bộ Nội vụ phải làm thêm dịch vụ điều tra cho những ai cần tìm hiểu người sẽ kết hôn với họ? Công an có những thủ thuật điều tra, với kết quả khả quan đáng tin cậy chứ! Lấy hai mươi mấy, ba mươi mấy năm, từ sơ sinh tính tới, cũng có thể dự kiến mấy chục năm sau của người ấy chứ, dẫu vẫn phải dự phòng “sông có khúc, người có lúc” với hai mặt của câu tục ngữ! Đục rồi sẽ trong? Hi vọng vậy! Nhưng trong rồi sẽ đục? Biết đâu!

Thôi thì cứ bình tâm mà sống. Như thế là tỉnh táo, khôn ngoan.

- Cảm ơn anh Hành về điều vừa nói! Quả là minh triết. “Tận tín thư bất như vô thư”, từ đây, đã có hệ luận “tận tín nhân bất như vô nhân”. Nhưng điều kiện kĩ thuật thực nghiệm và phương pháp giám định, xử lí tư liệu đâu phải dễ dàng gì! Dẫu sao... Hiền Lương cũng chỉ vẽ tranh hư cấu...

từ nguyên mẫu có thật. Vâng, khả năng nhận thức, kết luận!
Cảm ơn anh đã lưu ý tính khoa học.

- Đừng bắt nạt! “Vô nhân” chứ đừng “bắt nạt”!

Cả hai cùng cười, cười giòn giã nhưng thoáng chút buồn. Con người đã nghi như vậy có sa vào cá nhân cực đoan không? Có đoàn kết và yêu thương nhau không? Hãy tin vào con người, nhưng cần có ý thức cảnh giác. Nhà văn Tiệp Khắc chả nói “Hãy cảnh giác” trong cuốn *Viết Dưới Giá Treo Cổ* là gì! Hãy tin vào khả năng hướng thiện của con người, hãy bình tâm, rất bình tâm nghĩ đến khả năng phản trắc của họ. Trên đời, người tốt bao giờ cũng nhiều, kẻ xấu ít thôi. Trên đời, người trí tuệ lại ít, người mù quáng lại nhiều, vì họ mù quáng nhưng chẳng biết mình mù quáng! Trên đời, người sống theo lí trước tình sau ít hơn người sống vì tình quên lí! Nhưng đại đa số vẫn cố sống sao cho đạt lí, thấu tình! Bình tâm, hãy bình tâm! - Hiền Lương tự nhủ và cố trấn an. Chẳng có gì tuyệt đối, nữa là niềm tin tuyệt đối. Tuy quả thật, tình táo nhận thức sẽ thấy có niềm tin tương đối.

- Nhưng ngay cả “vô nhân” như hệ luận vừa nói cũng kinh khủng quá! Cứ tưởng tượng không còn con người, quả đất như mặt trăng, như sao hỏa, ồ, không có con người quanh ta, như Thần Trụ Trời một mình một hành tinh, như A-đam theo Kinh Thánh trong chương Sáng thế kí, và như những nhân vật duy nhất, đầu tiên trong những huyền thoại khởi nguyên ngây thơ thuở hồng hoang của các dân tộc! Kinh khủng thật! - Hiền Lương nói, tự củng cố về niềm tin tương đối.

- Vấn đề là “tín”, đừng “tận tín” (quá tin, cả tin) như anh thợ mộc trong truyện ngụ ngôn Đẽo Cày Giữa Đường! Nói chính xác hơn, “tận tín” như thế vào sách, vào con người cụ thể nào đó, là mê tín, là thiếu khoa học. Tinh thần khoa học và thực tiễn! Với tinh thần đó, ta chỉ tin những gì có lí, được khoa học thực nghiệm và thực tiễn kiểm chứng. Phật, Chúa

Giê-su và cả Khổng, Lão đã sống cách đây hơn hoặc gần hai nghìn năm, họ là tinh hoa bậc nhất của thời đại họ, dân tộc họ, nhưng họ vẫn là con người xương thịt, tất nhiên có hạn chế lịch sử. Chưa kể sự sai lạc, tam sao thất bản, bị sa-đích trong các kinh điển của họ. Mác là hậu sinh, mới cách đây hơn một thế kỉ thôi, tất nhiên khả úy hơn. Mác thừa kế họ, phải hơn họ chứ! Tuy nhiên, Mác cũng có hạn chế của bản thân, làm sao thừa kế hết tinh hoa của nhân loại. Mác hầu như không hiểu gì về triết Đông lắm! - Hành nhìn Hiền Lương -. Trở lại vấn đề niềm tin vào con người, anh nói vậy, có phải là đã đầu độc em về tinh thần không? Giết chết hoặc làm tổn thương niềm tin vào cuộc sống, niềm tin vào con người, là ác lắm, tàn nhẫn lắm, nhất là với một con người như Hiền Lương.

Hiền Lương thật lòng hơi nao núng, nhưng cô bình tâm, cố bình tâm mỉm cười.

Hành nói tiếp :

- Tuy nhiên, chúng ta quá thiên lệch về vô thức, tiềm thức và những gì sâu kín trong lòng người rồi, khi chỉ chú trọng đến dục vọng xấu xa, thấp hèn thuộc về bản năng thú tính cũng như các thứ tội lỗi thông thường ít nhiều ai cũng phạm phải. Thật ra, phải nhìn nhận cho đầy đủ, toàn diện hơn. Còn có lương tâm, lương tri, siêu ngã trong vô thức, tiềm thức và những ý tưởng, cảm xúc cao đẹp trong đời sống nội tâm sâu kín của con người cũng như những hành vi cao cả thầm lặng của con người nữa. Nói gọn hơn, ở trần gian này, tại nông thôn cũng như tại thành phố, có rất nhiều, rất nhiều vị thánh nông dân chân lấm tay bùn, hoặc đang tảo tần buôn bán, sản xuất, hoặc đang cấp sách đến trường... Đó là những vị thánh đích thực nhưng thầm lặng, không được sách báo nào viết đến, đang sống cùng ta, sống quanh ta hằng ngày. Ông Lý Văn Hiệu là một vị thánh như thế. - Hành vẫn tiếp tục nói với giọng trầm tư, sâu lắng -. Hiền Lương còn nhớ không, ông nội của anh, hôm ăn

cơm trưa ở chùa, có trình bày lại một điều ông thường nói với anh, về hình tượng hai cuốn sách: ""Nghĩa thứ nhất, cả hai cuốn là sách Hữu thức, có chữ, có các mục từ, về đủ mọi lĩnh vực, như đã nói, kể cả mục từ như thể “Chiến thắng quân Nguyên - Mông lần thứ nhất của nhân dân Việt Nam (Đại Việt)”. Nghĩa thứ hai, cả hai cuốn đồng thời là hai cuốn sách Vô thức, như thể vô thức cộng đồng. Không có gì đã có mà mất đi, cho dầu một ý nghĩ tốt hoặc xấu trong đầu, bâng quơ hay nung nấu. Vì sao? Vì những ý nghĩ ấy sẽ ngấm ngấm chi phối một đời người, đời người ấy tương tác cùng bao người khác nữa, cũng là nhân, sinh ra quả, tùy chất, tùy lượng mà tốt hay xấu, theo một tiến trình biện chứng. Ví như một sợi khói thuốc lá cũng đủ gây thêm một chút ô nhiễm làm hồng tàng ô-dôn, dầu người ấy hút thuốc một mình trong đêm tối, ngỡ chỉ tự hại phổi. Ví như đọc một câu thơ hay trong óc cũng có tác dụng tự kỉ ám thị, làm tốt đẹp hơn cái tâm, cái tình người đọc ấy, rồi sẽ gián tiếp ảnh hưởng sang các hành vi khác ngỡ chẳng liên quan, hay liên quan trực tiếp đến câu thơ là một số hành vi nào đó, và hành vi ấy, những hành vi ấy, sẽ tác động ít đến nhiều tới cộng đồng, với mức độ, quy mô, từ nhỏ đến lớn... Hai cuốn sách ở nghĩa thứ hai, Vô ngôn Vô tự, là vậy. Không có gì đã có mà mất, có thể nó tồn tại ở dạng khác. Mọi người nghĩ tốt, tích lũy cái tốt, phê phán sâu sắc và triệt để cái xấu, sẽ sống tốt"". Theo anh, đó là một nhận định có tính phổ quát về diễn trình vô thức, tiềm thức, ý thức với hành trạng cụ thể của con người nói chung. Không biết Hiền Lương còn nhớ không?

Hiền Lương gật đầu, cảm thấy chính đầu óc của bản thân mình không phải không đen tối, khi mới theo một nửa mạch chuyện mà đã trót bi quan quá về con người và cuộc sống chung quanh. Phải chăng cảm quan nhạy bén với mặt đen tối hơn là với mặt trong sáng cũng là khoảng đen tối của lòng mình? - Hiền Lương tự vấn -.

Hai người im lặng một lúc khá lâu. Hiền Lương muốn hướng câu chuyện về các kinh điển với câu ngạn ngữ "tận thư bất như vô thư", cô nói:

- Vâng, con người với sự khủng khoảng niềm tin về con người, với nỗi đau "bất như vô nhân" (thà không có con người) là thế, còn kinh điển với sự dao động, trăn trở, với nỗi đau "bất như vô thư" (thà không có sách)?

Hành mỉm cười, đáp lời Hiền Lương như thể nói tiếp một ý tưởng dở dang:

- Nhưng tinh thần của chủ nghĩa Mác vẫn là tinh thần thời đại, khoa học nhất. Chủ nghĩa Mác có thiếu sót, nhưng không phải vì thiếu sót mà sai. Chủ nghĩa ấy đúng về cơ bản nhưng cụ thể, chưa đủ. Mác vẫn để ngỏ cho hệ thống tư tưởng của mình, không giáo điều. Hình như Mác đã đề nghị hậu thế sẽ bổ sung, sẽ điều chỉnh lại theo sự chuyển biến của lịch sử. Khoa học là cuộc đua tiếp sức. Mác không muốn hậu thế mê tín mình. - Hành nói chậm lại -. Anh đã lan man rồi, chuyện nọ xô qua chuyện kia! Từ chuyện ông Lý Văn Hiệu, tức ngài Hiệu Điền của chúng mình, của làng mình, anh lại bàn đến các vấn đề mung lung, mênh mông quá!

Hiền Lương mỉm cười, vẫn không dứt ra được khỏi sự lan man của mạch chuyện:

- Về Chúa Giê-su, em có nghe ba em nói, một ông linh mục rửa tội cho ba em hồi nhỏ đã bảo, sau nhiều năm gặp lại, rằng, Giê-su không có ý thức độc lập dân tộc, hơn nữa, còn thỏa hiệp với đế quốc La Mã, và trong hoàn cảnh Do Thái bị xâm lược, bị đế quốc La Mã thống trị mà Giê-su gieo rắc tư tưởng mật thế, luôn bảo "sắp tận thế", "đến ngày phán xử cuối cùng" là nổi giáo cho giặc. Có phải Kinh Thánh đã bị cắt xén, bị sa-đích bởi các thế lực xâm lược cổ và kim? Một con người không yêu nước, chấp nhận ngoại xâm, gieo rắc tư tưởng mật thế (tận thế) lúc bấy giờ, thật có đáng tôn thờ không? Chúa Giê-su có phải là kẻ đóng kịch theo

kịch bản từ Cựu ước? Đế quốc La Mã truyền bá Kinh Thánh nhưng bản thân các hoàng đế, tức là các xê-da, lại không tin? Hay các xê-da tin việc xâm lược là theo ý Đức Chúa Trời, và xâm lược, thống trị các nước nhỏ là sứ mệnh thiêng liêng, có lợi, vừa được phần hồn, vừa được phần xác cho chúng? (II. 15).

- Sao gia đình em vẫn đi nhà thờ, đọc kinh Thiên Chúa?

- Vì đã quá thân tình, Hành đâm ra thiếu tế nhị một cách chân thành -. Ở Phương Tây, người ta đã bỏ đạo nhiều rồi! Cam chịu đế quốc thống trị mà đức tin sao?!

- Do thói quen, do áp lực của giáo hữu, giáo xứ một cách vô thức... Đồng tiền vàng có hình xê-da - nhưng là tài nguyên Do Thái - mà của xê-da ư!? - Hiền Lương như thế tự hỏi.

- Triết học Việt Nam rất đơn giản: Không có gì quý hơn độc lập, tự do! Độc lập cho dân tộc, tự do cho nhân dân. Từ đó mà ra tất cả: phải văn minh, phải giàu mạnh. Trong đó có dân chủ. Không có dân chủ thì các giá trị kia cũng hữu danh vô thực, thậm chí là không có động lực để đạt những giá trị ấy. Những gì trái với triết học Việt Nam, truyền thống và hiện đại hóa, ta phản đối.

- Chắc em phải kiếm việc làm và thoát li gia đình. - Hiền Lương nói, buồn buồn.

- Bản thân mỗi người cũng phải độc lập, tự do. - Hành cười với nụ cười cảm thông, chia sẻ.

- Sao Phật Thích Ca, Khổng Khâu, Lão Đam không nói đến độc lập cho dân tộc, tự do cho nhân dân? - Hiền Lương nêu vấn đề, mỉm cười.

- Giai đoạn Phật Thích Ca sinh ra đời, tìm đạo, thành đạo và truyền đạo, đến khi viên tịch, không có yêu cầu của lịch sử là nêu cao ý thức độc lập, tự do như vậy. Tổ quốc của Phật bấy giờ đâu bị ngoại xâm! Còn Khổng, ít nhiều cũng có tư tưởng bành trướng, "can thiệp", sen-đầm quốc tế. Lão Đam chỉ bàn kế sách tâm linh và chính trị chung cho

mọi người, mọi đất nước, trong đó có đề xuất chia các nước lớn thành nhiều nước nhỏ, đề cao và khuyến khích lối sống chất phác. - Hành ngừng lại, cười khẽ -. Anh cũng hạn chế lắm, anh cần đi học thêm, chủ yếu tự nghiên cứu thêm. Chúng ta thiên thung mang nai (tản mạn, lung tung, lan man) quá rồi... Diệt dục là đã gồm diệt mộng xâm lăng. - Hành nhấn mạnh câu cuối.

- Thiên thung mang nai cho vui mà. - Hiền Lương mỉm cười bảo -. Những suy nghĩ có thể đúng, có thể sai. Trong học tập, nghiên cứu, cũng rất cần phải biết cái sai để khẳng định cái đúng, và ngược lại. Có điều, ở đây chúng ta chỉ bàn phiếm, nói vô phép, - Hiền Lương cười thành tiếng -, tầm bậy tầm bạ, để tạo men kích thích sự tìm tòi, nghiên cứu (cứu), học hỏi, mà chủ yếu là tự học, tự suy nghĩ. Tuy nói hài hước hóa như thế, nhưng thật ra, chân thành mà nói, việc trao đổi, chuyện trò cũng giúp nảy bật ý tưởng mới, làm sáng tỏ được nhiều điều sai lạc mà chủ quan vẫn tin chắc khư khư.

Rút mấy bài thơ được đánh máy vi tính từ túi áo, Hành nói:

- Thơ về Chúa Giê-su đây! - Anh chỉ bài “Truyền thuyết về khát vọng cứu rỗi”.

Hình như Hành đã chuẩn bị để bàn với Hiền Lương, thảo nào Hành đành phải gác lại chuyện ông Hiệu Điền, mặc dù anh rất quý trọng ông ấy.

Hiền Lương đọc câu đề từ, trích từ sách Ê-sai, từ phần tiểu truyện về Chúa Giê-su của Ma-thi-ơ, và đọc lại, dừng mắt vào lời Chúa Giê-su: “Người giàu vào nước Thiên Đàng khó hơn con lạc đà chui qua lỗ kim” - câu nói nổi tiếng mà cả ba trong bốn tác giả tiểu truyện Tân ước đều có ghi lại.

- Bài thơ được nhìn ở góc độ “thân phận con người”, và thủ pháp là tái tạo, hư cấu lại, dựa trên văn bản bốn tiểu truyện trong Tân ước, được xác định rõ, chỉ là truyền thuyết về Giê-su. Đó là cảm nhận ở phía tích cực của hình tượng

Giê-su, theo quan điểm xã hội chủ nghĩa về đấu tranh giai cấp và điều hòa mâu thuẫn giai cấp, trong các giai đoạn lịch sử, toàn bộ xã hội (?) đều “nha phiến” hóa. Nếu giai cấp thống trị La Mã xưa và các đế quốc ngày nay cũng thật lòng tín ngưỡng người thợ mộc, người nô lệ mất nước, người chiến sĩ bị tử hình có tên là Giê-su thì “hai ngàn năm dụi gió mưa” thật. Nếu không, sự bóc lột của bọn đế quốc khốc liệt đến chừng nào! Giê-su là người đầu tiên rất cộng sản nhưng lại rất chủ “hoà”! Cần phải hiểu rõ hơn: tất nhiên chỉ dụi đi thôi, gió mưa vẫn cứ gió mưa như lịch sử thế giới đã diễn ra một cách bạo ngược, đẫm máu, nặng trĩu trong tiếng hát khát vọng!

- Phía tích cực của hình tượng Giê-su, em hiểu rồi! Nhưng, thế này là cái nhìn thiện cảm với Giê-su, chứ thực ra không trung thực theo văn bản của Tân ước! Tuy nhiên, câu trích đề từ rất chính xác.

- Tái tạo, hư cấu lại! Biết đâu, Tân ước đã bị sa-đích, như đã bàn. Nếu mất nước mà chỉ lo chuyện trên trời, mặt dưới đất đồng bào và Tổ quốc bị giày xéo bởi bọn đế quốc, thì cứu rồi cái gì! Nhưng nói vậy có phạm thượng, báng bổ Thần Thánh không?

- Ba của em kể, có một ông linh mục đã cởi áo dòng, không chịu làm linh mục nữa, bảo, ông thấy Quả đất này được cai quản theo quy luật Sa-tăng. Quỷ Sa-tăng sáng tạo nên thiên hà này, trong đó có Quả đất. Thiên Chúa sáng tạo nên thiên hà khác với những hành tinh khác. Giê-hô-va là quỷ dữ. Giê-su mang chứng hoang tưởng. Hóa ra Đức Chúa Trời lâu nay người ta thờ lạy, ngợi ca, lại chính là quỷ Sa-tăng. Loài người ngộ nhận mấy ngàn năm nay! Cứ nhìn sản phẩm địa ngục trần gian là biết người sáng tạo. - Hiền Lương bình thần nói.

Hành trầm ngâm nghĩ, có một đoạn Kinh Thánh nói Chúa mất trí thật, nhưng anh không dám bàn điều này.

- “Này là mình ta, này là máu ta, máu Tân ước vĩnh cửu, sẽ đổ ra cho các con và loài người được tha tội”. Đây là tội sát sanh chăng? Con người đã ăn thịt, uống máu bao nhiêu sinh vật có sự sống như trâu, bò, lợn, gà, ăn biết bao cây cỏ khác cũng có sự sống..., mỗi bước đi lại giẫm đạp biết mấy côn trùng... Giê-su là Thiên Chúa, sao không cứu rồi bằng cách khác, nhiệm màu hơn? Hay Chúa chấp nhận “người ăn thịt người”?! - Hành dè dặt nói.

Hiền Lương rùng mình. Thảo nào Chúa không lấy vợ và Phật ăn chay! - Hiền Lương nghĩ. Cô nói :

- Thế mà rước Minh Thánh Chúa hằng ngày trong thánh lễ mi-sa kia đây! Nhưng phân tích hình tượng vậy đã đúng chưa? Có phải là chấp nhận “người ăn thịt người”?

Hành cố quên đoạn Chúa ví von thiên đàng là chiếc giường tân hôn, với mười cô dâu trinh nữ.

- Như tục ăn cau trầu của người Việt ấy mà! Máu thịt đổ cả mồm cả miệng! Trong truyện cổ tích Trầu Cau ấy, dân gian đã phản ánh rất nên thơ hai vấn đề nghiêm trọng nhất của mọi sinh vật, cái ăn để tồn tại và sự truyền giống để duy trì chủng loài, với ngụ ý rất văn hóa. Nói rõ ra, Chúa cũng cứu chuộc loài người bằng nghi thức ăn thịt uống máu, qua hai cái biểu hiện, bánh và rượu, thường gọi là rước Minh Thánh Chúa (chỉ linh mục hành lễ mới được uống rượu thánh!), vì Chúa lờ sinh ra loài người!

Hiền Lương sực nhớ đến lễ rửa tội và tội tổ tông truyền. Cô không thể không nhớ đến một đoạn Tân ước, trong đó Chúa thừa nhận một tục lệ gần như “nói dầy”, và đoạn nói về nguyên nhân Thánh Giăng bị giết.

- Đừng bóc và lột nhau! Chúa cứu rồi bằng khát vọng tận thế chăng!?

Hiền Lương không thể cười khi Hành bông đùa, có lẽ cho nhẹ bớt không khí trầm trọng trong cuộc chuyện trò. Yả nghĩa của ẩn dụ quá đỗi bất ngờ! Không, đó là cách cảm nhận xa văn bản? Cách cứu rỗi của Thiên Chúa trước sự

thống trị của đế quốc La Mã là cam đành quần quai dưới gót giày của chúng, chịu chết quá yếu hèn, như thể tự nguyện, trên thập giá của đế quốc ư? Không, Hiền Lương tin Giê-su chỉ là con người, chỉ là con người, thế thôi. Cô đồng cảm với cách cảm nhận, rằng Giê-su là người thợ, người nô lệ mất nước, người chiến sĩ chống đế quốc, chống bọn giả hình bán nước, và giải phóng con người khỏi mặc cảm thân phận con người, một cách tích cực, trên đời này, khi họ còn sống. Chúa và về sau, có thêm Mo-ơ, đã khơi mào chủ nghĩa xã hội, mặc dù Mo-ơ gọi xứ sở xã hội chủ nghĩa là Mộng Tưởng (U-tô-pi). Kinh Thánh đã bị giáo hội, đế quốc sa-đích hai ngàn năm nay! Phúc âm và hành trạng Chúa Giê-su đã bị sa-đích, sa-đích bằng cách siêu hình hóa Nước Chúa, siêu hình hóa Ngày Phán xử cuối cùng về chủ nghĩa đế quốc, khiến người Do Thái mất nước hai ngàn năm? Còn Đức Mẹ? Trọn đời đồng trinh? Tin Lành giáo đúng hay Thiên Chúa giáo đúng? Phải chăng cách giải mã của ông giáo Hiền và anh Hành về Thánh Gióng có thể vận dụng vào Đức Mẹ Ma-ri-a, Mẹ Thánh Giăng? Để chống lại sự ám thị, mọi nguyên lí, mọi giáo điều phải được xói, lật!

- Hiền Lương có biết Giáo hội La Mã mới thanh minh cho Ga-li-lê sau bốn trăm năm? Cam-pa-nen-la bị chặt đầu vì vô thần? San-man Rút-s-đi mới bị Hồi giáo I-ran tuyên án tử hình và sấn lưng ngày đêm? - Hành vờ co rúm người lại, trong lòng cũng ngán.

- Em biết. Thật kinh khủng. Đêm trường trung cổ còn đậm đặc đến tận thế kỉ hai mươi! Sắp đến năm hai ngàn chẵn rồi! Chấm hết công nguyên Cờ-rít cũ, sẽ đến công nguyên Hòa Bình! - Hiền Lương vừa nói vừa cười -. Như vấn đề Thánh Gióng, ở đây, về Giê-su, ta chỉ phân tích đùa thôi mà!

Hành nghĩ đến “chiến tranh và cách mạng”, trong đó có vấn đề đấu tranh giai cấp, cốt lõi vẫn là đấu tranh ý thức hệ, đặc biệt là về quyền sở hữu tư liệu sản xuất. Hành le lưỡi.

Lần đầu tiên Hiền Lương thấy Hành cố ý le lưỡi. Có lẽ ai cũng sợ bị rơi vào trường hợp những nhà khoa học, nhà tư tưởng, nhà văn đã trở thành hay suýt trở thành các “thánh tử vì đạo” - đạo là chân lí khoa học - như Ga-li-lê, với sự xác tín “dấu sao quả đất vẫn tròn”. Quyền sống, nhân quyền! Hành nghĩ, đấu tranh giai cấp thực chất là đấu-tranh-sinh-tồn-của-sinh-vật-theo-Đác-uyn. Từ quy luật sinh vật học, Các Mác vận dụng vào kinh tế học, xã hội học và lịch sử phát triển của loài người với quan điểm biện chứng đó thôi. Ai cũng muốn sống, muốn làm người ra người, người đừng bóc lột người, bức hiếp người. Hành nghe ớn lạnh, tự bảo chấm dứt sự xói lật kinh rợn này.

Hành nhìn Hiền Lương, mỉm cười. Tự nghiệm chính mình, Hành thấy, việc học tập ở nhà trường và không khí thoáng đãng của xã hội là rất căn bản để con người cảm thông nhau, tiếp cận được chân lí.

- Anh có một người bạn ở Gio Linh này, nay đã vào sinh sống tại Sài Gòn. Anh ấy làm thơ và viết văn.

- Anh ấy tên gì? Cho em biết địa chỉ được không?

- Được. Nhưng gặp, anh ấy yêu Hiền Lương mất! - Hành cười.

Hiền Lương phá ra cười giòn tan, thật duyên dáng, tươi trẻ.

- Anh ấy bao nhiêu tuổi?

- Tuổi bính thân! Bốn mươi một tuổi. Nhưng anh chàng này đa tình lắm! Anh ta cứ bảo anh ta mãi mãi hai mươi, dẫu sau này già tám chục tuổi vẫn vậy. Trái tim thơ ca mãi còn trẻ, anh ta bảo thế!

- Vui quá. Ngộ nhỉ! Hơn em đến hai thập niên! Anh ấy có dám yêu con nhỏ mới hai mươi hai tuổi ranh như em không?

Chưa bao giờ Hiền Lương cười thoải mái đến vậy.

- Như Hiền Lương, anh ta yêu “tử bị thương đến chết”.

- Vẫn tốt thôi. Em thấy phụ nữ thường phải trẻ tuổi hơn đàn ông mới hay.

- Rửa anh chẳng dại! Chẳng dại gì giới thiệu em cho anh ấy.

Hiền Lương thoáng sửng ngờ, rồi lại cười vang lên. Cô đỏ mặt, nghĩ Hành cũng lém lảm.

- Anh ấy làm thơ, viết tiểu thuyết, rất đở.

- Đở kiểu mới?

- Tất nhiên. Bạn anh đã xuất bản sáu tập thơ từ chín mốt đến nay. Anh ta chủ trương tiếp thu, phê phán hết một cách khách quan, khoa học. Và anh ta đọc lại, nghiền ngẫm lại, lật ngược, trở xuôi nhiều vấn đề, nhiều triết thuyết từ vốn cũ anh ta đã đọc thời trung học, đại học và những năm dạy học, để từ đó cái gì đúng, khẳng định, cái gì sai, phê phán, kể cả chủ nghĩa xã hội.

- Như thế là thông minh, sáng suốt. Ai cũng cần phải như vậy. - Hiền Lương nói -. Dại gì để con cháu, và biết đâu, cả hậu thế, sẽ khinh mình. Ngay cả vẽ tranh, em cũng vậy.

- Điểm tựa thông minh, vững chắc nhất là sự thật lịch sử, tinh thần dân tộc, tình yêu nhân loại, và chân lí khoa học. Chẳng một ai dại gì xây lâu đài nghệ thuật của mình trên cát, nói theo một câu nói cửa miệng của nhiều người. Phải có một nền tảng vững chắc, đúng không? Anh cũng dựng sự nghiệp như thế.

- Và anh ta đở?

- Đúng, anh ta chọn đở, - Hành cười -, vì đở là khoa học, tất nhiên là đở kiểu mới. Anh ta chọn chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa xã hội với tinh thần thật sự dân chủ và cởi mở.

- Hiện nay làm gì? Em muốn hỏi về anh ấy.

- Đã viết thêm một trường ca "Quê Nhà Yêu Dấu", đang viết một tiểu thuyết về Bến Hải này.

- Về làng nào, xã nào?

- Làng này, xã này. Hiện anh ta ở Sài Gòn, có gửi thư ra bảo như vậy. Anh cũng đã giới thiệu Hiền Lương cho anh ấy, qua hai dòng ngân ngủi. Anh ta chưa biết Hiền Lương bao giờ, nhưng cũng hứng chí, viết thư trả lời sẽ hư cấu một hình tượng tên Hiền Lương!

Hiền Lương tròn mắt. Thật lạ kì! Sao Hành nói phớt tỉnh vậy! Cô hỏi Hành:

- Anh có đùa không? Ngộ thật! Em không ngờ... có trường hợp ngộ nghĩnh như thế!

Hành cười tủm tỉm:

- Thì tiểu thuyết và thơ mà! Anh ta hư cấu gì tùy thích anh ta. Chẳng biết anh ta viết cái gì, gán vào miệng nhân vật tư tưởng gì, nhào nặn tính cách nhân vật ra sao. Có thể anh đây cũng bị hay được nhào nặn thành nhân vật tiểu thuyết. Anh ta hư cấu một trăm phần trăm, cho nhân vật thể hiện tư tưởng của anh ta.

Hành và Hiền Lương nhìn nhau cười.

- Cho Hiền Lương biết tên, địa chỉ anh ấy đi!

- Không, sợ anh ta gặp Hiền Lương sẽ yêu Hiền Lương mất! Những nàng thơ thường ở tuổi hai mươi.

Cả hai cười ngất.

- Tiểu thuyết sắp xong rồi đó! Anh ta viết thư từ Sài Gòn ra hôm qua bảo vậy. Anh ta dự định sẽ xong giữa tháng bảy theo lịch mặt trời. Bây giờ đã là ngày mười hai tháng bảy, chín sáu. Có thể đã xong, đặt dấu chấm sau dòng cuối sách.

- Ngộ thật đấy! Em muốn vào tìm anh ta để đọc cuốn tiểu thuyết sắp viết xong ấy.

- Chỉ mượn tên Hiền Lương thôi. Hư cấu mười mươi mà!

- Ngộ thật!

- Đừng đến nghe. Nhưng Hiền Lương đến, hẳn anh ta sẽ rất vui. Chắc gặp Hiền Lương, bạn anh sẽ say điếu đờ ngay.

Hiền Lương cười:

- Đừng đùa nữa anh!

- Kẻ nào đa tình cũng bạc tình cả! Xin xấu bụng nói với em như vậy. Em hiểu giùm anh chứ? Nhưng... lại cũng đùa!

Hiền Lương mỉm cười, mắt long lanh, đỏ bừng cả mặt.

- Anh có sẵn sáu tập thơ của anh ta! Em đọc nghe (nhé)?

- Dạ, xin anh cho mượn. Em cũng sắp vào, chỉ đọc lướt thôi.

- Nghe đâu, với cuốn tiểu thuyết sắp xong, anh ấy tập trung suy nghĩ về một số vấn đề “chiến tranh - cách mạng”, cũng sự thật lịch sử, chủ nghĩa yêu nước, dân tộc, vấn đề tôn giáo, khoa học, tình yêu nhân loại, giai cấp vô sản trên thế giới...

- Thì cứ nói sự thật tôn giáo, chính trị, sử học...

- Anh ta ngán ngẩm các vấn đề ấy lắm. Anh ta sợ mọi cái anh ta viết ra, từ thơ đến văn xuôi sẽ bị xuyên tạc, đành phải minh định. Anh ta cũng như mọi kẻ cầm bút khác, và bao người khác, đều là nạn nhân của sa-đích. Sợ, rất sợ những vụ án hình tượng văn nghệ!

- Anh ta đa tình theo nghĩa lãng nhãng thật hay đùa?

- Có cả thầy năm cô gái yêu anh ta, từ năm mười bảy tuổi đến hai mươi sáu tuổi. Nhưng biết đâu, Hiền Lương mới là người đầu tiên và cuối cùng của anh ta! - Hành nói, cổ tổ ra cao thượng.

Hiền Lương đỏ mặt:

- Sáng nay anh đùa quá đáng đấy!

Hành cười, bỗng đứng băng khuâng. Sau một lúc im lặng, Hành đề nghị lên chùa thăm sư Tâm Tụ một lần nữa, nhân thể chào sư.

Hành sắp đi học lí luận, Hiền Lương và mẹ cũng sắp vào lại quê sinh của cô - Thủ Dầu Một. Rồi Hiền Lương sẽ cùng mẹ lên chùa chia tay nhà sư khả kính, nhưng chiều nay, cô cũng xin phép mẹ lang thang lên chùa với Hành.

Khi tiễn Hành ra ngõ, cô nghe anh lại nói tiếp câu chuyện bỏ dở:

- Cuốn tiểu thuyết ấy nghe đâu cũng rất khó được xuất bản. Anh ta sẽ mở một số “khóa”. Những cái “khóa”, tức là những vấn nạn, từ vấn đề hồng hoang, mông muội đến cao siêu, lẫn thiết thực đời thường, kể cả dung tục hiện đại, kể cả chính trị, tôn giáo... Nói chung là ý thức hệ. Và tất nhiên mở cả những cái “khóa” về lịch sử, kể cả lịch sử tư tưởng... Mở tất, những cái khóa “hóc” nhất, để dọn đường cho ý chí tiến thủ, quên đi các mặc cảm quá khứ... Lịch sử đã thuộc về lịch sử... Lớp trẻ có quyền sống, có quyền tiến thủ theo chí hướng riêng, định hướng chung. Và bất kì lứa tuổi nào cũng vậy... Tự do, nhân quyền gắn liền với chân, thiện, mỹ (thật - tốt - đẹp), trong đó có thuần phong mỹ tục của dân tộc, đã được rọi soi bằng ánh sáng khoa học hiện đại. Chân thiện mỹ là chủ nghĩa xã hội Việt Nam, rất Việt Nam, không rập khuôn theo nước nào cả.

Hiền Lương cắn vào môi mình, che giấu niềm xúc động khi nghe ba chữ “rất Việt Nam”. Cô chột nhìn sâu vào mắt Hành.

- Thế thì... Anh chưa đọc sao biết hết “mục đích yêu cầu” về nội dung tư tưởng rồi?

Hành cười:

- Bạn bè mà! Thành phố Hồ Chí Minh - Quảng Trị đâu xa cách gì nữa! Thư từ, nay có thêm điện thoại...

Hiền Lương đứng nhìn theo dáng cao, gầy của Hành. Đi được mấy bước, Hành quay lại:

- Nhớ chiều nay nghe! Chiều ni (nay)...

Hiền Lương mỉm cười trong nắng, dưới ngõ hoa râm bụi, đỏ và xanh, màu của hoa và lá. Nắng đã gần đứng bóng.

Nắng trưa hoa cả mắt. Hiền Lương bước vào nhà, lặng lẽ ngồi trước bức tranh ông Hiệu Điền còn dang dở. Cô thấy mình thật đáng xấu hổ. Hiền Lương thờ dài, tự trách mình. Chẳng phải là cô đã quá phân tán năng lực của tâm hồn khi vẽ ông Hiệu Điền đầy sao. Nếu sáng nay Hành không đến với ông ấy một lần, có lẽ cô đã chú tâm hết mức, có thể bức tranh đã thành công. Hiền Lương thấy nóng bừng cả mặt, nghe nhịp tim chùng rối lên khi hình dung gương mặt Hành, với giọng nói rất chuẩn của thầy giáo dạy văn và tiếng Việt, với âm sắc cô đã vô cùng quen thuộc, đã nghe từ bé qua giọng của cha cô.

Hiền Lương lại bất giác thờ dài.

Tiếng thờ dài của cô trùng với tiếng thờ dài của Hành. Hành đang đứng trước cửa. Nãy giờ, anh đã quay lại. Thấy Hiền Lương đăm đăm trong suy nghĩ, Hành cũng lặng lẽ chiêm ngưỡng. Hiền Lương đẹp một vẻ đẹp quá chừng gần gũi sao vẫn vô cùng xa xăm. Hành cảm thấy mình chẳng bao giờ có thể với tay chạm khẽ và nâng niu, âu yếm. Những khoảng cách, những hàng rào vô hình sao vẫn trùng trùng đến thế.

Hành đành lên tiếng đánh thức bức tượng có tên Hiền Lương, khi Bông Bưởi ở nhà ngang đang chuẩn bị cơm trưa bất gặp, bụm miệng cười. Hành đỏ mặt, cố tỏ vẻ tự nhiên.

Khi Hành bước hẳn vào nhà, Hiền Lương cũng vừa đứng dậy bước ra.

- Anh Hành! Ủa... - Hiền Lương bối rối.

- Hiền Lương! - Hành đứng sửng.

Hai người trở về với quan hệ chùng như đã được xác lập suốt tháng trời nay: vẫn là tình đồng hương, tình bạn, sau một giây ngỡ ngàng được gặp lại nhau.

Hành mỉm cười:

- Hiền Lương đã uống nước chanh chưa? Suốt buổi sáng bọn mình chuyện trò như diễn thuyết!

Hiền Lương bật cười giòn giã:

- Nhà giáo như anh Hành sao thanh quản yếu thế! Bọn em học ở Sài Gòn, bạn gái, bạn trai cùng lớp, có lần cãi nhau đến khao cả cỗ, suốt cả ngày. Về nhà ngủ, sáng mai gặp nhau lại tranh luận tiếp. Ba em cũng thích ăn “cải” lắm, “cải cay” ấy, với bạn bè ba. “Cải cay” nhưng không nóng!

Hành nhìn Hiền Lương, trùi mền:

- Anh mới về nhà, nhận được cái giấy triệu tập triệu tiếc này, - Hành chia phong thư có đóng dấu chữ nhật đỏ -, nên chiều mốt, may ra chiều mai mới có thể cùng Hiền Lương lên chùa thăm sư Tâm Tụ được. Quá tiếc. Nhưng ngày tē (kia), ... Hiền Lương mới vào mà. Nhưng... nếu không kịp tiễn Hiền Lương và bác...

- Dạ... - Hiền Lương muốn bày tỏ một điều gì đó, song kín đáo ngừng lại, và thoáng nghĩ trong nỗi nghẹn ngào đến bối rối: Chẳng lẽ chia tay thật rồi sao...

Hành lưu luyến, giọng nghẹn nghẹn:

- Biết rằng chừ (sao giờ)! Thôi, anh về. Cơm đã dọn dưới nhà ngang rồi đó... - Chợt nhớ, Hành nói tiếp -. Vội quá, anh chưa kịp mang sáu tập thơ của bạn anh qua. Còn ông Hiệu, có một số bài báo viết về ông ấy đấy. Ông nội anh có giữ. Hiền Lương chịu khó qua nhà hỏi ở ông nội nghe (nhé).

Hành bước ra, vội vàng. Bông Bưởi đứng ở cửa bên nhà ngang chờ sẵn. Cô bé lém lỉnh:

- Bông Bưởi biết rồi nghe... - Và cười thật giòn.

Hành vừa đi vừa quay mặt đưa tay tỏ vẻ răn đe với nụ cười lấy lòng. Đến ngõ, Hành đứng lại, nhìn Hiền Lương đang ngó ra.

Hiền Lương mỉm cười, lại bắt giác thở dài. Cô muốn khóc, vội đi vòng ra giếng, tránh ánh mắt tinh quái rất buồn cười của Bông Bưởi. Hiền Lương múc nước, đắp nước mát

lạnh vào mặt. Nắng lóng lánh từng giọt trên gương mặt trắng hồng. Nắng sáng chói mắt trong thau nước. Cô không muốn ai biết cô suýt rơi nước mắt. Hiền Lương cắn vào môi mình để tự trấn tĩnh.

Bông Bưởi cũng chực sẵn sau lưng với một câu trêu có lẽ đượm vị the the, thơm thơm và ngọt lịm trong đầu, những muốn thốt ra ngay. Trong đầu Bông Bưởi, vẫn còn ánh mắt của thầy Hành khi đứng dưới ngô râm bụi nhìn vào, nhìn nồng cháy, vời vời vào chị của cô bé, bất chấp sự có mặt của ai lúc đó với tiếng cười trêu nếu có. Bông Bưởi mỉm cười nghĩ, thầy giáo Hành cũng liều lĩnh ra phết đấy chứ. Bỗng dưng, cô bé không muốn trêu chị Hiền Lương của mình nữa. Và rất trẻ con, Bông Bưởi muốn làm khó với thầy Hành, để thầy Hành biết chị mình cao giá thế nào, vả lại, sự có mặt của cô bé này cũng quan trọng lắm chứ! Bông Bưởi đâu biết mình còn trẻ con đến thế. Rồi Bông Bưởi nhớ nụ cười lấy lòng của thầy Hành khi mới bước ra nửa chừng sân, cô bé lại thích thú! Thầy Hành ơi, liệu mà răn đe em đấy nhé! - Bông Bưởi khoái chí chạy vào nhà.

Hiền Lương đứng dậy, với tay lấy chiếc khăn lông vắt ngang sợi dây kềm. Cô vội vã lau mặt, bước vào nhà ngang cùng Bông Bưởi và thím Cận dọn cơm canh ra bàn. Thím Cận tủm tỉm cười, bâng khuâng nhớ thời còn là con gái chưa chồng của mình.

4

Bữa cơm trưa chỉ còn bốn người. Từ sáng sớm, cô Bân đã qua nhà bác Su, ở lại bên ấy, có lẽ tối mới về. Bữa cơm vẫn vui vẻ như thường ngày. Thật ra, Hiền Lương thấy tận sâu trong lòng mình có sự xáo động đến muốn nấc lên, nhưng vẫn cố giữ nét mặt tươi tỉnh.

Cơm xong, Hiền Lương lau bàn, bưng mâm chén ra giếng trong khi Bông Bưởi rót nước chè xanh và lấy lọ tắm cho cha mẹ. Hiền Lương khẽ hát một khúc hát vui trong tiếng chén bát chạm nhẹ vào nhau trắng bọt xà bông. Cô hát rất khẽ, muốn nhờ giai điệu tươi sáng, nhí nhảnh xua đi một vết thương mới chứa vào tim cô. Hiền Lương thật chẳng hiểu nổi mình. Vết thương sông Bến Hải phản ánh vào tâm hồn cô chẳng? Cô suy nghĩ mãi về vết thương ngang mình Tổ quốc, rồi chính cô bị vết thương kia chi phối như một ám ảnh không rời? Liệu có phải nỗi cảm xúc hình-như-tinh-yêu đối với Hành cũng chỉ khởi phát từ cái tên của cô, cái tên của chiếc cầu đã trở thành biểu tượng lịch sử? Tình cảm cũng là một phức hợp của một tổng hòa nội tâm?

Xong xuôi công việc rửa chén bát, Hiền Lương bước ra mái hiên nhưng sức nhớ chẳng có chuyện gì ở đấy. Hiền Lương vòng ra hái đầu hồi, mắc võng.

Cô không thể không nhớ đến Hành. Cô quý trọng Hành có lẽ bởi chiều sâu trí tuệ và nhân cách của anh. Hành hơi quê mùa nhưng lại cao sang với những tri thức uyên bác, với cách ứng xử chân tình, lịch thiệp không kiêu cách, mà mềm hình thức.

Hiền Lương cũng hiểu chính cô. Đôi khi, cô cảm ơn ngẫu nhiên của số phận đã cho cô một nhan sắc và cả một năng khiếu nghệ thuật. Cô đã thấy rõ giá trị của cô qua bao ánh mắt, mặc dù cô cũng tự biết cô chưa hề nổi tiếng, chưa cống hiến được gì. Cô chưa là gì cả nhưng ở tuổi hai mươi hai, cô có những gì bạn bè cô ao ước. Quyết tâm nuôi dưỡng, rèn luyện năng khiếu nghệ thuật với lao động miệt mài cũng là một giá trị.

Nhưng chẳng hiểu sao Hiền Lương cảm thấy trái tim mình bị xúc phạm đến thế khi nghĩ đến tình yêu với Hành, mặc dù chỉ là hình như và mới dự cảm. Tình yêu mền lẩn với niềm tự trọng nảy sinh cùng một lúc, hình thành làm một. Rõ hơn, tình yêu đương với niềm tự trọng bị xúc phạm

do những giá trị xã hội vô nghĩa khiến tình yêu đương ấy bị hoen ố. Tình yêu đương vốn trong sáng hóa ra không trong sáng trước ánh mắt đời vốn đầy định kiến. Tình yêu đích thực không hề có sự trục lợi, dựa dẫm. Người tự trọng phải sống chỉ với giá trị của mình và chỉ được tự hào với giá trị của mình do chính bản thân mình cực nhọc làm ra. Người tự trọng không thể ăn theo hào quang của bất kì ai, kể cả chồng (vợ) lẫn cha mẹ. Sự “ăn theo” quyền lợi chính trị hoặc tiền bạc, danh vọng bao giờ cũng hàm nghĩa đê tiện, tự làm nhục mình. Oái oăm là bao nhiêu người không ý thức được giá trị tự thân, không biết và chẳng thể làm nên giá trị tự thân. Oái oăm là sự đê tiện, tự làm nhục mình, bằng cách “ăn theo” hào quang (phẩm hàm, vàng bạc, sự nổi tiếng...) của người khác, được xem đáng tự hào. Chử Đồng Tử, Tiên Dung bằng hoàng nhìn ra giá trị của nhau sau khi tình cờ trút bỏ tất cả. Hai nhân phận trần trụi nhìn nhau để thấy rõ mình. Hai con người đã trút bỏ hết rồi những giá trị bên ngoài bản thân mình. Nếu trút bỏ luôn được cả thân xác có thể bất toàn, bất túc hoặc tuyệt vời hoàn hảo, họ cũng trút bỏ, để chỉ còn lại duy nhất giá trị của chính mỗi người, những giá trị tự bản thân mỗi người làm ra dấu khởi điểm không bằng nhau. Đây là một ảo tưởng? Bất bình đẳng tự nhiên, xã hội là Định mệnh? Tất yếu khách quan? Đạo Nội của dân tộc chống lại Định mệnh - tất yếu khách quan một cách vô vọng? Không. Nhận thức tận giới hạn cuối của tương đối là đã đạt đến tuyệt đối của trí tuệ, tâm hồn. Giai cấp có nghĩa lí gì khi Chử và Dung trần trụi mọi giá trị bên ngoài, ngay manh áo chiếc quần, và ý thức sâu sắc về điều đó tận trong tâm họ. Xóa bỏ giai cấp là một khát vọng nhân đạo - tôn trọng nhân phận.

“Làm gì có giai cấp trong máu cùng đỏ,

Làm gì có giai cấp trong nước mắt cùng mặn”.

Phật Thích Ca chẳng nói thế sau khi rời bỏ ngai vàng và ngộ đạo đó sao! Mục tiêu cao đẹp của chủ nghĩa cộng

sản chẳng phải là vậy đó sao! Biện pháp duy tâm tôn giáo và biện pháp duy vật kinh tế luận chẳng gặp nhau ở mục tiêu cuối cùng đó sao!

Thực tế cuộc đời không phải như ước vọng cao đẹp kia. Hiền Lương thấy cuộc đời không lấy thước đo nhân văn để đo giá trị. Có phải như tài sản tư hữu, lí lịch chính trị là một thứ vật chất thừa kế? Có phải để xóa bỏ nỗi đau pa-ri-a (paria, người cùng khổ), phải rất giai cấp, rất chuyên chính? Pa-ri-a, danh từ được dùng để chỉ giai cấp cùng đinh nô lệ ở Aãn Độ! Cô nghe cay đắng đến nghẹn ngào trước vết thương mới chớm rướm máu trong tâm hồn cô. Không. Hiền Lương cắn răng, tự nhủ, đừng dại gì chuốc lấy tình yêu đương đau xé lòng vì niềm tự trọng rồi sẽ bị xúc phạm. Không. Lòng tự trọng đang bị xúc phạm! Và lại, giữa cô với Hành còn có quãng cách về chí hướng riêng.

Người nghệ sĩ có ý thức sâu sắc, đầy tự trọng, về giá trị riêng của bản thân, rồi một hôm nào sẽ đến, gõ cửa trái tim cô? Cô đã miệt mài tìm kiếm đến bao giờ? Quả thật, cô đã tìm kiếm và chưa tìm thấy. Nếu tìm thấy, cô sẽ chủ động gõ cửa trái tim anh ấy nữa kia. Cô biết mình thừa tự tin để gõ cửa tình yêu.

Nhưng biết bao giờ? Liệu con người có thể nào tìm thấy người trong ngôi nhà của tâm hồn mình? Sự kiếm tìm tuyệt đối mãi là vô vọng chăng? Yà tưởng ấy còn quá trẻ con chăng, phù phiếm một cách mộng tưởng chăng?

Khi biết mình còn quá trẻ con, mộng tưởng, cô đã xao xuyến trước Hành chăng? Liệu anh chàng Hành này có dám quẳng bỏ tất cả, cũng như cô sẽ quẳng bỏ tất cả, để đến một nơi nào không còn dấu vết của thân thể chăng? Ở đây, cô và Hành sẽ bước vào đời với một hành lí là giá trị riêng của mỗi người. Nơi ấy, cũng trên Đất nước yêu dấu này! Cô đã táo bạo biết bao trong giấc mơ lãng mạn giữa trưa rười rượi bóng mát bên chái nhà, nơi gió nam lùa Quảng Trị đã được lọc bằng màu xanh lá. Hiền Lương cả

gan húc vào một định kiến khác? Cô liệu lĩnh về vôi, cô sẽ cùng Hành ngang nhiên đăng kí kết hôn ở phường (xã), tự tổ chức đám cưới, mời cha mẹ, bà con, bạn bè đến dự. Chẳng cần ai chủ hôn! Rồi sau đó, dắt nhau ra đi sau khi để lại địa chỉ. Hai con người này đã tuyên bố thoát li gia đình, mọi ân huệ, khổ đau bởi gia đình. Tại sao không?

Nhưng Hiền Lương thấy mình ảnh hưởng Rô-mê-ô - Giyu-li-ét, bao mối tình cũng mô-típ này. Cô buồn cười. Không. Cô học Sếch-xpia một cách Việt Nam, một cách Á Đông hơn. Luật pháp Việt Nam hiện hành chấp nhận điều đó. Tại sao không?

Đến lúc này, Hiền Lương thấy cô đã cường điệu tình cảm đến mức hơi vớ vẩn. Mặc dù chợt nhớ đến tình yêu và khác biệt về tôn giáo, Đạo Hồi và Đạo Tin lành - trong Uyên Ương Gãy Cánh của Ka-lin Gi-b-răng -, Hiền Lương cũng thấy tình cảm của mình chưa mãnh liệt, sâu đậm đến mức ấy. Hãy biết dừng lại chỗ phải dừng. Hiền Lương tự hỏi, bản chất thật của một người nữ như cô không thể và sẽ không bao giờ biết tình yêu đương là gì chẳng? Không, đừng ăn phải thứ bùa mê thuốc lú của thứ tình yêu cuồng si đến điên dại. Đây là thứ yêu đương vị kỉ đến cực đoan, bất chấp các loại tình yêu lớn lao hơn, vị tha hơn. Hơn nữa, chẳng lẽ trái tim của cô trở thành vật cản trên con đường sự nghiệp chính trị của Hành - người cô yêu mến! Lí lịch cha, mẹ, thân thuộc của cô là nguy tắc mà!

Hiền Lương giật mình nghĩ, cô có phẩm chất tâm hồn của nghệ sĩ không? Có phải nghệ sĩ bao giờ cũng quá ngưỡng trong mọi tình cảm mới thật là nghệ sĩ? Cô cảm thấy lo sợ, hoang mang.

Cô yêu Hành, hay chỉ là chút cảm tình quý trọng cộng với sự thách thức cuộc đời - chế định xã hội? Cô chẳng rõ.

Trong con người dịu dàng, đằm thắm Hiền Lương, có lẽ là cả một núi lửa đang sục sôi niềm kiêu hãnh, tự ái, tự trọng xen lẫn với nỗi mặc cảm truyền kiếp đau đớn, thẳm

lặng và trầm uất. Một người vốn khát vọng chân lí, bị đặt trước những đôi mắt nghi ngờ như họng súng, con người ấy trở thành con thú bị rình rập, giăng bẫy và săn đuổi. Không có gì đau đớn hơn khi con người bị đặt trước một dấu hỏi nhọn sắc như lưỡi câu, như lưỡi hái thần chết.

Biết làm sao được, cuộc đời! Hiền Lương tự bảo, hãy mở to mắt nhìn thẳng vào sự thật cuộc đời, để sống. Không ai có thể chọn lựa cho mình một thân thể, một bối cảnh lịch sử. Mọi tự tôn, tự ti về gia thế đều không xuất phát từ giá trị đích thực của bản thân. Đây là một thứ tập ám phong kiến đã bị lịch sử lên án. Đây là dấu chàm nô lệ bị đóng vào số phận tự lúc phôi thai cũng đã được lịch sử giải phóng. Lí lịch gia thế bị biến thành rào cản để bảo vệ lợi ích cá nhân và cục bộ. Biết làm sao được, cuộc đời!

Hiền Lương có thật yêu Hành không, hay đây chỉ là một thứ trục lợi, dựa dẫm? Nếu cô vô thức thuận theo chủ trương phân sáp (chia ghép) của triều Nguyễn ngày xưa, sao cô lại yêu Hành, nhà chính trị tương lai! Hiền Lương ý thức sâu sắc thể hệ cô đang sống giữa một giai đoạn lịch sử mà mọi thứ tài năng, phẩm chất đều thứ yếu! Cảnh giác chính trị là trên hết. Hãy biết rõ sự thật để bình tâm sống. Nhưng đừng đánh đấm cuộc đời mình. Mỗi người chỉ có một cơ may được sống duy nhất một lần... Cô hoang tưởng bị bức hại rồi chăng?!

Hiền Lương tự hỏi, sao cô tự độc ác với cô đến vậy, tự hành hạ và đay nghiến mình đến vậy, tự đứng trước mắt nhìn như họng súng, tự buộc mình trước câu hỏi như lưỡi câu, như lưỡi hái thần chết? Bên ngoài hay tự trong tâm cô, niềm bi thiết ấy? Sao cô nữ biến tình yêu mới chớm thành một thứ thủ đoạn đê mạt, khốn nạn dẫm máu Mỵ Châu và cái chết đáng đời Trọng Thủy? Cô “tự sát” hay “bị bức tử” trước những nghi ngờ, rình rập? Cô sẽ bị giết nhân phẩm - sinh mệnh đạo đức? Cả thân xác cô cũng chết vì những vụ thủ tiêu dàn cảnh? Cô bị cảm ứng bởi thứ bệnh

bức hại cuồng? Cô đã nghe chính Hành kể một vở kịch cương viết lại một sự thật về một y sĩ nhạc sĩ bị chứng bệnh ấy. Có lẽ không phải hoang tưởng bị đóng kịch, mà bị đóng kịch thật. Vở kịch như một răn đe, một chốt khóa, một li gián?

Nhưng hãy vui, Hiền Lương ạ. - Cô tự nhủ.

Nhìn lên những lóe nắng chói lòa xuyên qua tán lá luôn bị gió lay đập đến oằn oại, thỉnh thoảng lá thưa ra để lóe nắng ấy chớp lóa, Hiền Lương nghĩ đến điều cô đang nghĩ. Con người chẳng thể vô tư như cây lá. Được làm người, sinh vật cao cấp nhất vì biết suy nghĩ, chẳng vô tư, là mang một sứ mệnh... Dẫu sao đây là thời đại đáng sống nhất, đau đớn đến quần quai vẫn đáng sống. Thời đại này có nhiều điều để ngẫm nghĩ hơn bất kì thời đại nào.

Cô lại giật mình, nếu Hành biết những ý nghĩ khủng khiếp này, anh ấy sẽ rợn gáy hay mỉm cười an nhiên? Và bất giác cô nghĩ :... nhưng liệu xã hội cho những người tự trọng, như chính Hiền Lương luôn luôn nuôi dưỡng ý thức tự trọng, làm nên sản phẩm thể hiện giá trị tự thân không?

5

Hiền Lương bước vào phòng mẹ con cô đằng sau chiếc tủ đứng. Cô lặng lẽ ngắm lại bức tranh vẽ về nghĩa trang liệt sĩ làng cô cùng với nghĩa trang Hàng Dương và nghĩa trang Trường Sơn.

Như một người nhập đồng trong cảm xúc, cô nhìn ra khung cửa sổ mở ra vườn sau.

Cô thấy ý tưởng mới lóe lên có gì đó xúc phạm, nhất là xúc phạm đến người đã mất.

Cô đã từng đọc kinh, xem lễ trong những ngày lễ các Thánh tử vì Đạo. Có những vị "Thánh" chống triều đình Lê -

Trịnh, chúa Nguyễn và triều Nguyễn, đặc biệt là trong thời Minh Mạng đến Hàm Nghi, và cả “Thánh” chống cộng được Va-ti-căng phong thánh, mặc dù các vị “Thánh” này bị triều Lê - Trịnh, triều Nguyễn (thời còn giữ được độc lập) và bị Cách mạng lên án là đầu sỏ bạch quỷ hoặc tay sai của giặc! Rồi còn bao vị Thánh đã chết vì lí tưởng bảo vệ đức tin Ki-tô hữu? Họ chết trong đức tin, khoa học đã chứng minh chỉ là đức tin sai lầm. Và liệu có phải chỉ thuần túy đức tin tôn giáo, không mấy may là thực dân hoặc bị thực dân lợi dụng?

Và những nhà tư tưởng, nhà văn, nhà vật lí, sinh học... bị chết bởi pháp đình Thiên Chúa giáo. Vì tiến bộ của Trái đất, loài người, họ hi sinh.

Rồi những “anh hùng tử sĩ”, dưới trướng các tổng-thống-ngụy, -chưa-một-ngày-chống-Pháp, -thậm-chí-là-tay-sai-của-Pháp, -lại-chịu-làm-bù-nhìn-của-Mỹ, cũng từng được đặt tên cầu, tên đường phố.

Và những chiến sĩ hi sinh vì sự nghiệp cứu nước, chống Pháp, Nhật, Mỹ, Tàu, Kơ-me Đỏ... và giải phóng dân tộc thoát khỏi quan hệ sản xuất bóc lột và bị bóc lột ở ruộng đồng nông thôn, ở nhà máy phố thị, thoát khỏi chủ nghĩa ngu dân tôn giáo dạng cuồng tín, chống lại chủ nghĩa yêu nước, thoát khỏi văn hóa thực dân mới...

Những cái chết, những hi sinh...

Không phải Hiền Lương, mà chính thời đại đã bùng sáng các tiêu chí để định giá. Cô rùng mình kinh hãi. Quả là vẽ đề tài nào, chính đề tài ấy lại khắc sâu trong cô như một ám ảnh. Từ một ấn tượng trực quan, có thể tinh cờ thôi, trở thành một dự định nghệ thuật, rồi càng vẽ càng bị khắc sâu. Sao cô cứ trở đi trở lại ý nghĩa của cái chết. Phải chiêm nghiệm cái chết khi mới hai mươi hai tuổi, tuổi chưa được sống với đời ấy ư? Chết, một vấn đề triết học lớn lao. Mọi tôn giáo là gì, nếu không là suy nghiệm về cái chết? Mọi thứ triết học nếu được gọi là nhân bản, không thể không suy tư

về cái chết, cho dẫu rất tránh nói về siêu hình của cái chết như Khổng giáo. Mọi cái chết cho lí tưởng xã hội đều đẹp, đẹp nhất. Nhưng chân lí là đâu? Chân lí không phải là ước lệ, là quy định tạm thời. Không thể có hai chân lí phổ quát đối nghịch. Không thể “bên này dấy Pi-rê-nê là chân lí, bên kia là sai lầm” nếu suy nghiệm về loại chân lí thuộc cấp độ phổ quát, ở dạng thuần lí. Ai đó chẳng nói “những tư tưởng lớn thường gặp nhau” đó sao? Ai đó cũng từng nói “đồng quy nhi thù đồ” - mặc dù khác con đường nhưng sẽ gặp nhau ở đích đến - đó sao? Vâng, động cơ và mục đích có thể gặp nhau, nhưng chân lí và con đường thực hiện chân lí phải loại trừ nhau...

Hiền Lương rùng mình khi nghĩ Chúa, Phật, Khổng, Lão bị quật đổ, bị đầu tó, Giê-hô-va hay Ông Trời bị chứng minh là quỷ dữ. Những vấn đề cũ rích vẫn khiến cô rùng mình. Các nước xã hội chủ nghĩa phê phán tôn giáo thường xuyên, công khai, trên sách báo, trong nhà trường. Ở Phương Tây, rồi ở Miền Nam trước bảy lăm cũng rộ lên phong trào vô thần, hiện sinh vô thần (Sác-tơ-rơ, Camuy...), siêu nhân vô thần (Nít-sơ), cả thiên học dần thân nhập thế vô thần...

Đâu là chân lí? Cô đã rõ. Sao cô cứ bị ám ảnh bởi những nhát búa đập vào tượng thờ? Sao cô cứ trở đi trở lại như một ám ảnh không nguôi? Không, vấn đề hóa ra lắm lắm đến cảm rằm dai dẳng là vấn đề bị chân lí hay sai lầm chọn lựa, hay chủ động chọn lựa chân lí hoặc sai lầm. Cả sư Tâm Tụ, cả ông Nộp, ông Hiền, cả chú Học, o Ngoan, cả ba và mẹ cô, cả Hành và cô, ai đã chọn lựa trong tư cách chủ động chiếm lĩnh chân lí hoặc sai lầm ngõ là chân lí? Cô Bân và Hiền Lương chẳng cười đến sặc sụa, cười trào nước mắt trước câu nói của ông Hiệu Điền đó sao: Giá như Bác Hồ chọn Miền Nam sau bốn lăm và từ năm tư.

Hiền Lương chợt nhớ một trang sổ tay, năm kia cô đã ghi chép. Trang giấy nhỏ với những nét chữ của cô bỗng

như đã in vào trí nhớ tự bao giờ, lúc này hiện ra rất rõ trong suy tưởng: Sở dĩ Bác Hồ chọn Miền Bắc Việt Nam là vì ngoài ấy có vị trí địa lí - chính trị thuận lợi: a) Núi rừng Việt Bắc là căn cứ địa kháng chiến tốt; b) Miền Bắc tiếp giáp với Nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa, một hậu phương lớn thuộc khối cộng sản. Miền Bắc nước ta, xét về yếu tố địa - chính trị, cũng tương tự như Bắc Triều Tiên (Nước Cộng hòa nhân dân Triều Tiên). Và cũng hiện ra rất rõ trong trí nhớ Hiền Lương một trang sổ tay khác: Nước ta đã nhiều lần bị chia cắt: a) Nam - Bắc triều (Trịnh - Mạc phân tranh, 1527 - 1592, ranh giới: Thanh Hóa - Sơn Nam); b) Trịnh - Nguyễn phân tranh (1592-1786, ranh giới : sông Gianh); c) Đại Nam độc lập - Nam kì thuộc Pháp (1862 - 1885, ranh giới: núi Thần Quy, còn gọi là núi Thần Mẫu, ở giữa Bình Thuận - Biên Hòa); d) Miền Bắc độc lập - Miền Nam bị tạm chiếm (1954 - 1975, ranh giới: sông Bến Hải, sông Thạch Hãn).

(...)

Hiền Lương thấy mình nhảy cóc trong suy tưởng. Cô thấy mình đã mệt mỏi. Cô trượt từ vấn đề này sang vấn đề khác với những quãng quá xa!

Thật ra, trong nghiên cứu lịch sử, người ta có quyền đặt ra những “giá như” để định giá một hành vi chính trị. Lịch sử là chuyện đã rồi nhưng không phải là chuyện đã rồi. Trong bối cảnh cụ thể - lịch sử ấy, hành vi chính trị nào là tối ưu, và có cần thiết phải như thế. Cứu cánh không thể biện minh hết cho phương tiện.

(...)

Phải lên án chủ nghĩa Tào Tháo và chủ nghĩa Ma-ki-a-ven...

Hiền Lương vẫn ngoan cố với chính cô. Không, phải biết lẽ chết để hiểu lẽ sống... Cô quá trẻ con, buồn cười, chả hiểu gì về địa - chính trị!?

Không biết có phải là sự bù đắp về tâm lí không, cô được hưởng niềm vui của người sáng tạo và cảm thụ nghệ thuật. Cô thấy bức tranh về nghĩa trang liệt sĩ của cô có một chiều sâu hơn trước, mặc dù bức tranh vẫn cứ thế, chưa thêm bớt nét nào. Một cảm giác tâm lí đầy ảo tưởng? Một thứ narc-xi-xít (narcissisme) tội nghiệp của nghệ sĩ đầy lao tâm khổ tứ, tự say mê không phải bóng hình của chính gương mặt da thịt mình, mà tự say mê tư tưởng và cảm xúc của chính mình, được thể hiện bằng tài năng của chính mình? Cô hồn nhiên sung sướng! Có lẽ cô hơi điên trong giây phút này.

Đã hai giờ xế trưa ngã chiều, Hiền Lương phải qua nhà ông Hiệu Điền. Vừa ân hận, cảm thấy mình thật đáng trách bởi sáng nay bị Hành ít nhiều cuốn hút, rất đáng xấu hổ, vừa tiếc rẻ bức tranh ông Hiệu Điền còn dở dang, Hiền Lương thay áo quần, xin phép chú thím và bước ra ngõ.

10. CƯỚI CHÚ chương X: không có cưới chú.

CHƯƠNG XI

1

Nhà ông Hiệu Điền vẫn như mọi căn nhà khác ở nông thôn, trống toang trống toác, không phòng ốc gì cả. Ông lại đi vắng. Người con trai của ông tuổi chừng năm mươi, bên máy đũa cháu nhỏ gọi ông Hiệu bằng cố, đón tiếp Hiền Lương, chưa kịp rót nước, Hiền Lương đã cầm tay người đàn ông ấy, xin phép về.

Theo lời bác con trai của ông Hiệu, Hiền Lương ra bờ sông, bên nước gần nhà ông nhất để tìm. Ông mới xách oi với gói giun đất, vác cần câu ra đó.

Tre hóp xòa bóng trên bến mát rượi. Mặt sông loáng nắng, dập dềnh trên những gợn sóng bao lá tre hóp vàng úa. Đến tận bến, vẫn không thấy có ông Hiệu Điền ở đấy, Hiền Lương thờ dài, nghe rã rời, thất vọng. Cô ngồi xuống thành xi măng xây xuôi bên bậc cấp của bến. Mồ hôi thấm ướt áo, gió thổi mát cả lưng.

Thế là Hiền Lương đành phải về nhà ông giáo Hiền thôi. May ra với những bài báo viết về ông Hiệu, cô lọc được chi tiết nào khả dĩ bổ sung thêm những gì cô đã hỏi thăm, đã hiểu về ông. Thật ra, cô muốn hiểu thật sâu, thật đầy đủ về cuộc đời ông suốt bảy mươi ba năm ông sống, muốn hiểu tận cùng, còn những nét lớn, những bước ngoặt trong đời ông, tâm trạng ông, Hiền Lương đã gần như thuộc. Hiền Lương thấy Hành nói đúng. Ông Hiệu là một nhân vật có tính cách độc đáo, là một Anh Hùng, một Con Người, viết hoa cả hai chữ, phần “Con” (sinh vật) cũng đáng kính, phần “Người” (văn hóa) cũng đáng trọng. Tất cả ở ông đã được ý chí, nghị lực của chính ông làm thăng hoa trong

đời sống thực. Chỉ tiếc là vết thương ở sọ não do bị tra tấn đã biến ông thành người tàn phế, mặc dù mọi người và cả chính ông chẳng “phế” ông. Ông không đánh đắm cuộc đời ông vào bệnh tật với vết thương thực thể ấy. Nhưng có gì đau hơn khi một số phận lẽ ra sẽ thành đạt, sẽ cống hiến lớn cho đời, đành phải lủi thủi, thỉnh thoảng lên cơn sùi bọt, lang thang suốt nẻo đường làng, từ những năm còn tuổi hai mươi!

Hiền Lương dõi mắt theo chiếc đò buôn bán rau mắm từ Cửa Tùng đang ngược dòng ngang qua bến. Hiền Lương tiếc mình đã mua vé tàu lửa rồi. Cô ngồi thừ người băng khuâng trong tiếng lao xao, kẽ kẹt của tre hóp, chọt nhớ lại vở kịch cương hôm nào Hành đã kể cho cô nghe khi hai người tha thân lên chùa. Hôm ấy, đang chuyện vui, Hành bỗng trở lại với những vết thương chiến tranh và cách mạng, vấn đề Hiền Lương quan tâm. Anh kể về vở kịch cương, vở-kịch-một-người, vở-kịch-giữa-đời, anh đọc cách đây mười mấy năm:

- Nhân vật có lí lịch gia đình ngụy từ Pháp đến Mỹ, lạ một điều là cha và anh của nhân vật đều ngụy quyền cấp cao, không có ai ngụy quân. Chính gốc vốn ở một làng quê giữa rặng núi Hồng Lĩnh, Hà Tĩnh, theo cha mẹ di cư sau Ngày Chia cắt, nhưng nhân vật đấu tranh trong sinh hoạt bệnh viện, cả về chuyên môn, gần như Pa-ven, nhân vật trong tiểu thuyết Thép Đã Tôi Thế Đây. Anh ta vừa giỏi chuyên môn, vừa đồ đến vậy, nên nhiều đồng nghiệp quý mến, tuy ngại, sợ đấu tranh. Chẳng biết ai xúc xiểm, có người bôi nhọ anh ta yêu cô giáo Thơm dạy chính trị - người Bắc bầy lăm, con cán bộ tập kết - để lên chức vụ nào đó, tức là “kiếm” cái ghế! Nguyên văn lời bôi nhọ ấy còn là thế này: “Cô ấy dạy chính trị, cái nghề cưỡng hiếp lịch sử. Yêu cô Thơm là vô luân”. Anh ta bị bôi nhọ, bị sỉ nhục đau đến vậy. Và anh ta còn bị cho uống hóa chất tâm thần thực nghiệm. Người ta muốn biến anh ta thành một nhân vật tâm

thần! Quả là nhân vật ấy có viết tiểu thuyết hư cấu lại từ các nguyên mẫu ở trường phổ thông trung học cũng gần nơi công tác, trong đó có nhân vật Thơm. Nhưng đây là tiểu thuyết! Suốt mấy năm trời công tác ở miền núi, y bác sĩ này có bao giờ tán tỉnh cô này! Trong thực tế, anh ta lại yêu tin đồ Thiên Chúa giáo và con gái gia đình ngục: Trần Thị Tuyết Sáng và Nguyễn Lan Mùa Thu. Anh ta bị ép phải bỏ việc. Về Sài Gòn, anh ấy đi kiếm việc làm, người ta không chấp nhận, ngay cả việc cho vào Lực lượng Thanh niên xung phong. Anh ta đành về quê. Đến nhà, nhân vật y bác sĩ ấy lại chạy vào Quy Nhơn, nhưng cũng chẳng biết vào đó để làm gì. Nhân vật lại về quê! Rồi anh ta nghĩ, công an đã chủ mưu vụ này, bởi lẽ, đã viết đơn kêu cứu Sở Y tế, Viện Kiểm sát bao lần, nhưng vẫn bật tằm (có lẽ người ta biết đây là đơn của người hoang tưởng). Nhân vật đành ở trong thế phải gằm lên, đọc đơn ngay trước chợ, để công khai hóa! Đêm đêm, nhân vật nghe công an đứng sau phen tôn lủng lỗ chỗ miếng đan của nhà anh ta, ám thị anh ta, lúc thức, cũng như lúc ngủ. Nội dung ám thị là cô Thơm (gái Bắc) đã sa-đích số phận anh ta, mẹ và chị anh ta cũng đã sa-đích số phận anh ta như vậy. Nhân vật “bị trói” trên giường, thành nạn nhân của sa-đích, gằm rú. Thiên hạ hòa nhau sa-đích, buộc đứng “lên” hoặc “chịu”!

Hiền Lương sượng sùng, gượng mỉm cười.

Hành vẫn tiếp tục kể vở kịch cường viết về vết thương chiến tranh ấy:

- Cả cái ghế cũng đê cứng lên cuộc đời anh ta! - Hành nói nhanh và rõ, rồi chậm rãi -. Như đã kể, y bác sĩ ấy bị ám thị để bôi nhọ rằng, anh ta “vô luân” vì chấp nhận sự cưỡng hiếp lịch sử... Trong giấc mơ hoang tưởng, anh ta còn thấy công an ám thị kiểu thôi miên, điều khiển cả giấc mơ. Công an nhảy xổ vào giấc mơ điều khiển sự tùng xẻo, cắn xé kiểu sa-đích và ám thị nhập tâm để bôi nhọ, nhằm kích động chống lại Đảng : đạo diễn “hoang tưởng bị sa-đích, gằm cả

bị bôi nhọ”, bị giết về nhân cách, bị tử hình sinh mệnh đạo đức và cả sinh mệnh chính trị!

Hiền Lương ngạc nhiên, nhìn những bóng nắng trên đường làng. Cô cũng chợt thấy Hành kể chuyện quá rối rắm.

- Nhưng tại sao công an lại làm như vậy? Kịch sửa sai?
- Hiền Lương hỏi -. Anh có thể nói rõ hơn không?

- Để mọi người thấy, gia đình nguy, không thể đổ được, đổ dẫm, đóng kịch đổ mà thôi. Nhân vật tự suy luận: đã công khai hóa, đọc đơn giữa chợ, công an, chính quyền chẳng nói gì, cũng chẳng xét xử hoặc bảo vệ thì rõ là công an Bộ Nội vụ chủ mưu rồi, do đó, càng chửi để công khai hóa. Và anh ta càng chửi Bác Hồ, chửi Đảng, càng trúng kế. Kế ấy bày ra để làm gì? Để bảo vệ chính trị nội bộ, bởi sợ anh ta chui sâu vào guồng máy cán bộ Đảng và Nhà nước, như Vũ Ngọc Nhạ, một thứ gián điệp trong “Ông Cố Vấn”, cỡ nào đó... Nhân vật lại rửa cả ông Trường Chinh về đầu tổ.

- Nhân vật của vở kịch đã man khai lí lịch sao?

- Không. Nhân vật khai lí lịch rất chính xác, trung thực từng chi tiết. Trừ bản thân, dấu sao lí lịch thân thuộc anh ta cũng là chống cộng. Thực ra, nếu anh bị bôi nhọ, bị ám thị vậy, anh cũng chửi tất!

- Làm sao chui sâu được, nếu với lí lịch rõ ràng như thế?

- Nhân vật có tài, có chút tài. Anh ta ngang tính, không sử dụng được, nên làm vậy để chứng minh “chủ nghĩa lí lịch” là đúng. Thực tâm anh ta đổ, mặc anh ta, vẫn cố sức ép anh ta chống lại Đảng, Bác Hồ, chửi ông Lê Duẩn... Để làm gì? Dựng đứng sự cố ở một nơi hẻo lánh như thế, ai biết đâu mà làm vậy? Để rồi đồn miệng, tuyên truyền miệng một bài học cảnh giác... Thỉnh thoảng anh ta chửi trong năm tám ba đổ. Sau đó là âm hưởng chấn thương tâm hồn.

- Thế rồi, anh ta thế nào? Cứ kể theo diễn biến vở kịch!

- Thì chỉ phát điên vào năm một ngàn chín trăm tám ba ấy. Cái ghế, gái Bắc, mẹ và chị... là những hình tượng được hư cấu để phản ánh vấn đề giai cấp, ý thức hệ thể hiện từ trong mỗi nhà ra xã hội. Đó là vở kịch về vấn đề giai cấp, có thể nói rõ, cụ thể là về sự sa-đích lịch sử... Anh ta “vô luân vì cam làm nạn nhân của sa-đích”! Bây giờ, “cởi trói” rồi, “cởi trói” từ năm tám bảy!... Trong vở kịch, dàn đồng ca lật lại vấn đề, vì nghe đồn thổi, rằng bôi nhọ anh ta như thế, để trả đũa bằng cách tố cáo lại sự sa-đích lịch sử nhằm thanh minh cho Ngô Đình Diệm với Trần Thị Lệ Xuân, cũng là để thăm dò dư luận. Một bung xung lãnh đạn! Thực ra, Ngô Đình Diệm - Lệ Xuân chỉ là bung xung kiểu ma-ki-a-ven-lít!?

- Vậy thủ phạm là ai? Ai biến anh ta thành một dạng bung xung ma-ki-a-ven-lít để tố cáo sự sa-đích lịch sử? Còn anh em Diệm, thì rõ quá rồi, chỉ là các bung xung ma-ki-a-ven-lít làm nhiệm vụ độc tài kiểu sa-đích. - Hiền Lương lại hỏi -. Vậy ai là thủ phạm đạo diễn ra vụ bức hại cuồng này?

- Kẻ giấu mặt! Nói ngược, nói xuôi, dàn đồng ca bị cảm ứng bởi hoang tưởng và lại bị chi phối bởi kẻ giấu mặt! Kịch tâm thần cũng lây thành dịch đấy! Vụ tố cáo sự sa-đích lịch sử, văn hóa, tư tưởng này, ngoài tác dụng tích cực là đánh động và kêu gọi các nhà nghiên cứu, nhà văn, nhà triết phải tổng xét duyệt lại tất cả, còn có một số tác hại không nhỏ là bọn thực dân, phát-xít, đế quốc, bọn tay sai gian ác như Diệm, Nhu, Lệ Xuân và Thiệu, Kỳ cũng được biện minh, thậm chí tội ác của Thiên Chúa giáo từ triều Nguyễn đến nay cũng có cơ hội để biện minh! Đó là “tác dụng phụ” của một liều thuốc chữa bệnh.

Hiền Lương kinh ngạc, không hiểu vở kịch có nguyên mẫu trong đời hay không, có thể chỉ là mười mười hư cấu. Cô đề nghị Hành kể tiếp.

- Đó là con người có thật, được viết thành kịch! Điên lên, chửi, để êm êm, anh ta lại đỡ, đỡ kiểu mới, nhưng vẫn đỡ, nói chung là đỡ từ đầu chí cuối, trừ đôi lúc chửi vì bị ám

thị nhục nhã như thế. Ai lại cam đành là nạn nhân của sa-đích như vậy... (thiên hạ có thể “fuck you” anh ta chứ!...), nên phải chửi! Nhân vật chửi chế độ vì nghĩ chính công an đưa anh ta vào vở kịch này. Cũng thực là, anh ta bị buộc làm người điên của Nhật Kí Người Điên, nhân vật trong tác phẩm của Lỗ Tấn! Đấy, một “vở kịch giữa đời”, để đồn miệng. Một kí kịch, không hư cấu, hiện thực được cô đặc lại... - Hành ngừng lại, rồi nói tiếp -. Vẫn có người dùng hình tượng Khuất Nguyên để làm lá chắn nhằm tự bảo vệ trước nguy cơ bị bôi nhọ! Khuất Nguyên, một nhà thơ lớn của Trung Hoa, cũng như bạn bè, mọi người yêu thơ, làm nhạc khác, trước khi điên, anh ta rất tâm đắc... - Hành bỏ lửng, lại nói -. Nội và ngoại nhân vật mười đời không một ai điên. Không một ai bị tâm thần, trong thực tế lí lịch.

Hai người vẫn bước chậm trên đường làng. Hành lại kể, tự nhận thấy mình quá lúng củng trong khi diễn đạt nhưng lại mỉm cười, vì anh hiểu rằng “lúng củng” cũng là một thủ pháp của nghệ thuật gợi ý, kích thích động não.

- Trừ cái năm tám ba ấy thôi, ngoài ra nhân vật chẳng bao giờ điên cả, còn tỉnh hơn những người tỉnh nhất. Trí thức nên trầm tĩnh phê phán, sao lại chửi bới! Buộc anh ta làm bung xung như vậy, thì quá độc ác! Biến anh ta thành kẻ cơ hội, tráo trở, làm tan tành sự nghiệp chứ chẳng chơi! Thân bại, danh liệt! Di hại về sau, tất cả mọi mặt! Quá độc ác, và vô nghĩa! May là kịch!

Họ bàn về cái gọi là kịch cương, về những nỗi đau chiến tranh.

- Hay Việt kiều, CIA. của Mỹ, P.II của Pháp..., Thiên Chúa giáo, một bộ phận nào đó của Phật giáo... là thủ phạm vụ này? Mục đích là phục thù, gỡ gạc lại sự thảm bại nhục nhã trước bảy lăm? Nhưng xem ra chẳng gỡ gạc được gì. Sự thật lịch sử vẫn là sự thật. Thảm bại vẫn thảm bại. Chẳng ai đại gì xây lâu đài tâm huyết trên sự giả dối, lừa mị.
- Hiền Lương chốt nhấn mạnh -. Có thể bọn Mỹ, Pháp, Nhật

muốn li gián dân Miền Nam với Đảng và chính quyền cách mạng, khoét sâu mâu thuẫn, mặc cảm để làm hậu thuẫn cho chúng trở lại thực dân về kinh tế. - Hiền Lương nói.

- Đọc vở kí kịch, mình suy nghĩ như vậy. Chúng ta không ngu. Nổi rõ trong vở kịch là vấn đề ý thức hệ, giai cấp trong gia đình, ngoài xã hội, giữa các nước. Vở kịch đã lật ngược, lật xuôi nhiều vấn đề về “chiến tranh và cách mạng”, trong đó có vấn đề ý thức hệ, duy tâm hay duy vật, tư hữu (tư bản) hay công hữu (công sản), vấn đề mối quan hệ hài hòa giữa cái riêng và cái chung, vấn đề đấu tố giai cấp, vãn vãn... Khi điên, nhân vật trong kịch quan tâm đến mọi bình diện của vấn đề đấu tranh giai cấp suốt cuộc, đặc biệt là quyền sống, nhân quyền. Anh ta khái quát: đấu tranh giai cấp thực chất là đấu-tranh-sinh-tồn-của-sinh-vật-theo-Đác-uyn (Darwin). Từ quy luật sinh vật học, Các Mác vận dụng vào kinh tế học, xã hội học và lịch sử với quan điểm biện chứng đó thôi. Ai cũng muốn sống, muốn làm người ra người, người đừng bóc lột người, bức hiếp người!

- Thì ra chỉ là tạo tình huống giả và đạo diễn một vở kịch! Quảng Trị mình có vở-kịch-một-người kì lạ. Vở-kịch-giữa-đời thì có nghĩa lí gì! Như thế cũng chỉ là hư cấu!

Cô lại nghĩ ngợi trong âu lo, nếu ai bôi nhọ, ám thị, mình cãi, và cãi là mắc mưu sao?! “Giết người” rồi vu cáo thành “tự sát”?! Ở đây, lại “giết” nhân phẩm, sinh mệnh chính trị !

Hành cảm khái một cặp câu đối trong giai thoại về Cao Bá Quát:

Nước trong leo lẻo, cá đớp cá
Trời nắng chang chang, người trói người!
Hành nói :

- Nhưng y bác sĩ ấy không phải là Cao Bá Quát, cao ngạo và nổi loạn.

Hai người đến bậc thềm cổng phụ của chùa. Hành mỉm cười:

- Ngồi đây nghỉ một lát. Bóng cây ngọc lan rất mát!

Hiền Lương ngồi xuống, nhớ động tác rửa tay của Phi-la-tô La Mã, khi đã quyết định tử hình Chúa Giê-su.

- Nhân vật y bác sĩ ấy vốn rất chuyên tâm về tâm thần học trước khi bị nạn ấy. Nhân vật cũng đã sáng tác rất nhiều nhạc tình! Anh ta vừa làm y bác sĩ, vừa làm nghệ thuật, viết nhạc tặng năm người yêu chính thức: Hồ Xuân Mưa Hoa, Trần Thị Nhà Xinh, Lê Thị Chất Sen, Trần Thị Tuyết Sáng, theo thứ tự, từ những năm trung học đến khi bị nạn ấy. Và có thể kể thêm cả Nguyễn Lan Mùa Thu, cô học trò lớp mười hai do nhân vật dạy kèm môn sinh (cô bé này “không” yêu nhân vật này) cùng một lô nàng thơ khác. Nhạc là một trong những sản phẩm hư cấu của trí tuệ và tâm hồn, do đó, không lạ gì khi thấy nhân vật còn viết nhạc tình thay cho nhiều người, mọi người nữa... Qua những nàng thơ của âm nhạc anh ta, thấy rõ một quan niệm về con người siêu thành phần, phi lí lịch, độc lập trong các quan hệ, theo cách nhìn nhận của xã hội Việt Nam mình từ xưa..., và rất thơ mộng... Một vở kịch quá vô ích! Một cơn tâm thần thực nghiệm! Hay vở kịch viết về một người bị đạo diễn, để kêu đòi nhân quyền và “cởi trói”!?

Hiền Lương hơi chạnh lòng, lại mỉm cười.

Hai người đều thấy quá vô nghĩa, nếu quên vở kịch, chỉ chú ý đến diễn viên, đúng hơn, một y bác sĩ nhạc sĩ bị buộc phải đóng vở kịch Nhật Kí Người Điên ngay giữa đời, hay bị “giả điên” thì cũng thế.

Hành và Hiền Lương ngồi lặng im một lúc lâu trên bậc cấp cổng phụ của chùa. Cả hai trầm ngâm suy nghĩ. Họ ngồi đấy, cho dù bớt hơi nắng. Bóng cây ngọc lan mát rười rượi. Lát sau, Hành khẽ nói:

- Thôi, hãy quên anh chàng y bác sĩ nhạc sĩ bức hại cuồng ấy đi. Anh ấy đã là y bác sĩ nhạc sĩ nổi tiếng rồi.

- Bây giờ anh ấy sống ở đâu? Làm nhạc kí bút hiệu hay tên thật?... Ồ, những số phận bị cả hai bên bốn bề cưỡng hiếp và bóc lột!

Hành nhìn Hiền Lương, khi ấy, cô đang trông xa vời ra cánh đồng. Anh nói:

- Ở Nha Trang. Nhạc sĩ Đất Lành đó, y bác sĩ Lê Đất Lành... Trừ cái năm một chín tám ba đó, từ nhỏ cho đến bây giờ, anh ta chẳng hề điên một tí nào cả! Có người bảo, năm tám ba ấy, anh ta chỉ giả điên mà thôi! Nói cho đúng, anh ta không giả điên một cách ngu muội như vậy. Anh ta bị kẻ khác kích động, chọc điên một cách rất có kĩ thuật, với những loại thuốc hóa chất nào đó...

Hiền Lương nghe cái tên là lạ. Hình như chưa bao giờ cô được nghe nhạc của nhạc sĩ này. Cô cũng ngạc nhiên, nếu nhạc sĩ ấy nổi tiếng sao cô chẳng biết. Có lẽ anh ấy chỉ nổi tiếng về nghề y bác sĩ ở một thành phố ven biển ấy thôi, nhưng trong ngôn ngữ nói, Hành quen miệng kết lại hai chức danh làm một, hoặc chỉ được biết đến ở Quảng Trị này, về tài nhạc lẫn nghề y.

Hiền Lương cười, muốn “xới” thêm vở kịch gián cách kiểu Bơ-rét (Brecht) ấy:

- Hay đấy là “Bi Kịch Người Đốt Đèn”, đốt đèn cho nổi tiếng? Nói như thế thì ác thật. - Hiền Lương bưng mặt xấu hổ vì điều cô vừa nói.

Hành giật mình, không ngờ cô gái dịu dàng, nhân hậu này lại nêu vấn đề như vậy. Anh cười buồn, chuyện thế sao diễn dịch ra thế!

- Về nghĩa bóng, đèn thờ nào thiên hạ cũng đốt rồi. Đông, Tây gì cũng thế. Rất nhiều thế kỉ rồi, những ngôi đền, thánh đường đã bị bốc cháy, dọc theo chiều dài lịch sử tư tưởng, triết học bởi Đi-ô-gen Xi-ních, Căm-pa-nen-la, Mác, Nít-sơ, Ca-muy, Sác-tơ-rơ... Người ta đã “triết lí với cây búa”, và đã đến từ rất lâu thời “hoàng hôn của những thần tượng”. Có thần tượng nào còn đâu! Trước bẫy lăm, trong

Nam cũng hạ bệ thần linh tội bởi, cả lãnh tụ cũng thế. Nếu ai mưu toan “đốt đèn” để nổi tiếng, có lẽ muộn rồi, và chỉ chúc lấy tiếng cười khinh bỉ. - Hành ngừng lại -. Nhưng anh ta có tài, có bao nhiêu điều kiện để nổi tiếng, ít nhiều cũng nổi tiếng trước khi bị đóng kịch cái vở-kịch-một-người-giữa-đời oái oăm, đau khổ ấy, thì cần gì làm vậy. Anh ta chỉ là nạn nhân của một mưu đồ chính trị, và quá là đã mắc mưu thật! - Hành nhỏ giọng lại, nói tiếp -. Nếu công tác tổ chức kĩ thế, sao Liên Xô và các nước Đông Âu sụp đổ...? Vấn đề là chính nghĩa, hiệu quả xã hội và năng suất kinh tế, chứ không phải là nguyên tắc tổ chức...? - Hành lúng túng, bỏ nửa chừng câu nói, vì anh chỉ muốn nói về người bị “giả điên” -. Đây là một người rất bản lĩnh, sức khỏe tinh thần - thể chất rất tốt, không có tiền đề tinh thần - thể chất cho bệnh điên. Tính cách của anh ta: nhiệt tình, chịu khó, kiên trì..., đặc biệt là rất điềm tĩnh, sáng suốt.

Hiền Lương buột miệng:

- Em đọc sách, biết có hóa chất tâm thần thực nghiệm.

- Đúng. Có thuốc ấy thật, và còn có bao nhiêu thiết bị điện tử để điều tra!

- Và có cả thuốc khai thác tù nhân, thuốc nói thật.

- Đúng. Thuốc nói thật có từ rất lâu rồi, ít ra từ những năm sáu mươi. Nhưng phải bắt được trọn ổ những kẻ phạm tội, bọn thủ phạm vụ này, cho tất cả uống thuốc trong phòng biệt giam, để những lời nói thật do tác dụng của thuốc phun ra, rồi tổng hợp, đối chiếu, coi khớp không. Thuốc thường dùng để khai thác đối tượng bị tình nghi là gián điệp.

Bất ngờ, Hiền Lương nói:

- Đây là thần dược! Có nó, mọi người khỏi bị nghi là gián điệp. Hoặc, mỗi người tự nguyện đeo thiết bị theo dõi! - Hiền Lương trầm ngâm, bỗng thấy chua xót quá đỗi -. Nhưng có phải người ta bày ra vở-kịch-một-người-giữa-đời như vậy để mọi giáo viên dạy văn, dạy sử Miền Nam “mất dạy”? Những người làm nghệ thuật... phải bẻ bút, quăng

cọ...? Nếu lên án ngục, người ấy bất hiếu, vô luân, thì ai cũng thế, bởi ai cũng ít nhiều dính líu huyết thống với ngục quân, ngục quyền, “tả đạo”. Phải chấp nhận sự thực lịch sử, nếu sử kí, khoa học, văn hóa... không bị sa-đích nữa.

Hành thờ dài. Có phải đây là một dụng ý gỡ gạc lại vấn đề lịch sử?

- Lịch sử giai đoạn vừa qua đau đớn thật. Ngày xưa, Phạm Thái, Nguyễn Huy Lượng, Nguyễn Du, Bà Huyện Thanh Quan..., nói chung, kể sĩ Bắc Hà sau thời Trịnh - Nguyễn, Tây Sơn - Lê Trịnh đau khổ một, nay trí thức và nhân dân Miền Nam đau khổ mười, có thể gấp trăm nữa. - Hành nói với ngữ điệu bi phẫn -. Vì ý thức hệ. Vì thế lực bên ngoài Đất nước của cả hai miền... Của cả hai miền!

Hiền Lương nhìn xa xăm, nhưng thực ra không nhìn đâu cả, nghe vết thương trong tim cô nhói buốt.

... Ờ, chuyện phiếm bao giờ cũng rồi...

Vả lại, đó là một vở kịch cương, lời thoại và tình huống kịch rất tùy nghi. Hơn nữa, đó cũng là vở kịch theo dạng gián cách của trường phái Béc-tôn Bơ-rét (Bertolt Brecht), có sự tham gia của dàn đồng ca để xới lật vấn đề và để phản ánh ý kiến của quần chúng xem kịch, kể cả loại ý kiến bên ngoài chủ đề, chủ đích của vở kịch. Do đó, không thể không rối rắm, mâu thuẫn.

Hành cũng chùng như muốn kể lể củng, ngắt quãng, rời rạc, nên còn rối rắm, mâu thuẫn hơn. Đúng là một vở kịch tâm thần! Rõ là một vở kịch bức hại cuông! Có điều, dẫu sao, Hiền Lương vẫn trực nhận ra một chủ đề nhất quán.

... Ờ, chuyện phiếm bao giờ cũng rồi...

Hành và Hiền Lương rơi vào một lúc im lặng khá lâu. Mỗi người đang đeo đuổi ý nghĩ riêng của mình.

Hành lại cười buồn, nhăn mặt:

- Thôi, thôi, hãy quên anh chàng y bác sĩ nhạc sĩ ấy đi. Đau đớn lắm! Đúng, vấn đề là vở kịch, chứ không phải là

diễn viên. Việc bị đóng kịch, bị “giả diễn” không thành vấn đề!... “Con người là tổng hòa của các quan hệ xã hội, trong tính hiện thực của nó”, Mác đã viết như vậy. Vấn đề là “tính hiện thực của nó”, của các quan hệ... Lí lịch gia thế vô nghĩa, nếu không hiểu cụ thể. Người ta xem lí lịch là một rào cản hoặc một quyền lợi khi “hạnh phúc là chiếc chăn quá hẹp”... Và phê phán những sai lầm của Đảng không phải là chống Đảng, là phản quốc. Đừng lấy lí lịch để bịt miệng, bóp nghẹt dân chủ... Những ai tham gia cách mạng Miền Bắc sau năm tư, hoặc từ bé tí theo cha mẹ ra Bắc làm “học sinh Miền Nam” ở Bắc, sao đáng quý hơn những ai ở Miền Nam đấu tranh tự phát vì yêu nước!

Hiền Lương vẫn im lặng. Cô thấy ỷ lại, dựa hơi là chuyện bản thủ phổ biến, để giành giật quyền lợi. Hành lại nhớ đến vấn đề Ma-ki-a-ven, trong khi đó, Hiền Lương chợt liên tưởng đến lí lịch Mác, Ăng-ghe-n...

Hành nói:

- Ma-ki-a-ven-lít! Vấn đề là không phải không chấp nhận hành-vi-ác-độc-cần-thiết vì mục đích cuối cùng, tức là cứu cánh, hợp với đạo lí phổ quát. Vấn đề là biện pháp ấy, biện pháp vạn bất đắc dĩ ấy, thực hiện trong tình huống nào. Đánh giá một chủ trương, một hành động chính trị phải xét đến tình huống cụ thể - lịch sử, cũng như đánh giá một phong trào khởi nghĩa, một lãnh tụ phải xét đến yêu cầu lịch sử trong một không thời gian nhất định. Trong một tình huống có nhiều cách giải quyết, nên thận trọng xét xem cách giải quyết nào là tối ưu. Bối cảnh ấy, tình huống ấy có cần phải nổi dậy, độc tài, bóc lột, tàn ác, đổ máu không? Và vì ai? Vì dân tộc, nhân loại hay vì lợi ích vị kỉ? Trước ánh sáng khoa học, tội ác chỉ là tội ác nếu vì quyền lợi cá nhân, cục bộ, bản vị. Chân lí và sự thật lịch sử thuộc về khoa học và thời gian chứ không thuộc về kẻ mạnh - các thế lực bên ngoài Đất nước. Cũng không phải “kẻ chiến thắng không bị xét xử” như Ma-ki-a-ven nói... Hiền Lương đồng ý vậy

không? Trở lại với vở kịch cụ thể: Nêu lên và giải quyết vấn đề lịch sử, gồm cả văn hóa, một cách văn minh hay man rợ? Và đánh giá thế nào nếu nêu lên vấn đề, giải quyết vấn đề lịch sử, văn hóa một cách man rợ nhưng lẽ ra không cần thiết phải man rợ đến mức độ ác như thế?

Bất giác, Hiền Lương buột miệng:

- Em chợt sáng ra vấn đề. Vỡ-kịch-một-người, vỡ-kịch-giữa-đời về một nhân vật bị bức hại cuồng khiến em liên tưởng đến các vụ bức hại giáo dân Thiên Chúa giáo dưới triều Nguyễn. Phong trào “bình Tây sát tả” (II.12) thời đó là sự thật lịch sử, diễn ra từ triều Minh Mạng đến giai đoạn Cần vương. Có phải người ta muốn làm sáng tỏ về các giáo dân bị bức hại qua hình tượng y bác sĩ nhạc sĩ nọ? Nhân vật ấy có phải là giáo dân không?

Hành lác đầu:

- Không. Đúng ra, nhân vật ấy bỏ đạo Lão từ rất lâu, mà cũng chỉ theo Lão giáo từ thời học cấp một đến hết cấp hai. Vỡ kịch chỉ lướt qua chi tiết này.

- Vậy mà em cứ ngỡ đây là vụ “sát tả” mới. Hình như anh có nói, vỡ-kịch-một-người xảy ra vào năm một chín tám ba? - Hiền Lương run giọng.

- Đúng. Đó là thời điểm lẽ ra phải kỉ niệm một trăm năm thất thủ Thuận An, một tám tám ba - một chín tám ba (1883-1983). Nhưng đó chỉ là ngẫu nhiên, trùng hợp ngẫu nhiên thôi. Chẳng lẽ... “đánh phủ đầu, chặn họng”?

- Sao em vẫn có cảm tưởng rằng đó là một cuộc báo oán, phục thù và ngụy biện về các vụ bị bức hại của “tả đạo”. Thiên Chúa giáo hồi đó theo giặc Pháp thật!

Hành khế giật mình, suýt bật ra thành lời : “Phép lạ” Quy Nhơn và thánh địa La Vang! Anh cau mày ngẫm nghĩ: Chặn họng? Báo oán? Phục thù? Ngụy biện?

- Chẳng lẽ Thiên Chúa giáo buộc nhân vật ấy phải trả món nợ lịch sử từ một trăm năm trước?!?! Đúng là có các vụ “sát tả” ở Truồi, Cầu Hai, và sau ngày kinh đô Huế thất

thủ, ở Bình Định và tại tổng Bái Trời này! Ô, chúng ta chỉ suy diễn một cách hoang tưởng thôi! - Hành nói -. “Bình Tây sát tả” là vấn đề lịch sử. Sử học là một khoa học, mọi vấn đề thuộc về lịch sử đều cần thiết phải có tư liệu và là tư liệu đã được giám định về tính xác thực, phải loại trừ tư liệu giả, tư liệu sai lạc, đồng thời phải tiến hành các thao tác khoa học khác. Hiền Lương đồng ý không? Phải tỉnh táo, sáng suốt để thấy rằng, vở-kịch-một-người, vở-kịch-giữa-đời ấy chỉ là một tiếng gào thét đánh động, và chỉ như thế. Muốn làm sáng tỏ sự sa-đích lịch sử, sa-đích văn hóa, kể cả sa-đích tôn giáo, và bi-kịch về nạn nhân do sự sa-đích suốt khoảng một trăm năm mươi năm gần đây, không thể chỉ là vở kịch bức hại cuồng đơn giản như vậy. Muốn làm sáng tỏ, thật ra, phải có một loạt công trình nghiên cứu khoa học nghiêm túc và xác thực, trên cơ sở các tư liệu được giám định nghiêm ngặt bằng phương pháp thực nghiệm. - Hành nhìn ra cánh đồng phía trước, lại nói -. Sự báo oán, phục thù ư? Và nguy hiểm về vấn đề “bình Tây sát tả” một cách hàm hồ, man rợ như thế thì thuyết phục được ai? Chẳng lẽ để phỉnh gạt trẻ con và người già lú lẫn? Ô, chúng ta suy diễn một cách quá mức hoang tưởng rồi! Phải bám chặt chủ đề của vở kịch chứ! Đó là vấn đề “bị sa-đích lịch sử”, gồm cả vấn đề “bị sa-đích văn hóa” ..., vấn đề chủ nghĩa lí lịch... Phải bám sát chỉnh thể hình tượng vở kịch: “hoang tưởng bị sa-đích, cùng dạng như Nhật Kí Người Điên”. Ngoài ra, có thể nói thêm về phương thức phản ánh và “tác dụng phụ”. Đó là vở kịch thuộc phạm trù mỹ học cái tục tĩu, thường được dùng trong truyện tiểu lâm chính trị! Đó là một sự sỉ nhục độc ác! Đó là một sự tố cáo vấn đề sa-đích để trả đũa sử học, văn hóa học, tôn giáo học..., và để vô hiệu hóa nhân vật, bằng trò đùa man rợ! - Hành nói tiếp -. Trọng tâm của vở kịch, Hiền Lương thấy không, là hiện thực những năm trước khi Đổi mới, là nỗi đau hậu chiến, là niềm nhức nhối trong sự va chạm các quan điểm (“quan điểm” cũng

làm méo mó sự thật lịch sử!), sau cuộc chiến tranh một trăm mười bảy năm (1858 - 1975).

... Mẩu chuyện khi hai người ngồi dưới bóng ngọc lan ở cổng phụ của chùa lại trở về trong trí nhớ Hiền Lương chiều nay.

Hiền Lương buồn và tiếc không tìm gặp được ông Hiền Điền. Cô lặng lẽ một mình ngồi nhớ về Hành, những câu nói của anh, nhìn xuống mặt sông lấp lóa nắng chiều. Hiền Lương thở dài.

Cô nghĩ, cuộc sống thật mệt mề, đa đoan! Muốn xông vào đời, hiểu đời để sáng tạo, để có chút gì góp phần làm đẹp hơn cuộc đời, cũng chẳng phải không khổ tâm. Nhà thơ không phải là kẻ ngây thơ mà là đứa trẻ thơ đại trí. Họa sĩ cũng vậy, phải đọc, phải tìm hiểu tất cả. Cô sợ hãi khi chuốc vào mình những đa đoan, phức tạp ấy - mặt tối và mặt sáng của mọi thực thể tinh thần lẫn vật chất trong đời. Nhưng đây là nghiệp dĩ nghệ sĩ, biết làm sao được! "Những gì thuộc về con người đều không xa lạ với tôi" - câu châm ngôn Mác thích!

Một chiếc ghe nhỏ chở chú bé cầm sào, đầu ngọn sào buộc chùm lá, đang chầm chậm xuôi sông. Phía trước ghe là đàn vịt vừa bơi vừa rúc mỏ xuống nước tìm mồi.

Chiều xuống rồi. Hiền Lương thắm thía nỗi buồn của buổi chiều quê nội, bên dòng sông vĩ tuyến mười bảy này.

Bỗng dưng cô cảm thấy mình đê mạt, rờm đời khi nghĩ đến chuyện đê mạt, rờm đời. Con người là Con Người, khi biết làm, nỗ lực làm nên giá trị của bản thân, được đánh giá, nhìn nhận qua giá trị ấy -. Cô nghĩ -. Chính định kiến đời biến tình cảm cô thành bản!

Hiền Lương mỉm cười, chợt thấy đã hơi khùng khi cứ mãi ngồi một mình bên bờ sông thế này. Nhưng hình ảnh, dáng dấp thiên tài Nguyễn Du lơ lảo, mỗi lời mỗi dạ dạ, vâng vâng, với câu nói, không phân biệt kẻ Bắc, người Nam, Đàng Trong, Đàng Ngoài, của Gia Long, cứ ám ảnh

cô. Hiền Lương thấy mình đa đoan thật. Cô có cảm giác hơi khinh mình. Dưới triều Mạc tiếm ngôi và hèn hạ đến mức vô liêm sỉ (Mạc Đăng Dung tự trói, quỳ gối, cắt đất dâng cho Tàu), cụm mây trắng Bạch Vân kia, biểu tượng của Nguyễn Bình Khiêm, tiêu dao, phiêu bồng rất vô ưu, thanh thản, mặc dù dấn thân vào tục lụy, đa đoan, thật đáng kính biết bao với vẻ cao thượng của nó?! Một đứa bé đen đúa, cháy nắng, ung dung tự tại cõi trâu về nhà trên đường làng khiến cô liên tưởng đến Lão Tử, vị trích tiên vẫn cứ làm tiên, mang tâm hồn trẻ thơ, dẫu mới lọt lòng đã già cỗi. Khung cảnh trước mặt như một ảo ảnh, khiến cô thấy bờ sông Bến Hải nở đầy hoa anh túc nha phiến, thứ nha phiến của tâm hồn và trí tuệ? Hiền Lương mỉm cười bước về nhà. Nụ cười rất hư vô - vô vi, vô công, vô danh?... Như vua Hùng, như Thánh Gióng, trong lĩnh vực hội họa? Chỉ lưu danh trong tổ chức Hội để chịu trách nhiệm?... - Hiền Lương tự hỏi và cơ hồ hỏi dòng sông Bến Hải.

2

Đêm đến, Hiền Lương cứ tiếc mãi, không kịp hiểu thêm ông Hiệu Điền, nhưng cô cảm thấy mình đã quá mệt mỏi, mệt mỏi đến rã rời. Mở trang sách, cô ôm đầu suy nghĩ dưới ngọn đèn ông, thỉnh thoảng nhìn ra vườn trăng. Hiền Lương không thể đọc được dòng nào và cô cũng chẳng muốn đọc. Nhưng cô không thích ai nhìn thấy cô đang đắm mình vào suy tưởng như một kẻ dở hơi, thần thờ.

Cô lại nhớ Hành, những mẫu chuyện vừa nghiêm túc vừa bông đùa anh đã nói với cô...

... - Ông Hiệu Điền có sưu tầm được một Sáng thế kí rất hay.

- Kinh Thánh hay truyện cổ dân gian, như thần thoại Thần Trụ Trời, Bàn Cổ, Đẻ Đất Đẻ Nước...?

Hành cười, nhìn Hiền Lương:

- Có thể ông ấy sáng tác từ sự chế biến, dung hợp lại, nhưng cứ bảo là sưu tầm.

- Kể cho em nghe đi. - Hiền Lương mở to mắt, đợi chờ.

- Thần thoại này hơi dài. Cố gắng lắng nghe, đừng sốt ruột... Thưa em, chuyện rằng, - Cả hai bật cười -, khởi thủy vẫn là Lờ. Khởi thủy của sự sống trên trái đất này, không chỉ là A-đam, E-va và muông thú, cỏ cây trong vườn địa đàng nhỏ bé. Trời vốn là Đấng Vô tính đã sáng tạo ra thế giới với nhiều thủy tổ, nhiều họ tộc trên khắp hành tinh này. Muôn loài chúng sanh khởi thủy đã rất văn minh, đã có luân lí rất cao mang tính chủ thể sáng tạo là chí nhân, chí trí, chí dũng của Đấng Toàn năng. Đạo đức học, khoa học về huyết thống rất tuyệt đến tuyệt đối. Tất cả sinh vật, kể cả cây cỏ, vi sinh, côn trùng..., đều sống có trật tự xã hội, rất bình đẳng. Bình đẳng giữa tất cả các sinh vật! Hai yếu tố căn bản là ăn và truyền giống đã cực kì văn minh, rất khoa học, rất nhân đạo. Tất cả chỉ ăn không khí, thở không khí, uống nước cam lồ không có vi sinh vật, hoặc chỉ ăn quả, gieo lại hạt có mầm sống trong trật tự quy định hoặc có thể uống sữa và ăn các sản phẩm từ sữa, ăn thêm trứng sinh vật, không có sự sống. - Hành ngừng lại, mở một ngoặc đơn trong lời đang nói -. (Bây giờ, ngoài trứng gia cầm, theo luật tự nhiên không thụ tinh, còn có trứng công nghiệp, cũng theo luật tự nhiên không thụ tinh, nhưng đạt năng suất cao trong sản xuất). - Hành nói tiếp -. Mọi sinh vật thuở khởi nguyên ấy không có khả năng phạm tội - không có tham, sân, si. Truyền giống là sự nhân lên từ một tế bào của mỗi sinh vật, đúng độ tuổi trưởng thành. Sinh vật vốn vô tính. Trời cho mọi sinh vật được tự do. Và bi kịch trần gian bắt đầu từ lúc chính loài người cùng muôn loài sáng tạo nên tham, sân, si! Cần nhấn mạnh là Trời không treo trái cấm

thử thách, chẳng có con rắn nào nanh nọc căm dõ, rủ rê, bởi Trời không thể không chế ngự được quỷ, mà Trời chẳng sáng tạo ra quỷ làm gì. Chính vì chúng sanh tất thấy, nên địa đàng trái đất hóa thành địa ngục trần gian, theo luật nhân quả. Bây giờ, ở cuối thế kỉ hai mươi này, trên tinh thần khoa học, chúng ta thử quan sát và suy nghiệm về địa ngục trần gian, đặc biệt là về hai vấn đề nghiêm trọng nhất: ăn và truyền giống, của tất cả các sinh vật, từ thực vật đến động vật, từ động vật cấp thấp đến động vật cấp cao... Để từ đó, chúng ta thấy được tính chất bi đát và khủng khiếp, có thể nói là kinh tởm nữa, của sự sống, của mọi sinh vật. Đó là chưa nói đến vận động, biến chuyển gây tác hại khôn lường của vật thể khác - phi sinh vật (đất, đá, gió, lửa...)... Đây, kết quả của tự do tham sân si !

Hiền Lương cười nghi ngờ:

- Tự do độc hại vậy sao?!

Hành hơi lúng túng, vội kể tiếp:

- Theo ông Hiệu Điền, lẽ ra, từ sau khi chúng sanh muôn loài tự tiện, lạm dụng tự do, sáng chế ra tham, sân, si, phải có luật trời. Sinh vật nào phạm tội là “chết” ngay. “Chết” là bị giải giao về luyện ngục để cải huấn, nếu tốt sẽ cho “luân hồi, tái sinh”, nghĩa là được phóng thích về trần gian lại. Không ai thoát khỏi mắt trời, vì Trời ở khắp mọi nơi, mọi lúc. - Hành ngừng lại, phác một cử chỉ rất kịch để Hiền Lương biết anh đang đóng tuồng theo trường phái Béc-tôn Bơ-rét, và để Hiền Lương giải lao bằng một chuỗi cười trong vắt.

Hành tiếp:

- Nhưng sau sai lầm là đã ban cho chúng sanh tự do, thứ tự do sáng chế ra cái ác, cái tội lỗi, cái u mê..., Trời lại phạm sai lầm thứ hai, là tình thương vô nguyên tắc, cho kẻ phạm tội cứ sống nhơn nhơn giữa chúng sanh, làm lây nhiễm, làm mọi kẻ trợ lì với cái ác... mặc dù Trời biết tất, biết rõ từng hành vi, từng ý nghĩ của mỗi sinh vật, từ... vì

sinh đến con người. Theo luật nhân quả khách quan, địa đàng trái đất hóa thành địa ngục trái đất, từ thuở đã xa xưa, giai đoạn mà chúng ta quen gọi là "thời nguyên thủy". Nay, có khá hơn, nhưng còn lâu chúng sinh muôn loài mới phần đầu xây dựng lại được địa đàng trái đất... Xem ra, sự phần đầu ấy cũng thuộc chủ nghĩa lạc quan...

Hiền Lương mỉm cười:

- Vâng, chúng ta phải lạc quan, nhân loại phải lạc quan... Nhưng sự sai lầm của Trời mới thánh thiện và cao cả làm sao!

- Chứ sao! Trời mà lị (lại)! - Hành cười vang.

Hiền Lương nhìn Hành:

- Vấn đề là giải quyết hậu quả của thứ tự do, thứ tình thương vô nguyên tắc, bằng luật trời, "chết - tái sinh".

Hành thích thú nghĩ, chỉ còn tự do, tình thương và luật.

Anh cười:

- Đúng! Đúng! Hiền Lương quả là chí thánh. Đấy, như vậy, Giê-hô-va là quý, bởi sự ngộ nhận về Trời của người Do Thái cổ. Trời như ông Hiệu Điền mới đúng.

- Kinh Thánh, ngay Sáng thế kí cũng bị sa-đích mà!

- Ủ ờ nhỉ! Ủ ờ hê!... Vấn đề còn lại là: cứu rỗi bằng cách nào xưa nay? Một là, theo cách của Phật: Phật khuyên ăn chay, thiền định... Hai là, theo cách của Chúa: Chúa hạ mình dưới tầm loài người để loài người, và chỉ loài người thôi, bớt mặc cảm, rồi hứa hẹn một Ngày phán xử cuối cùng, Thiên đàng trên trời... Ba là, không biết của ai: Mỗi người phải là một Đấng Cứu thế theo khả năng của mình (các ngành nghề đủ các lĩnh vực), chú trọng khoa học - kĩ thuật. Cách thứ ba hãn của Mác!

Hiền Lương suy nghĩ. Hành cũng nghĩ ngợi về những gì mình vừa nói. Hiền Lương ngẩng lên nhìn Hành:

- Phạm tội trong tư tưởng, từng ý nghĩ, hoặc gây ra tội lỗi bằng hành vi, là "chết" ngay. Nhưng có nhiều, rất nhiều tội ác tày trời, tác hại còn hơn thiên tai (núi lửa, lũ lụt, bão

táp...), đồng thời có quá nhiều ý tưởng xấu xa, đòi bại của nhiều người, quá nhiều! Sao họ vẫn sống nhơn nhơn? Điều đó chứng tỏ “Trời ở khắp mọi nơi mọi lúc” là sai, là không có Trời. Và bao nhiêu oan khóc, oan uổng!...

- Anh nhớ không làm thì chính Đề-cạc (Descartes), một triết gia duy lí, đã thí nghiệm bằng cách cân một người lúc hấp hối và sau khi chết để xem trọng lượng có thay đổi không, và để xác định linh hồn nặng bao nhiêu gam. Hồi ấy, chưa có cân điện tử và máy móc điện toán để đo sóng sinh điện. Liệu có linh hồn không? Liệu có thể giới linh hồn, xã hội linh hồn không? Chính anh đôi khi cũng cần ảo tưởng hoặc cần hi vọng siêu hình, và đã thử hình dung ra một thế giới, xã hội của tí tí tí linh hồn, cái ngã siêu linh đang sinh hoạt như chúng ta...

... Bây giờ, ngồi trước cuốn sách mở, Hiền Lương thấy mình lại lâm cảm mất rồi. Sáng thế kí của ông Hiệu Diên sưu tầm đâu đó chưa giải quyết được, khẳng định rõ sự hiện hữu của Trời. Người ta cứ mãi nhận thức, giải thích bằng trí tưởng tượng, theo trình độ luân lí học và khoa học tự nhiên của thời mình, của cá nhân mình. Người ta lấy tiêu chí chân, thiện, mỹ của con người để gán cho Trời. Mỗi thời đại, mỗi dân tộc, nhất là thời không có phương tiện thông tin tầm xa, cứ lí giải theo cách của họ. Đối với người Do Thái cổ, Đức Chúa Trời, theo họ, như trong Kinh Thánh, đã là chí nhân, chí trí, chí dũng. Mỗi dân tộc đều có hạn chế cụ thể - lịch sử. Tất cả Kinh Thánh đều là sản phẩm của con người, chẳng phải là pho sách được mặc khải gì cả!... Nhưng, nguy cơ của thế giới hiểu ra không có Trời?

Dẫu là vậy, mỗi con người, mỗi sinh mệnh đều vẫn có linh hồn, cái ngã siêu linh, tồn tại ngay cả sau khi đã chết. Với niềm hi vọng, mỗi người, mỗi sinh mệnh đều tu nhân tích đức, làm điều lành, tránh điều dữ, không sa chước cám dỗ, để mang tài sản tinh thần, nhân đức ấy, một ngày nào

đó, sang thế giới, xã hội linh hồn - thế giới, xã hội của bao cái ngã siêu linh - vẫn đang sinh hoạt như chúng ta !...

- Liệu có thật một hành tinh âm thể nào đó không anh ?
- Hôm ấy, Hiền Lương hỏi Hành.

- Chín mươi phần trăm là không có, năm phần trăm là ảo tưởng đúng nghĩa, năm phần trăm còn lại là hi vọng, đúng, hi vọng có thế giới, xã hội linh hồn ở một hành tinh âm thể nào đó, thuộc một thiên hà nào đó, không thể biết được, không cách gì liên lạc được. - Hành lại mỉm cười. - Năm phần trăm hi vọng, đủ để chống chọi với chủ nghĩa hư vô. Cảm giác hư vô rợn lạnh lắm!

- Chỉ chừng đó thôi, cũng đã có nhiều người ở nhiều thời “bỏ hình bắt bóng”. Họ tự sát một cách có ý thức để rời bỏ hành tinh dương thể này, tìm đến hành tinh âm thể kia. Hiện nay, ở Mỹ, có giáo phái Cổng Trời, tổ chức tự sát tập thể cho tín đồ. - Hiền Lương nói -. Ở nước mình, đồng bào mình tốn bao công sức, tiền của cho vàng mã nhảm nhí, lẽ ra chỉ để tượng trưng thôi!

- Nhảm nhí thật... Người ta “tử vì đạo” bằng cách tự sát như thế sao? Không, đó là cái chết tự nguyện kia mà! Anh biết Thiên Chúa giáo có luật cấm tự sát.

- Đúng rồi. Sao anh hiểu kĩ Thiên Chúa giáo vậy? - Hiền Lương nhìn ra xa, cô nói -. Có những tín đồ tự sát một cách vô ý thức bằng cách mượn tay người khác giết mình chẳng? Quá khích để bị tử hình chẳng hạn?

Hành khẽ rùng mình. Cả hai im lặng nghĩ ngợi.

- Thôi, đừng “bỏ hình bắt bóng” nữa. Hãy yêu lấy Quả đất này, Đất nước này. - Bất giác, Hành quay mặt qua, nhìn vào đôi mắt Hiền Lương -. Sao em ra quê hương Quảng Trị mà không đi thăm thánh địa La Vang?

Hiền Lương lắc đầu, mỉm cười, vẫn im lặng. Một lúc khá lâu, cô khẽ nói :

- Lúc còn nhỏ, Hiền Lương từng nuôi mơ ước được có một lần hành hương ra thánh địa La Vang. Lạ một điều là

khi lớn lên, lúc đã học cấp ba, em chỉ mơ ước có dịp ra thăm cầu Hiền Lương, chiếc cầu em mượn tên của nó. Nhưng thôi, anh nói tiếp về linh hồn, cái ngã siêu linh đi.

- Nhờ lao động, mượn-người thành người, và cũng nhờ lao động mới có linh hồn, cái ngã siêu linh.

Hiền Lương chẳng hiểu sao cô cứ lảm cẩm, trăn đĩ trở lại vấn đề này. Cô quẩn trí rồi chẳng? Mình quẩn trí rồi chẳng? - Cô tự nhủ thầm. Cô mong khoa học - kĩ thuật sẽ sản xuất mắt trời điện tử đầy rẫy! Hiền Lương nhìn ra vườn trăng sau cửa sổ, mở ra phía hậu nhà. Trăng đẹp quá, lung linh, diệu vợi. Chẳng lẽ cứ để trí tuệ mình già nua thế này? Thôi thì già nua để hồn nhiên lại! Dẫu sao, Hiền Lương mới hai mươi hai tuổi. Hiền Lương nghĩ, mỉm cười một mình trong ý tưởng: Quả đất sẽ đến lúc mỗi người kiểm tra, theo dõi cả thế giới, cả thế giới theo dõi, kiểm tra mỗi người, kể cả nguyên thủ!

3

Tám sông xong, tóc cũng đã khô, cũng gần tám giờ sáng rồi, Hiền Lương xin phép mẹ và chú thím để qua nhà ông giáo Hiền. Cô muốn tìm mấy bài báo về ông Hiệu Điền, mượn sáu tập thơ của người bạn anh Hành để về đọc.

Hiền Lương bước vào sân, cố ý đi chậm lại để ngắm một lần cuối hai cụm hình tượng bằng chè kiếng của ông giáo, không phải với cái nhìn như lần đầu mới thấy nữa. Một cảm tưởng rõ rệt trong cô: những tác phẩm ấy rất đơn sơ và rất sâu sắc. Bước vào nhà, Hiền Lương thấy ông giáo Hiền đang ngồi xem truyền hình. Có lẽ mãi xem, và bởi âm thanh từ máy, ông không nhận ra tiếng bước chân cô từ ngoài ngõ. Bây giờ, bóng cô che khuất khung cửa nắng, ông quay lại, mừng rỡ.

Ông giáo đáp lại tiếng chào của Hiền Lương khi kéo ghế mời cô:

- Chào cháu. Ngồi xuống đây chơi. Chiều qua, và cả tối hôm qua, ông có ý đợi cháu như Hành có dặn, nhưng đợi mãi không thấy.

Hiền Lương thưa:

- Dạ, cháu có ý hỏi mượn mấy bài báo với sáu tập thơ. Nhưng... cháu chưa định giờ nào sẽ qua làm phiền ông tìm và cho mượn.

Ông giáo Hiền cười:

- Đó là ngõ cháu sẽ qua từ chiều hoặc tối hôm qua...

Ông giáo rót nước mời Hiền Lương với một nụ cười. Sau đó, ông bước tới chỗ đặt máy truyền hình, vặn giảm đến mức tối đa nút chỉnh âm.

Ông giáo nhìn Hiền Lương:

- Cháu có vẻ hơi bần thần, mệt mỏi. Về quê nghỉ hè mà làm việc quá mức rồi đó! Mệt mỏi quá sẽ đuối nét cọ mắt!

Hiền Lương thú thật:

- Cháu hơi tham công tiếc việc, vì không thể không vẽ, không vẽ bây giờ thì chẳng biết khi nào vẽ được. Với lại, quê mình có lắm điều hay đến không ngờ. Cơn say đam mê, điên mê sáng tác...

Rót thêm nước chè vào hai chén, ông giáo cười:

- Cháu mới gặp một số người già và nghèo. Làng mình những ai tài cao, sức tốt, giàu có đều chẳng thềm ở đây.- Ông nhìn Hiền Lương để đọc phản ứng trên nét mặt cô -. Làng này còn có cấp tá, sĩ quan cao cấp ngụy và cách mạng, ông nghè, ông cống ngụy và cách mạng. Ở đây, họ chẳng biết làm gì, mặc dù họ vẫn rất yêu quê hương. Họ ở Hà Nội, ở thành phố Hồ Chí Minh...

- Dạ, cháu có biết qua lời anh Hành, thím Cận...

Hiền Lương nhìn màn hình, cô muốn thư giãn, bớt nặng nề và bớt ôm đồm, vì ngày mốt phải vào Bình Dương lại rồi. Cô nói:

- Thưa ông, tại sao giọng Quảng Trị nếu đọc chuẩn như xướng ngôn viên vẫn bị bạc đãi đến vậy ạ? - Thấy mình hơi bóng bẩy, Hiền Lương vội chữa -. Dạ, sao giọng Hà Nội lại độc chiếm Đài Tiếng nói và Truyền hình Việt Nam. Và giọng Sài Gòn...

Ông Hiền cười:

- Người ta không tuyển diễn viên kịch nói người Khu Bốn cũ nữa kia! Thật ra có bốn giọng đặc trưng: Bắc bộ, Bắc Trung bộ, Nam Trung bộ, Nam bộ. Giọng nào cố gắng đọc thật chuẩn theo chữ quốc ngữ, thứ chữ kí âm, đều hay. Các đài trung ương đều phải đọc bằng bốn giọng đặc trưng ấy. Thảm thức còn do thói quen. Đa thanh là biểu hiện của sự phong phú. Đúng, giọng Khu Bốn cũ bị phân biệt đối xử, bị bạc đãi, - Ông giáo cười thật giòn -, trong khi các lãnh tụ số một đều phần lớn là người Khu Bốn cả, chưa kể mấy trăm năm triều Nguyễn, và thiên tài ngôn ngữ thơ, ca cũng vậy... Ngụy cũng vậy, cách mạng cũng vậy... - Ông giáo mỉm cười - ... Nước nào cũng chọn giọng thủ đô làm chuẩn. Chữ quốc ngữ ở giai đoạn hoàn chỉnh, đầu thế kỉ hai mươi này, được kí âm theo giọng Hà Nội. Nhưng chuẩn chưa hẳn là gốc. Thủ đô dễ pha tạp...

- Nguyễn Văn Thiệu... - Hiền Lương hơi hồng.

- "Trùm ma túy" Thiệu cũng người Miền Trung, nhưng gốc Phan Rang, không phải Khu Bốn cũ.

- Sao lại "trùm ma túy", thưa ông?

- Đó là dùng lại chữ của tạp chí Đối Diện, tạp chí do một nhóm linh mục độc lập chủ nhiệm và chủ biên... Trước bảy lăm, ở Sài Gòn, có đăng Bản cáo trạng số một tố cáo Nguyễn Văn Thiệu là trùm đường dây ma túy trong tạp chí này.

Như bất kì câu chuyện phiếm nào, hai ông cháu vui vẻ sa đà, từ chuyện nọ xô qua chuyện kia.

- Nhưng vua Hùng có gốc là Phú Thọ. Đó là thủ đô đầu tiên, thủ đô gốc. Lẽ ra phải lấy chuẩn ở đó. Nhưng nói

chung, giọng Bắc bộ vẫn giọng gốc chứ, thừa ông? Đúng hơn, vua Hùng gốc RỒNG, miền biển Bắc bộ, nhưng bấy giờ là thời hậu kì mẫu hệ, còn dấu vết mẫu hệ, con cả theo Mẹ Tiên ở núi, được làm vua...

- Thật ra, giọng Khu Bốn chỉ bốn thanh, vì ngã, nặng, hỏi hơi trùng nhau mất rồi. Ngôn từ lại nhiều tiếng Việt cổ... Cứ nghiệm thử xem, có bao nhiêu ca sĩ thì có bấy nhiêu chất giọng, thậm chí anh em ruột chất giọng cũng khác nhau. Do đó, chính sự khác nhau tí ti ấy đã xác định không có ai giống ai về bộ phận phát âm đến mức mười mươi... Chất giọng, âm sắc Khu Bốn do nhóm người di dân đầu tiên phát âm theo cơ chế sinh lí riêng của bộ phận phát âm của từng người trong họ, dần dần giọng nói chung lệch đi, tổng hòa lại thành một giọng địa phương Khu Bốn? Ban đầu chỉ khác một tí ti, dần dần, khác hẳn? Nguyên nhân chính có lẽ là bởi sự giao lưu hạn chế ngày xưa. Và do lai tạp tại chỗ? Dân Bắc bộ rõ ràng bị lai, Hán hoá, và theo thời gian mà lệch xa âm cổ? Có khi, tâm lí người ra đi khỏi đất Tổ lại bảo thủ hơn người ở lại, họ phát âm gần âm cổ hơn, giữ nhiều từ cổ hơn. Cái này cần có sự nghiên cứu sâu của các nhà ngữ âm học. Dẫu sao, thực trạng tiếng Việt suốt mấy trăm năm nay là có bốn giọng đặc trưng. Hãy cố gắng phát âm theo chữ kí âm, tức là chữ quốc ngữ, đầu thế kỉ vốn lấy chuẩn là giọng Hà Nội, để tránh tình trạng dần dần nói một đằng viết một nẻo như tiếng Anh và nhiều thứ tiếng khác. Hãy làm chủ sự vận động của ngôn ngữ, ngữ âm. Ở nhà trường, cần có nhiều tiết tập đọc, luyện phát âm đúng chuẩn theo chữ quốc ngữ, nhưng vẫn giữ âm sắc địa phương cho đa dạng, phong phú. Ngày xưa, nói chung, người ta chưa biết làm chủ nên mới tùm lum như thế. Có nhiều dân tộc cùng một thứ tiếng, ở xa nhau, giao thông liên lạc khó, dần dần không hiểu nhau nữa. Tính thống nhất của một dân tộc là ngôn ngữ. Ngôn ngữ không phải tất cả, nhưng cơ bản nhất, quan trọng nhất, nghe Hiền Lương!

Hiền Lương bỗng hóa đũa bé học trò. Cô líu ríu “dạ” trước giọng nói đậm tính nghề nghiệp sư phạm của ông giáo già, giọng nói như giảng bài, chính ông cũng không ngờ. Thói quen giảng bài đã thâm nhiễm trong ông tự mấy chục năm nay. Hiền Lương cũng vô thức bị thôi miên thành đũa trẻ. Vâng, tiếng Việt với bốn giọng đặc trưng, lấy chuẩn cứ là chữ quốc ngữ, chứ không phải chuẩn cứ độc nhất là giọng Hà Nội. Giọng Hà Nội nay ít nhiều cũng khác xưa.

Ông giáo mỉm cười, bảo sẽ đọc cho Hiền Lương nghe một bài thơ của Hồ Vi, một nhà thơ có quê gốc là Quảng Trị, chất thơ cũng đặc sệt Quảng Trị, vốn là Vệ quốc quân thời chín năm kháng chiến chống Pháp. Đó là bài Lời quê, được sáng tác vào năm 1950. Ông đứng dậy, bước tới kệ sách, lấy ra một tuyển tập thơ khá dày. Trong khi ông lật giở các trang để tìm, Hiền Lương thấy ở bìa màu nhũ bạc nổi lên mấy chữ: Thơ Miền Trung thế kỉ XX, Nxb. Đà Nẵng, 1995. Đôi mắt và khoé môi ông giáo Hiền chùng như sáng lên nét cười khi đã tìm được Lời quê, bài thơ gắn liền với kỉ niệm của thế hệ ông thời trai tráng.

Ông nói, ông sẽ đọc theo cách phát âm Quảng Trị. Hiền Lương đang chờ đợi lắng nghe, nhưng chưa phải đọc thơ, ông giáo hỏi:

- Cháu Hiền Lương đã biết bài này chưa? - Thấy Hiền Lương khẽ lắc đầu, ông nói tiếp -. Trong bài có một số từ địa phương, như "bữa" có nghĩa là vừa, là chán chê; "ngái" cũng có nghĩa là xa; "nỏ có" có nghĩa là không giàu có.

mấy bữa ni rồi trời thiếu nắng
chùng chưa bữa lụt, nước còn cao
khi hôm bộ đội hành quân tới
trần thủ dầm phoi chật cả sào

chị ơi! Đem dũi ra ngoài ruộng
kiếm ít đăm cua, chút của đồng
thêm đôi ba miếng, anh em đỡ

của [cảnh?] nhà quê kiểng buổi thu đông

bớ anh nội vụ, khoan đi chợ
xa ngái, đường trơn, bấm cực chân
xuồng bên chị Mót buồn tơi nón
anh nhảy mà đi được nửa chừng

thương anh, nỏ có, cầu anh mạnh
anh nện thẳng Tây bẻ sọ dừa
thương anh cơ khổ, mà nghèo quá
thiếu rơm lót ổ lạnh lòng khuya.

Bài thơ đúng như nhan đề, là những lời quê chân chất và đậm đà tình nghĩa, được thể hiện qua âm hưởng giọng đọc rất Quảng Trị một cách cố ý của ông giáo, để minh họa cho những điều ông bàn về ngôn ngữ. Hiền Lương cảm thấy niềm xúc động như dâng lên trong ngực mình. Có gì cảm động hơn, khi một người dân bạch đình thương những anh bộ đội Vệ quốc, nhưng chẳng có gì để giúp, thương các anh lính đánh Pháp quá cơ khổ, mà mình cũng quá nghèo, đến nỗi thiếu cả rơm lót ổ trong khuya gió bắc buốt lạnh. Nhưng đó không phải hoàn toàn là lời than. Có chút gì từng từng một cách mộc mạc, lại chắc nịch, mạnh mẽ, nhưng vẫn rất xót xa, chân thành, da diết. Quả thật, rất Quảng Trị không chỉ ở ngôn từ, mà Quảng Trị tận gan ruột. Bất giác, cô buột miệng:

- Thưa ông, chắc ông còn nhớ bài Bà mẹ Gio Linh của Phạm Duy, được sáng tác cũng vào thời điểm chín năm kháng chiến chống Pháp đó?

- Làm sao quên được! Bản nhạc Bà mẹ Gio Linh, còn có tên là Bà mẹ nuôi. - Ông giáo Hiền nhíu mày cố nhớ -. Hình như bài hát ấy được viết vào năm 1948, lúc Phạm Duy cùng đoàn văn nghệ sĩ vào công tác tại Quảng Trị này và khắp cả Liên khu Bốn. Phạm Duy! Rất tiếc là... ông ta đã phản bội cách mạng, toan tính sửa ca từ để phủ nhận mấy

năm kháng chiến, sau khi vào Sài Gòn theo Mỹ - ngụy.
Nhưng thôi, có một nhà văn, đó là Nguyễn Trọng Văn, ở tại
Sài Gòn, đã khai tử Phạm Duy ngay khi ông ta còn sống,
bằng một cuốn sách: "Phạm Duy đã chết như thế nào?"...
Có điều, dẫu sao, Bà mẹ Gio Linh vẫn bất hủ.

Bỗng dưng, thật bất ngờ, ông giáo Hiền khẽ hát:

mẹ già cuốc đất trồng khoai
nuôi con đánh giặc đêm ngày
cho dù áo rách sờn vai
cơm ăn bát vơi bát đầy

nhà thì nó đốt còn đây
khuyên nhau báo thù phen này
mẹ mừng con đánh giặc hay
ra công xới vun cà cấy

con đi dân quân
sớm tối vác súng về
mẹ già một con
yêu nước có kém chi
đêm nghe xa xa
nghe tiếng súng oán thề
mẹ nguyện cầu cho
con sống rất say mê

mẹ già tưới nước trồng rau
nghe tin xóm làng kêu gào
quân thù đã bắt được con
mang ra giữa chợ bêu [cắt?] đầu

nghe ngào không nói một câu
mang khăn gói đi lấy đầu
chiều về trên xóm buồn teo
xa xa tiếng chuông chùa gieo

tay nâng nâng lên
rưng rức nước mắt đầy
mẹ nhìn đầu con
tóc trắng phất phơ bay
ta yêu con ta
môi cắn bết máu cờ
nụ cười hồn nhiên
đôi mắt ngó trông ta

mẹ già nấu nước chờ ai
đêm đêm súng nổ vang trời
giật mình em bé mồ côi
khăn tang cũng hoen tiếng cười

đoàn người kéo đến nhà chơi
khơi vui bếp lửa tươi bời
mẹ già đi nấu nồi khoai
bưng lên khói hương mờ bay

khi trông con nuôi
xúm xít dưới túp nhà
mẹ nhìn đàn con
thương nhớ đứa con xưa
con con con ơi
uống hết bát nước đầy
ngày một ngày hai
con nhớ ghé chơi đây...

Đó là Bà mẹ Gio Linh, có người con trai đi kháng chiến, bị giặc Pháp bắt được. Chúng chém đầu anh du kích ấy, bêu đầu anh giữa chợ, nhằm răn đe những ai còn chống Pháp! Mặc dù chất giọng của ông giáo Hiền đã khàn đục, khi hát lại càng lộ rõ hơn mức độ khàn đục ấy, nhưng Hiền Lương không thể không trào nước mắt. Lúc ông chấm dứt

bài hát, cô muốn nói một câu gì đó để chia sẻ cảm xúc với ông, song lồng ngực cứ nghèn nghẹn, cô không thể nói được lời nào.

Vuốt nhẹ hai giọt nước mắt, lặng người một lúc với những hình ảnh đau thương còn lưu trong kí ức mà ca từ ghi lại, ông giáo Hiền muốn trở về với thực tại, những ngày gần đây. Ông nâng tách nước, nhấp một ngụm, cố nở một nụ cười:

- Bữa ăn cơm chay trên chùa vui chứ, Hiền Lương?

Cũng đột ngột trở về với thực tại, Hiền Lương mỉm cười. Ngập ngừng một thoáng, cô thưa:

- Dạ, quá hay. Có lẽ cháu sẽ truyền bá tư tưởng Bến Hải vào trong Nam. Đạo của ông rất Nam bộ.

- Đúng, ông có học tập tinh thần Nam bộ.

- Thưa ông, vậy quốc lễ là giỗ vua Hùng và Thánh Gióng chứ ạ?

Ông giáo cười, bắt chước khẩu ngữ thời thượng Sài Gòn nhưng pha vào từ địa phương:

- “Hổng dám mô!”... Cũng lạ kì mà không lạ kì là các nước khác còn... Lễ Giáng sinh!

Hai ông cháu cười vang, vui vẻ. Và câu chuyện cứ trôi mông lung theo khe mạch bất ngờ của nó.

Thật ra, tiếng cười của hai ông cháu là khá vô tình, chỉ vì nguyên nhân duy nhất là bất chợt ông giáo nhại giọng địa phương và khẩu ngữ thời thượng trong ấy. Ông Hiền tắt vội tiếng cười của mình, tự trách mình hơi bất nhã. Ông Hiền chợt liên tưởng: Lễ Giáng sinh ở Phương Tây, có lẽ đó là một tập quán, mặc dù ý nghĩa tôn giáo nhạt dần đi? Mặc dù trong hiện tại, thế lực tôn giáo - chính trị của Thiên Chúa giáo... vẫn còn mạnh, nhưng phải chăng dần dần Lễ Giáng sinh ở Phương Tây cũng giống như Tết Đoan ngọ ở nước mình, vốn là ngày giỗ Khuất Nguyên, nhưng quá lâu rồi chẳng còn mấy ai nhớ tới nhà thơ Khuất Nguyên của Trung Hoa trong ngày Tết Đoan ngọ nữa? Và, còn lễ... hoàng

gia!... Cách mạng tư sản với các giá trị tự do, bình đẳng, bác ái và dân chủ, dân quyền, nhân quyền đã hơn hai trăm năm, sao vẫn còn xem Tổ quốc như tài sản cha truyền con nối của một dòng họ hoàng gia?! Nhưng ông trở lại vấn đề quốc lễ...

- Cái đó phải có lệnh của Chính phủ, của Đảng. Cờ cũng vậy. Cờ đỏ sao vàng là lá cờ hiến hách nhất lịch sử Việt Nam bốn ngàn năm nay. Nhưng đó là cờ chế độ. Đến giờ chừ, đến bây giờ, ông không biết cờ Tổ quốc ra sao, chừng như mỗi triều đại có một lá cờ riêng, quốc hiệu cũng thế. Trên tất cả, duy dân tộc là nhất quán, vĩnh hằng... Đó là nhân chuyện mà nói cho vui thật, nhưng thật ra, vấn đề ấy rất trọng đại, nghiêm túc, không phải chuyện đùa... Phải kiến nghị Đảng nghiên cứu và làm công việc cho triệu triệu năm sau. Cờ trên thế giới của một trăm mấy chục nước cũng tùm lum, tùy tiện lắm. Có lẽ vậy. Khá nan giải... Nhưng dễ! Phải xác định tinh thần dân tộc là trên hết, trên tất cả. Con gà trống Gô-loa (Gaulois) còn đứng đậu ngạo nghễ ngay trên đầu Thánh giá Giê-su nữa đấy! Cháu đã lên thăm nhà thờ Con Gà ở Đà Lạt rồi chứ ?...

Ông giáo ngừng lại, bâng khuâng, lại gượng mỉm cười:

- Nhưng có lẽ cháu đang sốt ruột muốn đọc mấy bài báo về ông Hiệu Diên? Đúng ra phải gọi là ông Lý Văn Hiệu!

- Dạ, và sáu tập thơ của anh bạn anh Hành.

Ông giáo đứng dậy, bước ra sau kệ sách. Hóa ra phía sau có một tủ sách nữa.

- Hành có dặn. Ông chuẩn bị sẵn rồi đây.

Ông giáo Hiền đặt xuống bàn trong khi Hiền Lương khẽ cảm ơn ông.

- Và có riêng hai bài thơ nó đánh máy vi tính, một bài từ một trong sáu tập sách này, một bài từ bản chép tay. Nó dặn ông lưu ý cháu đọc trước. Còn đây là mấy bài báo đã cắt ra để sưu tập. Cháu giữ kĩ nhé. Ông Hiệu Diên chẳng giữ gì đâu!

Hiền Lương ngắm từng tập một. Cô thấy vài cuốn bìa không được đẹp lắm, nếu không muốn nói là xấu, giấy cũng thường, may là chữ khá rõ và rất rõ. Hiền Lương nói như reo:

- Vậy là cháu biết tên, biết địa chỉ, biết mặt tác giả!

- Nó họ Trần, khác làng, khác xã nhưng cũng thuộc huyện này. Đúng ra là họ Trần nhưng gốc Nguyễn, nên gọi thành họ kép là họ Trần Nguyễn.

- Anh này đa tình nên bạc tình lắm hở ông? - Hiền Lương hơi bẽn lẽn vì tò mò, nhìn vào ba chữ Trần Nguyễn Phan trên bìa sách.

Ông Hiền cười:

- Ai bảo? Thằng Hành đùa đấy! Anh chàng này nghiêm túc, đàng hoàng đến khô khan trong đời sống. Nghe đâu, mới đây chỉ đùa tếu. Nhưng từ rất lâu, đã làm thơ tình rất tình tứ, và buồn, tuy vẫn lạc quan. Ông già rồi nhưng cũng thích đọc thơ tình. Già, đọc thơ tình, ngỡ như đọc lại tuổi trẻ mình. - Ông Hiền bỗng xa xăm.

Hiền Lương chia sẻ với nỗi ngậm ngùi hoài niệm của ông giáo.

- Thật thế thì rất vui! Cháu thấy rõ là cuộc sống xô bồ cần những nỗi buồn hướng thượng.

Cô đọc lướt qua hai bài thơ trên hai tờ giấy rời đã vàng úa. Một bài viết về Bác Hồ, một bài viết về Giê-su mà hôm nọ Hành đã đọc và bàn với cô. Ông giáo Hiền chỉ vào bài viết về Chúa:

với truyền thuyết
về khát vọng cứu rỗi

“Lạc đà chui qua lỗ kim còn dễ
hơn một người giàu vào nước
Đức Chúa Trời”.

(MATHIƠ: 19:24; MÁC: 10:24;
LUCA 18:25)

“Người đã bị người-ta khinh-dể
và chán-bỏ, từng trải sự buồn-
bực, biết sự đau-ốm, bị khinh
như kẻ người-ta che mặt
chẳng thèm xem, chúng-ta
cũng chẳng coi Người ra gì.
Chính Ngài đã lấy tật-nguyên
của chúng-ta, và gánh lấy
bệnh-hoạn của chúng-ta”.
(ÊSAI 53: 2-4; MATHIƠ 8:17)

nhịp trái tim mãi ban sơ
giáo đường nhạc vút xanh lơ sớm chiều
trầm tư, lắng tuổi xế xiêu
ngắm trong sâu khổ đã nhiều phúc âm

ngát thơm nguồn sáng từ tâm
hồn em cúi xuống, vọng thềm sóng mơ
vai oằn thập giá bao giờ
tôi tìm Đức Mẹ đọc thơ tình người

em là ngọn nến trong tôi
xua đi bóng tối truyền lời yêu thương
máu cứu rồi sáng con đường
ánh vàng Núi Sọ rung chuông chói lòa
xin nhân danh Đất Trời và
nỗi Khổ Đau và Thăng Hoa giữa Đời
nhà người thợ rất thánh ơi
mồ hôi nước mắt muôn thời hương bay

cõi trần gian còn đắng cay

vẫn còn khát vọng như ngày xa xưa
hai ngàn năm dịu gió mưa
nắng ngời tiếng hát bốn mùa cho nhau.

1992

- Thật ra vấn đề kết hợp, dung hợp chủ nghĩa xã hội với Kinh Thánh chẳng có gì mới. Kinh Thánh, và nhiều kinh điển của các tôn giáo khác đều ít nhiều có yếu tố gần gũi với nguyên lý của chủ nghĩa xã hội, với lí tưởng về thế giới đại đồng. Trong vấn đề ấy, có một vấn nạn là Kinh Thánh có bị sa-đích (nên thỏa hiệp với đế quốc) hay không mà thôi. Không thể không kiên quyết vấn đề này: Độc lập cho dân tộc và tự do cho nhân dân. - Ông giáo Hiền mỉm cười -. Chúa Giê-su trong bài thơ này là chiến sĩ đã bị tử hình, đã hi sinh vì mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội đó. Nổi khổ đau bị áp bức đã thăng hoa giữa đời chứ không phải trên trời. Thơ ca mà! Không phải là khoa học về tôn giáo và không phải sử học! Trần Nguyễn Phan đã tái tạo lại, hư cấu lại từ hình tượng Giê-su và gia đình cha nuôi - mẹ đẻ là Giê-su - Ma-ri-a trong Kinh Thánh.

- Ông hiểu thế nào về câu “hai ngàn năm dịu gió mưa”, thưa ông?

- Thiên Chúa giáo, khi nó là một thực thể chính trị, phục vụ cho sự xâm lược của bọn thực dân và cho chính nó, thì rất thâm độc, nhưng khi nó chỉ thuần túy là tôn giáo, thì quả là giúp tin đồ sống lương thiện hơn. Thiên Chúa giáo xưa nay tồn tại với hai bộ mặt, quỷ dữ và thiên thần. Những lúc dịu đi là những khi quỷ dữ được thiên thần ru ngủ, vỗ về, hãm dọa trong chính nó... Và tùy ở giáo hoàng... Hai ngàn năm nay chưa hề có giáo hoàng nào da vàng hoặc da đen! - Ông giáo Hiền bật cười lớn -. Hai câu kết của bài thơ ấy, Trần Nguyễn Phan gửi thư ra cho Hành, có viết là đã sửa

lại: “Nắng ngồi tiếng hát bốn mùa, Hai ngàn năm nếu chẳng mưa máu Đờ!”.

- Dạ, cháu hiểu. “Thập giá và lưới gươm” quả thật là vậy đó. Còn Giê-su, Giê-su là con người phàm, và chỉ vậy thôi. Cháu thấy cuối cùng, Đền thờ Tổ quốc Việt Nam, Đền Hùng với đỉnh làng, và hai cụm hình tượng Việt Nam, Thế giới của ông là hay nhất. Đó là quốc hồn quốc túy, hiểu đúng nguyên nghĩa nghiêm chính của từ, còn tất cả đều là ngoại lai. Chúa của Do Thái, xin trả lại cho Do Thái.

Ông Hiền cười. Hiền Lương xin phép ông để về. Ông giáo tiến Hiền Lương ra tận ngõ. Ông bảo:

- Cũng phải tiếp thu tinh hoa ngoại lai, tiếp thu trên tinh thần Việt Nam, vì dân tộc chúng ta, một cách khoa học. Cũng phải góp phần của Việt Nam vào sự tiến bộ, hòa bình, đoàn kết của nhân loại... Phải học ngoại ngữ, cả quốc tế ngữ...

- Biết bao giờ mới làm được chiếc cầu bắc ngang sông Bến Hải quê mình, như hoài bão của ông, ông nhỉ! Số tiền lớn lắm.

Ông giáo Hiền cười buồn, nhưng vẫn hài hước như trạng cười:

- Chỉ còn cách mua vé số xây dựng quê hương! - Ông cười vang lên nhưng rưng rưng trong khoé mắt -. Nhưng, nếu đã có tiền, cũng còn phải kiến nghị và được phép của Đảng, Nhà nước, Quốc hội... Trong thực tế quản lí hành chính, chỉ cần sự cho phép của Bộ Giao thông vận tải, Bộ Xây dựng và Bộ Văn hóa - Thông tin, Tỉnh uỷ, Ủy ban tỉnh...

- Ông giáo Hiền hiểu mình đang lạc quan tếu -. Thiết thực nhất là chỉ làm mô hình trong sân nhà của ông mà thôi, rồi chờ một cơ may nào đó...

11. CƯỚC CHÚ chương XI: không có cước chú.

CHƯƠNG XII

1

Về đến nhà, Hiền Lương đọc lại bài “Truyền Thuyết Về Khát Vọng Cứu Rỗi” một lần nữa. Cô ngẫm nghĩ, lại đọc lướt qua nhiều bài thơ khác viết về các tôn giáo, triết thuyết khác, và thấy tất cả đều được viết với quan điểm vô thần, xã hội chủ nghĩa, một cách rất Việt Nam, theo hướng tiếp cận trực tiếp vào kinh điển, với nhãn quan văn hóa học, với cách cảm nhận có sáng tạo riêng, một cách rất thơ ca. Rồi Hiền Lương không thể không đọc lại bài thơ về Giê-su, đọc đến hàng chục lần. Thơ của Trần Nguyễn Phan.

Cơm nước xong, dọn rửa xong, Hiền Lương lại ra chái đầu hồi dưới gốc trứng gà rọp bóng mát, lặng lẽ mắc võng.

Hiền Lương tự gọi nhớ, xáo tung kí ức để tìm lại những gì cô đã trao đổi, bàn luận với cha cô. Hiền Lương lại suy ngẫm những gì Hành với cô đã bàn chuyện về Giê-su mới đây (II.15).

Tại sao thế nhỉ! Dẫu vấn đề cũ rích, Hiền Lương không phải mới lần đầu xới lật vấn đề này, nhưng cô vẫn ngẩn ngơ tự hỏi tại sao. Trong một tháng về quê nội, hai chữ tại sao lần này như vang lên trong cô, khi đọc thơ người đồng hương.

Một hôm, lâu lắm rồi, lúc cô mới học năm thứ nhất đại học, chú Nông nhìn thẳng vào mắt cô, khẽ nói:

- Đạo này, ba thấy báo chí có cởi mở, dân chủ hơn. Đó là điều đáng mừng, rất đáng mừng. Văn học cũng cần cởi mở, dân chủ. Trên sách báo, thực tế đã có một phong trào văn chương tâm linh, tôn giáo. Có lẽ nên và chỉ nên xem tôn

giáo như một hình thái văn hóa, triết học, không nên thần bí, siêu hình, duy tâm.

Chú Nông chỉ lên bàn thờ trong gia đình. Trên một tấm bê tông mỏng, tượng Đức Mẹ Ma-ri-a, Thánh Giu-se đứng hai bên Thánh giá Chúa Giê-su. Thoáng chìm vào hồi tưởng, chú nói:

- Năm bảy mốt, linh mục rửa tội cho ba đã nói điều nhức nhối là Thiên Chúa giáo đã góp phần đẩy dân tộc Do Thái vào chỗ mất nước hai ngàn năm nay, và điều nhức nhối nhất, ấy là về lịch sử giáo hội Việt Nam với sự mất nước của dân tộc mình vào tay Pháp và Mỹ, mặc dù giáo dân nào cũng “yêu nước”(!), yêu nước nhưng cam tâm làm nô lệ.

Chú Nông lại chỉ tay vào tủ sách, ở nơi hàng trên cùng là những cuốn sách sử học. Lại nhìn vào mắt của cô con gái út, chú Nông nói:

- Tủ sách của nhà mình có nhiều cuốn về sử học, ít nhiều con đã đọc. Ba cũng đã thảo luận với con về vấn đề Thiên Chúa giáo ở nước mình, nhất là trong thời “bình Tây sát tả” của cuộc chiến tranh một trăm mười bảy năm (1858 - 1875). Thật ra, từ một bốn năm tư (1454), giáo hoàng Ni-cô-la V (Nicolas V), từ một bốn chín ba (1493), giáo hoàng A-lếch-xăng VI (Alexandre VI) đã ra sắc chỉ xâm lược... Sự kiện “bình Tây sát tả” đã diễn ra từ năm một sáu tám sáu (1686) ở nước mình, nhưng ba chỉ giới hạn lại như thế. Theo con, những bộ sách nào đáng đọc và đáng suy nghĩ nhất? Bộ sách nào có giá trị khoa học nhất?

Hiền Lương mỉm cười thưa:

- Dạ, thưa ba, “Đại Nam Thực Lục”, từ kỉ đệ tứ đến đệ lục (I.103, II.19), vẫn là tư liệu chuẩn cứ, đáng tin cậy nhất, kể đó là cuốn “Nước Đại Nam Đối Diện Với Pháp Và Trung Hoa” của giáo sư tiến sĩ Nhật Bản T-su-boi (Yoshiharu Tsuboi), trong đó có những tư liệu chưa công bố của Pháp. Nhưng con thấy đa số người không chuyên nghiên cứu vẫn

tin tưởng vào “Việt Nam Sử Lược” của Trần Trọng Kim! Có lẽ, ở Miền Nam trước đây, Trần Trọng Kim có uy tín học giả quá lớn! Thực chất, ông ta cũng sa-đích ít nhiều.

Chú Nông cười:

- Đọc Việt Nam Sử Lược, phải biết cách đọc. Quan điểm của Trần Trọng Kim rất sai ở những chỗ mặt sát sĩ phu Văn thân, lại thỏa hiệp việc truyền bá Thiên Chúa giáo chẳng? Và ông ta bôi nhọ Nguyễn Văn Tường, Tôn Thất Thuyết về nhân cách đạo đức quá đáng! Dầu vậy, Trần Trọng Kim vẫn không thể phủ nhận lòng yêu nước và tinh thần chủ chiến của hai nhân vật lịch sử này, và nhất là không thể phủ nhận Nguyễn Văn Tường vẫn kiên định lập trường không chịu bị “bảo hộ”, không chịu làm tay sai cho giặc Pháp như Nguyễn Hữu Độ, Phan Đình Bình, ngay khi kinh đô Huế đã thất thủ. Nói cho đúng sự thật lịch sử, tội ác của Thiên Chúa giáo là không thể bào chữa, ngụy biện được. Nguyễn Văn Tường, Tôn Thất Thuyết vẫn là hai anh hùng bi tráng. Thôi, gác lại chuyện đó. Ba muốn nói về bản chất Kinh Thánh...

Bấy giờ, Hiền Lương thưa với ba của cô:

- Con xin nhờ ba giải thích rõ hơn.

Chú Nông trầm tư, và nói:

- Do Thái mất nước có nhiều lí do. Theo Cựu ước, Đức Chúa Trời hứa hẹn là sẽ có một Cứu Chúa, con một của Ngài, xuống thế để cứu chuộc dân tộc Do Thái với cả nhân loại. Thật ra, đây chỉ là khát vọng của dân tộc Do Thái phản ánh vào tôn giáo, thành lời tiên tri, mặc khải, thế thôi. Và đã có nhiều Cứu Chúa, nhưng chỉ có Giê-su là được nhiều người công nhận, tin tưởng là Cứu Chúa thật. Giê-su thực hiện đúng theo Cựu ước. Điều đó ai cũng biết, nhưng phải nhìn nhận Giê-su đồng thời là nhà cải cách tôn giáo nữa. Chính cuộc cải cách Do Thái giáo đã tạo ra sự phân hóa trong dân tộc Do Thái. Một số bảo thủ chống lại Giê-su. Một số khác từ Do Thái giáo lập ra Ki-tô giáo. Phải bảo thủ đàn

áp phái cải cách. Hai bên chống nhau, do đó, mất đoàn kết.

- Chú Nông nói tiếp -. Dân tộc Do Thái vốn gốc I-rắc di cư sang, khởi từ A-b-ra-ham, thủy tổ, đến Đa-vít, vua thông tuệ, mới lập quốc được, sau đó bị chia rẽ Bắc, Nam. Đến thời Chúa Giê-su, dân tộc Do Thái đang nằm dưới ách La Mã. Đang bị nô lệ, lại phân liệt ra làm hai phái, nên Do Thái suy yếu càng suy yếu. Trong sách Công vụ các sứ đồ, có đoạn, một tông đồ trong một giấc mơ, hỏi Chúa Giê-su, Chúa có ý định phục hồi nước Ít-x-ra-en không, Chúa bảo, hãy truyền bá Tin mừng Phúc âm khắp trái đất đã, rồi hãy phục hồi. Đấy có lẽ là giấc mơ hồi ức. Lời đáp của Giê-su trong giấc mơ ấy là một nguyên nhân khiến đa số người Ki-tô giáo bỏ nước ra đi. Nguyên nhân thứ hai, dân tộc Do Thái vốn rất mê tín vào Kinh Thánh. Di dân, lập quốc, phiêu tán, họ đều tin vào sự “mặc khải”. Sự mặc khải, tiên tri, vốn như sấm Trạng Trình của người Việt. Nhà Mạc, nhà Nguyễn tin và thực hiện theo sấm: ... “Cao Bằng tuy nhỏ, nhưng cũng nương thân được vài đời”, “Hoành Sơn một dải, [ở phía nam,] vạn đời là chốn dung thân...”. Trong Kinh Thánh, có một dự cảm trầm uất, bi quan thế này: “Khi mà dân tộc Ít-x-ra-en bị trục xuất ra khỏi xứ thì xứ sẽ bị hoang phế, không có dân cư”. Đó là dự cảm chính trị đầy tính chất bất hạnh. Cả dân tộc Do Thái tin theo, nhất là do sức mạnh của thần quyền... Chúa Giê-hô-va nói, sai được sao! Lời “tiên tri” ấy trở thành Định mệnh của dân tộc Do Thái. Từ đó, có người Do Thái lưu vong, truyền đạo, khởi đầu mầm mống để hình thành nên các nước khác theo Ki-tô giáo... Đế quốc La Mã độc ác với họ đã đành, còn chính họ vô thức hay ý thức phiêu tán theo Định mệnh ấy nữa... Hồi trẻ, ba có đọc một cuốn sách của Nguyễn Hiến Lê... - Chú Nông lại nói tiếp -. Ba cần nói rõ hơn điều này: Sự hình thành của các nước theo Ki-tô giáo, ngoài lẽ đó, còn vì một lẽ khác quan trọng hơn, đó là hoàng đế La Mã đã sử dụng Ki-tô giáo, sau khi

sa-đích, để làm công cụ tâm linh - chính trị, trong quá trình xâm lược và củng cố đế quốc La Mã ở Âu - Trung Á...

Hiền Lương suy nghĩ. Cô lại hỏi ba:

- Thừa ba, mê tín vào sự bất hạnh dẫn đến hậu quả thảm đến vậy. Nhưng cũng nhờ Cựu ước, dân tộc Do Thái không mất gốc. Họ lai máu huyết nhưng vẫn giữ được truyền thống dân tộc?

- Đúng. Hai mặt, tích cực và tiêu cực.

- Ba chống đối cải cách?

Chú Nông cười to:

- Ba khao khát Đổi mới thế nào con đã biết. Đổi mới hay Cải cách cũng là một nghĩa. Sao con hỏi vậy?! Vấn đề là Cải cách trên một nền tảng vững chắc, ấy là “Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết”... Cải cách mà không đoàn kết, sẽ phân hóa, chia rẽ và suy vong. Dầu sao, cuộc cải cách nào cũng dẫn đến sự phân hóa. Giê-su nói: “Ta đến, không phải mang đến bình an, mà mang tới gươm giáo. Ta đến để chia rẽ con trai với cha, con gái với mẹ, con dâu với bà gia... Người ta đều có kẻ thù nghịch là người trong gia đình của mình... Ai yêu cha mẹ hơn ta, thì không xứng đáng để theo ta, ai yêu con trai, con gái hơn ta, thì không xứng đáng để theo ta... Ai tin ta thì vác thập giá của mình mà theo ta” (Ma-thi-ơ: 10 : 34 - 38). Đại để như vậy. Và, “kẻ đứng đầu sẽ trở thành kẻ sau rốt, kẻ sau rốt sẽ đứng đầu”. Câu thứ nhất là đấu tranh ý hệ trong từng gia đình: mới, cũ; tiến bộ, lạc hậu. Câu thứ hai là cách mạng xã hội: vua thành nô lệ, nô lệ thành vua... Trở lại vấn đề, Đổi mới không phải là để suy đồi, học mót trụy lạc Phương Tây!

Hiền Lương thấy táo bạo quá, cô khẽ rùng mình.

- Đã nghe nhiều lần trong nhà thờ, nhưng giờ nghe ba giảng, con nổi da gà. Cứ như chuyện sử kí!

Chú Nông cười buồn:

- Giê-su hơi quá khích, do đó, chết vì quá khích. Hình như ông ta cố tình quá khích để chết cho đúng lời Cựu ước.

Phi-la-tô giết ông ta một cách rất khéo, rất chính trị. Y khử được một nhà cách mạng như thể chiều theo ý nhân dân bị trị, thì khéo thật, rất thâm độc mà quá khôn! Phi-la-tô lại rửa tay chối bỏ trách nhiệm. Sau khi bọn giả hình, tức là bọn ngụy Do Thái, sỉ nhục Chúa bằng cách đóng trên đầu Chúa vương miện hoàng đế bằng gai nhọn, y cho đóng cả tấm biển “Vua Ít-x-ra-en” trên đầu thập giá! Đạo diễn một phiên tòa tử hình rất mực thực dân, khôn khéo! Nhưng bản thân Giê-su cũng muốn “tự sát” bằng cách quá khích để đúng kịch bản Cựu ước!... Dòng dõi vua Đa-vít! (...). Hài hóa bị kịch, rất đau.

Hiền Lương thấy hãi hùng với những thủ đoạn chính trị.

- Nhưng như ba đã nói vừa rồi, có thể Tân ước đã bị sa-đích, thừa ba.

- Đúng. Sau đó một vài thập niên, nhà thờ Ki-tô giáo đã được xây dựng ở thủ đô La Mã, và sau vài ba thế kỉ, chính các hoàng đế đế quốc La Mã lại theo Ki-tô giáo. Họ nắm lấy một sức mạnh, và sa-đích! Hiện nay, Kinh Thánh có dấu vết sa-đích rất rõ. Có đoạn, có câu mới phục hồi từ bản gốc, trong dấu móc vuông: [], như đoạn “Người Đàn Bà Ngoại Tình” chẳng hạn. Bản cũ nhất được lưu hành không có, nhưng bản gốc thì có.

- Còn ai tin gì nữa mà bảo đức tin! - Hiền Lương buột miệng, thở dài.

Chú Nông cười, lắc đầu:

- Kinh điển tôn giáo nào cũng thế. Cái gì đọc thấy có lí thì tin, vô lí thì vứt. Kinh Thánh là pho sách cổ có nhiều điều hay, vẫn có thể đãi cát tìm vàng được. “Tận tín thư bất như vô thư” mà.

Chú Nông bật lửa, châm thuốc. Chú ngả người tựa vào vách nhà, lơ đãng nhìn khói thuốc bay ra khung cửa mở.

- Con rùng mình nhất là mê tín vào lời tiên tri bất hạnh. Xem ra, dân tộc Do Thái giống nàng Kiều nước mình quá. Kiều là một cô Tàu đã được Việt hóa bởi Nguyễn Du.

Nguyễn Du “lách”, mượn chuyện kĩ nữ nước ngoài để nói lên số phận của kẻ sĩ trong nước, giữa và sau thời bão táp, Trịnh - Nguyễn, Tây Sơn - Lê, Trịnh phân tranh...

Chú Nông giật mình, ngồi thẳng người:

- Con liên tưởng rất hay. Đúng như vậy thật... Ồ, cụ thể là “hồng nhan bạc mệnh”, “tài mệnh tương đố”; hai ngạn ngữ ấy có cơ sở xã hội của nó. Nhưng dấu sao cũng phải nuôi dưỡng lòng lạc quan, đừng để tư tưởng bị quan định mệnh, những lời bói toán quàng xiên dìm chết đời mình, một cách vô thức hoặc có ý thức... Ờ, Kiều, là tiếng kêu đòi nhân phẩm, không phải số phận dân tộc.

Hiền Lương cứ luôn gồng mình chống chọi với tư tưởng định mệnh bị quan ấy. Nhưng hôm ấy, nghe ba mình lại nhắc, cô mỉm cười, tự bảo, sao cứ mãi sợ một “ám ảnh sợ” rất sách vở, luôn luôn sợ một “nguy cơ”! Biết vậy, cô vẫn nghĩ, hãy cảnh giác với tư tưởng bị quan, nhưng cố điều chỉnh sao cho sự cảnh giác đừng biến thành “ám ảnh sợ” khôn nguôi, thành một loại bệnh tâm lí.

Đang liên tưởng, nghĩ ngợi, Hiền Lương lại chợt nghe tiếng chú Nông:

- Con có biết vì sao Ki-tô giáo ở châu Âu tàn sát Do Thái giáo không?

- Ba giải thích thêm cho con, thưa ba.

- Vì Do Thái giáo bị xúi giục, bị kích động, đòi giết Giê-su. Dân Ki-tô giáo châu Âu muốn giết hết dân Do Thái giáo và có thể mọi người có tí chút máu huyết Do Thái, cho dù theo tôn giáo nào, để chỉ còn lại mỗi một gia đình Giê-su với bộ Cựu ước - Tân ước. Dân tộc ấy được vinh quang sinh ra Giê-su, chính dân tộc ấy phải bị đọa đày, bị tiêu diệt!? Điều đó cũng “ứng” bởi Kinh Thánh, kể cả phúc âm bí truyền: “Bao giờ dân Do Thái trở về từ khắp nơi trên thế giới để lại lập quốc trên Đất hứa, sẽ đến Ngày Phán xử cuối cùng”, “tận thế”. Nếu hiểu một khía cạnh của câu ấy, thì đó là “định mệnh” phiêu tán để bị đánh đuổi, bị tiêu diệt, phải trở về cố

quốc của dân tộc Do Thái. “Ngày ấy... sẽ chẳng đủ hai ngàn năm”. Năm nay, đã là năm một ngàn chín trăm chín ba rồi, sao chưa thấy “tận thế”? Ngày Phán xử cuối cùng cũng chẳng thấy? Sao Giáo hội, thực quyền là ở Tòa thánh Va-ti-căng, không đạo diễn một Cuộc Phán xử cuối cùng cho “linh ứng” nhỉ?! Trước mắt là chủ nghĩa thực dân cũ, đế quốc mới của tư bản phải bị xử!

- Theo con biết, người châu Âu tàn sát người Do Thái là vì dân tộc Do Thái thông minh nhất thế giới chứ ba? Còn thuyết “tận thế”, Ngày Phán xử cuối cùng, có thể hiểu là bước sang kỉ nguyên mới...? Và... tận thế, trong Tân ước, rõ là Chúa cứ bảo “sắp đến ngày”, cứ “sắp” mãi! May chẳng đến. Trái đất vỡ tan thì buồn quá.

- Bởi vì người Do Thái cực nhọc quá, nên họ phải rất keo kiệt và phải thông minh. Chưa có dân tộc nào bị thảm như vậy. Có lẽ hoàn cảnh buộc họ phải cố làm giàu, học thật giỏi để tồn tại. Và chính càng cho vay nặng lãi, càng giàu, càng học, càng giỏi, họ lại càng bị ghen ghét. Bị thảm là ở chỗ đó. Chính Các Mác cũng gốc Do Thái, người Đức gốc Do Thái, hình như đạo Chúa nữa.

- Kinh Thánh có nhiều yếu tố của cuộc cách mạng vô sản, xã hội chủ nghĩa. Con đã biết điều đó... Nếu chỉ căn cứ trên văn bản Kinh Thánh và giáo lí theo thần học La Mã, rõ là Chúa Giê-su thỏa hiệp với đế quốc và chỉ tử vì đạo, vì Nước Chúa trên trời mà thôi. Nhưng tại sao Chúa Giê-su thỏa hiệp với đế quốc lại được tôn sùng khắp thế giới như thế? Tiểu sử và tư tưởng cũng thường thôi, lại dung tục, quá khích nữa.

Chú Nông ném mạnh mẩu thuốc tàn, nhưng vội nhặt lên gí vào chiếc bình gạt nhỏ đặt trên bàn. Chú thấy hình tượng đa nghĩa nên dễ mâu thuẫn.

- Nhu cầu tín ngưỡng! Thần quyền được thế quyền, chính quyền đế quốc hỗ trợ, bởi sự cần thiết của ảo tưởng tôn giáo cho mỗi người, cho xã hội, cho sự chuyên chính

của nhà nước phong kiến, tư sản, đế quốc. Và lại, hình như người Phương Tây không nhạy cảm lắm về vấn đề độc lập dân tộc, và vì công cụ tâm linh - chính trị này rất tinh vi. Cả thế giới mù quáng. Ba cũng thế, vì nó quá tinh vi... Đặc biệt là mẹ của con... Nhưng, ba muốn nói đến khía cạnh khác: Giê-su là người vô gia đình. Giê-su phủ nhận Ma-ri-a là mẹ, không gọi là mẹ, mà gọi là “người đàn bà”, và chỉ xem các tông đồ là mẹ, là anh em của mình. Có lẽ Giê-su nghĩ mình là Thiên Chúa, và đã là thiên tử thật, không thể có mẹ là người phàm! Cũng có thể Giê-su đã thoát li gia đình một cách quyết liệt vì mặc cảm... gia đình. Nhưng xét ở mặt nào đó, ông ta có tư tưởng vừa rất phong kiến, vừa quá dân chủ, đến thế kỷ này vẫn còn làm kinh ngạc nhiều người. Đúng, hiểu một cách hiện đại, người mẹ đích thực của Giê-su là nhân dân cùng khổ, nhân dân cùng khổ là anh em của Ngài. Đây không phải là tư tưởng tầm thường... Không phải Chúa mặc cảm nghèo...

Hiền Lương mỉm cười. Cô nhõng nhẽo, không hiểu hết ý chú Nông:

- Ba có cho con thoát li gia đình không?

Chú Nông cười đến sặc. Nghỉ một một lúc, chú vờ nghiêm giọng:

- Xin mời con gái của ba ra khỏi nhà tức khắc! Cửa nhà này luôn luôn mở cho những ai muốn ra đi, nhân danh độc lập, tự do cho mỗi người. Nhưng, liệu con có đủ bản lĩnh chưa? Cạm bẫy giăng đây!

Hiền Lương cũng cười thật giòn. Cô biết ba đang đùa. Hiền Lương hiểu, trong gia đình mình, ba là người thương cô nhất mặc dù ông luôn luôn tỏ ra công bằng với hai người chị của cô.

Chú Nông chợt cười mỉm :

- Bộ con ưa đi lấy chồng rồi sao?

Lần này, câu hỏi của ba làm cô đỏ mặt.

- Ba ác quá, đuổi con sớm thế?

- Thì con xin! Nói chung, con cái lấy chồng, lấy vợ là đã thoát li rồi.

Hiền Lương sau phút mắc cỡ, cô nói:

- Không. Con muốn vừa đi làm, vừa đi học, vừa thuê nhà ở nơi khác, và không bao giờ gặp lại ba mẹ, hai chị, không bao giờ đi xem lễ ở nhà thờ nữa, bỏ đạo dứt khoát, nghĩa là thoát li tuyệt đối.

Chú Nông sững người, tròn mắt kinh ngạc. Chú im lặng, nghĩ ngợi một lúc khá lâu.

- Oắc tự lực như thế rất tốt. Nhưng... con mặc cảm về ba à? - Giọng chú Nông chùng xuống -. Ba không xứng đáng là cha của con sao?! Vì thời cuộc, đâu phải vì ba! - Chú Nông nói một mình, nói với chính mình.

Hiền Lương biết cô vô tình chạm vào nỗi đau đời của ông... Thời cuộc đã làm nhỡ cả một đời người, và bao nhiêu đời người như ông! Có lẽ không nỗi nhục nào lớn hơn là bị làm giặc ngay chính trên quê hương, Tổ quốc mình. Hiền Lương hiểu điều đó vì đã bao lần cô nghe tiếng thờ dài, nhìn thấy nếp hằn trên trán ba, chứng kiến những chén rượu sưng hoặc các cuộc nhậu cay đắng của ba với bạn bè ba... Hiền Lương bỗng hồi hận, chẳng ngờ cô thoát ra một ý tưởng chẳng hiểu từ đâu hình thành trong tâm tư mình như ước vọng, đã khiến chú Nông buồn đến vậy. Chú Nông lại bật lửa, châm thuốc, lặng thinh, và bỗng dưng cười một mình, chua chát. Hiền Lương cảm thấy hoảng sợ trước tiếng cười ấy. Cô mấp má môi định nói, cô chỉ không nhéo thoi, nhưng chú Nông nhìn thẳng vào con gái mình:

- Ba nhất trí, nếu quả thật con thấy thoát li tuyệt đối như thế là tốt.

Hiền Lương thấy giọng mình nghẹn lại, cô đỏ bừng mặt, lúng túng.

Chú Nông nói nhanh :

- Con đi lo việc của con đi!

Hiền Lương bước đi như cái máy đã được ra lệnh. Chú Nông chợt thấy giọng nói mình gay gắt quá.

- Ba xin lỗi con... - Chú hơi sững sờ nhìn theo Hiền Lương.

Cô bước vào phòng, chẳng buồn bật đèn, ngã người, lại trở mình úp mặt vào gối. Hiền Lương khóc, như một đứa trẻ bị đòn oan.

Một lúc, cô chợt kìm lại những giọt nước mắt, rời khỏi giường, bật đèn, tìm chiếc khăn lau vội và ngồi vào bàn học. Hiền Lương ngồi sững.

Bây giờ, nhớ lại, cô không thể không tự mỉm cười. Hiền Lương khẽ đóng cửa chiếc võng, ngược mắt nhìn tán lá trướng gà xanh thẫm đang lay đập trong gió nam nóng. Còn một chiều hôm nay, một ngày mai, một ngày mốt nữa, cô và mẹ sẽ rời quê nội với chuyến tàu khuya, rồi ba mươi mấy tiếng đồng hồ nữa, Hiền Lương sẽ gặp lại ba và Thủ Dầu Một. Hiền Lương bâng khuâng nhớ nhà, nhớ bạn bè, lối xóm.

Hiền Lương đâm ra ngán ngẫm cho đầu óc cô quá. Chẳng hiểu sao, như ma ám, ra với dòng sông Bến Hải này, cô tự thấy mình hành hạ chính mình quá đáng. Xới lật bao vấn đề đã cũ rích để làm gì! Hiền Lương uể oải, nằm thừ người, kéo nhẹ sợi dây buộc vào cột hàng hiên cho võng đong đưa từng nhịp ru. Đang lim dim trong trạng thái rã rời, trống rỗng, cô lại hoảng hốt giật mình. Hai giọt nước mắt ứa ra. Chẳng lẽ mười mấy bức tranh và bao nhiêu phác thảo đành phải đốt cháy? Hiền Lương nấc lên khi hình dung ngọn lửa bùng với khói sơn dầu khét lẹt. Đống tro than lãng quên! Ờ, đúng rồi, bao nhiêu người đã lãng quên. Biết lãng quên là biết sống? Hiện tại và tương lai! Tất cả cho hiện tại và tương lai? Không phải không có lịch sử. Không phải không có quá khứ của một đời người. Kẻ chết đã chết. Kẻ già đã già. Chỉ có kẻ già, bước thêm dăm bước là đến huyết, là chẳng còn tương lai nữa? Chính họ là quá khứ.

Hãy để quá khứ lên tiếng. Vinh quang hoặc tủi nhục thuộc về họ và vết thương Bến Hải này. Tại sao y bác sĩ kia chịu khổ hình? Tại sao cô và Hành, Bông Bưởi và Nàng Hương chịu khổ hình? Quằn quại, cuồng điên đau đớn. Hồn nhiên, lảng trầm đau đớn. Bỗng dưng, cô buồn quá về sự im lặng của quá khứ. Gỡ gạc, biện minh một cách thiếu trung thực cũng tầm thường. Ông Nộp nói đúng: Đã trót một đời sai lầm, cam tâm làm giặc cho Pháp và Mỹ, hãy chấp nhận sự thật đời mình, sự thật lịch sử. Đó là liêm sỉ cuối cùng. Hiền Lương thấy ông Nộp là người mù chữ sáng suốt nhất, sáng suốt hơn bao kẻ vênh vang tiến sĩ này, thạc sĩ nọ. Bất giác, Hiền Lương thở dài.

Có một điều Hiền Lương không biết, hay đã nghe thím Cạn kể rồi, đó là về nỗi bệnh ngoan cố.

Có vài câu ông Nộp thường xuyên nói, khi thì như quát lên cho con cháu, xóm làng nghe, nhưng không dám quát to, và chỉ quát lúc một mình, thành ra không ai nghe thấy cả, khi lại lầm thầm một mình như tự nhủ. Hình như đó là những câu thần chú cứu khổ cứu nạn cho đời ông: "Phản phong, phản đế, phản thần! Chống quân chủ, phong kiến; chống thực dân, đế quốc; chống duy tâm, hữu thần! Tui thua Cách mạng lâu rồi, thua ông Hiền, chú Học lâu rồi. Suốt cả cuộc đời thằng ngụy Nộp ni theo giặc Pháp, giặc Mỹ thiệt, cũng có chịu lụy cổ đạo "thập ác" cho qua thời, qua buổi thiệt. Bởi vì theo hai thằng giặc Pháp, giặc Mỹ nở cũng như theo hai thằng giặc Nga Xô, giặc Trung Cộng thôi. Phía mô cũng giặc. Bởi vì chịu lụy "tả đạo" thì còn đình, còn chùa, còn lư hương, bát nước thờ cúng ông bà, tổ tiên, chứ theo Đảng vô thần, giặc vô thần thì mất sạch sành sanh, mất nước mất non, ruộng đất thì chung chạ sinh bậy bạ, lại mất cả hồn cả vía, ông bà không nhang không khói, lại đặt máy thừng mắt xanh mũi lõ với máy thừng chệt Mác - Lê - Mao trên đầu trên cổ của cả dân tộc, nhục đến rứa làm răng sống nổi! Xóm làng ai hiểu cho thằng ngụy Nộp ni thì hiểu,

con cháu đưa mô hiểu cho thằng cha ngụ, thằng ông ngụ của bây thì hiểu". Mỗi lần quát một mình, không dám quát to vì sợ bị tù, mặc dù rất muốn cho xóm làng, cháu con nghe thấy để thông cảm, hoặc khi làm thảm trong miệng như niệm thần chú, ông Nộp thường trào nước mắt, đôi lúc khóc ồ ồ rất thảm. Tuy vậy, cán bộ xã cũng biết! Có lần cháu Tập, bí thư xã, trách ông Nộp già rồi mà còn bệnh ngoan cố! Nhưng chú Tập hiểu đó là nỗi bệnh đau chỉ riêng ở ông Nộp, mà của cả một cuộc chiến tranh dài đằng dặc, từ Xô-viết Nghệ - Tĩnh (1930 - 1931) cho đến mãi sau này. Chú Tập ôn tồn bảo: "Chừ đình làng, chùa chiền, ban thờ tổ tiên với lư nhang bát nước, mọi thứ chi của ông cũng đều có cả rồi. Rửa mà ông còn nói ri, nói tê, tui không chịu trách nhiệm mô nghe. Ông còn quát một mình, còn làm bầm trong miệng như rửa nữa, thì chính ông phải lên công an huyện để tự chịu trách nhiệm trước pháp luật đó!". Nói vậy, có điều chú bí thư Đảng uỷ xã cũng biết ông Nộp tuy sai điểm này, nhưng không phải không đúng điểm nọ, nên chú Tập không khỏi cảm thấy đau đứt cả ruột. Đau đứt cả ruột, nhưng chú Tập cũng bực bội không kém. Chú rửa ông Nộp trong bụng: Lão ngụ cứ ngụ biện!

Có lẽ Hiền Lương không biết nỗi bệnh đó của ông Nộp thật, hay cô cho rằng cái chính là ông Nộp đã thừa nhận sự thật lịch sử ở khía cạnh chủ yếu, cơ bản của nó, như cô vừa cả quyết khẳng định trong chuỗi suy tư: Ông Nộp nói đúng. Đã trót một đời sai lầm, cam tâm làm giặc cho Pháp và Mỹ, hãy chấp nhận sự thật đời mình, sự thật lịch sử. Đó là liêm sỉ cuối cùng.

Hiền Lương còn nhớ, năm chín lăm, bấy giờ cô đang học năm thứ tư đại học, một buổi chiều, chú Nông và Hiền Lương đến thăm gia đình của vị cựu linh mục Quảng Bình. Chiếc xe gắn máy bon qua những đường phố rồi dừng lại trước cổng căn nhà quen thuộc, trong một con hẻm ở Tân Bình, một quận rộng nhất nhì ở thành phố Hồ Chí Minh.

Thầy giáo Tiếng đã hơn bảy mươi tuổi. Thầy đã cởi áo linh mục, lập gia đình với một di phước cũng đã cởi áo nữ tu (II.10), sau một thời gian tình cờ họ quen biết nhau ở đất Sài Gòn. Từ đó, thầy Tiếng thuần dạy học, suốt hơn hai mươi năm nay. Thầy dạy tiếng Pháp và quốc văn. Đã về hưu hơn mười năm rồi nhưng thầy vẫn tiếp tục dạy cho một lớp đêm. Di Lan cũng là nhà giáo, mới nghỉ hưu một năm, và vẫn dạy kèm chương trình tiểu học cho lũ trẻ hàng xóm. Ba người con của hai thầy cô đã trưởng thành. Bây giờ, chỉ còn người con gái út ở với thầy cô - chị Vân. Chị ấy đang làm ở một xí nghiệp dệt.

Hôm nay, ngày nghỉ cuối tuần, chị Vân ở nhà. Chị nghe tiếng chuông, bước ra với một nụ cười thật tươi.

Dắt xe vào sân, dựng bên cạnh mấy chiếc gắn máy khác, chú Nông hỏi thay một lời chào thân mật:

- Khách của thầy cô đến rồi hở Vân?

Đứng bên hòn non bộ rách rách nước chảy, Vân cười thật sáng:

- Dạ, thưa chú, khách quen thân cả. Cũng mới đến cả ạ.

Thầy Tiếng đã đón sẵn ở cửa:

- Vào đây, anh Nông, Hiền Lương.

Bắt tay thân mật với những bạn trẻ và già xong, chú Nông xin phép lui sau bếp chào cô giáo Lan. Cô giáo Lan vui lắm. Giọng Cần Thơ của cô vẫn ngọt như đường:

- Vâng, vâng. Xin chào. Anh Nông cứ lên nhà trên lai rai chút rượu với mấy ông. Lát nữa cô sẽ lên.

Bàn rượu cũng chỉ là bàn trà phòng khách. Một tủ lạnh nhỏ bằng cái truyền hình đặt bên cạnh.

Thầy Tiếng mở tủ lạnh, lấy ra bốn lon bia, một lon coca.

- Chúng ta bắt đầu nhé. Ủa, Hiền Lương đâu rồi? Hiền Lương ơi...

- Dạ, thưa thầy, để cháu nó phụ một tay với chị Vân và cô. - Chú Nông nói.

Hiền Lương nghe gọi, chạy lên, xin phép được ở sau bếp cho vui. Nhưng thầy Tiếng dứt khoát buộc Hiền Lương ngồi đó.

- Bọn đàn ông mình từ thời A-đam đến nay cứ giành hết mọi ưu tiên! - Thầy Tiếng cười, nói trong tiếng bật miện lon.

Thầy đẩy từng lon đến mỗi người. Chị Vân cũng mang mấy đĩa thức nhắm lên. Tất cả chén bát cũng đã sẵn trên khay.

- Lâu lắm mới lại gặp nhau. Nào, xin nâng li chúc sức khỏe.

Hai người khách, một cỡ bốn mươi lăm tuổi, một cỡ đã trên sáu mươi. Anh trẻ là nhà văn, vốn sinh viên tranh đấu, đã thất sủng thành phó thường dân. Chú già, nguyên hiệu trưởng trường cũ của thầy Tiếng, gốc Quảng Bình, từng có huy hiệu Bốn mươi tuổi Đảng, đã hưu trí. Toàn là dân nhà giáo cả.

- Chương trình hôm ni ra rặng đây? - Thầy Rơm cười, hỏi đùa.

Thầy Quyền bật cười to, nói giọng Sài Gòn:

- Ngõ như họp liên tịch!

Mọi người cười vui vẻ. Thầy Tiếng cũng đùa:

- Chương trình gồm: phần một, lai rai, phần hai, “chữa cháy” bằng bún mọc, chỉ có rứa, và chuyện “trong nhà ngoài phố”, “nắng mưa dưa lía” chi cũng được, chủ yếu là vui.

Đời có chi mà buồn cho thêm bệnh. - Rồi thầy gọi chuyện -. Báo chí dạo ni có chi lạ không, nhà văn?

- Thấy rất ảnh người mẫu, khóa thân, kích dục. Xem ra thiên hạ thêm chuyện phiếm vụ án giết gân. - Thầy Quyền cười.

- Đổi mới theo kiểu Mẽo. - Thầy Rơm bống chua chát.

- Phim đánh đấm, khiêu vũ đèn mờ, quảng cáo đủ đờn, thời trang dâm ô, tham những gần tận óc, ma túy tận Bộ Công an... Thời được tổ chức đấu tranh học đường, chống Mẽo là vì vậy, bây giờ có lẽ cũng lại chống Mẽo. Tổng thống Nga mà cũng người của Mẽo là hết rồi! Mẽo đưa “An-xin” lên, báo Tuổi Trẻ có đăng bài rõ ràng. Hết... Báo chí cũng kinh doanh mông, đùi, vú...

- Khiêu vũ là một trò vô luân, xâm phạm thuần phong mỹ tục. Phải bắt chước người Thượng, nhảy đơn, nhảy tập thể thôi. Cấm nhảy cặp, từng đôi nam nữ. Và đèn phải sáng. Cấm nhạc giựt gân, tóc xù. - Chú Nông nói, nghiêm túc một cách rất quân sự.

- Đùng “cấm”, chỉ nói “không nên”, nhưng thật kiên quyết, triệt để. - Thầy Tiếng ôn tồn -. Mọi thứ khác cũng vậy, nếu đòi trụ. Phải “binh phạt, tâm công”, “tâm công” là chính, rồi mới “binh phạt”, tức là công an phải ra tay. Nên khuyến khích thể thao, võ thuật, phát triển các môn thể thao dân tộc, cổ truyền và võ Bình Định của mình. Phim ảnh phải chú trọng tính giáo dục, trong đó có giáo dục thẩm mỹ, chú trọng vẻ đẹp của nghị lực, tâm hồn, trí tuệ, nhân cách, cái đẹp bên trong, còn cái đẹp trời cho bên ngoài không nên đề cao quá lắm. Cái đẹp của cái tốt, cái thật! Văn hóa văn nghệ là một mặt trận mà! - Thầy Tiếng uống một ngụm bia, cười.

Thầy Tiếng cười, nụ cười của một người cảm thấy bất lực trước thời thế, hơn nữa, thừa hiểu ý tưởng vừa nói cũng chỉ là những điều tuy đã cũ nhưng vẫn ngời ngời giá trị dài lâu, nói cũng thừa nhưng không nói hóa ra đồng lõa.

- Cách đây mấy năm, hồi chưa về hưu, có người cho tôi một bộ vét tông. Tôi hoảng hồn. Trời nóng bỏng người, người người chỉ thích mặc vải sợi cô tông, mình mặc vét dày cộp, hết như Tú Xương than nghèo, mùa nực phải mặc áo bông, hay như anh chàng điên mất ý niệm và cảm giác thời tiết. - Thầy Rơm nói -. Các vị lãnh đạo dạo này cũng thế. Lạ thật! Đồi mới đến mức tâm thần phân liệt! Đại để cũng như trước đây, chuyện “ôm hôn thắm thiết tình hữu nghị” tôi thấy chướng mắt. Cách xã giao, bày tỏ tình cảm ruột thịt, thương mến của người Á Đông, người Việt mình không có khoản “ôm”!

Mọi người cười ngúc ngắc, sặc sụa. Hiền Lương nhấp nhúm định rút lui nhà bếp. Thấy Tiếng cười, đưa tay tỏ ý ngăn:

- Ngồi đó, ngồi đó. Phải biết tất. Thanh niên, dẫu nữ, cũng phải mạnh dạn lên! Này, Hiền Lương, áo dài, áo tứ thân, áo các nhân tộc đồng bào đẹp chứ, sao cứ theo Tây, làm nghèo văn hóa mình đi vậy, và rứa cũng là làm nghèo văn hóa nhân loại mất! - Thầy Tiếng đưa tay gãi gáy.

- Phải cách tân, nhưng phải lưu giữ nét kín đáo rất người, rất văn minh, rất Á Đông... Tôi suýt bị xe tông mấy lần vì sự hở hang của các cô! Các cô gián tiếp khuyến khích mãi dâm bằng cách ăn mặc kích dục như thế. Phải đánh mãi dâm tận gốc. Ăn mặc kích dục và bán dâm là chị em sinh đôi! - Thầy Quyền cường điệu.

Tiếng cười vỡ cả nhà. Hiền Lương sượng chín người.

- Từ Hải là khách mua dâm, Thúc Sinh cũng vậy, sao cụ Tố Như ưu ái quá. Từ Hải được thần tượng hóa nữa chứ. Chắc phải chấp nhận... - Thầy Quyền cười, ngưng câu nói giữa chừng.

Thầy Tiếng bàn lướt về sự vĩ đại của kẻ dám quên quá khứ Kiều, và nói:

- Nhưng nghĩ kĩ cũng lạ. Nếu truyện Kiều là tiếng kêu đòi nhân phẩm, sao cụ Nguyễn Du không lên án tội phạm

nhỉ? Chấp nhận thế nào được cái chuyện mua dâm ấy. Tự biến hoặc bị biến thành đồ chơi cho thiên hạ thật quá nhục nhã, đau xót, “mua đồ chơi” cũng quá ác độc... Ma-ri-a Ma-đa-len-na là dĩ thành Thánh đấy... Chỉ chấp nhận cho bọn con trai thủ dâm thôi (tất nhiên không để đến mức thành một thứ bệnh rất nguy hại!), để cứu bọn con gái nhà lành... Phải trinh nguyên, tim trinh, mắt trinh, môi trinh...

- Đúng vậy. - Chú Nông nói giọng nghiêm túc -. Đạo đức cũng có tính lịch sử - cụ thể. Tôi đồng ý với thầy. Phải tự kỉ ám thị điều thiện để chống lại sự ám thị điều xấu. Lẽ ra, UNESCO. phải đánh tận gốc, tại Mỹ và các nước Tây Âu, nơi tung ra các sản phẩm văn hóa đồi trụy. Thật ra, mỗi người rất dễ sa chước cám dỗ, và làm sao giữ khỏi sự dử đây? Là công dân, mỗi người phải tự phê và phải phê phán. Không thể chia má phải cho người ta tát, hoặc trát, nếu họ tát hoặc trát má trái được. Nhà văn như thầy Quyển cần phải thế, phê và tự phê, tự vấn sâu sắc, thành khẩn, như nhà văn lớn Nam Cao vốn gốc Đạo Chúa ấy!

- Tôi mới há miệng chúng đã bôi tôi rồi, bịt miệng và diệt khẩu. - Thầy Quyển rùng mình -. Bọn ma-phi-a ghê lắm. Thậm chí chúng còn xúi tui làm báo bình thường hóa tội lỗi. Đại để là mình đòi trụy, tham nhũng, phải biến mọi người cũng tham nhũng, đòi trụy, cho huề hòa, xí xóa. Không hiểu như vậy có phải vô hình trung rơi vào hố thẳm hạ bệ Con Người của Phương Tây và Mẽo không? Thậm chí, hiện nay, nghe đâu còn cho phép bọn nước ngoài mở trường học! Chúng sẽ giáo dục chủ nghĩa cá nhân cực đoan để tiến lên chủ nghĩa tư bản! Buông giáo dục là nát tiền đồ dân tộc. Người ta nhân nhượng, thỏa hiệp đến mức đó là tận cùng. Hay “lùi một bước để tiến hai bước”? Tôi điên cái đầu mất.

- Bây giờ hết phong trào vô sản hóa rồi. Các lãnh đạo quý tộc hóa hết. Con em ruột thịt họ hết chất cộng sản rồi! Đâu rồi những mùa hè nông thôn, những năm học ở xóm

lao động, ở nhà máy? - Thầy Rơm cười lặng lẽ sau câu nói, lắc đầu.

Bỗng dừng thầy như chồm ra trước, nói tiếp:

- Tôi cũng thuộc loại gọi cho oai là “tham gia cách mạng” sau hai mươi bảy tháng bảy, năm tư ở Bắc vĩ tuyến mười bảy. Trong Nam có ngữ “cách mạng ba mươi tháng tư”, tôi thuộc loại “cách mạng hai mươi tháng bảy”, thứ “chạy theo” khi chuyện đã rồi! Tôi cũng xin tự kiểm điểm và tự vấn như vậy... Theo tôi, tự vấn mới quan trọng, thành khẩn tự lòng mình chứ không đối phó... Con cái tôi chỉ biết lí thuyết cộng sản chứ bảo nó “vô sản hóa” một ngày nó cũng chả chịu. Thực chất bọn con cái tôi nó khinh nông dân nhà quê và công nhân ít học ít tiền. Phải giáo dục bằng thực tiễn kia! Chúng nó nhục khi viết lí lịch về ông bà nội của chúng, vốn các cụ là nông dân mù chữ - nạn nhân của các nền giáo dục cũ! Thế mới biết giáo dục bằng cái mồm là vô nghĩa, nước chảy lá môn! Nhà trường thực chất là cái chợ bán chữ và bằng cấp. Chắc người ta muốn đạo đức chỉ có trong chùa, chỉ trong chùa với các thầy tu thôi... Ô, có chùa cũng chỉ làm “dịch vụ tâm linh”, buôn Thần bán Phật! Buồn thật.

Mọi người chột rọi vào khoảng lặng. Lát sau, thầy Tiếng nói:

- Xin cứ tùy hỉ lai rai cho vui. Chuyện đời, chuyện phiếm mà. - Ngừng lại, có vẻ dè dặt, ngẫm nghĩ, thầy Tiếng nói tiếp -. Tôi vốn là linh mục chống cộng khét tiếng ở Quảng Bình, Quảng Trị. Nhưng may là từ đầu những năm bảy mươi, hiểu ra sự thế, tôi bỏ nhà thờ, cởi áo dòng, về dạy học. Để tránh tiếng, tôi vào Sài Gòn từ bảy mốt đến nay. Tôi không mặc cảm gì cả. Sau bảy năm, cách mạng cho vợ chồng tôi tiếp tục dạy hay không, chẳng cần. Lúc ấy, tôi bằng tuổi anh Nông bây giờ... Nhưng vẫn được dạy, thì cứ dạy, và dạy tốt... Có lẽ nhờ tôi biết khắc phục một nhược điểm ngở đã ăn sâu của Đạo Chúa, ấy là cảm thức tội lỗi.

Mới nứt mắt là phải rửa tội và dăm bảy tuổi, đã phải xưng tội, chỉ rứt xưng tội suốt đời. Theo Kinh Thánh, loài người là sản phẩm sai lầm của Thượng đế Giê-hô-va, và sống có nghĩa là tội lỗi. Thực ra không ai hoàn toàn tốt hoặc hoàn toàn xấu. Vậy thì phải biết tự hào nữa. Biết tự hào là một ưu điểm bên cạnh biết sám hối. Thiên Chúa giáo không dạy tín đồ tự hào, kể cũng lạ. Có lẽ cũng nhờ tạng chất riêng của tôi, trung thực, không lừa mình dối người, thấy đời mình sai thì sửa, và tiến bước. Nhà nước không cho dạy, tôi viết sách, không cho in, tôi gửi vào cơ quan lưu trữ bản thảo, thậm chí có lúc tôi đã viết đơn xin ở tù...

Mọi người kinh ngạc. Hiền Lương buột miệng:

- Thưa ông, sao vậy ạ?

- Ở tù thật, với điều kiện cho tôi được viết sách. Viết được cuốn nào nộp bản thảo cho Nhà nước cuốn ấy, nhưng tất nhiên tôi phải giữ bản quyền. Hai bề yên tâm. - Thầy Tiếng bật cười - Thật rứa đó. Nhưng rồi vẫn đi dạy, vẫn viết sách. Đổi mới, in được vài cuốn rồi.

- Em đã học tập ở thầy, viết về dân tộc mình là chẳng ai làm gì được, và giá trị lâu dài, vĩnh hằng. Từ mảnh đất Tổ quốc, định hướng suy nghĩ ra cả nhân loại, để đóng góp cho nhân loại, và học tập ở nhân loại một cách khoa học. Đây cũng vì dân tộc mà cũng vì nhân loại. Em chỉ sợ "lực bất tòng tâm".

- Vâng, phải phát huy ra và phải tiếp thu vào. Các Mác là gì? Với tôi, Mác chỉ là nhà khoa học xã hội. Tôi vận dụng Mác như vận dụng Ta-lét, Pi-ta-go, Pha-ra-đây, Ác-si-mét... trong khoa học tự nhiên. Mác cũng vận dụng Hê-ghe và Đác-uy-n, với các nguyên lí công xã nguyên thủy, với chủ nghĩa xã hội không tưởng Tô-mát Mo-ơ... Ta không thể không vận dụng phát minh của Men-đen, vị linh mục di truyền học, cũng như không thể không vận dụng phép biện chứng duy vật của Mác... hoặc của Kinh Dịch... Tôi chẳng cảm gì cả. Cái gì sai thì vứt, cái gì dùng được mà không

dùng chỉ thiết thân thôi, chẳng hạn, thiết thòi như kĩ sư điện không hiểu định lí Âm-pe...

Chú Nông gật gù và hỏi:

- Vâng, phải phát huy ra và phải tiếp thu vào. Thưa thầy, thầy đang viết về đề tài cụ thể nào ạ?

- Đề tài này tôi nghiên cứu đã một đời. Tôi lật ngược, lật xuôi, cũng đã lâu. Đây là Kinh Thánh (II.15).

- Nghĩa là...

- Nhan đề cuốn sách là: “Kinh Thánh Đạo Chúa Dưới Đồi Mất Khoa Học Hiện Đại, phê phán và khẳng định”. Nhưng phê phán thì nhiều quá, khẳng định được rất ít.

- Hồi nãy thầy đùa vậy, chứ ai lại viết đơn xin ở tù! - Thầy Quyền cười và nói -. Chẳng lẽ “Tàng Địa Ngục Thứ Nhất”, trong tác phẩm cùng tên của Xon-den-nít-xun?

- Đây là mình sợ chết. Mình muốn sống để làm việc có ích nên mới viết đơn xin ở tù cho yên tâm đôi bên, giữa mình với công an. Tâm trạng hồi ấy cũng bi đát thật.

- Đời có nhiều chuyện lạ thật! - Thầy Rơm cảm thán.

- Xin thầy nói khái quát, sơ sơ... - Chú Nông nhìn thấy Tiếng, tỏ ý chờ đợi.

Cả năm người rơi vào từ trường của vết thương chung.

Trầm ngâm một lát, thầy Tiếng nói:

- Thứ nhất, mình đặt vấn đề từ vấn đề nền tảng nhất, ấy là “Nguồn gốc vũ trụ và sự sống”. Phần này chú trọng vào Sáng thế kí. Thứ nhì, “Tư tưởng và hành trạng Giê-su”. Đây là cốt tủy của Đạo Ki-tô, Đạo Tin lành. Phần thứ nhì này, mình sẽ minh định Đức Mẹ Ma-ri-a là người đàn bà nghèo khổ yêu nước, yêu độc lập, tự do, có ý thức cách mạng, chống xâm lược. Còn khía cạnh Đức Mẹ đồng trinh trọn đời hay bị phỉnh gạt nên có hoang thai, không thành vấn đề, đối với nhà nghiên cứu khoa học. Tư duy thần thoại, tôn giáo trung đại mà! Không nên quan trọng hóa sự đồng trinh hay ngây thơ dại dột trong niềm tin tôn giáo của Người, mặc dù việc giữ gìn sự đồng trinh của người nữ cho đến

ngày lấy chồng là giá trị đạo đức mãi mãi cao quý. Và lại, theo cách tư duy khoa học, cũng như đối với đạo Tin lành, hình tượng độc nhất, tập trung nhất là Giê-su, chứ không phải là Ma-ri-a, Giu-se. Thứ ba, “Kinh Cựu Ước - Tân ước chỉ là pho sách về văn hóa, lịch sử của dân tộc Do Thái”. Cựu ước là dã sử, sử kí, kí sự chính trị, hành chính, pháp luật, văn học, tín ngưỡng riêng của Do Thái. Tân ước là các kí sự về cuộc phân hóa, cải cách một bộ phận Do Thái giáo thành Giáo hội Ki-tô giáo và về quá trình truyền bá Ki-tô giáo của các môn đồ cùng thời với Giê-su Cờ-rít. Thực sự, nội dung tổng quát của Kinh Thánh chỉ vậy thôi. Mình quá nực cười cho mình thời mê tín Kinh Thánh. Cả mấy tỉ người,... không, hai ngàn năm nay, tỉ tỉ và tỉ tỉ người mê tín! Chẳng hiểu sao văn hóa - lịch sử nói chung của một dân tộc lại trở thành tôn giáo bao trùm đến tuyệt đối ở châu Âu, châu Mỹ và của triệu triệu người châu Phi, châu Á. Hóa ra sự u mê của nhân loại lâu đến thế. Kinh Thánh đặc sệt đất và người cùng văn hóa - lịch sử Do Thái chứ có gì đâu! Rõ là vô duyên, vô lối. Mình sẽ lí giải vấn đề kì quặc này!

- Nghe thầy nói em há hốc mồm! Nhân loại sao buồn cười thế! - Thầy Quyền nói, rung đùi như một cố tật.

- Thầy lí giải ra rằng ạ? - Chú Nông hỏi với vẻ ngạc nhiên.

- Mình có nói sơ sơ với cậu chưa nhỉ? Hồi bảy mốt, với ngôn ngữ nói, có thể mình nói thiếu chính xác và chặt chẽ. Và lại, Kinh Thánh có chỗ hơi mù mờ, do diễn đạt tù mù thiếu lô-gích. Nói chung, văn thuộc loại văn cổ, lại qua bản dịch, mặc dù bản dịch đã được Giáo hội Va-ti-căng, Giáo hội Tin lành kiểm định, hiệu đính, nhuận sắc. Đó là văn thuộc thế kỉ mười ba trước Tây lịch đến thế kỉ thứ nhất sau Tây lịch cơ mà! Nghiên cứu văn bản cổ phải có phương pháp... Mình rất cẩn thận, dè dặt... Trở lại vấn đề, tại sao vô duyên, vô lối đến mức đem văn hóa - lịch sử của một dân tộc truyền bá ra khắp thế giới, với những ưu, nhược, khuyết

điểm được xem là ưu cả, như là tôn giáo chung của nhân loại? Ki-tô, Tin lành, Chính thống, Hồi hồi đều lấy Kinh Thánh làm kinh điển chính, hoặc một phần, hoặc những cốt lõi, tinh túy... Tất cả đều khởi từ Do Thái giáo... Nhưng xin lưu ý là Do Thái giáo lại thu hút tinh hoa, kể cả những gì không tốt của các tôn giáo cổ đại... Và cũng xin lưu ý thêm, vai trò truyền bá, áp đặt đức tin, chủ yếu là do Thiên Chúa giáo, chứ không phải do Do Thái giáo. Tại sao Thiên Chúa giáo truyền bá Kinh Thánh và áp đặt đức tin được rộng khắp đến thế? Đó là một câu hỏi phải trả lời bằng cả một cuốn sách về lĩnh vực sử học. Xin nói vắn tắt: Đó là do nhu cầu tín ngưỡng! Đó là do sự độc đoán, cực kì độc đoán, độc đoán bằng bạo lực thập tự chinh, pháp đình Thiên Chúa giáo, bằng mọi thủ đoạn, và bằng sự câu kết chặt chẽ của Giáo hội với chính quyền, thế quyền thực dân, đế quốc trong các thế kỉ, các thời đại! Tôn giáo kiểu Thiên Chúa giáo trở thành công cụ tâm-linh-chính-trị của chuyên chính nhà nước, của thực dân, đế quốc. Có thể lấy quy luật duy lợi để giải thích sự câu kết và truyền bá này. Tất nhiên, người ta phải sa-đích Kinh Thánh.

Thầy Tiếng cười buồn, lại vẫn chậm rãi nói, cổ giầu niềm ân hận:

- Tại Việt Nam mình, sự truyền bá Thiên Chúa giáo của các linh mục, giám mục thực dân là để tạo lực lượng nội phản, nhằm mục đích dùng người Việt đánh người Việt, trên các mặt trận, từ quân sự đến văn hóa... như Tạ Văn Phụng, Trần Lục, Trương Vĩnh Ký, Nguyễn Trường Tộ, Nguyễn Hữu Cư (Thơ), Nguyễn Hoảng, Ngô Đình Diệm... Các nước châu Âu thời đế quốc La Mã trung đại cũng ở trường hợp tương tự như vậy. Các nước Á - Phi - Mỹ la tinh trong cùng thời gian bị xâm lược như Việt Nam cũng không khác hơn. Điều này, sách lịch sử đã đề cập đến rất nhiều, theo nhiều quan điểm khác nhau, kể cả quan điểm ngụy biện cho Thiên Chúa giáo. Sách sử học, ngoài Đại Nam Thực Lục, Việt

Nam Sử Lược, Hạnh Thực Ca, tạp chí Những Người Bạn Cố Đô Huế (Bulletin Des Amis Du Vieux Huế), Thiên Chúa Giáo Và Chủ Nghĩa Thực Dân Pháp Tại Việt Nam. 1857 - 1914, của Cao Huy Thuần, còn có cuốn Nước Đại Nam Đối Diện Với Pháp Và Trung Hoa của giáo sư tiến sĩ Nhật Bản T-su-boi (Yoshiharu Tsuboi), đặc biệt là cuốn Thập Giá Và Lưỡi Gươm của linh mục Trần Tam Tĩnh, lẽ ra phải dịch chính xác là Thiên Chúa Và Xê-da tức là Thiên Chúa và hoàng đế của đế quốc La Mã, có nghĩa bóng là Thiên Chúa giáo và chủ nghĩa thực dân, đế quốc. Ngoài ra, có thể tham khảo thêm Về Thất Thủ Kinh Đô. - Thầy Tiếng cúi đầu, nén tiếng thở dài -. Trong loại sách sử học giai đoạn “bình Tây sát tả” và sau đó, cần kể thêm bộ Chống Xâm Lăng, hai cuốn nghiên cứu Hệ Ý Thức, tập một là về Phong Kiến, tập hai là về Tư Sản, Và Sự Thất Bại Của chúng Trước Nhiệm Vụ Lịch Sử, của giáo sư Trần Văn Giàu... Chúng ta ai cũng đọc rồi mà...

Thầy Tiếng ngừng lại, chiêu một ngụm bia. Ba người khách đàn ông, gương mặt hồng lên hoặc tái đi vì men, cùng Hiền Lương ngồi chờ thầy nói tiếp. Thầy Tiếng đưa tay chỉ lên bàn thờ. Trên một tấm bê tông gắn nằm ngang thẳng góc với vách tường chỉ là ảnh hai cụ thân sinh của thầy, lư hương với ba cây nhang, hai chân đèn có cắm đôi cây nến. Lửa nến và nhang là bóng đèn vài oát. Những sợi tung ten hay kim loại khác làm điện trở, bóng đèn sáng lên ánh lửa lay động ngờ như lửa nhang nến thật.

- Từ năm bảy mốt đến nay, tôi tuyệt đối không liên hệ gì với nhà thờ và Đạo Chúa. Dứt khoát là dứt khoát hẳn, như người cai á phiện, không lưu luyến, vấn vương gì nữa, không thể làm hỏng cuộc đời mình thêm nữa. Tôi đặt hết cả phần đời còn lại, tính từ đạo ấy, vào văn hóa dân tộc Việt Nam mình với những giá trị suốt bốn ngàn năm đã được đãi lọc bằng khoa học hiện đại. Tôi tin vào điều ấy. Tất cả rồi sẽ trôi qua, dân tộc và các giá trị văn hóa - lịch sử dân tộc là

vĩnh hằng, với những giá trị vốn rất riêng khác của các cộng đồng dân tộc khác trên hành tinh này, đã được đãi lọc, khúc xạ qua tâm thức Việt. Không ai giết được tôi.

- Thầy nói nghe ghê quá! - Nhà văn nhà giáo Quyền vừa bật cười, vừa xúc động, nhưng vẫn rung đùi.

- Hồi nãy tôi chưa nói phần thứ tư của cuốn sách, ấy là "Từ các giá trị của bản sắc Việt Nam, thử định giá những giá trị văn hóa Do Thái giáo và Ki-tô giáo qua Kinh Thánh". Phần này cũng có nhiều chương... Có một điểm cần xác định rõ là văn hóa Do Thái, văn hóa Do Thái giáo, văn hóa Ki-tô giáo với văn hóa do các tông phái từ Ki-tô giáo tạo ảnh hưởng, hình thành nên, có những dị biệt.

- Xin đề nghị thầy cụ thể hơn .- Chú Nông nói.

- Xin công bố với sự lưu ý bản quyền như sau... - Thầy Tiếng có vẻ trịnh trọng cho vui -. Thứ nhất, đối chiếu gia phả Giê-su với Sáng thế kí, thấy rõ là A-đam, E-va chỉ là thủy tổ của Do Thái chứ không phải của toàn nhân loại. A-đam được nặn thành người vào ngày nghỉ, thứ bảy, sa-bát, và được đặt vào mảnh đất riêng là Ê-đê-n. Thủy tổ các dân tộc khác được dựng vào ngày trước đó, thứ sáu. A-đam sinh ra E-va theo cách sinh sản vô tính nhờ Giê-hô-va. Bây giờ, luật hôn nhân đã có. Vợ của Ca-in là người ngoài Địa đàng. Có điều này là quái thật: Chẳng hiểu sao Đức Chúa Trời lại cấm loài người ăn quả sự sống và quả phân biệt thiện-ác. A-đam và E-va chưa mở mắt, như cặp chó con mới đẻ, mặc dầu hình dong là người, và nếu không phạm "tội" ăn trái-cám-tham-si ấy, họ không có mắt luôn. Có mắt, không được mở, có làm gì! Đúng là mù tối, u mê. Không biện biệt, nghĩa là nhất nguyên, bất nhị của Thiên tông, là không khổ đau cũng chẳng hạnh phúc. Về khái niệm nhị nguyên đối đãi, xin ví dụ: không có xấu làm sao có đẹp, không có thấp làm sao có cao, không có ý niệm về thiện làm sao có ý niệm về ác... Tuy vậy, khởi thủy đã có nam, có nữ, có quý, có Trời..., nhưng A-đam, E-va mù và ngu, họ không sa vào nhị nguyên

đổi đũa nên không có khổ đau lẫn hạnh phúc. Tâm hồn họ hồn nhiên, hư vô, bất nhị, không thị chằng phi, không bỉ chằng thử. Đây là cảnh giới niết bàn...? Tội tổ tông thực chất là tội khao khát và chiếm hữu trí tuệ, muốn mở mắt ra nhìn hiện thực quanh mình và chính mình - năng lực nhận thức. Aãy là “tội” không muốn ngu và mù. Trái-cấm-tham-si là tham sự hiểu, sự thấy, là si mê sự biện biệt: hạnh phúc - khổ đau, thiện - ác... Tội tổ tông sau Nô-ê mới là tội loạn luân... - Thầy Tiếng nói tiếp -. Cần lưu ý là Sáng thế kí được một tác giả là Môi-se sưu tầm, sáng tác lại mà phần hư cấu là nhiều. Môi-se sống vào thứ kỉ thứ mười ba trước Tây lịch. Sáng thế kí được sáng tác vào thời điểm đó nên không còn dấu vết chế độ mẫu hệ, thậm chí, ý chí phụ hệ mạnh đến mức hư cấu ra ý niệm: đàn bà chỉ là cái xương sườn của đàn ông - đàn bà từ đàn ông mà ra. Giê-hô-va cũng là đàn ông có nhiều con trai lắm! - Mím cười, thầy Tiếng lại nói -. Là một dân tộc mà mỗi thành viên chỉ có tên, không có họ (Chúa Giê-su cũng không có họ), như các bộ lạc khác, nhưng theo Sáng thế kí, Do Thái là dân tộc đặc biệt, dân tộc thượng đẳng được sinh ra từ mảnh đất thượng đẳng là Địa đàng Ê-đen. Môi-se rất quốc xã, kiểu Hít-le! Cho nên, phải chăng bởi vậy mà Do Thái bị anh Đức thợ sơn này tiêu diệt, tiêu diệt suýt tuyệt chủng Do Thái, vì Đức quốc xã vốn rất tự tôn, tự tôn đến cuồng điên, cho rằng không thể có hai dân tộc thượng đẳng! Môi-se trong lịch sử đã cứu dân tộc Do Thái nhưng đã gián tiếp giết dân tộc này bằng Sáng thế kí!...- Thầy Tiếng ngừng lại, nhìn lướt qua những gương mặt quen thuộc, và nói tiếp -. Đức Chúa Trời còn là kẻ diệt chủng, diệt loài người bằng hồng thủy... Trong một đoạn Sáng thế kí, Đức Chúa Trời còn xúi dục A-b-ra-ham (Apham) đưa cả dân tộc vào vòng nô lệ, chịu nô lệ để kiếm lợi: chấp nhận bị ngoại bang cai trị bốn trăm năm để sau đó giàu có. Một dân tộc chịu làm thuê, làm nô lệ! (STK : 14 : 13

- 15)... Và Chúa Trời, theo Môi-se, rất phàm tục... A-b-rah-am có nghĩa là “cha các dân tộc”!...

- Chuyện thần thoại cổ đại ấy mà! - Nhà văn Quyển cười.

Thầy Tiếng nói:

- Dân tộc tính có trong ấy. Thần thoại Do Thái phản ánh ít nhiều dân tộc tính Do Thái. Nhưng chính Môi-se chịu trách nhiệm. Đó là thần thoại của riêng tác giả Môi-se bởi Môi-se đã “tái chế”!... Xin trở lại nguồn gốc vũ trụ và sự sống! Vấn đề này, đã có nhiều giả thuyết khoa học. Tiến hóa luận đã chứng minh các nguyên tố vật chất tự-nó-có, bởi vì tự nó có, chứ chẳng nhờ ai mà có, như thể Trời có, vì tự-nó-có, chẳng ai sinh ra. Các nguyên tố vật chất sau một quá trình tự phối kết hợp, một cách ngẫu nhiên, nếu không thành thì tan, nếu không tan vì hợp nhau thì thành, ổn định, rồi tự phát triển, tiến hóa trong nhiều điều kiện, môi trường. Và quả đất là môi trường có thể hình thành, tồn tại, phát triển sự sống. Qua tỉ tỉ sự kết phối, suốt cả quá trình dài đến tỉ tỉ năm, mới có sự sống đơn bào, rồi đa bào, rồi muôn vật, trong đó có loài vượn-người. Quá trình truyền giống, theo từng giai đoạn lịch sử loài người, là qua các hình thái tạp hôn rồi quần hôn như chó mèo lợn gà, trong cùng thị tộc... Giống cái phải đẻ rồi nuôi con và không thể biết cha của đứa bé là ai, vì đâu phải hôn nhân một vợ một chồng. Người ta mang họ mẹ theo mẫu hệ, là do vậy. Rồi do cơ chế sinh lí giống đực vốn khỏe hơn giống cái, do óc gia trưởng của phái mạnh, phái chủ yếu làm ra sản phẩm, nên sinh ra phụ hệ, theo họ cha... Thứ kiến thức phổ thông này đã được kiểm chứng khoa học...

- Về trái-cám-tham-si nghe thầy giải thích sao chưa thỏa đáng... - Chú Nông ngập ngừng.

- Có thể hiểu thêm về si của E-va, ấy là “u mê, mê đắm”. E-va nghe lời ma quỷ Rắn, muốn bằng Chúa Trời.

Chúa Trời không muốn “con hơn cha là nhà có phúc”! (Chất lãnh tụ gia trưởng của Môi-se thể hiện rõ!). Và...

- Rúa “bào tộc”, hay “đồng bào” thì răng? - Thầy Rôm cười, tỏ vẻ đã hiểu ý.

- Ai mà chả biết mỗi dân tộc thường cùng một dòng máu, “cùng một bào thai” mà ra! Nhưng hai chữ “đồng bào” hiện đại có nghĩa tượng trưng: thân thiết. “Bà con” cả mà! “Ruột thịt” tất!

- Mặc cảm Ơ-đíp của Phơ-rớt có lí chứ nhỉ? Mặc cảm lưu cữu của loài-người-mặc-dù-đã-tiến-hóa-thoát-khỏi-loài-trâu-chó-gà-mèo-tạp-hôn-quần-hôn, hay còn gọi là bản-năng-giới-tính-sinh-vật ấy mà! - Chú Nông nói.

- Có thể hiểu như vậy. Lưu ý siêu ngã, và siêu ngã hiện hữu ngay trong vô thức, kể cả vô thức của cộng đồng lẫn vô thức cá nhân. Vạn năm rồi vẫn còn mặc cảm, loài người ơi! - Thầy Quyền pha trò, vẫn rung đùi!

- Thưa thầy, còn Giê-su?

- Giê-su? Nhiều người nói rồi. Ông ta có nhiều tư tưởng hay, rất phong kiến nhưng rất dân chủ, có yếu tố xã hội chủ nghĩa, nhưng phong kiến là chính. “... Song ai lớn hơn hết trong các ngươi sẽ làm đầy tớ các ngươi” (Ma-thi-ơ: 23: 11), là một câu thể hiện tư tưởng dân chủ. Còn ai “đứng đầu sẽ thành sau rốt”, theo riêng Ma-thi-ơ, có nghĩa là không phân biệt đối xử, kẻ giác ngộ đức tin sau rốt lại được ưu ái ngang với hoặc được ưu ái hơn kẻ được Chúa chọn, được Chúa kêu gọi mà đến trước. Có lẽ câu đó chỉ có tính chất động viên chẳng? Nhưng ý tưởng này, “vì con Người đến không phải để người ta hầu việc mình, song để hầu việc người ta...”, cũng như câu thể hiện tư tưởng dân chủ ở trên, là khá dân chủ, ít ra trong ý hướng tôn giáo. Và ngược lại, xin lưu ý cái-biểu-hiện lẫn cái-được-biểu-hiện trong ẩn dụ, sẽ thấy Giê-su xem quan hệ chủ - tớ, địa chủ - tá điền, chủ tiền - người làm thuê... rất phong kiến, tư sản bóc lột. Sự mâu thuẫn giữa thực tại với tư tưởng, mâu thuẫn ngay trong tư

tưởng... của một người là sự thường thấy. Bây giờ, - Thầy Tiếng nói -, chỉ xin bàn lướt vài khía cạnh thôi... Ngôn ngữ Giê-su hơi cực đoan, ác khẩu... Và Giê-su có thỏa hiệp thật, với xê-da... Đồng tiền trong miệng con cá là để đóng thuế cho đền thờ... Nghĩa vụ binh đẳng... Giê-su có ý thức tự nguyện chết thật. Ồ,... ý thức “tự sát”... Phép lạ Giê-su là chữa bệnh, đa số là chữa bệnh... Thế mới biết nhu cầu được chữa bệnh lớn dường nào! Đây là nhu cầu rất bức bách và thiết thân của con người... Cách chữa bệnh cũng như các thầy phù thủy, bói toán chữa bệnh bằng ma thuật!... - Thầy Tiếng ngừng lại, tự chiêu một ngụm bia cho đỡ khản giọng, lại chậm rãi nói -. Giê-su có ý thức phục hồi nước Y-sơ-ra-en thật. Sách Công vụ các sứ đồ có chép: “Lạy Chúa, có phải trong lúc này Chúa sẽ lập lại nước Y-sơ-ra-en chăng? Ngài đáp rằng: Kỳ-hạn và ngày-giờ mà Cha đã tự quyền định lấy, ấy là việc các người chẳng nên biết. Nhưng khi Đức Thánh-linh giáng trên các người, thì các người sẽ nhận lấy quyền-phép, và làm chứng về ta tại thành Giê-ru-sa-lem, cả xứ Giu-đê, xứ Sa-ma-ri, cho đến cùng trái đất” (CVCSĐ. 1: 6-8)... Giê-su chết vì “tự sát” và vì dân nguy trong dân tộc Do Thái thật. Đây là phái bảo thủ, cam tâm làm nô lệ cho xê-da La Mã... Giê-su “tự sát”, mặc dù không muốn uống “chén đắng”. “Chén đắng” được hiểu như cái chết, nhục hình, dù dưới hình thức nào, ở đây là bị đóng đinh. Giê-su đã có một tâm trạng rất thật của người tự sát: bán năng sống và ý định chết đấu tranh với nhau. Giê-su tự nguyện chết với một ý thức về tất định của sự cứu rỗi, theo kịch bản của Định mệnh. - Thầy Tiếng nhận xét -. Bi kịch của Cái mới được nhận thức một cách siêu hình, thần bí! - Thầy Tiếng lại xoáy sâu vấn đề “tự sát” của Chúa Giê-su -. Thất bại chủ nghĩa! Tư tưởng chủ “hòa”!

Thầy Tiếng tìm cuốn Kinh Thánh dưới gầm bàn nhậu (II.11). Ông rút kính mắt trong túi áo đeo vào, rồi lật tìm trang cần thiết. Thầy Tiếng đọc:

- "... Phi-lát kiếm cách để tha Ngài; nhưng dân Giu-đa kêu lên rằng: Ví bằng quan tha người này, thì quan không phải là trung thần của sê-sa [xê-da] vậy!" (Giăng: 19: 12)...
 (...) ... "Phi-lát nói với chúng rằng: Ta sẽ đóng đinh Vua các người lên thập-tự-giá hay sao? Các thầy tế-lễ cả thưa rằng: Chúng tôi không có vua khác, chỉ sê-sa [xê-da] mà thôi". (Giăng: 19: 15).

Thầy Tiếng gấp sách lại, nhưng chẳng cúi hôn lên sách Thánh như ngày xưa còn là linh mục làm lễ trong nhà thờ ở Quảng Trị.

- Đây là tiếng kêu đòi của bọn ngụ tặc Do Thái cam tâm làm nô lệ cho đế quốc La Mã, dưới sự đạo diễn đầy thủ đoạn chính trị của Phi-la-tô và Hê-rô-đê. - Thầy Tiếng nói.

Ông lại lật thêm những trang Kinh Thánh khác.

- Khi đã đến tuổi độ ba mươi, bắt đầu đi giảng đạo, Giê-su đọc sách tiên tri Ê-sai như thể một tuyên ngôn:

... "Vì Ngài đã xúc dầu cho ta đặt
 truyền tin lành cho kẻ nghèo;
 Ngài đã sai ta để rao cho kẻ bị cầm đợc tha,
 Kẻ mù đợc sáng,
 Kẻ bị hà hiếp đợc tự do..."

(Ê-sai: 61: 1, Lu-ca: 4:18-19).

Nhưng, đây là lời cuối cùng trước tòa án đế quốc: ... "Đức Chúa Giê-su đáp lại rằng: Nước của ta chẳng phải thuộc về thế-gian này. Ví bằng nước của ta thuộc về thế-gian này, thì tôi-tớ của ta sẽ đánh trận, đặt ta khỏi phải nộp cho dân Giu-đa; nhưng hiện nay nước ta chẳng thuộc về hạ giới. Phi-lát bèn nói rằng: Thế thì ngươi là vua sao? Đức Chúa Giê-su đáp rằng: Thật như lời, ta là vua"... (Giăng: 19: 36-37). Xin lưu ý hai chữ "hiện nay".

Thầy Tiếng lại lật đến trang khác.

- Đây là bài ca do Đức Mẹ sáng tác (đúng hơn là thơ tự do!):

... Vì Ngài đã đoái đến sự hèn hạ của tôi tớ Ngài.

(...) Ngài đã cách người có quyền khỏi ngôi họ,
 Và nhắc kẻ khiêm-nhường lên
 Ngài đã làm cho kẻ đói được đầy thức ngon,
 Và đuổi kẻ giàu về tay không.
 Ngài đã vừa-giúp Y-sơ-ra-en, tôi tớ Ngài...".
 (Lu -ca: 1: 48 và 52-54).

Và với ngày lễ lá, tung hô vạn tuế Con-cái-dòng-dõi-vua-Đa-vít, nhân dân khát vọng độc lập, tự do đã bày tỏ ý chí của họ rất rõ. Nhưng chẳng hiểu vì sao Giê-su lại được báo mộng bởi Môi-se, Ê-li, rằng sứ mệnh của Giê-su là phải tự nguyện đi đến cái chết tử hình khổ và nhục. Giê-su quả thật đã "tự sát" theo kịch bản đã định trước của Chúa Cha! Chính Giê-su, trong lúc hấp hối trên thập giá, ông đã nói một câu mà hầu như ai cũng biết : "Lạy Cha, xin tha cho họ, vì họ không biết mình làm điều gì" (Lu-ca : 23 : 34). "Dầu vậy, xin ý Cha được nên, chớ không theo ý tôi" (Lu-ca : 22 : 38). Như thế, bọn đế quốc xâm lược và tử hình Giê-su, là theo ý chí của Giê-hô-va sao? Chúng xâm lược nhưng không có ý thức xâm lược? Và tử hình Giê-su nhưng vô ý thức? Giê-su lại xin tha cho bọn đế quốc đang xâm lược và thống trị nữa! Bác ái ư?! Thật kì quặc! Và kết quả dân tộc Do Thái phải như thế nào, mọi người đã biết! Rất nhiều đoạn Kinh Thánh nói ông ta điên!... Yêu nước, cứu nước là điên? Nhận mình là Chúa, hẳn là điên mới dám thế? (...) Thật là một tôn giáo kì dị! Hẳn đã bị sa-địch! Mà quả thật là anh hùng của Do Thái đi nữa, thì chỉ của Do Thái thôi! Chẳng cần ai dạy dân tộc Việt Nam này yêu nước! - Vị cựu linh mục bật cười thật to -. Cũng xin lưu ý rằng cả Giê-su lẫn Thích Ca đều không lưu lại bút tích, văn tự. Thần học ngày xưa bảo Chúa không hề biết chữ (II.11)... Các tông đồ, các Thánh, các đệ tử của hai ngài chép lại, kể lại, có thể không hiểu hết ý... Có tư liệu cho rằng Ma-hô-mét của Đạo Hồi cũng vốn là người mù chữ!

- Thầy có dùng hai chữ "ngụy tặc"... - Chú Nông nói.

- Ai sùng bái lãnh tụ của bọn nước ngoài xâm lược nước ta đều là ngụy tặc. Dân Do Thái ngu trung, sùng bái xê-da, chẳng ngụy tặc là gì!... Nhưng... Thiệu Trị, Tự Đức diệt Thiên Chúa giáo vì Chúa “chịu chết”..., vì giáo dân lại bị cố đạo lợi dụng, làm tay sai cho Pháp...

- Nếu hiểu về khía cạnh chính trị, Hai Bà Trưng, Mai Hắc Đế... của chúng ta hào hùng hơn nhiều, vĩ đại hơn nhiều. - Thầy Rơm cười, góp chuyện, gặt gù -. ... “Bình Tây sát tả” còn vì phong tục... (II.12).

- Chúng ta chỉ bàn chuyện chính trị, thậm chí có thể trở thành nhà chính trị học như Khổng, Lão, nhưng làm chính trị mệt lắm! Em thấy tôn giáo pha mùi chính trị hơi nhiều. - Thầy Quyền rùn vai -. Nhưng viết văn, dạy học cần hiểu chính trị lắm..., đặc biệt là viết văn, rất cần tự do, dân chủ, và “vô chính phủ” tí chút cũng khoái. - Thầy Quyền cười, nốc một ngụm bia lớn, lại rung đùi!

- Ai chả thích tự do, dân chủ. Tự do tư tưởng, ngôn luận, bày tỏ ý kiến chính trị..., ồ, rất quý báu và rất thích! “Vô chính phủ” rất cần kinh tế cá thể. Nhà nước nắm lấy bao tử ắt nắm lấy trái tim, khối óc. - Chú Nông nói -. Tôi thấy lưỡng đảng vẫn hay hơn độc đảng. Nước mình cần có lưỡng đảng nhưng phải là hai đảng cộng sản cả hai. Mác có nói về phạm trù mâu thuẫn, và ai cũng biết, bất kì sự vật, hiện tượng nào không mâu thuẫn, thì không vận động, và thế là trì trệ. Các sự vật, hiện tượng đều phải mâu thuẫn trong chính nó, trong tính thống nhất của nó để phát triển. Độc đảng chỉ trì trệ thôi. Mâu thuẫn đối kháng thì phân liệt, suy yếu và có thể dẫn đến nội chiến, chia cắt Đất nước hoặc mất nước. Nước mình nhỏ, còn nghèo...

- Buồn cười! Anh Nông định lập đảng chẳng? - Chợt thấy hơi trực tính, thầy Tiếng vội khóa láp -. Anh Nông sắc bén lắm, tuy nhiên, bọn mình chỉ bàn chuyện thời sự, văn hóa thôi, nhiều lắm là bàn chính trị học, kinh tế học... - Và

thầy cười, mong chú Nông thông cảm, kiêng dè cho, rồi thầy nói -. Chỉ là phiếm đàm lung tung thôi!

- Tôi, cách mạng “hai mươi” trong ngoặc kép nháy nháy đây. Loại tôi với cách mạng “ăn theo” đều giống nhau. Tôi chỉ phục các cụ hoạt động cách mạng thời trước ba mươi, trước bốn lăm, ít ra cũng trước năm tư. Đây mới là cách mạng thứ thiệt. Mong các cụ trên Trung ương lường đấng cho và chỉ lường đấng trong Ban Chấp hành Trung ương thôi; nói từ khác, là lường đầu thì đúng hơn, không, hai bán cầu nào... - Thầy Rơm cười hình hích vì cách chơi chữ một cách minh bạch, lối ví von đầy ẩn tượng của mình -. Đúng, hai bán cầu nào bộ!

- Nguy cơ “hữu khuynh”, tức là nịnh dân, nuông chiều thị hiếu thấp hèn, thói đòi trụ, nịnh thực dân, đế quốc, tư sản... - Nhà văn Quyền buột miệng -. Ngày xưa Phật giáo chia hai phe, Aãn Quang và Việt Nam quốc tự, chả ra gì! Phật giáo Việt Nam thời Lý - Trần rất tốt, nhưng có lẽ hiện nay và sau này các sư chỉ lãnh đạo đạo hữu về tâm linh thôi, cho đúng tôn chỉ của Đức Phật: Đức Phật rời bỏ ngai vàng để cứu đời. Tôi cũng như thầy Tiếng, ghét lợi dụng thần quyền vào chính quyền. Tôn giáo là nơi thanh tẩy tâm hồn, gạt bỏ trần tục để hồi phục thiện tâm. Tôn giáo như Thiên Chúa giáo rất chính trị và lại là chính trị thất bại chủ nghĩa, thỏa hiệp với đế quốc đến mức “tự sát” và mất nước như thế, thật là nguy hiểm!

- Đảng Đại Việt ngày xưa ở Quảng Trị khá mạnh, mạnh hơn Quốc dân đảng nhưng hơi lạc hậu đến mức sa vào sự câu kết với thần quyền hạng bét, là võ phái Thần quyền bùa chú. - Thầy Tiếng sực nhớ, nói thêm.

- A hà... Thần quyền, ồ, chính trị câu kết với thần quyền... lại thêm một dạng khác là thần quyền hóa như thiên tử hóa... Thôi, đừng chính trị kiểu suy tôn lãnh tụ nữa. Kẻ có quyền, mà suy tôn... kì quá! Đây là một dạng thần quyền hóa lãnh tụ... -. Thầy Quyền bật lửa, rít một hơi thuốc

lá đầy phổi, từ từ phả ra những sợi khói trắng -. Tôi rất thèm tự do!... Tự do, dân chủ cũng phải có cơ chế chứ nhỉ? Vừa rồi, anh Nông có nói, tôi xin nói lại cho rõ: Độc đảng chỉ trì trệ thôi, và hệ quả là lạc hậu, nghèo nàn về tinh thần lẫn vật chất, xã hội bức bối, ngột ngạt, cuối cùng là chế độ sụp đổ, như Liên Xô cùng các nước Đông Âu mới đây! Tôi chỉ sợ rằng, cứ vin cơ nước ta nhỏ, phải thực hiện chuyên chính bằng chế độ độc đảng, để rồi bọn đế quốc tư sản nắm lấy chuyên chính độc đảng ấy mà thao túng. Nói cách khác, chúng lợi dụng chuyên chính vô sản ở nước ta để thực thi chuyên chính tư sản! Chúng chẳng mong gì hơn! Trong thâm tâm bọn tư sản như bọn tài phiệt ở Mỹ chẳng hạn, chúng cũng muốn độc đảng lắm, nhưng ở nước chúng, nhân dân Mỹ không chịu đó thôi! Ôi, độc lập, tự do, dân chủ... Để đạt được các mục tiêu ấy, sao khó khăn quá vậy! - Nhà văn Quyền trầm ngâm -. Tất nhiên không phải tự do kinh doanh mông, đui, vú phụ nữ trên sách báo, phim ảnh, truyền hình... với các thứ triết học sa đọa, bạc nhược..., đàn bà gắn liền với quảng cáo...

- Này, nhà văn Quyền, các anh bôi chúng tôi trong thơ, trong truyện của các anh quá cỡ thợ mộc! Lính ngục chúng tôi đâu phải ghê tởm, phi nhân tính đến thế! Chỉ vài con sâu làm rầu nồi canh. Hãy cụng li với tôi, và giải thích tại sao. - Chú Nông nói vui, nhưng cũng có phần nửa tâm trạng thực trong lời nói vui ấy, mặc dù biết Quyền chỉ là nhà văn trửợng thành từ phong trào tranh đấu ở đô thị, chưa bôi nhọ lính ngục bao giờ.

- Aấy, sao lại choảng tôi một quả lạc đề đến thế, thưa ông anh ? Anh vu oan cho tôi! Xin cụng li cái nào.

Hai người uống sạch hai li đầy bia ướp lạnh, nhìn nhau cười.

- Đây là văn chương tuyên truyền thời chiến tranh. Sau này các nhà văn thời ấy sẽ nhận sắc lại chính tác phẩm của họ tí chút cho chân thực. Có gì đâu!... Này, trở lại vấn

đề sùng báí cá nhân lãnh tụ, tôi thấy thời Ngô Đình Diệm rởm lắm. Đây là thủ thuật chính trị hơi lạc hậu rồi, tàn dư của phong kiến, thần quyền... như thơ “Thần” của Lý Thường Kiệt, “lá chằm mỡ heo” của Nguyễn Trãi, “mâm đồng đốt lửa giả mặt trời” của Quang Trung... Tuy nhiên, đặt trong bối cảnh phong kiến, thủ thuật ấy có giá trị của nó. Thời dân chủ, rõ là khác rồi... Ồ, cái phỉnh xem ra cũng là ma-ki-a-ven-lít (“cứu cánh biện minh cho phương tiện” = “vấn mục đích, bất vấn thủ đoạn!”). Nhưng Diệm thì vẫn Diệm thôi, không đánh đồng với Lý Thường Kiệt phá Tống bình Chiêm, Lê Lợi nằm gai nếm mật, Quang Trung đại phá quân Thanh, thống nhất Tổ quốc hai Đảng làm một, lại toan thu hồi Lương Quảng được... A à... Tôi thương mấy anh lính nguy lắm. Khi không họ bị phỉnh, mang tiếng làm giặc! Bản thân tôi là cách mạng “ba mươi”, nhưng tôi vẫn coi thường các anh cách mạng “hai mươi” ngoài Bắc, và cách mạng “ăn theo” dạng “học sinh Miền Nam ra Bắc học”, hoặc “ăn theo” lí lịch... Lố bịch và thiếu tự trọng! Nhưng lỡ rồi, lịch sử ời! Nguy cứ phải mang tiếng nguy, cách mạng “hai mươi”, “ăn theo” thì cứ... cách mạng! Người ta bảo mình ghen với họ mất công! Giá trị văn chương, hội họa thuộc về thời gian! Chưa muộn đâu, anh Nông thân mến ời! - Nhà văn Quyền hơi ngà ngà, ra chiều suồng sã.

Hiền Lương từ lúc ba giờ chiều đến giờ, đã gần bốn tiếng đồng hồ, ngồi nghe, lặng lẽ. Cô chột mỉm cười.

- “Con người là tổng hòa các quan hệ xã hội trong tính hiện thực của nó”. - Nhà văn Quyền lè nhè nói tiếp -. Mấy ông nhà triết cứ hay trích dẫn Các Mác, tôi chưa kịp tra cứu, xem nó nằm đoạn nào, văn cảnh, ngữ cảnh nào. Nhưng câu đó, tôi ngẫm nghĩ tạm thời, thấy cụ Mác đồng nhất quan hệ gia đình với quan hệ xã hội; đúng hơn, xếp quan hệ gia đình vào quan hệ xã hội luôn. Nếu không thế, câu ấy... không “triết” gì cả! Và thế thì, rõ là cụ Mác này chỉ thừa nhận hai cấp độ sống: cá nhân (cá-thể-người) và xã hội (cộng-đồng-

người-khác). Nói cho thuần nôm là: mỗi người với mọi người thôi! Mác cũng “vô gia đình” như Giê-su chăng? Và nếu là “vô gia đình” được xem như một nhận thức triết học, một giá trị triết học thì lí lịch gia đình chỉ là xiềng xích của định kiến phong kiến, dùng để áp bức con người mà thôi! Chủ nghĩa lí lịch là sự tru di!

- Này, ông có say không đó... Nói chuyện gì như ở líp xe đạp trật cóc! - Chú Nông cười, vỗ vai Quyền.

Quyền cũng cười và mọi người cười âm.

- Câu văn, ủa, đoạn văn này chưa “ngoắt cần câu” lại mà. Bàn ra xa rồi mới quẹo lại chớ! Anh làm tôi cụt hứng!

- Quẹo với ngoắt ra sao, cứ quẹo với ngoắt! - Thầy Tiếng nói trong tiếng cười - ... Ôi, cái sự tru di tam tộc kiểu mới!

- Xem ra, mấy cụ rất thích độc lập, tự do cho mỗi người, đặt giá trị bản thân độc lập với giá trị tha nhân, kể cả gia đình, cộng đồng! Ở khía cạnh nào đó, giá trị do cái tôi tự thân làm ra rất được các cụ nhấn mạnh, xem là “oách”. Tâm lí người có tài là chẳng thèm “ăn theo”... Hãy tự khẳng định chính mình!... Nói như vậy, không phải là sa vào chủ nghĩa cá nhân. Tôi muốn nói rõ thêm hai cấp độ sống. Một, mỗi người sống với ý thức về cái tôi cá thể. Hai, cái-tôi-cá-thể-người ấy sống với ý thức xã hội, sống trong và sống với xã hội trong quan hệ tương tác biện chứng. Tôi sống trong và sống với xã hội (gồm gia đình) nhưng tôi có thể bất đồng, chống lại, đạp đổ, hoặc tuân theo. Quan hệ vừa nói đến bao gồm quan hệ sản xuất, quan hệ phong tục, văn vân... Sự chống lại hoặc thuận theo ấy nhào nặn lại tôi, tạo nên một cái tôi thống nhất của các mặt, các loại quan hệ. Tôi, một chỉnh thể hài hòa của các mâu thuẫn, các quan hệ chòng chéo, chằng chịt... Tôi không tự điều hòa, vô thức hay hữu thức điều hòa, tôi sẽ rơi vào trạng huống bị giằng xé, tự thân phân liệt, tự thân tan hoang, tan tác... A à... Xin nhớ cho rằng các quan hệ đều có tính lịch sử - cụ thể của xã

hội... Tính hiện thực thì phải cụ thể và rất đa dạng... Không có cá nhân nào giống hết cá nhân nào, không có gia đình nào giống hết gia đình nào, không có giai đoạn lịch sử nào giống hết giai đoạn lịch sử nào... Rất đa dạng..., vì "..., trong tính hiện thực của nó" cơ mà!

- Này, nhà văn gàn, anh say rồi đấy... - Chú Nông lay lay cánh tay ngắm men mềm oặt trên thành ghế của Quyển.

Quyển cười mơ màng, chìm đắm trong suy tưởng, vụt thẳng lưng lại, cười khùng khục rồi cười vỡ ra, sặc sụa, ngặt nghẹo. Thật ra, nhà văn Quyển chỉ ưa đùa tếu cho vui, chứ đã uống bao nhiêu đâu. Không chừng anh Quyển này giả bộ để được chị Vân và Hiền Lương chăm sóc cũng nên!

Chú Nông ngờ ngợ:

- Chưa say thì cứ "phán" tiếp!

- Xin "phán" tiếp! - Nhà văn Quyển ra vẻ nghiêm trọng -. Nhưng tôi cũng có đọc một câu trích từ Mác - Ăng-ghe-n toàn tập, trong một cuốn sách nào đó về thân sinh Bác Hồ, như thế này: "Lịch sử của từng cá nhân hoàn toàn không tách rời mà là bị quy định bởi lịch sử của các cá nhân tiền bối hoặc cùng thời với họ"! "Các cá nhân tiền bối hoặc cùng thời" là gì? - Nhà văn Quyển thật lòng cũng không rõ câu này của Mác hay của Ăng-ghe-n, nhưng thăm nghĩ Mác hay Ăng-ghe-n gì cũng thế, một người là con trai luật sư tư sản có cơ ngơi là lâu đài đồ sộ, còn người kia thì... Trong một loé chớp, anh bỏ dờ ý nghĩ thăm trong đầu và nói tiếp -. Sao Ăng-ghe-n không nói quách là cha mẹ, ông bà, cố, vãi hoặc anh chị em cho trong sáng, mình xác ngôn từ? Ai cũng biết Ăng-ghe-n là con trai một lão tư sản công nghiệp dệt giàu sụ thuộc loại bậc nhất ở Đức. Thế thì vị lãnh tụ vô sản thế giới này là bản sao phô-tô-cóp-pi của lão tư sản bóc lột kia ư? Anh chị em của Ăng-ghe-n thế nào, tôi chưa biết, nhưng lão tư sản thân sinh của Ăng-ghe-n ai cũng rõ! Thế thì thế nào nhỉ! - Nhà văn Quyển lại rung đùi một cách dữ dội như lên kinh phong, khiến mọi người đều bật cười -. Chắc là bản

sao chụp phô-tô-cóp-pi về gen di truyền nhưng lại nhuộm màu khác! Về gen di truyền phải có phả hệ dăm bảy đời để nghiên cứu mới đủ dữ kiện để kết luận. Cũng có thể... Ví như cái gì nhỉ? Như khuôn dấu, chữ khắc ngược, hình khắc ngược, nhưng in xuống mặt giấy, chữ và hình kia thành xuôi? Thật ra, nói một cách triết học, một con người cụ thể với mã gen di truyền đồng biến, dị biến - đột biến, còn chịu sự tác động của môi trường, điều kiện học tập, xã hội, các yếu tố thời đại nữa, và đồng thời con người ấy tác động ngược lại các thực thể ấy. Biện chứng là thế! Vả lại, người có lúc, sông có khúc! Một người, một sông còn thế, nữa là bản sao chụp gen di truyền từ lão tư sản thân sinh đến con trai là Ăng-ghen, lãnh tụ vô sản. Cha và con dấu sao cũng hai người, chưa kể người thứ ba mang nặng đẻ đau là mẹ. Biện chứng ở đâu, nếu rập khuôn? - Nhà văn Quyển cười mơ màng trong men say -. Cái chốt của câu trích từ Mác - Ăng-ghen toàn tập là ở chỗ Ăng-ghen dùng từ ngữ chung chung, mơ hồ: "các cá nhân tiền bối hoặc cùng thời"! Theo tôi, rõ ràng Ăng-ghen là con trai đích thực của Đác-uyn (nhà sinh vật học, cha đẻ của thuyết vạn vật cạnh tranh sinh tồn), đồng thời là con cháu đích tôn của Xanh Xi-mông, Phu-ri-ê, Ô-oen (những nhà kế thừa, sáng tạo thêm chủ nghĩa xã hội) và đặc biệt là con trai đích thực của nhà biện chứng pháp lộn ngược: Hê-ghen! Rõ ràng anh em ruột của Ăng-ghen là Mác! Đó, tiền bối và người cùng thời của Ăng-ghen đó! - Nhà văn Quyển đắc chí cười và càng rung đùi một cách rất tức cười -. Ăng-ghen là đứa con tinh thần của nhiều huyết hệ, dân tộc!... Cái chốt còn ở chữ "hoặc". Ăng-ghen có thể không giống các tiền bối kia mà chỉ giống Mác! Mác cũng vậy, không giống ai... không giống ai... trong các tiền bối mà chỉ giống Ăng-ghen!

- Giải!

- Trời đất! Tôi đâu phải học trò ông anh, sao ông anh tán phục tôi như khen con nít vậy!

Chú Nông cười, nâng li bia bằng hai tay, rất cung kính trao cho Quyển với nụ cười:

- Xin lỗi triết gia kiêm văn hào Quyển! Kính mời ngài dùng thêm bia.

- Được! - Nhà văn Quyển trả miếng với vẻ mặt quan lớn
-. Khá khen!

Mọi người lại bật cười vui vẻ.

Lúc đó, chị Vân và cô giáo Lan xin phép thầy Tiếng cùng các vị khách được bung bún mọc lên. Vì bàn nhậu nhỏ, nên các lon bia, nước ngọt được gom lại để dọn đi. Chị Vân nói:

- Ba và các chú vẫn như thường lệ, chả ai uống được nhiều.

- Tùy hỉ thôi. Nhưng mỗi người uống một đến hai lon cho có hơi men, để thêm rôm rả thôi, Vân à! - Nhà văn Quyển lẳng lơ nói, nhìn đôi bàn tay rất đẹp của chị Vân.

- Xin lỗi trước, tôi nói hơi vô phép, là dạo này chúng ta như những kẻ mắc bệnh tâm thần, thể hoang tưởng cái cách, hay sao ấy! - Thầy Tiếng cười giòn, tiếng cười làm nhẹ và vui câu nói.

- Không khí chung của thời Đổi mới, dân chủ hóa mà! Em hay la cà các quán, thấy đâu cũng vậy. Chẳng lẽ cứ mãi “khép nép” trong tư tưởng và “lí nhí” cái mồm. Nhưng chẳng ai điên cả, chẳng chạc, lịch sự hơn thì có. Người dân có tư cách công dân hơn. - Nhà văn Quyển nói, lại quay qua chú Nông - Anh Nông, đến “tiết mục chữa cháy” rồi mặc dù chưa ai muốn “cháy” bao tử. Tôi vẫn xin hẹn dịp khác để xin thưa với anh là hôm nay chuyện trò chưa “đã”, có cái còn chưa công bằng và thỏa đáng.

- Tư cách công dân đâu phải là bọm nhậu oang oang trong quán rượu! Tư cách công dân đâu phải tản mạn, lan man trong “Nhật Kí Người Điên”! - Chú Nông “sờ gáy” nhà văn Quyển.

Quyển cười, đan tay xá chú Nông :

- Xin thua ông anh!

Mọi người cười. Chị Vân và cô giáo Lan ngồi cạnh Hiền Lương để vừa tiếp thêm bún vừa góp thêm chuyện.

- Trước mắt là bắt công với bà nhà và Vân! - Thầy Tiếng cười, mời khách bạn dùng bún cho nóng sốt.

Sau buổi gặp mặt ngẫu hứng đó, Hiền Lương và chú Nông về nhà, với niềm băn khoăn trên đường phố ngập ánh đèn và xe cộ. Dọc đường về Thủ Dầu Một, chú Nông nói với con gái trong tiếng gió bật nhẹ theo tốc độ chậm của xe gắn máy:

- Mừng là thầy Tiếng vẫn nhiệt tình một cách lặng lẽ trong công việc. Đôi khi ba phải thẹn với ông. Ông bản lĩnh, dũng cảm quá, và trung thực đến tận cùng với khoa học. Nhận thức của ông về Thiên Chúa giáo khác với thời ông còn là linh mục đến một trời một vực. Thời thầy Tiếng còn ở Quảng Trị, ông nhận thức hoàn toàn theo thần học La Mã (Rome).

- Đâu phải ai cũng nghiên cứu khoa học được như ông! Con muốn ứa nước mắt khi nghe thầy Tiếng nói, đại để là mỗi người chỉ có cơ may được sống một lần duy nhất, chết rồi thì chẳng ai phục sinh, sống lại ở nghĩa đen, nghĩa thật, không ai đại làm hỏng mình, lừa mình dối người.

Chạy xe chậm, chú Nông căng mắt nhìn mặt đường nhựa trong ánh đèn đường. Chú nói, khi xe máy đã đến đoạn Lái Thiêu:

- Ba đã tìm mua ở hiệu sách cũ cuốn Kê Tuấn Đạo của Uy-na-muy-nô, một tác giả lớn người Tây Ban Nha, và đã đưa con đọc từ lâu. Thầy Tiếng muốn được phong thánh với công việc của mình - "thánh" là nhà nghiên cứu khoa học hết mình, chứ không phải "thánh" của Kê Tuấn Đạo... Nhưng... nhà văn Quyển nhầm rồi. Ngày xưa, hồi còn làm linh mục, thầy Tiếng đã sử dụng thần quyền Thiên Chúa giáo để chống cộng đấy! Ông mới ghét sự câu kết tôn giáo với chính quyền từ năm bảy mốt đây thôi. Sở dĩ ba lưu ý

cho con điều đó là để con có sự so sánh giữa giáo lí xưa nay ở nhà thờ giáo xứ cũng như ở khắp thế giới với nhận thức riêng của thầy Tiếng. Nói cho đúng, thầy Tiếng nhận thức về Kinh Thánh, gần giống với linh mục Mai Lão Bạng trong Duy Tân hội của Phan Bội Châu, nhưng với quan điểm duy vật.

- Có dịp nào mời các vị hôm nay họp mặt chuyện trò ở nhà mình cho vui ba nhĩ? Nhận thức của ba về Kinh Thánh có khác với ông Tiếng, tất nhiên cũng khác với Va-ti-căng.

- Ờ, để có dịp... Cũng phải bàn thêm cho công bằng, thỏa đáng!... Con còn nhớ nội dung của Kẻ Tuần Đạo không?

- Dạ, làm sao con quên được. Đó là truyện về một giám mục quản hạt tại Tây Ban Nha, không tin có sự tồn tại của Đức Chúa Trời, cũng không tin vào "sự phục sinh", thế giới siêu hình, thiên đàng, địa ngục, nhưng vẫn suốt đời phụng sự cho giáo hội Thiên Chúa giáo, bởi giám mục ấy nghĩ rằng, các tín đồ vẫn cần có ảo tưởng, một thứ thuốc phiện tâm linh, để có thể tiếp tục sống ở trần gian này. Giám mục ấy được Toà thánh La Mã phong thánh, nhưng thực chất ông ta là một người vô thần.

Chú Nông cười khế:

- Giám mục ấy là một kẻ lừa người dối mình, mặc dù rất đạo hạnh trong nghiệp vụ, kiếm sống bằng nghề giám mục (hẳn mức sống cũng đặm bạc thôi), đồng thời ông ta là một kẻ chống lại sự tiến bộ, cách mạng, lại buồn bã mĩa mai phong trào công nhân. - Chú Nông nói tiếp, mắt vẫn nhìn mặt đường đêm loáng ánh đèn -. Sự thành thật duy nhất của giám mục ấy là ông ta không bao giờ đọc câu kinh quan trọng nhất trong bài kinh "Tin kính". Bi kịch nội tâm của giám mục ấy là vậy đó.

- Dạ, con hiểu chứ. - Hiền Lương đáp -. Dẫu sao, giám mục ấy cũng rất đáng bị phê phán.

Bây giờ, ở làng nội bên bờ sông Bến Hải này, đang đưa nhịp vồng dưới tàn cây trứng gà mùa hè xanh thắm, Hiền Lương nhớ ba, nhớ nhà, nhớ Bình Dương và Sài Gòn. Còn mai một ngày, một một ngày nữa, Hiền Lương và mẹ sẽ vào lại hai nơi ấy! Cô chợt nghĩ, làm sao mỗi người không có dĩ vãng của mình được nhỉ? Người không có quá khứ là người phi thực. Đắm chìm trong quá khứ đen tối, lỡ lầm là sống bệnh, cũng rất bệnh nếu mãi say mê quá khứ huy hoàng, hào hùng, đức hạnh của mình. Một khước mắt ở thời điểm hiện tại, trên đôi mắt ai đó, làm sao không còn dấu vết quá khứ của chính người đó, và hơn thế, còn thể hiện cả tín hiệu tương lai trong dự định, dự cảm cũng của chính người đó nữa. Ờ, chỉ có than, từng vĩa than trầm tích đen tối mới kết tinh kim cương. Đúng. Nhưng có những cuộc đời rạng rỡ như mặt trời hay ít ra như tia nắng, như ngọn lửa. Những định giá chỉ là ước lệ xã hội. Ờ, dấu sao, con người vẫn cần lửa và nắng hơn. Còn những đám mây bốc hơi kết đọng thành mưa nữa. Giọt mưa đẹp, đơn sơ, bình thường đến tầm thường mà cần thiết biết bao. Tất cả đều tự kết tinh, bật sáng, tỏa sáng, kết đọng, cho mình và cho đời, nhưng phải tự thân trước hết, rồi mới cần đến tác nhân. Ờ, nghệ sĩ, sứ mệnh của họ là gì nhỉ? Hiền Lương muốn bật cười to vì cô mệt mỏi đến rã rời, toan làm mình làm mẩy vô có với chính mình. Với bao miệt mài vẽ, cô mơ ước được làm nghệ sĩ tạo hình biết bao... Cô đang đào mỏ, khai thác trực lợi từ vết nhục, từ huân chương chẳng. Cô cảm ơn chiến tranh chẳng. Hiền Lương rung mình với tiếng vang của ngôn từ, lạnh lói, xé ruột, trong chuỗi suy tưởng. Không, trừ những kẻ độc ác, chẳng ai muốn lịch sử đau thương đến vậy, mặc dù biết rằng “từ trong đau thương mới thấy rõ gương mặt của Tổ quốc rạng ngời”. Hiền Lương không thích hỗn xược với bất kì ai, không muốn làm mình làm mẩy với bản thân mình. Cô cũng chẳng muốn vu oan cho mình. Cô muốn sống tận cùng ý nghĩa của động từ “sống”, đấy là điều trước

tiên trong ý thức sáng tạo. Cho dù không sáng tạo nghệ thuật, là thanh niên, là con người, cô phải sống sâu sắc. Cô phải sống với lịch sử đang sống, một giai đoạn lịch sử chưa tĩnh tại, chưa chết cứng. Nghĩ cho cùng, có giai đoạn lịch sử nào, mặc dù đã quá xa xưa, đã và mãi mãi chết cứng, không còn phập phồng mạch máu nối với hiện tại và tương lai, nữa là cô đang sống với giai đoạn lịch sử chưa khô vết máu, chưa lành nỗi đau, chưa sáng hết độ sáng của nụ cười sâu thẳm hào hùng. Cô biết, cô đang sống trong âm hưởng hậu chiến với tiếng cười, tiếng khóc của nó.

Gio Linh - Bến Hải ơi, chỉ còn mai và một nữa...

12. CƯỚI CHÚ chương XII: không có cưới chú.

CHƯƠNG XIII

Hiền Lương cảm thấy chưa bao giờ cô hồi hộp, xúc động đến thế, khi nhận được phong thư của Hành gửi từ Đông Hà ra, qua một người cùng làng vừa đi chợ trong đó về. Hồi hộp, xúc động, cô cũng hơi ngờ ngợ và thất vọng, bởi ngay phút đầu, thoáng nhìn bao thư, thấy không phải là một lá thư bình thường của một chàng trai gửi một cô gái để nói lời khó nói, vốn là một hình thức cổ xưa nhất nhưng có lẽ chưa lỗi thời bao giờ. Không ai gửi một lá thư tỏ tình lại dày cộp với phong bì công văn như thế! Phong bì lại không dán keo nữa!

Hiền Lương khẽ cảm ơn người đàn ông luống tuổi cùng làng, không phải lần đầu cô gặp nhưng đây là lần thứ nhất cô với ông ấy đứng đối diện, trao đổi vài lời. Người đàn ông lại lên xe gắn máy, sau khi nói không có gì, với nụ cười thân thiện. Cô đi ngay vào nhà, ra gốc cây trứng gà, cố giữ vẻ bình thản trước đôi mắt khá tinh nghịch của cô bé Bông Bưởi.

Như một phản xạ rất con gái, Hiền Lương đâm ra giữ kẽ để khỏi bị Bông Bưởi coi thường. Tuy đã nằm trên võng, phong bì ở tay, cô cũng chưa vội lấy thư ra để đọc. Một lát khá lâu, Hiền Lương mới khẽ mở bao thư.

Cô nén tiếng thở dài thất vọng thật sự. Hoá ra đó là những trang văn thơ được xếp chữ vi tính, với mấy dòng chữ viết tay của Hành trên một tấm giấy bìa cỡ bằng bàn tay!

Hiền Lương thân mến,

Vào Đông Hà, anh phải vào ngay khoá học. Hết sức cập rập.

Tối hôm qua, anh ghé nhà một người bạn, lấy lại mấy trang bản thảo của Trần Nguyễn Phan, bạn anh, từ Tp.

HCM. gửi ra đã lâu, lâu nay cho người bạn ấy mượn đọc. Nhân tiện, nhà người bạn có máy vi tính và tập Lặng lẽ ở phố của Trần Nguyễn Phan, anh gõ vội mấy bài thơ trong tập ấy để Hiền Lương lưu ý đọc, mặc dù Hiền Lương hẳn cũng đang có tập ấy trong tay. Nhân tiện, cũng gõ phím vi tính cho vui vậy thôi, nhưng nghĩ rằng đọc thơ với hình thức trình bày mới, so với bản sách đã xuất bản, nó cũng cho mình một cảm giác mới, đôi khi mình lại có những phát hiện mới, rất không ngờ.

Mong sẽ có buổi tối nào tranh thủ ra làng thăm Hiền Lương, trước khi Hiền Lương và bác gái vào lại Thủ Dầu Một, Bình Dương.

Chúc vui và khoẻ.

Hành.

Hiền Lương gượng mím cười một mình. Cho dù chưa phải là lá thư tỏ tình như đã vội ngỡ thế, nhưng cô không thể không thấy Hành rất quan tâm đến mình. Điều đó khiến Hiền Lương cảm thấy không lạnh hẳn trái tim, trái tim mười phút trước đây gần như nóng bừng chất rượu.

Dưới bóng râm cây trứng gà rợp mát, Hiền Lương đọc một bút kí của Trần Nguyễn Phan (l.116), bài đã đăng ở tập san - kỉ yếu của một trường trung học, nhưng có sửa chữa, bổ sung thêm, trong tâm trạng đã phần nào thanh thản. Bút kí như một bài thơ văn xuôi, có nhiều câu chỉ là một ngữ.

TRẦN NGUYỄN PHAN

Một chút tự bạch:

Giữa vòng tay Tam Kỳ
và bè bạn

bút kí

yêu quá đáng người nét đất
nơi nơi xa thành thiên thai

(Quê quán,
trong tập thơ Lặng lẽ ở phố, 1995)

Kính tặng cha tôi,
một người yêu quê hương, Đất nước, theo chủ nghĩa dân tộc Việt
Nam,
được miễn học tập cải tạo sau Ngày Thống nhất 30.04.1975.

Tặng: Nguyễn Đăng Chín, Cao Văn Phi, Nguyễn
Tấn Sĩ, Hoàng Thị Nhụy, Phạm Dương Nam, Võ
Công Thảo, Nguyễn Ngọc Khôi, và cộng tác viên
thân thiết của nhóm bút: Huỳnh Ngọc Chiến, Trần
Ngọc Thọ.

a

Học xong lớp đệ lục ở Quảng Trị, mười hai tuổi rưỡi,
Phan lần đầu đến Tam Kỳ và có một mùa hè thị xã. Nhưng
mãi đến mùa hè năm sau, khi từ già ngôi nhà mà Phan
được chào đời, từ già Hàm Nghi - Quốc tử giám, mái trường
cổ kính nhất Huế, cổ hơn cả Quốc Học, chú bé này mới thật
sự sống với mảnh đất trung tâm chia đều đường sắt xuyên
Việt.

Một năm học ở Huế với nỗi lè loi, chất thơ của xứ sở
trầm mặc đã ngấm vào, gọi dậy những rung cảm mơ hồ,
nhưng có khi da diết đến tức tưởi, dù rất vô cớ.

Những con đường xanh. Những khu vườn xanh.
Những rêu xanh trên thành quách và vàng son cũ với
những vết thương lở loét do bom đạn ...

Huế của chú bé Phan không chỉ thế, Huế còn sinh
động với nhiều nơi chốn khác.

Những lần lang thang đến nhạc viện, trường kịch
nghệ. Những phòng tranh, rạp chiếu bóng. Những lần có
giờ trống, cùng bạn bè qua tòa thượng thẩm xem xử án, bị

mê hoặc bởi giọng điệu hùng hồn của luật sư. Và những lần bãi khóa, mít tinh, biểu tình, Phan sửng sốt, khâm phục trước tiếng hát, lời cáo trạng chế độ từ lồng ngực sinh viên, rồi ngỡ ngàng trước sự thăm hỏi của dân biểu quốc hội ngụ ...

Hué của tuổi mới lớn trong Phan như vậy. Hué ấy đã cùng anh vào Tam Kỳ.

Tam Kỳ nhỏ bé với một đường phố sầm uất duy nhất mang vẻ khô khốc.

Nhưng chính ở nơi đây, chất thơ tiềm tàng đâu đó trong nắng gắt và đất cằn đã tạo ra một quê hương của nhiều thi sĩ và chí sĩ.

Bấy giờ, với một cảm thức non nớt, Phan mơ hồ nhận được một điều gì đó không còn sương khói đến mềm ướt hoặc ngỡ như bùng lửa trong không gian quanh mình.

b

Nhớ mãi một gò đất hoang chỉ có một túp lều xiêu vẹo và một ngôi miếu cổ bên gốc cây thắp bốn mùa xanh mướt. Đó là nơi tụ tập của lũ trẻ trong xóm. Đứa lớn nhất cũng là đàn anh của nhóm. Anh ấy mồ côi, thuộc nhiều câu thơ bi thảm, u uất, và cả thơ đầy hào khí nữa. Anh say truyện Kiều với rất nhiều bài thơ luận chiến về Kiều.

Dưới bóng cây trưa, lũ trẻ ngồi nghe anh đọc thơ, bình giảng. Mắt anh mờ đi, có khi gần như khóc, thỉnh thoảng lại chói lên, gần như tóa lửa.

Em về điếm phần tô son lại

Ngạo với nhân gian một nụ cười!

Dù là chàng trai quá nhiều mặc cảm nhưng anh vẫn rất cảm khái với từ "Ngạo" của Thái Can. Giọng Quảng của anh đọc thành "Ngộ". Lúc đầu, Phan cứ đinh ninh là anh đã ngộ một chân lí, một triết lí sống để có thể sống được.

Anh là "người thầy" của Phan bên ngoài lớp học.

Anh không phải là người đầu tiên dẫn Phan đến cửa ngõ của văn triết. Tuổi ấu thơ Phan đã có những hai "người thầy" bên ngoài lớp học như vậy. Nhưng anh vẫn là người đã đánh thức cảm quan văn điệu thống thiết lẫn hùng tráng trong tâm hồn Phan.

Và Phan sau này mới biết gò đất hoang ấy chỉ là một góc nhỏ của Tam Kỳ. Phan còn có ở thị xã này những "người thầy" là bạn học cùng lớp, cùng trang lứa nữa.

C

Thầy giáo hướng dẫn năm lớp chín của Phan là một tu sĩ dạy công dân giáo dục kiêm cả hai môn sử địa. Tấm áo chùng trắng toát của Thầy với gương mặt khắc khổ của người ăn uống theo lối tân dưỡng sinh, quanh năm gạo lứt muối mè, như mãi khắc vào trí nhớ Phan. Ấn tượng đậm nhất về Thầy còn đọng mãi trong Phan là cái nhếch môi cay đắng gần như cay cú. Có phải nơi Thầy có một tuổi trẻ bừng sôi máu nóng nhưng thời cuộc đã dập tắt, nên Thầy tìm đến kinh kệ và trường chay để nguôi quên hơn là tìm đường siêu thoát?

Những bài giảng về các thể chế chính trị, về kinh tế với các hình thái, về lịch sử và các vùng địa lí, hầu như bao giờ cũng đượm lẫn một tâm trạng u uẩn.

Khi Thầy đã nhập hồn vào bài giảng, không ai còn nhớ đến tấm áo chùng trắng toát tu sĩ nữa. Thầy cực kì cay đắng với lịch sử cận hiện đại và thời cuộc (1858 - 1973). Đặc biệt, khi giảng về Phan Châu Trinh, Huỳnh Thúc Kháng, hai nhà chí sĩ kiên cường của quê hương Thầy, Thầy như bị thôi miên bởi chính mình. Ngữ điệu, hình ảnh trong lời văn giảng bài của Thầy vừa cường điệu tạo ấn tượng mạnh, vừa biếm lộng đến chua chát, cay độc, khi chĩa thẳng vào chế độ ngụy Miền Nam Việt Nam đương thời.

Lớp Phan vào dịp Tết năm ấy, có một tờ báo tường rực rỡ dựng ngay trước cửa lớp. Lúc ấy Phan và bạn bè nào biết, tâm trạng của Thầy đã phải vào những bài báo non nớt ấy.

Cảm thức thời cuộc đã được khơi dậy.

Và một ngày hội cổ truyền, cây nêu dựng lên, học sinh mặc áo dài khăn đóng, bộ quốc phục ngàn năm, được tổ chức riêng ở lớp Phan, như đánh thức một tinh tự dân tộc bị ngủ vùi trong nếp sống phẳng phất chút híp-pi (hippy) hiện sinh của thị xã. Thầy cũng ngạc nhiên, vì Thầy không hề xướng cách tổ chức buổi tất niên như vậy. Đây là lớp tự động bàn với nhau. Khi lớp bàn bạc, Phan có kể lại một ngày hội của trường Nguyễn Du ở Huế do nhà giáo cũng là dịch giả thơ Đường, người Tiên Phước, Tam Kỳ, tổ chức. Và lớp hưởng ứng như một mạch ngầm bùng dậy.

Lớp chín ấy đã tự hình thành một bút nhóm từ bao giờ chẳng rõ. Những say mê toán học, ngoại ngữ đã bị vãn chương, báo chí lấn lướt.

Đặc san mùa hè năm đó có bìa in ty-pô (typo), ruột rô-nê-ô (ronéo) trên giấy tốt. Những bài văn, thơ chứa chan tình quê hương dân tộc. Người mẹ Việt Nam là hình tượng khơi nhiều cảm xúc nhất. Phan viết về Mẹ mình vì Phan xa Mẹ. Phan viết về Mẹ Việt Nam vì Phan mơ hồ cảm nhận Mẹ đang đau xót trong cảnh đàn con xâu xé nhau giữa một thế cuộc đau lòng trên chính Tổ quốc mình, mà căn nguyên là bởi thực dân Pháp, phát xít Nhật, đế quốc Mỹ và "tả đạo".

Ban báo chí lớp chín năm ấy gồm những tấm lòng, những nỗi niềm thao thức. Và trường tìm trường giao lưu, "nối vòng tay lớn".

Bạn bè cũ còn đó, và mãi còn trong tâm hồn nhau cả những năm tháng sau này:

Tam Kỳ, trời rất thơ ca
thoáng mưa non hạt cho già nắng non
phổ phưởng gió rất trẻ con

reo mai ríu rít hát giòn tan đêm

Cây Tam Kỳ rất anh em
chìa trăm nhánh biếc bao thềm nhà thân
nghe bồi rối trước ân cần
như có lỗi giữa vô ngàn mến thương

Mắt Tam Kỳ rất thật gương
tôi soi thấy thưở đến trường, bâng khuâng
bạn bè trẻ lại, quây quần
ngỡ đang mới lớn, lớn dần trong nhau!...

Bạn bè cũ còn đó, chắc chắn mãi còn đó một mùa
hè đầu bình thường trong một thời buổi đã xa.

Những nhận thức tuổi ấy còn non nớt biết bao,
nhưng những nhiệt tình để gì tìm gặp lại trong tâm hồn
mình, bởi cuộc sống hôm nay đã khác...

Có một thời, tuổi mới lớn như thế...

Đầu sao, không thể quên được người tu sĩ với tấm
áo chùng trắng toát, trường chay khắc khổ, mang một tâm
trạng thường xuyên chua chát, nặng nợ với Đất nước, xã
hội hơn là đạo pháp, đạo hữu.

d

Tam Kỳ đã thật sự dẫn dắt Phan và bạn bè chí cốt
của mình đến với văn chương.

Ban C (văn chương - ngoại ngữ) năm trước đã có
một lớp và đã xuất hiện hai người thơ trẻ trên tập san văn
học lớn của cả Miền Nam (Nguyễn Nhật Ánh, và Nguyễn
Văn Dũng, tức Luân Vũ, về sau đổi là Ngữ Luân). Năm nay,
lớp mười cấp trung học phân ban, ban văn chương - ngoại
ngữ có một bút nhóm gần như đông đủ từ lớp chín. Đây là
bút nhóm của khuynh hướng trữ tình phê phán với tâm
nguyện vì tình tự dân tộc.

Tên của bút nhóm nảy sinh một cách tình cờ nhưng không tình cờ chút nào từ bài dân ca xứ Quảng. Bắt đầu là rung cảm trước vẻ đẹp của từ ngữ giản dị và làn điệu dân ca lạc quan đùa nghịch. Khi tách riêng ra, thành một cái tên, lại đượm những tâm trạng với nhiều ý nghĩa khác hẳn. Đó là Đất Mẹ, là Màu Da - biểu tượng của Cao Quý Thiêng Liêng.

Bài dân ca ấy từ trong dĩ vãng, trong tiềm thức của quê hương ruộng rẫy đã cất vang lên giữa sân trường trung học một đêm mưa lạnh, bập bùng tiếng đàn ghi ta thùng và bập bùng ánh lửa. Nhóm sinh viên cứu trợ nạn nhân bão lụt Quảng Đà đang tìm về với quê nhà, hong ấm lại tình quê, tình nước trong cơn đói rét. Suốt một tuần lễ, tay kìm, tay búa, cuốc và rựa, học sinh, sinh viên tìm về với dân tộc. Chỉ ở nông thôn, với lũy tre xơ xác, mái rạ xiêu vẹo, với bao người mẹ, người cha khốn khó, bao đứa trẻ bụng ỏng da chì, tình đồng bào ruột thịt, tình tự dân tộc mới thực sự được giữ gìn và còn mãi ấm nóng. Đó là một ngoại khóa mà không bài giảng nào có thể mang lại một chất lửa như thế.

Trong trái tim Phan và bạn bè, chùng vang lên hành khúc, tiếng gọi, để trong những đêm sau đó, còn vọng lên từ đáy lòng mình lời đáp: "Tổ Quốc ơi, con đã nghe!", còn văng vẳng lời bài hát do Thầy hướng dẫn lớp sáng tác: Hành khúc Trần Cao Vân.

Bút nhóm thực sự hình thành, đi vào hoạt động. Có một người bạn gái cùng lớp xin gia nhập nữa. Không ai bảo ban, chỉ vẽ. Như một cụm cây tự mọc, tự đâm rễ, bật chồi. Chỉ là một cụm cây bình thường giữa những phong trào gây sóng gió trong lòng đất một cách cũng bình thường lúc bấy giờ. Phong trào du ca sinh hoạt ở các chùa chiền. Phong trào viễn mơ như khát vọng trốn thoát thực tại. "Đất Vàng" (Đất nước - dân tộc da vàng) lại nhìn thẳng vào sự thật của thời mình sống, nhìn thẳng vào thao thức của chính tuổi học trò đam mê văn chương của mình...

Có một thời, tuổi mới lớn như thế...

Những trưa rất thơ ca cùng nhau lang thang trên đường đê ngợp bóng hoa vàng, bên con sông lấp lóa cát và nước.

Những chiều làm thơ trong vườn ổi An Thổ xanh ngát, thơm lừng mùi mật mía từ các lò đường, mùi dầu phụng từ các xưởng thủ công, tưởng chừng làm đôi khoảng không gian ven đường làng đặc lại.

Những tứ thơ bất ngờ bật ra dưới bóng rừng dương liễu nhìn ra chiếc cầu đường sắt han gỉ, trong những chiều hôm sau ngày sinh hoạt hướng đạo.

Những đêm thức trắng bên bàn viết.

Nhà Nguyễn Tấn Sĩ như một trại sáng tác. Ông cụ của Nguyễn Tấn Sĩ lại thấy tuổi học trò đam mê văn chương của mình.

Những đêm đầy áp hương thị vàng thơm và tiếng lá xạc xào sau nhà ...

Bài vở nộp lại, tìm đến căn gác thầy Nguyễn Văn Bốn (Tần Hoài Dạ Vũ) - một nhà thơ phản chiến, chống Mỹ, yêu nước, nổi tiếng trên báo chí công khai lúc ấy. Có lẽ thầy Bốn ngạc nhiên nhưng biết đó là tất nhiên, vì bài giảng và thơ của thầy đọc trong lớp luôn có lửa.

Có một thời, ngọn lửa dân tộc được truyền đi như thế. Truyền, và biết chắc lửa sẽ được nối tiếp truyền đi. Bởi từ lâu lắm rồi bối cảnh xã hội đã chuẩn bị cho những tấm lòng...

Có một thời, tuổi mới lớn như thế...

"Tổ Quốc ơi, con đã nghe!", một bản nhạc của phong trào và những bài viết đã được in rô-nê-ô, bìa ty-pô. Cảm ơn ông chủ nhà in, anh ruột của một người trong nhóm. Cảm ơn nhà văn Xuân Tùng không kiểm duyệt dù chức năng bắt buộc như vậy.

- Khởi. Cứ in đi!

Những bích chương với nhiều câu hỏi xoáy vào lòng người do thầy Bồn viết đã được dán đầy ở các cổng trường trung học trong thị xã.

Báo được treo bán ở các quầy sách.

Những chuyến đi xa đến các trường trung học ở các quận. Những phút hùng hồn đầy tình tự dân tộc và thao thức xã hội trước các lớp bạn ở các trường.

Báo với gần 200 bản bán hết vào trong vài ngày.

Và số 2 là khát vọng "Xuân thanh bình".

Lại những đêm thức trắng, viết, đánh máy trên giấy sếp.

Đâu đó có những lời hăm dọa bóng gió, ở các quầy sách, ở quán cà phê chị Được. Báo vẫn ra, số lượng bản nhiều hơn, bài vở khá hơn (dù bây giờ có dịp đọc lại, chắc sẽ thấy quá chừng thô vụng).

Và đột ngột Phan bị chặn đường, xúc lên xe GMC., đưa vào trại tạm giam. Đêm đó, Phan cứ tin mình chỉ bị bắt vì lí do vi cảnh. Chẳng hiểu sao, một thủ lĩnh học sinh rõ ràng có màu sắc Việt Cộng lại ra nằm ở trại tạm giam, bên cạnh Phan.

Anh ta ngỡ Phan là Việt Cộng! Phan chỉ trao đổi vu vơ rồi yên tâm ngủ. Vì lúc ấy, đối lập là chuyện bình thường. Tính chất đối lập, đối trọng đã thành một nếp sống, ngay trong các trường trung học tỉnh lẻ.

Có phải cảnh sát dàn cảnh để tìm đường dây móc nối chăng?

đ

Nhiệt huyết bùng lên rồi tự lịm tắt, không ai cấm, không ai trừng trị, dù ngay cả trong gia đình mỗi thành viên của nhóm. Cái chính là sự bế tắc về tư tưởng...

Tuổi mới lớn của một thời như thế...

Và ngọn gió tình yêu đầu đời, năm mười bảy tuổi, lớp mười một, đã thổi dịu những ray rứt, trần trở.

Dù trước đó, Phan rất ghét "viễn mơ", nhưng khi yêu, Phan lại "viễn mơ" như một người không bước trên mặt đất. Thì ra, người ta không thể vượt quá lứa tuổi của mình!

Phan lênh đênh trong mộng tưởng như sương và khói.

Những bài thơ tình của Phan thậm chí không phải viết cho người mình đang thật yêu kia nữa. Chừng như Phan có một tiền kiếp nào đó với một người yêu trong tiền kiếp ấy. Thì hiện tại được chia về thì quá khứ xa xăm.

Trong những tháng năm trước, Phan đã biết rung động với một tình cảm "hình như là tình yêu". Mơ hồ. Mong manh. Dễ vỡ.

Chừng như mỗi người đều có một dáng dung vô thức hình thành khi còn tấm bé từ những huyền tượng trong cổ tích, từ những hình tượng trong văn chương, phim ảnh. Có phải đây là người trong mộng mà không mấy ai có thể gặp trên đời? Và đời người là một hành trình ngược vào sâu thẳm từng tầng lớp thời gian để nhận diện một gương mặt mơ hồ đã kết tinh từ nhiều nguồn đâu đó, và cũng là hành trình phóng tới tương lai để tìm kiếm không nguôi?

Người yêu đầu đời của Phan chỉ là cái cớ cho tình yêu ấy có một hình dáng thật. Tình yêu ấy được đan dệt bằng hàng trăm bức thư, mỗi bức như một tùy bút huyền ảo, có khi gần như một loại tân truyện bay bổng không có một chút cơ sở hiện thực nào trong đời sống.

Cây mộng tưởng ấy không thể sống vì nó làm gì có đất thực tế!

Tình yêu ấy như một giấc mộng dài gần suốt cả năm học. Phan như một kẻ mộng du trong tình yêu, một tình yêu chỉ làm nảy nở trí tưởng tượng và làm đẹp câu thơ.

Đừng trách gì, hồi niềm yêu dấu cũ, vì ai có thể sống hoà trong giấc mộng, cho dù là giấc mộng ngọt ngào!

Và tình yêu viễn mơ đến sớm vào tuổi học trò trung học ấy, mãi đến sau này, khi đã trưởng thành, Phan mới biết đó là một sai lầm, không nên có.

e

Chừng như tuổi mới lớn nào cũng có những cơn địa chấn. Phan còn có một trận bão lũ khỏa ngập cả đất trời. Cơn đau của mối tình tuyệt vọng tưởng chìm anh vào cái chết. Phan đã quên người trong niềm đau.

Cũng mảnh đất Tam Kỳ đó!

Và may mắn thay, ở Phan chừng như có sẵn tự bao giờ một sức bền chịu đựng. Phan không học kém đi. Học và viết vẫn là phương châm được khắc lên bàn học.

Với một cách học "tài tử", Phan tìm đọc rất nhiều sách, vì học trình ban C đối với Phan tự bao giờ đã quá hăng nhẹ. Từ lúc bùng dậy đam mê văn triết, trừ ngoại ngữ, Phan thường ít học lại những gì đã nghe được ở lớp, kể cả môn toán.

Trong những cuốn sách tìm đọc, có một cuốn tình cờ Phan mua được vì rất mỏng nên giá rẻ:

"Kẻ Tuần Đạo" của Unamuno (Ibk).

Hôm đó như một lạ thường, Phan từ nhà Sĩ đi lên, bỗng dưng đâm thẳng qua đường đến tiệm tân dược Ngọc Lan, quặt trái, chứ không quẹo phải như thường lệ. Tiệm sách này không địa lợi lắm và hơi chật chội nên ít người vào.

Tần ngần trước nhiều cuốn sách nhưng không thể mua vì một lí do dễ hiểu, học sinh có bao giờ đầy túi.

Sau khi trả tiền cho cuốn sách mỏng và rẻ ấy, Phan về nhà chúi mũi đọc.

Bàng hoàng như vỡ ra một lẽ thật. Nhưng lạ lùng sao, không có thất vọng đau đớn nào xảy ra trong tâm hồn. Chỉ một địa chấn nhỏ. Có rất nhiều điều người ta đã cảm nhận được nhưng vô thức xua đi, quán tính vẫn ngự trị, và một tác phẩm nào đó chỉ nói lên điều mà vô thức và quán tính bảo phải im lặng như mặc nhiên thừa nhận. Từ mâu thuẫn thăm thẳm không thể nhận biết ấy, người ta vẫn say sưa tìm tòi khám phá khoa học, không chấp nhận một giả thuyết nào chưa được thực nghiệm chứng minh và lô-gích học bảo là hợp luận lí, nhưng vẫn sùng tín những huyền tượng như một thói quen hoặc như một nhu cầu. Và cơ hồ mỗi người đều có riêng một hình ảnh về huyền tượng từ sự tiếp nhận, tái tạo theo lí tưởng thẩm mĩ, lí tưởng sống riêng của mình một cách biện chứng tâm linh, có khi khác xa với nguyên thủy đến không ngờ. Hầu như con người tôn thờ chính khát vọng thăng hoa của mình từ bi kịch của đời sống. Tôn giáo và văn chương nghệ thuật phải chăng có chung cội rễ là Nỗi Đau và ước vọng Giải Thoát, Cảm Thông.

Sách xác tín giúp Phan một điều còn mơ hồ chưa dám nói và cũng không nên nói làm gì, dù sau này, sách vẫn luôn luôn gợi cho anh sự tự tra vấn để tự giải đáp, như một nỗi-niềm-hoài-nghi-khoa-học không nguôi, cho đến khi anh gặp Spinoza (Ilbk).

Nhưng quả thực, từ lúc ấy, Phan đủ can đảm để sống khác đi. Tâm hồn anh vẫn khát vọng chân lí và sự thật. Ở đời, có ai thích dối trá, cho dầu là dối trá lương thiện hoặc "lẽ thật" qua ngàn năm đã thành dối trá! Đâu riêng gì Phan.

Phan thân với một tu sĩ Phật giáo. Nhờ là bạn bè cùng lớp, Phan mạnh dạn trao đổi với người bạn tu sĩ ấy. Thì ra, từ rất lâu, Phật giáo đã biết thế nào là huyền thoại và

thế nào là "thực nghiệm tâm linh", như kết quả của sự tương tác xa xưa giữa Lão học và Thích học^(IIIbk).

Vâng, tôn giáo, là một hình thái ý thức chưa thể thay thế, và nó không thể chính-trị-hóa. Cũng không thể tôn-giáo-hóa-chính-trị để thay thế tôn giáo (IVbk).

Không có tôn giáo chắc chắn loài người không đạt đến mức nhân đạo như ngày hôm nay. Nhưng cũng không có cái gì trưởng thành mà không có tuổi ấu thơ của nó, và ấu thơ thì dĩ nhiên, rất hay huyền thoại hoá!

Cơn địa chấn, trận bão lũ nào rồi cũng qua đi.

Có điều, phải chăng vì căn cơ (tạng chất), Phan đau niềm đau tình yêu quá chừng đau đớn, mà sự khám phá qua khảo thị của Unamuno về "Đạo", dù mang lại sự choáng váng thất vọng, vẫn chỉ là niềm đau xen lẫn với một nỗi niềm không hẳn là buồn!

Phan lại tự tin hơn trong nhận thức, với một nhận thức nhân sinh, một vũ trụ quan không tôn giáo.

Có những vùng đất mà ở đó, diễn ra những bước ngoặt của nhận thức, tâm hồn mình, làm thay đổi cuộc đời mình, ngỡ chừng như sống một cuộc sống khác, thì làm sao quên được!

Hầu như mỗi người có nhiều mảnh đất chôn nhau cất rốn khác nhau. Những lần sau không phải nhờ cha mẹ, chỉ do chính mình tự sinh nở và cất chôn.

Con người tự làm nên chính mình trong điều kiện bất kì nào của hoàn cảnh. Con người phải có tự do, độc lập của riêng nó, để trở thành Con Người. Anh học được điều này từ thể nghiệm bản thân và cuộc sống bạn bè.

Phan vẫn xem Tam Kỳ là nơi anh đã từng chết đi và tự tái sinh. Đó là Đất Thánh của riêng trái tim anh, là Quê Hương của riêng tâm hồn anh.

^(IIIbk) NhĐt HÂnh, *1Áo Phât 1/2i vço cuïc 1/2ñi*, L^{3/4} Bêi xb., Sçì Gỉn, 1966.

g

Tình yêu như cơn gió thoảng suốt năm. Tình yêu như trận bão làm gãy đổ hết thân cành của một đăm mê gần như cơn say thơ ca ngây ngất, mãnh liệt và đấm đui. Nhưng thân cành còn non và bộ rễ còn khỏe, cây lại đâm chồi nảy lộc.

Bên cạnh tình yêu, một sự kiện chính trị lớn xảy ra trên Đất nước: những ngày tháng trước và sau hiệp định Paris 1973.

Sân trường được tổ chức như một diễn đàn.

Cuộc đối thoại nảy lửa giữa học sinh và sinh viên sĩ quan Đà Lạt, khiến sự đơn điệu buồn tẻ trong nghiêm trang nhường chỗ cho không khí sôi động, cởi mở.

Cũng vô thức, không hề chuẩn bị trước, Phan đã ứng khẩu một bài phê phán kịch liệt chế độ với những câu hỏi nhức nhối. Những điều này chưa ai nói cho anh: Nhà tù cưỡng bức và thực chất chính quyền bù nhìn (Vbk).

Nhóm sinh viên sĩ quan Đà Lạt cực kì trí thức và nghiêm túc đến khô cứng, dẫu đã được huấn luyện để đối phó trước mọi tình huống bất ngờ, vẫn không che giấu xúc động. Những trí thức mặc đồ lính ngự ấy không bối rối mà xúc động, và lạ thay, lại đồng cảm, chia sẻ cùng Phan những băn khoăn! Phan không thể chấp nhận sự phi nhân và Phan không thể chấp nhận một tầng lớp lãnh đạo Miền Nam của Đất nước từng là sĩ quan của thực dân! Hầu như sinh viên sĩ quan Đà Lạt cũng vậy. Bởi đó là một sự thật lịch sử không ai không thấy. Và mọi người đành chấp nhận! Lịch sử bày ra một ván cờ trở trêu. Giai đoạn lịch sử này là một kẻ có đầu óc điên rồ, nếu có thể ví von như vậy.

Hai mươi năm ấy phải chăng như một sự thật oái oăm và một tấn tuồng bi hài, mà Phan, bạn bè Phan và cả nhóm sinh viên sĩ quan ngự kia chỉ là nạn nhân, lại là nạn

nhân bi đát "vì ý thức được tính bi kịch" (Vlbc) trong hoàn cảnh lịch sử mình đang sống. Phải chăng, tận đáy lòng, ai cũng có những khổ tâm riêng?

Lúc bấy giờ, tưởng chừng như vô thức lên tiếng nói và cũng vô thức đồng cảm trong mấy trăm học sinh trước sân trường.

Những tràng pháo tay biểu lộ sự đồng cảm ấy.

Không chỉ Phan. Lên diễn đàn còn có người bạn tu sĩ và một vài bạn khác với nhiều vấn đề buốt bỏng khác.

Phan quả là "gã nghệ sĩ" trẻ tuổi liêu lĩnh một cách chân thành. Quả thực, anh chỉ là gã con trai mới lớn đa tình (với nhiều loại tình cảm) đến mê đắm, và không ngớt băn khoăn trước những vấn nạn của cuộc sống tâm linh và xã hội. Phan vừa đam mê vừa tỉnh táo, vừa nhút nhát vừa táo bạo, vừa sai lầm vừa sáng suốt.

Dẫu mang một gương mặt trầm buồn, trong anh vẫn sống động một người nghệ sĩ dám dấn thân, trải nghiệm đến giới hạn của đức lí, với đôi mắt mở to luôn ngạc nhiên, hiếu kì một cách hồn nhiên. Anh muốn dấn thân trên con đường sống thật để sáng tạo.

Dẫu sao, anh vẫn chỉ là gã con trai mới lớn!

h

Có một kỉ niệm không thể quên được. Chẳng biết bây giờ người học trò rất nông dân mang dép cao su như "Việt Cộng" thuở ấy còn sống hay đã chết. Còn sống, anh ta đã leo lên đến bậc ghế nào và cống hiến những gì.

Từ hôm đối thoại giữa sân trường bốc lửa, có người học trò ở một lớp lớn hơn bỗng mang dép cao su lớp xe tìm cách làm quen cùng Phan.

Anh ta chỉ vào đôi dép đang mang và nhìn Phan mỉm cười.

Phan cũng chuyện trò vu vơ.

Những ám hiệu không cùng tần số như chớp lóe rồi tắt lịm trong cuộc đời.

Mãi sau này, Phan có dịp ngẫm lại, cái tính chất bông bột đến khờ khạo một cách chân tình ở tuổi thanh niên thật dễ thương và cũng quá dễ để gặp tai họa. Tại sao anh học trò Việt Cộng ấy dám bất tín hiệu với Phan trong khi quá biết Phan sống trong một gia đình không có ai dính líu gì với tổ chức của họ, thậm chí, dù muốn dù không, cũng là đối phương của họ?

Sau lần ấy, thỉnh thoảng anh ta vẫn cười với Phan mỗi khi thoáng gặp ở sân trường hay trước hiên nhà. Như một kỉ niệm của tuổi trẻ, lắm khi nhớ lại, những lần gặp gỡ ấy gợi lên chút cảm động nhẹ nhàng. Có phải nhờ vậy, sau này Phan đã "bị" thuyết phục (đúng hơn, là được thuyết phục)?

Phan vẫn tin ở tấm lòng tuổi trẻ. Khi còn tuổi trẻ, dù với chính kiến, hàng ngũ nào, người ta vẫn còn nơi tâm hồn mình cả một trời trong sáng. Vòm trời giữa tâm hồn tuổi trẻ không hề có biên giới và rào gai. Và một khi sự thật lịch sử đã sáng rõ, chỉ một "địa chấn", họ dễ dàng tiếp cận chân lí xã hội chủ nghĩa, nhất là liên lập trong liên minh quốc tế (một vấn đề khác ngoài nhất!) (VIIbk), nếu nhận thức được tính tương đối của chân lí! Không hề có một thứ chân lí bất biến và tuyệt đối trên đời, nữa là chân lí chính trị - xã hội, vốn là một thứ chân lí phải luôn linh hoạt co giãn theo thực tiễn!

i

Rồi Phan lại xa Tam Kỳ. Chỉ ba niên học ở thị xã nhỏ bé ấy nhưng chất chứa biết bao nhiêu kỉ niệm. Những năm đầu bước vào lứa tuổi thanh niên là những năm xáo động dữ dội và, phải chăng gần như có tính chất quyết định cho mỗi đời người?

Tam Kỳ - một thị xã chia đều đường sắt xuyên Việt, bé nhỏ, duy nhất một đường phố sầm uất, khô khốc - lại là nơi chất thơ tiềm ẩn giàu có trong hồn người.

Tam Kỳ, nơi ấy, có những nhà thơ lãng mạn và hiện thực tên tuổi, có những tu sĩ, thầy giáo trần trụi, day dứt không nguôi. Nơi ấy, thật sự đã có một khí hậu tinh thần riêng để lớp trẻ nối nhau vươn dậy trong khát vọng ngấm ngấm mà cháy bỏng về chân lí nghệ thuật và chân lí cuộc sống. Nơi ấy, cuộc sống ngỡ chừng đơn điệu, buồn tẻ nhưng vô cùng sôi sục, với những tiếng nói vô thanh xao xuyến tự mỗi trái tim thành khẩn, không giống nhau.

Nhà thơ Huy Tưởng lớn lên ở đó, với rất nhiều đêm gục đầu trầm tư về thân phận con người trong niềm cô độc cùng cực, đã ra đi, làm nên nhiều bài thơ tuyệt vời cho Nỗi Đau, thỉnh thoảng trở về. Trong một đêm thơ nhạc do nhóm Đất Hứa tổ chức, anh đã chống nạng quay mặt ra cửa sổ lập lòe đom đóm như ma trời oan khuất, như bao nhiêu vì sao trên đất tối, không thèm nhìn vào ánh đèn sáng, đọc trầm thống bài "Hồ trường" (VIIIbk) khắc khoải. Hình như anh muốn đọc cho đất trời nghe.

kẻ trượng phu

không hay [ai?] mổ gan bẻ cật
phù cương

thường

hà tất tiêu dao lưu lạc tha phương
trời Nam ngàn dặm thăm!
non nước một màu sương!
chí chưa thành danh chưa đạt
trai trẻ bao năm mà đầu bạc
trăm năm thân thể bóng tà dương!

vỗ gươm mà hát

giốc bầu mà hỏi

thiên hạ mang mang ai người tri kỉ

lại đây cùng ta cạn một hồ trường!

hồ trường!
hồ trường!
ta biết rót về đâu?
rót về phương đông, nước biển đông sinh
cuồng loạn
rót về phương tây, mưa tây sơn từng trận
chứa chan
rót về bắc phương, ngọn bắc phong vi vút
đá chạy cát bươn [vươn?]
rót về nam phương, trời nam mù mịt thăm
có người quá chén như điên như cuồng!

nào ai tỉnh nào ai say
chí ta ta biết, lòng ta ta hay
nam nhi sự nghiệp ư hồ tử
hà tất tương phùng [cùng sâu?] với cỏ cây!

Nhà thơ Thành Tôn thành danh trên báo chí cả Miền Nam vẫn âm thầm trong bộ quân phục. Anh sống và làm việc với phận sự một người lính ngụy lặng lẽ. Anh đâu biết rằng chính sự hiện hữu một cách âm nín của anh ở thị xã, quá đỗi âm nín, vẫn vang vọng những làn sóng đến những trái tim trẻ về thơ ca.

Và nhà văn Xuân Tùng, thầy Nguyễn Văn Bồn (nhà thơ Tân Hoài Dạ Vũ), thầy Trương Sư Xuyên và anh Nguyễn Hữu Thâu...

(Xin được thấp ở đây một nén nhang tưởng tiếc Ngũ Luân, một người thơ tài hoa còn quá trẻ).

Những trí thức ấy, những tấm lòng ấy, ở một nơi như Tam Kỳ thân yêu, chính họ, đã tạo ra một khí hậu cho tuổi trẻ. Họ tạo ra một trường ảnh hưởng mà họ không hề hay biết.

Phan và bạn bè anh cũng không hề hay biết về khí hậu ấy, dù đã thực sự sống trong tiếng động tương tác thẳm lặng của vùng khí hậu rất riêng ở thị xã của một thời đã xa kia.

Cuộc sống cứ mãi hoài trôi đi một cách vô thức. "Người ta sống là để sống", chứ không thể cứ mãi chiêm nghiệm về cuộc sống, phần lớn là mảnh vụn thường ngày. Muốn chiêm nghiệm phải cần một độ lắng cần thiết của thời gian.

Phan đang ngoảnh lại đời mình những năm mới lớn và ngỡ ngàng băng khuâng cho những vụng dại, những say mê quá đỗi vô tư. Đúng hơn, là cả một đam mê cháy bỏng khát vọng sáng tạo (đến mức chỉ với bức xúc vật, Phan xin rời bỏ gia đình để về ở chung với bạn, những tháng cuối của năm học lớp mười một!).

Nỗi đam mê cháy bỏng về khám phá, sáng tạo thơ ca dễ khiến người ta đến với tình yêu hơi sớm (để làm thơ tình cho người lớn!), dễ xúi dại người ta tự trở thành đứa con hoang (chứ không phải thoát li gia đình để làm công tác cách mạng!)! Từ khí hậu kia hay từ trái tim Phan, vang vọng lên tiếng gọi, bàng bạc mà tha thiết, hướng tới chân trời là trang giấy trắng, lóng lánh nét chữ ghi lại những câu thơ của lòng mình, chút lòng mình gửi đến cuộc đời.

Mỗi người đều có một tuổi mới lớn của riêng mình, và chắc chắn đều có lắm thú vị. Cuộc sống mãi mãi thú vị, cho dù bị kịch đến mức nào, nếu ta thoát được và có dịp ngoảnh nhìn lại bi kịch ấy. Vượt qua bi kịch, mắt sẽ sáng hơn, chân sẽ vững hơn trên đất đai Tổ quốc. Phan cũng vậy. Xin được mỉm một nụ cười về những năm tháng đã trở thành xa xưa. Tam Kỳ - Xa Xưa ấy đang không ngừng chảy trong máu anh và trong máu bạn bè.

Ước chi mãi là một hạt sương bé nhỏ được lóng lánh khát vọng rất thơ ca và không chỉ cho riêng mình - Phan và mỗi bạn bè Phan có lẽ đều nghĩ thế.

TRẦN NGUYỄN PHAN

Viết ngày 28.X.1993

Sửa chữa, bổ sung ngày 04.VII.1995

tháng 10.1996 và tháng 05.2003 tại TP. HCM.

(Bài đã đăng trong Kỷ yếu Bốn mươi năm
thành lập Trường Trần Cao Vân, Tam Kỳ,
Quảng Nam, 1955 - 1995).

(IVbk) Hình thái ý thức tôn giáo thật sự không có, trong thực tế văn hoá truyền thống của đại đa số nhân dân ở một số nước châu Á, cụ thể là Việt Nam, mà chỉ là đạo lí thờ cúng anh hùng, danh nhân dân tộc và tổ tiên. Nói chính xác hơn, bên cạnh đại đa số nhân dân chỉ sống theo đạo lí dân tộc thuần tuý ấy, còn có một bộ phận nhân dân theo Phật giáo, Lão giáo, và có thể kể cả một bộ phận khác theo học thuyết nhân sinh - xã hội, ấy là Nho giáo. Nho giáo rất ít bàn về hình nhi thượng, từ chối việc suy tư về cõi siêu hình, thần linh và ma quỷ. Về tác dụng cải hoá con người, xã hội của văn hoá, hoặc của tôn giáo, xin khảo sát theo phương thức nghiên cứu khoa học về quá trình lịch sử và đời sống thực tại của các đối tượng nghiên cứu: đại đa số nhân dân không theo một tôn giáo nào, mà chỉ sống theo đạo lí dân tộc thuần tuý, và các bộ phận nhân dân dân ít hơn có theo một tôn giáo, kể cả Nho giáo. Từ đó, đối sánh, rút ra kết luận. Và có thể nói thêm: August Comte (1798 - 1857), một triết gia thực chứng xã hội học người Pháp, ra đời muộn hơn Nho giáo đến hơn hai mươi thế kỉ; ông thường được đề cập đến trong học phần triết học lớp 12 trước 1975 ở Miền Nam Việt Nam. Mặc dù có những sai lầm của ông, August Comte cũng chính xác trong việc phân định ra ba thời kì phát triển của phương pháp tư duy và thế giới quan của nhân loại. Ba thời kì đó là: tư duy thần thoại, tư duy tôn giáo, tư duy khoa học (thuần lí và thực nghiệm). August Comte còn đề nghị bãi bỏ tôn giáo nhất thần (như Thiên Chúa giáo, Tin Lành ...), có thể bãi bỏ cả tôn giáo đa thần, để chỉ tin ngưỡng một thực thể siêu hình, trừu tượng, tối cao, tương tự như ý niệm Trời của Nho giáo (Trời chỉ là lí - khí, "thiên hà ngôn tai!" [Trời có nói gì đâu!]). Theo tôi, căn cứ theo dự đoán tương lai của nhân loại, tôn giáo sẽ được phát triển thành các triết thuyết thuần tuý, không còn tính chất tôn

giáo (không còn các hình thức thờ phụng, kinh kệ, lễ bái như hiện còn tồn tại ở các chùa chiền, giáo đường, thánh thất, nhà nguyện...); và hình thái ý thức văn hoá, bao gồm cả phong tục (trong đó có mỹ tục thờ cúng anh hùng, danh nhân dân tộc và tổ tiên, suy nghiệm về lịch sử nhân loại), bao gồm cả giáo dục, văn học nghệ thuật (nhất là trên các phương tiện truyền thông đại chúng), sẽ được lành mạnh hoá theo hướng "văn dĩ tải đạo" (đạo đức truyền thống, đạo lí dân tộc) để thay thế hình thái ý thức tôn giáo. Nói gọn hơn, trong tương lai của nhân loại, văn hoá lành mạnh sẽ đảm nhiệm trọn vẹn chức năng của tôn giáo.

(VIIbk) Tác giả xin trình bày rõ hơn:

Niên khoá 1971 - 1972 trước đó, mặc dù chính nhân vật Phan đã chọn bài hát Tổ quốc ơi, ta đã nghe của La Hữu Vang làm chủ đề cho số 1 của tập san (chỉ đổi chữ ta, có nghĩa là tôi, thành chữ con), nhưng sau đó Phan lại có một bước thụt lùi trong tư tưởng. Đúng như biện chứng ("đường zíc zắc", "đường xoáy tròn ốc") của quá trình trưởng thành, từ cảm tính thiên tả, anh đã nhận thức lại một cách lí tính, ít thiên tả hơn! [...] ... Bây giờ, năm 1973, chỉ mới có ý niệm về chủ nghĩa xã hội khoa học, chưa nhận thức đủ về chủ nghĩa xã hội hiện thực (trong thực tế lịch sử), nhân vật Phan trong bút kí lại được hướng đến chủ nghĩa xã hội quốc gia theo kiểu Nam Tư, nhưng không phải chịu sự độc tài như ách độc tài của Tito, lại hoàn toàn độc lập dân tộc, hoàn toàn dân chủ, thoát khỏi sự khống chế, lệ thuộc vào Liên Xô (gồm mười ba nước bị sáp nhập), Trung Quốc (gồm cả Tây Tạng ...) hoặc một trong hai nước "cộng sản bá quyền (đế quốc đỏ)" ấy. Chủ nghĩa xã hội quốc gia chỉ là một hướng mờ, xuất phát từ ước vọng độc lập, tự do, dân chủ thật sự, thoát khỏi hai gọng kềm lịch sử trên thế giới, đứng đầu là đế quốc Mỹ và Nga, rồi sau đó là Mỹ và Nga - Trung. Bây giờ, vẫn vào năm 1973, hai chữ "liên lập" và cụm từ "liên minh quốc tế cộng sản" chỉ được hiểu là bị khống chế, lệ thuộc như đã nói, chứ không phải là liên minh trong tư thế bình đẳng quốc gia, dân tộc đích thực! (Khoa học lịch sử đúng nghĩa không thể không khẳng định sự thật lịch sử "liên lập" trong ngoặc kép ấy!).

Dẫn đến nhận thức đó còn do nguyên nhân khác, tạo nên sự khác khoải, thao thức đồng thời với nguyên nhân trên. Xin trình bày cụ thể hơn:

"Trên tinh thần hoà giải dân tộc, xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc vững mạnh, giữa hai miền Nam, Bắc, với niềm cảm thông chân thật, thiết tưởng cũng cần phải nói rằng: Sở dĩ một bộ phận không ít người Miền Nam Việt Nam không thể tham gia kháng chiến, hoặc vượt tuyến ra Miền Bắc, cũng vì lẽ đó. Và cũng trên tinh thần ấy, xin mạnh dạn nói rõ hơn: Ngoài ảnh tượng chân dung các "giáo chủ", lãnh tụ ngoại quốc (chưa kể danh từ "xô-viết" trong cuộc khởi nghĩa Xô-viết Nghệ - Tĩnh, 1930 - 1931), còn có vấn đề là màu cờ đỏ, hình tượng sao vàng, búa liềm vàng. Từ các ảnh tượng ấy, màu cờ và các biểu trưng ấy, không thể không nghĩ đến Miền Bắc Việt Nam bị lệ thuộc vào Liên Xô, Trung Quốc, và thân phận Trung Quốc cũng chẳng khác gì (Liên Xô sinh nở ra Trung Quốc!), mặc dù về sau hai nước lớn ấy có "bất hoà" với nhau.

Cái được gọi là nhận thức ấy chắc hẳn không phải bị chi phối bởi tâm lí giai cấp ở miền trong của Đất nước, vì cũng như Miền Bắc, tại Miền Nam đại đa số vốn là nông dân (liềm), một phần khác là thợ thuyền (búa), có truyền thống trọng thị chân lí và kẻ sĩ (ngôi sao). Có thể cái còn gọi là thao thức kia chỉ là hậu quả của sự tuyên truyền. Tuy nhiên, thao thức có thật ấy, trong giai đoạn lịch sử đó, quả thật cũng xuất phát từ sự nhận thức khách quan của rất nhiều người, một nhận thức đã hoá thành nỗi băn khoăn nhức nhối, đọng lại ở các câu hỏi: 1. Chủ quyền Miền Bắc Việt Nam thuộc về ai? 2. Ở Miền Bắc, liệu truyền thống thờ kính cội nguồn tổ tiên, thấp hương tại các đình làng, chùa chiền có được tồn tại? Và tại sao trong nhà sàn Bác Hồ không có bàn thờ gia tiên, theo truyền thống đạo lí của dân tộc Việt Nam ta? Đó cũng là sự thật lịch sử - sự thật về tuyên truyền của Mỹ - ngụy, nhưng cũng là sự thật ở nội tâm một phần không ít nhân dân Miền Nam Việt Nam. Nhận thức ấy, thao thức ấy, có lẽ chỉ tồn tại trước tháng 4 năm 1975; phải chăng sau đó đã được giải toả; hay bị củng cố thêm bởi hiện thực hằng ngày trước mắt?

Tất nhiên, từ khi diễn ra công cuộc Đổi mới, tình hình đã khác.

Kính mong hãy cảm thông, hoà giải, và đại đoàn kết. Chỉ có thể đại đoàn kết dân tộc một cách bền vững trong tinh thần cảm thông, hoà giải ấy. Làm sao có thể đại đoàn kết được nếu những mặc cảm trong chiến tranh không được giải toả trên cơ sở sự thật lịch sử - sự thật lịch sử đúng như nó đã diễn ra, không bị vo tròn, bóp méo! Tuy nhiên, phải khẳng định và phải khẳng định: Những người cầm súng, làm quan chức cho thực dân Pháp, phát xít (fascisme) Nhật, đế quốc Mỹ và "tả đạo" Thiên Chúa giáo, ở Miền Nam Việt Nam (không ít là dân Miền Bắc di cư vào Nam), rõ ràng là bị đẩy vào tình cảnh phản quốc hay ít nhiều cũng tự ý phản quốc. Trong số người bị đẩy vào tình cảnh phản quốc một cách hết sức đau đớn ấy, có một phân số khá lớn là bị kẹt giữa hai gọng kìm lịch sử (một gọng kìm là Pháp + Mỹ + "tả đạo", và, có thể kể thêm Nhật; một gọng kìm khác là Nga Xô + Trung Cộng + chủ nghĩa cộng sản vô thần). Số người thuộc trường hợp này có lòng yêu nước, căm hận Pháp + Mỹ + "tả đạo", căm hận Nhật, và hơn thế nữa, họ cũng rất căm ghét bọn ngụy đích thực, cam tâm làm tay sai đầu sỏ cho bốn loại giặc ngoại xâm ấy, nhưng bị buộc phải cầm súng, làm quan chức cho chúng (hoặc chỉ cầm súng, làm quan chức cho một trong bốn kẻ thù dân tộc vừa liệt kê). Vì vậy, cho nên dẫu sao đi nữa, họ cũng không thể chính danh là một trong những "lực lượng yêu nước", mà bị gọi chung là "ngụy". Nói cụ thể hơn, đằng sau danh từ "ngụy", có nhiều loại người khác nhau, trong đó không ít người thật sự yêu nước với chính kiến rõ rệt; bị kịch của họ là đã dựa vào Pháp + Mỹ + "tả đạo", và Nhật để chống Nga Xô + Trung Cộng + chủ nghĩa cộng sản vô thần với ý định sẽ lần lượt bẻ gãy hai gọng kìm lịch sử ấy. Nhưng, chỉ là ảo vọng! Rất cực, phải chịu mang tiếng là ngụy. Danh đã không chính, thì ngôn không thuận. Có người lòng dạ là rất yêu nước, nên rất khổ tâm, nhưng đã là ngụy quân, ngụy quyền, họ không thể nói cho người khác thuận nghe được, cho dù chỉ là giải bày tâm sự. Đó là nỗi đau của họ. Vả lại, những người thuộc dạng có lòng yêu nước thật sự nói trên, bọn thực dân, phát xít, đế quốc, "tả đạo" thường không sử dụng. Bất đắc dĩ chúng cũng sử dụng tạm thời hoặc chỉ sử dụng ở những chức vụ thấp, ở cấp tỉnh, cấp quận, không quan trọng, và ít nguy hiểm đối với chúng.

Xét về lực lượng kháng chiến, từ các tổ chức cộng sản sơ khai (trước 1930), đến Việt Minh (Mặt trận Việt Nam độc lập đồng minh, từ tháng 8.1941), và có lẽ sau 1954, ở Miền Nam thường gọi là Việt Cộng (Cộng sản Việt Nam), nhận định chung là thế nào? Sau khi đám mây mù tuyên truyền của ngoại xâm và nguy tan đi, ai cũng thấy rõ sự thật lịch sử là: Hết sức hiển nhiên, lực lượng nào đánh bại được Pháp, Nhật, Mỹ, "tả đạo" Thiên Chúa giáo, bá quyền Trung Quốc, đánh đổ được nguy triều Huế (1885 - 1945) (II.19), nguy quyền Sài Gòn (1954 - 1975), chế độ diệt chủng Khơ Me (Kh'mer) Đỏ, chính danh và chính nghĩa thuộc về lực lượng ấy. Đó là đa số nhân dân Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam. Tuy nhiên, cũng có một sự thật (tuy chỉ giới hạn nhất định là qua báo chí, đài phát thanh, truyền hình trong nước), sự thật đó là, mặc dù không một ai trên thế giới này có thể phủ nhận được chiến thắng hiển hách, lừng lẫy của lực lượng kháng chiến Việt Minh, Việt Cộng, nhưng vẫn có người, nhất là một số Việt kiều ở hải ngoại, vẫn không chấp nhận Việt Minh, Việt Cộng là chính danh, chính nghĩa, thậm chí còn chống Nhà nước xã hội chủ nghĩa Việt Nam một cách cuồng dại!".

Ghi chú bổ sung của tác giả:

Người đọc có thể tự cắt bỏ (tự kiểm duyệt) hoặc lướt qua, hoặc tốt nhất là phản biện, bác bỏ, nếu không đồng ý với tác giả. Tất nhiên, tôi vẫn bảo lưu sự thật lịch sử đó cho nhân dân Miền Nam Việt Nam, nhất là sự thật lịch sử đã đọng lại ở các câu hỏi đầy băn khoăn, thao thức, nhức nhối đã ghi lại ở bên trên. Một lần nữa, tác giả xin thưa rằng: Tôi viết để ghi nhận chính xác một khía cạnh sự thật lịch sử về một bộ phận đông đảo nhân dân Miền Nam thuộc giai đoạn sau (1930 - 1975) của cuộc chiến tranh 117 năm (1858 - 1975) hoặc đúng hơn là 131 năm (1858 - 1989), vốn đã trôi qua khá lâu, để góp phần xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc Việt Nam chúng ta và đoàn kết nhân loại, trên tinh thần tôn trọng sự thật lịch sử, cảm thông, điều chỉnh (sửa sai) và hoà giải. Xin cảm ơn.

Bài bút kí ghi lại kỉ niệm một thời mới lớn của Trần Nguyễn Phan cơ chừng mở ra trong Hiền Lương một khoảng trời xưa cũ với một cái nhìn sáng rõ hơn. Cô đọc lại, và lại đọc thêm một lần nữa...

Hiền Lương cảm thấy Trần Nguyễn Phan hình như quá khiêm tốn, cung cách khiêm tốn của một người luôn luôn thực sự cầu thị, hay đúng hơn là để khỏi chối tai, cay mắt, buốt tim một số người nào đó, anh ấy đã tự hạ thấp mình để có thể nói lên những điều rất to tát, nghiêm trọng, những gì đã gây nên nỗi đau của cả một thời đã xa nhưng “vết thương chiến tranh - cách mạng” vẫn còn nhức nhối?

Bài bút kí khiến Hiền Lương chợt nhớ mẩu chuyện trò hôm nào giữa cô và anh Hành, bên bờ sông gần chiếc cầu Hiền Lương, vết thương chia cắt Đất nước ấy.

... Tất cả, bị hay được, đặt trước sự chọn lựa, chọn lựa trong thao thức, trăn trở, giằng xé, đến mức nổ súng vào nhau, vào cả chính mình, kể cả “bình tâm” chọn lựa. Em muốn nói đến sự đấu tranh tư tưởng, cấp độ toàn cầu và cấp độ cá nhân, chiến tranh ý thức hệ và tự sát do xung đột ý thức hệ, người này chửi rửa người kia ở từng góc phố, đường làng cũng vì ý thức hệ.

- Vấn đề giải phóng dân tộc để giành độc lập dân tộc, quyền tự quyết dân tộc, có lẽ đã khá rõ. Chính danh, chính nghĩa, và ngược lại đã rõ. Vấn đề còn lại là duy vật hay duy tâm, chủ nghĩa xã hội hay chủ nghĩa tư bản. Hai vấn đề ấy đã dính lẩn vào nhau mới từ những năm hai mươi, ba mươi.
- Anh nuốt nước bọt, có vẻ bần khoản - Đấy chính là lúc sự phân hóa của người Việt yêu nước đã diễn ra. Anh nói đến những người yêu nước không thỏa hiệp với Pháp. Sự phân hóa của những người đó trước ngã ba lịch sử: con đường nào? Sự giằng xé, thao thức, trăn trở như Hiền Lương nói là vậy. - Hành lặng im, anh chợt thấy mình mới phác họa bối cảnh, vấn đề còn quá rộng và sâu, mặc dù anh cố không mở rộng ra trên bình diện toàn cầu.

- Những người yêu nước vốn không thỏa hiệp với Pháp, và sau một chín bốn lăm, không thỏa hiệp cả với Mỹ, không còn chỗ dựa nào khác là Liên Xô. Và sau nữa, từ một chín bốn chín, chỗ dựa đồng thời của họ, ấy là Trung Quốc. Vấn đề đã quá rõ. Nhưng yêu nước, không thỏa hiệp với Pháp, Mỹ, họ cũng không cộng sản, những người ấy dựa vào đâu?...

Hiền Lương bỗng càng thấm thía bi kịch của những người Miền Nam chống Pháp, chống Nhật, chống Mỹ và tất nhiên chống cả ngụy, "tả đạo" Thiên Chúa giáo, nhưng không thể đi theo Đảng Nhân dân Cách mạng (19)!

Hiền Lương ngẫm nghĩ và đọc tiếp:

TRẦN NGUYỄN PHAN

Một ý nhỏ
về một truyền thống lớn
và một nhân vật lịch sử lớn

Kính gửi dòng sông Bến Hải
Kính gửi ông Bùi Hiền
và thân tặng bạn Bùi Hành,
với tất cả lòng quý mến

Bài viết này vốn là một ghi chú, do đó tôi không có ý định làm văn chương ở thể tài rất thông tấn này, và cũng bởi vậy, tôi thấy nên viết thẳng vào vấn đề ngay từ dòng đầu. Tôi cũng xin người đọc hãy rộng lòng thứ lỗi cho tôi, về cách diễn đạt hơi chối tai, cay mắt, buốt tim.

Tôi thật vô lễ khi dám bạo gan bàn đến một hạn chế "tả" khuyh của Bác Hồ: không có ban thờ gia tiên (hoặc thường gọi là bàn thờ gia tiên, thờ cha mẹ, ông bà, cố ông, cố bà và tổ tiên, cội nguồn dân tộc) trong nhà sàn (tại Hà Nội) của Bác. Phải chăng, đó là một hạn chế thuộc loại cụ thể - lịch

sử trước sức ép của phong trào cộng sản quốc tế thời bấy giờ? Dẫu sao, tôi cũng thử phê phán hạn chế này, nhưng không phải vì vậy mà phủ nhận sạch trơn về những cống hiến của Bác Hồ cho sự nghiệp kháng chiến chống thực dân Pháp, phát xít Nhật, đế quốc Mỹ và chống "tả đạo", của dân tộc Việt Nam ta.

Quan niệm của tôi về phong tục, đạo lí dân tộc ở khía cạnh này (bàn thờ gia tiên) đã được nhiều lần nhấn mạnh ở các cuốn sách của tôi, đã xuất bản. Tuy nhiên, ở đây, xin nhấn mạnh thêm một phần đề: Thiên Chúa giáo, Tin Lành giáo thực chất cùng thuộc một loại tôn giáo chủ trương độc tài, độc chiếm đời sống tâm linh, linh hồn của tín đồ, nên ở Phương Tây (Âu Mỹ) không có mĩ tục thờ cúng ông bà (bàn thờ gia tiên). Chúng ta thấy rõ quan niệm "tả đạo" ấy là rất quái dị, cụ thể là vong bản, khi chỉ thờ Chúa Giê-su [và cha mẹ của Giê-su là Giu-se, Ma-ri-a], vốn là [các] nhân vật lịch sử của nước Do Thái cổ đại! Nhà thơ yêu nước Nguyễn Đình Chiểu đã kịch liệt phê phán: "Thà đui mà giữ đạo nhà, còn hơn có mắt ông cha không thờ".

Tôi ý thức rất rõ việc phê phán anh hùng dân tộc Hồ Chí Minh ở khía cạnh này, và khẳng định đó là sự phê phán được đặt trên đạo lí - bản sắc văn hoá - lịch sử nghìn đời của dân tộc ta, vì truyền thống văn hoá dân tộc, vì tương lai của văn hoá dân tộc.

Xin mở rộng vấn đề:

Học giả Phan Ngọc, một cách rất cẩn trọng và dè dặt, ông đã đề cập đến khía cạnh tam vô (vô Tổ quốc, vô gia đình, vô tôn giáo) của chủ nghĩa Mác (Karl Marx, 1818 - 1883 (agt)): "... Nguyễn Ái Quốc không nói đến tam vô (vô tổ quốc, vô gia đình, vô tôn giáo)...". Ở đoạn kết bài nghiên cứu, Phan Ngọc còn viết: "Tôi biết có người còn hỏi tôi về những sai lầm, về cải cách ruộng đất, về nhiều chuyện khác nữa. Tôi chỉ xin các bạn ấy hiểu cho những khó khăn của một người cộng sản trong hoàn cảnh tự mình đi con đường

riêng, có điểm không ăn khớp với những nguyên lí của Quốc tế Cộng sản, tự mình phải chèo chống con thuyền cách mạng giữa bao khó khăn, hiểm lằm, tự mình phải nỗ lực hành động sao cho có lợi cho cách mạng và dân tộc. Con người ở địa vị cao thì sự ràng buộc càng lớn. Những ràng buộc mà một cá nhân nhỏ bé như chúng ta phải chịu thực không có nghĩa gì so với những ràng buộc mà Hồ Chí Minh phải chịu" (bgt).

"Sự ràng buộc" Phan Ngọc đã viết, nói cách khác, đó chính là sức ép của Quốc tế Cộng sản, một tổ chức mà những người sáng lập, lãnh đạo là người châu Âu (kể cả người có gốc Do Thái như Mác; Mác mang huyết thống của một dân tộc vốn rơi vào thảm kịch vong quốc và sau hai nghìn năm, đã thật sự vô tổ quốc, đã Âu hoá 100%). Phan Ngọc cũng đã nhấn mạnh một cách cẩn trọng, dè dặt, trong bài viết trên: Quốc tế Cộng sản không thể hiểu được một người theo Tổ quốc luận, vốn là bản sắc cơ bản nhất trong truyền thống dân tộc Việt Nam ta, như Hồ Chí Minh.

Ở đây, tôi chỉ đề cập đến đạo lí tín ngưỡng thờ cúng ông bà tổ tiên, cội nguồn dân tộc, anh hùng, danh nhân dân tộc của người Việt Nam chúng ta. Đó là một hình thái vừa giao thoa, vừa tập trung chủ nghĩa yêu nước (Tổ quốc luận), tình cảm thương nhà (gia đình) và tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên nói chung (có thể gọi là một dạng thức gần như tôn giáo truyền thống, phổ biến đến mức tuyệt đại đa số trong cộng đồng dân tộc, mặc dù không có tu sĩ). Tất nhiên, nếu có sự mâu thuẫn tư tưởng giữa ba lĩnh vực yêu nước, thương nhà, thờ cúng tổ tiên nói chung, thì dứt khoát và luôn luôn lấy chủ nghĩa yêu nước làm trọng. Có điều, chỉ có thể có mâu thuẫn cục bộ (một phân số nhỏ trong một tổng thực thể [lĩnh vực], như tổng thực thể gia đình chẳng hạn) chứ không bao giờ có mâu thuẫn toàn bộ giữa ba tổng thực thể trên. Một đại gia đình thuộc loại bi kịch, nhiều lắm là có một, hai người thật sự cam tâm phản quốc hoặc đạo tặc, tham ô,

chứ không lẽ tất cả đại gia đình đó đều phản quốc hoặc đạo tặc, tham ô! Vì thế, cho nên, một khi có mâu thuẫn giữa ba thực thể [ba lĩnh vực], mặc dù vẫn dứt khoát lấy chủ nghĩa yêu nước làm trọng, nhưng vẫn duy trì hai lĩnh vực kia để giữ vững truyền thống chung. Đó là cách ứng xử hài hoà, giữa quyền biến và kinh thường, tức là giữa việc phải ứng xử đối với trường hợp bất thường hằng (phi truyền thống, phi đạo lí cá biệt, tạm thời) và việc duy trì truyền thống thường hằng (hợp truyền thống, hợp đạo lí phổ biến, muôn đời). Nói một cách cụ thể, thậm chí nếu cha ruột phản quốc, hại dân, đưa con yêu nước phải giết cha để cứu nước, cứu dân, nhưng rồi cũng phải thờ cúng, kị giỗ cha cho phải đạo và để giữ vững truyền thống thờ cúng tổ tiên nói chung. Cố nhiên việc giết cha này phải ở trong phạm vi đạo lí, đại nghĩa, pháp luật, cho dù là thời chiến, chứ không phải là hành vi manh động, côn đồ.

Xin mở một ngoặc đơn:

Về cách ứng xử trong trường hợp có mâu thuẫn bi kịch tương tự như trên, như giữa ba cấp độ thực thể: Đất nước, vua, nhân dân, chính Mạnh Tử, một thánh hiền của Nho giáo, một học thuyết vốn đặt nặng vấn đề trung quân, đã viết: "Dân vi quý, xã tắc thứ chi, quân vi khinh" (dân là quý, thứ đến là Đất nước, vua chỉ đáng xem nhẹ). Nhân đây, tôi chỉ nhắc lướt qua về một giải pháp đê hèn, phản quốc trong lịch sử nước ta: "cắt đất cầu hoà", thực chất là cắt một phần Đất nước để mưu cầu sự tồn tại vương triều chỉ vì quyền lợi cá nhân ích kỉ của Hồ Quý Ly và Mạc Đăng Dung. Thông thường, nếu không thể tránh được bi kịch lịch sử như thế, giải pháp khôn ngoan phải là: Đất phải gắn liền với dân, bởi vì còn dân ta ở trên đất phải cắt cho giặc, thì vẫn còn có cơ hội lấy lại cả đất lẫn dân. Giải pháp khôn ngoan trong trường hợp bất đắc dĩ là thế, chứ không thể cắt đất cho giặc để giặc đem dân của chúng đến cư trú như Hồ Quý Ly, Mạc Đăng Dung đã làm! Giải pháp bất đắc dĩ, mặc dù dựa trên

quan điểm quyền biến - kinh thường, nhưng cũng cần phải cân nhắc sâu xa. Tất nhiên dân tộc ta dứt khoát không bao giờ để bị kích lịch sử đau thương tương tự lặp lại.

Như vậy, từ thuở xa xưa, mâu thuẫn giữa nhân dân, Tổ quốc với lãnh tụ, nếu có, thì đã được giải quyết.

Một luận đề khác: "Quân sư phụ, tam cương dũ; thuyền đầy bị ngã, con cứu ai?". Vua, thầy giáo, cha ruột vốn là tam cương, ba giếng mối lớn theo đạo lí nhà nho. Ba vị cùng đi trên một chuyến ghe; ghe gặp sóng to, ghe lật, cả ba đều bị ngã; đứa con ruột của người cha, cũng là thần dân của nhà vua, đồng thời là học trò của nhà giáo, anh ấy cùng đi trên ghe, nhưng chỉ có khả năng cứu được một người; vậy đứa con (thần dân, học trò) phải cứu ai? Câu trả lời cũng phải dựa vào quyền biến, kinh thường.

Giả thiết phải có thêm dữ kiện để tổng hợp:

- 1) Cả ba vị đều tốt. Ở trường hợp này phải xét đến phạm vi chức trách, tác dụng xã hội của mỗi vị (ai quan trọng hơn ai đối với Đất nước, xã hội), đồng thời phải xét đến sự thể là, vua có thể thay thế hay không thể thay thế, thầy có thể thay thế hay không thể thay thế, và cha ruột bao giờ cũng chỉ duy nhất một người...
- 2) Vua là minh quân hay bạo chúa? Thầy giáo là thầy tốt, luôn thể hiện thiên chức, sứ mệnh giáo dục cao cả hay chỉ bán chữ? Người cha là cha hiền hay phản quốc, hại dân?...

Câu trả lời không đơn giản, nhưng cũng đã rõ về sự chọn lựa, nhất là trong trường hợp có mâu thuẫn bi kịch, đòi hỏi phải giải quyết mâu thuẫn trên nền tảng đạo lí phổ quát. Trong những câu trả lời đúng, có một câu là phải để cha ruột chết chìm, thầy giáo chết chìm để cứu vua, vì trong trường hợp cụ thể nào đó, cứu vua mới có thể cứu nước. Tất nhiên rồi đứa con ruột cũng là người học trò biết vì đại

nghĩa ấy vẫn thờ cúng, kị giỗ cha và có thể kị giỗ cả thầy giáo.

Theo sự phân tích, đánh giá của công luận sáng suốt xưa nay, hành vi chọn lựa ấy là hoàn toàn không một chút ngu trung, cuồng trung do bị nhồi sọ, mặc dù không một ai muốn bị kích đau thương như thế xảy ra!

Dẫu sao bị kích này vẫn còn "nhẹ nhàng" hơn bị kích giết cha để cứu nước, vốn rất "dữ dội", đã viết ở đoạn trên. Nhưng ở trường hợp nào cũng phải giữ vững mỹ tục thờ cúng, kị giỗ.

Ngoặc đơn xin được đóng lại với sự khẳng quyết như thế.

Trở lại vấn đề, xin nói rõ thêm về phong tục thờ cúng tổ tiên nói chung: Tiểu sử của một cá nhân, lịch sử một dòng họ, một làng thôn cũng như lịch sử một dân tộc, lịch sử cả nhân loại, đều có thăng, có trầm, có người tích cực, có kẻ tiêu cực, nhưng chúng ta đều có thể rút ra từ những thực thể cá nhân - cộng đồng quá khứ với những tiểu sử - lịch sử ấy những bài học kinh nghiệm, trong đó ngoài biết bao kinh nghiệm rất nên tự hào, còn có kinh nghiệm đau thương, thậm chí [phải dùng một từ bất nhã] là ô nhục; tất nhiên tự hào là cơ bản.

Không vì một lí do gì để bài trừ bàn thờ gia tiên (c.1gt).

Chủ nghĩa tam vô mác-xít - lê-nin-nít tất nhiên phải ép buộc tư tưởng Hồ Chí Minh phải tuân thủ "giáo điều" tam vô, trong đó cố nhiên bài trừ cả bàn thờ gia tiên, một bản sắc văn hoá - lịch sử rất cơ bản của dân tộc! Tuy nhiên, phải thấy rõ ở Hồ Chí Minh như Phan Ngọc gần đây đã viết: Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh "tự mình đi con đường riêng, có điểm không ăn khớp với những nguyên lí của Quốc tế Cộng sản". Trước sau Hồ Chí Minh vẫn là một người kiên trì chủ trương "yêu Tổ quốc, yêu đồng bào", "không có gì quý hơn độc lập, tự do"...

Sức ép của một tổ chức Quốc tế đề xướng chủ nghĩa tam vô mác-xít - lê-nin-nít không phải là điều suy diễn của những thế hệ sau này. Đó là sự thật lịch sử. Trong một bài viết, Đặng Văn Hồ, giảng viên khoa sử Đại học Sư phạm Huế, đã trích dẫn nguyên văn những lời phê phán của Quốc tế Cộng sản về Nguyễn Ái Quốc: Người "đã phạm nhiều sai lầm chính trị rất nguy hiểm", "hữu khuynh", có biểu hiện thuộc "hệ tư tưởng quốc gia pha trộn tư tưởng cải lương chủ nghĩa, duy tâm chủ nghĩa", "cơ hội chủ nghĩa" (*). Và Nguyễn Ái Quốc không được tiếp tục hoạt động cách mạng trong một thời gian, đến nỗi trong một bức thư gửi một vị lãnh đạo Quốc tế Cộng sản, vào năm 1938, Nguyễn Ái Quốc viết: "Đồng chí thân mến, ... Điều tôi muốn yêu cầu đồng chí, đó là đừng để tôi ở quá lâu không hoạt động, như là ở bên lề và ở ngoài Đảng" (**). Sự thể ấy đã xảy ra bởi một lẽ giản dị: con đường dẫn Bác Hồ đến với Quốc tế Cộng sản và chủ nghĩa xã hội, khởi đầu là từ chủ nghĩa yêu nước Việt Nam. Tiếp xúc với chủ nghĩa Mác đã lâu, nhưng con đường ấy chỉ hiện rõ trong tâm trí Nguyễn Ái Quốc, khi được đọc luận cương về thuộc địa của Lê-nin. Thật sự, Bác Hồ chỉ tranh thủ sự ủng hộ, viện trợ của tổ chức Quốc tế này, và sau đó tranh thủ các nước xã hội chủ nghĩa mà đứng đầu là Liên Xô với mục đích lớn nhất là giải phóng dân tộc khỏi ách thực dân, phát xít, để quốc chủ nghĩa. Đó là về tư tưởng chính trị. Còn về thể giới quan của Hồ Chí Minh, duy tâm hay duy vật, tôi mạn phép không bàn ở đây (c.2gt). Đạo lí tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên, cội nguồn, anh hùng, danh nhân dân tộc là một mĩ tục rất Việt Nam, với tính chất dung hợp vốn có, không tính đến khía cạnh duy tâm hay duy vật. Nhưng với nhãn quan của các vị lãnh đạo Quốc tế Cộng sản, hầu hết là người châu Âu, ấu trĩ "tả" khuynh, quá sách vở, "hoang tưởng", "nóng vội" ngay cả trong việc tìm hiểu thực tiễn, theo họ, hẳn mĩ tục ấy là một biểu hiện chưa thực sự tam vô chủ nghĩa, thậm chí là mê tín! Có nhiều điều

cũng không cần bàn thêm ở đây. Tôi chỉ nói riêng về khía cạnh mê tín. Một phong tục hình thành và phát triển từ hàng ngàn năm trước, làm thế nào không còn dấu vết mê tín! Họ không hiểu thế nào là cách tân truyền thống văn hoá? Xoá sạch nghi thức sẽ dẫn đến sự trống rỗng nội dung! Thái độ quá khích, thói phủ định sạch trơn quá khứ xuất phát từ nhiệt huyết đồng thời từ nhận thức ấu trĩ. Phải chăng là thế?

Dẫu vậy, nhưng Hồ Chí Minh cũng phải chịu sức ép tam vô chủ nghĩa từ Quốc tế Cộng sản, như đã trình bày, và đồng thời Hồ Chí Minh đã tìm cách tác động ngược lại. Nói cách khác, Hồ Chí Minh gia nhập Quốc tế Cộng sản, đồng sáng lập Đảng Cộng sản Pháp, là để đấu tranh làm thay đổi quan điểm của các tổ chức ấy về vấn đề đặt nhiệm vụ trọng tâm vào phong trào giải phóng dân tộc, chứ không chỉ thiên về nhiệm vụ cách mạng ở các "chính quốc" (các nước xâm chiếm thuộc địa). Đó lại là vấn đề lớn khác, xin được gác qua.

Tuy nhiên, về vấn đề một truyền thống lớn của dân tộc ta ở bài viết này, cũng cần lưu ý, việc thiếu sót bàn thờ gia tiên ở nhà sàn của Bác Hồ đã được nhân dân, cán bộ, chiến sĩ cách mạng Nam bộ bỏ khuyết bằng cách hết lòng lo việc kị giỗ, gìn giữ khu lăng mộ của thân sinh Người, tại Đồng Tháp (dgt), mặc dù ai cũng biết việc đặt bàn thờ gia tiên tại nhà và việc kị giỗ, bảo tồn, trùng tu lăng mộ, lại là các việc khác nhau.

Ở đoạn trên của bài này, tôi đã viết: Tôi ý thức rất rõ việc phê phán anh hùng dân tộc Hồ Chí Minh ở khía cạnh [thiếu sót bàn thờ gia tiên] này, và khẳng định đó là sự phê phán được đặt trên đạo lí - bản sắc văn hoá - lịch sử nghìn đời của dân tộc ta, vì truyền thống dân tộc, vì tương lai của dân tộc. Tôi thấy cần viết thêm: Phải thấy rõ nguyên nhân hạn chế cụ thể - lịch sử của Bác Hồ để rút kinh nghiệm lịch sử, và phải cùng nhau khẳng định rằng, không thể nhân nhượng vô nguyên tắc bất kì sức ép nào, mà đạo lí tín

ngưỡng thờ cúng tổ tiên, cội nguồn, anh hùng, danh nhân dân tộc là một nguyên tắc lớn. Đó là sức mạnh tâm linh văn hoá - lịch sử (đã luôn luôn, mãi mãi trở thành sức mạnh có tính vật chất) để giữ nước và dựng nước.

Tôi thành thật lo ngại rằng, cách viết phê phán mặt hạn chế của anh hùng dân tộc quá "dè dặt" như học giả Phan Ngọc sẽ khiến nhiều người bất chước mà không cỡi trời, lại càng tự trói buộc chính mình, và, tệ hại hơn, vì nhiều người bất chước ấy có quyền lực trong tay, nên càng ra sức trói người khác. Xin thưa thêm: Giảng dạy, học tập lịch sử với ý thức noi gương để phát huy những ưu điểm, đồng thời phê phán để tránh những khuyết điểm của tiền bối là mục đích yêu cầu về giáo dục, giáo dưỡng và tiếp thụ mà nhà trường, thầy cô giáo và học sinh nào cũng không thể không biết, có điều suốt một thời gian dài lắm người vì sợ hãi mà chỉ tô hồng một chiều, thậm chí biến khuyết điểm thành ưu điểm, một cách rất tai hại...

Tôi thấy cần phải khẳng định lại một lần nữa, việc phê phán hạn chế cụ thể - lịch sử của anh hùng dân tộc Hồ Chí Minh là sự phê phán được đặt trên đạo lí - bản sắc văn hoá - lịch sử nghìn đời của dân tộc ta, vì truyền thống văn hoá dân tộc, vì tương lai của văn hoá dân tộc. Tôi đã đặt dân tộc (Việt Nam) ở tầm cao hơn cá nhân lãnh tụ (Hồ Chí Minh). Điều đó hoàn toàn hợp đạo lí vĩnh hằng của dân tộc và nhân loại, cũng như hoàn toàn phù hợp với công lí của Đảng Cộng sản Việt Nam. Các bài học chính trị học, triết học sơ đẳng (về chủ nghĩa duy vật lịch sử) cũng đã đề cập đến vai trò cá nhân lãnh tụ và mối quan hệ giữa cá nhân lãnh tụ với dân tộc, chống tệ sùng bái mù quáng cá nhân lãnh tụ, một cách minh bạch, tuy ở dạng lí luận khái quát, không vận dụng cụ thể vào việc nhận định về vị lãnh tụ nào.

Việc phê phán anh hùng dân tộc Hồ Chí Minh ở mặt hạn chế cụ thể - lịch sử (thiếu sót về bàn thờ gia tiên truyền thống) như đã nêu trên, đó là bởi yêu cầu sử học khách

quan đặt ra, ngay trong việc viết tiểu thuyết, và để góp phần xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc ngày càng bền vững, thấm thiết. Nói cách khác, ngoài việc chỉ ra và phê phán tả đạo Thiên Chúa giáo, thực dân, phát xít, đế quốc cùng bè lũ phản quốc đích thực trong 117 năm (1858 - 1975) và tập đoàn bành trướng, bá quyền Trung Quốc (trước 1975 (egt) và từ đó đến 1989), tính chính xác sử học trong văn học yêu cầu phải lí giải thêm một trong những tác nhân ý thức hệ về sự phân hoá, phân liệt dân tộc, gây thêm "nội chiến cách mạng" với quá nhiều xương máu trong cuộc chiến tranh chống ngoại xâm dài đằng đẵng 1930 - 1975, đặc biệt là giai đoạn chia cắt Đất nước 1954 - 1975, nhằm hàn gắn vết thương lịch sử là dòng sông Bến Hải ở chiều sâu tâm thức của dân tộc trên hai miền Nam - Bắc (I.129).

Quả thật, anh hùng dân tộc Hồ Chí Minh có những hạn chế cụ thể - lịch sử, cần thiết phải chỉ ra nguyên nhân (sức ép tam vô chủ nghĩa của Quốc tế Cộng sản) và cần phải phê phán vì những mục đích yêu cầu trên (lí giải lịch sử, rút kinh nghiệm lịch sử, đặc biệt là để đoàn kết dân tộc, và nhất là để bảo vệ truyền thống văn hoá nghìn đời của dân tộc). Cho dầu đáng tiếc như thế, Hồ Chí Minh vẫn là nhân vật lịch sử vĩ đại của dân tộc và của nhân loại trong công cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, phát xít Nhật, đế quốc Mỹ và chống "tả đạo" Thiên Chúa giáo...

TRẦN NGUYỄN PHAN

Thơ TRẦN NGUYỄN PHAN
trích từ tập Lặng lẽ ở phố
Nxb. Trẻ, 1995

Triết nhân đánh thức

"từ bi hỉ xả là sợi dây nối liền loài người

không có đẳng cấp trong nước mắt cùng mặn
không có đẳng cấp trong máu cùng đỏ"
(Phật Thích Ca)

1. Đi-ô-gen "Xy-nich" (Diogène "Cynique")

... rách tươm bước giữa ban ngày
ngọn đèn thấp sáng trên tay tìm người
con người đâu? con người ơi!
phố phường thú lạ nhe cười ngu ngơ.

2. Tất Đạt Đa (Siddhartha)

... rời cung cấm buồn sửng sờ
đời chia cao thấp bậc bờ, khổ đau
thương lệ mặn, máu một màu
ăn mày lòng thiện vá nhàu cà sa.

3. Thiên sư

... sợ đau cổ đại sương nhòa
con sâu cái kiến kiếp xa luân hồi
héo gầy thiên sáng đôi môi
mắt nhìn, tay khế quét rồi đặt chân!

4. Nhà ẩn tu

... tự quất roi nát xác thân
quỳ trong hốc núi mục dần xương rêu
mót lúa đồng lạnh tiếng kêu
xin như Chúa với mái lều trần ai?

5. Giê-su Cơ-rít (Jésus Christ)

... niềm đau Do Thái chưa phai

nước thiên đàng trong và ngoài mung lung
ngóng ngày phán xử cuối cùng
xê-da giết, giết rồi dùng, lệch sai.

5. Đạo đời

... nghìn năm trái đất thờ dài
biển tràn nước mắt vũ hoài đông tây
nỗi vĩnh hằng quá đạo đày
đạo vốn đời, đạo giờ đây rất đời.

Tản mạn với một người em

"mọi lí thuyết đều màu xám
và cây đời mãi mãi xanh tươi"
(Gót - Goe the)

cánh chim vành khuyên bé bỏng
nở từ bài ca thuở nào
chập chùng tháng năm
chập chùng sương khói
nắng bất ngờ
biếc xanh tiếng hát
nao nao

kết tổ dưới vực sâu hay chớp đỉnh đồi cao
cũng chỉ vành khuyên của nắng mưa cây cỏ
ôi vàng rơm xé ra,
từ giấy giụa với hư vô
trái tim bung vỡ
cơn tử giận thiên tài
quỳ sụp bên đường
hỡi bùn, máu, sương, sao!

tôi nhớ Tố Như siết kiếm gó cờ đào
mấy lần cáo quan
 thương Kiều, viết Phán chiêu hồn
 tóc càng thêm bạc
viếng mộ ông
 gò hoang
 mưa bụi đầm nước mắt
dám trách gì nắm cốt tàn đã thuộc về vạn thuở
 muôn nơi

hai trăm năm rồi
 bao người đau cùng ông
 niềm đau ngoại xâm nội chiến
thiên tài trầm tư dần vật suốt đời
hồn thi sĩ xoáy lốc ngã nghiêng vật vờ bão táp
bị nổi nghìn năm níu chặt,
 ông chẳng sinh ra cho cái nhất thời?

phải chăng,
 "kẻ phản động có lời thơ tao nhã" (1thơ)?
Tố Như "chọn lựa phân vân
 rồi hối hận biết bao
 những chọn lựa xót lòng" (2thơ)
hiện thực hùng vĩ nào
 hiện thực âm đạm nào
 "đã cưỡng bức âm thầm vô thức" (3thơ)
chẳng nuôi gì Lê mặt!
 nhưng lánh về xa xưa,
 khi cửa ngõ kia
 giặc sắp nghênh ngang súng thép tàu đồng!

vẫn dân tộc nhất, hoá hồn thơ đất nước
thế trận chữ nhân
 lại mọc lên từ lục bát cha ông

đành phở mượn phận Kiều
từ ưu uất siêu hình kiếp người quần quai...
tôi hiểu Tố Như tự sát trong cơn bệnh
cuối đời. Ông buồn biết bao nhiêu!

ôi xương máu thiêng liêng
nỡ quy ra quyền chức!
chiến công kia đâu chỉ của một thời
kẻ bán nước im lìm,
con hát cung đình cầm bật
lầm lặc nào theo vận nước nổi trôi

tôi kính chào nỗi khổ tâm lịch sử
cả những vênh vang, nông cạn, thiên tài!
thương Đất nước bốn ngàn năm
phải miệt mài đánh giặc
mái rạ xiêu gầy xơ xác đến hôm nay!

tất cả khổ nhục đều khởi đầu từ lòng tham đế quốc
nát ruột nhìn Tàu,
xé ruột nhìn Tây! và Nhật!
người nhức buốt giữa gọng kìm.
Người thắng Mỹ.
Những "nóng vội" rụng rơi trên luống cày
cần xới
Bánh Trướng lộ nguyên hình. Hòn Đá Tảng bạc màu,
tan rã. Từng đất nước đứng kề vai (4thơ)

ơi chất xám nở hoa
chất xám xưa sau kết ngọc
ta lại nhìn ta nước mắt dâng đầy
mực tôi pha máu mồ hôi bùn đen và dầu mỡ
vẫn đặt hi vọng vào kẻ sĩ
với ngọn bút trấu tay

oi cánh chim vành khuyên hồn mở cửa
em hát lên ngân vang bài hát tự đời
hãy chân thành vút cao
nốt chữ đẫm mồ hôi lao nhọc
mỗi người tự sinh nở chính mình,
như đích thực con người

giọt sương ngọt vùng quê mưa dầm bụi đỏ
kết dính chất cay
trên rêu xanh đàn đá u trầm
bông bật mầm khi gặp tiếng khèn rừng lạ
em ngổ ngáo phố phường
lại hát tình ròn
trong veo chất giọng miền nam?

mỗi người đều là kẻ "mồ côi" (5thơ). Hãy "mồ côi"
cho lời ca tự đáy lòng thơm ngát
xao xuyến nao nao ngoảnh tận xa vời
chút lãng mạn băng quơ
chạm vào xưa thắm
thiên tài Tố Như
trong thời buổi ấy, chơi vơi.

Băng quơ,
chép tặng một chuyện tình

đến từ ngàn xưa vô ngần Hà Nội
đôi bạn yêu ơi, duyên của thuở nào
thủ đô mất, Đông Đô môi, Thăng Long giọng nói
cùng rất Quảng trái tim
rót nắng tuổi chiêm bao

... tôi cát trắng, biếc dòng Hương, gặp ghềnh núi

xa ngái Đàng Trong rãng rứa mô tê
ơn Huyền Trân,
say dáng múa đội vò Chiêm nữ...
mang vết cửa sông Gianh đứt ruột ngoảnh về...

Bến Hải lau tranh trắng phơ hồn tấm bé
đặt chân lên bờ bắc
lòng rúng triệu tấn bom
khuya thông cầu Tiên An
búa đội rèn giác mỗi
chảy trên xương sống nối liền...
tôi cùng được mặng ngời
trong đầu máy nắng hồng
như giọt mồ hôi thơm...

... khi không rất Huế, rất Sài Gòn, tha thiết
nhìn ai nắm tay ai,
nghẹn hoang vu Thăng Long
đắm niềm Hà Nội rục mũ rơm vàng
đã tìm thấy một nửa mình
hỡi trống đồng chim Lạc
cho hạnh phúc chạm vào hồn,
ngân nga trầm vang

thân thương ơi, tình yêu như cơn lốc
đôi bạn đắm say trong bùng xoáy nổi đời
và mặc tâm bão tự quả đất tròn
bao lần suýt vỡ
cày xuống những cuộc tình
từng chia biệt đôi nơi.

TRẦN NGUYỄN PHAN (6thơ)

TRẦN NGUYỄN PHAN

Đọc lại "Tuyên ngôn Đảng Cộng sản" (1847 - 1848) của Mác và Ăng-ghe-n (K. Marx & F. Engels)

1.

Hơn hai mươi bốn năm sau khi bản "Tuyên ngôn Đảng Cộng sản" được khởi viết (từ khoảng tháng một, tháng chạp 1847) và xuất bản lần thứ nhất (vào tháng hai 1848), ngày 24 tháng sáu, năm 1872, Mác và Ăng-ghe-n lại đề tựa cho lần xuất bản bằng tiếng Đức, thứ ngôn ngữ nguyên bản:

"Mặc dầu hoàn cảnh đã thay đổi nhiều trong hai mươi lăm năm qua, nhưng cho đến nay, xét về đại thể, những nguyên lí tổng quát trình bày trong Tuyên ngôn này hoàn toàn đúng. Ở đôi chỗ, có một vài chi tiết phải xem lại. Chính ngay Tuyên ngôn cũng đã giải thích rõ ràng bất cứ ở đâu và bất cứ lúc nào, việc áp dụng những nguyên lí đó cũng phải tùy theo hoàn cảnh lịch sử đương thời, và do đấy, không nên quá câu nệ những biện pháp cách mạng nêu ra ở cuối chương II. Đoạn này, ngày nay mà viết lại thì về nhiều mặt cũng phải viết khác đi. [...]: Trần Nguyễn Phan (TNP.) lược bớt]" (sđd., tr. 8 - 9 và tr. 21 - 22).

Về nền đại công nghiệp đã có sự tiến bộ vượt bậc và về giai cấp công nhân đã có chính đảng, tích lũy được kinh nghiệm đấu tranh và nắm chính quyền (Công xã Paris 1871), Mác và Ăng-ghe-n viết tiếp lời tựa: "cho nên hiện nay cương lĩnh này có một số điểm đã cũ rồi" (sđd., tr. 8 - 9 và tr. 21 - 22).

" [...] Việc phê phán những văn phẩm xã hội chủ nghĩa chưa được đầy đủ [...]. Và cũng hiển nhiên là những nhận định về thái độ của người cộng sản đối với các đảng đối lập (chương IV) [các đảng đối lập của chế độ tư bản - TNP. chưa thêm (ct.)], nếu cho đến nay vẫn còn đúng trên những nét cơ bản, thì trong chi tiết những nhận định ấy đã cũ rồi, vì

tình hình chính trị đã hoàn toàn thay đổi và sự tiến triển lịch sử đã làm tiêu tan phần lớn những đảng được kể ra trong đó.

Tuy nhiên, Tuyên ngôn là một tài liệu lịch sử mà chúng tôi không có quyền sửa lại" (sđd., tr. 8 - 9 và tr. 21 - 22).

Mác và Ăng-ghe-n khẳng định: những nguyên lí tổng quát vẫn hoàn toàn đúng; phải linh hoạt áp dụng những nguyên lí ấy tùy hoàn cảnh cụ thể; không câu nệ vào biện pháp cách mạng đã nêu ra một cách máy móc...

Trên tinh thần đó, Lê-nin (Lênine) nhận định về bản "Tuyên ngôn Đảng Cộng sản" (1847 - 1848): "Cuốn sách mỏng đó có giá trị bằng nhiều pho sách dày: toàn thể giai cấp vô sản có tổ chức và đang chiến đấu của thế giới văn minh, cho đến ngày nay, sống và hoạt động nhờ có tinh thần của cuốn sách đó" (dẫn theo sđd., tr. 102).

Quả thật, đó là một cuốn sách mỏng. Với bản in tiếng Việt, xuất bản lần thứ tám, của Nhà Xuất bản Sự Thật - Hà Nội, 1974, nguyên vẹn nội dung thực sự của Tuyên ngôn chỉ vồn vẹn sáu mươi trang sách, cỡ 13 cm x 18,8 cm, từ trang 41 đến trang 101. Phần trước và phần sau các trang đó là các lời tựa của những lần xuất bản và các chú thích của Nhà Xuất bản Sự Thật. Phần mục lục của Tuyên ngôn đã trình bày khái quát về nội dung của nó. Xin trích nguyên văn:

- I. [Chương I: - TNP. ct.] Tư sản và vô sản [tr.] 42
- II. [Chương II:] Những người vô sản và những người cộng sản [tr.] 66
- III. [Chương III:] Văn học xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa [tr.] 81
 - 1. Chủ nghĩa xã hội phản động: [tr.] 81
 - a) Chủ nghĩa xã hội phong kiến [tr.] 81
 - b) Chủ nghĩa xã hội tiểu tư sản [tr.] 84
 - c) Chủ nghĩa xã hội Đức hay chủ nghĩa xã hội "chân chính" [tr.] 86

2. Chủ nghĩa xã hội bảo thủ hay chủ nghĩa xã hội tư sản [tr.] 91

3. Chủ nghĩa xã hội không tưởng phê phán và chủ nghĩa cộng sản không tưởng phê phán [tr.] 94

IV. [Chương IV:] Thái độ của những người cộng sản đối với các đảng đối lập [tr.] 99" (sđd., tr. 117 - 118).

Trong các chương mục trên, hai chương Tư sản và vô sản, Những người vô sản và những người cộng sản là cốt tuỷ nhất.

2.

Điều tôi quan tâm nhất là chủ nghĩa thực dân của giai cấp tư sản và quá trình kháng chiến, phong trào giành độc lập dân tộc ở các nước bị xâm lược.

Sự xâm lược, cướp bóc, chiếm đóng, bành trướng lãnh thổ và đồng hoá dân tộc về mặt huyết thống lẫn văn hoá (gồm cả tôn giáo) không phải mới xuất hiện vào các thế kỉ từ XVI đến giữa thế kỉ XIX, thời điểm Mác và Ăng ghen viết Tuyên ngôn Đảng Cộng sản (1847). Xâm lược, thực dân (kể cả chiếm đất, bóc lột, tiêu diệt dân tộc bản xứ, di dân chính quốc đến vùng đất mới xâm chiếm) vốn xuất phát từ dục vọng tham tàn của sinh vật con người (cũng như tình trạng di thực của mọi sinh vật cấp thấp khác), kể từ khởi thủy đến nay, và dĩ nhiên dục vọng tham tàn ấy, ở con người, có tính giai cấp (bấy giờ là tư sản) và tính thời đại (bấy giờ là công nghiệp). Nhưng vào cuối năm 1847, lúc Mác và Ăng ghen viết dòng thứ nhất bản thảo Tuyên ngôn Đảng Cộng sản, giai cấp phong kiến quân chủ và giai cấp tư sản Âu Mỹ đã và đang tiến hành xâm lược tàn bạo các nước châu Phi, châu Mỹ và các nước Phương Đông một cách khốc liệt (riêng ở cảng Sơn Trà, Đà Nẵng của nước ta, thực dân Pháp vừa gây hấn bằng cách bắn chìm mấy chiến thuyền của quan quân triều Thiệu Trị rồi bỏ chạy), bấy giờ, Mác và

Ăng-ghen có những suy nghĩ, thái độ và chủ trương chính trị gì?

Hầu như mỗi bận tâm nhất của Mác và Ăng-ghen là trình bày luận điểm "lịch sử tất cả các xã hội cho đến ngày nay chỉ là lịch sử đấu tranh giai cấp" (sđd., tr. 42). Kế đó, là sự hình thành giai cấp tư sản trong lòng xã hội phong kiến châu Âu và quá trình tích lũy tư bản của nó, gồm cả việc xâm lược, cướp bóc tài nguyên, sức lao động ở các nước châu Phi, châu Mỹ và các nước Phương Đông:

"Việc tìm ra châu Mỹ và con đường biển vòng châu Phi đã đem lại một địa bàn hoạt động mới cho giai cấp tư sản vừa mới ra đời. Những thị trường Đông Ấn và Trung Quốc, việc thực dân hoá châu Mỹ, việc buôn bán với thuộc địa, việc tăng thêm nhiều phương tiện trao đổi và nói chung, tăng thêm nhiều hàng hoá, đã đem lại cho thương nghiệp, cho hàng hải, cho công nghiệp một sự phát triển chưa từng có, và do đấy đã đem lại một sự phát triển mau chóng cho yếu tố cách mạng trong xã hội phong kiến đang tan rã" (sđd., tr. 44).

... "Nó đã tiến hành những cuộc viễn chinh khác hẳn những cuộc xâm lăng và những chiến tranh thập tự 42" (sđd., tr. 48).

... "Vì luôn luôn bị thúc đẩy bởi nhu cầu về những nơi tiêu thụ mới, giai cấp tư sản xâm lấn khắp hoàn cầu. Nó phải xâm nhập vào khắp nơi, khai thác khắp nơi và thiết lập những mối liên hệ ở khắp nơi" (sđd., tr. 49).

... "Thay cho những nhu cầu cũ được thoả mãn trong nước, thì nảy sinh ra những nhu cầu mới, đòi hỏi được thoả mãn bằng những sản phẩm đưa từ những miền và xứ xa xôi nhất về" (sđd., tr. 49).

... "Mặt khác, bằng cách chiếm những thị trường mới và bóc lột triệt để hơn nữa những thị trường cũ" (sđd., tr. 53).

Cũng về tình trạng thực dân ở các nước thuộc địa, nửa thuộc địa, hai lãnh tụ vô sản đã viết với tư duy và cảm xúc châu Âu, gây cho người đọc vốn là nhân dân các nước bị xâm lược cảm giác khó chịu, nếu không muốn nói là bất bình, mặc dù rất đồng cảm khi thấy đồng thời Mác và Ăng-ghe-n hướng mũi dùi công kích chủ yếu vào giai cấp tư sản, bọn thực dân viễn chinh:

"Nhờ cải tiến mau chóng công cụ sản xuất và làm cho các phương tiện giao thông trở nên vô cùng tiện lợi, giai cấp tư sản lôi cuốn đến cả những dân tộc dã man nhất vào trào lưu văn minh. Giá rẻ của những sản phẩm của giai cấp ấy là trọng pháo bắn thủng tất cả những bức vụn lí tưởng thành và buộc những người dã man bài ngoại một cách ngoan cường nhất phải hàng phục. Nó buộc tất cả các dân tộc phải thực hành phương thức sản xuất tư sản, nếu không sẽ bị tiêu diệt; nó buộc tất cả các dân tộc phải du nhập cái gọi là văn minh, nghĩa là phải thành tư sản. Nói tóm lại nó tạo cho nó một thể giới theo hình ảnh của nó" (sđd., tr. 50).

"Cũng như nó đã bắt nông thôn phụ thuộc vào thành thị, bắt những nước dã man hay nửa dã man phải phụ thuộc vào các nước văn minh, nó bắt những dân tộc nông dân phải phụ thuộc vào những dân tộc tư sản, bắt Phương Đông phải phụ thuộc vào Phương Tây" (sđd., tr. 50).

Nói chung, hầu như mối quan tâm nhất của Mác và Ăng-ghe-n, như đã nói, là trình bày về quá trình tích lũy tư bản của tư sản châu Âu, và vừa công kích, vừa thừa nhận sự phát triển nhanh chóng không thể tưởng của giai cấp tư sản da trắng; đồng thời trình bày sự hình thành của giai cấp công nhân vô sản, nói theo cách của Tuyên ngôn, là giai cấp được sinh ra từ nền sản xuất tư bản, đồng thời cũng chính là giai cấp sẽ "đào huyết chôn" giai cấp thân sinh mình (sđd., tr. 65), và cũng không thể không nói đến sự tha hoá, vong thân của giai cấp công nhân trong quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa. Khái niệm và thực chất của hai từ

"dã man", "văn minh", Mác và Ăng-ghe-n cũng hiểu theo kiểu "châu Âu là trung tâm", là cái rốn của vũ trụ! Và lạ thay, nhưng xét cho cùng cũng không có gì lạ, khi Mác và Ăng-ghe-n không hề bày tỏ niềm chia sẻ khổ đau và tủi nhục cùng những dân tộc bị xâm lược, thậm chí bị diệt chủng bởi thực dân da trắng.

Tuy vậy, Mác và Ăng-ghe-n vẫn có đề cập đến sự bóc lột giữa các dân tộc, nhưng chỉ được hai câu:

"Hãy xoá bỏ nạn người bóc lột người thì nạn dân tộc này bóc lột dân tộc khác cũng sẽ bị xoá bỏ.

Khi mà sự đối kháng giữa các giai cấp trong nội bộ dân tộc không còn nữa thì sự thù địch giữa các dân tộc cũng đồng thời mất theo" (sđd., tr. 76).

Phải chăng hai câu ấy không phải đề cập đến độc lập dân tộc và chủ quyền đất nước? Ai cũng hiểu rằng, "nạn dân tộc này bóc lột dân tộc khác" chưa diễn đạt đầy đủ nội hàm của hai thuật ngữ độc lập dân tộc và chủ quyền đất nước. Một dân tộc này có thể thống trị một dân tộc khác, sáp nhập đất nước của dân tộc bị trị vào lãnh thổ của nước thống trị, nhưng vẫn bình đẳng về kinh tế. Dân tộc Hán ở Trung Hoa sáp nhập cả mười nước khác, vừa cả đất nước, vừa cả dân tộc vào tay mình là một ví dụ. Liên Xô gồm nước Nga với mười hai nước cộng hoà trước đây (vừa tuyên bố độc lập vào năm 1991) là một ví dụ khác.

Công xã Paris 1871, đã thực sự nắm chính quyền ở Pháp, mặc dù ngắn ngủi về thời gian, nhưng cũng kịp để trao trả Nam Kỳ cho Đại Nam nước ta, tuy nhiên Công xã Paris cũng không hề có nghĩa cử hợp với công lí ấy!

Bốn mươi tư năm trôi qua, kể từ ngày Tuyên ngôn ra đời, mãi cho đến ngày 10 tháng hai 1892, sau khi cung cấp một thông tin về sự vong bản kì quặc và bi thảm của công nhân Ba Lan là "họ thiết tha muốn Nga hoá tất cả mọi người Ba Lan" (sđd., tr. 34) vì quyền lợi kinh tế (trong sự cạnh tranh giữa giới chủ Ba Lan và giới chủ Nga), Ăng-ghe-n viết:

"Nhưng sự phục hồi nước Ba Lan tự trị hùng mạnh là điều tất cả chúng ta đều mong muốn chứ không phải riêng gì người Ba Lan. Chỉ có thể có được sự hợp tác quốc tế thành thực giữa các dân tộc châu Âu khi nào mỗi dân tộc đó là người chủ tuyệt đối trong nhà mình" (sđd., tr. 34 - 35).

Ngày 01 tháng hai, 1893, trong một lời tựa cho lần xuất bản Tuyên ngôn bằng tiếng Ý vào năm đó, Ăng-ghe-nh viết:

"Không khôi phục lại độc lập và thống nhất cho từng dân tộc thì về phương diện quốc tế, không thể thực hiện được sự đoàn kết của giai cấp vô sản và sự hợp tác hoà bình và tự giác giữa các dân tộc đó để đạt tới những mục đích chung" (sđd., tr. 38).

Tuy có nói đến việc "khôi phục lại độc lập và thống nhất cho từng dân tộc" nhưng Ăng-ghe-nh vẫn xem đó chỉ là việc phải thực thi để tạo được điều kiện cần thiết, mà điều kiện cần thiết ấy cũng chỉ nhằm phục vụ cho mục tiêu tối thượng là cách mạng vô sản trên toàn thế giới! Nói cách khác, cách mạng vô sản mới là chủ trương chính, là mục đích chủ yếu và nhiệm vụ trọng tâm, nhưng không thể thực thi và đạt được nếu không tạo ra điều kiện tiên quyết, đó là "khôi phục lại độc lập và thống nhất cho từng dân tộc". Mặc dù Ăng-ghe-nh đã thấy ra điều ấy, nhưng cũng chỉ giới hạn tầm nhìn vào việc khôi phục độc lập dân tộc, thống nhất đất nước cho các nước châu Âu mà thôi!

Mác cũng có nói về cái nhục của Ý lệ thuộc vào Áo, Đức lệ thuộc vào Nga. Cũng theo Ăng-ghe-nh trong lời tựa trên, về ý kiến ấy của Mác:

"Hai dân tộc lớn đó được phục hồi và có thể thu hồi bằng cách này hay cách khác nền độc lập của mình thì theo ý kiến của Mác, đó là do chính ngay những kẻ đàn áp cuộc cách mạng 1848 [Louis Bonaparte, Pháp; Bismark, Đức - TNP. ct.] đã trở thành những người chấp hành di chúc của cuộc cách mạng đó, bất chấp ý muốn của họ là thế nào" (sđd., tr. 36 - 37).

Nhãn quan của Mác và Ăng-ghe-n cho dù sáng suốt cũng chỉ là nhãn quan của người châu Âu với tâm lí "châu Âu là trung tâm"!

3.

Điều quan tâm lớn thứ hai của tôi: chủ nghĩa tam vô (vô Tổ quốc, vô gia đình và vô tôn giáo). Có thật Mác và Ăng-ghe-n chủ trương như thế?

Chương II của "Tuyên ngôn Đảng cộng sản" (1847 - 1848) có nhiều đoạn viết về vấn đề này, sau vấn đề lớn nhất là vô sản hoá hay công hữu hoá nền sản xuất để người công nhân vô sản thành người cộng sản vừa nắm chính quyền, vừa quản lí nền sản xuất và điều hành tất cả mọi lĩnh vực xã hội khác. Chủ nghĩa tam vô cũng được đặt sau các vấn đề cực kì to lớn khác: tính độc lập cá nhân và cá tính, tự do, thương nghiệp, tư hữu, cái cá nhân, văn hoá, pháp quyền. Tất nhiên, biện pháp tiên quyết của cách mạng vô sản là giành chính quyền bằng bạo lực cách mạng, nhưng trong chương II này, biện pháp ấy lại được đặt sau cái thường gọi là chủ nghĩa tam vô.

Mác và Ăng-ghe-n miêu tả thực trạng của giai cấp vô sản công nghiệp Âu Mỹ dưới sự bóc lột của giai cấp tư sản ở hai châu lục đó, sau khi đã khu biệt với bộ phận "vô sản lưu manh" (sđd., tr. 60):

"Điều kiện sinh hoạt của xã hội cũ đã bị xoá bỏ trong những điều kiện sinh hoạt của giai cấp vô sản. Người vô sản không có tài sản; [về gia đình, TNP. nhấn mạnh] quan hệ giữa anh ta với vợ con không còn giống một chút nào với những quan hệ gia đình tư sản; [về dân tộc, TNP. nhấn mạnh] lao động công nghiệp hiện đại, tình trạng người công nhân làm nô lệ cho tư bản, ở Anh cũng như ở Pháp, ở Mỹ cũng như ở Đức, làm cho người vô sản mất hết tính chất dân tộc. [Về tôn giáo v.v., TNP. nhấn mạnh] Luật pháp, đạo

đức, tôn giáo đều bị người vô sản coi là những thành kiến tư sản che giấu những lợi ích tư sản" (sđd., tr. 60 - 61).

Đó là thực trạng biến đổi về quan hệ gia đình (chưa xác lập vững chắc quan hệ gia đình kiểu mới, vợ chồng đều làm công ăn lương); thực trạng bị tha hoá, vong thân về tính chất dân tộc; và cũng là thực trạng, nhưng ở khía cạnh khác, về luật pháp, đạo đức, nhất là về Thiên Chúa giáo, Tin Lành giáo, lại là sự nhận thức sáng suốt của giai cấp vô sản - công nhân Âu Mỹ, thuở bấy giờ. Thực trạng đó đã được hai lãnh tụ vô sản nhìn thẳng vào sự thật. Nhưng còn ý thức hệ và chủ trương?

Về vô gia đình?

Trong "Tuyên ngôn Đảng cộng sản" (1847 - 1848), vấn đề này thực sự là những lời tranh luận của hai lãnh tụ vô sản với các giai cấp, thành phần phản động:

"Xoá bỏ gia đình! Ngay những người cấp tiến nhất cũng phẫn nộ về cái ý định xấu xa ấy của những người cộng sản.

Gia đình tư sản hiện nay dựa trên cơ sở nào? Dựa trên tư bản, trên lợi nhuận cá nhân. Gia đình, dưới hình thái hoàn toàn phát triển của nó, chỉ tồn tại đối với giai cấp tư sản thôi, nhưng nó lại kèm theo sự bắt buộc phải thủ tiêu mọi gia đình đối với người vô sản và kèm theo nạn mãi dâm công khai.

Gia đình tư sản dĩ nhiên là sẽ tiêu tan cùng với cái kèm theo nó, và cả hai cái đó [gia đình kiểu tư sản, lợi nhuận cá nhân (hoặc sự thủ tiêu tính gia đình tạm bợ kiểu vô sản, nạn mãi dâm công khai) - TNP. ct.] đều mất đi cùng với tư bản.

Các ông trách chúng tôi là muốn xoá bỏ hiện tượng cha mẹ bóc lột con cái chăng? Tội ấy, chúng tôi xin nhận.

Nhưng các ông lại bảo rằng chúng tôi đập tan những mối liên hệ thân thiết nhất bằng cách đem giáo dục xã hội thay cho giáo dục gia đình.

Thế nền giáo dục của các ông, há chẳng phải cũng do xã hội quyết định đó sao? Há chẳng phải do điều kiện xã hội trong đó các ông nuôi dạy con cái các ông, do sự can thiệp trực tiếp hay không trực tiếp của xã hội, do nhà trường v.v. quyết định là gì? Người cộng sản không bịa ra tác động xã hội đối với giáo dục; họ chỉ thay đổi tính chất của tác động ấy và kéo giáo dục ra khỏi ảnh hưởng của giai cấp thống trị mà thôi.

Đại công nghiệp càng phá huỷ mọi liên hệ gia đình trong giai cấp vô sản và càng biến các trẻ em thành chỉ là những món hàng mua bán, chỉ là những công cụ lao động, thì những lời huênh hoang của giai cấp tư sản về gia đình và giáo dục, về những mối liên hệ thân thiết gắn bó con cái với cha mẹ, lại càng trở nên ghê tởm.

Nhưng bọn cộng sản các anh, muốn thực hành chế độ cộng thể [vợ chung - TNP. ct.]. - Toàn thể giai cấp tư sản đồng thanh tru tréo lên như vậy.

Đối với người tư sản, vợ hẳn chẳng qua chỉ là một công cụ sản xuất. Cho nên nghe nói công cụ sản xuất phải được đem dùng chung thì tự nhiên là hẳn kết luận rằng chính đàn bà rồi cũng phải chịu cái số phận chung là bị xã hội hoá.

Hẳn không ngờ rằng vấn đề ở đây chính là kéo đàn bà ra khỏi vai trò hiện nay của họ là một công cụ sản xuất đơn thuần.

Vả lại, không có gì lố bịch bằng sự ghê sợ quá ư đạo đức của những nhà tư sản đối với cái gọi là cộng thể chính thức mà hình như những người cộng sản sẽ chủ trương. Những người cộng sản không cần phải du nhập chế độ cộng thể; chế độ ấy hầu như đã luôn luôn tồn tại.

Các ngài tư sản chưa thoả mãn là đã sẵn có vợ và con gái của vô sản để dùng, đó là chưa kể chế độ mãi dâm công khai, các ngài ấy còn lấy việc cấm sùng lẫn nhau làm một thú vui đặc biệt.

Hôn nhân của giai cấp tư sản thật ra là chế độ cộng thê. Quá lắm thì người ta có thể buộc tội những người cộng sản là muốn đem một chế độ cộng thê công khai và chính thức thay cho chế độ cộng thê che đậy một cách giả nhân giả nghĩa mà thôi. Nhưng với sự xoá bỏ chế độ sản xuất hiện tại [nền sản xuất tư bản chủ nghĩa - TNP. ct.] thì dĩ nhiên là chế độ cộng thê do chế độ sản xuất ấy đẻ ra, tức là chế độ mãi dâm chính thức và không chính thức, cũng sẽ biến mất" (sđd., tr. 73 - 75).

Quả thật, Mác và Ăng-ghe-nhê khi bàn đến tự do, hai ông viết trong Tuyên ngôn một cách rất mỉa mai về cá tính, tính độc lập và tự do cá nhân tư sản, sau đó, lại viết tiếp:

"... Trong những điều kiện hiện tại của sản xuất tư sản thì tự do có nghĩa là tự do buôn bán, tự do mua và bán.

[...]

... những luận điệu và lời nói đó không còn ý nghĩa gì nữa, khi vấn đề đặt ra là chủ nghĩa cộng sản phải xoá bỏ buôn bán, xoá bỏ chế độ sản xuất tư sản và xoá bỏ ngay cả giai cấp tư sản nữa" (sđd., tr. 70).

Cách viết đầy tính tranh luận với thủ pháp mỉa mai thường thấy (phủ định bằng cách khẳng định với cấu trúc câu tuy bình thường nhưng ngữ nghĩa "nghịch lí", đặt trong một văn cảnh nhất định), khiến nhiều người có thể liên hệ là chủ nghĩa cộng sản sẽ lấy "chế độ cộng thê công khai và chính thức" (xã hội thừa nhận vợ chung một cách công khai trong đời sống và chính thức trên pháp luật) để thay thế "chế độ mãi dâm chính thức và không chính thức" do chính nền sản xuất tư bản - buôn bán đẻ ra, một khi mua dâm và bán dâm "cũng sẽ biến mất" (bởi "chủ nghĩa cộng sản phải xoá bỏ buôn bán", kể cả buôn bán tình dục, nghĩa là không còn có gái đi bán dâm lấy tiền, các tú bà buôn thịt bán người). Nói cách khác, "quan hệ sản xuất tư bản - buôn bán" vốn phản ánh vào các quan hệ xã hội của xã hội tư bản chủ nghĩa, ngay trong việc mãi dâm và mãi dâm; còn

"quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa - xoá bỏ buôn bán" thì phản ánh vào các quan hệ xã hội của xã hội xã hội chủ nghĩa, nên trong lĩnh vực tình dục ngoại hôn dâm dăng cũng sẽ cho không biểu không, hoặc được phân phối theo tem phiếu! Nói vắn tắt, như thế là cách mạng tình dục đến mức "thả giàn [thả ràn]", do đó xã hội không còn đi điểm nữa! Thật là một sự hiểu lầm hoặc xuyên tạc khủng khiếp và nguy hại?!? Chẳng lẽ sau mấy chục ngàn năm tiến hoá và tự xây dựng nên những nền văn hiến của mình, loài người lại trở về với đời sống tình dục bầy đàn, quần hôn, tạp hôn, thời công xã nguyên thủy?!?

Nếu đọc kĩ những gì Mác và Ăng-ghe-nh đã viết về vấn đề gia đình dưới hình thức tranh luận trong Tuyên ngôn, ta thấy: Một mặt, kết án chủ nghĩa tự bản đã thủ tiêu gia đình của người vô sản. Mặt khác, khẳng định dưới chủ nghĩa cộng sản người phụ nữ sẽ được giải phóng để tham gia vào hoạt động xã hội chứ không chỉ làm chức năng sinh đẻ (máy đẻ); cha mẹ giai cấp công nhân sẽ không bóc lột sức lao động của con cái; chủ nghĩa cộng sản xem giáo dục của nhà trường là chính, so với giáo dục gia đình, "kéo giáo dục ra khỏi ảnh hưởng của giai cấp thống trị". Tuy nhiên, gia đình chỉ được đề cập đến với ba đối tượng: vợ, chồng và con. Đó là kiểu gia đình "hạt nhân" (hình thức gia đình chỉ gồm các thành viên chính, không phải hình thức gia đình tam hoặc tứ đại đồng đường, không phải đại gia đình gồm nhiều gia đình "hạt nhân" thúc bá trực hệ quây quần).

Có lẽ cần nói rõ hơn về khía cạnh vô gia đình. Bởi lẽ giai cấp công nhân châu Âu vốn là nông dân bị bứt khỏi ruộng đất và đồng cỏ chăn nuôi của họ để lang thang kiếm sống ở các thành thị đang mở mang nhà máy, xí nghiệp công nghiệp, vì vậy đa số trong họ đều rơi vào tình cảnh vô gia đình, với nghĩa độc thân. Bởi lẽ khác, nếu có gia đình, cả hai vợ chồng và cả con cái chưa đến tuổi lao động cũng đều phải đi làm cho giới chủ công nghiệp, mỗi ngày phải lao

động đến 16 hoặc 18 tiếng đồng hồ, cho nên có gia đình cũng như vô gia đình (chẳng còn chút thì giờ nào dành cho các quan hệ thân mật!).

... mỗi gốc cây, một xác người công nhân!...

... mỗi ngày hai bữa cơm đền

lấy gì má phấn răng đen hỡi chàng!

Đó là tình cảnh gia đình người công nhân Việt Nam bị bóc lột ngày công lao động, ba giờ sáng đã dậy thổi cơm, chín giờ tối mới ăn bữa cơm chiều! Tình trạng bị giới chủ tư sản bóc lột thậm tệ của công nhân Mỹ cũng rất ghê gớm. Thiên tài điện ảnh câm Charlie Chaplin (Charlot), qua một số đoạn phim Thời đại tân kỳ (Modern times), đã miêu tả đời sống giai cấp công nhân Mỹ đầu thế kỉ XX, để nói lên tình cảnh tủi nhục của họ, đồng thời nhằm lên án giai cấp tư sản: con cái thất học, trộm cắp; bản thân cùng đồng nghiệp như một bầy súc vật mỗi ngày bị lừa vào nhà máy theo tiếng còi tầm, và cũng theo tiếng còi tầm, khi nhà máy nhả ra, thân thể công nhân rã rời héo rũ; có người lại bị hệ thống sản xuất dây chuyền hành hạ đến mức rối loạn tâm thần, nhìn hạt nút trên áo phụ nữ cũng ngỡ là chiếc bù loong! Tuy vậy, với hạn chế của bản thân Charlie Chaplin và của người công nhân ấy, anh ta và cô gái khốn khổ vẫn không giác ngộ giai cấp để đấu tranh cách mạng, cuối cùng dắt tay nhau đến một thiên đường huyền hoặc xa xăm hay một vùng đất địa đàng hoang vu nào đó! Rất đáng tiếc, với họ bấy giờ, ở trần gian này, dưới Gót sắt tư sản, gia đình là cả một gánh nặng bi thảm, không lối thoát.

Vả lại, gia đình kiểu "hạt nhân" chỉ gồm ba thành phần chính này hình thành là bởi tình trạng người vô sản bị bóc lột, bất gộc khỏi quê quán, không thể có các thành phần khác: cha chồng (ông), mẹ chồng (bà), anh em của chồng (chú, bác, cô), cho nên vô gia đình ở đây là tình cảnh không có bà con họ hàng thân thuộc... Vô gia đình được hiểu với các nghĩa như thế.

Nói một cách khái quát, nếu bản thân giai cấp công nhân châu Âu, thuộc địa Viễn Đông và các châu lục khác, ở thế kỉ XIX, vừa mang trong mình một tính cách ưu việt do phương thức sản xuất công nghiệp quy định, thì cũng bởi điều kiện sống tăm tối, tồi tệ do bị bóc lột đó, họ cũng đồng thời bị hình thành một nếp cảm nghĩ kiểu vô gia đình! Không chỉ là cảm nghĩ, bởi theo Mác và Ăng-ghe-n, hai vị lãnh tụ vô sản này đã đọc "những tài liệu rất có giá trị để soi sáng ý thức công nhân", mà "xoá bỏ gia đình" là một trong những đề nghị tích cực tuy còn không rõ rệt và lờ mờ nên trở thành không tưởng (sđd., tr. 96).

Về sau, qua sự cọ xát nếp cảm nghĩ đã thành ý thức ấy vào thực tiễn đấu tranh, và một khi chủ nghĩa xã hội đã thành hiện thực, cuộc sống giai cấp công nhân thực sự được cải thiện và nâng cao, ở Liên Xô dần dần hình thành một quan điểm về nạn mãi dâm và hôn nhân - gia đình cụ thể hơn. Nếu ở xã hội tư bản, "sự mãi dâm được hợp pháp hoá trở thành cái bổ sung cho hôn nhân" (1Tng), thì ở xã hội xã hội chủ nghĩa "quan hệ hôn nhân - gia đình không có sự đòi hỏi đó [TNP. nhấn mạnh], quan hệ dựa trên tình yêu, tình bạn và lòng tin cậy lẫn nhau, đã nảy sinh và phát triển trong giai cấp vô sản"; "tình yêu, sự tôn trọng lẫn nhau, sự chăm lo giáo dục con cái, sự săn sóc của con cái đã trưởng thành đối với cha mẹ [TNP. nhấn mạnh] - đó là những nguyên tắc đạo đức quan trọng nhất của gia đình trong xã hội xã hội chủ nghĩa" (1Tng).

Về vô Tổ quốc, vô dân tộc?

Tuyên ngôn Đảng cộng sản (1847 - 1848) được Mác và Ăng-ghe-n viết tiếp, nhưng không phải là phủ nhận lời cáo buộc của những giai cấp, thành phần đối lập:

"Ngoài ra, người ta còn buộc tội những người cộng sản là muốn xoá bỏ Tổ quốc, xoá bỏ dân tộc.

Công nhân không có Tổ quốc. Người ta không thể cướp cái mà họ không có. Vì giai cấp vô sản mỗi nước

trước hết phải giành lấy chính quyền, phải tự xây dựng thành một giai cấp dân tộc 1*, phải tự mình trở thành dân tộc, cho nên do đây họ vẫn còn có tính chất dân tộc, tuy hoàn toàn không phải theo cái nghĩa như giai cấp tư sản hiểu.

Với sự phát triển của giai cấp tư sản, tự do buôn bán, thị trường thế giới, sự đồng đều của sản xuất công nghiệp và những điều kiện sinh hoạt thích ứng với sản xuất ấy thì những sự cách biệt dân tộc và những sự đối lập giữa nhân dân các nước [TNP. nhấn mạnh] cũng đã ngày càng mất đi.

Giai cấp vô sản nắm chính quyền sẽ càng làm cho những sự cách biệt và những sự đối lập ấy mất đi nhanh hơn [TNP. nhấn mạnh]. Hành động chung của giai cấp vô sản, ít ra là ở những nước văn minh, là một trong những điều kiện đầu tiên cho sự giải phóng của họ ⁴⁶.

Hãy xoá bỏ nạn người bóc lột người thì nạn dân tộc này bóc lột dân tộc khác cũng sẽ bị xoá bỏ.

Khi mà sự đối kháng giữa các giai cấp trong nội bộ dân tộc không còn nữa thì sự thù địch giữa các dân tộc cũng đồng thời mất theo" (sđd., tr. 75 - 76).

Tổ quốc và dân tộc là hai vấn đề thường được và phải được kết hợp làm một, nhưng vẫn là hai vấn đề khác nhau! (Tôi cũng phân biệt hai khái niệm dân tộc và nhân tộc; một dân tộc thường là gồm nhiều nhân tộc hợp lại). Khái niệm

⁴⁶ ChỜ thỀch cỒa Nxb. Sứ ThậT, Hị Nừi, mang kỀ hiều ⁴⁶: Luân ½ziem ncy ½Ờng trong thñi ½Ai M¾c v; ½ng-ghen sêng. Trong ½iầu kiền lĩch sớ mớì, trong thñi ½Ai ½ã quéc chỒ nghỄa, V.I. Lã-nin ½Á tỀm ra quy luật ph¾t triẻn khẻng ½iầu cỒa c¾c nồđc tồ bẦn; v; xuPt ph¾t t÷ luân ½ziem ncy, ½Á chõng minh khẢ n×ng thỜng lờì cỒa c¾ch mẦng vé sẦn thoAt ½bu ò mít sê nồđc hoỦc thậm chỀ ò riẻng mít nồđc. Lỗn ½bu tiẻn ½iầu ½Í ½Á ½õđc Lã-nin trỀnh bcy trong bcy "Bcy và khầu hiều liẻn bang chYú Yú". (Xem V.I. Lã-nin, *Toçn tập*, Nh; XuPt bẦn Sứ ThậT, Hị Nừi, 1963, tập 21, tr. 399) - (BT.). Tr. 76 (cỒa s¾ch ½ang ½õđc trỀch đán - TNP. ct.).

giai cấp với nội hàm do Mác và Ăng-ghe-n định nghĩa, lại được hai ông đặt cao hơn cả dân tộc, trong khi giới thuyết rõ sự khác nhau giữa người vô sản với người cộng sản:

"Những người cộng sản chỉ khác với các đảng vô sản khác trên hai điểm: một là, trong các cuộc đấu tranh của những người vô sản thuộc các dân tộc khác nhau, họ [tức là những người cộng sản - TNP. ct.] đặt lên hàng đầu và bảo vệ những lợi ích không phụ thuộc vào dân tộc [TNP. nhấn mạnh] và chung cho toàn thể giai cấp vô sản; hai là, trong các giai đoạn khác nhau của cuộc đấu tranh giữa vô sản và tư sản, họ luôn luôn đại biểu cho lợi ích của toàn bộ phong trào" (sđd., tr. 66 - 67).

Ở một đoạn trước, trong chương I, Mác và Ăng-ghe-n viết rõ hơn:

"Cuộc đấu tranh của giai cấp vô sản chống giai cấp tư sản, dù về mặt nội dung, không phải là một cuộc đấu tranh dân tộc, nhưng lúc đầu lại mang hình thức đấu tranh dân tộc [TNP. in đậm]" (sđd., tr. 62).

Nói cụ thể hơn, lợi ích giai cấp vô sản thế giới là tất cả và trên hết!

Do đó, ta không lạ gì về câu khẩu hiệu nổi tiếng cuối bản Tuyên ngôn, thường được xem như đặc trưng, tiêu biểu cho chủ nghĩa Mác là: "Vô sản tất cả các nước, đoàn kết lại!" (sđd., tr. 101). Sự thiếu sót về độc lập đất nước của các dân tộc (gồm nhiều nhân tộc) bị áp bức là rất rõ ràng.

Vô Tổ quốc và vô dân tộc trong Tuyên ngôn Đảng Cộng sản (1847 - 1848) là hai vấn đề nhức nhối đối với người theo Tổ quốc luận, chủ nghĩa yêu nước. Ngay ở Liên Xô, đến năm 1975, Từ điển triết học còn có đoạn viết:

"Trong xã hội tư sản, giai cấp công nhân không có Tổ quốc, nhưng xét về bản tính xã hội của mình thì nó là giai cấp tiêu biểu cho chủ nghĩa yêu nước chân chính. Trong tiến trình cách mạng xã hội chủ nghĩa, bản chất xã hội của Tổ quốc cũng thay đổi, chủ nghĩa xã hội - đối tượng của

niềm tự hào dân tộc và là Tổ quốc chân chính của những người lao động [TNP. in đậm] - trở thành yếu tố chủ yếu của nó, chủ nghĩa yêu nước xã hội chủ nghĩa có tính chất toàn dân được hình thành, gắn chặt với chủ nghĩa quốc tế" (2Tng).

Trong đoạn trích dẫn từ Từ điển triết học trên, tôi lưu ý đến bốn chữ "chủ nghĩa xã hội" và định ngữ của nó, được đặt trong hai dấu gạch ngang: "- đối tượng của niềm tự hào dân tộc và là Tổ quốc chân chính của những người lao động -". Nói cách khác, Tổ quốc chính là chủ nghĩa xã hội; chủ nghĩa xã hội là đối tượng hướng đến của niềm tự hào dân tộc. Hoặc có thể lược bớt định ngữ để hiểu đúng:

"... bản chất xã hội của Tổ quốc cũng thay đổi, chủ nghĩa xã hội [...] trở thành yếu tố chủ yếu của nó... [TNP. in đậm]".

Đó là quan niệm của Liên Xô. Liên Xô là một liên bang gồm mười ba nước, hầu hết mỗi nước đều vốn là một quốc gia độc lập, đều có truyền thống lâu đời, đều có lịch sử riêng, nay gộp chung lại thành một liên bang, tất nhiên đứng đầu vẫn là Nga. Do đó, quan niệm về Tổ quốc của Nhà nước Liên bang Xô-viết phải trừu tượng, mơ hồ và đầy tính chất quan phương như thế.

Về vấn đề dân tộc, Từ điển triết học của Liên Xô viết:

"... ở Liên Xô đã hình thành một cộng đồng lịch sử mới - nhân dân xô-viết. Đó không phải là một cộng đồng dân tộc, mà là cộng đồng quốc tế [TNP. in đậm], và việc hình thành nó là sự toàn thắng của các nguyên tắc của chủ nghĩa quốc tế xã hội chủ nghĩa" (3Tng).

"Sau khi chủ nghĩa cộng sản hoàn toàn thắng lợi, sự xích lại gần nhau một cách toàn diện của các dân tộc sẽ làm cho những khác biệt dân tộc dần dần biến mất. Tiêu biểu cho xã hội cộng sản phát triển sẽ là một hình thức cộng đồng người mới [TNP. nhấn mạnh] trong lịch sử, rộng hơn

so với dân tộc, hợp nhất toàn bộ loài người thành một gia đình [TNP. nhấn mạnh]" (4Tng).

Như vậy là trong viễn tượng (chứ không phải viễn cảnh!) sẽ diễn ra sự đồng hoá dân tộc để đi đến sự đồng nhất dân tộc. Bây giờ, không còn khái niệm Tổ quốc, quốc gia, dân tộc, mà chỉ còn là thế giới và loài người mà thôi!

Tuy nhiên, phải trở về với thực tế. Hãy nhớ lại rằng, Nguyễn Ái Quốc (Hồ Chí Minh) chỉ trở thành người cộng sản khi Lê-nin đã bổ sung vào câu khẩu hiệu vốn đặc trưng cho chủ nghĩa Mác: "Vô sản tất cả các nước và các dân tộc bị áp bức [TNP. nhấn mạnh], đoàn kết lại!".

Về vô tôn giáo?

Điều này hẳn phải bàn, bởi không một ai không biết Mác và Ăng-ghe-n cũng như phong trào cách mạng vô sản mác-xít - lê-nin-nít đều chủ trương vô thần luận một cách công khai, minh bạch. Tuyên ngôn Đảng Cộng sản (1847 - 1848) có đoạn phê phán các giai cấp, thành phần phản động như sau:

"Những tư tưởng về tự do tín ngưỡng, tự do tôn giáo chẳng qua chỉ nói lên thời kì thống trị của cạnh tranh tự do trong lĩnh vực tri thức mà thôi" (sđd., tr. 77).

"Cách mạng cộng sản chủ nghĩa là sự đoạn tuyệt triệt để nhất với chế độ sở hữu cổ truyền; không có gì đáng lấy làm lạ khi thấy rằng trong tiến trình phát triển của nó, nó đoạn tuyệt một cách triệt để nhất với những tư tưởng cổ truyền [TNP. nhấn mạnh].

Nhưng hãy gác lại những lời giai cấp tư sản phản đối chủ nghĩa cộng sản" (sđd., tr. 78).

Từ điển triết học của Liên Xô có đoạn viết về tôn giáo:

"Chỉ trong xã hội cộng sản chủ nghĩa phát triển thì tôn giáo mới có thể hoàn toàn biến mất và bị xoá bỏ khỏi đời sống con người. Nhưng việc tôn giáo mất đi không phải là một quá trình tự động; nó đòi hỏi phải kiên trì hoạt động

giáo dục quần chúng, tuyên truyền rộng rãi những hiểu biết khoa học tự nhiên, xã hội và thế giới quan mác-xít" (5Tng).

Như thế, về bản chất, giai cấp vô sản đại công nghiệp mang trong mình tính ưu việt của phương thức sản xuất mới, hiện đại nhất, đồng thời cách mạng nhất:

"Những người cộng sản không tự hạ mình mà đi giấu giếm những ý kiến và dự định của mình. Họ công khai tuyên bố rằng mục đích của họ chỉ có thể đạt được bằng cách dùng bạo lực lật đổ hoàn toàn trật tự xã hội hiện có. Mặc cho các giai cấp thống trị run sợ khi nghĩ đến một cuộc cách mạng cộng sản chủ nghĩa! Trong cuộc cách mạng ấy, những người vô sản chẳng mất gì hết, ngoài những xiềng xích trói buộc họ [TNP. nhấn mạnh]. Trong cuộc cách mạng ấy, họ giành được cả một thế giới cho mình" (sđd., tr. 101).

Nói cách khác, bởi thực trạng tam vô hoặc đa vô, giai cấp vô sản đại công nghiệp dưới chế độ tư bản bóc lột không có gì để mất, kể cả gia đình, dân tộc, Tổ quốc, tôn giáo, nhân phẩm, nên họ kiên quyết cách mạng đến cùng, vì nếu thất bại, thì chỉ mất xiềng xích mà thôi! Nói gọn hơn, được thì được cả thế giới, mất thì chỉ mất xiềng xích nô lệ!

Hạn chế của Mác và Ăng-ghe-n, như một số nhà nghiên cứu đã chỉ ra, là tư duy theo kinh tế luận, chứ không phải theo Tổ quốc luận như Hồ Chí Minh. Phong trào cộng sản do Mác và Ăng-ghe-n lãnh đạo đấu tranh, trước hết và trên hết là vì quyền lợi giai cấp. Bản Quốc tế ca đã thể hiện điều đó:

"Chế độ xưa, ta mau phá sạch tan tành! Toàn nô lệ, hãy đứng lên đi! Nay mai, cuộc đời sẽ khác xưa, bao nhiêu lợi quyền ắt qua tay mình [TNP. nhấn mạnh]!"

Đối với người Việt Nam chúng ta, sẵn sàng hi sinh tất cả quyền lợi bản thân, cá nhân, gia đình, vì sự tồn vong của dân tộc và danh dự Tổ quốc, thì cũng như Bác Hồ, đó là một điều rất trần trụi. Nhưng Bác Hồ vĩ đại hơn nhiều người là ở chỗ, trong khi có người không thể chấp nhận Tuyên

ngôn Đảng Cộng sản (1847 - 1848) và các tổ chức Quốc tế Cộng sản, thì Bác gia nhập Quốc tế Cộng sản để tam do Lê-nin sáng lập, và đồng thời đồng sáng lập Đảng Cộng sản Pháp, là để đấu tranh nhằm hướng mục tiêu giải phóng dân tộc thành mục tiêu trọng tâm của tổ chức Quốc tế Cộng sản ấy và Đảng ấy. Hồ Chí Minh vẫn đặt quyền lợi, danh dự Tổ quốc, dân tộc lên trên quyền lợi, danh dự giai cấp công nhân. Tôi biết, có người đến hiện nay, vẫn còn đặt câu hỏi thao thức về vấn đề này: Phải chăng là thế?

Về biện pháp cách mạng?

Cũng trong chương II này, Mác và Ăng-ghe-nh viết về biện pháp cách mạng: "bằng cách xâm phạm một cách chuyên chế vào quyền sở hữu và chế độ sản xuất tư sản" (sđd., tr. 78). Nói trắng ra là bằng bạo lực cách mạng, bằng chuyên chế vô sản (xin lưu ý: tôi dùng lại hai chữ "chuyên chế" trong bản dịch Tuyên ngôn - TNP.).

Về các biện pháp chuyên chế vô sản sẽ thực hiện ở các nước tiên tiến, xin trích nguyên văn:

"...

1. Tước đoạt sở hữu ruộng đất và bỏ địa tô vào quỹ chi tiêu của Nhà nước.
2. Đánh thuế theo mức độ lũy tiến thật cao.
3. Xoá bỏ quyền thừa kế.
4. Tịch thu tài sản của tất cả những kẻ lưu vong và của tất cả những kẻ phiến loạn.
5. Tập trung tín dụng vào tay Nhà nước, bằng một ngân hàng quốc gia mà vốn liếng sẽ thuộc về Nhà nước, và ngân hàng này sẽ nắm độc quyền hoàn toàn.
6. Tập trung các phương tiện vận tải vào tay Nhà nước.
7. Tăng thêm số công xưởng quốc doanh và công cụ sản xuất; vỡ đất hoang và cải tạo đất trồng trọt, theo một kế hoạch chung.

8. Thực hành nghĩa vụ lao động đối với tất cả mọi người; tổ chức các đạo quân công nghiệp, đặc biệt là cho nông nghiệp.
9. Kết hợp lao động nông nghiệp với lao động công nghiệp; thi hành những biện pháp nhằm làm mất dần sự khác biệt giữa thành thị và nông thôn 1*.
10. Giáo dục công cộng và không mất tiền cho tất cả trẻ em. Xoá bỏ việc dùng trẻ em làm trong các công xưởng như hiện nay. Kết hợp giáo dục với sản xuất vật chất..." (sđd., tr. 79 - 80).

Tuyên ngôn còn viết thêm về quyền lực chính trị:

"Quyền lực chính trị, theo đúng nghĩa của nó, là bạo lực có tổ chức của một giai cấp để trấn áp một giai cấp khác" (sđd., tr. 80).

Sau khi dùng biện pháp "bạo lực tiêu diệt chế độ sản xuất cũ, thì đồng thời với việc tiêu diệt chế độ sản xuất ấy, nó cũng tiêu diệt luôn cả những điều kiện của sự đối kháng giai cấp, nó tiêu diệt các giai cấp nói chung và cũng do đấy, tiêu diệt cả sự thống trị của chính ngay giai cấp mình" (sđd., tr. 80).

Tôi đặt câu hỏi từ mệnh đề khẳng định này: "... và cũng do đấy, tiêu diệt cả sự thống trị của chính ngay giai cấp mình"? Như thế là thiên đường cộng sản chủ nghĩa sẽ không còn sự thống trị mang tính giai cấp, có nghĩa là trước đó đã không còn tồn tại nhà nước nào, chính đảng nào thuộc các giai cấp phi vô sản, đến lượt Nhà nước chuyên chính vô sản cũng không còn, không còn cả Đảng Cộng sản (đều hoàn tất vai trò, nhiệm vụ lịch sử và đều tuyên bố giải thể). Bởi lẽ, một khi xã hội đại đồng trên toàn thế giới (L'Internationale) hình thành, "trong đó, sự phát triển tự do của mỗi người là điều kiện cho sự phát triển tự do của tất cả mọi người" (sđd., tr. 81), thì tất nhiên bấy giờ đã không còn giai cấp (vô giai cấp), do đó không còn đối kháng giai cấp, cho nên cũng không còn quyền lực chính trị theo định nghĩa

trên. Kế tục, Nhà nước L'Internationale xuất hiện. Đó là một hình thức Nhà nước tự quản, tự điều hành của toàn nhân loại đại đồng, tất cả công dân thế giới đều giác ngộ về thiên đường cộng sản chủ nghĩa, và đang vừa xây dựng tiếp tục, vừa thụ hưởng thành quả cộng sản chủ nghĩa ấy, với một tầm dân trí tuyệt vời (tối thiểu mặt bằng dân trí toàn thế giới cũng là tiến sĩ chẳng hạn), và dứt khoát phải vươn tới được cái tâm trong sáng (phải đấu tranh để triệt tiêu tham-vọng-đế-quốc-đổ hay còn gọi là dục-vọng-cộng-sản-đế-quốc-chủ-nghĩa, chủ-nghĩa-đế-quốc-trá-hình-thành-l'internationale).

Nhận xét về cuốn "Đường khách mệnh", nhà nghiên cứu Phan Ngọc viết:

"Công trình giáo dục của Nguyễn Ái Quốc không nói đến tam vô (vô Tổ quốc, vô gia đình, vô tôn giáo), không nói đến nhị các (ai cũng được làm theo năng lực, hưởng theo nhu cầu (6Tng)), không trình bày chủ nghĩa cộng sản như một thiên đường, điều mà ta thấy sau này trong các sách huấn luyện. Nếu như có một người cách mạng không lãng mạn thì người đó là Hồ Chí Minh".

4.

Như vậy, không chỉ tam vô (vô Tổ quốc, vô gia đình và vô tôn giáo), Tuyên ngôn Đảng Cộng sản (1847 - 1848) đã trình bày một cách công khai là rất nhiều vô. Phải kể thêm: vô sản (vô sở hữu tư liệu sản xuất); vô dân tộc (chứ không chỉ là vô Tổ quốc); vô giai cấp; vô quyền lực chính trị... Dĩ nhiên, có cái vô thực hiện ngay sau khi giành được chính quyền, có cái vô phải tiến hành từng bước một, thuộc về tương lai xa, rất xa, và có thể đó chỉ là những mục tiêu trong khoa học viễn tưởng hoặc, như có những kẻ tư sản, phản động đã nói: hoang tưởng. Nói là khoa học viễn tưởng cũng đã là vô phép, nhưng ai quả quyết được những điều mới chỉ là sản phẩm của khát vọng cao đẹp hãy còn thuộc lĩnh vực

lí tưởng (mặc dù có cái phải bàn thêm), là sản phẩm của quá trình nghiên cứu khoa học, hoạt động thực tiễn nhưng không phải không ít nhiều xuất phát từ sách vở, tư duy tư biện, trí tưởng tượng vĩ vờ; và trên thực tế, sau khi Liên Xô tan rã, sụp đổ, người ta có thể nói là chưa có một nước nào xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội cả.

Tuyên ngôn Đảng Cộng sản (1847 - 1848) rất có giá trị ở những trang tố cáo bản chất giai cấp tư sản trong quá trình tích lũy tư bản, nhất là trong quá trình viễn chinh di thực (xâm lược, chiếm đóng, bóc lột, diệt chủng và di dân chính quốc đến cư trú tại thuộc địa).

Tuy nhiên, mọi người thuộc các thế hệ sau đều hiểu thời điểm xuất hiện Tuyên ngôn Đảng Cộng sản là ở trong bối cảnh ấy. Đó là bối cảnh trên đôi tay, mồm miệng tư sản - thực dân tàn khốc, ghê tởm đầy máu và bùn của công nhân (đa số xuất thân từ nông dân). Do đó, Tuyên ngôn không thể không chan chứa những yếu tố cực "tả", sục sôi lòng căm thù giai cấp bóc lột, vang rền tiếng hét đấu tranh cách mạng. Ngoài ra, không kể những hạn chế cụ thể - lịch sử, Tuyên ngôn Đảng Cộng sản (1847 - 1848) có những tư tưởng nhân văn chủ nghĩa rất tiến bộ và cao đẹp. Ngay những mục tiêu tạm gọi là thuộc về khoa học viễn tưởng cũng có tác dụng kích thích loài người hướng tới lí tưởng thiên đường cộng sản, theo cách nhìn của mỗi thế hệ phù hợp với thời đại mình.

Có một điều hết sức ngạc nhiên và thú vị, ấy là khi tôi đọc được một sự kiện đã được Đại Nam thực lục chính biên (7Tng) ghi chép lại: Ngay từ những năm năm mươi của thế kỉ XIX, chính xác là 1857 (tháng mười một âm lịch, năm Tự Đức thứ mười), tại hai làng Tiên Lễ, Lê Sơn, huyện Minh Chính, thuộc tỉnh Quảng Bình, có hai người học trò, kẻ sĩ, đã phát hiện ra chủ nghĩa xã hội bình quân nông dân để tâu lên vua Tự Đức nhằm chống lại "tả đạo" Thiên Chúa giáo, nhưng không được vua và triều đình thấu hiểu, thậm chí

còn bị phạt trọng và tội đồ. Đó là Lương Trợ Lý và Hoàng Hữu Phu.

Phải chăng, không nghi ngờ gì nữa, đó là lần đầu tiên người Việt nước Đại Nam đã phát hiện ra sự kết hợp giữa biện pháp cải cách kinh tế về ruộng đất theo hướng xã hội chủ nghĩa (tuy còn bình quân chủ nghĩa kiểu nông dân) và ý thức độc lập dân tộc cũng như phong trào giải phóng dân tộc, chống ngoại xâm (cho dù đến một năm sau, 1858, thực dân Pháp mới chính thức xâm lược)?

Chủ nghĩa xã hội Phương Tây trước Mác và chủ nghĩa Mác - Ăng-ghe-n, liệu có đến nước ta (Đại Nam, triều Tự Đức) từ những năm xa xưa ấy hay chỉ là trường hợp "tư tưởng lớn gặp nhau" mà người thầy chính là thực trạng xã hội, chứ không phải sách vở? Tôi tin chắc chắn chỉ là tư tưởng riêng của Lương Trợ Lý và Hoàng Hữu Phu.

Đã đúng 146 năm (từ 1857 đến nay, non một thế kỉ rưỡi) trôi qua...

Về tác động của Tuyên ngôn Đảng Cộng sản (1847 - 1848), ở đầu thế kỉ XX, nhất là sau Cách mạng Tháng mười Nga 1917, nói chung là vô cùng to lớn. Cho đến thời đoạn thoái trào cách mạng vô sản trên thế giới hiện nay (cuối thế kỉ XX, đầu thế kỉ XXI), ít ra Tuyên ngôn cũng còn có tác dụng khơi dậy, thúc đẩy phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân tại các nước tư bản chủ nghĩa, buộc các nước tư bản phải tự điều chỉnh.

Dẫu sao, tôi cũng chỉ học tập theo Bác Hồ: "yêu Tổ quốc, yêu đồng bào"; "không có gì quý hơn độc lập, tự do [bao hàm tất cả các quyền dân chủ]"; "tôi chỉ có một ham muốn, ham muốn tột bậc, là đất nước được độc lập, nhân dân được tự do, ai cũng có cơm ăn áo mặc, ai cũng được học hành"... Chủ nghĩa xã hội, về mặt kinh tế, cũng phải hội đủ năm thành phần kinh tế, như tổng bí thư Lê Duẩn đã vạch ra.

Trong những tác phẩm đã xuất bản, tôi đã thể hiện rõ tư tưởng của mình về những vấn đề này, và cả vấn đề bản sắc văn hoá dân tộc... (8Tng).

Tôi là một người sáng tác văn chương, không hề có một chút tham vọng chính trị, nhưng không thể không nghiên cứu, suy tư về sử học, chính trị, triết học cách mạng... Tôi tin rằng chúng ta vẫn còn thao thức tìm cho ra một mô hình, cơ chế xã hội và nhà nước xã hội chủ nghĩa, cộng sản chủ nghĩa đậm đà bản sắc dân tộc, thật sự tự do - nhân quyền, thật sự dân chủ - dân quyền. Xin đừng bó hẹp nhân quyền vào độc nhất một từ: tôn giáo. Việc đó chỉ phù hợp với người khác, vốn theo các tôn giáo có một lịch sử yêu nước, chống ngoại xâm, như Phật giáo chẳng hạn. Không! Không phải cứ nói đến nhân quyền là nói đến tôn giáo, nhất là loại tôn giáo phản quốc. Không có một quyền nào gọi là quyền phản quốc trong nhân quyền cả. Ngược lại, quyền tự do không tôn giáo, quyền tự do yêu nước, dựng nước, giữ nước (gồm cả quyền giữ gìn, phát huy, cách tân bản sắc văn hoá dân tộc) phải được tôn trọng và bảo vệ (9Tng). Nhân quyền gồm tất cả các quyền tự do cơ bản và chính đáng của con người: quyền được tự do học tập, nghiên cứu, tự do báo chí, tự do ngôn luận, tự do xuất bản, tự do tư tưởng, tự do hội họp và lập hội, và hàng chục quyền tự do cơ bản, chính đáng, rất cụ thể khác của con người đã được ghi vào Hiến chương Liên hiệp quốc cũng như Hiến pháp xã hội chủ nghĩa nước ta.

Chủ nghĩa xã hội với những cái cách cần thiết, không thể không có, về mô hình và cơ chế, trong thao thức của nhiều người, như vừa đề cập, là khát vọng có thật. Tuy nhiên, xin phải hết sức cần trọng, không thể lãng mạn về kinh tế, càng không thể phiêu lưu thí nghiệm xã hội trên quy mô toàn Đất nước như mấy thập niên trước, cho dầu nước ta, dân tộc Việt Nam ta vốn lấy Tổ quốc làm trọng, và chủ nghĩa yêu nước thương nòi đã nghìn đời là truyền

thống, sức mạnh chống ngoại xâm và đề kháng đối với mọi mưu toan đồng hoá dân tộc, là sức sống, sức bật của dân tộc Việt Nam ta (gồm nhiều nhân tộc) trên mọi lĩnh vực, và đặc biệt cần nhấn mạnh ở đây, đó là khả năng Việt hoá tất cả mọi giáo thuyết ngoại nhập, sau khi đã đãi lọc, loại trừ các thành tố độc hại trong các giáo thuyết ấy, kể cả chủ nghĩa Mác - Lê-nin.

Tuy phải cẩn trọng trong Đổi mới, nhưng cũng không thể để muộn hơn được nữa, nhất là về cơ chế tự do, dân chủ (nhân quyền và dân quyền)!

TRẦN NGUYỄN PHAN

Tán cây trứng gà lúc này vẫn như những buổi trưa khác, cứ mãi xao xác trong gió nam nóng, luồng nổi luồng xuống không bao giờ dứt. Và vẫn thế, thỉnh thoảng, có chỗ lá bị gió thổi thưa ra, lọt xuống phía bóng râm dưới gốc, chỗ Hiền Lương đang nằm võng, những loé chớp khiến cô chói mắt, sực tỉnh, tâm trí mới thoảng rời khỏi những dòng chữ vi tính ở mấy trang giấy trắng trên tay. Mãi từ trưa cho đến lúc nắng đã ngả chiều này, Hiền Lương mê mãi đọc, nghiền ngẫm, nghĩ ngợi. Cô cứ ngỡ những loé chớp ấy từ trái tim và khối não cô bật ra, mặc dù thừa hiểu đó chỉ là sự cộng hưởng.

Đúng là những loé chớp cộng hưởng. Cảm giác nhân lên, dội lại, vang vọng, không phải chỉ của âm thanh, mà còn là ánh sáng, như tiếng gió và màu nắng quê nhà bên bờ sông Bến Hải này. Cảm giác đồng hưởng chăng? Hiền Lương không rõ. Bất chợt cô ngỡ tìm được một hình ảnh chính xác nhất để diễn đạt cảm tưởng của mình. Đúng rồi, đó là những gợn sóng lấp loáng trong tiếng gió lướt lồng lộng trên sông Bến Hải? Không, cũng không phải hoàn toàn như vậy. Nhưng có lẽ là thế đấy, lấp loáng nói liền lấp loáng, lồng lộng một cách vô thanh, và thật sự còn có

những loé chớp bất chợt. Cuối cùng, cô thấy chỉ có thể diễn đạt một cách nửa trừu tượng như bốn chữ "cảm giác đồng hương" vừa rồi, có điều dứt khoát phải thêm một địa danh làm định ngữ, đó là "Bến Hải", chứ không thể là địa danh nào khác. Máu lửa sông Gianh đã lên tiếng bằng chính máu lửa Bến Hải, bằng một cuộc lặp lại lịch sử với chiều kích khác? Hoàn toàn không phải vậy. Không phải chiều dài, bề rộng của sông. Không phải ngăn ngủi hay đặng đẵng thời gian. Và cũng không phải lặp lại tính chất lịch sử ở độ sâu, tầm cao. Nhưng quả thật ít nhiều, chỉ ít nhiều thôi, có tiếng hồn lịch sử sông Gianh trong đậm đặc tiếng hồn lịch sử của sông Bến Hải. Hiền Lương cơ chừng lắng nghe được những gì Trần Nguyễn Phan đã viết thành chữ, bằng chính cảm giác đồng hương Bến Hải, gọi là một linh giác đồng hương Bến Hải có lẽ đúng hơn. Đó là thứ linh giác từ vết thương lịch sử cô mới thực sự được khai mở trong những ngày của lần đầu tiên ra thăm quê nội này, những ngày trò chuyện với Hành và bao người thương mến khác.

Có điều, hãy thử xuất phát từ một điểm nhìn khác để nhìn lại cho thật kĩ những điều cô cảm nhận và tìm cách tự diễn đạt cảm nhận ấy. Hiền Lương tự bảo, cô có hạ thấp Trần Nguyễn Phan lắm không trong hai chữ đồng hương, trong khi sông Bến Hải thực sự là vết thương thế giới? Trần Nguyễn Phan chưa đủ tầm cỡ, trước hết là chiều kích nội tâm, để viết lên cho đạt nỗi đau sâu thẳm và lớn lao nhường ấy? Không. Không nên khiêm tốn, nhún nhường giùm người khác! Hiền Lương muốn nói, chính nhờ trong cô có một chất Bến Hải... Bằng cảm thức lịch sử, văn chương? Chưa đủ. Còn bằng chất Bến Hải ấy, chất Bến Hải vốn có, cộng những ngày ra thăm quê nội với những gương mặt khắc sâu vào trái tim Hiền Lương, đã khai mở cho Hiền Lương một linh giác đồng hương Bến Hải, giúp cô thấu hiểu được những trang thơ văn của Trần Nguyễn Phan với nỗi đau quê nhà và thế giới ở Vĩ tuyến Mười bảy này.

Nhưng có ý thơ nào khiến Hiền Lương tâm đắc nhất, sau những nỗi niềm, tâm trạng, những chọn lựa thái độ của những thế hệ trước? Quả thật, cô đã thao thức, đã trăn trở, đã nghiền ngẫm từ lâu, và đến lúc này cô bàng hoàng như thể bị chói loá bởi nắng, bị lay võ bởi gió, trước những thức ngộ về lịch sử qua các thế tài văn sử. Có một điều Hiền Lương suy nghĩ mãi. Đó là câu thơ hết sức bình thường ở bài thơ "Tán mạn với một người em". Với cấu trúc đồng hiện, ngày xưa và hôm nay xen lẫn, bài thơ gợi nên nhiều liên tưởng, từ quá khứ đến hiện tại. Đang viết về hiện tại, tác giả để tứ thơ ngoảnh một cái nhìn xa hun hút về nỗi đau của Nguyễn Du xa xưa, và đột ngột tứ thơ lại hướng về hiện tại. Có tầm thường lắm không, khi Hiền Lương neo dẫu hỏi riêng mình vào câu thơ vốn là một mệnh đề khẳng định: chiến công kia đâu chỉ của một thời. Có phải "kẻ phản động có lời thơ tao nhã" Nguyễn Du đã từ cái đau nhất thời phóng tầm nhìn về thiên cổ và về nghìn thu sau, để cái đau ấy trở thành nỗi đau muôn thuở về bị kịch con người, bị kịch loài người? Và với "mắt nhìn thấu suốt nghìn đời" ấy, Kiều đâu chỉ là Kiều hồng nhan bạc phận, tài mệnh tương đố, là nạn nhân oan khốc của bao tham tàn từ thời kia sang thời nọ, chưa bao giờ dứt. Kiều như một điển hình cho tất cả mọi kẻ sĩ mày râu gươm bút, cho bất kì người nông dân rơm rạ ruộng đất, người buôn thúng bán bưng chợ quê lẻ phố nào, khi họ đích thực là con người gặp phải bất hạnh, bị giày xéo, chà đạp. "Kẻ phản động có lời thơ tao nhã" Nguyễn Du đã khắc đậm vào lòng dân tộc và loài người muôn kiếp, vạn đời một chủ nghĩa nhân đạo. Và Gia Long, cho đến Minh Mạng, Thiệu Trị, Tự Đức có ngờ đâu hay đã quá thấu hiểu "tiếng kêu đứt ruột [của thời đại] mới" ấy đã làm cho nhân dân người hơn, quan lại người hơn, triều đình người hơn. Không phải Truyện Kiều làm tình hình Bắc Kỳ thêm phản loạn? Không phải Truyện Kiều đẩy triều Nguyễn đến cảnh suy vi, cuối cùng là sụp đổ vào tay thực dân Pháp

và tả đạo Thiên Chúa giáo? Hẳn không phải vậy chăng, bởi sự thật là câu trả lời đã đặt trước hai câu hỏi này?

Nhưng rõ rệt hơn, chiến công kia đâu chỉ của một thời, phải chăng còn là nhờ bao xương máu quan quân triều Nguyễn, từ Tự Đức đến Hàm Nghi, đã đổ ra cho Đất nước trong cuộc kháng chiến chống Pháp, chống Tây Ban Nha, chống tả đạo thực dân, mặc dù xương máu ấy đã bị khuất chìm trong quên lãng. Đó là chưa kể xương máu của phong trào Cần vương vẫn tiếp diễn sau khi Hàm Nghi đã bị bắt, bị lưu đày và nhiều phong trào yêu nước, chống Pháp khác nữa...

Ở một khía cạnh nào đó, ai bảo quan quân từ thời Tự Đức đến thời Hàm Nghi không trong sạch hơn, khí thế hơn trong mấy mươi năm chống thực dân, tả đạo (chống cái ác nói chung) là nhờ chủ nghĩa nhân đạo (cho dù phần nào vẫn còn là nhân đạo siêu hình) trong Truyện Kiều và thơ chữ Hán Nguyễn Du?

Hoá ra, cuối cùng phải chăng là "kẻ phản động" Nguyễn Du (mặc dù Nguyễn Du không phải như Phạm Thái đối với Quang Trung, không phải như Cao Bá Quát đối với Tự Đức (20)), ông đã giàn thể trận chữ nhân đánh giặc ngoại xâm bằng thơ lục bát nghìn xưa, một khi Truyện Kiều cùng bao bài thơ khác của ông đã và mãi mãi khơi sâu, giương cao chủ nghĩa nhân đạo. Cho dù phê phán triều đại nào đi nữa, phê phán kẻ nắm quyền lực nào đi nữa, thơ Nguyễn Du cũng là dòng suối rửa sạch đục vọng, đổ kị trong lòng người, cũng là ngọn lửa thắp sáng chính nghĩa, làm bùng dậy khí thế tiến công vào cái ác thực dân, phát xít, cái ác đế quốc, bá quyền của loài người.

Phải chăng vì thế, vua Tự Đức rất yêu thích Truyện Kiều và thi sĩ Nguyễn Du tài hoa, sâu sắc, nhưng cũng vua Tự Đức ấy lại bảo, sẽ phạt trọng quan đại thần, hữu tham tri Bộ Lễ, chánh sứ, Cần Chánh điện đại học sĩ Nguyễn Du, chỉ bởi lí do vị quan được thăng đến hàm tứ trụ này cứ "đạ

dạ vâng vâng", cứ xin cáo quan, cứ xin nghỉ giả hạn, nếu Nguyễn Du còn sống? Hay Tự Đức yêu thương Kiều đến xót xa nhưng muốn phạt tác giả đã đề cao Từ Hải, "dọc ngang nào biết trên đầu có ai"?

Thử nghĩ về đoạn kết xem. - Hiền Lương tự nhủ, và dẫn dắt cảm nghĩ của mình vào tình tiết cụ thể trong Truyện Kiều -. Cuối cùng, ai cứu được số phận Kiều? Anh hùng nổi dậy Từ Hải? Hồ Tôn Hiến? Hay các sư cô, bà vải và vị quan mẫu mực Kim Trọng? Quả thật, Truyện Kiều là tấm gương phản ánh chân thật hiện thực, Từ Hải là hình bóng Quang Trung (hoặc những người "phù Lê" giai đoạn đầu như Phạm Thái (21)?) ở cao trào, đỉnh điểm của mâu thuẫn bi kịch trong lòng hiện thực ấy, để kết thúc là cảnh đoàn viên như thuở ban đầu, gia đình sum vầy, hạnh phúc, "bốn phương phẳng lặng, hai kinh vững vàng". "Hiện thực hùng vĩ nào, hiện thực âm đạm nào đã "cưỡng bức âm thầm vô thức" Nguyễn Du, hay ông thực sự có ý thức rõ rệt trong việc sáng tạo Truyện Kiều và những bài thơ khác, trong đó nổi bật lên hình tượng Kiều và Từ Hải, cô đào Cầm và Khuất Nguyên?

Có điều, Nguyễn Du đã lí giải hiện thực theo thể giới quan siêu hình:

Đau đớn thay phận đàn bà
Lời rằng bạc mệnh cũng là lời chung
Cũng như ở Văn tế thập loại chúng sinh:
Đau đớn thay phận đàn bà
Kiếp sinh ra thế biết là tại đâu!

Và kết thúc của Truyện Kiều càng đậm đặc sương khói siêu hình:

Cho hay muốn sự tại Trời
Trời kia đã bắt làm người có thân
Bất phong trần phải phong trần
Cho thanh cao mới được phần thanh cao
Có đâu thiên vị người nào

Chữ tài chữ mệnh dồi dào cả hai
 Có tài mà cậy chi tài
 Chữ tài liền với chữ tai một vần
 Đã mang lấy nghiệp vào thân
 Cũng đừng trách lẫn Trời gần Trời xa
 Thiện căn ở tại lòng ta
 Chữ tâm kia mới bằng ba chữ tài

Tại đâu? Tại Trời! Tại luật bù trừ! Tại luật nhân quả siêu hình! Và chung quy chỉ tại cái tâm. Phải giữ cho được gốc rễ của cái thiện vốn có trong lòng mỗi người bằng cái tâm tự tu dưỡng và được giáo huấn, chứ không phải bằng cái tài, hoặc không chỉ bằng cái tài, bởi cái tâm có tác dụng cho lòng người, cho tình đời gấp ba lần tác dụng của cái tài. Cái tài không chỉ kém thua cái tâm về tác dụng mà còn là nguyên nhân của tai họa!

Sương khói siêu hình thêm lung linh hay che lấp chữ tâm? Mờ khuất cả chữ tài? Dẫn đến hậu quả là sợ hãi chữ tài?

Một chủ nghĩa hiện thực của nhãn quan siêu hình! Nhãn quan siêu hình thể hiện ngay trong chủ nghĩa nhân đạo!

Tuy nhiên, nhìn với nhãn quan hiện thực sáng rõ, với quan điểm nhân đạo chủ nghĩa thiết thực, Truyện Kiều phải chăng đã ngầm chứa lời kêu đòi trách nhiệm của phía cá nhân người phụ nữ và phía xã hội (hoặc phía kẻ sĩ và phía triều đình)? Dấu sao, đoạn kết cũng có hậu và phù hợp với quan điểm chính thống của triều Nguyễn. Vì thế, số lần và số lượng xuất bản Truyện Kiều dưới thời Tự Đức là cao nhất, có lẽ vậy. Cũng chưa có triều nào như triều Tự Đức, chiếu cầu hiền với biện pháp cụ thể và mạnh mẽ, "tiên cử người hiền sẽ được trọng thưởng, đim lấp người hiền sẽ bị tử hình", được liên tục ban bố.

Nhìn lên tán cây trứng gà đang xao xác gió, Hiền Lương tiếp tục mạch cảm nghĩ của mình. Cô biết, dấu sao,

Truyện Kiều cũng đã tạo ra nhiều hướng cảm thụ, nhiều cuộc tranh luận. Hiền Lương vẫn còn nhớ, Nguyễn Công Trứ, Nguyễn Khuyến, Chu Mạnh Trinh và cả Tản Đà đã bình phẩm về Truyện Kiều, với những giọng điệu khác nhau. Nguyễn Công Trứ lên án Kiều rất gay gắt, thậm chí nguyện rửa Kiều:

... Chiếc kim thoa [?]
đành phụ nghĩa với Kim lang (22)
Nặng vì hiếu, nhẹ vì tình, thời cũng phải
Từ Mã Giám Sinh cho đến chàng Từ Hải
Cánh hoa tàn đem bán chốn thanh lâu
Bấy giờ còn hiếu vào đâu
Mà bướm chán ong chường cho đến thế
Bạc mệnh chẳng làm người tiết nghĩa
Đoạn trường cho đáng kiếp tà dâm
Bán mình trong bấy nhiêu năm
Đổ đem chữ hiếu mà làm được ai!

Tản Đà thâm thúy, sâu cay:

Đôi dòng nước mắt, đôi làn sóng
Nửa đám ma chồng, nửa tiệc quan
Tổng đốc có thương người mệnh bạc
Tiền Đường chưa chắc mộ hồng nhan!

Chu Mạnh Trinh lại yêu thương đằm đuối Kiều, thông cảm với Kiều bằng tất cả tấm lòng. Ông có một câu văn, đọc lên muốn khóc:

Cánh hoa rụng còn chọn gì đất sạch!

Nguyễn Khuyến lại chê trách Kiều một cách nhân hậu hơn, tuy tận đáy lòng, hẳn ông không thể không phê phán Kiều. Ông cũng cười chua chát về bọn quan lại sâu mọt, thời nào cũng có:

Đời trước làm quan cũng thế a?

Với Tố Hữu, ông viết những câu thơ xúc động nhất của đời thơ mình về Truyện Kiều và tác giả, sau khi đã có lần khóc, "Tố Như ơi, lệ chảy quanh thân Kiều":

Tiếng thơ ai động đất trời
 Nghe như non nước vọng lời nghìn thu
 Nghìn năm sau nhớ Nguyễn Du
 Tiếng thơ như tiếng mẹ ru những ngày
 Hối người xưa của ta nay
 Khúc vui xin lại so dây cùng Người...

Không những thế, Chế Lan Viên ca ngợi Truyện Kiều đến mức, "Nguyễn Du viết Kiều, đất nước hoá thành văn"!

Hiền Lương hiểu khi so sánh Truyện Kiều, chứ không phải nàng Kiều, với lời Non nước, Đất nước, Tố Hữu và Chế Lan Viên không hề và không dám có ý xúc phạm hồn thiêng Sông núi, xúc phạm Tổ quốc. Tác phẩm Truyện Kiều là chủ nghĩa nhân đạo, là tấm lòng bao dung của nhân dân, của Đất nước, còn nhân vật nàng Kiều là đối tượng thương cảm của chủ nghĩa nhân đạo ấy, tấm lòng bao dung ấy. Ở khía cạnh khác, Tố Hữu và Chế Lan Viên cũng phớt lờ cho "kẻ phản động" Nguyễn Du với tâm sự "hoài Lê" chăng? Hay họ vốn quen với cách cảm thụ, phê bình tác phẩm theo ấn tượng chủ quan và theo quan niệm đồng sáng tạo, đến mức tái tạo lại tác phẩm?

Mỗi người, mỗi thời có một cách cảm thụ khác nhau về một tác phẩm và khác nhau về quan niệm văn chương.

Có thể Hiền Lương đã cảm nhận khác với Trần Nguyễn Phan, tác giả của bài thơ ấy? Hay cô chưa kịp hiểu và chưa thật sự thấu hiểu? Nhưng rõ ràng bằng ngôn ngữ thơ, Trần Nguyễn Phan gợi mở trong cô một cách cảm thụ khác với sách giáo khoa nhà trường.

Hiền Lương cũng đã tản mạn rồi, như một cô bé học sinh trung học đang tập làm văn! Cảm nhận chỉ tạm dừng ở một điểm, liên tưởng lại tự dưng đi xa. Cô biến bài thơ của Trần Nguyễn Phan như một gợi ý để rời thoát quá xa hình tượng, ngôn từ của bài thơ, rơi hẳn vào thế giới của Truyện Kiều? (23).

Cô muốn quay lại với câu thơ như một mệnh đề khẳng định, một câu thơ chẳng là gì cả nếu không đặt trong tổng thể bài thơ: chiến công kia đâu chỉ của một thời. Chiến công nào vậy? Chiến công ấy có ngọn lửa của văn chương muôn thuở với chủ nghĩa hiện thực và chủ nghĩa nhân đạo! Chiến công ấy có đóng góp của xương máu nhân dân, quan binh các triều Tự Đức - Hàm Nghi chống tả đạo, chống Pháp và của các phong trào khác về sau cùng chung một mục tiêu...

Hiền Lương lại thấy mình rơi vào sử, chứ không phải cảm thụ thơ!

Đúng là suốt cả mấy tiếng đồng hồ từ trưa đến lúc ngã chiều, lan man, tản mạn! Hiền Lương tự bảo mình phải cảm nhận thơ tốt hơn, bởi cô hiểu hai chữ "tản mạn" của Trần Nguyễn Phan thật ra không tản mạn chút nào. Đúng hơn, "tản mạn" như một thủ pháp nghệ thuật.

Tán cây trứng gà xào xào, lay đập theo luồng gió liên tu bất tận, bỗng dừng lại thừa lá ra ở phía nhánh kia. Nắng xế chiều loé chớp. Và lại loé chớp ánh sáng trong tâm trí Hiền Lương. Một loé chớp trong những loé chớp cộng hưởng, giữa thơ văn người viết với trái tim người đọc.

Còn những trang văn thơ khác? Hiền Lương chỉ ngẫm nghĩ mãi mấy dòng, sau tất cả những gì đã đọc:

"Có thể cái còn gọi là thao thức kia chỉ là hậu quả của sự tuyên truyền. Tuy nhiên, thao thức có thật ấy, trong giai đoạn lịch sử đó, quả thật cũng xuất phát từ sự nhận thức khách quan của rất nhiều người, một nhận thức đã hoá thành nỗi băn khoăn nhức nhối, đọng lại ở các câu hỏi: 1. Chủ quyền Miền Bắc Việt Nam thuộc về ai? 2. Ở Miền Bắc, liệu truyền thống thờ kính cội nguồn tổ tiên, thắp hương tại các đình làng, chùa chiền có được tồn tại? Và tại sao trong nhà sàn Bác Hồ không có bàn thờ gia tiên, theo truyền thống đạo lí của dân tộc Việt Nam ta? Đó cũng là sự thật lịch sử - sự thật về tuyên truyền của Mỹ - ngụy, nhưng cũng là sự thật ở nội tâm một phần không ít nhân dân Miền Nam

Việt Nam. Nhận thức ấy, thao thức ấy, có lẽ chỉ tồn tại trước tháng 4 năm 1975; phải chăng sau đó đã được giải toả; hay bị củng cố thêm bởi hiện thực hằng ngày trước mắt?

Tất nhiên, từ khi diễn ra công cuộc Đổi mới, tình hình đã khác.

Kính mong hãy cảm thông, hoà giải, và đại đoàn kết. Chỉ có thể đại đoàn kết dân tộc một cách bền vững trong tinh thần cảm thông, hoà giải ấy. Làm sao có thể đại đoàn kết được nếu những mặc cảm trong chiến tranh không được giải toả trên cơ sở sự thật lịch sử - sự thật lịch sử đúng như nó đã diễn ra, không bị vo tròn, bóp méo! Tuy nhiên, phải khẳng định và phải khẳng định: Những người cầm súng cho thực dân Pháp, phát xít (fascisme) Nhật, đế quốc Mỹ và "tả đạo" Thiên Chúa giáo, ở Miền Nam Việt Nam (không ít là dân Miền Bắc di cư vào Nam), rõ ràng là bị đẩy vào tình cảnh phản quốc hay ít nhiều cũng tự ý phản quốc. Trong số người bị đẩy vào tình cảnh phản quốc một cách hết sức đau đớn ấy, có một phân số khá lớn là bị kẹt giữa hai gọng kìm lịch sử (một gọng kìm là Pháp + Mỹ + "tả đạo", và, có thể kể thêm Nhật; một gọng kìm khác là Nga Sô + Trung Cộng + chủ nghĩa cộng sản vô thần). Số người thuộc trường hợp này có lòng yêu nước, căm hận Pháp + Mỹ + "tả đạo", căm hận Nhật, và hơn thế nữa, họ cũng rất căm ghét bọn ngụy đích thực, cam tâm làm tay sai đầu sỏ cho bốn loại giặc ngoại xâm ấy, nhưng bị buộc phải cầm súng, làm quan chức cho chúng (hoặc chỉ cầm súng, làm quan chức cho một trong bốn kẻ thù dân tộc vừa liệt kê). Vì vậy, cho nên dẫu sao đi nữa, họ cũng không thể chính danh là một trong những "lực lượng yêu nước", mà bị gọi chung là "ngụy"! Nói cụ thể hơn, đằng sau danh từ "ngụy", có nhiều loại người khác nhau, trong đó không ít người thật sự yêu nước với chính kiến rõ rệt; bị kích của họ là đã dựa vào Pháp + Mỹ + "tả đạo", và Nhật để chống Nga Sô + Trung Cộng + chủ nghĩa cộng sản vô thần với ý định sẽ lần lượt

bề gãy hai gọng kìm lịch sử ấy. Nhưng, chỉ là ảo vọng! Rốt cục, phải chịu mang tiếng là ngụy. Danh đã không chính, thì ngôn không thuận. Có người lòng dạ là rất yêu nước, nên rất khổ tâm, nhưng đã là ngụy quân, ngụy quyền, họ không thể nói cho người khác thuận nghe được, cho dù chỉ là giải bày tâm sự. Đó là nỗi đau của họ. Vả lại, những người thuộc dạng có lòng yêu nước thật sự nói trên, bọn thực dân, phát xít, đế quốc, "tả đạo" thường không sử dụng. Bất đắc dĩ chúng cũng sử dụng tạm thời hoặc chỉ sử dụng ở những chức vụ thấp, ở cấp tỉnh, cấp quận, không quan trọng, và ít nguy hiểm đối với chúng.

Xét về lực lượng kháng chiến, từ các tổ chức cộng sản sơ khai (trước 1930), đến Việt Minh (Mặt trận Việt Nam độc lập đồng minh, từ tháng 8.1941), và có lẽ sau 1954, ở Miền Nam thường gọi là Việt Cộng (Cộng sản Việt Nam), nhận định chung là thế nào? Sau khi đám mây mù tuyên truyền của ngoại xâm và ngụy tan đi, ai cũng thấy rõ sự thật lịch sử là: Hết sức hiển nhiên, lực lượng nào đánh bại được Pháp, Nhật, Mỹ, "tả đạo" Thiên Chúa giáo, bá quyền Trung Quốc, đánh đổ được ngụy triều Huế (1885 - 1945) (II.19), ngụy quyền Sài Gòn (1954 - 1975), chế độ diệt chủng Khơ Me (Kh'mer) Đỏ, chính danh và chính nghĩa thuộc về lực lượng ấy. Đó là đa số nhân dân Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam. Tuy nhiên, cũng có một sự thật (tuy chỉ giới hạn nhất định là qua báo chí, đài phát thanh, truyền hình trong nước), sự thật đó là, mặc dù không một ai trên thế giới này có thể phủ nhận được chiến thắng hiển hách, lừng lẫy của lực lượng kháng chiến Việt Minh, Việt Cộng, nhưng vẫn có người, nhất là một số Việt kiều ở hải ngoại, vẫn không chấp nhận Việt Minh, Việt Cộng là chính danh, chính nghĩa, thậm chí còn chống Nhà nước xã hội chủ nghĩa Việt Nam một cách cuồng dại! (24)".

Hiền Lương thật lòng không biết nghĩ ngợi thế nào! Rõ ràng Trần Nguyễn Phan rất muốn làm sáng tỏ sự thật lịch

sử và kiểm nghiệm chân lí, đồng thời góp phần nhỏ vào việc thúc đẩy sự nghiệp đại đoàn kết dân tộc, đại đoàn kết nhân loại, hàn gắn vết thương chiến tranh trên cơ sở đó. Nhưng cũng rõ ràng là anh ấy không muốn mình mê cuồng chút nào, cũng không đại ngôn chút nào. Rõ ràng Trần Nguyễn Phan đã viết văn, nghiên cứu như một cách đối thoại, hay như một cách đấu tranh ở các diễn đàn ngôn luận học thuật và văn chương, một cụm từ ngữ thường dùng thuở nào. Liệu có sự đối thoại nghiêm túc, chân thành, cởi mở trong tinh thần tự do, dân chủ phù hợp với nhân quyền và hiến pháp chăng?

Hiền Lương nhớ anh Hành có lần bảo: "Trần Nguyễn Phan khao khát được đăng tải trên báo, được xuất bản thành sách những gì anh ấy đã viết. Trần Nguyễn Phan cũng rất kính yêu câu văn của Nguyễn Trãi, đại để: Kính mong bệ hạ làm thế nào cho tận thôn cùng xóm vắng, không còn tiếng hờn giận oán sầu". Không những Trần Nguyễn Phan mà cả anh Quyển, ba của cô (chú Nông), không hện nhau nhưng ai cũng thích câu văn ấy của Nguyễn Trãi. Thực chất đó là nền tảng đồng thời là sứ mệnh của văn nghệ, học thuật. Liệu quyền tự do báo chí, quyền tự do xuất bản có được Nhà nước, xã hội tôn trọng, bảo vệ và tạo thuận lợi chăng? Trần Nguyễn Phan có ảo tưởng chăng? Ngay cách viết với giọng điệu, ngôn từ khách quan, thẳng thừng của anh ấy phải chăng đã là một sự đại dốt?

Hiền Lương nhìn sững lên tán cây trứng gà, và chợt nhớ, mới hôm nào đây, gió mạnh đến nỗi lá cành bị lay đập đến quần quai. Hôm ấy, cô đã liên tưởng, lòng bao nhiêu người cũng quần quai như thế. Không ai muốn bị quần quai bao giờ!

Sau một lúc để trí tưởng tượng trôi theo dòng chảy của nó, Hiền Lương chợt giật mình, như thể khựng lại. Cùng lúc đó, cô thấy những dòng chữ thể hiện ý tưởng của Trần Nguyễn

Phan về một phân số đông đảo binh lính, sĩ quan, công chức của chế độ cũ, mới thoáng đọc qua, có vẻ phi lô gích, thiếu tính hợp lí. Nhưng quả thật, phân số bị gọi là "ngụy" ấy, họ chống chế độ Pháp - ngụy, Nhật - ngụy, Mỹ - ngụy và chống "tà đạo" Thiên Chúa giáo, đặc biệt là chống những tên tay sai đầu sỏ ngụy, cỡ tổng thống, thủ tướng, tướng lĩnh ngụy, một cách thâm trầm hoặc rất công khai, đó là sự thật lịch sử, một sự thật lịch sử xem ra có vẻ nghịch lí nhưng hoàn toàn đúng với hiện thực đã diễn ra! Hiền Lương chưa có dịp đọc nhiều những trang nhật báo, tạp chí và sách xuất bản tại Miền Nam trước Ngày Giải phóng 1975, bằng cách nọ hay cách kia, người cầm bút đã viết về sự thật đó, nhưng cô đã đọc vào chính cuộc đời ba cô, thiếu úy ngụy Hoàng Nông, cùng bao nhiêu người đồng cảnh ngộ lịch sử khác nữa, và cô thâm thía hiểu! Xét cho cùng, bất kì cái phi nghĩa nào cũng gặp sự chống đối và căm hận. Quan lính ngụy, công chức ngụy chống đối, căm hận giặc ngoại xâm, ngụy đầu sỏ, có gì lạ kì đâu! Huống chi hình tượng nhân vật Phan nào đó (phải chăng là tác giả?) chỉ là một học sinh trung học, chưa có một giây trong đời anh ta dính líu đến các thứ giặc ngoại xâm và các thứ ngụy! Ô, Hiền Lương bỗng nhớ lại lời Hành kể hôm nào, nên cô biết chắc chắn nhân vật Phan chính là tác giả Trần Nguyễn Phan.

Đúng vậy, về Trần Nguyễn Phan, và cũng đúng vậy về rất nhiều người tuổi trẻ khác khắp Miền Nam này. Lô gích, tính hợp lí về thực chất của sự thật lịch sử Miền Nam là thế đó, dẫu mới đọc thoáng qua, lại cứ ngỡ là phi lô gích, phi lí! Chợt nghĩ về cái giặc mình, thoáng khựng lại vừa rồi, Hiền Lương nhận thấy trong những nếp gấp tư duy của mình, hình như có một đường hằn, lối mòn của kiểu tư duy sông đụt, một chiều của người máy trong một xã hội rô bốt, loại sản-phẩm-người-máy của Mút-xô-li-ni (Moussolini), tên trùm phát xít Ý, với câu nói nổi tiếng của y trong việc chia phần với giáo hoàng La Mã, buộc giáo hoàng phải chấp nhận lép

về, chịu phần thiệt: "Tôi chiếm hữu người dân Ý từ khi họ lọt lòng cho đến lúc họ trút hơi thở cuối cùng; bấy giờ mới thuộc quyền của đức giáo hoàng"! Không. Hiền Lương nói không với định kiến phát sinh từ xã-hội-người-máy, với cả giáo hoàng; nói không với định kiến hình thành từ chủ nghĩa lí lịch. Cô đã kiểm nghiệm nhận thức của mình vào chính thực tiễn sinh động của hiện thực xã hội, trong đó có bao con người mà một phần đời của họ đã ở bên kia điểm mốc lịch sử ba mươi tháng tư bảy lăm (30.4.1975).

Hiền Lương lại nhìn sững lên tán cây trứng gà. Nắng chiều đã dịu. Bỗng dưng Hiền Lương thấy mình hơi vờ vẩn, buồn cười, và hơi tầm thường nữa. Hiền Lương hơi buồn khi chất nghệ sĩ của cô hơi bị chất sử, chất triết, chất chính trị lẩn lướt, mặc dù tất thảy những chất ấy đều cực kì hệ trọng, bởi có gì hệ trọng hơn xương máu! Nhưng sao cảm thụ thơ văn, cô lại lãng quên, bỏ mất tính nghệ thuật và nói chung, tính chỉnh thể của từng bài? Sao cô cứ đắm đắm vào câu thơ, đoạn văn ấy? Có lẽ những vấn đề sử, triết, chính trị ở đó đã và đang tác động đến số phận mình, cũng như số phận bao nhiêu triệu người khác. Hiền Lương tự bảo, mình tự tầm thường hoá chính mình rồi sao! Không. Không phải thế. Chỉ vì đó là những vấn nạn bức thiết!

Hiền Lương rời khỏi chiếc võng, đứng dậy, nhìn ra khu vườn xanh mướt lá trong nắng chiều.

Trong một thoáng, Hiền Lương bất chợt nhận ra một điều hết sức giản dị: Bi kịch của những người bị kẹt giữa hai gọng kìm lịch sử chính là bi kịch của những người kiên định với lòng yêu nước sắt son theo chủ nghĩa dân tộc truyền thống, dân chủ, tự do (tuy có người chỉ giới hạn ở mức độ quân chủ lập hiến). Họ không tìm ra một liên minh dân tộc chủ nghĩa nào trên thế giới cả! Mặc dù số lượng người yêu nước, dân tộc chủ nghĩa, dân chủ, tự do trong từng nước là rất lớn, số lượng đất nước dân tộc chủ nghĩa, cộng hoà cũng rất nhiều, nhưng không thể lập được liên minh trên thế

giới (25)! Có lẽ do sự li gián, phá hoại của các thế lực đế quốc chủ nghĩa! Ở nước Việt mình, số người rơi vào bi kịch này không chỉ trong Nam, mà cả ở ngoài Bắc. Đối với họ, họ những muốn bẻ gãy cả hai gọng kìm kia, nhưng không thể bẻ nổi! Sau khi cuộc chiến tranh 131 năm (1858 - 1975 - 1989) chấm dứt, hiện tại, cho đến lúc này, trong nước vẫn còn hai gọng kìm đó, và vẫn là hai lực lượng. Trước đây, hai lực lượng đối nghịch nhau ấy, là Đảng Cộng sản Việt Nam kháng chiến cứu nước và Giáo hội Thiên Chúa giáo Việt Nam tay sai phản quốc, cả hai đều có sự ủng hộ của hai khối trên thế giới, đứng đầu bên này là Nga - Trung, đứng đầu bên kia là Pháp - Mỹ. Chính vì thế, một bên đáng ngờ, một bên đáng ghét. Bên đáng nghi ngờ lại là cộng sản, tam vô (26), lệ thuộc Mát-xcơ-va (Moscou), Bắc Kinh; bên đáng căm ghét lại là tư hữu, duy tâm, coi trọng "nước Chúa" và xem khinh Tổ quốc, lệ thuộc La Mã (Rome), Pa-ri (Paris), Niu-oóc (Newyork). Còn bây giờ? Đâu phải lực lượng Thiên Chúa giáo không còn tồn tại trong nước, mà thậm chí vẫn tồn tại như một tổ chức công khai đồng thời như một thế lực ngầm, mưu toan đảo ngược sự thật lịch sử và vị thế chính trị!

Hiền Lương thở dài. Cùng với tiếng thở dài là một câu hỏi lại nảy sinh: Chẳng lẽ trong lòng Đất nước, dòng sông Bến Hải như một vết thương vẫn chưa chịu lành? Hiền Lương tự nhủ, thôi, hãy quên hết đi, chỉ nhớ một điều đáng nhớ: Bi kịch của những người bị kẹt giữa hai gọng kìm lịch sử chính là bi kịch của những người kiên định với lòng yêu nước sắt son theo chủ nghĩa dân tộc truyền thống, dân chủ, tự do (tuy có người chỉ giới hạn ở mức độ quân chủ lập hiến). Và chẳng lẽ chính Hiền Lương cũng đang rơi vào bi kịch kia, một bi kịch ngỡ chỉ thuộc về quá khứ với những thế hệ trước? Chẳng lẽ hai câu thơ của Tố Hữu từ thuở ấy đến phút giây này vẫn còn xoáy sâu vào trái tim thế hệ Hiền Lương bằng dấu hỏi của nó:

"Bâng khuâng đứng giữa hai dòng nước
 Chọn một dòng hay để nước trôi?"
 Hiền Lương bước vào nhà. Phía sau lưng cô, vẫn tán
 cây trứng gà xao xác gió, vẫn khu vườn chiều rực rỡ nắng.

13. CƯỚI CHÚ chương XIII:

a. cưới chú của bài bút kí "Một chút tự bạch: Giữa vòng tay Tam Kỳ và bè bạn" (bút kí, viết tắt là bk):

(Ibk) Trần Xuân Kiêm dịch, Quế Sơn - Võ Tánh xb., Sài Gòn, 1971.

(IIbk) Vượt qua hoàn cảnh bị kịch bằng óc phân tích và thái độ dũng cảm.

(IIIbk) Nhất Hạnh, Đạo Phật đi vào cuộc đời, Lá Bối xb., Sài Gòn, 1966.

(IVbk) Xin xem cuối bút kí này.

(Vbk) "Không có thì đánh cho có, có thì đánh cho chừa" ("khẩu hiệu" nhà tù Mỹ - ngụy).

(VIbk) Vận dụng một nhận định văn chương.

(VIIbk) Xin xem cuối bút kí này.

(VIIIbk) Bài "Hồ trường" của Nguyễn Bá Trác (1881 - 1945). Đó là một kẻ sĩ đã từng tham gia phong trào Duy Tân, Đông Du, sang Nhật. Đang học tập dở dang, ông phải về Trung Quốc khi Nhật đã câu kết với Pháp, trục xuất du học sinh Việt Nam. Sau đó, Nguyễn Bá Trác đành sống trong tâm trạng u uất, bi phẫn, bế tắc, và rồi y lại phản bội, làm tay sai, ngụy quan cho giặc Pháp. Cuối cùng, y phải đền tội. Cũng như Phạm Quỳnh, y bị chính quyền Việt Minh xử bắn. Dấu sao, bài thơ trên cũng đã thể hiện hết tâm trạng của những người thuộc trường hợp như Nguyễn Bá Trác, trong giai đoạn cực kì bế tắc hồi đầu thế kỉ.

Tuy nhiên, một tác phẩm văn chương thông thường được cảm thụ theo tâm trạng của người đọc hơn là vì nhớ đến tác giả.

Đó là điều tôi muốn nhấn mạnh, trước khi xin được nhấn mạnh thêm điều cốt yếu sau đây: Trong những năm bảy mươi của thế kỉ trước (XX) ở Miền Nam, bài "Hồ trường" khá thịnh hành bởi tâm trạng bế tắc của vài thế hệ (từ tuổi thanh niên đến tuổi lão niên), và bởi dù muốn dù không, họ cũng đành phải "thỏa hiệp" với chế độ Mỹ - ngụy và "tả đạo".

Có tư liệu cho rằng Nguyễn Bá Trác chỉ là dịch giả của bài thơ trên.

(19) Một tên khác của Đảng Lao động Việt Nam, tức là Đảng Cộng sản Việt Nam hiện nay.

b. cước chú bài "Một ý nhỏ về một truyền thống lớn và một nhân vật lịch sử lớn" (bàn thờ gia tiên, viết tắt là gt):

(agt) Đối chiếu niên đại, thấy rõ Các Mác (Karl Marx, 1818 - 1883) không thể không biết quá trình thực dân Pháp, Tây Ban Nha và "tả đạo" xâm lược nước ta. Hai nước thực dân Anh, Đức là hai nơi Các Mác sinh trưởng, cư trú, hoạt động hầu hết cuộc đời. Thực dân Anh, Đức ít nhiều cũng trực tiếp dính líu vào quá trình xâm lược ấy. Đó là giai đoạn dân tộc ta cùng triều Nguyễn phải kháng chiến, đương đầu, bằng sách lược chiến - hoà - thủ - chiến (1858 - 1885)! Cho đến nay, tôi chưa được đọc một dòng chữ nào của Mác bênh vực, ủng hộ nước ta thuở đó!

(bgt) Trích nguyên văn: Phan Ngọc, Bản sắc văn hoá Việt Nam, Nxb. Văn hoá - Thông tin, 1998, tr. 465 và tr. 477.

(c.1gt) Xem thêm: Trần Xuân An, Sen đỏ, bài thơ hoà bình, tiểu thuyết, Nxb. Thanh Niên, 2003.

(*) Chú thích viết tay của Đặng Văn Hồ cuối một bài viết (đánh máy chữ) của ông, bản pho-to-co-py: Dẫn theo Lê Mậu Hãn, Hồ Chí Minh với ngọn cờ độc lập, dân tộc trong cương lĩnh đầu tiên của Đảng; dẫn lại trong Chủ tịch Hồ Chí Minh - Người chiến sĩ kiên cường trong phong trào giải phóng dân tộc, phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, Nxb. Thông tin - lí luận, Hà Nội, 1990, tr. 355.

(**) Chú thích của Đặng Văn Hồ trong bài viết trên: Dẫn theo GS. Đinh Xuân Lâm, Một bức thư của Nguyễn Ái Quốc năm 1938, Tạp chí Lịch sử Đảng, số tháng 3.1992, tr. (?).

(c.2gt) Xin xem chương cuối tiểu thuyết.

(dgt) Xem: Nguyễn Đắc Hiền (chủ biên), Nguyễn Hữu Hiếu, Ngô Bé (biên soạn), Cụ phó bảng Nguyễn Sinh Sắc, Khu Di tích Nguyễn Sinh Sắc và Sở Văn hoá - Thông tin Đồng Tháp xuất bản, 1990.

(egt) Vào năm 1979 hoặc 1980, trên báo Nhân Dân, cơ quan ngôn luận của Đảng Cộng sản Việt Nam, Đảng đã công bố bị vong lục về mối quan hệ Việt - Trung, tố cáo tham vọng bành trướng, bá quyền của tập đoàn lãnh đạo Trung Nam Hải (Bắc Kinh). Bị vong lục là sách (lục) làm đầy đủ (bị) lại những điều bỏ quên (vong), thường được gọi là sách trắng với nghĩa là nói trắng ra một cách minh bạch những chuyện tạm thời bị khuất lấp, bỏ quên trong quá khứ.

c. cước chú ba bài thơ của Trần Nguyễn Phan (Trần Xuân An) (thơ, để nguyên là thơ):

(1thơ) Các Mác (Karl Marx); (2thơ) Nguyễn Diệp; (3thơ) và Nguyễn Đình Thi, Kh-rap-chen-cô.

Đối với triều Nguyễn, một triều đại tiến bộ hơn triều đại vua Lê chúa Trịnh thối nát, ươn hèn, mất tính chính thống, thì qua một phần nào đó thể hiện ở thơ ca Nguyễn Du, qua biểu hiện rõ rệt nhất là ở hành trạng Phạm Thái, Cao Bá Quát, phải chăng cũng như lời nhận định của Các Mác về La-mác-tin (Lamartine), họ đúng là những "kẻ phản động có lời thơ tao nhã"? Xin xem các chú thích (18), (34), (35), (36).

(4thơ) Bành trướng, bá quyền Trung Quốc.

Liên Xô (hoặc mối quan hệ đoàn kết với Liên Xô) thường được gọi là hòn đá tảng (có nghĩa là cơ bản). Các nước thuộc Liên Xô cũ đã tuyên bố độc lập.

(5thơ) mỗi người tự sinh nở chính mình, như đích thực con người.

Một khi đã trưởng thành thật sự, mỗi con người phải thật sự độc lập, tự do về tư tưởng, không phụ thuộc tư tưởng của bố mẹ hoặc bất kì ai... Hai chữ "mồ côi" xin được hiểu một cách tu từ.

(6thơ) Tập thơ Lặng lẽ ở phố được xuất bản với tên thật của tác giả: Trần Xuân An.

42 Ở đây có một chú thích cuối sách, sđd., của Nxb. Sự Thật, Hà Nội, mang kí hiệu 42. Để ngắn gọn bớt, tôi mạn phép Nxb. không trích lại nguyên văn. Tôi chỉ xin nói thêm: Khác với mọi cuộc thập tự chinh ở các thế kỉ XI - XIII tại Trung Đông, những đoàn quân xâm lược giương cao lá cờ thập tự Thiên Chúa, ở giai đoạn thuộc

các thế kỉ XVI - XIX, tại các nước Á, Phi, Mỹ la tinh và riêng ở Việt Nam, thực dân viễn chinh không cần ngụỵ trang thành giáo sĩ (tuy ít nhiều cũng có), giáo sĩ không cần ngụỵ trang thành thực dân viễn chinh, mà trắng trợn hơn nhiều. Nét khác hẳn nữa, ấy là giáo sĩ cùng thương nhân đi truyền đạo, buôn bán để thăm dò, tạo nội phản trước.

d.cuớc chú của bài tiểu luận "Độc lại "Tuyên ngôn Đảng Cộng sản" (1847 - 1848) của Mác và Ăng-ghe-n (K. Marx & F. Engels)" (Tuyên ngôn Đảng Cộng sản, viết tắt là Tng):

(1Tng) Từ điển triết học, bản tiếng Việt, Nxb. Tiến Bộ, Mát-x-cơ-va (1975), liên kết với Nxb. Sự Thật, Hà Nội, 1986, tr. 205.

1* Chú thích trong bản sách, sđd., Nxb. Sự Thật, Hà Nội, mang kí hiệu 1*: Bản tiếng Anh năm 1888 dịch: "tự xây dựng thành giai cấp thống trị trong dân tộc".

46 Chú thích của Nxb. Sự Thật, Hà Nội, mang kí hiệu 46: Luận điểm này đúng trong thời đại Mác và Ăng-ghe-n sống. Trong điều kiện lịch sử mới, trong thời đại đế quốc chủ nghĩa, V.I. Lê-nin đã tìm ra quy luật phát triển không đều của các nước tư bản; và, xuất phát từ luận điểm này, đã chứng minh khả năng thắng lợi của cách mạng vô sản thoát đầu ở một số nước hoặc thậm chí ở riêng một nước. Lần đầu tiên điều đó đã được Lê-nin trình bày trong bài "Bàn về khẩu hiệu liên bang châu Âu". (Xem V.I. Lê-nin, Toàn tập, Nhà Xuất bản Sự Thật, Hà Nội, 1963, tập 21, tr. 399) - (BT.). Tr. 76 (của sách đang được trích dẫn - TNP. ct.).

(2Tng) Từ điển triết học, sđd., tr. 712 - 713.

(3Tng) Từ điển triết học, sđd., tr. 659 - 660.

(4Tng) Từ điển triết học, sđd., tr. 121 - 122.

(5Tng) Từ điển triết học, sđd., tr. 588.

1* Có một chú thích trong bản sđd., mang kí hiệu 1*, nhưng không có gì quan trọng, có lẽ không cần trích ra ở đây.

(6Tng) Làm hết năng lực, hưởng theo nhu cầu (các tận sở năng, các thụ sở nhu). Theo đó, mọi người đều ra sức làm việc cho hết năng lực của mình một cách hoàn toàn tự giác, và tất nhiên mọi người đều được hưởng thụ theo nhu cầu tối đa của bản thân cũng một cách hoàn toàn tự giác. Đây là một điều quá lí tưởng, nên trong cuốn "Đường khách mệnh", Nguyễn Ái Quốc không nói đến.

Về sau, trong tinh thần "không sợ thiếu thốn, chỉ sợ [phân phối] không công bằng", còn có câu: Làm theo lao động, hưởng theo phân phối (các tuý sở nghệ [?], các thụ tuý phân [?]), có nghĩa là làm theo nghiệp vụ được đào tạo, và hưởng thụ theo sự phân phối (trong thời chiến tranh, thường là kham khổ, không đúng sở thích), chứ chưa phải được hưởng theo nhu cầu. Câu thứ nhất áp dụng vào giai đoạn cộng sản chủ nghĩa (xã hội đã phát triển cao). Câu thứ hai áp dụng vào giai đoạn xã hội chủ nghĩa (xã hội còn ở mức phát triển thấp).

(7Tng) Quốc sử quán triều Nguyễn, Đại Nam thực lục, chính biên, tập 28, bản dịch Tổ Phiên dịch Viện Sử học, Nxb. Khoa học xã hội, 1973, tr. 381 - 382.

(8Tng) Xem thêm: Trần Xuân An, Sen đỏ, bài thơ hoà bình & Ngôi trường tháng giêng, Nhà Xuất bản Thanh Niên, 2003 (cùng xuất bản một lượt). Nhiều vấn đề khác, cùng vấn đề chủ nghĩa xã hội với năm thành phần kinh tế và vấn đề bản sắc văn hoá dân tộc đã được đề cập tập trung nhất trong hai tiểu thuyết này.

Hai cuốn tiểu thuyết ấy, tác giả đã viết xong vào hai năm 1998 và 1999.

Hai bài "Một ý nghĩ nhỏ về một truyền thống lớn và một nhân vật lịch sử lớn", "Đọc lại Tuyên ngôn Đảng Cộng sản (1847 - 1848) của Mác (Karl Marx) và Ăng-ghe-nh (F. Engels)", tác giả tiểu thuyết (Trần Xuân An) mới viết trong hai tháng 11 & 12.2003 (10 & 11. Quý mùi HB.3). Tuy vậy, lần sửa chữa, bổ sung cuốn Mùa hè bên sông này, tác giả vẫn đưa vào, để giải quyết trọn vẹn hơn những vấn đề mà Mùa hè bên sông đặt ra, mặc dù thời điểm diễn biến câu chuyện trong Mùa hè bên sông là năm 1996. TXA.

(9Tng) Nguyên văn về quyền giữ gìn, bảo vệ bản sắc văn hoá dân tộc: "Không được xâm phạm thuần phong mỹ tục" (khi thực hiện các quyền tự do, dân chủ). Quyền tự do yêu nước, giữ nước, dựng nước là một quyền đương nhiên, chỉ có ý nghĩa và giá trị khi được thể hiện bằng hành động cụ thể thông qua việc thực hiện các nhân quyền tự do, các dân quyền dân chủ cơ bản và chính đáng khác.

(20) Ở đây, chưa nói đến những kẻ phản động và phản quốc, câu kết với thực dân viễn chinh, thực dân tả đạo đích thực, như Lê

Văn Khôi, Nông Văn Vân dưới triều Minh Mạng, như Tạ Văn Phụng, Hồ Văn Vạn dưới thời Tự Đức. Lê Văn Khôi vốn là kẻ phản loạn ở Bắc Kỳ, được Lê Văn Duyệt thu phục; về sau y lại câu kết với cô đạo Marchand (cô đạo Du) và bọn tù nhân phản loạn Bắc Kỳ bị đẩy vào Gia Định (cải tạo tốt nên được tha, gọi là những người "Bắc thuận", "hồi lương") để nổi loạn, từ 1833 đến 1835. Cùng thời điểm đó, Nông Văn Vân là anh em rể của Lê Văn Khôi, cũng nổi loạn ở Thái Nguyên. Một trong những nguyên nhân chính của cuộc nổi loạn này là "chủ nghĩa lí lịch"! Ngoài ra, Pierre Tạ Văn Phụng (tín đồ "tả đạo" do thực dân cố đạo đào tạo), mạo nhận là hậu duệ nhà Lê, là tay sai, phản quốc đúng nghĩa (thời điểm 1854, 1861 - 1865). Hồ Văn Vạn cũng là tín đồ "tả đạo", câu kết với giặc Pháp, cũng với chiêu bài "phù Lê" (thời điểm 1873 - 1875). Trần Lục (cụ Sáu) là một linh mục "tả đạo", tay sai đắc lực của Pháp, xúi giục giáo dân câu kết với giặc trong các trận đánh chiếm của chúng ở Ninh Bình, cắt đường giao thông của quan quân triều đình ra Bắc Kỳ (1882 - 1885...).

Xin nhấn mạnh, phong trào phù Lê giai đoạn đầu (1786 -1802...), mặc dù ít nhiều có câu kết với giặc Khách (Tàu), nhưng vẫn khác về nhân sự, nhất là về bản chất với các cuộc nổi loạn, phản quốc, mượn chiêu bài "phù Lê", câu kết với "tả đạo", thực dân, hoặc đúng là "tả đạo" tay sai đích thực, ở giai đoạn sau (1858 - 1885...). Xin xem thêm chú thích II.22.

(21) Ở đây chỉ nói về trình độ văn hoá, và cũng vì Phạm Thái là một nhân vật dễ hình dung. Trong thực tế, Phạm Thái chưa thật sự dấy binh nổi loạn. Xin xem tiếp chú thích (34).

(22) Riêng câu này tác giả tiểu thuyết (TXA.) chưa tra cứu lại được.

(23) Truyện Kiều là một tác phẩm được Nguyễn Du sáng tác theo nguyên mẫu văn bản Kim Vân Kiều truyện của Thanh Tâm Tài Nhân (Thanh Tâm Tài Nhân phỏng theo Dư Hoài, Dư Hoài phỏng theo Mao Khôn). Phương thức sáng tác dựa vào sự tích, chuyện cổ thuộc về quan niệm văn học trung đại, như Sếch-x-pia (Shakespeare), Gớt (Goe the)... Do đó, cần làm một phép toán trừ, tìm ra phần sáng tạo độc đáo của riêng Nguyễn Du, mới có thể nhận định đúng về ông. Tuy nhiên, ngay việc Nguyễn Du chọn lựa, không phải nguyên mẫu văn bản nào khác, mà chọn lựa

chính Kim Vân Kiều truyện, một trong hàng ngàn tác phẩm cổ của nước ngoài, để sáng tạo lại, cũng đã ít nhiều thể hiện sự đồng cảm, lí tưởng thẩm mĩ của Nguyễn Du. Đặc biệt, qua đó, Nguyễn Du nhằm kí thác tâm sự của mình, nên chân dung tâm hồn, tư tưởng Nguyễn Du càng rõ nét. Nhưng dẫu sao, trong mọi trường hợp sáng tạo lại (phỏng tác) như thế này, cũng cần phải lưu ý đến nguyên mẫu văn bản. Đối với Nguyễn Du và Truyện Kiều cũng vậy, để khỏi ép uổng (khiên cưỡng), ngộ nhận về ông.

Xem thêm: Thanh Tâm Tài Nhân, Truyện Kim Vân Kiều, bản dịch Nguyễn Đức Vân, Nguyễn Khắc Hanh, Nxb. Hải Phòng, 1994.

(24) Xin vui lòng xem thêm bài bạt: "Ý nghĩ khi đọc lại tiểu thuyết của mình, Mùa hè bên sông: Danh dự Tổ quốc và thói tệt sùng báỉ cá nhân người nước ngoài...".

(25) Việt Nam Quốc dân đảng do Nguyễn Thái Học chính thức sáng lập vào ngày 25.12.1927 (tiền thân là Nam Đồng thư xã của Phạm Tuấn Tài, 1926), mô phỏng theo mô hình và tôn chỉ của Trung Hoa Quốc dân đảng do Tôn Dật Tiên sáng lập. Tuy vậy, giữa hai đảng này, trong giai đoạn đầu, không có quan hệ nào cả. Tôn chỉ của Việt Nam Quốc dân đảng: "Dân tộc độc lập, dân quyền tự do, dân sinh hạnh phúc", gọi tắt là chủ nghĩa tam dân. Trung Hoa Quốc dân đảng đã tiến hành cuộc cách mạng Tân Hợi, 10.10.1911, giành được chính quyền, thành lập nhà nước dân chủ theo mô hình tổng thống chế. Việt Nam Quốc dân đảng tiến hành cuộc khởi nghĩa ở Bắc Kì, theo kế hoạch, nổ ra từ ngày 09.02.1930, nhưng thất bại. Đây là cuộc khởi nghĩa hoàn toàn độc lập, không có mối liên hệ nào với Trung Hoa Quốc dân đảng (mặc dù có liên hệ để tìm kiếm viện trợ của tỉnh Vân Nam, Trung Hoa). Trong cuộc khởi nghĩa này, Yên Bái (hay còn gọi là Yên Bái, thị xã của tỉnh Yên Bái) là nơi khởi nghĩa quyết liệt nhất, và do Nguyễn Thái Học cùng nhiều đồng chí khác của ông bị thực dân Pháp tuyên án tử hình, mai táng ở đó, nên thường gọi là "khởi nghĩa Yên Bái". Sau khi Nguyễn Thái Học bị hi sinh, nhất là vào những năm bốn mươi (XX), Việt Nam Quốc dân đảng dần dần phân hoá và thoái hoá, thậm chí về sau còn liên minh với phát xít Nhật, tìm hậu thuẫn ở Mỹ, do "thế kẹt lịch sử", tương tự như Trung Hoa Quốc dân đảng (do liên minh giữa Trung Hoa Quốc

dân đảng với Đảng Cộng sản Trung Quốc, thường gọi tắt là liên minh Quốc - Cộng, chống phát xít Nhật, bị tan vỡ)...

Việt Nam Quốc dân đảng là một chính đảng yêu nước có lịch sử đấu tranh chống Pháp về vang, không hề có một bộ sử nào từ trước đến nay (1930 - 2003) phủ nhận điều đó. Đáng tiếc là có sự phân hoá và thoái hoá, sai lầm về sau, do "thế kẹt lịch sử". Nguyễn Ái Quốc (Hồ Chí Minh) cũng rất đề cao chủ nghĩa tam dân, đánh giá là chủ nghĩa tam dân rất phù hợp với tình hình Việt Nam...

Quốc dân đảng chỉ có ảnh hưởng ở hai nước Việt - Hoa. Điều cần chú thích ở đây là không từng có một liên minh dân tộc chủ nghĩa trên phạm vi toàn thế giới.

Xin lưu ý: Vào quý ba năm 1924 (từ tháng bảy đến tháng chín năm Giáp tí), Phan Bội Châu và Nguyễn Hải Thần giải thể Việt Nam Quang phục hội, sau khi bàn bạc trực tiếp với Tưởng Giới Thạch tại Hoàng Phố học hiệu, để thành lập Việt Nam Quốc dân đảng. Tuy nhiên, ngay thời điểm đó (tháng chín năm Giáp tí [1924]), sau khi đưa chương trình đảng cương cho Hồ Tùng Mậu đem về nước truyền bá, Phan Bội Châu không hay biết gì về Việt Nam Quốc dân đảng nữa. Đây là tiền thân của nhóm Việt Cách do Nguyễn Hải Thần lãnh đạo, khác với nhóm Việt Quốc do Nguyễn Thái Học sáng lập (vào năm 1927) nói trên. Về sau Việt Quốc được kế tục bởi Vũ Hồng Khanh, Nguyễn Tường Tam.

Tưởng Giới Thạch ít ra cũng có đến hai lần "thoả hiệp" quyền lợi với Pháp, kí hiệp ước với Pháp về Đông Dương, phản bội những người cách mạng Việt Nam (cả khuynh hướng Quốc dân đảng lẫn Cộng sản...), vào hai năm 1935, 1946.

Xem: Phan Bội Châu, Tự Phán, bản tiếng Việt, Nxb. Văn hoá - Thông tin tái bản, 2000, tr. 248 - 250; Phan Khoang, Trung quốc sử lược, in tại nhà in Hồng Phát, Chợ Lớn, 1958, tr. 536.

Xem thêm: GS. Trương Hữu Quýnh, GS. Đinh Xuân Lâm và PGS. Lê Mậu Hãn (nhóm chủ biên), Đại cương Lịch sử Việt Nam, toàn tập, Nxb. Giáo Dục, tái bản lần thứ tư, 2001, tr. 739 - 743, 751 - 756, 835 - 871...

Xem thêm chú thích (28), I.115, II.24.

(26) Hai chữ "tam vô" trên đây là theo lập luận của một phân số trong nhân dân ta, được tái hiện ở mạch suy tư của nhân vật. Tác

giả xin nói cho đúng sự thật lịch sử: Trong tam vô (vô gia đình, vô Tổ quốc, vô tôn giáo), ở Việt Nam chỉ có một "vô" được truyền truyền, giáo dục và thực hiện mà thôi. Đó là vô tôn giáo. Còn danh từ Tổ quốc có thời gắn liền với định ngữ xã hội chủ nghĩa, trở thành Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Cũng có thời Tổ quốc đẳng lập với chủ nghĩa xã hội, giữa hai cụm danh từ có thêm chữ và; các văn bản thường viết: Tổ quốc và chủ nghĩa xã hội, như một cụm từ cố định, với ý nghĩa trong thời đại chống chủ nghĩa đế quốc ngày nay (nhất là trước Đổi mới), Tổ quốc phải gắn chặt với chủ nghĩa xã hội, không thể tách rời; cụm từ chủ nghĩa xã hội được hiểu như chế độ do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo hoặc hệ thống các nước xã hội chủ nghĩa trên thế giới.

CHƯƠNG XIV

1

Hôm họp mặt nói chuyện phiếm như các cuộc chuyện phiếm khác của bao nhóm bạn khác, ở nhà thầy Tiếng, Hiền Lương chỉ lắng nghe, không nói gì, một phần vì rôm rả quá, sôi nổi quá, một phần vì nhà văn Quyển cứ nhìn trộm rồi sổ sàng nhìn cô hoài.

Nhà văn này lớn hơn cô đến hai mươi mấy tuổi, có tật hể thấy đàn bà con gái trẻ đẹp, dễ nhìn là sổ sàng ngấm nghĩa, mặc dù nghe nói chẳng tán tỉnh ai cả. Đôi mắt cứ sáng lên, sững sờ chiêm ngưỡng! Có một hôm anh Quyển thú nhận, bao nhiêu lần chính anh ta còn thấy đau ở tim khi về nông thôn, bắt gặp nhiều cô gái đẹp một vẻ đẹp tự nhiên, nhưng đôi tay và đôi gót chân thô sần bởi chân lấm tay bùn. Anh ta kết thúc sự thú nhận rằng, các nhà sản xuất nông cụ hãy cứu lấy những nhan sắc ấy bằng giày boots và găng tay chất dẻo. Anh ta nói như đọc thơ điển cảm! Với nét mặt và đôi tay, vòm ngực lép kẹp như muốn trào ra niềm đau xót, khát vọng giải phóng phụ nữ! Nhà văn Quyển cường điệu một cách buồn cười và chân thành...

Hiền Lương nhớ hôm ở nhà thầy Tiếng, nhà văn Quyển vẫn với cái nhìn, cái ngấm nghĩa vào cô như thế. Dẫu sao, cô vẫn không thể quên những lời của anh ấy. Cuối cuộc nhậu, anh Quyển còn bảo, chưa thấy công bằng, thỏa đáng. Vâng, đúng rồi, một số ý tưởng trong buổi chuyện phiếm còn chưa thật rõ ràng.

Những ý tưởng đó lúc này như ghép nối trong hồi ức Hiền Lương...

... Không phải ba, mà đến bốn loại cách mạng. Ai đó đã kể sót loại cách mạng tự phát, không có gia thế cách mạng,

chỉ vì yêu nước mà đấu tranh rồi trở thành cộng sản, ở Miền Nam, trước bảy lăm. Người ta đã từng nghi ngờ đấy là gián điệp nhị trùng. Họ đã bị thanh lọc, loại trừ. Họ âm thầm mang vết thương...

... Và Hiền Lương ngẫm nghĩ, ba của cô, chú Nông, đã nói đúng, văn học ngoài niềm tự hào chính đáng, rất cần những tác phẩm tự vấn. Hình như đấy là chất tôn giáo chẳng. Một Nam Cao dần vật vờ với ý thức tự trọng suốt đời, nhất là khi chưa tham gia cách mạng, và khi tham gia rồi, chất ấy chuyển hoá đi vào dạng khác chứ không mất hẳn. Một Chế Lan Viên, một Nguyên Hồng cũng thế. Rồi cả Nam Cao, Chế Lan Viên, Nguyên Hồng đều đến với thi pháp sử thi hùng tráng. Nhưng xét cho cùng, tự vấn và tự phê bình thành khẩn có gì khác chẳng. Người ta dễ lay động, dễ được cảm hóa sâu sắc bởi những lời tự phê phán thành khẩn, những lời gan ruột. Cây cọ của cô không thể không chạm đến những phút giây vang lên tiếng nói của lương tâm trung thực trong lồng ngực con người...

Sau buổi gặp mặt chuyện phiếm ấy, Hiền Lương cứ suy nghĩ mãi. Một hôm, cô có dịp nói chuyện với chú Nông, lúc ba cô đang ngẫm nghĩ lại bức tranh ông vừa vẽ xong. Tay lấm lem màu, chú Nông bật lửa, phì phèo thuốc lá.

- Dân tộc là một phạm trù vĩnh hằng thật.

- Thừa ba, tương lai của nhân loại là hòa chủng! Không còn giống nòi, dân tộc! Thật đáng sợ!

- Còn lâu! Vạn năm sau. Đó là một thứ tiên tri khoa học trên cơ sở nghiên cứu hiện thực và khả năng, cái mà bây giờ người ta gọi là chức năng dự báo của khoa học, nghệ thuật đấy. Tuy nhiên, giả tưởng là rửa, vẫn còn di sản mang tính dân tộc. Ví dụ, người Kinh với Chăm và Khơ-me Nam bộ chung sống, dần dần sẽ hòa huyết, thành máu của máu, thịt của thịt, một cách tự nhiên, đồng thời hòa cả văn hóa như hòa huyết, nhưng di sản Chăm, Khơ-me Nam bộ mãi vẫn còn bên cạnh di sản Kinh. Các giá trị bản sắc nhân

tộc ấy là vĩnh hằng, vô giá. Đây là cấp độ quốc gia. Cấp độ quốc tế cũng vậy. Chủ nghĩa cộng sản có dự kiến điều này. Nhưng phải giữ gìn bản sắc dân tộc cho đến khi các dân tộc thực sự bình đẳng trên toàn cầu đã, mới nói đến chuyện ấy. Đừng vội đánh mất mình. Đây là nguy cơ khủng khiếp, hơn cả mất nước. Mất nước còn giành lại được, mất dân tộc là hết, vô phương cứu vãn. Đừng dại dột, u mê.

- Thưa ba, Việt kiều đang mất dần tính dân tộc.

- Họ cần kết tập một bộ Kinh Việt Nam như Kinh Thánh Do Thái. Nước mình nhỏ, dân tộc tính hiếu hòa nhưng bất khuất. Cho dù ở đâu nếu Việt kiều giữ được điều đó, cộng với óc thông minh, hiếu học, vẫn được kính trọng... Nước Tàu to quá, nên Hoa kiều mãi mãi là khách. Hai vấn đề khác nhau, dấu mới xem, thấy là một. Xin họ thông cảm. - Chú Nông cười.

Hiền Lương rời khỏi bức tranh bà má già Nam bộ móm mém với khăn rằn Mã Lai vắt vai của chú Nông, cô nhìn ra cửa sổ, đăm chiêu.

- Hôm nọ, ông Tiếng nói những ai sùng bái lãnh tụ nước xâm lược Tổ quốc mình, ấy là nguy tặc như nguy tặc Do Thái trong Kinh Thánh. Dân Miền Nam, kể cả lính nguy, có coi lãnh tụ Pháp, Nhật, Mỹ ra gì! Nhưng rõ là bọn "tả đạo" nguy theo Pháp là không thể thanh minh được. Ở thế kỉ mười chín, lúc ấy, vấn đề địch - ta quá rõ. Chỉ đáng bàn là lớp lính nguy từ một chín ba mươi đến một chín bảy lăm (1930 - 1975). Tuy nhiên, "thỏa hiệp" là chiến thuật tạm thời chứ không thể là chiến lược lâu dài, vô thời hạn được. Không thể đồng nhất bọn nguy tặc đầu sỏ, chóp bu với cụ Phan Chu Trinh thời đoạn đầu thế kỉ hai mươi, cũng không thể đồng nhất bọn ấy với Việt Nam Quốc dân đảng (những người thật sự còn giữ nhân cách, không chịu làm tay sai) ở giai đoạn sau một chín năm tư được! Thời Mỹ xâm lược, có khác hơn, mặc dù bọn lãnh đạo đều là tổng thống "tả đạo", tướng tá nguy tặc do Pháp đào tạo, bàn giao lại cho Mỹ. Giá

như thống nhất Đất nước sau chiến thắng Điện Biên Phủ thì khỏe rồi. Chủ nghĩa xã hội với tinh thần thật sự dân chủ, cởi mở có từ thời điểm đó, hi vọng vậy, nếu hòa bình? Không! Lúc đó còn khắc nghiệt “tả” khuynh, nhưng chỉ bọn tư sản, địa chủ chết thôi. Mình được như các nước Đông Âu hòa bình cũng được rồi... Chân thiện mỹ, đặc biệt là tính thiện, của văn hoá - văn nghệ thay thế chức năng giáo dục dục đạo đức của tôn giáo, đúng như phương châm “văn dĩ tải đạo”, văn hóa - văn nghệ lành mạnh hơn... Thôi, mệt quá... Con đã nấu cơm tối chưa? Ba đi dọn hàng cho mẹ đây.

Hiền Lương “dạ” và lui làm bếp, vừa lật rau vừa nghĩ ngợi.

Một sớm khác, khi mới đi học về, cô thấy nhà văn Quyền đang ngồi rung đùi uống cà phê với ba. Cô dắt xe đạp vào nhà, khẽ cúi đầu mỉm cười chào anh Quyền sau khi chào ba. Anh Quyền nói như reo:

- Ô, ồ... Hiền Lương, ngồi đây đàm luận chơi. Ô, ồ... kính chào nữ sĩ... Và tôi không muốn già, đừng gọi bằng “chú”!

Được phép ba, cô ngồi xuống cạnh ông.

- Anh em chúng tôi đang bàn chuyện “vô chính phủ”. Hiền Lương thấy nghệ sĩ bọn mình có phải quân sự như ba Nông không? Hôm nọ, ông bảo, cần độc lập, tự do tư tưởng, phải có kinh tế cá thể bảo đảm. Hôm nay, ông lại hơi quân sự lại rồi.

- Ai thích xây dựng “xã hội trại lính”! Tôi chỉ nói không nên dùng chữ “vô chính phủ” mà nên nói độc lập, tự do tư tưởng để sáng tạo, chống minh họa rẻ tiền, công thức rập khuôn. Nhưng văn nghệ phải lành và mạnh chứ, độc và bệnh thì đừng, phải rất Việt Nam.

Nhà văn Quyền gật gù:

- Chính vậy, đây là chân lí, xin vâng. Còn hình ảnh lính nguy thời cả dân tộc chống Pháp, không thể khác được. Phải giáo dục lòng căm thù thực dân, đế quốc. Vấn đề cần

suy nghĩ là tình cảnh bị bức bách của thân phận người yếu thế, phải nai lưng làm lính ngục. Bọn dựa vào thực dân mà vơ vét, thủ lợi cách này hay cách khác đều phải bị phơi trần bản chất. Nhân bản nhất là phải chống thực dân, tay sai các loại. Thời Mỹ có khác thật. Tôi đã chứng kiến bao vụ lính, sĩ quan ngục dần ra xương ra da bọn lính Mỹ, cố vấn Mỹ. Bọn Mỹ không dám đối xử với dân Miền Nam theo kiểu thực dân cũ. Bình đẳng, dân chủ hơn nhiều! Rất bình đẳng và dân chủ, đến mức người dân, binh lính, sĩ quan nghĩ là Mỹ chỉ sang đây giúp “ta” chống cộng thôi. Nhưng thực chất, Nhà Trắng Mẽo điều khiển Dinh Gia Long và Dinh Độc Lập Miền Nam. Sự điều khiển này rất kín nên mọi người dân, lính và sĩ quan không thấy được hoặc không ngờ được, chỉ tin Mỹ là đồng minh thôi. Và “chúng ta” rất yêu nước nhưng không hiểu cộng sản là gì, nếu hiểu thì cặp chữ “cộng sản” đồng nhất với “hoang đường”... Có người nói Bác Tôn là lính thuộc Pháp giác ngộ cộng sản, và đồng nhất với các tướng “Bích (big)” Minh, Khánh, Thiệu, Kỳ... - lính thuộc Pháp giác ngộ lí tưởng cộng hòa. Bác Tôn là lính mộ Pháp thời Thế chiến I, đã giác ngộ lí tưởng cộng sản ở Hắc Hải từ Cách mạng Tháng mười, sau đó về nước hoạt động chống Pháp trước bốn năm rất lâu, làm sao đồng nhất với các tướng ngục còn chống Việt Minh, ôm chân thực dân Pháp đến thời điểm chiến thắng Điện Biên Phủ được! Sau năm tư, các tướng ngục (có người còn cấp tá) đã được Pháp bàn giao cho Mỹ với danh từ “quân đội đồng hóa”, “đồng hóa” từ lính thuộc địa sang “lính cộng hòa”. Chứng nhân, là quân và tướng ngục còn sống, xin hãy nói lên sự thật lịch sử này. Đúng hơn, họ là “người trong cuộc”! (II.13).

- Tôi phải thừa nhận anh cách mạng “ba mươi” này khá -. Chú Nông đùa thân mật -. Có điều, vấn đề lớn nhất là tình cảnh những người yêu nước, cách mạng, không cộng sản, đặc biệt là một bộ phận đông đảo đạo hữu Phật giáo chống Mỹ - ngục, bị kẹt giữa hai gọng kìm lịch sử...

Ngẫm nghĩ một lúc, chú Nông định nói thêm gì đó, nhưng chỉ ghìm lại tiếng thở dài, nhìn ra khung cửa sáng nắng. Ngoài sân, lá và hoa ngời xanh và thắm. Quay mặt lại, nhìn nhà văn Quyền, chú Nông nói:

- Có người bảo, giá như hồi đó, tổ chức bắt cóc hoặc ám sát những lãnh tụ Miền Nam chưa hề chống Pháp, chưa hề chống Nhật, chưa hề chống Mỹ hoặc chỉ ôm chân thực dân, làm bù nhìn cho phát xít, đế quốc, thì tình hình đã khác. Nhưng thật là ngây thơ, vì không Diệm này sẽ nặn ra Diệm kia, không Minh này, Thiệu này, sẽ đặt lên Minh kia, Thiệu kia... Vấn đề chính là bàn tay của Mỹ. Lại có người bảo, giá như Bắc Việt đừng đưa quân vào Nam, ắt sẽ có cuộc đảo chính, nhân dân Miền Nam sẽ đưa người yêu nước, có quá trình chống Pháp, Nhật, Mỹ lên, và Mỹ sẽ không lũng đoạn được. Nói cách khác, chính vì Bắc Việt tấn công Miền Nam, nên nhân dân Miền Nam không tự quyết được mà phải chịu cho Mỹ “cưỡng hiếp”, bị động nằm dưới quyền của bọn ngụy tặc từ Diệm cho đến Thiệu, rồi lại Minh. Cậu thấy thế nào? Theo tôi, đại đa số nhân dân Miền Nam lừng khừng.

Nhà văn Quyền vẫn rung đùi:

- Anh đặt vấn đề “giá như” cũng ngộ nghĩnh đấy. Quả thực, Mỹ sợ dùng người yêu nước chân chính, có quá trình chống thực dân, phát xít. Vấn đề nữa là vấn đề thể chế chính trị, cụ thể là quan hệ sản xuất... Trong giai đoạn Đổi mới này, có người bảo, thế thì giải phóng Miền Nam làm gì! Phải chăng những người cộng sản đang “thỏa hiệp”? “Thỏa hiệp với kẻ thù, vẫn sẵn sàng thỏa hiệp, nếu sự thỏa hiệp ấy có lợi cho cách mạng”, Lê-nin đã nói thế. Thôi, tạm ngừng vấn đề ở đó. Chuyện chính trị mệt lắm. Đại Hàn, Triều Tiên muốn mạnh lên, cũng phải tính chuyện thống nhất hai miền. Nước nhỏ cứ bị thằng Tây, thằng Tàu ép mãi, khổ quá.

Chú Nông nhìn thẳng vào nhà văn Quyền:

- Sách lược "thỏa hiệp" tạm thời của Lê-nin, thật ra nguy tắc bọn mình đã thực hiện từ lâu lắm rồi, với Pháp, Mỹ, "tả đạo", kể cả Nhật, để chống cộng. Rất đau đớn là từ một chín bảy lăm, sách lược "thỏa hiệp" tạm thời với Mỹ, "tả đạo" để rồi sẽ quật lại đã bị hoàn toàn phá sản! Nhưng, mà thôi... Nói làm gì nữa! Đó là chuyện trước một chín bảy lăm. Vả lại, chấp nhận "thỏa hiệp" là không thể chối cãi cái lốt nguy tắc được. Chỉ có một chút lòng, nhưng thật khó biện giải, nói ra càng thêm bất lợi. Chắc cậu nhớ hai câu Kiều: "Ở đây tai vách mạch gừng, Thấy ai người cũ cũng đừng nhìn chi"!

Chú Nông cười buồn, phẩy tay, lại muốn "cởi trói" cho mọi người:

- Còn đối với cách mạng bôn-sê-vích, nói là để nói cho vui. Bọn mình được giải phóng sao lại trở thành một lũ "không còn gì để mất" nữa, kể cả nhân phẩm và quyền sống! Cách mạng phải nghĩ cách cho mọi người tiến thủ. - Chú Nông bỗng bị nổi mặc cảm nguy tắc chặn ngang cuống họng, một thoáng sau mới bật ra một tiếng cười khặc bi hài -. Ồ, mà nói thế thì thật là hèn hạ!

- Anh nói hơi quá đáng!... Bảo Đại đã nói: "Làm dân một nước độc lập còn hơn làm vua một nước nô lệ" mà.

Chú Nông cười to:

- Thôi ông ơi, Nam Hàn và Bắc Triều Tiên đấy. Hồi này ông có nói đến. Bọn mình không phải là Diệm, Minh, Khánh, Thiệu, Kỳ... Nhưng oan ở chỗ bị bọn nguy tắc ấy "cưỡng hiếp". Ông phải hiểu, lịch sử là chuyện đã rồi nhưng không phải đã rồi. Đấy là bọn mình nói thẳng, không phải con nít để "bắt đền" lịch sử! - Chú Nông chột ngừng lại, và nói -. Nhưng nói thế thì hèn hạ quá nhỉ!

- Xin lỗi ông anh và Hiền Lương. - Nhà văn Quyển nhỏ giọng lại -. Nếu tôi là Việt Nam Quốc dân đảng, hồi một chín năm tư, tôi dứt khoát không "thỏa hiệp" với "tả đạo". "Thoả hiệp" với "tả đạo" là không thể ăn nói gì được nữa, bởi toàn

thế giới đều rõ lịch sử cũng như bản chất của "tả đạo" ở Việt Nam là phản quốc! Xin lỗi, chỗ anh em, tôi nói thành thật vậy đó. Và anh cũng đã nói rồi: chấp nhận "thỏa hiệp" là không thể chối cãi cái lốt ngụy tặc được.

- Cậu muốn nói đến giải pháp Đà Loan, phải không?

- Đúng quá! Đà Loan cho đến nay, vẫn danh chính ngôn thuận. Trung Quốc lục địa chả làm gì được, bởi cách mạng Tân Hợi có trước, từ một chín mười một (1911), trước cả cách mạng Tháng mười Nga một chín mười bảy (1917)... Việt Nam Quốc dân đảng cũng thế... Nếu hồi đó, thằng Mỹ đừng ngu, và nó thật lòng "giải thực", ủng hộ Việt quốc, thì các anh đỡ mang tiếng là ngụy tặc rồi, bây giờ cũng đỡ mặc cảm với cán bộ tập kết, cán bộ Miền Bắc, phải không anh Nông? Nếu Việt Nam Quốc dân đảng nắm quyền ở Miền Nam chứ không phải Diệm, Minh, Thiệu, Kỳ ("tả đạo" và lính ngụy của Pháp), thì cho dù nói theo cách nói của anh Nông, là Miền Nam chiến bại, cũng là chiến bại trong danh dự. Nhưng... Mỹ vẫn là đế quốc chủ nghĩa, "tả đạo" vẫn là "tả đạo", còn Việt quốc các anh thì vừa yếu, vừa kém, thành ra còn thể thống gì nữa! Đến thế hệ cùng lứa tôi và bạn bè tôi đây, cũng không phải không oán thế hệ trước!

- Đúng như cậu nói, bọn mình vừa yếu, vừa kém. Thật là một lũ bất tài, dẫu còn có chút lòng yêu nước! Bây giờ không còn chút tư cách gì để ăn nói nữa, phải ngậm bồ hòn làm ngọt. - Chú Nông ghen ngào -. Thế hệ bọn mình lại oán thế hệ trước nữa!... Thôi, quên đi! - Chú Nông gượng cười.

Nhà văn Quyển ngập ngừng, rồi nói với nét mặt cảm thông, chia sẻ, thân tình, muốn xua bớt không khí u uất này:

- Hiền Lương! Hình ảnh người lính ngụy là thiếu úy Nông đây! Tất nhiên là hoàn cảnh khác, tính cách có khác. Nhưng xin cam đoan với trái tim tôi, chỉ khác bộ áo quần thôi, từ áo màu cứt ngựa sang áo màu dân sự... uả, quên,

từ màu cỏ úa sang màu... tùm lum các màu!... Thôi, hãy bàn Phật tánh, “nhân chi sơ tính bản...” gì!

Hiền lương và chú Nông bật cười. Nhà văn Quyền vờ phớt tỉnh rất hài. Chú Nông sực nhớ Phơ-rớt và ý niệm bản lai diện mục.

- Hôm nọ, cậu có bảo, chống “quan hệ phong tục” là sao? Phong tục ta đẹp thế còn chống gì? Một trong những biểu hiện của văn hiến là quan hệ huyết tộc phi tính dục! Tình cảm ruột thịt như thế sẽ cực kì trong sáng, hay ít ra cũng chỉ thuần tình cảm. Khoa học đã chứng minh, hôn nhân đồng huyết sẽ sinh ra nhiều “quái thai”, dấu đột biến có “thiên tài”, và cũng chứng minh lai giống sẽ tốt hơn... như gia súc... - Chú Nông cười -, như lúa...

- Quan hệ phong tục trong Tân ước, theo lời dạy của Chúa Giê-su ấy, gần như tục “nối dây” trong trường ca Đăm San. Rồi bọn Tây hiện đại, kể cả Nga nữa, chị họ, em họ đều cưới tuốt, kinh thật! Nhưng ở Phương Tây, hôn nhân khác dân tộc cũng nhiều. Ngẫm lại mình, thật là văn hiến!... Mình nên lai giống với ngân hàng tinh trùng có chọn lọc công phu, gọi đúng là Kho Tinh trùng, nhưng chỉ giữa năm mươi mấy sắc tộc trong nước thôi... Ồ, tuy thế, vẫn còn nhiều cặp vợ chồng cùng họ, mặc dù đã cách biệt mấy chục đời và khác địa dư, ví như Nguyễn ở Sài Gòn lấy Nguyễn ở Hà Nội!... Nói vớ vẫn vậy thôi... Đạo đức có tính lịch sử - cụ thể mà! Loài người vốn kinh tởm! - Nhà văn nhà giáo Quyền nhăn mặt rồi cười khà khà.

Hiền Lương hơi giật mình.

- Thế là rơi xuống vực thăm hạ bệ Con Người rồi?- Chú Nông cười, “bất thóp” Quyền một số truyện ngắn về phong tục, đặc biệt là trong thời “bình Tây sát tả”.

- Đây là sự thật lịch sử của loài người. Vạn vạn năm sau vẫn còn mặc-cảm-bày-đàn thời hồng hoang nguyên thủy, loài người ơi! - Giọng Sài Gòn của nhà văn Quyền bỗng ngậm nga! - Vấn đề là văn hóa, văn hiến đã làm thặng

hoa cái hạ ngã, chế ngự bản năng tính dục vô văn hóa, vô văn hiến của thú vật còn sót trong con người. Anh đã nói hôm nọ rồi... Như vậy, có Thượng đế Giê-hô-va không?!

Chú Nông trầm ngâm nghĩ về O-đíp, kẻ giết cha lấy mẹ, tự trừng phạt.

- Mặc cảm hay phức hợp tâm lí O-đíp kiểu như Phơ-rớt, quả là ghê sợ. Mọi quan hệ tình cảm trong gia đình, ngoài xã hội đều bị chi phối bởi bản-năng-loạn-luân! Anh này yêu cô gái kia qua hình ảnh vô thức về mẹ anh ta. Cô gái này yêu như sét đánh, yêu tức khắc anh kia qua thiện cảm vô thức về tính cách anh ruột hoặc cha của cô ta... Đây là phức hợp tâm lí? ... Và ghen tuông...

- Hồi học phổ thông, tôi học theo bộ “Anh ngữ cho hôm nay”. Trong đó, có một truyện ngắn, Oe dipus complex (O-đi-pốt com-p-lét-x), ở cuốn 6. Tôi thấy một nhà văn vận dụng Phơ-rớt hơi khiên cưỡng. Tôi chỉ tin mầm sinh dục chỉ bắt đầu đâm chồi nảy lộc trong con người lúc đến tuổi phát dục sinh lí, “nữ thập tam, nam thập lục”. Trước tuổi phát dục, tình cảm giới tính chỉ là sự học đòi, gọi là tình-cảm-học-đòi. Tuổi tâm lí và tuổi sinh lí phải thống nhất... Thằng bé trong truyện ngắn ấy chỉ thể hiện tâm lí mất địa vị độc tôn trong tình thương của mẹ khi cha đi lính sau nhiều năm mới trở về nhà, và nó ngây thơ muốn chiếm lại vị trí độc tôn ấy. Chẳng có gì O-đíp cả! Nhiều, rất nhiều nhà văn bị Phơ-rớt ám ảnh, nhìn gì cũng thấy O-đíp. Họ xuất phát từ khái niệm dễ sáng tác! Đúng là một thứ minh họa... Con bú tay là li-bi-đô?! Con bú mẹ mà O-đíp thì bậy quá, là sai! Môi miệng là vùng nhiều thần kinh cảm giác thôi... Chúc năng, xin lưu ý điều đó... Chính bản năng ăn uống, tranh ăn tranh uống, giành giật quyền lợi mới là bản năng chủ yếu. Bản năng truyền giống cũng chỉ là thứ yếu. Không ăn sẽ chết, không truyền giống vẫn sống khỏe. Có nhiều tu sĩ, nhiều người đời vẫn suốt đời độc thân. “Vô hậu kế đờ”, vì họ không thích đời sống vợ chồng... Đời sống tu sĩ là tấm gương hù dọa!

- Chiêm bao Ơ-đíp tính? Bị dồn ép, bản-năng-loạn-luân sẽ biến thành giấc mơ loạn luân. Siêu ngã trong vô thức làm biến hình... thành đồ vật, như cái bút trong bao đựng bút, như động tác đập nắp bút... Cậu thấy đúng không?... Trái cấm! Tại sao Thiên Chúa đã tạo ra cái thiện, lại tạo ra cái ác nữa? Thiên Chúa bày đặt ra trái cấm, cấm con người phân biệt thiện - ác, làm gì nhĩ? Tại sao tạo ra tội loạn luân cho gia đình Nô-ê? Lại bày đặt rửa tội-Nô-ê-truyền (tội tổ tông truyền) để làm chi nữa? Nói chung, Thiên Chúa toàn năng sao lại bày đặt cái dục với sự ngu mù và bày đặt chi trái cấm, thực chất là thứ quả giúp A-đam và E-va mở mắt, phân biệt thiện - ác, bày đặt ra làm gì như thế cho nhân loại khổ, và cũng chẳng cứu rỗi được gì! Cứu gia đình Nô-ê mà cứu như thế sao? Cứu rỗi bằng mình và máu chúa Giê-su là một cách cứu rỗi bất lực và bi đát. Có hiệu quả chi đâu! Thật sự là Thiên Chúa là một kẻ có tâm địa xấu, bất toàn, hoặc chính xác, Thiên Chúa chính là quỷ dữ Sa-tăng. Tóm lại, tôi hết tin có Thiên Chúa rồi! Nếu có Thiên Chúa thật, thì Thiên Chúa phải tạo ra một thế gian tuyệt vời, chỉ thuần túy cái thiện chứ, và loài người không có khả năng hư hỏng, bị cám dỗ chứ! Nếu có Thiên Chúa thì Giê-su cứu rỗi phải có hiệu quả chứ! Nhưng thực tế lịch sử quả đất và lịch sử nhân loại là ngược lại! Cậu thấy đúng không? Tôi hết tin có Thiên Chúa rồi! - Chú Nông bật cười -. Thôi, cậu nói tiếp về Phơ-rớt và mặc cảm Ơ-đíp đi. Nếu loài người còn mặc cảm Ơ-đíp, có nghĩa là phép bí tích rửa tội tổ tông A-đam - E-va truyền (tội không vâng lời Chúa, "tội" không muốn ngu và mù, "tội" muốn phân biệt được thiện - ác), phép bí tích đó cũng đồng thời rửa tội tổ tông Nô-ê truyền (tội loạn luân), chả có tác dụng gì! Ý cậu muốn kết luận vậy chứ gì? Cậu nói tiếp đi.

- Phơ-rớt cường điệu hóa đến tởm lợm. Chả lẽ tặng người yêu cây bút là đã vô thức tính đến chuyện ấy? Và có khuynh hướng giải quyết mặc cảm Ơ-đíp, bản năng tính dục

bằng cách khuyến khích quan hệ tình dục nam nữ sớm, mãi mãi! Không, văn hóa sẽ chế ngự tất. Văn hóa gồm cả phong tục tốt đẹp sẽ làm thăng hoa tất, nghĩa là giải tỏa bản-năng-bày-đàn, tính dục theo hướng học tập, lao động, giải tỏa sinh lực thừa bằng thể thao, văn nghệ... Tất nhiên văn hóa văn nghệ phải lành mạnh.

- Nói đến đời sống thanh khiết của tu sĩ, mình liên tưởng đến Bác Hồ. Ông không có con, chẳng có cháu. Anh chị Bác đều không vợ, không chồng. Có lẽ họ có tật bẩm sinh ở bộ phận sinh dục. Rất nhiều nhà con cái đều có cùng một dị tật bẩm sinh giống nhau, không có gì lạ (27).

- Cũng có thể. Không có lãnh tụ cách mạng nào không có vợ, ngoài Bác Hồ. Có thể không phải chỉ vì lí do bận việc nước. Ông đã từng thú nhận, ông có hai khuyết điểm và chỉ hai khuyết điểm thôi, là hút thuốc lá, không lấy vợ, mặc dù ông rất thích đàn bà phải tốt và đẹp. Ngoài hai khuyết điểm ấy, đời sống riêng của ông là Thánh! Nhưng chạm đến tật nguyên của người khác là vô nhân đạo và kém văn minh, lịch sự (II.15).

- Suy tôn lãnh tụ? - Chú Nông cười, tỏ vẻ hối hận, áy náy - "Đất không có thánh nhân" mà! Ờ, nhưng thanh minh, tức là làm rõ sự thật, về Bác như thế, quá bất kính!

- Đúng. Bác còn tự tạo uy tín chính trị bằng nhiều cuốn sách kí tên khác như Trần Dân Tiên, T. Lan... và đề nghị văn nghệ sĩ ca ngợi mình, như một thủ thuật chính trị để tranh thủ quần chúng. Đó là một cách ma-ki-a-ven-lít lương thiện, như Lý Thường Kiệt, Lê Lợi, Quang Trung... đã từng thực hiện. Cũng có thể đó chỉ là những tác phẩm xuất phát từ cảm nghĩ chân thành nhất của văn nghệ sĩ với ý thức trong sáng nhất của họ trước một nhân cách lớn là Bác Hồ. Họ viết về Bác như viết về cha, về mẹ của mình. Có điều, lẽ ra chỉ nên công bố sau khi Bác qua đời... Trở lại thủ thuật ma-ki-a-ven-lít lương thiện: suy tôn lãnh tụ, mặc dù chủ nghĩa Mác chống tệ sùng bái cá nhân lãnh tụ như giáo chủ

của các tôn giáo... Vả lại, một giáo sư nói đúng, tâm lí quần chúng dễ giác ngộ nhờ uy tín cá nhân lãnh tụ hơn là uy tín Đảng. Khái niệm Đảng hơi trừu tượng. Đảng, ấy là hình thức đấu tranh hiện đại với ý thức chính trị hiện đại. Tâm lí chính trị hiện đại của tầng lớp trí thức là hướng về Đảng, trí tuệ tập thể. Quần chúng đông đảo họ quen ý niệm phò minh chúa, cá nhân lãnh tụ.

Chú Nông vỡ lẽ, vỗ đùi:

- Cách mạng “ba mươi” kinh thật. Ông làm chính trị được đấy!... Như vậy nước mình phải có năm vị đồng chủ tịch nước, để khỏi độc tôn cá nhân.

Nhà văn Quyến cười, ngâm nga, biết đấy chỉ là đùa bỡn cho vui:

- ... “Khuất Bình từ phú huyền nhật nguyệt
Sở vương đài tạ không sơn khâu” (II.14).

... Tôi ngu gì lại đi làm chính trị! Làm cái gì đúng sở trường mình là thông minh nhất, - Quay qua Hiền Lương, nhà văn Quyến cười -, phải không Hiền Lương? ... Trở lại vấn đề hồi nãy, quần chúng đông đảo vốn mê tín lắm... Chúa Giê-su, các tu sĩ đều “vô hậu”... Lý Thường Kiệt, Lê Văn Duyệt đều là thái giám cả đấy (một người thì công đức như đỉnh núi, một người còn có vấn đề nhưng vẫn là tướng tài). Bất hiếu mà xem “vô hậu vi đại” là phong kiến... hơn cả phong kiến!... Cũng như điềm lành, điềm dữ..., kẻ mê tín nhìn đâu cũng thấy thần linh báo trước! Đúng là một thứ “ấu trĩ hữu khuynh” lạc hậu!... Người bị định kiến do hệ giá trị nào đó ăn sâu vào não trạng thường nhìn nhận mọi con người, mọi sự việc, theo hệ giá trị vốn đã trở thành định kiến. Đánh giá một con người, căn cứ vào sự cống hiến của con người đó cho Tổ quốc, nhân loại, chứ không phải căn cứ vào sự tận nguyên hay không tận nguyên sinh thực khí, “vô hậu” hay “có hậu” (có con nối dõi hay không)... - Sự nhớ một ý tưởng, mãi sa đà suýt quên mất, nhà văn Quyến

nói -. Ờ, hay đó! Năm vị cộng sản đồng chủ tịch cho khỏi độc tôn cá nhân...

Chú Nông cúi đầu chiêm nghiệm:

- Nhưng... Đảng Cộng sản Việt Nam có nhiều điều ma-ki-a-ven-lít, Tào Tháo chủ nghĩa rất độc ác, không thể thanh minh được. Giết hại Khái Hưng, Phan Văn Hùm (?), Tạ Thu Thâu (28), những nhà yêu nước! Lập chính phủ liên hiệp thời Việt Nam Dân chủ Cộng hòa rồi loại trừ dần Quốc dân đảng... (I.115)! Kinh khủng thật! Giết, hoặc bôi nhọ, giết chết sinh mệnh chính trị, đạo đức người yêu nước khác chính kiến là có tội với dân tộc... Theo tôi, biện pháp thời chiến cũng chỉ nhốt người khác chính kiến lại, và đối xử thật đàng hoàng, hòa bình thả ra thì tốt hơn. “Tiên sư thằng Tào Tháo”, tức là “Đôi Mắt” của Nam Cao, phần nào phản ánh được nhận thức của nhiều loại người... Tôi cũng hãi hùng chính trị lâu rồi, ông ạ. Trước đây, tôi theo Quốc dân đảng... Tôi và lịch sử mãi tự hào về Nguyễn Thái Học với Quốc dân đảng, dẫn Quốc dân đảng và Đại Việt đảng (I.115) là hai đảng yêu nước, vốn từ một phân hóa thành hai, sau này đều đã thoái hóa; Đại Việt đảng còn biến chất, thân Nhật; rồi sau năm tư, cả hai đảng đều bị chèn ép mọi phía, trở thành “thỏa hiệp”, “xôi thịt”... Mệt lắm! Ngán ngấm lắm! Cũng phải nhớ văn chương chống cộng ở Miền Nam trước đây cũng sa-đích lịch sử và bôi nhọ kháng chiến - những hình tượng Vem và Vi-xi thật kinh tởm! Mệt lắm! Ngán ngấm lắm!... Ấy, Chúa Giê-su cũng khơi mào chủ nghĩa xã hội đấy, nếu hiểu hình tượng Giê-su một cách nhất quán với những hạn chế lịch sử! - Chú Nông thở dài, mắt vẫn nhìn theo khói thuốc lá.

Cả ba người rơi vào từ trường của vết thương chung.

Không khí bỗng im lặng giữa ba người. Nhà văn Quyển nhấp một ngụm cà phê đã nguội ngắt, và đui lại rung.

- Phơ-rót với phức hợp tâm lí O-đíp rồi! Giờ bàn Phật tánh với bôn lai diện mục hay thiện căn, kể cả cái dục đi! -

Nhà văn Quyển rung đùi nói, nhưng nét mặt xem ra cũng hết hứng thú (II.15).

Chú Nông lắc đầu, bảo cứ bàn tiếp vấn đề “ngụy”. Nói quanh quẩn một vài điều, nhà văn Quyển bỗng ngậm ngùi:

- Chuyện lịch sử, một giai đoạn lịch sử đã qua nhưng các khuynh hướng của nó vẫn còn vận động và phát triển, như bếp lửa đã ủ tro nhưng vẫn còn nóng đỏ than hồng. Do đó, cũng phải bàn, để bếp ấy có thể nấu cái gì. Tôi tin ai cũng muốn nấu nên cơm chứ chẳng luyện chất độc. Tôi cam đoan mọi người lính ngụy Miền Nam đều yêu nước. Chẳng lẽ một nửa dân tộc ở Miền Bắc yêu nước, còn một nửa dân tộc ở Miền Nam cam chịu kiếp nô lệ, chỉ yêu nước ít ít sơ sơ thôi? Thử thống kê lại xem có bao nhiêu gia đình ở Miền Nam có công với cách mạng? Tôi tin số lượng ấy cũng ít ít sơ sơ thôi, khoảng vài chục phần trăm, tương đương với tỉ lệ đích thực như thế ở Miền Bắc. Một điều tuyệt đối đúng là đa số nhân dân đều thuộc lực lượng thứ ba. Đó là lực lượng chống Thiên Chúa giáo, Tây Ban Nha, Pháp, Nhật, Mỹ, và không cộng sản, không thể chấp nhận Liên Xô, Trung Cộng... Và bi kịch là ở chỗ khá nhiều người bị hoàn cảnh (phân liệt ý thức hệ, chia cắt Đất nước) bắt buộc phải thoả hiệp với Mỹ - ngụy, “tả đạo”. Đó là sự thật lịch sử. Hay có thể diễn đạt nhẹ bớt như thế này: không phải cứ yêu nước là phải cộng sản. Nói rõ, trừ một số ít, rất ít là cam tâm bán nước cầu vinh, còn tuyệt đại đa số nhân dân Miền Nam yêu nước nhưng chẳng hiểu cộng sản là gì. Tất cả đều bị bức hiếp bằng hệ thống bạo lực, bị ám thị sai lệch, bị nhồi sọ một cách êm dịu... Một số khác ở trong “thế kẹt lịch sử”... - Nhà văn Quyển cố ý tránh né, không nói đến quá trình phản quốc của Thiên Chúa giáo Việt Nam suốt cuộc chiến tranh một trăm mười bảy năm (1858 - 1975), anh nói tiếp -. Bây giờ đã rõ duy vật và cộng sản.

Chú Nông cười, vỗ đùi, nhưng rồi buông thõng cánh tay.

- Mình đã đọc chủ nghĩa Mác từ trước bảy năm, mình rất thích. Nhưng con người cứ bị lịch sử lôi đi. Phải nói rõ mình thích lí thuyết cộng sản mác-xít, nhưng thực tế về những cuộc bạo hành, đàn áp trí thức, những cuộc trả thù giai cấp kinh sợ làm mình ngán. Mình thấy những người cộng sản phạm quá nhiều sai lầm, khi đối chiếu với khát vọng, với lí tưởng nhân bản của họ. Sau Ngày Giải phóng, mình có tâm thế của kẻ bị trừng trị, nên tư tưởng, tâm lí không thể bình tĩnh được. Lập trường, ấy là chỗ đứng. Quan điểm, ấy là điểm nhìn. Cái thế đứng của mình quy định cái nhìn, cái tâm lí, tư tưởng của mình. Tâm thế của mình không thể thích nhìn cái tốt, nói rằng tốt, mặc dù trong thâm tâm thừa nhận những cái tốt của người cộng sản kháng chiến chống Pháp, chống Nhật, chống Mỹ, chống Tàu, Khơ-me Đỏ... Bọn mình chỉ ưa thấy cái xấu, cái sai, cái lỗi bịch của họ, cả cái dốt của các cán bộ, và khoái trá phóng đại lên thành chuyện tiếu lâm chính trị, cộng vào số truyện tiếu lâm chính trị được truyền khẩu từ ngoài Bắc vào... Nhưng thôi, mệt lắm, ngán ngẩm lắm! Thực lòng, mình là trí thức, mình cũng muốn đóng góp cho Đất nước, nhưng ai cho bọn mình đóng góp! Sự ngoan cố lớn của bọn mình chạm ngàm mà nảy lửa với sự ngoan cố nhỏ của họ... - Chú Nông dừng lại, nhìn Quyền -. Ngay cách dùng từ của mình bây giờ vẫn còn thể hiện cái tâm lí từ thế đứng của mình. Đây là sự mặc cảm, đau đớn, và cả nổi loạn, phá phách, mặc dù chỉ trong tư tưởng, thậm chí hỗn láo với cả Bác Hồ, Đức Phật, Chúa...

Nhà văn Quyền vốn viết văn rất tế nhị, anh bỗng buông một ý tưởng trong một ngữ điệu chân thành nhưng thật thiếu tế nhị:

- Đóng góp cho Đất nước! Và trí thức không thể mù trước chân lí, trước sự sai lầm khi thực hiện chân lí! Ai cũng phải sống chứ không chỉ hiện hữu, tồn tại như vật thể. Phải sống, phải sống, sống hết mình cho Tổ quốc và Quê đất, - Như một nhà hùng biện, nhà văn Quyền bỗng ngừng -, phải

không Hiền Lương?... Để đóng góp cho đời, trả nợ cho đời, làm-thơ-viết-văn-vẽ-tranh là một cách. Ăn gạo nông dân, mặc áo công nhân, học chữ thầy cô giáo... phải có cái gì trao đổi chứ. Trả bằng nghệ-thuật-đồ-mò-hôi-não-sôi-nước-mát-tim của mình không xứng sao! Đại gì phải làm chính trị.

Chú Nông cúi đầu chiêm nghiệm.

Chú nói như đọc thoại:

- Ngày trước, mình học khoa học - kĩ thuật, chắc bây giờ đỡ tủi thẹn với đời rồi. Đất nước cần nhiều nhà khoa học - công nghệ hơn là cần nhiều nhà chính trị, mặc dù các nhà chính trị cực kì quan trọng - họ lèo lái, dẫn dắt cả dân tộc, nếu được nhân dân tín nhiệm. Nhưng nghĩ cho cùng, để lập công với nước, hà tất phải làm quan chức. Ngày xưa, kẻ sĩ chỉ có một con đường độc đạo là làm quan, "tiên vi quan" còn "thoái" mới "vi sư", huấn sư, y sư, bốc sư! Cái tư duy ấy nó còn quán tính trong nếp nghĩ của đa số... Nhưng bọn trẻ tiến thân trên con đường khoa học - công nghệ, lập công bằng kĩ thuật của khoa tự nhiên, biết có được thuận lợi không, có gì ngáng trở không? Lí lịch, lí lịch, mà lại lí lịch của cha mẹ, thân thuộc, những người mà bọn trẻ chẳng chịu trách nhiệm được!... Tôi không làm chính trị, nhưng tôi suy tư... Chỗ bạn bè cũng tâm sự cho hết lẽ với nhau.

Nhà văn Quyển nhìn thẳng vào mắt chú Nông. Anh cúi đầu ngẫm nghĩ. Ngẩng mặt, anh nhìn Hiền Lương, rồi lại nhìn chú Nông. Bất ngờ, anh dãn hai tiếng: Hăm tài, và nói:

- Thật ra, ai cũng muốn "lên". Vấn đề là "lên" như thế nào. Người không muốn "lên" trong làm ăn, buôn bán, học tập, quan chức, tay nghề, kể cả tay nghề văn chương, ấy là kì đà cản mũi thiên hạ. Người ấy sẽ "đè" người khác... Trước bảy lăm, tôi có nghe một chuyện tiểu lâm chính trị thế này. Thăng Tây, tức là bọn Pháp, thời thực dân cũ, hiếp dâm một người đàn bà. Chồng chị ta núp trong bụi cây, thấy, nhưng chẳng làm gì được vì thăng Tây có súng, có các thăng Tây khác canh chừng. Khi Tây rút khỏi làng, ông

chồng lấy roi mây đánh vợ. Vợ khóc kêu oan. Chồng bảo: “Tao không đánh tội bị hiếp dâm, nhưng tao đánh tội “nảy lên” của con đĩ là mày!”. Bọn tay sai của thực dân, chất đĩ của chúng còn tệ hơn thế nữa! Tôi kể chuyện tiểu lâm nhưng kể nghiêm túc. Không thể đánh đồng thực dân Pháp với Cách mạng trong cái sự “cưỡng hiếp” và sự “nảy lên”, sự “lên” này được, thế mà thậm chí có bọn vô liêm sỉ đã bày ra cái trò trả đũa bằng cách tố cáo “sự sa-đích văn hóa - lịch sử” của Cách mạng một cách quá kinh tởm! Có thể đó là do bọn thực dân, đế quốc, phát-xít và “tả đạo” phục thù chẳng? Hay Cách mạng tự phê phán và phê phán? Thật ra, cái “đè” không giống nhau! - Nhà văn Quyền chọt bật cười -. Nói cho đúng, bọn Tàu sa-đích cũng chẳng kém gì bọn Tây. Bọn Tàu Đại Hán chủ nghĩa, bảo hoàng như Lương Khải Siêu và bao nhiêu tên sử gia Tàu trước Lương Khải Siêu mấy trăm năm nữa, sa-đích cũng khủng khiếp lắm! Thế mà cũng có kẻ “lên”, “nảy lên”! Thật quá đau lòng. Bọn vô liêm sỉ đã bày ra cái trò phục thù, trả đũa bằng cách tố cáo “sự sa-đích văn hóa - lịch sử” của Cách mạng này quả là quá kinh tởm. Rõ là một loạt danh nhân dân tộc đều bị xúc phạm, từ Nguyễn Văn Tường, Tôn Thất Thuyết, Phan Bội Châu, cho đến Hồ Chí Minh, Lê Duẩn (29), và cả giáo chủ như Chúa Giê-su cho đến các thánh như Ma-ri-a, Giu-se cũng đều bị xúc phạm. Vì vậy, một số tên giáo hoàng, các cố đạo thuộc “tả đạo” Thiên Chúa giáo, thực chất đều là thực dân, với lại cả những tên tay sai như Tạ Văn Phụng, Trần Lục, Diệm, Nhu, Lệ Xuân, Cần..., không thể thoát khỏi ô nhục. Cái trò phục thù bản thủ, vô liêm sỉ này tung ra, và do đó bị đánh trả để bọn thực dân, “tả đạo” muôn đời bị ô nhục... Bọn bảo hoàng, Đại Hán chủ nghĩa như Lương Khải Siêu (và cả cụ Phan Bội Châu) cũng phải trả món nợ lịch sử! Những kẻ nghiên cứu sử học, biên soạn sử kiểu sa-đích của Mỹ - ngụy, của Cách mạng cũng không thoát nổi! Những tên nhà văn, nhà báo phản động, lưu vong xuyên

tạc, bôi nhọ Bác Hồ (như Bùi Tín, Vũ Thư Hiên, Lữ Phương) cũng thế! Nếu chỉ kể trong giai đoạn 1858 - 1989 (một trăm ba mươi một năm), số lượng nhân vật Việt Nam, nhân vật ngoại quốc thuộc loại nổi tiếng hiện tằm can dự vào giai đoạn ấy như những tên sa-đích văn hoá - lịch sử, có lẽ đến hàng trăm!... - Nhà văn Quyển nói một tràng thao thao như trút hết nỗi giận, chọt tự đĩnh chính -. Ồ, tại sao lại dùng từ đánh trả nhĩ? Làm rõ sự thật thì đúng hơn! Phải làm rõ về "tả đạo" và bọn thực dân, phát xít, đế quốc cho chúng muôn đời ô nhục! Ồ, còn bọn sa-đích văn hoá - lịch sử nữa! Phải làm rõ về chúng! Phải làm rõ tất tẩn tậ!

- Nhưng đã rõ trắng đen, không thể mập mờ lẫn lộn được! Ai sa-đích? Ai xuyên tạc, bôi nhọ? Ai là nạn nhân? - Chú Nông bực bội, chua chát nói -. Thôi, báo chí, sách sử vẫn còn đó. Thiên hạ đâu có ngu! Cậu thừa biết rằng, bọn nào đó xuyên tạc, bôi nhọ mình; và không chỉ thế, thậm chí chúng còn xúi giục một phân số quần chúng kích động mình, khiến mình điên tiết, quyết cãi lại, quyết cải chính cho được; hoá ra như thế là mắc mưu chúng, rơi vào tình huống chuyện không thành có hoặc chuyện cái sây nảy cái ung, mà lại ung thư, chứ không phải ung nhọt thường. Nó bôi nhọ ta bằng một bài báo, một cuốn sách; ta tức mình, cải chính; rồi cứ thế mà "pháo kích" qua, "phản pháo" lại, ồm tỏi, ầm ào cả lên, gây chấn động cả thiên hạ. Hậu quả là bên nào cũng bị "lãnh sẹo", nếu không "ngoẻo củ tỏi". Nhưng cũng có những câu ngạn ngữ hay tục ngữ gì đấy, đại để là: im lặng là đồng lõa hoặc mặc nhiên thừa nhận; câu khác, lộng giả thành chân; và câu khác nữa, với ý tưởng thế này, những điều xuyên tạc, bôi nhọ lịch sử cứ lặp đi lặp lại mãi riết rồi cũng thành sự thật lịch sử, mọi người đều tin, đều học thuộc lòng không một chút nghi ngờ. Khốn nạn là thế đó. Cho nên, có nhiều trường hợp phải "phản pháo", phải cải chính, phải thanh minh, không thể im lặng. Phải làm rõ lịch sử một cách có văn hoá hơn! Phải hội nghị,

hội thảo khoa học, phải công bố trên báo, phải xuất bản thành sách. Phải mổ xẻ, đánh giá các loại kinh điển, từ Kinh thánh, cho đến các toàn tập của các học thuyết, nói chung là các tôn giáo, ý thức hệ trong cuộc chiến tranh 131 năm vừa qua (1858 - 1989), và phải công bố trên sách báo. Phải ghi công, quy tội các loại sử gia, nhà văn, nhà báo, chính trị gia, giáo hoàng các thứ, cũng bằng sách báo, một cách hết sức văn hoá, chứ đâu phải độc quyền ăn hiếp, hàm hồ như thế!... Nhà văn như cậu, cậu thừa biết là có điều luật hình sự phạt tù những tên nào dám xúc phạm danh nhân, xúc phạm kinh điển, bằng kiểu này hay kiểu nọ đấy!

Nhà văn Quyền gật đầu:

- Tôi biết...

Nhà văn Quyền chợt ngừng lại, bỏ lửng câu nói. Anh thấy rõ ngay chính anh cũng đã hẳn học quá đáng. Anh phê phán bọn phục thù, trả đũa sự sa-đích văn hoá - lịch sử bằng thủ đoạn, thậm chí bằng cả một kế hoạch, là vô liêm sỉ, là độc ác, nhưng ngay chính anh với những lời lẽ, ngữ điệu vừa tuôn ra, không phải là bình tĩnh chút nào. Nhà văn Quyền không phải không hiểu rằng, xuyên tạc sự thật lịch sử, bôi nhọ cá nhân nhân vật lịch sử có ít ra là hai trường hợp: xảy ra ngay trong lúc hiện thực đang diễn tiến, ngay trong thời gian nhân vật lịch sử đang tại chức; xảy ra do người nghiên cứu sử, bình luận sử thuộc thế hệ sau, khi sự kiện và nhân vật lịch sử đã trở thành quá khứ xa. Ở trường hợp thứ nhất, việc xuyên tạc, bôi nhọ thường là tạo nên sự cố cho tình hình, tai hoạ cho cá nhân đang có cương vị, uy tín hoặc đang nắm giữ quyền lực tinh thần hay quyền lực vật chất đáng kể. Việc xuyên tạc, bôi nhọ này quả thật, là một động tác chi phối vào diễn trình lịch sử (tạo nên cái án tru di tam đại của Nguyễn Trãi; làm mất uy tín của Nguyễn Văn Tường, Tôn Thất Thuyết, nhằm dập tắt phong trào Cần vương). Ở trường hợp thứ hai, kẻ xuyên tạc, bôi nhọ một giai đoạn lịch sử đã trôi qua khá xa với các nhân vật lịch sử

đã chết từ lâu, là chỉ nhằm vào tình hình xã hội hiện tại của kẻ đó và tâm thế cá nhân, quyền lợi tập đoàn của y. Việc xuyên tạc, bôi nhọ ấy cố nhiên không tác động gì đến giai đoạn lịch sử, nhân vật lịch sử quá khứ bị nhắm đến, nhưng đó cũng là một vấn đề thuộc sử học (ví dụ cho loại này thì vô số!). Nhà văn Quyển không phải không hiểu, trong thực tế, khía cạnh đời tư, cá tính, nhân cách đạo đức của cá nhân lịch sử ít nhiều cũng chi phối đến hành vi, thái độ, chủ trương chính trị của họ và ảnh hưởng đến tâm lí chính trị của quần chúng, nhất là ảnh hưởng rất tiêu cực một khi bị xuyên tạc, bôi nhọ. Tuy nhiên, đối với nhân vật chính trị trong lịch sử, vấn đề đời tư, cá tính, nhân cách đạo đức, chưa phải là vấn đề lớn, mà vấn đề lớn chính là hành vi chính trị, thái độ chính trị, chủ trương chính trị và tài năng trong lĩnh vực lãnh đạo của cá nhân ấy (quân sự, ngoại giao, kinh tế, văn hoá...). Chính thủ đoạn sa-đích về mặt chính trị mới tai hại nghiêm trọng. Yêu nước hay phản quốc, thân dân hay phản dân (chống giặc, cứu nước hay nịnh giặc, câu kết với giặc nhằm bán nước, hại dân), làm tăng thêm vinh quang cho Tổ quốc, dân tộc hay tổn thương đến quốc thể, danh dự dân tộc... Đó mới là khía cạnh nghiêm trọng nhất. Cũng không kém tầm nghiêm trọng là việc xúc phạm kinh điển (nói chung là xúc phạm văn hoá). Nhà văn Quyển ngẫm nghĩ trong một thoáng, và anh nhận ra một cách rạch ròi, anh luôn luôn đau đáu niềm khát vọng được tiếp cận chân lí cũng như sự thật lịch sử, muốn đấu tranh cho sáng rõ chân lí, sáng rõ sự thật lịch sử, nhưng anh không thể đồng tình, đồng loã với thủ đoạn ba que xỏ lá, tiểu lâm chính trị, kiểu sa-đích, ma-ki-a-ven-lít. Xét cho cùng, đó là thủ đoạn hạ cấp. Mặt khác, xúc phạm lại sự xúc phạm, xét cho cùng, cũng hạ cấp, bần thiểu, đê mạt, chứ chẳng tốt đẹp gì!

Nhìn thẳng vào chú Nông, Quyền trả lời câu hỏi thật ra là lời nhắc nhở về luật hình sự dành cho những kẻ xúc phạm danh nhân lịch sử, xúc phạm văn hoá:

- Vâng, tôi biết, nhưng đây là chuyện quái lạ ngay trên báo chí, sách sử, thời xưa, thời ngụy, thời này, trong nước, ngoài nước, nói chung là từ cổ chí kim trên toàn thế giới. Tôi biết có điều luật hình sự phạt tù những kẻ tà tâm xúc phạm bất kì công dân nào, cá nhân nào, nhất là tội càng nặng khi xúc phạm danh nhân lịch sử, gồm danh nhân dân tộc, nhưng đồng thời tôi cũng biết rất kĩ, rất chắc chắn rằng, ai cũng có quyền nghiên cứu khoa học, quyền bình luận (nói có sách, mách có chứng) về các danh nhân, kể cả những giáo chủ tôn giáo, học thuyết, như Chúa, Phật, Khổng, Lão, Ma-hô-mét, Mác... với kinh điển của họ... Các vị ấy, kinh điển của họ được nghiên cứu, bình luận như những con người, tác phẩm đã được lịch sử chính trị, lịch sử văn hoá, gồm cả tôn giáo, ghi tên. Tôi nhấn mạnh, thưa ông anh Hoàng Nông, quyền nghiên cứu khoa học, quyền bình luận (nói có sách, mách có chứng) về các loại danh nhân, các loại kinh điển như vừa liệt kê, là một quyền được luật pháp, hiến pháp nước ta và bất kì nước nào cũng đều trang trọng ghi rõ, cho dù cách dùng thuật ngữ, cách diễn đạt về quyền đó có cô đọng hơn hoặc khác nhau chút ít. Quyền công dân đó được Nhà nước (hành pháp), Tòa án (tư pháp), Quốc hội (lập pháp), cụ thể là cơ quan đại diện luật pháp, cơ quan an ninh bảo vệ. Tất cả mọi danh nhân, đại nhân, nhân vật phản diện của lịch sử (chính trị, văn hoá, tôn giáo...) đều là đối tượng của khoa học. Khoa học đích thực, đúng nghĩa là phải nghiên cứu với đầy đủ các thao tác, quy trình sưu tầm, thu thập, phân tích, tổng hợp, loại suy, đánh giá, kết luận... Theo thông lệ quốc tế, thời hạn giải mật, từ khi sự kiện lịch sử xảy ra, là mười năm hoặc tối đa là hai mươi năm. Quốc sử quán triều Nguyễn công bố một số kỉ thực lục còn sớm hơn thế. Ngoài lĩnh vực chính trị, Đại Nam thực lục (30) còn

ghi rất chi tiết về những nét tốt đẹp hoặc tội lỗi thuộc nhân cách đạo đức của các vua chúa, hoàng hậu, hoàng thân, quốc thích, đại thần, đường quan, biên thần, của cả một số nhân vật trong nhân dân (31). Giải mật tất tẩn tật! Đợi nhân chứng lịch sử chết hết mới giải mật thì còn ai tin tưởng gì nữa! Còn về kinh điển? Tác phẩm khi chưa thành kinh điển cũng thế, nữa là khi đã trở thành kinh điển. Tôi đâu phải là nô lệ của các loại thể lực ngu dân, ngu muội hoá tín đồ (II.15)... Nhưng, xin trở lại vấn đề... Tôi biết rất rõ về quyền nghiên cứu, bình luận vừa nói, nhưng tôi làm được gì! Vì một lẽ đơn giản là thế thần đâu, ông anh? Trong chừng mức nhất định, với năng lực hạn chế, tôi cũng có thể góp phần nhỏ vào việc nghiên cứu, bình luận. Có điều, tôi có quyền gì về báo chí, xuất bản đâu... Ồ, mà thôi, tạm gạt qua cái đó, để trở lại vấn đề đang bàn. Vấn đề sa-đích văn hoá - lịch sử đó phải được làm rõ trong hội thảo, hội nghị, trên báo chí, sách sử. Đúng là phải vậy. Nhưng ở đây là nói tào lao, tầm phơ, tầm phào, mà đã nói tào lao, tầm phơ, tầm phào, thì ít ra cũng phải nói có sách, mách có chứng, và phải nói cho công bằng! - Nhà văn Quyển biết mình sa đà vào chuyện sa-đích bản thủ, nhưng vẫn không tìm lại được một cảm giác gần như phần nộ -. Vậy thì bọn Pháp, Tây Ban Nha, Nhật, Tàu Ô, nhất là Mỹ, và Nga Sô, Trung Cộng với lãnh tụ của các nước đó thì sao? Anh nói cụ thể về thằng Mỹ cho tôi nghe lại với!

Chú Nông cười, nghĩ đến sự thua đậm nên “chạy làng” (chạy lờng (32)) của Mỹ.

- Vì Mỹ “đi đêm”, “ngoại tình chính trị” với Trung Quốc, nên Miền Nam, kể cả Đài Loan, bị “đá đít”. Bọn mình ngấm đòn lâu rồi. Và nói thế chỉ nhục thêm cái sự nhục. Tiếc một điều là lẽ ra nên có sự chuyển tiếp: Từ bảy ba đến tám ba là giai đoạn chuyển tiếp rồi sau đó bàn giao cho Cách mạng Bắc Việt, để họ vào tiếp quản là hay nhất. - Chú Nông nhà khói thuốc lá -. Thực dân còn huấn luyện người Việt tri

người Việt, Cách mạng không bằng thực dân, chỉ đem cán bộ Miền Bắc vào “ăn thịt”, “cưỡng hiếp” dân Miền Nam! Có thể chủ trương chung khác, nhưng các cán bộ Miền Bắc muốn đưa con em, đồng hương đồng chí của họ vào kiểm chác. Bắc trị Nam! Cuộc trả thù lịch sử, mối thù của dân Đảng Ngoài, nhất là dân Bắc kì, đối với triều Nguyễn một, hai trăm năm trước chẳng? Cộng sản thua phong kiến, thực dân chẳng? Lí lịch là một thứ “thanh chắn” ở “cửa quyền”! Ngán ngấm lắm! Bọn đế quốc, bành trướng, phát-xít nữa, có lợi dụng sự “cưỡng bức”, “hãm hiếp”, sự “lên”, “nảy lên” này không?... Cái sự hãm tài! Ăn và hiếp! Người ăn thịt người, người cưỡng hiếp người! - Chú Nông tuôn ra một hơi dài, cố giữ môi cười chua chát để che giấu niềm bi phẫn (33).

Nhà văn Quyền vốn hay đùa, sao lúc này mặt buồn xo, mặc dù câu chuyện đã chuyển sang tiếu và bi quá tục tĩu.

Buổi sáng ấy khi đi chợ dắt xe vào nhà, gặp nhà văn Quyền, mãi chuyện trò, Hiền Lương thấy cũng có nhiều điều thú vị. “Văn học, là nhân học” mà. Đó là khoa học về con người! Làm văn nghệ, “chẳng có gì thuộc về con người mà xa lạ” cả. Cô thấy có những điều khá kinh rợn nhưng vẫn cố gồng mình lắng nghe. Cô biết, có nhiều người hồng cả cuộc đời bởi những gì rất vụn vặt!

Câu chuyện đã ngả về phạm trù cái thấp hèn, ấy là những ti tiện, là tâm lí “trâu cột ghét trâu ăn” của con người, và phạm trù cái cao thượng thiếu thực tế của “hoa anh túc nha phiến” cũng trong con người. Trong phạm trù cái thấp hèn, có thể có cả lòng thù hận, không muốn con cháu ngụ tặc hơn mình, ở những cán bộ cách mạng; có thể có cả thói nô lệ, tay sai thời thực dân, đế quốc còn sót lại trong cách suy nghĩ rất ngụ tặc, ở những kẻ vốn là ngụ tặc... Đã có vụ án gián điệp người Việt làm cho CIA., KGB., P.II hay Tình báo Trung Quốc chưa? Đã hai mươi hai năm... Cô không muốn hình ảnh Người Chiến sĩ Giải phóng dân tộc,

nhất là Chiến sĩ Giải phóng Miền Nam để nhân dân Miền Nam được làm chủ Miền Nam, sụp đổ trong tâm hồn cô, vì sự “tranh ăn” rất sinh vật, “đè” nát ý chí tiến thủ của lớp trẻ Miền Nam. Hiền Lương vừa làm cơm vừa nghĩ ngợi. Con Người! Con Người! Cô buồn rầu mỉm cười, chọt giật mình, nhận ra ngôn từ trong suy nghĩ của mình đã ảnh hưởng bởi trường phái “bản năng gốc”! Và Hiền Lương lại giật mình, tự hỏi, những người trẻ tuổi như nhà văn Quyền, như cô, cũng như bạn bè cùng trang lứa thuộc các gia đình cách mạng đã được đào tạo đầy đủ, chín chắn, đã thật sự vươn lên về mọi mặt để đủ khả năng làm chủ chưa, hay là sẽ để Miền Nam một lần nữa rơi vào tay “tả đạo” Thiên Chúa giáo và các nước đế quốc chủ nghĩa mà đứng đầu là Mỹ? Phải chăng Miền Nam vẫn cần Miền Bắc chi viện các lực lượng vũ trang (công an, bộ đội)?

Ồ, Miền Bắc...

Một Miền Bắc đã thật sự chuyển hoá về chất, không còn niềm bi phần Đảng Ngoài dưới triều Nguyễn thời Pháp chuẩn bị rồi bắt đầu xâm lược nước ta! Một Miền Bắc đã thực sự phục hồi và phát huy truyền thống nghìn xưa, "bốn mươi thế kỉ cùng ra trận"!... Hiền Lương thâm thía hiểu, một trong những nguyên nhân mất nước vào tay thực dân Pháp, Mỹ và "tả đạo" Thiên Chúa giáo là hậu quả của hai trăm năm phân liệt, chia cắt Đảng Trong - Đảng Ngoài. Bấy giờ, Đảng Ngoài có tâm thế chính trị để chấp nhận phong trào Tây Sơn - Nguyễn Huệ, người anh hùng đánh dẹp cả chúa Nguyễn Đảng Trong lẫn vua Lê - chúa Trịnh Đảng Ngoài, đánh tan cả lực lượng ngoại viện (Xiêm La, nhà Thanh) của hai bên. (Tuy thế, Phạm Thái, Nguyễn Du (34) và một ít kẻ sĩ Bắc Hà khác cũng nổi dậy hoặc chỉ mới mưu toan chống lại Tây Sơn - Nguyễn Huệ!). Đến khi Nguyễn Ánh, hậu duệ chúa Nguyễn, chiến thắng Tây Sơn, thống nhất cả nước về một mối, ấy là lúc Đảng Ngoài thất thế, bị phân biệt đối xử, bị trấn áp, do đó, liên tiếp nổ ra những cuộc nổi loạn. Vâng,

Hiền Lương thám thía hiểu. Đó những cuộc nổi loạn bởi lòng thù hận, mượn chiêu bài "phù Lê", của Đảng Ngoài, dưới sự trấn áp của quan quân nhà Nguyễn. Đó là sự bất bình của nhân dân Đảng Ngoài trước sự ưu đãi của triều Nguyễn đối với nhân dân Đảng Trong một cách thiếu công bằng. Và Đảng Ngoài, nhất là Bắc Kỳ, có một tâm thế chính trị phần hận để từ đó, trở thành vùng đất tốt cho "tả đạo" Thiên Chúa giáo gieo mầm, bành trướng, xâm lược. Thêm vào đó, Bắc Kỳ là nơi diễn ra sự câu kết giữa bọn giặc Cờ (Thái Bình thiên quốc biến tướng, bị thực dân lợi dụng) với thổ phỉ "giậu đồ bìm leo" Đảng Ngoài, và giữa giặc Cờ với một bộ phận nhân dân Đảng Ngoài khác, vốn bất mãn, phần hận. Cuộc nổi loạn của Cao Bá Quát cũng ở trong tầm ảnh hưởng của Thái Bình thiên quốc ở giai đoạn hùng mạnh nhất (chiếm lĩnh mười mấy tỉnh ở phía Hoa nam), vào nửa đầu thập niên năm mươi thuộc thế kỉ XIX! (35) (36).

Thế rồi...

Vết thương sông Bến Hải, vĩ tuyến Mười bảy, với cuộc tập kết ra Bắc, di cư vào Nam, đã đảo ngược vai trò lịch sử của hai miền (Đảng Trong - Đảng Ngoài). Một cuộc hoán vị tất yếu vì yếu tố địa - chính trị, nhờ cuộc cách mạng Tháng mười 1917 nổ ra ở nước Nga, và không lâu sau đó, cách mạng vô sản diễn ra ở Trung Quốc! Hiền Lương thám thía nỗi đau, niềm tủi thẹn của "tả đạo", "phù Lê" Đảng Ngoài bằng một nửa dòng máu trong trái tim cô. Hiền Lương có cảm giác tắc nghẹn cả tiếng thở dài của chính mình trong một thoáng suy tưởng, hồi ức bất chợt.

Bữa cơm trưa của ba người hôm ấy hơi muộn.

Trong bữa ăn, nhà văn Quyển tỏ ra uể oải mặc dù vẫn cố gắng vui vẻ. Chú Nông gấp thức ăn cho anh, mỉm cười:

- Cơm thương hơn ai thương ông ạ.

Nhà văn Quyển nói:

- Anh tu khổ hạnh, mặc dù riêng môn rượu, nhưng tôi đâu có tu!

Hiền Lương và chú Nông bật cười. Cô nói với ba:

- Có chai Lúa Mới hôm Tết đó ba!... Nhưng xin đừng “tục” nữa!

- Chơi với nhau lâu rồi, tôi hiểu ý cậu, nhưng tôi muốn để cậu rầu rĩ một chút. - Chú Nông thật tình quên mất khoản cay cay này, vì cũng quá lâu rồi đã bỏ thói say xỉn, nhưng vẫn nói cho ra vẻ chủ động, trong lúc Hiền Lương mở tủ chè.

Rượu làm nhà văn Quyền trở lại hứng chí:

- Ông anh chả chơi đẹp tí nào! Tôi có lời trách đấy.

Tiếng cười từ đó giòn suốt bữa ăn.

- Đừng “tục” nữa, nhưng cứ uống. - Chú Nông nhắc Quyền.

Nhà văn Quyền cười khà khà.

- Này, anh Nông, thỉnh thoảng chúng ta có những cuộc chuyện trò hơi trái gió trở trời, khá ê ẩm, nhức nhối, nghe cũng vui! Hồi nãy, câu chuyện khiến tôi sực nghĩ là xô vào cánh cửa định kiến không khóa nhưng cũng chưa mở! - Nhà văn Quyền quay ra Hiền Lương -. Có lẽ những ai cùng tuổi với Hiền Lương chả mệt óc với những gì khiến chúng ta thường đau đầu khi nhắc tới?

Hiền Lương cười, ánh cười sáng trên môi và mắt:

- Bọn em bị ảnh hưởng bão rớt, áp thấp nhiệt đới. Anh là nhà văn, hẳn thừa nhạy cảm mà!... Cũng xin nhận xét là dạo này anh “tục” quá!

- Có khóa những ổ khóa cực to, và cửa bằng thép! Ổ khóa và cánh cửa ấy được sản xuất từ não trạng lí lịch chủ nghĩa! Cậu thừa biết bằng chính sự khốn khổ của cậu, sao nói rứa! - Chú Nông nói với nụ cười khiêu khích cho vui.

Nhà văn Quyền rung đùi, sau khi cạn cốc rượu nhỏ. Anh buông đũa, tung tung:

- Xin nói nhỏ với anh, tôi học lóm được một cái “sách”, nếu gọi đúng chữ, ấy là “chính sách phân sáp”, nói rõ ra là chia ghép, của triều Nguyễn thời “bình Tây sát tả”... Sắp tới,

tôi sẽ làm bộ trưởng Bộ Nội vụ. Tôi sẽ tuyển một vạn đến một triệu đồng chí cực kì đẹp trai đẹp gái, huấn luyện thành nhân viên phản gián, chuyên đi “dụ dỗ” các tài năng trẻ và cưới làm vợ làm chồng. Cóc sợ “diễn biến hòa bình”, cho chúng nó “lên” và “nảy lên” cho khoái. Còn các anh xồn xồn, già già, tôi sẽ... Tôi cũng kiêm luôn công tác tổ chức của Trung ương Đảng và Chính phủ. Tôi sẽ chuyển xồn xồn, già già ngụy tặc “chúng ta” ra Bắc. Bộ đội, cán bộ, đảng viên ngoài đó rất đông, sẽ “gác” họ, cho lấy vợ bé Bắc kì, nhân viên của Bộ luôn! Cóc gì đâu mà “khóa”! Bản thân tôi cũng lấy vài cô!

Cả ba người cười vỡ. Hiền Lương đỏ mặt, miếng cơm trong miệng khiến cô muốn sặc. Thật ra, với chú Nông, chú cố gắng nói liều nhưng trong lòng ngượng lắm. Từ một tín đồ Đạo Chúa, một kẻ chống cộng, theo Quốc dân đảng, chán chường chế độ ngụy, rồi chán chường tôn giáo, một với một đảng đã bị xói thịt hóa, lại bị tù tàn binh, lòng dạ chú còn háng hái gì nữa với cách mạng. Cảm giác bị muối mặt rất đậm khi nói đến chuyện này, nhưng chú cũng liều, liều cho lớp trẻ, và thật ra liều một cách vô nghĩa, bởi nói với ai chứ nói với nhà văn Quyển cũng chỉ như tự nói một mình. Quyển có khác gì với chú Nông đâu, nếu xét về thẩm quyền! Thật là một trò hề nhục nhã. Chú Nông ngã người vào thành cửa sổ, đốt một điếu thuốc lá.

- Anh thấy “kế hoạch” của tôi được không? - Nhà văn Quyển rung đùi nói tiếp -. Nói thật, giá như bây giờ nước ta như Liên Xô, Đông Âu, Đảng Cộng sản Việt Nam giải thể, các anh và tôi, ngụy tặc “chúng ta” chấp chính, thì cũng đến thể. Xã hội bây giờ có khác gì mơ ước của ngụy tặc “mình” đâu! Nói cho cùng, mặc dù khả năng ấy không thể có. Không một lực lượng nào có thể, ngoài Đảng Cộng sản Việt Nam, đảm đương lãnh đạo đất nước này. Lịch sử đã thử thách họ và giao phó trọng trách ấy cho họ. Không tổ chức nào có quyền thay thế họ. Vai trò lịch sử của họ còn thuộc

về tương lai của dân tộc nữa. Vấn đề là chúng ta phải cộng tác với họ trong sự thống nhất chí hướng. Hãy bước qua xác chết của chính mình để sống lại. Họ giải phóng cho chúng ta đâu phải để chúng ta nói ngược, nói lái lại hai chữ “giải phóng”. Chủ nghĩa xã hội cũng phải “nằm thành phần kinh tế”. Hãy tin vào quy luật khách quan... Không thể duy nhất một quốc doanh trong mọi ngành kinh tế, hoặc chỉ hai thành phần, quốc doanh và tập thể. Thời bị cấm vận bởi Mỹ, bị di căn xúc xiêm, bị di hại bởi ám thị tuyên truyền của chế độ cũ lẫn các đài Phương Tây đã qua rồi. Thời “nóng vội” cũng qua rồi. Phải có kinh tế quốc doanh để tự bảo vệ chính quyền và bảo vệ quyền lợi nhân dân lao động. Tư bản chủ nghĩa rất không được đâu... Riêng tôi, tôi sẽ cưới thêm vài cô trẻ đẹp vốn là nhân viên phản gián của Bộ Nội vụ, Đảng Cộng sản Việt Nam... Ồ, càng khoái... Xin lỗi, anh Nông với Hiền Lương cứ để tôi cà rững một tí... Đồng chí Lê Duẩn (?) cũng phải lấy hai vợ đấy. Không phải luật, ấy là ngoại lệ, vì lí do tổ chức.

Chú Nông phì phèo thuốc lá, mặc nhà văn Quyền thao thao nói. Chú nghĩ, cơ chi có thể như ước muốn, thì miền nào cứ ở miền đó, cán bộ tập kết đã trở về Miền Nam, giáo dân di cư phải trở ra Bắc, công an, bộ đội tùy nghi giữ vững an ninh, quốc phòng, mọi bộ phận nhân dân, cán bộ khác cư trú, công tác theo miền, nhưng giao thông, kinh tế và mọi lĩnh vực khác đều thông suốt, thống nhất, dưới sự quản lí chung của Nhà nước, sự lãnh đạo chung của Đảng Cộng sản Việt Nam. Thế là ổn nhất. Thật lòng chẳng ai muốn bị áp bức, cai trị, bị tước hết mọi quyền tự do, dân chủ cả. Nhưng là kẻ bại trận, đành chịu thế thôi. Chú thở dài, khế bật cười chua chát.

Hiền Lương đã dọn chén bát lui nhà sau. Cô đã quá bức mình bởi cái “tục” và “phét”. Lúc rửa chén bát, cô còn nghe nhà văn Quyền nói: “Phụ nữ có chồng muốn lên cao, phải li hôn. Cuộc cách mạng nào cũng phải hi sinh một bộ

phận trong cộng đồng? Lỗi tại Pháp, Nhật, Mỹ... Lỗi tại ai chia cắt Đất nước, nhân danh hệ lạc hậu phản quốc và lỗi tại lũ làm tay sai cho thực dân, phát-xít, đế quốc!”. Hình như nhà văn Quyển đã say khướt, rõ là nói càn về công tác tổ chức. Thật dễ sợ! Và làm sao biết được về đời tư của tổng bí thư Lê Duẩn mà nói bừa như thế!

Giọng chú Nông hơi ngái ngủ:

- Thôi, bớt uống đi Quyển. Cậu trắng trợn, mặc dù xuất phát từ lòng yêu tài năng trẻ, nhưng cáo già chính trị quá, bọn trẻ nó ón xương sống. Là nhà văn, cậu phải hiểu trái tim của con người, của thanh niên chứ. Thanh niên, phần lí trí ít hơn so với tuổi xồn xồn. Với họ, tình yêu là tất cả. Và lại, sống trăm năm với một đồng chí phản gián, nghĩa là...

Nhà văn Quyển ngắt lời:

- Đối tượng tình... nghi! Chắc chắn, họ sẽ cáo, bởi dám nghi ngờ sự trong sáng của họ, lòng yêu nước của họ.

- Đúng. Họ bị nghi ngờ, họ sẽ khổ tâm. Tuổi trẻ cần được sống và làm việc trong không khí tin cậy lẫn nhau. Nhân cách của họ trong điều kiện đó, sẽ được phát triển hài hòa, sẽ người hơn, không bị méo mó. Nghi ngờ họ quá, họ phản động luôn đấy.

Giọng nhà văn Quyển hơi lè nhè:

- Anh làm thêm vài li nữa đi... Nếu đạt đến tình trạng môi trường sống và làm việc như anh nói, quả là lí tưởng. Nhưng phải thực tế. Tôi là nhà văn, lãng mạn có thừa, vẫn thông cảm cho những người lãnh đạo. Thực dân, đế quốc và cả phát-xít, đặc biệt là Thiên Chúa giáo, đã gây tội ác đối với dân tộc ta như thế nào, anh đã rõ... Đại Nam Thực Lục có trong tủ sách của anh đó! Thực Lục viết quá rõ về Thiên Chúa giáo trong sự mở đường và câu kết với thực dân Pháp, còn với đế quốc Mỹ, chúng ta chứng kiến tận mắt rồi... Tôi viết văn, cần quái gì chức vụ hay làm ở cơ quan Nhà nước, công việc của tôi cần cóc gì tổ chức với lại tập thể, dẫu có bị ém uy tín, hãm tài... Nhưng với tôi, vấn đề là

sự đánh giá của thời gian, trước mắt là được đăng báo, được xuất bản. Chỉ tiếc cho bọn trẻ, không có vốn kinh doanh, không được đào tạo, không có tiền đóng học phí, không có cơ may thi thố tài năng, không có phòng thí nghiệm cỡ lớn... Bọn tư sản nước ngoài sử dụng họ, cũng chỉ vắt chanh bỏ vỏ. Họ lại bị đánh giá là mang thân làm giàu cho tư sản, không phục vụ cho công nông, cho nhân dân... (II.16), lí lịch vàng vắn vàng khè... Thế thì, cái “sách” về công tác tổ chức của tôi, nghe nó ghê rợn, nhưng thực ra, đáp ứng được yêu cầu của công an lẫn của gia đình nguy tắc “chúng mình”. Ờ ờ, tình yêu với chính trị hài hòa! Nó cổ lắm nhưng không cổ bao giờ. “Thật vàng không quản chi lửn”, dấu đồng chí chồng, đồng chí vợ là công an phản gián. Có công an ở trong nhà cũng yên tâm... Và chẳng lẽ giết chết quyền tiến thủ sao!... Và cần cóc gì phải dựa hơi con cái ông bự cho mất “uy” mình đi! Công an lấy được tài năng, sướng quá!

Hiền Lương nghe tiếng ngáy khò khò của ba. Cô nghĩ đến một đời sống lặng lẽ... Cô nhớ đến người anh rể của chính cô, anh ấy cưới chị cô và phải rời khỏi ngành công an vận sắc phục...

2

Mở mắt thức dậy, trời vẫn chưa sáng. Ý nghĩ đầu tiên vẫn là ý nghĩ tiếp nối từ trong giấc ngủ. Hiền Lương thấy trong tâm mình Đền thờ Tổ quốc gồm trên năm mươi ba biểu tượng nhân tộc, Đền Hùng, đình làng, và những hình tượng, cả chiếc cầu nối hai miền Đất nước trong ước mơ của ông giáo Hiền. Suy tư về quốc hồn, quốc túy cùng những cách tân ấy vẫn còn âm hưởng trong tâm não cô ngay trong lúc tập bài thể dục buổi sớm, khi cùng Bông

Bưởi với Nàng Hương tắm sông, ngay cả lúc trở về nhà ăn sáng. Hiền Lương cũng muốn tập trung suy nghĩ về điều đó. Cô thấy không có gì hay hơn. Cách thờ kính và di dưỡng tâm linh ấy, quả thật rất dân tộc và rất nhân loại, rất què hương và rất vũ trụ, rất nghìn xưa và rất nghìn sau.

Hiền Lương chẳng biết làm gì, vì tất cả đồ đạc, tranh, màu đã được gói ghém, đặt vào va li. Hành lí cũng nhẹ bẫng.

Anh Hành lúc này có lẽ đang hội họp hay học tập gì đó ở Đông Hà. Cô mỉm cười, thầm cảm ơn anh ấy.

Chẳng hiểu sao mỗi lần nhớ đến Hành, ngay tức khắc, một liên tưởng rất bi kịch lại hiện ra trong trí tưởng. Liên tưởng ấy, có khi là Rô-mê-ô - Giyu-li-ét Phương Đông, có khi là Mỵ Châu - Trọng Thủy phó thường dân! Liên tưởng ấy khiến cô nghe tim mình đau nhói bởi niềm tự trọng. Lúc này, Hiền Lương bỗng rợn lạnh bởi ánh thép tự thanh gươm An Dương vương, thấy nước biển rã hai như biển trong Kinh Thánh của Môi-se để đón An Dương vương về với tấm lòng nhân dân muôn đời, như một liên tưởng ngược. Cô nhớ cô giáo dạy văn người Bình Dương, năm lớp mười, ở trường Võ Minh Đức thân yêu, đã rưng rưng nước mắt khi giảng bài. Hiền Lương chợt nhớ, cũng rưng rưng tự bảo: Lẽ nào mình là Trọng Thủy!

Sáng hôm nay là buổi sáng cuối cùng, Hiền Lương bỗng dưng buồn quá. Cô rủ Bông Bưởi cùng Nàng Hương đạp xe thăm lại chiếc cầu cô mang tên của nó. Cô lại ngồi chỗ cô và Hành đã từng ngồi chiều nào. Hiền Lương băng khuâng đăm đăm nhìn. Mới đó đã hơn một tháng rồi! Lúc này ngồi bên hai cô bé riu rít như chim, Hiền Lương cũng chẳng muốn chuyện trò gì nữa. Mặt sông vẫn loang loáng bao gợn sóng nắng. Chiếc cầu vẫn xanh một màu lá úa. Thôi thì mặc trí tưởng cứ rong ruổi như ngọn gió, như cánh chuồn chuồn vui đâu đậu lại, buồn đâu bay đi.

Hôm qua, hôm kia, cô nhớ nhà, nhớ những đường phố Thủ Dầu Một, nhớ bạn bè, nhớ ba, bạn trẻ, bạn già của ba. Bất giác, Hiền Lương mỉm cười. Cái ông nhà văn Quyền buồn cười thật. Anh ấy lúc trầm lặng như bậc chân tu, lúc biểu cảm như nghệ sĩ đọc thơ, hoặc phớt tỉnh rất tếu, hơn cả vai hề sân khấu, với giọng nói Sài Gòn, chính gốc Bến Tre, suốt tháng nay cô thấy thiếu thiếu thế nào!

Hiền Lương còn nhớ, cô đã ngồi như một pho tượng trong buổi sáng anh giáo Quyền và ba cô nói chuyện phiếm về Ơ-đíp, về các chuyện chính trị. Không, đúng hơn là chuyện lật vật của chính trị. Không, cũng không lật vật, vụn vụn đến nhỏ nhen!? Nhưng là những nhức nhối không cơ bản? Có gì tuyệt đối đâu! Bao ảo tưởng thần tượng và nền chính trị đức trị không thể không đến lúc phải trở nên trưởng thành hơn - trưởng thành trong nhận thức chính trị. Qua rồi những ấu trĩ... để rơi vào "ám ảnh sợ" khôn nguôi! Những cái tát vào mặt nhân loại! Ai đó đã nói thế rất lâu rồi. Cái tát thiên văn học, của thuyết nhật tâm. Cái tát sinh vật học, của tiến hóa luận. Cái tát tâm lí học, của phái phân tâm, dẫu Phơ-rớt và các người kế tục ông còn có vấn đề. Cái tát chính trị bá đạo, của Tào Tháo, Ma-ki-a-ven...

Cô còn nhớ, điều cô băn khoăn lại không được ba cô, anh nhà văn Quyền bàn đến. Chính Hiền Lương phải tự tìm hiểu về pháp môn bất nhị của Phật giáo. Ờ, đúng rồi, con người bao giờ cũng trong tâm trạng khổ đau bởi luôn luôn ở trong hiện thực vốn nhị nguyên đối đãi với tâm biện biệt. Nhưng không phải nhân loại muốn trở về Địa đàng mù và ngu của Đức Chúa Trời trong thần thoại ngây thơ. Phải hiểu tất cả những mặt sáng lẫn tối của từng thực thể, phải biết so sánh, đối chiếu các thực thể như hiện thực nội giới, ngoại giới vốn có. - Hiền Lương tự bảo -. Phải hiểu đến tận cùng. Phải sâu sắc, tinh tế. Phải bao quát vĩ mô, phải mổ xẻ vi mô. Nhưng điều quan trọng là phải vượt lên. Nhất nguyên! Vượt lên hiện thực sáng tối, cao thấp, thiện ác để đạt đến

cảnh giới niết bàn tại tâm. Có điều, Hiền Lương thấy, không nên xem tất cả là phù du, là hư vọng, mộng ảo, không thể ném tất cả vào chủ nghĩa hư vô. Nên xem tất cả là bình thường như đời đã thế, đang thế, rồi sẽ thế. Hiện thực bao giờ cũng tồn tại muôn dạng vẻ đã được quy về ý niệm nhị nguyên đối đãi, biện biệt. Và muôn loài đang trên con đường tiến hóa (có thoái hóa, có “nhảy vọt”). Pháp môn bất nhị, vươn tới cảnh giới nhất nguyên của nội tâm, chỉ là một phương cách thực nghiệm tâm lí, để thanh thân hơn. Được hay mất cũng thế. Đẹp hay xấu cũng thế. Thành hay bại cũng thế... Một phép “thắng lợi tinh thần”? Thế nào nhỉ? Nếu đạt được phép tịnh tâm ấy, lòng người nhẹ nhàng thật. Không. Thấy cái gì thuộc về cái-không-thể thì bình tâm chấp nhận, nhưng cảm thấy những gì thuộc về cái-có-thể, chắc phải cố gắng đạt bằng được, miệt mài, kiên trì, hết lòng, hết sức. Nhưng phải luôn luyện tập để điều hòa tâm lí... Cảnh giới nhất nguyên siêu hình của nội tâm quả thật có hiệu quả, và rất nhiều người đạt đến với nỗ lực tập luyện, thực nghiệm tâm lí. Nhưng liệu ai cũng thế, làm sao có những thành tựu, những phát minh khoa học - kĩ thuật, làm sao chiến đấu chống ngoại xâm để bảo vệ Tổ quốc! Không. Có lẽ phải xem đó chỉ là một phương thuốc tâm lí, nếu cần thì dùng đến. Đây là thuốc giảm đau, thuốc thư giãn. Vâng, chỉ thế. Phải biết luyện lấy một khả năng điều hòa tâm lí. Thế thôi...

Hiền Lương ngồi bên Bông Bưởi, Nàng Hương, mặc trí tưởng rất đối tiêu dao! Cô lặng lẽ nhìn chiếc cầu cô được mượn tên. Cô tiếc mình chả làm được Nguyễn Bình Khiêm trong bài thơ Nhàn của ông suốt tháng trời nay... Và trước mắt cô, ngang dòng sông Bến Hải, cơ hồ chiếc cầu như mơ ước ông Hiền hiện ra...

Hình ảnh của dòng sông trước mặt lại đưa trí tưởng của cô về với dòng sông bên bờ thị xã Thủ Dầu Một, dòng sông thân thương từ lúc Hiền Lương mới khóc tiếng khóc

đầu đời đến tuổi hai mươi hai cô hiện có. Nhớ những buổi rảnh rỗi việc học, theo mẹ ra chợ, hai ngôi chợ nối nhau còn nguyên nét tinh khôi hay khu chợ cũ đã bị thay thế, Hiền Lương thường đi về một mình dọc đường Bạch Đằng, con đường men bờ sông. Ven sông, ven đường là những ghé đá, những nhà thủy tạ, những tàu thuyền từ các tỉnh xa cập bến, những biệt thự và công sở, những tàng cây xanh ngắt bốn mùa. Dòng sông cũng hầu như suốt bốn mùa mênh mang gợn sóng.

Hiền Lương nhớ nhà, nhớ Thủ Dầu Một, sao nhớ nhất vẫn là dòng sông của thị xã. Sông, con sông nào cũng là biểu tượng của chia cắt và nối liền, gọi nên nỗi đau bởi chia cắt, chia xa và ước mong được nối liền, gặp gỡ. Cảm nghĩ ấy mơ hồ trong tiềm thức, nảy sinh một cách hồn nhiên khi đứng bên sông ấy, bỗng càng thấm thía khi sáng mai nay ngồi bên Bến Hải, một buổi sáng cuối cùng trong chuyến về thăm quê nội. Đúng hơn, suốt hơn tháng nay cô đã thấm thía nỗi niềm của sông, cảm xúc bây giờ thấm thía hơn bởi nhớ nhung quê kia trong Nam xa lắc và luyến tiếc trước quê này, Bến Hải lặng lẽ trước mặt.

Thật ra, sông cũng như bất kì vật thể nào, luôn gọi ra nhiều ý nghĩa khác nhau. Sông là tấm khăn len hôm trời se lạnh. Sông là mái tóc dài óng mượt. Đôi khi sông lại như vòng tay. Mặc dù mang tên Hiền Lương, nhưng thơ ngây tuổi nhỏ, nao nức xen lẫn băng khuôn tuổi mới lớn chưa cho phép cô ngấm sâu nỗi đau chia cắt. Có thể như thế. Cô không thật rõ lòng mình. Cũng có thể Hiền Lương ngấm lâu rồi nhưng cô chưa hiểu hết độ sâu của vết thương hai phía. Không, Hiền Lương tối nay sẽ lên tàu lửa về lại với Thủ Dầu Một rồi, đừng mênh mang nữa. - Cô tự kìm lại lòng mình sắp lẫn quẩn.

Bờ sông Bến Hải rười rượi gió. Những chiếc cầu tre tay vượn làm cầu thuyền vì bờ quăng kia cận nước, quá trơ vờ bởi thuyền đi đâu rồi, như một cuộc đời lơ dờ, như những

ước mơ gầy mòn không vươn tới nổi. Bức ảnh nào cô đã thấy đang hiện ra trước mắt. Nhưng cô tin với một niềm tin không còn bông bột, xúc nổi, ngu ngơ, chiếc cầu rất ngàn xưa, rất ngàn sau, rất quê hương, rất vũ trụ và rất dân tộc, rất nhân loại, cùng những hình tượng của ông Hiền sẽ được xây dựng. Hiền Lương bỗng bừng tỉnh, bởi một lẽ gì không rõ: thoáng chút tình cảm giữa cô và Hành có nghĩa gì trước chiếc cầu lớn lao kia!

14. CUỐC CHỮ chương XIV:

(27) Ở đây tác giả tiểu thuyết vận dụng thủ pháp "chép nguyên xi cuộc sống" để khắc hoạ nét tính cách "đầy ác ý" hoặc "báng bổ một cách hồn nhiên vô tư" kiểu vô chính phủ, nhằm phê phán nhân vật Nông. Tuy vậy, cũng nên hiểu, thật ra, trong thâm tâm, nhân vật Nông chỉ muốn cải chính sự xuyên tạc, vu khống, bôi nhọ một cách "đầy ác ý" vụn vặt hơn, trong các cuốn sách, bài báo của một số nhà văn, nhà báo phản động, lưu vong như Vũ Thư Hiên, Lữ Phương, Bùi Tín... (Xin xem tiếp ở chú thích II.21).

(28) Khái Hưng, tên thật là Trần Khánh Giu (1896 - 1947), nguyên quán: Cổ Am, Vĩnh Bảo, Hải Dương, một cây bút chủ lực của nhóm Tự Lực văn đoàn do Nhất Linh (Nguyễn Tường Tam) chủ trương. Một trong những tác phẩm của Khái Hưng là Tiêu Sơn tráng sĩ (1934, đăng báo nhiều kì). Đây là một cuốn tiểu thuyết lịch sử viết về Phạm Thái (1777 - 1813) - Trương Quỳnh Như với quan điểm sai lạc, tiêu cực, anh hùng cá nhân chủ nghĩa: "phù Lê", chống Tây Sơn. Một ý tưởng bi đát, thoát li hiện thực để trốn vào tình yêu đương với cái đẹp của phụ nữ, cộng với nhận thức và quan điểm lịch sử sai lầm của Khái Hưng, đã trở thành câu nói nổi tiếng của nhân vật tiểu thuyết Phạm Thái: "Chí lớn trong thiên hạ không chứa đầy đôi mắt mỹ nhân!". Điều cần lưu ý là tư tưởng phản động "phù Lê", chống Tây Sơn ở Bắc Kỳ vẫn còn tồn tại dai dẳng đến thế, mặc dù mỗi thời lại có một màu sắc, khía cạnh khác nhau. Xét riêng tư tưởng Khái Hưng: về sau, đã có sự chuyển biến, thể hiện thành thái độ chống Pháp, nhưng lại càng sai lầm khi liên minh cùng cái ác phát xít (fascisme)! Đầu thập niên bốn mươi của thế kỉ hai mươi (XX), Khái Hưng gia nhập Đảng Đại Việt

dân chính, thân phát xít Nhật, chống Pháp; bị Pháp bắt, giam tù. Khi Nhật đảo chính Pháp (3.1945), Khái Hưng được thả, lại tiếp tục ủng hộ Nhật, chống Pháp bằng báo chí. Sau Cách mạng Tháng tám (1945), Khái Hưng chống cộng, bị lực lượng Việt Minh thủ tiêu (1947), bằng cách trói lại, bỏ vào bao tời cùng với một tảng đá, ném xuống sông. Nhìn chung, Khái Hưng gần như Phạm Thái, xét về hai lĩnh vực hoạt động chủ yếu của họ. Về văn chương, Khái Hưng cũng rất tài hoa, có sự đóng góp rất lớn cho văn xuôi Việt Nam trong giai đoạn 1930 - 1945, nhưng về chính trị, cũng rất sai lạc, đáng trách ("phù Lê" như một âm hưởng di căn; thân phát xít Nhật như một thái độ tự bản thân). Tuy vậy, phải thừa nhận cho Khái Hưng, dẫu sao, ông không phải không có nét tích cực; nét tích cực đó là hành động chống Pháp. Khái Hưng không phải thuộc loại chống Pháp theo dạng cơ hội chủ nghĩa, xu thời khi phát xít Nhật xâm lược nước ta, mà chỉ là kẻ bị rơi vào "thế kẹt lịch sử", phải dựa vào một chỗ dựa gian ác: phát xít Nhật! Phải chăng là thế?

Xem thêm: Nhiều tác giả, Từ điển văn học, tập I, [mục từ Khái Hưng (văn K, số 9), Nguyễn Hoàn Khung soạn], Nxb. KHXH., 1983, tr. 344 - 345.

Tạ Thu Thâu là một người hoạt động chống Pháp, nhưng theo khuynh hướng Quốc tế Cộng sản đệ tứ của T-rốt-x-ki (Trosky, người Nga). Tạ Thu Thâu bị lực lượng dân quân Việt Minh giết tại Quảng Ngãi, trên đường ra Hà Nội dự hội nghị do chính phủ Việt Minh triệu tập! T-rốt-x-ki là một nhà lí luận, hoạt động cách mạng cộng sản chủ nghĩa, nhưng có điểm chống lại Lê-nin (Lénine), người sáng lập Quốc tế Cộng sản đệ tam; do đó, bị quy vào loại thuộc phe men-sê-vích, chủ nghĩa xét lại như Cau-x-ki (Causky [có sách viết: Kowsky], người Đức). T-rốt-x-ki sáng lập Tổ chức Quốc tế Cộng sản khác (đệ tứ), li khai với Tổ chức Quốc tế cộng sản của Lê-nin. Khi đã lưu vong ra nước ngoài, T-rốt-x-ki vẫn bị ám sát bởi nhân viên an ninh Liên Xô: bị đập chết bằng một thanh sắt vốn được dùng làm cây cời than trong lò sưởi!

Về cái chết của Khái Hưng, Tạ Thu Thâu, T-rốt-x-ki (Trosky), nhất là cái chết của Phan Văn Hùm, mặc dù đã có nhiều sách báo viết như trên, nhưng để cẩn trọng hơn, cần có nhiều tư liệu xác minh thêm. Trong đó, về cái chết của Phan Văn Hùm, một vài tư liệu

gần đây lại cho rằng, ông chỉ chết vì bệnh mà thôi. Nói chung, tác giả tiểu thuyết (TXA.) xin chấm dứt hồi nghi vấn trong tinh thần khách quan sử học ở đây.

Xem thêm: tư liệu về t-rốt-kít (troskisme) và chủ nghĩa xét lại [Từ điển triết học, Nxb. Tiến Bộ, Mát-x-cơ-va (1975), liên kết với Nxb. Sự Thật, Hà Nội, 1986, tr. 698 - 699]; và chú thích I.115, II.24 (có đề cập đến cái chết của Nhất Linh [Nguyễn Tường Tam]).

(29) Vào khoảng năm 1978 hoặc 1979, trong lúc cả nước đang chống cuộc xâm lược của bọn bành trướng Đảng Tiểu Bình ở biên giới phía Bắc, chống sự điều khiển của Tập đoàn Lãnh đạo Trung Nam Hải đối với bọn diệt chủng Kh'mer Đỏ cùng với sự viện trợ của Tập đoàn này cho chúng ở Campuchia, chính tại tôi đã nghe băng ghi âm bài nói của Hoàng Văn Hoan, nguyên uỷ viên Bộ Chính trị Đảng Cộng sản Việt Nam (khoá IV), trên Đài Phát thanh Bắc Kinh (Trung Quốc), khi y đã lưu vong bên đó. Băng ghi âm ấy, cứ phát đi phát lại mãi với nội dung xuyên tạc, bôi nhọ tổng bí thư Lê Duẩn.

Với cái nhìn khách quan, vô tư: Tổng bí thư Lê Duẩn là nhà lãnh đạo kiệt xuất của nước ta, là người con thiên tài của quê hương Quảng Trị.

Xin vui lòng xem chú thích II.15.

(30) Xin hãy làm một cuộc đối chiếu tư liệu lịch sử, sẽ thấy có sự khác biệt với nhiều mức độ (từ ít đến khá xa, thậm chí trái ngược) trong dung lượng hiện thực lịch sử, nhất là về quan điểm (vấn đề hệ trọng nhất là quan điểm):

- Đại Nam thực lục, chính biên (hai kĩ đệ tứ, đệ ngũ, và có thể cả kĩ đệ lục);
- Các sách báo của Pháp (có ba loại chính: của cố đạo thực dân [Puginier, A. Delvaux...]; của bọn viễn chinh thực dân, sử gia thực dân [Charles Gosselin, Henry Le Marchant de Trigon...]); các nhà nghiên cứu sử về sau sử dụng tư liệu gốc của Pháp (Cao Huy Thuần, Yoshiharu Tsuboi...);
- Sách báo của Tàu (Lương Khải Siêu - Phan Bội Châu với Việt Nam vong quốc sử).

Trong đó, Đại Nam thực lục, chính biên là của ta (Việt Nam), còn lại là của đối phương (Tây, Tàu; chịu ảnh hưởng, sức ép của bảo hoàng Nhật).

Từ cuộc đối chiếu trên, ta thấy: Cho dù bị sức ép một cách mặc nhiên của thực dân, tả đạo, bảo hoàng, Đại Nam thực lục kỉ IV, kỉ V vẫn thể hiện được tính độc lập của Quốc sử quán triều Nguyễn, và đáng tin cậy hơn các tư liệu kia.

Xin xem thêm chú thích II.20, đặc biệt là biên khảo ở phần phụ lục cuối cuốn tiểu thuyết này.

(31) Về Phụ chính đại thần Nguyễn Văn Tường (1824 - 1886): Ngoại trừ vào năm mười tám tuổi (1842), đỗ tú tài, nhưng bị phạt tội đồ một năm và bị gạch tên trong danh sách lấy đỗ, do tên họ (Nguyễn Phúc Tường) "trùng với quốc tính, không chịu đổi", ông không có một khuyết điểm nào về nhân cách đạo đức.

(32) Đúng nguyên nghĩa là bỏ làng mà đi, tương tự như bán xới (tuy bán xới cũng có nghĩa bỏ làng mà đi, nhưng vẫn còn bán được chút đất hương hoá)?

(33) Ở đây, để phản ánh trung thực thực hiện thực một cách cụ thể - lịch sử, tác giả đành xin lỗi trước với người đọc, là đã vận dụng thủ pháp tự nhiên chủ nghĩa (khái niệm mở rộng), mạnh dạn tạm "ghi lại" cách suy nghĩ, nhận thức thời thế theo điểm riêng của nhân vật hư cấu. Tác giả đã thể hiện sự phê phán ở đoạn sau.

(34) Phạm Thái (1777 - 1813), tục gọi là Chiêu Lý, một thi sĩ rất tài hoa, tác giả Sơ kính tân trang, vốn là con của một cựu thần vua Lê chúa Trịnh. Thân sinh Phạm Thái có tước hiệu là Thạch Trung hầu, thực sự đã khởi binh chống Nguyễn Huệ nhưng thất bại. Riêng Phạm Thái, ông có ý thức và hành vi liên kết với cựu thần Lê - Trịnh, mưu toan chống Tây Sơn - Nguyễn Huệ một cách quyết liệt và lâu dài, nhưng bất lực. Phạm Thái từng đi tu ở một ngôi chùa Phật giáo, để tiếp tục mưu đồ khôi phục triều đại thối nát Lê - Trịnh. Về sau, ông càng ngày càng ngông nghênh vì thất chí. Ông là kẻ sĩ Bắc Hà tiêu biểu cho loại ngu trung, thậm chí là cuồng trung.

Nguyễn Du (1766 - 1820) là con của đại tư đồ Nguyễn Nghiễm, em của tham tụng Nguyễn Khản. Tham tụng dưới triều vua Lê chúa Trịnh là một chức quan tương đương với tể tướng (thủ tướng Chính phủ). Theo một số nhà nghiên cứu văn học về Nguyễn Du và theo nhận định của riêng tôi: Trong thời gian Nguyễn Huệ kéo quân ra Bắc, đánh tan lực lượng của chúa Trịnh,

quét sạch quân cứu viện cho vua Lê của nhà Thanh (thực chất là xâm lược), Nguyễn Du sống trong tâm trạng bi hận, nhiều lần vỗ kiếm toan khởi binh chống Tây Sơn - Nguyễn Huệ, nhưng đành thú nhận sự bất lực, và đã có lần tìm đường vào Đàng Trong để phù giúp Nguyễn Ánh, vì dấu sao chúa Nguyễn trên danh nghĩa cũng vẫn xưng thần, theo niên hiệu vua Lê. Tuy nhiên, vào được nửa đường, Nguyễn Du lại quay ra, trở về quê vợ sống suốt mười năm bi hận mà ông gọi là "mười năm gió bụi". Đến khi Nguyễn Ánh đánh bại Tây Sơn, tiếp quản và hoàn tất sự nghiệp thống nhất Đất nước (Đàng Trong - Đàng Ngoài), lên ngôi hoàng đế (niên hiệu Gia Long), Nguyễn Du và nhiều kẻ sĩ Bắc Hà được vua Nguyễn - Gia Long vời ra làm quan. Nguyễn Du phục vụ dưới triều Nguyễn - Gia Long, thăng đến chức hữu tham tri Bộ Lễ (thứ trưởng Bộ Văn hoá). Có điều, tuy phụng sự nhà Nguyễn, được thăng đến bậc á khanh, nhưng Nguyễn Du luôn mang mặc cảm của một nhà nho bất trung với vua Lê, chúa Trịnh (theo ý hệ nho giáo, trung quân là một vấn đề cốt tuỷ), đồng thời mang tâm trạng bất bình với triều Nguyễn, vì nhà Nguyễn quyết trấn áp Đàng Ngoài! Và vì vậy, trong tâm thế đó, Nguyễn Du cũng như kẻ sĩ Đàng Ngoài bất lực khi hướng về tương lai, đành lại ngoái lại quá khứ, tiếc nuối, hoài vọng một cách vô vọng về một vương triều đã sụp đổ mà trước đó chính ông và họ mưu toan hoặc thực sự đã khởi binh chống lại: triều đại Tây Sơn của Quang Trung Nguyễn Huệ! (xin xem tiếp chú thích II.22).

(35) Cao Bá Quát (1808 - 1855), nổi loạn, dấy binh chống Tự Đức vào năm 1854, do ảnh hưởng của phong trào Thái Bình thiên quốc bên Trung Hoa, ở thời điểm trước lúc thực dân Pháp thực sự xâm lược nước ta (1858). Cao Bá Quát nổi loạn cũng với chiêu bài "phù Lê", những tưởng sẽ đạt được thành quả như Thái Bình thiên quốc (một phong trào phù Hán bài Thanh kéo dài đến 15 năm, 1850 - 1864, từng chiếm giữ được hàng chục tỉnh).

(36) Nói chung, vấn đề khởi loạn ở Đàng Ngoài, kể từ lúc Tây Sơn - Nguyễn Huệ kéo quân ra Bắc, nhất dưới thời nhà Nguyễn (Gia Long, Minh Mạng, Thiệu Trị, Tự Đức), ngoài bọn thổ phỉ, thủy khấu, hải tặc, bọn cướp theo mùa, còn lại đều là "phù Lê", "tả đạo". Tình hình ấy ở Đàng Ngoài, nhất là ở Bắc Kỳ, càng lộ rõ thực chất khi Pháp xâm lược, đặc biệt nghiêm trọng là ở các thời

điểm 1873 - 1874, 1882 - 1884. Xin đơn cử: Vào năm 1881, khi Tự Đức hỏi với đại ý, nếu Pháp lại xâm lược Bắc Kỳ, triều đình phải ra lệnh đánh ("có việc hoãn cấp", tức là việc trước sau cũng xảy ra), thì "lòng người có thể tin cậy được không?", chính Vũ Trọng Bình đã tâu trả lời vua Tự Đức: "Lòng người đều muốn được yên, nhưng cho là có thể tin cậy, tôi là người ngu cũng không dám chắc". Thế mà nhiều nhà nghiên cứu đã rất sai lầm, mác-xít một cách phi mác-xít, hoặc cố tình xuyên tạc lịch sử, khi cho rằng đó là những cuộc khởi nghĩa nông dân, đấu tranh có tính giai cấp!

Xin lưu ý thêm: Khác với những người "phù Lê" thuộc giai đoạn đầu (1789 - 1802...) như trên đã viết, là càng về sau, đặc biệt lúc thực dân Pháp, Tây Ban Nha đã thực sự xâm lược nước ta (1858 - 1885), trong bọn "phù Lê", "tả đạo", trừ một vài tên như Cao Bá Liên, vốn là hậu duệ của dòng họ Cao Bá Quát, còn lại đại đa số là những kẻ vô học, mê muội, một bộ phận khác là dân lưu manh (đáng thương là sa cơ thất thổ, xiêu lạc, đáng giận là sẵn sàng làm tay sai vì miếng cơm manh áo), nói chung là những bọn có nhân cách đê hèn, đốn mạt và thật sự phản quốc, như Pierre Tạ Văn Phụng chẳng hạn. Trong đó, cũng có một số tên được cố đạo thực dân Pháp, Tây Ban Nha đào tạo thành giáo sĩ, linh mục tay sai, có trình độ ngoại ngữ khá. Ở cuốn tiểu thuyết này, về "phù Lê", "tả đạo", tác giả chủ yếu đề cập đến giai đoạn sau, kể từ 1858. Xin nhấn mạnh: về tính chất, "phù Lê", "tả đạo" hai giai đoạn này hầu như hoàn toàn khác nhau.

Xin lưu ý thêm một điều rất dễ hiểu nhưng cực kì quan trọng: vũ khí ở thế kỉ XIX. Bây giờ, mặc dù đã có súng đạn, tuy còn thô sơ, nhưng vũ khí chủ yếu ở nước ta, cũng như các nước châu Á khác, chỉ là gươm đao giáo mác; các nhóm, các bè đảng nổi dậy hoặc nổi loạn đều có thể tự chế tạo (vai trò thợ rèn, thợ đúc nổi bật, do được trọng dụng!). Vũ khí của quan quân nhà Nguyễn cũng không tân kì, hiệu quả hơn thế. Thậm chí, nếu so sánh với vũ khí của bọn giặc Cờ (tàn dư biến tướng của Thái Bình thiên quốc bên Tàu) vốn được liên quân Âu Mỹ viện trợ, bán chác để lợi dụng, thì vũ khí của quân binh nhà Nguyễn còn thua kém. Đó là nguyên nhân và điều kiện để nổ ra liên miên các cuộc nổi dậy hoặc nổi loạn ở Đàng Ngoài (chủ yếu là ở Bắc Kỳ). Triều đình và

quan quân nhà Nguyễn rất vất vả, vẫn không ngăn chặn được các cuộc nổi dậy, nổi loạn với chiêu bài "phù Lê" hoặc "tả đạo" đích thực ấy.

CHƯƠNG XV

1

Tường đã chia tay đột ngột với Hành thật rồi, không ngờ, trưa nay lại thấy anh qua chơi, Hiền Lương mừng rỡ và ngạc nhiên, nhưng cố kìm lòng lại. Vốn kín đáo trong bày tỏ cảm xúc, cô không muốn Hành hiểu quá rõ tình cảm của mình. Và lại, tình cảm ấy đã định hình gì đâu. Một chút quý trọng, một chút thách thức?

Hành ngồi xuống ghế:

- Chiều nay rảnh, tranh thủ về nhà lấy thêm một ít đồ dùng. Gần tối này anh lại vào Đông Hà. Giấy triệu tập đưa về ở trường cũ đã lâu. Trường đang nghỉ hè, anh vẫn thư vô ý, thành ra anh quá cập rập vì nhận trễ. Dẫu sao, được gặp lại Hiền Lương là vui rồi.

Hiền Lương nhìn Hành. Cô hơi mất tự nhiên vì cô biết mẹ đang dõi mắt quan sát, vội quay mặt nhìn ra nắng ngoài sân.

- Có nên lên chùa thăm sư Tâm Tự, hay đi đâu đó dọc đường làng, ra bến sông ngồi ngắm trời đất cho vui không, Hiền Lương?

Có mẹ, Hiền Lương hơi ngần ngại, chắc phải năn nỉ Bông Bưởi cùng đi cho mẹ yên tâm. Kinh nghiệm của người lớn rất hay nhưng lâu nay Hiền Lương muốn tỏ ra mình bản lĩnh! Cô gật đầu. Cũng rất may là không có trở ngại nào cả.

Dọc đường lên chùa, cả ba người có vẻ hơi lúng túng, dè dặt, và có chút ngại ngùng! Có lẽ Hành với Hiền Lương cần không khí rất riêng bên nhau trong buổi chiều này. Bông Bưởi cố nhẫn nại trong vai trò bắt đắc dĩ của mình. Hành cố gợi chuyện, hỏi Hiền Lương đã đọc thơ được mấy bài rồi,

trong sáu tập ấy, nhưng Hành tỏ ra lưu tâm hơn về bài bút kí, chùng thơ cùng hai bài tiểu luận được xếp chữ vi tính của Trần Nguyễn Phan, mấy hôm trước từ Đông Hà anh gửi ra để Hiền Lương đọc.

- Em được hiểu thêm tâm trạng một thế hệ và suy nghĩ của một người. - Hiền Lương lại trở về với những suy tư, cô đáp -. Cuộc sống sẽ phong phú hơn nhờ những cảm xúc và tư tưởng rất riêng. Nếu không có cá tính sáng tạo, đời chỉ còn là máy móc!

- Hiền Lương có cho rằng những gì Trần Nguyễn Phan phê phán và khẳng định là đúng đắn, hợp lí? - Hành lại hỏi, trong khi ba người vẫn thong thả bước -.

- Vâng, rất đúng... Nhưng không biết nói thế nào... Em đọc hơi vội. Có lẽ cần phải suy nghĩ thêm về những điều không phải nhỏ ấy. Trần Nguyễn Phan muốn lí giải lịch sử, và muốn để cho người đọc suy nghĩ. - Hiền Lương bắt chợt hỏi, như thể buột miệng -. Anh có cảm nghĩ gì, khi Mác và Ăng-ghe-nen vốn xuất thân từ giai cấp tư sản cỡ nặng kí, chứ không phải vừa vắn gì, lại quyết liệt cách mạng cộng sản chủ nghĩa với tính đảng, tính giai cấp vô sản gắt gao đến thế? - Đổ mặt vì dám bạo gan sử dụng những "tính từ" có ý mỉa mai, Hiền Lương ấp úng xin lỗi Hành -. Ồ, xin lỗi anh, em thật lếu láo...

- Cái hay nhất của lịch sử là ở đó, cái vĩ đại nhất của con người là ở đó! - Hành cười lớn, rồi chợt chùng giọng lại -. Nhưng bị kịch nhất lại cũng là "chủ nghĩa lí lịch"!

Cô mỉm cười, đề nghị Hành đọc thơ đi, vì nghe Hành nói anh rất thích bài viết về Bác Hồ. Thấy không phù hợp với không khí này, nhưng Hành vẫn vừa đi vừa đọc khẽ. Ban đầu hơi miễn cưỡng, dần dần anh nhập vào hồn bài thơ.

MÁI TRANH

Dưới hai hàng cây xanh
tôi về thăm quê Bác
nắng dọc đường đi êm ả hiền lành
hiện dần trong tôi nhỏ má nhà tranh
tôi đã thấy qua thơ qua tiếng hát
(khúc ca nào lắng sâu hóa nỗi niềm riêng)
tôi đã thấy qua bao xóm làng
 quê hương thân thuộc
một nếp tranh vàng rất đổi dân gian
dưới bóng tre xanh, xanh tự ngàn năm

lần đầu tiên ra thăm
sao như trở lại lòng mình!

*

Ngõ nè chống cao, vạt lúa, đất phèn
hàng giậu xanh non dẫn vào nhà Ngoại
nếp nhà tranh lùi lại cuối góc vườn
ôi tiếng khóc sơ sinh của Bác Hồ cất lên ở đây
mảnh sân con tuổi thơ Người chật chội
bước chập chững vin vào khung cửa
giữa tiếng ngâm thơ và tiếng xa quay
đĩa đèn dầu dập dềnh bóng tối
khát vọng trăm miền nặng tiếng à ơi
nói tiếng đầu tiên
 khi ánh đuốc nghĩa quân Cần vương rực cháy...
nên Đất nước đau thương từ đây có Người!

*

Đứng lên! Đồng bào ơi! -
 ngân vang gió suốt chiều dài Đất nước
ai hát trên rừng xưa, bây giờ tôi hát

bỗng thấy cả vòm trời bao la
dưới mái tranh nghèo
hiểu khung vải dệt thời gian
dệt tiếng ru
trữ nặng
hóa cờ bay phấp phới cả trời sao
từ đĩa đèn dầu hát hiu ầu thơ Người đó
đến hừng đông cho bao dân tộc tôi đòi
từ mái tranh nho nhỏ
Bác Hồ ơi...

*

“Miền Nam trong trái tim tôi”
Miền Nam ơi
nỗi khổ mỗi người
nỗi khổ mỗi nhà
thành nỗi đau trĩu nặng lòng ai
nỗi cháy bỏng nhớ thương về Huế
cả Phan Thiết, Sài Gòn và trăm nơi trái tim
Người ấp ủ...
tuổi trẻ Người đi qua dưới cơn mưa nô lệ
chưa nắng đủ lòng vui, mưa Miền Nam đã ướt
lại áo Người
rồi cơn đau cuối đời! Bác không về được nữa
Di chúc vẫn lên đường, phấp phới nắng trăm nơi

*

Con đường Bác đi từ mái tranh nho nhỏ
nơi dừng lại bao la là giữa loài người
con đường Việt Nam từ bùn đen loang máu
đã bùng lên rạng rỡ đóa sen tươi
mái tranh nho nhỏ
trở thành nơi hội tụ lòng người

*

Tôi về thăm
 gặp cả vòm trời
thu lại rất sâu trong từng đôi mắt
ánh mắt nào cũng chan chứa yêu thương
sáng lên từ Bác -
 nhân hậu mệnh mang sâu thẳm ngàn năm
tôi về thăm
mái tranh vàng sắc nắng dân gian
bóng tre tỏa hòa bình yêu thương lên mặt đất
và ai rưng nước mắt
thấm nụ cười ấm áp sâu xa
khúc ca nào vọng về thẳm lặng ngân nga...
tôi cảm nhận Cõi Người
 qua hồn tổ tiên, Đất nước
dưới vòm trời xanh bao la
xanh sắc Quê nhà...

(Vinh - Huế, một chín bảy bảy)

Giọng Hành đọc rất chuẩn, rất Quảng Trị. Hiền Lương bồi hồi nghe. Cô nói khẽ:

- Hiền Lương muốn ra thăm Làng Sen một lần, thăm cả nhà sàn Bác Hồ ở Hà Nội nữa, nhưng vẫn chưa có dịp. Một điều mọi người khắp thế giới phải công nhận là Hồ Chí Minh có một nếp sống rất giản dị. Tụ cổ chí kim, chỉ có một lãnh tụ duy nhất như vậy. Giá như lãnh tụ nào cũng học tập được ở Bác... Tất nhiên, không nên học tập Bác Hồ về việc thiếu sót bàn thờ gia tiên truyền thống.

Hành gật đầu, trầm ngâm. Anh nói, giọng sâu lắng:

- Trong một bài viết, Trần Nguyễn Phan đã bình luận khá rót ráo về vấn đề bàn thờ gia tiên truyền thống ấy. Anh

cũng đã đưa cho Hiền Lương đọc rồi. Bây giờ, anh thấy nên suy nghĩ về bài thơ Mái tranh. - Hành ngẫm nghĩ, lại nói -. Ở bài Mái tranh, không hiểu Hiền Lương nghĩ thế nào, riêng anh, anh tâm đắc nhất là hai câu: "Từ đĩa đèn dầu hắt hiu ầu thơ Người đó, Đến hừng đông cho bao dân tộc tôi đòi". Không cần phải phân tích gì thêm! Anh thấy ở khía cạnh sử học, quả thật, nếu không có phong trào cộng sản quốc tế hỗ trợ phong trào giành độc lập dân tộc ở các nước thuộc địa, thì các nước thực dân, đế quốc, "tả đạo" không đời nào chấp nhận "giải thực", mặc dù chúng chỉ thay đổi bộ mặt từ thực dân cũ sang thực dân mới. Chính Cách mạng Tháng tám đã góp phần thắp sáng hừng đông, "hừng đông cho bao dân tộc tôi đòi" đó. - Hành vừa bước bên cạnh Hiền Lương, Bông Bưởi, vừa nói tiếp -. Trong bài thơ anh vừa đọc, Trần Nguyễn Phan có nhắc đến câu nói của Bác Hồ, ấy là nỗi khổ của mỗi người, nỗi khổ của mỗi nhà, kết lại thành nỗi khổ lớn lao và sâu thẳm của Người. Cuộc chiến tranh chống xâm lược trên một trăm mấy mươi năm, từ các cuộc đánh dẹp bọn giặc "phù Lê", "tả đạo" ở Bắc Kì, từ các trận đánh Pháp, Tây Ban Nha ở Đà Nẵng, Gia Định do triều đình Huế lãnh đạo, từ các cuộc chiến đấu tự phát bởi "Phan, Lâm mại quốc, triều đình khí dân" ở Nam bộ - cả ở Bình Dương, quê sinh của em -, bi tráng, hào hùng nhưng quá đổi đau thương. Vết thương núi Thần Mẩu (1862) nhức nhối! Rồi "nhất giang lưỡng quốc" (1884) là con sông Hương, vết thương biểu tượng, đến Bến Hải (1954), con sông quê mình, vết thương thực thể. Bao nhiêu là nỗi khổ nữa, trong mấy chục năm gần đây! Chẳng hiểu sao từ lúc Hiền Lương ra thăm tới nay, anh cứ mãi sống lại ám ảnh về vết thương cũ. Con sông Bến Hải chia cắt trong lòng mỗi người, chảy quặn xé, nhức nhối qua mỗi nhà... Ở, nói hoài như một ám ảnh khôn nguôi thế này cũng hóa ra nhàm, cảm ràm, cảm rằm như kẻ dờ hơi! Có lẽ là di chứng chiến

tranh! Hội chứng hậu chiến! Trong đó có di chứng của bệnh thành phần chủ nghĩa, lí lịch, gia thế chủ nghĩa!

Hiền Lương im lặng. Ngồi bên cạnh chị mình, Bông Bưởi bồi hồi lắng nghe, mắt dõi ra xa xăm, tay bút rút một cánh lá úa. Cả ba rơi vào từ trường của vết thương chung.

- Di chứng thôi, anh Hành nói đúng. Bệnh phân biệt đối xử do chủ nghĩa lí lịch là có thật, hi vọng đã khỏi và có thể đã khỏi. Thật ra, sau bảy năm, ba em nói, có một số con cái nguy cấp thấp vẫn được đào tạo, có người liên tục được đào tạo, nay đã thành tiến sĩ.

Hành gật đầu:

- Cũng nhiều người như vậy. Các thầy giáo dạy đại học của anh cũng như thế, trường hợp em vừa nói. - Hành quay qua Hiền Lương -. Nói cho tận cùng sự thật, rõ là “ngụy” phải kể từ Đồng Khánh. Bi kịch “tử nguyệt tam vương” là khởi đầu sự lũng đoạn của thực dân Pháp vào đến ngai vàng. Qua các tên vua và vương như Dục Đức, Hiệp Hòa, Tuy Lý vương, Gia Hưng vương (kẻ đã giết Kiến Phúc) và cả tên Trần Tiến Thành, Pháp đã thực hiện âm mưu lũng đoạn ấy. Tạo nên sự rối ren ngay tại ngai vàng để nắm lấy ngai vàng là thủ đoạn của Pháp. Vì vậy, để loại trừ những kẻ câu kết với Pháp, với “tả đạo”, Nguyễn Văn Tường, Tôn Thất Thuyết và cả Trần Xuân Soạn, Trương Văn Đễ, Ông Ích Khiêm phải giết vua Hiệp Hòa và sau đó, hơn một năm sau ngày truất phế, hai vị phụ chính phải giết cả vua Dục Đức, vẫn được Từ Dũ lẫn triều thần kính trọng! Nguyễn Văn Tường phò giá kháng chiến, phải theo sắc dụ của Từ Dũ, trở lại kinh đô để giữ gìn cung điện, thể miếu, ngăn ngừa sự tàn sát, đồng thời vẫn chủ động bí mật phối hợp với phong trào Cần vương, thực hiện kế hoạch người đàm, kẻ đánh, do đó, bị đày ải và chết ở đảo xứ người. Ông ta cũng người Quảng Trị của anh em mình... Nguyễn Văn Tường là một anh hùng bi tráng. - Hành nói tiếp -. Như vậy... Đó, ngụy là từ Đồng Khánh đến Bảo Đại, đến Dương Văn Minh, tổng

thống vài ngày, kể cả Trần Trọng Kim, thủ tướng thời phát xít Nhật...

Hiền Lương vẫn lặng lẽ nhìn xuống đất.

- Vâng, ai nguy thì cứ nguy. - Hiền Lương nói và cắn môi.

- Nguy mô mà dữ rứa thầy! - Bông Bưởi buột miệng, kíp bùm miệng cười.

Và rất hồn nhiên, Bông Bưởi cười phá lên. Tiếng cười bất ngờ và gió lồng lộng từ cánh đồng trước mặt chũa bạt hết những nặng nề u ám của câu chuyện.

Hiền Lương nói, quay qua Bông Bưởi:

- Thầy Hành không sai chút nào hết. Nguy triều: vua và thủ tướng, tổng thống do thực dân, phát xít, đế quốc - Pháp, Nhật, Mỹ - dựng lên từ sau một tám tám lăm, đến một chín bảy lăm (1885 - 1975). Bông Bưởi quên bài sử học rồi sao? - Hiền Lương hỏi Hành -. Anh có nói là chính Gia Hưng vương Hồng Hưu đã giết Kiến Phúc?

Hành gật đầu :

- Đúng. Theo anh là như vậy, căn cứ vào sự câu kết của Pháp với Hồng Hưu. Rây-na (Rheinart) muốn đưa Hồng Hưu (một kẻ loạn luân có quả tang) lên ngai vàng, do đó, phải âm mưu với Hồng Hưu để giết Kiến Phúc. Đại Nam Thực Lục đã chép lại nguyên văn bản tấu của Tôn Thất Thuyết về vụ loạn luân, câu kết với giặc Pháp này, và về mức án triều thần, Tôn nhân phủ đã nghị xử, có bản án, giấy trắng mực đen, án triện rõ ràng, minh bạch. - Hành muốn trở lại vấn đề đang bỏ dở -. Nhưng điều quan trọng là chủ nghĩa lí lịch và sự phân hóa trong mỗi gia đình, họ tộc, và trong xã hội.

- Cứ phân tích đúng sự thật và về thực chất của lí lịch. - Hiền Lương nói, nhìn xuống con đường làng chạy ngang trước mặt.

Hành cười (II.15):

- Cũng tới tận cùng sự thật! Dấu sao, Thành Thái, Duy Tân cũng là ngục vương do Pháp dựng nên. Đó là hai ông vua yêu nước: Ngục vương yêu nước. Anh không dám hỗn láo, nhưng có người bảo thân sinh Bác Hồ, “phó tiến sĩ” Nguyễn Sinh Sắc cũng là ngục quan (1904 - 1910) thuộc chế độ “bảo hộ” của thực dân Pháp, dưới triều Thành Thái. Trên quan điểm so sánh đồng đại, cụ phó bảng Nguyễn Sinh Sắc chưa thức thời và thể hiện lòng yêu nước thành hành động cách mạng như các vị chí sĩ cùng thời, chẳng hạn Phan Châu Trinh, Phan Bội Châu... Cụ Nguyễn Sinh Sắc là một ngục quan yêu nước bình thường (37). Cũng ngục đấy, tận cùng sự thật là vậy! Có thể kể thêm thân sinh Trần Phú... Thân sinh nhạc sĩ Phạm Tuyên là Việt gian Phạm Quỳnh bị cách mạng “xử lí”. Nghe đâu, không biết có đúng sự thật lịch sử hay không: thân sinh đồng chí Trường Chinh (?) là địa chủ, bị chính đồng chí ấy đích thân chỉ đạo hành quyết; xét cho cùng, cũng như bi kịch An Dương vương, cha giết con. Riêng chuyện này, còn phải xác minh. Nhưng dấu sao, nếu cha đã là giặc, kẻ thù của Tổ quốc, của giai cấp vô sản, của nhân dân lao động, thì con cũng phải giết, xét trong bối cảnh lịch sử - cụ thể. Đấy, với tinh thần sử học khách quan, phải nói thật, nói thẳng tận cùng sự thật và chân lí. Phải giặc ngộ cách mạng khi đi đến tận cùng sự thật và chân lí để khởi vỡ mộng. Các lãnh tụ cũng đã “chửi cha chửi ông”, “đào mồ chôn cha ông”, như Mác, Ăng-ghe-n: Hai người vô sản vĩ đại này, “đào mồ chôn giai cấp tư sản”, chính là thân sinh của họ. Mác được sinh ra trong lâu đài một luật sư tư sản. Thân sinh Ăng-ghe-n là một nhà tư sản công nghiệp dệt giàu nhất nước Đức thời bấy giờ... Sự phân hóa giai cấp diễn ra trong mỗi người, mỗi gia đình. Đấu tranh giai cấp khốc liệt, tàn bạo ngay trong mỗi người, mỗi gia đình. Anh không nhớ Kinh Thánh, nhưng hình như Giê-su cũng đã nói điều này, sự phân hóa tàn khốc, kể cả ý thức tử vì đạo: “Chớ tưởng rằng ta đến để đem sự bình an

cho thế gian; ta đến, không phải đem sự bình an, mà là đem gươm đao. Ta đến để phân rẽ con trai với cha, con gái với mẹ, con dâu với bà gia; và người ta sẽ có kẻ thù nghịch, là người nhà mình. Ai yêu cha mẹ hơn ta thì không đáng cho ta; ai yêu con trai hay là con gái hơn ta thì cũng không đáng cho ta; ai không vác cây thập tự mình mà theo ta, thì cũng chẳng đáng cho ta. Ai giữ gìn sự sống mình, thì sẽ mất; còn ai vì có ta mất sự sống mình, thì sẽ tìm lại được" (Ma-thi-ơ: 10 : 34 - 38). Đức Chúa thoát li, phủ nhận cha mẹ, anh-em-(họ?). Bác Hồ không hề làm thơ về thân sinh của Người. Bác cũng thoát li, sống trọn đời cho Tổ quốc, nhân dân và nhân loại.

Hiền Lương mỉm cười im lặng, trong khi Bông Bưởi há hốc nhìn thầy giáo Hành. Hành kìm lại những ý tưởng vì thấy nói thêm cũng thừa. Anh nghĩ chính anh đã chạm đến tận cùng sự thật, cái lõi của bất kì cuộc cách mạng nào, cuộc chống xâm lược mang màu sắc nội chiến nào. Nỗi da xáo thịt là vậy, huynh đệ, phụ tử tương tàn là vậy.

- Bông Bưởi, thầy đang nói chuyện với cô cử nhân, cô cống sinh, nên có nhiều chữ, nhiều ý chưa kịp triển khai, giải thích. Hẹn em bữa khác, vì thầy trò, anh em mình gần nhà, còn nhiều dịp.

Bông Bưởi cười. Hành nhìn sang Hiền Lương:

- Sự kiên định lập trường, tránh dao động, cần xây dựng trên nền móng thật vững chắc là hiểu tận cùng sự thật và chân lí, sự thật lịch sử và chân lí của chủ nghĩa xã hội.

Hiền Lương gật đầu:

- Sự trưởng thành về nhận thức làm nên bản lĩnh, em cũng hiểu như vậy. Trở lại vấn đề thơ Bác Hồ! Anh đồng ý không?... Tình cảm lớn thường bắt đầu, khởi nguồn từ những gì rất riêng, rất cụ thể, như tình mẹ, tình yêu đôi lứa, thậm chí một tiếng đé góc nhà tuổi nhỏ. Bài thơ Quê Hương của Giang Nam em rất thích là vì, xương thịt của người em gái quê nhà đã góp phần làm nên Đất nước, quê hương...

Hành nghe đau nhói trong lòng. Anh vội cướp lời (II.15):

- Hình như Bác Hồ biết trước, và cũng như Lê-nin, quyết biến chiến tranh đế quốc thành nội chiến cách mạng, chiến tranh ý hệ, vì sự tiến bộ của dân tộc... Bác Hồ chú ý đến tiếng khóc “oa, oa, oa...” của đứa con vợ chồng người tù trốn lính ở nhà lao Tân Dương (Trung Quốc), nghĩa là rất chú ý, phải nói là quan tâm, đến tình cảm gia đình. Có thể giữa Bác và thân sinh có mâu thuẫn tư tưởng, ý hệ. Có thể “vô gia đình” là sự làm gương, tuyệt đối chí công vô tư. Tư của Bác cũng là tư của công: Tình cảm gia đình của người cùng khổ, của đồng bào, chứ không phải của riêng mình. Như đã nói, đây là sự thoát li gia đình vì nghĩa lớn.

Hành ngừng lại. Hiền Lương im lặng. Hành nói:

- Có một vấn đề nhiều người thắc mắc. Đó là câu thơ Bác Hồ viết vào tháng hai năm một chín bốn mốt (1941): “Bàn đá chông chênh dịch sử Đảng” với câu chú thích cuối bài thơ thế này: “Đảng Cộng sản bôn-sê-vích Liên Xô” (38). Trong tiếng Việt, tính từ sở hữu không có, chỉ có đại từ làm chức năng ấy thôi. Cái gì của mình thì thường khiêm tốn nói trống. Do đó, có phải Bác là thành viên của Đảng Cộng sản “b” Liên Xô? Rất nhiều vấn đề để lại, cũng thường nói đến người bôn-sê-vích Việt Nam, hay các tiếng bôn-sê-vích được dùng với nghĩa tương tự. Lúc đó, hầu như không còn Quốc tế Cộng sản đệ tam nữa. Tổ chức ấy đã giải thể thực sự vào năm một chín bốn ba (1943). Trung tâm phong trào cộng sản quốc tế là Mát-x-cơ-va, gần như Rô-ma của Thiên Chúa giáo! Bác Hồ có thể đành chấp nhận sự độc lập trong thế liên lập... Xét cho cùng, trong quan hệ Việt Nam với Trung Hoa, gần mười thế kỷ độc lập sau Bắc thuộc một ngàn năm, ta phải chịu triều cống và phong vương. Tệ hại là liên lập (39), nhưng đỡ hơn lệ thuộc kiểu phong kiến xưa. Trực trị kiểu thực dân Pháp, dứt khoát không chấp nhận. Nói tóm lại, mặc dù độc lập trong thế liên lập vẫn khá hơn sự độc lập kiểu nhận ấn phong vương phong kiến (phải lấy

chữ Hán làm văn tự chính thức, phải xem nhẹ chữ Nôm của dân tộc!). Đó là nỗi đau của các nước nhỏ! Có lẽ ai cũng muốn độc lập trong sự bình đẳng dân tộc, tuyệt đối tôn trọng chủ quyền đất nước... Thú thật, anh muốn sửa thơ Bác lại: “Bàn đá chông chênh dịch sử Đảng bạn”. Tám chữ, thoát cách, nhịp điệu vững chãi, tâm thế tự chủ, tự tin, mặc dù tình thế lịch sử rất chệnh vênh, không chỗ tựa.

Hiền Lương mỉm cười:

- Em cũng chỉ xin làm học trò của anh. Anh táo bạo thật!

Hành cười, muốn nói, có thể đó là câu thơ vụng của thi sĩ Bác Hồ. Nhưng anh lướt qua ý đó, và cười:

- Thôi, “hồng dấm mô”! “Sức mảy” cũng phải phấn đấu cho khát vọng và ý chí độc lập, tự do của mọi đất nước, mọi người. Độc lập thật sự không phải là tự cô lập. Tự do không phải là phương hại đến tự do của cả dân tộc, và tự do của người khác, nước khác. Nói rõ hơn, không thể có thứ tự do theo loại tôn giáo mà lịch sử của nó là lịch sử xâm lược và phân quốc, như Thiên Chúa giáo... Rất nhiều người đã nói vậy, Hiền Lương thấy đúng không? Và nhân nghĩa Việt Nam không phải là vô ơn... Đúng vậy, không phải vô ơn với di sản bốn ngàn năm, với những ai đã giúp ta giành độc lập, tự do cho dân tộc, cụ thể là nước Nga của Lê-nin, các nước “chư hầu” của Nga xô-viết, kể cả các nước Đông Âu, Trung-Quốc-thời-kì-đầu, với các nước khác, và bao người khác sống tại Pháp, Mỹ... - Hành cố ý dùng chữ “chư hầu” để phê phán khái niệm “siêu cường” của hai hệ thống chính trị trên thế giới, một thực trạng đáng buồn của sự bất bình đẳng giữa các quốc gia.

- “Chư hầu”? - Hiền Lương cười, nhận thấy anh chàng Hành, một “hạt giống đỏ”, sắp trở thành cán bộ chính trị đến nơi, ăn nói khá bạo miệng -. Nhưng Trung Quốc sau này xích mích với Liên Xô, tự xây dựng theo chủ nghĩa Mao, rồi chủ nghĩa cơ hội Đặng Tiểu Bình... “Chư hầu” về chính trị,

quân sự, kinh tế...; kể cả tác động văn hóa một chiều từ nước lớn sang “chư hầu”... Tàu Đỏ nay khác rồi...

- Thì anh đã bảo, Trung-Quốc-thời-kì-đầu, trước thập niên sáu mươi. Điều anh muốn nói là tình trạng bất bình đẳng giữa các quốc gia ngày nay. Tình trạng ấy là hậu quả của quy luật tự nhiên dã man, “cá lớn nuốt cá bé”, “trâu mạnh trâu được, cò mạnh cò được”. Nga nguyên là một đế quốc gồm nhiều thuộc quốc của Nga hoàng. Tàu, vốn là đế quốc của Hán tộc, hình thành từ quá trình thôn tính bao quốc gia cổ đại, trung đại, hiện đại. Mỹ là con đẻ của đế quốc Anh, do Anh xâm lược châu Mỹ của người da đỏ và tiêu diệt họ. Các siêu cường xâm lược đất, cả chất xám của các nước nhỏ... Rồi thực dân kiểu mới, “đĩa hai vò” về kinh tế... Ngay Liên hiệp quốc cũng bị thao túng, lũng đoạn bởi bốn, năm nước đế quốc, trong đó có hai siêu cường, Mỹ và Nga. Nay Mỹ đã là bá chủ! - Hành ngừng lại, ngẫm nghĩ -. Thượng đế, Thiên Chúa cũng trở thành công cụ của Mỹ!... Trở lại vấn đề, liên lập, trong hệ thống xã hội chủ nghĩa, với “thành trì cách mạng” Liên Xô, là bởi không còn con đường nào khác. Nhưng ta tranh thủ cả Nga lẫn Tàu Đỏ để “ghìm”, khỏi bị “hút” về nước lớn nào, hoặc Nga hoặc Tàu Đỏ. Đó là sự thật lịch sử. Nhân loại đến cuối thế kỉ hai mươi vẫn còn ở trong tình trạng vô minh, mù quáng của quy luật dục vọng, “tranh ăn”, “cưỡng hiếp” nhau. Muốn góp phần “bình thiên hạ”, “người không còn là sói của người”, chắc phải chia Tàu Đỏ, Nga, Mỹ, kể cả nước Ấn khổng lồ... ra làm nhiều nước nhỏ, chứ không thể đối trọng bằng EURO. lẫn ASEAN...

Hành nhìn Hiền Lương:

- Thừa em, nói vậy cũng thừa, phải không? Là vĩ cuồng! Nỗi đau của nhân loại là ở đó, khát vọng chính đáng lại là khát vọng vĩ cuồng!

Hiền Lương và Bông Bưởi cùng cười, nhưng nụ cười hơi khế nhếch môi, thoáng hiện chút băn khoăn, có ý định đợi Hành nói tiếp. Hành cười buồn.

- Theo ý anh, cũng cần nói rõ sự thật lịch sử này. Khi nói đến độc lập, tự do cho công dân, không thể không nói đến quyền phê bình, tự phê bình trên tinh thần xây dựng và đặc biệt là với tính dân chủ. Theo anh, có thể phê bình cả lãnh tụ, nhưng không được bóp méo thành biếm họa kiểu Mỹ, và cần phải phê bình trên tinh thần dân chủ đích thực như thế, vì sự tiến bộ chung. Và đây, anh sẽ phê bình thơ Hồ Chí Minh. Là một con người, một lãnh tụ vĩ đại, một nhân cách lớn, một thi sĩ có khoảng mười bài thơ xếp vào loại kiệt tác, là CON NGƯỜI viết hoa, Hồ Chí Minh vẫn là con người với những hạn chế của ông ta... (II.15).

Bông Bưởi há hốc quay nhìn Hành. Cô bé không ngờ thầy Hành lại có thể lạnh lùng như vậy.

- Phê bình văn chương là một khoa học, do đó phải có tính khách quan. Nhưng công việc ấy còn là một nghệ thuật đi vào trái tim con người, do đó vẫn tình cảm, vẫn có thể rất tri âm, tri kỉ... Anh muốn nói thẳng, nói thật... Dấu sao ở Hồ Chí Minh vẫn còn những mâu thuẫn vô thức về thế giới quan, lẫn nhân sinh quan. Nói thế, phải lưu ý đến mảng thơ văn chỉ phục vụ nhiệm vụ chính trị, Hồ Chí Minh viết một cách dễ hiểu, giản dị, gần như vè, và đôi khi cố ý duy tâm để thu phục và đoàn kết toàn dân. Như vậy, về thế giới quan, Hồ Chí Minh có thể còn rơi rớt trong tiềm thức những quan niệm duy tâm, cũng có thể Hồ Chí Minh chỉ cố ý duy tâm vì nhiệm vụ chính trị, sách lược tạm thời. Dấu sao, Hồ Chí Minh vẫn là con người cụ thể - lịch sử, một nho sinh, theo tân học, rồi trở thành người cộng sản, đến với chủ nghĩa Lê-nin trước hết vì Lê-nin ủng hộ phong trào giải phóng thuộc địa. Lúc ấy, không có con đường nào khác, không có nước nào ngoài nước Nga của Lê-nin ủng hộ phong trào giành độc lập ở các nước thuộc địa. - Hành thấy mình hơi mở rộng quá mức một ngoặc đơn, mặc dù rất cần thiết, anh ngừng lại, rồi nói tiếp -. Trở lại vấn đề, Hồ Chí Minh ngoài mâu thuẫn thế giới quan, ông ta còn thể hiện

trong thơ những mâu thuẫn về nhân sinh quan. Một mặt, Hồ Chí Minh yêu cuộc sống, lạc quan đến diệu kì, vì nghĩa lớn đến mức quên mình mặc dù đang ở trong cảnh tù đày, bị treo ngược trên thuyền; Hồ Chí Minh thương người, thương đời với một trái tim cao cả và sâu thẳm... Mặt khác, nói thế này chẳng biết có phải “vạch lá tìm sâu” không, là Hồ Chí Minh hơi cá nhân chủ nghĩa kiểu phong kiến đế vương, tỏ ra cũng thích tiền hô hậu ủng mặc dù “nói cho vui”, thích được dâng công, hơi tự phụ, nhấn mạnh vai trò cá nhân lãnh tụ, hơi dung tục kiểu dân dã, so sánh tự do, khát vọng tương lai với việc đi vệ sinh (có người cho rằng như thế là không thần thánh hóa bản thân, không trừu tượng hóa tự do!), ngoài ra còn thể hiện tình thương nhân đạo chủ nghĩa chung chung, mệnh mang, có màu sắc tôn giáo, mặc dù vẫn thấy nguyên nhân xã hội...

Hành bỗng ngừng lại, cúi đầu buồn buồn nói:

- Con người! Thế đấy. Một người cộng sản vĩ đại mà vẫn thế đấy. Dẫu sao, Bác Hồ cũng là một con người với tiềm thức, vô thức của ông ta. Có lẽ chúng ta quen “ngắm” ông ta ở tầm cao, tầm xa, khi “tiếp cận”, vẫn thấy ông ta có những vết quá bình thường. Có lẽ chúng ta đặt ra những tiêu chí quá cao trong quan niệm lí tưởng về con người. Quyết không rơi vào quan điểm hạ bệ Con Người với những tiêu chí quá thấp, đánh đồng con người với sinh vật cấp thấp, nhưng phải thấy chúng ta đã quá yêu cầu cao về chất người... Đây là một bài thơ cần phân tích kĩ :

Non xa xa, nước xa xa
 Nào phải thênh thang mới gọi là
 Đây suối Lê-nin, kia núi Mác
 Hai tay xây dựng một sơn hà.

Đó là bài Pắc Bó Hùng Vĩ, viết vào tháng hai năm bốn mốt (1941). Có người bảo, hình tượng Non sông Đất nước sao lại biến từ Giang san Tiên Rồng thành Sơn hà Mác - Lê-nin?! Thế là quá xúc phạm đến tinh cảm dân tộc! Thế là

bán nước! Phải chăng ở đây có sự hiểu nhầm? Mác - Lê-nin là một chủ nghĩa, một học thuyết. Hồ Chí Minh muốn xây dựng Đất nước theo con đường duy nhất đúng là mác-xít - lê-nin-nít. Ông ta vẫn muốn “khôi phục Giang san Tiên Rồng” theo học thuyết ấy, với ý chí “không có gì quý hơn độc lập, tự do”. Lịch sử đã chứng minh điều đó bằng sáu mươi bảy năm nay, từ khi có Đảng. Anh vẫn quý trọng sự hiểu nhầm đến mức kết án của ai đó, vì tự trọng dân tộc. Phải hiểu “chủ nghĩa” như chủ nghĩa Rút-xô, Mông-tét-x-ki-ơ, Von-te, như chủ nghĩa Giê-su của Thiên Chúa giáo, như Khổng giáo, Phật giáo... Có điều, “hai tay” chỉ có thể là hai tay của Bác Hồ. Phải chăng như thế là tự phụ, đề cao vai trò lãnh tụ rất phi mác-xít? Anh muốn sửa lại là: “Muôn tay”. Nhưng không thể sửa thơ đã trở thành văn học sử được! Phải phê phán để tiến bộ. Đó là khoa học. Đó là dân chủ. Phải khoa học và dân chủ vì lợi ích chung: Sự tiến bộ trong nhận thức, sự tôi luyện bản lĩnh.

Hiền Lương nói:

- Em thấy anh hơi vượt xa văn bản bài thơ. Đó chỉ là bài tức cảnh có hơi hướm khẩu khí trước một quang cảnh nhỏ hẹp là nơi Bác Hồ trú ngụ thời trước bốn lăm: Hình tượng Bác là người chơi hòn non bộ, một nghệ nhân về cây kiểng, tạc tượng bằng đá núi một cách đơn sơ, thô sơ thôi... Không thể “muôn tay” được.

Hành cười to thật vui:

- Anh thành thật kính phục em! Đây là lớp nghĩa thứ nhất, cụ thể. Nhưng gì anh bàn hồi này là lớp nghĩa thứ hai. Nhưng dẫu sao, anh cũng đã cố ý chính trị hóa phê bình thơ, xem bài thơ như cái cớ để bàn chuyện chính trị. Anh cố tình làm “nhà phê bình văn chương “hổng””. Không “muôn tay” vì kẹt ngữ cảnh thì nói trống là “bàn tay”. “Bàn tay” là một, cũng là muôn muôn triệu triệu, ứng với hai lớp nghĩa, lại đề cao sức mạnh của lao động cầm bút, cầm cuốc, cầm búa, cầm liềm và cả cầm gươm, cầm súng...

Hành nói một hơi vì tự ái trước sự thông minh của cô gái quá xinh đẹp này, và anh cũng thấy mình nam tính một cách rất cổ.

Hiền Lương mỉm cười, ngần ngừ:

- Hay “lòng son”, từ ngữ hơi cũ nhưng lại hợp. “Lòng son xây dựng một sơn hà”... Nhưng em đùa ấy mà! Con cháu đâu dám hỗn với Bác. Biết đâu sai lỗi ẩn loát. Bác không xem lại...

- Phải thấy ông cụ chơi non bộ - hình tượng Hồ Chí Minh - này đã thể hiện một tư thế rất tự chủ, vượt trội. - Hành nói, cười - ... Và thật ra, đúng như Hiền Lương nói, đó là thơ khẩu khí với cái ngôn rất nhà nho.

- Trở lại vấn đề rất cũ là con người! Như anh phân tích, vậy chẳng có ai là cộng sản toàn bích, mà chỉ có những tiêu chí lí tưởng, một mô hình con người mới lí tưởng?

- Em nói đúng. - Hành nhìn ra xa, nói tiếp -. Khổng giáo cũng có mô hình người quân tử... Cho dù xuất thân từ quý tộc, nhưng bất tài vô đức, vẫn tiểu nhân. Cho dù gốc gác bần tiện, nhưng có tài có đức, vẫn là người quân tử... Mỗi học thuyết đều có một mô hình và các đẳng cấp về mẫu người lí tưởng. Có kẻ đạt tiêu chí này, có kẻ đạt tiêu chí kia. Những người mẫu về nhân, trí, dũng, khó có ai đạt được chuẩn tuyệt đối. Người mẫu!

Hiền Lương cười, kịp kìm lại. Hành ngẫm nghĩ, nói tiếp:

- Trở lại bài Tức Cảnh Pắc Bó, anh sửa sao thấy khác phong cách thơ Bác Hồ quá... Thơ Bác không có sự “gồng gân”, rất dũng, nhưng rất hồn nhiên. “Bàn đá chênh dịch sử Đảng bạn” (có thể ngắt nhịp: Bàn đá chênh, dịch: sử Đảng bạn) chẳng? Hay chữa đầu đề thành “Tức Cảnh Pắc Bó Tại Bàn Đá Cũ” chẳng hạn, rồi câu thơ sẽ là “Bàn chông chênh, dịch sử Đảng bạn”, với nhịp 3/4, thoát niêm, nhạc điệu của câu thơ được dùng để biểu hiện, hay vẫn thoát cách, nhịp 4/4... - Hành say sưa nói, ngừng lại, khẽ đọc:

Tức cảnh Pắc Bó

(tại bàn đá cũ)

Sớm ra bờ suối, tối vào hang

Cháo bẹ rau măng vẫn sẵn sàng

Bàn đá chông chênh, dịch sử Đảng bạn

Cuộc đời cách mạng thật là sang!

Tình thế chông chênh, tâm thế vững vàng, lạc quan! -
Hành tự tán thưởng -. Nỗ lực, trì níu tình thế... vẫn ung
dung!

Cả ba người cùng cười vang, chia vui theo vẻ tự đắc ý
về tài biên tập của Hành.

Hiền Lương quay sang nhìn Bông Bưởi, nắm tay cô bé:

- Bông Bưởi thấy chưa! Chưa ai đạt được mười mười
tiêu chí lí tưởng về con người lí tưởng cả, ngay cả Bác Hồ,
người được cả thế giới xem như Thánh sống. Nhưng phải
xây dựng mô hình con người lí tưởng như một cái đích
trong quan niệm để vươn tới bằng chính nỗ lực tự phấn
đấu, tu dưỡng. Cái đích bao giờ cũng ở phía trước. Đừng
lấy hạn chế, khuyết tật của cha, mẹ, thầy cô giáo, kể cả nhà
thơ, lãnh tụ, giáo chủ để tự vuốt ve những sai phạm của
mình. Chẳng hạn, có người nói: “Thiên Chúa Giê-su còn
thế, nữa là tép riu, người phàm như mình!”. Nói với Bông
Bưởi như thế, cũng tự chị nhắc mình, tự “lên lớp” cho chính
chị.

Hành cười giòn:

- Em “lên lớp” về ngôn ngữ học, đạo đức học giùm anh
luôn đi!

Hiền Lương đỏ mặt, cười dàn hòa.

- Thật kì lạ! - Hành nói -. Lẽ ra, chúng mình nên chuyện
trò với nhau về thơ, nhạc, hội họa, chim muông, ruộng
đồng, cây cỏ, nhất là về Bình Dương quê em, sao cứ gặp
nhau là bàn chuyện triết học, chính trị và lịch sử, rồi cả văn
hóa, phong tục... Nặng nề như đá!

Hiền Lương buột miệng:

- Em cũng chẳng hiểu nữa!

Hành ngậm ngùi:

- Có lẽ phải hỏi vết thương núi Thần Mẫu (1862); phải hỏi vết thương sông Hương, “nhất giang lưỡng quốc” (1884), và sông Bến Hải, “vết thương thế giới” (1954)!...

Cả ba người im lặng hồi lâu. Hành lại nói:

- Thôi thì lỡ rồi. Chúng ta quả là những con bệnh của di chứng chiến tranh thời hậu chiến, bởi vết thương lịch sử vẫn còn nhức nhối mặc dù đã thành sẹo. Ờ, phải rồi, anh lại nói tiếp về thơ Bác Hồ, em đồng ý không?

Hiền Lương gật đầu:

- Nhưng còn chuyện gì đâu! “Ngôn ngữ vốn là khởi đầu của nhiều ngộ nhận” mà, ai đó đã nói thế. Ngôn ngữ hình ảnh thi ca vốn đa nghĩa, dễ ngộ nhận lắm. Ngôn ngữ hội họa cũng vậy. Nó có sức mạnh tuyệt vời, vẫn là con dao hai lưỡi!

Hành búng nhẹ một đầu đạn AR.15 tình cờ nhặt được trong gốc cổ cú dưới chân.

- Thì phải biết phát huy tác dụng, hạn chế thấp nhất tác hại... Anh vẫn nhớ, hôm em mới ra, hôm hai anh em mình lên thăm đình làng, gặp Lâm, ông Nộp, và hôm thăm chùa, em có nói, ta bị hình tượng, ngôn từ lôi đi theo lô-gích của chúng... Các nhà thơ, ngay cả các viện sĩ hàn lâm thơ ca, cũng bị hình ảnh thơ ca kéo trượt đường ray tư tưởng của chính họ. Các bậc thầy ngôn ngữ ấy để lại vô số hạt sỏi nhưng uy tín của họ biến sỏi thành ngọc. Họ viết nhầm, viết sai, viết trượt chữ khỏi ý, nhưng vẫn thành mẫu mực, thành văn phạm, buộc mọi người viết sai, nói sai theo họ! Đó là chưa kể sự vô tình, hoặc đùa bỡn, hoặc chơi khăm của người xếp chữ ấn loát! Bởi vậy, thơ vẫn đã vào văn học sử vẫn phải hiệu đính. Có một ngành khoa học của khoa ngữ văn là văn bản học. Làm công việc đó, phải thật sự trung thực. Đó là khoa học, không thể “yêu nên tốt, ghét nên xấu” được. Trước khoa học, Phật, Chúa, Mác, Khổng, Bác... nhớ có nhầm, sai, trượt ý khỏi chữ, trượt chữ khỏi ý thì vẫn để

vậy, không thể tự tiện chữa; và khi nghiên cứu, phải đặt bộ phận trong tổng thể, chi tiết trong toàn bài, toàn bộ tác phẩm... - Hành ngàn ngừ, rồi thấy dứt khoát phải nói thêm -. Nhưng phải xác định rõ tính hệ thống của những sai phạm, nhằm, trượt... Sai làm “cứ lặp đi, lặp lại, ấy là bản chất” chứ không thể là hiện tượng ngẫu nhiên vô ý được... Nhà thơ cách mạng số một Tố Hữu có viết:

Trời không có thánh thần
 Đất không có thánh nhân
 Chỉ có nhân dân thần thánh
 Và có Đảng làm nên sức mạnh
 Cho ta đôi cánh
 Bay tới chân trời...

Anh thấy mình chẳng cần nói gì nữa! Lãnh tụ có khuyết tật nào đó, cũng có tác hại ít nhiều, nhưng chính tập thể, tổ chức Đảng sẽ bổ khuyết... Bây giờ, - Hành nói -, anh bàn về ý khác... Kháng chiến thành công, cho dù kẻ thù là Pháp, Nhật, Mỹ, Tàu Đỏ, Khơ-me Đỏ, là nhờ sức mạnh của nhân dân, của “bốn mươi thế kỉ cùng ra trận”, và bởi “không nổi đau nào của riêng ai”, do đó, “của chung nhân loại chiến công này”... Tuy là nhà thơ lớn, Tố Hữu vẫn có những tỉ dụ trong thơ rất khập khiễng đến mức làm tổn thương tình cảm con người: “Thương cha, thương mẹ, thương chồng, Thương mình thương một, thương ông thương mười”. “Ông” đây là Lê-nin. Xét vai trò, tác dụng, thì Lê-nin ở vĩ mô, rất lớn lao, còn cha, mẹ và chồng chỉ ở vi mô, tình riêng thôi. Nhưng so sánh thế là không cùng hệ thống, tính chất. Núi so sánh với núi, không thể lấy cây bàng, cây tùng, cây mít để so sánh với núi được. Tố Hữu đúng khi xét cấp độ của các giá trị, nhưng cụ thể ở đây không có mâu thuẫn giá trị mà chỉ là khác biệt ở vai trò, tác dụng của hai giá trị: “cha, mẹ” (người sinh thành), “chồng” (người hôn phối, chiến sĩ) và “ông” (người phát triển học thuyết, Lê-nin). So sánh thế là xúc phạm tình cảm cha con, mẹ con, tình cảm vợ chồng,

những giá trị truyền thống và nhân bản. Anh cho rằng Tố Hữu vẫn vụng về, vẫn có hạt sỏi trong kho ngọc ngôn từ của ông ta. Bác Hồ cũng thế. Trong bài thơ “Quân ta toàn thắng ở Điện Biên Phủ”, Bác có viết: “... Quyết tâm làm cho tròn nhiệm vụ, Đã hứa với Bác, Đảng, Chính phủ”. “Bác” lớn quá! Cộng sản, là tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách, đầu là Bác. Lại có đoạn:

Chiến sĩ viết thư lên Bác Hồ:

“Xin Bác vui lòng mà nhận cho

Món quà chúc thọ sinh nhật Bác,

Chúng cháu cố gắng đã sắm được”.

Có thể là anh chiến sĩ bộ đội vốn mang nặng tình cảm sùng bái lãnh tụ kiểu cổ truyền lạc hậu. Nhưng với tư duy, cảm xúc dân chủ, hiện đại, không thể chấp nhận ví xương máu của cả dân tộc thành một món quà tặng sinh nhật, chúc thọ được! Chiến sĩ cách mạng chỉ dâng hiến công cho nhân dân và Tổ quốc. Đó là xương máu thiêng liêng của khát vọng độc lập, tự do, sao lại ví như quà cáp hay lễ vật phù phiếm! Sự ví von ấy đã làm tổn thương sự hi sinh cao cả của muôn ngàn chiến sĩ và cả dân tộc, làm đau đớn cảm xúc thẩm mỹ trước hình tượng thơ ca... - Hành nghẹn ngào, anh nói tiếp -. Cho nên, cuộc kháng chiến thần thánh của cả dân tộc, khởi từ các trận đánh dẹp bọn giặc “phù Lê”, “tả đạo” ở Bắc kì, lại tiếp tục từ các trận đánh Pháp, Tây Ban Nha ở Đà Nẵng, Gia Định, lại tiếp tục từ các cuộc khởi nghĩa đầu tiên ở Nam bộ khi “triều đình bỏ mặc dân”, lại tiếp tục từ phong trào Tân Sở - Cần vương, lại tiếp tục từ cuộc kháng chiến vĩ đại suốt ba mươi năm (1945 - 1975), đến cuộc kháng chiến tự vệ chống bọn bành trướng Bắc Kinh và giải phóng nhân dân Cam-pu-chia, là của nhân dân Việt Nam, dưới sự lãnh đạo của Tự Đức, Nguyễn Tri Phương, Nguyễn Văn Trường, Tôn Thất Thuyết, nghĩa sĩ, sĩ phụ, Đảng Quốc dân, Đảng Cộng sản Việt Nam, Bác Hồ, Lê Duẩn, Võ Nguyên Giáp, sáng ngời hào quang mãi mãi, mặc

dù hình ảnh của người này người khác và ngay cả Bác Hồ đều có một số tí vết tự thân! Nói như vậy, không có nghĩa là không phân biệt người đánh giặc nhưng chiến bại với người đánh giặc đến thắng lợi cuối cùng, người thủ thành (kế thừa, giữ gìn triều đại) với người sáng nghiệp (khai sinh chế độ mới).

- Anh như nhà hùng biện. - Hiền Lương tán phục.

- Hôm ở bên sông, chị Hiền Lương giảng cũng hay dữ lắm! Thầy chưa nghe đó. Chị Hiền Lương “hết ý” đó! - Bông Bưởi bênh chị.

- Thầy biết rồi. Thôi, tối nay Hiền Lương phải lên tàu lửa. Bây giờ vào thăm sư một chốc. Rồi sau đó anh vào lại Đông Hà ngay. Khuya sẽ gặp nhau ở ga. Cuối cùng, chỉ xin nói với Hiền Lương một điều nữa, rằng, không có thuốc nói thật nào, mắt trời điện tử nào có thể kiểm tra được tất cả. Tin vào con người, tôn trọng con người, ấy là chủ nghĩa nhân đạo cao cả và sâu sắc. Điều ấy thiêng liêng hơn ngàn thiêng liêng khác, nhưng không phải thiếu tỉnh táo, cũng không phải mê tín. Tin vào lòng yêu nước và biết tự vun bồi cho mình, vun bồi cho người trong một nước! Tin vào sự giác ngộ chân lí, hiểu tận cùng sự thật con người, sự thật lịch sử! Tin vào khát vọng làm người, con người chân chính, con người Việt Nam, con người Việt Nam của nhân loại tiến bộ!

Hành nhìn sang Hiền Lương, mặc dù đang say với câu chuyện, anh vẫn nghe trái tim mình thất lại trước vẻ đẹp dịu dàng, trong sáng của cô. Hành bối rối, nhưng tự trấn tĩnh.

- Hiền Lương có đồng ý vậy không? Phải đi đến tận cùng sự thật và chân lí. Thuốc nói thật, mắt trời điện tử cũng có tác dụng như Thần linh, Thượng đế, luật nhân quả nhà Phật thôi, mặc dù khoa học dược liệu và điện tử đã chế tạo được rồi. Yả anh muốn nói, thời nào cũng có Trần Ích Tắc (con cháu vua Trần)... Có lẽ Trần Ích Tắc rất tin có Trời, Phật! Vấn đề là trí tuệ và lòng trung hiếu với Tổ quốc. Vấn

đề là các cấp độ giá trị. Không lẽ hi sinh nhân dân, đồng bào, Tổ quốc cho dòng họ, gia đình, bản thân? Mà ngược lại! Lòng yêu nước và chân lí khoa học là giá trị toàn cầu... Nói thế là hi vọng ở hiện tại, ở tương lai... Trung với Đảng, hiếu với dân...

- Em thấy báo chí đã minh oan cho Phan Thanh Giản (?!), Nguyễn Trường Tộ (?!), Trương Vĩnh Ký (!?). Điều đó cần phải xem xét lại. - Hiền Lương chột trở lại vấn đề "Phan, Lâm mại quốc..." -. Và phải công nhận các chúa Nguyễn có công (?) mở nước, khai hoang lập ấp (II.1), Quang Trung rất chiêu hiền đãi sĩ.

Hành cười:

- Anh biết. Nhưng anh chỉ lướt qua những điều ấy. Cái chính là di chứng hậu chiến, là niềm tin vào con người Việt Nam. Ta phải tin nhau khi đã hiểu nhau, trong sự hòa giải để hòa hợp.

- Để đạt được điều đó, tất cả các vấn đề sử học, văn hóa học... trong cuộc chiến tranh một trăm mười bảy năm vừa qua (1858 - 1975) phải được hội thảo khoa học hết sức dân chủ, bằng hình thức đối thoại công khai trên báo chí, và dĩ nhiên, ở các hội nghị, với tinh thần tuyệt đối khách quan, trung thực, và dũng cảm; - Hiền Lương nói -; đặc biệt, phải chặn đứng những mưu toan xuyên tạc lịch sử, bịa đặt tư liệu, gây rối nhiễu, gây hoang mang, mất niềm tin vào khoa học lịch sử.

Hành gạt đầu :

- Yêu cầu xã hội ấy rất bức thiết. Mặc dù ta đã có tư liệu chuẩn cứ, không phải ai muốn nói gì cũng được, nhưng vấn đề là làm thế nào để khai thác được các kho lưu trữ tư liệu ở Va-ti-căng, ở Pháp, ở Mỹ. Ngoài ra, cần được dịch hết, công bố hết các châu bản triều Nguyễn, các tư liệu của Cách mạng... Không thể để muộn hơn được nữa! Và phải có biện pháp gì để người ta không bịa đặt tư liệu, làm tư liệu giả, hoặc thủ tiêu tư liệu được!

Cả ba người ngồi im lặng, chùng như họ đang rơi vào từ trường của vết thương chung.

Sông Gianh ngoài kia, sông Hương trong kia, sông Bến Hải trước mặt, khuất trong lũy tre cuối cánh đồng, cơ hồ cùng sông Hồng, sông Cửu, với bao nhiêu dòng sông trên Đất nước, thầm thì lên tiếng. Hiền Lương đang nghe rõ tiếng nói của dòng sông chảy bên đường Bạch Đằng thị xã Thủ Dầu Một, nơi cô khóc ngổ ngàng tiếng khóc đầu đời, nơi chôn rau (nhau) cắt rốn của cô. Cô bỗng nhớ ba, thầy giáo Tiếng, nhà văn Quyền, thầy Rơm với bao nhiêu bản khoán, thao thức, cả đau đớn đến mức phải bõn cột nữa, của họ. Nhưng, đâu chỉ của họ, mà của vài ba thế hệ đang cùng sống trong thời hậu chiến, những nỗi niềm ấy! Nhưng biết làm thế nào được, sử học vẫn phải là khoa học lịch sử!

- Chúng ta có phải là những kẻ dở hơi không? - Hành chột lên tiếng với giọng trầm lắng -. Anh nghĩ, bao nhiêu người, nhất là những ai mười lăm, mười bảy tuổi, họ sống theo đà lao cuộc sống, theo tốc độ cuộc sống, họ chẳng nghĩ ngợi gì. Họ đến với tương lai đang tí tắp, mệnh mông cùng vết thương ngằm. Họ xa lánh chuyện triết học, chính trị, phong tục, lịch sử... Họ chế giễu những ai sính những vấn đề này. Như thế, thật đáng âu lo. Họ sẽ vỡ mộng, ngã bệnh, vết thương ngằm sẽ lại nhức nhối, mưng mủ, hành hạ họ, trên bước đường tương lai nào đó... Em có nghĩ như rứa không, Bông Bưởi? Thầy xin lỗi em trước...

Bông Bưởi ngưng ngưng, đỏ mặt. Cô bé lúng túng cắn những sợi tóc ngang môi. Hiền Lương đỡ lời:

- Cuộc sống bao giờ cũng thế, có người vô tâm vô tư, có người trĩu nặng ưu tư, trái tim luôn nhạy cảm. Thời Đổi mới có những vấn đề của nó. Ba em nói, đôi khi ông giật mình thấy mình, cuộc sống quanh mình không còn là Việt Nam nữa. Văn minh Phương Tây với những thành tựu khoa học - kĩ thuật và sự hào nhoáng của nó đã hợp hồn mọi người. Chúng ta tiếp nhận, học tập văn minh thế giới,

nhưng chúng ta thiếu bản lĩnh văn hóa dân tộc, riết rồi chúng ta xa lạ với chính dân tộc tính (bản sắc văn hóa - lịch sử của dân tộc)... Đâu dễ vô tâm, Bông Bưởi nhỉ?

Hành gặt đầu, ngậm ngùi, bực bội:

- Không biết ở Sài Gòn, Bình Dương, các kẻ sĩ ra sao. Anh đã gặp bao nhạc sĩ không biết gì đến âm nhạc dân tộc, bao họa sĩ chẳng hiểu một nét hoa văn đình làng, một bức tranh dân gian Đông Hồ, bao nhà thơ không thèm thuộc nửa câu ca dao... Vốn dân tộc tính của những người làm văn hóa, văn nghệ quá yếu. Họ hiện đại hóa đến mức sùng ngoại! Sự lai căng này có thường xuyên mọi thời. Sùng Tàu, sùng Aãn, sùng La Mã, sùng Pháp, sùng Mỹ, sùng Nga, ồ, quá nhiều! Rác rưởi của văn hóa, văn nghệ! Xin lỗi phép, ... kể cả những tiến sĩ, giáo sư... (II.15).

Hiền Lương giật mình. Cô tự thấy cô vẽ vời hội họa một cách bản năng quá! Cô đâm ra lúng túng.

Giọng Hành vẫn tàn nhẫn một cách buồn rầu:

- Chúng ta đã nhân danh những giá trị ngoại lai để giết nhau! Đây là một bi hài kịch đau đớn, nực cười. Phật, Khổng, Lão, Chúa, Mác đều là đồ ngoại, những thứ hàng hóa ngoại nhập. Chúng ta không vô ơn nhưng không thể bê nguyên xi vào nước, vào đời sống dân tộc. Dân tộc ta không phải không biết tiếp thu các thứ ngoại nhập với tinh thần sáng tạo, sáng tạo trên tinh thần dân tộc Việt Nam! Không vô ơn, nhưng cũng phải biết trong các tôn giáo, học thuyết ấy có nhiều yếu tố độc hại. Đó là chưa kể đến sự tác hại của Thiên Chúa giáo trên Tổ quốc chúng ta, di hại còn đến hôm nay! Nhưng đời sống cứ trôi đi một cách vô thức, u mê. Cuộc sống cần sự lên tiếng đánh thức, âm vang mà thâm trầm. Và cuộc đời thay cần có thời gian. Cuộc sống luôn phát triển trong thế tương tranh tương tác. Nhưng người chiến thắng cuối cùng sẽ là ai? Anh mong Hiền Lương trả lời giúp anh điều này! Bông Bưởi, chính em cũng phải suy nghĩ và hãy trả lời giúp thầy!

- Anh nói thế là anh đã trả lời rồi. - Hiền Lương nói -. Cả tháng trời nay, ra với Bến Hải, cũng chỉ trần đi trở lại mỗi một điều anh vừa nói. Sao cứ trần đi trở lại hoài! Rất cần thiết phải làm một cuộc tổng xét duyệt lại tất cả. Không một người cụ thể nào sẽ chiến thắng. Dân tộc tính, hay gọi cách khác là bản sắc văn hóa - lịch sử dân tộc, và chủ nghĩa Hồ Chí Minh - hướng đến cơ chế dân chủ thật sự sẽ chiến thắng. Không thể lấy tiêu chí Phật, Khổng, Lão, Chúa, Mác - Lê-nin của Ấn Độ, Tàu, Do Thái, Đức, Nga để định đoạt. Phải lấy tiêu chí Việt Nam, không chiết trung...

Hành cười, liên tưởng đến bệnh si-đa của trái tim và bộ não.

- Có người đã trừu tượng hóa, thần bí hóa bản sắc văn hóa - lịch sử dân tộc. Nó là sức mạnh khách quan nhưng ở trong mỗi người. Mỗi người phải hiểu sâu về nó với những mặt mạnh, mặt lạc hậu của nó để đánh thức, cách tân đúng hướng. Đặc biệt, những kẻ sĩ... Và chủ nghĩa Hồ Chí Minh...

Hiền Lương nói khẽ:

- Có một ông linh mục đã cởi áo nhà dòng hai mươi lăm năm hơn, hoàn toàn bỏ đạo Thiên Chúa, bảo rằng, ông ta vận dụng Phật, Lão, Khổng, Chúa, Mác như vận dụng Pi-ta-go, Ta-lét, Ăm-pe..., Rút-xô, Vôn-te..., Lê-nin...

Hành giật mình. Anh lặng người đi một chốc, trong khi Hiền Lương nhìn ra ruộng đồng đang gợn sóng màu xanh. Hành nói:

- Không biết Hiền Lương đã nghe ông Hiệu Điền nói đi nói lại mãi một câu nói, mà ông ấy bảo chính dòng sông Bến Hải đã mặc khải chưa? Đó là một câu “mặc khải” về tính phê phán.

- Câu gì anh? Lại sấm truyền, tiên tri sao? - Hiền Lương mỉm cười, nhớ “Sáng thế kí” của ông Hiệu.

- Ông Bưởi biết câu “mặc khải” của ông Hiệu Điền chứ? - Hành hỏi Ông Bưởi -.

Ông Bưởi gật đầu:

- Dạ, em có biết. “Dân tộc ta rất quật cường, anh dũng và hiếu hòa, thông minh và chịu khó, nhưng mắc bệnh sùng ngoại đến trầm trọng, kinh niên”.

- Đúng rồi. - Hành nói -. Một dị bản khác của Ngài Hiệu về nội dung ấy là: “Chẳng lẽ bạn nhân danh một hoặc những giáo thuyết: Phật, Lão, Khổng, Chúa, Ma-hô-mét..., Mông-tét-x-ki-ơ, Rút-xô, Vôn-te, Tôn Dật Tiên..., kể cả Mác - Lê-nin nữa, đấu sao cũng chỉ là giá trị ngoại lai, hàng ngoại nhập, để giết chết nhau, bức hại nhau, để giết chết, bức hại những người chỉ tôn vinh dân tộc tính (bản sắc văn hóa - lịch sử dân tộc) và chủ nghĩa Hồ Chí Minh (không có gì quý hơn độc lập, tự do; độc lập, tự do cho cả dân tộc, cho từng người; hướng đến một nền dân chủ thực sự) với tấm lòng rộng mở?”. Hình như ông linh mục đã cởi áo dòng nào đó và Ngài Hiệu Điền của làng mình đã gặp nhau trong chiều hướng tư tưởng.

Hiền Lương cảm động nhưng vờ khô hài, dẫu rất thành thật:

- Đều là vang vọng của sông Bến Hải cả đấy!

- Hẳn là vậy. Mấy nghìn năm nay, bao trí thức lớn của mình cứ bị mắc kẹt trong các hệ giáo thuyết ngoại lai. Học của người là đúng, nhưng kẹt cứng trong kinh điển của họ, không thoát ra được là dở. Quá dở! Kẻ sĩ (người trí thức) bị biến thành con mọt sách! Nói cách khác, các trí thức ấy rất đáng kính trọng, ghi ơn, như kính trọng, ghi ơn những cỗ xe chuyển tải tư tưởng. Họ có sáng tạo, nhưng quá ít, thành ra đồ ngoại nhập vẫn là đồ ngoại nhập. Khổng học, trước đó là Phật học, rồi Rút-sô học, Mác - Lê-nin học! Chúa học nữa chứ! Ôi bệnh sùng bái! Bệnh “núp bóng” vì sợ hãi trước các thể lực chuyên chế! Bệnh “lém lỉnh” biến các Ngài thành mọt chần đờ và bị “mọt” đờ!

Hiền Lương cười như tán thưởng:

- Bao giờ mới có Bùi Hành học hay chủ nghĩa, học thuyết Bùi Hành đây? Không phải vĩ cuồng, hoang tưởng tư

đại. Phật, Lão, Mác đều kế thừa và phát triển. Giê-su cũng thế. Ma-hô-mét cũng thế. Khổng cũng vậy. Chính nhu cầu tín ngưỡng và quyền lực chính trị làm cho họ hơi vĩ đại thành ra quá vĩ đại.

Hành bật cười lớn. Anh bỗng dâm ra dâm chiêu cuối tiếng cười.

Ngồi nhìn băng quơ, cả ba im lặng. Hành đứng dậy.

- Thôi, vào thăm sư Tâm Tự đi, Hiền Lương, Bông Bưởi!

Ba người quay lại, bước vào chùa. Nắng xế trưa vàng thắm sân. Những đóa hồng đỏ rực, lá xanh óng.

- Em thừa nhận anh Hành tự học quá nhiều. Không nhà trường nào dạy hết những điều ấy. - Hiền Lương vừa đi vừa nói.

Hành cười khế:

- Em tự khen mình như thế sao?!... Nhưng đừng chiết trung!

Hiền Lương chỉ biết cười:

- Thì chê anh phải học thêm!... Cũng đừng chiết trung...

- Anh cũng chê và động viên em như vậy. - Hành lại cười.

Bỗng dưng Bông Bưởi buột miệng:

- Em đang trông chờ “học thuyết cộng sản Hành - Hiền Lương”!

Cả ba cười vang. Hiền Lương đỏ bừng mặt, nhéo vào tay Bông Bưởi. Hành có cảm giác được cời mở tấm lòng, nhưng lúng túng không biết nói gì. Họ đã băng qua khoảng sân rộng, đi men hành lang chùa cho bớt nắng. Hành cảm thấy “Con Đường Đau Khổ” Việt Nam quá dài, quá đỗi dài, nếu xét về thời gian lịch sử (II.17).

Hiền Lương thoáng nghĩ, sao cô lại rơi vào căn bệnh di chứng hậu chiến đến mức như bức hại cuồng đến vậy. Thật kì lạ! Lại một lần nữa, Hiền Lương bừng tỉnh. Cô tự bảo, chút tình cảm giữa cô và Hành có nghĩa gì trước chiếc cầu

nổi liền hai miền Tổ quốc trong mơ ước của ông giáo Hiền!
Vả lại, phải biết rõ giới hạn trước thực tế của những nguyên
tắc tổ chức hiện hành (II.16).

2

Sư Tâm Tụ vẫn niềm nở và thanh thản, với nụ cười của một vị sư già, nụ cười mà suốt một đời, từ thuở lên năm đến lúc bảy mươi hai tuổi, sư không ngừng chiêm nghiệm từ tượng Phật Thích Ca, nhưng hôm nay, sao trông dáng vẻ sư chùng như gầy hơn, mệt mỏi hẳn đi. Mới cách đây mấy hôm, sư Tâm Tụ, trong buổi gặp mặt đàm luận trước và sau bữa cơm chay, vẫn hoạt bát, tươi vui, trầm tĩnh biết bao. Dự án lớn lao sắp thành hiện thực, mặc dù chỉ từng bước, đã làm sư phấn chấn, hay chính vì thế, sư sinh lo nghĩ nhiều?

Hành và Hiền Lương ngồi uống nước với sư. Hiền Lương ái ngại hỏi thăm sức khỏe sư. Sư mỉm cười, bảo hơi khó ngủ, với lí do rất bình thường, có thể do trở trời. Bông Bưởi ở ngoài sân ngắm hoa mới bước vào.

Sư ít nói hơn mọi hôm. Ba người trẻ tuổi định kiếu về. Sư vẫn thiết tha cảm chân khách.

Sau một chốc bối rối, Hiền Lương cảm thấy sư cần nói riêng điều gì đó với Hành. Cô rút từ túi áo cuốn sổ tay nhỏ, cây bút chì, xin phép sư và Hành được ra ngoài kí họa phác thảo một vài cảnh chùa. Cô khế bám vào tay Bông Bưởi. Hành và nhà sư vẫn lặng im.

Lát sau, sư buột miệng một âm thanh gì không rõ nghĩa, kịp kìm lại. Hai khóe mắt ươn ướt, nhăn nheo. Sư bảo, sẽ kể cho Hành nghe một chuyện khá dài, Hành cố gắng lắng nghe, đừng sót ruột.

Sư run giọng, rằng, ngày xưa, thời điểm ấy, có thể đã xa xưa lắm, có thể mới đây, thời chống Pháp, thời chống

Mỹ, có một cô gái làng đã yêu một vị sư trẻ ở chùa làng. - Sư không nói tên hai nhân vật và tên chùa, vẫn tiếp tục kể -. Người yêu của vị sư trẻ đã mang thai với vị sư ấy hai tháng. Tuy nhiên vì thanh danh nhà chùa, cô gái ấy đã tự ý một mình, chủ động đến với một chàng trai khác. Chàng trai này đã yêu, và đã thất tình trước cô gái ấy từ lâu, nhưng tình yêu trong trái tim anh không hề dịu bớt. Đám cưới nhanh, gọn. Rồi cô ấy đã sinh con, sinh sau ngày cưới hồi với chàng trai ấy gần bảy tháng. Sinh xong mấy hôm, cô ấy chết! Chàng trai ngỡ người yêu sinh non, chết vì thiếu thuốc thang do hoàn cảnh thời chiến (nên bị sản hậu!). Hoang thai thuở ấy là cả một tủi nhục khủng khiếp. Cô cắn răng chịu lấy tủi nhục để giữ mầm sống vô tội trong bụng mình. Cô ấy nghĩ, cô phạm tội thì phải chết, chứ mầm sống trong bụng nào có tội tình gì, nên mầm sống ấy, bào thai ấy xứng đáng được sống, xứng đáng được làm người. Đến bây giờ người ta vẫn nghĩ cô gái chết vì sản hậu thôi. Song vị sư trẻ hiểu tính cách của cô, sức khỏe thanh xuân của cô, nên không thể nghĩ vậy.

Dẫu sao, vị sư trẻ đã rất bàng hoàng khi biết người yêu của ông đã tự ý nghĩ ra “mưu kế” rất “cổ điển” nọ. Con chín tháng với con bảy tháng dễ phân biệt lắm, nhưng cũng tương đối thôi... Biết ra, chuyện đã muộn rồi. Bây giờ, vị sư trẻ rất đau lòng, rất thương cả cô gái và chàng trai trẻ ấy. Nhưng chàng trai trước đó vẫn hạnh phúc một cách ngây thơ, rồi sau đó đã khổ đau đến quần quai khi “vợ” mình đã chết sau lần sinh “non” ấy. Thực ra, có non đâu... Chàng trai lặng lẽ nuôi con...

Sư Tâm Tự thờ dài, mỉm cười gượng gạo, héo hắt. Gương mặt sư già sụp đi rất nhanh. Tay sư run run rót nước vào chén. Hành sửng sờ, biết đưa bé ngày xưa ấy là ai, và nghẹn ngào nghĩ ngợi về lí do tại sao cô gái ấy đành lòng lừa dối chàng trai nọ để rồi tự tử. Lời phán quyết của lương tâm người mẹ trẻ ấy là đúng. Cô và đứa bé, ai đáng

sống và ai đáng chết? Nhưng sao mức án tàn nhẫn đến vậy? Còn cha của đứa bé, chắc hẳn phải đáng chết hơn, nếu chiếu theo mức án ấy? Hành ghen ngào vì những dấu hỏi bất ngờ neo vào lòng anh.

Trong ánh nắng chiều hắt sáng từ sân vào, gương mặt sư Tâm Tụ đầy xúc động, biểu lộ một niềm giằng xé nội tâm, và thoáng sáng lên một chút nhẹ nhõm - niềm nhẹ nhõm của người đã trút được gánh nặng không thể quẳng bỏ được.

Sư nói tiếp: Vị sư trẻ ấy, năm mươi năm sau vẫn còn day dứt giữa hai cực: trung thực và dối trá, lí tưởng xuất gia hành đạo và hạnh phúc trần thế (được làm một người ông, nhận lại con cháu mình), tình yêu và sự nghiệp của cháu đích tôn (tình yêu nào đó và sự nghiệp nào đó có thể loại trừ nhau)... Kể câu chuyện ấy có thể làm hại đến ai chẳng... Nhưng truyện cổ mà...

Đến lúc này, sư Tâm Tụ vẫn không nêu tên người trong câu chuyện, cũng chẳng xác định thời điểm, không gian nào. Hành sốt ruột muốn sư nói sự thật cụ thể hơn. Sư chỉ phịa định, như kể một câu chuyện cổ tích trong kinh điển nhà chùa. Hành vẫn đinh ninh anh đoán không sai. Tuy vậy anh vẫn ngỡ, trước giọng kể chậm rãi, thoáng chút run run của nhà sư, có thể sư đang dằn dò anh trước bước ngoặt mới của đời anh bằng một ẩn ngôn. Anh muốn cháy thiêu cả tâm trí mình trước ẩn ngôn này với biết bao tình cảm đặc biệt lạ lùng sư đã dành cho anh từ tấm bé đến nay. Chợt anh bừng nóng mặt, khi nghĩ đến một khía cạnh khác của câu chuyện. Câu chuyện nào cũng đa nghĩa. Có những chi tiết, khiến người nghe chạnh lòng, vừa xúc động nhưng vừa bị xúc phạm. Hành nhìn ra, tìm thấy Hiền Lương ở một góc vườn chùa, bên cạnh Bông Bưởi. Cô đang vẽ trên sổ tay. Cảm giác bị xúc phạm dâng lên, lấn lướt những cảm tưởng khác, làm anh ghen ngào. Không. Hiền Lương hồn hậu và chín chắn thế kia...

Sư Tâm Tự lặng lẽ quan sát những diễn biến trên gương mặt Hành. Tác động nhiều chiều, của câu chuyện phiếm chỉ, khiến anh chết sững. Chợt ánh mắt anh long lanh lên, như muốn hét lên, rằng sư Tâm Tự muốn nói điều gì.

Vị sư già khẽ thờ dài, im lặng.

Nhà sư đáng kính thâm nghĩ, xuất gia tu học, hành đạo đâu phải sung sướng. Đây là con đường luôn luôn gian khổ, luôn luôn giằng xé, vốn rất thật trong tâm tư con người, để chiến thắng và để nêu gương. Là con người, ở tuổi nào đi nữa, kẻ tu hành vẫn còn có dục vọng - đói sữa, đói tình dục, đói sự săn sóc, vui vầy trong tình kính thương của con cháu - và có thể khắc phục được, diệt dục được, vì lí tưởng hành đạo. Tu hành, trước hết, để nêu gương. Câu chuyện kia phải chăng là bài học nêu gương về sự phạm giới, quyết tâm giữ giới... Con người, vẫn có những lúc mềm lòng! Sư hối hận đã trót kể với Hành... Nhưng... Sư biết mình còn ích kỉ, tàn nhẫn!

Rất lâu, sư chỉ nói khẽ, Hành hãy về đi, Hiền Lương đang chờ, cũng đã chiều rồi. Sư đứng dậy trước, Hành như kẻ mộng du, lặng lẽ theo sau. Sư càng thấy bị lương tâm cắn rứt, và ân hận vì đã kể...

Sư nhìn theo ba người trẻ tuổi đang khuất dần sau những lũy tre. Với cái nhìn vừa âu lo, vừa triu mến, sư nghĩ về Hành với Hiền Lương.

Hành cúi đầu, trầm ngâm trong tâm trạng thảng thốt. Hiền Lương sánh bước, lay cảm giác buồn đau nhưng chẳng hiểu tại sao... Hơn tuần lễ nay, cô thấy tâm tư mình có nhiều chấn động, đến ngẩn ngơ, đôi khi. Cô đã gặp nhiều vấn đề nhưng chưa đào sâu tận cùng. Trong vài ngày cuối ở quê hương, cô luội người đến đờ đẫn, những cảm xúc nội tâm không còn sắc sảo, tinh tế và linh hoạt. Hiền Lương thần thờ. Trên đường về, đâu đó dưới mái tranh nào, vọng ra tiếng ru em:

Rồi mùa toát rạ (rã), rơm khô
 Bậu (bạn) về quê bậu, biết nơi mô mà tìm!
 Hiền Lương bỗng nắm vào cườm tay Bông Bưởi, bắt
 giác dừng bước, và Hành cũng đứng lại, cùng lắng nghe
 một khúc Vè Thất thủ kinh đô :

Đô thành quan Quận giao hòa
 Điều hơn lẽ thiệt, nói mà với Tây
 Tây phiên gấm vẫn giện thay :
 “Đem lòng cự chiến còn đến đây làm gì ?
 May mà Nam Việt buổi tặc [bại?] suy
 Tây mà bại, Đạo phen ni, cũng không còn!
 Người mà phiêu lạc núi non
 Bao nhiêu nhà cửa chẳng còn gì đâu !
 Tây phiên thất thủ thụ đầu
 Hàng lai Nam Việt, mảnh âu chẳng lành
 Tây phiên trở lại Tây thành
 Ở đây tiếng xấu bia [bêu?] danh đã rồi
 Họ không cho đâm nhánh mọc chồi
 Trăm dao xẻ thịt thả trôi sơn hà”.

Quan Quận khi ấy nói qua
 Nói cùng Đại Pháp, chư nha phiên trào :
 “...”

Quan một cho đến quan ba
 Quan năm quan sáu vậy mà cũng nghe!
 Đòi triệu các quan tỉnh trở về
 Sự tình y ước, ra bề đục trong
 Tin thời dạ hầy còn phòng
 Nam triều tể tướng nó đem lòng phục binh...
 Hành cảm thấy mỗi mệt, buồn nản đến rã rời, nhưng để
 chiều lòng Hiền Lương, anh nhẫn nại đứng nghe điệu ru em
 đều đều đang vọng ra ấy.

- Sử dân gian thời mất nước đấy; - Hành nói -; chỉ có
 thể đãi lọc lượng thông tin nào đó thôi. Trong sự thật lịch
 sử, Nguyễn Văn Tường không phải chỉ tầm thường như

vậy, mặc dù về Thất thủ kinh đô vẫn ghi nhận rằng bọn Pháp rất sợ Nam triều tể tướng Nguyễn Văn Tường phục binh nội ứng cho điện tiền tướng quân kháng chiến Tôn Thất Thuyết. Thôi, mình về đi! - Hành bước, vẫn nói tiếp cho trọn ý -. Ngay sau khi Nguyễn Văn Tường bị lưu đày, ở tổng Bái Trờì này đã bùng lên một cuộc “sát tở” dữ dội. Vụ đó, còn do các cha cố xúi giục giáo dân cướp phá dinh cơ phủ huyện. Sự tích của thánh địa La Vang càng đậm thêm từ đây! Sau đó, Pháp và cố đạo ra sức bồi nhọ...

Bước bên Hành và Bông Bưởi, Hiền Lương thở dài:

- Nguyễn Văn Tường, Tôn Thất Thuyết có nhiều kẻ thù quá, từ thực dân Pháp, cố đạo gián điệp, giáo dân vũ trang tay sai đến cánh đầu hàng (chủ “hòa”), bọn bảo hoàng...

- Hiền Lương có lẽ đã đọc bản cáo trạng của Đờ Cuốc-xi (De Courcy), Đờ Sam-bô (De Champeaux) về Nguyễn Văn Tường rồi chứ? Còn bản án của ngự triều Đổng Khánh về Nguyễn Văn Tường và nhóm chủ chiến nữa (I.103, II.19)! Puy-gi-ni-ê (Puginier), giám mục thực dân, trong một bản báo cáo còn lưu ở hồ sơ tư liệu Hội Truyền giáo Bắc kỳ, viết sau khi Nguyễn Văn Tường đã chết bốn năm (1890) rằng, trong hai tháng sau ngày kinh đô Huế thất thủ, do mệnh lệnh của ông ấy mà ba chục ngàn giáo dân cướp chính quyền bị giết bởi các quan lại, sĩ phu và bởi chính nhân dân. H. Lơ Mác-săng đờ T-ri-gông (Henry Le Marchant de Trigon), trong một bài viết, gọi Nguyễn Văn Tường là “kẻ thù không đội trời chung”, ngay cả khi ông ấy đã bị lưu đày và chết ở Ta-i-ti (Tahiti). Ở đảo tù ấy, Nguyễn Văn Tường vẫn kiên định quyết tâm không chịu bị “bảo hộ”. Puy-gi-ni-ê kết án Nguyễn Văn Tường là “kẻ thù lớn nhất của nước Pháp”. - Hành không ngờ anh nói nhiều đến thế.

- Anh Hành nhớ nhiều thật! - Hiền Lương nói -. Thiên Chúa giáo, thật đáng buồn! Nhưng thực dân, cố đạo, Diệm, Cẩn đã giết và bức hại dân lương, sĩ phu, Phật tử, sinh viên... hẳn đến con số triệu. Chỉ tính từ Tạ Văn Phụng, Trần

Lục, Lê Hữu Từ đến anh em Ngô Đình Diệm và Thiệu, con số ấy đã quá kinh hoàng!

- Người Việt giết người Việt! Ngu ngốc và bi thảm thế đó. “Tả đạo” quả là một cái gì thật kinh khủng!

- Thuốc phiện và thuốc kích động! - Hiền Lương buột miệng.

Cả ba người im lặng bước. Trên đường về, họ không nói gì nữa. Tâm trạng bàng hoàng đến thẳng thốt, khi ngồi trước mặt sư Tâm Tụ, nghe sư kể chuyện đã được lần át đi bởi điều ru em bằng Về Thất thủ kinh đô, bằng những câu đối thoại với Hiền Lương, đến giây phút này lại trở dậy trong anh. Hành ghen ngào.

Hiền Lương nhìn ra dòng sông Bến Hải, bỗng khẽ rùng mình. Nắng chiều đỏ ối trên mặt nước. Cô liên tưởng đến dòng sông ngẫu máu thuở nào, bất giác, Hiền Lương đập khẽ ba lần vào ngực và thốt lên trong đầu ba lần một câu ăn năn tội : “Lỗi tại tôi mọi đàng!”. Rồi Hiền Lương tự hỏi, cô mới hai mươi hai tuổi, Đất nước đã thống nhất trước khi Hiền Lương được sinh ra đời, cô có tội gì với dòng sông Bến Hải này! Hiền Lương cố ghìm lại tiếng thở dài, nhưng không thể không rưng rưng nước mắt.

Đến ngõ nhà của chú thím Cận, sau khi chia tay, Hành cố gắng nén lại bao xáo động trong lòng mình, gượng gạo nói thêm:

- Bạn anh, Trần Nguyễn Phan, cũng đang biên khảo, nghiên cứu về Thi tập, về tiểu sử của Nguyễn Văn Tường đấy, tất nhiên không thể không liên quan đến vấn đề “bình Tây sát tử”. Và còn các văn tập nữa (I.120)...

Hành bước về nhà với một tâm trạng chán chường, ngờ ngác. Anh định hôm nào phải gạn hỏi sư Tâm Tụ về câu chuyện sư vừa kể cho ra lẽ.

Khuya, ở sân ga Đông Hà...

Hiền Lương, cô Bân lại vào Sài Gòn, Bình Dương.

Khi vào sân ga, chỉ có sư Tâm Tự, chú Cận, bác Su, ông giáo Hiền theo tiễn. Hành đang học tập ở cơ quan Tỉnh ủy, chuẩn bị vào Trường Đảng, cũng tranh thủ ra ga để tiễn Hiền Lương và cô Bân, như đã hẹn với Hiền Lương hồi chiều ở cổng phụ chùa làng.

Hành và Hiền Lương chỉ biết nhìn nhau. Hành có vẻ bối rối, gương mặt cố che giấu niềm băn khoăn. Hiền Lương trực cảm anh đang phân vân trước bước ngoặt đời mình, lòng anh đang ngổn ngang. Anh vẫn là anh, nhưng không còn là anh như cách đây mấy giờ nữa. Có thể anh đã khác, số phận anh đã khác. Nhưng Hiền Lương cũng chẳng hiểu thế nào, chỉ là những trực giác, linh tính mơ hồ. Vì tương lai của Hành, cô muốn nói với anh lời vĩnh biệt.

Khuya, ở ga tỉnh nhỏ, hành khách thưa vắng.

Một không khí hiu hắt buồn trong ánh đèn chỉ đủ sáng mặt sau của nhà ga...

Trời cao, xanh những vì sao.

Bảy người ngồi dưới gốc cây phượng nhỏ, có lẽ đang trở hoa mùa đầu.

Sư Tâm Tự khuya nay trầm ngâm quá thể, nỗi trầm ngâm đã được đọc thấy mấy hôm gần đây.

Mọi người im lặng chờ tàu.

Lúc này, trong ánh đèn khuya hắt sáng, nom sư hơi khẽ run run đôi môi. Sư cảm thấy mình không còn giữ được vẻ điềm đạm thường ngày. Tinh thần sư bị chấn động, xuống dốc đột ngột quá. Sức khỏe yếu rồi, chẳng kham nổi rồi! Sư chỉ còn là một con người có trái tim rất mềm yếu và dại dột như trẻ con. Sư tự bảo mình trấn tĩnh, hãy còn những dự án lớn lao một đời suy nghiệm để thành ước nguyện, cho Đạo Phật, cho ngôi chùa làng suốt một đời sư gắn bó, và ước

nguyện sắp thành hiện thực, chắc chắn phải thành hiện thực.

Còi hụ vang. Tàu đã đến, chỉ dừng lại năm phút để đón khách. Hiền Lương, cô Bân phải vội vã lên tàu. Năm người đứng bên khung cửa sổ. Phía trong cửa ấy là Hiền Lương bên cô Bân. Hiền Lương gác va li và bó gối giá tranh, nhưng tự bảo lát nữa hẵng cột dây lại. Đang khi mọi người trao cho nhau lời chào, lời nhắn gửi cuối cùng, Hiền Lương bắt gặp ánh nhìn của Hành. Ánh mắt anh bắn khoản, vừa triu mến vừa bối rối.

- Nhớ gửi thư nghe Hiền Lương! - Giọng Hành nghèn nghẹn.

Hiền Lương chỉ kịp gật đầu. Cô cắn chặt môi cho khỏi bật khóc, tiếng khóc vĩnh biệt.

Còi lại hụ vang. Tàu chuyển bánh. Sư Tâm Tự sực tỉnh. Như một kẻ muốn chạy trốn thực tại, chạy trốn khỏi ám ảnh tội lỗi, nhà sư định chạy trốn khỏi ông giáo Hiền, người bạn chí thiết nhất đời của sư, nhưng dẫu sao, với sự im lặng của sư hồi o Thắm mới về nhà chồng, sư cũng đã phạm một tội ác quá tày trời với ông giáo Hiền đáng kính ấy. Rất vô thức, tay sư níu vào toa tàu. Chới với, sẩy tay, nhà sư già ngã ở giữa chỗ nối hai khoang tàu, chỗ nối hai nửa của một đoàn tàu Bắc - Nam, gần cửa lên xuống. Trong một vài giây, sư Tâm Tự có ảo giác chỗ nối ấy chính là chiếc cầu Hiền Lương, chiếc cầu ấy sẽ bị đánh tráo, không phải chiếc cầu như ông giáo Hiền và sư mơ ước. Hình như sư có thét lên với Hành: "Không thể được!" nhưng không ai kịp nghe rõ. Bánh tàu nặng nề lăn qua.

Mọi người ở sân ga quá bất ngờ, chỉ kịp gào lên: "Đứng lại! Đứng lại! Tai nạn!".

Chạy được mười mét, tàu thẳng gấp.

Sư Tâm Tự đứt đầu, nát xương vai. Mọi người vây quanh hiện trường. Công an nhà ga nhanh chóng lập biên bản, các nhân viên không cho hành khách xuống tàu. Tàu

vội vã lao đi cho kịp giờ giấc ấn định. Những cái đầu ở các khung cửa sổ quay về hiện trường. Cô Bân và Hiền Lương bàng hoàng, hỏi chuyện gì đã xảy ra. Khi biết, vụt bỏ chỗ ngồi, hai người đập tay vào cửa lên xuống đã đóng chặt. Hiền Lương không thể kìm được tiếng khóc. Lúc tàu lại chuyển bánh, chỉ một phó tàu, một nhân viên, một công an trên tàu ở lại phối hợp giải quyết tai nạn với ban quản lí và công an nhà ga. Cô Bân và Hiền Lương xin xuống tàu, ở lại, nhưng tàu không thể ngừng lại. Hai mẹ con đành ngồi ôm mặt khóc trong tiếng tàu ồn ã, gió khuya đã lạnh. Họ bàn với nhau trong bàng hoàng, thảng thốt, đờn đau, sẽ xuống ở ga Huế, đi xe hơi quay lại để dự đám tang nhà sư, rồi hăng vào Thủ Dầu Một.

Ông giáo Hiền và Hành, bác Su và chú Cận chết sững trên sân ga, chưa biết phải lo liệu thế nào. Dấu sao, cũng sự đã rồi. Tiếng cô Bân còn vọng lại thảng thốt, đau đớn. Chẳng ai hiểu những âm thanh thảng thốt, đau đớn đã trộn nhòa trong tiếng bánh sắt, tiếng máy, trong gió khuya.

Và lúc đó, ông Hiệu Diên hốt hải chạy đến. Ông ấy đã già, có thể lên cơn sùi bọt bất ngờ, nên không ai dám báo cho ông biết để đi tiễn. Ông chạy bộ, đi nhờ xe khách hay xe gắn máy ai đó nữa, vào đến sân ga Đông Hà để tiễn mẹ con cô Bân.

Đến gần ông giáo Hiền, thấy xác sư Tâm Tự, ông đau đớn ôm chầm, bắt giắc xoắn một tràng tiếng Tây, bật khóc nức nở.

Mọi người khóc trước cái chết vô lí của nhà sư. Riêng Hành, anh trào nước mắt, cảm thấy đặc quánh bóng đêm, và tiếng gió từ bờ sông Bến Hải thổi vào, hét từng hồi trong đầu mình tê điếng. Hành chột hiệu, nhà sư Tâm Tự mãi mãi không bao giờ chết, ý nguyện của sư về ngôi chùa sẽ thành hiện thực.

Trên tàu lửa, cô Bân rơi vào bàng hoàng đến ngất xỉu khi bỗng gặp một người đàn ông, chỉ kịp nghe ông ấy vui

về, thân mật nói, ông ra Vĩnh Linh và Cộn để tìm lại gia phả sau bảy đời lưu lạc - niềm vui vẻ, thân mật như muốn che lấp sự bối rối lẫn xấu hổ. Hiền Lương như kẻ mất hồn, xúc dầu và đánh gió cho mẹ. Cô không biết người đàn ông tên Đạc, vốn là người sinh viên tranh đấu thời chống Mỹ, nay đã trở thành Việt kiều ấy là ai.

Cuộc sống xảy ra những ngẫu nhiên ngỡ chỉ có trong tiểu thuyết.

TRẦN XUÂN AN

Viết xong lúc 16 giờ 24,
ngày mười hai tháng bảy, chín bảy
(mùng tám tháng sáu, năm Đinh
sửu),

tại thành phố Hồ Chí Minh.

Bổ sung, sửa chữa xong, lúc 15 giờ
40, ngày hai mươi hai tháng mười
một, chín bảy (hai mươi ba, tháng
mười,

năm Đinh sửu),

tại thành phố Hồ Chí Minh.

Tự biên tập lại, xong lúc 15 giờ 17,
ngày mười bảy tháng mười một,
hai ngàn không trăm lẻ một
(mùng ba tháng mười, năm Tân tị),
tại thành phố Hồ Chí Minh.

Lời kết

Cho đến bây giờ, sau sáu năm, một quãng thời gian không ngắn ngủi chút nào, kể từ ngày viết xong tiểu thuyết

này, tác giả vẫn chưa tìm ra được một kết truyện. Có nhiều người bạn văn bảo rằng, theo lô gích nội tại của câu chuyện và theo lô gích của hiện thực cuộc sống, Hiền Lương sẽ cùng một chàng trai trẻ tuổi nào đó thành vợ chồng. Hai vợ chồng này chắc hẳn sẽ cùng nhau dạy học ở một trung tâm ngoại ngữ hoặc một trường phổ thông trung học nào đó. Cũng có nhiều bạn văn bảo, Hiền Lương sẽ cùng nhà văn Quyền kết hôn, sau đó, cả hai sẽ kiếm sống bằng ngòi bút, cây cọ.

Thành thật thừa rằng, tác giả rất phân vân. Nhưng biết làm thế nào được! Bởi chưa hình dung ra thầy giáo trẻ nào cùng Hiền Lương nên vợ nên chồng, tác giả xin chúc nhân vật Hiền Lương hạnh phúc, luôn luôn sáng tạo, mãi mãi dễ thương và sâu sắc bên cạnh nhân vật nhà văn Quyền.

Thật là một lời chúc quá chừng lười biếng! Tại sao tác giả không vẽ vờ thêm vài trang về một thầy giáo trẻ? Không, không phải lười biếng.

Đúng ra, kết truyện không cần có làm gì, bởi tự thân câu chuyện đã ẩn chứa một cái kết về nhân vật Hiền Lương. Nếu có chặng cho rõ ràng, thì cũng như các bạn văn kia góp ý.

Còn nhân vật Hành thân mến của chúng ta và Quảng Trị? Tôi tin rằng mọi người đọc đều muốn hình dung ra một tương lai tươi sáng, tốt đẹp của Hành, ở một cương vị lãnh đạo nào đó. Và quê nhà Quảng Trị cũng tươi sáng, tốt đẹp như thế. Kết truyện về Hành, về Quảng Trị cũng được góp ý như vậy.

Các bạn văn của tác giả cũng chỉ góp ý về cái kết truyện mà thôi!

Do đó, lần sửa chữa, bổ sung này là lần thứ ba, cũng là lần cuối. Cuốn tiểu thuyết Mùa hè bên sông đã thật sự không thể thay đổi một tình tiết nào được nữa. Nếu cần thiết phải cắt bỏ một đoạn, theo tôi, đó là đoạn lời kết này. Hoặc tốt nhất là, nếu có thể, tôi sẽ nhờ một người rành về ngôn

ngữ tín hiệu điện báo, tốc kí hay một loại cổ ngữ nào đó ít người đọc được vui lòng dịch đoạn lời kết này và in vào sách. Nhưng thôi, cứ minh bạch, minh bạch còn tốt hơn cả tốt nhất.

Trân trọng, cảm ơn.

TRẦN XUÂN AN

Mười sáu giờ đúng, ngày mùng mười, tháng mười hai,
năm hai không không ba [năm thứ ba công nguyên Hoà Bình]
(mười bảy, tháng mười một, năm Quý mùi HB. 3),
tại thành phố Hồ Chí Minh.

15. CƯỚI CHÚ chương XV:

(37) Cụ Nguyễn Sinh Sắc (1862 - 1929) không tham gia phong trào yêu nước, chống Pháp nào (Cần vương, Đông Du, Duy Tân, Chống thuế ở Trung Kỳ, Đông Kinh nghĩa thực...). Sáu năm làm quan cũng như mười chín năm làm đông y, ngoài các mối giao tiếp bình thường, cụ có giao du với những người thao thức về vận nước trước cuộc xâm lược của giặc Pháp. Cuối đời, cụ chỉ góp phần chấn hưng Phật giáo và lòng vào đó tinh thần yêu nước (mặc dù phong trào chấn hưng Phật giáo này nằm trong quỹ đạo mị dân của thực dân Pháp).

Xem: Nguyễn Đắc Hiền (chủ biên), Nguyễn Hữu Hiếu, Ngô Bé (biên soạn), Cụ phó bảng Nguyễn Sinh Sắc, Khu Di tích Nguyễn Sinh Sắc và Sở Văn hoá - Thông tin Đồng Tháp xuất bản, 1990.

(38) Có chú thích chi tiết hơn ở bản sách khác: "Hồi ở Pác-bó, Hồ chủ tịch đã dịch cuốn lịch sử Đảng Cộng sản (b) Liên Xô ra tiếng Việt, làm tài liệu học tập cho cán bộ cách mạng" (Thơ Bác Hồ, Nxb. Văn học Giải phóng, 1975, tr. 59).

(39) Hai chữ "liên lập" theo nguyên nghĩa là: cùng đứng bên nhau, liên minh với nhau. Nhưng trong văn cảnh này, phải hiểu rằng có sự lệ thuộc về ý thức hệ, đường lối chính trị... Đó là một nỗi đau lịch sử! Xin xem bài bạt cuối tiểu thuyết: "Ý nghĩ khi đọc lại tiểu thuyết của mình, Mùa hè bên sông: Danh dự Tổ quốc và thói tệ sùng bái cá nhân người nước ngoài...". Nhân đây, xin nhấn mạnh

rằng: Bấy giờ, trong thế kỉ hai mươi (XX), không có liên minh các đảng cộng sản, đứng đầu là Liên Xô, thứ đến là Trung Quốc, chi viện vũ khí, thì nước ta không thể chiến đấu và chiến thắng nổi liên quân các nước thực dân, đế quốc chủ nghĩa Âu Mỹ và phát xít Nhật. Ở thế kỉ mười chín (XIX) trước đó, các triều Tự Đức - Hàm Nghi đã thất bại trong việc giữ nước, vì không thể liên minh được với các nước bị liên quân Âu Mỹ xâm lược, bởi các nước ấy đều ở trong điều kiện hạn chế về công nghệ vũ khí, giao thông của thuở bấy giờ. Nói cho đầy đủ và chính xác hơn, vào các năm 1881 - 1884, nước ta có liên minh với nhà Thanh. Tuy nhiên, trong khi liên quân Âu Mỹ phối hợp xâm lược với ý đồ cùng nhau chia chác thị trường, thuộc địa, thì liên minh Đại Nam - Thanh Quốc (Trung Hoa) lại tan vỡ vì sự li gián của Pháp và do chính tham vọng của nhà Thanh, mưu toan cùng với Pháp xâu xé Bắc Kỳ! Trước tình thế đó, Nguyễn Văn Tường và Tôn Thất Thuyết đành thực hiện kế sách "toạ sơn quan song hổ đấu", tác động vào cuộc chiến Pháp - Hoa.

Một khi trên thế giới xuất hiện liên minh, phải có "liên minh cái thiện" để đối phó với "liên minh cái ác"! Liên minh giữa các nước trong một khối, một hệ là một vấn đề cực kì hệ trọng, nhất là trong giai đoạn cận - hiện đại.

Vấn đề là tính chất liên minh như thế nào!

Phải dân chủ, bình đẳng về dân tộc; phải độc lập tuyệt đối về chủ quyền đất nước!

Nhưng lịch sử loài người mấy khi được hoà bình trong độc lập, tự do, bình đẳng như khát vọng tự nghìn xưa và mãi còn cho đến nghìn sau! Không phải là với cái nhìn bi quan, mà rất đằm tĩnh, khi thấy rõ ở đầu thế kỉ hai mươi mốt (XXI) này, hiện liên quân đế quốc Mỹ - Anh đã và đang trắng trợn xâm lược Á-p-ga-nít-tan (Afghanistan) và I-rắc (Iraq), nhưng liên minh Hồi giáo và cả thế giới cũng đều bó tay bất lực, chỉ biểu tình bày tỏ thái độ để trấn an lương tâm bị cắn rứt, và chỉ thế thôi! Thật cực kì vô lí! Nhìn ở phía này: chủ nghĩa đế quốc tham lam, đòi bại. Nhìn phía kia: không phải đã hoàn toàn tự do, dân chủ, bình đẳng trong nhân dân Trung Cận Đông. Tuy nhiên, loài người không còn giải pháp nào trước thực trạng chủ nghĩa đế quốc với tham vọng khổng lồ, xâm lược và trước sự trả thù chủ nghĩa đế quốc bằng chủ nghĩa

khủng bố sao? Phải chăng khủng bố (đánh bom cảm tử kiểu Phạm Hồng Thái) là một cách tự vệ bi tráng của các nước Hồi giáo yếu thế, so với liên quân đế quốc Anh - Mỹ? Tố Hữu từng viết về Phạm Hồng Thái:

Sống, làm quả bom nổ

Chết, như dòng nước xanh!

Dấu sao, cũng phải nêu ra:

Vấn đề là tính chất liên minh như thế nào!

Phải dân chủ, bình đẳng về dân tộc; phải độc lập tuyệt đối về chủ quyền đất nước!

CHÚ THÍCH I
(Tên riêng; từ ngữ tiếng nước ngoài)

1. A-đam (Kinh Thánh: KT.), thủy tổ loài người (văn bản cũ).
2. A-b-ra-ham: Abraham, thủy tổ dân tộc Hébreu = Israel = Juif (Do Thái).
3. An-nam-mít: Annamite, người (nước) An Nam.
4. Ap-ham (KT.): nhân vật trong Sáng thế kí, được Đức Chúa Trời đặt tên lại là A-b-ra-ham.
5. Ăm-pe: Ampère, nhà vật lí.
6. “Ăn-xin”: Yeltsin, tổng thống Nga đương nhiệm; nói trại từ chữ phiên âm: En-xin, nhằm châm chiếm sự lệ thuộc vào Mỹ.
7. Ăng-ghen: F. Engels, nhà triết và nhà cách mạng Đức. Trong tiểu thuyết này có đề cập đến tác phẩm: “Sự phát triển của chủ nghĩa xã hội từ không tưởng đến khoa học”, Nxb. Sự Thật, Hà Nội, 1977.
8. Bà Bô-va-ry: Mme Bovary (tác phẩm của Phơ-lô-be (Flaubert)).
9. Bá Đa Lộc : giám mục Pigneau de Béhaine.
10. Bẹc-giê: Berger, một loại chó Tây.
11. Bẹc-lanh (Bá Linh): Berlin, thành phố Đức.
12. Bôn-sê-vích: Bolsévik, phái đa số trong Đảng Cộng sản Nga (Liên Xô).
13. Bơ-rét (Béc-tôn): Bertolt Brecht, nhà viết kịch Đức, chủ trương kịch “phi A-rít-x-tốt” (Aristote). vở “Cuộc đời Ga-li-lê (Galiléo)” của ông phê phán Giáo hội La Mã và sự khuất phục của Ga-li-lê trước Giáo hội.
14. Bu-đa: Buddha (Phật, Bụt): người giác ngộ.
15. Bửu Ké, Chuyện triều Nguyễn, Nxb. Thuận Hóa, 1990.
16. Ca-in (Ca-anh): nhân vật Sáng thế kí (Kinh Thánh)
17. Ca-muy: Albert Camus, nhà văn, nhà triết Pháp.

18. Ca-na-da: Canada (nước Ca-na-da).
19. Cam-pa-nen-la: Campanella (Tomazo), nhà văn.
20. Cô-péc-ních: Copernic, nhà thiên văn học.
21. Du: giám mục Marchand.
22. Đa-vít: David, vua thông tuệ, vua lập quốc của Ít-x-ra-en.
23. Đác-uyn: Darwin, nhà sinh vật học. Công trình của Đác-uyn công bố sau Tuyên ngôn đảng cộng sản của Mác - Ăng-ghe-n khoảng sáu năm.
24. Đen-vô (A. Delvaux), bài “Phái bộ Pháp ở Huế và những phái viên đầu tiên”, BAVH., tập 3 (1916), (xem mục 50), tr. 29 - 89.
25. Đét-x-đê-mô-na: Desdémona, nhân vật kịch của Sếch-x-pia (Shakespeare).
26. Đề-cạc (Descartes), triết gia, nhà vật lí Pháp.
27. Đi-ô-gen Xi-ních: Diogène “Cynique” (Diogène le Cynique), nhà triết.
28. Đờ Cuốc-xi : De Courcy, tướng Pháp.
29. Đờ Sam-pô (De Champeaux), khâm sứ Pháp tại Huế.
30. Ê-va (KT.), thủy tổ loài người theo thần thoại cổ (STK. bản cũ) của dân tộc Do Thái, bị đuổi cùng chồng ra khỏi vườn Ê-đen (Địa đàng)
31. Ê-li (KT.): Đấng Cứu-chuộc-sẽ-đến (Cựu ước).
32. Ê-sai (KT.): tác giả một phần trong Cựu ước.
33. Ga-li-lê: Galiléo, nhà thiên văn học.
34. Giăng (KT.), nhân vật bị tội chết vì can vua lấy em dâu (Mác:12 :14 - 29).
35. Gi-b-răng (Ka-lin): Kahlil Gibran, nhà văn, nhà thơ, tác giả cuốn “Uyên ương gãy cánh”.
36. Giê-hô-va (KT.): Jahvé, Đức Chúa Trời.
37. Giê-su Cờ-rít (KT.): Jésus Christ, Chúa Giê-su, Đấng Chịu-xức-dầu.
38. Giu-se (KT.): Joseph, cha của Giê-su; theo Thiên Chúa giáo, chỉ là bạn thanh sạch của Đức Mẹ Ma-ri-a trọn

- đời đồng trinh, là biểu tượng của sự thanh khiết chí thánh (khác với sự nhìn nhận của Đạo Tin Lành).
39. Giu-đa (KT.): Juif, Judée: Do Thái.
 40. Giung: Karl Gustave Jung, môn đệ của Phơ-rớt, li khai và phát triển học thuyết Phơ-rớt, phát hiện ra “vô thức cộng đồng” với các huyền tượng... trong cõi sâu kín của tâm thức con người.
 41. Gơ-ben: Goe bel, bộ trưởng phát-xít Đức thời Hít-le (Hitler), phụ trách tuyên truyền.
Gơ-ben: G oe bel, tên một loại xe gắn máy (mô-tô).
 42. Hàn Nguyệt (người Quảng Trị), tác giả truyện ngắn Sông Chiên vẫn chảy và những tập truyện, tập thơ khác.
 43. Hàn Tín, nhân vật trong tiểu thuyết Hán - Sở tranh hùng của Trung Hoa, có chí lớn, chịu khổ nhục để mưu đại sự (lòn trốn giữa chợ...).
 44. Hăm-lét: Hamlet, nhân vật vở kịch cùng tên, của Sếch-xpia.
 45. Hê-ghen: Hégel, nhà triết, Đức.
 46. Hê-rô-đê (KT.) : Hérode, nhân vật Tân ước.
 47. Hít-le: Hitler, quốc trưởng Đức, phát-xít, thời Thế chiến II.
 48. Hoàng Trọng Miên, “Đệ nhất phu nhân” (tiểu thuyết viết về gia đình họ Ngô Đình [Diệm]), Nxb. Cửu Long tái bản, 1988. Cuốn tiểu thuyết này đã được đăng báo nhật kì sau năm 1963 tại Sài Gòn.
 49. Hoàng Tuệ, bài “Những vấn đề về phát âm tiếng Việt”, báo Văn nghệ, Hội Nhà văn VN., số 22, ngày 31.5.1997.
 50. Tập san Những người bạn cố đô Huế (Bulletin des Amis du Vieux Hué : BAVH.), in thành sách: 7 cuốn (1914 - 1919), nhiều người dịch, Nxb. Thuận Hóa, 1997 - 1998...
 51. Huy-gô (Vic-to): Victor Hugo, nhà văn Pháp.

52. I-a-go: Iago, nhân vật vở kịch Ô-ten-lô (Othello) của Sếch-x-pia.
53. I-ran: nước Iran.
54. I-rắc: nước Irak (Iraq).
55. It-x-ra-en: nước Israel (Do Thái).
56. Ka-rê-ni-na (An-na): Anna Karénina, nhân vật tiểu thuyết cùng tên của Lép Tôn-x-tôi (Liev Tolstoi).
57. Khơ-me: Kh' mer, dân tộc Khơ-me (Căm-pu-chia).
58. Ki-tô-giáo: đạo Khristo (đạo Christ, TCG.).
59. Lê-nin: Lénine, nhà triết, nhà cách mạng Nga.
60. Li-bi-đô: Libido: ẩn ức tình dục; theo Phơ-rớt là cái chi phối mọi hoạt động của con người. Đó là một quan niệm cực đoan, phiến diện, cường điệu hóa, có thể sai lầm, chủ quan.
61. Lí Ba Lợi : Henry Rivière, đại tá thực dân Pháp.
62. Lơ Mác-săng đờ Tri-gông (H. Le Marchant de Trigon), thanh tra hành chính tại An Nam (thực dân Pháp), BAVH., (xem mục 50), tập IV, tr. 268 - 273.
63. Lô-gích (logic, logique): tính luận lí, tính hợp luận lí.
64. Ma-hô-mét (Mahomet): giáo chủ đạo Hồi.
65. Ma-phi-a: Mafia: bọn cướp, khủng bố, buôn lậu... lũng đoạn cả chính trị, có khi là một công cụ chính trị ngoài luật pháp ở các nước tư sản.
66. Ma-ki-a-ven-lít: chủ nghĩa Machiaveli (- isme).
Machiaveli, tác giả cuốn Quân vương (Le Prince), Phan Huy Chiêm dịch, Nxb. Quảng Hoá, 1968, tr. 51 - 52 (và lời giới thiệu, tr. 6): Theo ông, ĩésar Borgia (con rể của giáo hoàng Alexandre VI), khi mới xâm chiếm được một vùng lãnh thổ, y liền sai một tên thuộc hạ (Messire Ramy D'Orque) thi hành sự trấn áp cực kì tàn ác. Xong việc, Borgia không khen thưởng, trái lại, y liền đem kẻ thuộc hạ tàn ác kia ra xét xử giữa pháp đình và kết án tử hình, để nhân dân xứ bị chiếm đóng trút hết căm thù vào kẻ thuộc

hạ kia. Như thế, trước mắt mọi người, ĩésar Borgia lại trở thành hiện thân của công lí! Đại đế cũng như việc Tào Tháo (nhân vật hư cấu trong Tam quốc chí): Tào Tháo ra lệnh cho một viên thuộc hạ giảm bớt khẩu phần lương thực của quân lính (bởi gặp lúc thiếu lương thực). Cuối cùng, Tào Tháo xử chém kẻ thuộc hạ vâng lệnh kia, để quân lính hả lòng, trong khi đó Tào Tháo lại được tôn vinh! Hai kẻ thuộc hạ của ĩésar Borgia và Tào Tháo đích thực là hai cái bung xung. Machiaveli, qua Quân vương, một cuốn sách nghiên cứu về chính trị học nổi tiếng, xem Borgia là kẻ đã chủ trương lấy cứu cánh (mục đích cuối cùng) để biện minh cho phương tiện cho dù phương tiện độc ác đến đâu. Tác giả Tam quốc chí, La Quán Trung, viết tiểu thuyết lịch sử theo quan điểm phủ Hán bài Ngụy, đã xây dựng hình tượng Tào Tháo là một kẻ chủ trương "thà phụ người còn hơn để người phụ mình", rất nham hiểm khi biến thuộc hạ thành bung xung.

67. Ma-ri-a: Maria, mẹ của Giê-su.
68. Ma-ri-a Ma-đã-len-na (KT.): Maria Madalena, Marie Madelène, nhân vật Tân ước.
69. Ma-thi-ơ (KT.): tác giả tiểu truyện về Giê-su.
70. Mác (Các): Karl Marx, nhà triết, nhà cách mạng Đức.
71. Mác-bét: Macbeth, vở kịch cùng tên với nhân vật chính, của Sếch-x-pia.
72. Mác Na-ma-ra: Mc Namara, bộ trưởng quốc phòng Mỹ, người chỉ đạo lập hàng rào điện tử ở bờ nam sông Bến Hải; tác giả cuốn sách viết về chiến tranh Việt - Mỹ mới xuất bản năm 1995: "Nhìn lại quá khứ: tấn thảm kịch và những bài học Việt Nam", đã được dịch và đăng từng kì trên nhiều báo, sau đó, in thành sách, tại Việt Nam.

73. Mác-két (Ga-b-ri-en): Gabriel Marquez, nhà văn, tác giả Trăm năm cô đơn. Chủ đề qua hình tượng “cái đuôi lợn” khá phổ biến trong văn học thế giới (Kinh Thánh, Hăm-lét..., Trầu cau, Tô Thị...) và trong lịch sử (các vua chúa...). Có phải Mác-két muốn kêu gọi sự đoàn kết và rộng mở? Có phải xuất phát từ mặc cảm riêng (li-bi-đô: Ô-đíp...), Phơ-rớt khái quát ra cả nhân loại?
74. Men-đen: Mendel, linh mục, nhà di truyền học.
75. Mo-ơ: Moore (Thomas): nhà xã hội chủ nghĩa không tưởng, tác giả cuốn sách được gọi tắt là “U-tô-pi-a (Utopia)”; xem thêm ở chú thích III.IV.7.
76. Mô-típ: motif: họa tiết, chi tiết mẫu, mẫu đề.
77. Mô-i-se (KT.): nhân vật Cựu ước, tác giả STK.
78. Mông-tét-x-ki-ơ (Charles Louis Montesquieu), nhà dân chủ tư sản.
79. Nác-xi-xít: Narcissisme. Narciss, nhân vật thần thoại Hy Lạp, biểu tượng cho sự tự say mê mình.
80. Ngạc Nhi: Franéis Garnier, đại úy thực dân Pháp.
81. Nguyễn Đắc Xuân, Hương Giang cổ sự, Sông Hương xb., 1986.
82. Nguyễn Hiến Lê, Bài học Israel, Nxb. Văn Hóa, tái bản, Hà Nội - 1994 (xuất bản lần đầu tại Sài Gòn trước 1975).
83. Nít-sơ: Nietzsche, nhà triết, nhà văn Đức.
84. Nô-en: Noel, lễ Giáng Sinh (Thiên Chúa Giê-su).
85. Nô-ê (KT.): nhân vật Cựu ước (STK.), thủy tổ II, sau khi loài người bị tàn sát hết bởi hồng thủy.
86. Ô-ten-lô: Othello, vở kịch của Sếch-x-pia.
87. Oọc-găng: organ (đàn oọc).
88. Ô-rê-ka: eureka! (tìm thấy rồi!), tiếng reo của Ác-si-mét (Archimède).
89. Ô-dôn: ozone, khí ô-dôn, tầng ô-dôn thuộc khí quyển.

90. Ở-đi-pốt com-p-lét-x: OE dipus complex, mặc cảm hay phức hợp tâm lí Ở-đíp (OE diphe). Ở-đíp, một nhân vật truyền thuyết Phương Tây, giết cha, lấy mẹ như một định mệnh, và tự trừng phạt bằng cách tự chọc mù mắt. Phơ-rớt vận dụng vào phân tâm học của mình, về bản năng sinh vật, thú tính bầy đàn. Thoát li gia đình là ước vọng thầm kín của con người, dù ý thức hay không ý thức.

OE dipus complex, một truyện ngắn trong English for today, book VI, sách giáo khoa ban C văn chương - sinh ngữ, trước bảy năm ở Miền Nam.

91. Pi-rê-nê: Pyrénées, địa danh một dãy núi ở Tây Ban Nha.
92. Pờ-lây-boi: Playboy, tên một tạp chí chuyên đăng ảnh khỏa thân và tình dục thác loạn ở Mỹ.
93. Phan Bội Châu, Những tác phẩm của Phan Bội Châu, tập I, gồm Việt Nam vong quốc sử, Việt Nam quốc sử khảo, Chu Thiên, Chương Thâu dịch và chú thích, Văn Tào chủ biên, Hồ Song giới thiệu,..., Nxb. KHXH., 1982.

Xin lưu ý: Bác Hồ đã từng phê phán Phan Bội Châu: "Đuổi cọp (Pháp) cửa trước, rước hổ (Nhật) cửa sau". (1875: Nhật xâm lược Triều Tiên).

Phan Bội Châu cũng đã phê phán Liên Xô vào năm 1920: "Giao thiệp với người Nga và thấy sự xảo quyệt của họ" (Phan Bội Châu, Tự Phán, bản tiếng Việt, Nxb. Văn hoá - Thông tin tái bản, 2000, tr. 232 - 234). Nhưng về cuối đời, theo nhiều nhà nghiên cứu, Phan Bội Châu đã tán thành chủ nghĩa xã hội.

Xem thêm chú thích II.19.

94. Pha-ra-đây: Faraday, nhà vật lí.
95. Phát-xít: fascisme, chủ nghĩa quốc xã.
96. Phắc du: Fuck you (đéo mày), tiếng chửi thề, chửi tục Mỹ.

97. Phi-la-tô (KT.): quan La Mã xét xử Chúa Giê-su.
98. Phơ-rớt (Sích-mun): Freud (Sigmund), nhà phân tâm học. Quan niệm về li-bi-đô cực đoan, phiến diện và do đó sai lầm của ông đã được Jung (Karl Gustave Jung) phê phán, sửa đổi...
99. Phu Nhi Chi (Puy-gi-ni-ê) : giám mục Puginier. Xem: bài viết của GS. Nguyễn Văn Kiệm, Kỷ yếu Hội nghị Khoa Học Lịch sử, Đại học Sư phạm TP. HCM., 20.6.1996: “Nhóm chủ chiến Triều đình Huế và Nguyễn Văn Tường”, tr. 7 - 17.
100. Phú-lăng-sa: France (nước Pháp), theo cách đọc cũ.
101. Pi-ta-go: Pythagore, Pitagore, nhà toán học.
102. Pút-x-kin: Puskin, nhà thơ Nga.
103. Quốc sử quán triều Nguyễn, Đại Nam thực lục, các kỉ IV, V, VI, bản dịch Viện Sử học, Nxb. KHXH., 1973 - 1978. Xem chú thích II.19.
104. Rây-na (Rheinart), khâm sứ thực dân Pháp.
105. Sa-bát (KT.): Ngày thứ bảy trong Sáng thế kí.
106. Sa-đích: Sadisme, chủ nghĩa (chủ nghĩa hay khuynh hướng) Sa-đơ (Sade), bạo dâm. De Sade là bút danh của Donacien Anfonse François (hầu tước, nhà văn Pháp, 1740 - 1814).
107. Sa-tăng (KT.): (hay thường dùng: quỷ Sa-tan), là một thiên thần phản Chúa Trời.
108. Sác-tơ-rơ: Jean Paul Sartre, nhà văn, nhà triết Pháp.
109. Sách (còn đọc: Ét-xi-a-ch): Sach, tên một loại xe gắn máy.
110. Sen-đam: Gendarme, cảnh sát đế quốc và thuộc địa.
111. Sếch-x-pia: Shakespeare, nhà thơ, nhà viết kịch Anh.
112. Sô-vanh: Chauvin; Chauvinisme: chủ nghĩa sô-vanh, “chủ nghĩa nước lớn”, miệt thị nước nhỏ.
113. Ta-lét: Thalès, nhà toán học.
114. Tào Tháo: nhân vật lịch sử Tàu thời Tam quốc; trong sự thật lịch sử, không phải tệ hại như trong Tam

quốc chí. Ở đây, vẫn tạm theo Tam quốc chí của La Quán Trung.

115. Tôn Văn (Dật Tiên): người sáng lập Đảng Quốc dân Trung Hoa. Việt Nam Quốc dân đảng tổ chức và chủ trương theo mô hình và tôn chỉ của đảng này: chủ nghĩa tam dân. Xin nhấn mạnh ở chú thích này: Lư Hán là tướng của Trung Hoa Quốc dân đảng (Tàu Ô!), qua Việt Nam giải giáp phát xít Nhật sau khi quân Đồng minh chiến thắng. Các đảng viên Việt Nam Quốc dân đảng theo chân Lư Hán về nước, cùng Đảng Cộng sản Việt Nam lập chính phủ liên hiệp. Xem thêm chú thích bổ sung II.24.
116. Trần Nguyễn Phan (Trần Xuân An): tác giả thơ, tiểu thuyết, biên khảo, cha họ Trần (Trúc Lâm) gốc Nguyễn (An Cư), mẹ họ Phan (Thượng Xá), người Quảng Trị.
117. Trần Tam Tĩnh, Thập giá và lưới gươm, nguyên tác tiếng Pháp, bản dịch Vương Đình Bích, Nxb. Trẻ, 1988.
118. Trần Trọng Kim, Việt Nam sử lược, bản in lần thứ 7, Nxb. Tân Việt, 1964.
119. Trần Văn Giàu, Hệ ý thức tư sản và sự thất bại của nó trước nhiệm vụ lịch sử, Nxb. KHXH., 1975; Hệ ý thức phong kiến và sự thất bại của nó trước nhiệm vụ lịch sử, Nxb. TP.HCM., 1993; Chống xâm lăng (1858 - 1898), 3 tập, Nxb. Xây Dựng, Hà Nội, 1956 - 1957; Nxb. TP. HCM. tái bản, trọn bộ, 2001.
120. Trần Viết Ngạc, bài "Nguyễn Văn Tường qua châu bản triều Nguyễn", KYHNKHL.S., ĐHSP. TP. HCM. (xem mục I.99), tr. 209 - 216; Bns. Xưa & Nay, số 100, 9. 2001, tr. 14 - 16 xem tiếp tr. 32.
121. Trường : giám mục Legrand de la Liraye.

122. Tsuboi (Yoshiharu), Nước Đại Nam đối diện với Pháp và Trung Hoa, bản dịch Nguyễn Đình Đầu và nhóm cộng tác viên, UBKHXH.TU. TP. HCM. xb., 1990.
123. Tự Đức, Ngự chế văn tam tập, (trong bộ Thơ văn Tự Đức, cuốn 2), Nxb. Thuận Hóa tái bản, 1996, tr. 108, 176 - 177 (trọn bài dụ “Đuổi viên hành nhân Nguyễn Hoàng” [“linh mục”], tr. 174 - 178).
124. U-na-mu-nô: Unamuno, tác giả cuốn Kẻ tuần đạo, Trần Xuân Kiêm dịch, Quế Sơn - Võ Tánh xb., Sài Gòn, 1971.
125. U-nét-cô: UNESCO., đọc theo âm tiếng Việt (như U-na-mu-nô, trên): UB. Văn hóa - Giáo dục - Khoa học Liên hiệp quốc.
126. Rô-mê-ô - Giyu-li-ét: Roméo - Juliette, một vở kịch của Sếch-x-pia, viết về hai nhân vật yêu nhau bất chấp mối thù truyền kiếp của hai dòng họ (Mông-ta-guy và Ca-puy-lê: Montagu - Capulet).
127. Rút-s-đi (Salman Rusdie), nhà văn.
128. Rút-sô (Jean-Jacques Rousseau), nhà dân chủ tư sản; chủ trương nhị nguyên luận, bình đẳng, không phân biệt gốc gác.
129. Va-ti-căng: Vatican, toà thánh Giáo hội Thiên Chúa giáo Rô-ma (Rôme), tại nước Ý. Nghị quyết Công đồng Va-ti-căng II chấp nhận điều hòa tín điều, nghi lễ TCG. phù hợp với các nước, tùy phong tục, tập quán từng nơi (thập niên sáu mươi, thế kỉ XX).
130. VEM: Việt Minh, đọc hai chữ cái viết tắt theo cách đánh vần và cố ý phát âm trại đi (VM.: vê-em); VI-XI: Việt cộng; VC., đọc theo âm chữ cái Mỹ.
131. Vôn-te (François Marie Arouet / Voltaire), nhà văn, quân chủ - dân chủ tư sản, gần gũi vô thần luận, phê phán và châm biếm Kinh Thánh TCG. lẫn các tôn giáo khác (thờ hình tượng). Thượng Đế là Tự nhiên (!).

132. Xanh - Xi-mông: Saint - Simon, nhà triết, xã hội chủ nghĩa. Saint - Simon là tên kép (như tên Saint - Exupéry, một nhà văn Pháp), nhân vật Hành trong tiểu thuyết này nhằm là Thánh (sắc phong của giáo hội TCG.).
133. X-nách-ba: Snack - bar: quán, quầy rượu, hộp đêm kiểu Mỹ.
134. Xê-da (có sách phiên âm là sê-da): ẹ́sar, danh từ gọi chung các hoàng đế đế quốc La Mã cổ.
135. Xin-ga-po: Singapore (nước Xin-ga-po).
136. Xon-gien-nít-xun (có chỗ phiên âm là Xon-gien-nít-xin): Solzenitsyl, nhà văn Liên Xô, giải Nô-ben (Nobel).

TRẦN XUÂN AN

- 1. CƯỚC CHÚ của phần CHÚ THÍCH I: Không có cước chú.

CHÚ THÍCH II

1. Phần lớn cư dân ở Quảng Trị vốn gốc châu Hoan (Nghệ - Tĩnh). Riêng họ Hoàng ở làng này và một số họ khác ở làng khác lại có gốc ở Bắc bộ.

Huyện Địa Linh (Do Linh) vốn là đất của hai huyện: Đăng Xương (Triệu Phong), Minh linh (Vĩnh Linh). Đăng Xương nguyên là đất châu Ô; Minh Linh ngày xưa thuộc châu Ma Linh. Do đó, Do Linh ngày nay là vùng giao thoa của Ô và Ma Linh thời cổ. Vì địa giới thay đổi, nên khó xác định ranh giới 232 năm (1075-1307): Sông Thạch Hãn? Sông Hiếu (Điếu Ngao, Cửa Việt)? Cầu Trúc Lâm (ranh giới Đăng Xương và Địa Linh, xem mục “Cầu Hà Thượng”, ĐNNTC., sđd., “cuối chú thích II.1 này”, tr. 189)? Sông Ô Giang (xem mục “Sông Minh Lương”, ĐNNTC., sđd., tr.150 - 151)? Ở đây, cũng nêu thêm vấn đề: Liệu vùng đất châu Ô xưa có ranh giới phía nam là sông Ô Lâu (thuộc Hải Lăng) và ranh giới phía bắc và sông Ô Giang (thuộc Do Linh) chăng? Hay địa phận châu Ô rộng đến huyện Hương Trà...?

Dẫu sao, vẫn có thể xác định rõ 2 điều :

a. Do Linh (hoặc Gio Linh) chắc chắn phải là vùng đất giao thoa giữa châu Ô và châu Ma Linh.

b. Chưa rõ ranh giới 232 năm (1075 - 1307) là con sông nào trong 4 con sông kể trên. Tuy nhiên, phỏng định chung vẫn nghiêng về con sông lớn ở giữa - sông Hiếu (nếu hiện tượng đoạt dòng chảy, đổi dòng chảy theo quy luật địa lí tự nhiên trong khoảng 7 đến 9 thế kỉ qua không đáng kể) : Chính sông Hiếu là ranh giới lịch sử 232 năm (1069 - 1307), trên vùng đất Việt Thường thị (thuộc nước Văn Lang của vua Hùng, trước công nguyên Tây lịch; về sau, thuộc địa phận mà người Tàu gọi là

Tượng Lâm, Nhật Nam, đồng bào Chăm gộp vào nước Lâm Ấp (“Champa”).

Đây là vấn đề riêng, không thuộc đề tài của cuốn tiểu thuyết Mùa Hè Bên Sông này. Tác giả đã hoàn tất một cuốn khác về vấn đề lịch sử xa xưa ấy (Kinh - Mường, Môn - Khmer, Kiratas “Cà Lơ”, Chăm, Hoa, các sắc dân Thủy - Lục Chân Lạp): Nước Mắt Có Vị Ngọt.

Tham khảo và xem thêm :

- * Lê Quý Đôn, Phủ biên tạp lục, hai tập (sáu quyển), bản dịch của Lê Xuân Giáo, Tủ sách Cổ văn, Ủy ban dịch thuật Phủ QVK. đặc trách văn hoá xb., 1972 - 1973.
- * Quốc sử quán triều Nguyễn, Đại Nam nhất thống chí, tập I (kinh sư, phủ Thừa Thiên và đạo Quảng Trị), tập II (tỉnh Quảng Bình, tỉnh Quảng Nam...), Phạm Trọng Điềm dịch, Đào Duy Anh hiệu đính, Viện Sử học và Nxb. Thuận Hóa, 1992, và các thư tịch cổ khác.
- * Lm. Nguyễn Văn Ngọc, bài “Xứ Cửa Tùng” (gồm Vĩnh Linh, Gio Linh ngày nay, trong đó có tổng Bái Trờì), Tạp chí Cửa Việt, số 9, 1991, tr.72 - 77.
- * Nguyễn Cửu Sà, bài “Về nguồn gốc các giếng cổ ở Gio Linh”, Tạp chí Cửa Việt, số 9, 1991, tr. 78 - 80.
- * Đen-vô (Aldophe Delvaux) (xem chú thích I.24, 50) có đề cập đến vụ “sát tử” 09.1885, tại tổng Bái Trờì, sđd. (BAVH.), tr. 81 - 82.
- * Gia-bu-i-dơ (Jabouille), bài "Một trang viết về lịch sử tỉnh Quảng Trị", Những người bạn cố đô Huế [BAVH., 1923], tập X, Phan Xương dịch, Nguyễn Vy hiệu đính, Nxb. TH., 2002, tr. 439...
- * Lm. Nguyễn Văn Ngọc, bài Sự thành lập các làng cổ ở Quảng Trị”, Tạp chí Cửa Việt, số 10, 1991, tr.70 - 76.

- * Nguyễn Lương, bài “Mấy ý kiến về bài: Sự thành lập các làng cổ ở Quảng Trị”, Tạp chí Cửa Việt, số 15, 1992, tr. 88 - 89.
2. Siêu ngã: cơ chế tâm lí theo Phơ-rớt gồm có ba phần: siêu ngã (le sur-moi), bản ngã (le moi) và hạ ngã (le ẹa). Siêu ngã là phần văn hóa, đạo đức đã được giáo hóa mà thành. Hạ ngã là phần bản năng, dục vọng thấp hèn mà li-bi-đô (ấn ức tình dục) là chính (!).
Siêu ngã và hạ ngã luôn xung đột nhau, tạo nên bản ngã... Văn hóa nói chung bao gồm hệ thống luân lí, đạo đức, phong tục, tập quán, tôn giáo, văn học nghệ thuật dân gian và bác học, học vấn... Mọi người, mọi xã hội phải cùng nhau tạo ra sức ép văn hoá cần thiết để ngăn chặn hạ ngã (le ẹa) đồng thời giải toả hạ ngã (le ẹa) bằng học tập, lao động và những hoạt động lành mạnh, có ích.
 3. Tận tín thư bất như vô thư: Quá tin vào sách, chẳng bằng không có sách (Mạnh Tử, thiên Tận tâm, hạ).
 4. Một số trào lưu tư tưởng, triết học, tôn giáo, một số khái niệm, thuật ngữ khoa học được suy nghĩ, nghiên ngẫm và quan niệm theo cách riêng của tác giả, không hoàn toàn đúng như vốn có. Có thể đối chiếu để thấy sự khác biệt. Đây không phải là sự sa-đích mà chỉ là ý kiến riêng của tác giả về những vấn đề có đề cập đến các tư tưởng, triết học, tôn giáo, các khái niệm, thuật ngữ khoa học nói trên. Các vấn đề, các trường phái ấy đã có văn bản của chúng (đã được in thành sách báo).
 5. Bất bạo động, bạo động dã tất tử; bất vọng ngoại, vọng ngoại dã tất ngu. Ngã hữu nhất kế kính hiến chư đồng bào, đồng nhân, tự do chí chí [?], thị chi học: Đừng bạo động, bạo động (khởi nghĩa với vũ khí) là chết; đừng vọng ngoại, vọng ngoại (trông chờ, ỷ vào người nước ngoài) là ngu dốt, dại dột. Ai là người đồng nhân, đồng bào, ai là kẻ thật yêu tự do, tôi có một kế sách kính tặng,

ấy là học (nâng cao kiến thức mọi mặt, tiếp thu các thành tựu khoa học - kĩ thuật hiện đại). “Đồng nhân”: cùng một đức nhân, thương người, nhân đạo với tất cả; cùng một dân tộc (Phan Chu Trinh).

6. Tiên trách kỉ, hậu trách bỉ: trách mình trước, trách người (và hoàn cảnh) sau.
7. Luật pháp (quân pháp) bắt vị thân: luật pháp (hay quân pháp, pháp chế quân đội) không thiên vị “ngay cả” đối với người thân thích.
8. Xem thêm: Kinh Thánh:
 - Tiểu mục “Người trai trẻ giàu có” (Lu-ca: 18: 18-30);
 - Tiểu mục “Ví dụ về các ta-lâng” (Ma-thi-ơ: 25:14-30);
 - Tiểu mục: “Lời ví dụ về các nén bạc” (Lu-ca: 19: 11-28).

Xin lưu ý cái-biểu-hiện và cái-được-biểu-hiện trong các ẩn dụ: ít nhiều thể hiện tư tưởng bóc lột, quan hệ chủ - tớ rất phong kiến, tư sản, khá tàn nhẫn.

Chủ nghĩa xã hội, theo quan điểm mới, là chủ nghĩa tư bản nhà nước, là chủ nghĩa tư bản nhưng giám đốc, tổng giám đốc là người cộng sản, cũng rất năng động, cùng tập thể lãnh đạo, tự hạch toán kinh doanh theo quy luật thị trường, nhưng chỉ ăn lương của nhà nước, vì hạnh phúc của nhân dân và nhân loại. Chủ nghĩa xã hội không thể không bóc lột “giá trị thặng dư” để tái sản xuất mở rộng. Chỉ có một điều khác nhau: nhà tư sản làm giàu cho cá nhân nhà tư sản; nhà cộng sản làm giàu cho đất nước và nhân loại, quan hệ chủ - thợ là quan hệ đồng chí.

9. Các câu chuyện Thiền học được rất nhiều người biết đến:
 - Chẻ tượng Phật;
 - Qua sông vớt bè (bè là Phật pháp);
 - cùng với phương châm tu thiền: “Phùng Phật sát Phật”; ý niệm dục và thiện căn...

Kinh sách, tượng thờ, chùa chiền, nghi thức tụng niệm, kể cả chân sư đắc đạo, đều là “phương tiện” của

người tu học; cứu cánh chính là sự kiến tánh, “kiến tánh thành Phật”. Không ai tu thay ai được. Phật tại tâm. “Mỗi người tự thấp đuốc mà đi”.

10. Nữ tu: lẽ ra phải viết đúng và đủ là “nữ tu sĩ” hoặc “tu nữ”. Trừ những từ ngữ cố định, nay có thể chẳng mượn một số từ tổ Hán - Việt, cấu tạo theo ngữ pháp thuần Việt, như “nữ tu”?
11. Kinh Thánh của Đạo Tin lành. Thầy Tiếng, nhân vật trong tiểu thuyết này, sử dụng Kinh Thánh Tin lành giáo nên khác cách phiên âm (với KT. TCG.). Kinh Thánh còn là một trong vài ngọn nguồn chính của Kinh Co-ran Đạo Hồi (Is-x-lam: Isxlam) mặc dù Đạo Hồi xem Do Thái giáo, Thiên Chúa giáo là dị giáo.
 Xem thêm: Lm. Nguyễn Tự Do, Ngài Cứu thế, Tủ sách Lời Chúa xuất bản, Sài Gòn, 1970.
 Câu nói cuối cùng của Đức Phật: “Bốn mươi chín năm thuyết pháp, ta không nói một lời nào” hiểu như ý niệm “vô ngôn”, “vô tự chân kinh”.
12. Bình Tây sát tả: đánh đuổi thực dân Pháp và Thiên Chúa giáo (tả đạo: tôn giáo không chân chính). Đó là tên gọi một phong trào yêu nước chống ngoại xâm, thế kỷ XIX. Có trường hợp, tên gọi ấy gắn liền với chức danh, chẳng hạn: danh hiệu của vị tướng quân anh hùng Nguyễn Duy Hiệu (Nguyễn Hiệu): “Bình Tây sát tả đại tướng quân”. (Nhưng dấu sao, Nguyễn Duy Hiệu cũng chỉ thuộc hàng ngũ quan cấp tỉnh, không bị thực dân, tả đạo căm ghét như chúng đã căm ghét Nguyễn Văn Trường, Tôn Thất Thuyết).
13. Một số hồi kí của ngụy quân ngụy quyền, như hồi kí của tướng ngụy Hoàn Linh Đỗ Mậu, đã được trích đăng trên báo Tuổi Trẻ (Tp. HCM.), và của một cựu phóng viên UPI., trên tạp chí Cửa Việt...
14. Thơ Lý Bạch (bài Giang Thượng Ngâm):
 Tạm dịch:

... Từ, phú của Khuất Bình (Khuất Nguyên)
 làm mờ cả mặt trời, mặt trăng
 Lầu, đền của Sở vương (vua nước Sở)
 thành gò, núi hoang vu...

15. Những tư liệu báo chí và sách đã xuất bản được ghi xuất xứ kèm theo cuốn tiểu thuyết này chỉ có mục đích tránh những nhát búa rìu vô lối của dư luận đồng đảo. Xin lưu ý: tất cả đều là đối tượng của khoa học, do đó không phải là phạm thượng khi dám đặt vấn đề trước các bậc đại nhân (được nhìn nhận như những nhân vật lịch sử), các tôn giáo, các hệ tư tưởng... Đồng thời, cũng nhằm chứng minh: cốt tủy của Phật giáo, Thiên Chúa giáo (tương tự như TLG.) có thể khế hợp với nguyên lí xã hội chủ nghĩa, thậm chí là tiền đề của nguyên lí ấy (xem trang ở giữa tiết 4, chương VIII của tiểu thuyết này), theo quy luật kế thừa và phát triển trong lịch sử tư tưởng: "Phủ định của phủ định".

Và cũng xin lưu ý thêm: Trên tinh thần khoa học, chúng tôi không dám khẳng định các chi tiết cụ thể, sinh động về hành trạng chính trị, nhất là về đời tư của các nhân vật lịch sử hiện đại (giữ vai trò chủ yếu nửa sau thế kỉ XX) có đề cập trong tiểu thuyết này là đúng với sự thật lịch sử. Đó chỉ là những "thông tin chưa kiểm chứng" trên các đài phát thanh nước ngoài, những dư luận trong đời sống, trên sách báo... Chúng tôi chỉ làm công việc phản ánh dư luận xã hội đồng thời minh định các "thông tin", dư luận ấy, với điều kiện hạn chế của người viết tiểu thuyết, trong khi chờ chính sử hiện đại được công bố. Tuy nhiên, tôi vẫn băn khoăn, liệu bộ chính sử hiện đại có được trung thực, hay các nhà sử học hiện nay chỉ biên soạn sử để tuyên truyền, và đành chấp nhận thua kém cả những bộ sử thời phong kiến về tính trung thực? Phương châm đồng thời cũng là nguyên tắc ngày xưa khẳng định quyền hạn và tính độc lập của các nhà chép

sử, đại ý: Trong nước có ba đại quyền tối thượng: quyền sử gia, quyền Trời, quyền vua. Trong ba loại quyền to lớn ấy, quyền sử gia còn được đặt trước cả quyền Trời, quyền vua. Sử gia phải có quyền bất khả xâm phạm (không một ai, một thế lực nào có thể làm sức ép, chi phối, cưỡng bức, giam tù, giết hại, kể cả quyền lực đế vương). Phương châm - nguyên tắc ấy là kim chỉ nam và là quyền hạn được xác định, nhưng cũng là vũ khí để đấu tranh trước các loại sức ép. Vũ khí phương châm - nguyên tắc đó của sử gia không phải chỉ được sử dụng trong thời xa xưa mà trong mọi thời, kể cả thời toàn xã hội xem quyền Trời là không có thật. Thời đại nào quyền bất khả xâm phạm của sử gia được tôn trọng và bảo vệ với cơ chế cụ thể, có hiệu lực, được trang trọng ghi vào pháp luật, thời đại đó tự thấp sáng tính ưu việt của nó trong lĩnh vực rất cần sự trung thực, quang minh chính đại này.

Trước khi bộ chính sử hiện đại thật sự trung thực được công bố, nhà xuất bản và bạn đọc có thể cắt bỏ hoặc lướt qua (xem như không có) các chi tiết như trên đã viết, để tránh bị các lực lượng, các cá nhân thù địch, tâm địa không tốt lợi dụng với mục đích xấu.

16. Đoạn này, nhân vật Quyền có nói một số ý chưa rõ. Đây là các vấn đề: về hiện trạng xã hội, trong đó có lĩnh vực kinh tế; về quy luật khách quan của sự phát triển (tiến hóa, thăng hóa)... Riêng về khía cạnh chuyên hóa giai cấp trong thời kì quá độ, mở cửa này: ngay tại các công ti liên doanh với nước ngoài, các công ti trách nhiệm hữu hạn của các nhà tư sản dân tộc vẫn phải có tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh và Công đoàn cơ sở, để thực thi công tác xây dựng, phát triển Đảng...
17. Con đường đau khổ, tiểu thuyết ba tập của A. Tôn-x-tôi (Aleksai Tolstoi), bá tước thời Sa hoàng, lưu vong sau

1917. Một thời gian sau, ông lại về nước, trở thành nhà văn Liên Xô. Đây là bộ tiểu thuyết đồ sộ phản ánh Cách mạng Nga trước 10.1917 (lịch cũ) đến những năm đầu thập niên hai mươi thế kỉ này. Lưu ý: Đồng thời và sau A. Tôn-x-tôi vẫn có Pa-téc-nác (Paternak) và Xon-den-nít-xun (Solzenitsyl)!

18. Về một số nhân vật Thiên Chúa giáo hư cấu ở Tp. HCM.:

Trong tiểu thuyết này, có đề cập và khắc họa một cựu linh mục, một số cựu giáo dân Thiên Chúa giáo. Đó là những người đã từ bỏ Thiên Chúa giáo từ lâu để trở về với văn hóa - lịch sử dân tộc. Ngoài ra, có duy nhất một nhân vật là cô Bân (mẹ của nhân vật Hiền Lương), vẫn còn đi xem lễ ở nhà thờ TCG. theo “áp lực” của giáo xứ và do quán tính của nếp “đạo dòng”, nhưng trong thâm tâm đã từ lâu “nhặt đạo”.

Tiểu thuyết này không nhằm phản ánh về thực trạng Thiên Chúa giáo ở nước ta hiện nay.

19. Về lập trường, quan điểm viết sử của Quốc sử quán triều Nguyễn, thể hiện ở Thực lục qua ba kỉ IV (1847 - 1883), V (1883 - 1885), VI (1885 - 1888), tác giả tiểu thuyết này (Trần Xuân An) đã căn cứ vào hai bản phàm lệ của kỉ V, kỉ VI và chủ yếu căn cứ vào thời điểm phân kỉ ở Thực lục để minh định: Chính triều (1847 - 06.9.1885); ngụy triều (06.9.1885 - 1888...).

a. Chính triều: lập trường, quan điểm yêu nước, chống Pháp, chống tả đạo TCG.; và ít nhiều xen lẫn lập trường, quan điểm bảo hoàng ngu trung trong sự kiện tứ nguyệt tam vương: kỉ IV, kỉ V (1847 - 06.9.1885, ngày Nguyễn Văn Tường bị Pháp lưu đày).

b. Ngụy triều: lập trường, quan điểm của ngụy triều Đồng Khánh, nịnh hót Pháp, nịnh hót tả đạo TCG.; và bôi nhọ người chống Pháp, chống tả đạo TCG.; đồng thời cũng vừa sử dụng bọn tả đạo TCG. ở các địa phương để

đánh dẹp phong trào Cần vương vừa phê phán chính bọn tả đạo TCG. ấy đang manh tâm phục thù, cướp chính quyền ở phủ, huyện, làm suy yếu nguy quyền Đồng Khánh bù nhìn: kỉ VI (12.9.1885 - 1888...).

Ở Đại Nam thực lục chính biên (kỉ IV, V, VI) không có sự đảo ngược sự thật lịch sử. Nhưng rõ ràng là riêng ở kỉ VI (12.9.1885 - 1888), Quốc sử quán triều Nguyễn đã thể hiện cách đánh giá sự thật lịch sử theo tiêu chí ngược, trái nghịch với chủ nghĩa yêu nước của dân tộc, trái nghịch với công lí của nhân loại về độc lập dân tộc và tự do chính đáng của nhân dân (không xâm hại đến nền độc lập dân tộc và chủ quyền Đất nước). Xin phân biệt rõ: cách viết sử xuyên tạc bằng sự đảo ngược sự thật lịch sử với cách viết sử có đánh giá sự thật lịch sử (gồm cả nhân vật lịch sử) theo tiêu chí ngược. Ở cách thứ nhất, người chống Pháp bị đảo ngược thành kẻ cấu kết với Pháp. Qua Việt Nam vong quốc sử, Phan Bội Châu (thực ra là do Lương Khải Siêu...) viết về Từ Dũ, Nguyễn Văn Tường một cách phi khoa học, thiếu cứ liệu - luận cứ, luận chứng (đổ tội làm mất nước là do hai người này và do Trần Tiễn Thành). Như thế, vô hình trung (thực ra là một cách cố tình) Phan Bội Châu (Lương Khải Siêu...) đã ngụy biện cho Dục Đức, Hiệp Hòa, Tuy Lý vương, Hồng Hưu... và phần nào cho Trần Tiễn Thành... (II.19.a). Ở cách thứ hai, người chống Pháp là xấu (!), như Nguyễn Văn Tường, Tôn Thất Thuyết...; và cũng phi lí thay, người nịnh hót Pháp lại là tốt (!), như Đồng Khánh, Nguyễn Hữu Độ... Quốc sử quán triều Nguyễn đã thể hiện rõ cách viết này ở kỉ VI (12.9.1885 - 1888), đó là cách viết sử theo hệ giá trị phản quốc, nhằm lưu lại sự thật cho hậu thế minh xét. Hậu thế chính là các thế hệ hiện nay.

Xét về tính khoa học, Thực lục về các kỉ IV, V, VI đạt ở mức rất cao, trong sự so sánh đồng đại. Quốc sử quán

triều Nguyễn trích dẫn khá đầy đủ các văn bản như quốc thư (Đồng Khánh gửi Chính phủ Pháp, biên nhọ Nguyễn Văn Tường, Tôn Thất Thuyết...), chiếu, dụ, cáo thị (về phong trào Cần vương và vai trò của Nguyễn Văn Tường, Tôn Thất Thuyết...), bản án (De Courcy, De Champeaux kết án Nguyễn Văn Tường; ngự triều Đồng Khánh kết án Nguyễn Văn Tường và ba thành viên khác của nhóm chủ chiến...), tấu, sớ, đặc biệt là mật dụ (sắc dụ gửi Nguyễn Văn Tường, sắc dụ gửi hoàng tộc, từ Tân Sở gửi về...)... Đó là các văn kiện của phía triều đình Đại Nam và phía thực dân Pháp. Ngoài ra, sử quan còn ghi chép các vụ việc với diễn biến khá chi tiết mà vẫn rất cô đọng. Hơn nữa, nhờ phương thức làm việc tập thể (II.19.b), mỗi thành viên Quốc sử quán đều phải lưu danh để chịu trách nhiệm (II.19.c), nên Thực Lục (IV, V, VI) đạt được tính khách quan - một yếu tính hết sức cần thiết của sử học. Rất tiếc, ở kỉ đệ lục, đó chỉ là ghi chép một cách khách quan theo lập trường, quan điểm nói trên.

Trên đây chỉ là nhận định khái quát chung. Xin xem thêm các soạn phẩm biên khảo của tác giả về giai đoạn lịch sử này (qua việc nghiên cứu nhân vật lịch sử Nguyễn Văn Tường, 1824 - 1886) [danh mục sách ở những trang cuối sách này].

Ở đây, tác giả tiểu thuyết chỉ chú thích thêm để làm rõ hơn nhận định của nhân vật ông giáo Hiền, sư Tâm Tụ, nhân vật Hành và một vài nhân vật khác (xin xem các trang trong tiểu thuyết này, bản 2001: 12-13, 101-102, 127-128, 187, 198-200, 224-225, 231-232, 384-385, 407-408, 425, 464-466, 481, 494-497).

[Xem thêm: 258-259, 360-363, 444-445].

Xin vui lòng xem: Cách thức tìm số trang tương ứng ở bản 2003 này ở "bảng liệt kê số thứ tự trang của các trang thuộc bản vi tính 11. 2001 có đính chính - bổ sung".

20. Về các nhân vật hư cấu ở làng quê bên sông Bến Hải:

Qua tâm trạng và kí ức của những nhân vật hư cấu, diễn hình cho vài ba thế hệ hiện còn sống ngay trên mảnh đất chôn nhau cắt rốn, bên bờ nam dòng sông lịch sử Bến Hải, cả một giai đoạn lịch sử hơn một thế kỉ đau thương và hùng tráng (từ 1858 đến 1975, cùng hai thập niên sau đó) đã được tái hiện theo tính cách, tư tưởng và số phận riêng của từng nhân vật. Ông giáo Hiền, sư Tâm Tự, ông Nộp, ông Hiệu Điền ở quê nhà, và cả cựu linh mục Tiếng hiện ở TP.HCM., đều thuộc thế hệ đến nay đã ngoài bảy mươi tuổi, là các nhân chứng đồng thời là người trong cuộc, từ những năm 20 của thế kỉ XX đến thời điểm vài ba năm cuối thế kỉ vừa trôi qua. Học và Nông thuộc thế hệ kế tiếp, cùng được sinh ra, lớn lên trên một làng quê, có cùng một thầy giáo tiểu học thời chín năm chống Pháp dưới sự lãnh đạo của Đảng và Mặt trận Việt Minh (1945 - 1954), cùng chung một mái trường trung học đệ nhất và đệ nhị cấp Nguyễn Hoàng ở thị xã Quảng Trị, nhưng dòng sông Bến Hải đã như một vết thương lịch sử, cắt ngang tình đồng hương, đồng môn của họ. Hiền Lương (con gái của Nông - Bân) từ thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương (Nam Bộ) về thăm quê, gặp Hành (con trai của Học - Ngoan), và kí ức của những người già sống lại một thời đã xa, còn ở hai người trẻ tuổi này, họ không thể không trăn trở, thao thức, suy tư về lịch sử, một giai đoạn lịch sử còn in đậm dấu vết trên những gương mặt người thân thuộc, láng giềng, ngay trên từng tấc đất làng thôn, từng gợn sóng của dòng sông Bến Hải quê nhà... Sinh ra đời sau Ngày Giải phóng 30.4.1975, mặc dù lớn lên trong một gia đình mà bên ngoài là người Bắc Kỳ di cư, Thiên Chúa giáo toàn tòng, người cha nuôi dạy là giáo dân tận tòng dưới chế độ cũ, nguyên là sĩ quan ngụy, nhưng bản thân người cha và Hiền Lương đã thật sự "nhạt đạo", nên cô gái ấy vẫn rất gần gũi về tư tưởng với Hành, con trai của

hai liệt sĩ cách mạng. Mặt khác, cả Hành lẫn Hiền Lương đều thuộc thể hệ được học hành trong nhà trường của chế độ mới, do đó, sự thể họ dễ đồng cảm với nhau cũng là chuyện bình thường...

21. Vũ Thư Hiền, con trai của Vũ Đình Huỳnh (thư kí riêng của Bác Hồ). Ông Huỳnh nguyên xuất thân từ một gia đình Thiên Chúa giáo toàn tông, bản thân có thời kì từ bỏ "tả đạo" để đi theo Cách mạng. Vũ Thư Hiền nguyên là cán bộ ngoại giao Miền Bắc, hội viên Hội Nhà văn Việt Nam. Trước khi lưu vong, Vũ Thư Hiền từng bị tù ở các trại tù Miền Bắc nhiều năm. Cuốn tiểu thuyết Đêm giữa ban ngày, do Nxb. Văn Nghệ ở Mỹ xuất bản năm 1997, có nhiều trang xuyên tạc, bôi nhọ Bác Hồ.

Lữ Phương là một trí thức yêu nước, nhà phê bình văn học tiến bộ tại Miền Nam, từng tham gia và dự vào các chức vụ quan trọng trong Mặt trận Giải phóng Miền Nam Việt Nam. Không rõ hiện nay Lữ Phương cư trú tại đâu. Bài viết về Hồ Chí Minh, in trên báo Tin Nhà, 2002 [?], của Thiên Chúa giáo.

Bùi Tín, con trai của Bùi Bằng Đoàn (cựu thượng thư thời Bảo Đại, nhân sĩ yêu nước). Bùi Tín nguyên là phó tổng biên tập báo Nhân Dân (cơ quan ngôn luận trung ương của Đảng Cộng sản Việt Nam); hiện lưu vong ở Mỹ; viết báo, viết sách và diễn thuyết chống Đảng Cộng sản Việt Nam, xuyên tạc, bôi nhọ Bác Hồ.

Theo bản thân tôi ghi nhận: không chỉ tôi, mà nhiều người cảm thông với Vũ Thư Hiền về thảm kịch "ngục văn tự". Vũ Thư Hiền hẳn cũng cùng hoàn cảnh tù tội vì văn chương, báo chí như Bùi Ngọc Tấn (tác giả Chuyện kể năm hai ngàn, Nxb. Thanh Niên, Hà Nội, 2000). Ai cầm bút lại không bị ám ảnh khủng khiếp về "ngục văn tự" và tất nhiên rất căm ghét loại "ngục văn tự"! Nhưng tôi và nhiều người không thể đồng tình với tâm địa đê tiện của Vũ Thư Hiền về việc xuyên tạc, bôi nhọ nhân

cách người khác (mà lại là Bác Hồ). Xin lưu ý: Tôi chỉ bàn về khía cạnh này và chỉ về khía cạnh này. Xin xem lại đoạn nhân vật Nông trò chuyện với nhân vật Quyền ở phía trước.

Lữ Phương cũng chỉ là kẻ phụ họa cho Vũ Thư Hiên, dưới dạng bài nghiên cứu.

Bùi Tín chỉ là kẻ "xem gió chuyển buồm", cơ hội chủ nghĩa, chỉ thuộc loại nhà văn chiêu hồi thời Miền Nam còn tồn tại chế độ Mỹ - ngụy. Bùi Tín cũng chỉ tương tự như Xuân Vũ và một số nhà văn Miền Bắc chiêu hồi khác, vốn là các tác giả của những cuốn đã xuất bản tại Miền Nam trước 1975: Về Cục R, Sương trắng Trường Sơn, Đường đi không đến... Lúc còn là học sinh phổ thông, tôi đã từng chứng kiến chế độ Mỹ - ngụy đã lợi dụng bọn văn nghệ sĩ Miền Bắc chiêu hồi này bằng cách tổ chức cho bọn chúng đi diễn thuyết chống cộng, chống Miền Bắc với nội dung phiến diện, thiếu trung thực, ở các trường trung học tại Miền Nam.

Nói chung, Bùi Tín, Vũ Thư Hiên, Lữ Phương chưa đáng mặt là kẻ sĩ (trí thức) chân chính, chỉ là tay sai của Mỹ và "tả đạo" Thiên Chúa giáo, hoặc do "thế kẹt lịch sử" nên bị Mỹ và "tả đạo" Thiên Chúa giáo lợi dụng. Nếu thuộc trường hợp do "thế kẹt lịch sử" thì rất đáng thương, nhưng chấp nhận bị lợi dụng như vậy, cũng rất đáng giận!

Bản thân tôi cũng như bao người cầm bút khác đều khát vọng chân lí, nhất là muốn nhận thức đúng sự thật lịch sử ở Miền Bắc và trên cả nước Việt Nam của chúng ta (trong giới hạn về giai đoạn, 1858 - 1989, đặc biệt là 1954 - 1975), nhưng cũng như bao người khác cố gắng giữ cho được đức tính trung thực, tôi cũng không thích loại xuyên tạc, bôi nhọ! Và loại né tránh sự thật lịch sử trên bình diện chính trị - xã hội nói chung lại càng có cảm giác giả dối!

Về Miền Nam, mặc dù tôi được sinh ra, lớn lên ở Miền Nam với những hiểu biết, trải nghiệm, chứng kiến thực trạng Miền Nam, tôi cũng mong được nhận thức rõ hơn. Tuy nhiên, tôi khẳng định: bản chất, cốt tuỷ sự thật lịch sử giai đoạn 1858 - 1975 - 1989 như tôi đã viết là không thể sai lầm được.

Tác phẩm văn nghệ phải được sự bảo chứng của khoa học lịch sử chân chính, đích thực! Chẳng ai muốn làm văn nô, sử nô, vinh thân phì gia, vì như thế là chỉ làm nguy hại cho Đất nước!

Chẳng lẽ thời đại chúng ta không có những nhà văn, nhà viết sử chân chính với những đức tính, phẩm chất cần thiết là trung thực tuyệt đối, khoa học, bình tĩnh, sáng suốt, sâu sắc? Phải chăng do các thứ sức ép?

Điều cuối cùng về vấn đề này, một lần nữa, xin khẳng định: Quả thật, tôi không biết gì về Miền Bắc (1954 - 1975...) trên bình diện hiện thực cụ thể, sinh động cả. (II.21.a).

22. Nguyễn Huệ: người anh hùng dân dã, đáp ứng được yêu cầu lịch sử và nguyện vọng nhân dân trong cả nước (yêu cầu, nguyện vọng thống nhất non sông từ Nam đến Bắc), đã đánh tan cả hai lực lượng của cả Đảng Trong lẫn Đảng Ngoài, đồng thời quét sạch lực lượng ngoại viện của hai Đảng là Xiêm La và quân Thanh. Kế sĩ Đảng Ngoài (từ sông Gianh đến ải Nam Quan) bị triều Nguyễn phân biệt đối xử, nhất là đa số cựu thân vua Lê chúa Trịnh bị trấn áp, cho nên họ thà chấp nhận một triều đại mới do Quang Trung Nguyễn Huệ sáng nghiệp còn hơn chịu sự thần phục triều Nguyễn, một lực lượng vốn là đối phương suốt hai trăm năm Trịnh - Nguyễn phân tranh, chất ngất máu xương và thù hận!

Xin mở một ngoặc đơn ở đây:

Do ý thức trung quân mù quáng theo đạo lí Nho giáo và do quan niệm thị tộc dưới thể chế

phong kiến, con người với tư cách cá nhân độc lập, tự do bị xem nhẹ, mà con người với tư cách là trung thần của một hoàng tộc cho dù thối nát, thành viên lệ thuộc về mọi mặt, nghiêm trọng nhất là lệ thuộc tư tưởng, của một gia đình, dòng họ, lại được đề cao (tức là chủ nghĩa lí lịch, mặc dù Nho giáo có đề cập đến lễ biến dịch (II.22.a)), dẫn đến hệ quả đáng phê phán:

- "Một người làm quan cả họ được nhờ", hoặc một người làm vua cả họ đều là hoàng tộc, đời đời kế nghiệp như thể địa chủ (Non sông Đất nước là tài sản của một dòng họ hoàng gia; nhân dân là nô bộc của dòng họ hoàng gia ấy)!

- "Nhỏ cổ, phải nhỏ tận gốc". Mỗi khi dòng họ nào đó khởi nghiệp, lập được triều đại mới, lập tức "thanh toán đẫm máu" tất cả các hậu duệ thuộc hoàng tộc của triều đại bị đánh đổ, bị cướp ngôi! Và luật pháp phong kiến có loại án tru di tam tộc, tam đại (tử hình cả ba họ, ba đời) đối với quan, với dân phạm tội đại hình!

Vì vậy, Đàng Ngoài chống phá triều Nguyễn liên miên, triều Nguyễn hấn trấn áp Đàng Ngoài hoặc ngấm ngầm hoặc rất dữ dội! Theo quan niệm dưới thể chế phong kiến ("quan điểm - cơ chế"; chủ nghĩa dòng họ, chủ nghĩa lí lịch) như thế, nên mâu thuẫn Đàng Trong - Đàng Ngoài rất khó hoá giải, hoà giải, mà thù hận lại chất chồng tầng tầng lớp lớp! Cho nên, theo nhận định của tôi, để có thể hoá giải, hoà giải mâu thuẫn Đàng Trong - Đàng Ngoài, giải phóng từng cá nhân trong cộng đồng dân tộc khỏi xích xiềng định kiến thù hận lưu cữu, truyền kiếp, trong khi và sau khi hàn gắn vết thương sông Gianh, phải sử dụng một hệ ý thức có thể đập tan chủ nghĩa dòng tộc, chủ nghĩa lí lịch

(đồng thời phải đập tan sự phân liệt dân tộc do ý thức trung quân thuộc ý hệ nho giáo vốn đã được nâng lên thành đạo lí, mà trong bối cảnh lịch sử ấy, cực kì nguy hại là thứ "đạo lí" trung quân mù quáng!). Ý hệ mới có khả năng đó là hệ ý thức tôn trọng tự do cá nhân về tư tưởng (II.22.b). Nhưng lịch sử bấy giờ vẫn do chủ nghĩa dòng tộc, chủ nghĩa lí lịch ngự trị (từ kiến trúc thượng tầng đến cơ sở hạ tầng), vì vậy, mâu thuẫn vô phương hoá giải, hoà giải: Đảng Ngoài chống phá triều Nguyễn liên miên, triều Nguyễn hấn trấn áp Đảng Ngoài hoặc ngầm ngầm hoặc rất dữ dội!

Xin lưu ý: Trên đây, chưa đề cập đến "tả đạo" Thiên Chúa giáo (bản dụ Đạo - Bình, dưới triều Kiến Phúc, đã chỉ rõ, Thiên Chúa giáo còn có tên là đạo Tôn vương, tôn phủ thiên tử) với hệ thống tín điều, thần học, hệ thống tổ chức, cơ sở vật chất, và nhất là thế lực nước ngoài (viễn chinh, xâm lược) của nó, ít ra là trong hai thế kỉ XVIII - XIX (chưa kể vài ba thế kỉ trước đó). "Tả đạo" Thiên Chúa giáo vốn là một yếu tố chủ yếu gây nên sự phân liệt ý hệ trong cộng đồng dân tộc.

Xin tiếp tục vấn đề đang bàn: tâm lí chính trị của nhân dân Đảng Trong, Đảng Ngoài đối với phong trào Tây Sơn - Nguyễn Huệ.

Vả lại, theo một số tư liệu cần phải khảo chứng thêm: Dòng họ của Nguyễn Huệ vốn thuộc họ Hồ ở huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An. Họ Hồ này có gốc gác từ mấy chục đời trước là người thuộc nước Trung Hoa cổ xưa (hẳn không phải người Hán?!). Tổ tiên bốn, năm đời trước của ba anh em Nguyễn Nhạc, Nguyễn Lữ, Nguyễn Huệ vốn là quân của chúa Trịnh, bị quân chúa Nguyễn bắt sống, cho đi khai hoang, lập nghiệp ở vùng Tây Sơn (hoặc lân cận), thuộc tỉnh Bình Định. Sau

đó, không rõ vào thế hệ thứ mấy, họ Hồ này đổi thành họ Nguyễn để dễ sống và dễ thu phục nhân tâm Đàng Trong. Người Đàng Trong (từ sông Gianh đến Cà Mau) lại không ủng hộ phong trào Tây Sơn với mức độ như Đàng Ngoài, mà phần lớn ủng hộ chúa Nguyễn (ca dao Nam bộ: Lạy trời cho cả gió nổi, Cho thuyền chúa Nguyễn dong buồm thẳng ra).

23. Chú thích tiếp theo tiết 5, chương VII: Nguyễn Công Trứ còn nổi tiếng là một nhà thơ với nhiều tuyệt tác, làm rạng rỡ thể hát nói chữ Nôm, đậm tính dân tộc. Thơ phú Nguyễn Công Trứ có âm điệu lạc quan trong cảnh nghèo khó thuở còn là hàn sĩ, hăm hở dẫn thân thời lều chõng, đỗ đạt, làm quan, hào hùng lúc thực hiện chí nam nhi của kẻ sĩ: kinh bang tế thế (xây nước giúp đời) và cầm gươm dẹp loạn. Khác với những nhà nho cùng thời ở Đàng Ngoài, cứ ôm mối bi hận ngu trung là hoài Lê, "phù Lê" (hoài vọng về triều Lê trung hưng, mưu tính khôi phục triều Lê, nhưng thực chất đó là triều đại của các vua Lê bị các chúa Trịnh bức hiếp, không còn tính chính thống, và cả Lê lẫn Trịnh đều thối nát, ươn hèn!), Nguyễn Công Trứ rất thức thời, thức thời một cách sáng suốt (theo lẽ biến dịch của lịch sử trong quan niệm chính thống của Nho giáo). Ông hăm hở, hào hùng dẫn thân ra làm quan, dưới triều đại nhà Nguyễn, với tấm lòng vì nước, vì dân. Ông là một mẫu người vừa anh hùng, vừa nghệ sĩ. Âm điệu lạc quan, hào tráng, nhiệt thành, tài tử của thơ phú Nguyễn Công Trứ là một nét đặc sắc, hiếm có, rất độc đáo trong văn học cổ nước ta (kể cả thơ văn dưới thời cực thịnh của chế độ phong kiến, triều Lê Thánh Tôn), và không có gì ngạc nhiên khi âm hưởng hào tráng ấy xuất hiện dưới triều Nguyễn - Minh Mạng, Nguyễn - Thiệu Trị (cương vực nước ta dưới thời Minh Mạng, Thiệu Trị là rộng lớn nhất trong lịch sử bốn nghìn năm dựng nước, và hùng mạnh nhất trong khu vực, xét

về vị trí đế quốc chủ nghĩa, theo quan điểm lịch sử - cụ thể!).

Ngoài ra, Nguyễn Công Trứ còn có một mảng thơ thất ngôn bát cú chữ Nôm, rất thâm thúy và mạnh bạo đã kích thối đời (thế thái nhân tình) với âm điệu trữ tình phê phán. Và về già, ông có thêm một mảng thơ hưởng lạc với những thú vui nho nhã, thích thắng (cầm kì thi tửu), kể cả trần tục (nàng hầu)!

Đề cao vai trò của kẻ sĩ (trí thức xuất thân từ mọi thành phần, giai cấp) là đúng, nhưng không chú ý đến thành phần, giai cấp xã hội khác: nông, công, thương, đó là một hạn chế của ông và của thời đại.

Do đó, thơ phú của ông, ở Miền Bắc (1954 - 1975), và suốt một thời gian dài trước Đổi mới (1985) đã bị chìm trong quên lãng!

(Xin xem thêm các chú thích về Phạm Thái, Nguyễn Du, Cao Bá Quát ở tiết I, chương XIV).

24. Tiếp theo ba chú thích (25), (28) và I.115: Bổ sung thêm ghi nhận về hai khuynh hướng yêu nước, chống Pháp nhưng phi mác-xít - lê-nin-nít, tuy có nhiều điểm gần gũi, ở những năm bốn mươi thế kỉ hai mươi (XX): Việt Nam Quốc dân đảng và Quốc tế Cộng sản đệ tứ (Troskisme).

Về chủ nghĩa tam dân, nhà sử học Phan Khoang viết, vào hai năm Dân quốc thứ 12 - 13 (1923 - 1924), Tôn Dật Tiên chỉnh lí tôn chỉ, đảng cương:

"... Đại ý về dân tộc chủ nghĩa thì chủ trương sửa lại các điều ước đã kí với các nước, khôi phục địa vị bình đẳng, tự do trên quốc tế; về dân quyền chủ nghĩa thì chủ trương nhân dân có bốn quyền là quyền sáng chế [: kiến nghị, sáng tạo về chính trị - TXA. ct.], quyền phúc quyết, quyền tuyên cử, quyền bãi miễn; về dân sinh chủ nghĩa thì chủ trương chia đều đất ruộng, quốc hữu hoá các sản nghiệp lớn"; "lấy đảng trị nước (đĩ đảng trị quốc)

[trong giai đoạn đầu, gọi là thời kì quân chánh - TXA. ct.]".

"Khi Tôn Dật Tiên tái lập chánh phủ ở Quảng Châu (1923), người ta đã thấy nhiều nhân viên của Mạc Tư Khoa như Du-rin (Yourin), Giô-phơ (Joffe), Bao-la-đinh (Borodine), Ga-len (Gallen) làm cố vấn cho ông; và nhiều tổ chức phỏng theo kiểu Nga.

Tôn Dật Tiên nói rằng: "Chủ nghĩa cộng sản là lí thuyết dân sinh, và nguyên tắc dân sinh [của chủ nghĩa tam dân - TXA. ct.] là sự thực hành chủ nghĩa cộng sản. Hai lí thuyết này không khác nhau lắm, nhưng phương tiện của nó thì không giống nhau". Ấy là vì trong lí thuyết tập sản, ông muốn dành phần cho cá nhân, và ông bài xích sự giai cấp tranh đấu [TXA. in đậm], cho đó là một bệnh hoạn do sự tiến bộ của xã hội gây ra. Ông nói: "Chúng tôi khen ngợi sự bác học của Các Mác, nhưng chúng tôi không thể áp dụng những phương pháp của ông ở Trung Quốc được, vì ở đây chúng tôi khổ vì nghèo, chứ không phải vì sự bất bình đẳng về của cải".

(Trích: Phan Khoang, Trung quốc sử lược, in tại nhà in Hồng Phát, Chợ Lớn, 1958, tr. 526 - 527, tr. 588 - 589).

Và như đã trình bày, sau cuộc khởi nghĩa Yên Bái (1930), Việt Nam Quốc dân đảng đã phân hoá và thoái hoá. Không kể Đại Việt quốc xã đảng, Đại Việt dân chính đảng là một nhánh nảy sinh vào những năm đầu thập niên bốn mươi (1940...). Về đảng Đại Việt, sau hiệp định Giơ-ne-v (Genève) 1954, đảng này có xây dựng chiến khu tại Ba Lòng, Quảng Trị để chống Diệm - Nhu, nhưng cuối cùng cũng "thoả hiệp", ngày càng biến chất, thoái hoá rất tệ hại! Nói chung, ở Miền Nam, giai đoạn 1954 - 1975, trong hai đảng, Việt Nam Quốc dân đảng và Đại Việt đảng, chỉ có Việt Nam Quốc dân đảng là còn có tư cách chính trị, còn giữ được một mức độ uy tín nào đó

(mặc dù trong chính kiến, cương lĩnh hoạt động còn có thêm khía cạnh chống cộng). Tuy vậy, dẫu được quyền hoạt động công khai tại Miền Nam, nhưng dưới sức ép của Mỹ và Thiên Chúa giáo, Việt Nam Quốc dân đảng cũng bị đẩy vào thế ngặt nghèo, bị bức hại. Các sư sãi Phật giáo, các thành viên của các tổ chức thuộc nhiều khuynh hướng chống Diệm - Nhu - Cần, cùng với các đảng viên Việt Nam Quốc dân đảng, đều bị Mỹ - Diệm bắt bớ, thủ tiêu (lại diễn đạt bằng các cụm từ lóng đầy tính chất bõn cọt một cách tàn ác: "cho đi tàu suốt", "cho mò tôm!"). Cái chết tự sát của nhà văn Nhất Linh (Nguyễn Tường Tam) do Diệm - Nhu bức tử là một sự kiện tiêu biểu. Trong giai đoạn đấu tranh nghị trường về sau, dưới chế độ Thiệu, có bộ phận đã biến chất, "thỏa hiệp", xôi thịt, rất đáng chê trách. Đây là trường hợp điển hình cho bị kịch lâm vào "thế kẹt lịch sử" của những người yêu nước, cách mạng, chống ngoại xâm, nhưng không cộng sản, và không có hậu thuẫn nước ngoài, cụ thể là hậu thuẫn của một trong hai khối, đứng đầu là Nga và Mỹ, lại bị bộ phận "tả đạo" phản quốc trong nước thẳng thế chèn ép, bức hại! Nói tóm lại, từ 1954 đến 1975, thực chất Việt Nam Quốc dân đảng chỉ ngắc ngoải sống, dưới nanh vuốt của Mỹ, ngụy và "tả đạo". Sau Ngày Giải phóng 30.04.1975, vì chính kiến chống cộng của chính đảng này, hầu hết các đảng viên cốt cán của Việt Nam Quốc dân đảng đều bị đi học tập cải tạo.

Về "chủ nghĩa xét lại" hay về Tổ chức Quốc tế Cộng sản đệ tứ (Troskisme), Từ điển triết học của Liên Xô có những đoạn viết:

"Trào lưu cơ hội chủ nghĩa, thù địch với chủ nghĩa Mác, nhưng lại hoạt động dưới ngọn cờ của chủ nghĩa Mác, trong phong trào công nhân cách mạng".

"... gieo rắc tư tưởng cải lương tư sản trong phong trào cộng sản; chúng tìm cách xoá bỏ tinh thần cách

mạng của chủ nghĩa Mác - Lê-nin, phá vỡ lòng tin của giai cấp công nhân và nhân dân lao động vào chủ nghĩa xã hội, tước vũ khí và làm tan rã tinh thần của công nhân và nhân dân lao động trong cuộc đấu tranh của họ chống chủ nghĩa đế quốc. Bọn theo chủ nghĩa xét lại phủ nhận tính tất yếu lịch sử của cách mạng xã hội chủ nghĩa, chuyên chính của giai cấp vô sản và vai trò lãnh đạo của đảng mác-xít - lê-nin-nít, phá vỡ những cơ sở của chủ nghĩa quốc tế vô sản, rơi vào chủ nghĩa dân tộc".

Ngoài ra, Tự điển triết học còn cho rằng, "chủ nghĩa xét lại" xuyên tạc những nguyên lí cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử; hạ thấp vai trò tự giác của quần chúng, vai trò nhân tố chủ quan, tức là các tác động của chủ thể đối với hiện thực khách quan, trong tiến trình lịch sử, trông chờ ""sự biến đổi tự phát của chủ nghĩa tư bản thành chủ nghĩa xã hội""; đặc biệt là xoá nhoà ranh giới duy tâm và duy vật, từ bỏ nguyên tắc tính đảng vô sản của hệ tư tưởng v.v... Tự điển triết học cũng cho rằng, cùng với việc chống "chủ nghĩa xét lại", Liên Xô còn đẩy mạnh việc chống chủ nghĩa giáo điều chết cứng, máy móc, thiếu linh hoạt, thiếu sáng tạo, trong việc vận dụng chủ nghĩa Mác - Lê-nin.

(Trích & xem: Từ điển triết học, Nxb. Tiến Bộ - Maxcova (1975), liên kết với Nxb. Sự Thật - Hà Nội, 1986, tr. 698 - 699).

Ở Việt Nam, ngoài Tạ Thu Thâu trên lĩnh vực chính trị như đã trình bày, một số nhà nghiên cứu cho rằng trên lĩnh vực văn học, còn có Vũ Trọng Phụng, nhà văn hiện thực phê phán, ít nhiều đã ảnh hưởng tư tưởng chính trị của Quốc tế Cộng sản đệ tứ.

Trong thực tiễn chính trị ở Liên Xô và các nước Đông Âu, chính vì thiếu tự do tư tưởng, tự do báo chí, tự

do xuất bản, tự do ngôn luận v.v. cùng ý thức tôn trọng sự khác biệt về tư tưởng và về các hình thức thể hiện tư tưởng (tính độc lập trong sáng tạo) đã dẫn đến sự nghèo nàn, bất động, trì trệ, ngột ngạt, bức bối, và sụp đổ.

Trong những năm khởi động Đổi mới ở nước ta, báo chí hay nhắc đến câu kinh điển: "cưỡng bức quy luật sẽ bị quy luật trừng phạt". Phải hiểu như thế nào về câu ấy? Lí luận và thực tiễn?

Tôi đã viết về chủ nghĩa xã hội với kinh tế năm thành phần và bản sắc dân tộc trong tiểu thuyết Sen đỏ, bài thơ hoà bình, Nxb. Thanh Niên, 2003.

Tôi cũng đã thể hiện khát vọng sáng tạo của dân tộc Việt Nam chúng ta, chống sự nô dịch tư tưởng, trong bài bạt: Ý nghĩ khi đọc lại tiểu thuyết của mình, "Mùa hè bên sông": "Danh dự Tổ quốc và thói tộ sùng bái cá nhân người nước ngoài".

Tóm lại, ở các chú thích (25), (28), I.115 và II.24, tôi muốn phê phán sự chuyên chế, bức hại trí thức, nhà văn bằng những cách thức quá tàn bạo. Xét về đối tượng: trí thức, nhà văn, kể cả chính khách, không phải là "thiên tử" (để xảy ra tình trạng như "phù Lê" dai dẳng, hoặc "tôn phù hậu duệ hoàng tử Cảnh" dẫu đã lỗi thời!). Xét trong bối cảnh giữa thế kỉ hai mươi (XX): lại là cao trào tự do, dân chủ, cộng hoà, chứ không phải chế độ chuyên chế phong kiến. Tôi phê phán theo quan điểm lịch sử - cụ thể là như thế; và đồng thời tôi muốn chứng minh rằng, sự sát phạt giữa các chính khách, đảng phái có khuynh hướng chính trị yêu nước, chống Pháp là xuất phát từ cái được gọi nguyên tắc không chia sẻ quyền lực hay còn gọi là đấu tranh giai cấp một cách triệt để, không khoan nhượng nhằm thực hiện chuyên chính giai cấp (thực chất là chuyên chính về hệ tư tưởng). Nếu quả thật những trí thức, nhà văn, chính

khách nói trên là bè lũ tay sai, "thoả hiệp" với giặc xâm lược, thì việc họ phải bị trừng trị theo pháp luật, có toà án xét xử một cách công khai, minh bạch là sự đã đành! Nhưng đâu phải trường hợp nào cũng thế! Ngoài ra, hành quân chiến đấu và ở chiến trường phải nổ súng là việc tất yếu một khi lực lượng xung đột với lực lượng, như sự kiện quân đội Việt Minh quét sạch quân Việt Nam Quốc dân đảng chiếm đóng Lào Cai hồi năm 1946. Tôi không phải ngây thơ để không biết rằng, thời đại đã đặt ra quan niệm: Tinh thần, hành động yêu nước, chống ngoại xâm chẳng có nghĩa lí gì nếu không cùng hệ tư tưởng của giai cấp! Dân tộc và giai cấp, cái nào nặng, cái nào nhẹ? Trong Tuyên ngôn Đảng Cộng sản (1848), Mác và Ăng-ghe-nh đã trả lời bằng sự khẳng định: Giai cấp là trên hết! Đến đầu thập niên hai mươi của thế kỉ hai mươi, V. I. Lê-nin (Lénine) cũng đặt giai cấp trước dân tộc: "Vô sản các nước và các dân tộc bị áp bức, đoàn kết lại!", chứ không phải "Các dân tộc bị áp bức và vô sản các nước, đoàn kết lại!". Như thế, với Lê-nin, quan điểm vẫn y nguyên: Giai cấp là trên hết! Giai cấp và dân tộc là hai vấn đề phải thống nhất làm một. Từ đó, có thể nói, phải chăng sự thể ấy cũng là một trong những cơ sở để lí giải về lịch sử cuộc chiến tranh dài dằng dặc, hận thù và máu xương chất ngất, lênh láng? Đó là một nỗi đau lịch sử, không phải không còn di chứng hậu chiến. Đâu rồi tinh thần đoàn kết dân tộc? Đâu rồi lòng nhân hậu vốn là truyền thống dân tộc? Ca dao, tục ngữ Việt Nam đã khẳng định những điều tưởng như phi lí, chỉ là thần thoại huyền mị (chỉ là phép tu từ!), nhưng lại có thật: "Ba cây chụm lại nên hòn núi cao", "Bát nước đổ xuống, bưng lên lại đầy". Tinh đoàn kết, lòng nhân hậu ấy cũng là biểu hiện tiểu tư sản chăng? Tôi cũng biết, chủ tịch Hồ Chí Minh đã đề cao khẩu hiệu "Tổ quốc trên hết", chứ không phải "Giai cấp trên hết",

trong thời điểm Người đọc Tuyên ngôn độc lập và cùng biên soạn Hiến pháp 1946. Nhưng đâu là sức ép? Đâu là sách lược tạm thời? Và đâu là mục tiêu chiến lược? Hẳn ai cũng rõ, với cái nhìn toàn cục, một khi thế giới bị phân chia thành hai khối, tư sản đối đầu vô sản, cả hai đều quyết chiến, đấu tranh giai cấp triệt để và không khoan nhượng, không chia sẻ quyền lực, trong gần trọn thế kỉ hai mươi (XX).

Với quan điểm xây dựng và củng cố chuyên chính vô sản, tất nhiên các lực lượng yêu nước, cách mạng theo hệ tư tưởng tư sản như Việt Nam Quốc dân đảng, t-rốt-kít (troskiste) phải bị tiêu diệt, nếu không chuyển hoá ý thức hệ giai cấp. Chỉ có thể đoàn kết trên một lập trường duy nhất: lập trường dân tộc đồng nhất với lập trường giai cấp!

Cuộc phân tranh đến mức chiến đấu thật sự giữa Đảng Cộng sản Việt Nam và Việt Nam Quốc dân đảng thực chất là đấu tranh giai cấp, chứ không phải là đấu tranh giữa lực lượng yêu nước với bọn phản quốc, tay sai đúng nghĩa. Cuộc đấu tranh giai cấp đó cũng xuất phát từ sách lược "biến chiến tranh [chống] đế quốc thành nội chiến cách mạng" của Lê-nin. Nói cách khác, hai nhiệm vụ, mục tiêu chiến lược vốn được xác định là phải tiến hành đồng thời: giành độc lập dân tộc (đánh đuổi Pháp, Nhật) và cách mạng vô sản (đánh bại các lực lượng phi vô sản mà Việt Nam Quốc dân đảng là một tổ chức có khuynh hướng tư sản [thực chất chỉ trung dung, tiểu tư sản mà thôi!]; do đó, hiển nhiên Việt Nam Quốc dân đảng là kẻ thù giai cấp của giai cấp vô sản, đối tượng phải tiêu diệt của chuyên chính vô sản).

Phải chăng đã đến lúc nên xem lại hai chữ "phản quốc", vốn chỉ là "chiếc mũ", trong hoàn cảnh lịch sử - cụ thể, phải chụp lên đầu Việt Nam Quốc dân đảng? Phải chăng nên xác định lại cho thật rõ ràng: Việt Nam Quốc

dân đảng, có khuynh hướng thuộc hệ ý thức tư sản, chỉ là kẻ thù giai cấp của giai cấp vô sản, đối tượng phải tiêu diệt của chuyên chính vô sản, trong bối cảnh lịch sử - cụ thể thuở bấy giờ?

Phải chăng đó là sự thật lịch sử?

Tôi không có ý định biện minh để phục hồi tư cách chính trị cho Việt Nam Quốc dân đảng. Dẫu sao, từ rất lâu về trước, Việt Nam Quốc dân đảng đã thật sự biến tướng, biến chất giữa hai gọng kìm lịch sử. Và lại, hiện nay Việt Nam Quốc dân đảng trong thực tế, không còn đảng viên nào, tổ chức cũng đã tan hoang, chỉ còn là vấn đề sử học.

25. Chú thích II.25, tr. 322 (kế tiếp chú thích II.24):

Khi tôi đặt dấu chấm hết của lần bổ sung này, trên tạp chí Xưa & Nay, số 154 (202), tháng 12.2003 của Hội Khoa học lịch sử Việt Nam, đã đăng tải tiếp phần hai bài báo của Hoàng Văn Lân, nhan đề "Hồ Chí Minh đã tiếp thu chủ nghĩa Mác như thế nào?". Phần hai bài nghiên cứu ấy được trang trọng in ở tr. 5 - 6 & in tiếp ở tr. 38 - 39 của số tạp chí trên, sau khi phần một đã được trang trọng in ở tr. 4 - 7, số trước: 153 (201), tháng 11.2003.

Xin mạn phép trích một đoạn thuộc phần hai để tham khảo thêm về mối quan hệ giữa Nguyễn Ái Quốc với Quốc tế Cộng sản đệ tam và Liên Xô:

" ... Từ năm 1920, Hồ Chí Minh là người đầu tiên trong lịch sử cách mạng hiện đại đã vận dụng học thuyết Mác với một tầm nhìn sáng tạo mang đầy đủ tính chất một chiến lược đối với phong trào giải phóng dân tộc Việt Nam [... TXA. lược bớt (lb.)].

Nhưng khi Hồ Chí Minh đến Mat-x-cơ-va (7.1923) với tư cách đại biểu chính thức duy nhất được Chủ tịch Đoàn Quốc tế Cộng sản mời tham dự Đại hội V - QTCS. (17. 6 - 08.7. 1924) thì V. I. Lê-nin qua đời. Trong nội bộ Đảng Cộng sản Liên Xô bắt đầu diễn ra một chuỗi đấu

tranh nội bộ (còn kéo dài suốt thế kỉ XX), tranh giành quyền lực phe phái nặng nề. S-ta-lin ngày càng tập trung quyền lực, đàn áp thanh trừ những người khác mình, buộc các đảng cộng sản và phong trào cách mạng thế giới phải đi theo đường lối [:] thuyết tả khuynh cực đoan về đấu tranh giai cấp, chuyên chính vô sản, bôn-sê-vích hoá phong trào cộng sản quốc tế, chính quyền công nông, cách mạng thổ địa... [TXA. in đậm (iđ.)]. Học thuyết Mác bị tước mất tính sáng tạo biện chứng và tính thực tiễn. Một thực tế lịch sử không thể bỏ qua là, thuở ban đầu sau khi thành lập QTCS. (3.1919), hầu hết các phong trào cách mạng, các phân bộ (section) của QTCS. rồi các đảng cộng sản đều phải tìm chỗ dựa ở Liên Xô và QTCS., chứ không riêng gì Hồ Chí Minh và phong trào cách mạng Việt Nam [TXA. iđ]. Do đó, không lạ gì khi QTCS. và Liên Xô bắt đầu tác động tới cách mạng Việt Nam về đường lối và cả về tổ chức nhân sự, muốn thay thế vai trò Hồ Chí Minh, hướng cách mạng Việt Nam theo "đường lối cách mạng vô sản quốc tế" do S-ta-lin chi phối [TXA. iđ]. Việc "bổ sung" học thuyết Mác cũng như tầm nhìn sáng tạo mang đầy đủ tính chất chiến lược của Hồ Chí Minh đối với học thuyết Mác, đặc biệt là đường lối cách mạng giải phóng dân tộc của Hồ Chí Minh xuất phát từ sự bổ sung và theo như trình bày từ "Báo cáo về Bắc Kì, Trung Kì và Nam Kì" vừa phân tích trên kia, hoàn toàn không được S-ta-lin và QTCS. ủng hộ [TXA. iđ]. Và cũng vì thế, các hoạt động của Hồ Chí Minh trước và sau Đại hội V - QTCS., đặc biệt là ý định Hồ Chí Minh mong muốn sớm trở về với cách mạng Việt Nam gặp không ít trở ngại [TXA. iđ]. Nhưng [... TXA. lb.], cuối cùng, nhờ Đê-mi-tri Đa-khai-lô-vích Ma-nu-in-s-ki (1883 - 1959), một uỷ viên Ban Chấp hành QTCS. đồng thời là uỷ viên Ban Chấp hành Đảng Cộng sản Liên Xô, tìm cách tranh thủ Đoàn Chủ tịch QTCS. chấp

thuận bổ sung Hồ Chí Minh vào Ban Phương Đông và cử về hoạt động ở Trung Quốc, Hồ Chí Minh mới có điều kiện bắt tay thực hiện chiến lược đã định. Trong quyết định Ma-nu-in-s-ki trực tiếp trao cho Hồ Chí Minh có ghi "Nguyễn Ái Quốc thay mặt QTCS., đại diện toàn quyền của QTCS. tại Viễn Đông". Từ đó đến năm 1943, đó là chức vụ chính thức mà Hồ Chí Minh đã giữ để hoạt động [TXA. id.]. Ngày 11.11.1924, Hồ Chí Minh đến Quảng Châu và từ đó, trực tiếp định hướng và lãnh đạo cách mạng Việt Nam theo chiến lược đã định, từ tuyên truyền, tập hợp lực lượng, đào tạo cán bộ đến xây dựng tổ chức cách mạng, thúc đẩy phong trào cách mạng ở trong nước, xây dựng quan hệ quốc tế, gắn Việt Nam với thế giới, kết hợp dân tộc với thời đại. Toàn bộ hoạt động của Hồ Chí Minh từ 1924 đến 1945 (sử sách đã viết nhiều, chúng tôi xin phép không nói lại) đã trực tiếp dẫn thẳng tới Cách mạng Tháng tám 1945. Điều chúng tôi muốn nhấn mạnh ở đây là, [... TXA. lb.], Cách mạng Tháng tám diễn ra hoàn toàn khác quan điểm chính thống mà QTCS. bàn định suốt từ 1919 đến 1943 ...".

Tôi không nói đến phần một của bài nghiên cứu, khi Hoàng Văn Lân đề cao Nguyễn Trường Tộ một cách sai lầm quá đáng. Phần một cũng đề cao Đông Kinh nghĩa thực của những nhân sĩ yêu nước, nhưng không phê phán tên tay sai Nguyễn Văn Vĩnh đứng đầu tổ chức nghĩa thực ấy.

Tôi chỉ nhấn mạnh đến những thông tin khách quan đã được in đậm ở đoạn trích trên. Nếu quả thật lượng thông tin khách quan ấy được thẩm định chính xác, tôi xin phép được sử dụng để làm sáng tỏ hơn cho chú thích (38) và (39) của tiểu thuyết này, nhất là cho bài bạt: " Ý nghĩ khi đọc lại tiểu thuyết của mình, "Mùa hè bên sông": "Danh dự Tổ quốc và thói tệt sùng bái cá nhân người nước ngoài" " và cho hai câu của tôi viết về

ý nghĩ của mình về vấn đề liên minh, một khi từ rất lâu, vào năm 1943, tổ chức Quốc tế Cộng sản đệ tam đã giải thể do yêu cầu, khát vọng độc lập, tự chủ, bình đẳng của các đảng cộng sản ở các nước:

Vấn đề là tính chất liên minh như thế nào!

Phải dân chủ, bình đẳng về dân tộc; phải độc lập tuyệt đối về chủ quyền đất nước!

Thiết tưởng không cần nói về cách thức tổ chức liên minh. Nói một cách giản dị là, cần có những đại hội của liên minh, bàn về các vấn đề chung, hỗ trợ lẫn nhau, nhưng tuyệt đối không được xâm phạm vào chủ quyền mỗi nước. Thế giới đã quá thối tha thủ đoạn "củ cà rốt với cây gậy chỉ huy"! Và chỉ nói thêm một điều: Tôi có lần phê phán vai trò "thiên tử" của giáo hoàng La Mã cũng như vai trò "thiên đình" của Tòa thánh Rô-ma (Rome), cho dù trong tương lai, biết đâu, sẽ có một giáo hoàng La Mã nhận nhiệm vụ có nhiệm kỳ một cách dân chủ, chứ không phải cho đến mãn đời như thể vua chúa; cho dù trong tương lai sẽ có một giáo hoàng La Mã thuộc chủng tộc da vàng hoặc da đen, chứ không phải da trắng như gần hai ngàn năm nay! Tôi đoán chắc, căn cứ vào xu thế dân chủ và tiến bộ ngày nay, sớm muộn cũng đến lúc cả Tòa thánh Va-ti-căng (Vatican) sẽ giải thể, lẫn giáo hoàng Rô-ma sẽ cáo chung.

Xin thứ lỗi khi tôi nói trắng ra như thế này:

Chủ đích của tôi là muốn lí giải về lịch sử giai đoạn 1858 - 1975. Một trong những nguyên nhân khiến cuộc chiến tranh kéo dài đến thế là bởi ai cũng biết rõ, qua các sử liệu chính xác, đã được thẩm định, công bố: Các giáo hoàng La Mã trong một trăm mười bảy (117) năm ấy là những tên xâm lược đích thực. Một nguyên nhân khác: Thử hỏi, giả định như có một Việt kiều ở Mỹ, rồi ở Nga hoặc chỉ ở một cường quốc nào đó, lại có chân trong một tổ chức quốc tế nữa, cũng có viết cỡ vài cuốn

sách, khoảng trăm bài báo, có khuynh hướng thân cường quốc [...], anh ta về nước, bạn có tin vào anh ta để trao vận mệnh Đất nước và dân tộc vào tay anh ta hay không? Câu trả lời ở đầu thế kỉ hai mươi mốt (XXI) về Việt kiều hiện nay, thời đại bùng nổ thông tin, vẫn 100% là "không".

Xin ngắm nghĩ một chút nữa xem! Ngay người Việt Nam với nhau, đều ở trong nước suốt cả đời, nhưng người Miền Bắc không tin người Miền Nam, người Miền Nam không tin người Miền Bắc, nữa là Việt kiều Mỹ, Việt kiều Pháp, Việt kiều Nga!

Xin thưa rằng, đó là sự thật lịch sử thuở đầu thế kỉ hai mươi (XX). Đầu thế kỉ trước, thông tin vốn mù mịt. Bảy giờ, nhân dân Việt Nam từ vài thế kỉ trước đã phần hạn với kinh nghiệm cay đắng về quá trình truyền đạo của Thiên Chúa giáo cùng hậu quả thực dân, tạo nội phản của nó (xem ra không khác gì hoạt động tuyên truyền, giác ngộ cách mạng!). Ngoài ra, nhân dân ta còn ghen ngào đến mức uất hờn, với kinh nghiệm cay đắng về phong trào Đông Du thân Nhật và thực chất của chiêu bài Đại Đông Á (phát xít!). Sau đó, kinh nghiệm cay đắng cũng không kém chua xót về Việt Quốc, nhất là Việt Cách, và thực chất của Tưởng Giới Thạch! Tất nhiên không thể đánh đồng (hoá đồng mẫu số) của bốn thực thể, lực lượng (phân số) trên.

Có một chi tiết nữa, tôi xin vô phép kể: Hồi đó, thực dân và các phe phái chống cộng còn tuyên truyền xuyên tạc rằng, Nguyễn Ái Quốc không phải là Hồ Chí Minh. Nguyễn Ái Quốc đã chết từ lâu rồi! Chẳng qua chúng muốn hạ uy tín quá lớn của Hồ Chí Minh! Thật là một sự xuyên tạc trắng trợn, nhưng cũng có lắm người nhẹ dạ, cả tin cứ tưởng đúng là như vậy!

Nỗi đau lịch sử là thế đó!

Tôi được sinh sau đẻ muộn, chỉ nghe nhiều người già tóc bạc da mồi, trước 1975, thở than như thế. Xin ghi lại để tham khảo và kiểm chứng, trên tinh thần "không có hoài nghi khoa học, sẽ không có khoa học", không gieo dẫu hồi vào nước uống, sẽ không biết H₂O. Tất nhiên hoài nghi khoa học phải được hiểu như một thuật ngữ cố định, có ba dấu ngang nối giữa bốn chữ: hoài-nghi-khoa-học. Hoài-nghi-khoa-học (II.25.a) để phân tích, tổng hợp, loại suy, chứng minh, phản biện với nhiều thao tác nghiên cứu nghiêm túc khác nữa, để cuối cùng phải đi đến kết-luận-khoa-học (hay kết luận có tính khoa học). Dứt khoát không để rơi vào trường hợp đa nghi bệnh hoạn hoặc vô tình bị kéo âm mưu tung hoả mù gây hoang mang của bọn thù địch, tâm địa xấu xa, lợi dụng mặc cảm lầm lạc trong quá khứ để bôi đen tất cả cho huề hoà, xí xoá!

Xin thưa lại một lần nữa: Chủ đích của tôi là muốn lí giải về lịch sử giai đoạn 1858 - 1975. Trên đây chỉ là một vài trong những nguyên nhân lịch sử, xét về tình trạng nội bộ nhân dân Việt Nam chúng ta. Nguyên nhân chủ yếu vẫn là tham vọng bành trướng, thực dân, phát xít, đế quốc của Thiên Chúa giáo, Pháp, Nhật, Mỹ...

Nổi đầu lịch sử là thế đó!

TRẦN XUÂN AN

Sửa chữa, bổ sung đến ngày hai mươi ba, tháng mười, năm Đinh Sửu (1997), lúc 15 giờ 40 phút; và vào quý tư, năm Tân tị (2001), tại Tp. HCM. Sửa chữa, bổ sung lần thứ ba, quý tư năm Quý mùi HB.3 (2003).

■2. CƯỚC CHÚ của phần CHÚ THÍCH II:

(II.19.a) Thật ra, Phan Bội Châu chỉ lên án "quyền gian" trong vụ phé truất Dục Đức bằng vài dòng chữ ngắn ngủi khi viết về Phan

Đình Phùng (NTPCPBC., VNVQS., sđd., tr. 89). Ai cũng biết Phan Bội Châu ám chỉ Tôn Thất Thuyết, người trực tiếp ra lệnh trói và Bộ Hình cách chức Phan Đình Phùng (lúc ấy, Phan Đình Phùng còn chủ hòa). Ngoài ra, Phan Bội Châu không viết một chữ nào về vụ Hiệp Hòa (thân Pháp) và vụ Kiến Phúc (do Hồng Hưu).

(II.19.b) Phương thức biên soạn tập thể đúng nghĩa: Không phải mỗi người trong ban biên soạn phụ trách một phần rồi đem ghép lại thành một bộ sách hoặc một cuốn sách, mà các tư liệu, chi tiết sự kiện, diễn biến lịch sử, hành trạng nhân vật lịch sử, kể cả nhận định, bình giá hiện nay đều phải được tập thể cân nhắc, lấy ý kiến chung, rồi phân công người chấp bút, sau đó tập thể biên tập lại. Hơn nữa, còn phải xuất bản để trưng cầu công luận bằng nhiều hình thức công khai, gồm việc lấy ý kiến nhân chứng còn sống (trong điều kiện hiện tại)...

(II.19.c) Ngoài ra, Quốc sử quán triều Nguyễn còn ghi tên họ thật, phẩm hàm của các viên bút thiếp thức, đăng lục... (rất tiếc là còn thiếu quê quán; xin xem ở Quốc triều hương khoa lục).

(II.21.a) Ngoài ra, còn có một cuốn hồi kí nhan đề: Mẹ và Quốc hội, của một cán bộ cách mạng lão thành tên là Nguyễn Văn Trấn. Trong đó có một số chương viết về Miền Bắc (1954 - 1975).

(II.22.a) Về mặt lí lịch cá nhân, vấn đề mã di truyền hay thường gọi là gien hoặc huyết thống là rất quan trọng (nên vấn đề phải hệ dòng tộc luôn luôn được đặt ra, và hoàn toàn có cơ sở khoa học thực nghiệm). Tuy nhiên một lần nữa xin nhấn mạnh đến yếu tố đồng biến, dị biến - đột biến gien (gien trội, gien lặn, gien đột biến) và đặc biệt quan trọng là điều kiện xã hội, môi trường sống.

Xin xem thêm chú thích về Nguyễn Công Trứ, tiết 5, chương VII và chú thích tiếp theo II.23: Ý thức không ngoan cố, trung quân mù quáng, mà phải sáng suốt theo lẽ biến dịch của lịch sử trong quan niệm chính thống của Nho giáo. Đó là về phía kẻ sĩ, với điều kiện phải nhận thức sáng suốt, không phải là thái độ xu thời hèn hạ, vô sỉ. Đối với triều đình, phải chính nghĩa, tiến bộ hơn triều đại cũ, phải có thái độ bao dung, không cố chấp, thực sự chiêu hiền đãi sĩ. Ngay trong khuôn khổ ý hệ Nho giáo cũng đã có hướng mở cho sự trói buộc, một khi đạo lí theo giáo điều trung quân đã trở thành sự trói buộc tai hại đối với kẻ sĩ do sự mù quáng, không hiểu nổi sự biến dịch lịch sử (triều đại này thay thế triều đại kia);

một khi triều đại mới xứng đáng với vai trò lịch sử đương thời, so với triều đại cũ đã bại vong, và biết xoá bỏ định kiến, thù hận, biết "dụng nhân như dụng mộc".

(II.22.b) Tuyên ngôn về nhân quyền và dân quyền cũng như hiến pháp xã hội chủ nghĩa đều có khẳng định sự tôn trọng, bảo vệ các quyền sống - quyền tự do cơ bản của cá nhân.

(II.25.a) Có lẽ để chính xác hơn, thay vì bốn chữ hoài-nghi-khoa-học, nên xác định thuật ngữ là đặt vấn đề nghiên cứu khoa học hoặc đặt dấu hỏi khoa học.

CHÚ THÍCH III

Bảng liệt kê sách,
và báo, tạp chí (mới đăng tải gần đây)
cùng các tư liệu khác

Đây là tiểu thuyết suy tư, chiêm nghiệm về lịch sử, chứ không phải là tiểu thuyết lịch sử. Viết tiểu thuyết hư cấu với ý hướng như thế, vốn là công việc khởi xuất từ quan sát, trải nghiệm của bản thân, từ trái tim phập phồng, co thắt với cảm xúc, và từ cái đầu nóng lạnh với cảm giác. Hiện thực đã dần dần khái quát trong tôi thành những vấn đề. Những vấn đề tôi viết ra ở cuốn này, phần lớn đều đã ở dạng tâm tư hoặc đã chứa đựng trong kí ức, dù tốt dù xấu, dù hay dù dở, trước khi được chuyển tải qua hình tượng nhân vật hư cấu (những hình tượng nhân vật hình thành trong trí tưởng tượng suốt nhiều năm tháng). Nói rõ hơn, các nhân vật đều là hình tượng hư cấu hoàn toàn, chỉ có những vấn đề mới là sự thật lịch sử được khái quát, đọng lại trong tâm tư, kí ức. Dấu sao, Mùa hè bên sông chỉ là tiểu thuyết hư cấu, vì thế cho nên tôi không thực hiện việc lập danh mục sách báo tham khảo như các cuốn khảo luận sử học, truyện kí lịch sử khác.

Ở hai mục chú thích I & II tôi đã dẫn chứng cụ thể một số tư liệu mà các nhân vật có nhắc đến trong các câu đối thoại của họ.

Dưới đây chỉ là những gì tôi nhân tiện đọc lại, lướt xem hoặc tra cứu một cách cẩn trọng để kiểm chứng (chủ yếu là kiểm chứng lại các sự kiện lịch sử), sau khi đã viết xong tiểu thuyết này từ năm 1997. Ngoài các sách kinh điển thường được xem là kinh bản (kinh điển cơ bản nhất) của các giáo thuyết cùng những khảo luận về các kinh điển ấy, số còn lại, các cuốn sách nghiên cứu, bài báo nhỏ, mẫu tin ngắn về

chính trị, thời sự này chưa phải là tiêu biểu, và cũng chỉ về đề tài thuộc giai đoạn sau của cuộc chiến tranh, kể từ 1945. Nhưng quả thật những điều tôi quan tâm, thể hiện trong tiểu thuyết, theo tôi là cốt tuỷ nhất của cuộc chiến tranh dài đằng đẵng 131 năm (1858 - 1975 - 1989), có điều, lạ thay, cũng chưa sách báo nào đề cập tới như một vấn đề trung tâm, chắc hẳn bởi lí do này nọ. Và chính vì chưa sách báo nào đề cập tới, nên tôi phải mạnh dạn viết, miệt mài viết.

Chú thích III này, tôi tạm sắp xếp thành năm tiêu đề: thời sự, nghiên cứu, kinh điển, từ điển và trực quan.

Xin thưa trước như vậy. Kính cảm ơn.

TXA.

I. THỜI SỰ: Các bài báo, mẫu tin:

1. Quốc Anh (thuật), Võ Nguyên Giáp - Mc Namara, cuộc gặp lại đầy ấn tượng, Tuổi trẻ Chủ nhật - TP.HCM., 29.6.1997.
2. N.T. Đa, Bán đảo Triều Tiên: hội đàm trù bị bốn bên tại Mỹ, Tuổi Trẻ - TP. HCM., 07.8.1997.
3. Tô Bửu Giám, Một lãnh tụ trẻ tuổi, tài ba (bài báo viết về cố Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ và các đảng chính trị khác, trong đó có tư-rốt-kít (troskisme)), Công an TP. HCM., ngày 19-7-1997.
4. Xuân Hà, Hội thảo Việt - Mỹ về chiến tranh VN., Tuổi Trẻ - TP. HCM., 19.6.1997.
5. X. Hà - PV., Cựu Bộ trưởng Quốc phòng Mc Namara thừa nhận sai lầm, Tuổi Trẻ - TP. HCM., 21.6. 1997.
6. K. Tr. - X. Hà, Chính nước Mỹ đã bỏ lỡ cơ hội, Tuổi Trẻ - TP. HCM., 24.6.1997.
7. Bùi Hòa (theo báo nước ngoài), Chuyện về gia đình Lưu Thiếu Kỳ, An ninh Thế giới (xb. tại TP. HCM.), 05.9.1997.

8. Nguyễn Khắc Mai, Tại khu di tích Kim Liên - Nam Đàn: Một lá thư đầy ý nghĩa, Tuổi trẻ Chủ nhật -TP. HCM., 26.10 - 01.11.1997.
9. Thanh Nhíp (theo K.P.), Các camera bí mật đang tràn ngập nước Anh, (?), An ninh Thế giới (xb. tại TP. HCM.), 05.9.1997.
10. Khánh Tường, Hội thảo Việt - Mỹ "Các cơ hội bị bỏ lỡ" - một bước tiến hòa giải, nguyệt san Công an TP. HCM., 28.6.1997.
11. Hữu Nghị, Hồ sơ (về chế độ Diệm), nhiều kì, Tuổi trẻ chủ nhật, số 33 (?) đến số 43, quý IV, 2003.

II. NGHIÊN CỨU - TƯ LIỆU:

1. Minh Chi, Các vấn đề Phật học, Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam, 1995.
2. Ricarchard Evans, Đặng Tiểu Bình, Nguyễn Doanh Hải dịch, Nxb. Công an nhân dân, 2003.
3. Grant Evants & Kelvin Rowley, Chân lí thuộc về ai (nhan đề nguyên tác: Red brotherhood at war [Tình anh em đỏ trong cuộc chiến]), Nguyễn Tấn Cưu dịch, Nxb. Quân đội nhân dân, 1986.
4. Am-tơ Giô-sép, Lời phán quyết về Việt Nam, Nguyễn Tấn Cưu dịch, Nxb. Quân đội nhân dân, 1985.
5. Lệ thần Trần Trọng Kim (biên soạn), Nho giáo, Nxb. TP.HCM. tái bản, 1992.
6. Gabriel Kokol, Giải phẫu cuộc chiến tranh, Nguyễn Tấn Cưu dịch, in lần thứ ba, Nxb. Quân đội nhân dân, 2003.
7. Archimedes L.A. Patti, Tại sao Việt Nam (Why Vietnam), Lê Trọng Nghĩa dịch, Nxb. Đà Nẵng, 1995; tái bản lần thứ nhất, 2001.
8. Peter A. Poole, Nước Mỹ và Đông dương từ Ph. Ru-dơ-ven đến R. Ních-xơn (The United States and Indochina

- from FRD to Nixon), Vũ Bách Hợp dịch, Nxb. Thông tin Lý luận, 1986.
9. Frank Snepp, Cuộc tháo chạy tán loạn, Ngô Dư dịch, Nxb. TP. HCM., in lần thứ ba, 2001.
 10. Daisetzteitaro Suzuki, Thiền Luận, ba tập, Trúc Thiên dịch, Nxb. TP.HCM. tái bản, 1992.
 11. Thích Thiện Siêu, Vô ngã là niết bàn, Nxb. Thuận Hoá, 1996.
 12. Lina Tarokhova, Những đứa con Điện Kremli, bản dịch, Nxb. Thông Tấn, 2003.
 13. Khuất Thạch (chủ biên), Những sự kiện quan trọng của nước Trung Hoa, Đoàn Mạnh Thế biên dịch, Nxb. Thanh Hoá, 2003.
 14. Thích Từ Thông (pháp sư), Duy ma cật sở thuyết kinh, trực chỉ đề cương, Huỳnh Mai tịnh thất, 1992.
 15. Hoàng Tâm Xuyên (chủ biên), Mười tôn giáo lớn trên thế giới, Dương Thu Ái, Phùng Thị Huệ dịch, PGS. PTS. Nguyễn Tài Thư, Bùi Phương Dung hiệu đính, Nxb. Chính trị quốc gia, 1999.
 16. Ngoài ra, có khảo luận - hồi kí: Mao Mao, Cha tôi, Đặng Tiểu Bình, thời kì cách mạng văn hoá, Lê Khánh Trường dịch, Nxb. Văn hoá - Thông tin, 2002.
 17. Tạp chí Xưa & Nay, Hội Khoa học lịch sử Việt Nam, 2001 - 2003.
 18. Tạp chí Nghiên cứu lịch sử, Viện Sử học Việt Nam, 2002 - 2003.
 19. Một số tư liệu về Tân Sở (1885), phong trào Cần vương tại Quảng Trị; "Con đường không vui"; "Đại lộ kinh hoàng"; chiến dịch Đường 9 Nam Lào (chiến dịch Hạ Lào); Thành Cổ 1972; về các nạn nhân chất độc màu da cam, phế liệu bom mìn...

20. Một số thông tin - tư liệu trong các kí sự của Hoàng Phủ Ngọc Tường, Xuân Đức, Nhất Lâm..., trong các hồi kí, ghi chép của các cán bộ lão thành cách mạng đã xuất bản và phần lớn đăng tải trên tạp chí Cửa Việt, báo Quảng Trị, trên các báo, tạp chí khác...

21. v.v...

III. KINH ĐIỂN:

- Đạo đức kinh (của Lão Tử), Thu giảng Nguyễn Duy Cần dịch và bình chú, Nxb. Văn Học tái bản, 1991.
- Nam hoa kinh (của Trang Tử), hai tập, Thu giảng Nguyễn Duy Cần dịch và bình chú, Nxb. Hà Nội tái bản, 1992.
- Kinh Thánh, Hội Thánh Tin Lành Việt Nam, bản in năm 1986.

1. Mục lục Kinh Thánh (trang đầu phần nội dung sách).

2. Môi-se, Sáng thế kí, 1-5 (5: 1 - 22), (tr. 1 - 5)

3. Ma-thi-ơ, các tiểu mục:

- a. Ví dụ về người nữ đồng trinh,
Ma-thi-ơ: 25: 1 - 13 (tr. 33).
- b. Ví dụ về các ta-lâng,
Ma-thi-ơ: 25: 14 - 30 (tr. 33 - 34).
- c. Sự phán xét cuối cùng,
Ma-thi-ơ: 25: 31 - 46 (tr. 34).

4. Lu-ca, các tiểu mục:

- a. Người trai trẻ giàu có,
Lu-ca: 18: 18 - 30 (tr. 94).
- b. Lời ví dụ về những nén bạc,
Lu-ca: 19: 11 - 28 (tr. 95 - 96).
- c. Đức Chúa Trời và Sê-sa,
Lu-ca: 20: 20 - 26 (tr. 97).
- d. Sự sống lại,
Lu-ca: 20: 27 - 40 (tr. 97 - 98).

- Kinh Qur' an [Co-ran] (ý nghĩa, nội dung), Hassan Abdul Karim dịch, Nxb. Tôn Giáo, 2000.
- Tuyên ngôn Đảng Cộng sản (của Karl Marx & Fridrich Engels), in lần thứ tám, Nxb. Sự Thật, 1974.
- Các tuyển tập, toàn tập của Lê-nin (V.I. Lênine), Hồ Chí Minh, Lê Duẩn, Phạm Văn Đồng, Trường Chinh...

■ v.v.É

IV. TỪ ĐIỂN:

- Từ điển triết học, Nxb. Tiến Bộ - Maxcova (1975), liên kết với Nxb. Sự Thật - Hà Nội, 1986.
- Từ điển văn học, Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội - 1983 (tập I), 1984 (tập II):

Các mục từ:

1. Kinh Coran (mục từ 36), tập I, tr. 361 - 362, Nguyễn Văn Khoả soạn.
2. Kinh Thánh (mục từ 38), tập I, tr. 362 - 363, Nguyễn Văn Khoả soạn.
3. Khang Hữu Vi (mục từ 10), tập I, tr. 346-347, Lương Duy Thứ soạn.
4. Lương Khải Siêu (mục từ 77), tập I, tr. 415-416, Lương Duy Thứ soạn.
5. Phan Bội Châu (mục từ 40), tập II, tr. 192-194, Nguyễn Đình Chú soạn.
6. Việt Nam vong quốc sử (mục từ 61), tập II, tr. 548, Triều Dương soạn.
7. Utôpia (mục từ 5), tập II, tr. 495 - 496, Nguyễn Văn Khôa soạn.
8. Cao Bá Quát (mục từ 29), tập I, tr. 107 - 109, Nguyễn Lộc soạn.

9. Nguyễn Công Trứ (mục từ 71), Nguyễn Du (mục từ 73), Phạm Thái (mục từ 37), tập II, tr. 53 - 54, tr. 54 - 57, tr. 189 - 191, Nguyễn Lộc, Nguyễn Huệ Chi soạn.
Ư v.v.É

TXA.

V. TRỰC QUAN: Triển lãm:

VĨ TUYẾN 17
DẤU ẤN CỦA TỘI ÁC CHIẾN TRANH

Bài của MAI NGUYỄN

Triển lãm Vĩ tuyến 17 - những dấu ấn về tội ác chiến tranh tại Bảo tàng Chứng tích chiến tranh TP. Hồ Chí Minh (28 Võ Văn Tần, quận 3), kéo dài tới ngày kỉ niệm Cách mạng Tháng tám năm nay, 19-8-2001, nhằm giới thiệu tới công chúng về mảnh đất máu lửa ở đôi bờ Bến Hải, tỉnh Quảng Trị - nơi người dân phải gánh chịu tang thương và những hậu quả nặng nề nhất trong cuộc chiến xâm lược do Mỹ tiến hành tại Việt Nam.

Ngay từ 1954, người Mỹ đã rắp tâm "lấp sông Bến Hải" vì không mấy hài lòng khi Hội nghị về hiệp định Genève chọn vĩ tuyến 17 làm giới tuyến tạm thời chia cắt hai miền Nam - Bắc Việt Nam; Mỹ muốn giới tuyến đó nằm sâu trên đất phía bắc hơn nữa. Sau này, bom Mỹ đánh sập cây cầu bắc ngang sông Bến Hải; và ở thời điểm này hình chụp chiếc cầu gãy đổ ấy được phóng to, treo trước phòng triển lãm, như biểu tượng của mưu toan "lấp sông" Bắc tiến của Mỹ thời đó.

Còn Pháp ? Họ cũng không chọn vĩ tuyến 17 từ đầu, mà đòi nhích ra phía sông Gianh, tỉnh Quảng Bình, thuộc vĩ tuyến 18, để ngăn đôi nước ta. Nhưng đoàn quân sự dự Hội nghị Genève 1954 của Việt Nam gồm thứ trưởng Bộ Quốc phòng Tạ Quang Bửu và đại tá Hà Văn Lâu đã kiên quyết bác bỏ. Ông Tạ Quang Bửu, trong cuộc gặp kín với đoàn quân sự Pháp tại một biệt thự về đêm, đã đặt mạnh bàn tay lên tấm bản đồ Đông Dương, áp chặt phần phía bắc Việt Nam và đòi hỏi cần giữ trọn miền đất đó:

- Chúng tôi phải hội đủ các yếu tố để thành một nhà nước với một thủ đô, đất đai và các hải cảng !

Tới phiên họp sau, yêu cầu về giới tuyến tạm thời của thứ trưởng Tạ Quang Bửu nhích xa vạch đề nghị của Pháp trên bản đồ để vượt khỏi Huế, Đà Nẵng và hướng vào phía nam hơn nữa, gồm luôn vùng đất liền khu 5 nằm trên vĩ tuyến 13 thuộc địa phận Quy Nhơn. Đoàn quân sự Chính phủ Pháp không chịu. Đoàn Chính phủ Anh đề nghị vĩ tuyến 16 cũng không xong. Cuối cùng, với sự nhất trí của hai đoàn Trung Quốc và Liên Xô, Hội nghị Genève chọn vĩ tuyến 17, thuộc địa phận Quảng Trị (*). Từ đó, sông Bến Hải thành nổi đầu chia cắt Bắc - Nam. Bờ bắc thuộc Vĩnh Linh chìm ngập dưới mưa bom của không quân Mỹ: tính đồ đồng mỗi người dân chịu 1 tấn bom đạn và 10 quả pháo, 15.656 nhà bị hủy, 1.353 vụ B52 rải thảm, 231 vụ rải chất hóa học, 102 vụ ném bom napalm... Những con số ấy do cuộc triển lãm nêu lên bên cạnh ảnh tư liệu về nhà thờ Di Loan bị đánh bom còn tro vòm cổng, toàn cảnh làng Vĩnh Mốc bị san bằng, giúp người xem hình dung ra cuộc sống “chìm sâu dưới lòng địa đạ” của Vĩnh Linh 1954 - 1973.

Đối diện là bờ nam khốc liệt và bi hùng ngay từ khoảng thời gian đầu sau hiệp định Genève 1954 với vụ thảm sát chấn động nhân tâm ở Hương Điền: ngày 8-7-1955 [...]. Tất cả có 92 người bị giết. Triển lãm trưng bày hình chụp, các bài báo ghi chép vụ thảm sát trên (**), cùng nhiều tư liệu về “vành đai trắng” do Mỹ thiết lập ở bờ nam sông Bến Hải, như sơ đồ hàng rào điện tử Mac Namara kèm cơ chế tổ chức và điều hành của nó. Đáng ghi nhận là phần trưng bày về thành cổ Quảng Trị và thị xã Quảng Trị, nơi hứng chịu tổng số bom đạn ném xuống suốt 81 ngày đêm (của “chiến dịch tái chiếm” năm 1972) bằng sức công phá của 7 quả bom nguyên tử, hình ảnh chiến trường và sức sống trên đường 9, Khe Sanh, Cửa Việt, Cửa Tùng, Cồn Tiên, Dốc Miếu. Những mảnh đất với các địa danh nhắc đến nhiều trong các bản tin chiến sự của đài báo Phương Tây một thời cũng là nơi nằm xuống của lớp lớp đồng bào, chiến sĩ; nay với diện tích chỉ hơn 5.000 cây số vuông mà có đến 72 nghĩa trang liệt sĩ chứa ngót 70.000 ngôi mộ, trong đó có 2 nghĩa trang quốc gia mang tên Đường 9 và Trường Sơn với 20.000 mộ của các người con thuộc nhiều miền Tổ quốc.

Trong số hơn 150 ảnh tư liệu và khoa học, kèm theo gần 50 hiện vật gốc, mang từ Bảo tàng Quảng Trị vào, có nhiều tấm chụp cảnh lính Mỹ tan tác tại Khe Sanh, đôi không tên, cảnh trung tá Phạm Văn Đính, trung đoàn trưởng Trung đoàn 56 phản chiến, ra hàng quân giải phóng, bên cạnh là trung đoàn phó, trung tá Vĩnh Phong, trong “mùa hè đỏ lửa” 1972.

MAI NGUYỄN

(Báo THANH NIÊN, số 187 (2074),
thứ hai 6-8-2001) (**).

■3. CƯỚC CHÚ của phần CHÚ THÍCH III:

(**) Xem: Nhiều tác giả, Đại cương Lịch sử Việt Nam, tái bản lần thứ tư, Nxb. Giáo Dục, 2001, tr. 947 – 953: Các bước vận động ngoại giao của Chính phủ Việt Nam dân chủ cộng hoà kháng chiến và của các cường quốc thuộc hai khối trên thế giới, cùng bản tóm lược hiệp định Giơ-ne-v (Genève) 20.7.1954.

(**) Về vụ thăm sát này, tác giả tiểu thuyết hiện chưa có đủ tư liệu để khảo chứng cũng như chưa có dịp tiếp xúc trực tiếp với các nhân chứng để rõ hơn. Xin mạn phép lược bỏ một số câu, thay bằng kí hiệu: [...].

(**) Tác giả tiểu thuyết xin mạn phép nhà báo Mai Nguyễn và Tòa soạn báo Thanh Niên để sử dụng lại bài báo trên. Xin cảm ơn.

MỘT SỐ CHỦ ĐIỂM TƯ TƯỞNG – CHÍNH TRỊ
TRONG TIỂU THUYẾT
MÙA HÈ BÊN SÔNG

□□□

Sự thật lịch sử và tinh thần hòa giải dân tộc ■ Khẳng định tầm vóc lớn lao và hào quang sáng chói của các cuộc kháng chiến chống Pháp, Nhật, Mỹ, bá quyền Trung Quốc, Khơ-me Đỏ ■ Sự thật lịch sử và sự thật con người trong lịch sử ■ Lịch sử là cái đã qua nhưng vẫn còn vận động trong hiện tại, tương lai gần và tương lai xa, do đó cần phải chiêm nghiệm ■ Giải tỏa những ngộ nhận về sự thật lịch sử ■ Phê phán tính chất bá đạo Tào Tháo chủ nghĩa và ma-ki-a-ven-lít trong lịch sử nhiều nước ■ Học thuyết Mác - Lê-nin - Hồ Chí Minh, khoa học, nhân bản, dân tộc với một số lệch lạc, sai lầm mang tính chất “ấu trĩ” “tả” khuynh” trong quá trình thực hiện học thuyết ấy

□□□

Văn hóa - tư tưởng Việt Nam độc lập, tự chủ ■ Chiêm nghiệm chủ nghĩa Mác - Lê-nin - Hồ Chí Minh ■ Sự kế thừa, phát triển, Việt Nam hóa chủ nghĩa Mác - Lê-nin của tư tưởng Bác Hồ ■ Công hữu hóa / học thuyết Mác - Lê-nin - Hồ Chí Minh ■ Chấp nhận sự đổ vỡ của các ảo tưởng tôn giáo ■ Giáo lí Thiên Chúa giáo và chủ nghĩa yêu nước Việt Nam: mâu thuẫn ■ Dục vọng bản năng - sự thăng hoa, vô minh - trí huệ: Đạo Phật và chủ nghĩa xã hội ■ Chủ nghĩa xã hội và ngọn nguồn Kinh Thánh ■ Nhà thờ tộc, đình làng, chùa trong văn hóa Việt Nam ■ Đền Hùng và Đền thờ Tổ quốc Việt Nam ■ Luật nhân quả hiện thực, duy vật ■ Tiến hóa luận và vai trò văn hóa (chất người) ■ Tàn dư mê tín do tề thần thánh hóa, sùng bái cá nhân ■ Nhận thức rõ sự xâm thực văn hóa (đi liền với sự lệ thuộc hóa về kinh tế và ý đồ tâm lí chiến của chủ nghĩa đế quốc tư sản trong tình hình

mới) ■ Tác hại của sự bùng bít thông tin, sự tuyên truyền
 kiểu ám thị, nhồi sọ ■ Đối sách thời bùng nổ thông tin ■
 Quan điểm nghệ thuật xã hội chủ nghĩa ■ Dân chủ trong
 phê bình văn nghệ ■ Sự bộc lộ con-người-vô-thức một cách
 vô thức trong tác phẩm văn nghệ : các bản năng chung ■
 Vận dụng thủ pháp “chép nguyên xi cuộc sống” để góp phần
 khắc họa tính cách nhân vật - Phê phán chủ nghĩa tự nhiên
 dung tục ■ Vai trò khoa học tự nhiên và kĩ thuật công nghệ:
 công nghiệp hóa và cứu rỗi nhân loại ■ Tư tưởng - xã hội
 với quan hệ sản xuất - Khẳng định tính ưu việt của quan hệ
 sản xuất xã hội chủ nghĩa ngay trong thời đoạn Mở cửa ■
 Chủ nghĩa Phơ-rớt với quan điểm duy vật lịch sử ■ Đác-uy-n
 và học thuyết đấu tranh giai cấp mang tính người

■■■

Số phận con người Việt Nam trong các cuộc kháng
 chiến chống thực dân, đế quốc và cách mạng xã hội chủ
 nghĩa - Di chứng hậu chiến ■ “Chủ nghĩa lí lịch”, “vết thương
 “nội chiến”” với cái nhìn khoa học, nhân bản ■ Sự phân biệt
 đối xử ■ Nạn nhân buổi giao thời ■ Khát vọng cống hiến và
 sự bình đẳng công dân ■ Mặc cảm Nam, mặc cảm Bắc ■
 Độc lập, tự do cho mỗi con người, mỗi dân tộc, mỗi đất
 nước ■ Vai trò của người trí thức ■ Công tác phản gián và
 vấn đề tổ chức cán bộ

■■■

Đoàn kết, thống nhất trên nền tảng chủ nghĩa yêu nước
 truyền thống và chủ nghĩa xã hội ■ Giữ gìn bản sắc dân tộc
 ■ Đoàn kết nhân loại trên tinh thần khoa học, nhân bản, cởi
 mở ■ Cái nối kết năm mươi bốn nhân tộc Việt Nam, trên
 nền tảng chủ nghĩa yêu nước, là mục tiêu lí tưởng cộng sản
 chủ nghĩa, sự nhận thức chân lí khoa học và sự thật lịch sử,
 là sự lãnh đạo dân chủ của Đảng Cộng sản Việt Nam, là
 tình nhân loại trong sự bình đẳng quốc gia, dân tộc, chứ
 không phải là niềm tin tín ngưỡng (tôn giáo) và sùng bái cá

nhân lãnh tụ (mãi mãi khẳng định nhân cách cao đẹp của
Bác Hồ)

□□□

TRẦN XUÂN AN

Ý NGHĨ KHI ĐỌC LẠI TIỂU THUYẾT CỦA MÌNH:
MÙA HÈ BÊN SÔNG

DANH DỰ TỔ QUỐC
VÀ THÓI TỆ SÙNG BÁI
CÁ NHÂN NGƯỜI NƯỚC NGOÀI...

Vì danh dự Tổ quốc, nỗi đau và niềm tự hào từ sự thật lịch sử, xin được nói rõ thêm đôi lời ở cuối sách.

Bài viết này được mở đầu theo cách trực khởi, khá đột ngột. Tuy nhiên, đã đến lúc xin nói thẳng, nói thật và nói ngay rằng: Không thể khuyến khích và không thể không phê phán việc sùng bái cá nhân giáo chủ nước ngoài, vua chúa, lãnh tụ ngoại quốc dưới mọi hình thức. Kính đề nghị tự nghiêm cấm và nghiêm cấm việc đặt ảnh tượng chân dung các vị ấy và biểu trưng về họ vào vị trí “trên đầu trên cổ” của cả dân tộc để bảo vệ quốc thể (danh dự Tổ quốc). Có thể nên có những đường phố, công viên mang tên Thích Ca, Khổng Khâu, Lão Đam, Rút Xô (Rousseau), Mác (Marx), Ăng Ghen (Engels), Lê Nin (Lénine)... tại thành phố Hồ Chí Minh. Sự nghiệp và cống hiến của họ cũng tương đương như các danh nhân thế giới về khoa học tự nhiên, khoa học xã hội - nhân văn, văn học nghệ thuật - tư tưởng, với sự đánh giá đúng mức, có cơ sở khoa học, với nhãn quan khoa học. Ngoài ra có thể kể cả Giê - Su - Phán - Đế (Jésus chống đế quốc Rome [La Mã]; không phải Jésus trong tay Giáo hội Thiên Chúa giáo, Tin Lành giáo (1) trước đây, vốn bị biến thành công cụ tâm linh - chính trị cho mục đích xâm lược, nô dịch) (2).

Bởi lẽ, cần nâng cao ý thức tôn trọng danh dự Tổ quốc Việt Nam, đồng thời cần bày tỏ ý thức tiếp thu văn hóa nhân loại. Tuy nhiên, phải khẳng định rõ: Tiếp thu để sáng tạo mới, làm nên những giá trị mới mang đậm bản sắc văn hóa

Việt Nam và bản sắc chủ thể sáng tạo là công dân Việt Nam.

Phê phán sự sùng bái cá nhân để khởi trượt chân vào vũng lầy của chủ nghĩa giáo điều. Sùng bái cá nhân và hậu quả của nó chỉ khiến hậu thế tê liệt óc sáng tạo, chỉ củng cố thêm di căn nhược tiểu, dẫn đến trì độn, hoặc mọi nỗ lực của cả dân tộc và từng cá nhân cũng chỉ nhằm làm sang, “đánh bóng” thêm cho các vị kể trên, trong khi các vị ấy chỉ là những con người, đều là những người thừa kế các tiền bối. Thích Ca, Khổng Khâu, Lão Đam, Rút Xô (Rousseau), Mác (Marx), Ăng Ghen (Engels), Lê Nin (Lénine)..., kể cả Giê - Su - Phấn - Đế (Jésus chống đế quốc Rome), đều không phải là gì khác mà chỉ là những người như thế - sáng tạo theo quy luật sáng tạo, trong đó có việc thừa kế, tích lũy, tiếp biến, nâng cao, phát kiến mới, phát minh mới, làm ra giá trị mới, mới mẻ và đặc sắc.

Sự nghiên cứu thấu đáo và nghiêm túc, một cách hết sức khoa học, để tiếp thu có chọn lọc, biết sáng tạo giá trị mới của hậu thế không phải là sự vô ơn, và tất nhiên, càng không phải là sự sùng bái mê tín đến mức mê muội, làm tổn thương đến quốc thể. Phải chọn lọc với lòng biết ơn, đồng thời phải phê phán sự mê muội ấy để giải phóng năng lực sáng tạo, để tôn vinh con người Việt Nam, Tổ quốc Việt Nam với lòng tự hào, tự trọng.

Sự mê tín và tham vọng bành trướng thế lực tôn giáo đã dẫn đến một ngàn năm đêm trường trung cổ ở Phương Tây, những cuộc chiến tranh tàn khốc nhưng vô nghĩa trên thế giới, thậm chí là xâm lược, phản quốc, như Giáo hội Thiên Chúa giáo và giáo dân Việt Nam đã từng câu kết với thực dân Pháp, Tây Ban Nha, đế quốc Mỹ để bạo hành tại nước ta, gây nên cuộc chiến 117 năm (1858 - 1975)! Đó hoàn toàn không phải là một nhận định quá đáng. Xâm lược để bóc lột, để khống chế, và truyền đạo Thiên Chúa, Tin

Lành để nô dịch! Giê - Su - Phán - Đế (Jésus chống đế quốc Rome [La Mã]) đã chết trên thập giá - cái chết tử hình - cách giai đoạn lịch sử 1858 - 1975 hơn 18 thế kỉ! Giê - Su - Phán - Đế đã bị bóp méo, xuyên tạc về tư tưởng và ít nhiều về hành trạng chống đế quốc La Mã, trở thành công cụ của chính La Mã! Ông ấy vô tội (3). Tội ác xâm lược và nô dịch nước ta là từ sự cấu kết của Giáo hội Thiên Chúa giáo với thực dân, đế quốc (cổ nhiên, bạo hành và bóc lột với vai trò chính vẫn là thực dân, đế quốc). Tội ác, sự cấu kết ấy còn diễn ra ở các nước châu Á khác, và ở châu Phi, châu Mỹ... Sự liên minh ma quỷ ấy tất yếu phải dẫn đến việc tự khai sinh, lớn dậy của phong trào cộng sản trên thế giới - một liên minh đối trọng, một lực lượng chính nghĩa và tiến bộ, theo hệ tư tưởng nhân văn xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa.

Với khát vọng về quyền tự quyết dân tộc, các tổ chức quốc tế cộng sản đã lần lượt giải thể. Các đảng cộng sản của các nước đã và đang phấn đấu trở thành những đảng độc lập, tự chủ trước vận mệnh dân tộc mình, trong sự liên minh bình đẳng. Đang trên tiến trình tốt đẹp đó, các đảng cộng sản lại bị rơi vào bi kịch “chiến tranh giữa các anh em đỏ”! Mao Trạch Đông độc quyền chuyên chế về tư tưởng với Hồng thư; Đặng Tiểu Bình bá quyền với chủ nghĩa cơ hội. Khơ Me (Kh'mer) Đỏ là một lực lượng cuồng tín, sai lầm và mê muội về mô hình “công xã cộng sản văn minh” (!), gây nên tội ác diệt chủng kinh hoàng như phát xít (fascisme), vốn cũng sùng bái cá nhân đến cuồng tín (4)!

Sự sụp đổ một loạt nhà nước xã hội chủ nghĩa trong 2 thập niên 80, 90 của thế kỉ XX là bởi nguyên nhân nào?

Do nhiều nguyên nhân, trong đó có thói tộ sùng bái cá nhân Mác (Marx), Ăng Ghen (Engels), Lê Nin (Lénine)..., một khi ý thức độc lập dân tộc - Tổ quốc (gồm nhiều nhân tộc) trỗi dậy (5).

Do đó, trên tinh thần tự hào, tự trọng của dân tộc Việt Nam (gồm trên 50 dân tộc), chúng ta phải phê phán sự sùng bái cá nhân, cuồng tín của các tôn giáo, kể cả di căn của nó ở những người cộng sản (vốn chống sự sùng bái cá nhân, cuồng tín nhưng cũng chưa thoát được, lại biến tướng ở một dạng khác!).

Từ kinh nghiệm xương máu của dân tộc và nhân loại đó, chúng ta rút ra được bài học gì? Bài học lịch sử vẫn là: “Không có gì quý hơn độc lập, tự do” (độc lập với quyền tự quyết dân tộc; tự do bao hàm tất cả các quyền dân chủ) và chủ nghĩa xã hội cần phải khoa học, thực tiễn, đậm đà bản sắc dân tộc (gồm 5 thành phần kinh tế; chủ nghĩa yêu nước và nhân nghĩa Việt Nam là cốt lõi, là nền tảng để tiếp nhận chủ nghĩa xã hội).

Phong trào cộng sản liên minh bình đẳng gồm các đảng cộng sản độc lập, tự chủ trên thế giới, xin hãy khắc phục để lớn mạnh.

Đất nước Việt Nam của các dân tộc chúng ta, xin hãy khắc phục thói tệ sùng bái cá nhân người nước ngoài và hậu quả của nó là chủ nghĩa giáo điều chết cứng hoặc quá rập khuôn, máy móc đến vô tri để sáng tạo mới.

Xin hãy cảnh giác trước mọi âm mưu, thủ đoạn, luận điệu mới của các loại tôn giáo, thực dân, đế quốc, phát xít (fascisme), bá quyền mới.

Xin hãy để những thế hệ Việt Nam hôm nay và mai sau tự hào về sự sáng tạo nên các giá trị mới của chính con người Việt Nam.

Tất nhiên, để chúng ta giảm và tránh được sự sa lầy, trượt chân dạng khác vào các vũng bùn suy đồi, phản dân tộc, phi nhân tính, các hố rác mê muội, cuồng tín, thiếu tính khoa học, cá nhân chủ nghĩa, và đặc biệt là các bãi thải của những thứ văn hóa - tư tưởng hạ bộ con người, cần có các cuộc tọa đàm, hội thảo, hội nghị khoa học về văn học nghệ

thuật, văn hóa, tư tưởng, khoa học tự nhiên, xã hội - nhân văn, và cần có các cuộc đối thoại, phê bình trên báo chí. Kính mong rằng lãnh đạo không phải là truyền phán một chiều từ trên xuống, mà vẫn là lắng nghe, góp ý, lấy quyết nghị một cách dân chủ, công khai, minh bạch và xác thực. Sự sa lầy, trượt chân dẫm vào các vũng bùn, hố rác, bãi thải kể trên dẫn tới hậu quả: Đến nay đã ngập ngựa đến tận đầu tận cổ !

Xin hãy cổ vũ ý chí phục hưng, cách tân các giá trị truyền thống thuần túy dân tộc Việt Nam, ý chí sáng tạo nên những giá trị mới, lành mạnh, hiện đại - dân tộc, về vật chất và tinh thần, đóng góp vào văn hóa - lịch sử nhân loại. Đó là những giá trị Việt Nam mang tâm hồn, tư tưởng, cốt cách của con người Việt Nam, chứ không phải là các giá trị ngoại nhập với những ảnh hưởng chân dung giáo chủ, lãnh tụ người nước ngoài hoặc các biểu trưng về họ và của họ.

Tp. HCM., 17.8.2001
TRẦN XUÂN AN

-
- (1) Tuy nhiên, với kinh nghiệm về Thiên Chúa giáo thời trước, nhân dân Miền Nam Việt Nam (1954 - 1975) không dễ bị Tin lành giáo mua chuộc. Thực chất, ở Miền Nam, Thiên Chúa giáo vẫn khuyh loát; có giai đoạn lộ liễu (1954 - 1963), có giai đoạn ngấm ngầm (1963 - 1975).
 - (2) Mỗi đường phố, công viên đặt tên danh nhân thế giới, danh nhân Việt Nam (gồm cả các anh hùng chiến trận) nên có một tấm bia ở mỗi góc đường. Trên tấm bia đá hoặc đồng ấy, xin khắc ghi vắn tắt vài dòng tiểu sử và công trạng của danh nhân với sự đánh giá đúng mức và có cơ sở khoa học, với nhãn quan khoa học, để tránh tình trạng mù mờ, ngộ nhận về lịch sử, về văn hóa. Như thế mới phát huy hết tác dụng của việc đặt tên danh nhân cho đường phố, công viên. Ngoài ra, tên một tác phẩm lớn, công trình lớn cũng xứng đáng để đặt tên như vậy

(theo dạng tên chiến công lịch sử). Kinh phí? Nhân dân sinh sống dọc đường phố, quanh công viên ấy hẳn sẽ ủng hộ, đóng góp.

- (3) Theo đúng nguyên ý Kinh Thánh, tư tưởng sắp đến ngày tận thế; nước ta không thuộc về thế gian này, nước ta hiện nay ở trên trời; tội tớ ta không đánh trận... là của Giê Su (Jésus). Sự khai thác tư tưởng ấy ở khía cạnh tiêu cực, biến thành hoàn toàn bi đát trước sự thống trị của đế quốc La Mã (Rome), là rất nguy hiểm, gây tác hại lớn, góp phần đẩy dân tộc Do Thái vào bước đường lưu vong, vô tổ quốc (tạo nên cơ sở lịch sử của chủ nghĩa tam vô ở những người có gốc Do Thái như Các Mác (Karl Marx)).
- (4) Phát xít (fascisme) Đức, Ý, Nhật lại sùng bái quốc trưởng, thiên hoàng của chúng! Hãy nhớ lại 2 triệu người Việt Nam chúng ta bị phát xít (fasciste) Nhật đẩy vào cảnh bị chết đói năm 1945 (phải nhổ lúa trồng đay theo lệnh chúng!).
- (5) Tác giả xin ghi lại ở đây một đoạn của một chú thích ở chương XIII: Trên tinh thần hòa giải dân tộc, xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc vững mạnh, giữa hai miền Nam, Bắc, với niềm cảm thông chân thật, cũng cần phải nói rằng: Sở dĩ một bộ phận không ít người Miền Nam Việt Nam không thể tham gia kháng chiến, hoặc vượt tuyến ra Miền Bắc, cũng vì lẽ đó. Và cũng trên tinh thần ấy, xin mạnh dạn nói rõ hơn: Ngoài ảnh tượng chân dung các “giáo chủ”, lãnh tụ ngoại quốc (chưa kể danh từ “xô-viết” trong cuộc khởi nghĩa Xô-viết Nghệ - Tĩnh, 1930 - 1931), còn có vấn đề là màu cờ đỏ, hình tượng sao vàng, búa liềm vàng. Từ ảnh tượng ấy, màu cờ và các biểu trưng ấy, không thể không nghĩ đến Miền Bắc Việt Nam bị lệ thuộc vào Liên Xô, và thân phận Trung Quốc cũng chẳng khác gì (Liên Xô sinh nở ra Trung Quốc!), mặc dù về sau hai nước lớn ấy có “bất hoà” với nhau.

Cái được gọi là nhận thức ấy chắc hẳn không phải bị chi phối bởi tâm lí giai cấp ở miền trong của Đất nước, vì cũng như Miền Bắc, tại Miền Nam đại đa số vốn là nông dân (liềm), một phần khác là thợ thuyền (búa), có truyền thống trọng thị chân lí và kẻ sĩ

(ngôi sao). Có thể cái còn gọi là thao thức kia chỉ là hậu quả của sự tuyên truyền. Tuy nhiên, thao thức có thật ấy, trong giai đoạn lịch sử đó, quả thật cũng xuất phát từ sự nhận thức khách quan của rất nhiều người, một nhận thức đã hoá thành nỗi băn khoăn nhức nhối, đọng lại ở các câu hỏi: 1. Chủ quyền Miền Bắc Việt Nam thuộc về ai? 2. Ở Miền Bắc, liệu truyền thống thờ kính cội nguồn tổ tiên, tháp hương tại các đình làng, chùa chiền có được tồn tại? Và tại sao trong nhà sàn Bác Hồ không có bàn thờ gia tiên, theo truyền thống đạo lí của dân tộc Việt Nam ta? Đó cũng là sự thật lịch sử - sự thật về tuyên truyền của Mỹ ngụy, nhưng cũng là sự thật ở nội tâm một phần không ít nhân dân Miền Nam Việt Nam. Nhận thức ấy, thao thức ấy có lẽ chỉ tồn tại trước tháng 4 năm 1975; phải chăng sau đó đã được giải tỏa, hay bị củng cố thêm bởi hiện thực hằng ngày trước mắt? Tất nhiên, từ diễn ra công cuộc Đổi mới, tình hình đã khác...

KÍNH MONG HÃY CẢM THÔNG, HÒA GIẢI, VÀ ĐẠI ĐOÀN KẾT.

CHỈ CÓ THỂ ĐẠI ĐOÀN KẾT DÂN TỘC MỘT CÁCH BỀN VỮNG TRONG TINH THẦN CẢM THÔNG, HOÀ GIẢI ẤY.

Tuy nhiên phải khẳng định và phải khẳng định: Những người cầm súng cho thực dân Pháp, phát xít (fascisme) Nhật, đế quốc Mỹ và “tả đạo” Thiên Chúa giáo..., ở Miền Nam Việt Nam (không ít là dân Miền Bắc di cư vào Nam), rõ ràng là bị đẩy vào tình cảnh phản quốc hay ít nhiều cũng tự ý phản quốc. Và hiển nhiên, lực lượng nào đánh bại được Pháp, Nhật, Mỹ, “tả đạo” Thiên Chúa giáo, bá quyền Trung Quốc, đánh đổ được ngụy triều Huế (1885 – 1945) (II.19), ngụy quyền Sài Gòn (1954 – 1975), chế độ diệt chủng Khơ Me (Kh’mer) Đỏ, chính danh và chính nghĩa thuộc về lực lượng ấy. Đó là đa số nhân dân Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam.

(Chú thích của tác giả bài viết).

■5. CƯỚC CHÚ bài Ý NGHĨ KHI ĐỌC LẠI TIỂU THUYẾT CỦA MÌNH: MHBS.: DANH DỰ TỔ QUỐC VÀ THỜI TỆ SÙNG BÁI CÁ NHÂN NGƯỜI NƯỚC NGOÀI...: Không có cước chú.

PHỤ LỤC I

tiểu thuyết
MÙA HÈ BÊN SÔNG

Để tránh những hiểu lầm đáng tiếc,
phần phụ lục về Nguyễn Văn Tường
(bài nghiên cứu “Nguyễn Văn Tường [1824-1886]
với nhiệm vụ lịch sử
sau cuộc kinh đô quật khởi [05 tháng 7.1885]”)
không thể cắt rời khỏi tiểu thuyết
Mùa hè bên sông (Nỗi đau hậu chiến).

TRẦN XUÂN AN

NGUYỄN VĂN TƯỜNG (1824-1886)
VỚI NHIỆM VỤ LỊCH SỬ
SAU CUỘC KINH ĐỒ QUẠT KHỞI (05 THÁNG 7.1885)

(VÀI CHỦ ĐIỂM SỬ HỌC SƠ LƯỢC CẦN THIẾT
KHI CẢM NHẬN BÀI “GIẢI TRIỀU...” (1)
CỦA NGUYỄN VĂN TƯỜNG).

GIẢI TRIỀU...

Tam thập niên lai phí kỉ kinh
Vô đoan dạ bán bách sầu sinh
Kì khai tam sắc, vân lô biến
Già thính song xuy, kê khuyến kinh
Sơn kính vạn trùng thương thủy liễu
Thần tâm nhất dạng luyện đan đình
Thị phi nhiên phó thiên thu hậu
Xã tắc quân vương thực trọng khinh?

CHIA TÁCH TRIỀU CHÍNH...

Ba chục năm qua phí trí mình
Nửa đêm, gian tả! Ép buồn sinh
Cờ chia ra khoảnh, giông quyền biến
Kẹp siết theo roi, chó hãi kinh
Núi biếc vạn trùng, lo kiệu Ngự
Lòng son một dạng, luyện sân Đình
Đúng? sai? Ấy gửi nghìn thu luận
Theo nước – phò vua, đâu trọng khinh?
(Bản dịch thơ từ nguyên tác chữ Hán).

Hai câu bổ sung:
CHIA TÁCH TRIỀU CHÍNH...

U trung thù bạch thiên thu hậu?
Xã tắc quân dân thực trọng khinh?

Lòng trung sâu kín, sau ai tỏ?
Tổ quốc, dân, vua, đâu trọng khinh?

1) MỘT BỐI CẢNH LỊCH SỬ HOÀN TOÀN BẾ TẮC.

Tứ thơ “chia tách triều chính” nhưng vẫn “nhất dạng” khởi từ tình huống mà Dụ Cần vương ghi rõ: “Từ xưa kế sách chống giặc không ngoài ba điều: đánh, giữ, hòa. Đánh thì chưa có cơ hội [điều kiện thực lực – TXA. chưa thêm (:ct).], giữ thì khó lượng được sức, hòa thì chúng đòi hỏi không biết chán. Đương lúc sự thế muôn vàn khó khăn như vậy, bất đắc dĩ phải dùng quyền [quyền biến – ct.]” [1].

Hai mật dụ Hàm Nghi cùng Tôn Thất Thuyết từ Tân Sở (Cam Lộ, Quảng Trị) gửi về cho Nguyễn Văn Tường (02.6 Ất Dậu) và hoàng tộc (07.6 Ất Dậu, 1885) cũng nói đến kế sách quyền biến với nhiệm vụ “kẻ ở” của ông.

2) SỰ PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ LỊCH SỬ: "TỔ QUỐC, VUA, DÂN, ĐÂU TRỌNG KHINH?".
NỖI KHỔ TÂM, LÒNG TRUNG NGHĨA CỦA NGUYỄN VĂN TƯỜNG QUA MẬT DỤ HÀM NGHI GỬI VỀ TỪ TÂN SỞ (CAM LỘ, QUẢNG TRỊ).

Tất nhiên, “xã tắc, quân, dân, thực trọng khinh?”, câu ấy đưa ra một sự chọn lựa với hành động chính trị cụ thể trong tình huống lịch sử cụ thể, ai là “kẻ ở”, ai là “người đi”.

Chính trong mật dụ gửi về từ Tân Sở, Hàm Nghi (và Tôn Thất Thuyết) đã dùng hai từ ấy với xác quyết: “Nay đại thần Tôn Thất Thuyết cùng ta quanh quẩn, còn người [:Nguyễn Văn Tường – ct.] là phụ chính đại thần thì ở lại mà thương đăm; kẻ ở, người đi đều lấy lòng yêu nước lo dân làm căn bản; trời đất cũng thực chứng giám...” [2]. Mật dụ ấy cùng với Dụ Cần vương được gửi về và phát đi trong một ngày (02.6 Ất Dậu: 13.7.1885).

Nguyễn Văn Tường đã chọn lựa vị trí giáp mặt với kẻ thù một cách trực diện, một vị trí mà Tôn Thất Thuyết không có khả năng đảm đương. “Kẻ ở”, cũng là nhiệm vụ bà Từ Dũ giao phó cho ông [3]. Nguyễn Nhược Thị Bích kể bằng thơ:

“Thấy người trước đón lên đường
Gửi rằng: “Có Nguyễn Văn Tường chực đây”
Phán rằng: “Sự đã đường này
Người tua [:lo; nên – ct.] ở lại, ngô rày xử phân”
Vâng lời Tường mới lui chân
Giá ra khỏi cửa, dân lần dỏi theo”.

Và ở Dậu Tuất niên gian phong hỏa kí sự:

“Thuyết – Tường sanh sự sự sanh [?! – ct.]
Đem Hàm Nghi trốn bôn hành Khiêm Lăng
Cùng nhau bàn luận rửa răng
Thuyết đi hộ giá, Tường băng về đầu
Khéo làm chức nhiệm [:nhịn? “thành thực”? – ct.]
mưu sâu

Pháp quan mắc mớp tường đầu thiệt tình” [4].

Cho dù với cách diễn đạt theo quan điểm thuộc chính kiến nào đi nữa, hai đoạn thơ trên cũng phản ánh về một sự thật lịch sử!

3) "LÒNG TRUNG SÂU KÍN, SAU AI TỎ?".

"U trung thù bạch thiên thu hậu?". Đó là nổi bản khoản của Nguyễn Văn Tường từ ngày 23.5 Ất Dậu (05.7. 1885).

3.a. ĐẤU TRANH MẶT NỔI VÀ MẶT CHÌM.

Qua các tư liệu lịch sử có tính cùng thời, sau khi đối chiếu, loại trừ, thấy rõ Nguyễn Văn Tường vẫn công khai đấu tranh với De Courcy, De Champeaux, Silvestre, Nguyễn Hữu Độ trong hai tháng sau đêm Kinh Đô Quật Khởi (22 – 23.5 Ất Dậu, 1885). Hơn thế nữa, ông còn ngầm chỉ đạo phối hợp với phong trào Cần vương.

3.a.1. ĐẤU TRANH VỚI THỰC DÂN PHÁP, BỌN TAY SAI, CƠ HỘI.

Quốc sử quán triều Nguyễn đã ghi rõ [5], tất nhiên với giọng điệu và cái nhìn của người chép sử bảo hoàng dưới chế độ phong kiến. Dầu vậy, qua đó, hậu thế vẫn thấy Nguyễn Văn Tường khẳng khái, không hề chịu khuất phục khi đối mặt với kẻ thù đã thắng trận, với bọn tay sai vốn đã từ lâu bán linh hồn cho quỷ thực dân và tả đạo:

"Lấy quyền tổng đốc Hà – Ninh là Nguyễn Hữu Độ thăng thự Vũ Hiến điện đại học sĩ, sung Cơ mật viện đại thần, vẫn sung Bắc kì kinh lược đại sứ.

Khi ấy Hữu Độ đã trở về Hà Nội, đô thống Pháp là Cô-ra-xy [De Courcy – ct.], khâm sứ là Tham-bô [De Champeaux – ct.] bàn nói: Hiện nay Bắc kì lăm việc, Hữu Độ ở đấy hiểu nhiều, nên trao cho điện hàm, sung viện chức, và vẫn sung chức sứ ấy; phàm đốc, phủ, bố, án, ở các tỉnh Bắc kì cho đến các phủ huyện, nếu nơi nào có khuyết, cho do Nha Kinh lược sứ chọn tâu, chờ chỉ định đoạt. Nhiếp chính Miên Định, phụ chính Nguyễn Văn Tường phúc tâu [cho thái hoàng thái hậu Từ Dũ – ct.] việc đó là tạm

thời [TXA. in đậm (:iđ)], nghĩ nên tạm nghe ý đó mà làm. Văn Tường nhân phụng dụ [của Từ Dũ – ct.] nói: trái bày lý do. Lại nói: do người tuy việc thoả bàn vụ hợp thời nghi để xứng với lời khen của người mới được. Vì ý ám chỉ chê Hữu Độ nương tựa vào thế quan Pháp, để được ngôi cao, mà không phải tự bản ý do mệnh lệnh của Triều đình vậy.

(Trước đây, Nguyễn Văn Tường cùng Tôn Thất Thuyết cho rằng Hữu Độ ở Hà Nội phần nhiều hay nịnh hót, quan Pháp rất được vui lòng; Cơ mật viện nhiều lần đem việc tâu lên, chuẩn cho khiển giáng hay triệu về, Hữu Độ đều được quan Pháp che chở, rất là đáng ghét [iđ].)

Ngày tháng 7 năm ngoái, khuyên Bùi Hữu Tạo lấy việc xây sinh từ [của Nguyễn Hữu Độ – ct.] để tâu hặc, vì muốn nhân đó để đẩy Hữu Độ đến tội. Hữu Độ chứa sự bất bình đã lâu. Gần đây đô thống Pháp từ Bắc về Sứ quán, tức thì trước mời Văn Tường và Thuyết đến họp. Thuyết ngỡ sợ cho là hấn Hữu Độ đã có ngầm chỉ thế nào, nên mới như thế, cho nên sau không chịu đi; bèn gây hận; đến đây [Hữu Độ – ct.] về kinh, [y – ct.] lại đến Sứ quán, rồi về nhà riêng [của Hữu Độ tại Huế – ct.], uỷ đón nhiếp chính Thọ Xuân vương Miên Định tới bàn với Văn Tường; và [Hữu Độ – ct.] gièm [rằng – iđ. & ct.] không bàn với Thọ Xuân vương thì đừng đi. Kịp khi Hữu Độ tới Sở Thương bạc mà Văn Tường ở đó, hai người nói chuyện với nhau, đã hơi có ý khiếm hòa [:thiếu hoà khí – ct.]; Văn Tường phụng dụ này, lời lẽ lại có ý chê ngầm theo kiểu bì lí xuân thu [:bê ngoài với lí lẽ khác nhau như mùa xuân với mùa thu – ct.]. Hữu Độ tiếp dụ, giận lắm, nhân đó càng thêm để lòng”.

Qua giọng điệu và cách nhìn không được trong sáng lắm của nhà chép sử triều Nguyễn, chúng ta gạt đi khía cạnh bị nhuộm màu cá nhân hiểm khích, sẽ thấy rõ, thực chất, đó là cuộc đấu tranh về vấn đề bố trí quan chức ở Bắc kì, vấn đề chống bọn tay sai, cơ hội, Nguyễn Hữu Độ là tiêu biểu.

Nguyễn Văn Tường, Tôn Thất Thuyết, trước đó đã “đặc biệt đem câu xem gió chuyển buồm trách Hữu Độ” [6]. Mà đâu chỉ Nguyễn Hữu Độ! Cùng một giuộc với y, còn có Nguyễn Trọng Hợp [7], Hoàng Cao Khải, Nguyễn Huy Lân... [8], và bất ngờ nhất, còn là Nguyễn Thân (con trai Nguyễn Tấn), lẫn Phan Đình Bình!

Thực chất của vấn đề bố trí nhân sự ấy, xét cho cùng, là vấn đề còn hay mất Bắc kì. Đó là nội dung của khoản 7 “hòa” ước Patenôtre (1884). Và tại sao lúc đó, kinh đô đã thất thủ, Nguyễn Văn Tường vẫn không chấp nhận “như quan Pháp có kiểm được quan Nam nào nên làm hoán cách, có xin hoán cách ấy, tức làm hoán cách” [9], mà chỉ miễn cưỡng, xem là tạm thời, còn đòi hỏi Pháp phải trả bày lí do [10], mặc dù Từ Dũ đã chấp nhận? Phải chăng Nguyễn Văn Tường đang dựa vào sức quật khởi của phong trào Cần vương đang dậy lên khắp cả nước, và theo mật dụ Hàm Nghi gửi về: “cùng y [De Courcy – ct.] giảng rõ về lí thế, cân nhắc về lợi hại, hết lòng thỏa hiệp [:hiệp bàn thỏa mãn đôi bên – ct.], phạm những khoản gì bách thiết, phải chung nhau bàn đổi” [11]?

Dẫu trong thế kẹt lịch sử như vậy, Nguyễn Văn Tường vẫn đấu tranh trực diện với De Courcy, De Champeaux, Nguyễn Hữu Độ mà ĐNLT.CB., tập 36, tr. 236 – 237 đã ghi, như đã trình bày ở phần trên. Việc Nguyễn Văn Tường phải kí phụ ước (30.7.1885) ấy với Silvestre, Nguyễn Hữu Độ, đã được Nguyễn Nhược Thị Bích miêu tả:

“Pháp nhân lập ước hội đồng
 Những điều lẩn hiếp khó lòng y theo
 Văn Tường chẳng khứng thuận chiều
 Trái tình, Hữu Độ mượn điều Bắc quy” [12]

Từ năm 1921, ngay dưới chế độ thực dân, Trần Trọng Kim đã viết một cách kín đáo:

“Trong khi vua còn đi vắng, thống tướng De Courcy đặt ông Thọ Xuân lên làm giám quốc, giao binh quyền Binh bộ

thượng thư cho viên khâm sứ De Champeaux, để bãi việc binh lính của ta đi [iđ.], và gọi quan kinh lược ở Bắc kì là Nguyễn Hữu Độ và quan tổng đốc Nam Định là Phan Đình Bình về cùng với Nguyễn Văn Tường coi việc Cơ mật. Vì hai ông ấy ở Bắc kì đã hiểu mọi việc và đã biết theo chính sách bảo hộ [iđ.], cho nên thống tướng đem về để thu xếp mọi việc cho chóng xong. Nguyễn Văn Tường và Nguyễn Hữu Độ không hợp ý nhau [iđ.], Nguyễn Hữu Độ lại trở ra Bắc kì” [13].

Hợp ý thế nào được với kẻ bán nước, “đã biết theo chính sách bảo hộ”, thực dân Pháp bảo gì nghe nấy!

3.a.2. ĐỐI PHÓ VỚI PHE CHỦ "HOÀ" (TỪ DŨ, MIÊN ĐỊNH...) VỚI PHƯƠNG THỨC "KHÔNG BIẾT GÌ HẾT".

Một vấn đề gay gắt nữa là Nguyễn Văn Tường không chỉ phải đối phó với Pháp và bọn cơ hội, tay sai, mà còn phải đối phó với phe chủ “hòa”, đứng đầu là Từ Dũ cùng Miên Định (giám quốc, nhiếp chính). Miên Định là một người có tư cách hèn hạ đến mức ngửa tay xin tiền khâm sứ Pháp, đến nỗi Đồng Khánh cũng cho là nhục quốc thể [14]!

Đối với thái hoàng thái hậu Từ Dũ, Nguyễn Văn Tường phải làm ra vẻ bị Tôn Thất Thuyết lừa dối [15] (2). Ông ở trong thế kẹt, nên phải vờ như giữa ông và Tôn Thất Thuyết chưa hề bàn bạc để khởi binh đêm 22 – 23.5 Ất Dậu (05.7.1885), mặc dù đây là cuộc khởi binh bất đắc dĩ, bị Pháp ép vào thế chẳngặng đừng:

“Bằng còn ỷ thế quá ngang

Thời ta sẽ liệu quyết đường hơn thua!” [16].

Biết sẽ có khả năng bị thất thủ, nhưng đến lúc cũng “đành liều may rủi với trời” [17].

Cuộc Kinh Đô Quật Khởi chỉ nhằm phát động tổng nổi dậy Cần vương trên toàn quốc để đấu tranh ngoại giao, chính trị.

Nguyễn Văn Tường giả vờ “không biết gì hết” trong đêm 22 – 23.5 Ất Dậu, 1885 [18] để ở lại làm nhiệm vụ đàm phán của “kẻ ở”, trong khi Tôn Thất Thuyết là “người đi”.

Phương thức “không biết gì hết” được Aldophe Delvaux cho là: “Ông phụ chánh thứ nhất (Tường) đã miễn cưỡng hành động dưới ảnh hưởng ngông cuồng của ông Thuyết, bất chấp mọi lời khẩn cầu của mẹ vua Tự Đức và ông hoàng Hoài Đức (em vua Thiệu Trị) [thay Hồng Hưu – ct.] là những người chống lại các sự vận động của phái yêu nước” [19] (3). Theo Delvaux, ấy là tin tức mật thám của Pháp trong buổi sáng 04.7.1885 mà De Champeaux nắm được! Thật ra, Nguyễn Văn Tường đã cho phép và đã thay mặt vua ra lệnh cho Tôn Thất Thuyết chuẩn bị kháng chiến, lập đạo quân Phấn Nghĩa cho thêm thanh thế (1883 – 05.7.1885), để đấu tranh với Pháp. Ngay trong những giờ phút sắp đến thời điểm nổ ra cuộc Kinh Đô Quật Khởi, khi Tôn Thất Thuyết “lại nghiêm sức các quân dinh kiểm soát, chinh đồn những đồ khí giới, Văn Tường với đình thần cho rằng đó cũng là thanh thế để phòng bị vậy” [20]. Và tất nhiên, nếu cần, cũng phải lấy tấn công làm phòng thủ.

3.a.3. VỚI PHƯƠNG THỨC "KHÔNG BIẾT GÌ HẾT", NHẪM PHỐI HỢP BÍ MẬT NHƯNG CHẶT CHẼ VỚI PHÒNG TRÀO CẢN VƯƠNG.

Quả vậy, Nguyễn Văn Tường đã lãnh đạo Cơ mật viện họp bàn rất bí mật. Đã đến lúc không thể không thực hiện kế hoạch chính Nguyễn Văn Tường cùng Thân Văn Nhiếp, Nguyễn Quýnh vạch ra, và Nguyễn Văn Tường đã đích thân, tự nguyện tiến hành bước đầu từ 1864, 1866 [21]. Gần hai mươi năm trước thời khắc lịch sử này, đó là việc tâu xin mở thương đạo, đặt cơ sở để khởi công xây dựng thành lũy Tân Sở, tuy còn dở dang. Khát vọng kháng chiến còn thể hiện ở bài thơ “Bệnh trung kí phòng đồng chí” [22] (4) được viết vào quãng thời gian còn tiểu phi ở phía bắc,

khoảng những năm đầu của thập kỉ 70 (thế kỉ XIX). Và vào năm 1883, kế hoạch đó lại được tiến hành một cách vững chắc với quy mô lớn [23]. Trong thời điểm cụ thể vào đầu tháng 7.1885 này, Tôn Thất Thuyết cũng như Nguyễn Văn Tường, cả hai cùng “nhất dạng”, nhất trí với sự tổng hợp phương thức: vừa kháng chiến vũ trang (đánh), vừa “không biết gì” (đàm), phương thức ông đã từng đấu tranh thắng lợi vào cuối năm 1873, đầu năm 1874. Thắng lợi ấy, ngay cả “Quốc triều chính biên toát yếu” [24] lẫn “Việt Nam sử lược” [25] đều ghi nhận, và trích dẫn nguyên văn cuộc đối thoại giữa Nguyễn Văn Tường với Philastre một cách thán phục (5). Còn đây là đoạn đối thoại giữa vua Tự Đức với triều thần và Nguyễn Văn Tường về phương thức “không biết gì” kết hợp với tiến công vũ trang, sau khi đã thành công:

“Vua bảo [...] Viêm và Thuyết mùa đông năm ngoài [21.12.1873 – ct.] giết được đầu sỏ giặc, làm mất khí thế của chúng, Nguyễn Văn Tường nhân đấy dễ làm việc; Văn Tường nói: Tuy có trở ngại một chút, nhưng thực giúp được nhiều. Đây là lời bình tâm không khoe công. Viêm và Thuyết nên [được – ct.] phong tước, giả lại chức quan” [26].

Đó là lúc thu hồi lại bốn tỉnh Bắc kì, sau khi hạ sát Francis Garnier trong sự tức tối điên cuồng của Jean Dupuis, Puginier, Rheinart và bọn “dữ dân” trong giáo dân (như tên ngụy tổng đốc Trương, vốn là thợ rèn theo “tả đạo” chẳng hạn) [27].

Phương thức đó, mười năm sau (1883) vẫn còn hiệu quả, với cái chết của Henry Rivière, cũng do quân Lưu Vĩnh Phúc trực tiếp hạ sát, dưới sự chỉ đạo của Hoàng Tá Viêm, tại Hà Nội.

Nguyễn Văn Tường, Tôn Thất Thuyết lại tiến hành một lần nữa, dữ dội và quyết liệt hơn, ngay tại kinh đô Huế, 1885.

Dẫu thất bại, Nguyễn Văn Tường, sau 05.7.1885, vẫn tiếp tục đấu tranh. Bởi thế và lực so với 1873, 1874 đã ngặt

nghèo hơn, Nguyễn Văn Tường không còn ở tâm thế ung dung như mười hai năm trước, mà đang vô cùng khổ tâm. De Courcy không bị hạ sát! Mang Cá và Tòa Khâm không bị triệt tiêu như mong muốn! De Courcy và De Champeaux lại đang nhân danh Triều đình để thao túng!

Do đó, phong trào Cần vương vũ trang đã bùng lên khắp nước!

Quốc kế “chia tách triều chính” nhưng vẫn “nhất dạng”, phối hợp bí mật nhưng rất chặt chẽ, là một sáng tạo rất táo bạo, trong điều kiện thế và lực lúc bấy giờ!

Qua việc trích dẫn những tư liệu của Puginier, theo giáo sư Nguyễn Văn Kiệm [28], chúng ta thấy rõ sự thật lịch sử, với sự miêu tả của chính đối phương, về nỗ lực của Nguyễn Văn Tường: “Vua Hàm Nghi đi theo Thuyết còn phụ chính Tường ở lại, vẫn giữ nguyên chức tước, và sau một thời gian trá hàng, lại tiếp tục có những hành động đối kháng. Chính theo lệnh của y mà khoảng 30.000 giáo dân đã bị hại chỉ trong vòng 2 tháng và hơn 1.000 người khác cũng chịu chung số phận do các quan lại thi hành mệnh lệnh trên...”.

Delvaux, trong bài viết ở sách đã dẫn [29], cũng miêu tả cảnh “sát tả đạo” trước và sau 05.7.1885, đặc biệt là sau ngày lịch sử bi hùng ấy, tại Bình Định, Quảng Trị, Nghệ An. Trần Trọng Kim, trong “Việt nam sử lược” [30], cũng ghi rõ: “Tôn Thất Thuyết [...] làm hịch Cần vương truyền đi khắp nơi [...]. Sách Tây chép rằng [...] dân bên đạo phải tám ông cố và hơn hai vạn người bị giết”.

Đối phương đã kết án Nguyễn Văn Tường, Tôn Thất Thuyết là “tàn nhẫn”, “hiếu sát”! Sự “tàn nhẫn”, “hiếu sát” (hai từ này về sau cũng bị Trần Trọng Kim xuyên tạc!), theo cách nói của các gián điệp thực dân trong lót áo “tả đạo”, vốn đã khởi động từ lúc Pháp đánh chiếm Thuận An (Huế, 1883). Bởi “tả đạo” cũng chẳng khác gì những năm trước đó, ở Đà Nẵng, ở Gia Định, và ở Hải Dương, Ninh Bình... (6):

“Ngoài thời Tây tặc lưới giăng

Trong thời tả đạo chạy quanh bốn bề” [31]...

cho nên, không thể khác được, Nguyễn Văn Tường, Tôn Thất Thuyết, hai người thiết kế chiến lược và chiến thuật cho công cuộc kháng chiến chống Pháp bấy giờ, với tư cách là hai người lãnh đạo cao nhất Cơ mật viện lúc ấy, đã phải kiên quyết. Sự kiên quyết đó, Aldophe Delvaux đã viết lại theo giọng điệu thực dân ra về khách quan của y:

“Triều đình thấy nguy cơ mất độc lập, đã bàn bạc ngầm các phương kế để chặn đứng sự lấn chiếm của Pháp. [...] Tôn Thất Thuyết, [...] Nguyễn Văn Tường đã lôi kéo Hội đồng Cơ mật thoả thuận hai vấn đề quyết định như sau: Ra một mật lệnh cho các sĩ phu định rõ ngày tàn sát cùng lúc tất cả giáo dân trong toàn quốc [! sic! – ct.]. Sau khi loại kẻ tiếp tay cho quân xâm lược sẽ chuyển Triều đình và Chính phủ đến một pháo đài kiên cố, và đến các vùng hiểm trở bất khả xâm phạm. Đó chính là Cam Lộ hay đúng hơn là Tân Sở, và đó là trung tâm liên kết lực lượng ái quốc, là nơi Triều đình sẽ tạm dừng chân. Các chuẩn bị kì quặc để hình thành do những kỉ niệm quá khứ [của Nguyễn Văn Tường với vùng đất Cam Lộ – ct.], thảm hại thay, lại đã được thực hiện một phần lớn” [32].

Cũng về thời điểm 1883, theo Jabouille, phụ trách Tổ chức công vụ Pháp, công sứ Pháp tại Quảng Trị:

“Các người chống Pháp nói rằng: “Những người Thiên Chúa [giáo – ct.] phản bội Tổ quốc để làm lợi cho nước Pháp. Chúng ta chỉ hòa bình khi nào người Pháp không có sự ủng hộ trong nước...” [...] “Việc đánh lấy Thuận An, và buộc chấp nhận đô hộ làm cho ông phụ chính Tường tức giận tột độ; nhưng ông Tường âm thầm, cẩn thận đè nén sự tức giận để dùng nó vào một dịp thuận lợi” [33].

Và sự thể, theo Puginier viết về thời gian hai tháng sau ngày Kinh Đô Quật Khởi (22 – 23.5 Ất Dậu, 1885), như đã

trích dẫn, chắc chắn chỉ vì tình huống lịch sử bắt buộc, bởi, giáo dân thời bấy giờ, nói như Đoàn Trưng từ trước 1866:

“Gia-tô nội ứng ghê thay
Giúp đem lương thực chẳng ngày nào không”.

Quả thật, đến 1885, sự nội ứng của “tà đạo” Thiên Chúa giáo đã quá công khai!

Sách “Compendium...” của Raviê (Ravier), có đoạn viết: “Bấy giờ mới nổi cơn bão táp rất dữ dội quá sức; từ khi nước Nam có đạo chẳng hề bao giờ bốn đạo phải cực khổ cực nạn bằng bấy giờ; vì trước kia, khi cấm đạo, chỉ có quan quân đi bắt bớ mà thôi, còn dân ngoại thì chẳng lo việc ấy, lại cũng thương kẻ bị bắt bớ. Còn lần này quan và dân ngoại đều đồng tâm hiệp lực mà quyết tận diệt kẻ có đạo” [34].

Và theo Delvaux:

“... Các quan chức không muốn dính líu vào, sợ có sự không may về sau [cách diễn đạt của Delvaux – ct.], nên để việc đó cho các sĩ phu đảm nhận, còn riêng họ vẫn ở trong bóng tối.

Trong các tỉnh, trong khi các sĩ phu chuẩn bị chiến đấu, thì các vị quan lớn lo trấn an các công chức của chính quyền bảo hộ cũng như các vị linh mục và giáo dân. Khi mọi việc chuẩn bị đã xong xuôi rồi, các sĩ phu tiến chiếm thành trì của các tỉnh, và các quan tỉnh thì nhanh tay giao nộp các thành trì ấy, sau một vài sự phản kháng qua loa; và như thế là những cuộc cát cứ [sic! – ct.] bắt đầu” [35].

Các quan ở tỉnh thì như thế, còn Nguyễn Văn Tường? Nguyễn Văn Tường cũng không thể khác hơn:

“Tướng De Courcy lấy tin tức [ở – ct.] ông Tường, ông này đều bảo đảm rằng sự trật tự an ninh đang hình thành khắp nơi. [Trong khi đó – ct.], các tin tức báo động dồn dập từ miền nam [tả kì – ct.] được gửi đến. Tướng Prudhomme muốn biết tường tận tình hình thật sự các việc, đã được ông De Courcy chấp thuận và cho phép đến các nơi ấy. Ông đi

cùng ông De Champeaux trên chiếc tàu “Le Lutin” và đến Quy Nhơn ngày 18.8 [1885 – ct.], và ông đã mục kích toàn là máu lửa” [!sic ! – TXA. ct.] [36] (xem thêm chú thích (10)).

Lại theo Jabouille:

“Một vài nhà truyền giáo trong tỉnh và một vài ông quan cho biết rằng năm 1885, nhất là vào tháng 9, tỉnh Quảng Trị đã là hiện trường của một cuộc tiêu diệt có phương pháp, được tiên liệu, có tổ chức, để loại trừ các người theo đạo Chúa, gây ra bởi đảng của Văn thân, có sự ủng hộ tinh thần của ít nhất là hai quan phụ chính...” [37].

Các “nhà truyền giáo” đó chính là Aldophe Delvaux, Henry de Pirey – những kẻ đã ra về khách quan, thực chất lại thù hận sâu sắc Nguyễn Văn Tường, người đã bị chính phủ Pháp “đày cho chết”! Gạt đi những xuyên tạc, bóp méo, bịa ra cái gọi là ý nghĩ quần chúng để bôi nhọ của các tên thực dân, tả đạo trong các bài viết của chúng với mục đích trả thù, phục hận, sẽ thấy sự thật lịch sử đã diễn ra.

Sự thật lịch sử ấy đã diễn ra, bởi lẽ, Triều đình Huế với lực lượng vũ trang khắp các tỉnh đang bị suy yếu, nhưng thật sự lực lượng quân sự của Pháp cũng không lớn, nên vấn đề do tình thế đặt ra là cần phải tiêu diệt bọn “dữu dân” nội phản, nhằm cô lập bọn thực dân Pháp, biến chúng lâm vào tình cảnh như “cua gãy càng”, mặc dù chúng chiếm được kinh thành Huế, thậm chí chúng đặt được ách “bảo hộ” lên cổ của dân tộc ta! [38] (6).

Và bởi lẽ, quan trọng, quyết định hơn, ấy là không còn cách nào khác, trong điểm đỉnh tội độ của mâu thuẫn đối kháng, giữa lực lượng dân tộc, yêu nước với bọn thực dân Pháp mà hậu thuẫn của chúng là “tả đạo”. Đó là biện pháp chẳngặng đờng trước sự lấn hiếp của thực dân và “dữu dân”, để củng cố lại chính quyền nhằm làm hậu phương cho phong trào Cần vương, chống Pháp bằng vũ trang và bằng thương thuyết. Biện pháp bạo lực quyết liệt ấy, xuất phát từ tình thế: không còn hậu phương, hậu thuẫn nước ngoài nào

khác! Chúng tôi nhấn mạnh: không còn hậu phương, hậu thuẫn nước ngoài nào khác! (7). Vả lại, đâu chỉ bởi mệnh lệnh của Nguyễn Văn Tường phối hợp với Dụ Cần vương của Hàm Nghi, Tôn Thất Thuyết, trong cuộc nổi dậy toàn quốc này, mà còn do chính sức mạnh quật khởi hoàn toàn tự giác của nhân dân!

Chúng tôi đã đối chiếu với “Đại Nam thực lục, chính biên” đệ ngũ kỉ [39], và thấy rằng hiện thực máu lửa ấy là có thật. Tuy nhiên, còn phải thấy rõ, Delvaux, Puginier, H. Ravier, Jabouille, các tên thực dân khác đã thổi phồng con số giáo dân theo Pháp xâm lược đến mức kinh hoàng. Sự thổi phồng quá đáng ấy (ngay cả trong về “Thất thủ kinh đô” [40]), là nhằm biện minh cho việc Pháp đặt ách đô hộ lên cổ dân tộc ta, nhằm kích động giáo dân ở “mẫu quốc” và Tòa thánh La Mã (8).

Như thế, chỉ có thể là: vì tình huống lịch sử, Nguyễn Văn Tường không thể bày tỏ cho mọi người biết, chính ông cùng Tôn Thất Thuyết đã chuẩn bị, rồi cùng tiến hành cuộc Kinh Đô Quật Khởi, lại phối hợp liên lạc thường xuyên với phong trào Cần vương cũng theo cách vừa tiến công vũ trang (kẻ đánh), vừa “không biết gì” (người đàm), cho đến ngày Nguyễn Văn Tường bị đày đi Côn Đảo; và uy tín Nguyễn Văn Tường quá lớn, chúng đày ông tít tận Tahiti, gần nam châu Mỹ, sau nhiều thủ đoạn li gián Nguyễn Văn Tường với Tôn Thất Thuyết (như vụ đốt nhà Nguyễn Văn Tường chẳng hạn)!

Việc Nguyễn Văn Tường bị lưu đày, lại theo Delvaux, ngoại vụ Paris tại Việt Nam, trong bài viết ở sách đã dẫn [41]: “Một sự mâu thuẫn sâu xa chia rẽ tướng De Courcy và ông De Champeaux, nhất là đối với vấn đề ông phụ chánh Tường. Vị tướng thì quả quyết là ông Tường luôn luôn liên lạc với ông Thuyết và [trước đó – ct.] lại nhúng tay vào mọi cuộc âm mưu lật đổ, và đem xuống tàu đày đi Côn Đảo ngày 6.9 [1885 – ct.]... [...] lại chuyển đến Tahiti [...]. Ông

De Champeaux lại cho rằng ảnh hưởng của ông Tường là rất lớn... [...]”.

Tất nhiên, Delvaux vẫn cài vào bài viết, ngay cả ở đoạn văn trên những câu chứa đựng sự mỉa dân, sự thất thiết, chẳng hạn như sự “độ lượng” của chúng, thời điểm Nguyễn Văn Tường chết (xem thêm chú thích (15)).

Chúng tôi cũng không trích dẫn để nhằm nêu lên sự mâu thuẫn trong nội bộ kẻ thù, cách đối xử đối với Nguyễn Văn Tường, theo quan điểm thực dân riêng của mỗi tên đầu sỏ giặc. Điều đáng lưu ý, chúng “quả quyết là ông Tường luôn luôn liên lạc với ông Thuyết”, “ảnh hưởng của ông Tường là rất lớn” [42]. Điều này khớp với “Đại Nam thực lục, chính biên”: hai mật dụ Hàm Nghi gửi về, và chắc hẳn có những tập tâu đối của Nguyễn Văn Tường gửi lên chiến khu Tân Sở. Việc án sát Quảng Trị Tôn Thất Nam được ủy nhiệm lên Tân Sở họp với Tôn Thất Thuyết cũng đã được ghi nhận rõ [43].

Phương thức “không biết gì”, khác với lần thành công cuối năm 1873 bước sang 1874, là lần này (1885) không có đoạn kết chiến thắng, nên Nguyễn Văn Tường không được dịp cùng Tôn Thất Thuyết bày tỏ trước Tam Cung và đình thần cùng nhân dân. Tuy nhiên, Quốc sử quán triều Nguyễn biết rõ điều đó. Chi tiết Dụ Cần vương và mật dụ gửi Nguyễn Văn Tường từ Tân Sở (Cam Lộ, Quảng Trị) được viết một ngày, phát đi và gửi về một lúc (02.6 Ất Dậu, 1885) đã làm sáng tỏ. Và bản án chung thẩm cáo thị của hai tên De Courcy, De Champeaux, vô hình trung, làm sáng tỏ như một xác quyết của “lân sử” (tín sử). Chúng tôi sau khi nghiên cứu trọn đệ tứ, đệ ngũ, đệ lục kỉ (tập 27 – tập 38) của “Đại Nam thực lục, chính biên”, lưu ý đến “bản án” về Nguyễn Văn Tường, đã hơn một trăm năm trước được Quốc sử quán cẩn thận ghi chép lại, thấy rằng bản án của thực dân đối với Nguyễn Văn Tường, “kẻ thù không đội trời chung” của chúng, vô hình trung mà hiển nhiên, là bản án

đẹp nhất, rạch rỡ nhất, chưa từng có trong giai đoạn đầu chống Pháp của dân tộc ta, một giai đoạn lịch sử bi hùng nhất với một nhân vật bi hùng nhất: Nguyễn Văn Trường!

Tất nhiên, phương thức “không biết gì” cũng đã gây ra quá nhiều ngộ nhận và dễ bị xuyên tạc. Sóng đôi với ông, người cùng thực hiện kế hoạch kháng chiến với ông (mặc dù Tôn Thất Thuyết trước tháng 11 âm., 1881, hầu như không biết gì về Tân Sở, hệ thống sơn phòng và thương đạo Bình Định – Nghệ An), Tôn Thất Thuyết nhận tất cả hào quang bị tráng. Nói thế, thực ra, Tôn Thất Thuyết cũng bị xuyên tạc, bôi nhọ, nhưng kẻ thù khó lòng xuyên tạc, bôi nhọ hơn, và hậu thế cũng dễ thanh minh hơn, bởi Tôn Thất Thuyết là hình ảnh của người kháng chiến trong điều kiện bế tắc chung của các nước Á, Phi, Mỹ la tinh thuở bấy giờ! Trong khi đó, người ta dễ đánh đồng hoặc nhầm lẫn Nguyễn Văn Trường với cánh chủ “hòa”, đầu hàng! (Xem thêm chú thích (13)).

Phương thức tổng hợp, “không biết gì” (kẻ ở, đấu tranh bằng thương thuyết) và chiến đấu vũ trang (người đi, đấu tranh bằng quân sự), Nguyễn Văn Trường, Tôn Thất Thuyết đã hợp lực tiến hành, trong lần Kinh Đô Quật Khởi (05.7.1885), dẫu sao, cũng đã sáng tỏ*.

3.b. NHIỆM VỤ LỊCH SỬ VỚI LẬP TRƯỜNG KIẾN ĐỊNH, THÁI ĐỘ CHÍNH TRỊ "NHẤT DẠNG".

SỰ NGỘ NHẬN, XUYÊN TẠC.

THỰC DÂN PHÁP THAO TÚNG TRONG SỰ NHÂN DANH TRIỀU ĐÌNH.

NỖI KHỔ TÂM CỦA NGUYỄN VĂN TRƯỜNG.

Trong hai tháng sau ngày Kinh Đô Quật Khởi và bị thất thủ, từ 05.7 đến 06.9.1885, các nhà sử học thường quy hết trách nhiệm cho Nguyễn Văn Trường. Cần thấy rõ, trong hai tháng ngắn ngủi ấy, Nguyễn Văn Trường hết bị quản thúc bởi lính Pháp, đại úy Schmitz [44], lại bị chi phối bởi De

Courcy, Caspar, trực tiếp là De Champeaux, phó công sứ Hamelin. De Champeaux trở thành thượng thư Bộ Binh, Cơ mật viện đại thần của Triều đình Huế!

Về cái án tử hình của Đặng Hữu Phổ (con trai của phò mã Cát, đồng hương với Nguyễn Luận), Quốc sử quán triều Nguyễn [45] đã ghi rõ nội dung: Đặng Hữu Phổ chống việc phủ Thừa Thiên sức cho huyện Quảng Điền tăng cường quân số. Như thế, vô hình trung Đặng Hữu Phổ đã tiếp tay cho Pháp trong việc Pháp yêu cầu Triều đình không được tái vũ trang [46]. Về phía Pháp, dẫu vậy Pháp vẫn xem Đặng Hữu Phổ nổi loạn! Và chính Đặng Huy Xán, chú ruột của Đặng Hữu Phổ, đã lừa bắt ông, đem nộp cho giặc (theo một số tư liệu và Đặng phả)! Vụ Lê Trung Đình cũng như thế, nhưng ở dạng cụ thể khác. Lê Trung Đình lại tôn phủ Tuy Lí vương [47], một nhà thơ chủ “hòa”, câu kết với Pháp thời Hiệp Hòa, bị đày vào Quảng Ngãi! Do việc tôn phủ này, người ta tưởng Lê Trung Đình là kẻ cơ hội! Đúng như một câu trong sắc dụ của Từ Dũ lâu nay vốn do Nguyễn Nhược thị Bích viết thay: “Ba tháng bờ ngõ, bốn biển âm vang” [48]! Đặng Hữu Phổ, Lê Trung Đình yêu nước, chống Pháp, nhưng lại quờ quạng, thiếu sáng suốt. Sự chỉ đạo của Tôn Thất Thuyết, Nguyễn Văn Tường cũng chưa sâu sát, cụ thể từng “bước đi”. Khởi nghĩa hưởng ứng dụ Cần vương là đúng, nhưng chống Triều đình lúc Nguyễn Văn Tường còn giữ vị thế hay tôn phủ Tuy Lí vương là sai (mặc dù Miên Trinh từ chối)! Bởi lẽ, Nguyễn Văn Tường vẫn “nhất dạng” với Tôn Thất Thuyết trong nhiệm vụ “kê ở”, “người đi”. Và lại, quyết án Đặng Hữu Phổ là do triều nghị, Triều đình lại có cả De Champeaux ở vị trí trọng thần, chủ chốt, quyết định! Từ Dũ, Miên Định chuẩn y! Còn Lê Trung Đình lại do chính các tỉnh thần và Nguyễn Thân hội bàn, chém trước, báo cáo sau [49]! Do đó, không thể quy hết mọi việc Pháp nhân danh Triều đình để đổ cả cho Nguyễn Văn Tường!

Ngoài hai vụ việc trên, trước sức ép của Pháp, Nguyễn Văn Tường còn phải tự giằng xé và bị ngộ nhận bởi vài nỗi đau lòng khác.

Với chính trị, chúng ta phải thông cảm, thậm chí có những việc rất khổ tâm, cũng phải vờ chấp nhận để qua mắt giặc Pháp và phe chủ “hòa”, chẳng hạn như cùng Trương Quang Đản bốn lần viết thư cho Hồ [Văn] Hiến đưa Hàm Nghi – linh hồn của cuộc kháng chiến – về lại Huế trong khi Pháp vẫn tiếp tục lấn hiếp [50] [(9) và xem thêm chú thích (11)]. Thật lòng, Nguyễn Văn Tường cũng như Trương Quang Đản chỉ muốn rước vua Hàm Nghi về sau khi cuộc đánh phối hợp với đàm đã đạt được mục tiêu có giới hạn với sự nhượng bộ của Pháp, như Tôn Thất Thuyết đã nói với Phạm Hữu Dụng: “phải nên đoàn kết [thỏa hiệp tạm thời – ct.] với quân Pháp; [Pháp – ct.] không lại lần áp như trước, thì mới đón xe vua về” [51], đồng thời theo hai mật dụ vua Hàm Nghi (cùng Tôn Thất Thuyết) gửi về từ Tân Sở cho Nguyễn Văn Tường và hoàng tộc.

Nhưng cũng cần thấy rõ, sắc dụ về việc truy bắt Tôn Thất Thuyết, Trần Xuân Soạn, treo giải cho ai bắt được, chém được, chính Đồng Khánh về sau cũng xác nhận là do Từ Dũ ban hành (tất nhiên Từ Dũ cũng đành phải theo yêu cầu của Pháp!) [52].

Hơn nữa, sử học phải phân tách rõ “hư chiêu” và “thực chiêu”! Tất nhiên đó chỉ là hư dụ, chứ không phải thực dụ (thực dụ trong tình huống này phần lớn phải là mật dụ).

Tuy vậy, chúng ta cũng cần ghi nhớ, vào cuối tháng 8, đầu tháng chín 1885, còn có một số sắc dụ khác của Tam Cung (đứng đầu là Từ Dũ) với lời lẽ của những bản cáo trạng về sự câu kết giữa thực dân cố đạo, giáo dân với thực dân viễn chinh Pháp, đồng thời khẳng định “thù ghét [giặc Pháp – ct.], ai bảo là không nên. Không gì bằng cuộc nghĩa cử đêm 22 tháng 5 năm nay [04 – 05.7.1885 – ct.]...” [53]. Trong tình huống kinh đô thất thủ, cực kì khó khăn, thất thế

ấy, các sắc dụ tố cáo công khai giặc Pháp và tả đạo đó đã chứng tỏ một tinh thần đề kháng, bất khuất ở mức độ nhất định. Phải chăng chính Nguyễn Văn Tường đã tác động rõ rệt vào các sắc dụ khá đanh thép này? Chính bản án cáo thị của hai đầu sỏ giặc (De Courcy, De Champeaux) trong vài ngày sau đó sẽ làm sáng tỏ.

Ngoài ra, những gì Nguyễn Văn Tường làm được cho việc tái củng cố vương quyền nhà Nguyễn từ triều đình cho đến huyện xã, cho phong trào Cần vương là những chỉ đạo vừa thành văn, vừa khẩu lệnh, vừa công khai, vừa bán công khai, trong những lúc thoát khỏi đôi mắt cú vọ của bọn De Champeaux, bọn chủ “hòa” (thực chất là đầu hàng) (9), (10)...

Với chức năng, nhiệm vụ lịch sử vừa thoả hiệp vừa đấu tranh của mình, Nguyễn Văn Tường đã bị bọn thực dân cố đạo căm hận, báng bổ:

“Puginier, giám mục ở Bắc kì, và Camelbeck, giám mục ở Quy Nhơn, đã mở một chiến dịch điên cuồng tấn công chống Nguyễn Văn Tường mà theo họ là kẻ thù lớn nhất của người Pháp và đồng thời cũng là người An Nam điều toa nhất [(?!)] nói với Pháp thế này, lại làm thế khác – ct.] mà người ta có thể gặp... Sự hợp tác của ông ta và De Courcy là một mưu mô [của ông ta – ct.] nhằm đánh lừa người Pháp” [54].

Trong một mật dụ từ Tân Sở gửi về cho hoàng tộc (07.6 Ất Dậu [18.7.1885]), sau khi hiểu rõ những gì Nguyễn Văn Tường đã tiến hành ở Huế, Hàm Nghi (và Tôn Thất Thuyết) đã viết:

“Nay đã có phụ chính huân thần Nguyễn Khanh [tức Nguyễn Văn Tường – ct.] ở lại giảng nói, che chở nhiều việc, hơi được yên ổn; huân thần tâm sự như thế, cáng đáng như thế, thực là đau khổ quá chừng. Nhân vật nước ta, những người trung nghĩa từ xưa, tưởng không hơn

được. Trẫm cũng dụ cho đại thần ấy hết lòng bàn tính công việc, tâu chờ quyết định” [55].

Đó là mật dụ gửi cho hoàng tộc, Hàm Nghi (cùng Tôn Thất Thuyết) đã viết về Nguyễn Văn Tường như vậy. Và, đúng ra, mọi sách lược (xây dựng thành lũy Tân Sở cùng những phương án kháng chiến, đánh – đàm, với nhiều mức độ khác nhau, tùy tình hình...) đều do Nguyễn Văn Tường góp phần vạch ra, từ năm 1866 [56], Hàm Nghi (và Tôn Thất Thuyết) chỉ nhắc lại ba phương án thích hợp. Điều đáng lưu ý trong mật dụ này là Hàm Nghi, Tôn Thất Thuyết đã rất thấu hiểu và chia sẻ nỗi khổ tâm xé ruột của Nguyễn Văn Tường trong nhiệm vụ lịch sử với vai trò đàm phán đã được phân công, từ sau ngày Kinh Đô Quật Khởi và bị thất thủ.

Nỗi khổ tâm xé ruột của Nguyễn Văn Tường còn phải kéo dài đến hơn một tháng rưỡi sau, tính từ ngày vua Hàm Nghi gửi mật dụ về Huế, 07.6 Ất Dậu (18.7.1885)!

Cũng cần phải khẳng định: Những nỗi đau lòng của Nguyễn Văn Tường là do phải thực hiện nhiệm vụ được giao phó của vua Hàm Nghi và của nhóm chủ chiến triều đình Huế, hay nói đúng hơn, nhiệm vụ ấy là do vận mệnh lịch sử của đất nước ấn định cho Nguyễn Văn Tường:

“Y [Cô-ra-xy (De Courcy) – ct.] thấy ta càng khuất, y càng ngày càng lẩn, khiến Triều đình không còn mặt mũi nào, vạn bất đắc dĩ mà ta mới phải làm cái kế bỏ thành đi ra ngoài. Nay đại thần Tôn Thất Thuyết cùng ta cùng quanh quẩn, còn người [Nguyễn Văn Tường – ct.] là phụ chính đại thần thì ở lại mà thương đàm; kẻ ở người đi đều lấy lòng yêu nước lo dân làm căn bản. Trời đất thực cũng chứng giám. Người nên khéo thể tấu thịnh tình của tiên hoàng đối với nước láng giềng rất có thủy chung và cùng y giảng rõ về lý thế, cần nhắc về lợi hại, hết lòng thoả hiệp [:hiệp bàn thoả mãn đôi bên, không phải “thỏa hiệp vô nguyên tắc” – ct.], phạm những khoản gì bách thiết, chung nhau bàn đổi, cốt

khiến cho hai nước như anh em, vinh nhục cùng quan hệ, vui lo cùng chung nhau mười phần chân thành, không còn dùng đến uy thuật. Lúc này ta mệnh cho hồi loạn, trên để phụng dưỡng ba cung, dưới để yên lòng thần dân, Khanh [Nguyễn Văn Tường – ct.] cùng với Tôn Thất Thuyết trung trinh chói lọi, muôn thuở cùng sáng, những phường nịnh tử gian phụ, đều phải lặn hình giấu bóng. Nam triều ta há chẳng hân hạnh ư, nước Đại Pháp chắc cũng vui vẻ mà cùng giữ lấy cường thịnh vậy.

Nếu không như thế thì các miếu xã lăng tẩm và các vương công không kịp đi theo ấy thì hết thầy uỷ cho Khanh [Nguyễn Văn Tường – ct.]. Ta duy có chọn đất lánh ở, sự trời vui trời, rường cột cương thường, cả nước cùng thế, không đâu không phải là Triều đình và không phải là tôi con vậy. Trẫm quyết không cùng với họ tranh được thua vậy.

Tình thế ví lại không thôi, trẫm nguyện phái thêm cán viên, lấy đường đi khắp các nơi, nghiêm sắc cho Ninh Bình trở về phía bắc, bao nhiêu quan tỉnh, phủ, huyện đều để ẩn lại mà đi, người nào như có trung nghĩa, tài lược, không kể quan hay dân, đều cho được tiện nghi làm việc [nhân dân, sĩ phu khởi nghĩa, kháng chiến quyết liệt – ct.], cốt không phụ tấm lòng tốt của triều đình dưỡng dục, tác thành, yên được bóng thiêng liêng ở trời của liệt thánh, và đáp phó được nguyện vọng [khởi nghĩa chống Pháp – ct.] tha thiết của thần dân trong nước. Khanh [Nguyễn Văn Tường – ct.] nên nghĩ cho kỹ nhé, có muốn nên tâu đổi, thì gởi theo đường trạm chờ xét cũng chẳng hại gì” [57].

Đó là các phương án tùy theo mức độ bức hiếp của thực dân Pháp và tả đạo. Nói rõ hơn, trong tình huống ấy, có ba phương án:

Một là, nếu Pháp và tả đạo tuân thủ “hoà” ước 1874, hay ít ra, “hoà” ước 1884, không tăng cường sự lấn hiếp, nhà vua và Tôn Thất Thuyết sẽ về lại Huế.

Hai là, nếu Pháp và tả đạo xé bỏ “hoà” ước 1884, vẫn tăng cường sự lấn hiếp ở mức độ có thể chấp nhận được, nhà vua và Tôn Thất Thuyết sẽ ở lại Tân Sở nhưng không đẩy mạnh sự phát động phong trào Cần vương bằng vũ trang, và giao phó kinh thành Huế cùng sự an nguy của hoàng tộc cho Nguyễn Văn Tường.

Ba là, nếu Pháp và tả đạo quyết xé bỏ “hoà” ước 1884, quyết tăng cường sự lấn hiếp đến mức không còn chút chủ quyền nào để có thể mưu tính cho đại cục về sau, nhà vua và Tôn Thất Thuyết sẽ phát động mạnh mẽ và rộng khắp phong trào kháng chiến Cần vương, kể cả Bắc kì vốn đã bị “bảo hộ”.

Ở mặt dự tiếp theo, vua Hàm Nghi (và Tôn Thất Thuyết) vẫn tin tưởng Nguyễn Văn Tường đàm phán với mục tiêu “vụ [:nhằm – ct.] được như thường” (ít ra là như “hoà” ước 1884):

“... Phàm việc gì cùng với Nguyễn khanh [Nguyễn Văn Tường – ct.] châm chước thoả đáng, cốt không trái với cương thường của trời đất. Nên được nền bình trị lâu dài của quốc gia, ngõ hầu để được tiếng thơm muôn đời, thế là lành lắm, tốt lắm. Trời đất dài lâu, gặp nhau có hẹn. Nước nhà suy thịnh, gặp hội đổi thay, càng nên trân trọng di dưỡng, để yên tâm lòng xa của người tuổi trẻ. Còn ra sẽ uỷ cho Nguyễn khanh [Nguyễn Văn Tường – ct.] sẽ vì ý thân điều đình cho thoả đáng, vụ được như thường. Phàm người họ ta, cần tin lời ta nhé, thế thì ta mới yên lòng...” [58].

Thế và lực nước ta bấy giờ là không thể đương đầu với Pháp, tả đạo cùng liên minh các nước thực dân của chúng (Anh, Pháp, Mỹ, Đức, Nga ...), trong một bối cảnh chung ở Á, Phi, Mỹ la tinh là hoàn toàn bế tắc, nhất là khi thế trận toạ sơn quan song hổ đấu (chiến tranh Pháp – Hoa, 1883 – 1884) đã hoàn toàn thất bại về phía Trung Hoa. Bởi vậy, cho nên, sắc dụ của vua Hàm Nghi (và Tôn Thất Thuyết) từ Tân Sở gửi về với khí thế và mục tiêu đấu tranh đánh phải

hạn chế như thế. Phải nhìn nhận mục tiêu đề ra không thể vượt quá khả năng của hiện thực lịch sử, mà phải chờ thời cơ trong nỗ lực tạo ra thời cơ (gồm thế và lực mới) – “gặp hội đổi thay”! Với quan điểm lịch sử – cụ thể, mọi nhận định đều phải đúng mức.

Nếu không thấy rõ mục tiêu có hạn chế với phương thức quân sự – ngoại giao vừa đánh vừa đàm (Tôn Thất Thuyết – Nguyễn Văn Tường phối hợp), phương thức đàm phán vừa thoả hiệp vừa đấu tranh (Nguyễn Văn Tường đảm nhiệm), không phân tách rõ “hư chiêu” và “thực chiêu”, với các phương án trên, sẽ không hiểu được thời đoạn lịch sử hai tháng sau cuộc Kinh Đô Quật Khởi và bị thất thủ (05.7 – 06.9.1885, Ất Dậu)! Trong đó, sự phối hợp nhiệm vụ lịch sử có tính quyết định nhất vẫn là: Tôn Thất Thuyết (“đường núi vạn trùng lo kiêu biếc”) – Nguyễn Văn Tường (“lòng tôi một dạng giữ sơn son”).

3.c. THÁI ĐỘ CHÍNH TRỊ "NHẤT DẠNG" VỚI LẬP TRƯỜNG KIẾN ĐỊNH CHỐNG PHÁP, KHÔNG CHẤP NHẬN "BẢO HỘ" CỦA NGUYỄN VĂN TƯỜNG QUA CÁC BẢN KẾT ÁN CỦA THỰC DÂN PHÁP VÀ NGỤY TRIỀU ĐỒNG KHÁNH.

Đại Nam thực lục, chính biên, từ tập 36 trở về trước, dù ở trong xiềng xích ý hệ bảo hoàng, vẫn thể hiện được tinh thần chống Pháp, lập trường yêu nước. Quốc sử quán đã ghi rõ [59] :

“Đô thống Đại Pháp là Cô-ra-xy [De Courcy – ct.] bắt thái phó, Cần Chánh điện đại học sĩ, lãnh Lại bộ thượng thư, kiêm sung Cơ mật viện đại thần, Kì Vĩ quận công, là Nguyễn Văn Tường xuống tàu thủy chạy đi Gia Định.

Cứ theo lời cáo thị của khâm sứ Tham-bô [De Champeaux – ct.] nói: Văn Tường từng đã chống cự nước ấy [nước Pháp – ct.] thực đã nhiều năm. Từ khi cùng Tôn Thất Thuyết sung làm phụ chánh, chỉ [:vốn; vẫn – ct.] lại

đồng suất quan quân nổi dậy công kích quan binh nước ấy [nước Pháp – ct.]; và Văn Tường do đô thống ấy xin [chính phủ Pháp – ct.] cho hai tháng [nhằm để – ct.] lo liệu việc nước cùng Bắc kì cùng được lạng yên vô sự; [kì thực – ct.] đến ngày 27 tháng ấy hết hạn, mà các tỉnh tả kì về phía nam (9), (10), có nhiều nơi nổi quân chém giết dân giáo. Đến đây đô thống ấy định án, ưng [:nên; phải – ct.] kết tội lưu.

Hôm ấy chở đem Văn Tường đến cửa biển Thuận An. Buổi chiều Nguyễn Hữu Độ, Phan Đình Bình đi tàu thủy Pháp cũng về đến cửa biển ấy.

(Thuyền Pháp chở Văn Tường đến Gia Định, sau chở gồm cả Phạm Thận Duật, Lê Đính đem về nước ấy [thuộc địa Tahiti – ct.]; Thận Duật trong khi đi đường bị ốm chết ở trong tàu, buông xác xuống biển) ...”.

Đó là bản kết án của thực dân Pháp [60]!

Bản kết án cáo thị ấy đã làm bùng lên một cuộc “sát tã” dữ dội tại Quảng Trị từ ngày 06.9.1885 (28.7 âm., Ất Dậu) [61]!

Và đây là quốc thư của tên vua tay sai, bù nhìn Đồng Khánh, có chi tiết vu vạ, đổ tội không đúng sự thật, có chi tiết khẳng định đúng (đối chiếu với ngôn ngữ tường minh ở ĐNTL.CB., cuối tập 35 và trọn tập 36, sđd.). Lời lẽ ấy – giọng lưỡi của y:

“Quyền thần là Nguyễn Văn Tường, Tôn Thất Thuyết [...]. Ngày 23 tháng 5 năm nay, kinh thành thất thủ, xe tiền để dời đi, hai người ấy thực là căn nguyên của tai vạ [...]” [62] (9).

Đình thần, nói theo cách nói của Trần Trọng Kim, “nhiều người đã biết theo chính sách bảo hộ cho nên mọi việc trong Triều đều được yên ổn” [63]. Đình thần ấy cùng Tôn nhân phủ kết án (!):

“Tôn nhân phủ và đình thần dâng sớ tâu bày tội trạng của Nguyễn Văn Tường và Tôn Thất Thuyết, xin tước hết

quan tước và tịch thu gia sản; tham tri Trương Văn Đễ đã quá cố, và chương vệ Trần Xuân Soạn, đều là bè đảng làm loạn, cũng tước cả quan chức. Trong bọn ấy, thì Tôn Thất Thuyết, Trần Xuân Soạn, xin do quan địa phương xét bằng được và chém ngay, để tỏ rõ hiến pháp trong nước. Vua nghe theo” [64] (9), (11).

Lời dụ và cáo thị của Đồng Khánh và khâm sứ Pháp cùng các khâm sai của Triều đình, trong chiến dịch triệt hạ uy tín nhóm chủ chiến (in ra, niêm yết khắp nơi):

“Tóm lại, là do tự Nguyễn Văn Tường, Tôn Thất Thuyết lộng quyền [...]. Hai quyền thần ấy lần này đón lập, nhiều việc man muội [! – ct.], trước thì lợi về dễ khống chế, sau chỉ mưu cho bản thân [! – ct.]; bỗng dưng gây hấn [! – ct.], nghiêng đổ tôn xã, bắt hiếp vua chạy đi; Nguyễn Văn Tường liền quý quyết [?mưu trí! – ct.] đem thân quay về thú tội [! – ct.] với quan đô thống Đại Pháp, rồi đã bị tội lưu, Lê Thuyết [bị đổi họ – ct.] thì sống một cách tạm bợ trong rừng. May mà nước Đại Pháp có lòng nhân thứ [! – ct.], giúp ta chấn hưng [! – ct.] được nước đã mất [! – ct.], nối lại được thể đã đứt, nước nhà đó mới còn [! – ct.]” [65] (9).

Đúng là giọng lưỡi hèn hạ, đánh giá ngược một cách trắng trợn tất cả!

“Duy trẫm tin là các sĩ phu, thực tình là nhận nhàm, chứ không có lòng làm loạn; Triều đình đã đem đầu mối họa loạn, là tự Nguyễn Văn Tường, Tôn Thất Thuyết gây ra, nói rõ ràng với quan Đại Pháp, đã tin không ngờ, để cho Triều đình ta phải xử trí ngay, cho lương giáo đều được yên ổn” [66] (9).

Cũng như cách thổi phồng, bịp bợm, hàm hồ của các tên thực dân, gián điệp đội lốt tôn giáo, khái niệm, con số “dân giáo” của Đồng Khánh, Hector và các khâm sai cũng thế. Chúng muốn biến cuộc kháng chiến chống Pháp xâm lược, bảo vệ văn hóa dân tộc thành cuộc chiến tranh tôn giáo, còn cuộc xâm lược của thực dân Pháp thành “thánh

chiến”, “thập tự chinh” (bấy giờ nhân dân, sĩ phu gọi thập giá là thập ác), nhằm kích động giáo dân ở “mẫu quốc”, kích động cả Tòa thánh La Mã (Rome)!

Thực ra, Nguyễn Văn Tường, Tôn Thất Thuyết cùng phối hợp mệnh lệnh, trong tình huống buộc lòng phải đề ra kế sách “chia tách triều chính” (đánh và đăm), chỉ nhằm vào thực dân Pháp, bọn lính lê dương (légionnaire étrangère), bọn cố đạo làm gián điệp cho Pháp, bọn Việt gian, trong đó có một bộ phận không ít là “dữu dân” đích thực.

Sự kiện đó, ngay cả trước khi Nguyễn Văn Tường bị lưu đày, Từ Dũ đã hiểu ra, và bằng ngôn ngữ tường minh, đã chỉ rõ nguyên nhân đồng thời đánh giá đúng, ít ra là ở hai điểm sau đây:

“Từ điều ước tái định [Dupré, 1874? Patenôtre, 1884? – ct.] đã được phân minh, khiến nước Pháp trước tự bại hoà gây biến, thì phạm ai ở đất vua, cũng đều thù ghét [giặc Pháp – ct.], ai bảo là không nên. Không gì bằng cuộc nghĩa cử đêm 22 tháng 5 năm nay...” [67], gồm cả hiện thực Cần vương, kháng chiến, máu lửa sau đó...

Tuy thế, cáo thị niêm yết của triều Đồng Khánh và Hector cùng các khâm sai cố nhiên vẫn là luận điệu với cách đánh giá ngược theo tiêu chí gọi giặc bằng ngài, gọi người yêu nước bằng nghịch, nghĩa cử quật khởi là làm loạn:

“Nay Lê Thuyết, trốn tránh ở rừng gập ghềnh, một thân tuy nhỏ, mà coi đất trời như còn hẹp; Nguyễn Văn Tường thì đã bị đi đày; tức là trời trừ kẻ tật ác [...]. Không ngờ bọn nguời [tức là các sĩ phu, nhân dân – ct.] theo ý làm liều, [...] kháng cự mệnh lệnh Triều đình, cam tâm hết lòng trung với kẻ thù [tức là Hàm Nghi, Nguyễn Văn Tường, Tôn Thất Thuyết, nhưng theo mạch văn, thì chỉ nhắm đến hai phụ chính – ct.], từ Hải Vân trở vào nam, không chỗ nào là không loạn [khởi nghĩa – ct.], rất đáng quái lạ; sao không xem châu Hoan, châu Diên, Quảng Bình, Quảng Trị, mựn

tiếng là xưởng nghĩa, cần vương, đều đem thân bôn cho đồng cỏ, mười nhà thì chín nhà hết sạch; còn những kẻ lợt lợt, thì bị mưa độc, khí núi..." [68].

Những cứ liệu trên, nhất là lòng trung thành của sĩ phu và nhân dân trong phong trào Cần vương đối với Nguyễn Văn Tường, đã khẳng quyết không hề có Dự Cần vương số 2 bao giờ [69]!

Đúng như nhận định của De Champeaux, uy tín, tầm ảnh hưởng của Nguyễn Văn Tường, Tôn Thất Thuyết và nhóm chủ chiến là rất lớn. Thảo nào chúng tìm cách li gián, kích tướng, mưu toan lợi dụng, và vì không lợi dụng được, chúng lại bôi nhọ đến thế, thậm chí còn bịa tạc ra cái được gọi là "Dự Cần vương số 2"! Đối với chúng ta, hai bản kết án chung thẩm của De Courcy, De Champeaux, của Đồng Khánh, Triều đình tay sai, bù nhìn, chính là lời tổng kết trọn vẹn những cuộc đời đấu tranh kiên cường mà linh hoạt, của Nguyễn Văn Tường và của nhóm chủ chiến trong sự nghiệp chung của bao sĩ phu, của nhân dân chống thực dân Pháp xâm lược, gồm cả hai tháng và sau đó, từ sau ngày Kinh Đô Quật Khởi (22 – 23. 5 Ất Dậu, 1885).

3.d. QUÁ TRÌNH ĐẤU TRANH CHỐNG PHÁP NHẤT QUÁN, LIÊN TỤC CỦA NGUYỄN VĂN TƯỜNG NGAY TRONG NHỮNG NGÀY THÁNG BỊ LƯU ĐẦY Ở CÔN ĐẢO, TAHITI, QUA BÀI VIẾT CỦA H. LE MARCHANT DE TRIGON.

Cũng rõ ràng Nguyễn Văn Tường, suốt cả quãng đời đấu tranh với thực dân Pháp, từ đầu đến lúc trút hơi thở cuối cùng ở Papeete, thủ phủ xứ đảo Tahiti, nơi chốn lưu đầy các nhà chính trị chống Pháp, ông luôn sôi sục một mối căm thù sâu sắc đối với bọn thực dân cướp nước mình. Chính kẻ đứng ở phía đối phương, H. Le Marchant de Trigon, thanh tra chính trị và hành chính An Nam, người Pháp, đã viết [60]:

“Than ôi, ngay ngày hôm sau [tức là ngày kế tiếp ngày 29.8.1875 – chúng tôi căn cứ vào bài viết để chua rõ (:TXA. ct.)], những thủ đoạn phá rối có hệ thống của Nguyễn Văn Tường (12) kéo dài cho đến ngày chiếm cảng Thuận An [8.1883 – ct.], và còn về sau này, cho đến khi đày kẻ thù không đội trời chung của chúng ta, và trong thời gian [bị lưu đày – ct.] đó, [Nguyễn Văn Tường – ct.] chẳng chịu hiểu biết gì cũng chẳng chịu quên gì”.

Kẻ thù đã viết như thế về Nguyễn Văn Tường (Kì Vĩ bá), gọi quá trình đấu tranh chống Pháp trên mặt trận chính trị, ngoại giao của ông một cách khiếm nhã như vậy: “những thủ đoạn phá rối có hệ thống”! Thực ra, đó là một quá trình đấu tranh cam go đầy mưu trí, liên tục, nhất quán, kiên định, bền bỉ suốt mấy chục năm trời làm quan. Và quả thật, ông là “kẻ thù không đội trời chung” của thực dân Pháp cho đến lúc bị đày, bị chết. Làm sao chúng mua chuộc được ông, khiến ông bùi tai quên đi mối căm thù giặc Pháp canh cánh trong lòng và nỗi đau đáu tìm cách cứu nước, cứu dân, quét sạch bọn chúng, ngay trong thời gian bị đày, ngay trong phút cuối cùng của đời mình, ngày 30.7.1886!

Đó chính là cơ sở lịch sử của điều Nguyễn Văn Tường muốn gửi lại nghìn sau trong bốn chữ: “nhất dạng” và “u trung”:

“Đường núi vạn trùng lo khiếu biếc
Lòng tôi một dạng giữ sân sơn
Đúng? sai? Ấy gửi nghìn thu luận
Theo nước – phò vua, đâu nặng hơn?”

“Lòng trung sâu kín, sau ai tỏ ?
Tổ quốc, vua, dân, đâu nặng hơn?” [71]

Bốn chữ “nhất dạng”, “u trung” đã được bảo chứng bằng sự thật lịch sử!

4) SỰ DỰNG ĐỨNG CHUYỆN BỊA, XUYỀN TẠC SỰ THỰC LỊCH SỬ, NHẪM MỤC ĐÍCH TRIỆT HẠ UY TÍN CỦA NGUYỄN VĂN TƯỜNG VÀ NHÓM CHỦ CHIẾN, ĐÓ LÀ THỦ ĐOẠN TUYẾN TRUYỀN CỦA THỰC DÂN PHÁP, BỌN TẢ ĐẠO TRONG THIÊN CHÚA GIÁO.
PHÊ PHÁN CÁC TƯ LIỆU: LẬP TRƯỜNG, QUAN ĐIỂM ĐÁNH GIÁ; LƯỢNG THÔNG TIN.
KẾT LUẬN VỀ NGUYỄN VĂN TƯỜNG.

“Tổ quốc, vua, dân, đâu nặng hơn?”. Lòng trung của Nguyễn Văn Tường và nhóm chủ chiến Triều đình Huế – kiên quyết chống giặc và bọn phản quốc – đã làm sáng chói chữ trung chân chính, rất cổ điển và rất truyền thống.

Nguyễn Văn Tường và nhóm chủ chiến yêu nước Triều đình Huế đã chọn lựa đúng trong bi kịch ở đỉnh điểm mâu thuẫn đối kháng phản quốc – ái quốc, 1883. Hai năm sau, ở điểm đỉnh tội độ của mâu thuẫn đối kháng địch – ta dữ dội hơn, họ cũng đã trả lời đúng câu hỏi: “xã tắc, quân, dân, thực trọng khinh?”, trong sự phân công cho đêm Kinh Đô Quật Khởi và trong việc giao nhiệm vụ sau đêm lịch sử 22 – 23.5 Ất Dậu (chỉ từ 05.7.1885 đến 06.9.1885! Tiếc thay!).

Người nông cạn hoặc cam tâm cầu “hòa”, thực chất là bán nước cầu “vinh” (!), chí ít là cầu an, cứ mãi lừa mình dối người, cho rằng Nguyễn Văn Tường “tham lam”, “tàn nhẫn”, “quỷ quyệt”, Tôn Thất Thuyết “ít học”, “hèn nhát”, “hiếu sát” và cũng “tham lam”, “quỷ quyệt”, Phạm Thân Duật “đào ngũ” (“bỏ cuộc”)... Những kẻ nông cạn, cầu “hoà” (!) đó, vô tình hoặc chủ ý rơi vào luận điệu tuyên truyền vừa mỉa dân, vừa độc ác: “đập tan tàch” uy tín của những trung thần sáng suốt, hết lòng vì nước, vì dân và vì triều Nguyễn; và trước mắt thuở bấy giờ là “đập tan tàch” quốc kế “chia tách triều chính” nhưng vẫn “nhất dạng” của Nguyễn Văn Tường và Tôn Thất Thuyết, nhằm dập tắt phong trào Cần vương (13) (xin xem lại: chú thích (11)).

Nguyễn Văn Tường dũng cảm, mưu trí và nhận một kết quả bi đát, đậm tính hi sinh cao cả hơn Tôn Thất Thuyết nhiều lần. Nguyễn Văn Tường còn là một Nguyễn Trãi, tuy bị kịch mỗi người một khác – không có quan hệ yêu đương gì với Học phi (bà được phong hoàng thái phi như mẹ ruột của Hiệp Hòa, vì Hiệp Hòa đã tạo ra tiền lệ).

Tư liệu được viết bởi thực dân, tay sai (15), bởi những người bị bó buộc bằng xiềng xích bảo hoàng, kể cả những người yêu nước thiện cận, vì thiện cận mà sa vào âm mưu li gián (âm mưu li gián cả sau ngày 23.5 Ất Dậu, 1885) của Pháp, của các tên thực dân đội lốt giám mục, linh mục, cần được đọc một cách tỉnh táo với sự phân tích, đãi lọc khoa học. Chỉ trong việc phé lập từ 1883 đến 1884, cũng đã lắm vấn đề!

Tuy nhiên, cuối cùng, sự thật lịch sử đã được sáng tỏ, kể cả chữ trung trong quan hệ đồng chí.

Sự thật lịch sử đã sáng tỏ, ít ra là từ dưới triều vua Thành Thái, có điều, có lắm người không có điều kiện nhìn thẳng vào sự thật lịch sử, vào chân dung cao đẹp, anh hùng bị tráng địch thực của Nguyễn Văn Tường và nhóm chủ chiến, mặc dù chỉ là những chân dung chưa tỏa sáng hết độ sáng, bởi bộ sử, dẫu là tín sử, vẫn bị nhuộm màu sắc bảo hoàng (tập 27 – tập 36), rồi màu sắc phản quốc, với cách đánh giá ngược (tập 37 – tập 38)! Đại Nam thực lục, chính biên kỉ đệ tứ (1847 – 1883) và kỉ đệ ngũ (1883 – 06.9.1885) phải cất vào kho sử và phát hành hạn chế, trong khi đó, kỉ đệ lục (06.9.1885 – 1888) lại bị truyền bá khắp cả nước, dùng để giảng dạy trong nhà trường thực dân nửa phong kiến **!

Hiện nay, các nhà nghiên cứu sử học đã tiếp cận được nhiều nguồn tư liệu, từ tư liệu của Quốc sử quán triều Nguyễn, tư liệu của thực dân, tay sai, gián điệp đội lốt có đạo Thiên Chúa giáo (gồm cả tư liệu trước đây chưa công bố) (15), đến tư liệu của những người khác chính kiến, khác

bối cảnh, khác lực lượng ở những năm cuối thế kỷ XIX, dăm năm đầu thế kỷ XX, và cả sách vở suy diễn, xuyên tạc sau đó (gồm cả thiên cận, ngộ nhân). Trong đó, Đại Nam thực lục, chính biên (IV, V, VI) và Châu bản là tư liệu căn bản, quan trọng nhất và đáng tin cậy nhất, mặc dù quan điểm chép sử của Quốc sử quán triều Nguyễn từ chỗ yêu nước, chống Pháp, chống tả đạo, cố nhiên vẫn bảo hoàng, ít nhiều ngu trung (hai kỉ đệ tứ, đệ ngũ), đã đi đến chấp nhận tiêu chí đánh giá ngược, gọi giặc xâm lược bằng ngài, gọi nghĩa sĩ là giặc; chống người yêu nước chân chính (kỉ đệ lục).

Như vậy, từ nhiều nguồn tư liệu, với sự xác định tư liệu chuẩn cứ, với sự xói lặt, đãi lọc các tư liệu khác, dưới ánh sáng khoa học cách mạng, tiên tiến, dân tộc và hiện đại (mà quan điểm duy vật, lịch sử – cụ thể là then chốt), chúng ta đều có thể đi đến một kết luận nhất trí về trọn cuộc đời hoạt động của Nguyễn Văn Tường. Nguyễn Văn Tường, một nhân cách chói sáng, một nhà hoạch định chiến lược, chiến thuật, một nhà chính trị, ngoại giao tài giỏi, giàu mưu trí, một chiến sĩ ở vị trí lãnh đạo cao, đích thực có phẩm chất anh hùng, biết chiến đấu và biết hi sinh một cách dũng cảm. Đó không phải là lời khẳng định suông rỗng, nếu chúng ta thật sự công tâm trong nghiên cứu, suy ngẫm.

Và có thể khẳng định bi kịch của Nguyễn Văn Tường là bởi sáu chữ: bình Tây, sát tả, trá hàng và bởi câu thơ “xã tắc, quân, dân, thực trọng khinh?”.

Hai câu đối kính viếng linh cữu Nguyễn Văn Tường đã thể hiện cảm nghĩ của người đương thời lúc bấy giờ về kế sách của một lãnh tụ đã nắm giữ vận mệnh Đất nước và đã bị giặc Pháp xâm lược lưu đày:

Quốc kế thị phi lân sử định
Thiên phương sinh tử nhạn thư điều! [72]

Kế sách [cho] Đất nước, đúng [hay] sai,

[sẽ do] tín sử [sử có diêm con lân]
định luận
[Ở] phương trời, sống [hoặc] chết, thư xa
[buộc vào chân nhận cứ] vật vờ
[trong gió]

Kẻ nước đúng sai trang sử quyết
Phương trời sống chết cánh hồng chao!

Tất nhiên lịch sử đã ghi nhận. Và Nguyễn Văn Tường không chịu trách nhiệm sau khi ông đã bị lưu đày biệt xứ, từ ngày 06.9.1885, trước vận mệnh của Tổ quốc.

Mặt khác, Nguyễn Văn Tường còn là một nhà thơ. Ông không những có tài ngôn ngữ, trong các văn bản ngoại giao, chính trị, trong đấu tranh ở các cuộc hội nghị như vua Tự Đức đã gián tiếp khen ngợi khi so sánh với Nguyễn Tư Giản [73], Nguyễn Văn Tường còn là một nghệ sĩ của nghệ thuật ngôn từ, có nhiều câu, nhiều bài đạt đến mức tinh diệu (lời châu phê của vua Tự Đức ở Thi tập của ông).

Chiến đấu ở mặt trận với gươm đao súng đạn, đấu tranh trong thương thuyết ngoại giao và trên trường chính trị, cùng với việc làm thơ, tất cả chỉ là một, đều khởi từ trái tim yêu nước, thương dân, lòng căm thù giặc và bợn tay sai.

TRẦN XUÂN AN

1. CHÚ THÍCH bài NGUYỄN VĂN TƯỜNG (1824 – 1886) VỚI NHIỆM VỤ LỊCH SỬ SAU CUỘC KINH ĐÔ QUẬT KHỞI (05 THÁNG 7, 1885):

(1). “Giải triều...” còn có nghĩa là “Tan tác triều đình...”.

Bài thơ này đã được truyền tụng từ sau ngày Kinh Đô Quật Khởi (23.5 Ất Dậu, 1885), như một mật lệnh phối hợp giữa phong trào Cần vương vũ trang và những người ở lại. Sau đó, bài thơ

chỉ được ghi lại bốn câu cuối với bản dịch không rõ ý, bị xuyên tạc (xem Phan Trần Chúc, “Vua Hàm Nghi”, Nxb. Chính Ký, Hà Nội, 1951; Nxb. Thuận Hoá tái bản, 1995, tr. 83 – 84). Do bài thơ được truyền khẩu, nên có một vài chữ bị dị biệt ở các dị bản, nhưng ý nghĩa vẫn không thay đổi.

Vì “lí do chính trị” dưới chế độ thực dân, nhiều sách báo in lại, thường chỉ trích dịch bốn câu cuối.

Theo ông Nguyễn Xuân Quế (hậu duệ Nguyễn Văn Trường), cuối bài “Giải triều...”, có một câu chú thích thêm với hai chữ “Mạnh Tử”, ý muốn nhắc đến câu kinh điển của Nho giáo: “Dân vi quý, xã tắc thứ chi, quân vi khinh” (dân là quý, Đất nước là thứ nhì, nhà vua chỉ đáng xem nhẹ).

Bối cảnh lịch sử cũng là cơ sở cho việc mạo muội khảo dị, hiệu đính, nhằm xác định đúng bản gốc, nguyên tác của Nguyễn Văn Trường.

Sau đây là bản dịch nghĩa:

“Ba chục năm qua, uống phí bao nhiêu sự từng trải!
 Nửa đêm, gian tả [hoặc: vô cớ] [Giặc Pháp] ép nỗi buồn
 nẩy sinh
 Cờ xỏ ba màu [“tam tài”], sấm sét quyền biến
 Kẹp-tra-khảo theo cặp roi, chó gà kinh sợ
 Đường núi vạn trùng, lo lắng cho kiệu vua xanh biếc
 [kín đáo]
 Lòng kẻ bề tôi một dạng, thương-mến-không-nỡ-rời-bỏ
 sân sơn
 Đúng, sai, điều ấy, gửi nghìn thu sau [định luận]
 Đất nước, nhà vua, đâu là trọng, là khinh?”.

[Vô đoan: có hai nghĩa: vô cớ, hoặc: không ngay thẳng; già: cái kẹp dùng để tra khảo; luyện: thương mến không nở rời bỏ].

(2). Tập tâu Nguyễn Văn Trường gửi Tam Cung ở Quảng Trị đã bị Pháp duyệt (viết niên hiệu Hàm Nghi nhưng đóng ấn quan phòng của Pháp). Đó chỉ là tập tâu đối phó. Chúng tôi xin nhấn mạnh: Do đó, nội dung chỉ có tính chất đối phó, trước hết và chỉ là đối phó với Pháp, nên dĩ nhiên là không hoàn toàn đúng với sự thật, không thể hiện hoàn toàn đúng tư tưởng, ý nghĩ Nguyễn Văn Trường trong mối quan hệ đồng sự, đồng chí với Tôn Thất Thuyết

ở “cuộc nghĩa cử đêm 22 tháng 5 năm nay...” và những công việc sau đó. Nội dung như sau:

- Nguyễn Văn Tường cho rằng Nguyễn Văn Tường đã bị Tôn Thất Thuyết lừa dối [1. Nguyễn Văn Tường không biết việc Tôn Thất Thuyết đánh úp; hoặc đúng hơn là: 2. Nguyễn Văn Tường không ngờ Tôn Thất Thuyết không chịu cho đưa Hàm Nghi về như kế hoạch đã bàn].
- Tam Cung già cả, vua Hàm Nghi nhỏ tuổi, không đủ sức chịu đựng gian khổ ở chốn rừng sâu nước độc [nơi mà Nguyễn Văn Tường có gần 12 năm làm tri huyện, bang biện; chưa kể 5 năm tiểu phi ở núi rừng biên giới phía bắc, cũng chốn rừng sâu nước độc như thế].
- Hơn nữa, không thể giao cho Pháp và còn đồ kinh thành, lương miếu [chúng có thể tôn lập lên bất kì tên vua bù nhìn nào].
- Do đó, Nguyễn Văn Tường phải tuân theo sắc văn (ý chỉ) của vua, của Tam Cung mà ở lại Huế để lo việc giảng “hòa”, để cứu vãn tình thế và ngăn chặn sự cướp phá, tàn sát ở kinh thành; bởi lẽ khác, Nguyễn Văn Tường tự nguyện cùng với non sông xã tắc mà mất còn, không dám lia bỏ [Tôn Thất Thuyết sẽ sang Trung Hoa].

Chúng tôi mạn phép làm rõ nghĩa hơn bằng các chữ trong dấu móc vuông: []. Xin xem nguyên văn: ĐNTL.CB., tập 36, sđd., tr. 224 – 225.

Xem thêm: TS. Cao Huy Thuần, “Các giáo sĩ thừa sai và chính sách thuộc địa của Pháp tại Việt Nam (1957 – 1914)” (Les missionnaires et la politique colonial française au Viet Nam, 1857 – 1914), Nguyễn Thuận dịch, Nxb. Hà Nội, 2003, tr. 398, 452:

Qua một số tư liệu lưu trữ chưa công bố trước đó, TS. Cao Huy Thuần phân tích sự khác biệt chủ trương giữa Nguyễn Văn Tường, Tôn Thất Thuyết so với phe chủ “hoà”. Sự thật lịch sử đó đã bị Cao Huy Thuần diễn đạt theo cách của ông ta như sau:

“Sự xâu xé, chia rẽ của triều đình Huế từ khi vua Tự Đức mất, đã làm dễ dàng cho sự thành công của Pháp. Vì tham vọng cá nhân, một số quan lại tính đến chuyện hợp tác với người Pháp: chẳng hạn Nguyễn Trọng Hợp, một trong ba quan nhiếp chính [phụ chánh Trần Tiễn Thành – TXA. ct.] thời kì không vua [chưa

lập vua nổi ngôi – ct.] hay Nguyễn Hữu Độ [ở Bắc kì – ct.]. Hai quan nhiếp chánh [:phụ chánh – ct.] khác, Tôn Thất Thuyết và Nguyễn Văn Tường, lại chủ trương kháng chiến, nhưng cả hai đều lo bảo tồn quyền bính [:quyền lực để thực thi đường lối chủ chiến, “thế cỡi trên lưng hổ” – ct.]...” (tr. 398).

“... Với sự độc lập tương đối mà Trung kì được hưởng, họ sẽ dễ đuổi người Pháp ra khỏi Bắc kì, nếu người Pháp chỉ thiết lập chế độ bảo hộ ở đó, hơn là nếu họ tự giao trọn quyền sở hữu cho Pháp [làm thuộc địa, như Nam kì – TXA. ct.]” (tr. 452).

Cao Huy Thuần chú thích cho câu trên: “[Căn cứ vào: – ct.] Lanessan, thư riêng và mật, gửi bộ trưởng Hải quân, 26/9/1894, Thư khố Bộ Pháp quốc Hải ngoại, A 30 (101), hộp 21, theo ý chúng tôi [:Cao Huy Thuần – TXA. ct.], rất có thể rằng quan phụ chánh Nguyễn Văn Tường có ý bảo tồn Trung kì để sau này cố lấy lại Bắc kì nhờ vài sự giúp đỡ của Trung Quốc; nhưng có đủ lí lẽ để tin rằng mẹ của vua Tự Đức [thái hoàng thái hậu Từ Dũ – ct.], khi đề nghị như thế với Harmand, [lúc kí “hoà” ước Quý mùi 1883 – ct.] chỉ nghĩ đến việc bảo vệ an ninh cho nhà Nguyễn” (tr. 452).

Ở đây, như trên đã nói, chúng tôi (TXA.) trích dẫn từ cuốn sách của TS. Cao Huy Thuần chỉ nhằm chứng minh sự khác biệt chủ trương chính trị giữa Nguyễn Văn Tường (chủ chiến) với Từ Dũ (phe chủ “hoà”), chưa kịp đánh giá sự phân tích và cách diễn đạt của Cao Huy Thuần theo lập trường của ông ta.

(3). Về tư liệu A. Delvaux sử dụng trong bài viết (1916):

“Lịch sử sơ lược mà tôi kể ra đây về cái nhà [Tòa Khâm ở Huế – TXA. ct.] và những người đã chiếm cứ ngôi nhà ấy [các khâm sứ thực dân Pháp – ct.], hầu như độc nhất đầu tiên là dựa trên các tài liệu chính thức của Nhà nước [Chính phủ Pháp và chính quyền “bảo hộ” – ct.], được bổ sung bằng những kỉ niệm của đức giám mục Caspar, là nhân chứng sành sỏi và nhiều khi còn là diễn viên quan trọng của những sự cố đã xảy ra thời kì ấy tại Huế”.

Trích: Delvaux, bài “Phái bộ Pháp ở Huế và những phái viên đầu tiên...”, NNBCĐH. (BAVH., 1916), tập 3, nhiều người dịch, Nxb. Thuận Hoá, 1998, tr. 29.

Delvaux còn viết thêm các bài:

- Pháp đánh chiếm Huế (NNBCĐH., [BAVH., 1920], tập VII, Bửu Ý, Phan Xung dịch, Nxb. TH., 2001, tr. 338 – 375). Đây là một bài viết không chủ yếu căn cứ vào tư liệu gốc (văn bản, văn kiện chính thức) của Pháp, mặc dù có phụ chú (như bút phẩm của Silvestre ...), mà lại dựa vào vè Thất thủ kinh đô với thủ thuật xuyên tạc phi lí và trắng trợn bài vè ấy (Nguyễn Văn Tường lại câu kết với Nguyễn Hữu Độ!!! [*]), và dựa vào cái gọi là ý nghĩ quần chúng do cố đạo Henry de Pirey bịa tạc ra, hoặc do tuyên truyền của các tên linh mục thực chất là thực dân này trong quần chúng giáo dân mà lan truyền thành dư luận (H. de Pirey, bài “Một thủ đô phù du: Tân Sở”, NNBCĐH. [BAVH., 1914], tập I, Đặng Như Tùng dịch, Bửu Ý hiệu đính, Nxb. TH., 1997, tr. 224 – 234). Ý đồ của Delvaux ở bài viết lộ rõ: a) Một người sáng suốt như Nguyễn Văn Tường không thể cùng quan điểm “sát tả” như Tôn Thất Thuyết, người bị chúng cho là nóng nảy, võ biên; bởi lẽ chúng không thể bôi nhọ Nguyễn Văn Tường là “ít học” được! ; b) Một người đã “bình Tây sát tả” như Nguyễn Văn Tường, trước đó chúng đã xác quyết như thế, thì không thể là người yêu nước thương dân được, mà phải bôi nhọ ông là người vừa chống Pháp, vừa phản dân hại nước; bởi lẽ chúng buộc phải nói ngược rằng, giáo dân theo Pháp, chịu Pháp “bảo hộ” mới là yêu nước thật sự (sic!)! Ở bài viết này, Delvaux tỏ ra thiếu trung thực hơn bài viết vào năm 1916 (bđd., sđd.).
- Cái chết của Nguyễn Văn Tường, cựu phụ chính An Nam (NNBCĐH. [BAVH., 1923], tập X, Phan Xung dịch, Nguyễn Vy hiệu đính, Nxb. TH., 2002, tr. 478 – 485). Đây là một bài viết có nhiều điểm xuyên tạc. Chúng tôi đã làm rõ ở phần chính của bài nghiên cứu của chúng tôi. Tuy vậy, trong bài viết này, Delvaux đã dẫn nguyên văn đoạn trích từ Công báo thuộc địa Tahiti, ra ngày 05.8.1886, tr. 202; giấy khai tử trích sao từ sổ hộ tịch của xã Papeete, số 60, ngày 30.7.1886; quyết định cho phép di chuyển thi hài Nguyễn Văn Tường về An Nam, kí ngày 09.12.1886

(quyết định đã đăng trên Công báo thuộc địa Tahiti cùng ngày); ngoài ra, còn có tên con tàu là Le Bourayne, tên chỉ huy tàu là Willemsens; đặc biệt là ảnh chụp Nguyễn Văn Tường lúc chết... Bài báo này, Delvaux viết một cách thù hận về cái chết của cựu phụ chính An Nam Nguyễn Văn Tường! (Sao linh mục hận thù dai dẳng đến vậy, nhất là với một người đã chết!). Dấu sao, các văn bản hành chính trên cũng đã phủ chính một số điều đơm đặt chính Delvaux đăng lên tạp chí BAVH., 1920 (như Thành Thái ra lệnh quát xích sắt lên quan tài Nguyễn Văn Tường khi tàu thủy mới về đến An Nam!!! 1887, Thành Thái đâu đã lên ngôi! Về sau, Thành Thái đã chứng tỏ ông không phải là một con người tầm thường như thế!).

- Đòi điều xác minh về một thời kỳ biến động của lịch sử An Nam (BAVH., 1941, tr. 215 – 314, chưa xuất bản bản dịch).

[*] Xem thêm: L. Sogny, “Các gia đình thế gia vọng tộc ở nước Nam: ngài Nguyễn Hữu Độ”, NNBCĐH. [BAVH., 1924], sđđ., tr. 262 – 264 ... Đây là bài viết ca ngợi tên tay sai, bán nước Nguyễn Hữu Độ một cách trắng trợn!

(4). Đồng chí: một danh từ chỉ những người cùng chí hướng nửa sau thế kỷ XIX: trung quân, ái quốc, chủ chiến, chống Pháp (“bình Tây sát tả”), chống bọn giặc Cờ quấy rối và mưu toan bành trướng của nhà Thanh Trung Hoa, chưa phải là khái niệm “đồng chí” theo lí tưởng cộng sản chủ nghĩa hiện đại.

(5). Xem thêm: ĐNTL.CB., tập 32, Nxb. KHXH., 1975, tr. 355 – 356. Đây là phương thức “không biết gì”:

“... Bỗng được tin báo [...] quân ta đánh mạnh vào thành, An Nghiệp [François Garnier – TXA. ct] và 1 viên quan một, 1 viên quan hai đều bị giết chết, bọn Hoắc Đạo Sinh [Philastre – ct.] và quan trên tàu thuyền ấy đều đập tay tức giận, bảo Văn Tường rằng: “Việc không xong được, phải báo ngay cho tướng [Dupré – ct.] ấy không nên ở lâu”. Văn Tường thấy chúng khí giận đương

bốc lên, sợ lỡ việc lớn, mới thông thả nói rằng: “Việc ở Hà Nội, tướng của quý quốc bảo không phải là bản ý, mà lấy sức quân 4 tỉnh, nước tôi cũng không cùng tranh, thế là hai bên đều không trái. An Nghiệp chết, hoặc bởi bọn cướp khác, hoặc bởi sĩ dân nổi giận, việc chưa rõ ràng, căn cứ vào đâu mà vội báo, hưởng chỉ trả lại thành để sớm định điều ước, là lệnh của quý tướng; lấy lại thành rồi sau mới nghị hòa ước là mệnh lệnh của vua nước tôi; bọn chúng ta chỉ biết theo mệnh lệnh ấy. Còn như Hà Nội giết An Nghiệp cũng như An Nghiệp giết Nguyễn Tri Phương, đó là đều do sự không ngờ, cũng không phải là bọn chúng ta làm ra. Nay chưa từng thân đến chỗ ấy, biết được việc ấy, mà chỉ nghe tin báo không đâu, chẳng những quý tướng tính [ở nơi – ct.] xa không thể được, mà bọn chúng ta đi lần này thật có phụ. Sao bằng đưa thư ngay cho Hà Nội lập tức phái tàu thủy nhỏ đến, cho tiện đi đến nơi; nếu được theo mệnh lệnh trước hội bàn, rất tốt, hoặc được rõ duyên do An Nghiệp bị chết, rồi sau sẽ báo, há chẳng ổn hơn ư?”. Hoắc Đạo Sinh và quan ở tàu ấy nghe theo [...]. Văn Tường nghe lại bảo rằng: “Tàu của quý quốc đã tiến vào lại vội ra, sĩ dân nghe thấy, tất bắt chước việc Hà Nội đã làm, thì ai ngăn cấm được; sợ sau này lại hại lắm, thì trả lời tướng của quý quốc ra sao? Nay nên cho tàu Đề Ta Di [Decrès – ct.] ra biển, đón chặn giặc biển, còn tàu vẫn đi trước nên chạy tiến đến Hải Phòng, bọn ta đến ngay Hải Dương, trước giao trả thành ấy, hiểu thị niềm ýt cho sĩ dân biết, để tỏ ra thực thà và hòa thuận, rồi sau tiến đến Hà Nội, giao trả hết các thành và hỏi duyên do về việc An Nghiệp, báo cả một thể, mới là kế hoàn toàn”. Hoắc Đạo Sinh thuận nghe...”.

(6). Xem Y. Tsuboi, *NĐNĐDVP. & TH.*, sđd., tr. 64 – 83. Cũng ở sđd., tr. 82, Tsuboi trích dẫn một đoạn văn của chính Puginier (qua E. Louvet, *Cuộc đời giám mục Puginier, Hà Nội, 1894*, tr. 397): “Nếu không có thừa sai và giáo dân, thì người Pháp khác nào như những con cua đã bị bẻ hết càng. Ví dụ như vậy tuy mọc mọc song không kém phần chính xác và mạnh mẽ. Thực thể, nếu không có thừa sai và giáo dân, người Pháp sẽ chỉ có địch thủ bao vây; họ sẽ chỉ nhận được những tin tức sai nhằm đưa tới với ác ý, làm bại hoại tình thế của họ: như vậy họ sẽ bị đẩy vào cái thế không hoạt động được gì rồi nhanh chóng phải hứng chịu những

thảm họa thực sự. Họ sẽ không giữ nổi vị trí nơi đây, và sẽ bị buộc phải rời bỏ xứ này”...

(7). Thủ đoạn của Pháp là bao vây, cô lập nước ta về ngoại giao. Tháng 8 ã., 1881, Rheinart nói rõ, đại ý: “... Nước ấy [nước Pháp – TXA. ct.] không lấn quyền nước ta, chỉ bắt ta không được giao thiệp với nước khác thôi. Ta nếu không nghe, nước ấy cũng bắt làm cho được” (ĐNTL.CB., tập 35, Nxb. KHXH., 1975, tr. 59). Cơ mật viện – Thương bạc nhận định: “... Nước ấy đã mưu, không phải một ngày. [...] ... Ngăn ngừa ta giao thông với nước ngoài, là chỗ giảo quyệt của nước ấy. Duy trong ước có một điều “nước ta muốn định thương ước với nước nào đều được tùy tiện” thì nước ấy đâu có thể trái lời ước được. Nhưng ta từ trước đến giờ chưa giao thông với các nước, mà nước ấy không khỏi giữ ngầm ở trong, nên 6, 7 năm nay, các nước chưa nước nào đến định thương ước với nước ta. Gần đây ta cùng với nước Y Pha Nho định ước, giao ước với nhau đã lâu, mà nước ấy [nước Y Pha Nho – ct.] cũng chưa có đến, thì tình có đáng ngờ, cũng là tình của ta chưa thông với các nước, cho nên nước ấy [nước Pháp – ct.] mưu làm tự chuyên. Vả lại giao thiệp với nước ngoài thực khó, ta chỉ sợ khích nước ấy, lòng mưu tính ta, vì đó lại phát ra. Nay mưu nước ấy sắp thành, ta há nên không giải quyết sớm, hướng chi ta cũng cứ lý mà làm, làm sáng cho chúng biết, có trái ước gì đâu, mà chúng vin cơ để nói được... [...]. Nhưng tự trước đến giờ thường bị nước ấy ngăn trở, vì ta không có tàu, chỉ đáp tàu với nước ấy, tùy theo nước ấy đi hay đứng mà phải thế. Nay xin sửa soạn tàu của ta, chọn người ở triều đình có lòng đảm đương công việc lấy hai, ba người, lấy cố đi tìm học về bác vật, như nước Thanh cho người đi học các nước, tư rõ trước cho nước ấy biết. Đến lúc đi thì đến nước ấy trước, nhân chuyển đi các nước Y, Anh, Phổ, Mỹ, khiến cho các nước biết ta tự chủ, nhân đó mà thông suốt tình ý. Tục Thái Tây thích giao thiệp chơi bời với nước xa, ta đến, tự khắc không nước nào không nhận, tưởng cũng có nước muốn giao thiệp thông thương với nước ta, thực khiến cho tình của nước ta thông suốt các nước, thì nước ấy không thể tự ý làm càn được. Nếu nước ấy có lòng nào bắt ức ta, ta cũng có thể cùng các nước điều đình giúp bàn lại, tưởng

cũng là một kế đấy... [...]. Lại việc này còn xa, nay gần mà có thể giao thông được thì ở Yên kinh, sứ các nước đều ở đấy, nhiều lần sứ bộ ta sang Yên kinh chưa biết bàn đến việc ấy, vì sự thể giao tế khác nhau, cho nên khó làm. Nay có Cục Chiêu thương chở hàng thuê, do quan ở Cục ấy giới thiệu, tưởng cũng là một cơ hội. Gần đây tiếp được tin báo Đường Đình Canh tháng này cũng đến, xin do bọn tôi thương thuyết, nhờ viên ấy ngỏ ý với Lý Hồng Chương nhờ mật dò ý sứ các nước Anh, Mỹ, Phổ, để nắm được cốt yếu, thông thuyết giúp cho. Còn sứ Y Pha Nho ở đấy, nước ấy đã định ước với ta, thì nên bàn với họ. Nước Thanh gần đây tranh nước Lưu Cầu với nước Nhật Bản mà không được [vì có sự can thiệp của tổng thống Mỹ Grant – ct.], nay nước ấy [nước Thanh – ct.] [...] tưởng cùng nòi giống [da vàng – ct.] với ta cũng lo [lo âu về các nước thực dân da trắng – ct.], tất hết lòng mưu thực mà việc chóng xong ...” (ĐNTL.CB., tập 35, sđd., tr. 59 – 62).

Tháng 12 âl., cuối năm 1881 bước sang 1882, “vua cho là quan nước Thanh vào yết kiến, sợ sinh ngờ. Bèn cho Nguyễn Văn Tường bàn kín với Đường Đình Canh. [...]... Văn Tường mật dặn Đường Đình Canh 3 việc:

- ... Nước ta đặt quan đón đón chờ ở kinh đô nước Thanh, nếu có việc gì, được tố cáo ở Tổng lý nha môn.
- Ở Quảng Đông, hiện nghe lãnh sự các nước phần nhiều đóng ở đấy [...]... Nước ta đặt 1 lãnh sự ở đấy để tiện đi lại buôn bán, thông báo tin tức, nhân cùng giao du với các nước để thông hiểu tình ý.
- Nước ta muốn phái người đi khắp các nước như các nước Anh, Nga, Phổ, Pháp, Mỹ, Áo, Nhật Bản, xem xét và học... [...].

... Lại đều đem đồ vật gửi tặng [...]... Tổng đốc họ Trương [Trương Thụ Thanh – ct.] [...] đem đồ vật ấy trả lại, nói rằng nhận sợ nước Pháp ngờ, có việc khó giảng thuyết, tổng đốc họ Lý [Lý Hồng Chương – ct.] cũng lấy thơ và tờ khải đưa cho để tỏ tình cùng khuyên về ý đều phải tự cường” (ĐNTL.CB., tập 35, sđd., tr. 90 – 91).

Tháng 6 âl., 1883, Tự Đức mất. Đến khi Nguyễn Văn Tường, Tôn Thất Thuyết thực sự lãnh đạo Đất nước, Triều đình Huế thực hiện chủ trương ngoại giao đối trọng, trung lập giữa hai nước

Pháp, Hoa, vì cả hai nước này đều mưu toan xâm lược và chia nhau Bắc kì! Đó là chiến thuật tọa sơn quan sông hổ đầu (ngồi trên núi xem hai con cọp xâu xé nhau), chờ cơ hội giành lại quyền tự chủ cho Đất nước.

Nhưng, tiếc thay, 14.8 ãl., 1884, Lý Hồng Chương – Fournier kí tạm ước Thiên Tân, buộc Đại Nam phải chấp nhận cưỡng ước Patenôtre! Nước Nga lại đứng ra điều đình để Pháp – Hoa chính thức kí hiệp ước Thiên Tân (Patenôtre – Lý Hồng Chương), vào ngày 27.4 Ất Dậu (1885) (ĐNTL.CB., tập 36, sđd., tr. 127 và tr. 174)! [Theo “Việt Nam sử lược”, khởi đầu việc môi giới cho tạm ước Fournier là do một người Đức, tên Détring (sđd., b. 1964, tr. 539 – 540)].

(8). Điểm này chúng tôi thấy cần nói rõ thêm: các tên đội lột linh mục, giám mục, một mặt, thổi phồng con số, mặt khác, quy tất cả bọn Việt gian theo Pháp vào nhãn hiệu “giáo dân”, đồng thời tôn các tên xâm lược Pháp là “sứ giả của Thiên Chúa”! Do đó, “bình Tây sát tả”, khẩu hiệu ấy được hiểu là đánh dẹp giặc Pháp xâm lược và tiêu diệt bọn “giáo dân” với nghĩa trên và với nghĩa chối bỏ truyền thống dân tộc, để bảo vệ độc lập dân tộc và bản sắc văn hóa dân tộc Việt Nam của chúng ta.

Về từ “giáo dân” được Quốc sử quán sử dụng trong phần viết về cuộc Kinh Đô Quật Khởi (22 – 23.5 ãl., 1885) và hai tháng sau đó: Đó là lực lượng giáo dân do thực dân Pháp vũ trang súng đạn; đó là bọn lính ma tà (“giáo dân vô lại”...). Xin phân biệt với bộ phận giáo dân lương thiện, không theo “tả đạo”, thực dân (xem thêm: GS. Trần Văn Giàu, Hệ ý thức phong kiến và sự thất bại của nó... , Nxb. TP.HCM., 1993, tr. 368 – 371).

Mặc dù về “Thất thủ kinh đô” không phải là tư liệu gốc, chỉ là một tác phẩm dân gian hư cấu với nhiều sai lệch đáng kể, chúng tôi cũng trích một vài đoạn, chỉ để tham khảo thêm:

“Đô thành, quan Quận giao hòa
 Lựa chiều hơn thiệt nói mà với Tây
 Tây phiên ngẫm vẫn giận thay:
 “Đem lòng cự chiến, còn đến đây làm gì?
 May mà Nam Việt buổi bại suy
 Tây mà bại, Đạo phen ni, cũng không còn

Người mà phiêu lạc núi non
 Bao nhiêu nhà cửa chẳng còn gì đâu
 Tây phiên thúc thủ thụ đầu
 Hàng lai Nam Việt, mảnh âu chẳng lành
 Tây phiên trở lại Tây thành
 Ở đây xấu tiếng bia [bêu?] danh đã rồi
 Họ không cho đâm nhánh mọc chồi
 Trăm dao xẻo thịt thả trôi giang hà”
 Quan Quận khi ấy nói qua
 Nói cùng Đại Pháp chư nha phiên trào:
 “...”
 Quan một cho đến quan ba
 Quan năm quan sáu vậy mà cũng nghe!
 Đòi triệu các quan tỉnh trở về
 Sự tình y ước cho ra bề đực trong
 Tin thì tin, dạ còn phòng
 Nam triều tể tướng nó đem lòng phục binh...”.

Vẫn là vấn đề “binh Tây sát tử”; “Bắc Việt bị “bảo hộ” và “Nam Việt [Trung kì] thuộc Nam triều”!

Chúng vẫn sợ Nam triều tể tướng Nguyễn Văn Tường làm nội công cho Tôn Thất Thuyết.

(Ở cuốn “Kì Vĩ phụ chính đại thần Nguyễn Văn Tường, thơ – Vài nét về con người, tâm hồn và tư tưởng”, chúng tôi đã có dịp bước đầu phân tích về “Thất thủ kinh đô” với một vài nét nhấn then chốt).

Về Giáo hội Thiên Chúa giáo Vatican và Hội Truyền giáo Paris tại hải ngoại, ngoài ba cuốn sách của Trần Tam Tĩnh, Trần Văn Giàu và Yoshiharu Tsuboi mà chúng tôi có tham khảo, xin xem thêm: TS. Cao Huy Thuần, “Đạo Thiên Chúa và chủ nghĩa thực dân [Pháp] tại Việt Nam [1957 – 1914]” (Christianisme et colonialisme au Viet Nam, 1957 – 1914), luận án tiến sĩ tại Pháp (1969), bản dịch, in ronéo của Đại học Vạn Hạnh, Sài Gòn, 1973; vừa được Nxb. Tôn Giáo tại Hà Nội xuất bản với bản dịch mới của Nguyễn Thuận (vào tháng 02.2003), với sự thay đổi nhan đề: “Các giáo sĩ thừa sai và chính sách thuộc địa của Pháp tại Việt Nam (1957 – 1914)” (Les missionnaires et la politique colonial française au Viet Nam, 1857 – 1914) [!?!].

Nhân tiện, xin mở một ngoặc đơn ở đây:

1. Cao Huy Thuần đã chứng minh đúng vai trò xâm lược của Giáo hội Thiên Chúa giáo Vatican (Rome); các giáo hoàng Nicolas V với giáo chỉ năm 1454, Calixte III với giáo chỉ 13.3.1456, Alexandre VI với giáo chỉ Inter Caetera 04.5.1593, đã chủ động câu kết với các thế lực thực dân như Hà Lan, Bồ Đào Nha, Pháp, Tây Ban Nha... [sđd., tr. 11]; và vai trò xâm lược trực tiếp trong lốt cổ đạo của các giáo sĩ từ các nước thực dân ấy.

Đối chiếu tư liệu: Machiavel, Quân vương (Le Prince), Phan Huy Chiêm dịch, Nxb. Quảng Hoá, 1968, tr. 48 – 53; Trần Tam Tỉnh (linh mục, giáo sư, viện sĩ Viện Hàn lâm khoa học Hoàng gia Canada), Thập giá và lưỡi gươm (Dieu et Cécqar, [dịch thoát]), Vương Đình Bích (linh mục) dịch, Nxb. Trẻ, 1988, tr. 14 – 15. Theo Machiavel, cha đẻ của Cécqar Borgia là giáo hoàng Alexandre VI.

2. Cuốn sách của Cao Huy Thuần ở chương có đề cập đến các nhân vật lịch sử Việt Nam dưới thời Tự Đức (chúng tôi chỉ giới hạn trong khoảng thời gian 1873 – 1874; sđd., tr. 253 – 326), có một số điểm cần bàn. Đó là sự mập mờ, lộn xộn, đánh tráo, xuyên tạc không thể không chỉ ra và phê phán để tránh những ngộ nhận lịch sử đáng tiếc. Cao Huy Thuần không phân biệt khuynh hướng chủ “hoà” (đầu hàng) với biện pháp “hoà là cơ nghi” (“chiến rồi mới có thể hoà, hoà để thủ, thủ để mưu chiến”). Cao Huy Thuần muốn che giấu cho Trần Tiến Thành!
3. Cao Huy Thuần chỉ sử dụng tư liệu của Pháp (trong đó có tư liệu ở các kho lưu trữ của Bộ Hải Ngoại và Thuộc địa Pháp) một cách không đầy đủ, lại thiếu sự đối chiếu với tư liệu của Quốc sử quán triều Nguyễn...

(9). Chúng tôi xin chốt lại và nhấn mạnh điểm này: Có điều, sử học vẫn phải phân tách rõ “hư chiêu” và “thực chiêu”: a). căn cứ vào ba mươi năm làm quan, một niềm trung quân ái quốc và kiên định lập trường chống Pháp; b). căn cứ vào hai tháng sau ngày 23.5 Ất Dậu, 1885 với hai mật dụ Hàm Nghi từ Tân Sở gửi

về và tinh thần đấu tranh khăng khải, không chịu khuất phục của Nguyễn Văn Trường [gồm cả ý định lập Đông Khánh bởi không còn ai trong diện có thể, ĐNTL.CB., tập 36, sđd., tr. 23]; c). căn cứ vào hai bản kết án chung thẩm của De Courcy, De Champeaux và Triều đình Đờng Khánh [ĐNTL.CB., tập 36, sđd., tr. 247 và tập 37, sđd., tr. 33, 35, 132 –141]; d). căn cứ vào cả tư liệu của Puginier, H. Le Marchant de Trigon, A. Delvaux (1916)... , các tư liệu chưa công bố của Pháp được trích dẫn bởi Yoshiharu Tsuboi (NĐNĐDVP. & TH., công trình được tài trợ bởi chính phủ Pháp với sự giúp đỡ của một số nhà sử học Pháp [1982]; quan điểm của Tsuboi vẫn là bảo hoàng, tư sản...).

Xin nhấn mạnh:

Có ý kiến khác: Đưa vua Hàm Nghi về nhưng vẫn tiếp tục cần vương; Hàm Nghi sẽ lãnh đạo tổng quát cuộc kháng chiến bằng mật dụ; chỉ đạo kháng chiến trực tiếp chỉ cần Tôn Thất Thuyết, Phan Đình Phùng... Bởi lẽ, một nước có hai vua là quá táo bạo! (ĐNTL.CB., tập 36, sđd., cuối tr. 244).

Xin tham khảo thêm:

1. Những tư liệu sau đây khớp với tư liệu chuẩn cứ (Đại Nam thực lục, chính biên, tập 36, và có thể kể cả tập 37, bộ sđd.) cũng như các tư liệu khác, chúng tôi đã có dịp trưng dẫn trong bài viết “Nguyễn Văn Trường với nhiệm vụ lịch sử sau cuộc kinh đô quật khởi 05.07.1885” (đã in trong tập tư liệu “Hội thảo khoa học về nhân vật lịch sử Nguyễn Văn Trường – Các báo cáo khoa học”, do Trung tâm KHXH. & NV. thuộc Viện Đại học Huế, Hội Khoa học lịch sử Thừa Thiên – Huế, Tạp chí Huế Xưa và Nay tổ chức, in ấn, 02.07.2002, tr. 59 – 83):

■ Tài liệu 1: Bài báo “Những biến cố ở Huế” (Les évènements de Huế), đăng trên tờ nhật báo L’Unité – Indochinoise (cơ quan của quyền lợi chính trị, thương mại, canh nông, kĩ nghệ của Nam Kỳ, Cam Bốt, Bắc Kỳ và Trung Kỳ), số 70, năm thứ hai, ra ngày thứ sáu, 07.08.1885.

Đoạn mở đầu, tác giả khẳng định: “Cách đây vài ngày, chúng tôi đã viết là [Nguyễn Văn] Trường chẳng bao giờ là đồng minh của chúng ta. Nay, cần thêm rằng, chúng ta chẳng hề tin tưởng một tí gì về những lời hứa hẹn chính thức nhất của ông ta, và

rằng, sau chuyến bôn tẩu của nhà vua An Nam cùng với vị thượng thư Bộ Binh Tôn Thất Thuyết, ông ta ở lại kinh thành chỉ nhằm mục đích phục vụ cho những người nói trên (vua và Tôn Thất Thuyết) mà thôi”.

■ Tài liệu 2: Bài báo “Vụ bắt giữ viên quan Tường” (L’arrestation du mandarin Tường), đăng trên tờ báo Avenir militaire (Tương lai quân đội), số ra ngày 26.09.1885. Đây là một bài báo đã được tìm thấy trong tình trạng đã được cắt rời khỏi tờ báo.

Nhà nghiên cứu Trần Viết Ngạc lược dịch như sau: “Chúng ta đã tìm thấy những thông tin sau trong một bức thư đề ngày 11 tháng 09 gửi cho Hãng Thông tấn Havas: Tôi đã gửi cho ông chiều hôm qua một điện tín để báo cho ông biết việc vị đệ nhất phụ chính Nguyễn Văn Tường bị bắt. Bằng cách nào và tại sao người ta bắt ông?

Sau biến cố 05 tháng 07, [Nguyễn Văn] Tường tìm gặp thống tướng [[De Courcy]], ông ta bị bắt cầm tù và buộc phục vụ cho nước Pháp. Thoạt tiên, tướng tổng tham mưu định xử bắn ông, nhưng nghĩ lại, tốt hơn là giao cho ông ta tái lập guồng máy hành chính An Nam nhưng ông vẫn là tù nhân chừng nào những xao động chưa được xếp đặt yên ổn, người ta uỷ thác cho ông ta tái lập niềm tin trong dân chúng và giúp chúng ta theo dõi tất cả hoạt động của giới quan lại. Ông ta có nhiệm vụ đưa vua hồi loan và không được phản bội lại chúng ta. Tất cả những điều kiện ấy đang được thực thi hay ít ra chúng ta tưởng như vậy cho đến những ngày gần đây, chúng ta biết rằng [Nguyễn Văn] Tường liên lạc bí mật với thân phụ [nhạc phụ?] ông ta ở bên ngoài. Người ta không tìm thấy gì khi bắt giữ những người chuyển văn thư. Nhưng, vào chiều ngày thứ hai vừa qua, tình cờ ta bắt giữ được một tên trong bọn chúng. Khám xét khắp người, người ta chẳng tìm thấy gì. Khi lột trần tên mật sứ kia, khám kĩ y, người ta đã tìm thấy một mảnh giấy nhỏ, nội dung được dịch ngay tại chỗ và quyết định bắt giữ [Nguyễn Văn] Tường ngay tức thì. Nội dung mảnh giấy là gì, chỉ có thống tướng biết...”.

■ Tài liệu bổ cứu cho bài báo trên: “Ngày 05 tháng 09 là hạn chót hai tháng mà ông thống tướng De Courcy quy định cho

[Nguyễn Văn] Tường phải ổn định An Nam. [Nguyễn Văn] Tường, như người ta nhận biết, đã cung cấp cho chúng ta những nguồn tin thất thiệt; mặc dù chúng ta đã giám sát chặt chẽ, ông ta vẫn liên lạc với những nhân vật đáng ngờ ở bên ngoài. Thống tướng quyết định cho bắt giữ ông ta”.

(Trích Gosselin, L'Empire d'Annam, Perrin et Cie, Librairies – éditeurs, Paris, 1904, tr. 219).

Sau khi giới thiệu các tài liệu trên, nhà nghiên cứu Trần Viết Ngạc kết luận:

“Vây là, các nguồn tư liệu đều cho chúng ta biết rằng trong thế bị cầm tù ở Thương bạc, và dù bị giám sát chặt chẽ, Nguyễn Văn Tường vẫn liên lạc với bên ngoài cho đến khi bị phát giác và bị bắt. Cho nên những việc ông công khai làm dưới sự ép buộc của người Pháp trong tình thế bị giam hãm là những hành động bất đắc dĩ, không thật tâm, còn những liên lạc bí mật với bên ngoài, chính là những cố gắng cuối cùng của ông nhằm phục vụ Đất nước, bày tỏ trung thành với vua Hàm Nghi. Đó là lí do chính yếu mà De Courcy quyết định bắt và lưu đày ông ...”.

(Trần thuật và dẫn theo bài báo của Trần Viết Ngạc, “Những tư liệu mới về Nguyễn Văn Tường” [giới thiệu, phân tích, bổ sung tư liệu sưu tầm, dịch thuật của bà Nguyễn Thị Ngọc Oanh, hậu duệ của cụ Nguyễn Văn Tường, và con gái bà là Trần Nguyễn Từ Vân], bns. Xưa & Nay, số 126 (174) tháng 10.2002, tr. 18 – 20).

2. Xem thêm: Nhiều tác giả, Côn Đảo, kí sự và tư liệu, Ban liên lạc tù chính trị, Sở Văn hóa – Thông tin, Nxb. Trẻ Tp. HCM. phối hợp xb., 1998, tr. 85: Khi đày Nguyễn Văn Tường, Phạm Thận Duật, Tôn Thất Đính ra Côn Đảo, De Courcy có gửi theo một mật hàm cho chúa đảo là Caffort:

“Tầm quan trọng của những tù nhân này đòi hỏi phải được giám sát hết sức nghiêm ngặt với bất cứ giá nào”.

Theo tư liệu trên, Nguyễn Văn Tường bị Pháp đổ thuốc độc vào miệng, nên răng bị rụng (vài chiếc, và bị lung lay nhiều chiếc khác) (tr. 85).

(Dẫn theo: PGS. TS. Đỗ Bang, tập Hội thảo khoa học về nhân vật lịch sử Nguyễn Văn Tường (1824 – 1886) – Các báo cáo khoa học, bài “Góp phần làm sáng tỏ những uẩn

khúc trong cuộc đời của nhân vật lịch sử Nguyễn Văn Tường”, Trung tâm Khoa học xã hội và nhân văn thuộc Đại học Huế, Hội Khoa học lịch sử Thừa Thiên – Huế phối hợp tổ chức, 02.07.2002., tr. 40).

3. GS. Trần Văn Giàu, Chống xâm lăng, Nxb. TP. HCM. tái bản, 2003, tr. 560: “Nhưng giữa lúc Cuộc-xy bối rối vô cùng thì Từ-Dũ và Tam cung về Huế. [?!? – TXA. ct.] Viện Cơ mật [?!? – ct.], Nguyễn-hữu-Độ làm phó (Độ là phó vương Bắc-kỳ được Pháp tin cậy), lập một số bộ, trong đó có bộ binh do tên khâm sứ Sam-pô [Champeaux – ct.] cầm đầu. Cuộc-xy ép đám hoàng thân cử Thọ-Xuân làm phụ chánh [đúng chức danh là nhiếp chánh – ct.], ép Thọ-Xuân làm bản tuyên cáo nói rằng Tôn-thất-Thuyết là nghịch đảng, rằng các quan ở Bắc, Trung phải cộng tác với quân Pháp để tiêu diệt nghịch đảng, v.v... Nhưng chính địch cũng phải thừa nhận rằng ông già Thọ-Xuân 76 tuổi “không có ảnh hưởng gì trong nhân dân cả”, càng không có ảnh hưởng gì với tầng lớp thân sĩ trí thức.

“Cái khả năng duy nhất của ông phụ chánh [nhiếp chính Thọ Xuân vương Miên Định – TXA. ct.] chỉ là ký tên mà thôi” (Gosselin, L’Empire d’Annam [tr.? – ct.]”.

4. Xem thêm: Có một giai thoại về phụ chính Nguyễn Văn Tường sau ngày kinh đô quật khởi và bị thất thủ, đề cập đến tài năng, nhân cách, tư tưởng, thái độ chính trị kiên cường chống Pháp và lòng trung nghĩa của ông. Những đoạn trong giai thoại này, sau khi khảo chứng (đối chiếu tư liệu gốc, bổ cứu, loại trừ ...), xét thấy không đúng với sự thật lịch sử, chúng tôi đã mạn phép lược bỏ. Mặc dù giai thoại chỉ là chuyện truyền khẩu, chứa đựng nhiều sai lệch, nhưng ít nhiều vẫn có thể đãi lọc một vài lượng thông tin nào đó, trên cơ sở khảo chứng khoa học. Có một điều cần nhấn mạnh, Nguyễn Văn Tường được cử ở lại Huế sau cuộc Kinh Đô Quật Khởi và bị thất thủ không chỉ nhằm mục đích hạn chế sự thiệt hại về nhân mạng, tài sản triều đình và của cải nhân dân, mà còn để thực hiện phương án vừa đánh vừa đàm. Cũng cần nhấn mạnh, Nguyễn Văn Tường vốn là một đại thần trung nghĩa, và ông thừa biết thủ đoạn “gạ gẫm” của bọn Pháp. Xin chép lại để tham khảo thêm như sau:

“ ... Dưới thời Tự Đức, [phụ chính Nguyễn Văn] Tường làm quan nổi tiếng là một người mưu lược, những việc gì khó thì triều đình đều cử [Nguyễn Văn] Tường đảm nhiệm. Tự Đức mất, để di chiếu lại, cử [Nguyễn Văn] Tường là một trong ba người trọng thần. (Hai người kia là Trần Tiễn Thành và Tôn Thất Thuyết). Lúc Pháp xâm chiếm Việt Nam, [Nguyễn Văn] Tường và [Tôn Thất] Thuyết là hai người đứng đầu phe chủ chiến quyết tâm đánh Pháp. Sau sự kiện thất thủ kinh đô (07.1885) [đệ nhị phụ chính Tôn Thất] Thuyết đưa vua Hàm Nghi xuất bôn, tiếp tục cuộc kháng chiến lâu dài, [đệ nhất phụ chính Nguyễn Văn] Tường là người mưu lược, được cử ở lại để tìm mọi cách hạn chế bớt sự thiệt hại. Vì “nhiệm vụ lịch sử”, [phụ chính Nguyễn Văn] Tường đã bị mang tiếng phản bội, cộng tác với giặc.

[Phụ chính Nguyễn Văn] Tường là một đối thủ đáng gờm của Pháp từ mấy mươi năm. Cho nên khi [phụ chính Nguyễn Văn] Tường đã “về hàng” mà Pháp vẫn sợ và cho một đơn vị quân đội luôn canh chừng [Nguyễn Văn] Tường. Mặt khác, Pháp muốn dùng “tên” của [phụ chính Nguyễn Văn] Tường để làm “tay sai” cho chúng, nên chúng đã tìm mọi cách để lôi kéo [Nguyễn Văn] Tường.

Khi được linh [giám] mục Caspard [Caspar] cho biết [phụ chính Nguyễn Văn] Tường chính là con vua Thiệu Trị và em vua Tự Đức, Pháp đã gạ [Nguyễn Văn] Tường:

- Ông là người có dòng máu nhà vua, lại có tài, vậy ông có muốn làm vua không?

[Phụ chính Nguyễn Văn] Tường lắc đầu. Pháp lại hỏi:

- Nghe ông có một người con cũng giỏi lắm. Ông có muốn cho con ông làm vua không?

[Phụ chính Nguyễn Văn] Tường cũng lắc đầu.

Tên đầu sở thực dân Pháp ở Huế [De Champeaux] cũng lắc đầu:

- Con vua mà không muốn làm vua ... Thật là một chuyện lạ! Phải chăng lòng ông còn đang mơ tưởng đến Hàm Nghi, phải không?

Sự nghi ngờ [phụ chính Nguyễn Văn] Tường trong lòng bọn thực dân lại chồng chất thêm. Cuối cùng, khi thấy không thể tin được, bọn Pháp đã đưa [phụ chính Nguyễn Văn] Tường đi đày và ông đã chết ...”.

(Nguyễn Đắc Xuân viết theo Phan Văn Dật [thi sĩ tiền chiến, người Quảng Trị] và nhiều tư liệu khác, “Con vua mà không chịu làm vua”, trong cuốn Hương giang cổ sự, Tủ sách Sông Hương xuất bản, 1986, tr. 47 – 48. Xem thêm: Nguyễn Đắc Xuân, Chuyện các quan triều Nguyễn, Nxb. Thuận Hoá, 1999 (?)...).

Chúng tôi đã viết rõ ở truyện thứ nhất, tập I, bộ truyện kí – khảo cứu lịch sử “Phụ chính đại thần Nguyễn Văn Tường”: ông không phải là con rơi của vua Thiệu Trị.

(10). Đào Doãn Địch (ĐNTL.CB., tập 37, sđd., tr. 79). Xem thêm về nhân vật Đinh Hội (ĐNTL.CB., tập 37, sđd., tr. 80, 142 [?], 244, 325): Đinh Hội chống Pháp, không chống Triều đình thời Nguyễn Văn Tường còn giữ vị thế.

(11). Đây là loại thông tin bản án. Trong các loại thông tin, loại bản án, cáo thị, mật thư, mật dụ... hiển nhiên có độ khả tín cao nhất. Các loại thông tin này được phối kiểm và kiểm chứng bằng suốt cả quá trình hoạt động lâu dài và ở kết thúc cuộc đời nhân vật lịch sử Nguyễn Văn Tường (bị lưu đày và chết ở chốn lưu đày biệt xứ). Ở kỉ đệ tứ, đệ ngũ (các tập 27 – 36), những văn kiện trên là hoàn toàn xác tín. Riêng ở kỉ đệ lục (2 tập 37 – 38), ngoại trừ bản án về bốn nhân vật chủ chốt [*] trong nhóm chủ chiến đã được xác định độ khả tín tuyệt đối, thì số văn kiện liên quan còn lại, cần phải đãi lọc (chúng tôi đã thực hiện ở bài viết).

Năm 1890, Trương Quang Đản có dân số chạy “tội”, kêu “oan” cho Trương Văn Đễ, do quyền lợi chính trị thời bị “bảo hộ”!? Chỉ có một trường hợp như vậy (xem “Đại Nam liệt truyện”, tập 3, sđd., tr. 425 – 426). Người viết nghĩ rằng, ngoài việc cùng chủ trương cuộc Kinh Đô Quật Khởi (05.7.1885), Trương Văn Đễ còn được trao nhiệm vụ cản hậu và đánh lạc hướng các cuộc truy kích vua Hàm Nghi mà thực dân Pháp cố quyết tiến hành. Riêng chi

tiết (cản hậu, đánh lạc hướng) này, và vai trò tương tự của Đinh Tử Lượng, cần được nghiên cứu, xác minh thêm, mặc dù chúng tôi nhận thấy đã có đủ dữ kiện trong ĐNTL.CB., tập 36, tr. 223, 229, 234, 243.

[*] Phạm Thận Duật hóa ra chỉ là một nhân vật rất mờ nhạt, không có tên trong bản án chung thẩm này.

(12). “Nguyễn Văn Tường, thượng thư, sau này là phụ chánh, Văn Minh, sau [nửa là] Cần Chánh, Ky-vi-ba, phụ trách đối ngoại, bị đày vào năm 1885 ở Tahiti và mất tại đó” [bị chú của H. Le Marchant de Trigon; những chữ trong dấu móc vuông [] là của chúng tôi – người viết và chú thích chưa thêm (TXA. ct.); xin lưu ý thêm: 29.8.1875 (một ngàn tám trăm bảy mươi lăm)].

Trích từ: H. Le Marchant de Trigon, bài “Vị đại biện đầu tiên của nền bảo hộ đến Huế” [viết về Rheinart], Những người bạn cố đô Huế (BAVH., 1917), Nxb. Thuận Hóa, 1998, tập IV, số d., tr. 273).

(13). Về Tôn Thất Thuyết, tên ông hầu như luôn luôn gắn liền với danh tính Nguyễn Văn Tường, hoặc được gọi chung là “hai người” trong ĐNTL.CB., tập 35 – tập 37, Nxb. KHXH., 1976 – 1977, chứng tỏ sự nhất dạng cao. Tuy nhiên, trước đó cũng có lần Tôn Thất Thuyết mắc mưu bơi nhỏ, nhằm triệt hạ, đập tan tành uy tín Nguyễn Văn Tường của De Champeaux:

“Thượng thư bộ hộ là Nguyễn Văn Tường vì bị lời gièm (nguyên hiệp đốc là Tôn Thất Thuyết tâu nghị về việc tiền đồng dị dạng có nói: “Thuyền nước khác mang đến, hết lòng xin giúp”; lại nói: “Cùng người chia lợi, một nước hại dân, lại ở kinh đô đồn rầm là Nguyễn Văn Tường nhận nhiều của lót, tâu xin bỏ cấm”) xin trả việc Bộ Hộ, đổi sung bộ khác.

Vua dụ rằng: “Thuyết ít học không thông, lại có tật nóng nảy, nói càn, sao đáng kể; lời đồn ở kinh đô cũng không căn cứ; người xưa không thể dẹp được lời gièm, cho nên nói: “Cứu rét không gì bằng mặc hai lần áo cừu, dẹp lời gièm không gì bằng tự phải tu tỉnh”. Nguyễn Văn Tường từ lúc giữ việc ở Bộ Hộ đến giờ, có phần hết lòng trù tính, thuế khóa của nước có hơn lên; đương lúc

phải giữ đũa về quân nhu bận rộn, đều được ổn thoả cả. Trẫm đương trách uỷ cho làm có thành hiệu sao nên tự đẩy đem thoái thác” (ĐNTL .CB., tập 34, Nxb. KHXH., 1976, tr. 370: tháng 9 âl., 1880).

“Sứ nước Pháp nghe nói tỉnh Quảng Nam có mỏ than, (khách buôn lãnh trung), yêu cầu xin đến khám; chưa cho, sứ ấy lại thác ra việc mật đưa thẳng lên vua, ngầm gièm quan Viện – Bạc đại thần, (trong thư nói: “Có người bất trung, bất công đến nỗi ngờ nước ấy có ý gì khác, lấy nhiều của lột giả ơn của người nước Thanh”; lại nói: “Người cho lái buôn nước Thanh khai mỏ ấy chỉ mưu lợi cho mình, không làm lợi cho nhà nước”), quan Viện – Bạc xin đưa thư cho chủ suý Pháp và sao bức thư của sứ ấy ghim vào gửi đi, để cho biết sứ ấy có sự không phải, để khỏi nghe một bề về sau.

Vua bảo rằng: “Nay nếu đem lời nói không phải của hấn, vội viết thư cho chủ suý của hấn, không khỏi bênh nhau bỏ đi, ích gì đến ta; thế là đều không nhin sự giận nhỏ, để lỡ việc lớn, không phải là khéo xử. Nên mật tư từ đầu cuối việc ấy giao cho Nguyễn Thành Ý theo thế nói cho chủ suý hấn biết” (ĐNTL.CB., tập 34, sđd., tr. 341: tháng 4 âl., 1880).

Đó là một biểu hiện của cuộc chiến tranh trên mặt trận kinh tế (ngoại thương, tài chính).

Sau lần hiểu lầm vì mắc mưu De Champeaux ấy, hai người luôn luôn đoàn kết với nhau, cho đến lúc Nguyễn Văn Tường bị lưu đày sang Tahiti, Tôn Thất Thuyết sang Trung Hoa cầu viện trong tuyệt vọng...

(14). Việc lập Đồng Khánh là chẳng đặng đừng, trái với di chúc của Tự Đức. Di chúc đã ghi rõ: “Ưng Kí người yếu hay ốm, có tâm tật, chưa học thông mà kiêu ngạo, hay bới việc riêng của người khác cho lạng thẳng, đều không phải là tư chất thuần lương, theo lời phải; sợ bọn người khó lấy lời nói can đựợc” (ĐNTL.CB., tập 35, sđd., tr. 200 – 201). “Lạng thẳng” là vi phạm tính trung trực, hay bề cong sự thật! Một tác giả thực dân Pháp đã viết: “Chưa hề ở xứ sở nào, thời nào có ông vua bị thần dân oán ghét như vua bù nhìn Đồng Khánh” (Charles Gosselin, L’Empire d’Annam,

Paris, 1904, tr. 267; dẫn theo Dương Kinh Quốc, Phan Canh, Đào Đức Chương, Quỳnh Cư, Đỗ Đức Hùng...).

Với bài “Giải triều...”, Nguyễn Văn Tường khẳng định lòng mình chỉ hướng đến vua Hàm Nghi.

(15). Xem thêm các bài viết của thực dân Pháp (xin đọc với cách đọc theo quan điểm yêu nước, dân tộc của chúng ta và công lí chân chính, tiền bộ của nhân loại):

- A. Laborde, Tỉnh Quảng Trị, NNBCĐH. [BAVH., 1921], tập VIII, Phan Xưng dịch, Nhị Xuyên hiệu đính, Nxb. TH., 2001, tr. 196, 200 ... (xem lại chú thích (3)).
- H. Cosserat, Người ta viết sử như thế nào: Đón tiếp đại tá Guerrier tại Triều đình nước Nam ngày 17.8.1884, NNBCĐH. [BAVH., 1924], tập XI, sđd., tr. 373 – 397. Trích bài viết này:

“... Đúng pháp luật mà nói, thì ông Tường ra khỏi kinh thành là để trình diện trước tòa án binh [...]; nếu khôn ngoan hơn, thì ta không nên để một con người [chỉ Nguyễn Văn Tường – TXA. ct.] rõ ràng là kẻ thù của chúng ta cầm Triều đình, một con người luôn đã và sẽ chống phá nền đô hộ của chúng ta theo cách này hay cách khác, không chịu chấp nhận nó.

Nhưng chúng ta đã tin, đã làm bộ tin sự thành thật trong những lời phản đối của ông ta [về các biến động trong Triều đình – ct. theo mạch văn của tên thực dân xấu xược Cosserat], và đã chấp thuận những lời khôn khéo của ông ta như là bằng chứng của ý nghĩ tốt. [...].

“Thay vì Kiến Phúc thì nay là Mệ Trứu [Hàm Nghi – ct.]”, và luôn vẫn là Nguyễn Văn Tường trị vì.

Thật sự, từ nay [...] quan phụ chính [Nguyễn Văn Tường – ct.] không thể tha hồ bày mưu tính kế để chống lại chúng ta [...].

Tướng De Courcy, theo lời của Huart, chiều 3.7 mới biết được kết quả tiêu cực của các sự thương thảo với Triều đình về việc đón tiếp ông, và người ta đã đề đạt tới ông các lời báo cáo chẳng có tính cách gì làm dịu bớt sự nôn nóng của ông, hoặc làm cho ông có thiện cảm với người nước Nam.

Con người hôn mê [chỉ Nguyễn Văn Tường – ct.] có ý chẳng làm cho tướng tổng chỉ huy [chỉ De Courcy – ct.] có được điều gì

khá hơn là những điều mà con người ấy đã làm cho các khâm sứ khác ... [...] (bđd., sđd., tr. 380 – 382).

Nói chung, điều chúng tôi thấy cần nhấn mạnh là, thái độ thù – bạn, địch – ta của các tên thực dân, tay sai, kẻ cả cổ đạo mang bản chất xâm lược, thể hiện rất rõ trong các bài viết của chúng, trên NNBCĐH. (BAVH.) suốt ba mươi năm ấn hành (1914 – 1944), trên sách báo xuất bản tại Pháp trước đây. Chúng không tiếc lời ca ngợi bọn tay sai như Trần Tiến Thành, Nguyễn Hữu Độ, Nguyễn Thân, Cao Xuân Dục... Chúng cũng đề cao đáng kể người đã thật sự đầu hàng chúng, ra quân đánh dẹp phong trào Cần vương như Hoàng Tá Viêm [*]. Và tất nhiên chúng tìm đủ mọi cách để triệt hạ uy tín những người chống Pháp, chống tả đạo đến cùng như Nguyễn Văn Tường, Tôn Thất Thuyết... Vấn đề là thái độ thù địch, căm hận của chúng đối với Nguyễn Văn Tường, còn lượng thông tin trong các bài viết ấy về ông, chúng tôi phải phối kiểm (không thể nhẹ dạ, cả tin đến ngay thơ và phi khoa học như một số người được gọi là nhà văn, nhà sử học...). Chúng tôi nghiên cứu những bài viết ấy trong sự lưu ý với tinh thần cảnh giác đó, và lấy ĐNTL.CB. IV, V (1847 – 1883; 1883 - 1885), đặc biệt là các tư liệu gốc (CHÂU BẢN...) được trích dẫn trong đó, gồm quốc thư, dụ, mật dụ, tấu, sớ, bản án (và cả bản án cáo thị của De Courcy, De Champeaux)... làm chuẩn cứ, đồng thời tham khảo, phối kiểm, đãi lọc thêm ở ĐNTL.CB.VI (1885 – 1888, kỉ nguy triều Đồng Khánh!).

[*] Theo ĐNTL.CB, tập 37, sđd., tr. 200 – 203, 305: Hoàng Tá Viêm “đánh để yên dân, không phải đánh lấy thắng”. Đó là quan điểm yên dân trong nô lệ của nguy triều Đồng Khánh!

2. CƯỚC CHÚ bài NGUYỄN VĂN TƯỜNG (1824 – 1886) VỚI NHIỆM VỤ LỊCH SỬ SAU CUỘC KINH ĐỒ QUẠT KHỞI (05 THÁNG 7, 1885):

[1] Chu Thiên Hoàng Minh Giám dịch.

- [2] Quốc sử quán triều Nguyễn, Đại Nam thực lục, chính biên (ĐNTL.CB.), tập 36, Nxb. KHXH., 1976, tr. 225 – 226.
- [3] ĐNTL.CB., tập 36, sđđ., tr. 221 và tr. 230; Nguyễn Nhược Thị Bích, Hạnh Thực ca, Nxb. Tân Việt, 1950 [?], tr. 39 – 40.
- [4] Trong “Đặng Đức Tuấn, tinh hoa công giáo ái quốc” [!], Lam Giang, Võ Ngọc Nhã sưu tầm, Sài Gòn, 1971, tr. 516 – 517.
- [5] ĐNTL.CB., tập 36, sđđ., tr. 236 – 237.
- [6] ĐNTL.CB., tập 36, sđđ., tr. 157 – 158.
- [7] ĐNTL.CB., sđđ., tr. 157 – 158.
- [8] ĐNTL.CB., sđđ., tr. 210, 213 – 214.
- [9] ĐNTL.CB., sđđ., tr. 166.
- [10] ĐNTL.CB., sđđ., tr. 236.
- [11] ĐNTL.CB., sđđ., tr. 226.
- [12] Hạnh Thực ca, sđđ., tr. 48.
- [13] Việt Nam sử lược, Nxb. Tân Việt, bản 1964, tr. 553 – 554; Nxb. VHTT., b. 1999, tr. 582 – 583.
- [14] ĐNTL.CB., tập 37, Nxb. KHXH., 1997, tr. 43.
- [15] ĐNTL.CB., tập 36, sđđ., tr. 224.
- Xin nhấn mạnh: chú thích (2) ở cuối bài.
- [16] Hạnh Thực ca, sđđ., tr. 36.
- [17] Bửu Kế, Chuyện triều Nguyễn, Nxb. TH., 1990, tr. 97.
- [18] ĐNTL.CB., tập 36, sđđ., tr. 220.
- [19] Delvaux, bài “Phái bộ Pháp ở Huế và những phái viên đầu tiên”, Những người bạn cố đô Huế (BAVH., 1916), tập 3, Đặng Như Tùng dịch và một nhóm dịch giả khác hiệu đính, Nxb. Thuận Hoá, 1997, tr. 74.
- [20] ĐNTL.CB., tập 36, sđđ., tr. 63 – 64, 220.
- [21] ĐNTL.CB., tập 30, Nxb. KHXH., 1974, tr. 170 – 172; tập 31, Nxb. KHXH., 1974, tr. 86 – 87, 103.
- [22] Trần Xuân An (biên soạn), Kì Vĩ phụ chính đại thần Nguyễn Văn Tường, thơ – Vài nét về con người, tâm hồn, tư tưởng, chưa xuất bản, bài số 38, tr. 271.
- [23] ĐNTL.CB., tập 36, sđđ., tr. 64 – 66; Delvaux, bài viết ở sđđ., tr. 54.
- [24] Bản dịch tiếng Việt của Quốc sử quán triều Nguyễn, Nxb. Thuận Hóa, 1998, tr. 502 – 504.
- [25] Trần Trọng Kim, b.1999, Nxb. VHTT., tr. 545 – 546.

- [26] ĐNTL.CB., tập 33, Nxb. KHXH., 1975, tr. 26.
- [27] Yoshiharu Tsuboi, Nước Đại Nam đối diện với Pháp và Trung Hoa, UB. KHXH. TU. TP. HCM. xb., 1990, tr. 117.
- [28] Bài của GS. Nguyễn Văn Kiệm, trong Kí yếu Hội nghị khoa học về đề tài “Nhóm chủ chiến trong triều đình Huế và Nguyễn Văn Tường”, ĐHSP. TP.HCM., 20.6.1996, tr. 14.
- [29] Delvaux, bđd., sđd., tr. 57, tr. 79 – 80, đoạn cuối tr. 81 – 82.
- [30] Trần Trọng Kim, Việt Nam sử lược, Nxb. Tân Việt, b. 1964, tr. 554.
- [31] Đoàn Trưng, Trung nghĩa ca, 1866.
- [32] Delvaux, NNBCĐH. [BAVH., 1916], bài viết và sđd., tr. 54.
- [33] Jabouille, bài “Một trang viết về lịch sử Quảng Trị: tháng 9.1885”, NNBCĐH. [BAVH., 1923], tập X, Phan Xương dịch, Nguyễn Vy hiệu đính, Nxb. TH., 2002, tr. 439.
- [34] Trích theo GS. Trần Văn Giàu, “Hệ ý thức phong kiến và sự thất bại của nó trước nhiệm vụ lịch sử” [tập I của bộ sách SPTTTVN. TTK. XIX. ĐCMTT.], Nxb. TP.HCM., 1993, tr. 368, 370, trích dẫn Compendium historicoe Ecclesiasticoe của H. Ravier; xem thêm: ĐNTL.CB., tập 36, sđd., tr. 242, 245 – 246.
- [35] Bài của Delvaux, sđd., tr. 78 – 79.
- [36] Delvaux, bài đã dẫn, sđd., tr. 79.
- [37] Jabouille, bài đã dẫn, sđd., tr. 434.
- [38] Xem thêm: Delvaux, bài đã dẫn, sđd., tr. 47; Tsuboi, sđd. [trích dẫn Puginier qua Louvet], tr. 82.
- [39] ĐNTL.CB., tập 36, sđd., tr. 244 – 246.
- [40] Lương An sưu tầm và chỉnh lí, Nxb. Thuận Hoá, 1983, các câu 1337 – 1348.
- [41] Delvaux, bđd., sđd., tr. 80.
- [42] Như trên: Delvaux, bđd., sđd., tr. 80.
- [43] ĐNTL.CB., tập 36, sđd., tr. 229.
- * Về việc Nguyễn Văn Tường cùng Tôn Thất Thuyết bàn bạc kế hoạch, cùng tổ chức cuộc Kinh Đô Quật Khởi, 23.5 Ất Dậu [1885], xem Bửu Kế, Chuyện triều Nguyễn, Nxb. Thuận Hoá, 1990, tr. 59, tr. 95 – 101, đặc biệt là tr. 97 – 98; xin xem thêm: Phạm Văn Sơn, Việt Nam cách mạng cận sử, Sài Gòn, 1963, tr. 29 – 31; Nguyễn Bá Thế, Nguyễn Q. Thắng, Từ điển nhân vật lịch sử Việt Nam, Nxb. VHNT., 1999, tr. 706 – 707; Dậu tuất niên gian phong hỏa kí

sự, trong “Đặng Đức Tuấn...”, Lam Giang, Võ Ngọc Nhã sưu tầm, Sài Gòn, 1970, tr. 478 – 479; Silvestre, Khoa học chính trị kỹ yếu, 1898, tr. 93 – 94; Gosselin (tác giả L’Empire d’Annam, Paris, 1904) cũng có ý kiến như vậy bên cạnh những chi tiết bịa tạc khác. Sở dĩ chúng tôi cho rằng điều đó là đúng vì ĐNTL.CB, đệ lục kỉ, tập 37, sđd., tr. 35 cũng kết án (!) Nguyễn Văn Tường... “đều là bè đảng làm loạn”; “thực là căn nguyên tai vạ” (tr. 33), “Nguyễn Văn Tường liền quỳ quyết đem thân quay về thú tội với quan đô thống Pháp, rồi đã bị tội lưu” (tr. 132 – 141); trong VNSL., Trần Trọng Kim cũng dùng chữ “đầu thú” với nghĩa đầu hàng (tất nhiên là “trá hàng”, và trá hàng để tiếp tục đấu tranh, để phe chủ “hoà”, thân Pháp, tả đạo khởi cướp chính quyền...). Tại sao Trần Trọng Kim và chúng lại bảo Nguyễn Văn Tường “đầu thú”, “trá hàng”, còn những người về hợp tác với chúng thì không? Phải chăng về sau, Pháp biết Nguyễn Văn Tường và Tôn Thất Thuyết bàn định trước? Rất tiếc cuối cùng ông vẫn bị “tương kế tựu kế” của Caspar, De Courcy... Chắc chắn ông đã liệu trước nguy cơ ấy, nhưng không còn cách nào khác, để cứu vãn tình hình kinh đô thất thủ, nên “đánh liều may rủi với trò!” một lần nữa!

[44] A. Delvaux, bài viết trên, sđd., tr. 77.

[45] ĐNTL.CB., tập 36, sđd., tr. 240 – 241.

[46] ĐNTL.CB., tập 36, sđd., tr. 223.

[47] ĐNTL.CB., tập 36, sđd., tr. 238.

[48] ĐNTL.CB., tập 36, sđd., tr. 250; Đại Nam liệt truyện, tập 3, Nxb. TH., 1993, tr. 78.

[49] ĐNTL.CB., tập 36, sđd., tr. 239.

[50] ĐNTL.CB., tập 36, sđd., tr. 235.

Có ý kiến khác: Đưa vua Hàm Nghi về nhưng vẫn tiếp tục Cần vương; Hàm Nghi sẽ lãnh đạo tổng quát cuộc kháng chiến bằng mật dụ; chỉ đạo kháng chiến trực tiếp chỉ cần Tôn Thất Thuyết, Phan Đình Phùng... Bởi lẽ, một nước có hai vua là quá táo bạo! (ĐNTL.CB., tập 36, sđd., cuối tr. 244).

[51] ĐNTL.CB., tập 36, sđd., tr. 223.

[52] ĐNTL.CB., tập 36, sđd., tr. 235 – 236; tập 37, sđd., tr. 175.

[53] ĐNTL.CB., tập 36, sđd., tr. 244, 245 – 246...

[54] Cao Huy Thuần, “Đạo Thiên Chúa và chủ nghĩa thực dân [Pháp] tại Việt Nam [1957 – 1914]” (Christianisme et colonialisme

au Viet Nam, 1957 – 1914), luận án tiến sĩ tại Pháp (1969), bản dịch, in ronéo của Đại học Vạn Hạnh, Sài Gòn, 1973, tr. 319.

Đối chiếu với ĐNTL.CB. (cuối tập 36, và đầu tập 37, sẽ được trích dẫn ở những trang tiếp theo), chúng tôi (TXA.) thấy rằng, không phải hai tên thực dân cổ đạo Puginier và Von Camelbeck nói sai sự thật ở điểm này và chúng phát động chiến dịch điên cuồng chống Nguyễn Văn Tường một cách thiếu cơ sở. Do đó, không phải như Cao Huy Thuần nhận định: chính phủ Cộng hoà thực dân Pháp tại Paris bị “tiêm nhiễm” bởi sự tuyên truyền, kích động của Puginier và Von Camelbeck. Sự “tiêm nhiễm” ấy là ở trường hợp khác, vấn đề khác, nhân vật khác, sự kiện khác...

Xin xem thêm chú thích (8) ở cuối bài.

- [55] ĐNTL.CB., tập 36, sđd., tr. 227.
- [56] ĐNTL.CB., tập 31, sđd., tr. 86 – 89, tr. 103...
- [57] ĐNTL.CB., tập 36, sđd., tr. 225 – 226.
- [58] ĐNTL.CB., tập 36, sđd., tr. 226 – 228.
- [59] ĐNTL.CB., tập 36, sđd., tr. 247.
- [60] Xem lại: Delvaux, bđd., sđd., tr. 79.
- [61] Xem lại: Jabouille, bđd., sđd., tr. 434, 439...
- [62] ĐNTL.CB., kỉ đệ lục – kỉ bị “bảo hộ”, tập 37, sđd., tr. 33.
- [63] VNSL., b.1964, tr. 554 và 555.
- [64] ĐNTL.CB., tập 37, sđd., tr. 35.
- [65] ĐNTL.CB., tập 37, sđd., tr. 133.
- [66] ĐNTL.CB., tập 37, sđd., tr. 134.
- [67] ĐNTL.CB., tập 36, sđd., cuối tr. 244.
- [68] ĐNTL.CB., tập 37, sđd., tr. 138.
- [69] Xem thêm: Trần Việt Ngạc, bài “Chiếu hay Dụ Càn vương?”, Kí yếu Hội nghị khoa học lịch sử về nhóm chủ chiến triều đình Huế và Nguyễn Văn Tường, ĐHSP. TP.HCM., 20.6.1996, tr. 25 – 30; Xưa & Nay, số 128, tháng 11. 2002, tr. 9 – 11 (trừ 2 luận cứ 7 & 8).
- [70] NNBCĐH. (BAVH., 1917), tập IV, Nxb. Thuận Hoá, 1998, tr. 272 – 273.
- [71] Giải triều... : Chia tách triều chính... (hoặc Tan tác triều đình ...).

** Chính Đại Nam thực lục, chính biên, đệ tứ và đệ ngũ kỉ, biên soạn chủ yếu dưới thời Thành Thái, lại khắc in cũng ở thời Thành Thái, năm thứ 6 (1894) đến năm thứ 14 (1902) – Thành Thái là

con trai của Dục Đức! – đã làm sáng tỏ nhân cách đạo đức của Nguyễn Văn Tường trong bi kịch bị vu khống này, cũng như tất cả những vụ việc khác, một cách chi tiết trong hạn chế của ý hệ bảo hoàng! [ĐNTL.CB., các tập 27 – 36, sđd.; lời dụ và tờ tâu về việc khắc in, tr. 12 và tr. 17 (tập 27), tr. 5 và tr. 13 (tập 36)]. Còn đệ lục kỉ gồm hai tập 37, 38 viết về triều Đồng Khánh, khắc in vào năm 1909, có lời dụ của Duy Tân (còn quá bé) ngợi ca cả Đồng Khánh (14) bù nhìn, tay sai hèn hạ, chống người yêu nước chân chính và phong trào Cần vương ấy [ĐNTL.CB., tập 37, tr. 5 – 6], hẳn là ĐÁNH GIÁ NGƯỜI để lưu sự thật. Chính Duy Tân lại theo con đường của Hàm Nghi, với sự bàn bạc, thực hiện kế hoạch cùng Thái Phiên, Trần Cao Vân, cũng là theo kế hoạch 1885 của Nguyễn Văn Tường, Tôn Thất Thuyết trước đó. Hai vị vua yêu nước này đã bị Pháp lưu đày như Nguyễn Văn Tường. [Chúng tôi không muốn nói đến giai đoạn sau của vua Duy Tân!].

[Xin xem chú thích (14) ở cuối bài khảo luận này].

[72] Câu đối của Vũ Tử Văn? hay của Đào Tấn? (Nguyễn Mạnh Hào dịch). Chúng tôi có nhiều cứ liệu để có thể xác định là của Vũ Tử Văn.

[73] ĐNTL.CB., tập 33, sđd., tr. 126 – 127.

TXA.

Tp. HCM, giữa năm 2000 & 27.4.2002 (HB.2).

Bài “Nguyễn Văn Tường với nhiệm vụ lịch sử sau Cuộc Kinh đô quật khởi 05.7.1885” này đã được đăng tải trong cuốn Hội thảo khoa học: Nhân vật lịch sử Nguyễn Văn Tường (1824 – 1886) – Các báo cáo khoa học, Trung tâm Khoa học xã hội & nhân văn Huế – Viện Đại học Huế, Hội Khoa học lịch sử Thừa Thiên – Huế ấn hành, Huế – 02.7.2002, tr. 59 – 83.

Tháng 8.2003 (HB.3), nhuận sắc.

Phụ lục II

tiểu thuyết
MÙA HÈ BÊN SÔNG

Để tránh những hiểu lầm đáng tiếc,
phần phụ lục về Nguyễn Văn Tường
(bài nghiên cứu “Về một vài trang
đảo ngược sự thật lịch sử
vì mục đích tuyên truyền
trong Việt Nam vong quốc sử”)
không thể cắt rời khỏi tiểu thuyết
Mùa hè bên sông (Nỗi đau hậu chiến).

TRẦN XUÂN AN

VỀ MỘT VÀI TRANG
ĐẢO NGƯỢC SỰ THẬT LỊCH SỬ
VÌ MỤC ĐÍCH TUYÊN TRUYỀN
TRONG VIỆT NAM VONG QUỐC SỬ

I.

Về mặt tinh cảm sử học, đây là cả một nỗi đau lòng và đáng phiến trách. Tuy nhiên, để trả lại sự công bằng cho lịch sử, trên tinh thần khoa học khách quan, chúng ta không nên tránh né. Vết thương sử học cần được hội chẩn và phẫu thuật tập thể.

Bài viết này chỉ là một đề xuất.

Với sự giới hạn vấn đề, chúng tôi mạnh dạn tạm đúc kết khuynh hướng, chủ trương chính trị của Phan Bội Châu ở giai đoạn thành lập và hoạt động trong Duy tân hội, Quang phục hội. Qua đó, chúng tôi cũng muốn chỉ rõ căn nguyên, động cơ của cụ Phan và Lương Khải Siêu trong việc xuyên tạc bằng cách đảo ngược sự thật lịch sử về Nguyễn Văn Tường, Tôn Thất Thuyết, Từ Dũ. Ở đây, chưa nói đến việc Phan Bội Châu vừa có điểm đúng, vừa có chỗ sai khi đồng thời đã kích tình trạng đè nén dân quyền thời Tự Đức, lẫn đã kích Phan Thanh Giản, Lâm Duy Thiếp “mở lối cho giặc đến” [1] (1).

II.

1. Phan Bội Châu bị mắc mưu tuyên truyền bôi nhọ nhằm dập tắt phong trào Cần vương của Hector (khâm sứ thực dân Pháp), Đồng Khánh, Nguyễn Hữu Độ, Phan Liêm, Phạm Phú Lâm, và của hai cố đạo Puginier, Camelbeck cùng đồng bọn tả đạo trong Thiên Chúa giáo, sau khi Đất nước và triều đình hoàn toàn rơi vào tay giặc Pháp. Thế hệ

cụ Phan còn bị ảnh hưởng ít nhiều do sự nhồi sọ bởi nội dung giảng dạy, có thể như bản thảo Đại Nam thực lục, chính biên, đệ lục kỉ (1885 – 1888), trong nhà trường thực dân nửa phong kiến (trường học ở phủ, huyện và Quốc tử giám). Đây chính là các nguyên nhân tạo ra sự hoang mang, rối nhiễu, tác hại khôn lường trong xã hội Việt Nam hồi đó.

Mặt khác, nhận thức về hiện thực lịch sử trong thực tế đời sống của Phan Bội Châu vẫn có nhiều sai sót. Cụ Phan sai lầm đến mức lẫn lộn chi tiết cụ thể nhất là cái chết của Phạm Thận Duật với cái chết của Nguyễn Văn Tường; thậm chí cụ không biết chính xác ba tỉnh Miền tây Nam kì mất vào năm nào! v.v... Những sai sót ấy là do sự bưng bít thông tin, bị ngăn cấm liên lạc... Trong điều kiện bị thực dân độc quyền thao túng, lũng đoạn, xuyên tạc thông tin và bị chúng hạn chế liên lạc như thế, làm sao cụ Phan hiểu và biết được chút gì đúng với sự thật về những nhân vật lịch sử trong triều đình Huế trước ngày 06.9.1885! Những nhân vật lịch sử ấy lại cách thế hệ cụ Phan đến bốn, năm mươi tuổi! Huế lại xa Nghệ An tí mù tắp! Nói như vậy, phải thấy ở Việt Nam vong quốc sử những ghi nhận không sai sót đáng kể về phong trào Cần Vương (2), một phong trào do chính sĩ phu, nông dân trực tiếp tiến hành; riêng khía cạnh sưu thuế (20 loại thuế của thực dân Pháp với sự tàn ác của chúng) là vấn đề sát sườn, nhân dân xứ Nghệ và bản thân cụ Phan cũng phải gánh chịu, thì không thể sai sót được. Phong trào nhân dân chống sưu thuế nặng nề dậy lên vào năm 1908 ở Trung kì là một minh chứng... Từ đó, với cái nhìn tổng thể về Việt Nam vong quốc sử, có thể nói rộng ra, ngoài những nhận thức chính xác về bản chất thực dân nói chung và sự phản kháng của nhân dân nói chung, không phải người yêu nước, nhiệt tâm cứu nước là không sai sót về kiến thức lịch sử, mà thậm chí vẫn sai sót nghiêm trọng nữa là đằng khác, và có lắm người sai sót mãi cho đến cuối đời!

Từ sai sót đến đảo ngược sự thật lịch sử về Nguyễn Văn Tường... là do một thủ đoạn chính trị.

2. Phan Bội Châu chủ trương bảo hoàng, tôn quân, trung quân như một thủ đoạn: tôn phù Cường Để (Nguyễn Phúc Hồng Dân), hậu duệ của hoàng tử Cảnh (tín đồ Thiên Chúa giáo) [2] (3). Phan Bội Châu cố ra sức tạo lại uy tín cho hoàng tộc triều Nguyễn vốn bị Dục Đức, Hiệp Hòa, Hồng Hưu... làm sút mẻ. Vì vậy, cụ quy hết tội làm mất nước là do các đại thần và do Từ Dũ! Ở điểm này, Phan Bội Châu “bảo hoàng hơn vua”! Cụ Phan còn kém xa vị vua yêu nước Thành Thái, mặc dù Thành Thái là con trai Dục Đức (bị Nguyễn Văn Tường, Tôn Thất Thuyết phế truất, do thân Pháp và thân tả đạo). Thành Thái đã bảo đảm được quyền trung thực cho Quốc sử quán, nên đã bảo đảm được sự thật lịch sử, đồng thời đã chứng tỏ được sự công minh của sử học (sử học bất vị thân, luật pháp bất vị thân), và như thế là giữ được uy tín cho vương triều Nguyễn.

3. Phan Bội Châu liên kết với một bộ phận linh mục, giáo dân trước khi xuất dương vào năm 1905 [3]. Tuy nhiên, chắc chắn không phải cụ Phan liên kết với Giáo hội Thiên Chúa giáo Việt Nam thuở bấy giờ, một “giáo hội” mà hàng giáo phẩm (chức sắc) cao cấp đều do cố đạo Pháp, Tây Ban Nha nắm giữ! Do mối liên kết đó, Phan Bội Châu đổ tội để đả kích trực tiếp Nguyễn Văn Tường, Từ Dũ, đả kích ám chỉ Nguyễn Phúc Thuyết (cụ Phan không gọi là Tôn Thất Thuyết hay Lê Thuyết). Và khi Phan Bội Châu đã sang Trung Hoa, cụ không một lần ghé thăm Tôn Thất Thuyết, mặc dù hoạt động nhiều năm gần nơi Tôn Thất Thuyết đang sống lưu vong [4].

4. Mọi người đều biết rõ khi Pháp chuẩn bị xâm lược Bắc Kỳ lần thứ hai, Nguyễn Văn Tường đã đại diện triều đình tiếp xúc với Đường Đình Canh (Chiêu thương cụ) để liên minh với nhà Thanh, vào những tháng cuối năm 1881, đầu năm 1882. Nhưng sau đó, nhà Thanh Trung Hoa đã

mưu toan và bộc lộ dã tâm cùng với Pháp xâu xé, chia đôi Bắc Kì, nên Nguyễn Văn Tường, Tôn Thất Thuyết buộc lòng phải thực hiện ngoại giao đối trọng, trung lập giữa hai nước xâm lược ấy. Đó là thể trận “toạ sơn quan song hổ đấu” [5]. Và cuộc chiến tranh Pháp – Hoa ngã ngũ với sự thất bại về phía Trung Hoa.

Việc thực hiện ngoại giao đối trọng, trung lập giữa hai nước xâm lược Pháp – Hoa, với thể trận “toạ sơn quan song hổ đấu”, không những khiến Pháp thù ghét, còn khiến những kẻ Đại Hán bành trướng chủ nghĩa như Khang Hữu Vi, Lương Khải Siêu không thể không căm hận. Thật ra, Pháp thù ghét là chuyện đã đành, còn chính những kẻ Đại Hán cam tâm xâu xé một nước láng giềng trước nạn thực dân da trắng đúng ra phải tự vấn lương tâm.

Phan Bội Châu còn có bút hiệu là Phan Thị Hán, nên không thể không đồng tình với Lương Khải Siêu để “chụp mũ” Nguyễn Văn Tường!

5. Phan Bội Châu bị chi phối bởi tư tưởng Đại Hán chủ nghĩa, bảo hoàng, nổi hận chính biến Mậu tuất (1898) của Lương Khải Siêu (học trò của Khang Hữu Vi) [6]. Lương Khải Siêu đã trút nổi hận của mình, từ thái hậu Từ Hi và Viên Thế Khải sang hai hình tượng văn sử bất phân đã bị bóp méo theo ý đồ chủ quan là thái hậu Từ Dũ và Nguyễn Văn Tường, nhằm mục đích ám chỉ, để vận động cho cách mạng Trung Hoa ngay trong nước Trung Hoa. Lương Khải Siêu đã viết, đăng báo và in Việt Nam vong quốc sử để phát hành chủ yếu ở Trung Hoa, một phần ở Nhật Bản; số lượng bản sách đưa về Việt Nam chỉ 50 cuốn.

Ý tưởng miệt thị người Giao Chỉ, đề cao người Việt bị lai Hán một cách vong bản, thậm chí gọi hẳn người Kinh (Việt) là người Hán, chẳng lẽ là tư tưởng của Phan Bội Châu [7]? (4).

6. Phan Bội Châu hoạt động cứu nước theo phương châm của nhà chính trị bá đạo Machiavel: “cứu cánh (mục

đích cuối cùng) biện minh cho phương tiện (thủ đoạn, vũ khí vật chất, tinh thần, bất kể xấu, tốt, thiện, ác, vinh, nhục)” [8].

Trong sáu nguyên nhân đó, chúng tôi cho rằng hai nguyên nhân 2, 3 và 4 là quan trọng, nguyên nhân 5 (bị chi phối bởi Lương Khải Siêu) là quyết định. Đúng hơn, chính Lương Khải Siêu đã viết phần lớn Việt Nam vong quốc sử (VNVQS.) với sự đồng tình của Phan Bội Châu như các học giả Trung Hoa đã bao năm khẳng định.

Từ chủ trương chính trị bảo hoàng, phương châm hoạt động chính trị machiaveliste và kiến thức lịch sử vừa bị sai lệch vừa “thực dụng” như thế, từ việc chịu tác động của các mối liên kết như thế, không lạ gì khi cụ Phan (và Lương Khải Siêu) viết về Nguyễn Văn Tường, Tôn Thất Thuyết, Từ Dũ... như vậy, trong Việt Nam vong quốc sử (VNVQS., xuất bản năm 1905).

III.

Tuy nhiên, cần thấy rõ là ở Việt Nam quốc sử khảo (VNQSK., xuất bản sau đó bốn năm, vào năm 1909), Phan Bội Châu quy tội làm mất nước là chỉ do Từ Dũ mà thôi [9]. Phải chăng Phan Bội Châu đã mặc nhiên phủ nhận những dòng chữ cụ viết về Nguyễn Văn Tường ở Việt Nam vong quốc sử, do sự phản hồi của công luận?

Phan Bội Châu không viết cụ thể, nhưng chúng ta vẫn thấy được đôi điều qua thái độ người đọc Việt Nam vong quốc sử trước khuynh hướng chính trị bảo hoàng, Đại Hán chủ nghĩa vốn là căn nguyên trực tiếp của vấn đề (thể hiện ở chương I của VNVQS.; và cũng ở VNVQS., sđd., tr. 61 – 62). Lưu Vĩnh Phúc là một người Hán, thuộc loại giặc Cờ, sau làm quan cho cả Thanh lẫn Việt, Nguyễn Thiện Thuật là quan chức Việt chống Pháp nhưng tiếc thay, lại nhận ấn đê đốc của nhà Thanh (5), chúng tôi không nói đến. Còn Phan Châu Trinh, cụ im lặng, không tán thành tôn quân kiểu đó?

Riêng Tôn Trung Sơn (Tôn Dật Tiên), tuy cũng là người Hán nhưng vốn đề xướng chủ nghĩa tam dân, là tổ thái độ rõ rệt:

“Tôn [Dật Tiên – TXA. chưa thêm (ct.)] vì đã đọc qua bản Việt Nam vong quốc sử, ông biết trong óc tôi chưa thoát khỏi quân chủ tư tưởng, nên ông hết sức bài bác đảng quân chủ lập hiến là hư nguy...” [10].

Đó là đọc chủ trương chính trị qua sử kí, một khi sử kí không còn là sử kí, mà đã bị biến thành phương tiện tuyên truyền!

Về sau, khi tâm sự với GS. Nguyễn Thiệu Lâu, vào khoảng thời gian gần cuối đời (trước 1940), Phan Bội Châu đã phủ nhận Việt Nam vong quốc sử (chắc chắn là chỉ các trang về Nguyễn Văn Tường, Từ Dũ, Tôn Thất Thuyết) và phủ nhận cả Ngục trung thư (bởi một phần nào đó), tuy vẫn xem hai cuốn sách ấy đâu sao cũng có ích, với lời lẽ tỏ vẻ chưa xót, tỵ ái:

***“Tôi trót viết hai bộ sách đó
vì nó ghi tên tôi để lại...”***

[11].

Đó là lúc cụ Phan giảng về Kinh Xuân thu, một mẫu mực về tín sử của nhà nho, cho GS. Nguyễn Thiệu Lâu, bắt chợt Nguyễn Thiệu Lâu hỏi cụ Phan về Việt Nam vong quốc sử và Ngục trung thư! Trong tình huống ấy, cụ Phan không thể không tỵ ái, lại không thể không vớt vát tỵ ái bằng đôi câu trích thượng!

Hồ Song cũng đã phê phán Việt Nam vong quốc sử khi giới thiệu Việt Nam quốc sử khảo:

“Việt Nam quốc sử khảo [...] không phải là một tác phẩm trong đó những xúc động mãnh liệt, những thuyết lí về nhân sinh nhiều khi lấn át phần sử liệu như trong Việt Nam vong quốc sử. [...] Việt Nam quốc sử khảo mang tính sử học rõ rệt [với những sai sót nhất định – TXA. ct.]” [12].

GS. Lương Duy Thứ cho Việt Nam vong quốc sử là một tác phẩm nặng phần hư cấu (fiction), sau khi chỉ rõ vai trò của Lương Khải Siêu trong việc viết và in tác phẩm ấy:

“Giá trị về mặt tư liệu lịch sử bị hạn chế. Giá trị thực của Việt Nam vong quốc sử là giá trị văn chương” [13].

Còn ý kiến của GS. Trần Văn Giàu, chúng tôi đã có lần viết: Dẫu sao GS. cũng đã gián tiếp phủ định, đả phá các dòng chữ trong vồn vện hơn một trang sách và trong một đoạn khác, vốn viết sai lầm, xuyên tạc về Nguyễn Văn Tường, (và Tôn Thất Thuyết trong việc phế lập), ở Việt Nam vong quốc sử của Phan Bội Châu, Lương Khải Siêu [14]. Tuy nhiên, do GS. Trần Văn Giàu nhận thức không đúng về tinh thần chủ chiến của một nhà ngoại giao khéo léo nhưng vẫn cứng rắn là Nguyễn Văn Tường và tinh thần chủ chiến ở một nhà quân sự cứng rắn nhưng thiếu mềm dẻo là Tôn Thất Thuyết trong sự so sánh, nên đi đến đánh giá không chính xác. Hơn nữa, GS. Trần Văn Giàu cố ý không biết đến sự đánh tráo nhân vật trong về Thất thủ Thuận An, mặc dù trong Đại Nam liệt truyện [15] đã ghi rõ: Nguyễn Trọng Hợp là người xé chắn vải trắng, viết lên đó chữ “Âu” để đầu hàng Pháp, chứ không phải là Nguyễn Văn Tường [16]! Nghiêm trọng nhất là GS. lại cố ý không biết tới hai bức mật dụ của Hàm Nghi (và Tôn Thất Thuyết) từ Tân Sở gửi về cho Nguyễn Văn Tường và hoàng tộc sau cuộc Kinh Đô Quật Khởi (05.7.1885) [17]!... Sao GS. lại phớt lờ đi tinh thần đấu tranh khảng khái của Nguyễn Văn Tường trước kẻ thù đã thắng trận, với tên tay sai cơ hội Nguyễn Hữu Độ mà cả Hạnh Thực ca (HTC.) [18] (6) cũng ghi nhận? Chẳng lẽ GS. cố tình quên cả bản án cáo thị của De Courcy, De Champeaux và cả bản án chung thẩm của ngự triều Đồng Khánh về Nguyễn Văn Tường (và Tôn Thất Thuyết, Trương Văn Đễ, Trần Xuân Soạn) [19]? Những cứ liệu này và nhiều cứ liệu khác về Nguyễn Văn Tường trong hai tháng “chia tách triều chính”, chúng tôi đã trích dẫn, ghi rõ xuất xứ, và

đã phân tích, bình luận ở bài nghiên cứu Nguyễn Văn Tường với nhiệm vụ lịch sử sau cuộc Kinh Đô Quật Khởi (05.7.1885) của chúng tôi. Ở đây, tránh sự sa đà, xin chỉ nhắc lại như thế.

Cái chính là GS. Trần Văn Giàu đã có tham khảo Việt Nam vong quốc sử [20] nhưng hầu như phản bác lại Phan Bội Châu (thực ra do Lương Khải Siêu viết) ở những trang về Nguyễn Văn Tường... Dẫu vậy, GS. vẫn còn nặng lời!

Với bài nghiên cứu nhỏ, viết theo dạng phân tích từng chủ điểm nói trên, chúng tôi đã gián tiếp tranh luận, đính chính lại những gì GS. Trần Văn Giàu cố tình quên, cố ý sai lệch, hoặc thiếu sót, với tinh thần dân chủ trong học thuật.

Vấn đề ở đây vẫn đang là một vài trang đảo ngược sự thật lịch sử trong Việt Nam vong quốc sử mà GS. Trần Văn Giàu đã chứng minh là sai lạc, xuyên tạc, mặc dù GS. không chỉ ra trực tiếp đích danh Phan Bội Châu (và Lương Khải Siêu!).

Hơn nữa, trong giới sử học, giới nhà văn Nam, Bắc, 1954 – 1975, và cả trước đó cũng như sau này, mặc dù có nhiều lời khen chê, thậm chí dựng đứng chuyện bịa để căn cứ vào đó mà chỉ trích thậm tệ, nhưng chưa có ai viết về Nguyễn Văn Tường (1824 – 1886) một cách xuyên tạc bằng lối đảo ngược sự thật lịch sử như Phan Bội Châu (thực ra là do Lương Khải Siêu!). Nói gọn hơn, chỉ mỗi tác giả Việt Nam vong quốc sử viết ngược như vậy!

IV.

Chúng tôi trình bày nhận thức như trên không phải nhằm phủ định toàn bộ tác phẩm VNVQS., và để phủ định nhà yêu nước lớn, tác gia lớn Phan Bội Châu, mà chỉ cốt chỉ ra những hạn chế, sai sót nghiêm trọng và tai hại của cụ Phan. Vả lại, cụ Huỳnh Thúc Kháng đã nhận định về Phan Bội Châu thật thấm thía: ““Vấn mục đích, bắt vấn thủ đoạn” chính là câu tự phê bình đời thất bại của Cụ [Phan]” [21],

chúng ta còn nói thêm gì nữa (7)! Và chúng ta còn biết nói gì nữa, khi chính cụ Phan đã viết:

“Lời tự phán: Lịch sử của tôi, hoàn toàn là lịch sử thất bại. Nhưng số dĩ [kiểm điểm lại? – TXA. ct.] được cái thất bại đó, những chỗ thì vết rất rõ ràng, mà những chỗ có thể tự tin được, cũng không phải là không có. [...] Một đời mưu việc gì, chỉ cốt hỏi ở nơi mục đích, cầu thu hiệu ở năm phút cuối cùng; đến thủ đoạn (8), phương châm tuy có lúc thay đổi cũng không kể. [...] ... Điều trên thường tự nghĩ là một chút lành có thể kể ra được. Biết ta chẳng? Tội ta chẳng? Đều thừa nhận cả” [22].

Nếu nói thêm, có lẽ phải khẳng định, đừng bao giờ quá mê tín vào một ai, cho dù đó là vĩ nhân, vì vĩ nhân vẫn là một con người với những hạn chế nhất định! Và phải tỉnh táo, sáng suốt, khoa học, bình tâm nhận chân rằng: Không một danh nhân nào, vĩ nhân nào, kể cả giáo chủ sáng lập tôn giáo nào, thật sự toàn bích. Nguyễn Thượng Hiền, người tuổi trẻ đã chứng kiến, đã khóc thương thái phó Nguyễn Văn Tường (“không quá Tây môn bi thái phó”), và nhiều chí sĩ khác, về sau, khi gia nhập Duy tân hội, Quang phục hội, đâu phải mọi điều đều tán thành theo cụ Phan! Họ chấp nhận “đại đồng, tiểu dị” để cùng dần bước trên con đường cứu nước, cứu dân (9).

Chúng ta cũng thường thấy, mặc dù cùng mục đích giải phóng dân tộc, chống ngoại xâm, nhưng khác thể hệ, khác lập trường, khác chính kiến, những người yêu nước vì lí do tuyên truyền, họ có thể “chụp mũ” lẫn nhau! “Vấn mục đích, bất vấn thủ đoạn (:cứu cánh biện minh cho phương tiện)” là thế! Nói như vậy, chúng tôi không có ý định đánh đồng bản chất, động cơ của mọi loại chính kiến, kể cả loại chính kiến của bọn tay sai, thực dân, phát xít, đế quốc, tả đạo.

Rốt lại, chúng tôi thấy cần phải có một tinh thần khoa học thực sự nghiêm minh, với quyết nghị cần công bố rộng khắp của hội nghị khoa học lịch sử để xử lí một vài trang đảo ngược sự thật lịch sử về Nguyễn Văn Tường... trong Việt Nam vong quốc sử. Hơn nữa, vẫn cần phải thanh lọc nốt những trang sách hiện đang tồn tại vốn bị nhiễm độc bởi sự tuyên truyền bôi nhọ của thực dân Pháp, tá đạo, bọn bành trướng Đại Hán và ngụy triều Đồng Khánh, Khải Định, Bảo Đại... Không có gì bi kịch hơn, đau xót hơn khi ngấm lại, nhận ra người yêu nước bị mắc mưu, nhiễm độc tuyên truyền của các loại giặc đó, có thể kể thêm loại chủ “hòa”, bảo hoàng ngu trung, để hạ bệ, bôi nhọ, tiếp tay giặc “đập tan tành” người yêu nước! (“Đập tan tành”, cách dùng từ của tên khâm sứ thực dân De Champeaux! (10)).

Là lớp cháu chắt của thế hệ cụ Phan, chúng tôi dám đầu vô lễ với tiền bối. Nhưng trong văn nghệ, học thuật, không có tinh thần phê phán và tự phê, sẽ không có sự tiến bộ, sẽ rơi vào trì trệ, tụt hậu, ngay cả trong sáng tác, nghiên cứu. Nội dung tự phê (Tự phán) cũng cần được người đương thời và hậu thế phê bình, góp ý! Ở khía cạnh cụ thể khác, né tránh vấn đề, khóa chặn tinh thần phê và tự phê, là nhân tâm trước nỗi đau lòng sử học, trước vấn nạn đáng phiến trách. Vấn nạn sử học ấy, tưởng vô hình trung đã giải quyết về cơ bản tuy còn nhiều hạn chế tai hại, một cách rộng rãi bằng quốc ngữ, từ 1921, lúc Việt Nam sử lược của nhà giáo, học giả Trần Trọng Kim xuất bản! Đến năm 1982, bảy năm sau khi Đất nước thống nhất, Việt Nam vong quốc sử lại bị tái bản trong tình trạng không được xử lí một cách khoa học và thích đáng. Thật đáng kinh ngạc, vào năm 2001, Trung tâm Ngôn ngữ Đông – Tây vẫn còn liên kết để tái bản Việt Nam vong quốc sử với một vài trang đảo ngược sự thật lịch sử như vậy cùng vài dòng phê phán mơ hồ, né tránh như bản 1982!

V.

Để kết thúc bài viết, xin nhấn mạnh lại hai điểm:

Về tính khoa học với các sử liệu gốc (CHÂU BẢN...) được trích dẫn đầy đủ của Đại Nam thực lục, chính biên, các kỉ IV (1847 – 1883), V (1883 – 1885), VI (1885 – 1888), chúng tôi đã hơn một lần khẳng định rõ. Chúng tôi xem đó là tư liệu chuẩn cứ để nghiên cứu giai đoạn lịch sử này và cụ thể là về Nguyễn Văn Tường. Những soạn phẩm biên khảo, các bài nghiên cứu của chúng tôi đã thể hiện đậm nét điều đó, trong khi chờ đợi toàn bộ phần châu bản triều Nguyễn thời chống Pháp và Cần vương (1858 – 1898), kho lưu trữ đặt tại TP.HCM., được dịch và công bố, trong khi chờ đợi Pháp và Vatican dịch và công bố trọn vẹn hồ sơ thời thực dân của họ cũng thuộc giai đoạn này. Mong các sử gia Pháp, sử gia Vatican hãy có thiện chí sử học và ý thức sử học khách quan cao hơn nữa, với sự chứng kiến của các sử gia trên thế giới! (11).

Nếu đặt một sự so sánh giữa Đại Nam thực lục IV, V, VI với Việt Nam vong quốc sử, sẽ thấy ra sự chênh lệch quá đáng về tư liệu trích dẫn. Tư liệu trích dẫn trong Việt Nam vong quốc sử là ở mức số không! Sử học là gì? Đơn giản nhất cũng là “nói có sách, mách có chứng”. Và tư liệu gốc (12) – ấy là bằng chứng pháp lí, phải được giám định thực nghiệm (niên đại giấy mực, bút tích...) – là yếu tố tiên quyết, còn mọi quan điểm bình giá (tùy theo ưu thế lẫn hạn chế của từng thời đại) vẫn là thứ yếu. Nói như thế về quan điểm bình giá, chúng tôi đã xác định: Đạo lí và công lí dân tộc (chủ nghĩa yêu nước, nhân nghĩa Việt Nam truyền thống – hiện đại) là vĩnh hằng. Phan Bội Châu (thực ra là do Lương Khải Siêu) viết sử nhưng không có một cứ liệu sử học nào cả, thậm chí không tham khảo một tài liệu nào cả, mà rất cảm tính, nhiệt tình đến mức chỉ thấy cái nhiệt tình cứu nước ấy và thù đoạn chính trị, chứ không thấy có thiện tâm và trí tuệ khoa học (xin đặt trong giới hạn vấn đề và chỉ một

vài trang VNVQS.). Chúng tôi đã có một bài viết ngắn về khía cạnh này.

Về thái độ đối với sử học, chúng tôi đã so sánh giữa vị vua yêu nước, bị giặc Pháp lưu đày tít tận hòn đảo Réunion giữa biển châu Phi là Thành Thái với nhà yêu nước, ông già Bến Ngự an trí tại kinh đô Huế là Phan Bội Châu, và lấy làm tiếc cho cụ Phan về một vài trang trong Việt Nam vong quốc sử !

TRẦN XUÂN AN

1. CHÚ THÍCH bài VỀ MỘT VÀI TRANG ĐẢO NGƯỢC SỰ THẬT LỊCH SỬ VÌ MỤC ĐÍCH TUYÊN TRUYỀN TRONG VIỆT NAM VONG QUỐC SỬ

(1). “Hoà” ước Nhâm tuất 1862 do Phan Thanh Giản, Lâm Duy Thiếp kí với Bonard (Pháp) và Guittierez (Tây Ban Nha).

(2). Phan Bội Châu không biết Lê Trung Đình khi khởi nghĩa, ông cử nhân trẻ tuổi này lại quờ quạng tôn phù Tuy Lí vương, một nhà thơ hoàng tộc đã câu kết với thực dân Pháp vào thời Hiệp Hòa nên bị đày vào Quảng Ngãi, mặc dù Tuy Lí vương từ chối. Tuy nhiên cụ Phan vẫn xác định đúng: chính tên phản bội Nguyễn Thân đã giết Lê Trung Đình theo lệnh Pháp.

(3). Nếu chúng tôi nhớ không nhầm, thì trong một cuốn sách, Bác Hồ đã phê phán rất đích đáng Phan Bội Châu: “Đuổi cạp [Pháp] cửa trước, rước hổ [Nhật, Tàu] cửa sau”.

(4). Hồi kí này được PBC. viết năm 1929, xuất bản lần đầu vào năm 1956 (sau khi cụ Phan chết [1940] đến 16 năm).

(5). Dư đảng Thái Bình thiên quốc đã biến tướng thành phi; Lưu Vĩnh Phúc đã mưu toan xâm lược Cao Bằng. Đối với Đất nước ta, Lưu Vĩnh Phúc là kẻ đã từng gây tội ác nhưng cũng là người có công lao (ĐNTL.CB., tập 31, sđd., tr. 191, 220, 379; tập

32, sđd., tr. 42; tập 33, sđd., tr. 26; tập 36, sđd., tr. 100...). Trong điều kiện quan quân Triều đình Huế bị bó buộc bởi các “hòa” ước, với sự cho phép của Tự Đức, Lưu Vĩnh Phúc được quan tướng nhà Nguyễn sử dụng để đánh Pháp.

Nguyễn Thiện Thuật nhận án đề đốc của nhà Thanh “nên không mấy được nhân dân hết lòng ủng hộ” (Chống xâm lăng, sđd., tr. 449; ĐNLT.CB., tập 35, sđd., tr. 253).

Chúng tôi hiểu vì sao GS. Trần Văn Giàu đề cao Lưu Vĩnh Phúc đến thế... “Sử học tuyên huấn” rất cần phải xem xét lại. Xin đề sử học phải là sử học đúng nghĩa.

(6). Nguyễn Nhược Thị Bích, Hạnh Thực ca, Trần Trọng Kim [*] sưu tầm, Nxb. Tân Việt, 1950 [?].

[*] Trong lời tựa cho bộ sách Chống xâm lăng của mình, GS. Trần Văn Giàu cho biết: GS. rất chú ý tham khảo các tư liệu của những học giả mác-xít và tiền bộ như Trần Huy Liệu, Siéc-sơ-nô, Đào Duy Anh... nhưng GS. vẫn thừa nhận Trần Trọng Kim, cũng như Phan Trần Chúc, đã tìm được những tư liệu lịch sử có giá trị xác thực nhất định [phải hiểu là có vài mươi phần trăm sai lệch, nhất là những dòng Trần Trọng Kim, Phan Trần Chúc bôi nhọ nhân cách Nguyễn Văn Tường, Tôn Thất Thuyết] (sđd., tr. 12).

(7). “Vấn mục đích, bắt vấn thủ đoạn” (cứu cánh biện minh cho phương tiện – Machiavel)! Với quan niệm đó, Phan Bội Châu (Phan Thị Hán, Phan Sào Nam) không phải là nhà khoa học lịch sử, cũng không phải là nhà văn đúng nghĩa! Về vận động chính trị, câu nhận định của cụ Huỳnh Thúc Kháng ... (xin phép cụ Phan) là thật đích đáng! Tuy nhiên chúng tôi vẫn nghĩ rằng số loại trang như trên trong tác phẩm cụ Phan không nhiều.

(8). Thủ đoạn. Theo Hán – Việt từ điển của Đào Duy Anh, do chính Phan Bội Châu đề từ vào ngày 01.03.1931 (Nxb. Trường

Thi, 1957, tr. 440): “Cái ngón làm việc, như ta thường nói mánh khoé”ù. Theo Từ điển tiếng Việt (Viện Ngôn ngữ học, Nxb. KHXH. – Trung tâm Từ điển học, 1994, tr. 926): “Cách làm khôn khéo, thường là xảo trá, chỉ cốt sao cho đạt được mục đích riêng của mình”.

(9). Đông Kinh nghĩa thực, một tổ chức của một số nhà yêu nước (cũng cùng lứa tuổi với cụ Phan Bội Châu hoặc trẻ hơn), nhưng lại do chính tên thông ngôn, tay sai của Pháp là Nguyễn Văn Vĩnh [1882 – 1936] (Đông Dương tạp chí) thảo điều lệ và đứng tên trong đơn xin chính quyền thực dân Pháp để thành lập. Phan Khôi (tuần báo Sông Hương, số 01, ngày 01.08.1936), và có lẽ cả Hoàng Đạo Thuý (Người và cảnh Hà Nội, Nxb. Hà Nội, 1982), đều có ít nhiều nghi ngờ trò mật thám nhử mỗi giảng câu của Nguyễn Văn Vĩnh, trong việc thành lập Đông Kinh nghĩa thực này. Khi Nguyễn Văn Vĩnh bị phá sản trong kinh doanh, phải đi tìm vàng ở Lào, rồi chết ở đấy (1936), Phan Bội Châu lại viết câu đối phúng điếu!?! Xin chép ra để khảo chứng tư liệu và tham khảo thêm về cụ Phan và về Nguyễn Văn Vĩnh:

“Duyên tương tri nhớ trước mười năm, xe tự do chung lái, sóng biển vui tai, mộng hồn há lẽ hững hờ, quang cảnh còn in mây Thuận tấn [cửa Thuận ở Huế – TXA. ct.]”.

Tài bác học trỗi trong hai nước, đàn ngôn luận phát cờ, làng văn mở mặt, công nghiệp tuy còn lở dở, thanh âm từng giọt gió Ba Lê [Paris – ct.]”.

(Dẫn theo: Hoàng Tiến, Chữ quốc ngữ và cuộc cách mạng chữ viết thế kỉ 20, Nxb. Thanh Niên, 2003, tr. 64, 68, 69...).

[Đây là một công trình nghiên cứu tuy thuộc cấp Nhà nước nhưng vẫn có sự lệch lạc quan điểm về chữ quốc ngữ].

(10). Trích dẫn: “Hôm qua tôi đã tiếp kiến quan Thương bạc [Nguyễn Văn Tường; nhân cuộc thăm viếng ngoại giao vào dịp Tết Nguyên đán – TXA. ct.] ông đến báo cho tôi biết là ông đã từ chức thượng thư Ngoại giao... Tôi không ngờ việc vận động nhỏ của tôi [với Trần Tiến Thành – TXA. ct., theo Y. Tsuboi] chống thượng thư đó lại có kết quả nhanh chóng đến thế... Vì thấy rằng không thể mở rộng các mối quan hệ chính trị nếu cứ phải giao

thiếp với quan Thương bạc mãi, tôi đã nghĩ phải buộc ông ta từ chức và thay ông ta bằng một người ít chống đối ảnh hưởng của ta hơn... Quan Thương bạc vẫn còn là thượng thư Bộ Hộ và thứ trưởng Viện Cơ mật. Với tư cách sau, ông vẫn còn có thể chống đối chúng ta. Muốn thoát nạn, ta còn phải đập ông ta tan tành cả ở phía ấy”.

(Lưu trữ AOM. Aix. Amireaux 12923; Champeaux, đại biện tại Huế gọi thống đốc Nam kỳ; Huế, ngày 6.2.1881. Dẫn theo Yoshiharu Tsuboi, *NĐNĐDVP. & TH.*, sđd., tr. 270).

Trích dẫn đối chiếu:

“Lại còn nói rằng, người nước Pháp rất ghét viên Bạc thần trước là Nguyễn Văn Tường, tất rồi sẽ dùng thế lực cường bách truất thoái để đẩy đi xa; vậy câu nói này là nói thế nào?

Ồ! Người làm tôi ai cũng vì chủ nấy: Nguyễn Văn Tường giúp vì nước nhà, cũng tức như viên sứ Pháp giúp vì nước Pháp; cái đạo làm tôi tất phải như thế, có gì mà đáng ghét? Trước kia viên ấy tuy sung chức ở Thương bạc, cùng với ngày nay tuy đã giải nhiệm, song phạm việc gì đều có quan đại thần hiệp thương bàn rồi tâu lên mới quyết định, viên ấy có thể nào độc đoán để ngăn trở việc? Vả giả sử có thể làm độc đoán thì hạng bề tôi như vậy còn nước nào mà chẳng thích dùng? Tường nước Pháp cũng nên ban thưởng để khuyến khích cho những kẻ làm tôi trong thiên hạ và để gương đời sau vậy. Như Hán Cao Tổ phong cho Quý Bố và chém Định Công, Tống Thái Tổ phong tặng cho Hàn Thông và truất phế Ngạn Thăng, như thế mới hợp cái đạo trị nước, chứ có khi nào lại xua đuổi bỏ đi! Nếu [truất thoái, không trọng đãi – ct.] như thế thì bao nhiêu kẻ làm tôi tha thiết vì vua mình cũng đuổi bỏ cả hay sao? Và còn lấy gì mà tỏ sự khuyến trừng? Vậy quyết nhiên không có lẽ ấy”.

(Dụ của Tự Đức, ngày 19.5 âm., TĐ. 34 [1881], trích từ: *Thơ văn Tự Đức*, tập II, Ngự chế văn tam tập, bài “Đuổi viên hành nhân Nguyễn Hoàng” (linh mục), Nxb. Thuận Hóa, 1996, tr. 176 – 177).

[Đâu là công lí đối với bọn thực dân xưa nay? TXA.].

(11). Trong lời giới thiệu cuốn sách Nước Đại Nam đối diện với Pháp và Trung Hoa (của Yoshiharu Tsuboi, do UB. KHXH. Thành ủy TP.HCM. xb., 1990), GS. Trần Văn Giàu viết: "... cái kho châu bản đồ sộ và quý giá có lẽ còn quan trọng, căn bản hơn là tư liệu của Bộ Hải quân và Bộ Thuộc địa Pháp nữa. [...] Không khai thác châu bản một cách triệt để mà chỉ bằng vào các hạng người Pháp phần lớn thuộc quân xâm lược hay chuẩn bị xâm lược, thì làm sao biết rõ, biết đúng một thời kì lịch sử "máu chốt" của nước nhà, làm sao đánh giá các nhân vật chính xác?" (sđd., tr. 12).

Hiện nay, toàn bộ Châu bản triều Nguyễn chưa được công bố trọn vẹn. Cho đến thời điểm này, chỉ có các tài liệu thống kê, tóm lược, trích dịch:

- Tổng mục lục châu bản triều Nguyễn, do Ủy ban Dịch thuật sử liệu Viện Đại học Huế (trước 1975) thống kê, phân loại, tài liệu đánh máy, hiện lưu trữ tại Thư viện KHXH. TP.HCM..
- Mục lục châu bản triều Nguyễn, do Cục Lưu trữ Nhà nước, Viện Đại học Huế xb. trước 1975; Nxb. Văn hoá – Thông tin tái bản (hai tập, triều Gia Long, nửa đầu triều Minh Mạng), 1998;
- Châu bản triều Tự Đức (1847 – 1883), Vũ Thanh Hằng, Trà Ngọc Anh, Tạ Quang Phát tuyển chọn và dịch, Ban Văn học thuộc Viện KHXH. TP.HCM. in ronéo, 1979. Tài liệu này vừa được Trung tâm Nghiên cứu Quốc học chỉnh lí (nhưng lại chỉ "tuyển chọn và lược thuật"!); Nxb. Văn Học xuất bản trong tháng 5.2003. Rất tiếc, trong các năm có nhiều sự kiện rất quan trọng (chẳng hạn, 1881 – 1883, Pháp chuẩn bị rồi thực sự đánh chiếm Bắc Kỳ lần thứ hai, Nguyễn Văn Tường đại diện cho triều đình nước ta liên minh với nhà Thanh, Trung Hoa...), lại để thiếu sót, không có một trang châu bản nào liên quan, đề cập đến. Nói cụ thể hơn, năm 1881, chỉ có hai tiểu mục về tiểu phỉ và về việc gửi người đi học cách sử dụng đại bác; hai năm 1882, 1883, chỉ có dăm tiểu mục về sách sử, chứ không có lấy một sự kiện nào về chính trị, ngoại giao, quân sự,

kinh tế, xã hội cả (chưa kể sự nhầm lẫn, ghép vào châu bản thời Thành Thái; hẳn không phải vô ý?! Theo lời giới thiệu ở những trang đầu sách, châu bản triều Tự Đức hiện còn đến 352 (ba trăm năm mươi hai) tập, mỗi tập gồm khoảng 600 (sáu trăm) trang chữ Hán, chữ Nôm, chữ Pháp viết tay, và 600 tr. của mỗi tập có độ dày từ 06 (sáu) đến 10 (mười) xăng ti mét. Thế nhưng, cuốn “Châu bản triều Tự Đức (1847 – 1883), tuyển chọn và lược thuật” nói trên, chỉ có 288 (hai trăm tám mươi tám) trang in chữ quốc ngữ, cỡ 16 x 24 cm, kể cả lời nói đầu, lời giới thiệu và phần sách dẫn! Thật quá ít ỏi, sơ lược (cố nhiên là không được chú giải, phân tích!). Đáng tiếc là việc tuyển chọn cũng không tiêu biểu chút nào! Đâu rồi số châu bản 1882 – 1883?

Ngoài ra, còn châu bản các triều liên quan đến Nguyễn Văn Tường và ĐNTL.CB. IV, V, VI như triều Kiến Phúc (1884): 01 (một) tập; triều Đồng Khánh (9.1885 – 1888): 04 (bốn tập). Đó là chưa nói đến châu bản triều Thành Thái (1889 – 1907): 74 (bảy mươi bốn) tập; triều Duy Tân (1907 – 1916): 35 (ba mươi lăm tập)... Vẫn chưa được công bố!

Tuy nhiên, căn cứ vào phương pháp suy luận khoa học, chúng tôi đoán chắc rằng các châu bản được trích dẫn trong ĐNTL.CB. IV, V, VI vẫn là các văn bản tương đối có giá trị tiêu biểu (theo nguyên tắc sử dụng dẫn chứng). Từ đó, suy ra, kho châu bản không thể mâu thuẫn với ĐNTL.CB. (1847 – 1888), mà chỉ làm rõ hơn, mạnh mẽ hơn những gì còn quá rụt rè ở các phần sử thuộc các kỉ kể trên: tinh thần chống Pháp, chống tả đạo của nhân dân, sĩ phu và vua quan triều Nguyễn. Sự rụt rè ấy là do áp lực của thực dân Pháp, của tả đạo Thiên Chúa giáo!

Dĩ nhiên, tham khảo được châu bản vẫn là tốt nhất. Nhưng, rất đáng tiếc, cuốn “Châu bản triều Tự Đức” nói trên lại quá thiếu sót và tuyển chọn không tiêu biểu. Hoặc giả, châu bản đã bị thất tán những phần quan trọng, tiêu biểu đó?!? Chúng tôi không tin như vậy, và đã qua điện thoại, trực tiếp hỏi GS.TS. Mai Quốc Liên, giám đốc Trung tâm Nghiên cứu Quốc học, người đã viết lời nói đầu cho cuốn sách. Ông trả lời rằng: “Châu bản về các năm

1881 – 1883 vẫn còn, tuy không đầy đủ. Sở dĩ không đưa vào sách số châu bản ấy là do người tuyển chọn. Phải nhờ GS. Trần Nghĩa trả lời cụ thể về vấn đề này”. Dấu sao, trước tình trạng cuốn “Châu bản triều Tự Đức” như thế, trong khi chờ “Châu bản...” được bổ túc, chúng tôi đành vui lòng tự đối chiếu với cuốn sách của chúng tôi (TXA.), cũng cùng một cách thức biên soạn tương tự, nhưng lại lấy ĐNTL.CB. IV, V, VI làm chuẩn cứ, mặc dù đề tài chỉ nhắm đến một nhân vật cùng các sự kiện tiêu biểu cho thời đại ấy: “Tiểu sử biên niên Kì Vĩ phụ chính đại thần Nguyễn Văn Tường, ‘kẻ thù lớn nhất của chủ nghĩa thực dân Pháp’”. Rất tiếc là cuốn “Tiểu sử...” này chưa được xuất bản! Tuy vậy, với ĐNTL.CB. IV, V, VI, sẽ có sự bổ cứu, và nhất là để khỏi khiếm khuyết khi nhận định về Nguyễn Văn Tường (1824 – 1886) cùng các triều vua liên quan. Về giá trị ĐNTL.CB. IV, V, VI và tính thống nhất tương ứng theo từng giai đoạn phân kì của ba kỉ sử ấy với châu bản, chúng tôi đã trình bày bên trên và ở bài viết sau trong cuốn sách này.

(12). Xin xác định chuẩn xác thuật ngữ tư liệu gốc hay cụ thể hơn, ấy là sử liệu gốc. Không thể cho rằng Việt Nam vong quốc sử là sử liệu gốc về Nguyễn Văn Tường, Tôn Thất Thuyết, Từ Dũ, Phan Thanh Giản..., mà tác phẩm đó chỉ là sử liệu gốc về chính Phan Bội Châu (và Lương Khải Siêu). Và lại, Phan Bội Châu cũng không phải là người chứng cùng thời, cùng việc (đồng thời, đồng sự) và tại chỗ về những nhân vật lịch sử kể trên. Đó chỉ là sơ lược trên hai nét nghĩa trong nhiều nét nghĩa khác của thuật ngữ tư liệu gốc.

2. CƯỚC CHÚ bài VỀ MỘT VÀI TRANG ĐẢO NGƯỢC SỰ THẬT LỊCH SỬ VÌ MỤC ĐÍCH TUYÊN TRUYỀN TRONG VIỆT NAM VONG QUỐC SỬ

[1] Phan Bội Châu, Những tác phẩm của Phan Bội Châu (NTPCPBC.), tập I, gồm Việt Nam vong quốc sử (VNVQS.) và Việt Nam quốc sử khảo (VNQSK.), Chương Thâu dịch, Hồ Song giới thiệu, Văn Tạo chủ biên..., Nxb. KHXH., 1982, tr. 73.

[2] Phan Bội Châu, Tự phán, Huỳnh Thúc Kháng đề tựa (1946), Nxb. Văn hoá – Thông tin tái bản, 2000, tr. 31, 35 – 37, 77, 104...

[3] Tự phán, sđd., tr. 42.

[4] Tự phán, sđd., tr. 55... Đối chiếu và xem thêm: Nguyễn Ngọc Hà, bài “Linh mục Đâu Quang Lĩnh và những hoạt động kính Chúa yêu nước trong Duy tân hội”, báo Người Công Giáo Việt Nam, số 9, ra ngày 01. 5. 1995; trích in lại trong cuốn Côn Đảo, ký sự và tư liệu, Ban Liên lạc cựu tù chính trị, Sở Văn hoá – thông tin và Nxb. Trẻ TP. HCM. liên kết biên soạn, xuất bản. Trong bài báo này, căn cứ trên những số liệu rút ra từ Tạp chí Nghiên cứu lịch sử, số tháng 4. 1994, Nguyễn Ngọc Hà cho biết, tổ chức Duy tân Giáo đồ hội của Thiên Chúa giáo Việt Nam thành lập từ năm 1903, và Duy tân Giáo đồ hội Nghệ – Tĩnh bắt đầu hoạt động vào tháng 4. 1904; Phan Bội Châu đã liên minh mật thiết với tổ chức này, từ thời điểm 1903. Chúng ta biết rằng Thiên Chúa giáo vốn rất căm thù Nguyễn Văn Tường, Tôn Thất Thuyết.

[5] Quốc sử quán triều Nguyễn, Đại Nam thực lục, chính biên, tập 35, Nxb. KHXH., 1975, tr. 61 – 62, 90 – 91; tập 36, Nxb. KHXH., 1976, tr.127 và tr.174. Xem thêm chú thích (7) của bài “Nguyễn Văn Tường với nhiệm vụ lịch sử sau cuộc kinh đô quật khởi, 05.7.1885”.

[6] Tự phán, sđd., tr. 56 – 59...

[7] NTPCPBC., Việt Nam vong quốc sử, sđd., tr. 78; NTPCPBC., Việt Nam quốc sử khảo, sđd., tr. 182 – 184.

[8] Tự phán, sđd., tr. 12, 17...

[9] NTPCPBC., VNQSK., sđd., tr. 201; xem thêm tr. 148 – 149, tr. 305 – 306. Bổ khuyết tư liệu trích dẫn cho bài viết

“Về một vài trang đảo ngược sự thật lịch sử

vì mục đích tuyên truyền trong

Việt Nam vong quốc sử”,

cước chú số [9]:

“VIỆT NAM QUỐC SỬ KHẢO” (xuất bản năm 1909) là cuốn sách Phan Bội Châu viết sau cuốn “Việt Nam vong quốc sử” (cuốn sách mà nhiều học giả ngỡ rằng Lương Khải Siêu viết [1905]). Dấu sao, rõ ràng sau bốn năm, trước sự phản hồi của công luận thuở bấy giờ,

nhà yêu nước Phan Bội Châu đã phải viết khác trước (khác với sự nhận thức hoặc sự bóp méo lịch sử theo phương châm chính trị bá đạo machiavelisme – “cứu cánh biện minh cho phương tiện” hay “vấn mục đích, bất vấn thủ đoạn” – khi viết “Việt Nam vong quốc sử”). Ở “Việt Nam quốc sử khảo”, Phan Bội Châu quy tất cả lỗi mất nước là do một người “đầu sỏ”: thái hoàng thái hậu Từ Dũ!

Nguyên văn trích đoạn như sau:

“... Sở dĩ gọi là nước vì có chủ quyền, có nhân dân, có đất đai. Nếu ba thứ ấy còn thì nước còn là nước, ba thứ ấy mất thì không phải là nước nữa. Lấy một trong ba thứ ấy đem cho người ngoài thì gọi là giặc của nước; lấy cả ba thứ ấy đem tất cho người ngoài thì là đầu sỏ của giặc nước.

[...]

Nước ta, [...] ta kẻ được ba người giặc của nước:

Hồ Quý Ly cướp ngôi nhà Trần và đê cầu nhà Minh sắc phong cho, y đã cắt 59 thôn của châu Lộc Bình cho lệ thuộc vào phủ Tư Minh của nhà Minh.

Mạc Đăng Dung cướp ngôi nhà Lê, sợ nhà Minh hỏi tội, đã lấy hai châu Thạch Tích, Niêm Lăng và bốn động Cổ Sâm, Tư Lãm, Kim Lạc, Liễu Cát hiến cho nhà Minh. Bản án kết tội bọn ấy nên ghi là: “Lấy đất đai của nước, nhân dân của nước, tặng người ngoài, tội đáng chém!” [1]. Chúng nó lấy lời gì để biện bạch được?

Còn một người nữa thì là một mẹ một con thuộc bản triều [2]. Vì ham sống yên phận đã đem một lúc cả ba thứ nói trên dâng cho lũ giặc. Thật là một tên giặc đầu sỏ lớn của nước ta”.

(Phan Bội Châu, Những tác phẩm Phan Bội Châu, tập I [gồm Việt Nam vong quốc sử & Việt Nam quốc sử khảo], Văn Tạo chủ biên và các dịch giả, Nxb. KHXH., 1982, tr. 200 – 201; xem thêm tr. 148 – 149, tr. 305 – 306.).

Lẽ ra, tôi đã trích đoạn trên để đưa vào bài viết đã nêu, trong cuốn “Nguyễn Văn Tường, những người

trung nghĩa từ xưa tưởng không hơn được” này, nhưng thấy chỉ cần dẫn chứng gián tiếp là đã đầy đủ; vả lại, bài viết là một bài báo, cần phải ngắn gọn, nên không thể trích dẫn nhiều.

Nhân đây, cũng xin khẳng định lại một lần nữa:

Thật ra, Phan Bội Châu quy tất cả lỗi làm mất nước cho Từ Dũ cũng không thể hoàn toàn đúng với sự thật lịch sử. Chẳng qua Phan Bội Châu vừa tránh sự phản hồi phê phán của công luận nhưng đồng thời vẫn muốn chạy tội cho hoàng tộc Nguyễn, cụ thể là chạy tội cho Dục Đức, Hiệp Hoà, Tuy Lý vương, Hồng Tu, Hồng Sâm, và vô hình trung cũng chạy tội bớt tội cho Trần Tiễn Thành. Ai cũng biết Từ Dũ có họ Phạm, không phải thuộc huyết thống hoàng tộc Nguyễn, trong khi Phan Bội Châu đang tôn phù hậu duệ nhà Nguyễn: Cường Để (đích tằng tôn của hoàng tử Cảnh)!

Nhà yêu nước, tác gia lớn Phan Bội Châu không phải không có những sai sót, ngộ nhận trong kiến thức lịch sử; huống nữa, vì cứu cánh là cứu nước khỏi hoạ thực dân Pháp, cụ Phan bất chấp và không từ chối cả thủ đoạn xuyên tạc lịch sử (“cứu cánh biện minh cho phương tiện!”) Đó là sự sai lầm, rất đáng tiếc của Phan Bội Châu. Và chính vì thế, cụ Phan đã tự kiểm điểm rằng, phương châm “vấn mục đích, bất vấn thủ đoạn” của Machiaveli mà cụ Phan (và Lương Khải Siêu) vận dụng, chính là một trong những nguyên nhân thất bại trên con đường cách mạng, cứu nước. Xin vui lòng xem kĩ những bài viết trong cuốn sách, và xem thêm các cuốn sách, tập sách khác của tác giả cùng một đề tài.

Ở đây, tôi chỉ xin nhắc lại một điều đã viết trong nội dung chính của cuốn sách.

(*) “Hạ 14 chữ đó, thì bọn ấy cũng tự thấy là không oan” (Lời phê [của Hoàng Trọng Mậu – TXA. chưa thêm]). Ở đây, tôi (TXA.) không bàn đến hai nhân vật lịch sử này. Xin vui lòng xem: Đại cáo bình Ngô (Nguyễn Trãi), Đại Việt sử ký toàn thư (các sử gia thuộc sử viện, sử vụ từ

triều Trần đến Lê trung hưng, 1697), Khâm định Việt sử thông giám cương mục (Quốc sử quán triều Nguyễn, 1884).

(**) Tức là Từ Dũ và TỰ ĐỨC (hai mẹ con). Đây là chú thích của người dịch (PGS. Chương Thâu). Theo tôi (TXA.), căn cứ vào hai chữ “một người” của câu trên, Phan Bội Châu tuy không nêu đích danh nhưng vẫn xác định rất rõ, là đề cập về Từ Dũ. Đoạn PBC. viết về Từ Dũ này tôi mạn phép in đậm + nghiêng.

05. 06. HB 4 (2004).

TXA.

[10] TỰ PHÁN, sđd., tr. 77.

[11] Nguyên văn lời cụ Phan, xem: Nguyễn Thiệu Lâu, Quốc sử tập lục, Nxb. Mũi Cà Mau, 1994, tr. 12.

[12] NTPCPBC., VNQSK., sđd., tr. 149.

[13] Từ điển văn học (TĐVH.), tập II, Nxb. KHXH., 1984, tr. 548.

[14] Xem: Chống xâm lăng (CXL.), [Nxb. Xây Dựng, 1956 – 1957], Nxb. TP.HCM. tái bản, 2001, tr. 316 – 319, 547, 549 – 567...

[15] Đại Nam liệt truyện (ĐNLT.), tập 3, Nxb. Thuận Hoá, 1993, tr. 125.

[16] CXL., sđd., tr. 432.

[17] Đại Nam thực lục, chính biên (ĐNTL.CB.), tập 36, Nxb. KHXH., 1976, tr. 225 – 228.

[18] ĐNTL.CB., tập 36, sđd., tr. 236 – 237; Nguyễn Nhược Thị Bích, Hạnh Thực ca (HTC.), Trần Trọng Kim sưu tầm, Nxb. Tân Việt, 1950 [?], tr. 48.

[19] ĐNTL.CB., tập 36, sđd., tr. 247; tập 37, sđd., tr. 35.

[20] Chống xâm lăng (CXL.), sđd., tr. 585 – 586...

[21] TỰ PHÁN, sđd., tr. 12.

[22] TỰ PHÁN, sđd., tr. 17, 18.

TXA.

**Bảng liệt kê số thứ tự trang (*)
của các trang
thuộc bản vi tính 11. 2001
có đính chính - bổ sung**

3, 5 (vài lời thừa...), 12, 13, hai trang 18 - 19: đưa lui cuối sách, 21, 23, 26, 33, 34, 46, 47, 67, 73, 75, 82, 83, 86, 102, 107, 108, 110, 114, 141, 148, 151, 179, 187, 196, 198, 199, 200, 201, 232, 242, 253, 279, 316, 318, 319, 322, 345, 351, 352, 363, 376, 378, 381, 383, 384, 388, 393, 396, 405, 408, 419, 423, 426, 428 (đặc biệt có chèn thêm một chương, chủ yếu là bút kí về nhân vật Trần Nguyễn Phan và hai bài tiểu luận ngắn), 430, 431, 433, 434, 435, 437, 438, 441, 442, 445, 446, 447, 448, 450, 457, 459, 460, 463, 464, 466 - 467, 469, 478, 480, 481, 483, 487, 491, 494, 495, 496, 501, 505, 506, 508, 509, 514, 519, 520, 521, 522, 524, 525, 526, 529, 533, 538, 539, và từ trang 541 đến hết: bài khảo luận "Nguyễn Văn Tường với nhiệm vụ lịch sử sau cuộc Kinh đô Quật khởi 05.7.1885" (một vài chủ đề sử học cần thiết khi cảm nhận bài "Giải triều..."), và một số trang khác.

Xin vui lòng căn cứ vào các số thứ tự trang ghi trên của bản 11.2001 (trang mấy?) để tìm chương, tiết liên quan; và sau đó, căn cứ vào các số thứ tự chương (chương mấy?), số thứ tự tiết (tiết mấy?) đã biết; rồi kết hợp lại cả ba số liệu; để từ đó, tìm đọc các trang đã được tác giả đính chính, bổ sung ở bản 10.2003 này.

Tp. HCM., ngày 25.10.2003
(ngày mùng một, tháng mười, năm Quý mùi HB.3).

TRẦN XUÂN AN

- 7. CƯỚC CHÚ của BẢNG LIỆT KÊ SỐ THỨ TỰ TRANG...:
(*) Số thứ tự trang thường được gọi tắt là số trang (số của trang).

Trần Xuân An
Sinh ngày 10. 11. 1956 tại Huế;
Nhân tộc: Kinh (Việt Nam);
Quê gốc: Quảng Trị;
Tốt nghiệp ĐHSP. Huế (1974 – 1978);
Dạy học tại Lâm Đồng, 1978 – 1983;
Hiện nay, chuyên sáng tác, nghiên cứu
tại thành phố Hồ Chí Minh
(hội viên Hội Nhà văn TP. HCM.).

Tác phẩm đã xuất bản:

1. Nắng và mưa, thơ, Hội VHNT. Quảng Trị, 1991.
2. Hát chiêu hồn mình, thơ, Nxb. Đồng Nai, 1992.
3. Tôi vẫn ở trên đường, thơ, Nxb. Văn Nghệ Tp. HCM., 1993.
4. Lặng lẽ ở phố, thơ, Nxb. Trẻ, 1995.
5. Kẻ bị ném vào bão, thơ, Nxb. Trẻ, 1995.
6. Hát với đời ơi thương mến, thơ, Nxb. Trẻ, 1996.
7. Quê nhà yêu dấu, trường ca thơ, Nxb. Văn Nghệ Tp. HCM., 1998.
8. Có một nơi lá mãi xanh, tiểu thuyết, Nxb. Hội Nhà văn, 1999.
9. Ngôi trường tháng giêng, tiểu thuyết, 1998, Nxb. Thanh Niên, 2003.
10. Sen đỏ, bài thơ hòa bình, tiểu thuyết, 1998, Nxb. Thanh Niên, 2003.
11. Phụ chính đại thần Nguyễn Văn Tường (1824 – 1886), truyện sử kí, trọn bộ 4 tập, hai tập I, II, 2002, hai tập III, IV, 2003; Nxb. Văn Nghệ Tp. HCM., 2004.

Tác phẩm đã hoàn tất bản thảo (*):

12. Mùa hè bên sông, tiểu thuyết, 1997; hai bản đã sửa chữa và bổ sung, 2001 & 2003.
13. Thơ những mùa hương, thơ.
14. Giọt mực, cánh đồng và vở kịch điên, thơ.
15. Nước mắt có vị ngọt, tập truyện ngắn, 1999.

Soạn phẩm biên khảo đã hoàn tất bản thảo (*):

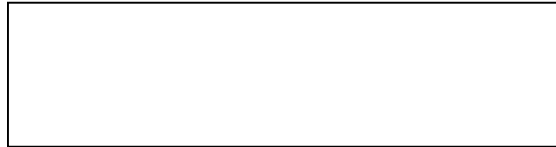
16. Nguyễn Văn Tường (1824 – 1886), thơ – Vài nét về con người, tâm hồn và tư tưởng (biên soạn – nghiên cứu, phản bác, và tập hợp một số bản dịch, bài khảo luận văn học và sử học về NVT.), 2000.
17. Tiểu sử biên niên Kì Vĩ phụ chính đại thần Nguyễn Văn Tường, “kẻ thù lớn nhất của chủ nghĩa thực dân Pháp” (từ Đại Nam thực lục, rút gọn), dạng niên biểu, sách dẫn chi tiết, phần I, 2001.
18. Những trang Đại Nam thực lục về Kì Vĩ phụ chính đại thần Nguyễn Văn Tường (1824 – 1886) và các sự kiện thời kì đầu chống thực dân Pháp... (Quốc sử quán triều Nguyễn, Tổ Phiên dịch Viện Sử học VN.), chọn lọc, phần II, 2001.
19. Nguyễn Văn Tường (1824 – 1886), “những người trung nghĩa từ xưa, tưởng không hơn được”, khảo luận và phê bình sử học, 2002.
20. Suy nghĩ về một số vấn đề trong lịch sử cổ đại nước ta, khảo luận, 2004.
21. Ngẫu hứng đọc thơ, phê bình, 2004.

Tặng thưởng, giải thưởng:

1. Báo Văn nghệ giải phóng, 1975.
2. Giải Sáng tạo trẻ, Hội VHNT. Quảng Trị, 1991.

(*) Tất cả các tác phẩm, soạn phẩm biên khảo đã được xếp chữ vi tính, ấn hành với phạm vi từ 10 đến 20 bản sách (gửi các nhà xuất bản, các nhà nghiên cứu, các người bà con và một số bạn thân), trong khi chờ giấy phép và điều kiện để có thể xuất bản rộng rãi. TXA.

TÁC GIẢ GIỮ BẢN QUYỀN
TỪNG CHỮ, TỪNG Ý TƯỞNG CỦA MÌNH.
TRÂN TRỌNG VÀ THÀNH THẬT BIẾT ƠN.



XIN TÌM ĐỌC:

a

TIỂU SỬ BIÊN NIÊN
KÌ VĨ PHỤ CHÍNH ĐẠI THẦN NGUYỄN VĂN TƯỜNG
niên biểu – dạng sách dẫn
(tiện lợi hơn cho việc tra cứu khi đọc truyện sử kí về NVT.)
Trần Xuân An biên soạn

aa

NGUYỄN VĂN TƯỜNG,
“NHỮNG NGƯỜI TRUNG NGHĨA TỪ XƯA,
TƯỜNG KHÔNG HƠN ĐƯỢC”
khảo luận và phê bình sử học của Trần Xuân An

aaa

PHỤ CHÍNH ĐẠI THẦN NGUYỄN VĂN TƯỜNG
Truyện kí – khảo cứu tư liệu lịch sử
(bốn tập)
Trần Xuân An

726 MÙA HÈ BÊN SÔNG

NHÀ XUẤT BẢN:

2003

CHỊU TRÁCH NHIỆM XUẤT BẢN:

BIÊN TẬP:

BÌA:

TRÌNH BÀY:

CHỚP ẢNH CHÂN DUNG TÁC GIẢ:

CHỮA BẢN IN:

In 1. 000 cuốn, khổ 14,5 x 20,5 cm,
tại Xí nghiệp in:

Số đăng kí kế hoạch xuất bản:

do Cục Xuất bản cấp ngày:

Quyết định xuất bản:

In xong và nộp lưu chiểu trong tháng:

GIÁ:

... Đó cũng là sự thật lịch sử - sự thật về tuyên truyền của Mỹ nguy, nhưng cũng là sự thật ở nội tâm một phần không ít nhân dân Miền Nam Việt Nam. Nhận thức ấy, thao thức ấy có lẽ chỉ tồn tại trước tháng 4 năm 1975; phải chăng sau đó đã được giải tỏa, hay bị củng cố thêm bởi hiện thực hằng ngày trước mắt? Tất nhiên, từ diễn ra công cuộc Đổi mới, tình hình đã khác...

KÍNH MONG HÃY CẢM THÔNG, HOÀ GIẢI, VÀ ĐẠI ĐOÀN KẾT.

CHỈ CÓ THỂ ĐẠI ĐOÀN KẾT DÂN TỘC MỘT CÁCH BỀN VỮNG TRONG TINH THẦN CẢM THÔNG, HOÀ GIẢI ẤY.

Tuy nhiên phải khẳng định và phải khẳng định: Những người cầm súng cho thực dân Pháp, phát xít (fascisme) Nhật, đế quốc Mỹ và “tả đạo” Thiên Chúa giáo..., ở Miền Nam Việt Nam (không ít là dân Miền Bắc di cư vào Nam), rõ ràng là bị đẩy vào tình cảnh phản quốc hay ít nhiều cũng tự ý phản quốc. Và hiển nhiên, lực lượng nào đánh bại được Pháp, Nhật, Mỹ, “tả đạo” Thiên Chúa giáo, bá quyền Trung Quốc, đánh đổ được nguy triều Huế (1885 – 1945) (II.19), nguy quyền Sài Gòn (1954 – 1975), chế độ diệt chủng Khơ Me (Kh'ơmer) Đỏ, chính danh và chính nghĩa thuộc về lực lượng ấy. Đó là đa số nhân dân Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam.

(Trích một chú thích của tác giả).

HAI BẢN ĐÃ IN, SAO CHỤP, KHOẢNG 20 CUỐN:

(Bản thứ nhất, do anh Lê Ký Thương và chị Nguyễn Thị Kim Quy xếp chữ vi tính từ bản thảo viết tay của Trần Xuân An, theo hệ QuartXpress, font VnTimes, vào những tháng cuối năm 1997.

(Bản thứ hai, TXA. có sửa chữa, bổ sung, do Võ Thị Lan Hà (con gái anh Nguyễn Minh) và Tạ Thị Vân xếp chữ chèn vào, trên cơ sở đĩa mềm của bản thứ nhất, theo hệ Adobe PageMaker 7.0, font VnTimes, VNI-Times và VNI-Centur, vào những tháng từ 6 đến 8, năm 2001.

HAI BẢN CHƯA IN, CHƯA SAO CHỤP:

(Bản thứ ba A, vẫn giữ nguyên nội dung, câu chữ như bản thứ hai, Trần Xuân An chuyển sang hệ Word 2000, font VnTimes (từ trang 1 đến trang 465) và font VNI-Times (phần phụ lục, từ trang 466 đến trang 560), vào hai tháng 3 & 4. 2003 (hoàn tất: 25. 04. 2003 [24.3. Quý mùi HB.3]), để tiện dụng.

(Bản thứ ba B, cũng vẫn giữ nguyên nội dung, câu chữ như bản thứ hai, nhưng có bổ sung thêm một bút kí. Tác giả đã chuyển thành font VnNCentury và font VNI-Centur, cỡ bát chữ lớn hơn (4 inches 3 vạch x 6 inches rưỡi [= 6 inches 4 vạch]), vào ngày 29. 06. 2003.

BẢN ĐÃ IN (bản gốc vi tính):

(Bản thứ ba C chính thức này đã được sửa chữa, bổ sung vào ngày 25.10.2003 (mùng 01 tháng 10 Quý mùi HB.3), tạm xong vào lúc 15 giờ 17 phút ngày 09.10.2003 (16 tháng 10 Quý mùi HB.3. Hoàn tất vào ngày 19.12.HB.3 (26.11. Quý mùi HB.3). Bản in vi tính lần thứ ba C này được thực hiện tại Trung tâm Đào tạo & bồi dưỡng tin học ứng dụng TP.HCM., 27 Phạm Văn Hai, Phường 1, Q. Tân Bình, TP. HCM., với sự trợ giúp của anh Nguyễn Phi Tuyển (phụ trách vi tính - photocopy), có kèm theo bản đính chính. Bản hoàn chỉnh (đã chữa lỗi in ấn, có bổ sung vài chỗ) được thực hiện tại nhà riêng của tác giả (TXA.), bằng máy in hp LaserJet 1300.

IN Ở TRANG CUỐI:

...

Hành cười:

- Anh biết. Nhưng anh chỉ lướt qua những điều ấy. Cái chính là di chứng hậu chiến, là niềm tin vào con người Việt Nam. Ta phải tin nhau khi đã hiểu nhau, trong sự hòa giải để hòa hợp.

- Để đạt được điều đó, tất cả các vấn đề sử học, văn hóa học... trong cuộc chiến tranh một trăm mười bảy năm vừa qua (1858 - 1975) phải được hội thảo khoa học hết sức dân chủ, bằng hình thức đối thoại công khai trên báo chí, và dĩ nhiên, ở các hội nghị, với tinh thần tuyệt đối khách quan, trung thực, và dũng cảm; - Hiền Lương nói -; đặc biệt, phải chặn đứng những mưu toan xuyên tạc lịch sử, bịa đặt tư liệu, gây rối nhiễu, gây hoang mang, mất niềm tin vào khoa học lịch sử.

Hành gạt đầu :

- Yêu cầu xã hội ấy rất bức thiết. Mặc dù ta đã có tư liệu chuẩn cứ, không phải ai muốn nói gì cũng được, nhưng vấn đề là làm thế nào để khai thác được các kho lưu trữ tư liệu ở Va-ti-căng, ở Pháp, ở Mỹ. Ngoài ra, cần được dịch hết, công bố hết các châu bản triều Nguyễn, các tư liệu của Cách mạng... Không thể để muộn hơn được nữa! Và phải có biện pháp gì để người ta không bịa đặt tư liệu, làm tư liệu giả, hoặc thủ tiêu tư liệu được!

Cả ba người ngồi im lặng, chừng như họ đang rơi vào từ trường của vết thương chung.

...

TRẦN XUÂN AN
16 giờ ngày 16.11.HB.3
(23.10. Quý mùa HB.3)
23 - 29.11.HB.3

Khoảng 08 giờ 01.12.HB.3. -
10 giờ 32 phút, ngày 02.12.HB.3.
(08 - 09.11 Q.mùa HB.3.)
17 giờ 17 phút, ngày 04.12.2003
(11.11. Quý mùa HB.3).
15 giờ 25 phút, ngày 09.12.HB.3
(16.11. Q. mùa HB.3).

09 giờ 23 phút,
ngày 12.12.HB.3 (19.11. Quý mùa HB.3)
và 15 giờ 38 phút, ngày 18.12.HB.3 (25.11 Q.mùa HB.3).

Hoàn tất vào ngày 19.12.HB.3 (26.11. Quý mùa HB.3).

Đính chính xong vào lúc 21 giờ 30 phút,
ngày 16.01.HB.4 (15.12 Quý mùa HB.3 - 4)
tại Tp.HCM.

TXA.

Bản thảo
Tiểu thuyết hư cấu
Mùa hè bên sông
& phụ lục
biên khảo sử học
ƯƯƯ
để kính gửi nhà xuất bản
và
Cục Bản quyền
tác giả văn học nghệ thuật Việt Nam

Kính mời tìm đọc

hai cuốn tiểu thuyết của TRẦN XUÂN AN
do Nxb. Thanh Niên ấn hành, tháng 7. 2003:

Ngôi trường tháng giêng, 376 tr.
Sen đỏ, bài thơ hoà bình, 280 tr..

Có bán tại hiệu sách của Nxb. THANH NIÊN,
270 Nguyễn Đình Chiểu,
quận 3, Tp. HCM. (ĐT.: [08]. 9303262)
và các hiệu sách khác.

Tác giả
(ĐT.: [08]. 8453955).

Cáo lỗi

Trong tiểu thuyết này, trên các trang 200.b, 200.c, 370.b, 370.c, tôi có mạo phép sử dụng lại bốn tấm ảnh của các tác giả: Sĩ Sô, Hồ Thanh Thoan, Thảo Ngân, Đoàn Vân Đạt, Nguyễn Khoa Nhật. Các tấm ảnh ấy vốn đã được đăng tải trong cuốn Quảng Trị, tiềm năng & triển vọng đầu tư do Sở Kế hoạch & đầu tư Quảng Trị xuất bản, vào năm 1996, ở các tr. 11, 26, 45, 50. Rất tiếc là ban biên tập cuốn sách quên ghi chú cụ thể tên tác giả nhiếp ảnh ngay dưới mỗi tấm ảnh. Cũng xin cáo lỗi là tôi cũng chưa kịp liên hệ để biết rõ và để xin phép các tác giả nhiếp ảnh kể trên.

Xin thành thật cáo lỗi.

Trân trọng cảm ơn.

Trần Xuân An

ĐÃ GỬI & TẶNG
BẢN IN VI TÍNH LẦN THỨ BA NÀY

1. Anh Chinh Văn (01 cuốn chưa đính chính & 01 cuốn đã đính chính)
2. Anh Nguyễn Đông Nhật (bản hoàn chỉnh [đã đính chính])
3. Inrasara (bản hoàn chỉnh [đã đính chính] kèm theo phần ngoài sách [bài thơ về Quang Trung cùng các chú thích cho bài thơ ấy])
4. Võ Văn Luyến (bản hoàn chỉnh [đã đính chính] kèm theo phần ngoài sách [bài thơ về Quang Trung cùng các chú thích cho bài thơ ấy])
5. Lê Phước Sinh (bản hoàn chỉnh [đã đính chính] kèm theo phần ngoài sách [bài thơ về Quang Trung cùng các chú thích cho bài thơ ấy])
6. Chi nhánh Nxb. Thanh Niên (Nguyễn Công Bình)
7. Hai cuốn lưu (01 cuốn chưa đính chính & 01 cuốn đã đính chính [bản hoàn chỉnh đã đính chính kèm theo phần ngoài sách [bài thơ về Quang Trung cùng các chú thích cho bài thơ ấy]) (*).

TXA.

■8. GHI CHÚ THÊM Ở CUỐI SÁCH: ĐÃ GỬI & TẶNG BẢN IN VI TÍNH LẦN THỨ BA NÀY:

(*) Đã nộp bản thảo MHBS. (có phụ lục II, “Về vài trang đảo ngược sự thật lịch sử trong VNVQS.”; không có phần ngoài sách – bài thơ về Quang Trung) tại NXB. Văn Nghệ TP.HCM., ngày 15.02. 2005 (mùng 7 Tết Nguyên đán Ất Dậu) cùng với bản thảo Ngẫu hứng đọc thơ.

736 MÙA HÈ BÊN SÔNG

Bìa I:

(trang này sẽ được xoá tên tác giả & xoá số trang ở phần header and footer):



bản in vi tính
(có sửa chữa, bổ sung)
19.12.2003
(quý tư năm Quý mùi HB.3)

Phần ngoài sách

Tiểu thuyết
MÙA HÈ BÊN SÔNG

Bản in vi tính lần thứ ba
(có sửa chữa, bổ sung):
25.10 - 19.12.2003 [HB.3]

Trần Xuân An

Sáng tháng giêng
ở Gò Đống Đa

1
lặng mình trước tượng đài Quang Trung
gò Đống Đa dưới chân tôi!
Nắng tỏa
từ quần bút lưng trâu và chú bé Hồ Thơm (1)
trên đèo núi chập chùng
từ thanh gươm Nguyễn Huệ Tây Sơn
nghe sử thi thấp tim mình chói lóa

2
ông cha vào khai khẩn đất phương nam
mãi xót lòng nổi cồn cỗi Nghệ An
phải đổi họ lấy chút yên thân nơi xứ lạ
vua, và hai chúa hai Đàng
Đất nước nát tan
đánh dựng cờ đào trên rối bời tàn phá
với thanh gươm nghĩa cả

3
lần đầu tiên ra đây đến ngồi trên ghế đá
tôi ngẩng mặt trên bàn đá
đọc lời hịch hào hùng chói ngời dân dã
chạm lên tảng đá
sáng rọi nghìn sau
ngước nhìn tượng đài Ông cao vút trời sâu

Hoàng đế Phương Nam, áo vải,
da sạm nâu

rất mưu lược
sao hiền hòa chân thành quá
rất bản lĩnh
và ân tình đến lạ

7

lặng mình trước tượng đài Quang Trung
hiểu tuổi sống của thiên tài Tây Sơn
thấp sức sống nhân dân
sáng bừng vận nước
nhưng Ai tư vẫn muôn đời còn đau! (5)
đau đến muôn trùng!

8

tôi ngồi trên ghế đục ra từ núi đá
ngẩng mặt trên bàn đục ra từ núi đá
trên xác thù bạo ngược
gò Đống Đa
ngập nắng sáng, tháng giêng
lá xanh, xanh mướt
thầm hát câu thơ về người áo vải anh hùng
cảm khái dân tộc mình dựng lên tầm cao Tổ quốc
phải bằng sông máu núi xương
và gò xác giặc điên cuồng!
ôi, gò xác này chỉ là biểu trưng
một tầm cao, cao thẳm, không biết
lấy gì đo được!

9

đâu rồi đèn miếu, bát hương thờ trước
đã thắng giặc bằng cắm thù
và bằng cả bao dung!

hương khói
tỏa lên dẫm nét chữ chỉ đích danh:
lũ rối sắt máu, từ tim đen Cà Long
luôn chờ có xua quân cướp nước!
ôi lịch sử
nhân và nghĩa
cho vô cùng!

10
Quang Trung
người dựng mùa xuân
trên nổi tan hoang hai miền Tổ quốc
bằng muôn triệu kiếm cung
trở lên từ đồng Nam ruộng Bắc
bằng thanh gươm lóe thép Tây Sơn
bằng mùa mai thắm tươi ra Bắc
bằng mùa đào sáng bùng vào Nam
mùa xuân nối liền
vết thương sông Gianh
hai trăm năm
đau thắt Miền Trung

11
Hò Thơm: Nguyễn Huệ: Quang Trung!
từ Nghệ An cõi cần
ông cha vào phương nam khai hoang
cánh chim Phượng Hoàng
mơ về đậu đỉnh xanh núi Quyết
chỗ đòn gánh kê vai gánh trĩu mùa vàng
chín rạn và bầm huyết
phải chăng
Trung Đô (6)
chiến lược nối liền Nam - Bắc hai Đàng?
và phải chăng

lệch tình ruột thịt cố hương nên nghiêng đổ hết?

12

Quang Trung

chỉ là lực biến dịch

cho sông Gianh thôi gào thét?

để vận nước nổi liền bằng thanh gươm Gia Long

cựu thần Đàng Ngoài cuồng trung giấy chết

Nguyễn Du khóc Kiều đứt ruột đắng lòng

qua Đèo Ngang, buổi nắng tà uá rét

"quốc quốc gia gia" hoài Lê thê thiết

Bà huyện Thanh Quan

tự đọc tên khỏi gia phả nhà chồng? (7) (7b)

ngỡ mình là Hán tộc Hồng Tú Toàn,

Cao Bá Quát huà theo lũ châu chấu điên nông (8)

quyển thơ thiên tài máu bết!

Phê-rô Tạ Văn Phụng (9)

mạo danh con vua Đa-vít Viễn Đông

Kinh Thánh rao giảng ngược,

ngược ngôi sao Na-za-rét (10)

"đế quốc La Mã bên sông Hương!" - ngược lời,

lâu la hú hét -

máu chảy ngược sông Hồng!

ôi, Quang Trung! Quang Trung!

chỉ là lực biến dịch

cho sông Gianh thôi gào thét?

để Đàng Ngoài cứ mãi hoài Lê

với nổi cuồng trung!

13

từ Hà Nội mùa xuân

ngậm ngùi tưởng tiếc

ngồi trên gò Đống Đa

trên đỉnh cao chiến công Quang Trung

nắng hồng xanh non cỏ cây tháng Tết
 tôi ngược nhìn Quang Trung
 Quang Trung, Quang Trung, lực biến dịch
 loé chớp
 lành lặn vết thương sông Gianh
 nổi liền non sông nổi liền biển biếc
 trước thanh gươm vó ngựa Gia Long
 Đàng Ngoài phải chăng tự dựng mùa đông?
 mùa đông lan vào Đàng Trong
 trăm năm thực dân tàu đồng súng thép...
 Giê-su vô can, mười chín thế kỉ Người đã chết
 sao giáo đường sáng trưng
 thấp bằng máu mỡ Việt?
 Đàng Ngoài - Đàng Trong
 bỗng chung một nỗi lạnh tê rỉ rét...

14

từ Hà Nội mùa xuân
 ngậm ngùi tưởng tiếc
 Quang Trung, Quang Trung
 tôi chợt hiểu chút máu thái thú bao đời trong Ông
 mãi vỡ mạch muôn đời trên trang sử chép
 vết thương Bến Hải đã xa, xa lác, trập trùng
 tôi viết từ uẩn khúc Miền Nam,
 uẩn khúc thuyền nhân:
 "nội - nội phân tranh
 ngoại - ngoại phân tranh"
 lịch sử viết thẳng hay uốn cong?
 và sao vang ra tận đây
 - Hà Nội mùa xuân -
 những tiếng khóc ròn?
 vết thương Bến Hải
 thiếu vắng một Quang Trung?
 Quảng Trị quê hương

đau thương, hào hùng, quyết liệt
sao vang ra đây
câu hỏi nghẹn ngào róng riết
thiên tài Lê Duẩn là Quang Trung?
ý chí kiên cường Lê Duẩn là Gia Long? (11)
lịch sử đã lặp lại chăng?
lịch sử đã hoán vị hai Đảng?
đâu rồi bao tấm lòng đau niềm chung da diết
ai đó còn thao thức, khắc khoải, chờ mong
(ta chờ mong trái tim ta rất Việt!) ?
sông Gianh - Bến Hải, nắng nỏ, bão bùng
nỗi niềm đứt ruột Miền Trung
vết thương chưa thôi gào thét?

15
ra thăm Hà Nội, ngắm hoa đào mùa Tết
tôi mỉm cười, băng khuâng.

Hà Nội, 05.03.1997
Tp. HCM., 20.03.1997 & 02.2004
TRẦN XUÂN AN

■9. CƯỚI CHÚ của PHẦN NGOÀI SÁCH: bài thơ SÁNG THÁNG GIÊNG Ở GÓ ĐÔNG ĐÀ:

(1) Nguyễn Huệ có tên thật là Hồ Thơm, vốn là hậu duệ của dòng họ Hồ Quý Ly (họ Hồ huyện Quỳnh Lưu, Nghệ An; về sau chuyển ra Thanh Hoá...). Hồ Quý Ly lại là hậu duệ của thái thú Hồ Hưng Dật, người thiếu số (?) Trung Hoa, sang cai trị nước ta thời Bắc thuộc. Mặc dù có gốc gác rất xa đời là người thiếu số (?) Phương Bắc (Trung Hoa), nhưng thực chất huyết thống dòng họ Hồ Thơm (Nguyễn Huệ, chi nhánh ở huyện Hưng Nguyên, Nghệ An) đã pha trộn qua mấy chục đời để trở thành huyết thống Việt. Dầu vậy, vẫn có một bộ phận nhân dân không ủng hộ Quang Trung Nguyễn Huệ vì lẽ đó.

Có tư liệu cho rằng: Tổ tiên dăm ba đời trước của Hồ Thơm (Nguyễn Huệ) là lính thuộc quân binh họ Trịnh Đàng Ngoài. Trong một đợt giao chiến với quân Đàng Trong, người lính ấy bị bắt sống, và may thay, được chúa Nguyễn cho đưa vào Bình Định khai hoang lập ấp, rồi được phép định cư hẳn ở đấy. Từ đó, đất Tây Sơn tỉnh Bình Định có một nhánh họ Hồ vốn thuộc huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An sinh sôi nảy nở, nhưng lại đổi sang họ Nguyễn. Tư liệu này cần được khảo chứng thêm.

(2) Nhánh lá trong ngày lễ Phục sinh (theo sự tích lịch sử - Kinh Thánh: nhân dân Do Thái tung hô Chúa Giê-su [Jésus], hậu duệ vua Đa-vít [David]).

(3) Attila (người Hung Nô [Les Huns, Mông Cổ], 406? - 453): một danh tướng có tầm vóc thể giới, xét về mặt thiên tài quân sự. Các cố đạo Thiên Chúa giáo vừa khâm phục, vừa lo sợ trước thiên tài quân sự của Quang Trung; họ so sánh Attila với Quang Trung trong những bức thư gửi về Pháp, Tây Ban Nha...

(4) Tất nhiên vẫn có rất nhiều cựu thần vua Lê, chúa Trịnh chống đối: Phạm Thái (tác giả Sơ kính tân trang), Nguyễn Công Tấn (thân sinh Nguyễn Công Trứ)...

(5) Ai tư vãn, một bài thơ dài của Lê Ngọc Hân (công chúa nhà Lê), vợ Quang Trung, khóc thương vị vua này khi ông băng hà.

(6) Nguyễn Huệ lên ngôi hoàng đế tại Huế (lấy hiệu là Quang Trung), nhưng về sau lại có kế hoạch dời đô về nguyên quán Nghệ An. Địa điểm xây dựng kinh đô là vùng đất dưới chân núi Quyết, bên bờ sông Lam. Tên kinh đô là Phượng Hoàng Trung Đô. Tuy nhiên, kế hoạch bất thành.

(7) Xin xem chú thích (7 b).

(7b) Xin đừng hiểu Bà huyện Thanh Quan đồng cảm với những người Chăm (“chợ” mấy nhà”), khi dừng bước ở Đèo Ngang, vốn là biên giới Đại Việt – Chăm-pa thuở nào. Cũng đừng đầy xa ý tưởng đó, rồi cho rằng, người Đàng Ngoài với người Chăm có chung một kẻ thù là các chúa Nguyễn, vua Nguyễn, khi cảm nhận hai câu luận và hai câu kết của bài “Qua Đèo Ngang”:

Nhớ nước, đau lòng con quốc quốc
Thương nhà, mỗi miệng cái gia gia
Dừng chân đứng lại: trời, non, nước
Một mảnh tình riêng, ta với ta

Đặc biệt là câu thơ “một mảnh tình riêng, ta với ta”! Ấy chỉ là cảm xúc khi chỉ còn mình đối diện với chính mình trong nỗi cô đơn. Cũng đừng đẩy xa hơn nữa ý tưởng đó, để kết luận Bà huyện Thanh Quan vốn có gốc gác là Chăm, tuy không ít người Đàng Ngoài đích thực là người Việt gốc Chăm (người Chăm phải ra Đàng Ngoài nhập cư, từ thời Lý đến thời Nguyễn*).

[* Có bao giờ họ muốn trở về Panduranga cũ
– Ninh Thuận, Bình Thuận ngày nay – ?].

Tôi nghĩ thi sĩ đài các, trang trọng rất mực trong ngôn từ thơ ca này có thể bị ám ảnh về biên giới lịch sử bởi câu sấm kí của Trạng Trình: “Hoành Sơn nhất đái vạn đại dung thân” (Đèo Ngang một dải vạn đời dung thân), khi chúa Nguyễn Hoàng đến xin gặp Trạng Trình để tham khảo ý kiến. Mặc dù trong thực tế, sông Gianh mới là biên giới Đàng Trong – Đàng Ngoài, nhưng trong tâm thức người Đàng Ngoài, Hoành Sơn (Đèo Ngang) mới là biên giới có tính lịch sử.

Phải liên hệ với các bài thơ khác của Bà huyện Thanh Quan, nhất là “Thăng Long thành hoài cổ”, khi cảm thụ “Qua Đèo Ngang”.

(8) Phong trào Thái Bình thiên quốc (bài Thanh phù Hán) ở Trung Hoa do Hồng Tú Toàn lãnh đạo; về sau biến tướng thành giặc Cờ, quấy nhiễu các tỉnh biên giới nước ta để chiếm cứ đất, xưng hùng xưng bá.

(9) Tạ Văn Phụng là một giáo dân, có tên thánh là Pierre (Phê-rô). Tuân theo lời các cố đạo, các tên thực dân Pháp, Tây Ban Nha, y mạo danh là hậu duệ vua Lê, với cái tên Lê Duy Phụng hoặc Lê Bảo Phụng. Pierre Tạ Văn Phụng gây nên một cuộc nổi loạn phản quốc, kéo dài nhiều năm, tạo thêm sức ép ở phía Bắc Kì, để triều đình Huế phải kí nhượng ước Nhâm Tuất 1862, và mưu toan lập “xứ Bắc Kì thuộc Pháp” “bảo hộ”. Sau khi đạt mục tiêu, thực dân, cố đạo Pháp và Tây Ban Nha liền bỏ rơi Pierre Tạ Văn Phụng!

(10) Nazaret, quê hương của Chúa Jésus. Theo Kinh Thánh, lúc Đức mẹ Maria sinh ra Chúa Jésus, trên trời có xuất hiện một ngôi sao lạ. Ngôi sao này dẫn đường cho ba vị vua Trung Đông đến châu.

(11) Không phải chỉ khi đề cập đến Gia Long (Nguyễn Ánh), mới cần nhận thức theo quan điểm lịch sử - cụ thể, nhưng không thể không nhấn mạnh như thế khi cần làm sáng tỏ, thoả đáng thêm về vấn đề này.

Chủ quyền Đất nước dưới chế độ quân chủ cũng là một hình thức quan hệ sở hữu phong kiến (Đất nước và thần dân là tài sản và tột tở của hoàng tộc cầm quyền, nối đời thừa kế). Do đó, Nguyễn Ánh (Gia Long) đánh đổ triều Tây Sơn (ba anh em Nguyễn Huệ và Nguyễn Quang Toản) là để giành lại cái gọi là quyền sở hữu Đất nước Đàng Trong và thần dân của dòng họ mình, và thừa kế luôn cả Đàng Ngoài mà dòng họ ông ta có công trung hưng (vai trò công thần của Nguyễn Kim). Chủ quyền Đất nước và nhân dân được xác lập theo quan hệ sở hữu phong kiến về tài sản và nô bộc là một quan niệm phản động, cực kì phản động, nếu đứng ở giác độ dân chủ để phê phán. Tuy nhiên, ở cuối thế kỉ XVIII đầu thế kỉ XIX, Nguyễn Ánh vẫn chính nghĩa theo quan niệm phong kiến! Và cũng cần khẳng định rõ: mối quan hệ giữa Nguyễn Ánh và cố đạo thực dân Pigneau de Béhaine (Bá Đa Lộc) chỉ là quan hệ lợi dụng lẫn nhau mà thôi! Sau khi nắm được ngai vàng hoàng đế, chính Gia Long (Nguyễn Ánh) đã hạn chế sự bành trướng Thiên Chúa giáo! Như thế, trên cơ sở đó, có thể có một nhận định: Quang Trung (Nguyễn Huệ) đáp ứng được yêu cầu bức thiết của lịch sử là phải thống nhất Đàng Trong - Đàng Ngoài (mặc dù công lao ấy phần nào còn bị hạn chế do tình trạng tam phân giữa ba anh em Tây Sơn). Tuy nhiên, Gia Long (Nguyễn Ánh) không phải không chính nghĩa, xét theo quan hệ sở hữu phong kiến về vương quốc, thần dân; và Gia Long còn kế thừa cả sự nghiệp thống nhất Đàng Trong - Đàng Ngoài của Quang Trung một cách tốt đẹp. Đó không phải là một nhận định "ba phải", mà xét trên cơ sở sự thật lịch sử và xét theo quan điểm cụ thể - lịch sử tiên tiến, khoa học nhất của chúng ta, trong thời đại dân chủ hiện nay. Mặc dù đối với chúng ta hiện nay, chế độ phong kiến nói chung (chứ không phải chỉ riêng triều Nguyễn) vốn đã trở nên quá lạc hậu, cực kì phản động, "một đi, không bao giờ trở lại", nhưng cũng phải công bằng, thỏa đáng trong việc nhận định lịch sử.

Nói một cách giản dị, Nguyễn Ánh không dễ dàng gì để mất vào tay Tây Sơn sự nghiệp suốt hai trăm năm của dòng họ ông ta. Đó là sự nghiệp chín chủa Nguyễn đã lãnh đạo nhân dân Đàng Trong khai phá đất phương nam, từ Phú Yên đến Cà Mau!

Cũng nói một cách giản dị, nếu lấy tiêu chí dân chủ hiện nay, nhất là dân chủ xã hội chủ nghĩa trên lĩnh vực sở hữu ruộng đất

(sở hữu toàn dân hay còn gọi là công hữu), để nhận định về chế độ phong kiến quân chủ ... rồi trách cứ, thì chẳng khác nào trách cứ sao Nguyễn Du không sáng tác Truyện Kiều trên máy vi tính và phát hành trên mạng VnExpress hoặc Cinet! Nhưng có người sẽ vặn lại tôi: Đâu rồi quan điểm so sánh đồng đại? Từ năm 1848, giữa thế kỉ XIX, Karl Marx và Fridrich Engels đã xuất bản Tuyên ngôn Đảng Cộng sản kia mà! Tôi chỉ biết bảo người ấy nhìn ra thế giới ngay vào thời điểm này: Hiện còn bao nhiêu nước theo chính thể quân chủ lập hiến (lập hiến nhưng vẫn còn vua chúa!)? Còn năm 1848, cách thời điểm Gia Long lên ngôi (1802) đến bốn mươi sáu (46) năm! Nếu chọn thời điểm so sánh tương đồng, phải là 1789, năm cách mạng tư sản Pháp nổ ra và cũng là năm Quang Trung đánh tan hai mươi vạn quân Thanh, triều đại vua Lê - chúa Trịnh hoàn toàn tiêu tan; và lúc đó, Nguyễn Ánh vẫn còn trường kì chiến đấu khôi phục. Nhưng cách mạng tư sản Pháp tồn tại không bao lâu; rồi chính giai cấp phong kiến Pháp cũng xé toạc Tuyên ngôn Nhân quyền, Dân quyền 1789 * để phục hồi đế chế quân chủ! Vả lại, nên hiểu giới hạn tầm nhìn thời bấy giờ, cuối thế kỉ XVIII đến đầu thế kỉ XIX, trong điều kiện chung là thông tin liên lạc còn hạn chế. Do đó, giới hạn tầm nhìn thời bấy giờ là chỉ trong phạm vi khu vực Đông Nam Á và rộng hơn, là phạm vi châu Á... Hơn nữa, tầm nhìn còn bị quy định bởi bao nhiêu điều khác, nhất là nền tảng dân trí toàn xã hội! Hiểu như thế, mới thật là lịch sử - cụ thể. Không nên kéo lùi lịch sử hiện tại vào sự lạc hậu (tụt hậu), cũng không nên cưỡng bức lịch sử quá khứ phải thật dân chủ xã hội chủ nghĩa về quyền sở hữu Đất nước, tức là quyền làm chủ Đất nước (đúng nghĩa là dân chủ đích thực, chứ không phải trò lừa từ ngữ *)

[* Đây không phải chỗ để đề cập đến các quyền dân chủ cụ thể khác, về chính trị, xã hội, văn hoá...].

Ngoài ra, tưởng cũng cần nhắc lại một nhận định xác đáng và công bằng của nhiều nhà nghiên cứu sử học về Gia Long Nguyễn Ánh: Ông là một con người có nghị lực mạnh mẽ, vị vua sáng nghiệp từ hai bàn tay đã trắng (có khi quân lính không còn một đội, lương thực không có để dùng). Ông chỉ có một điều kiện

thuận lợi, ấy là lòng trung thành của nhân dân Đảng Trong đối với các chúa Nguyễn tiền bối.

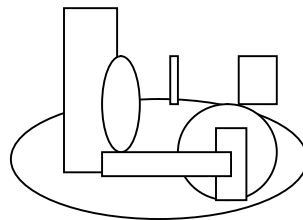
Ở chú thích này, tôi chỉ nhấn mạnh đến nghị lực mạnh mẽ hay còn gọi là đức tính kiên cường của Nguyễn Ánh, nhất là sự nghiệp thống nhất Tổ quốc, từ Nam Quan đến Cà Mau. Và khi so sánh tổng bí thư Lê Duẩn với Quang Trung, Gia Long ở ba khía cạnh đó, tôi hiểu "so sánh nào cũng có sự khập khiễng".

04.HB3
& 26.02.HB4
(07.02 G. thân HB4).

TXA.

Có cộng thêm 14 trang phần ngoài sách (bài thơ về Quang Trung và các chú thích), từ tr. ... đến tr. ...

28.02.2004



CƯỚC CHÚ (FOOTNOTE)
CỦA TIỂU THUYẾT
MÙA HÈ BÊN SÔNG

CÁC CƯỚC CHÚ NÀY, SẼ ĐƯỢC CĂN CỨ VÀO BẢN GỐC ĐÃ IN TRÊN GIẤY (còn lưu trong file theo font VNI-Centur, hệ VNI-Windows) ĐỂ CHÍNH SỬA VÀ ĐIỀN VÀO Đ'NG VỊ TRÍ VỐN CÓ CỦA CHÚNG.

0. CƯỚC CHÚ bài LỜI THƯA TRƯỚC KHI VÀO TRUYỆN:

(*) Lấy cái không thể thay đổi để ứng phó với vạn sự chuyển biến, đổi thay.

(**) Nước Nga sa hoàng (trước Cách mạng Tháng mười Nga 1917, thuộc cánh thực dân xâm lược) đứng ra điều đình để chấm dứt cuộc chiến tranh Pháp - Hoa (1883 - 1885), và hai nước ấy tiến tới kí hiệp ước Thiên Tân (11.05.1884, 04.04.1885. 09.06.1885), khiến thế trận "toạ sơn quan sông hồ đầu" của triều đình Huế (do Nguyễn Văn Tường - Tôn Thất Thuyết chủ trương tác động) bị phá vỡ. (Trong sự kiện này, còn có vai trò một người Đức tên Đê-tring [Détring]). Xem: Quốc sử quán triều Nguyễn, Đại Nam thực lục, chính biên, tập 36, bản dịch Tổ Phiên dịch Viện Sử học, Nxb. KHXH., 1976, tr. 174.

1. CƯỚC CHÚ chương I:

(1) Xem phần chú thích cuối sách; mục từ số: II.1.

(2) Tên riêng, từ ngữ tiếng nước ngoài, xin xem chú thích I cuối sách.

2. CƯỚC CHÚ chương II:

(3) Cảnh sát chìm của ngụy. Sở dĩ người ta gọi thế, là bởi tính chất phi nghĩa, tay sai của chế độ Diệm - Thiệu.

3. CƯỚC CHÚ chương III:

(4) Về họ của người Việt Nam, trong thời bị bọn phong kiến Trung Hoa đô hộ, dưới chính sách đồng hoá của chúng, phần lớn đã

được viết theo chữ Hán với âm tương tự, do đó đã bị lệch với âm thuần Việt, hầu như đồng nhất với họ của người Hán, và một phần khác, bọn phong kiến Trung Hoa cải hán họ người Việt nguyên gốc thành họ người Hán, nhằm mục đích xoá bỏ cội nguồn của người Việt Nam chúng ta. Theo một số tư liệu, người Hán cũng có họ Bùi.

(5) Sáu tỉnh Bắc Trung Bộ: Thanh Hoá, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên.

(6) Xem: Nguyễn Văn Khang (chủ biên), Bùi Chỉ, Hoàng Văn Hành (biên soạn), Từ điển Mường - Việt, Viện Ngôn ngữ học và Nxb. Văn hoá dân tộc xuất bản, 2002.

(7) Bằng tú tài có hai phần, cuối lớp 11 (trước 1968, gọi là đệ nhị) thi phần 1 (tú đơn), cuối lớp 12 (đệ nhất) thi phần 2 (tú kép).

(8) Tính theo học vị đạt được dưới chế độ Diệm, sau nhiều năm tháng chiến tranh, truyền thống học hành của làng bị gián đoạn.

(9) Để phản ánh trung thực lịch sử, ở đây, tác giả sử dụng thủ pháp tự nhiên chủ nghĩa (khái niệm mở rộng), "ghi lại" đúng quan điểm, nhận thức của nhân vật Nông. Những câu kể tiếp, tác giả đã chỉ rõ nguồn gốc của thứ quan điểm, nhận thức đó, đồng thời đã phê phán. Xin chú thích rõ.

(10) Ở đây, để phản ánh trung thực lịch sử, tác giả "ghi lại" cách suy nghĩ, nhận thức thời thế theo quan điểm riêng của nhân vật. Nhân vật nhà sư này, thường được xếp vào loại lực lượng thứ ba (danh từ báo chí trước 1975), chống Thiên Chúa giáo, Tây Ban Nha, Pháp, Nhật, Mỹ - ngụy, nhưng không thuộc khuynh hướng cộng sản.

(11) Sư Tâm Tự cũng thuộc lực lượng thứ ba, nhưng có khuynh hướng thiên tả hoặc còn gọi là thân cộng, tư tưởng gần gũi với khối cộng sản (danh từ báo chí trước 1975).

4. CƯỚC CHÚ chương IV: không có cước chú.

5. CƯỚC CHÚ chương V:

(12) Vẫn theo cách vận dụng thủ pháp "chép nguyên xi cuộc sống", tác giả đưa các chi tiết đúng với sự thật lịch sử vào hình tượng hư cấu hoàn toàn, có tên là Nộp này (lão Nộp là hình tượng điển hình cho một phân số nhỏ trong xã hội, loại người đáng

thương hơn là đáng giận, thời nào cũng có). Sở dĩ cần phải chân thật trong việc phản ánh hiện thực đến mức ấy là bởi tác giả muốn được trình bày lại một vài nét về những nguyên nhân khiến nửa sau cuộc chiến tranh (với các mốc thời điểm 1858 - 1885 - 1930 - 1945 - 1954 - 1975 - 1989) kéo dài đến kinh hoàng như vậy. Đó là những nguyên nhân lịch sử mà tác giả đã cẩn trọng, trung thực điều tra, thu thập tư liệu và nghiên cứu. Kính mong một số độc giả kính mến không lấy thế làm điều đáng bức xúc và quan trọng nhất là đừng ngộ nhận về tác giả. Xin vui lòng, nhẫn nại xem tiếp cuốn tiểu thuyết này, đặc biệt là các chú thích ở chương XIII, cho đến những trang lời bạt "Ý nghĩ khi đọc lại tiểu thuyết của mình, MÙA HÈ BÊN SÔNG: ..." ở cuối sách...

(13) 1) Đức quốc xã và kẻ sĩ...

trán ngời chất ngọc
ngạt dưới bùn rong
đen nghìn bao lốc
quăng quật chút lòng.

2) Gơ-ben (Goebels)

ba găm bảy phét
không tin không im
triệu rĩ tỉ hết
đầu rủ mắt dim.

6. CƯỚC CHÚ chương VI:

(14) Đại Nam thực lục, chính biên, tập 36, Nxb. Khoa học xã hội, 1976, tr. 221, 230, 225 - 226; & tập 37, sđd., 1977, tr. 35: ghi nhận rõ Nguyễn Văn Tường mặc dù phải vâng lệnh dụ của bà Từ Dũ ở lại Huế, để qua trung gian là giám mục Caspar (Lộc), thương lượng với tướng giặc De Courcy, nhằm hạn chế bớt sự tổn thất nhân mạng, tài sản ở kinh thành Huế, đồng thời để đánh lạc hướng giặc Pháp, ngăn cản chúng truy kích đoàn ngự giá đang trên đường chạy ra Tân Sở (Cam Lộ, Quảng Trị), và thực sự ông cùng vua Hàm Nghi, Tôn Thất Thuyết vẫn thường xuyên liên lạc với nhau, theo phương thức "kẻ ở, người đi", đánh kết hợp với đàm. Cuối cùng, vào khoảng cuối tháng 9.1885 (tháng 8 Ất Dậu), Nguyễn Văn Tường cùng Tôn Thất Thuyết, Trương Văn Đễ, Trần

Xuân Soạn bị thực dân Pháp và ngụy triều Đồng Khánh kết án "đều là bè lũ làm loạn".

Xem thêm: Trần Xuân An, "Nguyễn Văn Tường, 'những người trung nghĩa từ xưa tưởng không hơn được' ", khảo luận và phê bình một vài khía cạnh sử học, bản vi tính, 2000 - 2002, sắp chính thức xuất bản. Trong cuốn sách này, tôi đã có nhiều tư liệu và lập luận để phản bác những cách nhận định bất công, đầy xuyên tạc về ông, hiện nay vẫn còn rơi rớt ở trang sách này, bài báo nọ.

(15) Hãn Mai Lão Bạng cũng như các linh mục, giám mục Pháp như Puginier, Von Camelbeck, Gauthier, Henry Pirey, Aldophe Delvaux, đều rất căm hận Nguyễn Văn Tường, Tôn Thất Thụyết.

Cũng cần ghi nhớ, chính Bác Hồ đã từng phê phán Phan Bội Châu: "Đuổi cạp cửa trước, rước hổ cửa sau", và ngay cả Tôn Trung Sơn cũng ngầm phê phán cụ Phan khi cụ đồng tình với việc xuyên tạc sử kí để tuyên truyền cho chủ nghĩa quân chủ lập hiến (bảo hoàng, phủ Nguyễn [Cường Đệ]), thân Nhật!

(16) Quả thật là do Lương Khải Siêu viết theo lời kể hoặc phác thảo của Phan Bội Châu, và hãn họ Lương đã thay đổi, xuyên tạc không ít. Khi đăng báo, có đề từ rất rõ: "Kí An Nam vong nhân ngôn" (Ghi chép lời người An Nam mất nước).

(17) Nhận định và thái độ của tác giả tiểu thuyết này về nhà yêu nước Phan Bội Châu với một, hai trang trong Việt Nam vong quốc sử, đã thể hiện ở khúc thơ thứ 15 của bài Cảm nhận bên dòng sông, đặc biệt là ở cuốn khảo luận "Nguyễn Văn Tường, những người trung nghĩa từ xưa tưởng không hơn được", bản vi tính, 2002 (đã tự nhuận sắc vào năm 2003), sắp chính thức xuất bản. Nói chung, mặc dù cụ Phan Bội Châu (thật ra là Lương Khải Siêu) có lệch lạc một cách cố ý (vấn mục đích, bắt vấn thủ đoạn), tôi vẫn xem đó là một khuyết điểm đáng trách của một nhà yêu nước, một tác gia lớn, và rất lấy làm tiếc cho cụ Phan. Xin được thưa rõ như vậy.

7. CƯỚC CHÚ chương VII:

(18) Nguyễn Công Trứ (1778 - 1859), người Hà Tĩnh, quê quán rất gần với quê quán Nguyễn Du (1766 - 1820), chỉ chênh lệch nhau 12 tuổi, nhưng hai ông đối lập nhau hoàn toàn về tính cách, tư tưởng chính trị - xã hội lẫn quan niệm sống và xây dựng sự

nghiệp. Nguyễn Công Trứ là con trai Nguyễn Công Tấn, tri phủ dưới thời vua Lê chúa Trịnh. Thân sinh Nguyễn Công Trứ từng dấy binh, nổi dậy chống Tây Sơn - Nguyễn Huệ, nhưng thất bại. Bản thân Nguyễn Công Trứ đã từng dâng Thái bình thập sách (mười sách lược xây dựng nền thái bình thịnh trị) khi vua Minh Mạng tuần du ra Bắc. Năm 1819, ông thi đỗ giải nguyên, ra làm quan, trải qua hai triều Minh Mạng, Thiệu Trị. Suốt đời ông luôn tận tụy với công việc được triều đình nhà Nguyễn giao phó, cho dù có lúc thăng (hữu tham tri Bộ Hình), lúc giáng (cách tuột chức, làm lính thú), và giáng rồi lại thăng. Ông được nhân dân lập đền thờ khi còn sống. Một câu nói rất nổi tiếng của ông: "Lúc làm quan, ta không lấy làm vinh, nên khi làm lính, ta không lấy làm nhục".

Ở đây, chỉ là sở thích cá nhân về thường thức của nhân vật Nông, không liên quan đến chế độ Mỹ - ngụy. Cũng giống như trong thời kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ hào hùng, lại có rất nhiều người thích Truyện Kiều, Chinh phụ ngâm và nhiều tác phẩm có âm điệu đau thương, bi thiết khác. Xin phân biệt sự khác biệt về sở thích thường thức (thị hiếu thường ngoạn) của mỗi cá nhân với khí hậu thời đại, cảm hứng thời đại trong sáng tác. Tôi không nói đến mảng văn chương thực hiện nhiệm vụ tuyên truyền chính trị mà dưới chế độ phong kiến hầu như rất ít, chủ yếu vì không có phương tiện truyền thông đại chúng như báo chí, phát thanh, truyền hình.

(Xin xem tiếp chú thích II.23).

8. CƯỚC CHÚ chương VIII:

(*) Đây là một chú thích sai tính hệ thống. Sở dĩ như vậy là bởi tác giả tiểu thuyết (TXA.) tự ý dịch nhan đề của cuốn sách tiếng Anh này sang tiếng Việt (gần sát nghĩa, nhưng đúng với tinh thần nội dung của cuốn sách) để nhân vật Hành khởi lược thuật. Dịch như thế, khác với nhan đề bản dịch của dịch giả Nguyễn Tấn Cư (cũng đúng là trong cuộc chiến tranh giữa Việt Nam với bá quyền bành trướng Trung Quốc - Khe-me Đỏ diệt chủng, 1975 - 1989, chân lí và chính nghĩa thuộc về Việt Nam). Sở dĩ như vậy cũng bởi lẽ khác, tác giả tiểu thuyết mới tìm lại được bản sách dịch này

để xem lại trong dịp sửa chữa, bổ sung lần thứ ba (quý tư 2003). Xin vui lòng xem chú thích III, mục II, tiểu mục 3. Kính cáo lỗi.

- 9. CƯỚC CHÚ chương IX: không có cước chú.
- 10. CƯỚC CHÚ chương X: không có cước chú.
- 11. CƯỚC CHÚ chương XI: không có cước chú.
- 12. CƯỚC CHÚ chương XII: không có cước chú.

13. CƯỚC CHÚ chương XIII:

a. cước chú của bài bút kí "Một chút tự bạch: Giữa vòng tay Tam Kỳ và bè bạn" (bút kí, viết tắt là bk):

(Ibk) Trần Xuân Kiêm dịch, Quế Sơn - Võ Tánh xb., Sài Gòn, 1971.

(IIbk) Vượt qua hoàn cảnh bi kịch bằng óc phân tích và thái độ dũng cảm.

(IIIbk) Nhất Hạnh, Đạo Phật đi vào cuộc đời, Lá Bối xb., Sài Gòn, 1966.

(IVbk) Xin xem cuối bút kí này.

(Vbk) "Không có thì đánh cho có, có thì đánh cho chừa" ("khẩu hiệu" nhà tù Mỹ - ngục).

(VIbk) Vận dụng một nhận định văn chương.

(VIIbk) Xin xem cuối bút kí này.

(VIIIbk) Bài "Hồ trường" của Nguyễn Bá Trác (1881 - 1945). Đó là một kẻ sĩ đã từng tham gia phong trào Duy Tân, Đông Du, sang Nhật. Đang học tập dở dang, ông phải về Trung Quốc khi Nhật đã câu kết với Pháp, trục xuất du học sinh Việt Nam. Sau đó, Nguyễn Bá Trác đành sống trong tâm trạng u uất, bi phẫn, bế tắc, và rồi y lại phẫn bội, làm tay sai, ngụy quan cho giặc Pháp. Cuối cùng, y phải đền tội. Cũng như Phạm Quỳnh, y bị chính quyền Việt Minh xử bắn. Dấu sao, bài thơ trên cũng đã thể hiện hết tâm trạng của những người thuộc trường hợp như Nguyễn Bá Trác, trong giai đoạn cực kì bế tắc hồi đầu thế kỉ.

Tuy nhiên, một tác phẩm văn chương thông thường được cảm thụ theo tâm trạng của người đọc hơn là vì nhớ đến tác giả.

Đó là điều tôi muốn nhấn mạnh, trước khi xin được nhấn mạnh thêm điều cốt yếu sau đây: Trong những năm bảy mươi của thế kỉ trước (XX) ở Miền Nam, bài "Hồ trường" khá thịnh hành bởi tâm

trạng bế tắc của vài thế hệ (từ tuổi thanh niên đến tuổi lão niên), và bởi dù muốn dù không, họ cũng đành phải "thoả hiệp" với chế độ Mỹ - nguy và "tả đạo".
Có tư liệu cho rằng Nguyễn Bá Trác chỉ là dịch giả của bài thơ trên.

(19) Một tên khác của Đảng Lao động Việt Nam, tức là Đảng Cộng sản Việt Nam hiện nay.

b. cước chú bài "Một ý nhỏ về một truyền thống lớn và một nhân vật lịch sử lớn" (bàn thờ gia tiên, viết tắt là gt):

(agt) Đối chiếu niên đại, thấy rõ Các Mác (Karl Marx, 1818 - 1883) không thể không biết quá trình thực dân Pháp, Tây Ban Nha và "tả đạo" xâm lược nước ta. Hai nước thực dân Anh, Đức là hai nơi Các Mác sinh trưởng, cư trú, hoạt động hầu hết cuộc đời. Thực dân Anh, Đức ít nhiều cũng trực tiếp dính líu vào quá trình xâm lược ấy. Đó là giai đoạn dân tộc ta cùng triều Nguyễn phải kháng chiến, đương đầu, bằng sách lược chiến - hoà - thủ - chiến (1858 - 1885)! Cho đến nay, tôi chưa được đọc một dòng chữ nào của Mác bênh vực, ủng hộ nước ta thuở đó!

(bgt) Trích nguyên văn: Phan Ngọc, Bản sắc văn hoá Việt Nam, Nxb. Văn hoá - Thông tin, 1998, tr. 465 và tr. 477.

(c.1gt) Xem thêm: Trần Xuân An, Sen đỏ, bài thơ hoà bình, tiểu thuyết, Nxb. Thanh Niên, 2003.

(*) Chú thích viết tay của Đặng Văn Hồ cuối một bài viết (đánh máy chữ) của ông, bản pho-to-co-py: Dẫn theo Lê Mậu Hãn, Hồ Chí Minh với ngọn cờ độc lập, dân tộc trong cương lĩnh đầu tiên của Đảng; dẫn lại trong Chủ tịch Hồ Chí Minh - Người chiến sĩ kiên cường trong phong trào giải phóng dân tộc, phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, Nxb. Thông tin - lí luận, Hà Nội, 1990, tr. 355.

(**) Chú thích của Đặng Văn Hồ trong bài viết trên: Dẫn theo GS. Đinh Xuân Lâm, Một bức thư của Nguyễn Ái Quốc năm 1938, Tạp chí Lịch sử Đảng, số tháng 3.1992, tr. (?).

(c.2gt) Xin xem chương cuối tiểu thuyết.

(dgt) Xem: Nguyễn Đắc Hiền (chủ biên), Nguyễn Hữu Hiếu, Ngô Bé (biên soạn), Cụ phó bảng Nguyễn Sinh Sắc, Khu Di tích

Nguyễn Sinh Sắc và Sở Văn hoá - Thông tin Đồng Tháp xuất bản, 1990.

(egt) Vào năm 1979 hoặc 1980, trên báo Nhân Dân, cơ quan ngôn luận của Đảng Cộng sản Việt Nam, Đảng đã công bố bị vong lục về mối quan hệ Việt - Trung, tố cáo tham vọng bành trướng, bá quyền của tập đoàn lãnh đạo Trung Nam Hải (Bắc Kinh). Bị vong lục là sách (lục) làm đầy đủ (bi) lại những điều bỏ quên (vong), thường được gọi là sách trắng với nghĩa là nói trắng ra một cách minh bạch những chuyện tạm thời bị khuất lấp, bỏ quên trong quá khứ.

c. cước chú ba bài thơ của Trần Nguyễn Phan (Trần Xuân An) (thơ, để nguyên là thơ):

(1thơ) Các Mác (Karl Marx); (2thơ) Nguyễn Diệp; (3thơ) và Nguyễn Đình Thi, Kh-rap-chen-cô.

Đối với triều Nguyễn, một triều đại tiến bộ hơn triều đại vua Lê chúa Trịnh thối nát, ươn hèn, mất tính chính thống, thì qua một phần nào đó thể hiện ở thơ ca Nguyễn Du, qua biểu hiện rõ rệt nhất là ở hành trạng Phạm Thái, Cao Bá Quát, phải chăng cũng như lời nhận định của Các Mác về La-mác-tin (Lamartine), họ đúng là những "kẻ phản động có lời thơ tao nhã"? Xin xem các chú thích (18), (34), (35), (36).

(4thơ) Bành trướng, bá quyền Trung Quốc.

Liên Xô (hoặc mối quan hệ đoàn kết với Liên Xô) thường được gọi là hòn đá tảng (có nghĩa là cơ bản). Các nước thuộc Liên Xô cũ đã tuyên bố độc lập.

(5thơ) mỗi người tự sinh nở chính mình, như đích thực con người.

Một khi đã trưởng thành thật sự, mỗi con người phải thật sự độc lập, tự do về tư tưởng, không phụ thuộc tư tưởng của bố mẹ hoặc bất kì ai... Hai chữ "mô cô" xin được hiểu một cách tu từ.

(6thơ) Tập thơ Lặng lẽ ở phố được xuất bản với tên thật của tác giả: Trần Xuân An.

42 Ở đây có một chú thích cuối sách, sđd., của Nxb. Sự Thật, Hà Nội, mang kí hiệu 42. Để ngắn gọn bớt, tôi mạn phép Nxb. không trích lại nguyên văn. Tôi chỉ xin nói thêm: Khác với mọi cuộc thập

tự chinh ở các thế kỉ XI - XIII tại Trung Đông, những đoàn quân xâm lược giương cao lá cờ thập tự Thiên Chúa, ở giai đoạn thuộc các thế kỉ XVI - XIX, tại các nước Á, Phi, Mỹ la tinh và riêng ở Việt Nam, thực dân viễn chinh không cần ngụy trang thành giáo sĩ (tuy ít nhiều cũng có), giáo sĩ không cần ngụy trang thành thực dân viễn chinh, mà trắng trợn hơn nhiều. Nét khác hẳn nữa, ấy là giáo sĩ cùng thương nhân đi truyền đạo, buôn bán để thăm dò, tạo nội phản trước.

d.cuớc chú của bài tiểu luận "Độc lại "Tuyên ngôn Đảng Cộng sản" (1847 - 1848) của Mác và Ăng-ghen (K. Marx & F. Engels)" (Tuyên ngôn Đảng Cộng sản, viết tắt là Tng):

(1Tng) Từ điển triết học, bản tiếng Việt, Nxb. Tiến Bộ, Mát-x-cơ-va (1975), liên kết với Nxb. Sự Thật, Hà Nội, 1986, tr. 205.

1* Chú thích trong bản sách, sđd., Nxb. Sự Thật, Hà Nội, mang kí hiệu 1*: Bản tiếng Anh năm 1888 dịch: "tự xây dựng thành giai cấp thống trị trong dân tộc".

46 Chú thích của Nxb. Sự Thật, Hà Nội, mang kí hiệu 46: Luận điểm này đúng trong thời đại Mác và Ăng-ghen sống. Trong điều kiện lịch sử mới, trong thời đại đế quốc chủ nghĩa, V.I. Lê-nin đã tìm ra quy luật phát triển không đều của các nước tư bản; và, xuất phát từ luận điểm này, đã chứng minh khả năng thắng lợi của cách mạng vô sản thoát đầu ở một số nước hoặc thậm chí ở riêng một nước. Lần đầu tiên điều đó đã được Lê-nin trình bày trong bài "Bàn về khẩu hiệu liên bang châu Âu". (Xem V.I. Lê-nin, Toàn tập, Nhà Xuất bản Sự Thật, Hà Nội, 1963, tập 21, tr. 399) - (BT.). Tr. 76 (của sách đang được trích dẫn - TNP. ct.).

(2Tng) Từ điển triết học, sđd., tr. 712 - 713.

(3Tng) Từ điển triết học, sđd., tr. 659 - 660.

(4Tng) Từ điển triết học, sđd., tr. 121 - 122.

(5Tng) Từ điển triết học, sđd., tr. 588.

1* Có một chú thích trong bản sđd., mang kí hiệu 1*, nhưng không có gì quan trọng, có lẽ không cần trích ra ở đây.

(6Tng) Làm hết năng lực, hưởng theo nhu cầu (các tận sở năng, các thụ sở nhu). Theo đó, mọi người đều ra sức làm việc cho hết năng lực của mình một cách hoàn toàn tự giác, và tất nhiên mọi người đều được hưởng thụ theo nhu cầu tối đa của bản thân cũng

một cách hoàn toàn tự giác. Đây là một điều quá lí tưởng, nên trong cuốn "Đường khách mệnh", Nguyễn Ái Quốc không nói đến. Về sau, trong tinh thần "không sợ thiếu thốn, chỉ sợ [phân phối] không công bằng", còn có câu: Làm theo lao động, hưởng theo phân phối (các tuý sở nghệ [?], các thụ tuý phân [?]), có nghĩa là làm theo nghiệp vụ được đào tạo, và hưởng thụ theo sự phân phối (trong thời chiến tranh, thường là kham khổ, không đúng sở thích), chứ chưa phải được hưởng theo nhu cầu. Câu thứ nhất áp dụng vào giai đoạn cộng sản chủ nghĩa (xã hội đã phát triển cao). Câu thứ hai áp dụng vào giai đoạn xã hội chủ nghĩa (xã hội còn ở mức phát triển thấp).

(7Tng) Quốc sử quán triều Nguyễn, Đại Nam thực lục, chính biên, tập 28, bản dịch Tổ Phiên dịch Viện Sử học, Nxb. Khoa học xã hội, 1973, tr. 381 - 382.

(8Tng) Xem thêm: Trần Xuân An, Sen đỏ, bài thơ hoà bình & Ngôi trường tháng giêng, Nhà Xuất bản Thanh Niên, 2003 (cùng xuất bản một lượt). Nhiều vấn đề khác, cùng vấn đề chủ nghĩa xã hội với năm thành phần kinh tế và vấn đề bản sắc văn hoá dân tộc đã được đề cập tập trung nhất trong hai tiểu thuyết này.

Hai cuốn tiểu thuyết ấy, tác giả đã viết xong vào hai năm 1998 và 1999.

Hai bài "Một ý nghĩ nhỏ về một truyền thống lớn và một nhân vật lịch sử lớn", "Đọc lại Tuyên ngôn Đảng Cộng sản (1847 - 1848) của Mác (Karl Marx) và Ăng-ghe-nh (F. Engels)", tác giả tiểu thuyết (Trần Xuân An) mới viết trong hai tháng 11 & 12.2003 (10 & 11. Quý mùi HB.3). Tuy vậy, lần sửa chữa, bổ sung cuốn Mùa hè bên sông này, tác giả vẫn đưa vào, để giải quyết trọn vẹn hơn những vấn đề mà Mùa hè bên sông đặt ra, mặc dù thời điểm diễn biến câu chuyện trong Mùa hè bên sông là năm 1996. TXA.

(9Tng) Nguyên văn về quyền giữ gìn, bảo vệ bản sắc văn hoá dân tộc: "Không được xâm phạm thuần phong mỹ tục" (khi thực hiện các quyền tự do, dân chủ). Quyền tự do yêu nước, giữ nước, dựng nước là một quyền đương nhiên, chỉ có ý nghĩa và giá trị khi được thể hiện bằng hành động cụ thể thông qua việc thực hiện các nhân quyền tự do, các dân quyền dân chủ cơ bản và chính đáng khác.

(20) Ở đây, chưa nói đến những kẻ phản động và phản quốc, câu kết với thực dân viễn chinh, thực dân tả đạo đích thực, như Lê Văn Khôi, Nông Văn Vân dưới triều Minh Mạng, như Tạ Văn Phụng, Hồ Văn Vạn dưới thời Tự Đức. Lê Văn Khôi vốn là kẻ phản loạn ở Bắc Kỳ, được Lê Văn Duyệt thu phục; về sau y lại câu kết với cố đạo Marchand (cố đạo Du) và bọn tù nhân phản loạn Bắc Kỳ bị đày vào Gia Định (cải tạo tốt nên được tha, gọi là những người "Bắc thuận", "hồi lương") để nổi loạn, từ 1833 đến 1835. Cùng thời điểm đó, Nông Văn Vân là anh em rể của Lê Văn Khôi, cũng nổi loạn ở Thái Nguyên. Một trong những nguyên nhân chính của cuộc nổi loạn này là "chủ nghĩa lí lịch"! Ngoài ra, Pierre Tạ Văn Phụng (tín đồ "tả đạo" do thực dân cố đạo đào tạo), mạo nhận là hậu duệ nhà Lê, là tay sai, phản quốc đúng nghĩa (thời điểm 1854, 1861 - 1865). Hồ Văn Vạn cũng là tín đồ "tả đạo", câu kết với giặc Pháp, cũng với chiêu bài "phù Lê" (thời điểm 1873 - 1875). Trần Lục (cụ Sáu) là một linh mục "tả đạo", tay sai đắc lực của Pháp, xúi giục giáo dân câu kết với giặc trong các trận đánh chiếm của chúng ở Ninh Bình, cắt đường giao thông của quan quân triều đình ra Bắc Kỳ (1882 - 1885...).

Xin nhấn mạnh, phong trào phù Lê giai đoạn đầu (1786 -1802...), mặc dù ít nhiều có câu kết với giặc Khách (Tàu), nhưng vẫn khác về nhân sự, nhất là về bản chất với các cuộc nổi loạn, phản quốc, mượn chiêu bài "phù Lê", câu kết với "tả đạo", thực dân, hoặc đúng là "tả đạo" tay sai đích thực, ở giai đoạn sau (1858 - 1885...). Xin xem thêm chú thích II.22.

(21) Ở đây chỉ nói về trình độ văn hoá, và cũng vì Phạm Thái là một nhân vật dễ hình dung. Trong thực tế, Phạm Thái chưa thật sự dấy binh nổi loạn. Xin xem tiếp chú thích (34).

(22) Riêng câu này tác giả tiểu thuyết (TXA.) chưa tra cứu lại được.

(23) Truyện Kiều là một tác phẩm được Nguyễn Du sáng tác theo nguyên mẫu văn bản Kim Vân Kiều truyện của Thanh Tâm Tài Nhân (Thanh Tâm Tài Nhân phỏng theo Dư Hoài, Dư Hoài phỏng theo Mao Khôn). Phương thức sáng tác dựa vào sự tích, chuyện cổ thuộc về quan niệm văn học trung đại, như Sếch-xpia (Shakespeare), Gớt (Goethe)... Do đó, cần làm một phép toán trừ, tìm ra phần sáng tạo độc đáo của riêng Nguyễn Du, mới có

thể nhận định đúng về ông. Tuy nhiên, ngay việc Nguyễn Du chọn lựa, không phải nguyên mẫu văn bản nào khác, mà chọn lựa chính Kim Vân Kiều truyện, một trong hàng ngàn tác phẩm cổ của nước ngoài, để sáng tạo lại, cũng đã ít nhiều thể hiện sự đồng cảm, lí tưởng thẩm mĩ của Nguyễn Du. Đặc biệt, qua đó, Nguyễn Du nhằm kí thác tâm sự của mình, nên chân dung tâm hồn, tư tưởng Nguyễn Du càng rõ nét. Nhưng dẫu sao, trong mọi trường hợp sáng tạo lại (phỏng tác) như thế này, cũng cần phải lưu ý đến nguyên mẫu văn bản. Đối với Nguyễn Du và Truyện Kiều cũng vậy, để khỏi ép uổng (khiên cưỡng), ngộ nhận về ông.

Xem thêm: Thanh Tâm Tài Nhân, Truyện Kim Vân Kiều, bản dịch Nguyễn Đức Vân, Nguyễn Khắc Hanh, Nxb. Hải Phòng, 1994.

(24) Xin vui lòng xem thêm bài bạt: "Ý nghĩ khi đọc lại tiểu thuyết của mình, Mùa hè bên sông: Danh dự Tổ quốc và thói tệ sùng bái cá nhân người nước ngoài...".

(25) Việt Nam Quốc dân đảng do Nguyễn Thái Học chính thức sáng lập vào ngày 25.12.1927 (tiền thân là Nam Đồng thư xã của Phạm Tuấn Tài, 1926), mô phỏng theo mô hình và tôn chỉ của Trung Hoa Quốc dân đảng do Tôn Dật Tiên sáng lập. Tuy vậy, giữa hai đảng này, trong giai đoạn đầu, không có quan hệ nào cả. Tôn chỉ của Việt Nam Quốc dân đảng: "Dân tộc độc lập, dân quyền tự do, dân sinh hạnh phúc", gọi tắt là chủ nghĩa tam dân. Trung Hoa Quốc dân đảng đã tiến hành cuộc cách mạng Tân Hợi, 10.10.1911, giành được chính quyền, thành lập nhà nước dân chủ theo mô hình tổng thống chế. Việt Nam Quốc dân đảng tiến hành cuộc khởi nghĩa ở Bắc Kì, theo kế hoạch, nổ ra từ ngày 09.02.1930, nhưng thất bại. Đây là cuộc khởi nghĩa hoàn toàn độc lập, không có mối liên hệ nào với Trung Hoa Quốc dân đảng (mặc dù có liên hệ để tìm kiếm viện trợ của tỉnh Vân Nam, Trung Hoa). Trong cuộc khởi nghĩa này, Yên Bái (hay còn gọi là Yên Bái, thị xã của tỉnh Yên Bái) là nơi khởi nghĩa quyết liệt nhất, và do Nguyễn Thái Học cùng nhiều đồng chí khác của ông bị thực dân Pháp tuyên án tử hình, mai táng ở đó, nên thường gọi là "khởi nghĩa Yên Bái". Sau khi Nguyễn Thái Học bị hi sinh, nhất là vào những năm bốn mươi (XX), Việt Nam Quốc dân đảng dần dần phân hoá và thoái hoá, thậm chí về sau còn liên minh với phát xít Nhật, tìm hậu thuẫn ở Mỹ, do "thế kẹt lịch sử", tương tự như

Trung Hoa Quốc dân đảng (do liên minh giữa Trung Hoa Quốc dân đảng với Đảng Cộng sản Trung Quốc, thường gọi tắt là liên minh Quốc - Cộng, chống phát xít Nhật, bị tan vỡ)...

Việt Nam Quốc dân đảng là một chính đảng yêu nước có lịch sử đấu tranh chống Pháp về vang, không hề có một bộ sử nào từ trước đến nay (1930 - 2003) phủ nhận điều đó. Đáng tiếc là có sự phân hoá và thoái hoá, sai lầm về sau, do "thể kẹt lịch sử". Nguyễn Ái Quốc (Hồ Chí Minh) cũng rất đề cao chủ nghĩa tam dân, đánh giá là chủ nghĩa tam dân rất phù hợp với tình hình Việt Nam...

Quốc dân đảng chỉ có ảnh hưởng ở hai nước Việt - Hoa. Điều cần chú thích ở đây là không từng có một liên minh dân tộc chủ nghĩa trên phạm vi toàn thế giới.

Xin lưu ý: Vào quý ba năm 1924 (từ tháng bảy đến tháng chín năm Giáp tí), Phan Bội Châu và Nguyễn Hải Thần giải thể Việt Nam Quang phục hội, sau khi bàn bạc trực tiếp với Tưởng Giới Thạch tại Hoàng Phố học hiệu, để thành lập Việt Nam Quốc dân đảng. Tuy nhiên, ngay thời điểm đó (tháng chín năm Giáp tí [1924]), sau khi đưa chương trình đảng cương cho Hồ Tùng Mậu đem về nước truyền bá, Phan Bội Châu không hay biết gì về Việt Nam Quốc dân đảng nữa. Đây là tiền thân của nhóm Việt Cách do Nguyễn Hải Thần lãnh đạo, khác với nhóm Việt Quốc do Nguyễn Thái Học sáng lập (vào năm 1927) nói trên. Về sau Việt Quốc được kế tục bởi Vũ Hồng Khanh, Nguyễn Tường Tam.

Tưởng Giới Thạch ít ra cũng có đến hai lần "thoả hiệp" quyền lợi với Pháp, kí hiệp ước với Pháp về Đông Dương, phản bội những người cách mạng Việt Nam (cả khuynh hướng Quốc dân đảng lẫn Cộng sản...), vào hai năm 1935, 1946.

Xem: Phan Bội Châu, Tự Phán, bản tiếng Việt, Nxb. Văn hoá - Thông tin tái bản, 2000, tr. 248 - 250; Phan Khoang, Trung quốc sử lược, in tại nhà in Hồng Phát, Chợ Lớn, 1958, tr. 536.

Xem thêm: GS. Trương Hữu Quýnh, GS. Đinh Xuân Lâm và PGS. Lê Mậu Hãn (nhóm chủ biên), Đại cương Lịch sử Việt Nam, toàn tập, Nxb. Giáo Dục, tái bản lần thứ tư, 2001, tr. 739 - 743, 751 - 756, 835 - 871...

Xem thêm chú thích (28), I.115, II.24.

(26) Hai chữ "tam vô" trên đây là theo lập luận của một phân số trong nhân dân ta, được tái hiện ở mạch suy tư của nhân vật. Tác giả xin nói cho đúng sự thật lịch sử: Trong tam vô (vô gia đình, vô Tổ quốc, vô tôn giáo), ở Việt Nam chỉ có một "vô" được truyền truyền, giáo dục và thực hiện mà thôi. Đó là vô tôn giáo. Còn danh từ Tổ quốc có thời gắn liền với định ngữ xã hội chủ nghĩa, trở thành Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Cũng có thời Tổ quốc đẳng lập với chủ nghĩa xã hội, giữa hai cụm danh từ có thêm chữ và; các văn bản thường viết: Tổ quốc và chủ nghĩa xã hội, như một cụm từ cố định, với ý nghĩa trong thời đại chống chủ nghĩa đế quốc ngày nay (nhất là trước Đổi mới), Tổ quốc phải gắn chặt với chủ nghĩa xã hội, không thể tách rời; cụm từ chủ nghĩa xã hội được hiểu như chế độ do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo hoặc hệ thống các nước xã hội chủ nghĩa trên thế giới.

14. CƯỚI CHÚ chương XIV:

(27) Ở đây tác giả tiểu thuyết vận dụng thủ pháp "chép nguyên xi cuộc sống" để khắc họa nét tính cách "đầy ác ý" hoặc "báng bổ một cách hồn nhiên vô tư" kiểu vô chính phủ, nhằm phê phán nhân vật Nông. Tuy vậy, cũng nên hiểu, thật ra, trong thâm tâm, nhân vật Nông chỉ muốn cải chính sự xuyên tạc, vu khống, bôi nhọ một cách "đầy ác ý" vụn vặt hơn, trong các cuốn sách, bài báo của một số nhà văn, nhà báo phản động, lưu vong như Vũ Thư Hiên, Lữ Phương, Bùi Tín... (Xin xem tiếp ở chú thích II.21).

(28) Khái Hưng, tên thật là Trần Khánh Giu (1896 - 1947), nguyên quán: Cổ Am, Vĩnh Bảo, Hải Dương, một cây bút chủ lực của nhóm Tự Lực văn đoàn do Nhất Linh (Nguyễn Tường Tam) chủ trương. Một trong những tác phẩm của Khái Hưng là Tiêu Sơn tráng sĩ (1934, đăng báo nhiều kì). Đây là một cuốn tiểu thuyết lịch sử viết về Phạm Thái (1777 - 1813) - Trương Quỳnh Như với quan điểm sai lạc, tiêu cực, anh hùng cá nhân chủ nghĩa: "phù Lê", chống Tây Sơn. Một ý tưởng bi đát, thoát li hiện thực để trốn vào tình yêu đương với cái đẹp của phụ nữ, cộng với nhận thức và quan điểm lịch sử sai lầm của Khái Hưng, đã trở thành câu nói nổi tiếng của nhân vật tiểu thuyết Phạm Thái: "Chí lớn trong thiên hạ không chứa đầy đôi mắt mí nhân!". Điều cần lưu ý là tư tưởng phản động "phù Lê", chống Tây Sơn ở Bắc Kì vẫn còn tồn tại dai

dằng đến thế, mặc dù mỗi thời lại có một màu sắc, khía cạnh khác nhau. Xét riêng tư tưởng Khái Hưng: về sau, đã có sự chuyển biến, thể hiện thành thái độ chống Pháp, nhưng lại càng sai lầm khi liên minh cùng cái ác phát xít (fascisme)! Đầu thập niên bốn mươi của thế kỉ hai mươi (XX), Khái Hưng gia nhập Đảng Đại Việt dân chính, thân phát xít Nhật, chống Pháp; bị Pháp bắt, giam tù. Khi Nhật đảo chính Pháp (3.1945), Khái Hưng được thả, lại tiếp tục ủng hộ Nhật, chống Pháp bằng báo chí. Sau Cách mạng Tháng tám (1945), Khái Hưng chống cộng, bị lực lượng Việt Minh thủ tiêu (1947), bằng cách trói lại, bỏ vào bao tời cùng với một tảng đá, ném xuống sông. Nhìn chung, Khái Hưng gần như Phạm Thái, xét về hai lĩnh vực hoạt động chủ yếu của họ. Về văn chương, Khái Hưng cũng rất tài hoa, có sự đóng góp rất lớn cho văn xuôi Việt Nam trong giai đoạn 1930 - 1945, nhưng về chính trị, cũng rất sai lạc, đáng trách ("phù Lê" như một âm hưởng di căn; thân phát xít Nhật như một thái độ tự bản thân). Tuy vậy, phải thừa nhận cho Khái Hưng, dẫu sao, ông không phải không có nét tích cực; nét tích cực đó là hành động chống Pháp. Khái Hưng không phải thuộc loại chống Pháp theo dạng cơ hội chủ nghĩa, xu thời khi phát xít Nhật xâm lược nước ta, mà chỉ là kẻ bị rơi vào "thế kẹt lịch sử", phải dựa vào một chỗ dựa gian ác: phát xít Nhật! Phải chăng là thế?

Xem thêm: Nhiều tác giả, Từ điển văn học, tập I, [mục từ Khái Hưng (vần K, số 9), Nguyễn Hoàn Khung soạn], Nxb. KHXH., 1983, tr. 344 - 345.

Tạ Thu Thâu là một người hoạt động chống Pháp, nhưng theo khuynh hướng Quốc tế Cộng sản đệ tứ của T-rốt-x-ki (Trosky, người Nga). Tạ Thu Thâu bị lực lượng dân quân Việt Minh giết tại Quảng Ngãi, trên đường ra Hà Nội dự hội nghị do chính phủ Việt Minh triệu tập! T-rốt-x-ki là một nhà lí luận, hoạt động cách mạng cộng sản chủ nghĩa, nhưng có điểm chống lại Lê-nin (Lénine), người sáng lập Quốc tế Cộng sản đệ tam; do đó, bị quy vào loại thuộc phe men-sê-vích, chủ nghĩa xét lại như Cau-x-ki (Causky [có sách viết: Kowsky], người Đức). T-rốt-x-ki sáng lập Tổ chức Quốc tế Cộng sản khác (đệ tứ), li khai với Tổ chức Quốc tế cộng sản của Lê-nin. Khi đã lưu vong ra nước ngoài, T-rốt-x-ki vẫn bị

ám sát bởi nhân viên an ninh Liên Xô: bị đập chết bằng một thanh sắt vốn được dùng làm cây cời than trong lò sưởi!

Về cái chết của Khái Hưng, Tạ Thu Thâu, T-rốt-x-ki (Trosky), nhất là cái chết của Phan Văn Hùm, mặc dù đã có nhiều sách báo viết như trên, nhưng để cẩn trọng hơn, cần có nhiều tư liệu xác minh thêm. Trong đó, về cái chết của Phan Văn Hùm, một vài tư liệu gần đây lại cho rằng, ông chỉ chết vì bệnh mà thôi. Nói chung, tác giả tiểu thuyết (TXA.) xin chấm dấu hỏi nghi vấn trong tinh thần khách quan sử học ở đây.

Xem thêm: tư liệu về t-rốt-kít (troskisme) và chủ nghĩa xét lại [Từ điển triết học, Nxb. Tiến Bộ, Mát-x-cơ-va (1975), liên kết với Nxb. Sự Thật, Hà Nội, 1986, tr. 698 - 699]; và chú thích I.115, II.24 (có đề cập đến cái chết của Nhất Linh [Nguyễn Tường Tam]).

(29) Vào khoảng năm 1978 hoặc 1979, trong lúc cả nước đang chống cuộc xâm lược của bọn bành trướng Đặng Tiểu Bình ở biên giới phía Bắc, chống sự điều khiển của Tập đoàn Lãnh đạo Trung Nam Hải đối với bọn diệt chủng Kh'mer Đỏ cùng với sự viện trợ của Tập đoàn này cho chúng ở Campuchia, chính tai tôi đã nghe băng ghi âm bài nói của Hoàng Văn Hoan, nguyên uỷ viên Bộ Chính trị Đảng Cộng sản Việt Nam (khoá IV), trên Đài Phát thanh Bắc Kinh (Trung Quốc), khi y đã lưu vong bên đó. Băng ghi âm ấy, cứ phát đi phát lại mãi với nội dung xuyên tạc, bôi nhọ tổng bí thư Lê Duẩn.

Với cái nhìn khách quan, vô tư: Tổng bí thư Lê Duẩn là nhà lãnh đạo kiệt xuất của nước ta, là người con thiên tài của quê hương Quảng Trị.

Xin vui lòng xem chú thích II.15.

(30) Xin hãy làm một cuộc đối chiếu tư liệu lịch sử, sẽ thấy có sự khác biệt với nhiều mức độ (từ ít đến khá xa, thậm chí trái ngược) trong dung lượng hiện thực lịch sử, nhất là về quan điểm (vấn đề hệ trọng nhất là quan điểm):

- Đại Nam thực lục, chính biên (hai kĩ đệ tứ, đệ ngũ, và có thể cả kĩ đệ lục);

- Các sách báo của Pháp (có ba loại chính: của cố đạo thực dân [Puginier, A. Delvaux...]; của bọn viễn chinh thực dân, sử gia thực dân [Charles Gosselin, Henry Le Marchant de Trigon...]); các nhà

ngiên cứu sử về sau sử dụng tư liệu gốc của Pháp (Cao Huy Thuần, Yoshiharu Tsuboi...);

- Sách báo của Tàu (Lương Khải Siêu - Phan Bội Châu với Việt Nam vong quốc sử).

Trong đó, Đại Nam thực lục, chính biên là của ta (Việt Nam), còn lại là của đối phương (Tây, Tàu; chịu ảnh hưởng, sức ép của bảo hoàng Nhật).

Từ cuộc đối chiếu trên, ta thấy: Cho dù bị sức ép một cách mặc nhiên của thực dân, tả đạo, bảo hoàng, Đại Nam thực lục kỉ IV, kỉ V vẫn thể hiện được tính độc lập của Quốc sử quán triều Nguyễn, và đáng tin cậy hơn các tư liệu kia.

Xin xem thêm chú thích II.20, đặc biệt là biên khảo ở phần phụ lục cuối cuốn tiểu thuyết này.

(31) Về Phụ chính đại thần Nguyễn Văn Tường (1824 - 1886): Ngoại trừ vào năm mười tám tuổi (1842), đỗ tú tài, nhưng bị phạt tội đồ một năm và bị gạch tên trong danh sách lấy đỗ, do tên họ (Nguyễn Phúc Tường) "trùng với quốc tính, không chịu đổi", ông không có một khuyết điểm nào về nhân cách đạo đức.

(32) Đúng nguyên nghĩa là bỏ làng mà đi, tương tự như bán xớ (tuy bán xớ cũng có nghĩa bỏ làng mà đi, nhưng vẫn còn bán được chút đất hương hoả)?

(33) Ở đây, để phản ánh trung thực hiện thực một cách cụ thể - lịch sử, tác giả đành xin lỗi trước với người đọc, là đã vận dụng thủ pháp tự nhiên chủ nghĩa (khái niệm mở rộng), mạnh dạn tạm "ghi lại" cách suy nghĩ, nhận thức thời thế theo quan điểm riêng của nhân vật hư cấu. Tác giả đã thể hiện sự phê phán ở đoạn sau.

(34) Phạm Thái (1777 - 1813), tục gọi là Chiêu Lý, một thi sĩ rất tài hoa, tác giả Sơ kính tân trang, vốn là con của một cựu thần vua Lê chúa Trịnh. Thân sinh Phạm Thái có tước hiệu là Thạch Trung hầu, thực sự đã khởi binh chống Nguyễn Huệ nhưng thất bại. Riêng Phạm Thái, ông có ý thức và hành vi liên kết với cựu thần Lê - Trịnh, mưu toan chống Tây Sơn - Nguyễn Huệ một cách quyết liệt và lâu dài, nhưng bất lực. Phạm Thái từng đi tu ở một ngôi chùa Phật giáo, để tiếp tục mưu đồ khôi phục triều đại thối nát Lê - Trịnh. Về sau, ông càng ngày càng ngông nghênh vì thất

chí. Ông là kẻ sĩ Bắc Hà tiêu biểu cho loại ngu trung, thậm chí là cuồng trung.

Nguyễn Du (1766 - 1820) là con của đại tư đồ Nguyễn Nghiễm, em của tham tụng Nguyễn Khản. Tham tụng dưới triều vua Lê chúa Trịnh là một chức quan tương đương với tể tướng (thủ tướng Chính phủ). Theo một số nhà nghiên cứu văn học về Nguyễn Du và theo nhận định của riêng tôi: Trong thời gian Nguyễn Huệ kéo quân ra Bắc, đánh tan lực lượng của chúa Trịnh, quét sạch quân cứu viện cho vua Lê của nhà Thanh (thực chất là xâm lược), Nguyễn Du sống trong tâm trạng bi hận, nhiều lần vỗ kiếm toan khởi binh chống Tây Sơn - Nguyễn Huệ, nhưng đành thú nhận sự bất lực, và đã có lần tìm đường vào Đàng Trong để phù giúp Nguyễn Ánh, vì dấu sao chúa Nguyễn trên danh nghĩa cũng vẫn xưng thần, theo niên hiệu vua Lê. Tuy nhiên, vào được nửa đường, Nguyễn Du lại quay ra, trở về quê vợ sống suốt mười năm bi hận mà ông gọi là "mười năm gió bụi". Đến khi Nguyễn Ánh đánh bại Tây Sơn, tiếp quản và hoàn tất sự nghiệp thống nhất Đất nước (Đàng Trong - Đàng Ngoài), lên ngôi hoàng đế (niên hiệu Gia Long), Nguyễn Du và nhiều kẻ sĩ Bắc Hà được vua Nguyễn - Gia Long vời ra làm quan. Nguyễn Du phục vụ dưới triều Nguyễn - Gia Long, thăng đến chức hữu tham tri Bộ Lễ (thứ trưởng Bộ Văn hoá). Có điều, tuy phụng sự nhà Nguyễn, được thăng đến bậc á khanh, nhưng Nguyễn Du luôn mang mặc cảm của một nhà nho bất trung với vua Lê, chúa Trịnh (theo ý hệ nho giáo, trung quân là một vấn đề cốt tuỷ), đồng thời mang tâm trạng bất bình với triều Nguyễn, vì nhà Nguyễn quyết trấn áp Đàng Ngoài! Và vì vậy, trong tâm thế đó, Nguyễn Du cũng như kẻ sĩ Đàng Ngoài bất lực khi hướng về tương lai, đành lại ngoái lại quá khứ, tiếc nuối, hoài vọng một cách vô vọng về một vương triều đã sụp đổ mà trước đó chính ông và họ mưu toan hoặc thực sự đã khởi binh chống lại: triều đại Tây Sơn của Quang Trung Nguyễn Huệ! (xin xem tiếp chú thích II.22).

(35) Cao Bá Quát (1808 - 1855), nổi loạn, dấy binh chống Tự Đức vào năm 1854, do ảnh hưởng của phong trào Thái Bình thiên quốc bên Trung Hoa, ở thời điểm trước lúc thực dân Pháp thực sự xâm lược nước ta (1858). Cao Bá Quát nổi loạn cũng với chiêu bài "phù Lê", những tưởng sẽ đạt được thành quả như Thái Bình

thiên quốc (một phong trào phù Hán bài Thanh kéo dài đến 15 năm, 1850 - 1864, từng chiếm giữ được hàng chục tỉnh).

(36) Nói chung, vấn đề khởi loạn ở Đàng Ngoài, kể từ lúc Tây Sơn - Nguyễn Huệ kéo quân ra Bắc, nhất dưới thời nhà Nguyễn (Gia Long, Minh Mạng, Thiệu Trị, Tự Đức), ngoài bọn thổ phỉ, thủy khấu, hải tặc, bọn cướp theo mùa, còn lại đều là "phù Lê", "tả đạo". Tình hình ấy ở Đàng Ngoài, nhất là ở Bắc Kì, càng lộ rõ thực chất khi Pháp xâm lược, đặc biệt nghiêm trọng là ở các thời điểm 1873 - 1874, 1882 - 1884. Xin đơn cử: Vào năm 1881, khi Tự Đức hỏi với đại ý, nếu Pháp lại xâm lược Bắc Kì, triều đình phải ra lệnh đánh ("có việc hoãn cấp", tức là việc trước sau cũng xảy ra), thì "lòng người có thể tin cậy được không?", chính Vũ Trọng Bình đã tâu trả lời vua Tự Đức: "Lòng người đều muốn được yên, nhưng cho là có thể tin cậy, tôi là người ngu cũng không dám chắc". Thế mà nhiều nhà nghiên cứu đã rất sai lầm, mác-xít một cách phi mác-xít, hoặc cố tình xuyên tạc lịch sử, khi cho rằng đó là những cuộc khởi nghĩa nông dân, đấu tranh có tính giai cấp!

Xin lưu ý thêm: Khác với những người "phù Lê" thuộc giai đoạn đầu (1789 - 1802...) như trên đã viết, là càng về sau, đặc biệt lúc thực dân Pháp, Tây Ban Nha đã thực sự xâm lược nước ta (1858 - 1885), trong bọn "phù Lê", "tả đạo", trừ một vài tên như Cao Bá Liên, vốn là hậu duệ của dòng họ Cao Bá Quát, còn lại đại đa số là những kẻ vô học, mê muội, một bộ phận khác là dân lưu manh (đáng thương là sa cơ thất thổ, xiêu lạc, đáng giận là sẵn sàng làm tay sai vì miếng cơm manh áo), nói chung là những bọn có nhân cách đê hèn, đốn mạt và thật sự phản quốc, như Pierre Tạ Văn Phụng chẳng hạn. Trong đó, cũng có một số tên được cố đạo thực dân Pháp, Tây Ban Nha đào tạo thành giáo sĩ, linh mục tay sai, có trình độ ngoại ngữ khá. Ở cuốn tiểu thuyết này, về "phù Lê", "tả đạo", tác giả chủ yếu đề cập đến giai đoạn sau, kể từ 1858. Xin nhấn mạnh: về tính chất, "phù Lê", "tả đạo" hai giai đoạn này hầu như hoàn toàn khác nhau.

Xin lưu ý thêm một điều rất dễ hiểu nhưng cực kì quan trọng: vũ khí ở thế kỉ XIX. Bấy giờ, mặc dù đã có súng đạn, tuy còn thô sơ, nhưng vũ khí chủ yếu ở nước ta, cũng như các nước châu Á khác, chỉ là gươm đao giáo mác; các nhóm, các bè đảng nổi dậy

hoặc nổi loạn đều có thể tự chế tạo (vai trò thợ rèn, thợ đúc nổi bật, do được trọng dụng!). Vũ khí của quan quân nhà Nguyễn cũng không tân kì, hiệu quả hơn thế. Thậm chí, nếu so sánh với vũ khí của bọn giặc Cờ (tàn dư biến tướng của Thái Bình thiên quốc bên Tàu) vốn được liên quân Âu Mỹ viện trợ, bán chác để lợi dụng, thì vũ khí của quân binh nhà Nguyễn còn thua kém. Đó là nguyên nhân và điều kiện để nổ ra liên miên các cuộc nổi dậy hoặc nổi loạn ở Đàng Ngoài (chủ yếu là ở Bắc Kì). Triều đình và quan quân nhà Nguyễn rất vất vả, vẫn không ngăn chặn được các cuộc nổi dậy, nổi loạn với chiêu bài "phù Lê" hoặc "tả đạo" đích thực ấy.

15. CƯỚI CHÚ chương XV:

(37) Cụ Nguyễn Sinh Sắc (1862 - 1929) không tham gia phong trào yêu nước, chống Pháp nào (Cần vương, Đông Du, Duy Tân, Chống thuế ở Trung Kì, Đông Kinh nghĩa thực...). Sáu năm làm quan cũng như mười chín năm làm đồng y, ngoài các mối giao tiếp bình thường, cụ có giao du với những người thao thức về vận nước trước cuộc xâm lược của giặc Pháp. Cuối đời, cụ chỉ góp phần chấn hưng Phật giáo và lòng vào đó tinh thần yêu nước (mặc dù phong trào chấn hưng Phật giáo này nằm trong quỹ đạo mị dân của thực dân Pháp).

Xem: Nguyễn Đắc Hiền (chủ biên), Nguyễn Hữu Hiếu, Ngô Bé (biên soạn), Cụ phó bảng Nguyễn Sinh Sắc, Khu Di tích Nguyễn Sinh Sắc và Sở Văn hoá - Thông tin Đồng Tháp xuất bản, 1990.

(38) Có chú thích chi tiết hơn ở bản sách khác: "Hồi ở Pác-bó, Hồ chủ tịch đã dịch cuốn lịch sử Đảng Cộng sản (b) Liên Xô ra tiếng Việt, làm tài liệu học tập cho cán bộ cách mạng" (Thơ Bác Hồ, Nxb. Văn học Giải phóng, 1975, tr. 59).

(39) Hai chữ "liên lập" theo nguyên nghĩa là: cùng đứng bên nhau, liên minh với nhau. Nhưng trong văn cảnh này, phải hiểu rằng có sự lệ thuộc về ý thức hệ, đường lối chính trị... Đó là một nỗi đau lịch sử! Xin xem bài bạt cuối tiểu thuyết: "Ý nghĩ khi đọc lại tiểu thuyết của mình, Mùa hè bên sông: Danh dự Tổ quốc và thói tệ sùng bái cá nhân người nước ngoài...". Nhân đây, xin nhấn mạnh rằng: Bấy giờ, trong thế kỉ hai mươi (XX), không có liên minh các đảng cộng sản, đứng đầu là Liên Xô, thứ đến là Trung Quốc, chi

viện vũ khí, thì nước ta không thể chiến đấu và chiến thắng nổi liên quân các nước thực dân, đế quốc chủ nghĩa Âu Mỹ và phát xít Nhật. Ở thế kỉ mười chín (XIX) trước đó, các triều Tự Đức - Hàm Nghi đã thất bại trong việc giữ nước, vì không thể liên minh được với các nước bị liên quân Âu Mỹ xâm lược, bởi các nước ấy đều ở trong điều kiện hạn chế về công nghệ vũ khí, giao thông của thuở bấy giờ. Nói cho đầy đủ và chính xác hơn, vào các năm 1881 - 1884, nước ta có liên minh với nhà Thanh. Tuy nhiên, trong khi liên quân Âu Mỹ phối hợp xâm lược với ý đồ cùng nhau chia chác thị trường, thuộc địa, thì liên minh Đại Nam - Thanh Quốc (Trung Hoa) lại tan vỡ vì sự li gián của Pháp và do chính tham vọng của nhà Thanh, mưu toan cùng với Pháp xâm xé Bắc Kỳ! Trước tình thế đó, Nguyễn Văn Tường và Tôn Thất Thuyết đành thực hiện kế sách "toạ sơn quan song hổ đấu", tác động vào cuộc chiến Pháp - Hoa.

Một khi trên thế giới xuất hiện liên minh, phải có "liên minh cái thiện" để đối phó với "liên minh cái ác"! Liên minh giữa các nước trong một khối, một hệ là một vấn đề cực kì hệ trọng, nhất là trong giai đoạn cận - hiện đại.

Vấn đề là tính chất liên minh như thế nào!

Phải dân chủ, bình đẳng về dân tộc; phải độc lập tuyệt đối về chủ quyền đất nước!

Nhưng lịch sử loài người mấy khi được hoà bình trong độc lập, tự do, bình đẳng như khát vọng tự nghìn xưa và mãi còn cho đến nghìn sau! Không phải là với cái nhìn bi quan, mà rất đằm tĩnh, khi thấy rõ ở đầu thế kỉ hai mươi mốt (XXI) này, hiện liên quân đế quốc Mỹ - Anh đã và đang trắng trợn xâm lược Áp-ga-nít-tan (Afghanistan) và I-rắc (Iraq), nhưng liên minh Hồi giáo và cả thế giới cũng đều bó tay bất lực, chỉ biểu tình bày tỏ thái độ để trấn an lương tâm bị cắn rứt, và chỉ thế thôi! Thật cực kì vô lí! Nhìn ở phía này: chủ nghĩa đế quốc tham lam, đòi bại. Nhìn phía kia: không phải đã hoàn toàn tự do, dân chủ, bình đẳng trong nhân dân Trung Cận Đông. Tuy nhiên, loài người không còn giải pháp nào trước thực trạng chủ nghĩa đế quốc với tham vọng khổng chế, xâm lược và trước sự trả thù chủ nghĩa đế quốc bằng chủ nghĩa khủng bố sao? Phải chăng khủng bố (đánh bom cảm tử kiểu Phạm Hồng Thái) là một cách tự vệ bi tráng của các nước Hồi

giáo yếu thế, so với liên quân đế quốc Anh - Mỹ? Tố Hữu từng viết về Phạm Hồng Thái:

Sống, làm quả bom nổ

Chết, như dòng nước xanh!

Dấu sao, cũng phải nêu ra:

Vấn đề là tính chất liên minh như thế nào!

Phải dân chủ, bình đẳng về dân tộc; phải độc lập tuyệt đối về chủ quyền đất nước!

■1. CƯỚC CHÚ của phần CHÚ THÍCH I: Không có cước chú.

■2. CƯỚC CHÚ của phần CHÚ THÍCH II:

(II.19.a) Thật ra, Phan Bội Châu chỉ lên án "quyền gian" trong vụ phé truất Dục Đức bằng vài dòng chữ ngắn ngủi khi viết về Phan Đình Phùng (NTPCPBC., VNVQS., sđd., tr. 89). Ai cũng biết Phan Bội Châu ám chỉ Tôn Thất Thuyết, người trực tiếp ra lệnh trói và Bội Hình cách chức Phan Đình Phùng (lúc ấy, Phan Đình Phùng còn chủ hòa). Ngoài ra, Phan Bội Châu không viết một chữ nào về vụ Hiệp Hòa (thân Pháp) và vụ Kiến Phúc (do Hồng Hưu).

(II.19.b) Phương thức biên soạn tập thể đúng nghĩa: Không phải mỗi người trong ban biên soạn phụ trách một phần rồi đem ghép lại thành một bộ sách hoặc một cuốn sách, mà các tư liệu, chi tiết sự kiện, diễn biến lịch sử, hành trạng nhân vật lịch sử, kể cả nhận định, bình giá hiện nay đều phải được tập thể cân nhắc, lấy ý kiến chung, rồi phân công người chấp bút, sau đó tập thể biên tập lại. Hơn nữa, còn phải xuất bản để trưng cầu công luận bằng nhiều hình thức công khai, gồm việc lấy ý kiến nhân chứng còn sống (trong điều kiện hiện tại)...

(II.19.c) Ngoài ra, Quốc sử quán triều Nguyễn còn ghi tên họ thật, phẩm hàm của các viên bút thiếp thức, đăng lục... (rất tiếc là còn thiếu quê quán; xin xem ở Quốc triều hương khoa lục).

(II.21.a) Ngoài ra, còn có một cuốn hồi kí nhan đề: Mẹ và Quốc hội, của một cán bộ cách mạng lão thành tên là Nguyễn Văn Trấn. Trong đó có một số chương viết về Miền Bắc (1954 - 1975).

(II.22.a) Về mặt lí lịch cá nhân, vấn đề mã di truyền hay thường gọi là gien hoặc huyết thống là rất quan trọng (nên vấn đề phải hệ dòng tộc luôn luôn được đặt ra, và hoàn toàn có cơ sở khoa học thực nghiệm). Tuy nhiên một lần nữa xin nhấn mạnh đến yếu tố

đồng biến, dị biến - đột biến gien (gien trội, gien lặn, gien đột biến) và đặc biệt quan trọng là điều kiện xã hội, môi trường sống.

Xin xem thêm chú thích về Nguyễn Công Trứ, tiết 5, chương VII và chú thích tiếp theo II.23: Ý thức không ngoan cố, trung quân mù quáng, mà phải sáng suốt theo lẽ biến dịch của lịch sử trong quan niệm chính thống của Nho giáo. Đó là về phía kẻ sĩ, với điều kiện phải nhận thức sáng suốt, không phải là thái độ xu thời hèn hạ, vô sĩ. Đối với triều đình, phải chính nghĩa, tiến bộ hơn triều đại cũ, phải có thái độ bao dung, không cố chấp, thực sự chiêu hiền đãi sĩ. Ngay trong khuôn khổ ý hệ Nho giáo cũng đã có hướng mở cho sự trói buộc, một khi đạo lí theo giáo điều trung quân đã trở thành sự trói buộc tai hại đối với kẻ sĩ do sự mù quáng, không hiểu nổi sự biến dịch lịch sử (triều đại này thay thế triều đại kia); một khi triều đại mới xứng đáng với vai trò lịch sử đương thời, so với triều đại cũ đã bại vong, và biết xoá bỏ định kiến, thù hận, biết "dụng nhân như dụng mộc".

(II.22.b) Tuyên ngôn về nhân quyền và dân quyền cũng như hiến pháp xã hội chủ nghĩa đều có khẳng định sự tôn trọng, bảo vệ các quyền sống - quyền tự do cơ bản của cá nhân.

(II.25.a) Có lẽ để chính xác hơn, thay vì bốn chữ hoài-nghi-khoa-học, nên xác định thuật ngữ là đặt vấn đề nghiên cứu khoa học hoặc đặt dấu hỏi khoa học.

■3. CƯỚC CHÚ của phần CHÚ THÍCH III:

(***) Xem: Nhiều tác giả, Đại cương Lịch sử Việt Nam, tái bản lần thứ tư, Nxb. Giáo Dục, 2001, tr. 947 – 953: Các bước vận động ngoại giao của Chính phủ Việt Nam dân chủ cộng hoà kháng chiến và của các cường quốc thuộc hai khối trên thế giới, cùng bản tóm lược hiệp định Giơ-ne-v (Genève) 20.7.1954.

(**) Về vụ thăm sát này, tác giả tiểu thuyết hiện chưa có đủ tư liệu để khảo chứng cũng như chưa có dịp tiếp xúc trực tiếp với các nhân chứng để rõ hơn. Xin mạn phép lược bỏ một số câu, thay bằng kí hiệu: [...].

(***) Tác giả tiểu thuyết xin mạn phép nhà báo Mai Nguyễn và Tòa soạn báo Thanh Niên để sử dụng lại bài báo trên. Xin cảm ơn.

- 4. CƯỚC CHÚ của phần MỘT SỐ CHỦ ĐIỂM TƯ TƯỞNG – CHÍNH TRỊ TRONG TIỂU THUYẾT MÙA HÈ BẾN SÔNG: Không có cước chú.
- 5. CƯỚC CHÚ bài Ý NGHĨ KHI ĐỌC LẠI TIỂU THUYẾT CỦA MÌNH: MHBS.: DANH DỰ TỔ QUỐC VÀ THÓI TỆ SÙNG BÁI CÁ NHÂN NGƯỜI NƯỚC NGOÀI...: Không có cước chú.
- 6. CƯỚC CHÚ phần PHỤ LỤC I:
- 6a. PHỤ LỤC I: CƯỚC CHÚ bài NGUYỄN VĂN TƯỜNG (1824 – 1886) VỚI NHIỆM VỤ LỊCH SỬ SAU CUỘC KINH ĐỒ QUẠT KHỜ (05 THÁNG 7, 1885):

- [1] Chu Thiên Hoàng Minh Giám dịch.
- [2] Quốc sử quán triều Nguyễn, Đại Nam thực lục, chính biên (ĐNTL.CB.), tập 36, Nxb. KHXH., 1976, tr. 225 – 226.
- [3] ĐNTL.CB., tập 36, sđđ., tr. 221 và tr. 230; Nguyễn Nhược Thị Bích, Hạnh Thực ca, Nxb. Tân Việt, 1950 [?], tr. 39 – 40.
- [4] Trong “Đặng Đức Tuấn, tinh hoa công giáo ái quốc” [!], Lam Giang, Võ Ngọc Nhã sưu tầm, Sài Gòn, 1971, tr. 516 – 517.
- [5] ĐNTL.CB., tập 36, sđđ., tr. 236 – 237.
- [6] ĐNTL.CB., tập 36, sđđ., tr. 157 – 158.
- [7] ĐNTL.CB., sđđ., tr. 157 – 158.
- [8] ĐNTL.CB., sđđ., tr. 210, 213 – 214.
- [9] ĐNTL.CB., sđđ., tr. 166.
- [10] ĐNTL.CB., sđđ., tr. 236.
- [11] ĐNTL.CB., sđđ., tr. 226.
- [12] Hạnh Thực ca, sđđ., tr. 48.
- [13] Việt Nam sử lược, Nxb. Tân Việt, bản 1964, tr. 553 – 554; Nxb. VHNT., b. 1999, tr. 582 – 583.
- [14] ĐNTL.CB., tập 37, Nxb. KHXH., 1997, tr. 43.
- [15] ĐNTL.CB., tập 36, sđđ., tr. 224.
- Xin nhấn mạnh: chú thích (2) ở cuối bài.
- [16] Hạnh Thực ca, sđđ., tr. 36.
- [17] Bửu Kế, Chuyện triều Nguyễn, Nxb. TH., 1990, tr. 97.
- [18] ĐNTL.CB., tập 36, sđđ., tr. 220.
- [19] Delvaux, bài “Phái bộ Pháp ở Huế và những phái viên đầu tiên”, Những người bạn cố đô Huế (BAVH., 1916), tập 3, Đặng

- Như Tùng dịch và một nhóm dịch giả khác hiệu đính, Nxb. Thuận Hoá, 1997, tr. 74.
- [20] ĐNTL.CB., tập 36, sđd., tr. 63 – 64, 220.
- [21] ĐNTL.CB., tập 30, Nxb. KHXH., 1974, tr. 170 – 172; tập 31, Nxb. KHXH., 1974, tr. 86 – 87, 103.
- [22] Trần Xuân An (biên soạn), Kì vĩ phụ chính đại thần Nguyễn Văn Tường, thơ – Vài nét về con người, tâm hồn, tư tưởng, chưa xuất bản, bài số 38, tr. 271.
- [23] ĐNTL.CB., tập 36, sđd., tr. 64 – 66; Delvaux, bài viết ở sđd., tr. 54.
- [24] Bản dịch tiếng Việt của Quốc sử quán triều Nguyễn, Nxb. Thuận Hóa, 1998, tr. 502 – 504.
- [25] Trần Trọng Kim, b.1999, Nxb. VHTT., tr. 545 – 546.
- [26] ĐNTL.CB., tập 33, Nxb. KHXH., 1975, tr. 26.
- [27] Yoshiharu Tsuboi, Nước Đại Nam đối diện với Pháp và Trung Hoa, UB. KHXH. TU. TP. HCM. xb., 1990, tr. 117.
- [28] Bài của GS. Nguyễn Văn Kiệm, trong Kí yếu Hội nghị khoa học về đề tài “Nhóm chủ chiến trong triều đình Huế và Nguyễn Văn Tường”, ĐHSP. TP.HCM., 20.6.1996, tr. 14.
- [29] Delvaux, bđd., sđd., tr. 57, tr. 79 – 80, đoạn cuối tr. 81 – 82.
- [30] Trần Trọng Kim, Việt Nam sử lược, Nxb. Tân Việt, b. 1964, tr. 554.
- [31] Đoàn Trưng, Trung nghĩa ca, 1866.
- [32] Delvaux, NNBCĐH. [BAVH., 1916], bài viết và sđd., tr. 54.
- [33] Jabouille, bài “Một trang viết về lịch sử Quảng Trị: tháng 9.1885”, NNBCĐH. [BAVH., 1923], tập X, Phan Xưng dịch, Nguyễn Vy hiệu đính, Nxb. TH., 2002, tr. 439.
- [34] Trích theo GS. Trần Văn Giàu, “Hệ ý thức phong kiến và sự thất bại của nó trước nhiệm vụ lịch sử” [tập I của bộ sách SPTTTVN. TTK. XIX. ĐCMTT.], Nxb. TP.HCM., 1993, tr. 368, 370, trích dẫn Compendium historicoe Ecclesiasticoe của H. Ravier; xem thêm: ĐNTL.CB., tập 36, sđd., tr. 242, 245 – 246.
- [35] Bài của Delvaux, sđd., tr. 78 – 79.
- [36] Delvaux, bài đã dẫn, sđd., tr. 79.
- [37] Jabouille, bài đã dẫn, sđd., tr. 434.
- [38] Xem thêm: Delvaux, bài đã dẫn, sđd., tr. 47; Tsuboi, sđd. [trích dẫn Puginier qua Louvet], tr. 82.

[39] ĐNTL.CB., tập 36, sđd., tr. 244 – 246.

[40] Lương An sưu tầm và chỉnh lí, Nxb. Thuận Hoá, 1983, các câu 1337 – 1348.

[41] Delvaux, bđd., sđd., tr. 80.

[42] Như trên: Delvaux, bđd., sđd., tr. 80.

[43] ĐNTL.CB., tập 36, sđd., tr. 229.

* Về việc Nguyễn Văn Tường cùng Tôn Thất Thuyết bàn bạc kế hoạch, cùng tổ chức cuộc Kinh Đô Quật Khởi, 23.5 Ất Dậu [1885], xem Bửu Kế, Chuyện triều Nguyễn, Nxb. Thuận Hoá, 1990, tr. 59, tr. 95 – 101, đặc biệt là tr. 97 – 98; xin xem thêm: Phạm Văn Sơn, Việt Nam cách mạng cận sử, Sài Gòn, 1963, tr. 29 – 31; Nguyễn Bá Thế, Nguyễn Q. Thắng, Từ điển nhân vật lịch sử Việt Nam, Nxb. VHNT., 1999, tr. 706 – 707; Đậu tuất niên gian phong hỏa kí sự, trong “Đặng Đức Tuấn...”, Lam Giang, Võ Ngọc Nhã sưu tầm, Sài Gòn, 1970, tr. 478 – 479; Silvestre, Khoa học chính trị kỉ yếu, 1898, tr. 93 – 94; Gosselin (tác giả L’Empire d’Annam, Paris, 1904) cũng có ý kiến như vậy bên cạnh những chi tiết bịa tạc khác. Sở dĩ chúng tôi cho rằng điều đó là đúng vì ĐNTL.CB, đệ lục kỉ, tập 37, sđd., tr. 35 cũng kết án (!) Nguyễn Văn Tường... “đều là bè đảng làm loạn”; “thực là căn nguyên tai vạ” (tr. 33), “Nguyễn Văn Tường liền quỳ quyết đem thân quay về thú tội với quan đô thống Pháp, rồi đã bị tội lưu” (tr. 132 – 141); trong VNSL., Trần Trọng Kim cũng dùng chữ “đầu thú” với nghĩa đầu hàng (tất nhiên là “trá hàng”, và trá hàng để tiếp tục đấu tranh, để phe chủ “hoà”, thân Pháp, tả đạo khởi cướp chính quyền...). Tại sao Trần Trọng Kim và chúng lại bảo Nguyễn Văn Tường “đầu thú”, “trá hàng”, còn những người về hợp tác với chúng thì không? Phải chăng về sau, Pháp biết Nguyễn Văn Tường và Tôn Thất Thuyết bàn định trước? Rất tiếc cuối cùng ông vẫn bị “tương kế tựu kế” của Caspar, De Courcy... Chắc chắn ông đã liệu trước nguy cơ ấy, nhưng không còn cách nào khác, để cứu vãn tình hình kinh đô thất thủ, nên “đánh liều may rủi với trời” một lần nữa!

[44] A. Delvaux, bài viết trên, sđd., tr. 77.

[45] ĐNTL.CB., tập 36, sđd., tr. 240 – 241.

[46] ĐNTL.CB., tập 36, sđd., tr. 223.

[47] ĐNTL.CB., tập 36, sđd., tr. 238.

[48] ĐNTL.CB., tập 36, sđd., tr. 250; Đại Nam liệt truyện, tập 3, Nxb. TH., 1993, tr. 78.

[49] ĐNTL.CB., tập 36, sđd., tr. 239.

[50] ĐNTL.CB., tập 36, sđd., tr. 235.

Có ý kiến khác: Đưa vua Hàm Nghi về nhưng vẫn tiếp tục Cần vương; Hàm Nghi sẽ lãnh đạo tổng quát cuộc kháng chiến bằng mật dụ; chỉ đạo kháng chiến trực tiếp chỉ cần Tôn Thất Thuyết, Phan Đình Phùng... Bởi lẽ, một nước có hai vua là quá táo bạo! (ĐNTL.CB., tập 36, sđd., cuối tr. 244).

[51] ĐNTL.CB., tập 36, sđd., tr. 223.

[52] ĐNTL.CB., tập 36, sđd., tr. 235 – 236; tập 37, sđd., tr. 175.

[53] ĐNTL.CB., tập 36, sđd., tr. 244, 245 – 246...

[54] Cao Huy Thuần, “Đạo Thiên Chúa và chủ nghĩa thực dân [Pháp] tại Việt Nam [1957 – 1914]” (Christianisme et colonialisme au Viet Nam, 1957 – 1914), luận án tiến sĩ tại Pháp (1969), bản dịch, in ronéo của Đại học Vạn Hạnh, Sài Gòn, 1973, tr. 319.

Đối chiếu với ĐNTL.CB. (cuối tập 36, và đầu tập 37, sẽ được trích dẫn ở những trang tiếp theo), chúng tôi (TXA.) thấy rằng, không phải hai tên thực dân cố đạo Puginier và Von Camelbeck nói sai sự thật ở điểm này và chúng phát động chiến dịch điên cuồng chống Nguyễn Văn Tường một cách thiếu cơ sở. Do đó, không phải như Cao Huy Thuần nhận định: chính phủ Cộng hoà thực dân Pháp tại Paris bị “tiêm nhiễm” bởi sự tuyên truyền, kích động của Puginier và Von Camelbeck. Sự “tiêm nhiễm” ấy là ở trường hợp khác, vấn đề khác, nhân vật khác, sự kiện khác...

Xin xem thêm chú thích (8) ở cuối bài.

[55] ĐNTL.CB., tập 36, sđd., tr. 227.

[56] ĐNTL.CB., tập 31, sđd., tr. 86 – 89, tr. 103...

[57] ĐNTL.CB., tập 36, sđd., tr. 225 – 226.

[58] ĐNTL.CB., tập 36, sđd., tr. 226 – 228.

[59] ĐNTL.CB., tập 36, sđd., tr. 247.

[60] Xem lại: Delvaux, bđd., sđd., tr. 79.

[61] Xem lại: Jabouille, bđd., sđd., tr. 434, 439...

[62] ĐNTL.CB., kỉ đệ lục – kỉ bị “bảo hộ”, tập 37, sđd., tr. 33.

[63] VNLS., b.1964, tr. 554 và 555.

[64] ĐNTL.CB., tập 37, sđd., tr. 35.

[65] ĐNTL.CB., tập 37, sđd., tr. 133.

- [66] ĐNTL.CB., tập 37, sđd., tr. 134.
- [67] ĐNTL.CB., tập 36, sđd., cuối tr. 244.
- [68] ĐNTL.CB., tập 37, sđd., tr. 138.
- [69] Xem thêm: Trần Viết Ngạc, bài “Chiếu hay Dụ Cần vương?”, Kí yếu Hội nghị khoa học lịch sử về nhóm chủ chiến triều đình Huế và Nguyễn Văn Tường, ĐHSP. TP.HCM., 20.6.1996, tr. 25 – 30.
- [70] NNBCĐH. (BAVH., 1917), tập IV, Nxb. Thuận Hoá, 1998, tr. 272 – 273.
- [71] Giải triều... : Chia tách triều chính... (hoặc Tan tác triều đình ...).
- ** Chính Đại Nam thực lục, chính biên, đệ tứ và đệ ngũ kỉ, biên soạn chủ yếu dưới thời Thành Thái, lại khắc in cũng ở thời Thành Thái, năm thứ 6 (1894) đến năm thứ 14 (1902) – Thành Thái là con trai của Dục Đức! – đã làm sáng tỏ nhân cách đạo đức của Nguyễn Văn Tường trong bi kịch bị vu khống này, cũng như tất cả những vụ việc khác, một cách chi tiết trong hạn chế của ý hệ bảo hoàng! [ĐNTL.CB., các tập 27 – 36, sđd.; lời dụ và tờ tâu về việc khắc in, tr. 12 và tr. 17 (tập 27), tr. 5 và tr. 13 (tập 36)]. Còn đệ lục kỉ gồm hai tập 37, 38 viết về triều Đồng Khánh, khắc in vào năm 1909, có lời dụ của Duy Tân (còn quá bé) ngợi ca cả Đồng Khánh (14) bù nhìn, tay sai hèn hạ, chống người yêu nước chân chính và phong trào Cần vương ấy [ĐNTL.CB., tập 37, tr. 5 – 6], hẳn là ĐÁNH GIÁ NGƯỢC để lưu sự thật. Chính Duy Tân lại theo con đường của Hàm Nghi, với sự bàn bạc, thực hiện kế hoạch cùng Thái Phiên, Trần Cao Vân, cũng là theo kế hoạch 1885 của Nguyễn Văn Tường, Tôn Thất Thuyết trước đó. Hai vị vua yêu nước này đã bị Pháp lưu đày như Nguyễn Văn Tường. [Chúng tôi không muốn nói đến giai đoạn sau của vua Duy Tân!].**
- [Xin xem chú thích (14) ở cuối bài khảo luận này].**
- [72] Câu đối của Vũ Tử Văn? hay của Đào Tấn? (Nguyễn Mạnh Hào dịch). Chúng tôi có nhiều cứ liệu để có thể xác định là của Vũ Tử Văn.
- [73] ĐNTL.CB., tập 33, sđd., tr. 126 – 127.

■6b. PHỤ LỤC II: CƯỚC CHÚ bài VỀ MỘT VÀI TRANG ĐẢO NGƯỢC SỰ THẬT LỊCH SỬ VÌ MỤC ĐÍCH TUYÊN TRUYỀN TRONG VIỆT NAM VONG QUỐC SỬ

[1] Phan Bội Châu, Những tác phẩm của Phan Bội Châu (NTPCPBC.), tập I, gồm Việt Nam vong quốc sử (VNVQS.) và Việt Nam quốc sử khảo (VNQSK.), Chương Thâu dịch, Hồ Song giới thiệu, Văn Tạo chủ biên... , Nxb. KHXH., 1982, tr. 73.

[2] Phan Bội Châu, Tự phán, Huỳnh Thúc Kháng đề tựa (1946), Nxb. Văn hoá – Thông tin tái bản, 2000, tr. 31, 35 – 37, 77, 104...

[3] Tự phán, sđd., tr. 42.

[4] Tự phán, sđd., tr. 55...

[5] Quốc sử quán triều Nguyễn, Đại Nam thực lục, chính biên, tập 35, Nxb. KHXH., 1975, tr. 61 – 62, 90 – 91; tập 36, Nxb. KHXH., 1976, tr. 127 và tr. 174. Xem thêm chú thích (7) của bài “Nguyễn Văn Tường với nhiệm vụ lịch sử sau cuộc kinh đô quật khởi, 05.7.1885”.

[6] Tự phán, sđd., tr. 56 – 59...

[7] NTPCPBC., Việt Nam vong quốc sử, sđd., tr. 78; NTPCPBC., Việt Nam quốc sử khảo, sđd., tr. 182 – 184.

[8] Tự phán, sđd., tr. 12, 17...

[9] NTPCPBC., VNQSK., sđd., tr. 201; xem thêm tr. 148 – 149, tr. 305 – 306. Bổ khuyết tư liệu trích dẫn cho bài viết

“Về một vài trang đảo ngược sự thật lịch sử
vì mục đích tuyên truyền trong
Việt Nam vong quốc sử”,
cước chú số [9]:

“VIỆT NAM QUỐC SỬ KHẢO” (xuất bản năm 1909) là cuốn sách Phan Bội Châu viết sau cuốn “Việt Nam vong quốc sử” (cuốn sách mà nhiều học giả ngỡ rằng Lương Khải Siêu viết [1905]). Dẫu sao, rõ ràng sau bốn năm, trước sự phản hồi của công luận thuở bấy giờ, nhà yêu nước Phan Bội Châu đã phải viết khác trước (khác với sự nhận thức hoặc sự bóp méo lịch sử theo phương châm chính trị bá đạo machiavelisme – “cứu cánh biện minh cho phương tiện” hay “vấn mục đích, bất vấn thủ đoạn” – khi viết “Việt Nam vong quốc sử”). Ở

“Việt Nam quốc sử khảo”, Phan Bội Châu quy tất cả lỗi mất nước là do một người “đầu sỏ”: thái hoàng thái hậu Từ Dũ!

Nguyên văn trích đoạn như sau:

“... Sỏ dĩ gọi là nước vì có chủ quyền, có nhân dân, có đất đai. Nếu ba thứ ấy còn thì nước còn là nước, ba thứ ấy mất thì không phải là nước nữa. Lấy một trong ba thứ ấy đem cho người ngoài thì gọi là giặc của nước; lấy cả ba thứ ấy đem tất cho người ngoài thì là đầu sỏ của giặc nước.

[...]

Nước ta, [...] ta kể được ba người giặc của nước:

Hồ Quý Ly cướp ngôi nhà Trần và để cầu nhà Minh sắc phong cho, y đã cắt 59 thôn của châu Lộc Bình cho lệ thuộc vào phủ Tư Minh của nhà Minh.

Mạc Đăng Dung cướp ngôi nhà Lê, sợ nhà Minh hỏi tội, đã lấy hai châu Thạch Tích, Niêm Lăng và bốn động Cổ Sâm, Tư Lãm, Kim Lạc, Liễu Cát hiến cho nhà Minh. Bản án kết tội bọn ấy nên ghi là: “Lấy đất đai của nước, nhân dân của nước, tặng người ngoài, tội đáng chém!” [1]. Chúng nó lấy lời gì để biện bạch được?

Còn một người nữa thì là một mẹ một con thuộc bản triều [2]. Vì ham sống yên phận đã đem một lúc cả ba thứ nói trên dâng cho lũ giặc. Thật là một tên giặc đầu sỏ lớn của nước ta”.

(Phan Bội Châu, Những tác phẩm Phan Bội Châu, tập I [gồm Việt Nam vong quốc sử & Việt Nam quốc sử khảo], Văn Tạo chủ biên và các dịch giả, Nxb. KHXH., 1982, tr. 200 – 201; xem thêm tr. 148 – 149, tr. 305 – 306.).

Lẽ ra, tôi đã trích đoạn trên để đưa vào bài viết đã nêu, trong cuốn “Nguyễn Văn Tường, ‘những người trung nghĩa từ xưa tưởng không hơn được’” này, nhưng thấy chỉ cần dẫn chứng gián tiếp là đã đầy đủ; vả lại, bài viết là một bài báo, cần phải ngắn gọn, nên không thể trích dẫn nhiều.

Nhân đây, cũng xin khẳng định lại một lần nữa:

Thật ra, Phan Bội Châu quy tất cả lỗi làm mất nước cho Từ Dũ cũng không thể hoàn toàn đúng với sự thật lịch sử. Chẳng qua Phan Bội Châu vừa tránh sự phản hồi phê phán của công luận nhưng đồng thời vẫn muốn chạy tội cho hoàng tộc Nguyễn, cụ thể là chạy tội cho Dục Đức, Hiệp Hoà, Tuy Lý vương, Hồng Tu, Hồng Sâm, và vô hình trung cũng chạy tội bớt tội cho Trần Tiễn Thành. Ai cũng biết Từ Dũ có họ Phạm, không phải thuộc huyết thống hoàng tộc Nguyễn, trong khi Phan Bội Châu đang tôn phù hậu duệ nhà Nguyễn: Cường Để (đích tằng tôn của hoàng tử Cảnh)!

Nhà yêu nước, tác gia lớn Phan Bội Châu không phải không có những sai sót, ngộ nhận trong kiến thức lịch sử; huống nữa, vì cứu cánh là cứu nước khỏi họa thực dân Pháp, cụ Phan bất chấp và không từ chối cả thủ đoạn xuyên tạc lịch sử (“cứu cánh biện minh cho phương tiện!”)! Đó là sự sai lầm, rất đáng tiếc của Phan Bội Châu. Và chính vì thế, cụ Phan đã tự kiểm điểm rằng, phương châm “vấn mục đích, bất vấn thủ đoạn” của Machiavelli mà cụ Phan (và Lương Khải Siêu) vận dụng, chính là một trong những nguyên nhân thất bại trên con đường cách mạng, cứu nước. Xin vui lòng xem kĩ những bài viết trong cuốn sách, và xem thêm các cuốn sách, tập sách khác của tác giả cùng một đề tài.

Ở đây, tôi chỉ xin nhắc lại một điều đã viết trong nội dung chính của cuốn sách.

(*) “Hạ 14 chữ đó, thì bọn ấy cũng tự thấy là không oan” (Lời phê [của Hoàng Trọng Mậu – TXA. chưa thêm]). Ở đây, tôi (TXA.) không bàn đến hai nhân vật lịch sử này. Xin vui lòng xem: Đại cáo bình Ngô (Nguyễn Trãi), Đại Việt sử ký toàn thư (các sử gia thuộc sử viện, sử vụ từ triều Trần đến Lê trung hưng, 1697), Khâm định Việt sử thông giám cương mục (Quốc sử quán triều Nguyễn, 1884).

(**) Tức là Từ Dũ và Tự Đức (hai mẹ con). Đây là chú thích của người dịch (PGS. Chương Thâu). Theo tôi

(TXA.), căn cứ vào hai chữ “một người” của câu trên, Phan Bội Châu tuy không nêu đích danh nhưng vẫn xác định rất rõ, là đề cập về Từ Dũ. Đoạn PBC. viết về Từ Dũ này tôi mạn phép in đậm + nghiêng.

05. 06. HB 4 (2004).
TXA.

- [10] Tự phán, sđd., tr. 77.
[11] Nguyên văn lời cụ Phan, xem: Nguyễn Thiệu Lâu, Quốc sử tập lục, Nxb. Mũi Cà Mau, 1994, tr. 12.
[12] NTPCPBC., VNQSK., sđd., tr. 149.
[13] Từ điển văn học (TĐVH.), tập II, Nxb. KHXH., 1984, tr. 548.
[14] Xem: Chống xâm lăng (CXL.), [Nxb. Xây Dựng, 1956 – 1957], Nxb. TP.HCM. tái bản, 2001, tr. 316 – 319, 547, 549 – 567...
[15] Đại Nam liệt truyện (ĐNLT.), tập 3, Nxb. Thuận Hoá, 1993, tr. 125.
[16] CXL., sđd., tr. 432.
[17] Đại Nam thực lục, chính biên (ĐNTL.CB.), tập 36, Nxb. KHXH., 1976, tr. 225 – 228.
[18] ĐNTL.CB., tập 36, sđd., tr. 236 – 237; Nguyễn Nhược Thị Bích, Hạnh Thực ca (HTC.), Trần Trọng Kim sưu tầm, Nxb. Tân Việt, 1950 [?], tr. 48.
[19] ĐNTL.CB., tập 36, sđd., tr. 247; tập 37, sđd., tr. 35.
[20] Chống xâm lăng (CXL.), sđd., tr. 585 – 586...
[21] Tự Phán, sđd., tr. 12.
[22] Tự phán, sđd., tr. 17, 18.

■7. CƯỚC CHÚ của BẢNG LIỆT KÊ SỐ THỨ TỰ TRANG...:

(*) Số thứ tự trang thường được gọi tắt là số trang (số của trang).

■8. GHI CHÚ THÊM Ở CUỐI SÁCH: ĐÃ GỬI & TẶNG BẢN IN VI TÍNH LẦN THỨ BA NÀY:

(*) Đã nộp bản thảo MHBS. (có phụ lục II, “Về vài trang đảo ngược sự thật lịch sử trong VNVQS.”; không có phần ngoài sách – bài thơ về Quang Trung) tại NXB. Văn Nghệ TP.HCM., ngày 15.02. 2005 (mùng 7 Tết Nguyên đán Ất Dậu) cùng với bản thảo Ngẫu hứng đọc thơ.

■9. CƯỚC CHÚ của PHẦN NGOÀI SÁCH: bài thơ SÁNG THÁNG GIẾNG Ở GÒ ĐÔNG ĐÀ:

(1) Nguyễn Huệ có tên thật là Hồ Thơm, vốn là hậu duệ của dòng họ Hồ Quý Ly (họ Hồ huyện Quỳnh Lưu, Nghệ An; về sau chuyển ra Thanh Hoá...). Hồ Quý Ly lại là hậu duệ của thái thú Hồ Hưng Dật, người thiếu số (?) Trung Hoa, sang cai trị nước ta thời Bắc thuộc. Mặc dù có gốc gác rất xa đời là người thiếu số (?) Phương Bắc (Trung Hoa), nhưng thực chất huyết thống dòng họ Hồ Thơm (Nguyễn Huệ, chi nhánh ở huyện Hưng Nguyên, Nghệ An) đã pha trộn qua mấy chục đời để trở thành huyết thống Việt. Dẫu vậy, vẫn có một bộ phận nhân dân không ủng hộ Quang Trung Nguyễn Huệ vì lẽ đó.

Có tư liệu cho rằng: Tổ tiên dăm ba đời trước của Hồ Thơm (Nguyễn Huệ) là lính thuộc quân binh họ Trịnh Đàng Ngoài. Trong một đợt giao chiến với quân Đàng Trong, người lính ấy bị bắt sống, và may thay, được chúa Nguyễn cho đưa vào Bình Định khai hoang lập ấp, rồi được phép định cư hẳn ở đấy. Từ đó, đất Tây Sơn tỉnh Bình Định có một nhánh họ Hồ vốn thuộc huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An sinh sôi nảy nở, nhưng lại đổi sang họ Nguyễn. Tư liệu này cần được khảo chứng thêm.

(2) Nhánh lá trong ngày lễ Phục sinh (theo sự tích lịch sử - Kinh Thánh: nhân dân Do Thái tung hô Chúa Giê-su [Jésus], hậu duệ vua Đa-vít [David]).

(3) Attila (người Hung Nô [Les Huns, Mông Cổ], 406? - 453): một danh tướng có tầm vóc thể giới, xét về mặt thiên tài quân sự. Các cố đạo Thiên Chúa giáo vừa khâm phục, vừa lo sợ trước thiên tài quân sự của Quang Trung; họ so sánh Attila với Quang Trung trong những bức thư gửi về Pháp, Tây Ban Nha...

(4) Tất nhiên vẫn có rất nhiều cựu thần vua Lê, chúa Trịnh chống đối: Phạm Thái (tác giả Sơ kính tân trang), Nguyễn Công Tấn (thân sinh Nguyễn Công Trứ)...

(5) Ai tư vãn, một bài thơ dài của Lê Ngọc Hân (công chúa nhà Lê), vợ Quang Trung, khóc thương vị vua này khi ông băng hà.

(6) Nguyễn Huệ lên ngôi hoàng đế tại Huế (lấy hiệu là Quang Trung), nhưng về sau lại có kế hoạch dời đô về nguyên quán Nghệ An. Địa điểm xây dựng kinh đô là vùng đất dưới chân núi

Quyết, bên bờ sông Lam. Tên kinh đô là Phượng Hoàng Trung Đô. Tuy nhiên, kế hoạch bất thành.

(7) Xin xem chú thích (7 b) ở cuối bài.

(8) Phong trào Thái Bình thiên quốc (bài Thanh phù Hán) ở Trung Hoa do Hồng Tú Toàn lãnh đạo; về sau biến tướng thành giặc Cờ, quấy nhiễu các tỉnh biên giới nước ta để chiếm cứ đất, xưng hùng xưng bá.

(9) Tạ Văn Phụng là một giáo dân, có tên thánh là Pierre (Phê-rô). Tuân theo lời các cố đạo, các tên thực dân Pháp, Tây Ban Nha, y mạo danh là hậu duệ vua Lê, với cái tên Lê Duy Phụng hoặc Lê Bảo Phụng. Pierre Tạ Văn Phụng gây nên một cuộc nổi loạn phản quốc, kéo dài nhiều năm, tạo thêm sức ép ở phía Bắc Kì, để triều đình Huế phải kí nhượng ước Nhâm Tuất 1862, và mưu toan lập "xứ Bắc Kì thuộc Pháp "bảo hộ"". Sau khi đạt mục tiêu, thực dân, cố đạo Pháp và Tây Ban Nha liền bỏ rơi Pierre Tạ Văn Phụng! (10) Nazaret, quê hương của Chúa Jésus. Theo Kinh Thánh, lúc Đức mẹ Maria sinh ra Chúa Jésus, trên trời có xuất hiện một ngôi sao lạ. Ngôi sao này dẫn đường cho ba vị vua Trung Đông đến châu.

CÁC CƯỚC CHÚ NÀY, SẼ ĐƯỢC CĂN CỨ VÀO BẢN GỐC ĐÃ IN TRÊN GIẤY (còn lưu trong file theo font VNI-Centur, hệ VNI-Windows) ĐỂ CHÍNH SỬA VÀ ĐIỀN VÀO ĐÚNG VỊ TRÍ VỐN CÓ CỦA CHÚNG.

H ẾT

CHUYỂN FONT TỪ VNI-CENTUR SANG ARIAL, CHUYỂN HỆ MÃ TỪ VNI-WINDOWS SANG UNICODE

17.04.2005